

W THỦ TƯỚNG ANH WINSTON CHURCHILL

ROY JENKINS



CUỘC ĐỜI
VÀ SỰ NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

TỦ SÁCH DANH NHÂN THẾ GIỚI

ROY JENKINS

Thủ tướng Anh

WINSTON CHURCHILL

Cuộc đời và sự nghiệp

Trọng Khang & Thế Anh dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ebook©tudonald78 | 07-06-2021



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



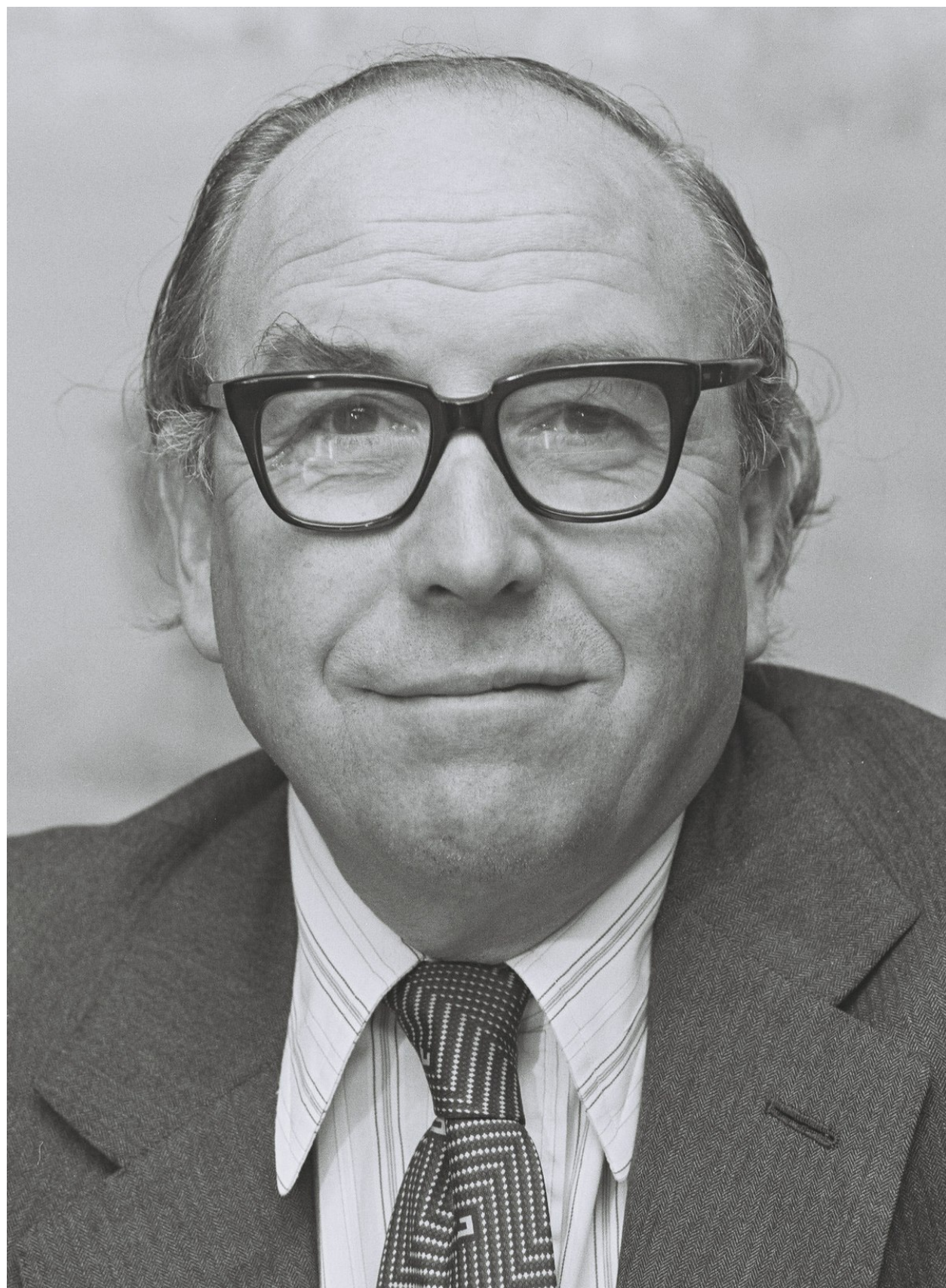
HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

TÁC GIẢ

- - - - -

ROY JENKINS

(1920-2003)



Roy Jenkins, hay Nam tước Jenkins của Hillhead, tên đầy đủ là Roy Harris Jenkins, (sinh ngày 11 tháng 11 năm 1920, Abersychan, Monmouthshire, Anh - mất ngày 5 tháng 1 năm 2003, East Hendred, Oxfordshire), chính trị gia người Anh, một người ủng hộ mạnh mẽ Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Cộng đồng Châu Âu. Trước đây là một đảng viên Công đảng, ông là nhà lãnh đạo đầu tiên của Đảng Dân chủ Xã hội (1982–83) và sau đó là lãnh đạo của Đảng Dân chủ Tự do và Xã hội (1988–98).

Jenkins đã viết nhiều cuốn sách, bao gồm tiểu sử như Asquith: Portrait of a Man and an Era (1964), Baldwin (1987), Gladstone (1995), và Churchill (2001), và các tác phẩm chính trị như Mr. Balfour's Poodle: Peers vs People (1954), The Labour Case (1959), và Afternoon on the Potomac?: A British View of America's Changing Position in the World (1972). A Life at the Centre: Memories of a Radical Reformer (1991) kể lại sự nghiệp chính trị của Jenkins.

- - - - -

HÌNH ẢNH TƯ LIỆU

[bm5.1](#) Lord và Lady Randolph Churchill vào năm 1874, năm cả hai kết hôn và cũng là năm sinh của WSC.

[bm5.2](#) Một khinh kỵ binh còn rất trẻ: 1895.

[bm5.3](#) Cung điện Blenheim.

[bm5.4](#) Cuộc hành trình của Churchill ở Ấn Độ.

[bm5.5](#) Ứng cử viên không thành công ở Oldham, 1899.

[bm5.6](#) Một tù nhân chiến tranh hờn dỗi ở Pretoria.

[bm5.7](#) Kẻ trốn chạy hạnh phúc tới Durban.

[bm5.8](#) Con đường trốn thoát của Churchill khỏi Pretoria, tháng 12 năm 1899.

[bm5.9](#) Vua Edward VII hai năm trước khi lên ngôi.

[bm5.10](#) Với Consuelo, Nữ công tước Marlborough, tại Blenheim.

[bm5.11](#) Chính khách tự do vừa chớm nở.

[bm5.12](#) Bá tước Elgin, với tư cách là Bộ trưởng Thuộc địa (1905–1908), đã cố gắng kiểm soát WSC là một thư ký dưới quyền.

[bm5.13](#) WSC với thư ký riêng của ông, Edward Marsh, ở Malta, 1907.

[bm5.14](#) Cuộc bầu cử không thành công ở Manchester tại cuộc bầu bổ sung năm 1908.

[bm5.15](#) Clementine Hozier vào thời điểm cô đính hôn với WSC năm 1908.

[bm5.16](#) Hai đảng viên Tự do vội vàng. Lloyd George và WSC, khoảng năm

1910.

bm5.17 Ba bộ trưởng đảng Tự do. Grey, WSC và Crewe rời một cuộc họp Nội các vào tháng 2 năm 1910; trông họ như là những nhà cách mạng rất đáng kính.

bm5.18 WSC và phù rể của mình, Lord Hugh Cecil, đến St Margaret's, Westminster, để dự đám cưới. Ai giống người đánh xe hơn?

bm5.19 WSC với Kaiser tại các cuộc diễn tập của quân đội Đức, 1909.

bm5.20 Một ngày bên bờ biển. WSC và Clementine tại Vịnh Sandwich vào đêm trước cuộc chiến cuối cùng, tháng 7 năm 1914.

bm5.21 Hoàng tử Louis của Battenburg.

bm5.22 Ngài Lord Fisher.

bm5.24 Trong Cuộc diễu hành của Đội Vệ binh với Arthur Balfour, năm 1915.

bm5.25 Một chuyến thăm tháng 12 năm 1915 tới quân đội Pháp. WSC trong trang phục yêu thích của anh ấy và vừa mua được mũ chống mảnh văng của tướng Fayolle. Louis Spears thứ ba từ trái sang.

bm5.26 WSC cùng với người phó chỉ huy, Ngài Archibald Sinclair, trong chuyến thăm studio của một nhiếp ảnh gia Armentières, tháng 1 năm 1916: kết quả trông như tác phẩm điêu khắc của Rodin's Burghers tại Calais

bm5.27 WSC ít khi đội chiếc mũ lưỡi trai Glengarry không ưa thích của mình khi còn là đại tá chỉ huy Tiểu đoàn 6 của Royal Scots Grays.

bm5.28 Georges Clemenceau, khoảng năm 1917.

bm5.29 WSC với Hoàng tử xứ Wales (sau này là Vua Edward VIII), năm 1919. Sự khởi đầu của một tình bạn lớn nhưng cuối cùng không bền chặt.

bm5.30 Từ trái sang phải: Worthington-Evans, WSC, Birkenhead, Lloyd

George, Austen Chamberlain và Curzon. Churchill dường như đã có cho mình không chỉ nhiều huy chương mà còn là một bộ đồng phục của Luật sư Cơ mật đặc biệt, khác biệt một cách tinh tế so với những người khác.

bm5.31 Hội nghị Cairo, tháng 3 năm 1921. Cưỡi lạc đà đến tượng Nhân sư. Từ trái sang phải: Clementine, WSC, Gertrude Bell và Lawrence xứ Ả-rập.

bm5.32 Từ trái sang phải: Ngài Herbert Samuel (Cao ủy tại Palestine), WSC, Ngài Perry Cox (Cao ủy Lưỡng Hà) và Tướng Aylmer Haldane.

bm5.33 Dundee, tháng 11 năm 1922. Churchill yếu ớt và tiêu tụy đến chỉ bốn ngày trước cuộc bầu cử căng thẳng.

bm5.34 Thất bại trong gang tấc tại khu vực Tu viện Westminster, ngày 20 tháng 3 năm 1924.

bm5.35 Một cuộc hành trình hạnh phúc đến Cung điện Buckingham để nhận con dấu mới của văn phòng, tháng 11 năm 1924.

bm5.36 Đổ xe của chính mình - gần như lần cuối cùng - năm 1925.

bm5.37 Churchill, săn lợn rừng tại nhà của Công tước Westminster ở Normandy; được chụp với Coco Chanel và con trai của ông, Randolph, năm 1927.

bm5.38 Xây tường gạch tại Chartwell, 1928: WSC và con gái Sarah.

bm5.39 Bữa tiệc trưa cho Charlie Chaplin tại Chartwell, tháng 9 năm 1928. Từ trái sang phải: Tom Mitford (anh trai duy nhất của tất cả những cô gái đó), Freddie Furneaux (sau này là Bá tước thứ 2 của Birkenhead), WSC, Clementine, Diana, Randolph và Chaplin.

bm5.40 Rời 11 phố Downing để diễn thuyết ngân sách thứ năm của mình, tháng 4 năm 1929. Clementine ở bên cạnh WSC, Randolph, Sarah và Robert Boothby đứng sau anh ta.

bm5.41 Ba cựu Thủ tướng đảng Bảo thủ sau cuộc họp đảng ở Hội trường

Trung tâm Westminster, tháng 10 năm 1930: Austen Chamberlain, Robert Horne và WSC.

[bm5.42](#) WSC rời bệnh viện sau khi mắc bệnh thương hàn vào tháng 9 năm 1932, sau tai nạn ở New York vào tháng 12 năm 1931.

[bm5.43](#) WSC sửa lỗi các dẫn chứng trong phòng làm việc Chartwell của ông, tháng 2 năm 1930.

[bm5.44](#) Cách tiếp cận chiến tranh. WSC đi xuống Whitehall với các Thư ký riêng tương lai của ông ấy. Với Halifax, tháng 3 năm 1938. Với Eden, tháng 8 năm 1939.

[bm5.45](#) The Garden at Hoe Farm, Winston Churchill, mùa hè năm 1915. (Một trong những bức tranh đầu tiên mà WSC vẽ; Lady Gwendeline Churchill ở phía trước.)

[bm5.46](#) Chartwell in Winter, Winston Churchill, cuối những năm 1930.

[bm5.47](#) Lâu đài ở St. Georges-Motel, Winston Churchill, giữa đến cuối những năm 1930.

[bm5.48](#) Marrakech và dãy núi Atlas, Winston Churchill, tháng 1 năm 1943. (Bức tranh duy nhất mà WSC vẽ trong chiến tranh.)

[bm5.49](#) Sông Loup, Provence, Winston Churchill, 1936.

[bm5.50](#) Một nhà thờ ở miền Nam nước Pháp, Winston Churchill, giữa những năm 1930.

[bm5.51](#) Trà chiều tại Chartwell, tháng 8 năm 1927. Theo chiều kim đồng hồ từ phía trước: WSC, Thérèse Sickert, Diana Mitford, Edward Marsh, Frederick Lindemann, Randolph Churchill, Diana Churchill, Clementine Churchill, Walter Richard Sickert. Được vẽ bởi WSC từ một bức ảnh của John Fergusson.

[bm5.52](#) Bà Winston Churchill tại Lễ ra mắt HMS Indomitable, 1940 (vẽ bởi WSC 1955).

[bm5.53](#) Winston Churchill, John Lavery, năm 1916.

[bm5.54](#) Chân dung Winston Churchill, Sir John Lavery, 1921.

[bm5.55](#) Winston Churchill, W. R. Sickert, 1927.

[bm5.56](#) Winston Churchill, Ruskin Spear.

[bm5.57](#) Phác thảo cho một bức chân dung của Sir Winston Churchill, Graham Sutherland.

[bm5.58](#) Winston đã trở lại. Về đến Bộ Hải quân, ngày 3 tháng 9 năm 1939.

[bm5.59](#) Một Nội các Chiến tranh thất bại. Từ trái sang phải: ngồi, Lord Halifax, Sir John Simon, Neville Chamberlain, Sir Samuel Hoare, Lord Chatfield; hàng sau, Ngài Kingsley Wood, WSC, Leslie Hore-Belisha, Ngài Hankey.

[bm5.60](#) Một Nội các Chiến thắng. Từ trái sang phải: ngồi, Sir John Anderson, WSC, Clement Attlee, Anthony Eden; hàng sau, Arthur Greenwood, Ernest Bevin, Lord Beaverbrook, Sir Kingsley Wood.

[bm5.61](#) Một bộ ba khác biệt. WSC rời cuộc họp Nội các cuối cùng của Neville Chamberlain vào sáng ngày 10 tháng 5 năm 1940, cùng với hai đồng minh Nội các tốt nhất của ông vào ngày quyết định đó, Kingsley Wood và Anthony Eden. (Churchill nhận chức Thủ tướng vào buổi tối.)

[bm5.62](#) WSC và Clementine đến Tu viện Westminster để làm lễ cầu nguyện quốc gia vào ngày 26 tháng 5 năm 1940. Đó là mặt nạ phòng độc của anh ấy chứ không phải bữa trưa của họ mà Churchill mang theo. Đây là một trong những bức ảnh hiếm hoi của ông mà không có xì gà.

[bm5.63](#) WSC rời số 10 Phố Downing vào ngày 20 tháng 8 năm 1940 để trình bày bài phát biểu ‘chưa bao giờ có nhiều người mắc nợ quá nhiều đến vậy’ trước Hạ viện. Brendan Bracken đứng sau.

[bm5.64](#) WSC và Clementine xem xét các thiệt hại do bom gây ra bên bờ

sông Thames, ngày 25 tháng 9 năm 1940.

bm5.65 Văn phòng, phòng ngủ của WSC ở phần ngầm của nhà phụ Nội các.

bm5.66 Phòng ăn thời chiến ở số 10 Phố Downing - ít nhất là cơ hội cho một buổi dạ tiệc vẫn được duy trì, ngay cả dưới một trần nhà được gia cố thấp hơn.

bm5.67 WSC với tư cách là Hiệu trưởng Đại học Bristol đã trao bằng danh dự cho Robert Menzies (Thủ tướng Úc) và Gilbert Winant (Đại sứ Hoa Kỳ) vào ngày sau cuộc không kích tồi tệ nhất của thành phố đó, tháng 4 năm 1941.

bm5.68 WSC làm việc trên chuyến tàu thời chiến nổi tiếng của mình.

bm5.69 Lời chào ban đầu khá cứng nhắc trên tàu USS Augusta, ngày 9 tháng 8 năm 1941. WSC chuyển một bức thư từ Vua George VI, người mà cho đến nay, Roosevelt biết rõ hơn nhiều so với ông Churchill. FDR được hỗ trợ bởi con trai ông Elliott.

bm5.70 Hoạt động sáng Chủ nhật dưới hòng súng của Hoàng tử xứ Wales, vào ngày hôm sau.

bm5.71 WSC với Stalin trong một bữa tiệc ở Điện Kremlin, ngày 16 tháng 8 năm 1942.

bm5.72 ‘Cuộc dàn hòa’: cái bắt tay miễn cưỡng của de Gaulle và Giraud, Casablanca, ngày 24 tháng 1 năm 1943.

bm5.73 “Bộ Ba” tại Teheran, tháng 11 năm 1943.

bm5.74 Tunis, Christmas Day, 1943. WSC, có lẽ được hỗ trợ bởi chiếc áo choàng nhiều màu, đã hồi phục đủ sau căn bệnh viêm phổi để có thể ăn trưa cùng các Tướng Eisenhower và Alexander.

bm5.75 WSC với Montgomery trên bãi biển Normandy, ngày 12 tháng 6 năm 1944.

bm5.76 WSC với Alexander tại Ý, ngày 26 tháng 8 năm 1944.

bm5.77 WSC với Thống chế Tito tại Naples, ngày 12 tháng 8 năm 1944: Nguyên soái Cộng sản ăn mặc trang trọng hơn một chút so với Thủ tướng Đảng Bảo thủ.

bm5.78 Mặt khác, Tướng de Gaulle lại ủng hộ ông trên đại lộ Champs Elysées (phía sau là Duff Cooper, Eden và Bidault), ngày 11 tháng 11 năm 1944.

bm5.79 WSC theo dõi một trận chiến ở Ý, ngày 26 tháng 8 năm 1944 - khoảng cách gần nhất (trong Chiến tranh thế giới thứ hai) với chiến tuyến mà ông từng được phép tham gia.

bm5.80 Tổng giám mục Damaskinos nhìn xuống từ một độ cao lớn hơn, Athens, Giáng sinh năm 1944.

bm5.81 WSC, một Roosevelt yếu đuối và một Stalin nghiêm khắc tại Yalta, tháng 2 năm 1945.

bm5.82 Một chuyến dã ngoại ẩm đạm bên cạnh sông Rhine, với Alanbrooke và Montgomery, ngày 26 tháng 3 năm 1945.

bm5.83 WSC và Attlee rời Tu viện Westminster sau lễ tưởng niệm Lloyd George, ngày 11 tháng 4 năm 1945.

bm5.84 Ngày 8 tháng 5 năm 1945: Ngày VE ở Luân Đôn.

bm5.85 WSC gặp Tổng thống Truman lần đầu tiên. Potsdam, ngày 15 tháng 7 năm 1945.

bm5.86 Trên khán đài duyệt binh cho cuộc diễu hành chiến thắng Berlin, tháng 7 năm 1945. Từ trái sang phải, Montgomery, Lord Cherwell (trên vai WSC), WSC, Tướng Ismay, Thống chế Alexander, Anthony Eden.

bm5.87 Các thủ lĩnh Đảng bảo thủ trông thoải mái khi vắng mặt nhà lãnh đạo của họ vào cuối những năm 1940. Trái sang phải, Macmillan, Cranborne (sau này là Salisbury), Crookshank, Woolton, Maxwell Fyfe, Eden, Butler.

bm5.88 WSC dự tính một cách nhẹ nhàng nhiệm kỳ Thủ tướng thứ hai của

mình. Woodford, ngày 26 tháng 10 năm 1951.

bm5.89 WSC ăn mặc như để đi một chuyến thám hiểm vùng cực và nghỉ phép của Nữ hoàng sau khi ở Balmoral, ngày 30 tháng 9 năm 1952. Những đứa trẻ bây giờ là Hoàng tử xứ Wales và Công chúa Hoàng gia.

bm5.90 “Những khổ nạn của Anthony”. WSC và Eden trở về từ Hoa Kỳ, tháng 7 năm 1954.

bm5.91 Lời tạm biệt cuối cùng, (từ văn phòng nếu không phải từ Nữ hoàng), tháng 4 năm 1955. Clementine và Hoàng thân Philip đang ở ngưỡng cửa số 10 phố Downing.

bm5.92 Thời gian nhàn rỗi ở miền Nam nước Pháp. WSC với con gái Sarah và Emery Reves tại La Pausa, tháng 2 năm 1956.

bm5.93 WSC với Aristotle Onassis và những người khác trên tàu Christina.

- - - - -

LỜI NÓI ĐẦU

Khi tôi hoàn thành chương cuối cùng của cuốn sách này - cuối tháng 2 năm 2001 - tôi cũng gần bằng độ tuổi của Churchill khi ông làm thủ tướng lần thứ hai. Trong lúc có nhiều người viết về cuộc đời của Churchill, khoảng chừng 50 đến 100 cuốn sách, tôi ít nhất có thể cho rằng mình là người duy nhất 80 tuổi nằm trong danh sách đó. Tôi cũng nghĩ mình là bộ trưởng giàu kinh nghiệm và là nghị sĩ Quốc hội từng trải nhất viết tiểu sử Churchill.

Mặt khác, tôi không thể khẳng định mình biết rõ về Churchill. Cha tôi đã giới thiệu tôi với ông trong một sự kiện đáng nhớ vào năm 1941, khi phòng họp Quốc hội bị bom phá nát và Hạ viện phải họp trong một căn phòng của nhà thờ Westminster. Vào thời gian đó, tôi được nghe nhiều bài diễn văn nổi tiếng của Churchill, lúc thì tại Quốc hội, lúc thì qua sóng phát thanh. Xuyên suốt cuộc chiến, ông luôn hiện diện trong lòng tôi và vẫn như thế trong thời đại hiện nay.

Bảy năm sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi năm 1941, tôi trở thành một bộ trưởng trẻ và ngồi cùng ông suốt 16 năm trong Hạ viện. Với các mức độ đánh giá khác nhau - trong tư cách thành viên đảng đối lập - tôi quan sát phong thái của ông, trước hết là một con người đa diện sau mới là người đứng đầu nội các suốt 9 năm. Tôi nhận thức rằng mình đang chứng kiến một điều gì đó độc đáo nhưng thật xa vời và khó tiên đoán, có thể sánh với việc ngắm nhìn một ngọn núi hùng vĩ, đôi khi được chiếu sáng bởi một thứ ánh sáng kỳ diệu nhưng cũng có lúc bị mây che mờ. Tôi không có cuộc trao đổi sâu sắc nào với ông trong khoảng thời gian 16 năm ấy. Tôi không chắc ông biết tôi là ai, mặc dù tôi cũng là thành viên của *Other Club*¹ vào những năm sau này, đáng tiếc lúc tôi có mặt thì đó lại là buổi tối đọc cáo phó về ông.

Điều gì làm cho Churchill trở thành một chính trị gia vĩ đại? Theo tôi, đó chính là tính cách của ông: nhân hậu, can đảm, nhiệt thành, kiên trì, nhẫn nại... và biết cách thuyết phục người khác. Công chúng Anh đã rất hâm mộ tài hùng biện của ông, khi ông kêu gọi đất nước quật cường chống lại hai cuộc chiến tranh thế giới. Có người phàn nàn rằng Churchill nói quá nhiều nhưng đó chính là chính trị. Tuy nhiên, chính trị đôi khi là vấn đề của các cá nhân, và tôi cố gắng xây dựng một hình ảnh nhất quán về những khía cạnh khác nhau của nhân vật. Sự can đảm của Churchill đã được thể hiện rõ từ thời trai trẻ qua cuộc chiến tranh Boer, và cứ thế tăng dần theo độ tuổi. Ông đã nắm quyền điều hành đất nước trong những ngày đen tối nhất của Thế chiến II, khi máy bay Đức ném bom xuống thủ đô London. Trong khi Phần Lan, Hà Lan, Bỉ, và Pháp đầu hàng sức mạnh phát xít, Churchill đã đọc một bài diễn văn hiệu triệu qua sóng radio gửi tới mọi người dân Anh: “Chúng ta sẽ chiến đấu trên bờ biển, chúng ta sẽ chiến đấu trên đất liền. Chúng ta sẽ chiến đấu trên những cánh đồng và trên các đường phố. Chúng ta sẽ chiến đấu trên những ngọn núi. Chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng”.

Gần 16 tháng sau đó, Churchill được mời tới nói chuyện tại lễ tốt nghiệp ở trường Harrow, một trường trung học danh tiếng của nước Anh. Đây cũng là ngôi trường ông đã tốt nghiệp nhiều năm trước. Hiệu trưởng trường Harrow giới thiệu khách mời danh dự. Churchill chậm rãi bước lên bục. Ông chăm chú nhìn xuống các học sinh. Đó là ngày cuộc chiến đang diễn ra. Churchill biết rằng, sẽ có rất nhiều chàng trai trẻ trong số này sẽ sớm tòng quân và họ cần đến một tinh thần dũng cảm vô biên cho trận chiến phía trước. Ông nói bằng một cảm xúc nồng nhiệt: “Chúng ta không bao giờ đầu hàng. Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ - trong cả điều lớn và điều nhỏ. Không bao giờ khuất phục, ngay cả trước sức mạnh vượt trội của kẻ thù”. Sau đó, Churchill quay đi và lặng lẽ ngồi xuống. Bài diễn văn của ông chỉ dài khoảng 2 phút. Đó là toàn bộ thời gian ông cần để chia sẻ triết lý của mình, triết lý đã giúp ông dẫn dắt người dân Anh đến chiến thắng. Vì, “thành công không phải là đích cuối cùng,

thất bại không phải là tai họa, chính lòng can đảm để tiếp tục mới là điều quan trọng”.

ROY JENKINS

Tháng 4, 2001

PHẦN I

- - - - -

CHÀNG TRAI NGẠO MẠN
(1874-1908)



Chương 1

MỘT LAI LỊCH ĐÁNG NẾ

Winston Churchill thuộc dòng dõi quý tộc. Thật ra, ông có tước quận công, và một số người đã xem điều này là chìa khóa quan trọng nhất đối với sự nghiệp của ông. Điều đó không có sức thuyết phục. Churchill là một người có quá nhiều cá tính, có phong cách riêng và là một người độc đáo trong việc thừa hưởng ánh hào quang của gia đình. Sự tận tụy đối với sự nghiệp và niềm tin rằng mình là một người vĩ đại của Churchill đã mạnh mẽ hơn sự trung thành của ông đối với giai cấp hoặc dòng tộc. Có những chính trị gia thích nhìn đời qua lăng kính gắn liền với nguồn gốc thượng lưu của họ. Nhưng Churchill thì không phải như vậy. Ông không bao giờ có một mảnh đất nào ngoài quyền sở hữu (và về sau chỉ còn để ở) bất ổn 300 mẫu Anh chung quanh Chartwell, một ngôi nhà cách London 24 dặm mà ông đã mua vào năm 1922, và sống ở đó trong bốn thập niên còn lại của cuộc đời, bằng sự trợ cấp tài chính của bạn bè.

Một lý do nữa là dòng họ Marlborough không cao sang trọng vọng cho lắm, về cả thành tích phục vụ cộng đồng, cũng như sự giàu sang bền vững. Dòng họ này có một ông tổ đáng nể là John Churchill, người chiến thắng tại các trận chiến Blenheim, Ramillies, Oudenaarde và Malplaquet trong thập niên đầu của thế kỷ 18, nhờ đó đã được sở hữu một lâu đài cùng các phần thưởng khác. Nhưng mặc dù đã gợi cảm hứng cho Winston Churchill viết bốn cuốn sách, vị quận công đầu tiên này vẫn nổi tiếng về những thủ đoạn để tiến thân, không khác gì sự dũng cảm trong chiến tranh.

Những người thừa kế tước quận công chẳng đóng góp được gì vào danh

tiếng của dòng họ Churchill ngoài những chuyện phóng đảng, phá của. Năm 1882, đến đời thứ bảy, Gladstone, một chính khách, người nói chung rất sùng bái các tước vị, đã tuyên bố rằng không một ai trong các công tước Marlborough là người có đạo đức hoặc biết tuân thủ nguyên tắc. Chắc chắn các quận công đời thứ hai, thứ ba, hoặc thứ tư không đem lại một chút hào quang nào cho danh tiếng của dòng họ Churchill cả. Quận công đời thứ năm là một người làm vườn tài ba. Nhưng ông đã làm tiêu tan sản nghiệp và phải từ bỏ mảnh đất rất đẹp (bây giờ là địa điểm của Đại học Reading). Quận công đời thứ sáu cũng hoang đàng, phung phí gần như vậy. Quận công đời thứ bảy, cha của Lord Randolph và là ông nội của Winston Churchill, là người gần như được tôn trọng nhất và có thành tích về việc phục vụ công ích. Ông là nghị sĩ trong mười năm, là Chủ tịch Hội đồng Nội các dưới thời của Derby lẫn Disraeli trong những năm 1867 - 1868, và là đại diện của Hoàng gia tại Ireland trong bốn năm sau cùng của Nội các thứ hai của Disraeli.

Từ quận công đời thứ tám còn có thêm ba chủ nhân của thái ấp Marlborough. Trong số ba đời sau này, cho dù có vẻ “nổi bật” hơn một chút so với đời thứ tám, cũng khó mà tìm thấy điều gì tích cực. Nền tảng gia đình của Winston Churchill, mặc dù trên danh nghĩa là cao nhất trong giai cấp quý tộc, vẫn thấp hơn so với gia đình Cavendish, Russel, Cecil hoặc Stanley.

Winston Churchill sinh ngày 30 - 11 - 1874 trong một căn phòng âm đạm tại lâu đài Blenheim. Tất cả những gì liên quan đến sự ra đời của Winston Churchill đều đã được thực hiện một cách vội vàng. Phong cách riêng của Lord Randolph - cha của Winston - là phong cách của một người vội vã, hầu như luôn nóng nảy đến mức điên cuồng. Và có lẽ đúng như vậy. Ngay cả trong việc lập gia đình, Lord Randolph và mẹ của Winston là bà Jennie Jerome gặp nhau lần đầu tiên tại một cuộc đua thuyền vào ngày 12 - 8 - 1873 và hứa hôn, rồi kết hôn chỉ ba ngày sau đó.

Không thể nói rằng đám cưới đã diễn ra một cách tốt đẹp. Nó không được tổ chức tại một nhà thờ London phù hợp. Đám cưới được tổ chức tại Đại sứ quán

Anh ở Paris. Các thành viên gia đình Jerome đã tham dự và nằm trong số các nhân chứng ít ỏi. Nhưng cha mẹ chú rể đã không đến dự. Và đến tháng 5, họ được phép tổ chức một cuộc tiếp tân ở Woodstock, khu phố nhỏ mà Randolph là đại diện đầu tiên để trở thành đại biểu Quốc hội trong cuộc tổng tuyển cử được tổ chức vào tháng 2 năm 1874. Ông được 25 tuổi và Jennie Churchill thì 20 vào lúc cuộc bầu cử được toor chức và cũng là ngày ra đời của Winston Churchill.

Jennie Jerome đã trải qua phần lớn tuổi thanh xuân tại Paris, nơi dường như bà thích hơn New York. Bà được xem là một mỹ nhân và đã rất được ngưỡng mộ trước khi gặp Lord Randolph. Dáng vẻ bên ngoài của bà rõ ràng gây ấn tượng sâu sắc. Nhưng điều nổi bật nhất qua nhiều bức ảnh chụp là vẻ cứng rắn, sự độc đoán và tính buông thả. Việc thực hiện bốn phận với vai trò người vợ, người mẹ của bà ít nhất cũng phức tạp giống như của Quận công Marlborough đời thứ bảy (nhưng với vai trò một người cha). Ban đầu bà và Randolph rõ ràng đã đến với nhau vì sự đam mê. Mặc dù cả hai đều thích cuộc sống thượng lưu tại London, nhưng bà vẫn chấp nhận, bằng sự điềm tĩnh và thậm chí bằng cả sự hài lòng, ba năm lưu đầy thật sự tại Dublin sau khi chồng bà bất hòa với Thái tử kế vị vào năm 1876 (về một phụ nữ, nhưng do lỗi của người em trai của ông chứ không phải lỗi của chính ông). Jack, con trai thứ hai của bà, được sinh ra tại thủ đô Ireland vào đầu năm 1880. Từ lâu người ta đã đồn đại rằng cậu bé này đã có một người cha khác với cha của Winston Churchill. Mặc dù vậy, điều đó không ngăn cản hai anh em sống thân thiết với nhau vào các thời kỳ khác nhau của cuộc sống của họ, nhất là ở Nam Phi vào thế kỷ 20, tại đỉnh cao sự nghiệp của Winston Churchill trong Thế chiến II, khi ông bố trí cho Jack được ở tại dinh Thủ tướng Anh, số 10 Downing. Các “ứng viên lãng mạn” nhất cho vai trò làm người cha *thay thế* là Bá tước Charles Kinsky, một nhà ngoại giao Áo liên quan đến giới quý tộc thanh lịch, gợi nhớ đến một bức chân dung của Sargent vẽ Lord Ribblesdale. Lady Randolph đã bắt đầu giao du thân mật với Charles Kinsky vào giữa thập niên 1880 nhưng ngày tháng là sai khi gán cho ông vai trò người cha, ông chỉ đến London vào năm 1881. Nếu tính hợp pháp của Jack Churchill bị

thách thức, thì một “ứng viên triển vọng hơn” có lẽ là đại tá John Strange Jocelyn, đồn trú tại Dublin, người kế vị cháu trai trong vai trò bá tước đời thứ năm của dòng họ Roden vào cuối năm 1880. Ông lớn hơn Lady Randolph 30 tuổi, nhưng điều đó đã không là rào cản để hai người đến với nhau.

Bà chăm sóc chồng khá chu đáo trong một cơn bệnh kéo dài, mà kết quả là ông đã phải ra khỏi hoạt động chính trị từ mùa xuân đến mùa thu năm 1882. Và bà lại càng chu đáo hơn trong ba năm đổ vỡ, trước khi ông qua đời vào đầu năm 1895. Nhưng đôi vợ chồng đã thật sự xa cách trong phần lớn thời gian của thập niên 1880, kể cả những năm ngắn ngủi ở trên đỉnh cao sự nghiệp chính trị của ông. Cũng như Nữ hoàng Victoria, bà đã không biết việc ông từ chức Bộ trưởng Tài chính vào năm 1886 cho đến khi đọc được tin tức trên tờ *The Times*. Trong những năm này bà đã được nhiều người theo đuổi, một số trong đó có lẽ đã là những tình nhân của bà. Họ là (ngoài những người đã được đề cập) Hầu tước de Breteuil, Lord Dunraven, tiểu thuyết gia người Pháp Paul Bourget và vua Milan của Serbia. George Moore, tiểu thuyết gia Ireland gốc Anh, cho biết bà có 200 người yêu, nhưng có lẽ đây chỉ là con số làm tròn mà thôi.

Sau cái chết của Lord Randolph, sự lựa chọn tình nhân của bà trở nên kỳ quái và công khai hơn. Năm 1900, ở tuổi 46, bà khẳng khái đòi kết hôn với George Cornwallis-West, một sĩ quan cấp úy của Vệ binh Scotland, trẻ hơn bà 20 tuổi. Cuộc hôn nhân kéo dài 14 năm trước khi kết thúc bằng cuộc ly dị. Ba năm sau, Lady Randolph kết hôn lần thứ ba với Montague Porch, một quý tộc ở Somerset, miền quê lâu nay vốn yên tĩnh. Montague Porch từng là một viên chức của Bộ Thuộc địa tại Nigeria và thậm chí còn trẻ hơn Cornwallis-West. Bà mất năm 1921, thọ 67 tuổi.

Có phải Jennie Churchill trong vai trò làm mẹ tốt hơn so với vai trò làm vợ không? Đã có lời nhận xét nổi tiếng nhất của con trai lớn của bà về mối liên hệ của họ có vẻ vừa ngưỡng mộ vừa suy tư, trong đó nổi bật nhất là câu “Cái nhìn của bà là của một con báo hơn là của một người phụ nữ” được viết bởi Lord d’Abernon tương lai sau khi gặp bà lần đầu tiên tại Ireland. Winston Churchill

nhận xét: “Mẹ tôi đã tạo cho tôi một ấn tượng sáng ngời từ thời thơ ấu của tôi. Đối với tôi, bà rực sáng như sao Hôm. Tôi yêu mẹ tôi lắm, nhưng ở một khoảng cách nào đó”. Nhận xét này có trong cuốn *Thời thơ ấu của tôi* (tức là đến năm 1906) mà ông đã xuất bản vào năm 1930, (và có lẽ là cuốn sách hấp dẫn nhất trong tất cả các sách của ông), bằng cách sử dụng một nhận xét nhẹ nhàng và châm biếm. Sự kiện những câu này được viết và xuất bản gần 50 năm sau khoảng thời gian được đề cập đã đem lại cho chúng một giá trị cao hơn, chứ không thấp hơn.

Hơn nữa, chúng được chứng tỏ là thật bởi sự phù hợp của thời kỳ này trong suốt hai năm tại trường *trung học đệ nhất cấp* đầu tiên của Winston. Trường St. Georges Ascot, mà qua những lời chứng độc lập của chính Churchill lẫn của nhà phê bình nghệ thuật Roger Fry, dường như là một nơi dung chứa sự tàn bạo, ngay cả đối với các tiêu chuẩn cho phép đánh bằng roi của thời đó. Ba năm rưỡi tiếp theo của ông tại một cơ sở tử tế hơn nhiều ở Brighton. Và rồi gần năm năm ở Harrow, ông vẫn luôn mong đợi những cuộc viếng thăm (điều không bao giờ xảy ra). Ông mong muốn trong tương lai được quan tâm nhiều hơn, và thà bị xua đuổi hơn là được chào đón một cách thờ ơ tại nhà vào các ngày nghỉ ngắn hoặc dài.

Các hình thức xưng hô trong thư cũng thú vị. Churchill rất thường xuyên bắt đầu bằng “Mẹ yêu dấu của con”, và kết thúc theo những cách khác nhau. Một ví dụ khá điển hình của năm thứ hai tại trường nội trú Harrow là “Tạm biệt, mẹ của con, con luôn yêu mẹ. Con trai Winston S. Churchill của mẹ”. Bà thường xuyên viết cho ông hầu hết bằng câu chào “Winston yêu quý nhất của mẹ” và kết thúc bằng “Mẹ yêu con, JSC”.

Có hai người cạnh tranh với bà trong việc viết cho ông những lá thư ít nhất cũng triu mến bằng hoặc hơn. Người đầu tiên là nữ bá tước Wilton, thời gian đó khoảng 45 - 49 tuổi, thường xuyên viết cho ông với câu chào “Winston yêu quý nhất” và kết thúc một cách có ý nghĩa “Với tình yêu sâu đậm nhất, người mẹ được ủy quyền luôn thương yêu con. Laura Wilton”. Người thứ hai là vú em của

Churchill, bà Everest, người có nhiệm vụ chăm sóc ông. Trước khi đến với gia đình Churchill, bà đã chăm sóc con gái nhỏ của một mục sư ở Cumberland, người mà 20 năm sau Winston nhớ lại là đã cùng mình đến viếng khu mộ của bà.

Rõ ràng là ngoài các tính cách khác, bà Everest còn có khả năng mô tả tuyệt vời, vì bà làm cho cuộc sống trong nhà của mục sư ở miền bắc đó sinh động đối với Churchill. Đến nỗi, mặc dù chỉ với tính cách thay thế, đó là một trong những kỷ niệm thường được nhớ đến nhiều nhất về thời thơ ấu của ông. Mặc dù bà có một chị em gái (người đã kết hôn với người cai ngục ở đảo Wight), mà bà đã dẫn Winston đến ở lại nhà một lần, khiến người ta nghĩ rằng sự kiện này đem lại cho ông kinh nghiệm duy nhất về cuộc sống khiêm tốn: bà có thể tập trung hầu hết tình cảm của mình cho hai anh em nhà Churchill. Bà là trụ cột tình cảm chính của thời thơ ấu của Winston, và sự phụ thuộc lẫn nhau này tiếp tục trong suốt tuổi thanh xuân của ông. Gia đình Randolph Churchill đã không giữ bà lại sau khi thời thơ ấu của Jack kết thúc, nhưng ít nhất Winston vẫn duy trì mối liên lạc chặt chẽ với bà, và ông nhiều lần viếng thăm bà vào giai đoạn bệnh cuối cùng của bà.

Những lá thư của bà Everest gửi cho Churchill thường bắt đầu (ngày 21-1-1891, khi ông được 16 tuổi) bằng “Winny yêu quý của vú”, và kết thúc bằng “Rất nhiều tình yêu và nụ hôn từ bà vú rất yêu thương con”. Một cách mở đầu và kết thúc tiêu biểu của ông đối với bà (từ Harrow, tháng 7 năm 1890) là “Vú yêu quý của con” và “Tạm biệt vú yêu quý, con hy vọng vú được vui, với tình yêu của Winny dành cho vú”. Một người khác sử dụng “Winny” (hoặc “Winnie”) để gọi Winston là bá tước Kinsky. Vào ngày 5 - 2 - 1891, ông đã viết một lá thư từ Đại sứ quán Áo-Hung tại Quảng trường Belgrave mà nội dung, cũng như những lời chào, đều chứng tỏ người viết không thiếu sự quan tâm đến người nhận: “Bác gửi cho cháu tất cả những con tem mà bác góp nhặt được cho đến nay. Sau này cháu có muốn thêm hay không? Nếu có thì cứ nói cho bác biết. Công việc của cháu bây giờ ra sao rồi? Bác hy vọng mọi chuyện đều tốt đẹp trở lại. Ngày mai bác sẽ đi Sandringham cho đến Thứ hai. Nếu có chuyện hay xảy ra với bác thì

chắc chắn bác sẽ kể cho cháu biết. Đã tới giờ đi ăn trưa với bác gái nên bác phải ngừng đây. Hãy ngoan lên và viết thư cho bác nếu cháu thích. Chào cháu, CK”.

Sự xa cách giữa Winston Churchill với cha ông còn đáng suy nghĩ hơn mối liên hệ “nửa vời” với mẹ ông. Lord Randolph quá say sưa với các vấn đề chính trị trong thời kỳ huy hoàng của mình và quá chán nản vì chúng trong giai đoạn sức khỏe sa sút để thực hiện thiên chức làm cha. Những lời bình luận chua chát về mối liên hệ giữa Winston Churchill với cha mình chính là mối liên hệ mà người ta nói ông thực hiện với chính con trai của ông, Randolph, vào cuối thập niên 1930, khi mà Randolph đó (cháu) được 26 hoặc 27 tuổi. Họ đã trải qua một bữa ăn tối kéo dài cùng nhau, tại Chartwell. Tới cuối bữa ăn, Churchill nói: “Tối nay, chúng ta đã có một cuộc nói chuyện với nhau trong khoảng thời gian dài hơn tổng số thời gian mà ba và ông nội con đã nói với nhau trong suốt cuộc đời ông nội”.

Khi Lord Randolph qua đời vào tháng 1 năm 1895, Winston Churchill mới chỉ hơn 20 tuổi. Ông đủ khôn lớn để biết rõ về cha mình. Nhưng ông đã không làm như vậy. Ông tìm cách bù đắp bằng cách bao bọc trong một vầng sáng rực rỡ màu hồng người cha xa lạ của mình, mà - sau đó, khi ông biết - chỉ là một người cha bận rộn, nóng nảy, và chán ngắt. Gia sản chính mà Lord Randolph để lại (có rất ít tiền) cho con trai là mong muốn tạo nên một hình ảnh, kèm theo sự thuyết phục rằng ai cũng có thể chết trẻ, và nên nhanh chóng chuẩn bị cho sự kiện đó.

Đây là nguồn gốc có phần đáng gờm của Winston Churchill. Rõ ràng đó không phải là một tuổi thơ được đặc biệt nâng niu, chiều chuộng. Ông may mắn được bà Everest bảo bọc, nhưng ở trường học thì không được như vậy. Bạo lực học đường ở trường học đầu tiên đã được mô tả. Trường học thứ hai dễ dãi hơn, do thiếu sự khắc nghiệt của các thầy giáo. Trường thứ ba là Harrow. Trong suốt thời gian ông theo học tại đó, người ta có ấn tượng sâu đậm rằng tình trạng học tập kém của ông không nghiêm trọng như vẫn được trình bày. Ông chắc chắn không phải là một học sinh giỏi về văn học cổ điển. Và ông cũng không hề cân

bằng tình trạng này bằng cách trở thành một học sinh giỏi về khoa học tự nhiên. Nhưng ông thích chuyện kể lịch sử và đặc biệt yêu thích, và có năng khiếu đặc biệt trong việc sử dụng ngôn ngữ. Điều này được các giáo viên cảm nhận và đánh giá cao. Có thể họ đã không nhận ra khả năng tiềm tàng của ông đối với việc soạn một số bài phát biểu vang dội nhất trong lịch sử Anh ngữ. Nhưng họ đã nhận ra rằng có điều gì đó không tầm thường ở con người ông đáng để họ cố gắng làm hiện rõ. Người thành công nhất trong những “nhà khai trí” này là Robert Somervell, thầy giáo tiếng Anh ở các lớp nhỏ. Như Churchill ghi nhận trong *Thời niên thiếu của tôi*:

Ông Somervell - một người đàn ông thú vị nhất - người mà tôi mang ơn rất nhiều - được giao nhiệm vụ giảng dạy điều bị xem thường nhất - đó là, viết tiếng Anh. Ông biết cách thực hiện điều đó. Ông dạy tiếng Anh như chưa một ai dạy cả... Vì tôi đã ở lại lớp 4 đến năm thứ ba (một lớp rất bị xem thường), tức là, gấp ba lần so với bất cứ ai khác, nên tôi cũng phải học tiếng Anh lâu gấp ba lần. Tôi đã học thật thấu đáo. Cấu trúc cơ bản của câu tiếng Anh thông thường đã ăn sâu vào xương tủy tôi. Đó là một điều tuyệt vời.

Somervell không phải là thầy giáo duy nhất có mối quan tâm đặc biệt đến Churchill. J.E.C. Welldon, kế tiếp đến Montagu Butler là hiệu trưởng trường Harrow trong năm 1886. Đầu tiên, Churchill rõ ràng thu hút sự chú ý của Welldon bởi việc đọc lại 1.200 câu trong tác phẩm *Lays of Ancient Rome (Những bài về về thánh La Mã cổ đại)* của Macaulay. Vì điều này mà ông đã đạt được một giải thưởng toàn trường, mặc dù vẫn còn lệt bệt ở lớp thấp nhất. Vấn đề là xu hướng chủ đạo của thời kỳ này: kết hợp trong Churchill sự miễn cưỡng và tình trạng thiếu khả năng tập trung vào văn phạm và các bài học tiếng Hy Lạp và tiếng Latin. Một thời gian ngắn sau đó, Welldon đã cố gắng cải thiện tình trạng bằng cách tính học phí đặc biệt cho lớp cổ ngữ trong ba buổi học một tuần, mỗi buổi 15 phút. Nhưng điều này đã không đem lại kết quả. Churchill vẫn không

thể tiếp thu được những nét tinh tế của cấu trúc tiếng Latin. Nhiều năm sau đó, Winston Churchill đã viết, “Ông Welldon dường như thật sự đau khổ về lỗi lầm đã phạm phải... Tôi nhớ rằng sau này Asquith thường có cái nhìn tương tự khi thỉnh thoảng tôi trau chuốt một bài tranh luận tại Nội các bằng cách đưa ra những câu trích dẫn ít ỏi nhưng chính xác bằng tiếng Latin”.

Trong thời gian theo những bài học đặc biệt với ông Welldon, Churchill đã được chuyển qua lớp quân sự, đó là ba năm cuối cùng ông học tại trường Harrow. Đây là một nhóm cá biệt gồm nhiều độ tuổi, mà ông nói là nguyên nhân khiến ông “bị tách ra khỏi hoạt động bình thường ở trường học từ năm này qua năm khác”. Quyết định này có lẽ phát sinh từ sự thiếu sót hiển nhiên của khả năng học hành cũng như mối quan tâm càng ngày càng lớn vào lãnh vực quân sự của ông. Điều ấy không gây ấn tượng mạnh cho cha ông, người (mà trong một chuyến viếng thăm hiếm hoi đến phòng chơi của con) đã thấy bộ sưu tập gồm 1.500 lính chì đang được dàn trận. Chuyến viếng thăm phòng chơi trùng hợp với sự tin tưởng càng ngày càng lớn của Lord Randolph rằng Winston không đủ thông minh để theo học ngành luật. Tuy nhiên, ý kiến cho rằng Winston là một kẻ đần độn, đêngh đoảng và vô vị hầu như hoàn toàn sai lầm.

Ông có thể viết những bài luận rất hay. Ông có trí nhớ phi thường, như đã được thể hiện qua sự kiện ông thuộc một cách hoàn hảo 1.200 câu thơ của Macaulay. Và ông đều đã thực hiện tốt, bất cứ khi nào cần đến sự nhiệt tình (hầu hết đều liên quan đến lịch sử, đặc biệt là lịch sử quân sự), và văn học Anh, mà không bị ức chế bởi các rào cản tai họa của các tác phẩm cổ điển và toán học. Những phẩm chất này đã được công nhận một cách rõ ràng bởi Welldon, người không những chỉ dạy cho ông những bài học đặc biệt không thành công mà còn trao đổi thư từ với ông trong một thời gian dài suốt những năm ông làm sĩ quan cấp úy tại Ấn Độ.

Hồi đó, Harrow đã là một trường học nổi tiếng hơn cả ngày nay. Nó hầu như đã được xếp cùng một hạng với Eton với tính cách một trường dành riêng cho tầng lớp thượng lưu. Nó đã không phát triển trên nền tảng một học viện tôn giáo

như trường hợp của Eton và Winchester. Nhưng vì đã sản sinh ra năm thủ tướng, kể cả hai nhân vật lừng lẫy của thế kỷ 19 là Peel và Palmerston, và sắp sửa “cho ra lò” hai thủ tướng tương lai là Baldwin và chính Churchill, nên nó đã có một thành tích đáng kể về chính trị. Với vai trò một người cha, Winston Churchill đã không trung thành với Harrow: ông gởi con trai đến Eton, mà không mang lại kết quả đáng chú ý nào. Tuy nhiên, ông đã trở nên gắn bó với trường cũ của mình. Sau chuyến đi thăm trường vào tháng 12 năm 1940, khi được đón tiếp một cách nồng nhiệt trong giai đoạn đầy ấn tượng của cuộc sống, ông đã phát triển thói quen tham dự dịp lễ mang tính hoài cổ (và đắm nước mắt) này trong hầu hết thời gian 24 năm còn lại của cuộc đời mình.

Harrow đã không chuẩn bị đặc biệt tốt để Churchill được theo học tại Học viện Quân sự Hoàng gia tại Sandhurst. Ông đã phải nộp đơn xin theo học ba lần, và đã bị loại sau khi thất bại lần thứ hai để nhường chỗ cho một huấn luyện viên, nhà luyện thi cấp tốc nổi tiếng là đại úy James, sống tại Earl's Court Road ở London. Cuối cùng, Churchill đã thành công khi được chấp nhận làm một thiếu sinh quân kỵ binh, chỉ đòi hỏi một điểm số thấp hơn so với điểm số của ngành bộ binh, nhưng lại bất lợi là bữa ăn của kỵ binh đắt hơn nhiều. Churchill đã hoàn thành tốt bài thi lịch sử và (còn đáng ngạc nhiên hơn nữa) bài thi hóa học. Còn những môn thi khác thì lại “bết bát” - “Tôi đã phải tìm một ngành học khác có lợi hơn”. Ông đã chọn toán thay vì tiếng Pháp và tiếng Latin, và bằng nỗ lực tuyệt vời, ông đã nhanh chóng học đủ để được nhận. Sau đó, kiến thức xa lạ này đã “đi qua như một chuỗi những ảo cảnh phát sinh từ cơn mê sảng vì sốt”. Cuối cùng, ông theo học tại học viện Quân sự Hoàng gia vào tháng 9 năm 1893, và ở lại đó trong 15 tháng.

Churchill đã thực hiện tốt việc học tại Sandhurst. Mặc dù chỉ được chấp nhận theo học với một điểm số thấp nhưng ông vẫn đứng thứ 8/150 trong bảng xếp hạng sinh viên tốt nghiệp. Ông cũng chứng tỏ bản lãnh của mình đối với thuật cưỡi ngựa và ngành kỵ binh. Ông ra trường vào tháng 12 năm 1894, chín tháng sau khi nhiệm kỳ thủ tướng cuối cùng của Gladstone kết thúc. Trở về từ một

chuyến du lịch vòng quanh thế giới nhằm phục hồi sức khỏe - nhưng không thành công - vào đêm trước lễ Giáng sinh, Lord Randolph đã mất ngày 24 - 1 - 1895.

Winston Churchill được phong chức thiếu úy trong Trung đoàn Kỵ binh số IV (Hussar) vào tháng 2. Lương hàng năm của ông hơn 150 bảng một chút (mặc dù gần 300 bảng ở Ấn Độ, nơi trung đoàn sắp được chuyển đến), nhưng ông cần thêm ít nhất 500 bảng nữa (khoảng 25.000 bảng theo thời giá) để sống theo phong cách của trung đoàn này.

Chương 2

TRUNG ÚY CỦA ĐẾ QUỐC ANH VÀ NHÀ BÁO NGẪU NHIÊN

Trung đoàn số IV đổ bộ tại Bombay vào đầu tháng 10 năm 1896. Churchill đã đến Ấn Độ vào thời cực thịnh của đế chế, tám tháng trước sinh nhật thứ 60 của Nữ hoàng Victoria. Nhưng ông đã không bao giờ là một sĩ quan kỵ binh trẻ tiêu biểu, dù trong cách giết thì giờ hay trong tư tưởng cao ngạo. Ông có một cái nhìn lãng mạn về chế độ quân chủ và đế quốc, nhưng về phần còn lại ông đã gần như đối nghịch với đẳng cấp của mình. Ông đã không chờ đón một cuộc sống trật tự và nhàn nhã. Ông ý thức về những khiếm khuyết trong nền tảng giáo dục và kiến thức của mình và sẵn sàng sửa chữa chúng. Về mặt bản năng, ông thách thức sự khôn ngoan thông thường của quân đội, cũng như danh tiếng và các kỹ năng quân sự của các vị tướng nổi tiếng. Khác hẳn với nhu cầu được chấp nhận như là một thành viên điển hình và phù hợp “mớ bông bong lộn xộn” này, nhận được những lời ca ngợi đối với việc tuân thủ kỷ luật, mong muốn mãnh liệt của ông là làm sao khiến cho người khác chú ý đến ông càng nhiều càng tốt, cả trên bình diện địa phương cũng như thế giới.

Sự thiếu kiên nhẫn có tính cách khoa trương của ông ít nhất được kèm 4 theo bởi lương tri, sự sáng suốt để thấy rằng tương lai của mình không nằm trong việc cần mẫn chờ được thăng cấp. Đức tính cao quý của ông là dũng cảm. Tình yêu dành cho sự mạo hiểm đem đến cho ông danh tiếng với tính cách cá nhân nhưng, ở giai đoạn này của cuộc đời, làm cho ông không thể là một vị chỉ huy đáng tin cậy. Niềm đam mê đối với môn polo (trò chơi bóng ưa thích duy nhất trong suốt

cuộc đời ông) đã gần như là mối liên kết duy nhất khác của ông với các đồng sự. Nhưng chính nỗ lực mạnh của ý chí cạnh tranh hơn là niềm đam mê giải trí thuần túy đã khiến ông tham gia các trận đấu polo.

Với xu hướng sau cùng này, Ấn Độ chính là một nhiệm sở hải ngoại hạnh phúc đối với Churchill. Từ lúc trung đoàn đặt chân đến Bombay, ông đã tiếp cận mọi thứ bằng cả nhiệt tình lẫn sự khoa trương.

Sự nôn nóng được lên bờ sau một chuyến đi kéo dài 23 ngày đã đem lại kết quả. Đó là sự cố trật khớp vai phải vì cố gắng quá sức *để nhảy lên* các bậc cấp trơn trượt của hải cảng. Sự cố này có thể được điều chỉnh, nhưng trong phần còn lại của cuộc đời ông, rất có thể nó sẽ xuất hiện trở lại vào những lúc bất ngờ và bất tiện nhất. Ông khẳng định rằng mình suýt bị trật khớp trở lại khi có cử chỉ quá hăng say tại Hạ viện.

Vào đêm thứ ba tại tiểu lục địa, ông cùng một viên trung úy khác và ba sĩ quan cao cấp của trung đoàn được mời đến ăn cơm tối với thống đốc khu vực Bombay có danh xưng là Lord Sandhurst. Như Churchill viết hơn 30 năm sau, chắc chắn với một sự cố ý tự trào được phóng đại:

Sau khi đã uống mừng sức khỏe của Nữ hoàng và ăn tối xong, ngài thống đốc đã ân cần hỏi ý kiến tôi về một số vấn đề. Và sau khi xem xét sự tuyệt vời của lòng hiếu khách của ngài, tôi nghĩ rằng nếu tôi không trả lời đầy đủ thì có thể là điều không phải. Tôi đã quên những điểm đặc biệt trong các vấn đề của Anh và Ấn Độ mà ngài đã hỏi, tất cả những gì tôi có thể nhớ là tôi đã trả lời một cách phóng khoáng. Thật sự có những lúc dường như ngài muốn truyền đạt quan điểm của riêng mình, nhưng tôi nghĩ rằng làm phiền ngài quá nhiều như vậy là không nên. Ngài đã sốt sắng cho sĩ quan phụ tá của mình đi cùng chúng tôi để có thể đoán chắc rằng chúng tôi sẽ dễ dàng tìm thấy đường trở lại trại.

Rồi Churchill và Trung đoàn Kỵ binh số IV lên tàu lửa đi Bangalore, “Trung

tâm Huấn luyện Aidershot” hoặc Tổng kho Quân sự của Ấn Độ mà ở độ cao khoảng 900 mét được cho là có thể cung cấp môi trường thuận lợi về mặt khí hậu, cũng như những mặt khác, cho đời sống của trung đoàn. Ở đây, ông đã tạo thành thói quen thực hiện các nhiệm vụ trong vòng không quá ba giờ mỗi ngày và hoàn tất chúng vào khoảng 10g30 sáng. Ngoài những giờ đầu buổi sáng và thời gian giải trí dành cho môn polo vào buổi chiều muộn, những giờ còn lại ông được tự do.

Trung đoàn Ky binh số IV ở lại Ấn Độ trong tám năm rưỡi. Nhưng Winston Churchill chỉ ở lại 19 tháng. Và trong thời gian này, ông được đi phép London hai lần, mỗi lần vài tháng, ba lần viếng thăm Calcutta vào mùa đông mà mỗi lượt đi một chiều mất hết bốn ngày, một lần du lịch đến Hyderabad với tư cách thành viên của một đội chiến thắng ở một giải đấu polo, tham gia chuyến thám hiểm (cách xa trung đoàn), biên giới Tây Bắc, gian nan nhưng rất có ích cho nghề làm báo.

Tuy nhiên, còn đáng để ý hơn cả kỷ lục gây ấn tượng mạnh này là cách ông tiêu thời gian trong những ngày tháng yên bình ở Bangalore. Đồng thời, ông đã cư xử bằng sự tự tin tối đa với vị phó vương và vị thống đốc Bombay và chắc chắn với cả sĩ quan chỉ huy của ông. Ông cũng xác định được rằng nền giáo dục thời trẻ của mình khiếm khuyết một cách trầm trọng và phải làm một điều gì đó để giải quyết vấn đề. Đây có lẽ là thời điểm mà các phẩm chất độc đáo và nghịch lý của Winston Churchill, nói chung là đủ để làm cho ông trở thành một vĩ nhân, lần đầu tiên thể hiện một cách rõ ràng. Đó là thái độ tự tin và kiêu ngạo. Tin tưởng rằng mình là (hoặc ít nhất phải là) người có khả năng tác động đến vận mệnh của nhân loại, ông đã tỏ ra chán những ngày tháng “ăn không ngồi rồi”, chia sẻ sự lười biếng về trí tuệ với các sĩ quan đồng liêu. Ông cũng có cái nhìn sâu sắc để nhận ra những gì ông không biết, lẫn ý chí (trong những tình huống bất lợi và bằng các phương pháp ngây thơ) cố gắng sửa chữa những khuyết điểm của mình.

Có lúc ông có ý định thoáng qua là từ chức và đến Oxford, nơi mà tính đến

thời điểm này đã bị trễ năm năm. Như vậy ít nhất, ông cũng bớt bị lệ thuộc quá nhiều vào khả năng tài chính của gia đình hơn khi tham gia vào Trung đoàn Kỵ binh số IV. Ông đã viết trong thư gửi cho mẹ vào tháng 1 năm 1897 (người mà số lượng thư ông trao đổi được lưu giữ đầy đủ trong giai đoạn này nhiều hơn thời gian ông còn là học sinh): “Con ghen tị với Jack vì đã được theo học đại học. Con thấy rằng sở thích của con đối với văn chương ngày càng tăng (và phải chi con giỏi tiếng Latin và Hy Lạp) thì con sẽ rời khỏi quân ngũ và cố gắng thi lấy chứng chỉ về các môn lịch sử, triết học và kinh tế. Nhưng con không thể đối mặt với việc một lần nữa phải phân tích văn phạm và văn xuôi tiếng Latin. Thật là một sự nghịch đảo kỳ lạ của số phận: con là một quân nhân và Jack thì lại theo học đại học”.

Tuy nhiên, ông không nhận được sự khuyến khích nào từ mẹ nhằm vượt qua những chướng ngại vật, và thay vào đó, bà thu xếp cho ông theo học chương trình đại học tại gia. Lady Randolph thật sự giúp đỡ con trai khi gửi đầy đủ những cuốn sách mà ông yêu cầu. Trước hết, chế độ ăn uống của ông, và tiếp đến, các yêu cầu của ông, hầu như đã bị chế định hoàn toàn bởi các tác phẩm của Gibbon và Macaulay. Bà gởi cho ông tám cuốn của bộ *The Decline and Fall of the Roman Empire* (Sự suy tàn và sụp đổ của Đế quốc La Mã), tiếp đến là 12 cuốn của Macaulay - tám cuốn lịch sử và bốn tiểu luận. Ông đã đọc hết, với một nhịp độ đều đặn thay vì đọc ngẫu nhiên: “50 trang của Macaulay và 25 trang của Gibbon mỗi ngày”, như ông đã viết vào tháng 2. Nói chung, ông chịu ảnh hưởng của Gibbon nhiều hơn. Nhưng ông tìm thấy ở mỗi người những phẩm chất riêng: “Macaulay sinh động, hoạt bát và có sức thuyết phục - Gibbon trang nghiêm và gây ấn tượng mạnh. Cả hai đều có sức mê hoặc và cho thấy tiếng Anh tuyệt vời như thế nào, vì nó rất thú vị trong những văn phong khác nhau như vậy”. Mặc dù “thú vị” bị xem là một từ yếu đối với Churchill để dùng trong văn cảnh này, nhưng gần như không có gì phải nghi ngờ về tác dụng kết hợp của họ. Mặc dù họ khác nhau, nhưng ông vẫn có thể tìm lại những văn phong này trong cách viết và nghệ thuật diễn thuyết của mình.

Khi đã thoát khỏi ảnh hưởng của bộ đôi có tài hùng biện ấy, ông vẫn nỗ lực tìm tòi thêm nhưng với một sự phân biệt không rõ ràng bằng. Ông bị kích thích bởi tác phẩm *The Martyrdom of Man* (Hành động tử đạo của con người) của Winwood Reade, một tác phẩm gần như triết học (và bài tôn giáo) với tầm quan trọng và giá trị đáng ngờ.

Nói chung, phần lớn sự vượt thoát của ông ra khỏi ảnh hưởng của Gibbon và Macaulay được đánh giá tốt hơn và gồm những tác phẩm cổ điển như *Wealth of Nations* (Sự thịnh vượng của các quốc gia) của Adam Smith, *Origin of Species* (Nguồn gốc các loài) của Charles Darwin, bản dịch của Jowett với cuốn *Republic* (Cộng hoà) của Plato và *The Constitutional History of England* (Lịch sử lập hiến Anh quốc) của Henry Hallam. Ngoài lối học kinh khủng này bằng kiến thức cơ bản, Churchill còn bắt đầu việc hấp thu các sự kiện chính trị “nguyên chất”. Ông nhờ mẹ gửi cho 27 cuốn của bộ *Annual Register* (Niên giám). Trong đó, bắt đầu với Nội các thứ hai của Disraeli trong thời gian từ 1874 - 1880, ông nghiên cứu các chi tiết nhỏ nhất nhất của mỗi cuộc tranh luận lớn tại Quốc hội và sự phát triển của ngành tư pháp trong những năm niên thiếu của mình. Rồi ông tóm lược các bản báo cáo và đưa ra những lời nhận xét tương đối tiến bộ về cách ông đánh giá mỗi vấn đề. Đó là một tác phẩm phê bình chính trị đầy ấn tượng, dẫn đến một ứng dụng rộng rãi, một sự bảo đảm rằng ông sẽ tự chuẩn bị để đóng một vai trò lớn, và để có một quan điểm tương đối đơn giản về cách tốt nhất để thực hiện điều đó.

Việc liên lạc bằng thư từ giữa ông với mẹ trong thời gian ông ở Ấn Độ cũng đáng chú ý theo ba cách khác. Trước hết, địa vị của ông với tính cách một nhà trí thức nhập môn ít nhất cũng không hạn chế ông viết những bài bình luận có ảnh hưởng sâu rộng về con người và các sự kiện. Do đó, vào ngày 1 - 1 - 1897, trong chuyến đi dài bằng tàu lửa trở về từ dịp nghỉ lễ Giáng sinh tại Calcutta, ông đã từ chối tiếp nhận Lord Elgin, vị phó vương do Đảng Tự do chỉ định.

Có một điều mỉa mai là chỉ tám năm sau, khi Churchill trở thành thứ trưởng trong Nội các Campbell - Bannerman, Lord Elgin lại là thành viên Nội các được

chỉ định của ông tại Văn phòng Thuộc địa. Có lẽ trong thời gian ở Calcutta, Elgin đã không chú ý nhiều đến ông. Nhưng lòng trung thành của Churchill đối với Đảng Bảo thủ vào năm 1897 đã không đưa đến sự ngưỡng mộ nào đối với những ngôi sao đang lên của đảng này. Tám tuần sau, ông viết:

Trong số các nhà lãnh đạo của Đảng Bảo thủ, có hai người mà tôi ghét và khinh thường hơn tất cả các chính trị gia khác. Đó là ông Balfour và George Curzon. Một người là kẻ yếm thế, lười biếng, thiếu sinh khí, con bù nhìn tầm thường của Đảng Bảo thủ. Người kia, chính trị gia thoái hóa, đầy tự phụ, xấu hổ vì thành công không xứng đáng (diễn hình của một kẻ hợm mình siêu đẳng). Chúng ta nên quy tất cả những tội phạm hình sự trong 15 tháng qua cho bộ đôi này.

Đối với thủ lĩnh của họ, ông cư xử đỡ hơn phần nào, nhưng không nhiều lắm. Lord Salisbury, một người đàn ông có khả năng nhưng cố chấp, người kết hợp bộ não của chính khách với tính quá mẫn cảm của con la, đã được xúi giục để phạm sai lầm một cách vụng về cho đến khi gần như mọi thành phần của Đảng Liên minh và gần như mỗi Nội các ở châu Âu đều bức mình vì đã bị xúc phạm”.

Có lẽ không có gì phải ngạc nhiên, khi tiếp theo các nhận xét này, vào ngày 6 tháng 4, ông viết: “Không một thứ gì có thể ngăn cản tôi chống lại (Nội các quý quyết Machiavellian của chúng ta) nếu tôi có mặt tại Hạ viện. Tôi là một đảng viên Tự do dù trên danh nghĩa không phải vậy. Quan điểm của tôi khiến cả đám kinh hoàng về mặt đạo đức. Nếu không vì Nguyên tắc Tự trị - mà tôi không bao giờ đồng ý – thì tôi đã gia nhập Quốc hội với tính cách một đảng viên Tự do. Thật ra, đảng Bảo thủ sẽ là xu hướng mà tôi theo đuổi”. Ba tháng sau, ông được về thăm nhà bằng một giấy phép được ký một cách nhanh chóng khác thường sau khi đến Ấn Độ. Chính nhờ tiêu chuẩn này, ông được mời lên diễn thuyết lần đầu tiên trong đời, tại một bữa tiệc ở Primrose League, một tổ chức *bên lề* của Đảng Bảo thủ, ở phụ cận vùng Bath. Đó là một bài phát biểu chính trị tốt, khúc

chiết, khá vui vẻ với nhiều chỗ gọi cho thánh giả vỗ tay. Điều này đã được tường thuật trong tờ *Bath Daily Chronicle* (*Bản tin hàng ngày vùng Bath*) và cũng gần như vậy trong nhật báo *The Morning Post* của London. Nhưng điều đó không cho thấy rằng ông “hoàn toàn là một đảng viên Tự do, trừ trên danh nghĩa”. “Công nhân Anh kỳ vọng vào sự đi lên của Đảng Bảo thủ hơn là vào ống cống thoát nước khô cạn của Đảng Cấp tiến” có lẽ là cụm từ thanh tao nhất của ông.

Chủ đề thứ hai trong thư từ ông trao đổi với mẹ là tiền bạc. Ở đây, trái ngược với những lời phê phán về chính trị, nó được Lady Randolph quyết định. Lá thư khiển trách nặng nề nhất của bà được để ngày 26 - 2 - 1897, một ngày sau khi Churchill lăng mạ Balfour và Curzon một cách mỉa mai. Bức thư bắt đầu như một điềm xấu: “Mẹ ngồi viết lá thư hàng tuần này cho con với những cảm giác rất khác thường”.

Thông thường thì đó là một niềm vui, nhưng lần này thì ngược lại hoàn toàn... Sáng nay mẹ đến Ngân hàng Cox và thấy rằng con không chỉ lấy trước toàn bộ số tiền trợ cấp cho ba tháng tính từ tháng này cộng thêm 45 bảng (và nay là tấm ngân phiếu trị giá 50 bảng) và *con biết rằng* mình không còn một đồng nào tại ngân hàng. Viên giám đốc cho mẹ biết rằng họ đã cảnh báo con rằng họ sẽ không cho phép con rút quá số tiền gửi. Phải nói rằng mẹ thấy điều này quá tệ. Thật là đáng xấu hổ khi biết rằng con đang phụ thuộc vào mẹ và mẹ cho con khoản trợ cấp lớn nhất mà mẹ *có thể cho*, hơn cả khả năng xoay xở của mẹ... Nếu con không thể sống bằng số tiền trợ cấp mẹ gửi cộng với tiền lương của con thì con nên sớm rời khỏi Trung đoàn Ky binh số IV. Mẹ *không thể* tăng trợ cấp cho con được.

Một lần nữa, vào ngày 5 tháng 3, bà trở lại chủ đề này với sự chính xác thẳng thừng: “Trong số 2.700 bảng một năm (khoảng 535.000 bảng theo giá trị hiện nay), 800 bảng được dành cho hai anh em con, 410 bảng trả tiền thuê nhà và chuồng ngựa, khiến cho mẹ chỉ còn lại 1.500 bảng để thanh toán cho tất cả mọi

thứ - các loại thuế, tiền trả cho những người giúp việc, chuồng ngựa, thức ăn, quần áo, du lịch - và bây giờ mẹ phải trả lãi cho số tiền vay. Mẹ *thật sự lo* cho tương lai”. Và sau đó, bà đã viết một lần nữa vào ngày 25 tháng 3, chắc chắn một cách ngẫu nhiên từ Metropole Hotel, Monte Carlo, nói rằng lá thư cuối cùng của ông đã đến “vào một thời điểm xấu và mẹ túng bắn hơn bao giờ”. Có lẽ vì khôn ngoan nên Churchill đã bỏ ngoài tai mọi lời phàn nàn của bà mẹ. Sự kiện những lá thư từ Anh đi Ấn Độ phải mất ba tuần mới đến tay người nhận làm giảm phần nào cảm giác cay đắng của những lời lẽ trong thư. Khi thư đến thì tâm trạng của người gởi có thể đã thay đổi. Từ những áp lực này, Churchill đã rút ra hai nguyên tắc bền vững mà ông tuân thủ một cách trung thành cho đến cuối cuộc đời. Nguyên tắc thứ nhất là sự chi tiêu được quyết định bởi nhu cầu (được giải thích một cách hào phóng) hơn là bởi khả năng tài chính. Thứ hai, khi khoảng cách giữa thu và chi trở nên quá xa thì giải pháp dừng cảm luôn phải là tăng thu hơn là giảm chi.

Cách nhìn vô trách nhiệm như vậy đối với các vấn đề tài chính đóng góp một phần quan trọng đến chủ đề thứ ba trong thư từ của ông với bà mẹ. Ước muốn của ông là bà mẹ sẽ sử dụng toàn bộ ảnh hưởng của bà để đưa ông đến những nơi có hoạt động quân sự trên toàn thế giới. Đó một phần là vì óc phiêu lưu liều lĩnh và một phần vì sự đánh giá khôn ngoan rằng ông có thể kiếm được 15 hoặc 20 bảng cho mỗi một “lá thư” (như hầu hết các bài báo viết từ tiền tuyến được gọi như vậy) gởi về các nhật báo *Morning Post* hay *Daily Telegraph*. Không có bất cứ một bằng chứng nhỏ nào cho thấy Lady Randolph quyến rũ Sir Bindon Blood hoặc Sir Herbert Kitchener (như địa vị mà lúc đó ông có) hay Lord Roberts, điều có thể không được mong muốn đối với ít nhất hai người trong số đó, hoặc cho thấy rằng bà sẵn sàng để tiếp nhận họ vào con số phóng đại “200 tình nhân” do George Moore đưa ra. Nhưng người ta có ấn tượng mạnh rằng Winston Churchill muốn bà sử dụng mọi xảo thuật để có thể đưa ông vào các vị trí công khai, tiếp xúc nhiều nhất trên các vùng biên giới của đế chế.

Tuy nhiên, kinh nghiệm đầu tiên của ông đã đạt được tại các vùng biên giới

đang bị thu hẹp của Đế quốc Tây Ban Nha hơn là biên giới vẫn đang được mở rộng của Anh. Vào mùa thu năm 1895, không bao lâu sau khi được bổ nhiệm đến Trung đoàn Kỵ binh số IV, ông bắt đầu lên đường đi Cuba và tham gia vào cuộc chiến tranh du kích chống lại “những kẻ nổi loạn” địa phương mà người Tây Ban Nha đã tiến hành không theo một chiến lược nào cả. Đồng sự cũ của cha ông trong “Nhóm Bộ Tứ”, Sir Henry Drummond Wolf, người đã trở thành đại sứ tại Madrid, đã được nhờ vận động cho Churchill tham gia vào các chiến trường và đồng nghiệp cấp úy Reggie Barnes (sau này là thiếu tướng) quan sát các hoạt động của các lực lượng Tây Ban Nha. Winston Churchill kỷ niệm sinh nhật thứ 21 dưới làn hỏa pháo.

Ông coi điều này là một sự trùng hợp rất tốt đẹp. Và mẹ ông đã có một vai trò trên con đường của ông ở đó. Vì ông và Barnes đã được Bourke Cockran (chắc chắn là một trong những người ngưỡng mộ bà, và cũng chắc chắn là một chính trị gia đáng chú ý ở buổi giao thời của hai thế kỷ) đón tiếp tại bến cảng ở New York. Bourke Cockran đã được bầu vào Hạ viện năm 1890 và đã chạy đua vào chức vụ Chủ tịch Đảng Dân chủ cho chính mình hơn là Grover Cleveland vào năm 1892. Ông ta giàu có, một nửa là thượng lưu, một nửa là con buôn chính trị dựa vào tham nhũng. Ông ta còn là một nhà hùng biện có thể lực và chính trị gia tài ba, người mà Churchill đã học hỏi được rất nhiều, và cũng là người mà ông tiếp tục trao đổi thư từ lâu dài sau cuộc gặp gỡ tại bến cảng.

Cockran có ảnh hưởng sâu sắc đối với Churchill. Cho tới năm 1932, khi gom góp thành một bộ sưu tập các bài tiểu luận *Thoughts and Adventures* (*Tư duy và Mạo hiểm*), Churchill đã viết:

Tôi phải ghi lại ấn tượng mạnh mẽ mà người đàn ông đáng chú ý này đã tạo ra đối với đầu óc kém mở mang của tôi. Chưa bao giờ tôi gặp được một người giống ông, dù chỉ phần nào. Với bộ óc sáng suốt, đôi mắt lấp lánh, và vẻ mặt linh hoạt, ông có vẻ phi thường như các bức chân dung của Charles James Fox. Tôi không có dịp may được nghe bất

kỳ một bài diễn thuyết nào của ông. Nhưng cuộc trò chuyện của ông, xác đáng, trực tiếp, sang sảng, đầy tính tương phản và hàm súc, là vượt quá bất cứ điều gì mà tôi từng nghe nói.

Cockran đưa Churchill về nhà mình tại Đại lộ 5 ngay mé ngoài góc đông nam của Công viên Trung tâm, một khu dân cư đáng ngạc nhiên đối với thập kỷ 1890 trên một vị trí, nơi khách sạn cổ xưa Savoy Plaza Hotel được dựng lên vào khoảng năm 1900 rồi đến phức hợp General Motors vào năm 1968. Cockran đã mở một bữa tiệc ngon lành và bố dượng mời Churchill vào buổi tối đầu tiên ông lên bờ, và nói chung, tiếp đãi ông một cách thú vị và hào phóng với một hàm ý về sự nhộn nhịp của New York. Churchill đã viết cho em trai mình: “Đây là một đất nước rất tuyệt vời, Jack thân yêu của anh”, và cho mẹ: “Ở đây họ thật sự lãng xảng lo cho tụi con, và lòng hiếu khách của họ lên đến mức xa hoa. Tụi con là thành viên của tất cả các câu lạc bộ và mọi người dường như tranh đua nhau trong nỗ lực làm cho thời gian của tụi con được dễ chịu...”. New York trong tuần trung thu đó ngay trước sinh nhật thứ 21 của ông có lẽ có ý nghĩa với tương lai ông hơn cả cuộc thử lửa đầu tiên tại Cuba nữa. Tác động quá mạnh này đối với một công dân danh dự tương lai của Hoa Kỳ được công nhận chủ yếu bởi Bourke Cockran.

Cuộc phiêu lưu quân sự thứ hai của Churchill được thực hiện với lực lượng đã chiến Malakand chống lại bộ lạc Pathan ở thung lũng Swat sát biên giới Afghanistan của Ấn Độ. Ông nghe tin về sự bùng nổ của cuộc nổi dậy và về cuộc hành quân tiêu diệt tiếp theo của ba lữ đoàn Anh “trên các đồng cỏ của vùng Goodwood trong thời tiết dễ chịu” vào cuối tháng 7 năm 1897. Đoàn viễn chinh được chỉ huy bởi Sir Bindon Blood lừng danh, lúc đó là thiếu tướng. Sir Bindon Blood mặc dù từng tham gia mọi cuộc hành quân từ cuộc Chiến tranh Zulu vào năm 1879 cho đến khi về hưu vào năm 1907, vẫn sống sót tới 97 tuổi, năm ngày sau khi Churchill trở thành Thủ tướng vào năm 1940. Ông có thể được so sánh với chính Churchill về khả năng kết hợp hành động liều lĩnh với tuổi thọ. Tuy nhiên, gần gũi hơn, là sự kiện khoảng một năm trước khi Churchill nhận

được một lời hứa suông của Blood trong một bữa tiệc tại lâu đài miền quê. Lời hứa nếu ông (Blood) còn chỉ huy một cuộc viễn chinh nào nữa thì ông sẽ cho phép chàng sĩ quan kỵ binh cầm cờ lệnh trẻ tuổi (Churchill) được cùng tham gia.

Sự thiếu nghiêm túc của lời hứa đã không làm Churchill nản lòng. Trong vòng 48 giờ sau khi gửi đi bản tin Goodwood, và sau khi đã đánh điện cho Sir Bindon nhưng không nhận được hồi âm, ông đã cắt đứt hai tuần nghỉ phép của mình và rời Charing Cross Station bằng chuyến tàu Bưu điện Ấn Độ để đi Brindisi. “Tôi chỉ kịp bắt được tàu, nhưng tôi bắt được nó với sự phấn chấn tràn đầy”. Sau đó, ông đã dành hơn một tháng cho chuyến du hành cuồng nhiệt. Sự hăng hái của ông giảm bớt phần nào khi không nhận được điện trả lời của Blood hoặc từ Aden hoặc từ Brindisi không rõ, khi Hồng Hải trở nên “ngọt ngào”, và khi tàu không còn cung cấp thực phẩm “ăn được” hoặc sự thông hơi thích hợp. Nhưng ông đã “lên tinh thần” trở lại khi, tại Bombay, ông nhận được điện tín có tính khích lệ một cách mơ hồ từ Blood: “Rất khó khăn, khoong còn chỗ trống, hãy đến với tính cách phóng viên, sẽ cố gắng bố trí công việc cho anh. BB”. Điều này là đủ, chỉ cần được bổ sung bằng một lá thư tiếp theo với cùng một nội dung, khiến ông chấp nhận cuộc hành trình kéo dài 36 giờ đến Bangalore thuyết phục vị đại tá đam mê lạc thú để cho ông đi trên một hành trình còn khủng khiếp hơn nữa về miền bắc, chỉ được tháp tùng bởi cái mà ông gọi là “người hầu và quân trang, quân dụng”.

Ông đã đi đến ga đường sắt Bangalore và hỏi mua vé đến Nowshera, đó là ga tiếp tế cho cuộc viễn chinh Malakand, nhưng nghe có vẻ gần giống như “nowhere” (không đâu cả). Sau đó, ông thuật lại:

Tôi tò mò hỏi bao xa. Người Ấn Độ lịch sự [người bán vé] tham khảo một thời gian biểu đường sắt và bình thản trả lời: 2.028 dặm... Điều này nghĩa là sẽ có một cuộc hành trình năm ngày trong điều kiện thời tiết tồi tệ nhất. Tôi đi một mình, nhưng với nhiều sách, thời gian trôi qua không đến nỗi khó chịu. Những toa xe Ấn Độ được lót da, đóng

cửa chớp kín mít ngăn ánh nắng cháy da cháy thịt và được giữ khá mát mẻ bởi một bánh xe tròn bằng rơm ướt quay từng hồi, thích nghi với điều kiện địa phương. Tôi đã dành năm ngày trong một phòng tối, nhỏ, được lót đệm, để đọc sách chủ yếu bằng ánh đèn hoặc vài tia sáng được nâng niu thật kỹ.

Ước muốn kiên trì được chứng kiến các hoạt động quân sự của Churchill là điều không thể chối cãi được.

Đâu là các động cơ cho hành động của ông? Một số được ông chia sẻ với hầu hết những người cùng đẳng cấp (trên danh nghĩa). Hầu hết các sĩ quan kỵ binh cấp úy trong năm kỷ niệm sinh nhật thứ 75 của Nữ hoàng Victoria và vào giai đoạn cực thịnh của đế chế đều dũng cảm, trần trụi làm sao để có được kinh nghiệm chiến đấu và giành huy chương. Nhưng chỉ một ít trong số họ cố gắng, như Churchill đã làm, và đi gần như liên tục, như ông cũng đã làm, trong gần năm tuần với tiền túi của mình để được ra mặt trận. Họ thiếu cả năng lượng và sự gan lì. Danh tiếng là động cơ thúc đẩy liên tục của ông, và con đường tốt nhất để đạt được điều này là thông qua sự viết lách. Ông hạnh phúc, thậm chí phấn khởi, khi chấp nhận những rủi ro lớn để tìm cho mình những đề tài hay. Bất cứ một chiến dịch nào mà ông tham gia đều ngay lập tức trở thành một chiến dịch nguy hiểm và tàn bạo. Theo quan điểm nghề làm báo của ông thì đó là một thành công vừa phải. Ông được ủy nhiệm bởi cả tờ *Pioneer* (Ấn Độ) lẫn tờ *Daily Telegraph* (những tờ sau này trả cho ông 5 bảng (tương đương 250 bảng ngày nay) một cột so với 15 hoặc 20 bảng Anh mà ông đã tự tin chờ đợi vài tháng trước đây).

Tuy nhiên, còn quan trọng hơn nhiều so với những bản thông điệp ấy, là sự kiện các kinh nghiệm của ông trong và chung quanh Thung lũng Swat đã dẫn đến việc xuất bản cuốn sách đầu tiên. Cuốn sách được viết một cách chính xác với nhan đề *The Story of the Malakand Field Force* (Câu chuyện về Lực lượng Đã chiến Malakand), Ông tham gia với Blood và quân đội của ông này trong

khoảng sáu tuần. Ông trở lại Bangalore ngay sau giữa tháng 10 (năm 1897). Trong những trường hợp như vậy, gần như tất cả mọi người, trừ Winston Churchill, đều hài lòng được nghỉ ngơi thư giãn trong vài tháng. Họ làm buồn lòng các sĩ quan đồng liêu bằng các chuyến phiêu lưu, và trở về với các thói quen hàng ngày. Trái lại, vào cuối năm, ông hoàn tất và gửi cho mẹ một cuốn sách gồm 8.000 từ (bằng độ dài của một truyện ngắn) về chiến dịch. Kỳ công này càng đáng kể hơn vì trong mùa thu đó ông cũng đang làm việc cách quãng với tác phẩm hư cấu duy nhất của mình, *Savrola*, cũng với độ dài tương tự.

Lady Randolph giao cho nhà xuất bản Longman xuất bản cuốn sách (rất nhanh chóng) và giao cho Moreton Frewen sửa bản in (với rất nhiều chỗ sai). Frewen, một người thượng lưu Anh - Ireland, là chồng của Clara, em gái bà, và về sau là nghị sĩ của Quận Cork trong một thời gian ngắn. Cuốn sách thu hút rất nhiều sự chú ý, hầu hết thuận lợi, trừ những lời phàn nàn về những lỗi in sai và về lỗi chấm câu kỳ cục, cũng là trách nhiệm của Frewen. Một bài phê bình trong tờ *Athenaeum* nói rằng: “Về văn phóng, nó gọi ra những trang của Napier được chấm câu bởi một người đọc bản in điên khùng”. Việc làm của “người đọc bản in” lúc đầu hầu như đã “làm tiêu ma” của Churchill niềm vui vì sự thành công nói chung. Vào tháng 5 năm 1898 ông viết cho mẹ, “Con đã kêu lên vì thất vọng và xấu hổ khi nghĩ đến những điều ngớ ngẩn kỳ quặc làm giảm giá trị của cuốn sách”. Tuy nhiên, số tiền khoảng 600 bảng (tương đương 30.000 bảng theo giá hiện nay) mà cuốn sách đem lại đã tạo thành một loại thuốc cao có hương thơm, làm giảm nhẹ nỗi phiền muộn. Cuốn sách mỏng này, (trái ngược với sự dài dòng đáng kể của hầu hết những tác phẩm về sau của ông), là một bản báo cáo hấp dẫn và được viết một cách sinh động, chứng tỏ khả năng kể chuyện. Ở cuối cuốn sách cũng có một chương mang tính suy gẫm không hề non nớt chút nào. Toàn bộ cuốn sách được đề tặng cho Sir Bindon Blood. Dĩ nhiên sự chú ý mà nó thu hút, và một phần của lời khen ngợi, bắt nguồn từ sự vang dội của cái tên mà Churchill mang. Thậm chí ông còn nhận được một lá thư khen ngợi từ Thái tử kế vị, vốn không phải là một người đặc biệt mê sách: “Tôi đọc cuốn sách với sự chú

ý tối đa và tôi nghĩ rằng những cách mô tả và ngôn ngữ nói chung là tuyệt vời. Mọi người đều đọc nó, và tôi chỉ được nghe toàn những lời ca ngợi”. Tuy nhiên, lá thư kết thúc bằng cách khuyên ông nên “gắn bó với quân đội” và đừng nôn nóng gắn thêm cái nhãn “nghị sĩ” vào tên của mình.

Văn phong của cuốn tiểu thuyết vượt qua văn phong của cuốn *Malakand*. Ông bắt đầu viết nó trên chuyến hành trình gian nan trở về Ấn Độ để tham quan biên giới Tây Bắc. Đây là một ví dụ khác của năng lực không ngừng nghỉ của ông ngay cả trong những hoàn cảnh bất lợi nhất. Ông nói với mẹ rằng mình đã hoàn thành năm chương trước khi rời khỏi Bangalore để đi Nowshera. Rồi nó bị bỏ qua một bên. Nhưng ông trở lại ngay khi hoàn tất cuốn *Malakand*, và trong một lá thư để ngày 26 - 5 - 1898, ông thông báo cho em trai rằng đã hoàn thành cuốn sách. Cuốn này ngắn, thậm chí còn ngắn hơn cuốn *Malakand* nữa. Đầu tiên, nó được gọi là *Affairs of State*, một tiêu đề khác xa với *Savrola* như có thể tưởng tượng. Và nó vẫn giữ tên này trong các mục tham khảo của ông trong ít nhất 18 tháng đầu tiên từ ngày được thai nghén. Về bản chất, *Savrola* là câu chuyện của nước Anh về những con người thật dưới những cái tên hư cấu (mặc dù nó không đòi hỏi nhiều trí thông minh để khám phá) được đặt một cách vô lý trong bối cảnh một vương quốc Ruritania tưởng tượng ở vùng Balkan. Nhân vật nữ chính Lucile, kết hôn với Morala, một nhà cai trị độc tài, khó gần nhưng không phải là hoàn toàn xấu, được nhiều người cho là đã mô phỏng Lady Randolph. Cách mô tả của ông về vẻ rạng rỡ của bà gợi nhớ, với một chút sửa đổi, đến những lời lẽ không thể nào quên được mà John Henry Newman dùng để mô tả địa vị, vừa khiêm nhường vừa có tính cách chi phối, của St Philip Neri ở La Mã vào thế kỷ 16. Churchill đã viết trong *Savrola*: “Các hoàng thân nước ngoài tỏ ra tôn kính bà, không chỉ vì bà là người phụ nữ đáng yêu nhất châu Âu mà còn là một gương mặt chính trị lớn. Phòng khách của bà đông nghẹt các danh nhân từ mọi nước. Các chính khách, quân nhân, văn nhân, đến lễ bái tại đền thờ của bà”.

Tuy nhiên, sự so sánh không được hoàn hảo. Lucile được mô tả là thanh tao

hơn, và chắc chắn trong sạch hơn Lady Randolph. Hơn nữa, khi đề tài tình yêu trong cuốn tiểu thuyết, vừa gượng gạo vừa không thật, đề cập đến việc bà (Lucile) từ bỏ Morala để đi theo Savrola với sức quyến rũ mê hoặc hơn. Savrola chắc chắn là hiện thân của chính Winston. Kịch bản, nếu chân thực, sẽ có tính hơi loạn luân. Cảm giác này càng lúc càng tăng, và thực tế trở thành giống như Hamlet, nếu Morala được đồng nhất hóa với Lord Randolph, như nhiều người vẫn nghĩ. Một đoạn mô tả về ông củng cố quan điểm này: “Chồng bà thương yêu bà, tận tụy chăm sóc bà những lúc ông có thể tạm gác việc công. Về sau, mọi việc trở nên ảm đạm hơn... Trên mặt ông đã xuất hiện những vết nhăn sâu, những vết nhăn của công việc và nỗi lo âu. Và đôi khi bà bắt gặp một ánh mắt với vẻ mệt mỏi khủng khiếp, như khi một người phải lao động khổ cực nhưng lại biết trước rằng công sức của mình sẽ là công dã tràng”.

Có một “nữ điều dưỡng” hiện diện và ảnh hưởng liên tục trong cuộc đời của Savrola, là hiện thân của bà Everest. Chính Savrola là một bức chân dung bộc lộ rất rõ ràng. Ông là một nhà quý tộc đứng về phía quần chúng. “Sôi nổi, cao quý, và táo bạo” là châm ngôn của ông. “Cuộc sống mà ông sống là cuộc sống duy nhất mà ông có thể sống, ông phải đi cho đến cuối đường. Đoạn cuối thường đến sớm với những người như vậy, những người mà tinh thần được trui rèn đến mức họ biết rằng chúng chỉ tồn tại trong hành động, sự thỏa mãn chỉ nằm trong sự nguy hiểm, và sự thanh thản chỉ có thể được tìm thấy trong sự hỗn loạn mà thôi”.

Cũng có một chút gì đó bi quan, chán chường, hiện diện trong cuốn sách. Nó lấy cảm hứng từ sự e ngại của ông về viễn tượng khủng khiếp của nhân loại, lẫn đoạn văn ảm đạm nổi tiếng của Balfour khi ông viết rằng: “Các nguồn năng lượng của thái dương hệ sẽ phân hủy, vinh quang của mặt trời sẽ mờ đi, và trái đất, không có thủy triều và trọng lực, sẽ không còn tha thứ cho loài sinh vật đã có lúc khuấy động sự cô đơn của nó. Con người sẽ đi xuống địa ngục, và tất cả những tư tưởng của họ sẽ bị tiêu hủy”. Churchill đã viết (ở tuổi 23): “Quá trình làm lạnh sẽ tiếp tục: sự phát triển hoàn hảo của cuộc sống sẽ kết thúc bằng cái chết: toàn bộ hệ thống năng lượng mặt trời, toàn thể vũ trụ, vào một ngày nào đó sẽ

lạnh và vô hồn như pháo hoa đã bị đốt cháy”. Tuy nhiên, trong khi có thể lặp lại ngày chung cuộc bi thảm của hai người tiền nhiệm nổi tiếng trong chức vụ thủ tướng, ông không có ý định bình chân như vại trước khi hành tinh trở thành như vậy. “Tham vọng là động lực”, Churchill đã viết về *Savrola*, “và ông đã không thể chống lại nó”.

Ông hoàn toàn không viết *Savrola* một cách bí mật, như nhiều tiểu thuyết gia “mới nhập môn” vẫn làm. Nhưng ông không phải là một tiểu thuyết gia mới điển hình. Các lá thư của ông gửi về nhà có đầy đủ các tin tức về diễn tiến của nó. Và các sĩ quan đồng liêu của ông đã luôn được thông tin kịp thời. Thật vậy, theo *My Early Life*, họ đã đưa ra vài lời gợi ý “nhằm kích thích sự quan tâm đến tình yêu”. Có lẽ vì khôn ngoan, ông đã không chấp nhận hầu hết các đề xuất nhằm tăng hương vị kích thích. Nhưng ông cũng không giận họ. Và cuốn sách được để tặng cho “Các sĩ quan thuộc Trung đoàn Kỵ binh số IV (của Nữ hoàng) mà tác giả đã được sống bốn năm hạnh phúc nhờ sự kết bạn với họ”. Bốn năm không liên tục, với nhiều cách quăng, nhưng dù sao, cũng không có lý do gì để nghi ngờ tính xác thực của sự ấm áp này.

Mặc dù được viết nhanh gần như nhau, *Savrola* được xuất bản chậm hơn (với ít lỗi bản in hơn) so với *Malakand*. Đầu tiên nó xuất hiện, giống như một cuốn tiểu thuyết của Dickens hay Trollope (không phải tiền lệ xấu), ra từng đợt theo từng số báo trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1899 trong tạp chí *Macmillans Magazine*. Nó xuất hiện lần đầu tiên dưới hình thức một cuốn sách tại Hoa Kỳ vào tháng 11 năm đó, và sau đó ở Anh vào tháng 2 năm 1900. *Savrola* đôi khi tiếp tục được đọc, một ấn bản mới ra đời vào năm 1990. Nhưng sự nổi tiếng của nó rõ ràng xuất phát từ sự nổi tiếng của Winston Churchill hơn là ngược lại. Đó là một tác phẩm đáng trân trọng, hay, đáng đọc, và hấp dẫn (vì những gì tác giả của nó sau này trở thành) của thời tuổi trẻ.

The River War đưa chúng ta vào giai đoạn tiếp theo và giữa trong sự nghiệp của Churchill với tính cách một người lính và nhà báo trên các biên giới của đế chế. Nó có phụ đề “*An Historical Account of the Reconquest of the Sudan*” (Một

biên bản lịch sử về sự tái chiếm Sudan), và ở một lĩnh vực hoàn toàn khác với hai cuốn sách kia. Nó cũng thực hiện một số nỗ lực nhằm vào lịch sử với tính cách khách quan, trái ngược với sự đơn giản liên kết các chiến công mà tác giả đã tham gia. Churchill đã không xuất hiện trên hiện trường cho đến cuốn thứ hai. Mức độ đề tặng cũng được nâng lên. Nó được tặng cho “*Hầu tước Salisbury, K.G., nhờ sự hướng dẫn khôn ngoan của người mà Đảng Bảo thủ đã được nắm quyền và quốc gia hưởng được sự thịnh vượng, dưới chính phủ của người việc tái tổ chức Ai Cập chủ yếu đã hoàn tất, và qua lời tư vấn của người mà Nữ hoàng ra lệnh tái chiếm Sudan*”. Không có nhiều bằng chứng về chủ nghĩa tự do phiêu thai của Churchill trong những từ ngữ được cân nhắc nếu không là nịnh bợ một cách bất thường này. Tuy nhiên, chúng có vẻ được thúc đẩy bởi lòng biết ơn trực tiếp hơn là bởi thói nịnh hót. Nếu không có Salisbury có lẽ Churchill sẽ không thể nào tham gia vào chiến dịch. Tư lệnh của Quân đội Ai Cập, lúc đó là Sir Herbert Kitchener, dẫn đầu đoàn quân viễn chinh tái chiếm Ai Cập nhằm chống lại người thừa kế của Mahdi (người đã ra lệnh cho quân đội sát hại tướng Gordon ở Khartoum 13 năm trước đó, đã mạnh mẽ chống lại việc để cho Churchill tham gia vào lực lượng của mình). Ông đã rõ ràng xem Churchill như một thằng oắt con hay gây phiền toái, “háo danh” và “săn huy chương” (hai cách mô tả mà Churchill ghi nhận là đã được áp dụng cho ông vào lúc đó với tính cách thù hận). Để đáp trả, Churchill lại viết về “áp phích lớn” trong tương lai: “Ông ta có thể là một viên tướng, nhưng không bao giờ có thể là một người thượng lưu”.

Trong nửa đầu của năm 1898, Churchill theo đuổi mong muốn được tham gia vào chiến dịch với quyết tâm không lay chuyển. Phần lớn thời gian ông ở Bangalore, mặc dù vào đầu tháng 1 ông lại bắt đầu chuyến hành trình dài đến Calcutta và được tiếp đón niềm nở hơn năm trước. Sau đó, vào cuối tháng 2, ông đến Meerut gần Delhi để tham dự một giải đấu polo, và từ đó tiếp tục đi thêm khoảng 400 dặm đến Peshawar với hy vọng được thu nhận bởi tướng Sir William Lockhart, người sắp sửa chỉ huy chiến dịch Tirah chống lại một đám nổi

loạn khác là các thành viên bộ lạc trên và chung quanh biên giới tây bắc. Đây là một sự mạo hiểm về kỷ luật cũng như vật chất. Vì nó kéo theo sự chắc chắn, nếu tướng Lockhart không hợp tác, rằng ông sẽ bị muộn khi trở về Bangalore từ chuyển nghỉ phép để tham gia trận đấu polo ở bắc Ấn Độ. Tuy nhiên, Lockhart đã giúp đỡ và nhận Churchill vào bộ tham mưu của mình với tính cách sĩ quan trực nhật.

Nhưng vị tướng này ít hiểu chiến và do đó ít giao cho Churchill cơ hội tham gia vào các hành động chiến tranh và sự nguy hiểm hơn so với Blood. Ông thậm chí còn bảo đảm một nền hòa bình lâu dài qua việc đàm phán với các bộ lạc. Và Churchill đã trở lại Bangalore vào giữa tháng 4, nơi ông ở lại trong hai tháng, để tiếp tục viết *Savrola* và tiếp tục gửi tin nhắn điên cuồng đến mọi người, mà ông nghĩ có thể giúp ông thực hiện ước vọng tham gia vào chiến dịch Sudan. Cuộc chiến tại Atbara do Kitchener cầm quân giành được chiến thắng. Nhưng Churchill, hoàn toàn đúng như những diễn tiến sau này, chỉ xem đó như khúc dạo đầu hữu ích cho sự tham gia với tầm quan trọng của lực lượng các giáo sĩ Hồi giáo Dervish ở Omdurman.

Ông hy vọng rằng mình vẫn còn kịp đối với điều này. Lợi thế của cuộc viễn chinh Tirah không đổ máu là nó cho phép ông có được một kỳ nghỉ phép dài để về thăm nhà lần nữa. Và ông đã đi tàu thủy từ Bombay vào ngày 18 tháng 6. Churchill đã gặp may mắn lạ thường trong chuyển nghỉ phép, vì ngay cả các phó vương cũng thường phải chờ đợi hai năm rưỡi đến ba năm. Đây là chuyến trở về thứ hai chỉ sau 20 tháng ở Ấn Độ. Lúc đầu, ông nghĩ có thể rời tàu tại Ai Cập và đi thẳng đến sông Nile. Nhưng vào đầu tháng 6, ông đã chấp nhận rằng điều đó là không thể. Ông đã nhận được từ Sir Evelyn Wood, thiếu tướng Phó Tổng tư lệnh ở London một lời hứa. Nhưng ông vẫn còn cần đến sự chấp nhận của Kitchener, vị tư lệnh tại chỗ.

Churchill cũng bị day dứt bởi nỗi nhớ nhà. Từ Bangalore, ông đã viết cho mẹ: “Con không thể bỏ hai tuần của con ở London, nơi mà mỗi phút trị giá 1 đồng tiền vàng”. Và sau đó, tìm cách làm “xì trái bong bóng nhiệt tình” của

chính mình: “Có thể mẹ sẽ thấy rằng con không thật sự thích việc đó lắm. Schopenhauer [có lẽ là sự bất lợi của việc đọc quá nhiều nhưng lại không tiêu hóa nổi] nói rằng nếu dự đoán thì bạn chỉ làm mất đi từ trước một phần niềm vui sẽ tới. Do đó, những gì được mong đợi nhiều nhất thường lại chỉ đem đến sự thất vọng... Tuy nhiên, con vẫn sẽ đến và hy vọng mẹ sẽ đón con tại nhà ga [Victoria]”. Ông bắt đầu một chuyến viếng thăm nước Anh, và thực sự hỏi liệu một cuộc họp chính trị, có thể được tổ chức ở Bradford (một trong những nơi lui tới yêu thích của cha ông) hay không. Nhưng ông cũng giữ chặt mục tiêu khác và nói rằng đã “để lại người đầy tớ bản địa [của con] và quân trang quân dụng tại Ai Cập: lều, yên ngựa...”.

Cuộc họp của Đảng Bảo thủ được triệu tập và diễn ra với một số thành công đáng kể vào ngày 14 tháng 7, một lần nữa, nó lại được tường thuật rất hay trên tờ *Morning Post*. Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy Lady Randolph đón ông tại ga Victoria. Mặc dù con trai là một phóng viên giỏi, bà vẫn chỉ tiếp nhận những chuyến viếng thăm của ông tại Anh một cách miễn cưỡng, một phần vì chi phí (chuyến đi khứ hồi tốn khoảng 80 bảng, tương đương với 4.000 bảng ngày nay), và một phần vì bà sợ rằng ông sẽ là một người nhẹ dạ, phù phiếm, chỉ đầu xuống trong chốc lát trên quá nhiều thứ hấp dẫn hơn là bám chặt vào một thứ gì đủ lâu để có thể đạt được thành công vững bền.

Hơn nữa, họ đã có một thời gian khó chịu qua thư tín (rõ ràng là về tiền bạc) hồi đầu năm đó. Bà định mượn 14.000 bảng, chắc chắn để trả nợ khẩn cấp. Bà chỉ có thể làm được điều này nếu Winston chịu ký một số văn bản. Các văn bản mà ông cho rằng chúng có nghĩa là thu nhập cuối cùng từ quỹ tín thác của mình, tức là sau khi bà chết, sẽ bị giảm từ 2.500 xuống còn 1.800 bảng. Ngày 30 - 1 - 1898, ông viết:

“Con ký các giấy tờ này hoàn toàn và chỉ vì tình yêu của con đối với mẹ. Con phải viết rõ rằng không một sự cân nhắc nào khác khiến con ký cả. Trong thực tế, con ký chúng theo hai điều kiện - mà công lý lẫn sự

thận trọng đều đòi hỏi. Thứ nhất, trong bao lâu mẹ còn sống, mẹ dứt khoát để lại cho con số tiền trợ cấp hàng năm 500 bảng mà con được hưởng với sự chấp thuận của mẹ. Thứ hai, mẹ phải nhận được lời hứa của Jack ghi thành văn bản rằng khi đến tuổi trưởng thành, ngay lập tức nó phải gắn bó chặt chẽ với văn bản sẽ bảo đảm cuộc sống của nó, và san sẻ gánh nặng với con”.

Ít nhất thì điều kiện thứ nhất đã không được thực hiện. Không phải sự bắn thiu cổ hữu của những cuộc cãi cọ về tiền bạc trong các gia đình để lại vô số tổn hại. Hai ngày trước lá thư vừa kể, ông đã viết một cách khá khoan dung:

Nói một cách thẳng thắn về chủ đề này, chắc chắn cả mẹ và con đều thiếu suy nghĩ, hoang phí, và xa hoa như nhau. Cả mẹ và con đều biết những gì là tốt và cả hai chúng ta đều muốn đạt được như vậy. Con thông cảm với lối tiêu xài phung phí của mẹ (thậm chí nhiều hơn đối với con) dường như việc mẹ tiêu 200 bảng để mua một cái váy dạ hội cũng có tính cách hủy diệt như việc con mua một con ngựa con để chơi polo với giá 100 bảng vậy. Và dù sao, con cũng cảm thấy rằng mẹ phải có cái váy dạ hội và con phải có ngựa để chơi polo. Sự dẫn vật của toàn bộ câu chuyện là chúng ta hết sức nghèo.

Những gì ông viết chỉ hai tháng sau đó còn tồi tệ hơn nhiều: “Mẹ bảo con đừng ám chỉ đến chuyện thu xếp tiền bạc - và con đồng ý với mẹ rằng tốt hơn, chúng ta đừng kéo dài vụ việc. Nó đã để lại một vị chất trong miệng con - tuy nhiên, con không là gì khác hơn chính con từng là và không làm những gì khác hơn những gì con từng làm. Nỗi đau đớn mà con cảm thấy trong vấn đề này đã mang lại một dư âm khó chịu vào cuộc sống của chúng ta. Con sợ những tác động có thể là vĩnh viễn”. Chắc chắn cuộc tranh luận cũng đã để lại một vị khó chịu trong miệng Jennie Churchill, và vào mùa xuân đó, bà hầu như không viết thư cho con trai lớn. Vào giữa tháng 4, ông phàn nàn, nhưng với tính cách than vãn hơn là cay đắng, về sự im lặng kéo dài năm tuần của mẹ và năn nỉ bà phục

hồi việc liên lạc bằng thư với ông.

Khi ông trở về nước Anh vào ngày 2 tháng 7, bà đã cố gắng hết sức, dù bà có gặp con trai tại nhà ga hay không, để đoán trước các tham vọng về chính trị lẫn quân sự của ông. Như Churchill nói sau này: “Nhiều bữa tiệc trưa lẫn tối được tổ chức với sự tham dự của các nhân vật danh gia vọng tộc trong hai tháng với những cuộc thương lượng điên cuồng. Nhưng tất cả đều vô ích”. Một loạt các đồng minh đầy thế lực đã được huy động. Từ thủ tướng đến Lord Cromer, vị đại diện thương mại Anh lâu đời và đầy thế lực tại Ai Cập, và Sir Evelyn Wood phó tổng tư lệnh đến gương mặt không mấy phù hợp là Lady Jeune, phu nhân của vị chủ tịch bộ phận Di chúc, Ly dị và Hàng hải của Tòa Dân sự Tối cao, người mà dù sao cũng có vẻ là người môi giới chủ yếu. Những gương mặt quen thuộc và kinh khủng của Kitchener bị ngăn chặn một cách kiên quyết trong một thời gian. Bầu không khí này được thể hiện trong một lá thư của Wood (mà người chị là bà O’Shea của Parnell) viết cho Lady Randolph vào ngày 10 tháng 7:

Jennie thân mến [một hình thức xưng hô rất thân mật trong thời kỳ này]

Vị tư lệnh từ chối nhận ông Churchill [một hình thức rất trang trọng khi nói về một cậu con trai 23 tuổi], và tôi viết nhằm cho chị thấy sự cần thiết để chúng ta có thể phối hợp các biện pháp tương lai. Tôi sẽ gọi vào ngày mai hoặc lúc 9 giờ trên đường đạp xe về nhà hoặc vào khoảng 10 giờ trên đường đi đến văn phòng của tôi.

Evelyn Wood.

Các “biện pháp tương lai” chắc chắn sẽ ghê gớm, mặc dù chúng có thể là trường hợp một sức mạnh *không thể cưỡng lại* gặp một chướng ngại vật *không thể lay chuyển*, chướng ngại vật trong hình dạng của Sir H. Kitchener. Sự bướng bỉnh của ông trong việc chống lại Churchill là khá đáng kể. Không những ông chống lại thủ tướng và thượng cấp địa phương của ông tại Cairo về vấn đề này,

mà dường như ông cũng chuẩn bị để đương đầu với cả một cuộc chiến tranh giành quyền lực với Bộ Tư lệnh quân đội ở London. Với tư cách tư lệnh, quyền kiểm soát của ông đối với việc bổ nhiệm để hình thành quân đội Ai Cập là điều không cần bàn cãi. Nhưng quân đội đó cần được tăng cường cho chiến dịch Sudan với các đơn vị của Anh, chịu trách nhiệm về mặt hành chính nếu không phải về mặt tác chiến. Không phải với ông mà với thiếu tướng Phó Tổng tư lệnh Kỵ binh tại London. Ông đã làm cho mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn qua việc muốn chọn Lord Fincastle, con trai của một bá tước Scotland không tiếng tăm, người đã viết một cuốn Malakand đối nghịch với cuốn sách của Churchill. Churchill tất nhiên là rất huênh hoang và nhờ những người khác nhân danh mình để thậm chí đưa sự việc đi xa hơn. Nhưng toàn bộ chuyện trắc trở là một ví dụ tốt về tình trạng thù địch mà, ít nhất trong nửa đầu cuộc đời của ông, sự kết hợp giữa đức tính dũng cảm tới mức ngạo mạn và thói háo danh có khả năng bật lên.

Cuối cùng sự việc cũng đã được giải quyết nhờ cái chết của một sĩ quan cấp úy trẻ thuộc Trung đoàn Kỵ binh số 21. Thậm chí dường như Kitchener đã bắt đầu cảm thấy rằng ông đã can thiệp vào quá nhiều chuyện và tìm kiếm một lối thoát. Với bất cứ giá nào vấn đề cũng phải được giải quyết vào ngày 24 tháng 7, và vài ngày sau đó, Churchill lao vào một trong những chuyến đi bằng tàu lửa và tàu thủy về phía Đông lần này thông qua Marseille. Nhưng con tàu (“một tàu chở hàng bán thiu, không chạy theo tuyến nhất định, mà nhân viên là những thủy thủ Pháp đáng ghét”) đã phá tan được tiếng xấu của chiếc tàu đã chở ông đến Bombay một năm trước đó. Tuy nhiên, ông luôn (vào giai đoạn đó của cuộc sống) sẵn sàng chịu đựng sự thiếu tiện nghi, “chỉ có năm đêm và bốn ngày”, để có thể đến với chiến trường.

Ông cũng giỏi trong việc tìm ra các lối thoát. Trước khi rời London, ông đã sắp xếp để tờ *Morning Post* đồng ý trả cho ông mỗi cột 15 bảng. Điều này không hoàn toàn tương thích với cam kết được đưa ra bởi Lady Jeune trong lời thỉnh cầu vô hiệu mới nhất bằng điện tín đến Kitchener: “Hy vọng ông sẽ nhận Churchill. Hãy bảo đảm rằng anh ta sẽ không viết”. Tuy nhiên, hoàn toàn dễ hiểu

theo quan điểm về các điều khoản khá lạnh lùng mà Bộ Lục quân đặt ra cho cuộc hành trình của ông đến Cairo và bản đánh kèm cho Trung đoàn Kỵ binh số 21: “Chúng tôi hiểu rằng ông sẽ tiến hành với chi phí của chính ông. Và rằng trong trường hợp bị giết hoặc bị thương trong các cuộc hành quân sắp tới, hoặc vì bất cứ lý do nào khác, Lục quân Anh sẽ không phải chịu bất kỳ một trách nhiệm nào”.

Hầu như ngay sau khi Churchill trình diện với viên đại tá của Trung đoàn Kỵ binh số 21 tại doanh trại Abbasiya Barracks ở Cairo thì trung đoàn đã khởi hành chuyển viễn chinh dài 1.400 dặm về phía nam. Ông có mặt tại Luxor vào tháng 8, chỉ tám ngày sau khi rời London, và ở Atbara, nơi xảy ra trận chiến vào tháng 4 đã kích thích ước muốn đi ít nhất là 8.000 dặm của ông để có mặt tại những cuộc đụng độ tiếp theo nhằm chống lại người thừa kế của Mahdi, vào khoảng ngày 15 tháng 8. Từ đó, vào ngày 24, Kitchener đã bắt đầu cuộc tiến quân cuối cùng đem lại chiến thắng trong trận chiến Omdurman vào ngày 2 tháng 9. Lúc đầu, Churchill đã không có chút ấn tượng nào đối với trung đoàn biệt phái của ông. Vào cuối tháng 8, ông viết cho mẹ: “Trung đoàn Kỵ binh số 21 nói chung không phải là chỗ tốt để con tham gia và con muốn được bổ nhiệm vào Bộ Tham mưu Kỵ binh Ai Cập hơn”.

Viên sĩ quan được “phân bổ về Bộ Tham mưu Kỵ binh Ai Cập” trong chiến dịch này là đại úy Douglas Haig. Trong thực tế, có điều đáng để ý là nhiều gương mặt vĩ đại của Thế chiến I lại thuộc vào một đoàn quân tiểu phạt và bình định tương đối nhỏ 16 năm trước khi cuộc chiến bùng nổ. Đại úy Rawlinson (sau này là đại tướng Lord Rawlinson chỉ huy Quân đoàn Anh thứ tư tại Pháp, đơn vị gánh chịu nhiều tổn thất trong cuộc tấn công sau cùng và gần như thành công của đại tướng Đức Ludendorff vào mùa xuân năm 1918) cũng hiện diện trong Bộ Tham mưu của Kitchener. Và vào buổi tối trước trận chiến Omdurman, khi đi dạo bên bờ sông Nile, Churchill được một người từ một pháo thuyền chào hỏi. Đó là “trung úy hải quân Beatty” (về sau, cùng với Jellicoe, là một trong hai vị đô đốc hải quân Anh nổi tiếng nhất trong Thế chiến I), người ném một chai

champagne lớn lên nửa đường đến bờ. Churchill sung sướng lợi nước lên đến đầu gối để lấy lại chai rượu. Địa vị của Churchill sau năm 1914, một bộ trưởng rất trẻ (40 tuổi), tùy thuộc rất nhiều vào kiến thức sâu rộng của ông về các vị chỉ huy lục quân và hải quân, hơn bất cứ ai khác trong số các đồng nghiệp cấp bộ trưởng như ông (ngoại trừ Kitchener). Nhưng đây không phải là một lợi thế rõ ràng. Ít nhất nó nuôi dưỡng tính ghen tị nhiều không kém gì tình bạn.

Sau đó, Churchill sửa đổi một cách đáng kể quan điểm của ông về trung đoàn này theo chiều hướng thuận lợi. Ngày 16 tháng 9, ông đã viết cho người bạn “đi cùng chuyến tàu từ Ấn Độ”, đại tá Ian Hamilton rằng: “Tôi không bao giờ gặp những quân nhân nào *cừ* hơn so với các thành viên của Trung đoàn Kỵ binh số 21. Tôi không có ý nói rằng tôi ngưỡng mộ kỷ luật hoặc sự đào tạo tổng quát của họ - cả hai đều kém theo ý kiến của tôi. Nhưng họ là những người lính Anh thuộc loại sáu năm - và mỗi thành viên là một người thông minh biết chính xác mình muốn gì. Đức tin của tôi vào dòng dõi và huyết thống của chúng ta đã được củng cố rất nhiều”.

Điều này xảy ra sau cuộc đột kích khá nổi tiếng và cũng khá vô ích của kỵ binh vào ngày 2 tháng 9. Sự dũng cảm tuyệt vời đã được thể hiện. Ba huy chương Anh dũng Bội tinh Victoria đã được trao cho trung đoàn. Nhưng như Hầu tước Anglesey VII đã viết trong cuốn thứ năm vào năm 1982 của bộ sách cuối cùng của ông “*Lịch sử Kỵ binh Anh*” (*History of the British Cavalry*): “Như với lữ đoàn khinh kỵ binh ở Balaclava 44 năm trước, phần vô ích và kém hiệu quả nhất của trận đánh lại được ca ngợi một cách phỉ phàm nhất”. Trận đánh này không hiệu quả vì nó gây ra thương vong nặng nề như nhau cho cả quân Anh lẫn quân Dervish, và trong trường hợp mà quân đội tại chỗ của họ đông hơn rất nhiều nhưng chúng ta lại có “súng liên thanh Maxim”, điều này không khó có thể được xem là một chiến thắng. Trung đoàn Kỵ binh số 21 chịu tổn thất gồm một sĩ quan và hai mươi người lính thiệt mạng, bốn sĩ quan và 46 người lính bị thương, trên một lực lượng chỉ hơn 300 quân. Ngoài ra, sự mất mát nghiêm trọng cho một trung đoàn kỵ binh là 119 con ngựa đã bị giết. Chỉ có 23 người

của các lực lượng chống đối bị giết, điều làm cho người ta nghi ngờ lời tuyên bố của Churchill rằng với khẩu súng lục được sử dụng thay vì một thanh kiếm vì vai bị trật khớp, ông đã giết “nhiều kẻ khả nghi”. Tuy nhiên, chắc chắn ông đã hoàn thành nhiệm vụ với huy chương và thậm chí được trọng vọng. Như thường lệ, ông đã sống một cuộc sống quyến rũ, “mà không một sợi lông trên con ngựa của tôi hay một manh áo nào của tôi bị chạm tới, rất ít người có thể nói như vậy”. Và một chiến thắng đã được bảo đảm, nếu không phải do sự dũng cảm của Trung đoàn Kỵ binh số 21, thì ít nhất cũng là do việc triển khai quân ít liều lĩnh hơn của những người lính bình tĩnh hơn. Omdurman, thủ phủ của Abdullahi Khalifa, người thừa kế của Mahdi *đã chết mười hai năm trước*, bị chiếm đóng trong khoảng một ngày, và giai đoạn này của chiến dịch đã kết thúc. Các quân nhân thuộc Trung đoàn Kỵ binh số 21, cùng với Churchill, đã rút quân và bắt đầu cuộc hành trình trở về. Nhưng một lần nữa trích dẫn lời của Lord Anglesey, “Thật khó mà tưởng tượng được một cuộc truy kích nào kém hiệu quả hơn”. Khalifa chỉ bị bắt hơn một năm sau đó. Lúc đó Churchill cũng có lời chỉ trích tương tự. Nhưng ông chỉ trích Kitchener còn nhiều hơn về sự tàn nhẫn của viên tướng đối với các chiến binh Dervish bị thương tại mặt trận và sự báng bổ thần thánh của ông này đối với ngôi mộ của Mahdi tại Omdurman, kể cả việc ông (Churchill) tin rằng Kitchener lấy hộp sọ của Mahdi làm bình mực. Ở thời kỳ ấy, vì một lý do nào đó, Churchill thù địch với Kitchener. Tuy nhiên, trong *The River War*, mà vì kích cỡ và quy mô của nó, là một thành quả còn gây ấn tượng nhiều hơn nữa. Với cách sắp xếp tập trung hơn trong những cuốn sách trước đó, ông vẫn duy trì lời chỉ trích với mục đích gây tổn thương, mặc dù đã làm dịu chúng bằng cách tỏ ra tôn trọng định hướng chiến lược chung của Kitchener.

Trong tác phẩm *My Early Life*, Churchill đã viết một cách khá mỉa mai rằng: “Sự thất bại và hủy diệt của quân đội Dervish rất hoàn chỉnh. Rằng Kitchener keo kiệt đã có thể không cần đến các dịch vụ tốn kém của một trung đoàn kỵ binh Anh. Ba ngày sau trận chiến, Trung đoàn Kỵ binh số 21 bắt đầu chuyển trở về miền bắc”. Churchill tiến nhanh hơn hầu hết những người khác. Rốt cuộc ông

chỉ được “biệt phái” chứ không thể “bám trụ” vào Trung đoàn Kỵ binh số 21 và sự phấn khích đã qua đi. Ông trở lại Anh vào đầu tháng 10 và ở đó hai tháng. Ông đã làm việc chăm chỉ với cuốn *The River War* và với tương lai của chính mình. Ông quyết định rời khỏi quân đội, điều có thể xem là một hành động tiết kiệm vì như vậy mỗi năm ông sẽ tiết kiệm được 500 bảng Anh thay vì cuộc sống xa hoa ở Trung đoàn Kỵ binh số IV. Nhưng điều này mang tính mạo hiểm ở chỗ nó có nghĩa là từ bỏ thu nhập đều đặn và phụ thuộc hoàn toàn vào thu nhập qua việc viết lách (càng ngày càng tăng nhưng lại bấp bênh). Động lực chính của nó là để tìm kiếm một ghế trong Quốc hội, mà trước mắt, cũng chỉ kéo theo chi phí chứ không phải thu nhập. Mặc dù, sau cùng ông có thể kỳ vọng sẽ củng cố được danh tiếng của bản thân và do đó làm tăng giá trị của cả việc diễn thuyết lẫn viết văn. Điều này đã được thực hiện một cách ngoạn mục, với kết quả bắt đầu vào cuối năm 1901 và tiếp tục trong gần 60 năm. Nhưng đây là điều khó mà tin được vào thời điểm đó, và quyết định của ông do đó phải được xem là một cuộc đánh cược lớn chứ không phải nhỏ. Hơn nữa, ông quyết định trở lại Ấn Độ vào ba tháng cuối cùng, chủ yếu để chơi polo, để được hưởng một lần cuối chút xa hoa của Trung đoàn Kỵ binh Hussar số IV.

Ở Anh vào mùa thu năm đó, ông theo đuổi các cuộc tiếp xúc chính trị và diễn thuyết tại ba cuộc họp của Đảng Bảo thủ - ở Rotherhithe, Dover và Southsea. Ông khôn ngoan bồi dưỡng các tay chân trong đảng, đặc biệt là đại úy Middleton tại Văn phòng Trung ương Đảng Bảo thủ, các chủ báo và biên tập viên. Và ông tán tỉnh cô Pamela Plowden, người mà ông đã gặp vài năm trước ở Ấn Độ. Bị thu hút mãnh liệt bởi nhan sắc của cô nhưng vẫn dùng giọng điệu trêu chọc trong các lá thư, ông luôn đề cập đến vẻ hấp dẫn của cô, nhưng rõ ràng ông không có đủ tiền để tổ chức đám cưới. Vào năm 1902, cô kết hôn với bá tước Lytton đệ nhị, và sống lâu hơn Churchill sáu năm. Họ vẫn giữ tình bạn cho đến ngày ông mất.

Ngày 2 tháng 12, Churchill bắt đầu lên đường cho chuyến đi thứ ba (và cuối cùng, ông không bao giờ quay trở lại sau những ngày sống đời kỵ binh của

mình) đến Ấn Độ. Theo tuyến đường quen thuộc Brindisi - Bombay, ông đã đến Bangalore một tuần trước lễ Giáng sinh, và ở lại đó, giai đoạn cuối của cuộc sống quân nhân chính quy của Trung đoàn Kỵ binh số IV. Cho đến giữa tháng 1 năm 1899, ông bắt đầu lên đường, đầu tiên đến Madras và sau đó đến Jodhpur và Meerut để chơi polo trong sáu tuần. Điều này lên đến cực điểm, rất thỏa đáng, khi Trung đoàn Kỵ binh Hussar số IV đánh bại Trung đoàn Kỵ binh số II trong trận chung kết và giành chức vô địch. Cũng như với số quân nổi dậy bị ông đích thân bắn hạ trong trận Omdurman, có một số nhầm lẫn về số trận thắng polo do công lao, tài nghệ của ông. Tuy nhiên, có điều chắc chắn rằng ông là một thành viên tài giỏi của bộ tứ (đội polo). Chụp ảnh với các cầu thủ khác, ông nổi bật như người trẻ tuổi nhất và cũng ít giống một phiên bản sân khấu của một sĩ quan kỵ binh *có râu mép* cuối thời kỳ Nữ hoàng Victoria nhất.

Ông luôn phải chơi với cánh tay trái bị buộc vào hông vì vết thương cũ ở vai. Nhưng tại Meerut, ông đã làm vấn đề trở nên phức tạp qua việc ngã xuống cầu thang tại phủ Toàn quyền của Sir Bindon Blood. Chắc chắn họ đã nghĩ rất nhiều đến những ngày tại Malakand. Ông bị bong gân cả hai mắt cá chân, bị bầm tím đáng kể và nói chung ở trong tình trạng của một người “bị thương nhưng vẫn còn đi được”. Tuy nhiên, các đồng đội cứ khẳng khẳng nài ông chơi. Tính cách của ông là như vậy. Một người đàn ông chỉ thích làm những việc *mà ông làm giỏi* và nói chung không quan tâm đến những quả bóng, và không bao giờ bị quyến rũ bởi môn thể thao golf, lại chơi polo cho đến năm 50 tuổi, khi trở thành Bộ trưởng Tài chính.

Sau Meerut, ông khởi hành chuyến tham quan mùa đông thứ ba tại Calcutta, và lần này trong một tuần với phó vương mới bổ nhiệm, George Nathaniel Curzon. Người đàn ông mà ông từng gọi là “đứa con cứng hừ hống của chính trị... điển hình hóa của kẻ hợm hĩnh xuất thân từ lò Oxford” hai năm trước đó. Dưới ảnh hưởng của sự hiếu khách của phó vương (hoặc thậm chí của thông báo mà nó ngụ ý), ông hoàn toàn thay đổi quan điểm về “thượng cấp”. Trong lá thư cuối cùng gửi cho bà nội dòng Marlborough² đề ngày 26 - 3 - 1899, ông viết:

“[Cháu] đã có cuộc nói chuyện lâu dài và thú vị với Lord Curzon. Cháu hiểu sự thành công mà ngài đã đạt được. Ngài là một người đáng chú ý và thật đáng ngạc nhiên, cháu thấy ngài có một phong cách duyên dáng tuyệt vời. Cháu đã không mong đợi điều này khi đọc các bài phát biểu của ngài. Cháu nghĩ rằng chức vụ phó vương của ngài sẽ là một tín hiệu thành công. Cả hai đều rất được ưa thích”. Chuyến thăm Calcutta đã được tăng cường bởi sự hiện diện của hiệu trưởng cũ của ông, tiến sĩ Welldon, người đã trở thành giám mục ở đó.

Ông kể với mẹ về gia đình Curzon bằng những lời lẽ tương tự, người mà ở giai đoạn này không có ý định thành lập một tạp chí văn học. Đối với ý tưởng chung, ông cũng nhiệt tình như bà. Nhưng ông lại muốn nó có được “sự xuất sắc có tính cách tài tử” khiến hội đủ điều kiện để những người có học ở Paris, Petersburg, London hay New York cùng đọc. Và hơn thế nữa, có thể đem lại cho gia đình con số thu nhập rất cần thiết là 1.000 bảng mỗi năm. Rõ ràng điều đó là không thể. Được đặt tên một cách không thích hợp (theo quan điểm của Churchill) là *Anglo-Saxon Review*, nó đình bản sau 10 số báo ra hàng quý.

Như vậy, nó không đóng góp gì vào quỹ vận động cho một bước đột phá chính trị mà ông say mê tạo ra cho được và gần như bị ám ảnh. Sự thôi thúc và ý thức về sự nghiệp/thiên hướng chính trị của ông đã tuôn tràn với sức mạnh ngày càng tăng. Sau một số nhận xét ủng hộ Salisbury (“Ông ấy là một người tuyệt vời”) và chống Joseph Chamberlain (người đã “thua quá xa”), ông đã chứng minh nhận xét của mình bằng cách thêm vào trong lá thư gửi vào tháng 1: “Tôi cảm thấy điều đó theo bản năng. Tôi biết rằng mình đúng. Tôi có năng khiếu về những điều này, có thể do di truyền. Cuộc đời thật thú vị và tôi tiêu thời gian một cách nhanh chóng và xứng đáng. Nhưng tôi không có quyền dây dưa, lãng phí thời gian trong các thung lũng của lạc thú. Nếu tôi không thoát ra được thì thật là một điều khủng khiếp. Nó sẽ làm tan nát trái tim tôi vì tôi đã không có gì để bám vào ngoài tham vọng”.

Sau khi đi Calcutta, ông trở về Bangalore và trung đoàn của ông chỉ trong bốn ngày để thanh toán nợ nần, và ông đã may mắn có lãi tuy ít ỏi. Ông đáp tàu

thủy từ Bombay vào ngày 20 tháng 3, chưa được 30 tháng kể từ khi đến đó lần đầu tiên. Mặc dù trong vài năm đầu thập kỷ 1930, Ấn Độ chi phối hoạt động chính trị và gây thiệt hại đáng kể cho triển vọng chính trị của ông, nhưng ông không bao giờ cảm thấy cần thiết phải đổi mới kiến thức trực tiếp của mình về tiểu lục địa này. Ông coi đó là một biểu thức địa lý, và “không có gì khiến nó mang tính cách một quốc gia hơn là đường xích đạo”.

Ông đã bỏ ngang cuộc hành trình về nhà ở Ai Cập và đi Cairo trong gần hai tuần, ở tại khách sạn Savoy, và cố gắng tích lũy kiến thức càng nhiều càng tốt để viết tiếp cuốn *The River War*, lúc đó sắp sửa hoàn tất. Nguồn khích lệ giá trị nhất của ông là Lord Cromer, người đứng đầu chính quyền nước này, người mà mối quan hệ với ông trở nên ít nhất là tốt ngang với mối liên hệ tồi tệ giữa Churchill với Kitchener. Cả hai không thể không liên quan với nhau. Cromer bày tỏ sự ngưỡng mộ chung đối với văn bản ông đã được yêu cầu đọc, mặc dù không phải không có suy nghĩ rằng Churchill chắc có vấn đề. Ngày 2 tháng 4, ông đã viết: “Tôi biết rằng nhận xét của tôi là nghiêm khắc, và cậu rất hợp lý khi ghi vào óc như chúng đã được dự định”. Một trong những điều mà ông cho rằng Churchill đúng là về tướng Charles Gordon, nạn nhân cuộc bạo loạn của Mahdi năm 1884-1885, người mà đối với hầu hết công chúng Anh là một vị anh hùng. Sau khi được Cromer mời dự bữa tiệc trưa lần đầu tiên và nghe bài phê bình dài hai giờ rưỡi của chủ nhà về cuốn sách của mình, hơi bối ngỡ, tác giả trẻ đã viết:

Điều mà tôi học hỏi được lúc đó khiến tôi thấy cần phải *sửa đổi một cách đáng kể* [một trong những trường hợp tách rời dạng động từ nguyên mẫu (to considerably modify) rất hiếm hoi của Churchill] chương trước đề cập đến đoạn nói về Gordon. Tôi cảm thấy rằng sẽ không thể hy sinh tất cả các cụm từ hay các đoạn thú vị tôi đã viết về Gordon. Nhưng Cromer rất khó chịu về ông ấy và xin tôi đừng xúi giục mọi người tin tưởng vào nhân vật này. Đương nhiên, chắc chắn Gordon không hề có một chút hy vọng trở thành một chính trị gia. Ông là một người rất thất thường, đồng bóng, hoàn toàn không đáng tin cậy, quá

thường xuyên thay đổi tâm trạng, tính tình khả ố, thường xuyên say rượu. Nhưng nói chung, ông rất có ý thức về danh dự và có khả năng tuyệt vời. Tuy nhiên, tính bướng bỉnh của ông lại còn lớn hơn nữa.

Gần như không một ai nghi ngờ rằng Cromer là một trong số ít người thành công trong việc thiết lập một hỗn hợp của uy lực đạo đức và trí tuệ đối với Churchill. Con người gần như không thể kiểm chế của thời kỳ này được xem là tốt, nhưng một cách gần như vô thức. Như từ sự ghi nhận của ông về việc Cromer đưa ông đi gặp phó vương ở Ai Cập: “Tôi đã rất thích thú qua việc quan sát các mối quan hệ giữa đại diện của nước Anh và nhà cai trị về mặt pháp lý của Ai Cập. Thái độ của vị phó vương ở Ai Cập gợi cho tôi nghĩ đến một học trò được dắt đến gặp một học trò khác trước sự hiện diện của hiệu trưởng”.

Churchill đã trở lại Anh qua ngả Marseille vào giữa tháng 4, và gần như ngay lập tức lao đầu vào hoạt động chính trị. Đầu tiên, ông đã sử dụng tối đa sản nghiệp thừa kế của mình để làm thân với những người có thế lực và danh tiếng. Ngày 2 tháng 5, ông tham dự một bữa tiệc tối với cả Balfour lẫn Asquith - và có vẻ như ít sợ hai vị thủ tướng tương lai hơn sợ Cromer: “Tôi nghĩ rằng A.J.B. rõ ràng lịch sự với tôi, đồng ý, và hoàn toàn chú ý đến, tất cả những điều tôi nói. Theo ý kiến của tôi thì tôi đã nói chuyện tốt và không quá nhiều”.

Ông diễn thuyết tại các cuộc họp của Đảng Bảo thủ ở Paddington (cơ ngơi cũ của cha ông) và ở Cardiff vào giữa tháng 5. Tuy nhiên, sự quan tâm vào chính trị của ông trở nên tập trung vào Oldham, thị xã mà kỹ nghệ bông vải có vị trí thống trị mạnh mẽ ở Lancashire, ngay phía bắc của Manchester. Đó là một chức vụ *gồm hai thành viên* tại Quốc hội, một trong khoảng 30 thành viên trong loại này ở lại trong việc tái phân bố chức vụ chung *một thành viên* vào năm 1885 từ những gì trước đây là mô hình thị xã cũ. Năm 1895, nó đã trả về hai đảng viên Bảo thủ không xuất sắc lắm. Vào năm 1899, một trong số họ không khỏe và muốn từ chức. Thành viên kia (Robert Ascroft) nghĩ rằng Churchill sẽ là một ứng viên thích hợp trong cuộc bầu cử phụ và là ứng viên phó của mình trong một

cuộc tổng tuyển cử trong tương lai. Ông triệu tập Churchill đến gặp mình tại Hạ viện. Và để tìm hiểu quan điểm của Churchill một cách thích hợp, Ascroft đã bố trí cho Churchill đi Oldham vào tháng 6 và diễn thuyết tại một cuộc họp. Churchill đã đồng ý một cách sốt sắng, như bất kỳ ứng viên tiềm năng nhiệt tình nào khác sẽ làm. Nhưng ông đã đề nghị rằng, người bà con của ông, Quận công Marlborough, hầu như cũng trẻ bằng ông, sẽ cùng diễn thuyết chung.

Sau đó, Ascroft làm cho tình hình rối bung lên qua cái chết đột ngột trước cuộc họp, trong khi đồng nghiệp ốm yếu của ông vẫn còn sống, mặc dù đang ở trong tình trạng chờ chết. Bộ máy chính quyền của đảng nghĩ rằng họ có thể dễ dàng bị mất cả hai chức vụ, và quyết định tập trung vào những người ít hy vọng hơn. Do đó, sự kiện bất thường của một cuộc bầu cử phụ kép trong một khu vực bầu cử duy nhất đã được quyết định. Ngày 6 tháng 7 là ngày bỏ phiếu đã ấn định, và Churchill đã được tuyên bố là một trong những ứng viên của Đảng Bảo thủ mà hầu như không phải bàn cãi gì. Ông được 24 tuổi rưỡi, và sự nghiệp chính trị kéo dài 65 năm của ông bắt đầu.

Chương 3

OLDHAM VÀ NAM PHI

Ở Oldham vào tháng 7 năm 1899, Churchill không tự làm mình nổi bật lên cũng không tự làm mình mất mặt. Cùng với ứng viên phó (người mà ông tỏ ra xuất sắc hơn), ông tham gia vào Quốc hội trong sự mất mát hai ghế trước đó do Đảng Bảo thủ nắm giữ. Nhưng cuộc bầu cử đã được tổ chức khi chính quyền đang bị suy sụp, kết quả không làm cho các nhà quản lý và lãnh đạo đảng ngạc nhiên lắm. Và khuynh hướng thay thế nghịch đảo khoảng 2% là vừa phải đối với một cuộc bầu cử phụ *giữa kỳ*.

Churchill có phải là một ứng viên có khả năng không? Trong chiến dịch, bản thân ông đã nghĩ như vậy. Vào ngày 25 tháng 6, ông viết cho mẹ: “Bài phát biểu của con tối qua tại câu lạc bộ đem lại rất nhiều nhiệt tình. Và chắc chắn rằng, nếu ai đó có thể giành được ghế này thì con cũng có thể”. Trong thư (viết vào Chủ nhật trước cuộc kiểm phiếu, trong khi kết quả là khả nghi) gửi cho Pamela Plowden, người mà Churchill đã cố gắng hết sức vẫn không thể lôi kéo đến Lancashire, ông viết: “Cá nhân anh đã tạo được một ấn tượng rất tốt”.

Con số các ứng viên thật là kỳ lạ. Tại cuộc tổng tuyển cử vào năm 1895, cả hai đảng viên Bảo thủ trúng cử lẫn cả hai đảng viên Tự do bị đánh bại đều là những người tương đối ít tiếng tăm. Điều này lệ thuộc vào phẩm cách của Ascroft, người dẫn đầu cuộc kiểm phiếu, với khoảng cách 600 phiếu trước đảng viên Bảo thủ đồng liêu của ông (Oswald QC). Ascroft có lợi thế của tầng lớp lao động (và Oldham là một thị xã của tầng lớp lao động), qua việc ông là luật sư có uy tín cao của Hiệp hội Hợp nhất những người kéo sợi bông, công đoàn chính

của địa phương. Có lẽ mối liên kết này là lý do chính khiến người cùng ứng cử với Churchill trở thành James Mawdsley, tổng thư ký của công đoàn đó tại Lancashire. Điều này thoát đầu được nghĩ là một thủ đoạn thông minh. Số báo *Manchester Evening News* vào ngày 26 tháng 6 viết rằng ông Mawdsley “có thể đưa [Churchill] vào Quốc hội cũng như ông Ascroft quá cố đã đưa ông Oswald vào”. (Ông chắc chắn có thể lực để làm như vậy).

Cặp đôi Bảo thủ mới đã được đặt cho biệt danh “kẻ nổi dôi” (của tầng lớp quý tộc) và “đảng viên Xã hội”, điều được cho là hữu ích. Mặc dù Churchill là một người thừa kế hầu như không có một di sản nào, và Mawdsley là một đảng viên xã hội khả nghi. Sự đóng góp chính của Mawdsley vào cuộc diễn thuyết dường như là một sự lặp lại của câu thần chú hơi chán chường rằng cả hai đều đạo đức giả, nhưng các đảng viên Tự do còn tồi tệ hơn. Hơn nữa, thay vì được coi là người mạnh mẽ của Đảng Bảo thủ, ông đã bị dư luận rộng rãi hơn cho là một kẻ phản bội giai cấp (như Churchill buồn bã phản ánh rất lâu sau đó). “Tuy nhiên, cuối cùng, tất cả các đoàn viên Công đoàn Tự do và Cấp tiến đã đi bỏ phiếu cho đảng của họ. Và chúng tôi đã bị bỏ lại với những người ủng hộ khá khó chịu bởi sự xuất hiện của một đảng viên xã hội độc ác trên diễn đàn”.

Nhóm đảng viên Tự do ghê gớm hơn. Đảng viên cao cấp của nhóm này, Alfred Emmott, gia đình có truyền thống làm nghề dệt của Oldham, là một trong những nhà kéo sợi bông hàng đầu của thị xã. Ông là người mà mới 40 tuổi đã làm việc trong Hội đồng thành phố 18 năm và lại còn là thị trưởng. Ông tiếp tục là thành viên của Oldham trong 12 năm, mà 5 năm sau cùng là chủ tịch các ủy ban trong Hạ viện, và sau đó trở thành một thượng nghị sĩ. Điều bất thường nhất là ông kết hợp việc này cùng việc tham gia vào chính phủ lần đầu tiên và làm thư ký tại Quốc hội trong hai nhiệm kỳ liên tiếp trước khi được thăng chức làm thành viên Nội các trong một thời gian ngắn vào các năm 1914-1915. Trong một lá thư phù phiếm vào cuối tháng 1 năm sau “ghi nhận về một cuộc thi sinh viên giỏi tại đại học Cambridge”, Asquith xem ông ngang bằng (cùng với bốn người khác) trong danh sách về hiệu quả làm việc tại Nội các.

Ứng viên thứ hai còn rực rỡ hơn nữa (mặc dù chỉ được xếp hạng cùng thứ chín trong bảng “ghi nhận” của Asquith) là Walter Runciman lúc đó 29 tuổi. Gia đình của ông gồm các chủ tàu và thậm chí còn giàu hơn gia đình Emmott, nhưng xuất thân từ Tyneside, khu thành phố liên hợp ở miền đông bắc nước Anh. Và chắc chắn một phần lý do này làm ông thua Emmott 200 phiếu. Khác với Emmott, ông đã không ứng cử tại Oldham trong cuộc tổng tuyển cử vào năm 1900. Nhưng sau đó được chấp nhận bởi con số gây bối rối và sự mở rộng của các khu vực bầu cử khác, ông đã tham gia Nội các cùng ngày với Churchill năm 1908, là Chủ tịch Hội đồng Thương mại trong hai năm đầu của Thế chiến I và trong sáu năm của Chính phủ Quốc gia thập niên 1930. Sau đó ông đưa sự nghiệp của mình lên qua việc vạch kế hoạch chia cắt Tiệp Khắc, điều giúp đỡ rất nhiều cho sự đầu hàng của Munich vào năm 1938.

Lớn vồn như một đám mây liên tục trên đầu hai đảng viên Bảo thủ trong suốt cuộc bầu cử phụ kếp là một dự luật về thuế thập phân (Clerical Tithes Bill) do chính phủ Salisbury vừa mới đưa ra. Đây là một dự luật mang tính thiên vị đối với Giáo hội Anh, trực tiếp làm lợi cho thu nhập của hàng giáo sĩ và các khoản thu của các trường thuộc Giáo hội. Nó làm dấy lên sự phản đối kịch liệt của những người không theo quốc giáo. Phần nào vì thuế cộng đồng 90 năm sau đó hầu như được mọi người gọi là thuế thân/bầu cử, nên tên đúng của nó đã chìm trong khẩu hiệu không thân thiện: “Dự luật các khoản phát chẩn của giới tăng lữ (Clerical Doles Bill)”. Thật ra, trong hồi ký của mình, dường như Churchill đã tự thuyết phục rằng đây là tiêu đề thật sự của nó, và vì vậy gọi nó mà không có dấu ngoặc kếp hoặc lời giải thích nào.

Cả Emmott lẫn Runciman đều là những người không theo quốc giáo. Không có gì chắc chắn về tôn giáo của Mawdsley, nhưng không chắc rằng ông là người theo Anh giáo. Vì vậy, thành viên duy nhất mang danh nghĩa của Giáo hội Anh tham gia vào cuộc thi là Churchill, và do đó sức nặng của sự tranh cãi đổ xuống đầu ông.³

Đặc biệt, ông đã quyết định lẩn tránh và bác bỏ dự luật. Điều này có thể đem lại cho ông một ít phiếu bầu hoặc không. Nhưng nó chắc chắn gây nên những lời chỉ trích, từ Arthur Balfour, người sắp sửa thừa kế vai trò lãnh đạo Đảng Bảo thủ, và sau đó từ chính Churchill. Người ta nói rằng Balfour đã tuyên bố: “Tôi nghĩ rằng anh ta là một thanh niên hứa hẹn, nhưng dường như anh ta là một thanh niên của những lời hứa”.

Và nhận định tiếp theo của Churchill là:

“Giữa sự cổ vũ nhiệt tình của những người ủng hộ tôi, tôi tuyên bố rằng, nếu đáp trả, tôi sẽ không bỏ phiếu cho biện pháp này. Đây là một sai lầm khủng khiếp. Thật hoàn toàn vô ích khi bảo vệ các chính phủ hoặc đảng phái, trừ khi bạn bảo vệ điều tồi tệ nhất mà vì đó chúng bị tấn công”.

Điểm cuối cùng có thể là một bản quyết toán phóng đại. Nhưng đúng là khi số phiếu được đếm đã tiết lộ một khoảng cách 7% của cuộc thăm dò giữa Churchill và ứng viên thứ hai bị đánh bại và thuộc Đảng Tự do. Ông rời thị xã, sau khi đã làm quen được vài người bạn tốt tại địa phương, nhưng không kéo theo một chút vinh quang quốc gia nào: “Tooi trở về London với cảm giác về sự xẹp hơi mà một chai champagne, hoặc thậm chí soda, thể hiện khi nó đã được uống hết một nửa và để qua đêm mà không đập nắp. Không ai đến tìm tôi khi tôi trở về nhà mẹ”. Tuy nhiên, có ít nhất một lá thư, từ một người luôn tao nhã (và đôi khi tử tế) và có đầu óc phê phán một cách lạnh lùng, đó là Balfour, gửi cho ông: “Tôi hy vọng cậu sẽ không nản lòng bởi những gì đã diễn ra. Vì nhiều lý do đây là một thời gian rất bất lợi để tham gia vào các cuộc bầu cử phụ... Đừng bận tâm, mọi chuyện sẽ ổn, và sự thất bại nhỏ này không ảnh hưởng xấu lâu dài đối với sự nghiệp chính trị của cậu đâu”.

Mặc dù có “giả dục” này mà một số những lá thư thân thiện từ những nhân vật quan trọng (Salisbury, Joseph Chamberlain, Cromer, Tướng Evelyn Wood) làm giảm đến mức nào đi nữa sự mất mát của cuộc bầu cử phụ và làm tăng tầm

quan trọng của cuốn *The River War* (mà ông hoàn tất vào cuối tháng 7, đem đi xuất bản vào đầu tháng 11, và phân phối một cách rộng rãi), nhưng ông vẫn không cảm thấy rằng mình đã giành được bất kỳ vinh quang nào tại Oldham để vui mừng, thỏa mãn. Chúng không đủ bèn, và trong bất kỳ trường hợp nào ông cũng không phải là một người nghỉ ngơi. Ông vẫn còn cần một môi trường/cơ hội hành động khác. Chiến tranh ở Nam Phi sắp xảy ra vào tháng 9. Cho đến năm 1886, khi vàng được phát hiện ở Witwatersrand, Johannesburg sắp sửa trở thành thành phố khai thác khoáng sản giàu nhất thế giới. Có một tình trạng khó chịu tồn tại giữa những người Boer (người Nam Phi gốc Hà Lan) và người Anh tại Nam Phi. Người Anh chủ yếu ở tỉnh Cape và vùng Natal. Người Boer thống trị vùng Transvaal và thuộc địa Sông Cam, nơi họ thực hiện một nền nông nghiệp gian khổ và sống trong các cộng đồng bị cô lập và gắn bó chặt chẽ với nhau. Các bộ tộc đa số bản địa bị xem thường ở cả hai bên ranh giới. Việc sử dụng đồng rand (đơn vị tiền tệ Nam Phi) phá vỡ sự cân bằng. Sức cám dỗ của vàng đã khiến người Anh và những người thuộc nhiều quốc tịch khác đổ xô vào Transvaal. Người Boer, vốn kiểm soát hoạt động chính trị của tỉnh và của thuộc địa Sông Cam, xem họ là “uitlanders” (người ngoại quốc) và từ chối họ quyền bỏ phiếu và các quyền khác. Dần dần sự căng thẳng hình thành. Nó được minh họa bởi sự phiêu lưu liều lĩnh qua cuộc đột kích của Jameson vào năm 1895 và mong muốn của Cecil Rhodes nhằm phát triển một chủ nghĩa đế quốc Anh lên suốt toàn bộ chiều dài của châu Phi, được nối liền với một đường sắt Cape đến Cairo. Và vào ngày 12 - 10 - 1899, nó đã dẫn đến sự bùng nổ của cuộc chiến tranh giữa nước Anh và hai nước cộng hòa Boer, một cuộc chiến chứng tỏ nhiều khó khăn hơn và kéo dài hơn so với kỳ vọng của người Anh.

Vào ngày 14 tháng 10⁴, Churchill xuống một con tàu của hãng Castle Line để đi đến Cape Town và tiền tuyến. Đó không hoàn toàn là vấn đề phản ứng nhanh và đột ngột. Churchill đã dành nhiều thì giờ dự đoán và lập kế hoạch từ trước. Vào giữa tháng 9, được củng cố bởi một lời đề nghị hấp dẫn của tờ *Daily Mail*, ông đã đạt được một hợp đồng báo chí đặc biệt thuận lợi với tờ *Morning*

Post Ong sẽ được trả 250 bảng/tháng cho công tác kéo dài bốn tháng (tương đương với mức lương 160.000 bảng/năm theo giá hiện nay) cộng thêm tất cả các chi phí. Và trong đầu tháng 10, ông đã nhờ Chamberlain, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có ảnh hưởng nhất, tiến cử với Alfred Milner, vị cao ủy thế lực nhất, với tư cách là “con trai của người bạn cũ của tôi”.

Trên tàu *Dunottar Castle*, Churchill có bạn đồng hành là Sir Redvers Buller, Tổng Tư lệnh Chiến trường vừa được bổ nhiệm, cùng với đội ngũ nhân viên, và (riêng cho Churchill) một lô hàng gửi tuyệt vời gồm 60 chai rượu cùng với một tá nước ép chanh Rose. Hành lý có tính cách bổ sung này thú vị không phải vì kích thước khá khiêm tốn và có vẻ không hợp vì Churchill không bao giờ uống nhiều như người ta vẫn đồn, mà theo cái giá mà hóa đơn tiết lộ. Rượu vang đỏ Claret có giá 2 shilling/chai, rượu porto 3 shilling 6 penny/chai, rượu vang trắng 3 shilling/chai và Scotch whisky 4 shilling/ chai. Các mặt hàng hơi xa xỉ là champagne chính cống có giá 9 shilling/ chai, và rượu mạnh rất lâu đời Eau de Vie 12 shilling 6 penny/chai.

Chuyến đi không được vui vẻ. Sự tìm kiếm không ngừng các cuộc phiêu lưu đường dài của Churchill càng gây ấn tượng hơn qua việc ông ghét cay ghét đắng cuộc sống trên tàu khách ở “khúc quanh của thế kỷ”, điều có vẻ rất hấp dẫn qua một bộ phim về nỗi nhớ quê hương. Ông thường xuyên thấy khó chịu trong người. Ông cũng ghét sự gò bó của một con tàu. Ông viết trong bản tin nhanh đầu tiên cho tờ *Morning Post*: “Một cuộc hành trình bằng tàu biển hiện đại thật là một trải nghiệm ghê tởm”. Tuy nhiên, chiếc *Dunottar Castle* đã đưa ông đến Cape Town vào cuối tháng, lúc cuộc chiến đã bắt đầu. Chiến trường vẫn còn cách xa gần 2.500 dặm. Ông tiếp tục đi xe lửa đến Đông London và sau đó lên một tàu thủy khác (ông lại bị say sóng) đến Durban, nơi mà sự khéo léo của ông (được san sẻ với hai phóng viên khác) khiến ông đến sớm được nửa tuần so với tiến trình nhàn nhã hơn của Buller và nhân viên.

Trong chuyến đi này, ông đã nhận được lời hứa giao việc làm từ Lord Gerard, một người trung niên giàu có, nhưng biết hưởng thụ một cách lịch lãm

và thích phiêu lưu mạo hiểm. Người này đã tìm thấy con đường đi lên bằng cách tham gia vào đội ngũ nhân viên của tướng Buller với vai trò của một sĩ quan phụ tá nhưng cũng là đại tá của trung đoàn kỵ binh Lancashire. Viên đại tá hứa giao cho Churchill làm việc với trung đoàn khinh kỵ binh. Sự mơ hồ trong chức vụ của Churchill, vừa là phóng viên của một tờ báo vừa là sĩ quan hiện dịch cùng lúc, đã trở thành một đặc điểm định kỳ về những cuộc phiêu lưu trong quân đội trước đó của ông. Ông không phải là trường hợp duy nhất. Điều này không đúng với Lord Fincastle trên biên giới tây bắc, và tình trạng của đại tá Rhodes, phóng viên của tờ *The Times* ở Sudan, là không hoàn toàn rõ ràng. Vào những dịp trước đó, chắc chắn Churchill đã tham chiến. Nếu đúng như vậy thì ông khó có thể tuyên bố đã giết chết năm hoặc bảy phiến quân Dervish. Nhưng ở Nam Phi, vấn đề đã nhanh chóng mang một tầm quan trọng đáng kể.

Từ Durban, Churchill ngay lập tức tiếp tục đi 50 dặm về phía bắc đến Pietermaritzburg. Lúc đó là vị trí của quân Anh tại Natal, chưa nói đến triển vọng về một cuộc chinh phục thành công các nước cộng hòa Boer của thuộc địa Sông Cam và vùng Transvaal, đã trở nên bất bênh. Gần như tất cả các lực lượng Anh tại Natal đã đóng cửa ở Ladysmith (thêm 100 dặm về phía bắc), với tuyến đường sắt bị cắt tại Colenso trên sông Tugela. Tại Estcourt, nơi xa nhất về phía bắc mà người Anh có thể đến được, Churchill tình cờ gặp một người quen ở biên giới tây bắc. Đó là đại úy (sau này là đại tướng) Aylmer Haldane (một người bà con của chủ tịch Thượng viện tương lai Lord Chancellor R.B. Haldane), người đã được gọi đi với một xe lửa bọc thép, một hải pháo, và một số đại đội hỗn tạp để dò đường cho một cuộc tiến quân xa hơn nữa. Churchill sẵn sàng chấp nhận cơ hội đi cùng ông. Như ông sẽ viết trong *My Early Life*: “Không một thứ gì có vẻ ghê gớm và ấn tượng hơn so với một tàu lửa bọc thép, nhưng trong thực tế không có gì dễ bị tổn thương và bất lực hơn. Chỉ cần thổi bay một cây cầu hoặc ống cống đã đủ để cho con quái vật bị mắc kẹt, xa quân nhà và không có sự giúp đỡ, phó mặc cho lòng thương xót của kẻ thù. Tình trạng này dường như đã không xảy ra với chỉ huy của chúng tôi”. Những lời chỉ trích của Churchill đối

với “quái vật” này chắc chắn được chứng minh là đúng, mặc dù người ta có thể nhận xét rằng chỉ có các tàu chiến lớn mới tấn công được nó.

Điểm yếu của đoàn tàu đã tự nó chứng minh một cách nhanh chóng và dứt khoát hơn (điểm yếu) của các thiết giáp hạm. Sau khi xâm nhập khoảng 14 dặm, thấy kỵ binh Boer trên những ngọn đồi xung quanh, người ta quyết định rút lui về căn cứ tại Estcourt. Dưới làn hỏa pháo lác đác, “quái vật”, với một người lái tàu dân sự, người đang lo lắng làm sao để có thể ra khỏi khu vực giao tranh, đã chạy 40 dặm/giờ khi nó đã bất ngờ trật bánh. Động cơ, ở giữa tàu, vẫn còn lại trên đường ray, nhưng ba toa xe tải bọc thép chở hàng rơi ra và ngăn chặn đường về.

Haldane tổ chức bắn trả đám quân Boer đang bao vây và bắn phá dữ dội, trong khi Churchill cố gắng đưa những toa xe tải bị hỏng ra khỏi đường ray. Ông đã tạo được uy thế giúp nâng cao tinh thần của người lái tàu bị thương nhẹ và đang lo chạy trốn. Ông thuyết phục ông ta tiếp tục điều khiển tàu, và thành công trong việc húc những toa xe tải sang một bên. Điều này cho phép động cơ và một nửa chiếc tàu, chở những người bị thương, đi khỏi và trở về Estcourt. Churchill vẫn ở giữa cuộc giao tranh nhỏ. Đột nhiên, ông thấy mình phải đối mặt với khẩu súng trường của một kỵ sĩ Boer ở khoảng cách gần 40 mét:

Sáng hôm đó [ngày 15 — 11 — 1899], mặc dù là phóng viên, tôi vẫn đem theo khẩu súng lục Mauser. Tôi nghĩ rằng mình có thể giết chết người đàn ông này. Sau khi suy nghĩ, tôi rất muốn làm như vậy. Tôi cho tay vào thắt lưng, khẩu súng lục không có ở đó. Khi lo dọn đường cho tàu lửa chạy, đi vào trong rồi ra khỏi đầu máy... tôi đã làm rơi khẩu súng... Người Boer tiếp tục nhìn vào máy ngắm, tôi nghĩ hoàn toàn không có cơ hội trốn thoát, nếu anh ta bắn thì chắc chắn sẽ trúng tôi, vì vậy tôi đã đưa tay lên và đầu hàng làm một tù nhân chiến tranh.

Cuối cùng, một nửa đội ngũ đều lâm vào cảnh như vậy. Họ được đưa đến Pretoria, nơi Churchill cùng với các viên chức khác bị tổng giam trong “Trường

khuôn mẫu của nhà nước” (State Model School), đã được chuyển đổi thành một trại tù.

Không có vấn đề gì ngoài sự kiện liệu có phải Churchill đã cư xử với sự dũng cảm đến mức liều lĩnh thông thường hay không trong nỗ lực nán lại trong khoảng trên dưới hai giờ để làm cho tàu chạy trở lại. Người duy nhất chất vấn điều này chính là Churchill. Ông trích dẫn với tính cách bào chữa câu nói của “Napoleon tuyệt vời” rằng: “Khi một người chỉ có một mình và không mang vũ khí thì việc đầu hàng có thể được tha thứ”. Tuy nhiên, có hai điều mơ hồ liên quan đến chuyện ông bị bắt. Việc đầu tiên liên quan đến danh tính của tay thiện xạ Boer, người đã đưa Churchill vào tầm ngắm của mình và là người mà ông có thể đã giết chết nếu ông không làm mất khẩu súng lục. Như kết quả của một cuộc gặp gỡ tình cờ tại London ba năm sau đó, Churchill đã có thể tin chắc rằng người đó là tướng Louis Botha. Botha đã thăng tiến từ chức thủ tướng của Transvaal lên thủ tướng của Liên minh Nam Phi mới được thành lập vào năm 1910 và trở thành nhân vật chủ chốt trong việc bảo vệ quốc gia đó một cách bền vững cho đến chính nghĩa của nước Anh vào năm 1914, cũng như trong việc đánh bại các lực lượng của Đức ở Tây Nam Phi vào năm sau. Ý tưởng rằng họ có thể đã gặp nhau trong cuộc chiến đấu tay đôi và sự kiện người này có thể đã giết chết người kia chiếm một vị trí vững chắc trong tâm trí mãnh liệt và lảng mạn của Churchill. Nhưng có vẻ như đó là một điều bịa đặt vô căn cứ. Ngay cả Randolph Churchill trong tập đầu tiên của cuốn tiểu sử chính thức khổng lồ của mình cũng không thể xác nhận nó. Ông nghĩ rằng lời giải thích có vẻ hợp lý nhất là Botha - người mà vào giai đoạn đó không thể nói tiếng Anh thành thạo - đã bị Churchill hiểu lầm. Botha đã muốn nói rằng ông chịu trách nhiệm chỉ huy tổng quát cả khu vực trong đó sự cố xe lửa bọc thép đã xảy ra và ông không phải là ký sĩ đơn độc ấy.

Chuyện mơ hồ thứ hai là dựa trên cơ sở khả dĩ nào mà Churchill có thể tuyên bố là một người *không tham chiến*, miễn bị bắt giữ, hoặc được thả ngay lập tức nếu vì rủi ro, số phận như vậy đến với ông. Tuy nhiên, trường hợp này không

theo đuổi với sự bất hợp lý, khả nghi đáng kể và sự bèn bỉ tuyệt vời. Ông đã gửi đơn yêu cầu được thả với tính cách *không tham chiến* vào các ngày 18 và 26 tháng 11 (“Tôi luôn tôn trọng tính cách đại diện báo chí của tôi, không tham gia vào việc bảo vệ đoàn tàu bọc thép và hoàn toàn không vũ trang”) và ngày 8 tháng 12. Tuy nhiên, ông đã sẵn sàng để chơi trò hai mặt. Và vào ngày 30 tháng 11, ông đã viết cho trợ lý Tổng tư lệnh tại Bộ Chiến tranh, yêu cầu được phân loại như là một “sĩ quan quân đội”. Bởi vì có tin đồn về một cuộc trao đổi tù binh và ông nghĩ rằng có thể mình sẽ rơi vào tình trạng “xôi hỏng bống không”. Đơn khiếu nại của ông gửi cho người Boer vào ngày 8 tháng 12 có một điểm mới đáng kể: “Nếu được thả, tôi xin hứa danh dự rằng tôi sẽ không phụng sự cho việc chống lại các lực lượng của nước Cộng hòa hoặc cung cấp bất kỳ thông tin ảnh hưởng đến tình hình quân sự nào”.

Lúc đầu vị Tổng tư lệnh Boer dường như hoàn toàn kiên quyết chống lại việc thả Churchill. Ngày 19 tháng 11, từ Ladysmith, tướng Joubert đánh điện tín đi Pretoria: “Tôi yêu cầu quý vị canh giữ anh ta cẩn thận vì anh ta nguy hiểm cho chúng ta. Nếu không, anh ta có thể còn gây ra cho chúng ta nhiều tổn thất nữa. Nói tóm lại, không được thả anh ta trong lúc còn chiến tranh. Chính qua hành động tích cực của anh ta mà một phần của đoàn tàu bọc thép thoát khỏi”.

Tuy nhiên, trong một vài tuần, Joubert thay đổi ý định, và vào ngày 12 tháng 12, chắc chắn bị ảnh hưởng bởi lời hứa danh dự của Churchill. Ông viết: “Nếu tôi chấp nhận lời hứa của anh ta, sự phản đối của tôi đối với việc thả anh ta chấm dứt. Vì một lời hứa danh dự đã được hứa với anh ta và vì anh ta gợi ý sẽ rời châu Phi để trở về châu Âu, nơi anh ta sẽ tường thuật và nói toàn sự thật về những kinh nghiệm của mình. Và nếu chính phủ chấp nhận điều này và anh ta làm như vậy, tôi sẽ không còn phản đối việc trả tự do cho anh ta, mà không chấp nhận một ai khác để trao đổi... TÁI BÚT: Anh ta sẽ nói sự thật chứ? Bọn họ là cùng một giuộc với nhau thôi”.⁵

Trước khi sự thay đổi ý định của Joubert bắt đầu có hiệu lực, Churchill đã

leo qua hàng rào của trường State Model School với ý định làm cuộc hành trình 280 dặm đến lãnh thổ Bồ Đào Nha tại Lourenco Marques. Tự mình xoay sở và không thể nói tiếng Afrikaan lẫn Kaffir, mặc dù được củng cố bởi số tiền lớn đáng ngạc nhiên là 75 bảng tiền mặt (tương đương 3.750 bảng ngày nay), đây là một công việc mạo hiểm nhất. Tuy nhiên, tình trạng của hai người bạn đồng hành, đại úy Haldane và một người thứ ba (có khi được gọi là trung úy, có khi được gọi là hạ sĩ Brockie trong các giấy tờ đương thời) cũng không kém nguy hiểm. Đây là kế hoạch được thực hiện cho đến lúc trốn thoát. Trong thực tế, Brockie là một thượng sĩ thuộc Trung đoàn Khinh kỵ Hoàng gia, người đã thành công trong việc mạo nhận là một sĩ quan đối với người Boer và do đó được giam giữ tại State Model School (thay vì bị giam sau hàng rào dây kẽm gai trong trường đua ngựa ở Pretoria cách trường này nhiều dặm). Hai người bạn đồng hành có thể có được sự bảo vệ chống lại nỗi cô đơn hơn là sự an toàn đối với chuyện bị bắt, mặc dù khả năng nói cả tiếng Hà Lan lẫn tiếng Kaffir có thể có ích.

Tuy nhiên, bản chất của sự nguy hiểm nằm trong sự hiện diện của Winston Churchill, cho dù đi một mình hay có bạn đi kèm. Tính nổi bật, thu hút sự chú ý công chúng của ông bảo đảm rằng cuộc vượt ngục của ông sẽ được báo cáo ngay lập tức lên các lãnh đạo của chính phủ Boer. Và chính phủ này sẽ nỗ lực tích cực nhất để bắt lại ông cho bằng được. Vì lý do này mà ngay từ đầu, Haldane và Brockie đã chống lại việc Churchill cùng tham gia trong nhóm. Họ cũng có thể bị ảnh hưởng bởi một kế hoạch liều lĩnh và quy mô đến mức tuyệt vời mà Churchill và một vài sĩ quan cấp thấp đã hoạch định và ông đã dành trọn năm trang trong cuốn *My Early Life* để kể lại. Họ sẽ không chỉ leo qua hàng rào rồi chuồn đi. Họ sẽ chế ngự 30 cảnh sát bảo vệ đang ngủ gà ngủ gật, thu giữ vũ khí của những người này, chạy vội qua trường đua ngựa, làm điều tương tự, thả 2.000 tù binh Anh ở các cấp bậc khác nhau. Và với lực lượng khá lớn, họ sẽ tiếp quản toàn thành phố, tổng giam các thành viên của chính phủ Kruger, và cầm cự được hàng tuần hoặc hàng tháng, có thể đủ lâu đến lúc chấm dứt chiến tranh. Kế

hoạch cực kỳ lạc quan được các sĩ quan Anh cấp cao hơn tại State Model School bàn bạc trong cuộc họp.

Cuộc chạy trốn một mình của Churchill làm dấy lên cuộc tranh luận rối rắm nhưng phần lớn ngấm ngầm để giải quyết việc Churchill nuốt lời hứa danh dự ở điểm một. Chắc chắn Churchill đã tình nguyện đưa ra những lời cam kết (đáng chú ý nhất trong bức thư của ông ngày 8 tháng 12 gửi chính phủ Boer) mà sau đó ông đã không thực hiện. Ông đã chống lại các lực lượng Cộng hòa trong bảy tháng nữa cho đến khi cuối cùng ông rời Nam Phi vào ngày 7 - 7 - 1900. Và ông đã giao tất cả các thông tin, cả quân sự lẫn phi quân sự, cho Sir Redvers Buller về tình hình ở vùng Transvaal mà ông có. Tuy nhiên, lời hứa danh dự của ông đã không được chấp nhận. Ông đã không được thả mặc dù lẽ ra có thể được thả. Ông đã chạy trốn. Hơn nữa, với tư cách là một sĩ quan quân đội, ông đã phá vỡ các nguyên tắc nếu ông đã đưa ra lời hứa danh dự đó. Nhiệm vụ của ông là cố gắng trốn thoát, và nếu thành công, để có thể tham gia vào các dịch vụ khác. Điều này làm chúng ta cảm nhận ngược về sự mơ hồ trong tình trạng của Churchill mà ông đã nuôi dưỡng chỉ vì ông quá ranh ma, chơi các lá bài khác nhau tùy theo lá nào phù hợp nhất cho lợi thế ngắn hạn của mình. Ông ghét làm một tù nhân, mặc dù chỉ trong 24 ngày. “In Durance Vile” (Trong sự giam cầm ghê tởm) được ông đặt ở đầu chương tự truyện đã cho thấy điều đó. Ông quyết định ra khỏi càng sớm càng tốt. Sự thiếu kiên nhẫn, tính tự cao tự đại, cộng thêm niềm tin rằng phải tiếp tục tìm kiếm sự nổi tiếng mỗi ngày trong cuộc sống ngắn ngủi, tất cả đã đem lại cho ông một cảm giác về cái quyền thiêng liêng là được tự do ngay lập tức.

Cũng không thể lý luận rằng điều mơ hồ này là lời hứa danh dự đã gây nhiều thiệt hại cho các mối quan hệ tương lai của ông với các nhà lãnh đạo Boer của thực thể sẽ *trở* thành Liên bang Nam Phi sau này. Botha, người lẽ ra phải chịu trách nhiệm về việc bắt giữ Churchill, lại đã trở thành bạn thân của ông. Và Smuts, lúc đó là một tướng Boer trẻ tuổi, người sau này trở thành thủ tướng của nước tự trị này, tự hạn chế mình vào việc chỉ đánh điện một cách ngắn gọn vào

ngày 16 - 12 - 1899: “Sự thật là gì trong tin đồn rằng Churchill đã chạy thoát nhưng lại bị bắt một lần nữa?”. Joubert, sĩ quan chỉ huy các lực lượng Boer, ít nhất cũng tạm thời ghi thêm một câu với giọng bức bối:”... Tôi tự hỏi liệu đó sẽ là một điều tốt hay không khi công bố số thư từ về việc phóng thích Churchill để cả thế giới biết anh ta là một kẻ vô lại như thế nào”.

Vấn đề thứ hai, lâu dài và tinh tế hơn là liệu Churchill đã hành động tồi tệ qua việc trốn đi một mình hay không? Đây là một cái nhìn bấp bênh (nếu không phải là bắt buộc) bởi Haldane, bởi Brockie (chết trong một tai nạn mỏ vàng tại Rand vài năm sau đó), trung úy Frederick le Mesurier của trung đoàn bộ binh Dublin, người thành công trong việc trốn thoát cùng với Haldane và Brockie ba tháng sau đó (ông thiệt mạng trong trận Ypres Salient vào năm 1915), và bởi trung úy Thomas Frankland thuộc cùng trung đoàn, cũng bị giết trong cùng một năm ở Gallipoli, và cũng là người liên quan chặt chẽ với cả hai cuộc vượt ngục vào tháng 12 và tháng 3.

Quan điểm của Haldane là vững chắc nhất. Một phần vì ông sống lâu nhất (đến năm 1950), và để minh họa, ông đã gửi cho Churchill một bản sao của hồi ký năm 1948 của mình với một lời đề tặng nồng ấm. (Frankland cũng đã làm như vậy, mặc dù với một cuốn sách ít mang tính duy ngã bằng, rất lâu trước đó, cùng năm với đám cưới của Churchill - năm 1908). Cốt lõi lời phàn nàn của tướng Haldane (lúc này đã thành tướng) là khi thực hiện cuộc vượt ngục một mình, Churchill đã bỏ rơi hai người kia. Ông làm cho sự chạy trốn của họ trở thành chậm trễ, và rằng ông đã làm như vậy mà không tham khảo ý kiến những người khác. Haldane theo dõi lời tuyên bố của Churchill là đã nhận được sự đồng ý của Brockie cho chuyến đi của mình, và đem Brockie đi cùng trong chuyến này. Điều rõ ràng là cuộc vượt ngục đã được lên kế hoạch cho đêm hôm trước, nhưng bị hoãn lại, rõ ràng với sự thỏa thuận *ba bên*, cho đến buổi tối sau đó (ngày 12 tháng 12) bởi vì sự bố trí của lính gác tỏ ra không thuận lợi. Một lần nữa, cơ hội có vẻ chưa chín muồi, do đó, Haldane và Brockie đi ăn một bữa ăn tối vội vã, với ý định sẽ thử lại lần nữa vào đêm đó. Ở giai đoạn này, Churchill bị

mất kiên nhẫn và leo qua hàng rào một mình. Có một điều khó hiểu là, ông có biết rằng cuộc trì hoãn thứ hai đã được đình chỉ trong đêm đó thôi hay không. Có lẽ có, vì ông tuyên bố đã chờ đợi những người khác từ 1g30 đến 2g00 ở phía bên kia của hàng rào, trong nguy cơ bị bắt giữ đang rình rập. Sự chờ đợi này (bất kể trong thời gian chính xác bao lâu) được xác minh bởi sự kiện Haldane đã ghi lại cuộc nói chuyện tuyệt vọng với ông qua hàng rào, trong thời gian đó, ông tặng cho Churchill la bàn và một ít sôcôla. Một điều khó hiểu nữa là tại sao Haldane và Brockie cho rằng việc Churchill được chấp thuận lại cản trở việc họ đi theo, cũng không nghe báo động gì cả.

Cho đến nay không có bất cứ một sự mâu thuẫn nào khác về bằng chứng. Những bằng chứng tự nhiên giữa hai nhân chứng trung thực, với tính khí khác nhau, cùng mô tả một tai nạn xe hơi mà họ đã quan sát từ các bên đối diện của đường phố, đặc biệt nếu họ đã nhớ lại điều đó sau một khoảng thời gian dài, là đáng tin. Lời khiếu nại của Haldane được trình bày một cách rõ ràng trong một biên bản ghi nhớ (6.000 từ) mà ông đã phác thảo vào năm 1924 và sau đó khai triển thêm vào năm 1935.

Việc quay ngược trở lại vấn đề này một lần sau 25 năm và một lần nữa sau 36 năm, cho thấy một nỗi ám ảnh và mâu thuẫn với lời tuyên bố của ông (trong bản ghi nhớ) rằng: “Tôi quyết định nói càng ít càng tốt. Đó là cách xử sự mà tôi đã luôn theo đuổi trong vấn đề này”. Mặt khác, Haldane không bao giờ tìm cách xuất bản biên bản ghi nhớ, thậm chí cả trong hồi ký cũng không. Khi qua đời, ông gởi nó, và phần còn lại của cuốn nhật ký của mình, trong Thư viện Quốc gia Scotland, nơi mọi người ta có thể đến tham khảo, mặc dù người ta chưa bao giờ có ý định công bố nó. Cốt lõi của những lời phê bình của ông như sau:

[1] Tôi phải thừa nhận rằng đã rất ngạc nhiên và phần nộ khi tìm thấy chính mình bị bỏ rơi trong lúc hoạn nạn, vì Churchill đã bỏ đi với kế hoạch mà tôi đã suy nghĩ một cách cẩn thận hoặc những gì ông biết về nó, và chỉ đơn giản là “phồng tay trên” của tôi.

[2] ... Sự thật là tại Pretoria tôi đã suy nghĩ đến *ba* người còn ông chỉ nghĩ đến *một* người mà thôi, đó là chính bản thân ông...

[3] Phải chi Churchill có được sự can đảm đạo đức để thừa nhận rằng, trong sự phấn khích của thời điểm này không thấy một cơ hội trốn thoát và không thể cưỡng lại sự cám dỗ để lợi dụng lợi thế của nó, mà không nhận ra rằng nó sẽ làm hại cho cơ hội thoát thân của bạn đồng hành của mình, thì mọi chuyện đã có thể tốt hơn rồi. Nhưng không phải như vậy, và bước sai, một khi được thực hiện, làm cho việc rút chân ra trở nên khó khăn. Còn nếu đã được dự tính kỹ, sự khó khăn sẽ tăng gấp cả ngàn lần, cho đến khi, với thời gian trôi qua, điều đó trở thành *không thể*. Vì những gì có thể được bỏ qua trong cách tiếp nhận tự phát của một thanh niên bốc đồng 25 tuổi, sẽ bị lên án ở người đàn ông trưởng thành.

Nhằm làm giảm nhẹ hơn nữa việc Haldane vẫn tiếp tục nuôi dưỡng với bất cứ giá nào vấn đề đã kéo dài gần nửa thế kỷ, Churchill đã biến Haldane thành nạn nhân của các đợt khiêu khích liên tiếp của mình khi tiếp tục công bố những lời giải thích về những sự kiện xa xôi mà Haldane đã không đồng ý. Gần như ngay sau khi các sự kiện được mô tả, Churchill đã có hai cuốn ký sự về Nam Phi được bán tại các hiệu sách. Cuốn *London to Ladysmith via Pretoria* ra đời vào tháng 5 và bán được 14.000 bản. Tiếp đến là cuốn *Ian Hamilton's March* vào tháng 10 với 8.000 bản được bán ra. Rồi, gần một thế hệ sau, vào giữa các năm 1923-1924 ông viết hai bài báo trên tạp chí *Strand Magazine* kể lại cuộc chạy trốn. Những bài viết này chắc chắn khiến Haldane trình bày ý kiến riêng về sự việc theo cách nhìn của ông đối với vấn đề vào năm 1924. Và vào năm 1930, Churchill xuất bản rất thành công cuốn *My Early Life*, và được nhiều người khen ngợi. Trong đó không ít hơn 10 chương (trên tổng số 29 chương) được dành cho Nam Phi, với số chương ít hơn nói về việc bị bắt giữ và chạy trốn. Trong khi Haldane mất năm năm để phản ứng đối với chuyện này, thì bản mở rộng năm 1935 dựa trên bản năm 1924 của ông có thể được xem như hành động khó chịu

là khơi lại đồng tro tàn dĩ vãng. Nhưng Haldane bào chữa rằng, những đồng tro tàn không thể để cho nằm âm ỉ bởi “bên kia”.

Có một sự cố từ trước khác, trong mối quan hệ Churchill - Haldane rất có thể đã để lại một “chất lắng” đáng kể trong tâm trí Haldane. Năm 1912, Churchill tin rằng ông đã bị phỉ báng trên tờ *Blackwood's Magazine* qua câu hỏi liệu ông đã phá bỏ lời hứa danh dự của mình hay không. Ông bắt đầu hành động và nhờ người bạn thân của mình F. E. Smith, sau này là Lord Birkenhead, và không phải là vị cố vấn hoàng gia (luật sư thượng hạng) cao quý nhất, hành động cho mình. Họ muốn Haldane, lúc đó là một chuẩn tướng đang chỉ huy tại Kent, đưa ra bằng chứng về Churchill. Haldane đã không muốn làm như vậy, mặc dù ông cũng kiên quyết không đấu đá với Churchill. Một loạt tấn công được tung ra: một giấy triệu tập từ Bộ Hải quân Hoàng gia để gặp vị Chủ tịch Hội đồng Hải quân, như Churchill đã trở thành, và sức ép buộc gặp Smith để giúp chuẩn bị tài liệu báo cáo. Haldane đã lảng tránh một cách hiệu quả, nhưng thấy cách tiếp cận huyên náo khó chịu. Nó nhắc ông nhớ đến một dịp khi Churchill, trong nỗ lực nhằm được chấp nhận làm một phần của nhóm vượt ngục Haldane - Brockie, đã nhằm lẫn cố gắng thu hút Haldane với lời hứa về vinh quang của việc được mọi người biết đến: “[Ông] đã đưa ra làm mọi thứ bằng cách nói rằng, nếu thành công, ông sẽ làm cho tên tuổi của tôi nổi bật lên cho mọi người đều biết. Nói cách khác tôi nên chia sẻ “trong một ngọn lửa chiến thắng” chẳng hạn như, theo bản ghi chép về cuộc trốn thoát của ông trong tạp chí *Strand*, ông đã được hưởng khi đến Durban. Nhưng quảng cáo đã không bao giờ thu hút tôi”.

Câu cuối cùng chắc chắn là khiêm tốn một cách trung thực. Nhưng nó cũng cho thấy sự chán ghét của một quân nhân bình thường đối với sự khoe khoang công khai mà Churchill luôn ưa thích, và cũng có thể là biểu hiện của một sự ghen tị bất thường. Cùng tham gia trong một cuộc vượt ngục táo bạo, ngay cả khi các bên vẫn thành công bên nhau thay vì bị tách ra đi nữa, không phải bao giờ cũng là một công thức cho tình bạn tiếp tục. Vấn đề của Haldane đã phủ một cái bóng khó chịu lên trên sự mê hoặc, quyến rũ của cuộc vượt ngục của

Churchill. Nhưng không có bằng chứng rõ ràng rằng Churchill đã phạm bất cứ điều gì ngoài cái tính tự cho mình là trung tâm vũ trụ, đi kèm với sự can đảm đến mức liều lĩnh.

Và tất cả ba thuộc tính này luôn là phần lớn của bản chất của ông với tính cách một người trẻ tuổi. Sự may mắn là như vậy. Và ông đã được hưởng nhờ rất nhiều từ điều này trong cuộc hành trình đơn độc từ trại tù tới Lourenco Marques.

Đầu tiên, ông đi nửa dặm qua thị trấn cho đến khi chạm vào một tuyến đường sắt, mà ông hy vọng nằm ở phía đông vịnh Delagoa. Ông mặc một bộ đồ nâu và một chiếc mũ với vành bẻ cong xuống, hy vọng rằng nếu bước đi với sự tự tin thì ông sẽ không bị hô dừng lại. Sự táo bạo đã tỏ ra có ích. Sau đó, ông đi bộ hai giờ đồng hồ dọc theo đường cho đến khi đến một nhà ga xe lửa, có thể là Eerste Fabriek, ga đầu tiên của 13 ga với những khoảng cách thay đổi rất nhiều, dọc theo tuyến đường đến Ấn Độ Dương. Chiến thuật của ông là nhảy lên một chiếc tàu lửa ở một chỗ gần nhà ga ngay trước khi nó bắt đầu chạy. Ông thực hiện điều này một cách khó khăn, vì ông không được nhanh nhẹn cho lắm, một phần vì cái vai bị trật khớp. Đó là một chuyến tàu hàng, chủ yếu để chở các túi than rỗng đi ngược trở lại một khu vực khai thác than. Giữa mớ túi than này ông đã được hưởng một giấc ngủ thoải mái, tuy dính đầy muội khói, trong một vài giờ. Tuy nhiên, ông đã tỉnh táo để rời khỏi tàu trước bình minh. Thêm lần nữa, ông thực hiện điều này một cách khó khăn. Ông nhảy vào một cái rãnh và đã may mắn không chấn thương đến nỗi phải què. Lúc đó ông ở gần Witbank, ga thứ ba và là trung tâm của một khu khai thác mỏ. Ông đã đi được khoảng 80 dặm, và còn khoảng 200 dặm phải đi tiếp.

Trong suốt ngày dài tiếp theo của mùa hè Nam Phi, ông đi lang thang, lo sợ bị phát hiện, mà không có thức ăn hay kế hoạch gì. Sau đó, lúc 1g30 khuya vào đêm thứ hai, ông đến một mỏ than với các nhà phụ lớn. Ông quyết định, chủ yếu vì không có cách nào khác, đánh liều kêu cứu. Có lẽ ông sẽ tìm thấy một người nào đó, mà có thể vì sự cảm thông hay lòng tham lam (ông rất sẵn sàng chi tiêu 75 bảng của mình), sẽ không giao ông cho nhà cầm quyền Boer mà lại giúp ông

tiếp tục hành trình của mình. Ông gõ vào một cánh cửa. Đây là dịp may tiêu biểu, hầu như kỳ diệu của ông. Người đàn ông trả lời với giọng buồn ngủ là một quản đốc mỏ người Anh tên là John Howard. Khi đã hiểu lời giải thích độc đáo và hoàn toàn không có *tính cách thuyết phục* của Churchill về sự hiện diện và xác lập được danh tính và mục đích thật sự của ông, Howard đã để ông vào nhà và cho ông ăn, thậm chí còn đãi ông rượu whisky và xì gà. Sau đó John nhờ một đồng nghiệp, là Dan Dewsnap,⁶ đưa ông xuống hầm mỏ đầy chuột cống. Nhưng ông được cho ăn uống đầy đủ, trong vài ngày cho đến khi cuộc tìm kiếm kẻ vượt ngục có vẻ giảm bớt. Cuối cùng, một tuần sau khi vượt ngục, với sự giúp đỡ của Howard và bạn bè, ông được đặt trong một chiếc xe tải chất đầy những kiện len sẽ được chuyển sang một tàu chở hàng đến vịnh Delagoa. Cuộc hành trình này được ước tính phải mất 16 giờ. Nhưng trong thực tế, nó lâu gần gấp bốn, với nhiều giờ chờ đợi căng thẳng trong một đêm cuối vô cùng khổ sở (mặc dù ông cũng tìm được cách để ngủ qua gần hết đêm) tại trạm biên giới của Komati Poort, nhưng ở phía ngược lại của biên giới. Cuối cùng, tàu di chuyển nặng nề qua biên giới. Và tại Ressana Garcia, qua một khe nứt, ông thấy trên sân ga những bộ đồng phục được tra chuốt tỉ mỉ của các quan chức Bồ Đào Nha, trông gần như các thiên thần chào đón ông.

Đây là cách Churchill kể lại câu chuyện trong *My Early Life*, được xuất bản 30 năm sau đó. Mặc dù theo những cuộc điều tra vào năm 1990 của cháu gái của ông, Celia Sandys (trong tác phẩm *Churchill: Wanted Dead or Alive* của bà), dường như ông phụ thuộc không chỉ vào vận may và “hệ thần kinh thép” của mình mà còn phụ thuộc vào các hoạt động của Charles Burnham, một chủ tiệm và thương gia địa phương. Ông ta cung cấp cho Churchill sự bảo vệ và nơi ẩn nấp. Burnham quyết định rằng mình phải đi theo Churchill lên tàu. Và tại các chặng ngừng khác nhau, khi Churchill nghĩ rằng mình hoàn toàn phụ thuộc vào dịp may, trong thực tế ông lại phụ thuộc vào những món tiền hối lộ nhỏ được sử dụng một cách khôn ngoan bởi Burnham để tháo gỡ nguy hiểm. Tuy nhiên, điều không mới và cũng không có gì để bàn cãi là khi đã được an toàn tại Lourenco

Marques, Churchill đánh thức lãnh sự Anh một cách hơi khó khăn, và sau khi xác lập danh tính của mình một lần nữa, ông lại được đón nhận một cách niềm nở. Cùng một buổi tối đó, ông đáp tàu thủy đi Durban, nơi ông đến vào ngày 23 tháng 12.

Ông được hoan nghênh vang dội và ngay lập tức thấy mình là một gương mặt nổi tiếng thế giới. “Ngọn lửa của chiến thắng”, mà ông đã hiến tặng cho Haldane một phần trong đó là điều không ngoa, nếu Haldane báo cáo một cách chính xác. Ông đã đọc một bài diễn văn trước một đám đông phía trước tòa thị chính. Và ông đã nhận được “những bó điện tín” từ nhiều nơi trên thế giới trước khi dời đi tối hôm đó để ăn cơm chiều và ngủ cùng nhà với thống đốc Natal ở Pietermaritzburg. Ngày hôm sau, ông tái gia nhập đạo quân của tướng Buller. Buller là một người ngưỡng mộ, mặc dù cảm xúc này không hề được đáp lại một cách đầy đủ, và mặc dù viên tướng có Anh dũng Bội tinh Victoria, mà ông đã được thưởng nhiều năm trước đó. Buller đã nói (qua báo cáo của Churchill): “Cậu đã làm rất tốt. Có cần chúng tôi làm gì cho cậu không?”. Việc mà ông đã làm là giao cho Churchill nhiệm vụ của một trung úy tại Trung đoàn Khinh kỵ Nam Phi, mà không yêu cầu ông phải từ bỏ công việc làm phóng viên cho tờ báo *Morning Post*. Mặc dù trong thực tế, Bộ Chiến tranh đã nghiêm cấm sự kiện làm một lúc hai việc như vậy. Roberts và Kitchener, những người đã đến Nam Phi vào tháng 3, người trước là tổng tư lệnh và người sau là tham mưu trưởng - đã không có một cái nhìn nhiệt tình gần như vậy đối với Churchill. “Bobs”, vị thống chế, là người rất điềm tĩnh. Công việc của họ là sửa chữa những thiệt hại của ba cuộc thất trận của người Anh trong “Tuần lễ đen tối” vào tháng 12 (năm 1899), (của tướng Gatacre tại Stormberg, tướng Methuen tại Magersfontein, và tướng Buller tại Colenso).

Churchill ở Nam Phi thêm sáu tháng cho đến khi Pretoria đã bị chiếm đóng. Và chiến tranh, trong quan điểm của ông, đã kết thúc. Ông tham gia, và luôn với sự dũng cảm vào một số hành động quan trọng, tại Spion Kop, tại Hussar Hill, tại bến phà Potgieter Ferry, và tại Diamond Hill. Ông là một trong những người

đầu tiên tiến vào cả Ladysmith lẫn Pretoria. Tuy nhiên, giai đoạn *sau khi vượt ngục* như cảnh chuyển đổi của một vở nhạc kịch hài ngoạn mục, với một sân khấu đầy đủ và các nhân vật đến từ mọi phía, nhưng Churchill luôn ở trung tâm. Vào cuối tháng 1 (năm 1900) Lady Randolph xuất hiện, đi kèm với Jack, đưa con trai nhỏ của bà từ Cape Town đến Durban, và ít nhiều năm quyền chỉ huy một chiếc tàu bệnh viện *Maine*, được đóng bằng số tiền huy động 40.000 bảng của người Mỹ gốc Anh. Thật không may là một trong những bệnh nhân đầu tiên của bà lại là Jack, bị thương nhẹ vào ngày 12 tháng 2 và cần được chăm sóc trong một tháng. Winston Churchill đã thất vọng vì Pamela Plowden không đi cùng. Ngày 28 tháng 1 ông viết cho cô: “Ồ, tại sao em không xuất hiện với tư cách thư ký?”. Ngày 6 tháng 1, ông đã viết cho mẹ về cô ta (Lady Randolph và cô Plowden khá thân thiết với nhau, và có lẽ cả hai đều đối xử với tính cách tình cảm của Churchill bằng một cái gì đó giống như sự pha trộn của sự ngưỡng mộ với sự xa lánh, thờ ơ): “Con nghĩ rất nhiều đến Pamela, cô ấy rất yêu con”. Điều này có lẽ phản bội lại sự tự mãn nhất định về mối quan hệ của ông với cô Plowden. Cô kết hôn với Lord Lytton trong vòng hai năm sau đó.

Lúc này đây, Lady Randolph lại còn hăm hở với chuyện hôn nhân hơn cả cô Plowden nữa. Vào giữa tháng 3, bà và con tàu xuất hành và quay trở lại nước Anh với nhiều người bị thương. Không bao lâu sau khi trở lại, bà kết hôn với George Cornwallis West, người chỉ lớn hơn Winston Churchill hai tuần tuổi. Sự kết hợp, kéo dài một cách ọp ẹp trong 13 năm, đã không nâng cao địa vị chung của bà.

Trong khi đó, những cuộc trình diễn hoành tráng vẫn tiếp tục tại Nam Phi. Trong số những màn trình diễn của Churchill có một chuyến đi xe đạp qua trung tâm của Johannesburg trong bộ quần áo dân sự, khi địa phương này vẫn còn nằm dưới sự chiếm đóng hơi yếu ớt của người Boer. Bằng cách trình diễn điềm tĩnh, ông đã chuyển một thông điệp quan trọng đến Roberts, người đã tỏ ra mềm dẻo đối với ông hơn. Ông cũng đã giúp Roberts bằng cách giảm sự lộn xộn lộ bịch của các quân công tại bộ tham mưu. Điều này minh họa cho câu phát biểu trên

tạp chí *Gondoliers* của W. S. Gilbert 11 năm trước đó: “Ba quận công một xu”. Trong thực tế, lúc đó có ba quận công là Norfolk, Marlborough, và Westminster. Churchill xoay xở để làm giảm bớt sự hiện diện của hai người sau trong phần lớn thời gian của Roberts. Họ đi cùng Churchill trên cơ sở xen kẽ trong các cuộc viễn du khác nhau của ông, đúng hơn là với tư cách các thư ký riêng tại phố Downing đã làm 40 năm sau đó. “Ông Churchill đi vào, kèm theo hai quận công”, có thể là một câu phân cảnh thích hợp. Khi ông cho ngựa chạy nước kiệu nhỏ vào Pretoria và thăm lại nơi từng giam giữ mình, ông được một quận công đi kèm. Khi xuống Cape Town để chuẩn bị cho hành trình về nhà, trong lúc ông đang ăn sáng ngay trên tàu lửa với Westminster (rõ ràng vẫn là các tiện nghi cho việc du lịch thời kỳ chiến tranh) thì có một cuộc phục kích nhỏ. Đúng sự thật như hồi nào đối với tình trạng *không chiến đấu* của mình, ông đã bắn những viên đạn cuối cùng chống người Boer. Dường như chúng không trúng một ai cả.

Tuy nhiên, trong những tháng sau này, ông đã tỏ ra gần như hiệu chiến trong ngôn từ không khác gì với những viên đạn, nhưng được nhiều người giải thích là theo chiều hướng ủng hộ chứ không phải chống người Boer. Từ Durban, ông đã đánh đi một thông điệp cho tờ *Morning Post* vào tháng 1: “Bằng cách rà soát lại toàn bộ tình hình, thật ngu ngốc khi không nhận ra rằng chúng ta đang chiến đấu với một kẻ thù ghê gớm và khủng khiếp. Chất lượng cao của các thị dân tỉnh Cape làm tăng hiệu lực của họ... Chúng ta phải đối mặt với sự thật. Mỗi người Boer có giá trị bằng 3-5 binh sĩ chính quy”. Và ông kết hợp các tội lỗi trong mắt một số người bằng cách kêu gọi vào tháng 3 rằng: “Tiếp theo sau phải là một chính sách khoan hồng”, (ngay cả đối với những người Boer ở Natal, những người đã *nổi dậy* chứ không phải *tuyên chiến*), “hòa bình và hạnh phúc chỉ có thể đến Nam Phi thông qua sự hợp nhất và hòa thuận của các chủng tộc Hà Lan và Anh, những người mãi mãi phải sống bên cạnh nhau dưới quyền uy tối thượng của người Anh...”. Ngay cả với cụm từ cuối cùng thì ví dụ đầu tiên này, là giải pháp “lòng hào hiệp trong chiến thắng” của ông, cũng đã đủ để gây ra một cơn bão chỉ trích.

Khi đến Cape Town sau cuộc hành trình bằng xe lửa bị gián đoạn, ông dừng lại chỉ để trình bày với Sir Alfred Milner, vị Cao ủy có kinh nghiệm và thường tự tin, về lợi ích của quan điểm của mình. Ông cũng đi săn chó rừng trong một ngày cùng với Milner và Quận công Westminster, trước khi về nhà bằng chiếc tàu thủy *Dunottar Castle*, (tình cờ cũng là chiếc tàu đã đưa ông ra đi, chỉ hơn bảy tháng trước đó). Là một thanh niên luôn vội vàng, chắc chắn ông đã không hề lười biếng, uể oải trong những tháng này. Sự dũng cảm, tính cách gan lì, và ảnh hưởng của ông đều đáng kể. Ở tuổi 25, ông hầu như đã nổi tiếng tầm cỡ thế giới. Trong tương lai bất cứ điều gì ông làm hoặc nói chắc chắn đều thu hút sự chú ý, dù không phải với sự đồng ý hoặc ngưỡng mộ.

Chương 4

RỜI ĐẢNG BẢO THỦ SANG ĐẢNG TỰ DO

Churchill đến Southampton vào ngày 20 - 7 - 1900. Mười tuần hai ngày sau đó, ông đã được bầu làm thành viên Quốc hội đại diện cho Oldham, lúc chưa bước qua tuổi 26. Ông đã không thích thú với lời đề nghị ứng cử ở Southport bên bờ biển của vùng Lancashire, nơi đã lôi kéo ông khi ông vẫn còn ở Bắc Phi. Xem ra đối với một thành viên Đảng Bảo thủ như Churchill, thì Southport, với các nữ điền chủ bên bờ biển và những thành viên thường xuyên đi lại bằng ô tô đầu tiên của tầng lớp doanh nhân Liverpool thích tìm nơi thư giãn, hấp dẫn hơn là thị trấn Oldham, nơi mà đa số cư dân là những người nghèo sống bằng nghề kéo sợi bông. Nhưng trên thực tế không phải như thế. Curzon đã dễ dàng thắng cử ở Southport trong năm 1895, nhưng sau khi ông ra đi để nhận chức Phó vương Ấn Độ trong năm 1898, Đảng Bảo thủ đã thất bại trong một cuộc bầu cử bổ sung, ứng cử viên chiến thắng của Đảng Tự do đã chết vào năm sau và cuộc bầu cử bổ sung thứ hai cũng có kết quả tương tự.

Thế nên Churchill hẳn sẽ thất bại khi bị thu hút đến Southport. Và ông đã không đến đó. Ông tin tưởng vào ngôi sao chiếu mệnh của mình và ngôi sao này đang ở trên bầu trời của Oldham. Lời của Dan Dewsnap nói với Churchill tại mỏ vàng vùng Transvaal vẫn còn tiếp tục vang vọng trong đầu ông. Dewsnap đã nói rằng: “Mọi người sẽ bầu chọn ông trong lần tới”. (Thật ra họ đã không làm như thế. Mức chênh lệch về phiếu bầu có lợi dành cho Churchill giữa cuộc bầu cử bổ sung năm 1899 và cuộc tổng tuyển cử năm 1900, 14 tháng sau đó, chỉ vào

khoảng 6%, vừa đủ để đắc cử). Nhưng kết quả này chỉ dựa trên sự tin tưởng của Churchill hơn là thực tế. Ông tin tưởng rằng ông sẽ luôn vượt qua, dù chỉ là trong gang tấc. Viên đạn bắn xuyên qua chiếc nón trung đoàn trinh sát South African Light Horse của Churchill tại Spion Kop đã chẳng làm ông bị thương. Người đàn ông mở cửa đón ông ở mỏ than gần Witbaurk đã chứa chấp và đã không tố cáo ông. Các thị dân trên các đường phố ở Johannesburg hẳn đã quá bận tâm đến lối đi của một người đi xe đạp bị lạc đường mà chẳng để ý xem người này là ai. Và cứ thế các dịp may luôn đến với ông, kể cả ở Oldham. Ông đã vượt qua Walter Runciman bằng 222 phiếu bầu và là người có lượng phiếu bầu lớn thứ hai, chỉ thua Emmott (một đảng viên Tự do được ủng hộ nhiều hơn) 16 phiếu, và hơn một thành viên thuộc Đảng Bảo thủ khác đến 409 phiếu.

Nhìn chung, cuộc bầu cử bị tác động mạnh bởi chiến tranh đã cho phép các thành viên Đảng Bảo thủ khai thác lợi thế từ chiến thắng hiển nhiên của nước Anh ở Nam Phi (dù phải mất thêm 18 tháng nữa hiệp ước hòa bình Vereeniging với hậu duệ của người Hà Lan ở Nam Phi mới được ký kết). Nó cũng cho phép họ phục hồi số phiếu đa số, nhiều hơn đối phương trên 130 phiếu, trước khi bị đánh bại bởi những đợt bầu cử bổ sung, như lần ở Oldham trong năm trước. Tuy nhiên, bất chấp cuộc tranh giành chật vật này, chiến dịch tranh cử ở địa phương đã không cam go lắm. Và thậm chí là Churchill, dù háo hức khai thác những hành động dũng cảm của ông nhưng lại không sẵn lòng tự trói buộc vào tâm trạng điên cuồng chống lại người Boer.

Joseph Chamberlain, con sư tử của thời điểm ấy, đã đến Oldham để diễn thuyết suốt một giờ nhân danh chính mình. Điều đó đã dẫn đến việc ông mời Churchill đến làm khách hai ngày ở nhà ông tại Birmingham, nơi mà việc bỏ phiếu vẫn còn đang tiếp diễn, và đưa Churchill đi dự ba cuộc họp ở hạt hành chính West Midlands trong một chiếc xe lửa đặc biệt. Nhân vật lớn này đã chuẩn bị một chương trình đón tiếp ông long trọng như là cuộc đón tiếp màu mè của bá tước Beaconsfield dành cho vị công tước trẻ của Portland tại Hughenden trọng năm 1880. Chamberlain đã nằm nghỉ trên giường suốt một ngày, nhưng đã dậy

để dùng bữa tiệc tiếp đón chiến binh - chính khách trở về và để thiết đãi ông ta chai rượu vang đỏ sản xuất năm 1834. Với Balfour, cháu của Salisbury và là người sắp được phong hoàng tử, cách cư xử của Churchill phức tạp hơn, nhưng lợi ích mà ông nhận được ít ra cũng vẫn tương đương. Ông không thể mời Balfour rời khu vực cử tri của ông ta ở Manchester để đến Oldham, nhưng sau đó đã theo lệnh triệu hồi của vị “Vua Arthur” (ý nói là Balfour) hủy bỏ chuyến đi London để đến Manchester.

Ngài Balfour quy tụ một đám đông đáng kể khi tôi đến, toàn bộ những người đang tụ họp đã đứng lên và reo hò khi tôi bước vào phòng họp. Người lãnh đạo của Hạ viện đã trình trọng giới thiệu tôi với cử tọa. Sau đó, tôi chỉ đọc diễn văn trước toàn là những cuộc hội họp lớn. Khoảng từ năm đến sáu ngàn cử tri là nam giới, quen với các mục đích chính, đã rất thích thú tụ tập trong những hội đường tốt nhất, với những nhân vật trụ cột đáng kính của đảng (Bảo thủ) và những thành viên có thâm niên của Quốc hội ngồi quanh trên khán đài như thể là những người ủng hộ. Tôi đã được trải qua những khoảnh khắc như thế từ đó về sau, trong cuộc bầu cử lần ấy và suốt gần một thế hệ sau đó.

Quốc hội mới đã họp kỳ họp nửa tháng vào ngày 3 tháng 12. Không chỉ để tuyên thệ và để chuẩn bị cho cuộc bầu cử của một diễn giả, mà còn để nghe một bài diễn văn của Nữ hoàng (không phải do Nữ hoàng đích thân đọc), và còn để tham dự cuộc tranh luận quan trọng kéo dài tám ngày của Quốc hội. Tất cả đều, theo một kiểu nào đó, tỏ ra sốt sắng với những vấn đề nảy sinh từ cuộc chiến ở Nam Phi. Và vào đêm thứ hai của cuộc tranh luận về nhận xét đối với một tu chính án có liên quan đến những điều khoản nền tảng của một thỏa thuận phải được thực hiện, cử tọa đã bị tác động sâu sắc bởi Emmott, một thành viên cao cấp của Hội đồng Thị trấn Tự trị Oldham. Điều đáng ngạc nhiên là Churchill, với sự háo hức của một thành viên mới, không quan tâm đến việc tham dự. Ông đã lên thuyền đến New York vào ngày 1 tháng 12.

Điều này cho thấy ở ông sự bình thản và kiên quyết trung thành với những kế hoạch của mình. Nhưng không có nghĩa là Churchill đánh giá thấp vị trí mới. Theo đánh giá khách quan thì một nghị sĩ vào năm 1900 được xem trọng hơn nghị sĩ ngày nay rất nhiều. Nước Anh, dù hơi choáng váng vì những thất bại lúc đầu trong cuộc chiến Nam Phi, vẫn là một đế quốc lớn và tự tin. Và một trong những tài sản mà nó tự hào nhất chính là chế độ Quốc hội (chế độ mà trong đó quyền ban hành và thực thi pháp luật nằm trong tay Quốc hội). Dù quyền bầu cử ở nước Anh hạn chế hơn hầu hết những nước phát triển khác, nhưng danh tiếng cơ quan lập pháp của nước Anh cao hơn nhiều. Khó mà tìm được thành viên Quốc hội nào, cho dù có nhiều tham vọng hay không, không chỉ trong Đảng Bảo thủ hoặc Tự do mà cả trong Công Đảng mới xuất hiện. Và kỳ lạ là, thậm chí cả một vài thành viên ủng hộ chủ trương Ireland tự trị, lại không cho rằng Hạ viện Anh là cơ quan lập pháp tuyệt vời nhất thế giới.

Đương nhiên là Churchill cũng nghĩ như thế. Ông còn cho rằng việc trở thành thành viên của nó dù rất đáng ao ước nhưng là lẽ tự nhiên trong vận mệnh của mình. Quãng thời gian 64 năm phục vụ trong Hạ viện của ông chỉ bị gián đoạn hai lần (lần thứ nhất chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn và lần thứ hai kéo dài hai năm), còn dài hơn cả thời gian phục vụ 62 năm rưỡi của Gladstone. Điều còn kỳ lạ hơn nữa là dù Churchill rất thích thú khi vào mùa thu ông được quyền thêm hai chữ MP (nghị sĩ) vào tên của mình, nhưng ông lại không tận dụng cơ hội đầu tiên được phép ngồi trong hàng ghế sau của Hạ viện, điều mà (ngoài Gladstone) Disraeli, Russell, Palmerston, cha của ông, và Joseph Chamberlain đã làm.

Churchill không phải là người khó bị tác động. Nhưng trong suốt cuộc đời, ông là người rất thực tế đối với vấn đề tiền bạc. Ông không phải là người tham lam, và không bị ám ảnh bởi việc cố gắng tích góp cho bản thân “một lượng chứng khoán lớn” [cụm từ nổi tiếng từng được Churchill dùng để nói về bạn ông là Birkenhead]. Nhưng ông rất phung phí dù không có một nguồn tài chính nào để tài trợ cho việc chi tiêu. Vào thời ấy, hầu hết các nghị sĩ đều giàu có, và thiếu

số không giàu có nhìn chung thường sống rất thanh đạm. Churchill không giàu nhưng cũng không sống thanh đạm, cho dù các nghị sĩ vào thời ấy không được trả lương.

Churchill, từng có rất nhiều tiền do có nhiều cuốn sách thành công về tài chính, được hưởng mức lương cao từ báo *Morning Post*, và ít chi tiêu trong bảy tháng ở Nam Phi, đã quyết định khai thác khả năng kiếm tiền từ tài diễn thuyết hiện đang ở đỉnh cao của mình. Vì thế ông dành ra những ngày còn lại của tháng 10 và trọn tháng 11 cho chuyến đi diễn thuyết kiếm tiền tại nhiều nơi trên nước Anh. Việc này được thu xếp qua một người đại diện là Gerald Christie, người được ông thuê suốt nhiều thập niên. Churchill đã xoay xở để biết rõ số tiền mà ông kiếm được và không bị ăn chặn, có nghĩa là biết rõ giá vé và số lượng có thể bán được trong một buổi tối cụ thể tại một hội trường nào đó. Vì thế, những sổ sách được ghi chép một cách tỉ mỉ mà ông gìn giữ, căn cứ theo giá trị đồng tiền thời ấy, đã đưa ra những con số rất chính xác, tính đến từng xu.

Ông đã bắt đầu với cuộc thăm viếng trong vai trò là cựu học sinh thăm lại trường cũ là trường trung học Harrow vào ngày 25 tháng 10. Nhưng thậm chí là ở ngôi trường cũ này, khi diễn thuyết xong ông vẫn không để cho hoài niệm ngăn chặn việc ông nhận của cử tọa tại đây 27 bảng (tương đương với 1.350 bảng ngày nay) khi ra đi. Tại đây ông còn phát hiện được rằng tài liệu của ông đã không được sắp xếp cẩn thận (dĩ nhiên là ông nói về những cuộc mạo hiểm của ông ở Nam Phi) và chỉ sử dụng được một phần tư những ghi chú trong khoảng thời gian là một giờ rưỡi. Ông đã sắp xếp lại mạch lạc hơn lần diễn thuyết thực sự kế tiếp tại hội trường St James ở London vào ngày 30 tháng 10. Tại đây, ông đã thuyết phục thống chế Wolseley, tổng tư lệnh quân đội Anh, ngồi ghế chủ tọa và giới thiệu ông và ông đã kiếm được khoản tiền lớn là 265 bảng 6 shilling và 2 penny (tương đương với khoảng 13 ngàn bảng ngày nay). Ông đã rất cố gắng để mời những nhân vật lỗi lạc nhất làm chủ tọa cho các buổi diễn thuyết của ông. Như Rosebery tại Edinburgh, Derby tại Liverpool, Dufferin và Ava tại Belfast, Ashbourne (chủ tịch Thượng viện người Ireland) tại Dublin, và

dự định mời Joseph Chamberlain làm chủ tọa buổi diễn thuyết của ông tại Birmingham (nếu nhân vật lớn đã mệt mỏi này không đi nghỉ phép ở Địa Trung Hải sau cuộc bầu cử, và Churchill đã phải mời nam tước Lord Dudley thế vào). Sau lần diễn thuyết ở hội trường St James, Churchill đã thực hiện 27 cuộc diễn thuyết khác tại nhiều nơi suốt 31 ngày sau đó. Trên thực tế, ông chỉ nghỉ vào những Chủ nhật. Thịnh thoảng ông đến Liverpool, nơi mà doanh thu của ông còn nhiều hơn cả ở hội trường St James, và kể đó là Cheltenham, nơi thu nhập của ông không kém bao nhiêu. Glasgow, Birmingham, Brighton, Bristol, Manchester, và Dublin còn mang lại cho ông những khoản thu nhập chắc chắn. Chỉ có những khu vực gần ngoại ô như là Westbourne Park, và Windsor, mỗi lần diễn thuyết chỉ nhận được khoản tiền tương đương với 3.000 bảng hiện nay. Tổng thu nhập của ông trong 31 ngày này vào khoảng 3.782 bảng 15 shilling 5 penny (tương đương với 190 ngàn bảng hiện nay). Đây là một kỳ công ngoạn mục.

Nước Anh đã bị xâm chiếm, nước Mỹ đã được kêu gọi giúp đỡ. Kỳ họp Quốc hội vào tháng 12 được dành riêng cho việc thương lượng với vị “Thần Tài” này. Nhưng “Thần Tài” đã làm cho nước Anh thất vọng, dù Churchill cho rằng nước Mỹ luôn hào phóng hơn nước Anh. Ông không thể để xảy ra phản ứng cảm xúc bất lợi ở người Mỹ đối với cuộc chiến ở Nam Phi. Trong khi nước Anh hầu như là đã đắm chìm trong chủ nghĩa dân tộc cực đoan, thì nước Mỹ khách quan hơn. Cùng lắm là họ xem cuộc chiến của Anh chống lại hậu duệ của người Hà Lan ở Nam Phi giống như là sự tái diễn muộn cuộc chiến giành độc lập ở Mỹ. Cũng tại New York, nơi Churchill diễn thuyết lần đầu ở Mỹ, có một loại tình cảm quyến luyến với Hà Lan còn sót lại ở một số gia đình định cư ở Mỹ thuộc loại lâu năm nhất, những người được hy vọng sẽ ủng hộ sự hợp tác với Anh. Tuy nhiên, điều này đã không gây trở ngại cho việc Theodore Roosevelt, người từ là phó tổng thống lên làm tổng thống Mỹ vừa được chín tháng thay cho McKinley (chết do bị ám sát), mời Churchill đến dùng tiệc ở biệt thự của ông tại Albany, thủ phủ bang New York, khi Churchill mới đến trong vòng vài ngày.

Không có ghi chép nào cho biết diễn biến của bữa tiệc ở Albany xấu đến mức nào. Nhưng chắc chắn là nó đã không giúp cải thiện sự căm ghét kỳ lạ của Theodore Roosevelt dành cho Churchill. Sự đánh giá của Theodore Roosevelt về Churchill (trong quan hệ thư tín của ông) suốt nhiều năm luôn là không thuận lợi. Vào ngày 23 - 5 - 1908, Theodore Roosevelt đã viết cho con trai: “Đúng! Đó là quyển sách lý thú của Winston Churchill viết về cha của ông ta. Nhưng cha không thể không cảm thấy rằng trong hai người này thì người cha có tính cách khá tầm thường”. Vài tháng sau, Roosevelt viết cho Whitelaw Reid, chủ báo mà cũng là người biên tập của tờ *New York Herald Tribune*: “Tôi không thích Winston Churchill. Nhưng tôi nghĩ là tôi phải viết thư cho ông ta”. (Churchill vừa gửi cho Roosevelt một trong những quyển sách của ông). Sau đó, trong tháng 6 năm 1910, khi Roosevelt đại diện cho chính phủ Mỹ tham dự lễ tang của Vua Edward VII, ông đã viết cho thượng nghị sĩ Henry Cabot Lodge: “Tôi đã từ chối gặp Winston Churchill... dù tôi rất muốn gặp những nhân vật của công chúng ở cả hai phe”. Nhận xét dễ nghe nhất đã được ông đưa ra vào ngày 22 - 8 - 1914, khi ông viết thư cho nghị sĩ Arthur Lee (người đã hiến tặng trang viên Chequers): “Tôi không bao giờ thích Churchill, nhưng xét từ việc ông kể với tôi về tư cách và sự dũng cảm đáng ngưỡng mộ của ông ta khi chỉ huy hạm đội Anh, tôi muốn ông chuyển lời khen ngợi của tôi đến ông ta”.

Có lẽ người đánh giá đúng đắn thiên kiến này là Alice Longworth, con gái của Roosevelt, sống ở Washington trong thập niên 1980 và đến khi đã qua 90 tuổi, luôn duy trì lối bình luận gay gắt. Arthur Schlesinger từng nói với bà: “Tại sao cha bà ghét Winston Churchill đến thế?”. Bà Longworth đã không do dự trả lời: “Chỉ vì họ quá giống nhau”.

Người môi giới cho những cuộc diễn thuyết của Churchill ở Mỹ không làm ông hài lòng như là Christie ở London. Không rõ là thiếu tá Pond (theo cách tự giới thiệu của người môi giới này) tốn công sức đến đâu cho chiến dịch quảng cáo. Chỉ biết ông ta vừa là kẻ quấy rầy gây khó chịu vừa là người môi giới thực hiện những vụ thương lượng tệ hại. Vào ngày 1 - 1 - 1901, Churchill đã viết thư

than phiền về ông ta với mẹ: “Ông ta là một ông bầu Người Da Đỏ thô bỉ và đã rót rất nhiều tuyên bố sai sự thật vào tai của các phóng viên...”. Có lẽ Pond là vật tế thần để hứng chịu sự bất mãn đối với chuyển diễn thuyết của Churchill, nhưng việc ông sử dụng từ “Người Da Đỏ” với ý miệt thị là một điều kỳ lạ. Qua sự phối hợp không ăn ý của Pond, đem đến những khoản thu nhập phần nào đáng thất vọng, và qua việc cử tọa lạnh nhạt với đại nghĩa của nước Anh, nhiệt tình với nước Mỹ của Churchill đã không còn được như năm năm trước. Lần này ông chọn Canada vì ở đó cử tọa dễ mến hơn, ông kiếm được nhiều tiền hơn, và còn được hưởng một lễ Giáng sinh lý thú với gia đình của quan toàn quyền Minto ở Ottawa.⁷ Theo lời Laurence Sterne, nhìn chung Churchill cảm thấy rằng “mọi chuyện ở Canada đã được sắp xếp tốt hơn”.

Tuy nhiên, chuyển diễn thuyết đã không thành công lắm. Ông chỉ kiếm được hơn 1600 bảng (tương đương với 80 ngàn bảng ngày nay), chỉ bằng khoảng 40% số tiền ông kiếm được ở quê nhà trong khoảng thời gian chỉ bằng một nửa như thế. Winnipeg, New York⁸, Philadelphia, và Toronto là những nơi ông kiếm được nhiều tiền nhất. Ông nhận thấy công việc nặng nhọc đều đều vào mỗi đêm mang lại cho ông sự mệt mỏi hơn là niềm vui. Có lần không có buổi diễn thuyết trước công chúng nào, nhưng ông đã được mượn 40 bảng để biểu diễn trong một bữa tiệc đêm tại nhà riêng, chẳng khác gì một ảo thuật gia được mượn làm trò giúp vui. Và thậm chí là có lẽ ông hơi nhớ nhà. Nếu không phải là nhà riêng của ông, nơi không có nhiều ý nghĩa trong đời ông khi còn trẻ, thì ít ra cũng là vũ đài chính trị mà trên đó ông đã tìm được một chỗ đứng nhưng đã quá xem thường nó trong tháng 11. Vào ngày 9 tháng 1, ông đã viết cho mẹ: “Con sẽ về nước vào ngày 10 tháng 2, và con rất trông đợi ngày bắt đầu họp Quốc hội... Thực ra con đã rất ghét chuyển diễn thuyết này, và nếu nó còn kéo dài lâu hơn nữa, con nghĩ là con không thể hoàn thành”. Tuy nhiên, những thành tựu đã bù đắp cho nỗi nhọc nhằn. Cũng trong khoảng thời gian này, ông viết: “Tôi đã rất hãnh diện về việc trong khoảng một triệu người trong độ tuổi như tôi chỉ có chừng một người cũng như tôi có thể kiếm được 10 ngàn bảng trong vòng chưa đến hai năm mà

không cần vốn đầu tư”. Ngoại trừ những lúc thật cần thiết, Churchill cũng không tiêu tốn khoản tiền tương đương với nửa triệu bảng ngày nay vào những điều vô bổ. Ông đầu tư khoản tiền này vào công việc kinh doanh của Ernest Camel, khuôn mẫu điển hình của một nhà tài phiệt thành công trong thời Vua Edward và cũng là bạn thân của chính vị vua này. Trong giai đoạn này, chủ yếu là bị tác động bởi cuộc sống với vô số những cuộc tiếp xúc với giới thượng lưu của mẹ ông, Churchill luôn có cảm giác rằng, nếu ông muốn học nhạc thì thầy dạy ông sẽ phải là nhà soạn nhạc tài ba Edward Elgar, còn nếu cần được chăm sóc cho dù là khi chỉ nhức đầu xổ mũi thì hẳn là nữ điều dưỡng viên hàng đầu Florence Nightingale sẽ đến chăm sóc cho ông.

Nước Anh vào lúc Churchill trở về vào ngày 10 tháng 2, tại Liverpool, đã thay đổi ở một khía cạnh mang tính biểu trưng quan trọng so với lúc ông ra đi. Không chỉ là vì thế kỷ mới đã bắt đầu mà còn vì triều đại Victoria đã kết thúc. Nữ hoàng Victoria đã chết vào ngày 22 tháng 1 trong khi Churchill đang ở Winnipeg. Ông đã không lo lắng khi nghe tin này. Nó không làm cho ông phải thất thu 1.150 bảng thu tại cửa phòng diễn thuyết vào tối hôm ấy, và những nhận xét đầu tiên sau vụ việc (nói với mẹ ông) là sự chế giễu thân mật liên quan đến cuộc sống đam mê lạc thú của vị vua mới. Điều kỳ quặc là dù phần lớn thời gian về sau trong sự nghiệp, Churchill được xem là chính khách thuộc triều đại Victoria cuối cùng còn sót lại trên chính trường nước Anh. Thế mà chỉ vì mong muốn nhận được các khoản thù lao diễn thuyết nên ông đã bỏ qua cơ hội đọc lời tuyên thệ Quốc hội bày tỏ lòng trung thành với vị Nữ hoàng. Khi lần đầu được bước chân vào Quốc hội, vào ngày 14 tháng 2, người được nghe ông tuyên thệ trung thành là Vua Edward VII chứ không phải là Nữ hoàng Victoria. Có lẽ lần tuyên thệ ấy là thích đáng, vì trên thực tế, về cơ bản ông đã và vẫn trung thành ủng hộ Vua Edward VII hơn là Nữ hoàng Victoria.

Bốn ngày sau đó, ông đã đọc bài diễn văn đầu tiên. Bài diễn văn không phải là một tai họa giống như trường hợp của Disraeli trong năm 1837, cũng không thành công như biện luận của F. E. Smith, người về sau đã trở thành bạn ông.

Ông nói suốt nhiều giờ, bắt đầu từ khoảng 10g30 đến đêm Thứ hai, ngay sau diễn văn của David Lloyd George (lúc ấy là cố vấn pháp luật 39 tuổi miền bắc Xứ Wales và là một nghị sĩ 11 năm thâm niên với một vài tiếng thơm lẫn tiếng xấu, người vừa đọc một bài diễn văn chống người Boer - hậu duệ của người Hà Lan ở Nam Phi - hơi quá đà). Việc sắp xếp cho ông đọc diễn văn ngay sau Lloyd George đã bảo đảm cho Churchill một khán phòng rất đông người. Tuy nhiên, đã có ít nhất là hai tờ báo (*Standard* và *Morning Post*) quan tâm đến số phụ nữ tham dự ngồi trong khán phòng dành cho phụ nữ hơn là quan tâm đến diễn biến trong hội trường chính. Có rất nhiều vị phu nhân cao quý tham dự, nhưng họ là những phụ nữ đầy uy quyền và nghiêm nghị hơn là những thiếu nữ lãng mạn.

Đây là một bài diễn văn hay, và ngày nay vẫn còn được nhiều người biết đến. Dĩ nhiên là Churchill đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng và phần nào học thuộc lòng. Việc một diễn giả ngay lần diễn thuyết đầu tiên đã tỏ rõ khả năng và cho thấy có nhiều tham vọng không phải là điều bất thường. Tuy nhiên, điều bất thường ở đây là ông đã tiếp tục như thế suốt nhiều năm. Thật ra, việc chuẩn bị kỹ lưỡng các bài diễn văn, dù không học thuộc lòng chúng, là điều ông luôn thực hiện trong suốt sự nghiệp của mình.

Điều ông đã không chuẩn bị là lời bình phẩm thích đáng đối với bài diễn văn của Lloyd George. Thế nhưng ý tưởng đã được tình cờ cung cấp bởi người ngồi gần ông (đó là Thomas Gibson Bowles, nghị sĩ đại diện cho thị trấn tự trị King's Lynn, người về sau cũng chuyển sang Đảng Tự do) vài phút trước khi ông phải quyết định. Bowles đã bảo ông nên nói rằng, Lloyd George, người vừa đọc một bài diễn văn mạnh mẽ trong khi hủy bỏ một tu chính án ôn hòa, phải làm tốt hơn nữa để có thể loại bỏ tu chính án ôn hòa, mà không cần phải đọc một bài diễn văn quyết liệt đến thế. Đây là một phần mở đầu tuyệt vời.

Churchill phát biểu từ chỗ ngồi trong góc ở hàng ghế ngay sau các bộ trưởng, nơi mà cha ông từng ngồi trước đây không lâu nhưng không phải là người thành công nhất, và ông đã phát biểu trong bộ áo choàng dài. Chủ đề là sự chỉ đạo tổng quát cuộc chiến ở Nam Phi, và ông có bốn đoạn văn nổi bật. Lúc

đầu ông nói: “Giá như tôi là một người Boer chiến đấu trên chiến trường. Và nếu tôi là một người Boer, tôi hy vọng mình sẽ được chiến đấu ngay trên chiến trường...”. Kể đó, với lập luận chống lại một đề nghị chủ trương rằng trong thời gian chuyển sau cuộc chiến, hướng đến một nền dân chủ (nơi ấy phải được cai trị bởi một chính phủ quân sự lâm thời thay vì là một chính phủ dân sự) ông nói: “Tôi thường rất hồ thẹn khi gặp những nông dân Boer đáng kính. Người Boer là một sự kết hợp kỳ lạ giữa tính cách địa chủ và tính cách nông dân. Và dưới những chiếc áo choàng thô ráp của nông dân, chúng ta thường phát hiện được những tính cách địa chủ. Tôi đã rất hồ thẹn khi thấy những con người như thế lại bị sai khiến hách dịch bởi các sĩ quan trẻ cấp thấp, như thế họ là những binh nhì”. Ở đoạn thứ ba, ông cho rằng phải làm sao cho người Boer cảm thấy họ sẽ thoải mái và được tôn trọng khi đầu hàng, và cảm thấy đau khổ và nguy hiểm nếu tiếp tục chống đối. Và đoạn thứ tư, cũng là phần kết thúc bài diễn văn, Churchill đã đề cao Lord Randolph bằng cách nói rằng việc ông được bước vào Hạ viện là “nhờ vô số ký ức tốt đẹp mà nhiều thành viên đáng kính vẫn còn gìn giữ”.

Việc những tờ báo thuộc triều đại Edward, dành cho giới bình dân cũng như quý tộc, tường thuật về Quốc hội một cách tỉ mỉ chi tiết khiến những nhà nghiên cứu ngày nay quan tâm. Tuy nhiên, dù thường không đưa những tin thời sự nóng bỏng lên làm tiêu đề như trường hợp của bài diễn văn của F. E. Smith sáu năm sau, thế nhưng sự chỉ trích được nhiều người ưa thích do Churchill khơi *gợi lại* là một trường hợp ngoại lệ. Nhiều bài báo được cắt ra từ 19 tờ báo khác nhau được ông giữ lại trong các ghi chép là những bài nịnh hót chứ không có giá trị bao nhiêu. Đáng quan tâm hơn là những bài báo không điển hình. H. W. Massingham trong tờ *Daily News* của Đảng Tự do đã viết:

Sự đáp trả của Winston Churchill rất khác với bài diễn văn của Lloyd George, đối với nó, sự đáp trả này chỉ là một câu trả lời trên danh nghĩa. Sự tương phản cá nhân cũng đáng chú ý như là sự khác nhau giữa liệu pháp và phương pháp. George có nhiều lợi thế tự nhiên,

Churchill có nhiều điểm bất lợi. Trong câu kết thúc bài phát biểu, Churchill đã nhã nhặn nói về vô số kỷ ức tốt đẹp dành cho cha của ông. Churchill không được thừa hưởng giọng nói của cha, ngoại từ tật nói hơi ngọng, hoặc thừa hưởng bộ dạng của cha. Danh xưng, ngữ điệu, và vẻ ngoài, chẳng giúp gì cho ông.

Nhưng ông có một phẩm chất, đó là khả năng hiểu biết. Ông có một cách nhìn và từ đó có thể đánh giá và suy nghĩ. Có vài phần trong bài diễn văn không được hoàn hảo, có chỗ ông đã nói khéo dựa vào sự khôn ngoan đã cho thấy rằng chàng trai trẻ này có được khả năng bình phẩm nhờ những năm tháng được tôi luyện qua các quân chủng của chúng ta.

Sau đó, [Joseph] Chamberlain đứng lên. Bài diễn văn của ông là một bài tranh luận xuất sắc, nhưng đã không được đề cao, và khi được xem xét theo cả chiều sâu lẫn diện rộng, nó kém xa bài diễn văn của Churchill.

Bài tóm lược của tờ *Manchester Guardian*, được viết bởi J. B. Atkins, người đã đến Nam Phi với Churchill, đã đánh giá công bằng về một người bạn. “Bài diễn văn của ông ấy [Churchill] đã được gọt giũa cẩn thận, được bổ sung những phản luận mang âm hưởng văn chương. Cha của ông ta không có nhiều khả năng văn chương và khả năng này đã ưu ái chọn người thành viên trẻ, người bắt đầu xuất hiện đêm nay”. Có lẽ nhận xét phê phán nặng nề nhất là của tờ *Glasgow Herald*:

Thỉnh thoảng Churchill có những giọng điệu và những lối thay đổi ngữ điệu làm người ta nhớ đến cha của ông ta, nhưng quý ông đáng kính này đã không chứng tỏ việc ông được thừa hưởng tài năng của cha trong lúc tranh luận... Ông nói lưu loát và có thể sẽ phát triển tốt khả năng ấy, nhưng đối với những người còn nhớ tác động mạnh mẽ trong bài diễn văn đầu tiên của người cha, thì sẽ nhận thấy cuộc tranh luận lần đầu của người con đã chẳng được như thế.

Ngay sau nỗ lực đầu tiên này, Churchill đã cho thấy sự không thể kiềm chế bản thân ở nghị trường và trong tuần lễ sau đó, ông đã can thiệp hai lần vào những cuộc tranh luận. Một trong hai lần này là một câu hỏi gặng đã bị người chủ tọa cuộc họp là tử tước William Court Gully gạt bỏ. Khuynh hướng không kiềm chế đã không gia tăng. Ông đã đọc hai bài diễn văn đáng lưu ý vào mùa xuân năm ấy, một trong tháng 3 và một trong tháng 5, và sau đó tương đối im lặng trong ba năm còn lại trong vai trò là nghị viên Đảng Bảo thủ.

Trong năm 1901, ông đã chín lần can thiệp trong các cuộc họp Hạ viện. Nhưng chúng được bổ sung bởi khoảng 30 bài diễn văn chính trị được đọc trong nước và một đợt diễn thuyết mới vào mùa xuân năm ấy. Ông kiếm được ít tiền hơn đợt diễn thuyết năm 1900. Bài diễn văn tháng 3 là một nỗ lực tranh luận bên phe chính phủ. Thiếu tướng Colvile đã đưa ra một mệnh lệnh khả tai hại ở Nam Phi và là người đầu tiên bị gửi trả về căn cứ rồi sau đó là về nước Anh. Từ nơi đó, nhờ sự rộng lượng của một người bạn học cũ, ông được chỉ định làm tổng tư lệnh đội quân đồn trú ở Gibraltar. Tuy nhiên, sau đó, khi mà những vụ việc nguy hiểm hơn cho thấy sự thiếu khả năng của Colvile bị phơi bày, sự bổ nhiệm này đã bị Bộ Chiến tranh hủy bỏ. Một trận bão chỉ trích đã nổ ra ở Quốc hội, và vào lúc ấy, xem ra chính phủ sắp sụp đổ bởi một bản kiến nghị yêu cầu thành lập một uỷ ban điều tra. Churchill đã mạnh mẽ lao vào cuộc, ông cho rằng “quyền chọn lựa, đề bạt, và cách chức” phải được giao cho những người có thẩm quyền về quân sự. Bầu chọn là một thủ tục nhân sự cần thiết, nhất là đối với các lực lượng vũ trang, và nếu nó không hiệu quả, thì quân đội sẽ trở nên suy yếu. Đây là một bài diễn văn thành công trong dịp ấy, và chính Churchill đã cho rằng ông phải làm thay đổi khuynh hướng bầu chọn để giúp chính phủ có được số phiếu đa số. Chắc chắn là ông đã làm hài lòng Bộ trưởng Quốc phòng St John Brodrick, người mà trong mẫu giấy ghi chép gửi cho Churchill (được cho là trong khi đang phấn khích với cuộc tranh luận) có chứa đựng một thí dụ tốt về sự tiên đoán sai lầm: “Tôi cho rằng anh sẽ không bao giờ có được bài diễn văn khác hay hơn bài diễn văn tối nay”.

Ông đã không thể duy trì lâu dài cảm tình của vị Bộ trưởng Quốc phòng này. Vì bài diễn văn tháng 5 của ông đã công kích mạnh mẽ kế hoạch cải tổ quân đội (được dự định sẽ là một *kiệt tác*) trong thời gian làm Bộ trưởng Quốc phòng của Brodrick. Kế hoạch bao gồm sự gia tăng mức chi tiêu cho quân đội khoảng 5 triệu bảng so với năm trước, chưa tính đến khoản chi đặc biệt dành cho hoạt động ở Nam Phi và Trung Quốc (ngân chặn phong trào Nghĩa Hòa Đoàn). Sự “phung phí” này đã chọc giận Churchill. Đã 15 năm kể từ khi công tước Randolph cống hiến cho sự nghiệp kinh tế quân đội “sự hy sinh lớn lao nhất so với bất cứ bộ trưởng nào hiện nay”. “Tôi rất vui mừng khi được Hạ viện cho phép giương cao lá cờ tả tôi mà tôi phát hiện được đang nằm lẫn lóc trên chiến trường”.

Tuy nhiên, may mắn là Winston Churchill dẫn thân vào những vấn đề nghiêm trọng hơn là bối lông tìm vết để chỉ trích các đối thủ. Brodrick đã đề nghị xây dựng ba binh đoàn chính quy, và thêm một lực lượng dự bị gồm ba binh đoàn dân quân và những người tình nguyện. Churchill đã chỉ trích gay gắt: “Chỉ cần một binh đoàn cũng tạm đủ để chống lại những xứ man rợ. Nhưng thậm chí ba binh đoàn vẫn không đủ để bắt đầu một cuộc chiến chống lại một nước châu Âu. Một cuộc chiến châu Âu không gì khác hơn là một cuộc chiến tàn nhẫn độc ác. Là cuộc chiến mà nếu muốn được hưởng những thành quả cay đắng của chiến thắng thì chúng ta phải huy động, có lẽ là trong suốt nhiều năm, toàn bộ nhân lực quốc gia, đình chỉ toàn bộ những ngành công nghiệp dành cho thời bình, và phải tập trung toàn bộ sinh lực xã hội vào một mục tiêu duy nhất”. Đây là một dự ngôn, chính xác hơn đánh giá của Brodrick, về tương lai của một diễn giả tài ba, và câu nói của Churchill “chiến tranh nhân dân sẽ khủng khiếp hơn chiến tranh giữa các vị vua” cũng vô cùng chính xác.

Một chủ điểm khác của ông, một quan điểm không bình thường ở một sĩ quan kỵ binh cấp úy, là quan điểm cho rằng vì quyền lợi của nước Anh, hải quân phải được xem trọng hơn bộ binh:

Loại vũ khí duy nhất mà chúng ta có thể dựa vào để chống lại các cường quốc là hải quân... Và chắc chắn là nếu chúng ta áp dụng chính sách quân sự chia đều nguồn lực cho hải quân và bộ binh, chi tiêu cho mỗi quân chủng 30 triệu bảng, là tạo ra những bất lợi và rủi ro cho cả hai chứ không thể mang lại lợi thế hoặc sự an toàn cho quân chủng nào cả và làm cho cả hai đều trở thành vô dụng.

Bài diễn văn kéo dài gần một giờ rất lôi cuốn. Churchill đã ghi lại rằng ông đã dành ra sáu tuần để chuẩn bị, phần lớn bài diễn văn được học thuộc lòng, vì ông gửi văn bản cho bạn của ông là Oliver Borthwick, chủ tờ *Morning Post*, với yêu cầu được tường thuật chính xác, gần ba tuần trước khi ông đọc nó. Ông đã không phạm phải sai sót nào khi đọc bài diễn văn này. Tuy nhiên, ông đã nói dối một quan sát viên nhạy bén rằng ông đã đọc từ một “màn hình” trong nội tâm bằng cách cầm một quyển sách lên để đọc một đoạn trích dẫn dài từ một bài viết của cha ông và kể đó lại đặt nó xuống rất lâu trước khi đoạn văn kết thúc. Thời gian chuẩn bị đã được sử dụng hợp lý. Bài diễn văn không chỉ thu hút sự quan tâm vào lúc ấy, mà còn mang lại cho ông một điều quan trọng về sau. Nó cung cấp cho ông một chủ đề mà từ đó ông đã triển khai nhiều lần trong các bài nói chuyện và bài viết trong thời gian còn lại của năm. Điều này đã biến ông thành một nhân vật được quan tâm của Đảng Tự do, nhiều bức thư thăm hỏi ân cần đã được gửi đến cho Churchill từ những nhân vật khác nhau về tính cách như là William Harcourt, W. T. Stead, và John Burns. Và quan trọng nhất là, theo như Churchill đã thừa nhận gần 30 năm sau trong tác phẩm *My Early Life*: “Nó đã đánh dấu sự bất đồng về tư tưởng và cảm tình rõ ràng giữa tôi và hầu như toàn bộ những người ngồi ở những hàng ghế gần tôi trong Hạ viện”.

Trong giai đoạn đầu sự nghiệp trong Quốc hội, mối quan tâm hàng đầu của Churchill là sự thay đổi đảng trong tháng 5 năm 1904, bài diễn văn này phải được xem là bước quan trọng đầu tiên của hành trình thay đổi. Khi hồi tưởng lại, xét từ một số phương diện, đây là tiến trình không thể tránh. Xét từ những mặt khác, một câu hỏi khá rầy rà đã được đặt ra: Churchill sẽ làm gì nếu được nhận

một chức vụ trong chính phủ của Đảng Bảo thủ? Vào ngày 11 - 7 - 1902, Salisbury đã từ chức và cháu trai của ông là Arthur Balfour đã dễ dàng trở thành thủ tướng, giống như trường hợp của Asquith năm 1908 và Neville Chamberlain năm 1937. Có thể là vì trong một thời gian rất lâu, ông hầu như là người đồng lãnh đạo của chính phủ này, và Balfour tạo ra rất ít thay đổi trong cơ cấu chính phủ. Gần như sự thay đổi duy nhất có thể được xem quan trọng là việc bổ nhiệm C. T. Ritchie làm Bộ trưởng Tài chính thay cho Hicks-Beach, người nhất quyết đòi về sống ẩn dật ở Salisbury. Đây là một sự bổ nhiệm kỳ lạ, vì cả Balfour lẫn Ritchie đều không có kỹ năng đặc biệt về xã hội lẫn tri thức chuyên ngành. Balfour xem Ritchie như là một thương nhân dù khó gây thiện cảm nhưng tài giỏi, vì thế mà hiểu rõ những bí mật đen tối trong lĩnh vực tài chính và kinh tế, điều mà bản thân Balfour mù tịt. Nhưng Ritchie vừa ngoan cố vừa không có kinh nghiệm còn Balfour thì nhã nhặn lịch sự nhưng lại nhập nhằng nước đôi, và Ritchie là người ủng hộ tự do mậu dịch vô đoán. Dự thảo ngân sách đầu tiên và duy nhất của Ritchie là một ngòi nổ hoàn hảo kích hoạt cuộc tranh cãi dữ dội giữa những người ủng hộ bảo hộ mậu dịch và những người ủng hộ tự do mậu dịch gây phiền hà cho chính phủ Balfour và làm giảm số người ủng hộ chính phủ này trong nhiệm kỳ tới. Giống như điều mà cuộc tranh cãi lớn ở châu Âu gây ra cho chính phủ của John Major 90 năm sau đó.

Vấn đề bảo hộ mậu dịch còn tác động sâu sắc đến sự nghiệp của Churchill. Tuy nhiên, trong mùa hè 1902, chính khách trẻ và nhiều tham vọng này quan tâm đến những thay đổi nhỏ trong chính phủ, hoặc đúng hơn là quan tâm đến sự thiếu những thay đổi bất kể quy mô, hơn là quan tâm đến “những hậu quả chính trị có thể có của ngài Ritchie”.⁹ Suốt một năm rưỡi ở Hạ viện, Churchill đã kết giao mật thiết với nhóm gồm bốn thành viên có nhiều đặc quyền khác của Đảng Bảo thủ. Bốn người này lớn hơn Churchill từ ba đến năm tuổi. Nhưng trong năm 1902, không ai trong số họ lớn hơn 34 tuổi. Họ rất hạnh phúc khi trở nên nổi tiếng, và đã ngay lập tức tự chế nhạo và tự xem mình là nhóm “Hughligans” [nhóm nghị sĩ cấp thấp thuộc Đảng Bảo thủ không hài lòng với sự lãnh đạo của

Arthur Balfour], tên gọi được mượn từ tên của nam tước Hugh Cecil, thành viên thông minh nhất của nhóm và cũng là, trên những vấn đề quan trọng, người chống đối mạnh mẽ nhất, con trai thứ năm của vị hầu tước già vùng Salisbury.

Cũng giống như Gladstone, Cecil là nghị sĩ đại diện lần lượt cho Greenwich và Đại học Oxford. Nhưng Gladstone theo thứ tự ngược lại. Và hầu như có học vấn cao như Gladstone cho dù nền học vấn ấy chẳng thực dụng và không giúp ích được nhiều cho công việc của họ. Trong nhóm này có bá tước Percy, trưởng nam của vị công tước thứ bảy và cũng là một người khiến cho Churchill cảm thấy thiếu nền tảng giáo dục đại học, dù ông đã không còn mặc cảm lăm với điều này. Kế đó là Arthur Stanley, thứ nam của công tước Derby thứ 16, người cũng giống như Churchill bước vào “thế giới” từ ngưỡng cửa trường học, dù đây là một trường ngoại giao chứ không phải là một trường quân sự. Vai trò chính trị của ông mờ nhạt, và danh hiệu có được vào tuổi trung niên là chủ tịch Câu lạc bộ Xe hơi Hoàng gia suốt gần 30 năm, ông khá giống với một người quảng cáo xe hơi trong cuộc chiến. Thành viên còn lại là Ian Malcolm, một mẫu thần tượng của phụ nữ, rất xứng hợp với người mà ông kết hôn, cô con gái xinh đẹp của diễn viên nổi tiếng Lithe Langtry. Malcolm và Cecil thất cử trong lần ứng cử thất bại thảm hại năm 1906, một tình huống mà Churchill cũng sẽ lâm vào nếu vẫn bám víu vào Đảng Bảo thủ.

Phần lớn nhóm Hughligans giao hảo khá thân tình với Balfour, do có mối quan hệ họ hàng hoặc do từng là thư ký riêng của Balfour.

Điều mà nhóm Hughligans thành thạo là tổ chức những bữa tiệc chính trị thân tình trong các phòng ăn dưới tầng hầm của toà nhà Quốc hội. Mục tiêu của họ là thắt chặt sự quen biết với những người nổi tiếng và muốn những người nổi tiếng biết đến họ. Họ đã giăng một tấm lưới chiết trung lôi kéo những người nổi tiếng có xuất thân khác nhau. Họ đã lôi kéo được Balfour, Morley và Hicks Beach, và vào một dịp trong tháng 7 năm 1901, khi cho rằng có thể thực hiện được do những người tiếp đón quá nhiệt tình. Họ đã mời cả Rosebery và Harcourt, hai người hiềm khích nhau suốt bảy năm, đến dùng cơm tối trong cùng

một đêm. Họ đã nhận được cái đáng được nhận: Rosebery thì bức bối (dù họ tổ chức bữa cơm vào Chủ nhật tại Mentmore hai tuần sau khi mời), còn Harcourt thì quên đến dự.

Chín tháng sau, họ đã có một bữa tiệc đáng nhớ với Joseph Chamberlain. Vì là người thích gây ấn tượng lúc đến và lúc ra đi, nên Joseph Chamberlain trước khi ra về đã dừng ở cửa và (ít nhất thì điều này cũng nằm trong ký ức bền vững của Churchill) nói: “Các anh, những chàng quý tộc trẻ, đã tiếp đãi tôi một cách long trọng, và để đổi lại, tôi sẽ tiết lộ cho các anh một bí mật vô giá, đó là các loại thuế mậu dịch. Sẽ có những chính sách mới về sau và trong tương lai gần. Hãy nghiên cứu chúng kỹ lưỡng để thành thạo về chúng và các anh sẽ không phải hối tiếc khi tiếp đãi tôi ân cần chu đáo”. Vì được đưa ra 13 tháng trước khi Chamberlain đọc bài diễn văn gây choáng váng tại tòa thị chính của thành phố Birmingham (để ủng hộ chủ trương bảo hộ mậu dịch và đưa ra lời nhận xét trích thượng nhưng chính đáng về thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của Đảng Tự do - “ông nên đốt những tờ truyền đơn của ông đi, chúng tôi sẽ nói về những điều khác”), nên lời khuyên của Joseph Chamberlain dành cho nhóm Hughligans không nhằm chán như đánh giá sau này dành cho nó. Một trong những người được hưởng lợi từ lời khuyên ấy (Cecil cũng là người ủng hộ tự do mậu dịch) chính là Churchill. Ông đã thật sự nghiên cứu thấu đáo về thuế mậu dịch và trở nên thành thạo các chiều hướng tranh cãi trên chủ đề này, nhưng không theo cách mà Chamberlain mong muốn.

Nhóm Hughligans rất thân thiết với nhau do sự thoải mái không bị gò bó khi kết giao, và tình bạn này tồn tại rất lâu sau khi sự cố kết về chính trị giữa họ đã không còn. Hugh Cecil là người phù rể, thuộc nhóm Bảo thủ Truyền thống, ở đám cưới của Churchill bốn năm sau khi Churchill đã gia nhập Đảng Tự do. Nhưng sự kết giao này đã không ngăn cản những người nhiều tham vọng (chắc hẳn đây là đặc điểm của Churchill) hướng đôi mắt xoi mói và không hoàn toàn rộng lượng, vào sự thăng tiến của những người khác. Khi Balfour thực hiện việc tái cơ cấu nhỏ trong chính phủ của ông, chỉ có Percy được thăng chức. Ông trở

thành thứ trưởng phụ trách Văn phòng về Ấn Độ, và một năm sau ông được chuyển sang Bộ Ngoại giao. Hẳn là vào giai đoạn này, Churchill thích làm việc tại một bộ nhỏ, và có lẽ là ông đã nghĩ rằng ông xứng đáng được như thế. Trong giai đoạn này không có bức thư nào của Churchill, cho dù là gửi cho mẹ, bày tỏ những suy nghĩ của ông. Nhưng vấn đề đã được con trai ông là Randolph Churchill giải quyết một cách tinh tế nhưng không quá hoa mỹ trong tập 2 (và là tập sách cuối cùng của Randolph) của tiểu sử chính thức: “Balfour đã không nhân cơ hội này để đưa Churchill vào bất cứ một bộ nào cả. Churchill đã tự đánh giá quá cao công lao của bản thân và thành công vào buổi đầu của ông trong Quốc hội rất đáng quan tâm. Thế nên cho dù những người khác có nói gì chẳng nữa thì chúng ta vẫn tin chắc rằng ông sẽ không may mắn ngạc nhiên khi được đưa vào một bộ”.

Thế nên câu hỏi rầy rà là nếu được nhận một vị trí trong chính phủ mới thì ông có ở lại Đảng Bảo thủ hay không. Hẳn là khi nhận được chỗ đứng như thế, ông sẽ có thiện cảm hơn với Balfour, và ông sẽ khó lòng rời bỏ Đảng Bảo thủ. Nhưng không có manh mối nào gợi ý điều này, dù cũng giống với hầu hết các chính khách nhiều tham vọng khác, ông thêm khát được nhận một bộ, và có thể là ông dễ dàng bị mua chuộc. Xem ra cho dù có được vị trí như thế hay không, Churchill cũng không thể nào bị quyến rũ bởi học thuyết bảo hộ mậu dịch của Chamberlain. Những lập luận mà Churchill triển khai để chống lại chủ trương bảo hộ mậu dịch (được ông trình bày trong quan hệ thư từ và những gợi ý trong các bài diễn văn khoảng một năm trước khi được bày tỏ trọn vẹn trong bài diễn văn ở Birmingham vào tháng 5) đã cho thấy sự lên án nặng nề hơn bất cứ sự xúc phạm có tính cách cá nhân nào khác. Hẳn là ông đã rất buồn khi vào mùa thu 1903, Balfour đã hối thúc ba vị bộ trưởng chủ trương tự do mậu dịch là Ritchie, Balfour xứ Burleigh và George Hamilton (và sau đó là cả công tước Devonshire, đây là người mà thủ tướng không muốn mất nhưng lại nhất quyết đòi ra đi như những người kia). Sau chuyện ấy, có vẻ như không có một chức vụ nào, dù thấp hay cao, có thể giữ chân Churchill trong một chính phủ thu dụng phần đông là

những người chủ trương bảo hộ mậu dịch và loại bỏ nhiều người không ủng hộ chủ trương này.

Sự bất mãn với Đảng Bảo thủ của Churchill đã bắt đầu trước khi Balfour trở thành thủ tướng với một sự ve vãn không đáng khích lệ điển hình đối với bá tước Rosebery. Rosebery đã tuyên bố từ rất lâu trước đó rằng ông dự định đọc một bài diễn văn lừng danh tại Chesterfield vào giữa tháng 12 năm 1901. Sự nổi tiếng của bài diễn văn này đã được biểu tượng hóa bởi việc Asquith và Edward Grey, hai phó chủ tịch của Hội đồng các đảng viên Tự do Bảo hoàng [Liberal Imperialist Council], đã đi một quãng đường rất xa đến chỉ để gạt bỏ cương lĩnh chính trị của ông. Và Churchill đã rất phấn khích trước triển vọng việc này sẽ dẫn đến sự hình thành một đảng phái trung dung. Rosebery rất giỏi trong việc sử dụng các cụm từ đáng ghi nhớ hơn là có ý nghĩa. Ông nói: “Đảng Tự do phải đeo đuổi một chính sách không ràng buộc và gạt bỏ mọi chiếc rường Thánh điển bị bôi bẩn. Trong lúc đó tôi phải hành động đơn độc..., nhưng trước khi hoàn thành hành động như thế, có khả năng là những người khác cũng tiếp tay với tôi”. Nhưng liệu ông có mở ra một tiêu chuẩn có thể quy tụ những người có quan điểm chiết trung hay không thì vẫn không rõ.

Tuy nhiên, Churchill vẫn tiếp tục hy vọng rằng vị bá tước mũm mĩm này sẽ có phản ứng dứt khoát. Ba tuần sau, vào đầu năm 1902, Churchill đến đọc diễn văn tại Blackpool, ngay nơi mà 18 năm trước cha ông (công tước Randolph) từng đưa ra một trong những lời châm biếm xác láo nhất của ông tại Gladstone. Bài diễn văn “trào lộng” của công tước Randolph đã mô tả các đoàn đại diện của công nhân đến chứng kiến trò tiêu khiển đốn cây của bá tước Gladstone đã “được phép chiêm ngưỡng và thán phục” ra sao... Và “mỗi một người trong số họ được tặng vài miếng khoai tây rán như là những kỷ vật để kỷ niệm một cảnh tượng đáng nhớ”.

Winston Churchill đã không cạnh tranh với lối châm biếm như thế của cha, có hai khía cạnh đáng quan tâm trong lúc ông đọc bài diễn văn ở Blackpool. Thứ nhất, ông đã đánh rơi khăn tay để Rosebery nhặt lên, và qua cách làm như thế đã

chứng tỏ phong cách lãnh đạo có phần lãng mạn của ông. Churchill nói: “Tôi đón nhận bài diễn văn của bá tước Rosebery vì ông là người duy nhất trong đảng đối lập có tư tưởng yêu nước, và là người có tư cách đưa ra sự chỉ trích đáng tin cậy. Bá tước Rosebery sở hữu ba tố chất mà một thủ tướng Anh phải có. Ông ấy phải được giữ một chức vụ cao trong chính phủ, phải được dân chúng yêu mến, và phải là người có uy tín”.

Thứ hai, Churchill đã chỉ trích sớm (so với độ tuổi của ông), và mang tính thăm dò, chính sách xã hội. Thành viên Đảng Tự do khác (có cá tính rất khác với Rosebery) gây ấn tượng lớn cho Churchill vào thời ấy là John Morley. Churchill từng trải qua giai đoạn đứng núi này trông núi nọ. Vào tháng 12, cũng trong năm 1901, khi Churchill mời Morley đến dùng một bữa tiệc nhỏ dành cho đàn ông, bữa tiệc bao gồm Buckle, chủ bút tờ *The Times*, J. A. Spender, chủ bút tờ *Westminster Gazette*, và tử tước Goschen (người thay thế tước vị của cha khi cha về hưu năm 1886 và là cựu bộ trưởng Tài chính ủng hộ tự do mậu dịch), khách mời của Churchill đã nhiệt tình giới thiệu với ông về tài liệu nghiên cứu tình trạng người nghèo ở thành phố York của Seebohm Rowntree. Churchill đã nhanh chóng mua để đọc, và tài liệu này đã in đậm dấu ấn trong suy nghĩ và trong quan hệ thư từ của Churchill suốt mùa Giáng sinh và năm mới năm ấy. Tại Blackpool, Churchill nói:

Tôi đã đọc một quyển sách khiến tôi kinh hãi. Quyển sách này được viết bởi Mr Rowntree, người đã tìm hiểu về người nghèo ở thành phố York. Nó cho thấy rằng tỉ lệ nghèo đói ở thành phố ấy là gần một phần năm, và gần một phần năm có lượng lương thực để ăn chỉ bằng khoảng từ một rưỡi đến ba phần tư so với lượng thức ăn của những người nghèo thuộc Công đoàn York. Quả là một điều khủng khiếp khi người ta chỉ có khoản thu nhập tương đương với những gì mà một trại tế bần hoặc nhà tù có thể cung cấp để thay đổi cảnh ngộ hiện tại.

Cũng như Hugh Cecil, Rosebery đã đưa ra một báo động giả. Thường việc

làm này không được khôn ngoan cho lắm nhưng lần này thì khác, nó là hồi chuông cảnh tỉnh Churchill trong dịp năm mới: “Chỉ hưởng ứng lời mời của một người bảo hoàng khi nào anh ta đã tự chuẩn bị nhà cửa để đón tiếp bạn. Thế mà bây giờ anh ta chỉ có thể chia sẻ với bạn một chiếc dù tả tơi”. Đó là một lời nói ẩn dụ thâm thúy, cho dù nhà cửa (cũng như tiền bạc) là cái mà Rosebery, lãnh chúa của các vùng điền trang Dalmeny, Mentmore, Durdans, chủ tòa nhà ở số 40 phố quảng trường Berkeley và một biệt thự ở Naples, không hề thiếu.

Có lẽ là do Rosebery thường không thể cung cấp gì nhiều hơn là một nguồn sáng lập lờ. Nhưng có thể đúng hơn là hầu như mọi trào lưu chính trị đầu năm 1902 đều có khuynh hướng trở thành những tiến trình khật khưỡng, dao động với cứ hai bước tiến thì ít nhất cũng phải có một bước lùi, mang lại cho Churchill một giai đoạn ngưng nghỉ trong chiều hướng nhìn chung là ủng hộ Đảng Tự do của ông. Ông đã ủng hộ Dự luật Giáo dục của chính phủ Bảo thủ trong kỳ họp Quốc hội lần ấy. Đó là một hành động hợp lý, vì nó đánh dấu một sự tiến bộ mang tính quyết định đối với nền giáo dục trung học của quốc gia và xúc phạm Đảng Tự do chỉ vì nó mở rộng sự tài trợ đến với các trường tiểu học Anh giáo và Công giáo, và các thiên kiến của những thành viên Đảng Tự do ủng hộ chủ trương bất tuân giáo đã khiến đảng (Tự do) cho rằng họ thiếu khả năng tài chính và không chịu bảo trợ.

Bài diễn văn chống chủ trương của Đảng Tự do khác của Churchill, cũng trong năm 1902, đã không được ngưỡng mộ. Hầu như chỉ có việc chống lại “Dự luật cho phép cưới em (hoặc chị) vợ khi vợ chết” [Deceased Wife’s Sister Bill] là thành tựu tập thể duy nhất của nhóm Hughligans. Vào thời gian này, việc người chồng có được phép cưới em hoặc chị vợ khi vợ chết hay không là một vấn đề gây tranh cãi. Ít nhất thì cũng có thể sánh với vấn đề cho phép đồng tính luyến ái và cấm sẵn cáo một trăm năm sau. Có một đa số rõ ràng ở Hạ viện (dù không có các quý tộc) ủng hộ chủ trương mở rộng quyền tự do. Nhưng có một thiểu số hiểm độc mà người đứng đầu là nam tước Hugh Cecil, cương quyết chống lại chủ trương này. Ông đã lãnh đạo nhóm năm người, bao gồm Churchill, khai thác

công cụ thủ tục trắng trợn nhất để hành động. Vì vào lúc ấy tất cả đều độc thân (Ian Malcolm kết hôn với con gái nữ diễn viên Langtry sau đó trong năm) nên không được xem là những người thích hợp nhất để đánh giá vấn đề. Là một vấn đề rất thực tế trong thời kỳ mà các trường hợp chết khi sinh con thường xảy ra và các gia đình không khá giả thường phải nhờ một người đi đến trông nom việc nhà. Họ lại càng không thể tìm kiếm vinh quang bằng cách nấn ná lâu hơn ở phòng biểu quyết khi mà thời gian đã hết và phe đa số đã nản lòng, trong khi vấn đề chỉ là một ý kiến cá nhân chứ không phải là một dự luật của chính phủ. Cecil và những người trong nhóm đã bị người điều khiển cuộc thảo luận khiển trách và bị nhiều người thóa mạ. Trong tập 2 của bộ sách tiểu sử chính thức, cháu trai của công tước Randolph là Randolph Churchill, đã nói, được cho là có tính cách bông đùa chứ không nghiêm túc, rằng Winston Churchill đã không làm gì khác hơn là theo truyền thống gia đình. Ông cho biết rằng ba vị công tước liên tiếp của vùng Marlborough đã biểu quyết chống lại biện pháp của Thượng viện. Nó gợi ý là, truyền thống gia đình này không ủng hộ việc kết hôn với người dì (em hoặc chị của vợ). Mọi tài sản mà người cha vợ muốn bòn rút thì đã bị bòn rút ngay từ lần gả con thứ nhất.

Đây là những hành động còn lưu luyến quá khứ cuối cùng của Winston Churchill. Thậm chí trước khi Chamberlain đưa vấn đề bảo hộ mậu dịch vào trung tâm hoạt động chính trị của nước Anh, Churchill *yên phận* với một quan điểm khá tĩnh tại. Tùy theo cách nhìn mà quan điểm này có thể được cho là sâu sắc hay bị xem là khờ khạo. Và ông không có ý định từ bỏ nó. Trong năm 1902, ông đã viết thư cho một cử tri rằng: “Hành tinh của chúng ta không lớn khi đem so với những thiên thể khác. Và tôi nhận thấy là chẳng có lý do gì đặc biệt để chúng ta phải cố gắng tạo dựng bên trong hành tinh của chúng ta một hành tinh nhỏ hơn với tên gọi là Đế quốc Anh, bằng cách sử dụng những khoảng không không thể vượt qua để tự chia cắt với mọi điều khác”.

Sau đó, mười ngày kể từ khi bài diễn văn đọc tại Birmingham của Chamberlain trong tháng 5 năm 1903, Churchill đã viết cho Balfour một bức thư

chống đối và cảnh báo thẳng thừng:

Tôi tuyệt đối chống lại bất cứ cái gì làm thay đổi đặc điểm tự do mậu dịch của nước Anh, và tôi cho rằng vấn đề này quan trọng hơn bất cứ vấn đề nào khác mà hiện nay chúng ta phải đối diện. Ưu đãi thuế quan, cho dù là đối với những khoản mà chúng ta phải đánh thuế để kiếm thêm thu nhập, là nguy hiểm và dễ gây ra sự chống đối. Nhưng dĩ nhiên là mọi chuyện khó mà chỉ dừng ở mức ấy. Và tôi tin rằng một khi chính sách này bắt đầu được thực hiện nó sẽ dẫn đến việc thiết lập một hệ thống bảo hộ mậu dịch hoàn chỉnh, kéo theo thảm họa thương mại và sự Mỹ hóa đời sống chính trị của nước Anh... Tôi muốn nói với ông rằng nỗ lực duy trì chính sách và đặc điểm tự do mậu dịch của Đảng Bảo thủ từ phía ông sẽ nhận được sự trung thành tuyệt đối của tôi. Thậm chí là tôi sẵn lòng nuốt trọn cả sáu quân đoàn nếu điều này có thể tạo ra sự khác biệt, và nhấn chìm mọi bất đồng nhỏ. Nhưng nếu ông quyết định không thay đổi thì tôi phải xem xét lại quan điểm chính trị của tôi.

Bức thư dài viết tay phản đối thủ tướng của một nghị sĩ cấp nhỏ 28 tuổi này có thể được khen là dũng cảm hoặc bị chỉ trích là ngạo mạn. Nhưng chắc chắn nó là một thí dụ cho thấy ở Churchill sự tự tin và luôn quyết tâm trở thành một nhân vật hàng đầu. Cũng trong tuần này, ông làm rõ thêm quan điểm của mình bằng một bức thư tương tự gửi cho Campbell-Bannerman, người lãnh đạo phe đối lập. Bức thư thôi thúc ông ta cân nhắc những mối quan tâm của những người ủng hộ tự do mậu dịch trong Đảng Bảo thủ, những người có triển vọng là các đồng minh trong cuộc tranh cãi về tài chính. Churchill đã nhận được thư trả lời nhã nhặn nhưng lạnh nhạt của cả hai nhà lãnh đạo.

Những giai đoạn thăng tiến về địa vị chính trị sau này của Churchill đã được đánh dấu bởi hai bức thư thậm chí còn dài hơn nữa được viết vào khoảng cuối năm 1903. Bức thư thứ nhất gửi cho Hugh Cecil, viết vào ngày 24 tháng 10,

nhưng được ghi chú là “Không gửi”. Việc ghi chú này có làm giảm giá trị của bức thư hay không vẫn còn đang được tranh cãi. Người ta có thể cho rằng ghi chú ấy cho thấy sự phân vân ở phía Churchill. Mặt khác, khi đã viết ra thì hẳn Churchill đã có ý định gửi nó. Và việc Cecil là người dễ bị kích động, dù có tính khí rất khác với Churchill, có thể là nguyên nhân khiến cho đôi khi Churchill phải phân vân như thế.

Tôi muốn ngài hiểu rõ rằng tôi tuyệt đối nghiêm túc trong những gì tôi đã nói với ngài hôm qua và không nghĩ rằng sẽ có một điều gì đó xảy ra làm cho tôi thay đổi quan điểm.

Tôi hiểu rất rõ kế hoạch của ngài, và đó không phải là kế hoạch của tôi. Tôi không muốn bị lôi kéo vào một bè phái hẹp hòi ủng hộ chủ trương của Robert Peel nhất quyết không thay đổi chính sách kinh tế, còn bảo thủ hơn các đảng viên Bảo thủ trong nhiều điều khác nữa. Tôi không dự định trở thành một “người ủng hộ trung thành” của Đảng Thống nhất (Unionist Party, tên gọi khác vào thời ấy của Đảng Bảo thủ) hoặc của chính phủ hiện nay. Và tôi không muốn bị xem là như thế nên tiếp tục chống lại đảng này và những người trung thành với nó nhất, và công kích triệt để những người bảo vệ nó.

Ngài thích điều như thế. Ngài tìm thấy sự mãn nguyện đáng buồn từ ý tưởng bị gạt bỏ ra khỏi đời sống chính trị nuôi dưỡng những sai lầm của ngài... Tôi nghĩ rằng ngài sẽ trở thành kẻ tử vì đạo theo như ý nguyện của ngài.

Nhưng tôi không đồng cảm với quan điểm này. Tôi là một đảng viên Tự do. Tôi không ưa Đảng Bảo thủ cũng như các thành viên cùng với giọng điệu và những phương pháp của họ. Tôi cảm thấy không đồng cảm với họ ngoại trừ những người đứng về phía tôi ở Oldham... Vì thế, dự định tách ra khỏi Đảng Bảo thủ của tôi sẽ được hoàn tất trước kỳ họp Quốc hội (cuối tháng 1 hoặc trong tháng 2) và sẽ không thay đổi. Và trong kỳ họp tới, tôi sẽ hoạt động hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng Tự do.

Bức thư thứ hai gửi cho Bourke Cockran, một người bạn Mỹ của Churchill,

được viết ngày 12 tháng 12. Nó chứa đựng những dấu hiệu đáng quan tâm cho thấy ông tin chắc rằng, việc những người ở địa vị của ông khi kiểm soát các khu vực cử tri mới hẳn cũng dễ dàng như điều khiển một con ngựa mới:

Tôi tin là Chamberlain sẽ thất bại trong cuộc tổng tuyển cử bởi một đại đa số áp đảo. Đây là điều sẽ xảy ra cho các thành viên của Công đoàn Mậu dịch Tự do (Free Trade Unionists), những người nhờ họ mà phần lớn kết quả này sẽ giành được, là một vấn đề đáng quan tâm khác... Tôi không nghĩ rằng những người như là Hugh Cecil và tôi lại bị gạt bỏ ra khỏi Quốc hội. Ở đây, quyền tự do chọn lựa bất cứ đơn vị bầu cử nào để đại diện của chúng tôi cho phép bất cứ ai trong chúng tôi, miễn là được nhiều người yêu mến và được xem là một chính khách xuất chúng, tìm một con đường khác để quay lại Hạ viện khi bị một đơn vị bầu cử cụ thể nào đó gạt bỏ. Nhưng tôi sợ rằng các thành viên bình thường trong đảng phái nhỏ của chúng tôi sẽ phải gánh chịu những điều đáng ngại, nhiều người trong số họ đã bị tiêu diệt hàng loạt và phải kết thúc sự nghiệp chính trị mãi mãi... Tôi đã phải hứng chịu đủ mọi kiểu rắc rối tại chính khu vực bầu cử của tôi và phải nghĩ đến việc thử vận may ở một khu vực bầu cử mới...

Mong là ông sẽ gửi cho tôi một số bài diễn văn xuất sắc ủng hộ tự do mậu dịch được đọc ở Mỹ và một số sự kiên liên quan đến tham nhũng, vận động hành lang, v.v...

Việc nhắc lại khó khăn ở khu Vực bầu cử trong bức thư này là có lý do chính đáng. Vì, như là một món quà Giáng sinh cay đắng, vào ngày 23 tháng 12, Ủy ban Đa nhiệm (General Purposes Committee) của ông ở Oldham đã báo cho ông biết rằng nó đã thông qua nghị quyết sau đây, để được đệ trình trong một cuộc họp khoáng đại vào ngày 8 tháng 1. Nghị quyết này nói rằng: “Cuộc họp này là nhằm thông báo với nghị sĩ Winston S. Churchill là ông ta đã không còn được tín nhiệm trong vai trò là thành viên của Đảng Thống nhất đại diện cho khu vực

bầu cử Oldham. Và trong trường hợp diễn ra bầu cử, ông không còn được nhân danh tổ chức thuộc Đảng Bảo thủ này”. Tại cuộc họp lớn hơn trong tháng 1, nghị quyết này đã được chấp thuận với chỉ một phiếu chống và vài phiếu trắng. Tuy nhiên, dù đây là một hoàn cảnh khó khăn nhưng chưa phải là hoàn toàn bế tắc. Vì điều cuối cùng mà những thành viên hiếu chiến của Đảng Bảo thủ địa phương mong muốn là một cuộc bầu cử bổ sung, cơ hội mà khá chắc chắn là họ sẽ thất bại. Vì thế, ông có thể từ chức mà không bị trừng phạt và tiếp tục ở lại Quốc hội cho đến khi diễn ra cuộc tổng tuyển cử.

Việc Churchill “thử vận may ở nơi khác” đã xảy ra sau đó không lâu. Vào ngày 13 tháng 1, ông viết: “Tôi dùng cơm trưa với Herbert Gladstone [người con nhỏ nhất và có thiên hướng chính trị nhất của một lão làng trong hoạt động chính trị, người khi ấy là thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của Đảng Tự do] hôm qua và đã nói với ông ta nhiều điều về các khu vực bầu cử nghị viện”. Tuy nhiên, nhìn từ một số mặt, câu có nhiều hàm ý nhất trong bức thư Churchill gửi cho Cockran là câu “*Một số sự kiện liên quan đến tham nhũng, vận động hành lang, v.v...*”. Nên hiểu rằng nó nhắc lại cụm từ trong thư gửi cho Balfour viết về việc Churchill lo sợ rằng, “bên cạnh việc không khôn ngoan, chủ trương bảo hộ mậu dịch sẽ làm nghèo nước Anh và sẽ Mỹ hóa hoạt động chính trị của nước Anh”. Bên cạnh việc tin rằng bảo hộ mậu dịch sẽ làm cho nước Anh (nhất là vùng Lancashire) trở nên nghèo khổ, Churchill còn tin tưởng sâu sắc rằng các loại thuế bảo hộ mậu dịch sẽ khiến cho hoạt động chính trị tài chính bị thao túng bởi các nhóm tài phiệt khác nhau, và những người giàu nhất cho dù là kém phẩm hạnh nhất sẽ nhận được những vị trí cao nhất. Quan điểm này cùng với hai tâm trạng khác (một là bị sốc vì tình trạng nghèo đói [được nhà xã hội học Benjamin Seebohm Rowntree và nhiều người khác vạch trần] mà trong đó nhiều người nghèo ở các quốc gia giàu có trên thế giới đã phải sống khổ sở, hai là một số người, có thể có phần hóm hỉnh, chống lại sự giàu có nhờ chế độ tài phiệt của những “kẻ mới phát” trong thời đại của Vua Edward VII) đã tạo ra sự cực đoan chung cho quan điểm chính trị của ông. Tâm trạng thứ hai này không khác gì mấy so với tâm

trạng mà Gladstone, người dù có tính cách rất khác, cảm nhận được về tình hình thập niên 1870 (một thập kỷ khác cũng có nhiều người mới giàu, như đã được mô tả một cách sống động trong tiểu thuyết ít tính dung thứ nhất của Trollope, *The Way We Live Now - Lối sống của chúng ta hiện nay*).

Churchill thường bị lên án là dễ bị sốc do sự xa xỉ và giàu có của những người khác hơn là của chính ông. Ví dụ như sau hai tuần lễ nghỉ ngơi tại biệt thự của Ernest Cassel ở bang Valais, Thụy Sĩ (biệt thự này là một ngôi nhà lớn bốn tầng, tiện nghi, có đủ mọi món đồ nội thất sang trọng mà người Anh mơ ước, tọa lạc trên một nhánh núi cao trên 2.000 mét ở trung tâm một vùng núi tuyết Thụy Sĩ) ông đến Glasgow vào tháng 11 năm 1904 để đọc một trong những bài diễn văn mạnh mẽ nhất thuộc loại này. Nhưng ông không phải là người duy nhất lâm vào tình thế tự mâu thuẫn.¹⁰ Nhiều bài diễn văn đề cao đạo đức đã được đọc lên từ những trang viên sang trọng. Và nếu sự khắc khổ cá nhân được xem là nền tảng cần thiết cho một xung năng cấp tiến thì tiếng hô xung trận nổi tiếng nhất của những người hô hào cải cách phải bị vô hiệu hóa.

Khi đến Glasgow, tại một cuộc họp lớn ở tòa nhà St Andrew, Churchill đã công kích chính phủ ngày càng chiều theo các quyền lợi của giới tư bản trong nước. Ông đã rất thích một trong những cụm từ đối âm, và khi sử dụng cụm từ ấy (dù có hơi khoa trương hơn), Churchill đã đi trước các bài diễn văn 50 năm sau đó của Theodore Sorensen viết cho John F. Kennedy, ông nói rằng ông sợ đảng tư bản độc lập hơn là công đảng độc lập:

Vào lúc này, người ta không quan tâm đến điều gì khác hơn là tiền bạc, các tài khoản ngân hàng. Xem ra phẩm chất, nền tảng giáo dục, ngày càng trở nên kém quan trọng. Sự giàu có ngày càng được đánh giá cao. Ở London có một nhóm người đáng kể đi rao giảng Phúc âm của Thần Tài, họ chỉ tán thành 10% trong số 10 điều răn của Chúa, và hàng ngày đọc lời cầu nguyện: “Lạy Chúa! Xin hãy ban cho chúng con tiền bạc khi chúng con còn sống”.

Vào lúc này, Churchill đã bước đến ngưỡng không thể quay đầu lại của cuộc đời. Ông đã không hoàn thành được lời hứa (hoặc đe dọa) với Cecil, rằng đầu kỳ họp Quốc hội năm 1904, ông sẽ ngồi ở các dãy ghế của phe đối lập. Trong khi đó, trên các dãy ghế của Đảng Bảo thủ, Churchill ngày càng bị cô lập. Vào ngày 29 tháng 3, một tranh cãi Quốc hội biểu trưng cho thái độ hắt hủi Churchill của đảng cũ của ông đã xảy ra. Trong một kiến nghị đề nghị hoãn họp Quốc hội nhân dịp lễ Phục sinh (và vì thế đây là dịp để xem xét lại tình hình chính trị) theo đề nghị của thủ tướng, Churchill đã đứng lên phát biểu (vẫn còn ở trong khu vực của chính phủ đương nhiệm) ngay sau bài phát biểu của Lloyd George. Thủ tướng Balfour cũng đứng dậy ngay lúc đó nhưng là để dời phòng họp. Do quá nhạy cảm, Churchill đã cảm thấy bị mất thể diện bởi điều mà ông cho là “thái độ thiếu tôn trọng đối với Hạ viện” của thủ tướng. Không thể nghi ngờ rằng vào thời ấy, ở một số phương diện, cách xử sự ở Quốc hội có phần tốt hơn. Dù sao đi nữa, sự tự đề cao của Churchill, chắc chắn đánh giá này phát xuất từ suy nghĩ cho rằng ông là một con sư tử trẻ táo tợn và không trung thành, đã khơi gợi sự bày tỏ thái độ của Đảng Bảo thủ. Toàn bộ các nghị sĩ ở hàng ghế trước (giữ những chức vụ quan trọng trong chính phủ và trong các đảng đối lập) đã lặng lẽ rời phòng họp. Các nghị sĩ ở hàng ghế sau (không giữ các chức vụ quan trọng) cũng rời phòng họp cho dù với dáng vẻ ít oai vệ hơn nhưng hầu như cũng không kém phần nhất trí. Một vài người trong số họ đứng nói chuyện huyên náo bên cạnh chỗ ngồi của chủ tịch Hạ viện và trên những bậc cấp gần đó để chế giễu người từng là đồng sự của họ.

Sự biểu thị lòng khoan dung Ki-tô giáo như thế trong Tuần Thánh đã tác động sâu sắc đến Churchill. Nó khiến ông bày tỏ sự căm ghét Đảng Bảo thủ qua bức thư viết cho Hugh Cecil (nhưng không gửi) trong mùa thu trước. Sự giận dữ của Churchill đã được xoa dịu đôi chút bởi người bạn cũ của cha ông là John Gorst, lúc ấy đã gần 70 tuổi và đại diện cho khu vực cử tri Đại học Cambridge. Ông đã ủng hộ Churchill, và ra mặt, có lẽ là trên cơ sở luyện tiệc tình xưa nghĩa cũ quá mức, chống lại việc tẩy chay Churchill (“Quyền, do được thừa kế tư cách

thành viên đáng kính của khu vực cử tri Oldham, nhận được sự tôn trọng và quan tâm của Hạ viện lẽ ra phải bảo vệ không để cho anh ta [Churchill] bị đảng của anh ta đối xử tệ bạc như trưa hôm nay”). Sự ủng hộ của Gorst không chỉ dựa trên cách xử sự và những ký ức của đầu thập niên 1880. Ông đã theo dõi Churchill suốt thời gian Churchill làm việc trong Hạ viện và đã không thể tranh đoạt đất sân nhà của ông là Preston trong vai trò một thành viên Đảng Tự do trong năm 1910.

Những trải nghiệm ở Hạ viện của Churchill trong mùa xuân ấy đã khiến cho ông bị tổn thương. Ba tuần sau đó, vào ngày 22 tháng 4, ông đã đọc một trong những bài diễn văn hùng hăng nhất ủng hộ một đề xuất cá nhân của một thành viên Quốc hội đề nghị cải thiện các quyền lợi của *các* nghiệp đoàn và thay đổi hoàn toàn quyết định (gây hại cho các nghiệp đoàn) liên quan đến trường hợp của công ty đường sắt Taff Vale trong năm 1901. Phán quyết này đã đảo ngược thông lệ được phổ biến từ thập niên 1870, và buộc các nghiệp đoàn phải chịu trách nhiệm đối với những tổn thất do các cuộc đình công gây ra. Lần này ông đã không cô đơn như lần trước, vì có đến 17 đảng viên Bảo thủ ủng hộ đề xuất của David Shackleton, nghị sĩ đại diện cho khu vực cử tri Clitheroe. Những trải nghiệm này còn tác động xấu đến Churchill hơn nữa. Khi ông phát biểu 45 phút (có thể có người cho là quá dài) với nội dung từ một tờ giấy được học thuộc lòng như thông lệ chứ không có bất cứ ghi chú nào, “máy phóng đại chữ” bên trong đầu của ông đã bị “hư” đột ngột.

Khi đọc đến đoạn được bắt đầu từ câu “Chính phủ có nhiệm vụ phải đáp ứng các nhu cầu của tầng lớp lao động nhưng đã không chứng tỏ được điều ấy” thì Churchill đã không còn nhớ là phải nói tiếp như thế nào. Sau một khoảng thời gian vô vọng tìm từ để nói tiếp, tìm cả trong đầu lẫn trong túi quần, Churchill đã ngồi xuống và dùng hai tay ôm mặt.

Đây hẳn là một trải nghiệm khủng khiếp làm tiêu tan sự tự tin của bất cứ người nào, nhất là đối với Churchill. Nỗ lực trèo cao đầu tiên phát xuất từ việc ông không phải là một thành viên trẻ nóng nảy của Quốc hội cố gắng vượt ra

ngoài khả năng để thực hiện nhiệm vụ đối với các cử tri. Theo chọn lựa của chính ông thì ông là một nghệ sĩ đu dây, và cảnh tượng ông bị ngã xuống mà không có lưới an toàn hẳn là sẽ làm cho nhiều người rất thích thú.

Tuy nhiên, lần này sự đồng cảm tập thể được nhiều người ca tụng của Hạ viện đã tự chứng thực. Và những tiếng xì xào biểu lộ sự ủng hộ đồng cảm đã lấn át những lời chế giễu của các thành viên Đảng Bảo thủ. Nỗ lực trèo cao thứ hai là hơn 10 năm trước kể từ khi nhiều thành viên Quốc hội quan sát được sự suy sụp tinh thần đáng sợ do những nguyên nhân thể chất từ công tước Randolph Churchill, phần lớn sự suy sụp này đã được biểu lộ qua việc ông không thể đọc các bài diễn văn một cách mạch lạc. Winston Churchill đã nhiều lần tuyên bố rằng ông thuộc một gia đình không có truyền thống sống thọ nên ông phải nhanh chóng trở nên nổi tiếng. Nhưng những dự báo hơi cường điệu về số phận của chính ông như thế khác với điều đã thật sự được phơi bày trước công chúng liên quan đến cái có thể được xem là sự suy sụp mang tính di truyền.

Cơn suy sụp này xảy ra khi Churchill đang lâm vào một vụ tai tiếng chính trị nguy hiểm và rất dễ bị công kích, và điều này khiến cho việc ông hồi phục sau đó càng khiến cho người ta quan tâm nhiều hơn. Ông đã phải trải qua một khoảng thời gian ngắn mất tinh thần trong tuyệt vọng nhưng sau đó ông đã phục hồi nhờ tập luyện trí nhớ bằng phương pháp của Pelman. Và thực tế hơn, ông quyết tâm trong tương lai sẽ luôn mang theo những ghi chú đầy đủ nhất và rõ ràng nhất cho các bài diễn văn.

Động thái quan trọng của ông ở Hạ viện sau đó là im lặng nhưng là một sự im lặng đầy ý nghĩa. Ông quyết định rằng đây là thời điểm phải thay đổi đảng phái và thực hiện một trong những hành động chống lại đảng cũ của mình nhiều kịch tính hơn. Khi Quốc hội tái nhóm sau thời gian nghỉ nhân ngày lễ Chủ nhật Hiện xuống, ông đã từ chối ngồi vào hàng ghế không thân thiện của chính phủ và chọn chỗ ngồi phía sau lối ngăn cách, ở khu vực của Đảng Tự do. Chuyện này đôi khi vẫn xảy ra dù nó là một động thái phát xuất từ một sự bốc đồng nhất thời. Nhưng chỗ mà Churchill ngồi, kế bên Lloyd George, một người thân thiện

mới quen, nơi Churchill nghĩ là từ đó cha ông đã thực hiện những trò tình nghịch thời xa xưa, người ta không thể nào cho rằng chỗ ấy trống là do tình cờ. Trong khi người ta vẫn còn có thể tranh cãi về việc Churchill có là một thành viên Đảng Tự do kiên định hay chưa, không ai có thể nghi ngờ rằng đảng mới của ông vào lúc ấy đã trao cho ông điều kiện thuận lợi hơn đảng mà ông vừa từ bỏ.

Chương 5

TRỞ THÀNH THỦ TRƯỞNG

Việc Churchill về với Đảng Tự do gợi nhớ câu thơ mà thi sĩ La Mã cổ đại Virgil viết về việc Nữ hoàng Dido trong truyền thuyết tiếp đón vị hoàng tử của thành Troy bị đắm tàu là Aeneas tại thành bang Carthage. Câu thơ đã được Gladstone sử dụng năm 1866 trong một trường hợp không hoàn toàn giống với trường hợp của Churchill. Dĩ nhiên là Gladstone đã trình bày câu thơ này bằng tiếng Latin nguyên thủy trước Hạ viện: “Eiectum litore egenem excepī” (Một kẻ bị lưu đày trôi dạt đến bờ biển của ta đã được ta che chở), và nói thêm rằng ông hy vọng là Đảng Tự do sẽ không bao giờ nói về Churchill rằng “Et regnū demens in parte locavi” (Ta là kẻ ngốc khi chia sẻ với người vương quốc của ta). Không giống như Nữ hoàng Dido, không thật sự yếu mền Churchill (có lẽ là ngoại trừ phu nhân Violet Asquith), cũng không chia cho ông ta một nửa sản nghiệp, nhưng Đảng Tự do thật sự nhiệt tình tiếp nhận và rộng lượng đối với người đến sau, người chỉ gia nhập Đảng Tự do khi con đường tương lai của đảng đã rộng mở. Một khu vực bầu cử (Tây Bắc Manchester) dù bề ngoài không lôi cuốn lắm nhưng hầu như đã thật sự được chỉnh sửa hoàn hảo một cách nhanh chóng để đón nhận Churchill. Ông đến Manchester và được Hiệp hội các Đảng viên Tự do ở đó đón nhận vào cuối tuần lễ xảy ra thất bại của ông ở Quốc hội. Đây là một sự chào đón thắp sáng tâm trạng u ám nhất thời của Churchill. Hầu hết các đảng phái đều chấp nhận những người chuyển sang đảng mới, dù mức độ nhiệt tình ở địa phương đối với việc tạo điều kiện ứng cử cho những người mới đến thường rất thấp. Nhưng việc tạo điều kiện như thế ở khu vực Tây Bắc Manchester thì không thành vấn đề. Ghế đại biểu ở đây từng được chiếm giữ bởi

một thành viên nổi tiếng của Đảng Bảo thủ địa phương là tòng nam tước William Houldsworth, và các đảng viên Tự do đã để cho ông ta trở lại vào năm 1900 mà không chống đối. Sau đó, ba tháng sau khi việc đề cử tân ứng cử viên được chấp nhận, Houldsworth đã tuyên bố nghỉ hưu. Và thế là Churchill có được vị trí này nhờ may mắn.

Vị trí của Đảng Tự do trong năm 1904 - 1905 không khác mấy so với vị trí của Công Đảng của Tony Blair trong năm 1995 - 1996. Chính phủ hoạt động không hiệu quả trong khi thành tích của họ rất tốt. Kết quả của các cuộc bầu cử bổ sung này đã làm hài lòng rất nhiều người. Tuy nhiên, do liên tiếp thất bại nên Đảng Tự do đã không hoàn toàn tin tưởng vào chứng cứ thuận lợi này. Trong các lần tổng tuyển cử kể từ năm 1886, Đảng Tự do chỉ thắng được một lần duy nhất, và đó là lần thắng cử sát nút và không mang lại kết quả trong năm 1892. Họ cũng đã phải trải qua những cuộc tranh cãi đầy cay đắng trong nội bộ đảng. Và dù có nhiều cựu bộ trưởng giàu kinh nghiệm hơn so với Công Đảng năm 1977, họ vẫn còn một vấn nạn cần phải giải quyết. Đó là liệu họ có thể thành lập một chính phủ cố kết và có đủ năng lực hay không.

Churchill không có kinh nghiệm trong chính quyền, nhưng ông thuộc một dòng họ nổi tiếng, có cá tính sôi nổi, và ý thức rằng ông không gia nhập vào phe sẽ thất bại. Phần nào vì lý do cuối cùng này mà ở giai đoạn này trong sự nghiệp, việc được yêu mến của Churchill không thể sánh với danh tiếng của ông. Dù Churchill thường không dễ dãi trong việc tham gia vào các sự kiện xã hội, thế nhưng hầu như ông được mời đến tất cả những nơi mà ông chọn. Việc đón nhận những con sư tử nhỏ khác với việc biểu quyết nhất trí tán thành các hành vi của chúng. Vua Edward VII, có lẽ là vị vua cuối cùng trở thành người phân xử của các trào lưu thời thượng, đôi khi là kẻ thù của công tước Randolph nhưng lại là người bạn lâu dài, có lẽ là không hơn không kém, của phu nhân Randolph. Ông cung cấp một biểu đồ mô tả những thái độ trái ngược nhau đối với con trai của họ (Churchill là con trai của vợ chồng công tước Randolph). Khi còn là hoàng tử xứ Wales, ông luôn quan tâm đến Churchill, thường trao đổi thư từ liên quan

đến những quyển sách và những cuộc phiêu lưu khác nhau của Churchill vào cuối triều đại Nữ hoàng Victoria. Sau đó, khi đã lên ngôi vua, ông đã cho mời Churchill đến ở lại với ông một tuần tại lâu đài Balmoral vào mùa thu năm 1902. Đây là một sự biệt đãi của nhà vua đối với một nghị sĩ trẻ chỉ mới 27 tuổi. Churchill đã viết thư cho mẹ: “Con được nhà vua tiếp đãi rất ân cần tại đây. Ngài đã làm mọi cách để con vui. Hôm nay là một ngày vui vẻ và thoải mái nhất, dù con phải bỏ qua nhiều bữa tiệc vui cùng bạn bè. Mẹ sẽ gặp nhà vua vào Thứ tư dù ngài đến lâu đài Invercauld. Nhớ đừng quên nói với ngài về việc con viết thư cho mẹ để kể rằng con đã rất thích thú khi ở đây”.

Tuy nhiên, vào năm sau, dường như Churchill đã phần nào bị thất sủng. Từ lâu đài Invercauld, Churchill đã viết: “Ngày mai, con sẽ đến Dahnenny [ngôi nhà nằm ở vùng cửa sông Firth of Forth của Rosebery]. Con đã đăng ký ở tại lâu đài Balmoral nhưng lo rằng con vẫn còn bị thất sủng”. Những mối quan hệ giữa họ không thể bị cắt đứt hoàn toàn vì chúng quá phức tạp. Trong tháng 11 năm 1904, khi Churchill đọc bài diễn văn chống chế độ tài phiệt tại Glasgow, Lady Randolph đang ở tại Sandringham tham dự một bữa tiệc chọn lọc sang trọng được tổ chức để mừng sinh nhật lần thứ 63 của nhà vua. Từ nơi đây, bà đã viết cho Churchill: “Mẹ đã rất thích thú khi đọc báo về bài diễn văn ở Glasgow của con. Hẳn là con sẽ ngạc nhiên khi biết rằng mẹ đã không nói về nó với nhà vua. Mẹ nghĩ rằng thật đáng tiếc khi chủ tịch của con lại công kích Arthur Balfour theo cách như thế. Mẹ thấy là cử tọa đã phần uất vì điều này, ít nhất là theo quan điểm của các tờ báo... Tại đây, mẹ đang ở trong hang ổ của những người chủ trương bảo hộ mậu dịch”.

Sau sự thay đổi chính phủ vào tháng 12 năm 1905, những mối quan hệ giữa Churchill với nhà vua đã hơi khác, dù thân phận là một bộ trưởng nhỏ của Churchill không làm cho chúng chính thức chấm dứt. Và vẫn còn đó những yếu tố quan trọng, tích cực và tiêu cực, mang tính riêng tư trong những mối quan hệ ấy. Trong tháng 8 năm 1906, khi trả lời một bức thư có phần khoa trương từ Churchill viết về công việc mà ông đã thực hiện trong khi diễn ra cuộc họp Quốc

hội, hồi âm do một thư ký riêng viết có một đoạn nói rằng: “Đức vua vui mừng khi thấy ngài trở nên một bộ trưởng *đáng tin cậy*, và hơn thế nữa, một chính khách *ngghiêm túc*, *điều chỉ có thể có được khi biết đặt quyền lợi của đất nước lên trên quyền lợi của một đảng*”. Sự khiển trách nhẹ nhàng này khác hẳn sự chê trách rõ ràng trong bức thư nhà vua gửi cho hoàng tử xứ Wales (về sau là vua George V) vào khoảng ngày 19 tháng 3 năm ấy: “Khi có quyền lực, Churchill hầu như tỏ ra vô lại hơn là khi không có”.

Trong giai đoạn này, các chính khách (chỉ ở giới có quyền lực) hy vọng vào những lời cam đoan rằng những bất đồng về chính trị, thậm chí là những lời công kích mạnh mẽ công khai, sẽ không ảnh hưởng đến tình bạn riêng tư. Ở đây luôn có một yếu tố hư cấu, nhất là khi có liên quan đến những nhân vật cò uy tín nhất, những người, trên danh nghĩa, trông mong vào nó nhiều nhất. Churchill có hai luồng quan hệ thư từ trong những năm tháng chuyển tiếp trong quan hệ với giới quý tộc mà cả hai đều khẳng định ưu thế của tình bạn trên hoạt động chính trị. Luồng thư từ thứ nhất là với hầu tước Salisbury (vị hầu tước Salisbury thứ tư chứ không phải là hầu tước Salisbury thứ ba, người từng là thủ tướng) trong năm 1904.

Tuy nhiên, không hề có chứng cứ cho thấy giữa họ có sự thân thiết, trong thời vị hầu tước ấy, Churchill không hề đến và nghỉ lại ở Hatfield lần thứ hai. Luồng quan hệ thư từ thứ hai là với bá tước Londonderry, cháu trai của bà nội ông là công tước phu nhân Marlborough, người mà Churchill rất thân thiết cho đến khi bà chết năm 1899. Mỗi quan hệ này có liên quan đến tính chất hội viên của Câu lạc bộ Canton.¹¹ Điều từng là một chủ đề gai góc đối với những người rời bỏ hoặc gia nhập Đảng Bảo thủ. Bá tước Londonderry, viện trưởng Viện Cơ mật mà cũng là chủ tịch của Câu lạc bộ này, đã viết rằng: “Cho dù chiều hướng chính trị của ông có ra sao thì tôi cũng mong là nó không bao giờ gây ra bất cứ khác biệt nào trong mối quan hệ của chúng ta”, nhưng lại một lần nữa không có bất cứ chứng cứ nào cho thấy sự thân thiết giữa họ.

Kỳ lạ là trong số những “người mới”, những người được cho là không tốt lắm, Churchill là người đã tạo ra và gìn giữ một vài mối quan hệ khác đảng tốt nhất. Với Lloyd George, Churchill có được một sự quen biết thân mật và sâu đậm từ khá lâu trước khi ông ngồi bên cạnh ông ta ở Hạ viện. Joseph Chamberlain đã tỏ ra hòa nhã trước sự chống đối không khoan nhượng của Churchill đối với chủ trương tâm đắc nhất của ông. Khi ông nhận thấy rằng Churchill nghĩ là ông “tránh mặt” Churchill ở hành lang Hạ viện, ông đã viết một bức thư khá dài (ngày 15 tháng 8 năm 1903) để phủ nhận điều ấy. Ông đã không thấy được những điều sẽ xảy ra và không có sự thù ghét cá nhân: “Ông nên tin chắc rằng... tôi không có bất cứ ác cảm nào đối với sự chống đối về mặt chính trị. Đã từ lâu, thật ra là ngay từ những lần giải bày tâm sự đầu tiên, tôi cảm thấy rằng ông sẽ không bao giờ ổn định trong vị trí gọi là người ủng hộ trung thành. Tôi nghĩ rằng trong chính trường sẽ không có chỗ cho một đảng viên Bảo thủ không tán thành ý kiến của đa số. Nhưng biết đâu ở phe khác lại cần một nhân tài mới. Và tôi mong là ông sẽ dời đến đó trước khi quá muộn”. Và khoảng một năm sau, khi Churchill đã hoàn tất sự dời chuyển, Chamberlain đã mời Churchill đến và ở lại một đêm tại tòa nhà Highbury của ông ở Birmingham và đã góp ý rất nhiều cho tập tiểu sử viết về công tước Randolph Churchill, đề tài mà vào lúc ấy Churchill đang rất quan tâm.

Thí dụ thứ ba là điển hình nhất. Hầu như ngay khi Churchill vừa ổn định vị trí trong Đảng Tự do, F. E. Smith, nghị sĩ đại diện cho khu vực Liverpool, đột ngột xuất hiện trên vũ đài chính trị trong vai trò là người bào chữa mạnh mẽ cho Đảng Bảo thủ. Ông đã tạo uy tín bằng một bài diễn văn sống động, gây ấn tượng sâu sắc và cứng rắn, đọc trong tháng 3 năm 1906. Và sau đó dù với một sự chùng mịch vừa phải (nhưng che giấu khá khéo léo vào lúc ấy) ông tiếp tục ủng hộ một chiều hướng cực đoan hơn trong hầu hết mọi cuộc tranh cãi của Đảng Bảo thủ trong những năm Đảng Tự do nắm quyền. Ông kiên quyết không thỏa hiệp khi chống lại dự luật Quốc hội hạn chế quyền lực của Thượng viện, và ông được mô tả là “con ngựa đua” của Edward Carson do kiên quyết chống lại Luật

Ireland Tự trị. Cho dù như thế, ông đã và vẫn là người bạn thân nhất của Churchill. Đến mức sau khi Smith chết sớm trong năm 1930, không ai có thể hoàn toàn thay thế được ông trong lòng Churchill trong vai trò là một người bạn bình đẳng, thân thiết và hoàn toàn tương đắc.

Ngoại lệ đối với quy tắc “người mới đến” là vị công tước thứ chín của Marlborough. Sunny (có nghĩa là hớn hởi, vui vẻ, biệt danh của vị công tước này), không phù hợp lắm với tính khí của ông, nhưng do trước kia ông được phong làm bá tước vùng Sunderland trước khi trở thành hầu tước hoặc công tước. Ông là một đảng viên Bảo thủ đáng tin cậy trên những vấn đề này và là một bộ trưởng trẻ (ở vị trí mà về sau Churchill thế vào) trong những năm thoái trào của chính phủ Balfour. Nhưng bất kể công trạng của ông, tình bạn trung thành hoặc đích thực của ông đối với Churchill không bao giờ dao động, lâu đài Blenheim vẫn và luôn là nơi sẵn sàng chào đón Churchill. Thậm chí trong tháng 7 năm 1908, Churchill còn được phép đưa thêm Lloyd George đến ở lại trong lâu đài này.

Tuy nhiên, hầu như tất cả những người ủng hộ chính phủ của Đảng Bảo thủ, cả những người không biết Churchill lẫn những người từng biết, đều không thích Churchill. Tiêu biểu là J. L. Wauldyn, nghị sĩ thuộc Đảng Tự do Thống nhất đại diện cho khu vực Trung Bradford và là một người khó hiểu đến mức năm ngoài tác phẩm tiểu sử các nhân vật nổi tiếng *Who Was Who*. Vào ngày 5 - 2 - 1904, ông viết:

Số 75 Phố Quảng trường Chester

Thưa ông,

Một trong những người bạn của ông đã cắt ngang một cách thô lỗ lời của Wyndham khi ông này đọc diễn văn vào trưa hôm qua và bị người chủ tọa cuộc họp yêu cầu ngồi xuống. Khi tôi la lên “Trật tự! Trật tự”, ông đã quay sang khiển trách tôi vì đã “la mắng mọi người”. Cho phép tôi nhắc nhở ông rằng nếu một lần nữa tôi bị cư xử một cách xấc

láo bởi một người trẻ tuổi như ông, tôi sẽ có cách để giải quyết. Cách mà ông dùng những từ như là “nói dối”, “bất tài”, “yếu kém”, “bị bọm”, “nham hiểm” của ngài Balfour và ngài Chamberlain đã làm cho mọi người chán ghét.

Vài lời chân thành,

James Leslie Wanklyn

Cảm nghĩ tương tự cũng được bày tỏ khi Churchill bị phủ quyết không cho gia nhập Câu lạc bộ Hurlingham, một câu lạc bộ vừa hiếm có vừa được nhiều người hoan nghênh. Điều này đã mang lại cho ông tâm trạng đề phòng, ít nhất là đối với các câu lạc bộ, điều được ông bày tỏ bằng cách từ chối lời mời tham gia Câu lạc bộ Brooks's, một câu lạc bộ tốt và có truyền thống lâu đời thay thế cho Câu lạc bộ Canton, nhưng đã có sẵn các thành viên Đảng Tự do chống luật Ireland tự trị cũng như những người ủng hộ Asquith. “Khi mà những đối đầu chính trị quá là đáng sợ, tôi nghĩ là không nên tự để mình phải hứng chịu ác tâm nhỏ mọn của việc bỏ phiếu kín (để chấp thuận việc gia nhập câu lạc bộ của một thành viên). Tôi đã rất may mắn khi được chọn vào nhiều câu lạc bộ tốt khi chưa có tiếng tăm gì. Vào lúc này tôi không thích để cho người khác đánh giá dù rất muốn trở thành thành viên của Câu lạc bộ Brooks's... Tôi không nghĩ là ông và các bạn của ông trong Đảng Tự do hiểu rõ sự khó chịu về mặt chính trị đối với tôi từ những người không đồng quan điểm”.

Người đã đề nghị gia nhập và bị ông lịch sự từ chối là nam tước Elbank, về sau là thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của Đảng Tự do, người từng ái mộ Churchill một thời gian. Ông đã viết thư cho ông ta sau khi Đảng Bảo thủ giận dữ rời phòng họp, ngày 29 - 3 - 1904, để bày tỏ việc ông ta “cùng với nhiều người khác” oán giận sự thô lỗ đáng ghét mà ông [Churchill] phải hứng chịu ở Hạ viện hôm qua”, và vui vẻ viết thêm “Bài diễn văn của ông rất hay và không thể cãi lại được”. Tuy nhiên, nói chung thì bài diễn văn này được Đảng Tự do hoan nghênh. Dù lẽ ra thì Churchill gần gũi nhiều hơn với các đảng viên Tự do bảo

hoàng như là Asquith, Grey và Haldane. Thế nhưng những mối quan hệ cá nhân vào giai đoạn quá độ này của ông lại tập trung nhiều hơn vào “những người không ủng hộ chủ trương bành trướng của đế quốc Anh”. Ông không thích tài năng của John Morley bằng sự quyến rũ vô bổ của Rosebery, và Morley là người đỡ đầu khiêm tốn và tử tế đã đưa ông vào Đảng Tự do. Trong bối cảnh này, Lloyd George, có lẽ không thể là một người chống lại sự bành trướng của đế quốc Anh, đã được công luận quan tâm. Nhưng Campbell-Bannerman, dù không phải là người nổi trội nhất, là người lãnh đạo đảng và là thủ tướng tương lai trao cho Churchill chức vụ đầu tiên trong chính phủ.

Những mối quan hệ của Churchill với Campbell-Bannerman khá suôn sẻ nếu không muốn nói là mật thiết. Campbell-Bannerman đã ca ngợi công khai bài diễn văn tháng 3 (năm 1904) của Churchill công kích Hiệp định Đường [Sugar Convention] của những người chủ trương bảo hộ mậu dịch mà chính phủ Anh đã ký kết. Campbell-Bannerman đã mô tả bài diễn văn này là “xuất chúng” và “chứa đựng sự châm biếm sắc bén nhất mà tôi từng được nghe ở Hạ viện”. Churchill đã rất mãn nguyện và đã tán dương Campbell-Bannerman. Một tháng sau đó, nhà lãnh đạo này đã mời Churchill đến dự một bữa tiệc nhỏ với tính chất vừa như là một dấu hiệu đón nhận một thành viên mới vào đảng vừa để tán thưởng, nhất là khi đối với một người chưa thật sự thành đạt.

Churchill lao mình vào việc phụng sự đảng mới với sự sôi nổi của một người tận tòng và với nhiệt tình phát xuất từ bản chất của ông. Thật ra, những bài diễn văn của Churchill có chiều hướng nổi trội hơn nhiều bài diễn văn hàng đầu khác. Trong tháng 5 năm 1905, tại thành phố Manchester, Churchill đã đọc một bài diễn văn kinh điển nhưng không ôn hòa, công kích đảng mà ông vừa từ bỏ và những người lãnh đạo của nó, những người mà ông đã cùng đứng với họ trên bục diễn thuyết ở chính thành phố này vào buổi đầu của Quốc hội:

Tôi biết chắc vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng Bảo hộ Mậu dịch, cho dù các bạn có nghĩ khác về ông ta ra sao chăng nữa, sẽ tận dụng chiến

thắng, nếu có, để làm gì. Chúng ta biết rõ điều gì sẽ xảy ra: một đảng với quá nhiều lợi ích kết bè với nhau thành một liên minh đáng sợ, bại hoại ở quê nhà, hung hăng che đậy sự bại hoại ấy ở nước ngoài, tạo ra một bộ máy đảng phái bạo ngược, tình cảm chỉ vừa một năm, lòng yêu nước chỉ đáng một xu, tiêu xài phung phí công quỹ, mở cửa các quán rượu, cung cấp lương thực với giá đắt đỏ cho hàng triệu người, cung cấp công nhân với lương thấp cho các nhà triệu phú.

Sau đó, vào cuối tháng 7 cùng năm, khi Balfour bị đánh bại bởi cuộc bỏ phiếu bất ngờ nhưng không chịu từ chức, Churchill đã lên tiếng tố cáo tại Hạ viện. Thủ tướng đã “xem thường truyền thống của Quốc hội và làm ô danh các quan chức nhà nước”. Phản ứng của Balfour được cho là gây hại cho Churchill nhiều hơn là những gì mà ông ta đã phải nhận từ sự công kích của Churchill. Thủ tướng Balfour nói: “Nói chung, không nên làm giảm uy tín của Hạ viện bằng một bài diễn văn vừa bịa đặt lại vừa quá đáng... Nếu đã là bịa đặt thì nó cần được hoàn chỉnh hơn, và nếu đã quá đáng như thế thì nó cần phải xác thực và rõ ràng hơn”. Đây là chiến thắng của ngọn hồi mã thương trước một đòn tấn công.

Tuy nhiên, bài diễn văn đã khơi gợi sự lo lắng của một số người có cảm tình với Churchill, họ sợ rằng Churchill sẽ tự làm hại chính mình do quá mạnh miệng. Thậm chí cả người ngưỡng mộ Churchill là nam tước Elbank cũng tỏ ra hoang mang. Ông viết cho Churchill với lời lẽ hòa hoãn quanh co nhưng với một ý định không thể nhầm lẫn:

Tôi cảm thấy rằng sẽ là hoàn toàn không sáng suốt khi không quan tâm đến tính nhạy cảm dễ bị tổn thương hơn ở những người ủng hộ ông, những người im lặng nhưng mạnh mẽ, những người về sau sẽ mang lại sự thành công cho ông và chính sách của ông. Tôi nghĩ là đánh giá của những người này về Arthur James Balfour không nặng nề đến thế, nên những gì ông nói về ông ta là quá đáng. Thế nên nếu ông tiếp tục như

thế thì sức mạnh và tác động tổng quát của những bài diễn văn của ông trên những vấn đề hiện nay sẽ bị giảm trong lòng của công chúng. Tôi muốn chân thành chia sẻ quan điểm này.

Bài diễn văn này còn dẫn đến sự xuất hiện của nhiều bức thư quở trách khác nhau đến từ nam tước Hugh Cecil, đồng minh cũ ủng hộ tự do mậu dịch, và Ian Hamilton, một vị tướng tài giỏi và là bạn của Churchill từ Malakand đến Pretoria. Hamilton đã chỉ trích thêm bằng cách nói với Churchill về việc Balfour, trong một bữa tiệc nhỏ vừa mới được tổ chức, đã “dễ mẫn quá mức” đối với Churchill trong khi những người khác (ngoại trừ Hamilton) nôn nóng muốn xé xác Churchill ra sao. Và hầu như cũng trong thời gian này nhưng trước khi Churchill đọc bài diễn văn, một bức thư đã đến từ Bourke Cockran, người khi ấy ở tại Anh và luôn viết thư với nội dung tinh tế về chính trị. Bourke Cockran kêu gọi Churchill ngưng công kích tham vọng quá lớn của ông ta bằng cách tuyên bố rằng trong nhiệm kỳ Quốc hội sau, nhưng không vượt quá một nhiệm kỳ, ông ta sẽ không nhận bất cứ chức vụ nào trong chính phủ của Đảng Tự do. Ông ta sẽ tranh đấu cho sự nghiệp của họ mà không mong được hưởng ngay phần thưởng.

Tuy nhiên, bất chấp sự quá đà như thế, nhìn chung, chất lượng của bài diễn văn ủng hộ tự do mậu dịch của Churchill khá cao. Trong tập 2 của tiểu sử chính thức, Randolph Churchill đã có phần quá trớn khi tuyên bố thẳng thừng: “Vào thời điểm bầu cử, không phải là cường điệu khi nói rằng Churchill đã trở thành người trình bày hiệu quả và được yêu mến nhất của phe đối lập trong vụ tranh cãi về tự do mậu dịch”. Công lao ấy hẳn phải thuộc về Asquith, người đã đi theo Chamberlain trên khắp đất nước để trả lời chi tiết các vấn đề và không ngừng kết hợp những con số thống kê và vận dụng các quy luật luận lý. Asquith đã tự phục hồi danh tiếng cùng với cánh trung và tả của Đảng Tự do (sau khi ông ủng hộ cuộc chiến chống người Boer) và bảo đảm cho quyền kế nhiệm chức thủ tướng của mình không bị thách thức khi nhiệm kỳ ngắn ngủi của Campbell-Bannerman kết thúc. Churchill không thể cạnh tranh với uy quyền tự nhiên của Asquith trong chiến dịch tranh cử lần này. Ông cũng không thể sánh với Asquith ở hai

thuộc tính đã được đề cập. Nhưng ông là một người hữu ích và hăng hái cung cấp sự hỗ trợ nhanh chóng. Và khả năng vận dụng hình tượng đáng nhớ đã làm cho các bài diễn văn của ông trong chiến dịch tranh cử lần này vẫn duy trì được cái gọi là *sự mới mẻ cũ kỹ*, nếu có thể sử dụng cụm từ nghịch hợp này. Theo cách đó, tại Hạ viện vào ngày 5 - 3 - 1905, ông đã nói:

Luận chứng chủ yếu chống lại những khoản thuế này dựa trên một nguyên tắc quan trọng, đó là đất nước phải được tự do mua lương thực bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào nó chọn tại các thị trường tự do... Đây là một nguyên tắc đặc biệt quan trọng đối với các thành viên của Lancashire, những người thường đi lại giữa các thành phố lớn, thấy được ở mọi vùng thung lũng nhấp nhô của các thành phố lớn nhỏ nơi sinh sống của nhiều quần thể cư dân to lớn gia tăng mạnh mẽ về số lượng sống nhờ vào các vùng đất canh tác không thể cung cấp đầy đủ lương thực cho một phần hai mươi dân số của họ. Họ phải lệ thuộc vào các điều kiện mùa màng lại vừa phải lệ thuộc vào tình trạng thị trường. Ngoài ra, trên nền tảng do con người tác động ấy, qua vô số lợi ích của hoạt động thương mại tự do và của việc giao thiệp bằng đường biển không bị hạn chế, họ có thể xây dựng một nền công nghiệp vải khổng lồ mà có thể nói không ngoa rằng đây là một kỳ công kinh tế của thế giới.

Kế đó, cũng trong bài diễn văn này, ông phát biểu về một chủ đề khác:

Những mối nguy hiểm đe dọa sự yên tĩnh của thế giới hiện nay không đến từ những cường quốc phụ thuộc vào giao thương với những nước khác. Chúng đến từ những cường quốc ít nhiều biệt lập, phần nào xa rời sự giao thiệp chung của nhân loại, tương đối độc lập và tự trang trải. Bên cạnh lập luận kinh tế mà chúng tôi cho là một sự trừng phạt, chúng tôi không muốn thấy nước Anh thoái hóa thành một liên bang âm đạm giống như một thành phố thời Trung có với tường rào ngăn chặn,

tích trữ lương thực để chuẩn bị cho một cuộc vây hãm, và tồn trữ bên trong những bức tường thành của nó mọi thứ cần thiết cho chiến tranh. Chúng tôi muốn đất nước này và những nước liên kết với nó tham gia tự do và công bằng vào hoạt động thương mại chung của các quốc gia.

Vào một dịp trước kia, ngay trước khi thay đổi đảng và đọc diễn văn trong cuộc họp khai mạc của tổ chức Liên minh Tự do Mậu dịch, Churchill đã triển khai một lập luận bao quát tương tự, nhưng ở phần sau đã được ông một tả chi tiết một cách sinh động (nhưng với ý khác):

Tại sao lại có nhiều tàu đến thế đến các hải cảng của nước Anh? Tại sao chúng ta lại phải thực hiện nhiều hoạt động mậu dịch tái xuất khẩu đến thế? Tại sao các sản phẩm có giá trị hàng 60 triệu bảng lại được gửi đến Vương quốc Liên hiệp Anh để dỡ và chứa hàng tại đây để rồi được đóng gói thành những kiện hàng mới và lại chất lên những chiếc tàu rồi phân phối kiểm lãi trên khắp thế giới? Có nhiều bến cảng khác cũng sâu và rộng chẳng kém gì các cảng của chúng ta, khí hậu ở những nơi khác cũng thân thiện chẳng kém gì khí hậu ở đất nước chúng ta, những vùng trời khác cũng trong xanh chẳng kém gì vùng trời của chúng ta. Thế thì tại sao các hoạt động hàng hải lại xuất hiện ở Eo biển Anh hoặc tập nập ở vùng cửa sông Mersey? Đó là vì các hải cảng của chúng ta gần hơn về mặt địa lý, đó là vì sự khéo léo tai hại đã không được sử dụng để gây trở ngại cho chúng với những rào chắn tài chính và thuế bảo hộ mậu dịch. Đó là nguyên nhân đưa mọi người đến với đất nước của chúng ta.

Có một nỗi buồn nào đó được khơi gợi khi nhớ lại việc triển khai các lập luận đơn giản và kinh điển này, những lập luận mà nền tảng thiết yếu là sự bảo đảm chắc chắn rằng thế giới văn minh là một nơi chốn an toàn và rằng nước Anh có một chỗ thích hợp tốt nhất trong đó. Những năm huy hoàng của triều đại Edward VII là thập kỷ vừa qua, trong đó, những lập luận ấy được triển khai như thế. Churchill đã thực hiện nó với một quyết tâm lớn và một sự tin tưởng mạnh

mẽ, dẫn đến cuộc tranh luận có quy mô toàn quốc. Và mặc dù hơi quá đáng và tạo ra một số kẻ thù, Churchill đã làm tăng giá trị của mình đối với Đảng Tự do. Và bất chấp lời khuyên của Bourke Cockran, ông đòi hỏi một chức vụ quan trọng trong chính phủ của Đảng Tự do.

Những thành tựu này càng đáng chú ý hơn vì trong những năm gần năm 1904, đại khái là những năm ông được 29, 30 và 31 tuổi, Churchill bận tâm với một dự án văn chương quan trọng cả về quy mô lẫn tính chất. Trong ba năm 1898, 1899 và 1900, Churchill đã xuất bản không dưới năm quyển sách. Bắt đầu là *The Malakand Field Force*. Tiếp theo là *The River War*, tác phẩm rất quan trọng của ông, cùng với một tác phẩm được xuất bản muộn là quyển tiểu thuyết *Savrola*, và hai tập mô tả sự kiện có quy mô trung bình là *London to Ladysmith* và *Ian Hamilton's March*. Sau đợt xuất bản ồ ạt này là một khoảng lặng kéo dài năm năm ba tháng trước khi trình làng, vào ngày 1 - 1 - 1906, tác phẩm quan trọng nhất, đồ sộ nhất, và giúp ông nổi tiếng nhất trong sự nghiệp văn chương thời trai trẻ. Đây là tác phẩm gồm hai tập viết về cuộc đời của cha ông. Sau đó ông gần như chẳng viết gì đáng kể cho đến năm 1923, khi gần đến sinh nhật thứ 50, *The World Crisis*, tác phẩm viết về Thế chiến I gồm năm tập, mới bắt đầu xuất hiện.

Công tước Randolph Churchill đã chỉ định hai người phụ trách việc thực hiện di chúc đối với các tác phẩm văn chương mà ngày nay người ta không dễ gì đoán được họ là ai. Không ai trong số hai người này muốn phó thác cho Churchill việc viết tiểu sử của Randolph Churchill. Có lẽ họ đã nghĩ rằng có vẻ như việc gọi lại những câu chuyện cũ về công tước Randolph vừa làm lợi lại vừa gây hại cho thanh danh của công tước, và tên tuổi cũng như việc tìm kiếm danh tiếng công khai của Winston Churchill không thể nào xoa dịu nỗi lo này. Thế nhưng họ đã bị thuyết phục, một phần là nhờ bá tước Rosebery, rang họ phải cho phép người con thực hiện việc viết tiểu sử của người cha. Một khối lượng giấy tờ lớn của công tước Randolph (dù không thể sánh với khối lượng sau đó đã được người con thu thập), phải mất đến bảy năm rưỡi tìm kiếm trong khối tài liệu lưu

trở ở chi nhánh tại quảng trường Grosvenor của ngân hàng London & Westminster Bank, đã được thu thập sẵn cho Winston Churchill trong tháng 7 năm 1902.

Tiền bạc là vấn đề mà Churchill hoàn toàn tự do định đoạt. Ông gánh vác mọi trách nhiệm tài chính và thu tóm toàn bộ tiền có được từ quyển sách. Khoản tiền này rất lớn. Đại lý của Churchill là Frank Harris, người khi ấy chưa nổi tiếng, mà về sau bốn tập của tác phẩm *My Life and Loves* đã mang lại cho ông cùng với một khoản tiền lớn. Harris đã thương lượng trả trước 8.000 bảng (tương đương với khoảng từ 400.000 đến 500.000 bảng hiện nay) từ nhà xuất bản Macmillan, nhà xuất bản cho đến lúc ấy chưa từng in sách của Churchill. Ngoài ra, sau khi Macmillan thu được 4.000 bảng tiền lãi, tất cả mọi khoản tiền lãi thu được thêm nữa sẽ được chia đều cho nhà xuất bản và tác giả. Và tiền hoa hồng của Harris là 10% nhưng không phải là 10% trên toàn bộ tiền lãi mà là trên khoản tiền 4.000 bảng chênh lệch giữa mức giá đề nghị của Macmillan và Longman, nhà xuất bản đã in năm quyển sách trước kia của Churchill. 400 bảng là tất cả những gì mà Harris nhận được. Ông không nhận được gì thêm từ các khoản thu về sau của quyển sách ấy.

Có lẽ thỏa thuận béo bở này là một phần thưởng dành cho thần kinh thép của Churchill, ông đã chờ cho đến khi có được cái gì đó có giá trị lớn mới đem bán. Harris chỉ hoạt động trong tháng 10 năm 1905, chỉ ba tháng trước khi sách được phát hành và hơn ba năm sau khi Churchill bắt đầu viết. Nhìn chung, tốc độ làm việc của Churchill thật đáng khâm phục. Ba năm là thời gian không nhiều cho một tác phẩm gồm hai tập sách 250.000 từ dựa trên sự nghiên cứu cẩn thận. Khi ấy ông chưa có thói quen đọc cho người khác ghi lại và sử dụng các trợ lý nghiên cứu. Toàn bộ bản thảo của *Lord Randolph Churchill* là công trình viết tay của chính ông và việc nghiên cứu các tài liệu cũng được ông đích thân thực hiện. Tuy nhiên, lúc ấy ông đã khai thác phương pháp “chế tác tại gia” cho việc viết những quyển sách. Một xưởng được trang bị đầy đủ đã được xssy dựng. Có một xưởng như thế ở Blenheim, một ngôi nhà nông thôn rộng, nơi Sunny

Marlborough cho xây nhiều phòng và chứa nhiều ngựa trong những tháng mùa đông. Điều này rất thích hợp vì hầu hết tài liệu được lưu trữ trong lâu đài của gia đình. Một xưởng khác ít cần đến hơn đã được thiết lập ở Wimborne House, nằm bên ngoài khu vực Piccadilly, nơi cô của Churchill, em gái của công tước Randolph, người ủng hộ nhiệt tình của Đảng Tự do và cũng là người khuyến khích Churchill thay đổi đảng, vẫn đang là chủ nhân. Điều này giống như một kiểu lót đường cho đường đi mà gần 50 năm sau, Churchill trong vai trò là người lãnh đạo phe đối lập đã dời các cơ quan đầu não của ông từ khu vực Hyde Park Gate đến khách sạn Savoy khi cuộc chiến Quốc hội trở nên căng thẳng.

Tuy nhiên, có một số gợi ý cho rằng thật ra việc bắt đầu viết quyển sách này muộn hơn thế. Mãi đến ngày 25 - 8 - 1904, từ biệt thự ở Thụy Sĩ của Ernest Cassel (dường như đây là một xưởng “thủ công” khác), ông đã viết cho mẹ: “Con đang miệt mài viết sách và chậm rãi tăng tốc. Nhưng ngay từ lúc bắt đầu con đã gặp nhiều khó khăn”. Những quyển sách trước kia của ông đã cho thấy ông có thể viết nhanh và rất trôi chảy. Nhưng đối với quyển *Lord Randolph Churchill*, ông còn viết trôi chảy hơn thế. Trong giai đoạn sau cùng dù bị chi phối bởi vấn đề chính trị, Churchill đã cho thấy rằng ông có thể viết vừa nhanh lại vừa có chất lượng. Và nội dung của quyển sách này có chất lượng rất cao. Đây là lý do chủ yếu khiến cho dù đã gần một trăm năm trôi qua kể từ lúc phát hành, và cho dù hai tập của quyển sách này có hình bìa mộ, nó vẫn được rất nhiều người tìm đọc.

Tác phẩm này có nhiều khuyết điểm, Churchill đã mô tả công tước Lord Randolph giống với một thần tượng hơn là một con người. Winston Churchill, dù là một người mộ đạo viên công, nhìn chung là sẵn sàng rút lại những luận chứng không đứng vững, dù là dưới màn khói của sự trích dẫn có chọn lọc (và đôi khi không chính xác).

Tuy nhiên, có lẽ quyển sách này được đánh giá là hay nhất trong loại sách tiểu sử viết về người thân. Tiểu sử Walter Scott của Lockhart và Macaulay của G. O. Trevelyan, được cho là có thể cạnh tranh với sách viết về công tước

Randolph của Churchill. Nhưng cả hai trường hợp, mối quan hệ giữa người viết và nhân vật không gần gũi như giữa Churchill và công tước Randolph. Đây là một thành tựu quan trọng, đưa Winston Churchill vào hàng ngũ những tác giả viết về lãnh vực chính trị hay nhất. Dù là một tác phẩm đồ sộ, *Lord Randolph Churchill* vẫn chỉ là tác phẩm đứng vào hàng thứ ba của Churchill, chỉ vượt qua hai tác phẩm khác của ông là *My Early Life* và *Great Contemporaries*.

Doanh thu của quyển sách khá cao nhưng không đến mức gây ấn tượng sâu sắc, 5.827 bản trong bốn tháng đầu. Harris đã làm lợi cho Churchill nhiều hơn là cho nhà xuất bản Macmillan.

Việc ấn định thời điểm xuất bản *Lord Randolph Churchill* là nhằm tạo ra tác động lớn nhất. Thế nhưng đây cũng là thời điểm mà Winston Churchill có quá nhiều việc phải làm, không thể hoàn chỉnh công việc đến mức có thể nhận được sự ca ngợi của tất cả. Chính phủ Balfour là chính phủ duy nhất trong thế kỷ 20 chấp nhận giải tán mà không do bởi thất bại trong một cuộc tổng tuyển cử hoặc do bất cứ cuộc khủng hoảng trước mắt nào. Balfour từ chức vào ngày 4 -12 -1905. Nhiều người cho rằng đây là một động thái cực kỳ ranh ma, được thực hiện để chứng minh rằng Đảng Tự do, đang chia rẽ do bất đồng và không có kinh nghiệm điều hành đất nước, sẽ không có khả năng thành lập một chính phủ hiệu quả. Nếu dự tính của Balfour đúng là như thế, thì đây thật sự là một tai họa tồi tệ nhất trong lịch sử nước Anh cận đại. Danh sách của các thành viên Nội các đã được hoàn tất và các bộ trưởng cấp cao đã nhận các con dấu của bộ mà họ nắm giữ vào ngày 11 tháng 12, một tuần sau khi Balfour từ chức.

Churchill không nằm trong số bộ trưởng này. Bourke Cockran sợ rằng Churchill có thể bị hại do tính hấp tấp, và việc thưởng công quá đáng tỏ ra là không có cơ sở. Dù sao thì điều này cũng chẳng đáng ngạc nhiên. Churchill chỉ vừa mới 31 tuổi, hoàn toàn không có kinh nghiệm hành chính, và gia nhập đảng mới chỉ được một năm rưỡi. Tuy nhiên, Churchill đã nhanh chóng được nhận một bộ nhỏ và không phải trải qua giai đoạn lo lắng chờ đợi. Thật ra, ông đã được trao cho một chức vụ mà trên danh nghĩa cao hơn so với chức vụ mà về sau

ông đã chọn và đã nhận được. Vào Thứ bảy ngày 9 tháng 12, Campbell-Bannerman cho gọi Churchill đến nhà của ông ở khu Quảng trường Belgrave và đề nghị ông làm bí thư tài chính. Đây là chức vụ thường được xem là cao hơn so với các bộ trưởng bộ nhỏ khác và có triển vọng trở thành thành viên Nội các nhất. Chức vụ này còn tạo điều kiện cho Churchill làm việc gần Asquith, người rõ ràng là sắp trở thành lãnh đạo và đã là bộ trưởng Tài chính. Nhưng Churchill không muốn dựa vào sự quan hệ chặt chẽ với bất cứ ai, và với sự dạn dĩ, ông yêu cầu được làm thứ trưởng Bộ Thuộc địa. Vào tối hôm đó, qua một bức thư chép tay, Campbell-Bannerman đã phê chuẩn cho Churchill được nhận chức vụ mà trên danh nghĩa là thấp hơn ấy.

Dù thường ý thức rất mạnh về tình gia tộc, Churchill đã không hề bị tác động bởi việc ông sẽ thay thế người anh em dòng họ Marlborough giữ chức này. Điều mà ông đã làm là tìm kiếm một sự khởi đầu thuận lợi và cương quyết thực hiện những điều phải làm. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa là bá tước Elgin thứ chín, người từng là phó vương Ấn Độ khi Churchill được phái đến Bangalore vào cuối thập niên 1890.

Elgin đã mang đến một khác biệt lớn cho bộ này. Cha của bá tước là vị toàn quyền nổi tiếng ở Ottawa trước khi trở thành phó vương Ấn Độ trong năm 1862 và chết tại đó vào năm sau. Bản thân ông là một trong số ít thành viên đảng Whig vẫn còn ở lại với Gladstone sau sự chia rẽ bởi Dự luật Ireland Tự trị năm 1886, và theo chân cha làm phó vương Ấn Độ trong năm 1893. Tuy nhiên, dù thuộc dòng dõi quyền quý như thế, Elgin là người không có nhiều nghị lực, hoàn toàn thiếu khả năng thu hút công chúng. Elgin là một quý tộc, và vì thế được miễn trừ trước những vụ kiện tụng của Hạ viện, nơi mà Churchill là tiếng nói duy nhất. Và lại, các vụ việc ở Nam Phi, dưới quyền xử lý của Bộ Thuộc địa, đã tỏ ra là vấn đề được quan tâm hàng đầu của nghị viện mới. Churchill đã chọn việc trở thành một nhân vật nổi bật trong Quốc hội thay vì chỉ là một nghị sĩ bình thường. Đây là một chiến lược có mức độ rủi ro cao nhưng là sự lựa chọn thông thường trong giai đoạn này trong cuộc đời của ông.

Trước khi có thể vận dụng những khả năng này, ông phải chiến thắng trong cuộc bầu cử, vừa là trên bình diện quốc gia (nếu chính phủ của Đảng Tự do không giống như một hòn đảo nhỏ bị cô lập trong đại dương Bảo thủ), vừa ở địa phương Tây Bắc Manchester (nếu kế hoạch trở thành nhân vật nổi bật trong Hạ viện của Churchill được hoàn thành). Riêng việc sau (trở thành nhân vật nổi bật) có vẻ như không chắc chắn. Churchill nghỉ lễ Giáng sinh tại Blenheim, chưa từng làm gì nhiều ở Bộ Thuộc địa ngoài việc thiết lập những mối quan hệ dè dặt với Elgin và bổ nhiệm một công chức trẻ là Edward Marsh (thật ra người này lớn hơn Churchill hai tuổi) làm thư ký riêng cho ông. Mối quan hệ của ông với Marsh tỏ ra có lợi hơn là quan hệ với Elgin. Marsh, một viên chức có tài văn chương và có năng lực nhưng không năng nổ đã làm việc cho Churchill ít nhất là trong tám cơ quan và vẫn còn là bạn tốt, đôi khi là cố vấn về văn chương, cho đến khi chết vào năm 1953. Vào chiều ngày 15 tháng 12, ngày mà ông nhận được đề nghị bổ nhiệm, Marsh đến gặp phu nhân Lytton (Pamela Plowden) để hiểu rõ hơn về thủ trưởng mới từ người này và đã nhận được một trong những nhận xét có tác động mạnh mà Churchill từng nhận được. Bà nói rằng: “Lần đầu gặp Churchill, người ta sẽ thấy được mọi khuyết điểm của ông ấy, và trong phần đời còn lại, người ta sẽ dành thời gian để khám phá những đức tính của ông ấy”.

Vào ngày được bổ nhiệm, Churchill đã viết thư cho Elgin mà bắt đầu bức thư là cụm từ kính trọng: “My dear Lord [Ông chủ yêu dấu của tôi]” và đã nhận được thư hồi âm (bắt đầu với dòng chữ “Churchill thân mến” từ một địa chỉ dễ gây ra sự tò mò, 28 đường Hyde Park Gate.¹² Elgin đã cư xử với Churchill với một sự khoan dung trong suốt thời gian cộng tác thiếu phối hợp của họ, và đã phản ứng một cách nhã nhặn đối với nỗ lực của Francis Hopwood, thứ trưởng thường trực của cơ quan, nhằm yêu cầu ông thi hành kỷ luật Churchill. Có thể đánh giá sự thiếu thiện cảm của Hopwood đối với Churchill qua bức thư mà ông ta gửi cho Elgin sau hai năm tham gia chính phủ: “Ông ta là một nỗi phiền hà và tôi sợ là ông ta sẽ gây rắc rối, giống như người cha của ông ta, ở bất cứ vị trí được giao nào. Ước muốn mạnh mẽ, không ngừng, và không thể kiềm chế đối

với sự nổi danh đã làm cho ông ta thật sự rối loạn!”. Phản ứng mạnh mẽ nhất của Elgin đối với Churchill rất nổi tiếng do tính bao hàm toàn diện của nó. Vào năm 1907, vị thứ trưởng viết một biên bản dài bày tỏ quan điểm một cách khoa trương và giáo điều trên hầu như là mọi khía cạnh có liên quan đến chính sách thuộc địa và kết thúc một cách thừa thãi, “trên đây là quan điểm của tôi. W.S.C.”, phản ứng duy nhất của bộ trưởng là một ghi chú bên lề: “Nhưng không phải của tôi, E”.

Churchill cần một kỳ nghỉ lễ Giáng sinh tại Blenheim. Ông bị bệnh nặng hai tuần trước khi chính phủ mới được thành lập. Đây là một chứng bệnh khó giải thích, nó tác động đến lưỡi, họng và tim của ông. Việc chữa trị bao gồm “một phụ nữ Mỹ lớn tuổi ngoan đạo đáng kính làm nghề xoa bóp”, và một thời gian nghỉ dưỡng ở trang viên Canford Manor (nay là một trường học), một ngôi nhà ở vùng thôn quê của dòng họ Wimbome. Việc công bố tình trạng bệnh của Churchill, không nêu rõ chi tiết, đã khiến cho nhiều người gửi thư thăm hỏi, bao gồm một bức thư (hơi lạnh nhạt) nhân danh nhà vua. Tuy nhiên, vào dịp năm mới (cộng thêm sự trợ giúp của người làm nghề xoa bóp), dường như Churchill đã khỏe nhiều và sẵn sàng cho cuộc tranh cử ở Manchester.

Ông đọc bài diễn văn tranh cử vào ngày 1 - 1 - 1906. Và ông tiếp tục đọc bài diễn văn này ở Manchester một hoặc hai ngày sau đó, mười ngày trước thời điểm bỏ phiếu ở thành phố này, trong khách sạn Midland Hotel, một khách sạn bằng gạch nung chỉ mới được xây dựng bảy năm. Balfour, một chính khách có uy tín hơn trong bầu khí chính trị của thành phố Manchester, người đã là thành viên của khu vực Đông Manchester suốt 21 năm, hiện đang ở tại khách sạn Queen’s Hotel được xây từ 60 năm trước theo phong cách Ý. Đây cũng là nơi mà Churchill đã đề nghị mẹ ông đến ở trong cuộc bầu cử năm 1900. Việc đến ở lại trong các khách sạn kể trên của hai nhân vật không phải là cư dân Manchester, giống như những ngôi sao tầm cỡ thế giới 5 đến dự liên hoan ca nhạc, hầu như là một bức tranh biếm họa mô tả giới quý tộc và bản chất ngoại lai của nhiều cuộc vận động tranh cử ở nước Anh từ thời ấy cho đến 60,70 năm sau.

Theo lời kể của Marsh, Churchill là một điển hình hoàn hảo của ý thức tách biệt, dù có kèm thêm sự đồng cảm phần nào với giới quý tộc. Ông đã ngay lập tức đề nghị cả hai ra ngoài đi dạo. Và khi họ nhanh chóng đi vào những con đường tối tăm thì “Winston đã nhìn khắp nơi và vô cùng ngạc nhiên. Ông nói: Việc sống trên một trong những đường phố như thế này, không bao giờ được thấy cảnh đẹp, không bao giờ được ăn ngon, và không bao giờ nói một điều gì đó khôn ngoan, quả là một điều kỳ lạ”.

Churchill không cho phép thân phận công chức mới của ông làm dịu đi sự cứng rắn trong bài diễn văn tranh cử. Sau khi cẩn thận giải quyết một số điểm trong chương trình tranh cử của Đảng Tự do, ông đã mạnh mẽ tố cáo Quốc hội cũ:

Đổ kị vô lối, bảo vệ sự hưởng thụ của các thành viên, đổi các quyền lợi của Quốc hội lấy những ngày nghỉ phép dài hơn và những giờ họp thoải mái hơn, và tạo điều kiện cho những kẻ lười nhác lẫn tránh việc công khẩn cấp. Phô trương, cố chấp, nông cạn, kỷ luật lỏng lẻo, là công cụ của các nghị viên phụ trách tổ chức và những kẻ giật dây đằng sau, theo đuổi những quyền lợi riêng tư, Quốc hội của năm 1900 đổ kị với quyền tự do phát biểu, mưu hại chủ trương tự do mậu dịch, chế nhạo quyền tự do và nhân phẩm của tầng lớp lao động.

Tuy nhiên, ông đã tỏ ra thận trọng cả trên vấn đề Ireland (“Tôi sẽ không ủng hộ bất cứ pháp chế dành cho Ireland nào mà tôi nhận thấy là có thể làm hại cho sự toàn vẹn lãnh thổ của Vương quốc Liên hiệp Anh, hoặc dẫn đến sự chia cắt theo bất cứ chiều hướng nào”) lẫn trên vấn đề công nhân Trung Quốc ở Nam Phi (“Một chính phủ Tự do trong khi buộc phải lãnh nhận tất cả mọi trách nhiệm mà một chính phủ phải lãnh nhận vẫn nhất quyết cố gắng hết sức để hạn chế một chế độ như thế và dẹp bỏ mọi hình thức lạm dụng của nó”).

Trong quá trình tái phân bổ năm 1855, Manchester được chia thành sáu khu vực bầu cử một đại biểu, cùng với những khu vực bầu cử như thế ở Salford,

thành phố kể cận bị chia cắt do sự kiện lịch sử chứ không do điều kiện địa lý, hình thành một đơn vị liên thành phố với chín ghế đại biểu. Chỉ có một trong số những khu vực bầu cử này bầu chọn đảng viên Tự do trong năm 1900 với mức chênh lệch phiếu bầu thấp nhất khả dĩ. Ở khu vực Bắc Manchester, Charles Schwann (người không lâu sau đó đã trở thành tòng nam tước và đã thay đổi tên thành Charles Swann) đã âm thầm trở thành người đại diện từ năm 1886. Đây không phải là vùng dành cho sự ngự trị đơn độc của một thành viên Đảng Tự do. Nhiều khu vực trong vùng này về sau trở thành khu vực bầu cử nghị viện Blackley không ổn định (lúc thuộc về Công Đảng, lúc lại thuộc Đảng Bảo thủ). Nhưng hoạt động chính trị ở Manchester trước năm 1914 đã không theo mô hình kinh điển. Ghế đại biểu của Balfour ở Đông Manchester, an toàn suốt 20 năm, có số lượng cử tri thuộc tầng lớp lao động cao hơn rất nhiều so với khu vực mà Churchill hy vọng chiếm cứ. Khu vực bầu cử Tây Bắc gồm phần lớn trung tâm thành phố Manchester (nơi mà vào thời ấy có số lượng cử tri không phải là cư dân địa phương rất lớn) và khu đông dân Cheetham Hill. Chính tại vùng này, những người lãnh đạo của cộng đồng Do Thái ở Manchester đã được tập hợp. Số lượng cử tri của vùng này không lớn, trong tổng số 11.411 cử tri của vùng, có 740 là người Do Thái. Trong số này có 470 người sống ở Cheetham Hill. Nhưng họ là nhóm người có ảnh hưởng. Và người ta có thể cho rằng động cơ Churchill chống lại (và giúp gạt bỏ) Dự luật Hạn chế Nhập cư trong mùa bầu cử năm 1900 có liên quan đến việc ông đến Tây Bắc Manchester. Chắc chắn là nó tạo điều kiện cho ông có những mối quan hệ thân mật với Nathan Laski, cha của giáo sư Harold Laski và lúc ấy có thể là người Do Thái có ảnh hưởng nhất ở Manchester.¹³ Tự do mậu dịch là cốt lõi của chiến dịch tranh cử của Churchill. Và nhờ đó ông nhận được sự ủng hộ của phần lớn những người hoạt động trong ngành dệt, bao gồm một cựu thành viên quan trọng của Đảng Bảo thủ là Tootal Broadhurst, ứng cử viên của Đảng Bảo thủ là Joynson-Hicks, một luật sư ở London. Về sau Churchill cùng tham gia Nội các với “Jix” [biệt danh của Joynson-Hicks], nhưng việc cùng chiếm giữ gần 5 năm của họ ở hai trong số

những vị trí quan trọng nhất (Bộ trưởng Tài chính và Bộ trưởng Nội vụ) trong chính phủ Baldwin nhiệm kỳ thứ hai đã không giúp cho mối quan hệ của họ ấm áp hơn. Trong năm 1932, Churchill đã viết về Joynson-Hicks rằng: “Ông ta có nguy cơ trở thành trò cười khi muốn trở nên nghiêm túc nhất”. Đòn công kích chính của Hicks là thu thập và công bố dưới dạng tập sách nhỏ những lời gây khó chịu nhiều nhất cho Đảng Tự do mà trong quá khứ Churchill đã phát biểu. Churchill đã phản đối mạnh mẽ việc này và khiến người ta nhớ lại sự phản kháng của Gladstone trong năm 1886 trước sự công kích tương tự của Disraeli, chế giễu bài diễn văn của người lãnh đạo Đảng Tự do đọc tại diễn đàn tranh luận Oxford Union của những người Bảo thủ truyền thống. Gladstone đã đáp lại: “Với suy nghĩ và trí tưởng tượng trẻ trung, tôi đã rất ngạc nhiên trước những nỗi sợ hãi vu vơ không đâu vào đâu vẫn còn ám ảnh và gây bối rối cho quý ông đáng kính này”. Trong năm 1906, Churchill đã nói: “Tôi đã nói rất nhiều điều ngớ ngẩn khi còn là đảng viên Bảo thủ, và tôi rời bỏ Đảng Bảo thủ vì không muốn tiếp tục nói những điều ngớ ngẩn”.

Suốt chiến dịch tranh cử chụp giết ngăn ngày, Churchill đã phải tham gia rất nhiều cuộc họp. Ông đã gặp khó khăn bởi những cuộc biểu tình đầu tiên của phong trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ (Manchester là thành phố quê nhà của Pankhurst, người lãnh đạo phong trào). Và có lẽ vì họ mà ông đã đưa ra hai tuyên bố kém sáng suốt nhất. Khi được hỏi trực tiếp về những chủ trương trong tương lai nếu được bầu chọn, ông trả lời: “Lần biểu quyết duy nhất của tôi trong Hạ viện trên vấn đề này, tôi đã ủng hộ quyền bầu cử của phụ nữ. Nhưng khi cân nhắc về sự rối loạn khổng lồ tại những cuộc biểu tình trong đợt bầu cử này, tôi tuyệt đối từ chối cam kết ủng hộ việc đó”. “Tôi sẽ không để cho vợ xỏ mũi trên vấn đề nghiêm trọng như thế” có lẽ là cú phản công mạnh mẽ của ông. Tuy nhiên, chiến dịch tranh cử đã có được một xung lượng tốt và vào lúc 10 giờ tối Thứ bảy ngày 13 tháng 1, ông đã được tuyên bố trúng cử với 5.659 phiếu bầu so với 4.398 phiếu, hơn đối thủ 1.241 phiếu (tương đương với khoảng 6.000 phiếu theo quy mô của khu vực bầu cử này ngày nay) trên tỉ lệ cử tri đi bầu là 89%.

Các kết quả trên khắp vùng Manchester và Salford đã làm náo động dư luận. Ở vùng với tổng số đại biểu là chín, trước khi giải thể từng có tám đại biểu thuộc Đảng Bảo thủ và một đại biểu thuộc Đảng Tự do, nay bảy đại biểu thuộc Đảng Tự do, hai thuộc Công Đảng, và không có đại biểu nào thuộc Đảng Bảo thủ. Không thể đánh giá sự thay đổi có lợi trong mức độ ủng hộ Churchill, nhưng mức trung bình ở khu vực bầu cử liên thành phố này là 7,9%, tương đương với 0,3% trên quy mô cả nước.

Dù người viết tiểu sử chính thức của Balfour cho rằng ông đã diễn thuyết rất hay trong chiến dịch tranh cử, thế như Balfour vẫn thất bại với số phiếu bầu cho ông chỉ là 4.423 so với 6.403. Chiếu theo các quy ước bầu cử linh động hơn nhiều (so với ngày nay) của thời kỳ này, sự thất bại này đã không gạt bỏ ông lâu dài ra khỏi Hạ viện. Trong vòng sáu tuần sau đó, Balfour đã trở lại Hạ viện với danh nghĩa là thành viên đại diện cho thành phố London. Nhưng đây là một bất lợi lớn. Càng tồi tệ hơn nữa bởi việc (vì là một thủ tướng đã từ chức và là một ứng cử viên Quốc hội thất cử) ông phải bỏ ra hai tuần, trong thời gian việc bầu cử vẫn tiếp diễn ở các khu vực bầu cử khác, để đi khắp nơi, từ Nottingham đến Glasgow, và đến cả những thành phố nhỏ hơn, để cố gắng cứu vãn những gì còn lại của Đảng Bảo thủ.

Churchill đã đích thân phát biểu thêm ở một vài cuộc họp, dù phải nhanh chóng đến London vào ngày 19 tháng 1 để gặp thống chế J. C. Smuts lần đầu. Smuts đã viết: “Từ Transvaal, tôi đã đến với hy vọng được thảo luận với ông về tình hình tổng quát ở Transvaal và ở Nam Phi”. Sau đó, vào cuối tháng, Churchill đến sống ở London, để sẵn sàng làm việc trong Quốc hội mới (họp vào ngày 23 tháng 2) với đại đa số là thành viên Đảng Tự do và để tập trung sức lực (nhưng không hoàn toàn chuyên chú) vào công việc.

Ông vẫn sống trong phòng dành cho những người độc thân trong dãy căn hộ đã được xây dựng trong thập niên 1880 ở số 105 đường Mount, thuộc khu Mayfair. Hợp đồng thuê căn hộ này được chuyển nhượng từ người em họ Marlborough, người đã thuê từ gần sáu năm trước dù dự định ngay trong năm đó

sẽ chuyển đến ở tại đường Bolton cách nơi này khoảng nửa dặm, cách xa Piccadilly, nơi ông ta sẽ ở cho đến năm 1909. Các chính khách vào thời ấy sống ở những chỗ ở rộng rãi và gần nhau. Cuối tháng 1 năm 1906, xem ra mọi chuyện của Churchill đều tốt đẹp. Ông nhận được nhiều thư chúc mừng việc nhậm chức và việc ông chiến thắng ở Manchester. Tuy nhiên, có lẽ Churchill đã sáng suốt khi đặc biệt quan tâm đến một bức thư nhận được trước lễ Giáng Sinh từ nam tước Hugh Cecil, người cộng tác và cũng là bạn của ông. Bức thư này cho thấy một sự sáng suốt khác thường từ vị nam tước:

18 Tháng 12 năm 1905

Câu lạc bộ Junior Canton

Winston thân mến,

Tôi dùng từ “nhanh chóng” để mô tả sự nổi danh của ông trên bục diễn thuyết và trong Hạ viện, nhưng nó giống như một ngọn pháo hoa. Điều này đã mang ông đi rất xa nhưng để bước xa hơn ông cần phải nổi tiếng là một viên chức tài giỏi và cần cù (kiểu danh tiếng mà Edward Grey đã có) ông nên nhớ đến việc cha của ông đã cải thiện vị trí rất nhiều bằng công việc ở Văn phòng về Ấn Độ.

Nhưng điều còn quan trọng hơn nữa là ông phải hòa hợp với các đồng sự và phải được họ yêu mến. Nếu một người được tất cả các đồng sự ủng hộ, anh ta sẽ dễ dàng thăng tiến như điều gặp gió. Harcourt không thể trở thành thủ tướng vì mắng chửi các cộng sự. A. J. B giữ được vai trò lãnh đạo tất cả là nhờ sự quyến rũ của ông trong vai trò bộ trưởng cấp cao dù có nhiều sai lầm lớn và không được nhiều người trong nước yêu mến. Đây là những lời của một thức giả!

Bạn của ông.

Hugh Cecil

Chương 6 THĂNG TIẾN

Nam Phi là vấn đề thống trị tâm trí của Churchill trong những tháng đầu làm việc trong Bộ Thuộc địa vì hai lý do. Lý do thứ nhất có ý nghĩa lâu dài hơn là việc dàn xếp hiến pháp mới với Transvaal, và kế đó là với thuộc địa Orange River Colony, nước cộng hòa nhỏ hơn trong hai nước cộng hòa của người Boer. Suốt thời gian ba năm rưỡi sau cuộc chiến với nước Anh, hai nước cộng hòa này đã được cai trị như là những lãnh thổ hải ngoại của nước Anh dưới quyền cai trị trực tiếp và chuyên chế của Alfred Milner. Không có sự tranh cãi nào về vấn đề dàn xếp hiến pháp mới. Alfred Lyttelton, người tiền nhiệm thuộc Đảng Bảo thủ của Elgin trong cương vị bộ trưởng Bộ Thuộc địa, đã chuẩn bị kế hoạch thành lập một chính phủ “đại diện” (khác với chính phủ chịu trách nhiệm). Vấn đề được quan tâm là quy mô mà Đảng Tự do sửa đổi kế hoạch này.

Việc thiết lập hiến pháp cho Transvaal tỏ ra là việc làm hữu ích hơn. Ở đây có hai vấn đề chính ẩn nấp bên dưới các từ hoặc các cụm từ ngụy trang đã trở nên quen thuộc vào thời ấy nhưng, với suy nghĩ ngày nay, chúng không làm rõ lĩnh vực được quan tâm. Từ thứ nhất là [chính phủ] “chịu trách nhiệm”, khác với [chính phủ] đơn thuần “đại diện”. Cái được gọi là Hiến pháp Lytteltón, đã thừa nhận chính phủ “đại diện”. Có nghĩa là phải có một hội đồng được bầu chọn có thể đưa ra các quan điểm của nó. Nhưng hội đồng hành pháp, thực thể ít nhất là phần nào dưới quyền lãnh đạo của thống đốc, sẽ không chịu trách nhiệm về nó. Chính phủ chịu trách nhiệm có nghĩa là chủ trương của hội đồng lập pháp kiểm soát chủ trương và hành động của nhánh hành pháp. Nói cách khác, đại ý là lập

trường thịnh hành ở nước Anh, hoặc nói chính xác hơn là ở Canada, khi ấy được xem là mô hình chính phủ tự trị dưới sự kiểm soát của quốc vương Anh, dù chỉ còn một vài quyền phủ quyết của nhà vua tiếp tục tồn tại ở đây.

Chính phủ của Đảng Tự do, vào giai đoạn đầu và phần nào bị tác động bởi Churchill, ủng hộ việc thực hiện một bước quan trọng rời bỏ Hiến pháp Lyttelton và thừa nhận chính phủ “chịu trách nhiệm”. Nhưng nó không muốn bị phiền hà, nghĩa là cố gắng duy trì được phe đa số người Anh (hoặc không phải là người Boer) ở Transvaal. Thuộc địa Orange River (Sông Cam) với dân số hầu như toàn là người Boer ở vùng nông thôn, tỏ ra là một mục tiêu vô vọng. Nhưng ở Transvaal thì khác và đã được Churchill chỉ ra với nhận xét sắc bén điển hình của ông (không giấu tên và được ghi nguyên văn) trong một biên bản ghi nhớ ngày 30 - 1 - 1906:

Đừng quên rằng hoạt động chính trị ở Transvaal là hoạt động chính trị ở Nam Phi. Johannesburg là trung tâm của hệ thống đường sắt, thương mại, tài chính, và chính trị của toàn vùng. Nó là một vũ đài mà trong đó các đấu sĩ người Boer và người Anh chạm trán và thực hiện cuộc quyết đấu dai dẳng của họ. Cư dân Anh ở Johannesburg là những người đại diện và bảo vệ quyền lực của nước Anh ở Nam Phi. Người Boer ở Transvaal là những người đại diện và bảo vệ quyền lực của Hà Lan. Bất cứ điều gì được thực hiện để ủng hộ hoặc chống lại bên này hoặc bên kia đều được thực hiện để ủng hộ hoặc chống lại toàn bộ cuộc đua ở tiểu lục địa này. Cape, Natal, Rhodesia, và Orange River là những khán giả chăm chú theo dõi và là những người ủng hộ đầy lo lắng.

Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến danh sách cử tri khu vực và số lượng cùng với sự phân bố của các khu vực bầu cử có tầm quan trọng lớn trong việc tạo ra sự cân bằng thích hợp giữa hai cộng đồng cư dân. Theo như lời của Churchill thì “nguyên tắc một phiếu bầu một giá trị” đã trở thành vị trí chiến đấu của phe người Anh. Khẩu hiệu này nghe như là lẽ đương nhiên. Nhưng lại không

phải như thế trong trường hợp mà trong đó người Boer sống rải rác với những gia đình rất đông con, và người Anh sống tập trung hơn ở vùng đô thị thường là những người độc thân tìm kiếm vận may trước khi kết hôn. Và cho dù người Anh có lập gia đình thì phần lớn cũng *chỉ là những* gia đình ít con. Ở phần lớn các nước dân chủ, sự phân định các khu vực bầu cử được quyết định bởi mật độ cư dân hơn là dựa trên *cơ sở cử tri* được đăng ký mà nhìn chung là rất ít ở các khu vực nông thôn. Vì thế, việc đòi hỏi “nguyên tắc một phiếu bầu một giá trị” (thay vì là lẽ đương nhiên) đã thách thức kiểu mẫu thông thường ở hai phương diện. Thế nhưng, với sự ủng hộ của Churchill, nguyên tắc ấy đã được thực hiện. Tự nhiên, người Boer đã nhận được sự đền bù đáng kể qua những hình thức nhượng bộ. Tư cách cử tri của lực lượng đồn trú Anh còn lại đã bị hủy bỏ. Có 60 khu vực bầu cử (thay vì 30 theo đề xuất của Lyttelton). Tiếng Anh và tiếng Hà Lan được xem là bình đẳng tuyệt đối trong những giao dịch chính thức. Và mọi người nam đủ tuổi đều có quyền bầu cử bất kể điều kiện về tài sản.

Churchill đã thẳng thắn thôi thúc Lyttelton xúc tiến mạnh mẽ tất cả những điểm đã được bàn cãi sôi nổi và thấu đáo trong chính phủ ngay sau cuộc tổng tuyển cử. Ông rất giỏi trong việc truyền đạt trôi chảy những quan điểm của ông với giới báo chí (dù không phải là luôn làm như thế với lời lẽ lịch thiệp nhất) giống như trong một biên bản ghi nhớ (ngày 3 tháng 1) trên vấn đề ngôn ngữ:

Ở Canada cũng như ở Nam Phi, tính chất hai ngôn ngữ rất bất tiện. Nhưng xem ra ở Canada khó khăn này tồn tại dai dẳng hơn là ở Nam Phi, vì hai chủng tộc ở Canada sống riêng biệt trong hai vùng địa lý tách biệt rõ ràng, và tính riêng biệt của địa phương được gìn giữ. Ở Nam Phi thì hai chủng tộc sống trộn lẫn với nhau trong mọi thành phố, mọi làng, và hầu như là mọi nông trại. Tiếng Anh, với tính văn chương và sự linh động của nó, và trên tất cả là tính thuận tiện trong kinh doanh, phải thắng thế trong cuộc cạnh tranh toàn diện chống lại một thổ ngữ thô tục. Cách duy nhất làm cho tiếng Afrikaan (ngôn ngữ của người Nam Phi bắt nguồn từ tiếng Hà Lan) được sử dụng tích cực là biến nó thành một

ngôn ngữ bị cấm sử dụng. Như thế, người Boer có thể vận dụng nó như là một phương pháp đơn giản để thách thức những kẻ chinh phục. Cho dù tương lai Nam Phi có xảy ra bất cứ điều gì thì chắc chắn nó vẫn sẽ là vùng đất nói tiếng Anh. Vì thế, vì quyền lợi của nước Anh, tôi cho rằng tình trạng nhị nguyên tuyệt đối của ngôn ngữ trong việc cai trị và giáo dục có thể được thừa nhận trên nguyên tắc, như trên thực tế vốn dĩ nó đã như thế.

Đề nghị này rất rõ ràng, hợp lý, và không thành kiến, cho dù lời tiên tri đã sai ở nhiều khía cạnh, và sự coi thường đối với “thổ ngữ thô tục” là khó chấp nhận. Nhưng Churchill đã viết biên bản Nội các vào những ngày thông tin của Quốc hội không bị rò rỉ.

Vai trò của Churchill trong việc hoạch định chính sách khá mơ hồ, Vào cuối tháng 12 (năm 1905), một uỷ ban Nội các gồm năm người đã được thành lập để góp ý về vấn đề nên cải tiến Hiến pháp Lyttelton đến mức nào. Churchill không thuộc nhóm năm người. Đúng là không thích hợp khi một thứ trưởng trở thành thành viên của một uỷ ban Nội các gồm những nhân vật có ảnh hưởng lớn. Nhưng các tài liệu của Churchill đã cung cấp phần lớn chương trình nghị sự và động lực cho uỷ ban, và gần như chắc chắn là ông có tham gia. Dù sao đi nữa thì điều này cũng đã khiến Asquith viết cho ông một bức thư đầy ý nghĩa vào ngày 1 tháng 1 (năm 1906):

Bộ Tài Chính

Winston thân mến của tôi,

Sẽ không tốt hơn hay sao nếu ông có thể chuẩn bị một bản tuyên bố hợp lý ngắn, cho thấy trong mỗi trường hợp những nguyên nhân mà từ đó uỷ ban đưa ra bốn kết luận cho báo cáo của chúng ta hôm nay?

Nó có thể là một sự giúp đỡ hiệu quả cho việc thảo luận của Nội các.

Có lẽ ông nên hỏi xem bá tước Elgin có tán thành gợi ý này hay không.

Thân mến,

H. H. Asquith

Bức thư (được viết từ người mà vào giai đoạn ấy dù bắt đầu thư bằng cụm từ “Winston thân mến của tôi” lại không hề biết rõ về Churchill, nhưng được đa số xem là tham mưu về việc tổ chức trong nhiệm kỳ Thủ tướng ôn hòa của Campbell-Bannerman) đã gợi ý một thỏa thuận tuyệt vời. Trong quan điểm lãnh đạo của Asquith, Churchill là niềm hy vọng cho một bài tiểu luận mạnh mẽ và thuyết phục. Về mặt sinh lực và kỹ năng, Churchill tỏ ra trội hơn bá tước Elgin hoặc một quan chức nào khác. Nhưng ở đây có một điểm tế nhị cần phải tránh có liên quan đến tính nhạy cảm của Elgin, và Asquith, một người khôn ngoan hơn là can đảm, hy vọng là Churchill phải tự mình giải quyết vấn đề.

Elgin và Churchill không ưa gì nhau. Churchill thích đưa ra những khẩu hiệu, cường điệu trong suy nghĩ, và luôn có nguy cơ là chính sách của ông do những khẩu hiệu tạo ra hơn là ngược lại. Elgin tránh mọi câu nói dí dỏm hoặc có tính cách châm chọc và không ưa sự ngạo mạn lưu loát trong một số biên bản của Churchill. Thật ra, ăn nói lưu loát là điều xa lạ đối với Elgin, người mà trên thực tế chưa bao giờ phát biểu ở Nội các và không có tài ăn nói ở Thượng viện. Dù có cá tính hoàn toàn trái ngược, hai người vẫn chịu đựng được nhau trong suốt 28 tháng làm việc cùng nhau. Điều này một phần là vì về mặt tâm lý họ không kình chống nhau. Tuy nhiên, Elgin không phải là một bộ trưởng Bộ Thuộc địa kém quan trọng. Ông là người không thành kiến khi tiếp cận các vấn đề của Transvaal, và vì thế ông hầu như đã ngay lập tức đồng ý với Churchill trên thử thách quan trọng đầu tiên. Ở những vấn đề khác, ông bảo thủ vừa phải và vì thế được nhân viên trong bộ và các thống đốc ở thuộc địa yêu mến. Ông có khuynh hướng ủng hộ “người tại chỗ [người Anh ở Transvaal]” hơn so với Churchill, có lẽ vì ông từng là “người tại chỗ” ở Calcutta suốt 5 năm mà không

phải là luôn nhận được sự ủng hộ của London. Ông còn tỏ ra chịu đựng và sáng suốt khi cư xử với Churchill. Ông hầu như làm cho Churchill thất vọng trên vấn đề “nhân quyền” khi từ Kenya đến Natal, Ceylon, vị thứ trưởng này (Churchill) liên tục yêu cầu đưa ra những quyết định và những sự trừng phạt tại địa phương chống lại nhiều cá nhân. Elgin dễ dãi với Churchill hơn là với Hopwood, vị thứ trưởng thường trực dù giàu kinh nghiệm nhưng không đủ phóng khoáng để có thể nhận biết các phẩm hạnh nằm bên dưới sự ngạo mạn của Churchill.

Tuy nhiên, Elgin quyết định gánh vác toàn bộ trách nhiệm của Bộ Thuộc địa và không cho phép bản thân bị Churchill lấn lướt. Dù thường bất đồng quan điểm, họ không bao giờ cãi vã nhưng cũng không thật sự yêu mến lẫn nhau. Khi Churchill thực hiện chuyến đi mang tính vừa công vừa tư đến Đông Phi hơn bốn tháng trong kỳ nghỉ dài ngày 1907 - 1908, sự vắng mặt của ông làm cho Elgin cảm thấy nhẹ nhõm chứ không thấy thiếu thốn. Và hẳn là Elgin sẽ nhẹ nhõm hơn nữa nếu Churchill không liên tục gửi về Bộ Thuộc địa những lời phê bình và đề nghị. Những bình luận dạng văn bản của Elgin về mối quan hệ giữa ông với Churchill rất kỳ lạ. Sau khi đã làm việc chung với nhau trong một năm, Elgin đã viết thư để ca ngợi Churchill mà cũng để bày tỏ sự nhẹ nhõm ích kỷ của ông khi Churchill không được thăng chức: “Tôi sẽ luôn nhớ lại sự hợp tác giữa chúng ta trong những năm vất vả và nhiều bất hòa. Và tôi thật sự biết ơn ông không chỉ vì sự dũng cảm và năng lực mà với nó ông đã tranh đấu cho hoàn cảnh của chúng ta, mà còn vì sự quan tâm không thay đổi mà ông đã dành cho tôi và các quan điểm của tôi”. Nửa câu cuối dù rõ ràng không mang tính châm biếm nhưng hẳn là sẽ thích đáng hơn khi do một thứ trưởng gửi cho bộ trưởng của anh ta hơn là ngược lại. Và ngay sau khi không còn làm bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Elgin đã viết thư cho người kế nhiệm là Hầu tước Crewe về “những mối quan hệ cá nhân dễ chịu” với Churchill và “cá tính hấp dẫn ở nhiều mặt” của Churchill. Nhưng giống như có một điều gì đó bị kiềm chế đã bất ngờ tuôn ra, ông kết luận: “Tuy nhiên, tôi biết rõ là nó tác động đến vị trí của tôi bên ngoài Bộ Thuộc địa, và sự căng thẳng thường rất nặng nề”. Rồi khi họ chính thức chia tay khi Asquith nhận

chức thủ tướng vào tháng 4 năm 1908, Churchill được thăng chức, Elgin phải miễn cưỡng về hưu, không có chứng cứ nào cho thấy họ từng gặp nhau trong chín năm còn lại của cuộc đời Elgin.

Thành tích của Churchill đối với Quốc hội trong thời kỳ làm ở Bộ Thuộc địa khá tạp nham dù luôn thu hút sự chú ý. Ông đã thành công trong cuộc tranh luận đầu tiên mà trong đó ông đã sử dụng cụm từ đáng nhớ “terminological inexactitude” [nói sai sự thật] khá đạt. Một tháng sau đó, vào ngày 21 tháng 3 (năm 1906), ông đã lâm vào một rắc rối gần như là một thảm họa. Alfred Milner, người kết hợp sự chắc chắn về trí tuệ và sự tự tin của Enoch Powell với khả năng hành chính quả quyết và tự mãn của John Anderson (tử tước Waverley), đã trở thành tử tước trong năm 1902. Nhưng mãi đến cuối tháng 2 năm 1906, 8 tháng sau khi từ Nam Phi trở về, Alfred Milner mới đọc bài diễn văn đầu tiên ở Thượng viện. Dù là người chịu trách nhiệm đối với những quyết định gây nhiều tranh cãi hơn bất cứ chính khách nào khác vào thời đó, ông đã cẩn thận nuôi dưỡng thái độ không thiên vị.

Tuy nhiên, bá tước Portsmouth, một quan chức cấp thấp ở Bộ Chiến tranh, đã thành công trong việc yêu cầu Milner chấp nhận việc trừng phạt bằng roi đối với những người phu Trung Quốc ở Nam Phi, điều bị cấm trong mọi thủ tục pháp lý. Điều này đã khiến cho một nghị sĩ cấp tiến lớn tuổi là William Byles, thành viên Quốc hội đại diện cho Salford North kế cận khu vực bầu cử của Churchill, phê bình gay gắt Milner. Chính phủ không muốn cho này được loan truyền nhưng không thể ngăn cản các nghị sĩ cấp thấp với số lượng lớn và thường là thiếu kinh nghiệm làm như thế.

Kết quả đã gây khó chịu cho Asquith và Grey, những người giữ hai bộ hàng đầu trong chính phủ Campbell-Bannerman, có cảm tình với Milner và giúp cho Milner có được sự kính trọng của Balliol và những người bảo hoàng. Điều đáng nhớ là họ (nhất là Asquith, người đã nhanh chóng trở thành một nhân vật “đao to búa lớn” toàn năng của chính phủ trong Hạ viện) giao phó hoàn toàn cho Churchill giải quyết vấn đề tế nhị này. Và nó còn đáng nhớ hơn nữa vì Churchill

đã phải bỏ ra phần đầu của ngày họp Quốc hội để phản đối một nỗ lực gây bất hòa của nhân vật đáng gờm Joseph Chamberlain (ông này chế giễu chính phủ về vấn đề lao động Trung Quốc). Churchill chỉ trích Chamberlain bằng những thuật ngữ châm chọc điển hình của ông. Chỉ trong một ngày, Churchill đã đọc hai bài diễn văn. Một để chống lại Chamberlain, chính khách nổi bật nhất trên chính trường dưới triều đại Edward VII (cho đến khi bị đột quỵ bốn tháng sau đó). Và bài diễn văn thứ hai đòi hỏi sự xoa dịu một cách tế nhị các phần tử quá khích hung hăng. Nó là một nỗ lực lớn và là một dấu chỉ rõ ràng cho thấy sự lỗi lạc đầy rủi ro mà Churchill củng cố bằng cách chọn trở thành người phát ngôn duy nhất của Hạ viện, cơ quan dễ bị công kích nhất.

Lần gánh vác rủi ro này của Churchill đã không thành công. Ông làm chệch hướng bản kiến nghị của Byles bằng một sửa đổi vô thưởng vô phạt, chống lại việc phạt bằng roi đối với công nhân Trung Quốc nhưng “từ chối việc phê bình cá nhân vì lợi ích của nền hòa bình và sự hòa giải ở Nam Phi”. Rắc rối nằm trong bài diễn văn chứ không phải là ở sách lược của ông. Ông cố gắng thuyết phục các nghị sĩ cấp thấp hung hăng rằng việc phê bình Milner là không đáng, không phải là vì nhân đức của ông ta mà vì ông ta là một nhân vật đã *sức cùng lực kiệt* của quá khứ. Đây là một sự xúc phạm và không đúng sự thật. Gần 10 năm sau đó, khi Churchill đang ở một trong những thời điểm kém may mắn nhất, Milner trở thành một trong năm thành viên trong Nội các thời chiến của Lloyd George, chính phủ mà trong đó Churchill, dù đã có một bước thăng tiến vượt bậc từ năm 1908 đến 1914. Milner hẳn sẽ rất vui khi được nhận một vị trí kém quan trọng như ông đã từng như thế khi trở thành bộ trưởng Bộ Quân khí vào tháng 6 năm 1917. Và gần 20 năm sau, khi Curzon chết, Milner được chọn làm hiệu trưởng danh dự của Đại học Oxford dù chết trước khi nhậm chức (mở ngõ cho việc bầu chọn tử tước Lord Cave với sự thất bại của Asquith).

Ngay cả con người trung thực Edward Marsh (dù khi ấy chỉ mới làm thư ký riêng cho Churchill được bốn tháng trong suốt 24 năm gắn bó với Churchill) cũng đã mô tả bài diễn văn của Churchill là một trong những thất bại của

Churchill”: “Nói chung, xem ra giọng điệu của nó không thích hợp và rất lâu về sau nó sẽ vẫn còn được nhớ đến để chống lại ông... Lỗi lầm nằm ở lối nói thô lỗ..., ông đã khơi gợi những ngày đen tối của một chính khách đã bị tổn thương”. Đoạn văn gây nên sự xúc phạm đặc biệt như sau:

Ngài Milner đã rời Nam Phi, có lẽ là mãi mãi. Ngành dân chính sẽ không còn nhớ đến ông. Đã từng nắm trong tay một quyền lực to lớn, mà nay ông chẳng còn gì. Đã từng có rất nhiều công việc mà nay chẳng còn việc gì để làm.

Xa rời những sự kiện hình thành lịch sử nên hiện nay ông ta không có khả năng tu chỉnh chính sách cho dù là ở mức độ nhỏ nhất. Suốt nhiều năm từng là người phân xử số phận của những người “giàu hơn cả mơ ước của những kẻ tham lam” mà nay ông nghèo khổ, tôi xin nói thêm là sự nghèo khổ đáng kính. Sau 20 năm phục vụ nhà vua, nay ông đã trở thành một quan chức nghỉ hưu mà không được nhận lương hưu hoặc khoản tiền thưởng nào... Ngài Milner không còn là một yếu tố trong các sự kiện công.

Sau đó Churchill còn làm cho sự xúc phạm tồi tệ thêm bằng cách so sánh vị trí của Milner với vị trí của người vô thần Bradlaugh trong năm 1880 và Parnell trong năm 1887 (khi có vụ giả mạo giấy tờ của Pigott). Hàm ý của ông về sự dính líu của người lãnh đạo Ireland trong những vụ phạm tội liên quan đến ruộng đất (agrarian crime) được đa số ở Hạ viện tin là thật. Đây là sự biện hộ có tính ngạo mạn (mà vào lúc ấy được đa số cho là xem trời bằng vung) đã gây ra sự tức giận và đụng chạm đến uy quyền của hiệu trưởng phân viện All Souls (William Anson) của Đại học Oxford và đến cả nhà vua. Vị hiệu trưởng này đã mô tả bài diễn văn ấy như là “sự thổ lộ khoa trương và ngạo mạn của một kẻ càn rỡ trẻ tuổi”. Vua Edward VII đã viết cho phu nhân Londondery rằng: “Cách cư xử của một người thân nào đó của bà chỉ đơn thuần là gây ra nhiều tai tiếng”.

Sự khiển trách nghiêm trọng hơn, cho dù lịch sự hơn, đã đến từ bá tước

Selborne, cựu đô đốc hải quân chủ trương hợp nhất (Anh - Ireland), người từng được phái đến Nam Phi thay thế cho Milner trong năm 1905. Ông đã cố gắng hợp tác với chính phủ mới của Đảng Tự do dù đóng góp chủ yếu của ông là đưa ra những lời khuyên mang tính chất hơi lên mặt dạy đời mà ông nghĩ là được cấp trên (Edward Grey từng là đầu sai của ông ta ở Winchester). Vào ngày 15 tháng 4, ông đã viết cho Churchill:

Về cuộc tranh cãi có liên quan đến Milner, tôi hoàn toàn thấy rõ rằng ý định của ông là nhằm che chắn sự công kích mà kẻ thù của Milner nhắm vào ông ta. Nhưng nếu tự đặt mình vào trong hoàn cảnh của những người Anh ở Nam Phi, giống như có thể phê bình một cách vô tư, ông sẽ không ngỡ ngàng trước thái độ của họ đối với chính phủ của nhà vua. Có thể cho rằng, nói chung, người Anh ở Nam Phi rất ngưỡng mộ Milner, và đối với họ thì chỉ có những kẻ phản bội mới có thể chỉ trích Milner... Tôi nghĩ rằng mối bất hòa giữa Đảng Tự do và người Anh ở Nam Phi là thật sự nghiêm trọng và nó là điều làm tôi vô cùng lo lắng.

Bài diễn văn tháng 3 này đã gây hại nghiêm trọng cho thế đứng của Churchill, nhưng nó đã được cân bằng bởi một dịp khác ở Nam Phi khi, vào cuối tháng 7, ông đọc diễn văn thuyết phục Hạ viện thông qua hiến pháp mới của Transvaal với tỉ lệ phiếu thuận là 316 so với 83 phiếu chống. Bài diễn văn này được cho là một trong những bài diễn văn thành công và có ảnh hưởng lớn vào giai đoạn đầu sự nghiệp, ngay lập tức được đưa vào những hợp tuyển diễn văn của ông. Đoạn văn nổi tiếng nhất trong bài diễn văn này trực tiếp nhắm vào những thành viên hàng đầu của phe đối lập:

Họ là những người dẫn đường của một đảng mà dù là thiểu số trong Hạ viện nhưng đại diện cho gần nửa nước. Tôi sẽ nghiêm túc hỏi họ rằng có phải là họ sẽ không ngần ngại khi tham gia vào việc lãng mạ hấp tấp và quá đáng đối với sự dàn xếp quan trọng này hay không. Tôi

sẽ hỏi họ thêm rằng có phải là họ sẽ không cân nhắc nếu không thể tham gia góp sức với chúng tôi để có được sự phê chuẩn cấp quốc gia cho một hiến pháp tự do ở Transvaal hay không. Dù là phe đa số, chúng tôi cũng chỉ có thể làm cho nó trở thành món quà của một đảng, họ có thể làm cho nó trở thành món quà của cả nước Anh. Và nếu được như thế, tôi tin chắc rằng tất cả những điều tốt lành vô giá mà chúng ta hy vọng là sẽ tuôn tràn từ quyết định này sẽ hiện thực hơn và sẽ xảy ra nhanh hơn. Và bước đầu tiên phải thực hiện sẽ là loại bỏ những sự việc của Nam Phi ra khỏi vũ đài đấu đá đảng phái trong chính trường nước Anh, mà trên đó họ đã gây tổn thương cho cả hai đảng và chính họ phải chịu tổn thất nặng nề.

Đoạn diễn văn này xem ra khá ngạo mạn khi nó là của một quan chức trẻ và thường cố tình khiêu khích. Nhưng rõ ràng là bài diễn văn được ưa thích trong dịp này, dù có điều đáng quan tâm là hai bức thư khen ngợi nồng nhiệt lại đến từ hai người không thật sự được nghe trực tiếp cuộc tranh luận. Tuy nhiên, chúng đến từ hai nguồn đáng được hoan nghênh là tướng Ian Hamilton và hầu tước Ripon (cựu phó vương).

Thành công này đã cho phép Churchill bắt đầu kỳ nghỉ dài ngày đầu tiên trong vai trò là một thứ trưởng với tinh thần phấn chấn. Thành tựu này không thể bao biện cho một kỳ nghỉ lười nhác như thế. Ông khởi hành từ London vào ngày 12 tháng 8 sau khi được hoàng đế Đức Wilhelm II mời đến tham dự cuộc diễn tập quân sự gần Breslau sẽ diễn ra vào đầu tháng 9. Và ông đã hỏi ý Vua Edward VII về những sắp xếp phức tạp nhất liên quan đến những bộ đồng phục thích hợp. Lúc đầu, ông đến Deauville và kế đó là biệt thự ở Thụy Sĩ của Ernest Cassel, một nơi quen thuộc đối với ông. Từ Deauville, ông báo về cho thư ký riêng: “Ở đây tôi rất rảnh rỗi và sống buông tuồng, đánh bạc thâu đêm suốt sáng. Tôi kiếm được chút ít tiền”. (Ông nói với em trai rằng ông mang theo 260 bảng, tương đương với 12 ngàn bảng ngày nay). Có thể là ông sống buông tuồng nhưng không hẳn là lười nhác. Vào ngày 15 tháng 8, ông gửi cho nhà vua một

chứng thư (*pièce justificative*) dài gần 4.000 từ viết về chính sách đối với Transvaal, viết bằng tay trên 35 tờ giấy khổ tám (octavo paper). Và khi thư ký riêng của nhà vua hồi âm từ Marienbad nói rằng nhà vua đã đọc nó với sự quan tâm nhưng tỏ ra hoài nghi, thì một chứng thư khác có chiều dài gần tương đương đã được gửi về từ Thụy Sĩ. Hồi âm cho chứng thư này ngắn hơn, thậm chí là cộc lốc, nhưng sự hoài nghi của nhà vua vẫn còn: “Nhà vua vẫn sợ rằng ông có phần lạc quan trong các dự đoán”.

Churchill còn nhận thấy rằng thời gian nghỉ lễ cũng là dịp để viết một bức thư quan trọng cho thủ tướng. Và khi hồi âm, thủ tướng Campbell- Bannerman (khi ấy cũng ở tại Marienbad) đã chú rằng: “Với sinh lực như thường lệ, ông đã tận dụng những ngày nghỉ lễ”. Tuy nhiên, đây không phải là một sự châm chọc mỉa mai, vì nội dung bức thư của thủ tướng rất quan trọng và có giọng điệu than thien, dù ông cũng nhắc lại lời cảnh báo của nhà vua nói rằng Churchill không nên “quá cởi mở và thẳng thắn” với hoàng đế Đức khi gặp ông ta tại cuộc diễn tập quân sự. Rõ ràng sự cảnh báo của nhà vua cũng là điều đầu tiên Campbell-Bannerman nghe được về chuyến đi của người thuộc cấp trẻ tuổi. Có thể có người cho rằng thật bất thường và khó hiểu khi một dịp nghỉ lễ lại phải nhận được sự phê chuẩn trước của thủ tướng. Và người ta cũng không tìm thấy một dấu hiệu khác biểu lộ sự tự tin đến mức tự mãn của Churchill, cũng như chế độ nghỉ ngơi thịnh hành dưới thời Campbell-Bannerman.

Tuy nhiên, sự thân mật trong bức thư của thủ tướng không phải là điều báo trước sự thăng tiến của Churchill, điều mà chắc hẳn là Churchill mong muốn nhất. Ông giống như là một con chim luôn sẵn sàng đập cánh vào bất cứ trần nhà nào ngăn cản phía bên trên. Mục tiêu của ông là Nội các, nơi ông có thể trực tiếp bày tỏ các quan điểm về mọi đề tài liên quan đến chính sách chung chứ không chỉ đơn thuần là bộc lộ quan điểm về chính sách thuộc địa chỉ trên giấy tờ. Điều này không có nghĩa là ông cảm thấy không vui đối với công việc hiện thời.

Thật ra đã có lúc ông thảo luận (ít nhất là với mẹ) về triển vọng ông có thể được mời tham gia Nội các trong khi vẫn chỉ là nhân vật đứng hàng thứ hai ở Bộ

Thuộc địa. (Phản ứng của bá tước Elgin [lúc ấy là bộ trưởng Bộ Thuộc địa] tội nghiệp là phản ứng tự nhiên của một người đã bị Churchill gây ra nhiều khó khăn. Việc đề cho “thuộc cấp” cùng tham gia Nội các, và chắc chắn là người thuộc cấp này còn lớn tiếng hơn ông, là điều không thể). Tuy nhiên, điều ấy đã không xảy ra. Dù Asquith, khoảng một tháng trước khi trở thành thủ tướng, đã bàn về điều ấy với nhà vua, nhưng nhà vua đã bác bỏ đề nghị và nói rằng Nữ hoàng Victoria cũng đã gạt bỏ một đề nghị tương tự (đối với Bộ Ngoại giao) của Rosebery nhằm đề bạt Edward Grey.

Theo ghi chép về sau của Asquith (gửi cho vợ), nhà vua đã không hề thử đặt vấn đề đối với việc đề bạt Churchill, người mà ông “khen ngợi khá nồng nhiệt”, miễn là nó chỉ diễn ra trong nội bộ Văn phòng Nội các. Chính Asquith đã nói rằng Churchill “có đủ điều kiện để tham gia Nội các”, với thiện ý ông đã đưa ra lập luận kỳ lạ rằng: “Ông ta [Churchill] đã cư xử rất tốt khi hai lần bị từ chối thỉnh cầu để rồi hai người khác kém hơn ông ta được chọn”. Lập luận này khá kỳ lạ vì không thể nào một Churchill chỉ mới 33 tuổi và mới có được chỗ đứng trong Đảng Tự do được ba năm lại có thể cư xử không tốt, hoặc có thể làm gì khác ngoài việc tự nghiền ngẫm cơn giận của mình, nếu ông ta đã sẵn sàng như thế. Tuy nhiên, cuộc nói chuyện là một dấu chỉ lý thú cho thấy Churchill có thể thuyết phục nhanh chóng ra sao cho dù đối với một nhân vật lạnh lùng không nhiệt tình như là Asquith (người về sau muốn làm việc chung với Churchill dù luôn chế giễu một cách trêu mến những hành động ngông cuồng của Churchill, phải thừa nhận năng lực của ông).

Vụ đề bạt “người kém cỏi hơn” đầu tiên mà Churchill không được chọn là trường hợp McKenna trong tháng 1 năm 1907, người mà vì Bryce trở thành đại sứ ở Washington và Birrell kế nhiệm ông ta làm quốc vụ khanh ở Ireland, đã thay Birrell làm bộ trưởng Giáo dục. Và vụ đề bạt thứ hai là trường hợp của Lewis (thường được gọi là “Lulu”) Harcourt, một cựu thư ký riêng suốt nhiều năm của cha là William Vernon Harcourt, người không rõ vì lý do gì mà trong tháng 3 năm 1907 từ một bộ trưởng Bộ Xây dựng ngoài Nội các đã được đưa

vào Nội các cũng với chức danh ấy.

Trong suốt nhiệm kỳ thủ tướng của Asquith, McKenna cùng với Churchill đối đầu nhau trong một cuộc cạnh tranh tay đôi. McKenna không hề có cảm tình với Churchill. Ông là một người cầu nệ, thậm chí khó tính, có năng lực nhưng hầu như không có sức thu hút của một lãnh tụ, thế nhưng luôn nhận được những công việc vượt quá năng lực. Và thậm chí là khi không nhận những công việc ấy, ông vẫn được các thủ tướng như Baldwin và Neville Chamberlain xem xét đưa về Bộ Tài chính. Ông từng là bộ trưởng Hải quân khi Churchill, được gọi là “nhà kinh tế [vì chống chi tiêu phung phí]”, cùng với Lloyd George, đối với việc chi tiêu của Bộ Hải quân. Và ông trở thành bộ trưởng Nội vụ khi Churchill, đã trở thành bộ trưởng Hải quân thay thế McKenna, đột nhiên phát hiện được giá trị của những chiếc tàu chiến mà trước đó ông chống lại việc đóng chúng. McKenna cũng là bộ trưởng Tài chính không tồi trong suốt 17 tháng trong khoảng thời gian 1915 - 1916 dưới thời chính phủ liên minh của Asquith, một chức vụ mà gần một thập kỷ sau Churchill mới nhận được. Hơn nữa, người vợ trẻ của McKenna, Pamela Jekyll, kết hôn với ông trong tháng 4 năm 1908, đã nhanh chóng trở thành bạn chơi bài ưa thích của Asquith. Trong khi Clementine Hozier, người trở thành phu nhân Winston Churchill năm tháng sau đó, dù có nhiều tính tốt vẫn không thu hút được thiện cảm đặc biệt từ thủ tướng trong những ngày nhàn rỗi của công việc chính phủ. McKenna là một đối thủ dù tệ nhạt nhưng đáng sợ của Churchill. “Lulu” Harcourt không bị liệt vào danh sách này. Là một người giàu có, cấp tiến, và có óc thẩm mỹ, luôn có khuynh hướng thiên tả (cấp tiến) trong những cuộc tranh luận ở Nội các, “Lulu” Harcourt là một bộ trưởng Bộ Thuộc địa thành công trong khoảng thời gian 1910 – 1915 trước khi quay về Bộ Xây dựng để mở đường cho Bonar Law tham gia vào liên minh của Asquith. Ông chết khi còn trẻ và bị nghi ngờ là có liên quan đến vụ tai tiếng về quan hệ tình dục đồng giới trong năm 1922. Trong những tháng cuối của năm 1907, Churchill đã đạt được những khả năng cần thiết từ chức vụ hiện thời và chờ đợi một cơ hội tốt đẹp hơn. Điều này rõ ràng là nhờ sự diễm tình

tương đối mà cùng với nó, ông đã thực hiện chuyến công du bốn tháng đến nhiều đảo ở vùng Địa Trung Hải và Đông Phi. Sự điếm tĩnh này đã không ngăn cản ông đưa vào biên bản ghi nhớ việc chọc giận Francis Hopwood. Nhưng nó giúp ông có thể tận hưởng mùa thu trước mùa thu cuối cùng không diễn ra kỳ họp Hạ viện trong lịch sử nước Anh (lần không họp cuối cùng là vào năm 1913), để hoàn chỉnh những kinh nghiệm của ông ở Silesia bằng cách cùng với người bạn mới là F. E. Smith tham gia cuộc diễn tập của quân đội Pháp tại Champagne mà không phải lo lắng khi rời xa vũ đài chính trị trong nước. Dù không có bất cứ tài liệu nào chứng minh, nhưng người ta có cảm giác rằng, với Asquith, Churchill đã hiểu rõ về những triển vọng trong tương lai của mình.

Nhưng ông không thể biết chính xác là từ bộ nào ông sẽ được tham gia vào Nội các. Ngoại trừ việc được tham gia Nội các mà không thay đổi công việc, có ít nhất bốn khả năng. Khả năng thứ nhất, thay thế Elgin làm bộ trưởng Bộ Thuộc địa, khả năng thứ hai là làm bộ trưởng Hải quân, nơi dượng của Churchill, nam tước Tweedmouth, đang làm bộ trưởng, khả năng thứ ba là làm chủ tịch hội đồng quản trị chính quyền địa phương, chức vụ được cho là tương đương với chức vụ hiện nay của ông, khi ấy do người thuộc Đảng Bảo thủ là John Bums nắm giữ, và khả năng thứ tư là bộ trưởng Thương mại, chức vụ sắp được bỏ trống do Lloyd George được đề bạt làm bộ trưởng Tài chính.

Churchill đã bày tỏ với Asquith là ông muốn tiếp tục ở lại Bộ Thuộc địa. Điều bất ngờ là ông không nhắm đến Bộ Hải quân, nơi mà ba năm rưỡi sau đó vì hy vọng nhận được nó mà ông đã đi theo Asquith đến tận nhà nghỉ của ông này ở Scotland.

Cuối cùng, ông chấp nhận vị trí bộ trưởng Bộ Thương mại mà Asquith đề nghị. Trong giai đoạn này, Churchill trở thành không chỉ là người kế nhiệm Lloyd George mà còn là người phụ tá nhiệt tình của ông ta trong việc lập kế hoạch chính sách xã hội, trọng tâm của chủ nghĩa tự do mới (New Liberalism), khác với các chính sách truyền thống của Gladstone không can thiệp vào những vấn đề có liên quan đến “điều kiện sống của người dân”. Đối với Churchill,

trong giai đoạn này ở Bộ Thương mại chỉ có một bất lợi duy nhất đối với sự nghiệp của ông. Chiếu theo điều kiện của những dị thường xưa cũ trong cơ cấu lương chính thức (cựu thủ tướng Baldwin là một nạn nhân còn thảm hại hơn khi trở thành viện trưởng Viện Cơ mật trong năm 1931), bộ trưởng Thương mại chỉ được hưởng mức lương 2.500 bảng so với mức lương 5.000 của các bộ trưởng khác. Và tiền bạc luôn là vấn đề khiến cho Churchill phải bận tâm. Về mặt khác thì chân trời đã rộng mở trước mặt ông trong tháng 4 năm 1908.

PHẦN II

- - - - -

ĐOM ĐÓM PHÁT SÁNG:
BÌNH MINH RỰC RỠ
(1908-1914)



Chương 7

HÔN NHÂN

Cuộc đời của Churchill không thiếu những sự kiện đầy kịch tính, nhưng mùa xuân năm 1908 là thời điểm xảy ra một sự kiện với mức độ kịch tính khác thường. Vào giữa tháng 3, khi ông bị thu hút bởi Clementine Hozier trong một bữa tiệc ở London.¹⁴ Vào ngày 8 tháng 4, ông chính thức được giao chức chủ tịch Hội đồng Thương mại, lúc mới 33 tuổi. Ông trở thành thành viên trẻ nhất của Hội đồng Nội các kế từ hầu tước Hartington năm 1866, và là một trong số ít người được đề bạt trong độ tuổi 30 trong suốt chiều dài lịch sử của chính phủ Nội các (“cabinet government”: thuật ngữ dùng để chỉ một chính phủ mà trong đó hầu hết quyền hành pháp được trao cho một Hội đồng Nội các) Anh: Pitt, Palmerston, Peel, Gladstone, Harold Wilson, William Hague và Winston Churchill. Trong dịp nghỉ cuối tuần ngày 11-12 tháng 4, Churchill đã thuyết phục mẹ mời Clementine Hozier và mẹ cô (cũng giống như phu nhân Randolph, bà là người giàu kinh nghiệm trong những vụ môi giới ngoại tình) đến lâu đài Salisbury, ngôi nhà thuê ở Hertfordshire. Hai ngày tại đây đã biến bữa tiệc say đắm của ông với cô Hozier thành mối quan hệ nghiêm túc và bền vững.

Ngay sau đó, ông phải từ giả để đến Manchester. Theo quy định cổ xưa bắt đầu từ năm 1705, và vẫn tiếp tục được duy trì cho đến năm 1926, một thành viên Nội các mới được bổ nhiệm phải tìm cách để được cử tri trong khu vực bầu cử của ông ta tái bổ nhiệm. Điều này thường không bị phe đối lập chống đối, nhưng trường hợp của Churchill thì lại khác. Ở đó, vào ngày 23 tháng 4, trái với sự tin tưởng chắc chắn của Churchill được ông bày tỏ một tuần trước trong bức thư gửi

cho cô Hozier, ông đã thất bại bởi 429 phiếu chống và sự chống đối của Joynson-Hicks, một kẻ ưa bới lông tìm vết. Đây là một trở ngại nhưng may mắn thay nó không phải là một dấu chấm hết. Churchill là một nhân vật nổi tiếng với những hoạt động chính trị âm ỉ thu hút cảm tình của các nhà hoạt động chính trị thuộc Đảng Tự do ở các khu vực bầu cử. Bốn ngày sau khi thất bại, ông tuyên bố rằng vẫn có thể tiếp cận từ tám đến chín vị trí an toàn tại những nơi sắp diễn ra bầu cử bổ sung hoặc có thể kêu gọi bầu cử bổ sung. Dundee, một thành phố ở trung tâm hành chính của vùng Tayside với các hoạt động kinh tế như là buôn bán đay, lanh, đóng tàu, làm mứt và bánh ngọt, là một vị trí an toàn như thế, và các đảng viên tự do ở địa phương rất có thiện cảm với Churchill. Chính tại vườn địa đàng này mà Churchill, với khả năng cảm nhận tốt về sự thống nhất chính trị của Vương quốc Liên hiệp Anh, đã nhanh chóng vượt ra khỏi biên giới Scotland. Ông trở về với một kết quả đáng mãn nguyện, được đa số ủng hộ (nhưng còn cách xa mức phiếu bầu đa số tuyệt đối), vào ngày 9 tháng 5. Mãi đến lúc ấy, sau khi “ngôi sao may mắn” xuất hiện, ông mới có thể tập trung vào công việc ở vị trí mới, dù vẫn liên lạc và luôn quan tâm đến cô Hozier.

Thất bại ở Manchester đã khiến cho Churchill không còn tin vào điều mà ông biểu lộ vào ngày 16 tháng 4 rằng “người Do Thái, người Ireland và các thành viên của Công đoàn Mậu dịch Tự do, là ba thành phần đáng ngờ được cho là không thân thiện, đã hoặc đang tái thông đồng với nhau. Tôi không lo lắng về việc họ không bỏ phiếu ủng hộ tôi vào Thứ sáu. Có thể là người Do Thái và các thành viên của Công đoàn sẽ như thế, dù các thành viên Công đoàn không quá ghẻ lạnh với đảng của họ như từng xảy ra khi Joseph Chamberlain cương quyết nhất trong chiến dịch hung hăng của ông ta”. Dường như người Ireland không như thế, dù Churchill đã cố gắng để thôi thúc họ bằng cách vin vào sự cho phép của Asquith để tuyên bố rằng tự trị là vấn đề phải giải quyết trong nhiệm kỳ thứ hai của chính phủ Tự do. Chống lại điều này sẽ dẫn đến sự chống đối Dự luật Giáo dục 1907 (do những người theo giáo phái ly khai thúc ép) hình thành từ sau một phiên họp giữa chính phủ và những người đại diện của Giáo hội Công giáo

La Mã (cũng như của Anh giáo), và lập trường này lại càng không thể được bào chữa bởi một dự luật còn bị căm ghét hơn nữa, đó là Dự luật Cấp phép (Licensing Bill [1921] dự luật đã làm dấy lên câu hỏi là Monmouthshire phải thuộc về Xứ Wales hay là Anh). Giám mục Công giáo La Mã ở Manchester là giám mục giáo phận Salford, và ông đã đưa ra những tuyên bố bất lợi cho Churchill vào ngày Chủ nhật trước cuộc bầu cử.

Tuy nhiên, những giáo lệnh như thế không chắc đã được người ta phục tùng dù vào thời ấy, trong hoạt động chính trị, tôn giáo giữ một vai trò quan trọng hơn rất nhiều so với ngày nay, cũng như khuynh hướng bầu chọn của bất cứ nhóm nào cũng bị tác động bởi những câu chuyện ngòi lê đôi mách hơn là bị tác động bởi số liệu thống kê. Ít nhất thì cũng có một số yếu tố có ảnh hưởng tương đương, đó là sự can thiệp của một ứng cử viên độc lập ủng hộ chủ nghĩa xã hội, người nhận được 276 phiếu ủng hộ, và đợt suy giảm nhiệt tình chung sau hai năm ba tháng sau thời kỳ “Bình minh mới” 1906 (“New Dawn” ở đây là thuật ngữ dùng để chỉ cuộc thắng phiếu lớn của Đảng Tự do trong năm 1906). Joynson-Hicks, một chính khách có phong cách không úp mở, đã thắng thường lên án chính phủ bằng những cụm từ thường gây ra sự nhàm chán quen thuộc (cái gì cần thay đổi thì phải thay đổi - *mutatis mutandis*). “Chỉ trong vòng hai năm ngắn ngủi, họ (chính phủ) đã khiến cho các thuộc địa chán ghét chúng ta, phí phạm các thành quả của cuộc chiến Transvaal, cố gắng gian lận để giành chiến thắng trong việc sửa đổi hiến pháp, táng thuế, miệt thị nhận thức về tội lỗi của tôn giáo, bỏ mặc sự hỗn loạn và đổ máu ở Ireland và bắt đầu tấn công bất cứ hiệp hội thương mại hoặc tổ chức nào không tuân theo sự điều khiển khắt khe của họ”. Không hề có gợi ý nào cho thấy Churchill là người kém cỏi hoặc, trong đợt thoái trào này, là một ứng cử viên tài giỏi đặc biệt. Tỷ lệ phiếu bầu chống lại ông là 6,6%, cao hơn mức phiếu thuận, một tỷ lệ đáng kể nhưng chưa đủ để làm ông nản lòng trong cuộc bầu cử bổ sung trong mùa đông và mùa xuân. Ông đã không nản chí khi thất bại. Trong một lá thư viết sau đó 13 ngày, gián tiếp trách móc “những người Ireland Công giáo La Mã khó ưa”, những người mà ông cho

rằng đã thay đổi phe phái vào phút cuối, ông viết: “Phải nói rằng Đảng Tự do là đảng tốt nhất để đối đầu”. Tôi chưa từng thấy ở họ sự trung thành và sự tử tế trong những giờ phút nguy nan. Tôi có thể thắng họ một trận thắng lớn nhờ vào cách mà họ đối xử với tôi”.

Tại Dundee, nơi mà phiếu ủng hộ ông thấp hơn gần 3% so với lượng phiếu ủng hộ ông ở Manchester, khu vực bầu cử nghị viện này được xem là “mãi mãi an toàn” và việc cạnh tranh được xem là đầy hy vọng. (Hệ thống bầu cử của Anh không phải là không thay đổi thất thường). 56% phiếu chống Churchill là một kết quả không tệ lắm. Và hầu như số phiếu này được dồn sang chia đều cho Đảng Bảo thủ và Công đảng, với Edwin Scrymgeour (sau này là nghị sĩ đại diện cho thành phố Dundee ở vùng Scotland, ông là người duy nhất từng được bầu vào Quốc hội nhờ sự ủng hộ của những người chủ trương chống rượu, với danh nghĩa là ứng cử viên đại diện của Đảng Chống rượu Scotland [Scottish Prohibition Party]), ứng viên độc lập thuộc thành phần thứ tư ứng cử với chiêu bài “chống sản xuất và bán rượu” nhận được 2,5% phiếu bầu. Chính vì “Bàn tay có thể che được bầu trời”, Scrymgeour, với quan điểm chống sản xuất và bán rượu không thay đổi và chống Churchill, người vào lúc ấy trở thành mục tiêu dễ nhắm cho những người chống rượu, nên đã chiến thắng Churchill trong năm 1922. Điều này chứng tỏ rằng, sau 14 năm rưỡi cộng thêm bốn cuộc bầu cử, cụm từ “mãi mãi an toàn” chỉ mang tính tương đối.

Vào ngày 20 tháng 5, chuyến xe lửa của Churchill rời ga Dundee tiến về phía nam đi một mạch đường dài nhưng chậm qua cầu sông Tay trước khi tăng tốc vượt qua Vương quốc Fife, và vượt qua một vịnh hẹp khác trước khi đi qua Edinburgh vào London. Lúc này, cuộc hành trình của Churchill đã kéo dài mười tiếng rưỡi, dù ông là người không muốn lãng phí thời gian. Suốt nhiều năm, ông đã phải gạt sang một bên các vấn đề ở khu vực bầu cử và chỉ trở lại đó vài ngày vào mỗi mùa thu trong khoảng thời gian từ lúc ấy cho đến cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong năm 1910. Dù là một vị trí khả quan, nhưng Dundee không tạo được nhiều cảm xúc trong lòng người Anh. Vào buổi sáng tháng 5 năm ấy,

Churchill có rất nhiều lý do để hài lòng với thành tựu của mình và phần khởi trước các triển vọng. Nhưng, dù không bao giờ tự giới hạn các tham vọng, Churchill không thể nào nghĩ đến việc chỉ trong 32 năm nữa ông sẽ trở thành thủ tướng, hoặc nghĩ đến những tình huống tuyệt vọng nào đó để rồi người ta phải đưa ông lên làm thủ tướng.

Trong lúc ấy, cô Hozier đang trải qua một tháng mùa xuân bên mẹ, một phần là ở vùng Black Forest để cầu nguyện cho em gái là Nellie (về sau là bà Romilly) đang nằm trong bệnh viện lao, và một phần là ở Milan để sắm sửa quần áo. Phu nhân St Helier, một phụ nữ từng trải lớn tuổi, bà bác của Hozier và là người nhiệt tình ủng hộ Churchill, đã cho rằng mẹ của Hozier không sáng suốt khi đưa cô ra nước ngoài trong thời điểm đầy hứa hẹn như thế. Từ hai nơi này (vùng Black Forest và Milan), Clementine đã viết cho Churchill những bức thư mô tả sự tiếc nuối khi phải xa đất nước và cho biết là rất quan tâm đến những cuộc cạnh tranh của Churchill ở Manchester và Dundee. Có lẽ mẹ của cô là người có nghị lực hơn và có khả năng đánh giá về triển vọng hôn nhân tốt hơn so với bà bác của cô.

Bà mẹ, phu nhân Blanche Hozier, là con trưởng của bá tước thứ mười vùng Airlie. Bà đã thực hiện cuộc hôn nhân thứ hai đáng thất vọng với Henry Hozier trong năm 1878. Cuộc hôn nhân của họ tan vỡ trong năm 1891. Và sau đó phu nhân Blanche sống túng quẩn, đôi khi ở Seaford thuộc vùng Sussex, đôi khi sống tại Dieppe bên kia eo biển Anh, đôi khi sống tại Abingdon Villas ở vùng Kensington xa xôi, nơi mà vào thuở ấy không phải là một địa chỉ hợp thời. Mọi ấn tượng về sự sung túc được tạo ra từ việc đến Milan để mua quần áo là không đúng, có lẽ là vì giá cả ở thành phố này vào thuở ấy không đắt.

Vào năm 1908, với tai tiếng của gia đình và đã 22 tuổi, Clementine Hozier không phải là một mục tiêu lý tưởng để cầu hôn. Có nhiều người đương thời bị thu hút bởi sắc đẹp của cô, thế nhưng cô không phải là người ăn ảnh nên những bức ảnh không thể lột tả hết được vẻ đẹp ấy. Nhưng không thể nghi ngờ việc cô có vẻ ngoài mạnh mẽ, nhạy cảm, hơi bồn chồn, và hầu như giống một con nai

nhỏ. Cô hoàn toàn không phải là người khêu gợi đam mê như mẹ chồng. Khác hẳn phu nhân Randolph trong bất cứ giai đoạn nào trong đời, cô luôn tạo được ấn tượng về sự trinh khiết. Nhưng dù mô tả bên trên hoàn toàn chính xác về mặt ngữ nghĩa, cô không phải là một cô gái ngây thơ mới bước ra từ lớp học. Cô đã có ba lần hẹn hò (để kết hôn), hai lần có phần kín đáo và cùng với một người. Người này là Sidney Peel, cháu của ngài nam tước Robert Peel đáng sợ và là người sốt sắng cầu hôn. Sidney Peel lớn hơn Clementine Hozier gần 15 tuổi và là một niềm an ủi thân thiết hơn là một tia lửa điện. Người thứ hai là Lionel Earle, một công chức có nền tảng gia đình tốt và giàu có, người dù già hơn Peel nhưng có lẽ đã thật sự khiến cô quan tâm. Lần hứa hôn này được công khai, và việc kết hôn rất có triển vọng cho đến khi những mối nghi ngờ bắt đầu xuất hiện. Một người bạn tốt đã vô tình mời cả hai người, có phu nhân Blanche đi kèm, đến nghỉ ngơi hai tuần tại dinh cơ của ông ta ở Hà Lan. Mối nghi ngờ ấy đã được chứng minh là có cơ sở. Và Clementine, với ý chí mạnh mẽ, đã quay về với cuộc sống tương đối nhàm chán ở Dieppe hoặc London và dạy tiếng Pháp (tại London) với giá nửa crown (một loại tiền kim loại cổ của Anh) một giờ.

Theo quy luật của thị trường hôn nhân thuộc triều đại Edward, việc làm này giúp cô bình tâm nhanh hơn cả tác dụng của thời gian. Nó còn tạo điều kiện kết thân cho Winston Churchill, người dù không cao hơn nhưng lớn hơn cô đến 11 tuổi rưỡi. Winston là người không phải không bị những mũi tên của thần ái tình bắn trúng, nhưng những mũi tên của vị thần này không giữ vai trò quyết định trong cuộc đời ông. Dứt khoát ông không phải là loại người thích quyến rũ phụ nữ, và cũng không phải là một người khéo léo trong những cuộc nói chuyện theo thông lệ bên bàn tiệc. Trừ khi những người phụ nữ ngồi kế bên khuyến khích ông nói về bản thân và về tương lai của thế giới, hầu như ông chẳng quan tâm gì đến họ.

Mối quan hệ dù nồng nàn nhưng không quá gắn bó của ông với Pamela Lytton đã được ghi nhận. Sau đó, là một phụ nữ tên là Muriel Wilson thuộc dòng họ sở hữu tàu biển giàu có, sở hữu trang viên Tranby Croft ở vùng East Riding

(nơi trong năm 1891 đã xảy ra vụ gian lận cờ bạc đầy tai tiếng có dính líu đến vua Edward VII và đại tá Gordon Cumming). Muriel Wilson và Churchill có một mối quan hệ vừa để vui chơi vừa có liên quan đến tình dục. Vào đầu mùa thu năm 1906, họ đã cùng đi du lịch bằng xe hơi ở miền trung nước Ý (Bologna, Ravenna, Rimini, Urbino, Perugia và Siena). Trong chuyến đi này, Churchill đã viết thư cho mẹ để kể về “sự nhàm chán” trong mối quan hệ của ông với Muriel Wilson. Muriel Wilson chỉ giữ cho mối quan hệ này dừng ở mức yêu đương lãng nhãng. Và vào mùa xuân 1907, khi có nhiều tin đồn cho rằng Churchill chuẩn bị kết hôn với cô Botha, cô con gái rất xinh xắn của người đã bắt giữ Churchill ở Natal, người cùng đi với cha đến London để tham dự Hội nghị Đế quốc, thì Muriel đã viết một bức thư có một chút gì đó vừa chế nhạo vừa tỏ ý ghen tuông: “Nghe nói là anh đính hôn với cô Botha. Đúng thế chứ?... Em mong được sống thanh thản khi về già ở đây trong ánh nắng và được biển xanh bao quanh. Và em mong là anh và cô Botha cùng với những đứa con của cô ấy đến chơi và tham quan khu vườn của em...”

Chuyện về cô Botha chỉ là tưởng tượng của các nhà báo phụ trách chuyên mục ngồi lê đôi mách, họ đã xuất hiện từ thập niên 1900 nhưng không viết bừa bãi như đồng nghiệp của họ ngày nay.

Churchill còn có một mối tình say đắm khác kỳ lạ hơn nhiều. Ethel Barrymore là một nữ diễn viên tài ba sinh tại Mỹ nhỏ hơn Churchill 5 tuổi, hiện diện ở London trong khoảng thời gian 1896-1898 dù chỉ đôi lần xuất hiện với tư cách “một minh tinh”. Gần như tất cả những người viết về tiểu sử của Churchill đều khẳng định rằng ông đã hứa hôn với cô Barrymore, nhưng chẳng ai cho biết là vào lúc nào hoặc đưa ra bất cứ chi tiết đáng tin cậy nào. Trong một tập tiểu sử chính thức, Randolph Churchill, người thường đưa ra nhiều chứng cứ thuyết phục, cũng không cung cấp chi tiết nào. Rất lâu sau đó, Churchill chỉ nói rằng Barrymore khẳng định bằng lời rằng “cô đã bị Churchill thu hút” và rằng ông đã gửi cho bà một bức điện tín chúc mừng sinh nhật thứ 80. Dĩ nhiên dịp kỷ niệm này là sau khoảng thời gian kia nhiều thập kỷ. Và người ta vẫn thắc mắc mà

không nghi ngờ sự thật của lời tuyên bố được lặp lại, phải chăng đây chỉ là một say mê nghệ sĩ sân khấu vào cuối thập niên 1890 hay không khi mà sự nghiệp của Churchill chưa cho phép ông nghĩ đến chuyện hôn nhân, hay đây chỉ là một tuyên bố cường điệu đơn phương của Churchill mà không chờ đợi, hoặc thậm chí là mong muốn, được thừa nhận.

Nhân vật khác nữa cần được nhắc đến là Violet Asquith, con gái của thủ tướng. Ít nhất cô cũng rất say mê Churchill dù Churchill không như thế. Điều này không gây cản trở cho một tình bạn thân thiết, bất chấp việc Churchill bất đồng sâu sắc với cha cô từ sau năm 1915 (cho đến khi cả hai đều đã già). Tuy nhiên, cũng như với Ethel Barrymore, ở đây có nhiều điều không rõ, không có bất cứ tài liệu minh chứng thuyết phục nào. Có nhiều giả thuyết, nhất là về phía Asquith, nhưng chúng mâu thuẫn nhau.

Công nương Violet Bonham Carter, danh xưng của Violet Asquith sau này là danh xưng có được do vào năm 1916, cô kết hôn với Maurice Bonham Carter. Và do địa vị bá tước của cha, vào năm 1965, khoảng sáu tháng sau khi Churchill chết, Violet Asquith đã xuất bản tác phẩm Winston Churchill as I Knew Him (Winston Churchill như tôi biết), một trong những tác phẩm hay nhất và sâu sắc nhất viết về Churchill. Đây là một tác phẩm có mức độ riêng tư và kịch tính cao. Nó bắt đầu bằng đoạn mô tả đáng nhớ về cuộc gặp mặt đầu tiên giữa Violet Asquith và Churchill trong mùa hè năm 1906, khi ông được 31 tuổi và bà 19 tuổi. Bà mô tả chính xác và chi tiết về người tổ chức bữa tiệc, nơi tổ chức, và những ai là những vị khách:

“Tôi thấy mình đứng kế bên một người đàn ông trẻ, người mà tôi cảm thấy khác với tất cả những người tôi từng gặp. Suốt một khoảng thời gian dài ông chìm đắm trong suy tư. Sau đó, dường như ông chợt nhận ra sự hiện diện của tôi... Ông đưa ra một bài bình luận hùng hồn về sự ngắn ngủi của đời người - sự vô hạn của những thành tựu mà con người có thể giành được - một chủ đề được khai thác triệt để bởi các thi

sĩ, các nhà tiên tri, và các triết gia thuộc mọi thời. Đây là chủ đề xem ra rất khó để có thể đưa vào những ý nghĩa mới và đáng quan tâm. Thế nhưng đối với tôi, ông ta đã làm được như thế với một dòng ngôn từ đương bệ mà xem ra vừa trôi chảy lại vừa vô tận, và kết thúc bài hùng biện bằng những từ mà tôi không bao giờ quên: “Tất cả chúng ta đều là côn trùng, nhưng tôi thật sự tin rằng mình là côn trùng thuộc họ đom đóm”. Vào lúc này tôi đã tin chắc vào điều ấy, và sự kiên tín ấy của tôi sẽ vẫn không dao động cho đến những năm sau này”.

Khi về nhà, bà nói với cha rằng: “Lần đầu tiên trong đời con được thấy một thiên tài”. Xem ra ông Asquith (cha của Violet) đã tỏ ra thích thú và nói (theo trí nhớ của Violet gần 60 năm sau): “Thế à, hẳn là Winston đồng ý với con ở điểm đó. Nhưng cha không biết chắc là con có thể tìm được nhiều người khác cũng nghĩ như thế hay không. Tuy nhiên, cha biết chính xác điều con muốn nói. Anh ta không chỉ là một người xuất sắc mà còn là độc nhất vô nhị”.

Mâu thuẫn đầu tiên là trong tuyển tập được biên soạn tỉ mỉ nhất gồm những trang nhật ký của bà và những bức thư được công bố trong năm 1996, không hề có chứng cứ nào cho thấy là có một dịp như thế. Nhưng không thể nào tin rằng điều đó không xảy ra. Sự mô tả chi tiết và nói chung là hợp lý đã chứng minh điều này.

Thế nhưng có điều không hợp lý là sự kiện đầy kịch tính trong đời bà lại không có chỗ đứng trong vô số các tác phẩm đương thời của bà. Vì thế, có khả năng nó chỉ là một yếu tố hồi cổ lãng mạn xuất hiện trong những ghi chép sau này của bà mà thôi.

Quan điểm này hợp lý vì khi so sánh phản ứng của bà trước sự xuất hiện của Clementine Hozier trong bối cảnh mà bà đã viết vào lúc ấy. Trong *Winston Churchill as I Knew Him*, Violet Bonham Carter đã viết về hôn lễ của Churchill: “Vợ của ông ta đã là bạn của tôi... Cô ta đã xuất hiện trong cuộc đời của Churchill trước tôi vài năm. Và khi tôi sững sờ trước vẻ đẹp chín muồi không tì

vết của cô ta và nghĩ về kinh nghiệm phong phú của cô ta về thế giới mà tôi chỉ vừa mới bước vào, tôi cảm thấy vừa đổ kỵ lại vừa vô cùng ngưỡng mộ. Nhưng sau đó, lòng đổ kỵ biến mất mà chỉ còn lại sợ ngưỡng mộ, và từ đó bắt đầu một tình bạn mà bất cứ cuộc bể dâu nào cũng không thể làm thay đổi... Không lâu sau đó tôi đã biết được rằng cô ta phóng khoáng hơn cả Churchill, và khám phá này đã làm tôi khuây khỏa rất nhiều”.

Tuy nhiên, Violet Asquith đã không hề gửi gắm nhiệt tình vào những gì được viết ra lúc ấy. Khi nghe tin về việc đính hôn của Churchill, bà đã viết nhiều thư gửi cho bạn là Venetia Stanley, một người bà con cô cậu, dù chị gái của người này là Sylvia Henley mới là người bạn thân thiết hơn và quen biết lâu hơn. Violet Asquith đã viết:

Tin tức chắc chắn về việc Winston đính hôn với Hozier đã do chính Winston nói với tôi. Phải nói rằng tôi mừng cho cô ấy nhiều hơn là buồn vì ông ta. Như tôi vẫn thường nói, đối với ông ta, vợ chỉ là một món trang trí, và cô ấy sẽ không đòi hỏi gì nhiều hơn thế. Tôi không biết là liệu cuối cùng thì ông ta có nói với cô ấy là cô ấy ngớ ngẩn như một con cù lần hay không (chắc chắn đây là điều tai hại). Nhưng nếu xảy ra như thế thật, thì sau đó cô ấy sẽ chẳng màng đến điều gì, kể cả việc may quần áo cho bản thân. Và tôi nghĩ là hẳn ông ta cũng phần nào yêu cô ấy. Mục sư cho rằng cuộc hôn nhân sẽ không tốt cho hai người... Tôi không biết là có đúng thế không... Dù rất cần cuộc hôn nhân ấy, nhưng ông ta không muốn có một người vợ thích uốn nắn những thị hiếu của ông ta và giữ cho ông ta không phạm phải những lỗi lầm ngớ ngẩn... Tôi đã khẩn thiết mời cả hai người đến đây [lâu đài Slains ở vùng Aberdeenshire] vào ngày 17”.

Hai ngày sau (vào Chủ nhật), lúc có lẽ chưa nhận được thư của Violet, Venetia Stanley đã viết: “Cô thích Winston lắm phải không? Tôi không biết là liệu Clementine có trở thành kẻ gây phiền hà cho Nội các như là Pamela

[McKenna] hay không, tôi nghĩ là cô ấy sẽ không như thế vì cô ấy rất khiêm tốn. Tôi sợ là Pamela tội nghiệp sẽ vô cùng buồn chán vì là mệnh phụ trẻ duy nhất của Đảng Tự do. Clemmie đã gửi cho tôi một bức thư rất lâm ly kể về rất nhiều điều. Tôi không biết là Winston nghĩ cô ta ngớ ngẩn đến độ nào”.

Đây không phải là một bức thư độ lượng nhất, cũng không phải bằng chứng của sự giả dối trong tình bạn sau này. Nếu sự phê bình riêng tư về một nhân vật thứ ba luôn bị tiết lộ, nhất là dưới áp lực của một tâm trạng đặc biệt hoặc sau khi nhận được một mẫu tin, thì rất nhiều người trong chúng ta hẳn sẽ phải nản lòng. Chúng ta dễ dàng cho rằng cả hai người như là hai cô em gái xấu xí con của người dì ghẻ ghen tức với sự thành công của Lọ Lem. Và chắc chắn là Violet bị tác động bởi sự ghen tuông. Nhưng cô không phải là một cô gái xấu xí, cô có rất nhiều người yêu, và vào lúc ấy đang lần đầu háo hức với địa vị con gái thủ tướng. Và Venetia, dù không đẹp theo quy ước vào thời ấy, nhưng có khả năng quyến rũ giúp làm sinh động một cuộc đàm thoại hoặc một dịp gặp gỡ. Có rất nhiều người ngưỡng mộ cô, bao gồm cả thủ tướng. Hơn nữa, cô không có một mối quan hệ thân thiết nào với Churchill ngoài việc là thành viên nửa mùa giúp mang lại sự sinh động cho phái đoàn của ông.

Việc Churchill đeo đuổi Clementine, dù có lẽ là được quyết định vào mùa xuân và không gặp phải trở ngại mạnh mẽ nào, mãi cho đến ngay sau khi mùa họp Quốc hội kết thúc mới được quyết định dứt khoát. Điều này mang tính biểu tượng. Suốt cuộc hôn nhân lâu dài, Clementine chỉ gặp phải vài (rất hiếm hoi) tình địch nhẹ ký. Thế nhưng bà cũng tranh đấu rất dữ dội để giành lấy sự quan tâm của ông, và ngoài bà ra, điều ông luôn gắn bó là hoạt động chính trị. Ngay cả khi tâm trí của Churchill dồn hết cho cái sẽ là một cuộc hôn nhân thích hợp nhất, đối với ông, phiên họp đầu tiên trong vai trò là một thành viên Nội các vẫn là ưu tiên số một.

Trong năm ấy, mùa họp của Quốc hội được kết thúc khá sớm (vào ngày 1 tháng 8). Và với việc cô Hozier đến đảo Wight để xem cuộc đua thuyền tại Cowes trong tuần đầu tiên của tháng, Churchill đã đến Rutland ở lại tại một ngôi

nhà do người anh em họ là Freddie Guest thuê. Ngôi nhà này đã bị thiêu rụi khi ông đang ở đó. Ông bối rối lui về Nuneham Park gần Oxford. Eddie Marsh, người đã ở Rutland với ông, đã bị cháy hết quần áo cũng như Churchill bị cháy hết nhiều giấy tờ tùy thân. Nuneham, lúc ấy là nơi ở của “Lulu” Harcourt, một đồng sự của Churchill, là một nơi tiện đường đi lại với Oxford cho việc tổ chức đám cưới cho em trai của Churchill là Jack. Jack kết hôn với tiểu thư Gwendeline Bertie, con gái của bá tước vùng Abingdon (đây có thể là một yếu tố phụ thúc đẩy Jack tiến tới hôn nhân). Nuneham cũng là nơi tiện đường tới lâu đài Blenheim, nơi mà Churchill dự định sẽ đến gặp Clementine vào Thứ hai ngày 10 tháng 8. Đây là một sự thay đổi khác với kế hoạch ban đầu, trải qua vài ngày tại Salisbury Hall với Lady Randolph như trong mùa xuân. Tuy nhiên, Churchill rất nôn nóng muốn gặp Clementine tại lâu đài Blenheim để đưa ra lời cầu hôn, điều đã được thực hiện và đã được chấp nhận vào Thứ ba ngày 11.

Lúc đầu, Clementine từ chối kế hoạch gặp ở Blenheim vì nghĩ rằng sẽ có rất nhiều khách ở đó. Nhưng cô phần nào an tâm khi biết rằng ở đó chỉ có ngài công tước, người mới bị vợ bỏ và cũng là người mà Clementine chưa bao giờ ưa thích, có F. E. Smith, người ngày càng trở nên quen thuộc vì cô rất yêu mến vợ ông ta và có một trong những thư ký riêng ở Bộ Thương mại của Churchill (không phải là Marsh, người mà Clementine rất có cảm tình và có lẽ đang rất mệt sau vụ hỏa hoạn). Thái độ của cô đối với thư ký trực thuộc bộ (Bộ Thương mại) nhiều hơn này, người về sau sẽ là ngài nam tước William Clark và là người đứng đầu cơ quan ngoại giao của Anh ở Ottawa và sau đó là ở Pretoria, đã không được ghi lại. Nhưng có thể đoán chừng là vào lúc này cô đã quá thân thiết với Churchill (cũng như sự thân thiết của ông đối với cô). Và tương lai của cô gắn kết chặt chẽ vào những người khách thân quen ấy. Lại một lần nữa, tương lai đã được biểu tượng hóa bởi hai ngày trọng đại, mà trong hai ngày đó, cô cận kề bên hai người chồng tương lai của hai người bạn thân nhất, hai người đàn ông mà cô không bao giờ yêu mến. Có một điều đáng quan tâm nữa là, Churchill, người tự trọng đến mức không thể bị tác động bởi sự giàu có hoặc quyền uy (trái ngược với việc

ông muốn có chúng để sống dễ chịu hơn), hẳn rất háo hức đối với cuộc hẹn ở lâu đài Blenheim, nhất là khi ông biết rằng Clementine là một trong những người lưu lại lâu nhất ở đó. Có lẽ việc cảm thấy nơi ấy thích hợp là do cảm giác chủ quan của chính ông. Ông chào đời ở Blenheim, viết phần lớn những quyển sách thành công ở đó, và ông sẽ viết quyển sách (gồm bốn tập) về người tạo lập lâu đài này. Và ông cũng sẽ được chôn cất trong khuôn viên nhà nguyện nằm ở một góc vườn lâu đài. Kết hôn ở đây phù hợp với cảm giác của Churchill đối với việc gìn giữ truyền thống dòng họ.

Khi thủ tục đính hôn đã hoàn tất, việc đầu tiên họ làm là báo tin cho Lady Blanche đang sống tại một ngôi nhà khiêm tốn ở vùng Abingdon Villas. Rồi sau đó vài ngày họ báo tin cho Lady Randolph ở lâu đài Salisbury. Sau đó, việc đính hôn đã được công bố ngày 15 tháng 8, và đám cưới đã được ấn định vào ngày 12 tháng 9 tại nhà thờ St Margaret của tu viện Westminster. Đây là một ngày rất “không phù hợp”, thế nhưng cũng quy tụ được đến 1300 khách. Sự tham dự của Lloyd George là thích đáng vì ông là một đồng minh rất thân thiết của Churchill. Có một điều (không phải là bất thường) khác nữa là ngay vào ngày ấy Churchill và Lloyd George đã có một cuộc đàm luận chính trị sôi nổi trong phòng thánh của nhà thờ. Vị giám mục đáng sợ của giáo phận St Asaph giữ vai trò chủ tế, và linh mục quản hạt Welldon của giáo xứ Manchester (trước kia là hiệu trưởng của Churchill lúc còn học ở trường Harrow và sau đó làm giám mục ở Calcutta) là người đọc diễn văn.

Chuyên san thời trang Tailor & Cutter đã bổ sung thêm sự vui vẻ cho đám cưới bằng cách mô tả áo quần mà chú rể Churchill mặc như là “một trong những bộ áo cưới thất bại nhất từng thấy, mang lại cho người mặc dáng vẻ của một người đánh xe ngựa tự cao tự đại”. Trái lại, Churchill trông đom đống một cách khác thường, và phù rể của ông, nam tước Hugh Cecil, trông giống người đánh xe ngựa hơn.

Chương 8

HỌC VIỆC TẠI BỘ THƯƠNG MẠI

Khi kết thúc tuần trăng mật trở về (vài ngày ở Blenheim, sau đó là những chuyến tham quan ngắn ở hồ Maggiore và thành phố Venice) Churchill gần hoàn thành 6 trong số 24 tháng phục vụ trong Bộ Thương mại. Đây là một cơ quan nhập nhằng, nửa gắn bó với lịch sử, nửa quan tâm đến những vấn đề đời thường, làm cho nó chẳng khác mấy so với Hội đồng Chính quyền Địa phương, điều mà Churchill tuyên bố là sẽ chống đối quyết liệt.

Ông đã có được bản danh sách những người tiền nhiệm nổi tiếng của bộ, Huskisson, Gladstone, Cardwell, John Bright, Joseph Chamberlain và Lloyd George, người tiền nhiệm gần nhất. Không phải tất cả trong số họ đều hăng hái khi được bổ nhiệm. Gladstone đã than phiền khi được bổ nhiệm làm phó chủ tịch vào năm 1841, khác với khi được bầu làm chủ tịch vào năm 1843, trong khi ông hy vọng có được vị trí liên quan đến vấn đề nhân sự, thì lại phải “cai quản các bưu kiện”. Và trong thời điểm ấy, Bộ Thương mại không được quan tâm như là Bộ Tài chính, cơ quan chuyên trách việc tăng lợi tức quốc gia mà ba phần tư là nhờ vào việc nhập khẩu và đánh thuế. Sau thời Gladstone cùng với Disraeli, trong thập niên 1859, làm cho Bộ Thương mại trở thành một cơ quan xuất sắc và ngân sách của bộ trở thành tầm cỡ quốc gia, vào lúc này bộ đã không còn được như thế. Và những người lãnh đạo bộ sau này không còn hy vọng rằng đây là nơi tạm dừng chân để đến với những vị trí cao hơn, được ưa chuộng hơn là Bộ trưởng Tài chính.

Đây đúng là trường hợp của Lloyd George, người tiến về phía thiên đường

Bộ Tài chính (suy nghĩ này thường sai lầm) đã tạo ra vị trí khuyết cho Churchill. Tuy nhiên, quyền hành và trách nhiệm của Bộ Thương mại khá lớn, cho dù có phần nhập nhằng. Bao gồm việc giám sát việc thực thi luật thương mại, chứng nhận bằng sáng chế và thiết kế, giám sát việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, kiểm soát các tuyến xe lửa, các số liệu thống kê thương mại và lao động, hòa giải những tranh chấp giữa công nhân và người sử dụng lao động và cố vấn cho Bộ Ngoại giao trong những cuộc điều đình thương mại. Giống như John Grigg thuật lại trong tác phẩm viết về cuộc đời của Lloyd George, “tình trạng can thiệp và kiểm soát đã giảm đến mức tối thiểu, nhưng những quyền này vẫn được Bộ Thương mại duy trì để giữ cho việc kiểm soát vốn được dễ dàng và trật tự”.

Khi sử dụng những quyền này, Lloyd George đã đeo đuổi một chiến lược tuyệt vời, chiến lược giúp cân bằng hai mặt của bản chất vốn phức tạp của ông. Thứ nhất, ông hài lòng theo cách gần như ngây thơ với vai trò bộ trưởng của mình. Ông không cạnh tranh với John Burns, người khi được chỉ định làm chủ tịch Hội đồng Chính quyền Địa phương dường như đã nói với thủ tướng Henry Campbell-Bannerman: “Thưa ngài Henry, trong đời ngài chưa từng làm điều gì được yêu thích hơn thế”. Nhưng bài diễn văn đầu tiên trong cương vị bộ trưởng của Lloyd George nhuộm màu kiêu hãnh của một “chàng trai tỉnh lẻ thành công trong sự nghiệp”, điều làm cho ông khát khao có được sự thành công trong vai trò bộ trưởng, và khiến ông từ tốn và hòa nhã khi bắt đầu các bốn phận đối với bộ. Mặt khác, ông biết rằng mình không thể thỏa mãn sự ham muốn quyền lực bằng sự thành công trong luật công ty hoặc các quy định ngành hàng hải. Và vì thế ông phải cân bằng khả năng của một người quản lý ngăn nắp, được giao phó nhiều công việc phức tạp với một chương trình quyết định những bài diễn văn vận động chính trị.

Trường hợp này phần nào khác với phương pháp của Churchill, với sự hăm dọa ở giai đoạn ấy và với mức độ tham vọng đối với quyền lực cũng tương đương, Churchill đã tìm cách để Lloyd George trở thành đồng minh. Churchill

dù thích thú nhưng không hoa mắt khi trở thành một bộ trưởng cấp cao khi mới 33 tuổi. Ông đã nghĩ rằng cho dù không phù hợp chính xác với quyền tập ấm của ông thì ít nhất nó cũng là phần thưởng dành cho tài năng cá nhân được xây dựng trên thiên hướng lãnh đạo di truyền. Ông còn là một người can thiệp mạnh bạo hơn vào những vấn nạn phức tạp. Bản năng tự nhiên của ông là rung lắc bất cứ cây táo nào nằm trong tầm tay để có thể thu được số quả tối đa có thể được. Lúc đầu, ông sợ rằng Lloyd George lấy hết những quả nho khô trên chiếc bánh “Bộ Thương mại”. Tuy nhiên, thật ra thì, trong vòng 22 tháng ở Bộ Thương mại, có lẽ ông đã thu hoạch được nhiều hơn người tiền nhiệm trong 28 tháng ở đó. Nhưng có một điều ngược đời là ông đã dễ dãi chấp nhận trở thành nhân vật số hai, bên cạnh Lloyd George, trong việc cộng tác truyền bá chủ trương cấp tiến mang tính xây dựng, cũng như trong hai phong trào cải cách xã hội Tự do Mới quay lưng lại với truyền thống cũ của William Gladstone (truyền thống tập trung vào những vấn đề chính trị của Đảng Tự do, bỏ mặc các hoàn cảnh xã hội).

Cho dù là người của tham vọng quyền lực, Churchill vẫn không cảm thấy khó khăn khi phải chấp nhận sự hợp tác trong thế yếu với người lớn hơn ông 11 tuổi rưỡi và đã trở thành nghị sĩ thuộc Đảng Tự do trước ông đến 13 năm. Có một sự mê hoặc lớn trong mối quan hệ giữa Lloyd George và Churchill, mối quan hệ mà qua rất nhiều giai đoạn khác nhau đã kéo dài thêm 35 năm sau khi người này thay thế người kia trong vai trò bộ trưởng Thương mại. Họ là hai chính khách kiệt xuất của nước Anh trong nửa đầu của thế kỷ 20. Vì thế mà họ đã trở thành hai vị thủ tướng nổi trội. Dù về mặt thành tựu vững chắc, trong thời bình, Asquith cũng chẳng kém gì, và trong thời Nữ hoàng Victoria cũng có những người có thể so sánh với họ như là Peel, Gladstone và Disraeli. Về cơ bản, Churchill vĩ đại hơn vì sự quan tâm và thành tựu của ông đối với hoạt động chính trị ở thế giới bên ngoài có quy mô lớn hơn, và vì thành tựu của ông trong năm 1940 và 1941 thuộc loại cao cấp hơn thành tựu của Lloyd George trong năm 1917 và 1918, thành công trong việc giải quyết những khó khăn nặng nề hơn và thiết yếu hơn đối với tương lai của thế giới. Hơn nữa, dù Churchill có thể

có quan điểm phần nào cực đoan khi nhìn nhận các vấn đề hoặc con người, nhưng ông kiên trì với niềm tin và mục đích của ông hơn Lloyd George. Ít nguyên tắc và ít có khuynh hướng chủ nghĩa cơ hội hơn là cách khác để nói về ông.

Tuy nhiên, không thể chối cãi là, so với Churchill, Lloyd George mạnh hơn ở một số phẩm chất quan trọng. Và một trong số điểm mạnh đó, có lẽ đáng quan tâm nhất, là ông có thể áp đặt mà không phải phí sức trong một thời gian dài uy quyền của ông đối với Churchill. Mãi đến khi gặp Lloyd George lần đầu vào một thời điểm nào đó trong thời gian giữ chức chưởng ấn vào cuối thập niên 1920, Churchill mới trở thành nhân chứng thuyết phục của điều này. Churchill rất cần gặp Lloyd George để cùng nhau rà soát lại một số điểm trong tập cuối của tác phẩm *The World Crisis*. Robert Boothby, người khi ấy là thư ký riêng của Churchill, ghi lại rằng cuộc gặp mặt đã diễn biến rất thuận lợi. Lloyd George đã trả lời mọi câu hỏi của Churchill. Sau đó Churchill bổ sung thêm: “Chỉ trong vòng năm phút, mối quan hệ xưa cũ của chúng tôi đã được củng cố lại. Đây là mối quan hệ giữa thủ trưởng và thuộc hạ, mà tôi là thuộc hạ”. Chắc chắn Churchill đã rất ngần ngại khi nói thế nhưng hẳn là trong lời ông phải có phần nào sự thật. Và ai đó nếu có thể khiến cho Churchill phục tùng, dù chỉ là giả vờ, thì hẳn người ấy phải là một nhân vật đáng sợ.

Vào lúc ấy, Lloyd George đã rời khỏi chức vụ được sáu năm, và trước mặt ông còn 17 năm khác nữa cũng không có thành tựu về chính trị. Trong thập niên 1930, cả quyền lực lẫn khả năng phán xét của ông đều giảm, dù mãi cho đến khi diễn ra cuộc tranh cãi về chiến dịch Na Uy ở Hạ viện năm 1940, ông vẫn còn cơ hội để đọc một bài diễn văn có sức công phá lớn. Danh tiếng của ông đã bị hoen ố vì cuộc thăm viếng mang tính nịnh bợ Hitler trong mùa hè 1936. Một số người còn cho rằng có khả năng ông sẽ trở thành một Pétain (một vị tướng và cũng là một chính khách của Pháp, về sau bị kết án tử hình vì cộng tác với Đức nhưng sau được giảm thành án tù chung thân) của nước Anh. Tuy nhiên, Churchill vừa vì tình cảm xưa cũ vừa vì để giữ lại một đồng minh, đã nảy ra ý tưởng bổ nhiệm

Lloyd George một là làm đại sứ (sau cái chết của Lord Lothian) hai là làm bộ trưởng Nông nghiệp, lĩnh vực mà Lloyd George được cho là chuyên gia do ông từng trồng táo thành công ở những ngọn đồi vùng Surrey. Việc Lloyd George không nhận được chức vụ nào trong hai chức vụ này có lẽ là một điều may mắn trong giai đoạn ấy.

Nhân cách không phải là ưu thế duy nhất của Lloyd George. Trong hầu hết các trường hợp, so với Churchill, ông là một diễn giả thuyết phục hơn và có khả năng ứng phó cao hơn. Ông có thể thâm nhập sâu hơn vào tình cảm của thính giả. Churchill nói với thính giả, còn Lloyd George thì thâm nhập vào tâm tư họ. Ông lại còn là người biết lắng nghe hơn, và một phần là nhờ bản năng, ông có khả năng cảm nhận cao hơn về những gì đang diễn ra trong tâm trí của thính giả. Điều cuối cùng này là một lợi thế quan trọng trong bối cảnh của Bộ Thương mại năm 1908. Lloyd George là người hòa giải xuất chúng đối với những mối bất hòa giữa giới chủ và công nhân. Và ông tiếp tục vận dụng khả năng này cho đến lúc trở thành thủ tướng và cả sau đó. Điều này khá giống với một nhạc công dù đã trở thành người chỉ huy chính của dàn nhạc nhưng đôi khi cũng muốn thể hiện lại vai trò nghệ sĩ bậc thầy với một nhạc cụ nào đó. Mặt hạn chế của Churchill trong vai trò người hòa giải của Bộ Thương mại chỉ đơn giản là “nói quá nhiều”. Tuy nhiên, ông xem việc hòa giải các tranh chấp công nghiệp (tranh chấp giữa chủ và thợ) là một trong các chức năng quan trọng của Bộ Thương mại, và đã thật sự hòa giải được rất nhiều vụ việc quan trọng.

Tuy nhiên, Churchill đã nghĩ rằng Bộ Thương mại là nơi tạo cơ hội để ông trở thành một nhà cải cách xã hội. Trong một bức thư gửi cho Asquith vào ngày 14 - 3 - 1908 (trước khi được đề nghị hoặc chấp nhận làm việc ở Bộ Thương mại), Churchill đã viết: “Khi dò dẫm băng qua những hố sâu u tối, tôi đã thấy được hình ảnh lờ mờ của một chính sách mà tôi gọi là Tiêu chuẩn Tối thiểu (Minimum Standard). Nó là một chính sách dành cho quốc gia hơn là dành cho một cơ quan. Tôi cho là khả năng của mình không đủ để có thể diễn đạt cụ thể chính sách ấy. Nếu không, tôi nghĩ là mình sẽ xung đột với vài người trong số

những người bạn thân nhất, ví dụ như John Morley, người cho rằng không thể làm gì khác hơn được”. Tuy nhiên, tháng sau, Churchill đã nhận dạng rõ hơn đường lối của mình và không còn lo lắng nhiều về việc làm mất lòng người đại diện của Gladstone trong Nội các. Trong một lá thư quan trọng khác gửi cho Asquith, một bức thư tràn trề tự tin, đánh dấu những suy nghĩ mà ông có được sau kỳ nghỉ lễ Giáng sinh. Ông viết:

Trong vài ngày thanh thản này, tôi đã nghiền ngẫm về rất nhiều điều và cảm thấy trong tôi có một sự thôi thúc buộc tôi phải nói với ngài về sự xác tín được hình thành trong tâm trí tôi qua suốt một thời gian dài. Có một chính sách tổ chức xã hội tuyệt vời. Việc thực hiện chính sách này rất cấp thiết và đây là thời điểm chín muồi để thực hiện nó. Nước Đức có một khí hậu khắc nghiệt hơn và tài sản tích lũy ít hơn chúng ta rất nhiều để có thể thiết lập những điều kiện chịu đựng cơ bản cho người dân của họ. Họ đã được chuẩn bị không chỉ cho chiến tranh mà cho cả hòa bình. Chúng ta được chuẩn bị cho không gì khác hơn là hoạt động chính trị bè phái. Một vị bộ trưởng muốn ứng dụng cho đất nước này (nước Anh) những kinh nghiệm thành công của nước Đức có thể, hoặc không thể, được ủng hộ qua những cuộc bầu cử. Nhưng ít ra thì ông ta cũng khiến cho người ta không bao giờ quên thời điểm mà sự quản trị của ông ta không bị mang tiếng xấu... Chúng ta có ít nhất là hai năm để chuẩn bị. Chúng ta có những khó khăn mà vào mùa đông này sẽ gây ra những bất hạnh cho các tầng lớp dân nghèo, chỗ dựa của chúng ta. Và trở trêu là chính tầng lớp cần thiết tạo ra pháp chế lại chỉ là tầng lớp mà Thượng viện không dám chống lại.

Thà là thất bại khi thực hiện những nỗ lực cao quý hơn là chịu diệt vong do bất động hoặc bối rối, bất quyết.

Tôi muốn nói là thà thực hiện ồ ạt chính sách của thủ tướng Đức Bismarck trên toàn bộ hệ thống kỹ nghệ của chúng ta rồi chờ đợi với

một lương tâm bình an cho dù kết quả có ra sao.

Một thành viên cấp thấp trong Nội các đã không bị cấm gửi bức thư này cho một thủ tướng nổi tiếng về những bài phê bình hơn là nhiệt tình. Nó phát động một chương trình chi tiết cho “Chủ nghĩa Tự do Mới”, cho dù không đạt được mức độ chính xác cao. Thậm chí nó còn tuyên bố quan điểm cho rằng chính phủ, nhất là khi thuộc phe đại đa số, có bốn phận phải sử dụng những giờ phút chiến thắng quý báu để quyết định pháp chế, thay vì chủ trương rằng không vận dụng chiến thắng trong bầu cử để làm một điều gì đó có hại cho việc chiến thắng trong lần ứng cử sau.

Nhiệm vụ lập pháp đầu tiên của Churchill ở Bộ Thương mại là thông qua Dự luật Cảng London của Lloyd George, dự luật thiết lập thẩm quyền kết hợp đối với toàn bộ lưu vực sông Thames, và tuyệt đối không bị chi phối bởi đảng phái.

Thế nên ít nhất thì Churchill cũng đã trấn an vị hầu tước vùng Salisbury trong một bức thư viết vào tháng 12 năm 1908, thành công trong việc thôi thúc hầu tước thông qua dự luật ở Thượng viện. Điều này đã cho phép Churchill bắt đầu năm mới 1909 bằng việc bổ nhiệm một quan chức cấp dưới, Hudson Kearley, người về sau là tử tước vùng Devonport. Kearley từng là một trong những ông chủ đầu tiên của những chuỗi tiệm thực phẩm. Nhưng dù Kearley khá hòa hợp với Lloyd George, người ta có cảm giác rằng Churchill vẫn muốn loại bỏ ông này để thay thế bằng Jack Tennant, em rể của thủ tướng. Churchill cũng đã rất may mắn khi có thư ký thường vụ ở bộ là Hubert Llewellyn Smith, một trong những công chức giỏi nhất vào thời ấy. Một phần trong thời gian làm việc ở đó, Lloyd George đã sử dụng Francis Hopwood, một cộng sự kém cỏi, để giúp đỡ Churchill. Churchill còn tuyển dụng chàng trai trẻ William Beveridge vào làm việc. Và trong một số kế hoạch, ông duy trì một mối quan hệ thân thiết với Sidney Webb, người có vai trò cầu nối giữa ông với vợ, hiện đang hoàn thành báo cáo nổi tiếng của phe thiểu số chống lại chủ trương của phe đa số trong Hội đồng Hoàng gia về Luật Tế bần (tháng 2 năm 1909). Beatrice Webb, người còn

nổi tiếng hơn vì sự thô lỗ của những lời phê bình cá nhân trong số nhật ký, về quan điểm của bà đối với Churchill. Khi gặp Churchill lần đầu, vào ngày 8 - 7 - 1903, bà đã viết:

Dùng bữa với Winston Churchill. Ấn tượng đầu tiên: Ông ta bồn chồn, gần như là quá mức, luôn bị kích động, duy kỷ, tự mãn, dẫu óc nông cạn, nhưng có phần hấp dẫn, rất can trường và có óc sáng tạo, không phải là mẫu người có trí năng nhưng có cá tính. Giống với một kẻ đầu cơ trục lợi Hoa Kỳ hơn là một quý tộc Anh. Luôn nói về bản thân và những kế hoạch vận động bầu cử của mình, ông ta muốn tôi cung cấp thông tin về ai đó có thể đưa ra các số liệu thống kê. “Tôi không bao giờ làm bất cứ công việc trí óc nào nếu có thể nhờ người khác giúp làm việc ấy” (một nguyên tắc chứng minh khả năng tổ chức chứ không phải khả năng tư duy). Tính tình khó ưa, vị kỷ và thiếu sự cải thiện về đạo đức hoặc tri thức... Không hề có ý niệm về nghiên cứu khoa học, triết học, văn chương, hoặc nghệ thuật, lại càng không màng đến tôn giáo. Nhưng sự can trường, táo bạo, tháo vát và truyền thống gia đình sẽ giúp ông ta đi rất xa, trừ khi ông ta tự hủy hoại danh tiếng của mình như người cha.

Gần một năm sau, khi gia đình Webb dẹp bỏ các thiên kiến (nhìn chung, Sidney Webb đã đích thân thỏa thuận với vợ là Beatrice Webb, sau đó bà đã ủng hộ Churchill trong các vụ việc và các chính sách), đến mức mời ông đến dự một trong các buổi chiêu đãi chính trị giản dị nhưng không đến nỗi quá đậm bạc, thì khuynh hướng chỉ trích của bà lại càng nghiêm khắc hơn nữa. Vào buổi chiều hôm ấy, họ tham dự một buổi tuyển mộ mới của Đảng Tự do cùng với Lloyd George, vợ chồng tử tước Herbert Gladstone, vợ chồng George Macaulay Trevelyan và vợ chồng Charles Masterman, tại ngôi nhà gần nhà bảo tàng quốc gia Tate Gallery.

“Winston Churchill ngồi ở phía đối diện với tôi. Đối với tôi, ấn tượng mà

ông ta tạo ra là sự khó ưa: ông ta uống quá nhiều, nói quá nhiều, và tên của ông ta cũng chẳng gọi lên được điều gì. Những ý tưởng mà ông ta đưa ra là một mớ hỗn tạp gồm lập trường cực đoan lỗi thời pha lẫn đường lối của Đảng Bảo thủ, vào lúc này, lập trường cực đoan lỗi thời đang bành trướng. Ông ta hoàn toàn chẳng quan tâm đến mọi vấn nạn xã hội và chẳng hề biết về chúng. Ông ta là con người của các thiên kiến và các khẩu hiệu, và không ngừng phấn đấu nhằm tìm những cách thức mới hiệu quả để phát huy chúng. Ông ta không cảm thông với những người khốn khổ, không ham muốn trau dồi tri thức, không yêu mến khoa học và cũng không rộng lượng. Tôi đã thử bàn về những “điều kiện tối thiểu phải có của quốc gia”. Nhưng rõ ràng là ông ta hoàn toàn không biết gì về những chống đối cơ bản nhất đối với sự đấu đá triền miên, và kiến thức về kinh tế học của ông ta “chỉ ở trình độ tiểu học”... Nhìn chung, Lloyd George nổi trội hơn Winston Churchill hoặc Herbert Gladstone ở tính cách và khả năng hiểu biết.

Tuy nhiên, bốn năm rưỡi sau, đã có sự ghi chú hoàn toàn khác. Khi kể về diễn biến trong ngày 16 - 10 - 1908, Beatrice Webb đã viết:

Vào Thứ hai, chúng tôi dùng cơm trưa với Winston Churchill và tân nương của ông (một phụ nữ dù không giàu có nhưng duyên dáng, học thức, tuyệt đẹp, đứng đắn). Đây không phải là một cặp đẹp đôi. Thật may mắn cho Winston. Winston đã đọc một bài diễn văn thật sự hùng hồn về vấn nạn thất nghiệp vào đêm trước. Tôi nghĩ rằng ông ta không chỉ là một nhà hùng biện mà còn là một người có khả năng và dứt khoát đặt cược số phận của mình vào hành động.

Rõ ràng là ông ta cố tình phô diễn các đức tính cho tôi thấy, thế nhưng ông ta không thể phô diễn thành công đến mức ấy nếu thực chất không phù hợp với chúng. Sau bữa ăn, Lloyd George đi vào và mời chúng tôi dùng điểm tâm vào hôm sau để thảo luận về Kế hoạch Bảo hiểm... Lloyd George là một người lanh lợi nhưng về mặt tài trí thì không bằng Winston và cá tính cũng không lôi cuốn bằng. Lloyd

George là một nhà thuyết giáo hơn là một chính khách.

Những đoạn văn đánh giá tương phản này, đặc biệt nhằm vào sự tương quan về các phẩm chất giữa Churchill và Lloyd George, có thể được cho là biểu thị của sự không nhất quán trong quan điểm của phu nhân Webb khi đánh giá năng lực của Churchill. Nhưng chắc chắn là Churchill đã cải thiện năng lực cải cách xã hội của ông. Không có gì để phải ngạc nhiên khi nhìn vào ba kế hoạch, mà ông đã dồn rất nhiều công sức của cơ quan vào đó. Thứ nhất là Dự luật Thương mại [Trades Board Bill], được thiết kế để giải quyết vấn đề “công việc trả lương thấp trong điều kiện lao động tẻ nhạt”.

Khi Churchill trình dự luật này, cả phe chính phủ lẫn phe đối lập đều có khuynh hướng chống lại. Churchill đã viết thư cho vợ vào ngày 28-4 - 1909: “Dự luật Thương mại đã được chấp nhận khá thuận lợi và sẽ được thông qua mà không gây ra sự chia rẽ nào. Arthur James Balfour và Alfred Lyttelton là hai người có thiện cảm nhất đối với nó”. Nó là một dự luật khiêm tốn chỉ liên quan đến 200 ngàn công nhân, mà gần ba phần tư trong số này là phụ nữ, và chỉ được áp dụng cho vài nghề cá biệt mà đối với chúng các uỷ ban ba bên (gồm giới chủ, các đại diện của giới công nhân và vài uỷ viên độc lập) có quyền ấn định thời gian làm việc và lượng sản phẩm. Bốn năm sau, một chuẩn mực về phương pháp tiệm tiến hiệu quả, một môi trường tốt để phát huy pháp chế, đã được triển khai để kiểm soát thêm năm ngành nghề khác với 170 ngàn công nhân.

Biện pháp thứ hai đã giúp Churchill gần gũi hơn với vợ chồng Webb, cho dù chúng và toàn bộ chủ trương cải cách xã hội rất có lợi cho đường lối của các uỷ ban thương mại, là thiết lập một mạng lưới các trung tâm giới thiệu việc làm. Dù Churchill trong giai đoạn này có phần thiên về thuyết kinh tế của John Maynard Keynes trước khi Keynes trình làng học thuyết của ông ta, hẳn đã sẵn lòng ứng dụng các biện pháp chống suy thoái bao quát hơn. Ông đã đạt được một thành công nhỏ trong chiều hướng này. Vào tháng 9 năm 1908, ông thuyết phục được McKenna trong cương vị Bộ trưởng Hải quân tính đến mức độ thất nghiệp trong

ngành đóng tàu khi định thời điểm hiệu lực hóa các quy định hàng hải.

Churchill xem chính sách của mình trên vấn đề thành lập các trung tâm giới thiệu việc làm như là một chính sách then chốt liên kết chặt chẽ với việc thực thi kế hoạch bảo hiểm thất nghiệp. Vào cuối năm 1908, ông đã có thể trình bày với Nội các những đề xuất đã được soạn thảo kỹ lưỡng và khá chi tiết về cả hai vấn đề. Chắc chắn là những đề xuất đó được cố kết rất chặt chẽ nhưng không có sự đổi mới như đề xuất của Llewellyn Smith và Beveridge. Tuy nhiên, có một điều rất ấn tượng là, Churchill đã rất thành công trong việc lãnh đạo cơ quan và huy động nhân viên một cách hiệu quả mà chỉ phải sử dụng một hỗn hợp vừa đủ gồm sự thôi thúc và hiểu rõ những khó khăn thực tiễn. Đề xuất về các trung tâm giới thiệu việc làm tiến triển thuận lợi. Một dự luật đã được đưa ra trong tháng 5 năm 1909 và đã được thực hiện thành công trong thời kỳ ấy. Những trung tâm giới thiệu việc làm đầu tiên đã được khai trương vào ngày 1-2-1910, ngày đầu tiên trong tháng cuối cùng của Churchill tại Bộ Thương mại. Ngoài việc thực hiện pháp luật thông qua Quốc hội, Churchill còn đích thân giám sát các kết quả trên thực tế. Vào mùa thu năm 1909, ông có phán phi lý khi kết hợp việc đến thăm những cuộc diễn tập của quân đội Đức với việc kiểm tra các “sở lao động” của họ ở Frankfurt và Strasbourg (trong giai đoạn ấy, dưới thời hoàng đế William II, vùng Alsace [ở Đông Bắc nước Pháp] bị sáp nhập vào nước Đức). Và vào ngày 1 tháng 2, đi cùng với Clementine, Churchill đã thăm viếng 17 trung tâm giới thiệu việc làm đầu tiên hoạt động ở London.

Việc bảo hiểm thất nghiệp gặp phải những khó khăn nghiêm trọng hơn và tiến triển chậm hơn rất nhiều. Có một ít chống đối từ các thành viên Nội các. Và Churchill đã bức tức viết thư cho vợ vào ngày 27 - 4 - 1909: “Lão già côn đồ Burns và con ngỗng Runciman, là hai kẻ chống đối chủ chốt. Hôm qua anh đã không thể nhận được quyết định của Hội đồng Nội các”. Tuy nhiên, ông cho rằng Asquith là một đồng minh kiên định. Việc này diễn ra hai ngày trước khi Lloyd George đưa ra dự thảo ngân sách, một dự thảo ngân sách nổi tiếng nhất trong thế kỷ. Và vì thế việc Nội các tập trung vào những điều khác và việc Lloyd

George không sẵn lòng ủng hộ những chi tiết trong kế hoạch bảo hiểm y tế cũng vào thời điểm đó của Churchill là điều dễ hiểu. Churchill đã thật sự nghĩ rằng chính phủ không thể áp đặt lệ phí trên hoạt động bảo hiểm, và vì thế hẳn ông đã nghĩ là phải đợi cho đến khi Lloyd George sẵn sàng. Bảo hiểm thất nghiệp đã không thể trở thành luật trước tháng 12 năm 1911, mà vào lúc ấy, Churchill không chỉ rời Bộ Thương mại, vào và rời khỏi Bộ Nội vụ, mà còn trở thành Bộ trưởng Hải quân được hai tháng. Tuy nhiên, đây chính là kế hoạch của Churchill, với toàn bộ chi tiết của kế hoạch đã được thực hiện trong thời gian ông làm bộ trưởng.

Những điều trên là thành tích quan trọng của Churchill trong vai trò nhà cải cách xã hội. Đối với Churchill, việc bảo hiểm thất nghiệp tạm thời hầu như là một nguyên tắc thiêng liêng, khiến ông (một người thích dùng khẩu hiệu) tiếp tục sáng chế một khẩu hiệu nổi tiếng: “Bảo hiểm thất nghiệp sử dụng những khoản tiền vừa phải để giúp đỡ một số lượng lớn người lao động”. Còn một điều nữa là Churchill luôn nói về sự bóc lột, tệ nạn mà ông nóng lòng muốn dẹp bỏ theo kiểu kẻ cả (*de haut en bas*), rất khác với Lloyd George. Chính sách của Churchill thường nhắm đến những gia đình tầm thường và các vùng nông thôn. Mặt khác, ông kiên quyết gạt bỏ gợi ý của Llewellyn Smith cho rằng quyền hưởng lợi phải lệ thuộc vào sự tiết kiệm siêng năng. Churchill nói thẳng: “Tôi không muốn trộn lẫn đạo đức với toán học”. Phương pháp của ông dù phóng khoáng nhưng đậm nét quý tộc. Ông không bao giờ giả vờ rằng nhu cầu cấp thiết của chính ông đối với những khoản tiền lớn để trang trải cho những món chi tiêu phung phí là có liên quan đến việc bù đắp cho người nghèo. Ông không làm ra vẻ thấu hiểu tâm trạng của họ, mà chỉ đơn thuần là đồng cảm với họ với tính cách chiếu cố. Ông thuộc một tầng lớp khác, thậm chí một dòng dõi khác.

Ở khía cạnh này, ông thật sự khác biệt với phần lớn những nhà cải cách xã hội trước và sau ông. Churchill rạch ròi về mức độ xa cách với tầng lớp mà ông giúp đỡ. Và có thể nói thêm rằng, nhiều người trong số những người phải trải nghiệm tình trạng bị tước đoạt quyền lợi (như John Bums vào thời kỳ đang được

bàn đến hoặc Philip Snowden trong thập niên 1920), khi có được quyền lực để có thể lạnh nhạt hơn đối với việc giúp đỡ người bị tước đoạt quyền lợi. Đây cũng là trường hợp của Churchill. Ông nhanh chóng quên đi việc cải cách xã hội khi rời Bộ Thương mại và kể đó là Bộ Nội vụ để dồn tâm trí vào những vấn đề của Bộ Hải quân, tăng cường sức mạnh của hạm đội Anh và (như Churchill ngày càng phải chứng kiến) sự thách thức của hải quân Đức. Tuy nhiên, Churchill dễ bị mắc thói “đeo đuổi các mục tiêu của đơn vị, thay vì là mục tiêu của tổ chức hoặc chính phủ [Departmentalitis]”, một dạng mất trật tự khiến cho nhiều người khác phải khốn khổ. Đây là thói mà một người tự kỷ bị ám ảnh. Churchill không phải là người duy nhất nhận thấy những vấn đề chi tiết của một cơ quan lại nhanh chóng trở nên xa lạ khi những vấn đề của các cơ quan khác đang trở nên cấp thiết.

Tuy nhiên, những vấn đề chính trị phổ quát rất hiếm khi không lôi kéo Churchill, và trong những năm làm việc ở Bộ Thương mại, ông đã chọc giận một số bạn đồng sự và nhà vua. Việc ông phê, bình thô bạo Burns và Runciman đã bị kiện cáo. Trong tháng 5 năm 1908, ông còn trao đổi nhiều bức thư với lời lẽ gay gắt với Crewe (người thay thế Elgin ở Bộ Thuộc địa) về sự can thiệp của ông (Churchill) trong một cuộc tranh cãi giữa các thành viên Hạ viện liên quan đến các vấn đề thuộc địa (việc làm mà ông khẳng định là do sự yêu cầu của thủ tướng), và trong tháng 12 cùng năm, ông cũng viết thư cho Edward Grey về việc ông muốn sử dụng đại sứ quán Anh ở Paris để tổ chức toàn bộ các cuộc thảo luận chính trị (năm ngoài trách nhiệm của Bộ Thương mại), với các chính khách Pháp trong chuyến viếng thăm mà ông dự định sẽ thực hiện vào tháng sau. Vua Edward đã rất khó chịu đối với những bài diễn văn Churchill đọc tại Leicester vào tháng 9 năm 1909 và tại Manchester vào tháng 3 năm 1910. Nhà vua đã ra lệnh cho thư ký riêng viết những bức thư quả trách. Và sau cuộc tổng tuyển cử năm 1910, Margot Asquith (dù không chắc là phát biểu nhân danh chồng bà, người đã đích thân viết thư khiển trách Churchill sau một bài diễn văn của ông tại Edinburgh trong tháng 7 năm 1909 - bá tước Herbert Henry Asquith nổi tiếng

là người ăn nói hớ hênh) đã viết cho ông một bức thư giận dữ, mâu thuẫn, chuyển tải quan điểm của hoàng gia. Giá mà Churchill thích được yêu mến thay vì thích nhục mạ người khác và trở nên đáng ghét, hẳn là ông đã cải thiện được rất nhiều vị trí của mình trong lòng “các nhân vật có quyền thế nhất về chính trị và xã hội”.

Sự can thiệp quan trọng, ngoài thẩm quyền cơ quan, của Churchill trong những năm đầu trở thành thành viên Nội các là sự can thiệp đã nhanh chóng được xem là đầy mâu thuẫn. Trong mỗi liên minh vững chắc với Lloyd George, và hầu như không còn ai khác trong liên minh này, ông đã cương quyết chống lại điều mà hai người lên án là chương trình đóng tàu chiến quá phung phí của bộ trưởng Hải quân Reginald McKenna (một người câu nệ và ngoan cố). Vào đầu tháng 12 năm 1908, McKenna, người dù từng có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính vì từng công tác trong bộ này nhưng lại trở thành bộ trưởng Hải quân, đã đưa vào áp dụng dự thảo ngân sách hải quân của ông trong khoảng thời gian 1909 - 1910. Dự thảo ngân sách này đòi hỏi tổng chi phí lên đến 36 triệu bảng, tăng đến 180% so với dự thảo ngân sách của công tước George Hamilton. Việc hoạch định quốc phòng không thể chỉ đơn thuần dựa vào kho tàu chiến lớn kiểu cũ trước kia không những đã giúp cho nước Anh trở thành một cường quốc hải quân, mà còn phải theo kịp khả năng của những chiếc Hohenzollern (tên của chiếc tàu được đóng theo đơn đặt hàng của công ty vận tải Norddeutscher Lloyd của Đức), một bước tiến mới vào khoảng năm 1905.

Dù đã lãnh đạo trong vòng vài năm (và rất tận tâm với) Bộ Hải quân trong thời bình với khoảng chi phí xấp xỉ 53,5 triệu bảng, Churchill vào thời kỳ này không những không bị thuyết phục bởi những đề xuất chi tiết của McKenna mà về cơ bản còn không tin vào mối đe dọa từ nước Đức. Trong tháng 8 năm 1908, ông bỏ ngang việc tham gia các lễ hội để đến thành phố Swansea vào Thứ bảy ngày 15 để tuyên bố một học thuyết ủng hộ phái chống chạy đua vũ trang của Đảng Tự do và nghi ngờ sự tồn tại của mối đe dọa từ nước Đức. Ông nói: “Tôi nghĩ thật là cao cả khi chống lại những người cố gắng truyền bá niềm tin cho

rằng cuộc chiến giữa Anh và Đức là không thể tránh. Điều đó chẳng có ý nghĩa gì. Không hề có những xung đột quyền lợi quan trọng giữa Anh và Đức ở bất cứ vùng đất nào trên địa cầu”. Ông nói tiếp: “Chúng ta không có tâm lý thù ghét người Đức. Tôi cho rằng chúng ta tôn trọng tính mạnh mẽ, kiên nhẫn và cần cù của người Đức”.

Điều này đã khiến cho Henry Labouchère, một người cương quyết đả phá những tập tục cũ, gửi đến Churchill những lời ca ngợi, một món quà cưới, và lời tuyên bố rằng: “Đối với tôi, ông (Churchill) và Lloyd George là hai thành viên duy nhất của Nội các không bị phiền nhiễu bởi chứng điên cuồng vũ trang”. Và chính Lloyd George, người đã tình cờ có mặt ở Hamburg, đã viết thư để nói lên rằng: “Bài diễn văn của ông ở Swansea rất hay và khiến cho người Đức rất hài lòng”. Ông trải qua thời kỳ thân Đức, ở một chừng mực nào đó là do phát sinh từ nhận xét của hoàng đế Đức về ông, nhưng phần lớn là do ngưỡng mộ các chương trình an sinh xã hội của họ. Và điều còn quan trọng hơn nữa là ông muốn củng cố sự cộng tác tích cực với bộ trưởng Bộ Tài chính. Dĩ nhiên Lloyd George, người đại diện của bộ, gần như là người có nghĩa vụ phải chỉ trích những dự trù của McKenna. Churchill, người không có bốn phận này, đã nhiệt tình ủng hộ Lloyd George. Trong Nội các, họ nhận được sự ủng hộ của Morley, Burns và Harcourt, nhưng chỉ về phương diện tinh thần, dù như Asquith nhận xét, ba người này không quá lo lắng về việc bị đánh đồng với hai ngôi sao sáng kể trên. Tuy nhiên, bộ đôi rất thích được gắn ghép vào nhau, và Lloyd George đã viết cho Churchill một bức thư quan trọng trước khi hưởng những ngày lễ Giáng sinh ở khách sạn Prince de Galles Hotel tại Cannes:

Tôi không thể đi xa mà không bày tỏ với ông trách nhiệm của mình đối với việc ông đã giúp tôi gạt bỏ những khoản dự chi ngốc nghếch của McKenna, và tôi ngưỡng mộ cách thức tuyệt vời mà ông đã sử dụng để đập tan những ý tưởng như thế.

Tôi là người cổ lỗ, thế nên ông hãy bỏ qua khi tôi nói rằng trong

toàn bộ thời gian ông chỉ trích McKenna, tôi cho rằng cha của ông từ trên Thiên đàng đã hãnh diện nhìn xuống đứa con trai yêu dấu đang khéo léo và dũng cảm để đạt được chiến thắng trong một chính nghĩa mà vì nó anh ta phải hy sinh sự nghiệp và cuộc sống.

Tuy nhiên, chiến thắng là một sự mô tả lạc quan những gì đã giành được. Mãi đến tháng 2 năm 1909, cuộc chiến này mới được phát động trọn vẹn. Vào đầu tháng, một trận chiến bằng giấy tờ kéo dài đã nổ ra. Cũng như mọi khi, năng lực và sự gan lì của Churchill thật đáng nể. Ngay từ đầu tháng, ông đã truyền bá một báo cáo Nội các dễ gây tranh cãi và nhiều chi tiết với khoảng 2000 từ. Nó có nhiều bảng phân tích chi phí của hải quân Đức và so sánh chính xác về sự tương quan lực lượng giữa Anh và Đức. Không phải là điều bất thường khi McKenna đã đáp lễ bằng một báo cáo không kém về chi tiết cho dù tính phản luận không cao. Churchill lại đưa ra một báo cáo Nội các mới được trình bày dưới hình thức hai cột song song, một cột là những lập luận của McKenna, còn cột kia là những lập luận phản bác của ông. Ông bắt đầu với lời lẽ từ tốn và hầu như là khiêm nhường: “Tôi xin mạo muội đệ trình Nội các những nhận xét về báo cáo nhắc nhở của ngài bộ trưởng Hải quân McKenna dưới hình thức dễ tham khảo hơn”.

Tuy nhiên, báo cáo của Churchill mang tính khiêu khích hơn là thuyết phục. Ba người ủng hộ lưỡng lự (Morley, Burns và Harcourt) lại càng do dự hơn nữa, Asquith đã trở nên không còn kiên nhẫn và thậm chí Lloyd George cũng bắt đầu tìm kiếm một đường lối trung dung. Vào ngày 20 tháng 2, Asquith đã viết cho vợ: “Các nhà kinh tế [ý nói là Churchill và Lloyd George] đang trong tình trạng cảnh giác cao độ. Vì là kế hoạch chung nên họ phải cùng nhau chống đỡ sự công kích của các báo thuộc Đảng Tự do... Họ làm ra vẻ như muốn từ chức, và sự căng thẳng đã giảm nhiều cũng như tinh thần chống cuộc chiến Hà Lan xưa cũ (pro-Boer animus) đã phần nào sống lại. Anh có thể giữ cho đầu óc tỉnh táo giữa tất cả mọi chuyện. Nhưng có những khoảnh khắc mà anh muốn sa thải cả hai”. Suy nghĩ sau cùng này không phải là một suy nghĩ nghiêm túc, vì có rất nhiều khi Asquith thấy được những bất lợi của các hành động quyết liệt. Việc nêu lên

suy nghĩ này chỉ là giả bộ giống như việc muốn từ chức của Churchill và Lloyd George.

Cốt lõi của vấn đề đã được giải quyết tại một cuộc họp Nội các vào ngày 2 tháng 2. Asquith đã mô tả nó bằng lời lẽ ca tụng các phương pháp quản trị Nội các của ông và trình bày lý do dẫn đến việc Churchill và Lloyd George (ở mức độ ít hơn) bị công kích. “Một chiều hướng hóa giải đột ngột xuất hiện và tôi đã nhanh chóng vận dụng với kết quả đáng ngạc nhiên là McKenna, Grey và cả Lloyd George và Winston đều hài lòng”. Hai “nhà kinh tế” (tên gọi mỉa mai để chỉ Churchill và Lloyd George) không vì kinh nghiệm kinh tế của họ mà chỉ vì họ muốn chống lại việc tiêu pha hoang phí của hải quân (hoặc quân đội), đã phát động một cuộc chiến vô bổ.

Sự thất bại của “hai nhà kinh tế” trong tháng 2 đã giúp cho dự thảo ngân sách năm 1909, vừa nhờ vào tình hình tài chính trên thực tế lại vừa nhờ vào uy tín của quan chưởng ấn (“Chancellor”, chữ được dùng thay cho cụm từ “Chancellor of the Exchequer”, tương đương với bộ trưởng Tài chính) vào thời này, trở thành một sự kiện trọng đại và trở nên khả thi nhất. Bên cạnh quan điểm cá nhân của Lloyd, việc Nội các nói chung phải tái hành động nhằm giải quyết khó khăn là điều cần thiết. Vào cuối thời gian ba năm cầm quyền, chính phủ của phe đại đa số đã trở nên trì trệ và không được ưa chuộng. Cuộc bầu cử bổ sung trong năm 1908 là một tai họa. Đảng Bảo thủ không chỉ giành được sự tín nhiệm ở vùng Tây Bắc Manchester mà còn ở Ashburton, Ross-on-Wye, ở cả Peckham lẫn Shoreditch tại London, Newcastle-on-Tyne và tại Pudsey thuộc Yorkshire. Những vùng này vừa rộng lớn lại vừa đông dân. Phần lớn cơ cấu pháp chế đã không hiệu quả. Nhiều dự luật quan trọng đã được thông qua với đa số áp đảo ở Hạ viện lại bị phủ quyết tại Thượng viện. Và dường như chính phủ không có chiều hướng giải quyết nào khác hơn là để cho Hạ viện thông qua một cách vô ích kháng nghị của Campbell-Bannerman chống lại Thượng viện trong tháng 6 năm 1907.

Dự thảo ngân sách với nhu cầu thực tế là 16 triệu bảng nhưng đã tăng thêm

11% dường như đã mang lại giải pháp tốt nhất để giải quyết bế tắc. Đây có thể là những tiên liệu hợp lý của một trong hai người. Tiên liệu thứ nhất là Thượng viện do không dám vi phạm thủ tục Quốc hội đã được chấp nhận hơn 250 năm qua sẽ không dám phủ quyết một dự luật tài chính. Vì thế cách tốt nhất để vượt qua bất cứ sự cải tiến gây tranh cãi về mặt xã hội hoặc chính trị nào là dự thảo ngân sách sao cho nó sinh lợi nhiều hơn mức gia tăng của lượng thu nhập đã biết. Tiên liệu thứ hai mà cũng là một chiến thuật thay thế là làm sao cho dự thảo ngân sách trở nên hấp dẫn đến mức có thể trở thành một miếng mồi quyến rũ các nhà quý tộc ở Thượng viện. Khi ấy, lời kêu gọi của Quốc hội hãn sẽ được quan tâm, để có thể chiến thắng trong một cuộc bầu cử, hơn những điều sai trái của các học giả bất phục tùng.

Một số người đưa ra lập luận thiếu thuyết phục rằng một âm mưu tinh vi như thế luôn nằm trong tâm trí của quan chương ẩn, và có thể là cả trong tâm trí của thủ tướng. Việc các nhà quý tộc phủ quyết một dự luật tài chính được cho là không thể xảy ra, hãn họ không bao giờ dám làm như thế. Đặc biệt là Asquith, trong mùa hè và mùa thu khi mà Dự luật Tài chính được Hạ viện chậm rãi phê duyệt, khẳng khái cho rằng việc các thượng nghị sĩ bác bỏ nó là điều không thể xảy ra. Tại Birmingham vào ngày 17 tháng 9, Asquith đã nói rằng: “Cách làm ấy là một sự cải biến”. Và ít nhất là trong những giai đoạn đầu tranh cãi về dự thảo ngân sách, biểu thị của sự cải biến là quan chương ẩn cũng xem các đề xuất của ông ta là cách để ngăn ngừa sự phủ quyết hơn là bước mở đầu hướng đến việc dẹp bỏ dự thảo ngân sách. Quá lắm thì ông ta cũng chỉ nghĩ về các chọn lựa như là những biện pháp nước đôi nhưng thiên về phía phủ quyết hơn.

Churchill cảm thấy dự thảo ngân sách này có phần không rõ ràng. Điều khác thường là nó đã được xem xét tỉ mỉ trước và tranh luận tại Hội đồng Nội các. Trong thời gian sáu tuần trước khi dự thảo ngân sách này được áp dụng, đã có không ít hơn 14 cuộc họp Nội các chủ yếu thảo luận về nó. Lloyd George đã phải hành động mà không thể sử dụng yếu tố bất ngờ và cấp bách, những “vũ khí thông thường” và có giá trị của một quan chương ẩn, với việc lật ngửa bài với

các đồng sự muộn đến nỗi trở tay không kịp. Trong suốt cuộc hội thảo trường kỳ của Nội các, điều đã để lại ấn tượng sâu sắc là Churchill đã trầm tĩnh một cách khác thường. Ông không phải là người thích bắt bẻ quan chương án như là Haldane, McKenna, Runciman và Harcourt. Ông cũng không ngạo mạn mà chỉ từ tốn khi phản đối quan chương án, giống như Grey và Crewe. Thế thì mức độ ủng hộ tích cực của ông đối với quan chương án cỡ nào? Chắc chắn là có mức độ không nhiều như Asquith, người hầu như âm thầm sử dụng vị trí và quyền lực để đôi khi đưa ra những kết luận ủng hộ quan chương án dựa trên ý muốn của ông, nhiều hơn là dựa trên ý muốn của đa số.

Rất lâu sau đó, Lloyd George cho biết rằng, ông đã nghĩ là vào thời điểm ấy, Churchill có suy nghĩ phần nào giống với công tước thứ nhất của vùng Marlborough. Dù theo ông sát sự kiện (tháng 5 năm 1909) hơn và khiến cho người bạn thân là D.R. Daniel phải nói rằng: “Tôi phải nói rằng tôi muốn Winston Churchill cùng hiện diện với tôi trong Nội các, và nói chung là thủ tướng đã kiên định ủng hộ tôi trong mọi thời điểm”. Sự thực khả dĩ nhất là Churchill phải lệ thuộc vào các dòng xoáy xung đột. Ông xem trọng sự liên minh với Lloyd George. Ông vẫn còn cố gắng củng cố chủ trương cấp tiến của mình, mà khi xung đột nổ ra, tự nhiên là ông sẽ thiên về một phe dù vẫn có tầm nhìn phần nào vượt qua những hạn chế của sự xung đột.

Churchill không thích những dòng xoáy xung đột đó, ông cũng không phải là người chịu để chúng lôi kéo ông đi chệch khỏi mục tiêu chính trị. Ông chịu đựng những khó khăn và dù muốn dù không cũng phải góp mặt trong những cuộc tranh cãi ở Nội các, ông ném mình vào chiến dịch tuyên truyền liên quan đến vấn đề ngân quỹ. Vào ngày 22 tháng 6, ông nhận chức chủ tịch Liên đoàn ủng hộ Ngân sách liên hiệp, một tổ chức được thành lập để phản công Liên đoàn chống Ngân sách liên hiệp do Walter Long lãnh đạo. Và sau đó ông trở thành người nhiệt tình và hữu ích nhất trong việc biện hộ trước công chúng những đề xuất của Lloyd George. Khi đã lao mình vào nhiệm vụ này, không điều gì có thể gây cản trở cho tài hùng biện của ông. Ví dụ như trong một cuộc họp tổ chức tại

Edinburgh vào ngày 27 tháng 7, ông đã nhận được một thư khiển trách khác thường từ chính thủ tướng, một người vốn rất dễ dãi. Hơn nữa, bốn ngày sau khi ông đọc diễn văn ở đó, Nội các đã thực hiện một việc còn khác thường hơn nữa là chính thức khiển trách ông vì “cố tình mượn danh chính phủ để phát biểu theo cách không thể bào chữa và mâu thuẫn với trách nhiệm của Nội các và sự cố kết giữa các bộ trưởng”.

Asquith và các cộng sự có hành động này là vì Churchill đã tuyên bố rằng theo sau sự phủ quyết của các quý tộc sẽ là sự giải tán Quốc hội. Giống như nhiều tuyên bố than phiền khác, tuyên bố này đã biến thành sự thật và báo trước chính xác điều sắp xảy ra. Nhưng xem ra nó dễ bị phản đối. Thứ nhất, nó chống lại chiến thuật của Asquith nhằm xử lý việc Thượng viện phủ quyết một dự luật tài chính kỳ quái và không thể tưởng tượng nổi về mặt hiến pháp. Thứ hai, nó hàm ý nhà vua tán thành việc giải tán Quốc hội. Vì là người trên thực tế chưa từng cự tuyệt đối với một thủ tướng nào kể từ 1834, và sau đó với những hậu quả xảy ra cho hoàng gia, quan điểm này khá là không thực tế. Thế nhưng nó đã khiến cho Lord Knollys, thư ký riêng của nhà vua thuộc Đảng Tự do, gửi một bức thư phản đối cho Asquith với đoạn mở đầu tỏ ý hơi mệt mỏi: “Nhà vua muốn tôi nói với ông rằng ngài rất phiền khi buộc phải khiển trách một số đồng sự của ông”.

Việc này đã đẩy Asquith vào một vị trí nhạy cảm, vì ông đã có lần đồng cảm với sự khiển trách của nhà vua. Lần ấy, Churchill là nạn nhân bất hạnh do tuyên bố sớm sự thật khiến vương triều gửi thư khiển trách và Asquith đã không ngăn cản. Trong giai đoạn này, Churchill thật sự có khả năng đáng kể trong việc gây lo lắng cho hoàng gia. Bài diễn văn quan trọng tiếp theo của Churchill, được đọc tại Leicester vào ngày 4 tháng 9, đã khiến Knollys viết một lá thư cho báo *The Times* nhằm bày tỏ quan điểm tách Nhà vua ra khỏi thể chế của hiến pháp (khác với quan điểm trong bài diễn văn của Churchill). Trong dịp này, Asquith đã không phải bận tâm, và chính Churchill, đang khi ở Strasbourg để bàn về những cuộc vận động của quân đội Đức, dù bất an nhưng vẫn ngoan cố. Churchill đã

viết thư cho vợ “Ông ta [Knollys] và Nhà vua hẳn đã điên thật rồi”. Churchill luôn là người bảo hoàng kiên quyết. Nhưng trong những năm cuối của sự nghiệp vinh quang của ông, người ta đã phê bình nhẹ nhàng (dù không mấy êm tai nhưng chính xác) rằng, suốt thời gian “tận tâm phục vụ” sáu vị vua, ông đã gây “bực mình và tranh cãi” với ít nhất là hai vị.

Trong khoảng thời gian giữa hai bài diễn văn này của Churchill, có một bài diễn văn khác đáng nhớ hơn và ít nhất là từ quan điểm của hoàng gia, đáng tranh cãi hơn, đó là bài diễn văn ở Limehouse của Lloyd George. Miệt mài với nỗ lực lâu dài nhằm kêu gọi Hạ viện phê chuẩn Dự luật Tài chính, quan chưởng ấn (Lloyd George) đã rất cố gắng trong việc tự hạn chế một trong những thú vui dành cho bản thân vào những lúc rảnh rang trong suốt những tháng mùa hè, đó là đọc diễn văn. Nhưng vào ngày 30 tháng 7, ông đã tự cho phép mình thỏa mãn thú vui này. Ông đến khu vực Đông London để đọc diễn văn trước 4.000 ngàn người trong một hội trường rộng lớn mà cũng là một trung tâm giải trí được gọi là Edinburgh Castle. Churchill tháp tùng ông và ngồi trên khán đài. Những nhận xét và lối diễn đạt thu hút cử tọa của Lloyd George đã được minh họa khá chính xác trong bài diễn văn.

Bài diễn văn nổi tiếng đã bao hàm sự chỉ trích cay độc bằng cách đánh đồng những người thợ mỏ khốn khổ và những phú ông quyền thế và ích kỷ với sự cao quý của giới quý tộc. Câu nói: “Bổng lộc trọn vẹn của một vị công tước có thể bằng mức chi phí dành cho hai chiếc chiến hạm, nhưng các vị công tước đáng sợ hơn và có tuổi thọ cao hơn” là lời chế nhạo đặc ý nhất của ông. Churchill, bất chấp người anh em họ Marlborough và người bạn Westminster là hai quý tộc, đã không tự tách mình ra khỏi việc trêu chọc giới quý tộc. Thế nhưng không thể nào tưởng tượng được rằng ông đã triển khai một lập luận theo chiều hướng mà Lloyd George đã làm. Điều này là không thể vì Churchill đang kiểm chế, cho dù là trước việc chống lại các quý tộc. Đôi khi ông sử dụng ngôn từ mạnh mẽ hơn vì Lloyd George thường bị công kích bằng những lời lẽ mang tính mỉa mai. Và đôi khi Churchill chỉ có thể nhẹ nhàng châm chọc, như ở Burnley trong tháng 12

năm 1909 khi ông đáp trả bài diễn văn của Curzon đọc tại Oldham, nơi trước kia Churchill thường lui tới, vào đêm trước đó. Tuyên bố là trích dẫn từ triết gia Pháp Ernest Renan, Curzon nói rằng: “Tất cả mọi nền văn minh đều là kiệt tác của giới quý tộc”. Churchill đáp lại: “Ở Oldham, người ta thích được nghe như thế. Không có một vị công tước, bá tước, tử tước nào ở Oldham lại không cảm thấy bài phát biểu ấy là nhằm tán dương họ”. Thế nhưng đoạn văn mà Lloyd George khiến cho cử tọa ở Đông London, đại đa số chưa từng sống gần các mỏ than mà chỉ biết đến ga xe lửa Paddington Station hoặc cùng lắm là những cánh đồng trồng hoa bia (vào thời kỳ ấy thị dân London chưa có thói quen du lịch), cảm thấy được sự căng thẳng và đáng sợ trong cuộc sống bên dưới các mỏ than, điều mà Churchill chưa từng làm được. Có lẽ Churchill đã đề cao vai trò của các mỏ than và vì thế cũng và ca ngợi những người thợ mỏ góp phần tạo nên sự giàu có và vĩ đại cho nước Anh. Hẳn là ông đã thực hiện điều này bằng những cụm từ mạnh mẽ, nhưng trừu tượng, hơn là lời của Lloyd George.

Dù thường rất nhân từ, nhưng vua Edward không lo lắng trước sự an toàn của các đường hầm mỏ than cho bằng lo lắng về thái độ của cử tọa của Lloyd George ở Limehouse. Và Asquith nhận thấy nhà vua cúi kính một cách khác thường (tại thị trấn Cowes trên đảo Wight). Nhưng áp lực đè nặng trên Churchill đã giảm bớt vì trong mắt của vương triều, ông chỉ là một cộng tác viên thứ yếu trong việc khuấy động ý niệm giai cấp. Không thể biết chắc tác động của bài diễn văn này trên các nhà quý tộc thuộc Đảng Bảo thủ. Vào cuối mùa hè, đa số quý tộc thuộc Đảng Bảo thủ có khuynh hướng thiên về phía phủ quyết Dự luật Tài chính. Lansdowne, người lãnh đạo của họ, đã tuyên bố có phần mơ hồ vào ngày 16 tháng 7 rằng họ không thể thông qua dự luật này mà không “nhân mặt”. Tại thủ phủ Edinburgh vào ngày hôm sau, với sự sôi nổi của một chàng trai trẻ (có lẽ là do đứa con đầu lòng vừa mới chào đời sáu ngày trước), Churchill đã cố tình dẫn giải sai từ “nhân mặt [wincing]” thành “ông ẹo [mincing]”...

Trước thời điểm thử thách thần kinh của các nhà quý tộc ở Thượng viện, Dự luật Tài chính (Finance Bill) đã hoàn tất hành trình vất vả đến khó tin của nó qua

Hạ viện. Mãi đến ngày 20 tháng 11, hành trình này mới hoàn tất sau 70 ngày Quốc hội bàn thảo, 554 phân khu hành chính đã dồn tâm trí vào nó và hầu như không ai được nghỉ phép vào dịp hè. Vào sáng hôm sau, khi quan chưởng ấn tổ chức bữa tiệc chiêu đãi các bộ trưởng đã giúp đỡ cho dự luật được thông qua, Churchill cũng được mời cho dù kết quả ở phân khu hành chính của ông (198 phiếu ủng hộ, thậm chí còn thấp hơn con số 202 ở phân khu hành chính của thủ tướng) là tệ nhất so với những khách mời khác. Trong cuộc họp thân đêm 17 - 18 tháng 8, bất chấp sự than phiền của các thành viên Đảng Bảo thủ ở Hạ viện, Churchill đã hiện diện với “bộ đồ ngủ”. Người ta cho rằng ông đã mặc nó bên dưới lớp áo ngoài để thoải mái hơn khi ngủ giữa những lần biểu quyết. Nhưng theo như con của ông là Randolph cho biết thì, Churchill chưa bao giờ mặc đồ ngủ (pyjamas) trong suốt cuộc đời ông. Có lẽ là ông đã thử mặc bộ áo liền quần (siren suits) thuộc phiên bản đầu Thế chiến II.

Các quý tộc trong Thượng viện đã không hề chậm trễ trong việc tổ chức một “tang lễ trịnh trọng” cho Dự Thảo Tài chính. Họ đã bỏ ra năm ngày họp Quốc hội dành cho cuộc tranh luận xét duyệt lại bản dự thảo luật và sau đó là phủ quyết với mức độ đồng tình là 350/75 vào ngày 1 tháng 12. Có thể xem đây là sự cải tiến phần nào của việc phủ quyết lần thứ hai năm 1893 đối với Dự luật Ireland Tự trị (second Home Rule Bill). Khi mà 49 phiếu chống trên 41 phiếu thuận dập tắt hy vọng cuối cùng của việc hòa giải giữa Anh và Ireland trong một chính thể chung. Ngoại trừ Alexander Hugh Bruce, không có chính khách nào của Đảng Bảo thủ bỏ phiếu ủng hộ dự thảo ngân sách, dù có nhiều người thuộc loại sáng suốt nhất đã lánh tránh và cảnh báo sự điên rồ của những gì đã thực hiện. Có lẽ những lời cảnh báo u ám nhất và sâu sắc nhất là của nam tước vùng Reay. Ông nói: “Các chính thể đầu sỏ [oligarchy: chính thể mà trong đó một nhóm nhỏ nắm hết mọi quyền hành] rất hiếm khi bị thế lực khác tiêu diệt mà chúng thường tự diệt”.

Như Churchill đã hấp tấp tiên đoán tại Edinburg, rõ ràng là không có biện pháp thay thế nào khác hơn là giải thể sớm Quốc hội. Asquith đã tuyên bố điều

này vào ngày sau ngày Thượng viện biểu quyết, và việc ngưng họp Quốc hội đã được thực hiện vào ngày hôm sau. Việc biểu quyết kéo dài suốt hai tuần, bắt đầu từ 15 - 1 - 1910, nhưng chiến dịch này đã được bắt đầu từ trước lễ Giáng sinh. Áp lực nặng nề đã đè nặng lên Asquith. Vì vào ngày 15 tháng 12, thư ký riêng của ông đã bị triệu hồi bởi tử tước Knollys, người ngang hàng với ông trong vương triều. Và tử tước Knollys đã long trọng thông báo rằng nhà vua không đồng tình với việc giảm uy thế của Thượng viện bằng cách sử dụng nhiều thượng nghị sĩ thuộc Đảng Tự do cho đến sau cuộc tổng tuyển cử lần hai. Điều này mâu thuẫn với tuyên bố của thủ tướng năm ngày trước rằng: “Chúng ta sẽ không giữ chức vụ của mình nếu không thể bảo vệ những điều đã bảo vệ chúng ta, những gì mà kinh nghiệm cho thấy là cần thiết cho sự hữu ích của luật pháp và sự đáng kính trọng của đảng đương quyền”. Lập trường này không dễ được chấp nhận, bất kể mức độ quyết tâm giữ kín những tin xấu trong suốt chiến dịch cải tổ chính phủ.

Chắc chắn Churchill không được báo cho biết tin này. Trong giai đoạn ấy, bất chấp các đức tính khác, Churchill không phải là người có thể giữ kín những tin tức bí mật. Tuy nhiên, ông là người thuộc một nhóm nhỏ các bộ trưởng thích thú trước sự cấu thả của các thành viên Thượng viện. Lord Crewe, người dù không lôi cuốn nhưng thường được xem là tinh hoa của sự liêm khiết, đã đưa ra một bản tuyên bố rõ ràng một cách đáng ngạc nhiên để chấm dứt cuộc tranh cãi về việc phủ quyết dự luật của Quốc hội. “Đại đa số bộ trưởng, bao gồm bộ trưởng Tài chính (quan chức ấ), đã mong rằng cuối cùng thì dự luật sẽ được chấp nhận”. Hẳn là ông đã không đưa ra một tuyên bố dè dặt như thế nếu không có một thiểu số bộ trưởng chống lại chủ trương này, và Churchill là người đầu tiên tuyên bố mình là người thuộc nhóm đó. Wilfred Scawen Blunt (là địa chủ giàu có ở vùng Sussex, chuyên gia nghiên cứu tiếng Ả Rập, theo chủ nghĩa dân tộc rất được kính trọng) người dù có thái độ ngông cuồng và có quan điểm thường được Churchill tán thành, đã đưa ra một chiều hướng mới.

Trong nhật ký vào ngày 2-10-1909, ông ghi lại lời mình nói: “Tôi hy vọng và

cầu nguyện cho các thượng nghị sĩ phủ quyết các dự luật cũng như hủy bỏ các cuộc bầu cử để cho chính phủ đương quyền khỏi bị bãi nhiệm”. Sự hy vọng và lời cầu nguyện của Wilfred Scawen Blunt đã được chấp nhận. Churchill đã bắt đầu chiến dịch tuyên truyền tranh cử không chỉ với nhiệt tình, phẩm hạnh ông không bao giờ thiếu, mà còn với sự lạc quan đặt nhầm chỗ, cả đối với kết quả lẫn đối với sự giải quyết sớm vấn đề hiến pháp.

Chương 9

BỘ TRƯỞNG NỘI VỤ TRẺ TUỔI

Churchill đã hoạt động rất hiệu quả trong cuộc bầu cử đầu tiên vào năm 1910. Ông đã trù tính hợp lý là sẽ chiến thắng ở Dundee và dễ dàng giữ được khu vực cử tri này. Ông đã vượt qua người cùng ứng cử thuộc Công đảng với số phiếu bầu chênh lệch là 382 (con số chỉ vừa đủ để nói lên uy tín của ông so với ứng viên này), trong khi số phiếu của ông nhiều hơn gấp đôi so với các ứng cử viên của Đảng Hợp nhất (Unionist). Scrymgeour, một ứng viên không mấy tên tuổi nhưng về sau được nhiều người ủng hộ, cũng chỉ đạt được số phiếu bằng 15% số phiếu của Churchill.

Việc giành được khu vực cử tri này đã giúp Churchill trở thành một chính khách tên tuổi cả ở Scotland lẫn Anh. Từ Dundee, ông đã tự tin thẳng tiến. Như trong bức thư gửi cho vợ từ khách sạn Queen trong thời gian ba tháng viếng thăm khu vực cử tri: “Việc ở tại khách sạn Queen là một khảo nghiệm lớn. Sáng hôm qua khi đang ăn nửa chừng một con cá trích muối hun khói thì anh thấy một con giò bò ra! Hôm nay anh chỉ ăn bánh kẹp trong bữa ăn trưa. Đây quả là một thử thách tuyệt vời cho những người phục vụ đất nước!”. Trải nghiệm như thế không xa lạ gì với các chính khách nay đây mai đó trong hai phần ba, hoặc thậm chí là ba phần tư, đầu thế kỷ 20. Chỉ có điều là phản ứng của Churchill kỳ lạ hơn hầu hết các chính khách khác.

Ông nói rất nhiều về Lancashire, nơi mà, dù đã thất bại trong năm 1908, ông được cho là có sức thu hút đặc biệt bao trùm Scotland, từ thành phố Inverness đến vành đai trung tâm. Ông đã khích lệ những nhà hoạt động chính trị thuộc

Đảng Tự do bằng cách xuất bản một quyển sách nhỏ dày 150 trang, chủ yếu được hình thành từ những bài diễn văn trước kia của ông, có tựa đề “*The People’s Rights*” (*Quyền của dân chúng*). Khả năng hùng biện của ông hầu như không bị ngăn cản. Tuy nhiên, vào ngày đầu năm, thủ tướng đã yêu cầu ông đi qua vịnh Tay để đến đọc diễn văn tại khu vực cử tri Đông Fife. Tuy nhiên, mãi đến khi hoạt động bầu cử kết thúc, Churchill mới đưa ra bài diễn văn mạnh mẽ chống lại những tuyên bố về việc thừa kế tước vị quý tộc dưới hình thức một biên bản cuộc họp Nội các, yêu cầu bãi bỏ hoàn toàn Thượng viện. Đảng Tự do mất ưu thế của một đảng chiếm đại đa số mà họ đã giành được trong năm 1906, và đành phải chấp nhận số ghế bằng với Đảng Bảo thủ. Nhưng nhờ lực đối trọng của Đảng Dân tộc Ireland và Công đảng, nên Đảng Tự do vẫn là đảng thống trị. Sau đó Asquith, có phần lạng lẽ trong suốt chiến dịch tranh cử, chìm vào giai đoạn tồi tệ nhất trong nhiệm kỳ thủ tướng thời bình của ông. Đã có những trường hợp mà trong đó, như vào ngày 14-2-1910, khi vẫn còn ở Bộ Thương mại, Churchill đã cho lưu hành một báo cáo Nội các tuyên bố rằng:

Thời điểm giải tán hoàn toàn Thượng viện đã đến. Những khu vực mà Đảng Bảo thủ rất mạnh nay đã tham gia vào việc yêu cầu giải tán Thượng viện. Nhiều thành viên Đảng Bảo thủ đã thẳng thừng chống lại nguyên tắc thừa kế tước vị. Dường như không một ai trong bất cứ đảng nào lên tiếng bênh vực thể chế hiện hành. Là Đảng Tự do, chúng ta không thể bàng quan trước quyền thừa kế tước vị và đặc quyền dành cho tầng lớp quý tộc. Chúng ta lại càng không thể bàng quan vô cảm trước nỗ lực nhằm thay thế quyền thừa kế tước vị bằng những điều khác và trước những hình thức giữ chặt ưu thế của Đảng Bảo thủ còn chông chênh tai hại hơn.

Ông tuyên bố rằng có nhiều điều cần nói về chủ trương Quốc hội độc viện (unicameralism). “Tôi không lo lắng trước việc Quốc hội chỉ có một viện”. Tuy nhiên, ông thừa nhận “tác động xoa dịu (của Thượng viện) trên những tầng lớp

chiếm đa số, những người lo sợ rằng quyền lợi đặc biệt của họ có thể bị chà đạp bởi Hạ viện mới”. Hơn nữa, hẳn là Nội các sẽ không bao giờ tán thành việc bãi bỏ hoàn toàn, “và vào lúc này việc đoàn kết là một yếu tố vô cùng cần thiết”. Vì thế, “vừa phải dựa trốn luật pháp vừa là một thủ đoạn”, ông đã chuẩn bị cho việc ủng hộ tiến trình tái cơ cấu hoàn toàn Thượng viện, đây là một kế hoạch chi tiết được ông tiến hành với tinh thần của một người quản gia có năng lực. Theo ông, Thượng viện chỉ nên có 150 thành viên mà 100 người trong số đó phải được chọn bởi 50 khu vực bầu cử lớn có hai đại diện”. Chỉ những người có thành tích phục vụ mười năm ở một trong hai viện (Thượng viện và Hạ viện), hoặc có kinh nghiệm làm việc ở đô thị hoặc làm việc trong “một số cơ quan quan trọng nào đó”, mới có đủ tư cách làm thành viên. Họ sẽ được chọn để phục vụ trong tám năm, “chỉ nghỉ hưu một phần, phần còn lại sẽ làm việc với những người mới”. Một trăm người còn lại sẽ bầu chọn thêm 50 người, nhưng phải sao cho có thể phản ánh sự quân bình chặt chẽ về tỉ lệ đảng phái. Viện mới không có quyền hành trên các dự luật liên quan đến việc đánh thuế và chi tiêu của chính phủ nhưng có thể trì hoãn các pháp chế khác trong hai năm. Sau đó, nếu sự bất đồng vẫn không được giải quyết, một cuộc họp lưỡng viện sẽ được tổ chức để giải quyết theo chiều hướng đa số.

Những đề xuất của Churchill nhằm cải tổ Thượng viện đã không tiến triển. Chúng quá triệt để khiến Nội các không thể chấp nhận, đặc biệt là Grey và Crewe. Và thậm chí chúng cũng không được chấp nhận bởi các thành viên có quan điểm cấp tiến nhất, cả trong Nội các lẫn những thành viên Quốc hội thứ yếu (những người không muốn đi chệch ra khỏi cuộc tranh đấu liên quan đến quyền phủ quyết). Họ muốn biến Thượng viện thành một tổ chức dễ bị công kích hết mức nhằm giảm thiểu tối đa quyền phủ quyết của tổ chức này. Tuy nhiên, nhiều đề xuất của Churchill liên quan đến vấn đề quyền lực, điều chẳng mới mẻ gì, đã được đưa vào Đạo luật Quốc hội [Parliament Act].

Ý kiến của ông dù thô lỗ, như được minh họa qua báo cáo này và qua một bức thư gay gắt không kém (viết về quy định mà các sự vụ chính phủ liên quan

đến vấn đề ngân quỹ và quyền phủ quyết” phải tuân thủ) gửi cho vị thủ tướng đang do dự bốn ngày sau, đã không gây trở ngại cho việc ông tiến lên vị trí dễ dàng tiếp cận hiến pháp hơn. Một số tiến trình cải tổ chính phủ đã xảy ra một cách tự nhiên sau cuộc tổng tuyển cử. Asquith đã cho rằng Churchill xứng đáng được cất nhắc. Vào ngày 1 tháng 2, từ miền nam nước Pháp, nơi Asquith nghỉ ngơi sau cuộc bầu cử, ông đã viết thư cho Churchill và cùng với những lời ca ngợi đã đề nghị Churchill làm việc ở Văn phòng về Ireland. Ông bắt đầu thư bằng những lời ca ngợi công việc của Churchill trong khi diễn ra cuộc bầu cử: “Những bài diễn văn của ông đã được đánh giá cao từ đầu đến cuối và sẽ sống mãi trong lịch sử”. Kế đó ông nhấn mạnh đến tầm quan trọng của công việc (phụ trách Văn phòng về Ireland): “Tôi từng chứng kiến chức vụ này được nắm giữ hai lần trong những điều kiện khó khăn tương tự bởi hai người có ảnh hưởng lớn nhất (thuộc hai phe khác nhau). Đó là Balfour và Morley”. Sau đó ông viết thêm: “Tôi không buộc ngài phải giữ chức vụ này” nhưng hàm ý rằng nếu không nhận lời thì vẫn làm việc ở Bộ Thương mại và thực hiện “những dự án vĩ đại của ngài” ở đó. Churchill không hề lo lắng về điều này. Ông đã viết thư trả lời từ chối và thẳng thừng yêu cầu được giữ chức bộ trưởng Hải quân hoặc bộ trưởng Nội vụ (theo đúng thứ tự). Ông đã mạnh dạn yêu cầu được giữ một trong hai chức vụ này với thái độ không quá khiêm tốn đối với một người chỉ mới 35 tuổi:

Tôi xin phép được nói thẳng rằng các bộ trưởng trong chừng mực nào đó phải tương xứng với ảnh hưởng của họ. Không vị bộ trưởng nào làm việc ở một bộ kém quan trọng trong phần lớn công việc lại có thể không tạo ra những bất tiện và lo lắng cho những đồng sự có vị trí quan trọng hơn.... Vào một thời điểm quá nghiêm trọng như hiện nay, cần phải đánh giá đúng những lực lượng thật sự góp phần củng cố sức mạnh của đảng và của chính phủ của ngài.

Churchill đã không được giữ chức bộ trưởng Hải quân, Asquith không muốn thay thế McKenna vào giai đoạn đó, nhưng Churchill được giữ chức bộ trưởng

Nội vụ. Herbert Gladstone là một nhân vật lớn và là nghị viên trường tài giỏi trong những ngày đầu khó khăn khi phải đương đầu với sự chống đối của Đảng Tự do. Ông liên minh với Công đảng, đảng chiếm số lượng đáng kể trong năm 1906. Dù về sau, trong những năm Đảng Tự do sa sút, một số người đã xem đây là hành động nguy hiểm giống như việc mang con ngựa thành Troy vào sân nhà. Churchill là một bộ trưởng Nội vụ bất đắc dĩ, và đặc biệt là cả Asquith lẫn nhà vua đều cho là ông đã xử lý không tốt trận đông tố điển hình ở Bộ Nội vụ đã hình thành từ tháng 9 trước và đã tập trung vào vấn nạn tế nhị là có nên cho phép các giám mục Công giáo La Mã mang theo bánh thánh trong những đám rước công cộng qua những đường phố ở London hay không. Asquith rất muốn gửi Churchill đến Nam Phi để làm toàn quyền đầu tiên của một liên minh mới thành lập và phong tước tử tước Gladstone, quý tộc đầu tiên trong gia đình, dù cha của ông đã được ban tước quý tộc trước hơn một trăm người khác.

Churchill là người trẻ nhất được giữ chức bộ trưởng Nội vụ, một chức vụ có phần hào nhoáng, kể từ thời Robert Peel từ năm 1822, và kể từ đó không bị thay thế trong suốt thời trai trẻ. Bộ trưởng Nội vụ thường là một ngoại trưởng thâm niên. Nguyên nhân sâu xa không gì khác hơn là vì chức năng của ngoại trưởng được phân chia rạch ròi thành hai chức năng trong năm 1782, bộ trưởng Nội vụ là bá tước Shelbume và ngoại trưởng là Charles James Fox, bá tước Shelbume được ưu tiên vì là một quý tộc. Sự ưu tiên như vậy hiện diện dai dẳng trong vương triều nhưng không phải trong chính phủ, nơi mà cả ngoại trưởng lẫn bộ trưởng Tài chính thường, nhưng không phải là luôn luôn, được đặt trên bộ trưởng Nội vụ. Tuy nhiên, điều quan trọng là chức vụ bộ trưởng Nội vụ giống như một tấm ván mà tất cả các bộ hoạt động trong nước đều được đeo gót từ đó. Các bộ như Bộ Nông nghiệp, Bộ Môi trường và Bộ Lao động, đã để lại những hố lớn trên “tấm ván” Bộ Nội vụ. Ngoài trách nhiệm trung tâm đối với việc gìn giữ trật tự, đối phó với tội phạm và ban hành luật hình sự, Bộ Nội vụ còn giữ nhiều bốn phận hầu như lỗi thời, thường là do không ai chịu bỏ công sức ra để tu chỉnh bản phân công nguyên thủy dành cho nó. Vì thế mà một Bộ trưởng Nội vụ

tự thấy mình có những bốn phận lăm cẩm như là bảo vệ các loài chim hoang dã ở Scotland hoặc đưa ra quyết định đâu là những thị trấn được phép tự gọi mình là thành phố ở Anh và xứ Wales. Những vấn đề nghiêm trọng hơn đã chiếm lĩnh phần lớn tâm trí của Churchill trong 20 tháng ngắn ngủi nhưng náo nhiệt của ông trong vai trò bộ trưởng Nội vụ, là một hỗn hợp gồm những lo lắng thường xuyên về bộ và về những người đã ra đi. Nhóm bận tâm thứ nhất của ông liên quan đến việc cải cách các điều kiện sống của tù nhân, sở cứu hỏa, luật di trú và nhập tịch, vấn đề cá cược và đánh bạc, ma túy, việc giám sát chính quyền địa phương và các cộng đồng tự nguyện như là các cơ sở chăm sóc trẻ em cơ nhỡ thuộc quyền sở hữu của tư nhân hoặc cộng đồng, giám sát luật bầu cử. Và trên tất cả là gìn giữ sự cân bằng mỏng manh giữa quyền tự do cá nhân và thẩm quyền thích đáng của nhà nước. Nhóm bận tâm thứ hai gồm quyết định tối hậu đối với việc có nên sử dụng án tử hình hay không, quyền bầu cử của phụ nữ, quy định về giờ làm việc ở các xưởng và sự an toàn ở các mỏ than.

Từ sự mở rộng hai nhóm bận tâm, có thêm trách nhiệm mơ hồ của một bộ trưởng Nội vụ liên quan đến trách nhiệm bậc hai đối với những mối quan hệ của chính phủ với nhà vua. Trách nhiệm bậc một trong những mối quan hệ (việc thảo luận nghiêm túc về chính sách, những cuộc yết kiến hàng tuần, và như chúng ta đã biết, những lời than phiền của vương triều về hành vi mị dân của cá nhân nhiều bộ trưởng) rõ ràng là nằm trong tay thủ tướng. Nhưng đối với vương triều, các bộ trưởng Nội vụ lại là những trợ lý đại diện của chính phủ. Sự hiện diện của họ đã từng là điều bắt buộc lúc một thành viên hoàng tộc ra đời. Họ vẫn còn phải đọc lời thề trong lễ tuyên thệ của các giám mục, còn vị giáo sĩ cao cấp thì bắt tay những người đại diện của nhà vua. Họ phải có mặt trong các buổi lễ phong tước hiệp sĩ. Cùng với nhà vua và thủ tướng, họ nhận lời thăm viếng các nguyên thủ quốc gia. 55 năm sau thời Churchill, vai trò ấy đã được biểu tượng hóa bởi việc phải mặc chiếc áo đuô tôm xéo vạt ít nhất là mỗi nửa tháng. Trong trường hợp của Churchill, điều này bị ép buộc bởi hai yếu tố.

Thứ nhất, dù không theo thứ tự thời gian, là việc khởi tố tội phi báng của một

người tên là Edward Mylius. Người này cho rằng vua George V (kế vị cha vào tháng 5 năm 1910) khi còn là một sĩ quan hải quân cấp thấp trong Hạm đội Địa Trung Hải đã bí mật kết hôn với một trong những cô con gái của vị tổng tư lệnh hải quân tại Malta. Nếu đây là sự thật thì vua George V phạm tội song hôn khi kết hôn với Nữ hoàng Mary và con cái của họ, bao gồm hai vị vua trong tương lai, sẽ là con không hợp pháp. Thế nên đây là một vấn đề nghiêm trọng. Các cố vấn của hoàng gia đã mâu thuẫn với nhau trên vấn đề có nên kiện hay không. Có thể nhà vua phải ra trước tòa làm chứng để tự biện minh. Churchill đã đích thân đảm đương vụ kiện và đã mạnh dạn, thậm chí là liều lĩnh, đương đầu với các rủi ro. Cũng như thường lệ, sự táo bạo của ông đã mang lại hiệu quả. Tại phiên xử ngày 1-2-1911, nhà vua đã không phải ra hầu tòa. Mylius đã bị nhốt và lời đồn chấm dứt. Điều này đã khiến nhà vua lãnh đạm nhớ ơn và chống lại một số đánh giá rõ ràng là không thuận lợi cho Churchill.

Nhưng ít nhất cũng có vài đồng sự của vị bộ trưởng Nội vụ nghĩ rằng trong việc đó, cũng như trên một số vấn đề có liên quan, ông tỏ ra thích gây gổ hơn là đánh giá một cách điềm tĩnh.

Yếu tố liên kết đặc biệt thứ hai giữa Churchill trong vai trò bộ trưởng Nội vụ và Vua Edward cũng như Vua George là báo cáo truyền thống hàng ngày của các đại biểu Quốc hội trình lên nhà vua. Trong thời gian trị vì của Nữ hoàng Victoria, việc nhỏ nhặt đã được dẹp bỏ bởi các vị thủ tướng xuất thân từ Hạ viện, như Russell, Palmerston, Disraeli và Gladstone. Vì là một quý tộc, nên Salisbury không thể báo cáo công việc của Hạ viện, Rosebery cũng thế, và thay vào đó là những người đứng đầu Hạ viện, như Hicks Beach, Randolph Churchill, W. H. Smith, Arthur Balfour và Balfour tiếp tục việc đó khi trở thành thủ tướng đầu tiên xuất thân từ Hạ viện kể từ thời Gladstone nhưng không được lâu vì tư duy của ông không phù hợp với suy nghĩ của Vua Edward. Campbell-Bannerman đã lãnh nhiệm vụ. Nhưng dù tư duy và hành vi của ông tương tự với nhà vua (cả hai đều thích tiểu thuyết Pháp và cách nấu ăn của người Pháp, thích đi dạo với những bước đi oai vệ ở Marienbad), năng lực của ông liên tục bị thử thách bởi

những bốn phận của một thủ tướng. Vào những ngày trước khi nhậm chức, vị thủ tướng còn lãnh trách nhiệm trao tận tay nhà vua báo cáo biên bản cuộc họp Nội các. Và những nỗ lực của ông thường làm dấy lên những lời chỉ trích cho rằng việc đó không xứng với địa vị của ông. Vì thế ông đã giao việc báo cáo hàng ngày công việc của Quốc hội cho bộ trưởng Nội vụ, cách làm đã được Asquith tiếp tục sử dụng. Không thể cho rằng Churchill thích thú khi nhận phần việc này. Nó là một gánh nặng đáng kể và hầu như là vô bổ đối với một bộ trưởng bận rộn, bao gồm việc mỗi đêm tạm dừng việc hoạch định một kế hoạch tài chính quan trọng để chú ý vào việc báo cáo những gì đã diễn ra trong ngày ở Hạ viện. Cả Gladstone lẫn Churchill, và có thể là còn nhiều người khác nữa, có thói quen viết khi đang ngồi ở hàng ghế trước trong phòng họp Quốc hội (dành cho lãnh tụ của các đảng phái). Đây hẳn là cơn ác mộng đối với một bộ trưởng không có khả năng ăn nói lưu loát. Đối với Churchill thì điều này không phải là vấn đề. Điều ông làm là để cho dòng ý thức tuôn trào tự do trộn lẫn với những câu cách ngôn nảy sinh trong đầu khi viết. Những bài diễn văn đáng nhớ của ông, triển khai từ những bài diễn văn của những người bạn, nhất là những người ngồi ở hàng ghế phe đối lập như F. E. Smith và nam tước Hugh Cecil, nhưng cũng thoải mái bày tỏ các quan điểm của chính ông trên tinh thần của vấn đề và trên thành tích của các cá nhân.

Những báo cáo này đã được mở đầu và kết thúc một cách thích hợp: Từ “Bộ trưởng Churchill với chức vụ thấp hèn...” cho đến, ví dụ như là: “Tất cả những điều ấy nay được tôi tố và cũng là thần dân trung thành của bệ hạ đệ trình”, nhưng ở khúc giữa thì ông viết giống như là để gửi cho anh em hoặc cho một bộ trưởng khác. Toàn bộ cách làm này đã nói lên thái độ của ông đối với nhà vua: rất tôn trọng thể chế, được thể hiện trong cách xưng hô, kết hợp với thái độ hoàn toàn tự tin và thoải mái trong cách bày tỏ những quan điểm của chính ông trên cơ sở bình đẳng theo chủ trương của đảng Whig (tiền thân của Đảng Tự do).

Giữa ngày 21 tháng 2 và ngày nhà vua băng hà, ngày 6 tháng 5 cùng năm, Vua Edward đã nhận được 27 thư báo cáo như thế. Phần lớn chúng dài khoảng

từ 400 đến 500 từ, và vì thế làm tiêu tốn đáng kể sức lực vào cuối những ngày làm việc vất vả, đồng thời hình thành nền tảng cho những tập sách mỏng. Vua Edward chưa bao giờ phản đối giọng điệu ngoan cố của chúng (vì làm sao có thể đọc trọn vẹn được). Dù sự bất đồng nảy sinh sau này (khi nhiều bức thư của Churchill làm ảnh hưởng đến người thừa kế Knollys) có thể đã dẹp bỏ phần nào thiện cảm, cho thấy rằng Vua Edward “thình thoảng mới xuất hiện trong những lá thư ấy”. Tuy nhiên, chúng chứa đựng nhiều chuyện ngời lê đôi mách đáng tìm hiểu và hẳn là đã làm cho Vua Edward thích thú hơn bất cứ thứ gì đến từ ngòi bút tẻ nhạt của Herbert Gladstone. Vì thế, vào ngày 11-3-1910, Churchill đã viết: “Thứ sáu trôi qua với sự thảo luận sơ sài về những ước tính quân sự cần thiết hiện nay. Hạ viện cho rằng bầu khí thiếu nhiệt tình đã cho thấy những vấn nạn đáng quan tâm nằm ngoài những cuộc tranh luận đang diễn ra. Các vị sĩ quan ăn nói hòa nhã với nhau và những người khác thì trốn vào các phòng hút thuốc”. Và vào ngày 6 tháng 4, nhân một bài diễn văn của Lloyd George, ông đột nhiên so sánh giữa Lloyd George với Joseph Chamberlain:

Có một số điểm giống nhau rất thuyết phục... Ngài Churchill thường có ấn tượng mạnh mẽ với chúng. Chúng xuất hiện trong cách xử sự, trong quan điểm, trong tính khí, và trong cách diễn đạt. Ngài Churchill từng thấy một bức ảnh của ngài Lloyd George không có râu mép được chụp cách đây khoảng mười năm, bức ảnh thật sự tiêu biểu cho sự giống nhau kỳ lạ về phong cách với Chamberlain khi mới bước vào tuổi bát tuần. Và chắc chắn một điều là cả hai, dù có tính khí cực đoan, đều sở hữu một mức độ lạ kì năng lực kích hoạt suy nghĩ của các thành viên bình thường của Đảng Bảo thủ.

Sau khi Vua Edward băng hà, Quốc hội hoãn việc họp gần một tháng. Khi Quốc hội được tái triệu tập vào ngày 4-6-1910, Churchill lại trở về với thói quen viết báo cáo, nhưng dĩ nhiên hiện nay phải gửi cho vị vua mới là George V. Churchill, người phải viết toàn bộ 84 báo cáo Quốc hội (ngoài 18 thư khác viết

cho nhà vua về những chủ đề khác) suốt 14 tháng tiếp theo, đã không thay đổi nhiều về văn phong để có thể thích ứng với cá tính không mấy tế nhị của vị vua mới. Có lẽ là có vài câu chuyện vui khá nhạt nhẽo nhưng những câu chuyện như thế rất hiếm hoi trong những bức thư của Churchill. Tuy nhiên, mọi chuyện dường như diễn ra êm ả cho đến mùa hè. Qua tiến trình giải tán Quốc hội vào cuối tháng 11 (sau khi Hạ viện bác bỏ “dự luật phủ quyết” của Quốc hội) và qua lần tổng tuyển cử thứ hai năm 1910, các sự kiện này hầu như khẳng định kết quả của tiến trình giải tán Quốc hội. Không lâu sau đó, một vụ việc kỳ quái đã xảy ra. Churchill đã viết báo cáo mô tả những diễn biến trong cuộc tranh luận về đề nghị sửa đổi hiến pháp của Công đảng, khi đó ông gọi đề nghị này một cách mơ hồ là “quyền có công ăn việc làm”. Ông đã thêm vào ba câu hơi có vẻ dạy đời nhưng không mới mẻ của chính ông. Toàn bộ câu chuyện này đã gây ra một phản ứng thái quá một cách lố bịch từ vị vua mới kéo dài suốt một tuần, làm tiêu tốn rất nhiều giấy mực và thời gian của nhà vua, thủ tướng, bộ trưởng Nội vụ và các thư ký riêng của họ. Tuy nhiên, bất chấp sự ngớ ngẩn của nó, vụ việc này đã chiếu ra ánh sáng của lý lẽ và đáng được quan tâm.

Đoạn văn than phiền của Churchill như sau:

Ngài O’Grady, một chính trị gia tiến bộ thuộc Công đảng đến từ thành phố Leeds, đã nêu ý kiến trong một bài diễn văn ôn hòa và thuyết phục... Ông được ủng hộ bởi ngài Clynes, một thành viên Công đảng ở Manchester và là một trong số những người giỏi nhất của họ, một thành viên hòa nhã, thông minh và chịu khó. Ngài Burns, chủ tịch của Hội đồng Chính quyền Địa phương, đã phản ứng lại. Cũng như mọi khi, ngài Burns luôn trung thành với quan điểm của các cựu đồng sự. Ông chống lại bản kiến nghị trên cơ sở cho rằng nó sẽ cản trở việc tiết kiệm và khiến cho giới chủ không giữ được công nhân giỏi vào những thời điểm cần người.

Đây là một chủ đề rất quan trọng và làm nảy sinh nhiều điều. Ngài

Churchill đã luôn cho rằng với trình độ khoa học và văn minh hiện nay, hẳn chúng ta có thể giảm thiểu những biến động mạo dịch bằng một số biện pháp từ một số công trình công cộng có đặc điểm tái sản xuất, điều có thể được thực hiện bình thường trong những thời điểm thuận lợi và thực hiện tích cực trong những thời điểm khó khăn.

Như đối với những kẻ lang thang và những người lười biếng, phải có những trại lao động thích hợp để gửi họ đến làm việc trong một thời gian và để họ nhận biết bốn phận của bản thân đối với quốc gia. Bộ Nội vụ hiện đang xem xét việc thành lập những tổ chức như thế. Tuy nhiên, phải nhớ rằng mọi tầng lớp xã hội đều có những kẻ lang thang và những kẻ lười biếng.

Đề nghị thứ hai nằm trong bức thư mà tử tước Knollys được yêu cầu phải trao cho bí thư trưởng của thủ tướng: “Nhà vua nghĩ rằng các quan điểm của ngài Churchill, như được ghi trong bức thư này, là ủng hộ chủ nghĩa xã hội. Điều mà ông ủng hộ không gì khác hơn là các xưởng thợ như đã được thử nghiệm ở Pháp [bởi Louis Blanc trong năm 1849] và đã hoàn toàn thất bại... Trong một bức thư gửi cho Churchill, nhà vua đã cho rằng sẽ là chuyện vô ích khi lo cho những kẻ lười biếng và vô tích sự ở mọi nấc thang địa vị xã hội”.

Asquith đã sai người gửi bức thư này cho Churchill, và Churchill đã đưa ra một luận chứng táo bạo và mạnh mẽ trong thư phúc đáp:

Bộ trưởng Churchill, thần dân thấp hèn của bệ hạ. [*Theo nguyên văn chữ bệ hạ được viết tắt là YM = Your Majesty, tác giả giữ nguyên như thế để nêu bật bản tính cao ngạo không quy lụy của Churchill*]. Thần đã rất tiếc khi biết rằng, do thủ tướng (nguyên văn viết tắt là PM) cho biết, bệ hạ (viết tắt) đã không hài lòng đối với một cụm từ của thần viết trong báo cáo Quốc hội Thứ sáu vừa rồi. Thần chưa bao giờ nhận được bất cứ sự chỉ đạo nào về hình thức phải có của những bức thư báo cáo. Vì thế mà thần thực hiện theo thông lệ khi tiên đế còn ngự, cụ thể là với sự

thoải mái và thẳng thắn, thần viết về những sự kiện, những vấn đề, và những cảm nghĩ liên quan đến những cuộc tranh cãi ở Hạ viện (viết tắt). Trong rất nhiều dịp, tiên đế đã cho bộ trưởng Nội vụ biết việc ngài chấp thuận hình thức và văn phong của những bức thư này, chúng thường thiếu mạch lạc và thường chứa đựng ý kiến cá nhân trên những chủ đề được bàn luận. Nay thần kết luận rằng bộ hạ (viết tắt) muốn thần tự giới hạn vào việc chỉ tường thuật những cuộc tranh cãi. Dĩ nhiên là thần rất ước ao đáp ứng mọi mong muốn của bộ hạ (viết tắt), và trong trường hợp này thần phải giảm bớt nỗ lực trong thời điểm khắc nghiệt hiện nay. Tuy nhiên, thần mạo muội nói rằng những bản mô tả tóm tắt vô cùng xuất sắc về các cuộc tranh cãi, tốt hơn rất nhiều so với những gì mà thần có thể viết trong điều kiện thời gian và không gian cho phép, đã xuất hiện đầy đủ trong nhiều tờ báo, và rằng việc sử dụng thư Quốc hội giảm bớt rất nhiều trong tình hình hiện nay... Thần cũng cảm thấy sẽ vô cùng khó khăn khi viết những lá thư trong tương lai sau những gì đã xảy ra, vì sợ rằng do khinh suất hay vì mệt mỏi có thể có vài cụm từ hoặc cách diễn đạt có thể xuất hiện gây ra ấn tượng không tốt ở bộ hạ. Vì thế thần thiết tha mong rằng bộ hạ (viết tắt) ra lệnh trao nhiệm vụ (viết thư báo cáo) này cho một bộ trưởng khác nào đó có thể viết chúng với sự tin tưởng vào lòng khoan dung và độ lượng của bộ hạ (viết tắt), điều mà thần rất tiếc là đã đánh mất.

Ba lời bình phẩm, được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của mức độ quan trọng, đã lập tức nảy ra trong tâm trí độc giả khi đọc đoạn thư này. Thứ nhất, phải nhớ rằng những bức thư luôn phải được viết tay. Churchill không bao giờ vì lo sợ sự giận dữ (của nhà vua), vì khuôn phép, hoặc vì khúm núm quy lụy, mà phải tránh việc tiết kiệm thời gian bằng những chữ viết tắt.

Thứ hai, có lẽ ông nên bỏ bớt đoạn so sánh nhà vua với tiên đế với hàm ý chê bai, nhất là khi Knollys không duy trì được thiện cảm của Vua Edward đối với ông. Thứ ba, ông là bậc thầy của sự ngang ngạnh ngấm ngầm, một kiểu

ngang ngạch mà thậm chí các hạ sĩ quan tỏ ra xấu hổ nhất và lời đời nhất trước các sĩ quan trẻ mới ra trường cũng khó bắt chước. Hơn nữa, Vua George V, dù xem ra chưa có nhiều kinh nghiệm làm vua, lớn hơn Churchill đến chín tuổi.

Kết quả của sự công kích, có lẽ giống như những gì được chờ đợi, là sự lạnh lùng xa cách. Hồi đáp của Knollys đến Churchill có một hoặc hai điểm do chính Knollys đưa ra để gây tranh cãi nhưng cần thiết, rằng: “Nhà vua chỉ đạo tôi thêm vào rằng những bức thư của ông (Churchill) luôn cung cấp nhiều kiến thức và lý thú và ngài rất tiếc nếu trong tương lai không nhận được từ ông nhiều hơn một bức thư. Đồng thời ngài không muốn ông tiếp tục viết nếu ông không thích”. Knollys còn gửi thư của Churchill đến thư ký riêng của Asquith và nói rằng: “Tôi cho rằng giọng điệu của bức thư này không thích hợp và nhìn nhận vấn đề không đúng”. Một ngày sau, Churchill lại một lần nữa công kích Knollys. Lý do bất bình chính của ông là sự khiển trách của nhà vua “hoàn toàn không đúng trong lần này, và không công bằng với những sai sót vô tình”. Bất kể áp lực công việc từ Bộ Nội vụ của ông hoặc từ chính phủ, Churchill luôn dành thời gian cho việc tranh luận đầy đủ chi tiết và nhanh chóng qua thư từ. Hơn nữa, nó phải được trao trực tiếp thay vì thông qua thủ tướng.

Sự công kích sau cùng của Knollys (nhắm vào bí thư trưởng của Asquith) đã ngay lập tức chuyển hướng chỉ trích sang Churchill và về phương diện lịch sử là nhằm che đậy việc ông ta “đã mách lẻo” với thủ tướng. Ông viết: “Tôi gửi kèm cho ông phúc đáp của ngài Churchill, tôi ngờ là Churchill muốn hòa giải, nhưng ông ta lại khá giống với một người bất cần ở trong một gian phòng đầy những vật dễ vỡ... Nữ hoàng Victoria từng luôn gửi thư quở trách đến tử tước Palmerston thông qua bá tước John Russell”.

Nhìn chung, quan hệ thư từ của Knollys không xứng với thanh danh của một người lịch sự tao nhã theo chủ nghĩa tự do (dù dĩ nhiên ông luôn là người đại diện chứ không phải là nhân vật chính). Và Churchill nổi lên như là một kẻ thích gây gổ không thể tự kiềm chế. Ông đã viết cho Vua George V thêm 67 thư Quốc hội khác. Lúc đầu, chúng được viết ngắn và thậm chí còn gây nhàm chán, nhưng

ông đã nhanh chóng lấy lại sự sinh động, và không thể nào kiểm chế tài chế tạo các cụm từ. Ông đã nhanh chóng chính thức nói với nhà vua về một Hạ viện “uể oải kỳ lạ và phần lớn thời gian không có sự ganh đua. Vì cá nhân các thành viên cho dù có lớn tiếng đến đâu cũng không thể sai khiến được người nghe”. Và những mối quan hệ với vương triều đã được phục hồi bởi lòng biết ơn của nhà vua đối với sự cương quyết và thành công của Churchill trong vụ việc Mylius vào cuối năm 1910, đầu năm 1911.

Trong lúc quản lý Bộ Nội vụ, Churchill đã dành ra một khoảng thời gian đáng kể cho nhiệt tình cải tổ Bộ Thương mại. Điều này đã tự bày tỏ trong ít nhất là bốn cách. Thứ nhất, ông là động lực của Luật Mỏ (Mines Act) năm 1911. Luật này chỉ thật sự được đưa vào pháp chế sau khi McKenna trở thành bộ trưởng Nội vụ, và thậm chí trong thời Churchill, cũng như thông lệ, việc hoạch định chi tiết được trao cho Charles Masterman, thứ trưởng [parliamentary under-secretary: bậc thấp nhất trong ba bậc bộ trưởng chính phủ của Anh, gồm Parliamentary Under-Secretary of State, Minister of State và Secretary of State] của ông. Nhưng, như theo nhận xét của chánh thanh tra mỏ, Churchill mới chính là người cung cấp động năng thiết yếu và là người có thẩm quyền bảo đảm thời gian dành cho Luật Mỏ trong kỳ họp Quốc hội bận rộn. Vào thời ấy, công nghiệp khai khoáng là trọng tâm của nền kinh tế Anh. Nó sử dụng hơn một triệu người, và sản lượng xuất khẩu lớn là một yếu tố vô cùng quan trọng trong việc thu ngoại tệ của quốc gia.

Đây cũng là ngành công nghiệp rất nguy hiểm. Trong năm 1910, điều này càng nổi rõ bởi hai tai họa mỏ, trong đó, tai họa ở Cumberland làm chết 132 người, và tai họa kia ở gần thị trấn Bolton trong vùng khai thác than Lancashire làm chết không dưới 320. Nhưng thậm chí là trong những năm không xảy ra những vụ nổ khí dưới lòng đất, tử suất vẫn không giảm. Hậu quả kết hợp của những vụ sập hầm hoặc những chiếc lồng thô sơ đưa người xuống lòng đất bị đứt dây điều khiển đã làm chết mỗi năm khoảng một ngàn người. Tử suất này là con số không thể chấp nhận trong bất cứ ngành công nghiệp nào hiện nay. Điều

này có nghĩa là khi một người kết thúc 50 năm sống đời thợ mỏ, anh ta đã vượt qua xác suất chết vì tai nạn 1/20 của ngành này, và phải chịu ít nhất là một lần bị tai nạn khá nghiêm trọng. Luật Mỏ chủ yếu là nhằm đến việc sửa chữa những con số đáng sợ như vậy. Nó tăng số tuổi tối thiểu làm việc trong mỏ từ 13 lên 14, cải thiện tiêu chuẩn đào tạo và chất lượng quản lý cho các quản lý, các trưởng nhóm và các thanh tra viên. Nó thiết lập những quy định nghiêm ngặt hơn đối với hệ thống vận chuyển than và máy đào than, giống như đối với việc sử dụng điện dưới lòng đất. Để hiện thực hóa, số lượng thanh tra viên mỏ than phải tăng lên rất nhiều, và sự cung cấp phương tiện cứu thương và công tác cứu nạn phải là nghĩa vụ bắt buộc của các công ty. Nói cách khác, nó là một biện pháp hoàn toàn mang tính hành chính, biện pháp mà ngày nay hẳn sẽ bị những người ủng hộ thị trường tự do chỉ trích nặng nề, nhất là khi nó được đề xuất bởi Ủy ban châu Âu. Tuy nhiên, Luật Mỏ được Công Đảng thời ấy rất ưa chuộng và được Ramsay MacDonald, người sắp trở thành người lãnh đạo Công Đảng, mô tả là “một đặc ân dành cho ngành mỏ của chúng ta”.

Biện pháp thứ hai là Dự luật Cửa hàng (Shops Bill) soạn thảo nhằm cải thiện các điều kiện trong 1,5 triệu, thậm chí còn nhiều hơn nữa, cửa hàng bán lẻ. Lúc đầu đây không phải là ý tưởng của Churchill, vì ý tưởng rất giống như thế đã được Herbert Gladstone đề xuất trong năm 1909 nhưng bị gạt sang một bên dưới áp lực của kỳ họp bị thống trị bởi Dự luật Tài chính. Thậm chí trong năm 1911 (nó lại bị gạt bỏ trong kỳ họp năm 1910), nó bị bài bác thậm tệ trong Quốc hội. Churchill đã thành công trong việc tranh đấu cho công nhân được hưởng chế độ mỗi tuần nghỉ sớm một ngày và giờ giải lao ăn trưa pháp định, nhưng lại thất bại trong việc tranh đấu cho công nhân chỉ phải làm việc tối đa 60 giờ mỗi tuần, hạn chế làm giờ phụ trội và nghỉ việc ngày Chủ nhật. Ông cay đắng gọi điều này “Chỉ là một mẩu phao nhỏ bé cho một chiếc thuyền bị đắm”. Nhưng để trấn an dư luận, ông đã nhận chức chủ tịch Hiệp hội tranh đấu cho việc giảm thời gian làm việc (Early Closing Association), và phần nào không hợp lý, ông vẫn giữ chức vụ này khi Thế chiến II đã diễn ra.

Hoạt động tranh đấu thứ ba về mặt pháp lý của Churchill trong vai trò bộ trưởng Nội vụ là hoạt động kéo dài từ khi còn ở Bộ Thương mại, và chẳng liên quan đến trách nhiệm của cơ quan ông. Luật Bảo hiểm Quốc gia (National Insurance Act), trở thành luật trong mùa hè 1911, đã được bộ trưởng Lloyd George ủng hộ. Nhưng Churchill mới là người có vai trò chính trong việc chỉ đạo thực hiện Phần II của Luật Bảo hiểm Quốc gia thông qua Hạ viện. Đây là điều thích hợp vì ông đã chuẩn bị gần như toàn bộ phần này trước khi rời Bộ Thương mại, và vì như những gì Churchill đã nói trước Hạ viện vào ngày 25 tháng 5: “Trên chính trường, hiện không có đề xuất nào được tôi quan tâm hơn là kế hoạch bảo hiểm lớn lao này”. Cho dù là như thế, Churchill quan tâm đến hoạt động của ông hơn trách nhiệm đối với cơ quan. Trong khi đó, ông còn tham gia tích cực vào những vụ tố tụng liên quan đến Dự luật Quốc hội, trọng tâm tranh cãi trong mùa hè năm ấy. Ngoài ra, ông còn phải dành thời gian cho di sản mà ông vừa tạo ra.

Thành tích bất-thành-luật chủ yếu của Churchill ở Bộ Nội vụ nằm ở lĩnh vực cải tổ chế độ nhà tù. Gọi là bất-thành-luật vì, dù ông dành thời gian trong dịp nghỉ hè dài ngày năm 1910 để viết một giác thư cho Asquith mà trên thực tế là “một phác thảo của Dự luật Tư pháp Hình sự (Criminal Justice Bill)”. Ông đã không thể dành chỗ cho nó trong kỳ họp Quốc hội quá bận rộn sắp đến. Và sau đó, ông đã chuyển tâm trí từ các nhà tù sang các tàu chiến. May mắn là trong tình hình này, ngay khi bước chân vào Bộ Nội vụ, ông đã quyết định làm tất cả những gì có thể, qua biện pháp hành chính, để cải thiện các điều kiện của nhà tù.

Đây không phải là vì ông đã tiên đoán chính xác sự thất bại về mặt pháp lý mà chủ yếu là vì ông sợ sự sụp đổ sớm của chính phủ và muốn nhanh chóng để lại vài dấu ấn của mình. Kết quả của cuộc bầu cử thứ nhất trong năm 1910 đã làm cho các thành viên Đảng Tự do choáng váng. Sự cân bằng tinh thần của Asquith thường vững vàng hơn sự cân bằng thể xác sau bữa ăn chính trong ngày. Nhưng suốt vài tuần, thậm chí ông còn mất cả sự minh mẫn điềm tĩnh thông thường. Thật ra, với những liên minh của họ là Công Đảng và người Ireland,

không ai trong hai người trong những tình huống như thế có biện pháp thay thế để duy trì chính phủ. Các thành viên Đảng Tự do chiếm được số ghế đa số an toàn là 124 (bộ trưởng Hải quân John Arbuthnot Fisher đã viết trong một bức thư gửi cho Churchill vào ngày 2 tháng 3: “Sẽ khó khăn đến đâu khi phải điều đình với một phe đa số lớn như thế?”). Thậm chí nữ bá tước Margot Asquith, người thỉnh thoảng có được sự sáng suốt với lớp vỏ bọc vô nghĩa nửa tối nửa sáng, đã viết thư cho Churchill: “Chúng ta cần phải hiên ngang... dù thủ tướng của chúng ta đã phạm một sai lầm”. (Bà nói đến việc thủ tướng đã ngập ngừng thiếu tự tin trước việc có thể lãnh đạo với một Hạ viện mới hay không). Thực tế là Nội các của Đảng Tự do, từng quen với vị thế là đại đa số độc lập (không cần liên minh) của họ, không nhất thiết phải phá vỡ sự cân bằng bằng cách tự lập trong môi trường những liên minh ảo. Tuy nhiên, khi làm thế, họ đã thực hiện hiệu quả hơn cách thực hiện của chính phủ Attlee sau khi chính phủ này cũng mất vị thế đại đa số tương tự trong năm 1950.

Thái độ do dự thiếu quyết đoán ít nhất đã có được một lợi ích, nó thôi thúc Churchill đưa ra một quan điểm quả quyết và hành động tích cực về vấn đề các nhà tù. Ông đeo đuổi một chính sách mà “hoàn toàn chẳng quan tâm đến” (cụm từ được George Brown, một chính khách quan trọng 50 năm sau, khéo léo chọn lựa) lời khuyên của người tiền nhiệm thăm lảng trao cho ông trong một bức thư tạm biệt nhạy cảm. Herbert Gladstone đã viết vào ngày 19 tháng 2: “Về vấn đề các nhà tù, tốt hơn là nên tạm gác những chuyện liên quan sang một bên”. Đây là một yêu cầu hoàn toàn xa lạ đối với Churchill, nên thật là phí công khi viết, thậm chí nó còn làm cho người nhận cảnh giác hơn đối với người tiền nhiệm. Việc rời đường lối Đảng Bảo thủ của Churchill hẳn là nhờ sự hữu ích của Gladstone, với vai trò là thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của Đảng Tự do, trong việc giành lại cho Churchill một khu vực bầu cử trong khoảng thời gian 1904 - 1905. Nhưng vì truyền thống của những người ủng hộ Gladstone, Churchill đã không xem trọng chủ trương của Đảng Tự do. Và trong bất cứ trường hợp nào, đây có lẽ là thói quen của Bộ Nội vụ, các bộ trưởng cải cách thường thiếu kiên nhẫn đối với lời

cảnh cáo của những người tiền nhiệm.

Suy nghĩ chung cho rằng 24 ngày trải nghiệm của Churchill tại khu phức hợp giam giữ tù nhân chiến tranh ở Boer đã mang lại cho ông sự cảm thông đặc biệt và thậm chí là đồng nhất với mọi tù nhân. Điều này không hợp lý hoặc ít ra là một cách giải thích không thỏa đáng về nhiệt tình cải tổ của ông về vấn đề nhà tù. 24 ngày, với những cảnh tượng luôn hiện hữu của lần tẩu thoát trước kia của ông (ông bị du kích quân Boer bắt năm 1899 và đã tẩu thoát sau đó không lâu), không thể tương đương về mặt tâm lý với việc bị giam giữ lâu dài. Và chúng ta còn phải cân nhắc rằng Churchill không hề cảm thấy “mất danh dự” (ý niệm mà Churchill luôn nhạy cảm với nó) đối với lần bị bắt giam. Điều hợp lý hơn là Churchill có bản tính đồng cảm với những người lính của phe thất trận, nhất là khi họ chống lại đối phương mạnh hơn, miễn là vị trí mạnh nhất của phe ông không bị thách thức. Ông đã đề xuất một học thuyết, học thuyết đã được tái giải thích với sự tán thành của những người kế vị, ngoại trừ 17 người (như bộ trưởng Nội vụ RA. Butler), ở I Hạ viện 47 năm sau: “Tâm trạng và thái độ của công chúng đối với việc đối xử với tội phạm và tội nhân là một trong những dấu chỉ không thể sai về mức độ văn minh của một quốc gia”.

Với phong cách gây ấn tượng đặc thù, Churchill bắt đầu buổi chiều thứ sáu trong vai trò là bộ trưởng Nội vụ, bằng cách tham dự đêm khai mạc của vở kịch chiêu dụ đảng viên có tên gọi là *Justice* của John Galsworthy. Ông dẫn theo Evelyn Ruggles-Brise, chủ tịch Hội đồng các ủy viên tư pháp phụ trách các nhà giam, một người được Asquith chỉ định và làm việc ở cương vị này từ gần 20 năm trước. Vở kịch với bản cáo trạng lên án ảnh hưởng nặng nề của chính sách hình sự và nhất là sự biệt giam, đã tác động mạnh mẽ đến Churchill, và có lẽ cũng tác động đến cả Ruggles-Brise, dù Ruggles-Brise nghĩ rằng ông ta biết nhiều về cuộc sống trong tù hơn là tác giả Galsworthy.

Ông còn yêu cầu (và dễ dàng nhận được) một bản ghi nhớ các kiến nghị từ người nói nhiều và thường “hiện diện khắp nơi” là Wilfred Scawen Blunt (người mà hai thập niên trước đã ở tù hai tháng ở nhà giam Gaiway và Kilmainham vì

tội chính trị ở Ireland). Nhưng không giống như Parnell vài năm trước và dù là thành viên nổi bật của tầng lớp thượng lưu, ông ta đã vừa phải chịu lao động khổ sai vừa bị biệt giam. Với ảnh hưởng của Galsworthy, Blunt và quan trọng nhất là niềm tin trước kia của chính mình, Churchill đã tiến hành cuộc công kích mạnh mẽ vào nhiều thông lệ của các nhà tù. Đầu tiên, trong tháng 3, ông tuyên bố rằng các tù nhân chính trị bị đối xử khác với những kẻ bị bắt vì “bất lương, độc ác, hoặc những tội xấu xa về đạo đức”. Mặt khác, có những người “có tính cách nhìn chung là tốt và tội của họ dù đáng bị khiển trách nhưng không làm mất danh dự cá nhân họ”. Các hạng mục tương ứng đã ngay lập tức trở nên thiếu chính xác do những đánh giá quá chủ quan và rất Churchill. Nhưng các mục tiêu của ông không khó để có thể cảm nhận, cho dù có tầm quan trọng đáng kể về tính thực tiễn (vào thời điểm có nhiều phụ nữ hung hăng đòi quyền bầu cử bị mời đến các cơ quan pháp luật và bị kết án tù).

Tuy nhiên, về cơ bản, các chính sách của ông dựa trên một sự hoài nghi sâu sắc về giá trị của nhà tù, không biết là nó dùng để ngăn cản tội phạm hay là để cải tạo tù nhân. Vì thế, nỗ lực chính của ông nhằm đến việc giữ cho người ta không phải vào tù. Dù số lượng tù nhân vào bất cứ lúc nào trong thời đó đều ít hơn rất nhiều so với ngày nay. Churchill rất nhạy cảm với những hậu quả bi thảm của hành động lãng nhục tù nhân, ông cho rằng hành động này nuôi dưỡng sự khinh miệt quen thuộc, và loại trừ tác động ngăn ngừa. Ông còn nhận thấy rằng bất cứ ai bị gửi vào tù, cho dù là chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, đều phải trải qua một thể thức mang tính lãng nhục (lấy dấu vân tay và chụp ảnh để lưu giữ vĩnh viễn trong hồ sơ tội phạm, bị chở đi bằng xe chở tù nhân). Điều này giống như những kẻ phạm trọng tội phải chịu hình phạt khổ sai lâu dài.

Toàn bộ thái độ của Churchill đối với việc trừng phạt này đã làm cho ông trở thành vị bộ trưởng Nội vụ “ủi mị”, cả ở bản năng lẫn trong việc thực thi chính sách. Vì thế, ông phải nhận lãnh rất nhiều lời chỉ trích từ cả những người thuộc giới báo chí lẫn trong Quốc hội.

Đây là một tình huống rất quen thuộc với hầu hết các bộ trưởng Nội vụ. Tuy

nhân, trong trường hợp nổi tiếng “người chăn cừu ở nhà tù Dartmoor”, ít ra phần lỗi của Lloyd George cũng nhiều như của Churchill. Vì một lý do kỳ lạ nào đó (có lẽ là để nhận được nhiều tiền hơn từ bộ trưởng Tài chính), vị bộ trưởng Nội vụ (Churchill) đã mời bộ trưởng Tài chính đi theo khi đến thăm một nhà tù nổi tiếng (tuy không còn hợp thời) ở Devon. Tại đây, hai nhân vật nổi tiếng cấp tiến này đã gặp một tù nhân 68 tuổi tên David Davies, người có hành vi kiêu chể, đã được minh chứng qua việc được cử làm người chăm sóc đàn cừu của nhà tù, theo Churchill thì người này có một năng khiếu khác thường là nhớ được tên từng con cừu. Davies đã phải chịu án ba năm khổ sai vì đã ăn cắp vài shilling từ hòm công đức của một nhà thờ và đã phải chịu thêm án mười năm quản thúc.

Ít ra là ở bề mặt, trường hợp không phải là không bình thường của David Davies đã gây sốc cho cả hai người. Churchill đã ra lệnh chuyển Davies sang chế độ quản chế và đưa đến một nông trại ở miền bắc Xứ Wales. Còn hấp tấp hơn nữa, Lloyd George đã đọc một bài diễn văn được lan truyền rộng rãi về trường hợp của David Davies, trao cho ông ta biệt hiệu dễ nhớ là “người chăn cừu ở nhà tù Dartmoor”, và so sánh số phận của ông ta với số phận của các hậu duệ ngạo mạn của “những người ăn cắp của người nghèo trên quy mô lớn hơn rất nhiều”, những người hiện nay đang nhận được những gì tốt nhất qua hành vi bắt chẹt chính phủ. Không may là Davies, người đã phải chịu án tù tổng cộng 38 năm kể từ 1870, đã quen với nhà tù hơn là cuộc sống bình thường. Ông chỉ ở lại một đêm ở một nông trại gần thị trấn Wrexham, đột nhập vào một ngôi nhà kế cận và nhanh chóng bị gửi lại vào tù. Churchill đã quá tự tin nên không thay đổi các chính sách sau những rủi ro nhỏ nhất như thế.

Trách nhiệm đưa ra quyết định sau cùng đối với những trường hợp tử hình đã làm cho Churchill cảm thấy bất an. 43 án tử đã được đưa ra trong khoảng thời gian 20 tháng Churchill làm việc ở Bộ Nội vụ và bộ trưởng là người quyết định. Cho đến khi án tử hình được bãi bỏ trong năm 1965, người ta giữ trong một hốc tường bên phải bàn giấy của bộ trưởng Nội vụ một biểu đồ dưới hình thức hao hao giống một bảng ghi điểm. Trên đó, một cái đĩa tròn ghi tên từng người bị kết

án (đôi khi là phụ nữ) được dịch chuyển từ ngày này sang ngày khác, dọc theo một đường bắt đầu với ngày kết án và kết thúc với ngày thi hành án được dự định.

Theo cách đó, bộ trưởng Nội vụ hàng ngày được nhắc nhở về thời gian còn lại đối với việc đưa ra quyết định. Công cụ này tránh được nguy cơ một vụ treo cổ xảy ra mà ông không biết do bận tâm với những vấn đề khác. Nó cũng phủ lên toàn căn phòng một bầu không khí ảm đạm (một căn phòng dù uy nghi nhưng nằm trong một tòa nhà được xây dựng từ năm 1861), và ám ảnh nặng nề tâm trí của bất cứ nhà lãnh đạo nhạy cảm nào của bộ. Ở đó cũng không có sự hoãn thi hành án. Tình trạng cứ mỗi hai tuần có một án tử hầu như khẳng định điều này. Vì cứ mỗi vụ án được gỡ bỏ khỏi chiếc bảng tử thần thì luôn có một vụ khác được bổ sung.

Những vụ án này đã làm tiêu tốn không cân xứng thời gian của bộ trưởng Nội vụ. Thậm chí chính khách thô lỗ và tàn nhẫn Harcourt trong thập niên 1880 cũng không thích chúng. Trong thập niên 1890, Asquith luôn nghiền ngẫm về chúng và rất chán ghét. Và Churchill cũng như thế vào cuối thập niên sau. Theo truyền thống của bộ, thứ trưởng thường trực là người duy nhất giúp đỡ bộ trưởng trong quyết định đơn độc của ông ta, một quyết định không thể thu hồi dù quan tòa sơ thẩm có thể được hỏi ý kiến.

Trong 43 trường hợp, Churchill đã sử dụng quyền đặc xá 21 lần và tuyên án tử hình 22 vụ còn lại. Có một số vụ án được ông rất quan tâm và đưa ra những công văn tranh cãi rất dài. Những công văn này dù trên danh nghĩa là do thứ trưởng thường trực Edward Troup soạn, nhưng trên thực tế là do ông chỉ đạo. Dù không đến mức như ngoại trưởng, nhưng Churchill cũng rất ái ngại cho những người mà ông giao nhiệm vụ này và vài phần việc khác trong nhiệm vụ của ông khi ông đi nghỉ dài ngày vào cuối mùa hè và đầu mùa thu năm 1910. Vào ngày 21 tháng 8 năm đó từ Balmoral, Edward Grey đã viết thư cho Churchill nói rằng không có vụ việc gì mới xảy ra từ cả hai vụ án mà Churchill để lại, và rằng ông đã làm theo gợi ý tạm thời của Churchill “cứ làm theo quy định của luật pháp”.

Nhưng ông cũng nói thêm rằng: “Tôi nghĩ rằng phần việc này của ngài thật đáng sợ. Vào đêm trước khi hai tội nhân bị treo cổ, tôi luôn nghĩ đến những gì mà hai tội nhân này trải qua trong đêm ấy. Tôi vẫn có cảm giác như thể tôi không nên ra lệnh treo cổ họ, trừ khi tôi cũng phải chịu treo cổ”.

Rất lâu về sau, chính Churchill cũng phải thừa nhận (trong một bài báo viết cho tờ *News of the World* năm 1935) rằng trong tất cả các chức vụ mà ông từng nắm giữ, bộ trưởng Nội vụ là chức vụ mà ông ít thích nhất. Ông cũng cho rằng các quyết định thi hành án tử hình đã góp phần quan trọng cho sự thiếu thiện cảm của ông. Mặt khác, việc tránh lặp lại quyết định hành quyết mà ông đã giao cho Grey phát xuất một phần từ việc ông cho rằng tù chung thân còn tệ hơn là tử hình. Ông chưa từng che giấu tâm trạng trước những cái chết đột ngột của tù nhân. Trong một dịp khi không nghe lời khuyên của cả thứ trưởng thường trực lẫn quan tòa sơ thẩm, ông ngập ngừng đưa ra quyết định giảm án (và chuyển thành tù chung thân) cho một tội nhân. Thế nhưng ông đã tỏ ra nhẹ nhõm khác thường khi người bị kết án tự tử sau đó không lâu. Điều này giống như ông đã xem kết cục như vậy là lương tâm và tội nhân đã tự chứng tỏ mình xứng đáng là một người đàn ông.

Ông không bao giờ là một người chủ trương bãi bỏ án tử. Trong năm 1948, khi Hạ viện lần đầu biểu quyết chống lại án tử hình (nhưng đã phải thất vọng gần 20 năm do sự chống đối kết hợp gồm sự phản đối của Thượng viện, thái độ nước đôi của Công Đảng đương quyền và do các chính phủ của Đảng Bảo thủ trong thập niên 1950 tìm cách thỏa hiệp với họ), Churchill đã tỏ ra rất xúc động (và ghê tởm) khi kể về những trải nghiệm của ông trong khoảng thời gian 1910 - 1911. Nhưng ông đã biểu quyết ủng hộ việc giữ lại hình phạt tử hình. Ít nổi tiếng hơn là bài diễn văn Churchill đọc cũng trong khoảng thời gian đó (1948) trước một hội nghị của các phụ nữ Đảng Bảo thủ, một cử tọa rất kích động trên các vấn đề liên quan đến chính sách tư pháp. Ở đó, với đôi chút cường điệu, Churchill đã so sánh thái độ được cho là dừng dưng đối với “tội cướp giết và bạo lực” của các nghị sĩ hạng hai thuộc Công đảng (những người chủ trương bãi bỏ

án tử hình) với trách nhiệm của họ đối với “ít nhất là một nửa trong tổng số một triệu người chết chỉ riêng ở Punjab”, do vội vàng rút lui khỏi Ấn Độ. Nhưng chỉ trích chủ yếu của ông nhằm vào sự yếu kém của chính phủ trong việc thả nổi quyền biểu quyết đối với “sự quyết định chết chóc về án tử hình cho Hạ viện, cơ quan kém tiêu biểu nhất từng hiện diện ở điện Westminster”. Óc đảng phái của ông vào cuối thập niên 1940 không bị tác động nhiều bởi chính sách mà về bản chất là ôn hòa mà ông đeo đuổi khi trở lại làm việc trong chính phủ trong khoảng thời gian 1951-1955.

Tuy nhiên, trong năm 1910, án tử hình là một vấn đề không gây nhiều tranh cãi. Vấn đề được quan tâm hơn rất nhiều là chiến dịch tranh đấu cho quyền bầu cử của phụ nữ, đây là một trận bão mà Churchill đã rất nhanh bị cuốn vào trung tâm. Chiến dịch này đã từng không thể thực hiện vì sức mạnh từ những ý kiến của Churchill. Trong một tình huống tương phản hiểm hoi giữa Asquith (chống) và Grey (ủng hộ), Churchill đã chọn chủ trương trung dung. Ông ủng hộ sự mở rộng trước kia đối với quyền bầu cử của một số phụ nữ, nhưng với điều kiện nó không làm rối loạn quá đáng về chính trị. Nghĩa là, như ông đã đích thân giải thích, nếu nó được thực hiện mà không làm hại đến triển vọng ứng cử của Đảng Tự do, chẳng hạn như quyền tự do ấy chỉ trao cho người có tài sản đáng kể. Người ta không thể nghĩ ra một sự sửa đổi để có thể thỏa mãn cùng lúc hai mục tiêu. Và vì là người vừa ủng hộ vừa chống khi truyền đạt chủ trương với công chúng, nên ông sử dụng lối nói lập lờ, như những lập luận được cho là ông đã sử dụng tại Dundee trong cuộc tổng tuyển cử tháng 12 năm 1910:

[Ngài Churchill] vẫn cho rằng việc loại bỏ quyền bầu cử vì lý do giới tính không phải là sự cấm đoán đúng đắn hoặc hợp lý, và vì thế ông ủng hộ nguyên tắc phụ nữ được phép bầu cử. Nhưng ông dứt khoát từ chối đích thân đưa ra bất cứ dự luật cụ thể nào... Và ông mong rằng họ (những phụ nữ đòi quyền bầu cử) không hy vọng quá nhiều vào những lời ông nói.

Đây không phải là sự cảm dỗ mà bà Emmeline Pankhurst và các phụ nữ ủng hộ bà không thể cưỡng lại. Trái lại, họ dự định tấn công những cuộc họp và những quan điểm của ông vì cho rằng chúng ngăn chặn phong trào ngày càng bạo động của họ. Trong cuộc tổng tuyển cử lần thứ nhất trong năm 1910, Churchill đã bị một phụ nữ trẻ dùng roi đánh chó tấn công tại ga xe lửa Temple Meads ở thành phố Bristol. Thách thức lớn hơn đối với Churchill trong vai trò bộ trưởng Nội vụ là khống chế những cuộc biểu tình đòi quyền bầu cử cho phụ nữ, và đối phó với những phụ nữ tuyệt thực trong tù để tranh đấu cho quyền này. Trách nhiệm giải quyết cả hai thách thức thuộc về ông. Nói chung, ông tránh việc áp dụng những biện pháp nặng tay quá đáng ở cả hai vấn đề. Nhưng có những lúc rất khó khăn, nhất là sau ngày “Thứ sáu đen tối” (18-11-1910), khi sự khống chế phi lý một cuộc biểu tình ở Quảng trường Quốc hội (Parliament Square) dẫn đến ău đả trên đường phố và 200 người bị bắt. Để giảm thiểu hậu quả, hầu hết những người bị bắt được phóng thích mà không phải nộp phạt. Điều này chỉ càng làm cho những người tranh đấu phần nộ thêm, họ cho rằng đây là một biện pháp nhằm che đậy tội ác. Bốn ngày sau, một cuộc hỗn chiến đã diễn ra trên những bậc thềm trước văn phòng thủ tướng, kết thúc bằng việc Churchill lớn tiếng ra lệnh cho cảnh sát: “Bắt ngay người phụ nữ đó. Bà ta rõ ràng là kẻ đầu sỏ”. Câu chuyện đã nhanh chóng bổ sung vào huyền thoại Churchill về việc ông đích thân với vẻ ngạo mạn chỉ huy các hoạt động của cảnh sát.

Các phụ nữ đòi quyền bầu cử đã bám sát Churchill trong suốt thời gian ông làm bộ trưởng Nội vụ. Những nỗ lực liên tiếp nhằm đi theo một đường lối trung dung về luật pháp đã thất bại. Và vào cuối năm 1911, những chia rẽ nội bộ của Đảng Tự do trên vấn đề này đã trở nên nghiêm trọng đến nỗi Churchill đã phải cảnh báo Asquith rằng: “Nếu Asquith không giải quyết được ngay thì chính phủ của ông ta có thể tan vỡ một cách nhục nhã và bị tiêu diệt trong tay một người đàn bà giống như Sisera (một nhân vật trong thánh kinh Do Thái, người chỉ huy đội quân của Jabin, vua xứ Canaan)”. Cải pháp do Churchill đề xuất là một cuộc trưng cầu ý dân nhằm tìm ra giải pháp mà không gây nguy hiểm cho sự tồn tại

của chính phủ. Điều này đã không được Asquith tán thành. Và giữa những khủng hoảng tái diễn, vấn đề đòi quyền bầu cử của phụ nữ vẫn không được giải quyết cho đến khi chiến tranh bùng nổ khiến vấn đề được tạm gác sang một bên (cùng với vấn đề đòi quyền tự trị của Ireland) trong năm 1914.

Kỳ nghỉ phép trong mùa hè đầu tiên của ông trong cương vị bộ trưởng Nội vụ là một quyền lợi to lớn. Nó là một chuyến hải hành trên vùng biển Địa Trung Hải, thăm viếng Monte Carlo nhưng chủ yếu là du ngoạn trong vùng biển Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Xét theo nhiều mặt thì nó táo bạo rất giống với phong cách điển hình của Churchill. Thứ nhất, đây là một kỳ nghỉ dài ngày, hơn sáu tuần lễ, được thực hiện bởi một người năng nổ nhất và đang giữ một trong những cơ quan chính phủ có trách nhiệm nặng nề nhất. Đây hầu như là thói quen của ông. Ông nuôi dưỡng nghị lực không nao núng bằng cách thay đổi các cảnh quan và kiểu sống. Ông không bao giờ ngồi không. Sự “nghỉ ngơi” của ông là đàm luận, với tỉ lệ nói nhiều hơn nghe, trong những bữa ăn thịnh soạn, là vẽ tranh (từ sau năm 1915), là những thú tiêu khiển như làm thợ nề (từ giai đoạn sau nữa) và chơi bài 64 lá (bezique, ông chơi từ trước đó nhưng gần như nghiện vào cuối đời). Nhưng khi không làm gì khác thì ông miệt mài với bốn phần của một bộ trưởng hoặc các tác phẩm văn chương. Ít nhất là 14 tác phẩm trong số này do ông đích thân thực hiện (khác với những hợp tuyển do những người khác sưu tập), và nhiều tác phẩm khác là những bộ sách nhiều tập (có vài bộ gồm quá nhiều tập) với tổng số lên đến 31 tập. Hoạt động điên cuồng tạo ra những kết quả như thế cần đến sự thay đổi về cảnh quan và nhịp điệu làm việc như là những yếu tố mang lại niềm an ủi. Điều này cũng tương tự khi ông làm bộ trưởng Tài chính và cũng viết hai quyển sách trong thập niên 1920. Mức độ tích cực của ông trong những kỳ họp Quốc hội cũng tương đương với mức độ tích cực trong những hoạt động khác giữa những ngày nghỉ phép, phần lớn là ở Chartwell. Nó thậm chí còn dài ngày hơn những kỳ nghỉ đầy huyền thoại của người lãnh đạo chính phủ là Stanley Baldwin ở thị trấn Aix-les-Bains. Và còn đáng chú ý hơn nữa là nó lại xảy ra trong những ngày tuyệt vọng của năm 1940 và những ngày

khó khăn không kém của năm 1941. Lúc đó với nỗ lực không hề giảm, toàn bộ tùy tùng của ông đi nghỉ vào những dịp cuối tuần ở Chequers (một biệt thự ở vùng nông thôn), hoặc khi kỳ nghỉ trùng với ngày trăng tròn thì họ đến biệt thự Ditchley ở phía bắc thị xã Oxfordshire.

Thứ hai, kỳ nghỉ năm 1910 là một kỳ nghỉ đặc biệt vì ông sử dụng phương tiện vận chuyển của chính ông và quyết định chọn nơi nghỉ cũng do chính ông đưa ra. Churchill luôn thích đi bằng phương tiện thoải mái và ở nơi sang trọng, và nếu có thể được thì kết hợp cả hai. Một trong những câu ông hay nói vào khoảng mười năm sau là: “Lợi điểm của việc quen biết với Philip Sassoon (một chính khách ít tên tuổi, chủ sở hữu và cũng là người cải tạo lâu đài Lympne, một ngôi nhà cổ phong cách điển hình của hạt Kent nhìn sang nước Pháp từ cảng Romney Marsh) là giống như được ở toa giường nằm sang trọng khi đi xe lửa”. Và ông thường không khó tính trong việc chọn ai sẽ là người cung cấp toa xe giường nằm sang trọng ấy. Vào dịp này (năm 1910) người đó là bá tước Arnold Maurice de Forest, thường được gọi là “Tuty”. Forest rất giàu vì là con nuôi của nam tước Hirsch, một chuyên gia tài chính nổi tiếng gốc Áo-Pháp. Tuy nhiên, ông là một thành viên hăng hái của Đảng Tự do, đã thất bại trong cuộc tranh cử giành khu vực bầu cử Southport trong cuộc bầu cử lần thứ nhất của năm 1910 và đã được bầu làm người đại diện của khu vực bầu cử West Ham North vào mùa hè năm 1911 sau khi Masterman bị cách chức.

Forest kết hôn với con gái của nam tước Gerard, người đã hứa bổ nhiệm Churchill vào binh đoàn kỵ binh Lancashire Yeomanry trong chuyến hải hành từ lâu đài Dunottar Castle đến Nam Phi trong năm 1899. Không may là những mối quan hệ của Forest với gia đình ấy không êm thấm, và ông ta là một trong số ít người dám kiện mẹ vợ về tội vu khống. Đó là vào năm sau khi ông cung cấp cho Churchill mọi phương tiện cần thiết để thăm viếng vùng Cận Đông. Và dù Forest thu dụng bốn vị luật sư của nhà vua, bao gồm Edward Clarke và bá tước Frederick Edwin Smith, vụ kiện của ông đã thất bại trước bữa tiệc trưa ngày đầu tiên.

Forest đã phải trải qua thêm nhiều thăng trầm khác. Churchill đã tiến cử Forest làm hội viên của nhiều câu lạc bộ khác nhau nhưng ông luôn bị từ chối. Sau đó Forest tự đổi tên thành Benden. Ông sống cho đến năm 1908 với gần bốn thập niên trở thành công dân của công quốc độc lập Liechtenstein. Ông là một trong số nhiều nhân vật ám muội (và trong trường hợp này là hơi lạ lùng) được Churchill biết đến. Ông thích những người đáng ngờ về đạo đức, và trong mùa hè 1910 đã bỏ ra sáu tuần gần bó với một người trong số đó và gánh chịu một khoản nợ lớn vì tiếp đãi người này. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là sự chấp nhận của Clementine Churchill, vì nhìn chung bà là người khắt khe hơn chồng trong việc đánh giá những con người như thế. Vào cuối đời, nếu không thể ngăn cản chồng giao du thì ít nhất là bà lánh mặt. Nhưng trong chuyến hải du ở vùng biển phía đông Địa Trung Hải, bà không lúc nào không hiện diện. Như hai năm trước, vợ chồng Churchill hưởng phần lớn thời gian trong tuần trăng mật của họ tại lâu đài ở Moravia của Forest, có thể bà cảm thấy sẽ là khiếm nhã khi phản đối quá sớm việc giao du của chồng.

Dĩ nhiên là Churchill đã không dành hết thời gian nghỉ kéo dài cho việc ngắm cảnh và tắm nắng. Kiểu giải trí của ông trong những tình huống như thế được Asquith mô tả rõ ràng khi thực hiện một chuyến hải hành khác (lần này ông đi trên một du thuyền của Bộ Hải quân) gần bốn năm sau đó: “Winston không bao giờ bước lên bờ khi ở hải cảng Syracuse, nhưng ở lại trong một phòng trên tàu để đọc một chuyên luận (chuyên luận mà tôi dự định sẽ đọc) về các nguồn cung cấp dầu trên thế giới”. Cũng không phải là Asquith thiếu các tài liệu mà cơ quan của Churchill quan tâm để đọc sau chuyến hải hành trước kia. Không lâu sau khi quay về, Churchill đã gửi cho thủ tướng một bức thư rất dài trình bày các quan điểm và những dự án của ông đối với từng khía cạnh liên quan đến các trách nhiệm về phương diện hình sự của Bộ Nội vụ. Và chắc chắn là từ thời điểm ấy trở đi, vị bộ trưởng Nội vụ dùng phần lớn thời gian dành cho Nội các để nghiên cứu các quan điểm của ông trên hầu như mọi chủ đề đang được quan tâm.

Tuy nhiên, Churchill đã trải qua một giai đoạn phần nào không thuận lợi vào đầu mùa thu 1910. Sau đó, vào tháng 11, một loạt sự kiện bắt đầu xảy ra dẫn đến sự ghẻ lạnh giữa Churchill và phái tả Tự do - Công Đảng (gần như là thường xuyên). Mà theo lời kể của Beatrice Webb thì tình trạng này lại thuận lợi cho Churchill trong thời gian làm việc ở Bộ Thương mại và trong những ngày đầu làm việc ở Bộ Nội vụ. Nhưng nó lại khiến cho Asquith trong tám tháng đầu năm 1911 nhận thấy rằng chức bộ trưởng Nội vụ không phù hợp với Churchill. Giai đoạn không thuận lợi phát xuất từ diễn biến của khủng hoảng hiến pháp qua việc dự thảo ngân sách 1909 được hoạch định đến việc các thượng nghị sĩ dè dặt chấp nhận Dự luật Quốc hội tháng 8 năm 1911, trở thành một dòng nước ngầm trong gần nửa năm sau cái chết của Vua Edward, và phát xuất từ việc Churchill hầu như bị loại ra khỏi các diễn biến. Một hội nghị lập hiến với sự tham dự của nhiều đảng phái đã được tổ chức vào ngày 16 - 6 - 1910 trong một nỗ lực nhằm bảo vệ Vua George V khỏi phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng lớn ngay từ buổi đầu lên ngôi.

Asquith, Lloyd George, Crewe và Birrell là những thành viên Quốc hội. Balfour, Lansdowne, Austen Chamberlain và Earl Cawdor (nhân vật cuối cùng này ngày nay hầu như hoàn toàn bị lãng quên dù có tổ tiên thuộc dòng họ Macbeth), đại diện cho phe đối lập. Có lẽ Churchill, vì là bộ trưởng Nội vụ và vì ý thức được ảnh hưởng chính trị của bản thân, đã chờ đợi được mời tham dự, nhưng không hề có chứng cứ nào cho thấy ông chuẩn bị cho việc ấy. Dù sao chẳng nữa thì hội nghị cũng chẳng đi đến đâu, dù nó được tổ chức nhiều lần (và khá hữu nghị) suốt mùa hè ấy và đầu mùa thu. Bản chất của sự bế tắc là vấn đề tự trị của Ireland.

Bên cạnh những cuộc đàm phán chính thức và không thành công, Lloyd George, đã công thức hóa suy nghĩ về một khối liên minh lớn. Trong đó, cả hai đảng phái lớn từ bỏ các chủ trương cực đoan của họ để cùng hợp tác trong một chính phủ có thể “ứng dụng trên quy mô lớn chính sách của Bismarck lên hệ thống công nghiệp của chúng ta” (ông đã trích nguyên văn câu nói của Churchill

gần hai năm trước). Kế hoạch của Lloyd George, với sự ủng hộ của các thành viên Đảng Bảo thủ, chủ trương tăng cường sức mạnh hải quân, thực hiện chế độ huấn luyện quân sự bắt buộc, và có thể còn là cải cách thuế quan. Các thành viên Đảng Tự do đồng cảm với Dự luật Quyền tự trị, Dự luật Tách biệt Giáo hội Xứ Wales, và việc hạn chế quyền lực của Thượng viện.

Cũng như đối với phần lớn những thỏa thuận chính trị khác, có lẽ điều còn quan trọng hơn nữa là việc phân phối các cơ quan. Asquith vẫn là thủ tướng nhưng để cho Balfour nắm quyền lãnh đạo Ủy ban Quốc phòng Hoàng gia. Lansdowne được chuyển sang Bộ Ngoại giao, nơi ông làm việc từ năm 1900 đến năm 1905. Austen Chamberlain trở thành bộ trưởng Hải quân. Đầu là vị trí dành cho Churchill, người kết giao với những người không cùng đảng phái (nhất là F. E. Smith, nhân vật trung gian quan trọng thuộc Đảng Bảo thủ trong kế hoạch phân chia vị trí) và thiếu đồng cảm (dù không phản đối) với một chính phủ liên minh nên về bản chất là người chống đối? Ông cũng là một kẻ đáng nguyên rủa đối với hầu hết các đảng viên Bảo thủ. Có một số chứng cứ (chủ yếu là từ nhật ký của phu nhân Lucy Masterman, tuy là nguồn tham khảo thứ yếu) cho thấy rằng họ yêu cầu loại trừ Churchill, và Lloyd George vì sự vinh quang của kế hoạch vĩ đại của mình nên đã biểu quyết tán thành việc loại trừ. Quan điểm ấy được khẳng định bởi việc các thành viên cực đoan của Đảng Bảo thủ còn phản đối việc đưa Churchill vào liên minh năm 1915 cho dù là ở vị trí không quan trọng. Phu nhân Masterman ghi thêm rằng chính sự thù địch này đã loại Churchill ra khỏi kế hoạch. Nhiệt tình của ông đối với liên minh không đủ mạnh để có thể được tham gia. Tuy nhiên, có một số chứng cứ khẳng định điều ngược lại, chúng cho thấy rằng Bộ Chiến tranh đã chiêu cố đến ông.

Không có chứng cứ nào được kiểm chứng. Balfour (lãnh đạo Đảng Bảo thủ từ 1915 đến 1930) dù là người đề xuất hàng đầu và cũng là người tham gia nhưng về sau đã chống lại nó theo lời khuyên của thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng là Alters-Douglas. Alters-Douglas nói rằng những nghị sĩ thuộc hàng ghế sau (các nghị sĩ kém quan trọng không được lãnh đạo bộ nào) sẽ không ủng hộ, và

Balfour cũng không muốn nhìn đảng của ông chia rẽ, như đã từng xảy ra trong năm 1846. Thế nên vào giữa mùa thu 1910, cả hai đảng đều quay về với cú điểm của họ và chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử lần thứ hai trong năm. Điều này là không thể tránh vì hai vị vua kế tiếp nhau đều khẳng định rằng hai cuộc bầu cử phải được thực hiện trước khi họ chấp thuận việc thúc ép các thượng nghị sĩ. Nó là một dạng trừng phạt nhẹ giáng lên cả các chính khách lẫn toàn bộ cử tri. Nước Anh chưa từng có các cuộc bầu cử diễn ra vào mùa thu trong ba năm liền như thế (1922, 1923 và 1924) [trước kia có hai lần vào năm 1830 và 1831, và sau này có một lần vào năm 1974].

Asquith, vững tâm hơn nhờ một sự cam kết bí mật từ một vị vua bất nhất, đã tuyên bố rằng, nếu cuộc bầu cử lần thứ hai này khẳng định kết quả của cuộc bầu cử lần thứ nhất trong tháng 1, hoàng gia sẽ chấp thuận việc phong tước quý tộc hàng loạt cho nhiều thành viên của Đảng Tự do và tuyên bố giải tán Quốc hội vào ngày 18 tháng 11, và cuộc bầu cử sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh một tuần. Đây không phải là điều bất thường trong một cuộc tranh đấu chiếu lệ. Cứ sáu người biểu quyết thì có một người từ chối việc tái khẳng định kết quả biểu quyết trước đó của họ. Có 54 vị trí đổi chủ. Chính phủ đã thất bại ở Lancashire và khu vực tây-nam nước Anh (nơi họ mất đến sáu ghế đại biểu ở khu vực hành chính Devon) và thành công ở London. Nhưng đây chỉ là những dòng phụ lưu trong một đại dương mà về cơ bản là tĩnh tại. Nhìn chung, Đảng Tự do mất ba ghế đại biểu và Đảng Bảo thủ mất một, trong khi Công Đảng và nhóm ủng hộ chủ nghĩa dân tộc Ireland (Irish Nationalists) mỗi nhóm có thêm hai ghế. Phe chính phủ chỉ hơi nhỉnh hơn phe đối lập và hơi yếu hơn lực lượng các đảng liên minh của họ. Nhưng những gợn sóng lăn tăn này chẳng có ý nghĩa gì khi so với việc không thể thay đổi kết quả của cuộc bầu cử thứ nhất (trong năm 1910). Cuộc bầu cử lần ba là chuyện dư thừa chẳng ai thêm nghĩ đến. Vấn đề vẫn còn tồn đọng là để Dự luật Quốc hội được thông qua, chính phủ có cần thực hiện việc phong tước quý tộc một cách đại trà hay không, và gần tám tháng sau vấn đề này mới được giải quyết.

Chương 10

TỪ BỘ NỘI VỤ ĐẾN BỘ HẢI QUÂN

Về phần Churchill, cuộc bầu cử lần thứ hai trong năm 1910 diễn ra không suôn sẻ như lần thứ nhất. Khác với tính cách của ông, Churchill đã từ chối lời thách thức của Bonar Law, người hẹn ông đến khu vực tây bắc thành phố Manchester để tham gia cuộc đấu “một mất một còn”. Điều này có nghĩa là người thua sẽ không thể tham gia Quốc hội mới. Đây là một thí dụ quá khích về cách các chính khách đối xử với các khu vực bầu cử, họ xem chúng có thể chuyển nhượng giống như đối với các cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp. Ghế đại biểu mất từ tay Churchill năm 1908 đã được Đảng Tự do giành lại trong cuộc bầu cử thứ nhất trong năm 1910, nhưng dường như không ai quan tâm nhiều đến việc chiếc ghế đại biểu ấy do nghị sĩ nào giữ. Ông ta không phải là vấn đề. Đúng hơn là khi Churchill đã nhận được “ghế đại biểu vĩnh viễn” ở khu vực bầu cử Dundee, ông đã không muốn mạo hiểm với khu vực bầu cử Cheetham Hill. Nhưng Bonar Law cũng phải chịu hy sinh không kém. Dulwich cũng là khu vực bầu cử an toàn như Dundee (và thuận tiện hơn rất nhiều) thế nhưng Bonar Law phải tuân theo đảng của ông, phải đến và lãnh đạo chiến dịch tranh cử ở Lancashire.

Law đã thất bại. Nhưng vì Churchill đã từ chối thách thức nên Law không bị ràng buộc bởi lời cam kết sẽ không đi đâu khác. Do vậy, ông đã đến Bootle, một cử điểm của Đảng Bảo thủ dù vào lúc ấy là an toàn nhưng không chắc chắn lắm. Xét từ nhiều mặt, việc Churchill từ chối tham dự cuộc đấu tay đôi với Bonnar Law trên một dải đất trống trải, khá giống với cuộc chạm trán trực tiếp của ông

với Louis Botha trong năm 1899 mà có thể là ông đã tưởng tượng ra, là điều đáng ngạc nhiên. Cuộc đấu này có thể khơi gợi phong cách lãng mạn của ông. Và nếu chấp nhận, hẳn là ông đã làm thay đổi lịch sử Đảng Bảo thủ. Nếu không được vào Hạ viện, hẳn là Law không thể kế vị Balfour trong mùa thu năm 1911. Vì thế ông không thể phát động chiến dịch không khoan nhượng ở Ulster trong khoảng thời gian 1911 - 1914, điều đã đẩy nước Anh đến bờ vực nội chiến gần hơn bao giờ hết kể từ thế kỷ 17. Ông cũng đã không thể bác bỏ việc Churchill tiếp tục hiện diện ở Bộ Hải quân trong tháng 5 năm 1915 và tiếp tục chống đối việc Churchill trở lại trong vai trò là bộ trưởng Quân nhu năm 1917. Và ông đã không chiếm lĩnh được vị trí có thể triệt hạ chính phủ liên minh của Lloyd George trong năm 1922 và buộc Churchill không được tham chính trong hai năm.

Churchill chiến thắng ở khu vực bầu cử Dundee (cũng như ở Manchester) nhưng với số phiếu bầu thấp hơn lần bầu cử trong tháng 1 là 1.500 và với mức dao động bất lợi là 7% trong khi mức dao động trung bình ở Scotland chỉ hơn 1%. Ứng cử viên lì lợm Scrymgeour chiếm thêm được 300 phiếu bầu, lượng phiếu bằng 1/5 tổng số phiếu dành cho Churchill. Mười tháng trước, chiến dịch tranh cử của Churchill được quảng bá rộng rãi và lối diễn thuyết của ông thường rất sắc sảo. Nhưng vai trò của ông lại kém quan trọng. Vì như ông đã thừa nhận trong những bức thư đầy tự tin, và thậm chí còn lên giọng kẻ cả, gửi cho thủ tướng vào ngày 3-1-1911: “Xem ra ngài đã hiệu quả hơn trong việc làm chủ tình hình và sắc sảo hơn trong các lập luận so với các tình huống trong lần bầu cử vào tháng 1. Và các bài diễn văn của ngài nổi bật hơn hẳn so với các cộng sự và các đối thủ của ngài”.

Ở phần kết luận, Churchill đã bổ sung: “Khi chép lại bức thư này,¹⁵ tôi đã bị làm gián đoạn bởi vụ việc ở Stepney, nơi tôi vừa từ đó trở về”. Vụ việc Stepney là vụ bắn giết đáng hổ thẹn ở Phố Sidney (Sidney Street). Đây là một sự kiện đầy kịch tính nhưng lại chỉ là một cuộc đụng độ nhỏ giữa cảnh sát và những tên tội phạm có thể (mà cũng có thể không) theo chủ nghĩa vô chính phủ, nhưng chắc

chấn họ là những người mới nhập cư. Nhóm này tìm cách lập luận rằng chính phủ có óc bài ngoại, điều đã được cường điệu hóa bởi việc Churchill, với hoạt động tranh cử được thực hiện ở hầu hết những khu vực có thiện cảm với người Do Thái và nói chung là với dân nhập cư ở Manchester, đã tỏ ra căm phẫn đối với những hạn chế của Dự luật Nhập cư năm 1904. Ba tuần rưỡi trước vụ đụng độ ở Phố Sidney, cảnh sát đã phát hiện được một nhóm người Latvia tìm cách đột nhập vào một tiệm kim hoàn của người Do Thái ở Houndsditch. Họ đã chống trả quyết liệt, giết chết hai cảnh sát và làm bị thương một cảnh sát khác rồi tẩu thoát. Họ đã tìm được một nơi trú ẩn tương đối an toàn ở Phố Sidney thuộc khu vực nội đô Stepney, và cảnh sát lại một lần nữa không tiếp xúc với họ cho đến chiều ngày 2 tháng 1. Rạng sáng hôm sau, Bộ trưởng Nội vụ đã cho phép tăng cường lực lượng cảnh sát với một trung đội vệ binh Scotland vũ trang hùng hậu đến từ pháo đài London. Xét từ việc các cảnh sát bị chết và bị thương trước đó, việc làm này không có gì là quá đáng và Churchill đã ngay lập tức tán thành. Điều rắc rối là ông đã không thể cường lại ý muốn đích thân đến chứng kiến hiện trường. Từ văn phòng Bộ Nội vụ, Churchill và thư ký riêng là Eddie Marsh đã lái xe đến đó vào giữa buổi sáng. Cả hai đều đội mũ chóp cao, và xem ra Churchill nổi bật hơn nhiều nhờ khoác áo bành tô và quàng khăn choàng làm bằng lông cừu caracun. Họ đã tạo cơ hội tuyệt vời cho các nhiếp ảnh gia khai thác.

Có điều không rõ là Churchill có ra lệnh hành động hay không. Đối với cảnh sát thì dường như ông ra không ra lệnh như thế dù ông là quan chức toàn quyền trong tình huống này, tình huống có thêm một cảnh sát nữa bị giết và hai người khác bị thương. Họ cho rằng hẳn là họ bị ngăn cản thay vì được khuyến khích hành động khi có sự hiện diện của một quan chức cấp cao tại hiện trường. Mặt khác, theo lính cứu hỏa thì khi căn nhà (nơi cố thủ của các tội phạm) bị cháy, quan chức chỉ huy đội cứu hỏa đã xin chỉ thị của Churchill và đã được lệnh là cứ để cho nó bị thiêu rụi. Đây có thể là một điều hợp lý theo cách nhìn tình huống, khi vẫn còn những tên tội phạm nguy hiểm đang ẩn náu bên trong. Cuối cùng,

hai thi thể cháy thành than đã được tìm thấy, nhưng vẫn còn thiếu một hoặc hai người Latvia nữa. Hai tuần sau, Churchill phải trình bày chứng cứ trước một cuộc điều tra chính thức (một bốn phần bất thường đối với một bộ trưởng Nội vụ). Và sau đó khi Hạ viện tổ chức một hội nghị mới, ông lại còn phải hứng chịu những lời chế giễu của Balfour. Ông nói: “Tôi hiểu rõ việc làm của các nhiếp ảnh gia, nhưng đâu là việc làm của một tôn ông cao quý?”.

Điều quan trọng là toàn bộ vụ việc được truyền bá rộng rãi này đã làm cho Churchill, người đã sẵn mang tiếng là thiếu sự điềm tĩnh và thận trọng cần có của một bộ trưởng Nội vụ, lại càng mang tiếng hơn nữa. Ông được xem như là một hướng đạo sinh hiếu chiến, hoặc ít ra là một quan chức thiếu kinh nghiệm, một người xử lý sự việc trên đường phố London chẳng khác gì khi vẫn còn ở trong Lực lượng vũ trang đã chiến Malakand hoặc đang đi trên chiếc xe lửa bọc thép ở Natal. Và chuyện này lại xảy ra trong thời điểm đang diễn ra những căng thẳng công nghiệp (căng thẳng giữa giới chủ và công nhân), thời điểm mà sự vững vàng của Bộ Nội vụ khi giải quyết các tình huống là cần thiết hơn bao giờ hết. Trước khi diễn ra cuộc bầu cử lần thứ hai năm 1910, đã xảy ra vụ bạo loạn ở thị trấn Tonypandy, vụ việc đã trở thành một ký ức gây bất lợi và không công bằng đối với Churchill trong Công Đảng và trong Hiệp hội Thương mại. Có lẽ nó đã góp phần đáng kể dẫn đến thái độ trung lập nguy hiểm của Công Đảng trước việc chọn lựa giữa Halifax và Churchill để ủng hộ một trong hai làm người kế vị Chamberlain trong tháng 5 năm 1940.

Tuy nhiên, cho đến cuối năm 1910, cách điều hành Bộ Nội vụ của Churchill cho thấy ông không hề hiếu chiến khi giải quyết những tranh chấp công nghiệp. Trong tháng 5, cuộc đình công của công nhân bến cảng có nguy cơ nổ ra ở cảng Newport thuộc hạt Monmouthshire. Houlder Brothers, một trong những công ty tàu biển ở cảng Newport, có thái độ khiêu khích và dự định tuyển dụng 55 công nhân bốc vác mới để thay thế cho những người đình công nhằm chất hàng cho chiếc tàu đang nằm chờ hàng của họ. Ở một chừng mực nào đó, họ được chủ tịch Liên đoàn Vận chuyển tàu biển ủng hộ, nhưng không nhận được sự ủng hộ của

giám đốc của các bến cảng ở Newport. Chắc chắn là sự xuất hiện của lực lượng lao động không thuộc công đoàn này đã kích hoạt phản ứng mạnh mẽ và có thể là có bạo lực từ phía các công nhân bốc vác Newport. Điều này đã khiến cho thị trường sở tại và lực lượng cảnh sát địa phương rất lo lắng. Họ không đồng cảm với anh em nhà Houlder, nhưng họ ý thức cao độ về trách nhiệm gìn giữ trật tự công cộng, và không chỉ đơn thuần lo lắng bởi viễn cảnh xảy ra sự đổ vỡ lớn mà còn lo sẽ xảy ra sự trả đũa chống lại những người đình công từ phía anh em nhà Houlder. Thái độ của F. H. Houlder, người cộng tác lâu năm của hãng tàu, đã bày tỏ rõ ràng rằng: “Ở Argentina, họ giải quyết việc này dễ dàng hơn nhiều. Họ sẽ sử dụng đại bác và súng máy và bảo vệ hữu hiệu các thần dân của họ”. Sau đó, thị trưởng đã trình lên Bộ Nội vụ và yêu cầu được cung cấp khẩn cấp 300 cảnh sát thủ đô cùng với 300 quân nhân.

Vào thời điểm ấy, cả việc tổ chức của lực lượng cảnh sát lẫn việc phân bổ trách nhiệm pháp lý đối với việc gìn giữ không để xảy ra bạo động dân sự rất lộn xộn và cục bộ. Quân đội chỉ có thể được điều động theo yêu cầu cụ thể của giới chức dân sự có thẩm quyền tại chỗ, điều trên thực tế có nghĩa là thị trưởng là người kiêm nhiệm vai trò chánh án. Vì thế mà giữ chức vụ này có nghĩa là phải gánh vác nhiều trách nhiệm hơn so với các chức vụ chỉ có vai trò trang trí ở địa phương, những trách nhiệm mà nó phải duy trì cho đến tận cuộc bầu cử năm 2000 ở London. Hơn nữa, nếu thị trưởng không kêu gọi sự giúp đỡ của quân đội trong khi nhân sự của lực lượng cảnh sát rất ít (vào lúc ấy, toàn bộ lực lượng cảnh sát cơ hữu của Newport không nhiều hơn 150 người), hẳn là ông phải cầu viện các lực lượng cảnh sát của các khu vực lân cận. “Mọi nguồn nhân lực địa phương đều đã cạn kiệt”. Thị trưởng đã gửi điện tín cho thư ký thường trực của Bộ Nội vụ vào ngày 21 tháng 5, và nhận được điện tín trả lời: “Tôi hứa ngày mai sẽ gửi đến 60 người từ Bristol và 40 từ Merthyr. Và hy vọng là sẽ nhận được 40 từ hạt Glamorgan cùng với cũng khoảng 40 từ hạt Monmouthshire. Nhưng 80 người sau không chắc đến vì ở Cardiff vào ngày mai sẽ diễn ra một cuộc biểu tình và cũng cần đến cảnh sát”.

Tại London, Edward Troup nhận điện tín và thực hiện mọi điều theo những chỉ thị của Churchill với ý thức trách nhiệm cao và điềm tĩnh. Việc gặp mặt Houlder đã có tác động tốt đến Edward Troup, ông đã báo cáo với Churchill: “Nếu ông ta hà hiếp các công nhân bốc vác giống như đã cố lấn lướt tôi, việc công nhân biểu tình là lẽ đương nhiên”.

Báo cáo này được gửi sau khi Houlder đến tận nhà riêng của Troup vào khoảng 10g45 tối. Dường như ông ta đã ăn tối và rất kích động. Vào một, ngày sau khi Troup đã gửi bức điện tín với lời lẽ kiên quyết cho Liên đoàn Vận tải tàu biển: “Bộ trưởng (Churchill) chỉ có thể nhắc lại rằng nếu các ông đưa nguồn công nhân mới vào cảng Newport hoặc đưa họ vào các vũng tàu đậu trong tình hình hiện nay, các ông sẽ phải gánh chịu phần trách nhiệm rất tệ hại”. Tuy nhiên, qua thư ký thường trực của Bộ Chiến tranh, sau khi ông đã thất bại trong việc kích động họ trong dịp nghỉ cuối tuần, Troup đã không nói nhiều (“Nếu kẻ xâm nhập khả kính đổ bộ vào trưa Thứ bảy, Bộ Chiến tranh sẽ được đọc nhiều bức điện tín và sẽ công bố việc đổ bộ vào sáng Thứ hai của họ”), ông đã ra lệnh cho sĩ quan tổng chỉ huy của đội quân đồn trú tại thị trấn Chester tập hợp số lượng binh lính cần thiết trong tư thế sẵn sàng.

Việc triển khai quân đội đã tỏ ra là không cần thiết. Dựa vào sáng kiến trực tiếp của Churchill, và dựa vào kinh nghiệm của ông rút ra được từ khi còn làm việc ở cơ quan cũ, một chuyên gia hòa giải của Bộ Thương mại (Mitchell) đã được phái đến Newport, và cuộc họp bốn bên ở tòa thị chính (gồm Churchill, Mitchell, giới chủ và các công nhân) đã thiết lập được sự ổn định trong vòng khoảng sáu giờ từ khi ông đến. Giống như một nhân vật tiểu tư sản trong một bức tranh biếm họa, Houlder đã không công nhận kết quả của cuộc họp bốn bên và vẫn chuẩn bị cho việc đưa các công nhân mới vào cảng. Tuy nhiên, ông đã bị cô lập thỏa đáng để phải nhượng bộ, và sự căng thẳng đã giảm vào ngày 24 tháng 5. Newport đã trải qua thời điểm náo động nhất của nó kể từ vụ bạo loạn của những người theo phong trào Hiến chương (chartist riot) tại đây vào năm 1839, và Bộ Nội vụ của Churchill đã thực hiện vai trò một cách kiên quyết và

xuất sắc. Gó lẫn vị bộ, trưởng Nội vụ đã “sâu sát hơn” khi thực hiện nhiệm vụ, và có thể ông còn kiên quyết hơn nữa nếu không dời nước Anh để đi nghỉ trong dịp Lễ Hiện xuống (Whitsun Holiday, một trong những ngày lễ của người Ki-tô giáo) tại Thụy Sĩ và Venice vào ngày 21 tháng 5. Những liên lạc sau đó của ông như sau: “Những bức điện tín được gửi cho tôi vào ngày mai sẽ đến với tôi tại khách sạn Grand Hotel ở Goschenein... Chúng tôi sẽ không đến Venice trước Thứ tư”. Sự thường xuyên thay đổi cảnh quan của ông là điều bất di bất dịch. Nhưng năng lượng của ông không dồn vào những điều kém quan trọng mà dồn vào nghệ thuật quản lý nhà nước và dồn vào đối sách của thư ký thường trực của ông đang ở London (là người điều hành mọi công việc dựa vào sự chỉ đạo tổng quát của ông). Và ở một chừng mực nào đó còn do ông truyền cảm hứng. Thế nên không thể lên án ông là quá phấn khích hoặc hiếu chiến.

Tonypandy, một thị trấn mỏ ở Rhondda cách Newport 25 dặm, càng mang tiếng xấu nhiều hơn trong lịch sử tranh chấp công nghiệp và là nơi làm ô danh Churchill. Có một số người cho rằng đó là vì nó là một trong vài địa danh mang tên gọi của người Xứ Wales mà người Anh nhận thấy dễ phát âm (dù cách phát âm của tên gọi “Newport” cũng chẳng khó khăn gì), và nó thường được phát âm sai vì đúng ra chữ “o” phải được phát âm dài hơn. Có lẽ vì nó là trung tâm của những cộng đồng công nghiệp cung cấp nguyên liệu nổi tiếng, nơi mà từ khoảng năm 1840 trở đi sự khai thác những vỉa than hàm lượng cao đã làm thay đổi một khu đất rộng 45 dặm (cho đến lúc ấy còn là một khu rừng hiểm trở chạy dài từ Đông Carmarthenshire qua Glamorgan đến khoảng giữa Monmouthshire).

Vào đầu tháng 11 năm 1910, một tranh chấp phức tạp về mức lương cân xứng với mức độ khó hoặc dễ khi khai thác các vỉa than đã nổ ra ở các vùng thung lũng Rhondda và Aberdare. Nó dẫn đến cuộc đình công của khoảng 25 ngàn người (bằng 1/10 tổng số công nhân mỏ than ở vùng mỏ miền bắc Xứ Wales). Điều này dẫn đến căng thẳng ở nhiều mỏ than địa phương, và cuối cùng là một vụ việc tương đối nghiêm trọng, các cửa hàng ở trung tâm Tonypandy bị đập cửa kính và ăn trộm. Việc này bắt đầu từ đêm thứ hai ngày 7 tháng 11. Và

dù, theo báo cáo của Churchill trình lên nhà vua, cảnh sát trưởng của Glamorgan chỉ huy không dưới 1.400 nhân viên cảnh sát, một lực lượng lớn khi so với lực lượng ở Newport, ông vẫn trực tiếp yêu cầu lực lượng phía nam tăng viện. Ở đây có nhiều điểm đáng nói. Thứ nhất, vì các công nhân mỏ than ngày càng (nhất là trong năm 1926) được xem là những chiến sĩ gan lì trong giới công nhân công nghiệp, thế nên vì một mối quan hệ cộng sinh nào đó lực lượng cảnh sát ở hạt Glamorgan thâm nhiễm một số đặc điểm của các lực lượng chống đối. Tuy nhiên, xét từ việc viên cảnh sát trưởng phải cầu viện có thể thấy rằng lực lượng cảnh sát của hạt Glamorgan không mạnh mẽ như bề ngoài của họ.

Điểm đáng quan tâm thứ hai là tại sao cảnh sát trưởng ở Glamorgan lại có thể trực tiếp cầu viện lực lượng phía nam trong khi cảnh sát trưởng ở Newport lại phải thông qua thị trưởng và Bộ Nội vụ. Một phần của câu trả lời là quyền lực của thị trưởng và hội đồng thành phố không bao trùm trên Rhondda, nơi thực ra chỉ là một quận lỵ bé nhỏ, và một phần vì cảnh sát trưởng của các hạt là “quý tộc” còn cảnh sát trưởng ở các thị xã chỉ là “những tay chơi”. Và trong khoảng thời gian trước năm 1914, thậm chí là trước năm 1939, các quý tộc ở Anh có quyền hạn lớn hơn rất nhiều so với thời gian sau này.

May mắn là Nevil Macready, vị tổng chỉ huy lực lượng, là một người rất biết điều, ông muốn hợp tác với chủ trương thận trọng hơn của Bộ Nội vụ. Lực lượng bộ binh đến từ vùng đồng bằng Salisbury, lúc đầu dừng chân ở Swindon theo lệnh của Churchill, và lực lượng kỵ binh chỉ được phép bố trí ở Cardiff, cách nơi có thể xảy ra xung đột một quãng đường. Sau đó không lâu, Churchill cho phép kỵ binh tiến vào Pontypridd, nơi tiếp giáp của hai thung lũng Aberdare và Rhondda.

Tuy nhiên, vì cuộc bạo loạn kéo dài đã nhiều ngày đêm gây hư hại cho 63 cửa hàng và có một người đã bị giết (nhưng chỉ là tai nạn trong khi hỗn chiến chứ không phải là do hành động trừng phạt), nên cuối cùng Churchill đã cho phép trung đoàn hỏa mai Lancashire tiến vào thung lũng, nơi mà sau đó họ đồn trú gần một năm. Họ đã không đụng độ với những người biểu tình. Như thế,

cuộc chiến được phát động bởi lực lượng cảnh sát Glamorgan, có sự tăng viện của một số cảnh sát London, với vũ khí là những chiếc áo mưa được cuộn lại, loại vũ khí không thể gây chết người. Đã không xảy ra trường hợp thương vong nghiêm trọng nào, ngoại trừ một người chết trước khi cảnh sát và lực lượng tăng viện đến nơi.

Theo sự phân tích khách quan, chúng ta không thể lên án Churchill là hung hăng hoặc không khoan dung đối với những người thợ mỏ. Thật ra, vào lúc ấy, ông bị chỉ trích vì đã không làm điều ngược lại. Báo *The Times* đã chỉ trích sự thiếu kiên quyết của ông. Tuy nhiên, có nhiều cách công kích mà một số chính khách, cho dù họ có tội như đã bị lên án hay không, dễ bị tổn thương khác thường vì chúng nhắm vào tính cách và hành vi của họ. Vì thế, việc kết tội Lloyd George là thủ đoạn, Baldwin là bê trễ, hoặc Hugh Dalton là không thận trọng sẽ bám mãi vào thanh danh của họ giống như một vết dầu dính vào bộ com-lê trắng. Và ở Churchill luôn có sự nôn nóng nên người ta dễ cho rằng ông ham quyền lực, thiếu tinh thần trách nhiệm và quá nóng vội.

Điều khác biệt giữa Churchill và Asquith là việc ra chỉ thị. 17 năm trước, trong năm thứ hai ở cương vị bộ trưởng Nội vụ, Asquith đã phải giải quyết một vấn đề liên quan đến trật tự công cộng rất giống với vụ việc ở Tonypandy. Một cuộc biểu tình của công nhân mỏ ở Yorkshire đã dẫn đến tình trạng hỗn loạn tại một số mỏ than gần thị trấn Wakefield. Các quan tòa địa phương đã yêu cầu tăng viện. Asquith đã gửi đến cho họ 400 cảnh sát thủ đô. Tình hình tiếp tục xấu đi và các quan tòa đã yêu cầu quân đội chi viện. Asquith đã ngập ngừng tán thành việc triển khai một trung đội bộ binh. Vào khoảng ngày thứ tư, ở mỏ than Featherstone, dưới áp lực ngày càng đáng sợ của đám đông công nhân, họ đã nổ súng và hai thường dân chết. Suốt một khoảng thời gian sau đó, Asquith nhiều lần bị chống đối tại những cuộc biểu tình. Lời mắng nhiếc ông thường có nội dung là: “Tại sao ông lại giết những công nhân mỏ ở Featherstone trong năm 1892?”. Ông thường điềm tĩnh, trả lời một cách rạch ròi: “Năm 1893 chứ không phải 1892”. Nhưng vụ việc Featherstone không bám dai dẳng vào danh tiếng của

ông như là vụ việc ở Tonypandy đối với Churchill. Trái lại, chủ trương “chờ xem (wait and see)” của Asquith trong tháng 3 năm 1910 thì lại khác. Thật ra, ông sử dụng cụm từ “wait and see” là để nói đến chủ trương của ông đối với một “dự luật phủ quyết” chứ không phải là thái độ chần chừ trước dấu hiệu của sự đe dọa. Thế nhưng về sau cụm từ này lại được đưa vào những công việc thường nhật để diễn tả sự lè mề của ông. Churchill không bao giờ bị chê trách là lè mề mà thay vào đó, ông bị chỉ trích là nhảy chồm vào vụ việc trước khi biết rõ nó.

Hành động phiêu lưu ở Phố Sidney, xảy ra khoảng sáu tuần sau-vụ Tonypandy, là một sai lầm lớn của Churchill. Khi nhìn lại vụ việc, nó khẳng định sự thiếu thận trọng của ông. Điều này được củng cố bởi sự liều lĩnh hơn của ông trước trào lưu tranh chấp công nghiệp đang đồng hành với khủng hoảng hiến pháp và thời tiết oi bức nhất trong thế kỷ đang đè nặng lên nước Anh trong mùa hè 1911. Bắt đầu là cuộc đình công của thủy thủ và lính cứu hỏa vào giữa tháng 6. Nhưng cuộc đình công này đã tự kết thúc tương đối nhanh và kết quả thuận lợi cho những người đình công. Những cuộc tranh luận ủng hộ và phản đối, chủ yếu là trên vấn đề vận chuyển loại hàng hóa nào đó, kéo dài suốt tháng 7 và tháng 8. Khi nó lên đến đỉnh điểm vào ngày 18 tháng 8, công nhân thuộc hệ thống đường sắt quốc gia đã kêu gọi thực hiện một cuộc đình công lớn vào chiều hôm sau. Churchill, cho đến tận thời điểm ấy và có lẽ là đã bị thôi thúc bởi Troup, đã hành xử với mức độ cẩn thận như ông từng chứng tỏ trong năm 1910, vào giai đoạn khi mà mọi việc đã trở nên quá đà.

Tình hình ở hạt Merseyside, nơi mà cuộc đình công của các công nhân bốc xếp kéo dài hơn cuộc đình công ở London, đã trở nên căng thẳng. Thị trường của Liverpool và thị trường của Birkenhead đã yêu cầu được tăng viện không chỉ là binh lính mà cả một tàu chiến ở Mersey (để làm gì không rõ). Churchill đã chuẩn bị cung cấp cả hai. Kết quả là xảy ra một vụ nổ súng nhỏ vào ngày 14 tháng 8 với tám người bị thương, không có người chết.

Có những trường hợp kích động diễn ra khắp nơi. Bá tước Derby, khi ấy là một yếu nhân ở địa phương, đã viết cho Churchill rằng: “Trong 48 giờ, tất cả

những người nghèo sẽ phải đối diện với sự thiếu ăn, và chỉ có Chúa mới biết được điều gì sẽ xảy ra vào thời điểm ấy”. Vào ngày hôm sau, Vua George V đã gửi điện tín cho Churchill với nội dung: “Các báo cáo gửi đến từ Liverpool cho thấy rằng tình hình ở đó giống với một cuộc nổi loạn hơn là đình công”.

Khi cuộc đình công ở ngành đường sắt sắp xảy ra, Churchill đã tạm giải tỏa luật quy định rằng quân đội chỉ được phép triển khai (vì vấn đề an ninh trật tự ở địa phương và trong quan hệ công nghiệp [quan hệ giữa giới chủ và người làm công]) khi có yêu cầu cụ thể của người lãnh đạo chính quyền địa phương. Không lâu sau đó, khu vực tranh chấp đã trở thành một doanh trại quân đội. Có nhiều tiểu đoàn tiến vào Công viên Hyde, và thật tai hại cho danh tiếng của Churchill trước những tờ báo cực đoan, họ chiếm tất cả mọi ga xe lửa ở Manchester dù không có yêu cầu của thị trưởng địa phương. Điều này đã tạo ra sự bất mãn ở C. P Scott, người biên tập toàn quyền của tờ *Manchester Guardian* mà cho đến lúc ấy là người ít ủng hộ Churchill nhất. Khi cuộc đình công của ngành đường sắt đã nổ ra, hai chính khách cấp tiến hàng đầu của chính phủ đã dồn hết tâm trí vào hai vai trò khác nhau, Lloyd George thì hòa giải còn Churchill thì đe dọa. Churchill đã gửi điện tín cho nhà vua vào ngày 18 tháng 8: “Bây giờ cuộc đình công ở ngành đường sắt phải được giải quyết”.

Có thể là có người cho rằng đây là cách triển khai hoạt động thận trọng và thông minh của những nhân vật xuất chúng tương ứng. Vai trò của Lloyd George mang tính xây dựng nhiều hơn. Ông đã dàn xếp ổn thỏa vụ đình công (chủ yếu là buộc các công ty hỏa xa lớn, lúc ấy có chín công ty như thế, phải công nhận và điều đình với các công đoàn) vào ngày 20 tháng 8, trong khi Churchill ra sức hăm dọa. Trong một bài diễn văn đọc tại Hạ viện để biện minh cho những hành động của mình trong ngày thứ 22, ông nói về một mối đe dọa với lời lẽ giống ngôn từ trong sách Khải huyền (sách nói về ngày tận thế): “Trong các thành phần quan trọng gồm tổ chức công nghiệp tại Liverpool và Manchester ở phía tây đến Hull và Grimsby ở phía đông, từ Newcastle xuống đến Birmingham và Coventry ở phía nam..., sự thoái hóa nhanh chóng và không tránh khỏi của mọi

phương tiện, của mọi cơ cấu xã hội và kinh tế, mà cuộc sống của dân chúng lệ thuộc vào”. Ông đã so sánh mối đe dọa với vết nứt ở đập ngăn nước Nimrod vĩ đại trên sông Euphrates dẫn đến việc “sự sống của vô số cư dân sống bên cạnh phương tiện nhân tạo ấy bị quét sạch hoàn toàn”.

Đây là một phép ngoa dụ được cường điệu quá đáng, xứng hợp với những vần thơ trào phúng tuyệt vời trước kia của G. K. Chesterton trong bài thơ có tựa đề “Đủ rồi đấy, ngài Smith” (Chuck it! Smith) chế giễu tuyên bố của một người bạn của Churchill là F. E. Smith (về sau là bá tước Birkenhead) rằng Dự luật Giải tán Giáo hội Xứ Wales “phản lại lương tâm của mọi cộng đồng Kitô giáo trên khắp châu Âu”. Asquith không thích việc sử dụng ngoa dụ. May mắn cho Churchill, dù mọi việc có ra sao vào lúc ấy, tâm trí của ông đã bắt đầu vượt ra ngoài Bộ Nội vụ.

Ngoài lễ đăng quang của nhà vua, không khí giận dữ, những cuộc đình công và sự thất bại của các thượng nghị sĩ, mùa hè năm ấy người Anh còn được chứng kiến sự thay đổi của tình hình quốc tế. Vào ngày 1 tháng 7, một tàu chiến của Đức đã xuất hiện ngoài khơi hải cảng Agadir của Maroc, một vị trí được người Pháp rất quan tâm và cho rằng nó nằm ở một quốc gia thuộc quyền bảo hộ của họ. Chiếc tàu chiến này không bao giờ khai hỏa, và cũng chẳng có dấu hiệu nào cho thấy nó dự định làm như thế. Việc nó được đưa đến Agadir chỉ là một hành động khiêu khích nhắm vào nước Anh hơn là người Pháp. Họ đã nhanh chóng công nhận Pháp là cường quốc châu Âu thống trị Maroc.

Nước Anh nhạy cảm một cách khác thường trước mọi khiêu khích về hải quân. Ít nhất là từ thời tử tước Palmerston (làm thủ tướng từ 1855 đến 1858 và 1859 đến 1865), việc dùng tàu chiến để đe dọa hầu như là hành động độc quyền của nước Anh. Không hề có dấu hiệu cho thấy tình trạng dân chúng bị kích động có thể sánh với tâm trạng kích động do Benjamin Disraeli xúi giục trong năm 1878. Nhưng tác động của vụ việc này trên một số chính khách, nhất là Churchill, là rất nghiêm trọng. Sau vụ Agadir, ông không còn nghĩ đến những bài diễn văn tương tự bài diễn văn ôn hòa đọc tại thành phố Swansea trong tháng

8 năm 1908 hoặc những bài diễn văn được đọc khi liên minh với Lloyd George chống lại những bản kê giá trang bị hải quân của McKenna trong năm 1909.

Tuy nhiên, sự thay đổi trong năm 1911 của ông đã không dẫn đến sự bất hòa ngay với Lloyd George. Thay vì thế, Churchill còn góp phần kêu gọi vị bộ trưởng Tài chính đưa vào bài diễn văn hàng năm đọc trước các nhân vật lãnh đạo tài chính tại tòa nhà thị trường lời cảnh báo mạnh mẽ về nước Đức. Đây là một điều đáng kinh ngạc ở Lloyd George vào lúc ấy và là dấu chỉ của chủ trương kiên quyết tăng cường sức mạnh quân sự của ông 5 năm sau đó. Lloyd George thường nói: “Tôi sẽ thực hiện những hy sinh lớn lao để bảo vệ hòa bình”.

Những lợi ích mang tính sống còn của nước Anh bị ảnh hưởng ra sao trước sự kiện ở Maroc có lẽ là điều còn phải bàn cãi. Nhưng tầm quan trọng của bài diễn văn này là điều không thể nghi ngờ. Nó được lĩnh hội trọn vẹn và gây ra sự phản nộ ở Berlin khi được đọc bởi vị bộ trưởng từng được xem là người “yêu chuộng hòa bình hàng đầu”. Sự kiện Agadir tác động đến Churchill còn mạnh mẽ hơn đối với Lloyd George. Từ lúc ấy trở đi, tâm trí của Churchill không lúc nào là không nghĩ đến vấn đề quân sự (bao gồm cả vấn đề hải quân) cho đến tận thập niên 1920. Nó chiếm lĩnh tâm trí của ông suốt 13 tuần còn lại trong cương vị bộ trưởng Nội vụ. Lúc đầu là sự tương ứng tự nhiên giữa các trách nhiệm của cơ quan ông và sự quan tâm của ông trên vấn đề quân sự. Vì sự bất ổn giữa các ông chủ và công nhân trong các ngành công nghiệp, và có lẽ là với chút ít nhiệt tình thái quá, ông đã gửi quân đội đến nhiều nơi trong nước. Tuy nhiên, khi sự bất ổn công nghiệp giảm dần vào cuối tháng 8, tâm trí của ông vẫn không quay về với công việc dân sự của Bộ Nội vụ. Đã từ lâu ông luôn quan tâm đến vấn đề quân sự, cho dù lúc nhiều lúc ít. Điều này đã được biểu hiện qua việc ông thích dàn trận với những chú lính chì từ lúc còn rất nhỏ, dù có nhiều người cũng như thế nhưng về sau lại không có nhiệt tình về quân sự như ông. Kể đó nó được biểu hiện qua việc ông quyết định tháo tung mọi chiến dịch của nhà vua khi có thể được, và qua việc ông tìm cách dành thời gian vào những lúc bận rộn đầu mùa hè trong cương vị bộ trưởng cho tuần diễn tập quần sự hàng năm với trung

đoàn kỵ binh Oxfordshire Hussars. Các doanh trại của trung đoàn kỵ binh này thường được thiết lập ở nơi thuận tiện là công viên của lâu đài Blenheim, và đã có vài người thắc mắc (bao gồm cả Clementine Churchill) là liệu việc những doanh trại này mang lại cho Churchill cơ hội uống rượu như hũ chìm và chơi bài với mức đặt cược cao với F. E. Smith và những quan chức ít nổi tiếng khác có mức độ hấp dẫn ông ngang với việc chúng tạo cơ hội được đào tạo quân sự hay không.

Tuy nhiên, hẳn là phu nhân Churchill không nghi ngờ việc Churchill say mê binh pháp. Vào ngày 31 - 5 - 1909, từ một doanh trại như thế, ông đã viết thư cho bà sau ngày hành quân mà trong đó những vị chỉ huy kỳ cựu bị ông xem là quá kém cỏi:

Em có biết không, anh đã rất thích thú khi được thực hành việc chỉ huy những lực lượng lớn. Anh rất tin tưởng vào khả năng của bản thân trong việc phán đoán mọi điều khi nhìn thấy rõ, nhưng không có điều gì làm cho anh tin tưởng hơn là các bài tập phối hợp chiến thuật. Anh biết rằng nói như thế thì thật ngớ ngẩn và rỗng tuếch, nhưng em không nên cười nhạo. Anh biết là anh đã hiểu rõ được điều cơ bản của vấn đề, và anh không lo sợ việc kiến thức cơ bản ấy không có cơ hội phát triển trọn vẹn.

Khát vọng trở thành Napoleon nhìn chung bị kiềm chế nghiêm ngặt trong hành trình đến với chủ trương cấp tiến của ông. Nhưng nó luôn hiện diện âm ỉ. Và vụ việc Agadir cùng với sự thay đổi ở cách nhìn nhận hiểm họa đến từ người Đức, cho dù đúng hay sai, đã giống như nụ hôn của chàng hoàng tử đặt lên môi “nàng công chúa ngủ trong rừng”.

Trong tập đầu của tác phẩm *The World Crisis* (có lẽ là các hồi ức đã được sửa lại đôi chút), Churchill đã mô tả sự sôi nổi trong phòng của Edward Grey vào ngày 25-7-1911.¹⁶ Ông và Lloyd George đã được triệu hồi vội vàng trong

khi đang tản bộ tại công viên St James để gặp ngoại trưởng: “Câu nói đầu tiên của ông ta (Edward Grey) là: Tôi vừa nhận được thông báo cứng rắn của đại sứ Đức nói rằng hạm đội của chúng ta có thể bị tấn công vào bất cứ lúc nào. Tôi đã gửi thông báo này cho McKenna để cảnh báo ông ta”. Từ lúc ấy, Churchill thay đổi hẳn. Vấn đề an ninh quốc gia hoàn toàn chiếm lĩnh tâm trí của ông gần như là một nỗi ám ảnh. Trong vòng vài ngày, ông đã tổ chức một lực lượng cảnh vệ đặc biệt để bảo vệ các kho chứa chất nổ hải quân ở London. Trong ba tuần căng thẳng về chính trị và công nghiệp, ông đã biên soạn và gửi đến các thành viên của Ủy ban Quốc phòng Hoàng gia một thư báo quan trọng. Trong đó, ông công bố và phác họa trước diễn biến khả dĩ của cuộc chiến. Giả định cơ bản của ông là nước Anh sẽ liên minh với Pháp và hai cường quốc phương Tây này sẽ nhận được sự hậu thuẫn của Nga trong một cuộc chiến liên lục địa chống lại nước Đức và đồng minh của họ là Áo và Hungary. Vì có lực lượng quân đội lớn hơn Pháp (2,2 triệu so với 1,7 triệu) với phẩm chất ít nhất là tương đương, Đức có thể sẽ giành thế chủ động bằng cách tiến quân xuyên qua nước Bỉ. Vào ngày thứ 20, quân Đức sẽ bẻ gãy phòng tuyến Meuse và quân Pháp sẽ bị đẩy lùi ra khỏi Paris và miền nam, quân Anh hẳn sẽ giúp tái lập thế cân bằng qua việc gửi ngay lực lượng thường trực gồm 107 ngàn quân (rất chính xác) đến Pháp và điều động 100 ngàn quân đang đóng ở Ấn Độ (quân của Anh chứ không phải của Ấn Độ), cánh quân sẽ đến Marseilles vào ngày thứ 40. Đến lúc ấy, quân Pháp có thể hy vọng thay đổi tình hình, (thật ra, trận đánh ở Marne, một trong những trận đánh giúp xoay chuyển tình thế quan trọng nhất trong lịch sử thế giới, đã diễn ra từ ngày 6 đến ngày 10 tháng 9 năm 1914, vào khoảng giữa ngày thứ 37 và 41 tính từ ngày Pháp bắt đầu điều động quân).

Tài liệu quan trọng này rõ ràng là công trình do chính Churchill thực hiện toàn bộ. Ngoài những điều khác, không có bất cứ quan chức nào trong Bộ Nội vụ có đủ kiến thức cần thiết hoặc bốn phạm để có thể giúp ông trong việc chuẩn bị. Rất khó đánh giá tác động trực tiếp của tài liệu này. Không có văn bản nào trực tiếp hưởng ứng nó. Có lẽ là phần lớn các thành viên của Ủy ban Quốc

phòng Hoàng gia sau khi đọc kỹ đều sẽ gạt bỏ, cho dù họ khá dễ tính, giống như một thí dụ khác khi “Winston quá phấn khích”. Tuy nhiên, đây không phải là một hành vi ngông cuồng chỉ xảy ra một lần. Trong khoảng thời gian bốn tuần sau đó, ông đã gửi những bức thư quan trọng bàn về chính sách ngoại giao và quân sự cho Grey (30 tháng 8), Lloyd George (32 tháng 8), Asquith (1 tháng 9), McKenna (cũng vào ngày 1 tháng 9) và Lloyd George một lần nữa (14 tháng 9).

Qua đó có thể thấy rằng những mối quan tâm của Churchill đã thay đổi trước khi ông thay đổi chức vụ. Churchill biết rằng Asquith, sau những náo động liên quan đến tranh chấp công nghiệp trong tháng 8, đã nhắm đến việc tìm một người điềm tĩnh hơn để đưa vào chức vụ bộ trưởng Nội vụ thay ông. Ông không bận tâm, miễn là nhận được một chức vụ thay thế mà mình thích. Đó là chức bộ trưởng Hải quân. Đây không phải là một tham vọng quá đáng, vì cho dù Bộ Hải quân có những đặc quyền quan trọng đặc biệt, nó vẫn không phải là một bộ cao cấp hơn Bộ Nội vụ. Thật ra đây hầu như là một sự giáng cấp nhỏ. Và dù sao đi nữa thì ông cũng đã được đề nghị bán chính thức giữ chức bộ trưởng Hải quân trong năm 1908 và đã yêu cầu được giữ nó (giống như đối với chức bộ trưởng Nội vụ) trong năm 1910. Nhưng trong năm 1911, khi Asquith muốn cải tổ Bộ Hải quân, cũng như muốn Bộ Nội vụ bình lặng hơn, ông phải quyết định ai là người có thể thực hiện sự cải tổ ấy.

Mục tiêu chính của cuộc cải tổ này là tạo ra một ban tham mưu chiến tranh ở Bộ Hải quân, giống như ban tham mưu ở Bộ Chiến tranh, và làm cho các chỉ huy trưởng hợp tác chặt chẽ hơn với các đơn vị khác thay vì hoạt động riêng rẽ trong tinh thần tự mãn. Một trong những công cụ hiển nhiên để làm việc này là Haldane, người từng thực hiện chính công việc này tại Bộ Chiến tranh. Ngoài ra, ông còn là người bạn cũ của thủ tướng trên chính trường. Nhưng như nhiều thí dụ đã cho thấy, đó không phải luôn là phẩm chất tốt nhất để được đề bạt. Những bất lợi chính của Haldane gồm (1) ông đã trở thành quý tộc trong mùa xuân trước và người ta cho rằng, ít nhất là theo quan điểm của Churchill, chức vụ quan trọng như thế phải do thành viên của Hạ viện nắm giữ, (2) việc Haldane

được chuyển trực tiếp từ Bộ Chiến tranh sang vị trí ấy sẽ gây khó khăn cho hải quân trên tiến trình hướng đến việc tổ chức lực lượng theo tiêu chuẩn mới, (3) và quan trọng hơn hết là Churchill đã tỏ ý muốn giữ vị trí này.

Trong kỳ nghỉ cuối cùng kéo dài trước khi tậu dinh cơ riêng tại làng Sutton Courtenay bên cạnh sông Thames, Asquith nghỉ ngơi tại Archerfield gần thị trấn North Berwick ở một ngôi nhà mượn của một trong những người em rể. Ông đã mời vợ chồng Churchill đến ở cùng vài ngày vào cuối tháng 9. Haldane có nhà riêng tại làng Cloan thuộc hạt Perthshire và hiểu được tầm quan trọng của chuyến đi đến gặp thủ tướng. Những mô tả của ông về các sự kiện đã tạo ra ấn tượng về sự ganh đua hầu như là vật chất trong cuộc cạnh tranh. Haldane viết rằng: “Lúc tôi bước trên lối vào, tôi thấy Winston Churchill đứng ngay cửa. Tôi đoán là ông ta đã nghe nói về những thay đổi sắp đến và đã đến gặp thủ tướng ngay. Giống như tôi đã nghĩ. Churchill đã nài nỉ để được về Bộ Hải quân... Rõ ràng là Churchill đã thôi thúc thủ tướng. Tôi về Cloan và trở lại vào hôm sau. Churchill vẫn còn ở đó, và thủ tướng đã đưa tôi cùng với ông ta vào một căn phòng”.

Haldane đã nói đúng về việc Churchill rất muốn về Bộ Hải quân, nhưng phần ông mô tả việc Churchill gần như là quấy rầy thủ tướng là một phản ứng cho thấy sự thất vọng của ông hơn là mô tả đúng sự thật. Asquith, người chưa từng làm cho Churchill phải khiếp sợ và thường cười đùa với Churchill, không thể nào mời Churchill ở lại vào thời điểm ấy nếu không dự định mời Churchill nhận vị trí ấy. Việc đưa cả hai vào phòng riêng là một thủ đoạn điển hình của Asquith, và cách làm này khá thành công. Họ đã thiết lập một tạm ước (*modus Vivendi*). (Nếu Bộ trưởng Chiến tranh và Bộ trưởng Hải quân hăm hực với nhau thì họ không thể nào hợp tác tốt trong tiến trình cải tổ). Họ đã hợp tác tốt với nhau cho đến khi Haldane trở thành người đứng đầu Thượng viện vào năm sau.

Về sau họ đều trở thành nạn nhân của một lệnh khai trừ ra khỏi chính phủ của Đảng Bảo thủ như là một điều kiện để thành lập Liên minh Chiến tranh đầu tiên trong năm 1915. Haldane đã bị loại bỏ hoàn toàn. Churchill bị giáng cấp

ngghiêm trọng. Thật mỉa mai khi hai bộ trưởng của hai bộ này (hai người đã làm được nhiều điều hơn bất cứ ai khác trong việc chuẩn bị cho chiến tranh), lại bị loại bỏ bởi một đảng lên án mạnh mẽ việc chuẩn bị cho cuộc chiến. Một điều mỉa mai khác nữa là Haldane, trước kia từng theo nhóm Bảo hoàng Tự do (Liberal Imperialists: một phái thuộc Đảng Tự do được thành lập vào khoảng năm 1900 vì không tán thành thái độ lãnh đạm của người lãnh đạo đảng trên vấn đề cuộc chiến ở Boer, những người lãnh đạo của nhóm Bảo hoàng Tự do là Rosebery, Grey và Haldane) và là một thành viên hữu khuynh hơn trong chính phủ của Asquith, lại trở thành thành viên Công Đảng đứng đầu Thượng viện trong năm 1924, và vào cuối năm này, Churchill, cộng sự của Lloyd George trong chủ trương cấp tiến về quân sự trong khoảng thời gian 1905 - 1911, trở thành bộ trưởng Tài chính thuộc Đảng Bảo thủ.

Chương 11

NGƯỜI LÃNH ĐẠO HẢI QUÂN HOÀNG GIA

Bộ Hải quân ngoài việc mang lại cho Churchill sự hưng phấn vì được chỉ huy những lực lượng lớn còn là nơi ông được hưởng hai đặc quyền. Thứ nhất là trụ sở của Bộ Hải quân, một dinh thự hàng đầu ở phố Whitehall, bộ trưởng Hải quân cùng với thủ tướng, bộ trưởng Tài chính và chủ tịch Thượng viện, là bộ tứ được sở hữu trụ sở chính thức, và xét từ một số mặt, trụ sở của Bộ Hải quân là tốt nhất trong số bốn dinh cơ này. Thứ hai là du thuyền của Bộ Hải quân, một du thuyền sang trọng được trang bị tốt, có tải trọng 4.000 tấn và thủy thủ đoàn gồm 196 người, với tên gọi yêu kiều là (dưới thời Churchill) Enchantress (Đại mỹ nhân) như thế nó được dành riêng cho Churchill. Trong gần ba năm thời bình trong cương vị là Bộ trưởng Hải quân, ông đã dành ra tổng cộng tám tháng sống trên du thuyền này để đi thị sát từng con tàu và từng phương tiện của hải quân ở Địa Trung Hải cũng như ở hải phận nước Anh. Ông thực hiện phần lớn công việc giấy tờ trên thuyền, và sử dụng du thuyền để đi ngắm cảnh trong những dịp nghỉ lễ dài ngày, đôi khi cùng với thủ tướng và một nhóm người thân cận được chọn lọc của thủ tướng.

Churchill đã trở nên gắn bó với cơ quan mới và phương tiện mới đến nỗi không còn hứng thú nhiều với hoạt động chính trị chung và công việc của các bộ trưởng khác (khác với thời ông còn là bộ trưởng Thương mại hoặc bộ trưởng Nội vụ). Tuy nhiên, ở đây có một ngoại lệ, đó là cuộc tranh cãi về Dự luật Ireland Tự trị (Home Rule) và sự đổ vỡ hiến pháp do dự luật này gây ra, một chủ đề tồn đọng từ rất lâu và Churchill rất tích cực tham gia (đôi khi rất hung hăng

muốn áp đặt quan điểm của mình, đôi khi theo chiều hướng thỏa hiệp).

Điều đáng ngạc nhiên là mãi 18 tháng sau khi được phép tùy ý sử dụng dinh thự của Bộ Hải quân, gia đình Churchill mới vào sống trong đó. Đây là dinh thự miễn phí phần nào, nghĩa là khi vào sống trong đó, lương của Churchill từ mức “khiêm tốn” là 2.500 bảng của thứ trưởng Thương mại tăng lên 5.000 bảng nhưng bị khấu trừ 500 bảng như là khoản tiền thuê nhà có tính cách chiếu lệ nhưng không thể phớt lờ (500 bảng thuở ấy tương đương với 2.500 bảng hiện nay). Việc lau chùi tòa nhà to lớn này cần đến 12 người phục vụ. Có lẽ ngoại trừ lương của người gác cổng, tiền chi trả cho số người phục vụ trong nhà được trích từ công quỹ, giống như chế độ dành cho các công thự khác. Và vợ chồng Churchill, mới kết hôn ba năm trước, hơi khó khăn về tài chính. Khoản tiền lớn ông kiếm được trong khoảng thời gian 1900-1901, cho dù có sự bảo trợ của chủ ngân hàng Ernest Cassel, đã cạn kiệt trong những năm còn là nghị sĩ và bộ trưởng cấp thấp. Và cho dù trong thập niên 1920 ông đã triệt để khai thác ngòi bút của mình, cả khi làm việc trong chính phủ lẫn khi ở ngoài, ông vẫn không kiếm được nhiều tiền khi là một bộ trưởng thuộc Đảng Tự do. Ông thu được một lượng nhỏ tiền tác quyền từ những quyển sách trước kia. Nhưng bên cạnh chúng và những khoản cổ tức khác, ông vẫn phải sống chật vật bằng tiền lương, khoản tiền mà đối với ông không bao giờ đủ dùng. Dù chưa bị phá sản nhưng Churchill luôn phải chống chọi với rất nhiều chi phiếu chưa được thanh toán. Churchill không bận tâm lắm đến tình trạng này. Nhưng Clementine thì khác. Bà rất ghét nó, và càng căm ghét hơn nữa khi nghĩ rằng vấn đề trầm trọng thêm do bị thua bạc những khoản mà họ không thể trả. Bà là một người vợ rất thông minh nên không than phiền nhiều, nhưng luôn là một sức mạnh buộc Churchill phải thận trọng và tiết kiệm.

Sau tuần trăng mật trở về, họ ở tạm trong căn hộ độc thân nhỏ bé của Churchill ở phố Bolton bên ngoài khu vực Piccadilly. Sau đó, đầu năm 1909 họ thuê một căn nhà (trong 18 năm) ở số 33 Quảng trường Eccleston và đến sống vào tháng 5 năm đó sau khi thỏa thuận ổn thỏa việc trang hoàng lại và đã thanh

toán được một phần tiền thuê. Căn nhà dù không được thanh lịch nhưng nằm trong một khu vực rộng lớn và thuận tiện. Nó được xây dựng trên khu đất phần lớn bị bỏ hoang cho đến năm 1835, và vẻ ngoài cũng khá hoang sơ. Tuy nhiên, khi gia đình Churchill tậu lại ngôi nhà ở đó, với một tầng hầm và bốn tầng lầu, nó quá khang trang khi chỉ dành cho một gia đình. Nó có nơi dành cho những môn giải trí cần đến khoảng không gian trung bình, và ít nhất là có một tiện nghi đặc biệt. Đó là một thư viện rộng lớn ở lầu một (hai phòng được phá tường để nhập thành một) do Churchill trang bị cho chính ông. Ở đó cũng có không gian dành cho trẻ em, nơi chào đời của hai đứa con đầu của vợ chồng Churchill, Diana trong tháng 7 năm 1909 và Randolph trong tháng 5 năm 1911.

Diana có rất nhiều gia đình đỡ đầu mà người đứng đầu là công tước Marlborough. Randolph có ít cha mẹ đỡ đầu hơn, nhưng hai người cha đỡ đầu của cậu lại thiên về hoạt động chính trị. Trong số những gia đình đỡ đầu không thể không có F. E. Smith và Edward Grey, những người mà Churchill bắt đầu kết giao mật thiết trong mùa hè 1911. Xét từ hầu hết các mặt, Grey không thể là một người bạn tự nhiên của Churchill, người hầu như đối chọi với Smith về tính cách. Khi họ chuyển đến trụ sở hải quân, Grey đã trở thành người thuê nhà của Churchill ở số 33 Quảng trường Eccleston. Churchill thích ông ta vì cả hai ngày càng hợp ý với nhau hơn trong chính sách ngoại giao “cứng rắn”: Nước Đức là một lò lửa đang cháy ngày càng lớn, và nước Anh phải chuẩn bị chống lại nó bằng cách chiến đấu bên cạnh người Pháp. Churchill còn cho là sẽ có ích khi liên minh với một vị bộ trưởng có tính cách khác hẳn với tập phô trương của ông, và ông rất biết ơn việc Grey đánh giá ông rất cao trong Nội các. Điều này được tóm gọn trong phần tái bút ở bức thư gửi cho Clementine vào ngày 25-6-1911: “Hãy yêu cầu Grey làm cha đỡ đầu, anh chắc chắn đây là một ý tốt và sẽ làm ông ấy rất vui. Ông ấy luôn nói những điều tốt đẹp về anh. Ông ấy rất ngưỡng mộ nhóm những người quen thân của chúng ta. Em nghĩ sao?”.

Churchill là một người cha tận tụy và yêu thương con, dù tham vọng của ông đối với con cái, nhất là Randolph, là quá cao, và quan hệ cha con của ông với hai

người con đầu không gần gũi bằng những đứa con sau, Sarah (sinh vào tháng 10 năm 1914) và Mary (tháng 9 năm 1922). Ngôi nhà ở Quảng trường Eccleston, có khu dành cho trẻ em nằm tách biệt, được chăm sóc bởi một nhóm phục vụ gồm một người nấu ăn và hai người hầu gái so với đội ngũ phục vụ khiêm tốn này thì điều kiện ở dinh thự của Bộ Hải quân xem ra xa hoa quá mức. Điều không được rõ là tại sao họ lại thay đổi suy nghĩ vào mùa xuân năm 1913. Không hề có chứng cứ cụ thể nào trong quan hệ thư tín của họ có thể giải thích điều này. Có khả năng là Churchill luôn muốn chuyển nhà và muốn được hưởng sự lớn lao về mặt lịch sử của dinh thự Bộ Hải quân. Và Clementine hiểu rằng điều tốt nhất bà có thể làm là tìm cách trì hoãn để về sau có thể thỏa hiệp phần nào. Thực tế đã xảy ra đúng như thế. Hai vợ chồng đã thỏa thuận là họ sẽ chiếm dụng dinh thự Bộ Hải quân, ngoại trừ những phòng khánh tiết lớn nhất hoặc tầng chính (điều có thể được xem là làm hỏng phần nào mục đích chuyển nhà), một sự thu nhỏ quy mô cho phép giảm số người phục vụ từ 12 xuống còn 9 người. Clementine đã rất thông minh khi tính toán sao cho vào lúc chuyển nhà thì Churchill đã lênhênh trên tàu của Bộ Hải quân. Và sau đó, một điều khá lạ là dù bà không phải là mẫu người được Asquith ưa thích như cô em chồng Goonie Churchill hoặc cô em ruột Nellie Romilly, thế mà trước khi chuyển nhà bà lại đến nhà của Asquith ở làng Sutton Courtenay. Bà rời khu Quảng trường Eccleston vào một buổi sáng Thứ bảy, bỏ ra hai ngày miệt mài chơi golf với gia đình Asquith và trở về vào Thứ hai để đến ở hẳn trong dinh thự Bộ Hải quân. Trong giai đoạn này, dù Churchill là một người vung tay quá trán, việc tậu một trang viên ở vùng nông thôn là việc làm nằm ngoài suy nghĩ của ông. Và thật ra thì ông cũng không có nhiều thời gian để tìm mua. Vì như sau này ông đã ghi lại trong tập đầu của tác phẩm *The World Crisis*: “Những ngày Thứ bảy, Chủ nhật và tất cả những ngày nghỉ khác, tôi luôn dành thời gian cho các hạm đội ở Portsmouth hoặc Portland, Devonport, hoặc ở trên đội tàu nhỏ ở Harwich. Các sĩ quan thuộc mọi cấp bậc đều lên thuyền để ăn trưa hoặc ăn tối và bàn luận không ngừng về mọi khía cạnh liên quan đến hải chiến và quân trị lực lượng hải quân”. Từ bối cảnh này, xem ra có lẽ là ông đang nói đến tình hình vào mùa xuân 1912, khi mà một lực lượng

lớn hải quân Anh tập trung ở vùng bờ biển trung nam Anh. Tuy nhiên, 9 tháng lênh đênh trên biển vào những năm này có nghĩa là ông đi dài ngày trên chiếc Enchantress dù đang là thời điểm chưa căng thẳng cho lắm. Trong những năm năm giữ chức vụ bộ trưởng Hải quân, Churchill hầu như không phải là một nhân vật như trước kia và rất hiếm khi nghỉ lại ở nhà của người khác. Hầu như mọi quan hệ thư tín (rất phong phú) của ông trong giai đoạn này đều được thực hiện từ Bộ Hải quân hoặc từ du thuyền Enchantress.

Clementine thì ngược lại, bà đi thăm viếng nhiều vùng quê trong nước hoặc đi thăm các vùng bờ biển. Những căn nhà của gia đình Stanley ở Alderley và Penrhos, một ngôi nhà vùng nông thôn trong điền trang của thi sĩ Wilfred Scawen Blunt phía sau thị trấn Brighton, và thậm chí là một khách sạn ở thị trấn Crowborough, là những nơi bà thường đến. Và đôi khi (về sau này) bà đến các bãi biển vào những dịp lễ cho những đứa con còn bé chơi đùa. Đôi khi bà quay lại Seaford và Dieppe, là những nơi bà từng sống thời niên thiếu tản tiện và lưu động. Bà cũng đến một số nơi ít gợi nhớ hơn như nhà của Astor ở vịnh Sandwich và một ngôi nhà thuê với mục đích thương mại ở làng Overstrand gần thị trấn duyên hải Cromer. Cô em chồng và những đứa con thường đi theo bà. Thịnh thoả Churchill cũng đến với bà vào những ngày nghỉ bất thường hoặc vào những dịp nghỉ cuối tuần ngắn ngày. Thậm chí là trong thời tiết mùa hè tồi tệ ở nước Anh, Churchill cũng thích nghỉ vài ngày ở vùng bờ biển miễn là cát đủ chắc để có thể xây dựng những công sự phức tạp có hình dạng của những tòa lâu đài cổ. Cho dù là như thế, ông cũng sẽ nhanh chóng quay về London. Trong những năm ở Bộ Hải quân, có lẽ là hơn bất cứ giai đoạn nào khác trong sự nghiệp của ông kể cả khoảng thời gian 1940-1941, ông là người luôn cố gắng đạt được mục tiêu đã đề ra. Ông đã viết trong tác phẩm *The World Crisis*: “15 năm là thời gian tối thiểu cần thiết cho một chính sách nhất quán nhằm giúp hải quân có được tầm nhìn bao quát trên những vấn đề và những cục diện của chiến tranh. Mà nếu không có nó thì không thể đạt được trình độ cao nhất về các kỹ năng hàng hải, kỹ thuật bắn hải pháo, các kỹ thuật chế tác công cụ. Thời gian cần thiết

là 15 năm, thế mà chúng ta chỉ có vốn vẹn 30 tháng!”. Những người muốn đạt được những mục tiêu đã đề ra thường không phải là những người điềm tĩnh nhất, nhưng họ thường là những người tận tâm nhất. Vì thế, những ngày nghỉ bất kể ngắn dài mà trong đó Churchill đi cùng với vợ trong những năm nước Anh cận kề bờ vực chiến tranh (dù phần đông cho rằng họ ít nghĩ đến việc cùng đi nghỉ lễ với nhau hơn rất nhiều so với khoảng thời gian 1936 -1939) là những chuyến hải hành trên du thuyền Enchantress, với hai lần đến Địa Trung Hải và nhiều lần du ngoạn trong hải phận nước Anh.

Đâu là những vấn đề chiếm hết thời gian và tâm trí của Churchill trong 30 tháng ấy? Chúng được phân làm hai loại. Loại thứ nhất là những vấn đề bao quát nhất của định hướng chính trị, quân sự của nước Anh mà với chúng, Churchill dẫn thân vào theo bản năng và không thể lẩn tránh. Trong khi sự nghiệp chính trị bị ảnh hưởng rất lớn bởi những chức vụ khác nhau mà ông đã lần lượt nhận lãnh, nhưng ông không phải là một người an phận với địa vị hiện có. Ông luôn nhìn cao hơn chỗ mình đang đứng, dù là với những góc nhìn khác nhau tùy theo chức vụ đang nắm giữ. Đánh giá của ông về những nhu cầu của hải quân Anh đã thay đổi rất nhiều vào giữa năm 1909 khi ông chống lại đề xuất của McKenna. Trong khoảng thời gian 1911 - 1914 khi ông đưa ra những con số ước tính chi phí cho hải quân (McKenna đã chống lại bản dự trù này và nhiều điều khác nữa của Churchill) cao hơn rất nhiều so với dự trù của McKenna, Goshen, hoặc thậm chí là công tước Randolph, Churchill hẳn sẽ cho là không thể chấp nhận. Mười năm sau, khi ông đảm đương chức vụ đầu tiên trong tư thế là thành viên Đảng Bảo thủ, ông đã được nắm giữ một vị trí cao đáng ngạc nhiên là bộ trưởng Tài chính. Và đây là lần thứ ba ông gần như tuyệt giao với chính phủ vì vấn đề chi phí dành cho hải quân. Lần thứ nhất ông ủng hộ việc giảm chi phí, lần thứ hai ủng hộ việc tăng, và trong lần thứ ba lại ủng hộ việc giảm chi phí. Dĩ nhiên hẳn là ông sẽ tuyên bố rằng đó là do tình thế thay đổi, thay đổi đáng kể vào giữa năm 1909 và trong khoảng thời gian 1913 và 1914, và thay đổi rất nhiều giữa khoảng thời gian ấy và năm 1925. Tuy nhiên, đây là một thí dụ cho thấy sự biến thiên trong

quan điểm của Churchill.

Liên quan trực tiếp hơn với thành tích trước năm 1914 của Churchill là việc (khác với các đồng sự) sau năm 1911, ông là người tin rằng cuộc chiến tranh lớn ở châu Âu ắt sẽ xảy ra, và tính rằng khi ấy lợi ích và danh dự của nước Anh lệ thuộc vào việc nước Anh sát cánh với Pháp chống lại người Đức, chứ không tìm cách để giữ thái độ trung lập. Điều này lệ thuộc vào hai yếu tố, yếu tố thứ nhất có liên quan đến báo cáo gửi cho Grey và Asquith vào ngày 23 - 8 - 1912. Báo cáo này được viết khi người Pháp quyết định tập trung một hạm đội lớn của họ ở vùng Địa Trung Hải, bỏ ngỏ vùng eo biển Anh-Pháp và vùng bờ biển Đại Tây Dương cho hải quân Anh. Vì thế hải quân Anh đã giảm đáng kể lực lượng hiện diện ở vùng Địa Trung Hải. Sự bố trí này không thể thực hiện nếu không có hiệp ước hữu nghị Anh - Pháp năm 1904 và những cuộc điều đình sau đó giữa hai bên. Nhưng Churchill đã cố gắng nhấn mạnh rằng những cách triển khai hải quân như thế là tự giác và có thể được người Pháp thực hiện sao cho hợp lý khi không có sự hiện diện của hạm đội Anh và ngược lại. Vì thế, Churchill khẳng định (nhưng thiếu thuyết phục một cách kỳ lạ) rằng nước Anh vẫn bảo lưu quyền tự do chọn lựa nếu cuộc chiến chỉ diễn ra giữa Pháp và Đức. Báo cáo của Churchill chỉ với mục đích nhắc nhở (người ta không rõ mục đích chính của việc này) nhưng sức thuyết phục thường thấy ở ông đã không hiện diện trong đó.

Yếu tố thứ hai là việc ông tin tưởng rằng chiến tranh sắp xảy ra, và bốn phận của nước Anh là tham gia khi cuộc chiến nổ ra nhưng cho rằng không thể đánh đồng việc này với việc nước Anh khao khát chiến tranh. Vào ngày 15 - 9 - 1909 (gần hai năm trước khi bắt đầu thời kỳ hoàn toàn lu mờ của ông) ông đã viết thư cho vợ từ Wurzburg, nơi ông tham dự cuộc diễn tập của quân đội Đức: “Anh nghĩ rằng trong 50 năm nữa, nhân loại sẽ được thấy một thế giới thông minh hơn và hòa nhã hơn. Nhưng chúng ta sẽ không bàng quan chứng kiến điều ấy. Chỉ có con mèo con bé bỏng (P.K. [puppy kitten, biệt danh được vợ chồng Churchill dùng để nói đến cô con gái lớn Diana] là sẽ được sống trong môi trường hạnh phúc hơn. Nhân loại có thể làm cho mọi điều tốt đẹp hơn nếu tất cả cùng cố gắng

làm như thế! Dù chiến tranh hấp dẫn anh và quyến rũ tâm trí bằng những tình huống kỳ vĩ của nó (anh cảm nhận sự tiến đến ngày càng gần của nó và có thể đo lường được cảm xúc đối với nó giữa các loại vũ khí) nhưng chiến tranh chỉ là hành động điên rồ, tàn bạo, độc ác và đáng ghê tởm”. Bức thư này được cân bằng bởi một đoạn văn trong hồi ký của Edward Grey, và đoạn văn này khơi gợi sự quan tâm nhiều hơn vì hai tập hồi ký của Edward Grey không được phổ biến rộng rãi. Khi nói về thời điểm cuối mùa hè 1911, lúc mà dư âm từ những hậu quả của vụ việc Agadir vẫn còn, Grey đã viết:

Một bạn đồng sự khác, không bị chôn chân ở London vì công việc văn phòng, đã giữ liên lạc với tôi vì quan tâm đến cuộc khủng hoảng ở London... Đừng nghĩ rằng tôi muốn nói là Churchill ủng hộ chiến tranh hoặc khao khát nó... Đó chẳng qua là do tinh thần dũng cảm cao độ của ông ta được kích thích bởi bầu khí khủng hoảng và những sự kiện đầy kịch tính. Tình bạn của Churchill mang lại sự sáng khoái, và vào mỗi buổi chiều ông ấy có thể gọi điện thoại và đưa tôi đến Câu lạc bộ Xe hơi, một nơi vào mùa này rất ít người, cũng giống như những câu lạc bộ khác. Ở đó, sau một ngày làm việc mà đối với tôi là một mối đầy lo lắng, khi ngâm mình trong bể bơi, Churchill có thể làm mất nhiệt tình nóng bỏng của ông ấy còn tôi thì có thể khôi phục tinh thần.

Có lẽ nguồn trích dẫn này nên được chỉnh sửa bằng cách đối chiếu với nhật ký của Margot Asquith viết về buổi tối ngày 4 tháng 8, ngày nổ ra Thế chiến II. “Chúng ta đã tham chiến. Tôi dời phòng để đi ngủ. Và khi đi ngang qua thềm của tòa nhà số 10 phố Downing (văn phòng của thủ tướng), tôi thấy Winston Churchill với gương mặt hân hoan đang sải bước tiến đến chiếc cửa kép của phòng họp Nội các”. Sự thật không thể chối cãi là Churchill luôn trong tâm trạng vừa phấn khích vì cuộc xung đột quân sự lớn sắp xảy ra vừa lo sợ những hậu quả của nó. Ông không bao giờ dừng dừng với sự đau khổ của nhân loại và là một chiến lược gia, thậm chí là một chiến thuật gia, luôn nghĩ đến sự giảm thiểu

thương vong. Hẳn là ông không muốn trở thành thống chế Haig trong trận đánh ở hai bờ sông Somme hoặc tướng tư lệnh quân đội Đức hoặc Nga trong cuộc tàn sát khủng khiếp mà hình ảnh thu nhỏ là trận Stalingrad. Nhưng ông không lo sợ trước triển vọng của cuộc chiến. Đúng hơn là ông phấn khích trước nó, và phu nhân Asquith từng nói đúng về điều này.

Với tính cách là sự pha trộn của hai thái độ này, và nhờ vào một trong những cơ hội lớn nhất của lịch sử, Churchill đã trở thành một nhân vật hoàn hảo cho giai đoạn 1940 - 1941. Nó cần đến dũng khí và sự tự tin to lớn để lao vào cuộc chiến. Nhưng nó không cần đến sự thần nhiên tàn bạo. Vì những trận đánh phải tham gia trong những năm nước Anh phải cô độc là những trận đánh cam go dù không thể sánh với sự tàn sát diễn ra trong Thế chiến I ở Mặt trận phía Tây, lại càng không thể sánh với Mặt trận phía Đông, hoặc Mặt trận Nga trong Thế chiến II. Một trong những yếu tố có thể đã nuôi dưỡng một tình bạn không chắc chắn nhưng kéo dài sau chiến tranh giữa Churchill và Montgomery là việc vị thống chế này (Montgomery - một người tự phụ, tự mãn và có suy nghĩ hạn hẹp khắt khe) là một công cụ tuyệt vời cho ước muốn chiến thắng mà không phải tàn sát quá nhiều người, của Churchill. Và sau đó, trong giai đoạn cuối năm giữ quyền lực (thập niên 1950), việc Churchill e dè trước sự đáng sợ của triển vọng chiến tranh có thể xảy ra bất ngờ là điều hoàn toàn hợp lý. Nó đã có thể xảy ra một lần khi phát động cuộc tấn công bằng kỵ binh ở Omdurman trong năm 1898 và lần khác khi chơi trò xúc xắc với những quả bom hạt nhân trong giai đoạn căng thẳng 1953 và 1954 của Chiến tranh lạnh. Churchill đã kết thúc sự nghiệp bằng cách sử dụng uy tín lớn về mặt quân sự của ông để chống đỡ thế giới trước khả năng hủy diệt.

Không có dự đoán tương lai nào hoặc sự xung đột xúc cảm nào trong thời ấy có thể ngăn chặn việc Churchill quyết định duy trì và tăng cường sự vượt trội về ưu thế hải quân của nước Anh. Khi kiên quyết thực hiện nó, ông không chỉ quan tâm về số lượng tàu chiến mà còn nghĩ đến tính hiệu quả trong đào tạo, trang bị và chỉ huy. Ông là một bộ trưởng Hải quân gan dạ và thích tranh cãi. Dù là mục

tiêu công kích của Đảng Bảo thủ, ông đã không gặp nhiều khó khăn ở Hạ viện. Đó là vì ông kiên quyết chủ trương xây dựng một lực lượng hải quân hùng mạnh, điều buộc Đảng Bảo thủ phải ủng hộ và nói chung là được ưu tiên hơn (ít nhất là trong ba năm rưỡi) bất cứ quan điểm trái ngược nào có thể được khơi gợi bởi sự thay đổi ý kiến đột ngột của ông gây ra. Những bài diễn văn của Churchill đọc tại Hạ viện cho đến khi chiến tranh xảy ra, nhất là những bài đánh giá về hải quân, đã khơi gợi sự bất mãn ở Đảng Tự do hơn là Đảng Bảo thủ. Tuy nhiên, thành tích của Churchill ở Bộ Hải quân luôn giống với việc làm của một người đu dây không có lưới bảo hiểm. Nếu những quyết định quan trọng của ông về việc trang bị hoặc chỉ huy là những sai lầm nghiêm trọng và hiển nhiên, thì khát vọng “đúng đắn” về một lực lượng hải quân hùng mạnh của ông vẫn không thể che chở cho ông trước sự phẫn nộ của Đảng Bảo thủ. Và nếu thủ tướng, hoặc ít nhất là các thành viên của Đảng Tự do trong Nội các, không còn ủng hộ ông, danh tiếng và tài trí của ông không thể giúp ông thoát khỏi tình trạng bị cô lập không còn được phe phái nào ủng hộ.

Những thay đổi về hệ thống chỉ huy mà ông đưa ra đã ngay lập tức trở nên kiên quyết và phức tạp. Ông thừa hưởng chức vụ Đô đốc Hải quân (First Sea Lord) với quyền hạn giống với đề đốc Arthur Wilson, người cũng cộc cằn và khắc khổ giống với người tiền nhiệm là Jackie Fisher cho đến tháng 1 năm 1910 lại trở nên sôi nổi một cách kỳ lạ. Churchill không thích những người làm lì ít nói và đánh giá thấp những vị tư lệnh trong Thế chiến II không thể tự trình bày trôi chảy về bản thân trên bàn tiệc ở phủ thủ tướng hoặc ở ngôi nhà tại vùng nông thôn của thủ tướng. Họ không hợp với tính cách thích bạch bạch không thể kiềm chế của ông, nên ông cảm thấy khó chịu, thậm chí còn cảm thấy giống như bị xúc phạm. Vì thế mà họ bị đánh giá thấp hơn giá trị thật của mình.

Tuy nhiên, Wilson là người ương bướng hơn so với bất cứ vị tướng hoặc đô đốc nào mà Churchill từng gặp trong khoảng thời gian 1940-1945. Ông là người được nhận huân chương Anh dũng bội tinh Victoria, một người không tư lợi (ông từng từ chối tước vị quý tộc) và nổi tiếng là rất thô lỗ với mọi sĩ quan thuộc

mọi cấp trong lực lượng Hải quân Hoàng gia. Ngoài ra, Wilson còn lớn hơn Churchill 32 tuổi rưỡi. Ông phải nghỉ hưu trong mùa xuân năm 1912, nhưng như thế vẫn quá muộn để có thể thuận tiện cho việc bổ nhiệm một bộ trưởng Hải quân mới. Vì Wilson hoàn toàn chống lại mục đích chính mà do nó Churchill được đưa vào Bộ Hải quân. Đó là tạo ra một ban tham mưu chiến tranh trong Bộ Hải quân có thể sánh với ban tham mưu mà Haldane đã gây dựng cho lục quân. Mục đích của việc thành lập ban tham mưu này là nhằm tránh, theo cách nói của Churchill, tình trạng “mọi kế hoạch đều bị chốt chặt trong tâm trí của một vị đô đốc không cởi mở”. Wilson chính là một vị đô đốc như thế. Ngoài ra, ông còn chống lại hai thay đổi chiến lược chủ yếu của hải quân mà chính phủ cho là cần thiết. Thứ nhất là điều chỉnh các kế hoạch của quân đội để thích nghi với việc chuyển 7 sư đoàn đến Pháp ngay ngày đầu tiên khi chiến tranh xảy ra, và thứ hai là chuyển từ chiến lược “phong tỏa chặt chẽ” các hải cảng của Đức khi xảy ra chiến tranh sang đối sách ngăn chặn ngoài biển khơi mọi phương tiện vận tải có ý định tiếp tế cho kẻ thù. Nói chung, sự thay đổi chính sách này là cần thiết do sự phát triển của kỹ thuật chế tạo ngư lôi, loại vũ khí biến những chiếc tàu đậu tại chỗ thành những mục tiêu dễ hủy diệt. Churchill đã để cho Wilson rời Bộ Hải quân vào giữa tháng 11 năm 1911 bằng những lời lẽ mà theo như ông nói trong tác phẩm *The World Crisis* là “hữu nghị, lịch sự, nhưng lạnh lùng”. Sự thay đổi bất ngờ trong chuỗi sự kiện này là khi, trong tháng 5 năm 1915 lúc Fisher đang nôn nóng, Wilson được đề nghị trở về giữ chức vụ Đô đốc Hải quân (First Sea Lord). Ông đã viết thư cho Asquith rằng ông chỉ nhận chức vụ ấy khi mà “Churchill tán thành”.¹⁷

Ở vị trí của Wilson, khác với thông lệ của mình, Churchill đã thực hiện một sự bổ nhiệm có tính cách thỏa hiệp. Sir Francis Bridgeman đã được (một cách gượng gạo) đề bạt từ chức tổng tư lệnh Hạm đội eo biển Anh lên làm Đô đốc Hải quân, và hoàng thân Louis của vùng Battenberg được bổ nhiệm vào chức vụ Phó đô đốc Hải quân kế vị Bridgeman. George Callaghan thay thế Bridgeman làm tổng tư lệnh Hạm đội Hải nội (Home Fleet) và John Jellicoe bị cho là còn

quá trẻ không thể nắm toàn quyền nên chỉ được cất nhắc làm phó tư lệnh. Thiếu tướng hải quân David Beatty, người cung cấp champagne vùng sông Nile năm 1898, được đưa vào làm việc tại văn phòng riêng của Churchill như là thư ký riêng của ông. Như thế, Jellicoe và Beatty, hai tướng tư lệnh nổi tiếng nhất của hải quân trong cuộc chiến năm 1914, tiến vào những vị trí mà từ đó họ có thể tiến xa hơn. Những thay đổi này đã được công bố vào ngày 26 tháng 11, năm tuần sau khi Churchill nhận chức vụ mới. Và chúng được đón nhận với sự phản đối dè dặt của giới vận động hành lang trong Độ Hải quân. Giới vận động hành lang này hoạt động mạnh giữa các thành viên Đảng Bảo thủ và một phần trong giới báo chí. Những thay đổi này không bị phản đối quyết liệt nhưng có những lời xầm xì biểu lộ sự lo sợ, hoặc hy vọng, rằng tính hấp tấp của Churchill sẽ mang lại rắc rối.

Thật ra, những sự bổ nhiệm này phát sinh từ quan điểm thận trọng và tôn trọng các tướng lĩnh thâm niên. Nhưng việc không ngừng thay đổi các tư lệnh hải quân hàng đầu cho thấy có sự thiếu tin tưởng ở việc lập kế hoạch của hải quân hoặc ở sự đánh giá của Churchill. Đằng sau những bố trí nhân sự này là sự tác động nửa kín nửa hở của một người. Đó là đô đốc Fisher, từng là Đô đốc Hải quân từ 1904 đến 1910, khi vào độ tuổi 70 được cho là đã về nghỉ hưu ở Lucerne. Hầu như mọi điều ông làm đều đã được sắp đặt với một sự pha trộn gồm sự phẫn nộ và nhiệt tình. Người ta cho rằng ông hơi điên, nhưng ông hầu như là một thiên tài và được nhiều người cho là một người lãnh đạo hải quân tài giỏi nhất kể từ thời Nelson.

Fisher gặp Churchill lần đầu tại Biarritz trong những ngày nghỉ vào mùa xuân năm 1907 và nhận thấy Churchill là một nghị sĩ trẻ có nhiều hoài bão và phẩm hạnh. Ông bắt đầu có thiện cảm với Churchill và bắt đầu quan hệ thư từ ngay từ ngày 27 tháng 4 năm ấy. Dù cách nhau đến 34 tuổi, nhưng hai người đều nhận biết tính chất ưu việt của nhau. Họ hấp dẫn nhau, nhưng sự gắn bó giữa hai người thật ra không phải là tình bạn và đã trải qua những xung đột nghiêm trọng khi Churchill chống lại những bàn kê giá trang bị cho hải quân của McKenna

trong năm 1909. Fisher muốn lôi kéo một bộ trưởng trẻ như Churchill vào vòng ảnh hưởng của ông. Sự ổn định trong mối quan hệ trước kia của họ là nhờ việc Churchill thích thú với sự ân cần của vị đô đốc lớn tuổi, khó tính và nổi tiếng, hơn là điều ngược lại.

Tuy nhiên, hơn ba năm sau khi Churchill trở thành bộ trưởng Hải quân thì ngày ấy mới đến. Fisher đã thành công trong một cuộc cãi cọ nhỏ trong mùa xuân năm 1912, khi ông không tán thành vài sự bổ nhiệm của Churchill và viết thư cho Churchill cho biết là ông bị tổn thương về việc ấy. Tuy nhiên, chắc chắn đây chỉ là một mảnh khoe của Fisher giúp ông sau đó được mời tham gia một bữa tiệc trên chiếc du thuyền Đại Mỹ Nhân của Bộ Hải quân (khi nó neo đậu ở Naples một tháng sau đó) để ông có dịp trình bày những đề xuất của ông, không chỉ là với Churchill mà còn là với thủ tướng, nếu có thể khiến họ phải lắng nghe. Mức độ thành công của Fisher đã không được ghi lại, và Fisher đã khiêu vũ rất nhiều trong những giờ chờ đợi điểm tâm kém lý thú với Violet Asquith (khi ấy 25 tuổi).

Churchill đã ba lần đề nghị bổ nhiệm một Đô đốc Hải quân mới. Nhưng mãi đến lần thứ ba, khi hoàng thân Louis bị buộc từ chức, ông mới có thể đưa Fisher trở lại khi đã 73 tuổi. Đây là một quyết định mang lại những kết quả tai hại nhất cho sự nghiệp của chính Churchill. Tuy nhiên, như cũng đã được đề cập đến trong tác phẩm *The World Crisis*, Churchill đến gần với quyết định yêu cầu Fisher chứ không phải là Bridgeman thay thế Wilson trong năm 1911. Vị bộ trưởng Hải quân mới đã mời Fisher từ Lucerne đến để hỏi ý kiến, và không biết có phải là tình cờ hay không khi mà sau đó họ đã trải qua ba ngày bên nhau ở một ngôi nhà vùng quê ở Surrey. Về sau, Churchill đã viết rằng: “Tôi nhận thấy Fisher thật sự là một nguồn tri thức và có nhiều ý tưởng đột xuất trên đường về London, tôi đã muốn nói rằng “hãy đến giúp tôi” và qua lời nói dường như ông ta muốn quay lại chức vụ cũ... Tôi thật sự muốn ngỏ lời với ông ấy nhưng ông ấy đã giữ kẽ một cách chừng mực, và trong vòng một giờ, chúng tôi đã về đến London. Không thiếu những ý kiến bất lợi, và trong vòng vài ngày, tôi đã dứt

khoát tìm người khác để đưa vào chức vụ Đô đốc Hải quân”.

Những “ý kiến bất lợi” này có liên quan đến những mối hiềm khích trước kia của Fisher. Nhưng Churchill vẫn còn chịu sự tác động mạnh mẽ từ ảnh hưởng của vị đô đốc già. Nên trong khoảng thời gian 1912-1913 đã yêu cầu Fisher chủ trì một uỷ ban hoàng gia để bàn về việc cung ứng dầu, một vấn đề vô cùng quan trọng vào lúc ấy. Ngoài ra, Churchill còn chấp thuận rất nhiều ý kiến riêng tư của ông ta, thường là có liên quan đến quan điểm của Fisher về chiến lược, việc trang bị và tổ chức nhân sự ở hàng ngũ cố vấn của bộ. Điều này đã không mang lại sự hài hòa cho hoạt động của hệ thống chỉ huy, và chắc chắn là, theo nhiều cách, các vị đô đốc Hải quân đều cho rằng Churchill là một nhà lãnh đạo khó chịu mà họ phải cộng tác.

Vì thế, ngay từ buổi đầu nhậm chức bộ trưởng Hải quân, Churchill đã gặp rất nhiều khó khăn, không chỉ là thách thức lớn phát xuất từ Hạm đội (High Seas Fleet) của Đức mà còn cả những thách thức ở gần vùng biển quê nhà hơn. Nhờ vào sự dũng cảm và tự tin mà Churchill gạt hái được nhiều thành tựu trong khi phải hứng chịu những khó khăn đến từ hai phía: một phía là nhiều nghị sĩ chủ hòa thuộc Đảng Tự do (khuyňh hướng chủ hòa cũng khá phổ biến trong Nội các) ở một phía, còn phía kia là sự bất hòa với các thành viên đảng Bảo Thủ. Và sự nghi kỵ càng trầm trọng thêm do sự ngạo mạn của Churchill, nổi lên giữa các sĩ quan hải quân cao cấp có khuynh hướng Bảo thủ.

Một phần của sự nghi kỵ đã dịu bớt nhờ việc Churchill thành công một cách ngoạn mục trong việc đẩy mức chi phí dành cho hải quân từ mức 39 triệu bảng thừa hưởng từ thời McKenna lên đến mức vượt qua ngưỡng 50 triệu bảng. Ông còn quan tâm đến (và tập trung sự cải thiện nhiều hơn) việc trả lương và những điều kiện sinh hoạt dành cho cấp hạ sĩ quan hơn bất cứ vị bộ trưởng Hải quân nào trong một thời gian dài trước kia. Churchill còn đưa vào ứng dụng hai thay đổi kỹ thuật quan trọng với những rủi ro tiềm tàng. Một là phát triển loại hải pháo 15 inch thay thế cho loại 13 inch rưỡi, điều nguy hiểm hơn vì nếu loại vũ khí này tỏ ra vô tích sự thì hải quân sẽ mất cả chì lẫn chài.

Hai là việc bắt đầu tiến trình chuyển đổi toàn bộ hạm đội từ chạy bằng than sang chạy bằng dầu dù có rất nhiều lợi ích nhưng cũng phải gánh chịu những rủi ro đáng kể trong giai đoạn quá độ. Sự chuyển đổi này là điều kiện cần để có thể có được những chiến hạm chạy với tốc độ 25 knots (gần 13 mét mỗi giây), không để cho các chiến hạm của Đức chiếm ưu thế dù tốc độ chiến hạm của Đức cũng tương đương. Đối với việc này, người Anh chiếm lợi thế vì có một khoản siêu lợi nhuận từ việc đầu tư do chính phủ kiểm soát vào Công ty Dầu mỏ Anh - Ba Tư (Anglo-Persian Oil Company), nơi mà khoản kinh phí đầu tư lúc đầu là 2,2 triệu bảng về sau đã tăng lên 5 triệu bảng, nhanh chóng đạt con số 50 triệu bảng và càng về sau càng nhiều hơn nữa. Việc sử dụng dầu thay than còn sạch sẽ hơn và làm tốc độ tái nạp nhiên liệu tăng lên rất nhiều.

Tất cả những điều trên được thực hiện trong phạm vi cơ cấu chính sách của hải quân được thiết kế để cho người Đức thấy rằng, cho dù họ có cải tiến kỹ thuật đến đâu thì nước Anh vẫn làm hơn thế. Người ta khó đánh giá chính xác sự tương quan về lực lượng hải quân giữa Đức và Anh trong những năm Churchill làm bộ trưởng Hải quân. Những số liệu được che giấu rất kỹ, cũng giống như chính các tàu chiến khó nhận dạng nhau trong màn sương dày đặc của các vùng biển phương bắc khi chúng di chuyển gần nhau. Người ta dễ che giấu các số liệu khi chi phí cao hơn là khi chi phí thấp.

Một yếu tố khác tác động đến sự đánh giá của người Anh đối với sức mạnh của hải quân Đức là sự kiện kênh đào Kiel được đào sâu thêm để có thể thích nghi với những chiếc tàu thuộc loại lớn nhất, được công bố trong năm 1909 và hoàn tất vào tháng 6 năm 1914. Điều này giúp cho người Đức linh động hơn rất nhiều trong việc triển khai các loại tàu lớn của họ giữa Biển Ban-tích và Bắc Hải. Những đánh giá này đã khiến Churchill phải duy trì những dự toán dành cho năm 1912 của McKenna. Người ta đã để cho rất nhiều xưởng đóng tàu ở Clyde và Tyne “tạo ra nhiều tiếng ồn”. Nhưng xem ra chính sách này chẳng mang lại lợi thế cho nước Anh và không thể chặn đứng cuộc chiến. Nhưng *ít ra*, việc này đã đánh tiếng rằng khi chiến tranh nổ ra, người Anh không thể thất trận

trên biển cho dù ưu thế trên biển của hải quân Anh không rõ ràng.

Chương 12

TRONG CHÍNH PHỦ ASQUITH

Về cơ bản, khả năng đeo đuổi chính sách xây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh của Churchill, điều trở thành trọng tâm của toàn bộ sự nghiệp chính trị của ông, lệ thuộc vào những mối quan hệ của ông với những đồng sự quan trọng trong Nội các. Những mối quan hệ ấy đã phát triển ra sao trong giai đoạn này? Sau thủ tướng, hai bộ trưởng quan trọng nhất là Lloyd George (bộ trưởng Tài chính) và Edward Grey (ngoại trưởng). Điều này một phần là vì sức mạnh của sự tương phản sắc nét về cá tính của họ. Không có ai trong số hai người là không quan trọng, và sự từ chức của bất cứ ai trong hai người đều gây bất ổn nghiêm trọng cho chính phủ. Những dịp duy nhất khi hai bộ có thể lực tương đương (Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao) nhưng nằm trong tay hai cá nhân có tính cách trái ngược nhau là dưới thời chính phủ Baldwin 1924-1929 với Churchill giữ chức bộ trưởng Tài chính và Austen Chamberlain là ngoại trưởng, và một phần dưới thời chính phủ Attlee 1947-1950 khi hai chức vụ này do Stafford Cripps và Ernest Bevin nắm giữ.

Cho đến mùa hè năm 1911, Churchill thân với Lloyd George hơn là Grey rất nhiều. Họ là những đồng minh tích cực, và tính khoa trương, dễ thay đổi của họ hợp với nhau hơn. Từ mùa hè năm đó về sau, Churchill dần thân với Grey. Churchill xem Grey như là một người cộng tác tự nhiên lớn tuổi hơn trong Nội các. Ông ủng hộ sự tận tụy ngấm ngấm, nếu không muốn nói là rõ ràng, của Grey đối với nước Pháp. Và Grey ủng hộ những đòi hỏi lớn chưa từng có của Churchill đối với các dự toán hải quân. Và cả hai đều nóng lòng. Grey hơi thận

trọng, còn Churchill lại ít kiềm chế, kết hợp sự quan tâm của bản thân với tình bạn cá nhân. Nhưng đây không phải là một tình bạn bền vững dựa trên một mối quan hệ tự nhiên. Họ là hai đồng sợ và đồng minh theo tình thế. Sau khi rời chính phủ Asquith, Churchill trong năm 1915 và Grey trong năm 1916, cả hai đều không hạnh phúc và rất hiếm khi gặp nhau trong 17 năm còn lại trong cuộc đời của Grey.

Với Lloyd George, sự quan tâm trước kia đã thay đổi. Một bộ trưởng Hải quân phung phí đương nhiên là một kẻ chống đối tự nhiên đối với một bộ trưởng Tài chính. Hơn nữa, Lloyd George đã nghĩ rằng Churchill không còn quan tâm đến những chủ đề từng lôi kéo ông và Churchill đến gần nhau và rằng Churchill đã bị các vấn đề của Bộ Hải quân ám ảnh. Người ta cho rằng ông đã chế nhạo Churchill là đã trở thành “sinh vật biển”. “Anh nghĩ rằng tất cả chúng ta sống trên đại dương và mọi suy nghĩ của anh đều xoay quanh cuộc sống dưới biển, các loài cá và những sinh vật biển khác. Anh quên rằng phần lớn chúng ta sống trên đất liền”. Tuy nhiên, sự lôi cuốn tự nhiên giữa Lloyd George và Churchill vẫn còn mạnh mẽ. Và trong khoảng thời gian 1912 - 1913 nó được củng cố nhờ những bất ổn chính trị tràn lan nhất thời do một vụ tai tiếng có liên quan đến công ty Marconi, một vụ việc hầu như đã hủy hoại sự nghiệp của Lloyd George. Vụ tai tiếng này còn liên quan đến một bộ trưởng đương nhiệm khác (Rufus Isaacs) cùng với một cựu bộ trưởng (tổng nam tước Elbank), và lôi kéo Churchill vào vùng tác hại của nó mà không có một lời bào chữa nào dành cho ông, dù chỉ mang tính chiếu lệ.

Tháng 3 năm 1912, Herbert Samuel trong vai trò là bộ trưởng Bưu chính, đã ký kết với công ty Marconi một hợp đồng xây dựng những trạm vô tuyến điện báo trên khắp nước Anh. Sự chỉ trích đã nổi lên vì giám đốc điều hành công ty Marconi là Geoffrey Isaacs, em trai của bộ trưởng Tư pháp Rufus Isaacs. Vụ việc này kết hợp với những tin đồn cho rằng có ba bộ trưởng đã vớ bở nhờ đầu tư vào cổ phiếu của Marconi. Samuel hoàn toàn vô tội. Ông không bao giờ chạm tay đến loại cổ phiếu như thế, và động cơ chính khiến người ta cố gắng kết tội

ông phát sinh từ chủ nghĩa bài-Do-Thái. Việc trói buộc Samuel vào với hai anh em nhà Isaacs trong một giao dịch tài chính lớn và phức tạp có một sức hấp dẫn không thể cưỡng lại đối với Hilaire Belloc, G. K. Chesterton và em trai ông là Cecil Chesterton. Họ đâm thọc vụ việc này, cũng như từng là những kẻ đặt điều tệ hại nhất đương thời ít nhất là đối với hai vụ việc trước đó, và nhất quyết cho rằng đây là một âm mưu mang tầm cỡ quốc tế của người Do Thái.

Tuy nhiên, khuyết điểm chính của những vị bộ trưởng này không phải là tham lam, bất tài, hoặc đầu tư không thích đáng, mà là che giấu sự thật. Sau khi vô số tin đồn rộ lên suốt mùa hè 1912, trong tháng 10, Hạ viện đã xem xét việc kiến nghị thành lập một Ủy ban Đặc biệt để điều tra. Cả Lloyd George lẫn Isaacs đều tham dự các cuộc thảo luận để thắng thường gạt bỏ việc bị kết tội là hưởng lợi cho dù là trực tiếp hoặc gián tiếp, từ công ty Marconi ở Anh. Tuyên bố chính thức của họ là đúng sự thật, nhưng họ đã không báo cáo với Hạ viện về những giao dịch của họ với công ty Marconi ở Mỹ. Mãi đến đầu năm 1913, điều này mới bị phanh phui khi Isaacs và Samuel thắng kiện (tại những tòa án ở Anh) khi họ kiện hành động phỉ báng của tờ báo *Le Matin* ở Paris. Vấn đề là những giải bày của họ tại các phiên tòa lại tạo ra một ấn tượng bất lợi che mờ sự thành công trong vụ kiện. Hoạt động của Ủy ban Đặc biệt được duy trì cho đến mùa hè, khi đa số thuộc Đảng Tự do đưa ra một báo cáo bào chữa, được hậu thuẫn thêm bởi bài diễn văn rộng lượng và hùng hồn của Asquith. Nó được Hạ viện miễn cưỡng chấp nhận sau một cuộc tranh cãi gay gắt và gây chia rẽ.

Vai trò của Churchill trong vụ việc này ít nhất gồm ba yếu tố. Thứ nhất, ông là bộ trưởng thứ năm bị những tin đồn không căn cứ nhắm vào. Vì thế ông đã bị Ủy ban Đặc biệt mời đến điều tra và có lẽ các thành viên của uỷ ban đã hối tiếc về quyết định này. Churchill đã kịch liệt phản đối.

Thứ hai, Churchill đã can thiệp vào vụ việc để mang lại sự thành công cho một hành động chính trị táo bạo nhằm thuyết phục F. E. Smith xuất hiện làm chứng trước tòa cho Samuel trong vụ kiện tội phỉ báng của tờ báo *Le Matin*. Vụ việc khiến một người nổi tiếng về châm biếm và có tài hùng biện là Edward

Carson, người lãnh đạo công đoàn không khoan nhượng ở Ireland và là cựu bộ trưởng Tư pháp xuất hiện để bênh vực Isaacs. Điều này không chỉ loại bỏ yếu tố chính trị ra khỏi một vụ kiện “chính trị” mà còn phần nào giúp ngăn chặn Đảng Bảo thủ khai thác vụ việc. Nó giúp Hạ viện buộc hai nhà hùng biện có ảnh hưởng nhất của Đảng Bảo thủ phải im lặng và phần nào làm cho các đồng sự của họ thuộc hàng ghế đầu trong quốc hội phải bối rối.

Thứ ba và quan trọng nhất là Churchill đã chứng tỏ tình bạn, công cũng như tư, giữa ông và Lloyd George vẫn tiếp tục nồng ấm suốt thời kỳ đầy thử thách. Vào cuối tháng 9 năm 1912, ngay trước khi diễn ra cuộc tranh cãi gay gắt ở Hạ viện, Churchill đã xuất hiện ngoài khơi vùng bờ biển thị trấn Criccieth trên du thuyền Đại mỹ nhân, đưa Lloyd George cùng vợ và con gái của ông ta theo trên chuyến hải hành ở bờ biển phía tây. Vào tháng 7 năm sau, sau khi Ủy ban Đặc biệt đưa ra báo cáo kết quả sau cuộc tranh cãi dữ dội ở Hạ viện, ông đã đọc một bài diễn văn hấp dẫn để biện hộ cho bộ trưởng Tài chính (và đã ngẫu nhiên bào chữa cho những bộ trưởng khác có liên quan) tại một bữa tiệc của Câu lạc bộ Quốc gia của Đảng Tự do (National Liberal Club).

Sau vụ biện hộ chung cho các đồng sự (cho thấy là Churchill đã khéo léo khai thác cử tọa ở Câu lạc bộ Quốc gia của Đảng Tự do theo cách chưa ai từng làm) mãi đến bảy năm sau cũng tại chính căn phòng này, sau khi cha của phu nhân Violet Bonham Carter (bạn của Churchill) chiến thắng trong cuộc bầu cử bổ sung ở thị trấn Paisley, bài diễn văn hùng hồn của Churchill mới trở thành chủ đề chính của bài diễn văn của ông ta (cha của Violet Bonham Carter): “Vị bộ trưởng Tài chính ấy bị một số tầng lớp có quyền lực (một số nhóm công luận liên minh được tổ chức chặt chẽ) căm ghét nhiều hơn. Ông bị căm ghét hơn và bị săn đuổi quyết liệt hơn khi so với Gladstone trong những ngày đáng nhớ của năm 1886”.

Churchill đã giải quyết vấn đề bằng cách công kích mạnh mẽ tử tước Robert Cecil, anh trai của Hugh Cecil (một người bạn của Churchill). Robert Cecil, về sau là một trụ cột của Hội Quốc Liên, người đã đi tặng căn nhà ở London cho

ng nghị sĩ thuộc Công Đảng là Philip Noel-Baker, rõ ràng là đã tránh né khi nói rằng ông có bằng chứng quan trọng hơn nhưng cần cải thiện thêm, và không thể đưa vào báo cáo nhưng có thể tiết lộ riêng với bất cứ nghị sĩ nào hỏi ông. Churchill nói: “Một tuyên bố đáng hổ thẹn không bao giờ được thốt ra từ miệng của một thành viên của Ủy ban Đặc biệt và của Hạ viện. Và điều có thể làm cho nó đáng khinh hơn nữa là nó được thốt ra từ miệng của một kẻ vờ như công bằng và vô tư, và bao bọc công việc bẩn thỉu mà ông ta thực hiện bằng một vẻ ngoài cao quý”.

Vào giai đoạn ấy, Lloyd George rất dễ bị tấn công, nhưng ông thoát khỏi nguy hiểm không phải là nhờ tài hùng biện của Churchill. Yếu tố quan trọng đã hậu thuẫn cho ông chính là sự ủng hộ của thủ tướng. Asquith đã không chấp nhận hành vi của các bộ trưởng đáng bị khiển trách, dù có chứng cứ cho thấy rằng vào thời điểm diễn ra cuộc tranh cãi tháng 10 (1912) ông đã biết rõ về những giao dịch chứng khoán của công ty Marconi ở Mỹ. Ông đã nói với nhà vua rằng công ty này thật thảm hại và khó lòng tự biện hộ, và với Venetia Stanley, ông đã đề cập đến một số hành động đại dột “mà Rufus Isaacs và LI. George đã thực hiện”. Tuy nhiên, ông cho rằng những hành động ấy không trầm trọng đến nỗi buộc họ phải từ chức. Ông không bao giờ đồng cảm quá nhiều với hành động mưu cầu lợi nhuận dù thích một cuộc sống dư dật và không thể ngăn cản việc vợ ông chi tiêu những khoản tiền mà họ chưa sở hữu. Thái độ ấy đã được minh họa qua chính lời nói của ông trong một dịp khi các bộ trưởng được triệu tập trong thời chiến, vào lúc có báo cáo nói rằng có một hãng buôn nổi tiếng đã kiếm được rất nhiều tiền nhờ buôn bán hàng hóa. Asquith đã chỉ trích hành động của hãng buôn này “thật đáng ghê tởm”. Ngay sau đó, một đồng sự của ông có khuynh hướng ủng hộ thị trường tự do hơn đã bênh vực và nói rằng việc đó chẳng có gì đáng phải “hổ thẹn”. Asquith sửa lại: “Tôi không nói là *đáng hổ thẹn* mà là *đáng ghê tởm*”. Và ông cũng nhận xét như thế đối với các hoạt động của công ty Marconi. Nhưng ông không bao giờ quá cay nghiệt với tính cách dễ bị cảm dỗ của những người khác và chắc chắn là ông không muốn chính

phủ của ông bị suy yếu do mất đi một bộ trưởng Tài chính nhanh nhạy hiểm có như Lloyd George.

Thế nên ông đã giữ lại cho chính phủ người mà ba năm rưỡi sau đó đã làm cho nhiệm kỳ thủ tướng kéo dài của ông có một kết thúc đáng buồn và thay thế ông làm thủ tướng. Không thể nghi ngờ giá trị sự bảo vệ của Asquith đối với Lloyd George. Dù không sốt sắng nhưng Asquith đã kiên quyết thực hiện điều này với quyền lực của ông. Giọng điệu của Asquith đã được ghi lại trọn vẹn trong một nhận xét sau vụ Marconi của Masterman, khi mà cả hai người (Asquith và Masterman) ngồi ở hàng ghế trước để nghe giải bày của Lloyd George. Thủ tướng (Asquith) đã nói: “Tôi nghĩ rằng đôi cánh của thần tượng đã bị sút mẻ đôi chút”. Ông lặp lại câu “sút mẻ đôi chút” với một kiểu nhún vai đặc thù.

Trái lại, Churchill đã thực hiện hành động ủng hộ Lloyd George rất nhiệt tình. Nó vẫn còn là một yếu tố quan trọng trong mối quan hệ của họ cả trong giai đoạn căng thẳng giữa mùa đông 1913 và đầu năm 1914, khi những dự toán của Churchill vượt lên trên mức 50 triệu bảng lần trong giai đoạn căng thẳng cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1914 lúc họ bắt đầu thuộc về hai phe khác nhau trong cuộc tranh cãi liên quan đến vấn đề nước Anh có nên tham chiến hay không.

Điều cho thấy ảnh hưởng của mối quan hệ của họ tác động đến việc Churchill có thể thành công trong việc làm cho những dự toán trang bị cho hải quân của ông được thông qua thay vì phải từ chức vào đầu năm 1914, là một sự trao đổi (một thói quen giữa Churchill và Lloyd George) đáng quan tâm về những ghi chép từ một cuộc họp Nội các ngày 1 tháng 7 năm đó. Lloyd George viết: “Trong thư báo cáo hàng tuần hôm nay của Philip Snowden [có lẽ đã được công bố trong một bài báo], ông ta nói rằng nếu bộ trưởng Tài chính là một người khác, hẳn dự toán hải quân của ông có thể bị giảm bớt nhiều triệu bảng”. Churchill trả lời: “Thế thì, hẳn là cũng có một bộ trưởng Hải quân khác. Và ai nói chắc được là khi ấy lại không có một chính phủ khác? Điều này không nhất thiết có nghĩa là chúng ta sẽ có những bảng dự toán với chi phí thấp hơn”.

Sống hòa thuận với bộ trưởng Tài chính (hoặc nói theo cách thực dụng thô thiển hơn: trở thành một đồng sự mà bộ trưởng Tài chính muốn có trong chính phủ) là một tài sản quan trọng của một bộ trưởng chi tiêu nhiều tiền của chính phủ. Nhưng điều quan trọng hơn vẫn là mối quan hệ giữa Churchill với Asquith (thủ tướng). Không thể để cho những vụ việc về sau che mờ sự thật rằng Asquith là một thủ tướng đầy quyền lực trong năm 1914. Ông lãnh đạo chính phủ suốt sáu năm, đã đưa chính phủ vượt qua những cơn bão lớn để có thể đến với nhiều thành tựu quan trọng, và đã nhiều lần chứng tỏ rằng ông là một người giỏi phân xử những cuộc tranh luận trong Nội các. Ông đã thực hiện điều này không phải bằng sự lôi kéo mà bằng cách tận nhiên áp đặt uy quyền tự nhiên của mình. Ông được xem là người có kiến thức và có óc phán đoán, sáng suốt và khoan dung. Uy quyền tự nhiên này được công nhận bởi hai thuộc cấp của ông, những người về sau có uy quyền còn vượt qua cả chính ông, là Lloyd George và Churchill, cũng như bởi nhiều bộ trưởng khác. Và do vụ việc Marconi, cán cân quyền lực càng nghiêng về phía có lợi cho Asquith và có hại cho Lloyd George.

Vào những năm trước chiến tranh với cương vị là bộ trưởng, Churchill cư xử với Asquith với lòng tôn trọng tự nhiên. Trong nguồn ghi chép khổng lồ của Churchill gồm những ghi chú, thư từ, và trong các trước tác, ông chỉ viết một đoạn phê bình nặng nề duy nhất về Asquith. Đoạn phê bình ấy có liên quan đến rượu, một chủ đề mà nói chung là Churchill muốn tránh nói đến vừa vì xu hướng cá nhân vừa vì lo ném chuột sợ vỡ đồ. Khi còn là bộ trưởng Nội vụ, vào ngày 22-4-1911, Churchill đã viết cho vợ:

Trong đêm thứ năm, tâm trạng của thủ tướng rất xấu, và anh (Churchill) hơi lúng túng vì bối rối: Ông nói rất ít, và có rất nhiều người quan tâm đến tình trạng sức khỏe của ông. Thủ tướng vẫn tiếp tục tỏ ra thân mật, rộng lượng, và giao phó cho anh mọi việc [trong Hạ viện] sau bữa ăn tối. Cho đến lúc ấy thủ tướng vẫn xử lý rất tốt mọi việc nhưng sau đó thì rất tệ, và nhờ sự thông cảm cố hữu tự nhiên trong Hạ viện mà

điều này đã không trở thành một vụ tai tiếng. Anh rất yêu mến ông già này và ngưỡng mộ trí năng lẫn tính cách của ông ta. Vào ngày hôm sau ông ta lại trở nên điềm tĩnh và giải quyết đầu vào đó mọi việc.

Thái độ của Asquith đối với Churchill ra sao? Ông hiểu được đến mức độ nào rằng ông đang có trong tay người sẽ trở thành một chính khách lỗi lạc? Có lẽ câu trả lời là ông đã nghĩ rằng khả năng ấy không thể xảy ra, nhưng điều này không chắc chắn. Sự ngưỡng mộ phần nào của Asquith đối với Churchill bị giảm do những hành động ngông cuồng của Churchill, và sự cảm kích đáng kể của ông đối với Churchill bị giảm do những cơn thịnh nộ bộc phát. Bất chấp những cơn thịnh nộ và lời than phiền cho rằng Churchill nói quá nhiều, cả trong những cuộc họp Nội các lẫn trong giao tế xã hội, Asquith thích dành thời gian cho đồng sự này nhiều hơn là cho những thành viên khác trong chính phủ. Ngoài ba cuộc du ngoạn trên du thuyền Đại mỹ nhân (hai lần trên Địa Trung Hải và một lần trên các vùng biển của nước Anh) ông và Churchill còn gặp nhau trong vô số những bữa tiệc nhỏ ở dinh thự thủ tướng hoặc ở dinh thự của Bộ Hải quân và những bữa tiệc vào những Chủ nhật được tổ chức đều đặn. Cho dù, hoặc bởi vì, cách nhau đến 20 tuổi, Asquith thích ở bên Churchill hơn là bên những người bạn già như là Haldane và Grey.

Minh họa cho sự khiếm trách nhẹ của Asquith đối với Churchill là những lời bình phẩm sau đây:

Tháng 5 năm 1913 [khi đang ở trên du thuyền Đại mỹ nhân trên vùng biển Adriatic]. Winston, đương nhiên là không có nhiều cơ may thành công trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa Hy Lạp và Latin cổ đại. Thế nên khi chúng tôi đi lang thang trong cung điện của Hoàng đế Diocletian ở thị trấn Spoleto, nhận xét nổi bật nhất của ông ta là: “Tôi thích công kích những kẻ đê tiện”.

Ngày 9-1-1914. Ông ta (Churchill) đã săn lợn rừng ở thị trấn Les Landes và trở về với cặp nanh được mài rất sắc của chính ông ta.

Ngày 7-10-1914. Ông ta đã thềm thường khi thấy và nghĩ đến những cánh quân mới của tướng Kitchener. “Liệu có phải là những vị tư lệnh hào nhoáng được tin cậy này được đào tạo từ những chiến thuật lỗi thời cách nay 25 năm hay không?” - “Có phải những người bình thường sống một cuộc sống được bảo vệ và được rèn luyện theo kỷ cương của quân đội này là những người chỉ huy và chinh phục hay không?”... Suốt khoảng 15 phút, ông ta không ngừng tuôn ra những chỉ trích và yêu cầu, và tôi rất tiếc vì không có một chuyên gia tốc ký nào có mặt để ghi lại, vì có một số cụm từ không được chuẩn bị trước của ông ta khá lố bịch. Tuy nhiên, ông ta nói khá nghiêm túc và tuyên bố rằng đối với ông ta, một sự nghiệp chính trị chỉ là con số không so với sự vinh quang trong binh nghiệp. Ông ta là một tạo vật kỳ lạ với sự táo bạo đáng ngạc nhiên của một học sinh chân chất (khác với Edward Grey), tính cách mà một số người cho là đặc điểm của thiên tài, “một sự ngoan ngoãn của tia chớp trong não”.

Lời phê bình cuối cùng dĩ nhiên là bị tác động bởi sự thích thú và sự ngưỡng mộ sâu sắc những phẩm hạnh riêng của Churchill. Vào ngày 27 tháng 10, thời điểm vẫn còn nằm trong mùa thu đầu tiên của cuộc chiến, Thủ tướng Asquith đã viết một lời bình phẩm khác càng cho thấy sự ngưỡng mộ của ông *đối với* Churchill. “Tôi không thể cưỡng lại việc chiều chuộng ông ta. Ông ta rất tháo vát và không biết nao núng. Đó là hai phẩm chất của ông mà tôi thích nhất”. Tuy nhiên, để đánh giá đúng đắn điều này, hãy để ý đến việc Churchill nói quá nhiều và thường nói về bản thân. Vì thế, Asquith đã viết vào ngày 8-12-1913: “Chúng tôi có một cuộc họp Nội các kéo dài gần ba giờ mà trong đó Winston nói hết 2 giờ 45 phút”. Và vào ngày 1-8 - 1914, lúc diễn ra cuộc họp Nội các căng thẳng kéo dài 2 giờ rưỡi với nguy cơ có nhiều người từ chức khi nước Anh tiến đến bờ vực của cuộc chiến, Asquith lại viết: “Không phải là cường điệu khi nói rằng Winston chiếm hết nửa thời gian cuộc họp”. Và khác với thói quen của ông trong các cuộc họp Nội các, Asquith đã đưa ra một nhận xét khái quát hơn về lối nói

chuyện của Churchill, “Ông ta không bao giờ hòa hợp với người đối thoại vì luôn tập trung vào bản thân, vào những mối quan tâm, và vào những chủ đề, của chính ông ta...”.

Asquith đã đánh giá thấp tương lai của Churchill. Tuy nhiên, xét từ những điều xảy ra trong sự nghiệp của Churchill trong một phần tư thế kỷ từ 1915 đến 1940, sự hoài nghi của Asquith đã gần đúng. Và hẳn sẽ là đúng hoàn toàn nếu cuộc chiến thứ hai với người Đức không theo ngay sau cuộc chiến thứ nhất.

Cả hai đoạn văn thích đáng nhất trong những lá thư của Asquith đều được viết từ đầu năm 1915. Ông đã viết vào ngày 9 tháng 2: “Vào lúc này, việc tiên đoán sự nghiệp của Winston về sau sẽ ra sao là điều không dễ dàng. Ở một chừng mực nào đó, ông ta được E. Grey và LI George che chở: ông ta luôn muốn liên minh và tái hợp với những người quen cũ, chủ yếu là để (đúng như người ta nghĩ) đưa F. E. Smith và có lẽ cả công tước vùng Marlborough vào làm việc trong chính phủ. Tôi nghĩ rằng rất khó biết trước được tiền đồ chính trị của ông ta”. Mặt khác, trong tháng 3, khi có người nói với Asquith rằng Churchill đang vận động để loại bỏ Grey ra khỏi Bộ Ngoại giao và đưa Arthur Balfour vào thay thế.

Ông ta thường xuyên gặp Balfour tại Bộ Hải quân, và tôi cho rằng Balfour đã nói rất nhiều điều với Churchill, những điều mà ông ta giữ kín cho riêng mình hoặc họa hoằn lắm thì cũng chỉ có thể thổ lộ với các cộng sự... Đáng tiếc là khả năng đánh giá sự tương quan về tầm quan trọng giữa mọi việc và bản chất trung thành của Winston đã không khá hơn... Tôi thật sự yêu mến ông ta, nhưng tôi không yên tâm lắm về sự nghiệp mai sau của ông ta.

Dù có những năng khiếu tuyệt vời, như tài hùng biện và khả năng làm việc ngày đêm, ông ta sẽ không bao giờ trở thành chính khách hàng đầu của nước Anh nếu không làm cho người khác tin tưởng.

Bất kể những lời chỉ trích này, Churchill vẫn là người nắm giữ chức vụ thủ tướng khi Thế chiến II đến và khi nó đã đi qua. Nhờ vào khả năng phán đoán và sự rộng lượng, Asquith đã có được cả Lloyd George lẫn Churchill trong chính phủ của mình, và vì để duy trì quyền lực nên đã quyết không để mất hai người này. Thậm chí khi tình hình đã thay đổi đến mức Churchill (trước đó trong khoảng thời gian 1915 - 1916 đã rất thất vọng về Asquith và tìm cách để được vào làm việc trong văn phòng của Lloyd George) đã trở thành thành viên của một chính phủ đã gạt Asquith ra khỏi Quốc hội trong năm 1918, và thực hiện một sự chuyển tiếp kỳ lạ sang Đảng Bảo thủ. Điều này chắc chắn không thu hút được sự ủng hộ hoặc ngưỡng mộ của Asquith. Vị thủ tướng già này vẫn còn muốn bầu bạn và đàm đạo với Churchill. Asquith đã viết sau đám cưới của Elizabeth Bowes-Lyon và Công tước xứ York (Vua George VI tương lai): “Tôi không còn buồn chán vì phải chờ đợi mỗi mòn khi ở cạnh Winston, một người luôn tươi tỉnh và thật sự thú vị. Anh ta giải thích với tôi một cách lý thú về chính sách xây dựng nhà ở với giọng điệu hùng hồn nhất”. Và hai năm sau, trong năm 1925, Asquith lại rộng lượng viết: “Trong bữa ăn trưa mà hai chúng tôi dùng chung với những người khác nữa, Winston Churchill trông rất đường bệ. Giữa các thành viên của Nội các, anh ta là đỉnh núi cao sừng sững giữa những đụn cát”.

Vì thế, trong khoảng thời gian 1913 - 1914, Churchill có được những lợi thế quan trọng từ mối quan hệ đồng minh với Lloyd George. Và ở một chừng mực nào đó, những lợi thế này có từ sự quan tâm và thiện cảm của Lloyd George và từ sự tôn trọng phần nào của Asquith. Vì không được các thành viên Nội các khác yêu mến nên Churchill cần đến sự nâng đỡ của cả hai người. Kẻ thù lớn nhất của ông là John Simon, một luật sư giỏi người có dáng vẻ và thái độ đạo mạo dễ gây thiện cảm đã tham gia Nội các từ tháng 10 năm 1913 với cương vị tổng chương lý (thật ra, sự hiện diện của một tổng chương lý trong Nội các là điều không bình thường). Vị trí thấp của John Simon trong Nội các vẫn không thể ngăn cản ông việc đâm thọc với Asquith về việc không cần thiết phải đưa

Churchill vào Nội các. Ông đã viết vào tháng 1 năm 1914, “Việc thiếu W. Churchill dù cũng đáng tiếc nhưng không vì thế mà sức mạnh của đảng (Đảng Tự do) bị suy yếu”. Thật ra, phần lớn dự thảo ngân sách của Bộ Hải quân chỉ có thể được thông qua khi Churchill ra đi. Đảng (Tự Do) mạnh hơn nhờ các thành phần cấp tiến và các nhà kinh tế (cụm từ được Asquith sử dụng để chỉ Churchill và Lloyd George vì hai người này không tán thành dự thảo ngân sách mà họ cho là phung phí, chứ không phải là các nhà kinh tế thật).

Asquith không sẵn sàng nghe theo lời khuyên ngạo mạn và thiên cận này. Dù vừa mới đề bạt Simon, và lại làm như thế trong tháng 5 năm 1915, khi đề cho Simon là bộ trưởng Nội vụ, thế nhưng chắc chắn là ông không hoàn toàn có thiện cảm với Simon. Qua quan hệ thư tín, Asquith đã gán cho Simon biệt danh “Người Hoàn Hảo” và “Ngài Sympne”. Rõ ràng cả hai biệt danh này đều bất lợi, và biệt danh “Người Hoàn Hảo” hơi tệ hơn vì thủ tướng (Asquith) cố tình chơi chữ khi chuyển từ “Người Hoàn Hảo” (Impeccable) thành “Người không thể lẫn tránh” (Inevitable) hay “Người không thể hoà giải” (Irreconcilable). Tuy nhiên, có khá nhiều người khác cũng cao ngạo giống như Simon, ít nhất là trong một giai đoạn ngắn nào đó. Vào ngày 29 - 1 - 1914, Simon đã viết một lá thư tỏ ý không tán thành các dự toán của Bộ Hải quân gửi cho Asquith. Trong đó, ông đã lôi kéo được thêm bốn thành viên Nội các khác cùng ký tên và thêm hai người nữa nói chung là tán thành ý kiến của Simon nhưng không muốn bị xem là “quá” thân thiết với ông ta.

Bức thư này đã ngay lập tức triệt tiêu hiệu quả của sự kêu gọi đoàn kết của chính nó và bộc lộ sự cảnh giác cao độ đối với xu thế mới. Nó không chỉ chống lại bảng dự toán của bộ trưởng Hải quân mà còn chống lại “kế hoạch đang được bộ trưởng Tài chính tạm đề xuất” để giải quyết vấn đề dự toán. Kế hoạch này ủng hộ phần lớn dự toán ngân sách 1914 - 1915 của Churchill dựa trên lời hứa sẽ giảm bớt chi tiêu vào những năm sau. Đây là nền tảng khả dĩ duy nhất có thể dựa vào để giải quyết khủng hoảng trước mắt mà không dẫn đến những vụ từ chức. Vì rõ ràng Churchill đã gợi ý sẽ từ chức ngay khi trở về sau chuyến nghỉ phép tại

Ý và Pháp trong dịp Giáng sinh (1913- 1914) và tân niên (nhiều trường hợp từ chức là do bất hòa với các đồng sự, thế nên sẽ dễ lấy lại bình tĩnh để suy nghĩ lại khi đi xa tách biệt phần nào với các đồng sự hơn là thường xuyên chạm trán với họ trong những vụ việc hàng ngày). Churchill quyết định giữ vững lập trường hạ thủy bốn chiến hạm trong khoảng thời gian 1914- 1915, và yêu cầu này về cơ bản đã được kế hoạch của Lloyd George hỗ trợ. Xét từ nhiều mặt, việc này giống một cách đáng ngạc nhiên với vụ “thỏa hiệp” trong năm 1909, tranh cãi về số lượng chiến hạm. Người thì đòi đóng sáu chiếc, kẻ lại chỉ tán thành bốn chiếc, kết quả là có đến tám chiếc được đóng.

Dĩ nhiên là, trong thời gian 1915 - 1916, sự thịnh vượng về kinh tế đã không xảy ra, cục diện thế giới đã đổi khác. Nhưng vì lúc ấy tình hình khá lộn xộn nên việc chống đối của các thành viên Quốc hội khác không được hoan nghênh. Chỉ có Asquith là kiên định. Ông luôn ủng hộ việc tăng cường sức mạnh của hải quân, cả trong thời McKenna lẫn Churchill. Nhưng ông vẫn nghĩ rằng không thể áp đặt quá sỗ sàng quan điểm của ông trên các đồng sự và những người ủng hộ. Ông đã có 25 năm tận tâm với chủ trương Tự do Bảo hoàng (Liberal Imperialism). Grey (với người cùng phe là Haldane) là người bạn lâu năm nhất của ông trốn chính trường, Churchill là thành viên trẻ nhất trong Nội các, nhưng sự tham gia của Churchill mang lại nhiều niềm vui nhất cho Asquith. Xem ra ông không muốn chống lại hai người mà ông có nhiều thiện cảm này.

Vụ việc sẽ không được giải quyết ổn thỏa nếu không có sự liều lĩnh quyết đoán và sự xích mích vào đầu tháng 2 giữa Churchill và Lloyd George, và thậm chí là giữa Churchill và Asquith. Vào thời điểm tồi tệ đó, chính Asquith, dựa trên sự tín nhiệm của Lloyd George, đã cứu nguy cho Churchill. Điều này đã được Churchill tỏ lòng biết ơn trong tác phẩm *The World Crisis* qua câu: “Thủ tướng (Asquith) đã kiên nhẫn vô bờ bến và âm thầm, kiên quyết ủng hộ tôi”. Sự kiên nhẫn của thủ tướng được gia cố bởi ý tưởng kỳ lạ cho rằng khi các lực lượng chống đối mệt mỏi, họ sẽ sẵn lòng chấp nhận thỏa thuận mà Asquith mong muốn ngay từ đầu. Điều này đã đạt được trong cuộc họp Nội các ngày 11

tháng 2.

Chủ đề duy nhất, nổi lên từ mùa thu 1911 đến tháng 8 năm 1914, cạnh tranh với ý định của Churchill trong vấn đề hải quân là vấn đề quyền tự trị của người Ireland. Đây là vấn đề chính trị nổi trội nhất trong nước thời kỳ này, ít nhất kể từ lúc Dự luật Tự trị của Ireland (Home Rule Bill), dù không hoà toàn vô bổ nhưng cũng bị cho là vô ích như tiến trình xét duyệt ba vòng của Quốc hội đối với nó. Bắt đầu được đưa ra xem xét trước Hạ viện trong tháng 4 năm 1912, cho đến cuối tháng 7 năm 1914, vấn đề Ireland vẫn còn gay gắt. Đến nỗi các bộ trưởng (và các chính khách khác) vẫn còn phải điên đầu cho đến sau vụ ám sát ở Sarajevo (vụ ám sát hoàng tử Áo Franz Ferdinand) xảy ra và một tuần trước khi Thế chiến I nổ ra lôi kéo sự quan tâm nhằm vào điều mà Churchill mô tả là “những con đường tắt lầy lội của khu vực bầu cử Bắc Ireland”. Họ chuyển sang những âm mưu vận động nhằm cổ vũ trước hết là nước Áo chống lại Serbia, kế đó là Nga chống lại Áo, Pháp chống lại Đức, và cuối cùng là sự nhập cuộc của nước Anh. Vì nước Anh phản ứng trước cuộc xâm lăng ở Bỉ và vì sợ rằng Đức sẽ nghiền nát Pháp và tiến hành cuộc chiến tiêu diệt châu Âu và hàng triệu cư dân của nó.

Churchill đã ba lần can thiệp vào những cuộc tranh cãi liên quan đến vấn đề Ireland. Lần thứ nhất là khi ông đến thành phố Belfast vào tháng 2 năm 1912. Ông đã đích thân phát biểu tại phòng hòa nhạc Ulster ở thành phố này, nơi tử thủ cuối cùng ở Bắc Ireland của những người Tin Lành Ireland và cũng là nơi vào 26 năm trước, cha của W. Churchill đã tuyên bố kiên quyết ủng hộ sự chống đối của lực lượng bán quân sự Ulster. Kế hoạch nguyên thủy, kế hoạch đã làm cho tình hình xấu thêm, là Winston Churchill đến đó để chia sẻ chỗ đứng với John Redmond, người lãnh đạo Đảng Dân tộc Ireland (và với cả Joseph Devlin). Vì mục đích của chuyến thăm này là kêu gọi sự ủng hộ Dự luật Ireland Tự trị ở Bắc Ireland, thế nên nó khó gây được thiện cảm. Thật ra, điều gây ấn tượng sâu sắc là Churchill đã quá hấp tấp khi nhập cuộc. Có lẽ do ông bị thuyết phục bởi thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng là nam tước Elibank, mà không nghĩ nhiều đến các

hậu quả. Bạn đồng sự trong Nội các của ông là Augustine Birrell, người giữ chức ngoại trưởng Ireland và cũng là người chịu trách nhiệm về trật tự trên toàn Ireland và phải lo về vấn đề an ninh của chuyến viếng thăm của Churchill, đã không được hỏi ý trước về các kế hoạch của Churchill. Vào ngày 28 tháng 1, Birrell đã khá lo lắng khi viết một lá thư than phiền với vấn đề then chốt là “Theo ý của riêng tôi, nếu ông tổ chức một cuộc họp, vấn đề đổ máu sẽ không xảy ra. Nhưng bài học được rút ra là: Trong tương lai, chúng ta đừng đả động gì đến vấn đề Ireland”.

Vào lúc ấy, Hội nghị hợp nhất Ulster (Ulster Unionist Council) đã được tổ chức và đã chuyển tải một nghị quyết nhấn mạnh rằng: “Đáng kinh ngạc là một sự thách thức có chủ ý đã được bộc lộ qua việc tổ chức một cuộc họp bàn về quyền tự trị của Ireland ngay tại trung tâm thành phố trung thành (với vua nước Anh) Belfast”, và “hội nghị này bày tỏ quyết tâm tiến hành các biện pháp nhằm ngăn chặn việc tổ chức cuộc họp như thế”. Quyết tâm này đã được cho là nguyên nhân dẫn đến một cuộc bạo loạn lớn. Trên thực tế đã có nhiều báo cáo của cảnh sát cho biết một số lượng lớn ốc vít và đinh tán đã bị tháo ra khỏi các kết cấu của nhiều xưởng đóng tàu. Điều này đã dẫn đến sự lạnh nhạt trong quan hệ thư tín giữa Churchill với người em họ là tử tước vùng Londonderry (tên một thành phố ở Bắc Ireland), người mà khi xuất hiện lần cuối trong sách của Churchill đã được mô tả là để cố gắng loại bỏ Churchill ra khỏi Câu lạc bộ quý tộc Carlton trong năm 1904. Tuy nhiên, âm mưu của những người chủ trương hợp nhất ở Belfast khá tinh vi chứ không chỉ là thực hiện một cuộc bạo loạn chống lại cuộc họp đòi tự trị. Phòng hòa nhạc Ulster đã được các đảng viên Đảng Tự do địa phương (không đông lắm) đặt hết vé vào ngày 8 tháng 2. Những người ủng hộ hợp nhất đã trả đũa bằng cách đặt hết vé vào ngày 7 tháng 2 và dự định tổ chức một cuộc biểu tình ngòi. Nếu muốn đuổi hết họ ra khỏi nhà hát vào ngày hôm sau, cần phải có một lực lượng cảnh sát rất lớn.

Thậm chí Churchill cũng phải thừa nhận rằng sự rút lui chiến thuật là cần thiết. Vào ngày 23 tháng 1, ông đã viết cho Redmond một bức thư dài và thận

trọng để giải thích rằng, dù muốn nói chuyện với Redmond trong một thành phố ở Anh là Manchester, ông nghĩ sẽ là thiếu khôn ngoan khi thực hiện cuộc nói chuyện này ở Belfast. Nhưng mười ngày sau đó, ông vẫn báo cho Clementine rằng: “Với bất cứ giá nào, đúng 8 giờ sáng ngày 8 tháng 2 tại Belfast, anh cũng sẽ nói về vấn đề quyền tự trị của Ireland”. Hai ngày sau, nhờ Birrell, ông đã thay đổi thời điểm cứng nhắc ấy để thực hiện cuộc nói chuyện vào lúc 2 giờ chiều Thứ bảy tại một lều bạt lớn được dựng lên trong sân của Câu lạc bộ bóng đá Celtic nằm ở cuối đường Falls. Nói cách khác, cuộc nói chuyện được tổ chức không phải ở trong trung tâm thành phố mà ở sâu trong khu vực của tầng lớp lao động Công giáo. May mắn là trưa hôm ấy trời có mưa, và chiếc lều bạt bị thấm nước. Tuy nhiên, một cử tọa gồm 5.000 người, có sự hiện diện dù hơi ân hận của nam tước vùng Elibank, người em họ Freddie Guest của Churchill, người kiên quyết mang theo một khẩu súng lục ổ quay trong túi quần. Và đáng ngạc nhiên là cả phu nhân Clementine Churchill, cũng đã lắng nghe bài nói chuyện của Churchill suốt hơn một giờ.

Đây không phải là một bài diễn văn nhằm cổ tình khiêu khích nhưng rất táo bạo và là một nỗ lực đáng nể, bởi nó nhằm thực hiện một điều vô cùng khó khăn chỉ hoàn toàn dựa vào uy tín của Churchill. Thắc mắc chưa có giải đáp là tại sao Clementine lại đến đó. Bà đã đi nghỉ đông, và sức khoẻ chưa hoàn toàn bình phục sau lần sinh Randolph, không lâu sau bà lại bị sẩy thai và được nam tước vùng Elibank khuyên là không nên đến. Vị nam tước này đã trách Churchill: “Kẻ thù sẽ ngay lập tức cho rằng chúng ta cố gắng làm giảm những khó khăn đang phải đương đầu bằng cách viện vào sự hiện diện của bà (Clementine). Với tinh thần rất dũng cảm hẳn là bà sẽ đến bên cạnh ông (Churchill), nhưng tôi cam đoan rằng đó là một sai lầm”. Nhưng bà đã đến, và tất cả đã rất lo sợ. Họ đi từ Stranraer vào ban đêm trên một chiếc thuyền, trong khi những phụ nữ đòi quyền bầu cử bao quanh khoang lái hô vang khẩu hiệu “quyền bầu cử cho phụ nữ”. Từ hải cảng Larne, họ theo tàu hỏa đi vào Belfast dưới sự bảo vệ của lực lượng cảnh sát rải đều dọc theo quặng đường cứ vài thước một người. Và họ đã tự sửa soạn

trước trong khoảng từ 4 đến 5 giờ tại khách sạn Great Central. Những năm đấm vùng lên đe dọa khi họ bước ngang qua hành lang, và suốt buổi sáng, đám đông thù địch khoảng 10.000 người đã la ó trên đường phố bên dưới các cửa sổ của khách sạn (lúc này trời chưa mưa). Những lời phản đối còn độc địa hơn nữa khi họ đi xe đến chỗ họp. Và đến khi vượt qua ranh giới giáo phận, họ mới nhận được sự vỗ tay thân thiện thay vì những lời phản đối đe dọa. Đã từ lâu, Ulster nổi tiếng là địa phương có đầu óc cục bộ bè phái. Thế mà con trai của ngài Randolph (cha của Churchill) và cháu gái của một nữ bá tước thuộc Giáo hội Trưởng lão phương Đông Scotland lại đích thân đến với “một khu vực bần hàn (một giáo khu Công giáo)”. Sau cuộc họp, họ đi theo một lối không ngờ để quay lại Lime, và về đến khu vực an toàn của Scotland. Hẳn là Clementine Churchill đã nhất quyết đòi đến với Churchill và ông đã không thể ngăn cản. Thật là bất thường khi chiếc xe lửa vũ trang đi xuyên qua các khu vực Swat, Omdurman, và Bắc Phi lại phải mang theo và bảo vệ một phụ nữ.

Có lẽ là Churchill đã không về thẳng London từ Stranraer mà phải hướng sang phía bắc để đến Glasgow. Tại đây ông đã đọc một bài diễn văn tai họa với mục đích là hướng sự chú ý của người Đức vào “kỳ nghỉ của hải quân”, điều mà người ta cho là ông đang chờ đợi. Bài diễn văn của ông dù hơi khó hiểu nhưng đồng thời lại có ý châm biếm mỉa mai.

Đối với chúng ta, Lực lượng Hải quân Anh là một đơn vị không thể thiếu... Lực lượng Hải quân Đức đối với người Đức thì thiên về tính xa xỉ nhiều hơn. Sức mạnh hải quân của chúng ta liên quan đến sự tồn tại của nước Anh. Đối với chúng ta nó là sự tồn tại, còn đối với người Đức lại là sự bành trướng. Chúng ta không thể đe dọa nền hòa bình của lục địa (châu Âu) cho dù lực lượng hải quân của chúng ta có mạnh đến đâu. Nhưng trái lại, đây là vận mệnh của dân tộc chúng ta. Toàn bộ những gì chúng ta có được qua rất nhiều thế kỷ hy sinh và tích lũy sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn nếu chúng ta không còn ưu thế về hải quân. Chính hải quân Anh đã giúp nước Anh trở thành một đại cường quốc, thế nhưng nước

Đức đã sẵn là một đại cường quốc được toàn thế giới tôn trọng ngay khi họ chưa hề có một tàu chiến nào.

Cụm từ “hạm đội xa xỉ”, cho dù được dịch sang tiếng Đức chính xác hoặc không, đã bị người Đức xem là có ý khiêu khích và coi thường họ. Chính Churchill khi quay về London đã cảm nhận được sự lạnh nhạt thấy rõ ở các đồng sự của ông trong Nội các. Toàn bộ việc thay đổi thái độ của Churchill là một hành động liều lĩnh rất điển hình của ông: ở Belfast, ông đã táo bạo khiêu khích những người Tin Lành Ulster, và ở Glasgow ông đã khiêu khích cả người Đức lẫn cánh chủ hòa trong Đảng Tự do. Cũng là điều thường thấy ở Churchill, ông không có thời gian suy nghĩ nhiều giữa hai bài diễn văn, dù hai bài diễn văn đều quan trọng nhưng khác nhau này chỉ cách nhau 30 giờ.

Lần thứ hai Churchill can thiệp vào sự việc ở Ireland là vào tháng 9 năm 1913 khi ông dừng chân ở Balmoral trong cương vị là bộ trưởng tháp tùng Bonar Law, và sau đó trong năm thứ hai lãnh đạo Đảng Bảo thủ của ông ta. (Vào thời này các vị vua giao tiếp nhiều hơn với các chính khách). Nói chung, cũng giống như Asquith, Churchill không quan tâm nhiều đến Bonar Law. Tuy nhiên, trong một lần gặp mặt, không khí cao nguyên và sự hiếu khách của hoàng gia đã giúp cho hai người có một cuộc nói chuyện mang tính xây dựng. Với hai phong cách khác nhau, nhưng cả hai đều nóng lòng muốn mang lại sự hòa giải cho Ireland còn hơn cả mức độ có thể đoán biết được qua những tuyên bố công khai của họ. Churchill đã báo cáo điều này với Asquith, và đã dẫn đến ba cuộc gặp mặt phần nào bí mật giữa thủ tướng (Asquith) và Bonar Law. Những cuộc gặp mặt này nhằm tìm kiếm một số biện pháp khả dĩ nhằm giải quyết vấn đề Ulster, hoặc ít nhất là cho khu vực có đại đa số là tín đồ Tin Lành ở vùng này. Theo tuyên bố của Churchill, đây là giải pháp mà ông đeo đuổi từ lâu. Trong tác phẩm *The World Crisis*, ông đã viết: “Ngay từ những cuộc thảo luận đầu tiên về Dự luật Ireland Tự trị trong năm 1909, bộ trưởng Tài chính và tôi luôn ủng hộ việc loại trừ Ulster trên cơ sở sự chọn lựa ở địa phương hoặc trên một số thủ tục tương tự”.

Trong một ghi chép ghi lại cuộc đàm luận dài với Austen Chamberlain về vấn đề Ireland khi Churchill đưa ông lên du thuyền Đại mỹ nhân để cùng tham dự chuyến du lịch ngắn ngày trên biển trong tháng 11 năm 1913, một quan điểm tương tự đã được đưa ra với một thông tin bổ sung cho biết rằng trong uỷ ban Nội các ở Loreburn, vị chủ tịch Thượng viện (Robert Threshie Reid, giữ chức vụ cho đến năm 1912) đã gạt bỏ nó. Điều này khá khó hiểu vì không thể tin được rằng, Lloyd George và Churchill, hai nhân vật quyền thế nhất và là hai thành viên giỏi hùng biện nhất trong chính phủ lại không thể thắng một luật sư Scotland ngang ngạnh (một luật sư là một tàn tích của chính phủ Campell-Bannerman chứ không phải là thành phần nòng cốt của chính phủ Asquith). Tuy nhiên, điều không thể bàn cãi là vào mùa thu năm 1913, Churchill, dù có khuynh hướng đặc thù là công khai biểu lộ thái độ hung hăng hiếu chiến, nhưng lại trở thành người tích cực tìm kiếm biện pháp hòa giải cho Ulster. Nếu không vì sự xác minh của Bonar Law và Chamberlain, hầu như không thể tin rằng Churchill có quan hệ mật thiết với F. E. Smith, người có quan điểm trái ngược với Churchill trên chủ đề này.

Trong lần can thiệp quan trọng thứ ba vào tình hình Ireland, Churchill đã chuyển sang thái độ hung hãn công khai. Tháng 3 năm 1914, cũng giống như những nỗ lực khác nhằm tìm giải pháp cho Ulster, những cuộc họp bàn Asquith - Bonar Law đã chẳng đi đến đâu, và sự quan tâm đã chuyển sang những vấn đề quân sự. Liệu lực lượng dân quân ủng hộ hợp nhất (Ulster Volunteers: tổ chức bán quân sự của tín đồ Tin Lành chống lại chủ trương Ireland tự trị) có thực hiện những hành động tấn công các vị trí quân sự trong vùng hay không? Vào ngày 20 tháng 3, cái gọi là cuộc binh biến ở Curragh (sở chỉ huy quân đội chính của Ireland, nằm gần thủ đô Dublin), chỉ là sự kiện mang tính chất của một trận đánh nhỏ giữa các vị tướng hơn là một cuộc binh biến nghiêm trọng chống lại lệnh thực thi quyền tự trị ở Ulster. Trong bầu khí bất hòa này, Churchill đã đọc một bài diễn văn có khả năng châm thêm dầu vào lửa tại Bradford vào ngày 24 tháng 3. Đôi lúc ông đã phát biểu ở đó và không thể biết trước được là thời điểm mà

ông lựa chọn thích hợp (hoặc không thích hợp) đến mức nào. Cũng giống như đối với những bài diễn văn phát biểu trong những dịp trọng đại khác, ông đã rất cẩn thận khi đọc nó. Có một sự mô tả đáng nhớ kể về việc ông đến Bradford vào chiều hôm đó, mang theo hai bình khí ôxy và chắc chắn là cả đoàn tùy tùng thích hợp, mà nhiệm vụ của một thành viên trong đoàn tùy tùng là bơm khí ôxy cho ông trước cuộc họp để bảo đảm sự minh mẫn cần thiết.

Bất chấp sự kích thích, phần lớn những gì ông nói là đáng tin cậy. Mục đích chính của ông là cảnh báo những người muốn thách thức quyết định của Quốc hội bằng vũ lực. Ông kết luận: “Nếu đó là việc phải làm, chúng ta sẽ tiến tới và sẽ thử thách những vấn đề trọng đại này”. Cũng giống như phần lớn những cụm từ nổi tiếng khác của ông, nó chứa đựng một sự mơ hồ. “Chúng ta” ở đây là ai, chúng ta tiến tới đâu, và chính xác thì nên thử thách những vấn đề (trọng đại hoặc không trọng đại) này ra sao? Nhưng xem ra đối với phe hợp hiến, nó có giọng điệu đe dọa phù hợp, và được hậu thuẫn bởi việc ông ra lệnh cho Hạm đội III đến đậu ngoài khơi đảo Arran. Nói cách khác, hạm đội chỉ cần đi trong khoảng một giờ là đến bờ biển Ireland.

Bài diễn văn cùng với việc triển khai hải quân được những người ủng hộ hợp nhất (những người chống lại Dự luật Ireland Tự trị) xem là mang tính khiêu khích cao. Chúng dẫn đến việc Edward Carson công kích Churchill một cách hiểm độc tại Hạ viện năm ngày sau đó. Đây là khúc dạo đầu của việc Carson tính thời điểm rất khôn khéo cho chuyến đi đầy kịch tính trên xe lửa đưa thư đến Belfast, cố tình để lại sự hoang mang là không biết có phải là ông đến đó để tuyên bố về cuộc nổi dậy của một chính phủ lâm thời hay không. Chúng làm tăng mức độ không ưa và không tin tưởng có sẵn của Đảng Bảo thủ đối với Churchill. Tuy nhiên, bài diễn văn cũng củng cố với mức độ tương tự vị trí của Churchill trong lòng các thành viên Đảng Tự do bên trong và ngoài Hạ viện. Điều này chứng minh Churchill không phải là một bộ trưởng chỉ biết đưa ra các bản dự toán hải quân có chi phí cao. Bài diễn văn này còn làm tăng mức tín nhiệm của người đứng đầu chính phủ đối với Churchill. Nó đã ghi dấu ấn sâu

đậm trong ký ức của Asquith, đến nỗi ông đã trích một đoạn dài trong bài diễn văn để đưa vào tác phẩm *Fifty Years of Parliament* (1916), và thừa nhận rằng đây là một đoạn trích dẫn gần như là nguyên văn, “một bằng chứng cho thấy rằng thế kỷ 20 là thế kỷ nổi trội về tài hùng biện”. Sự tương phản giữa hành động âm thầm, tìm kiếm sự hòa giải, và sự hư trương công khai, chính là đặc điểm trong phong cách của Churchill. Ông luôn tin tưởng vào sự khoan dung của kẻ nắm giữ thế thượng phong.

Vấn đề Ireland vẫn chưa ngã ngũ qua một hội nghị được tổ chức tại Điện Buckingham từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 7, hội nghị này cũng vô ích như là những cuộc đàm phán giữa Asquith và Law tám tháng trước. Nhưng khủng hoảng đang gia tăng ở châu Âu ngày càng làm giảm mức độ quan tâm đối với nó và cuối cùng hoàn toàn che lấp nó. Giữa trận bão đang hình thành, Churchill là một sức mạnh kiên định và có tính quyết định đối với cuộc chiến và kể đó là đối với, thậm chí còn có tác động mạnh hơn nữa, Nội các. Ông cương quyết ủng hộ lập luận của Grey cho rằng thái độ trung lập trước cuộc chiến ở Bỉ là một sự thỏa hiệp làm nguy hại đến an ninh của nước Pháp. Vào ngày 28 tháng 7, ông ra lệnh cho Hạm đội III giữ nguyên đội hình tại chỗ sau khi kết thúc cuộc vận động ở Bắc Ireland. Vào những ngày sau đó, dựa trên quyền lực của chính mình, ông đã đưa ra những quyết định động viên. Asquith đã thông báo với người bạn sau cuộc họp Nội các ngày 1 tháng 8: “Winston tỏ ra rất hiệu chiến và yêu cầu huy động quân đội ngay lập tức”.

Churchill còn liên tục nhắc nhở một cách thân thiện Lloyd George để giữ bên mình một cựu đồng minh tích cực trong chính phủ và để ngăn ngừa sự chia rẽ nghiêm trọng trong Nội các. Việc từ chức để tỏ thái độ chống chiến tranh của Bums và Morley tương đối không quan trọng. Trái lại, sự ra đi của Lloyd George hẳn là một thảm họa. Vào ngày 1 tháng 8, trong cuộc họp Nội các, Churchill đã chuyển cho Lloyd George tờ ghi chú viết rằng: “Đừng quên vai trò của ngài ở Agadir. (Churchill muốn nói đến cuộc khủng hoảng giữa Pháp và Đức ở Agadir đã tạo điều kiện cho Pháp, trong năm 1913, chiếm hầu như toàn bộ vương quốc

Morocco). Tôi yêu cầu ngài đến và mang theo sự hậu thuẫn hùng mạnh của ngài để chúng ta có thể thực hiện nhiệm vụ”. Ông viết thêm: “Sau đó, bằng cách tham gia vào tiến trình hòa bình, chúng ta có thể điều chỉnh kết quả được giải quyết và ngăn cản việc khôi phục những điều kiện của năm 1870” (đây không phải là một trong những dự đoán mà Churchill mong muốn biến thành sự thật). Tại cuộc họp Nội các vào ngày hôm sau, Churchill lại chuyển cho Lloyd George một tờ ghi chú khác: “Nếu hợp sức, chúng ta có thể thực hiện một chính sách xã hội to lớn... Chính sách mà ngài đã dạy cho tôi. Một cuộc chiến được giải quyết bằng hải quân sẽ không tốn kém nhiều, không nhiều hơn 25 triệu bảng một năm”. Những dự đoán này không chính xác bằng dự đoán trước, nhưng vào lúc này Lloyd George đã chậm chạp bất quyết hơn Asquith và Grey trong việc tuyên chiến với Đức một khi Đức xâm lược Bỉ.

Hai ngày sau, quân đội Đức vượt qua biên giới Bỉ và khơi mào cuộc chiến ở châu Âu, một hành động chưa từng có tiền lệ trong lịch sử hiện đại. Churchill đã không ngờ sự kiện này xảy ra và vẫn còn hy vọng. Asquith đã viết sau khi Nội các họp bàn về vấn đề gửi tối hậu thư vào nửa đêm cho Berlin: “Winston, người đã chuẩn bị tinh thần cho cuộc chiến, đang rất nóng lòng tiến hành một trận hải chiến vào rạng sáng ngày mai. Điều này đã dẫn đến việc hải quân Anh tìm cách đánh chìm tuần dương hạm *Goeben*.¹⁸ Lòng tôi trĩu nặng muộn phiền khi nghĩ đến toàn bộ vụ việc”. Đối với Churchill, đây là thời điểm vô cùng quan trọng mà từ thời còn trai trẻ chưa có địa vị, ông đã ý thức chuẩn bị cho bản thân và ghi lại toàn bộ các diễn biến trong từng biến động ở thuộc địa.

Tuy nhiên, cho dù là trong những giấc mơ, ông cũng không thể nghĩ rằng hai cuộc thế giới đại chiến lại tác động sâu sắc, tốt có xấu có, đến cuộc đời hoạt động chính trị còn lại của ông.

PHẦN III

- - - - -

BUỔI TRƯA CHÁY BỎNG
(1914-1918)



Chương 13

VỊ BỘ TRƯỞNG VẮT VÀ

Vào những ngày đầu của cuộc chiến, Churchill bận bịu với trăm công ngàn việc. Clementine vẫn ở lại quận Norfolk trong một căn nhà thuê tại làng Overstrand suốt tháng 8 cho đến tháng 9 khi sắp sinh đứa con thứ ba là Sarah. Điều kỳ lạ là dù bà rất yếu sau những lần mang thai nhưng Churchill vẫn không khuyên bà quay về London. Bà đang ở một nơi dễ bị tấn công ở vùng bờ biển phía đông. Và nhiều ghi chép của Nội các trước chiến tranh đã nói về những lần nơi này bị người Đức tấn công bất ngờ và thậm chí có lần họ còn xâm lược với quy mô lớn.

Thế nhưng bà vẫn ở lại Overstrand, và Churchill vẫn ở trong dinh thự Bộ Hải quân, làm việc miệt mài và ngủ ít. Những lúc không ở trong phòng làm việc, ông đi một cách oai vệ trên đường phố Whitehall với vẻ mặt cau có xen lẫn nét mãn nguyện. Đối với “các chính khách đáng kính của Đảng Tự do” (cụm từ được ông sử dụng trong tác phẩm *The World Crisis*), thì chiến tranh, cho dù cần thiết, là một bức tranh thô lương xa lạ. Khi Kitchener tham gia Nội các với vai trò là cố vấn cho chính phủ về vấn đề chiến tranh vào ngày 6 tháng 8, ông ta đã chiếm vị trí giữa thủ tướng và Churchill, vị trí trước kia của John Morley. Rõ ràng là ông ta rất thông thạo về một số kiểu chiến tranh nhưng lại hoàn toàn xa lạ với vấn đề chính trị. Vì thế Churchill ở vào một vị trí với quyền lực rất mạnh. Thậm chí *The Times*, tờ báo thường không nhiệt tình ủng hộ Churchill, đã viết trong số báo buổi sáng ngày 4 tháng 8 rằng ông là vị bộ trưởng “làm chủ tình thế và có những nỗ lực trên cả tuyệt vời khi cố gắng hoàn thành vai trò này”. Ông đã bày tỏ lòng

biết ơn bằng cách mời chủ bút của *The Times* là Geoffrey Robinson (về sau đổi tên thành Dawson) đến dùng bữa tối tại dinh thự của Bộ Hải quân cùng với em trai và mẹ. Việc Churchill mời Geoffrey Robinson đến dùng bữa mang theo người nhà trong buổi chiều hôm ấy cho thấy Churchill cảm thấy cô đơn vì không có sự hiện diện của Clementine. Và sự thay thế của Robinson là bằng chứng sống động của tâm trạng chung (ngắn hạn) mà về sau đã được Churchill minh họa bằng cách trích dẫn lời của thi sĩ Dryden:

Người ta hất mặt lên khi gặp nhau

Họ bước chân cao hơn

Bạn bè vội vã khi chào hỏi nhau

Và những kẻ thù lâu đời chào nhau khi đi ngang qua nhau.

Tất cả những gì mà Churchill cần cho vị trí đầy quyền lực của ông và cho cơ hội củng cố nó là những tàu chiến (mà nhiều chiếc được thiết kế rất tốn kém) để bảo đảm cho chiến thắng đã được đại đa số người Anh tin tưởng chờ đợi. Thế nhưng phần lớn là sự thất bại triền miên. Định mệnh và có lẽ là cùng với một hoặc hai nhân tố khác nữa đã chống lại họ. Bất hạnh đầu tiên xảy ra ở vùng Địa Trung Hải và xảy ra ngay khi cuộc chiến chỉ vừa mới bắt đầu. Sự bề mặt nhỏ này đã trở thành một sự thất bại hoàn toàn vào ngày 9 và 10 tháng 8. Hải quân Anh không bị mất một tàu chiến nào. Nhưng chiến hạm Anh và các sĩ quan chỉ huy đã giống như là những người bị bịt mắt trong trò chơi trốn tìm khi phải đương đầu với *Goeben*, chiếc tàu này cùng với chiếc *Breslau*, là hai tàu chiến duy nhất của Đức hoạt động ở vùng Địa Trung Hải. Vào ngày 10 tháng 8, sau cuộc đuổi bắt phí công vô ích của Hải quân Hoàng gia Anh, *Goeben* và *Breslau* đã an toàn về đến Constantinople, điểm neo đậu của chúng trong suốt cuộc chiến mà người Anh không ngờ đến. Tại đây, trên danh nghĩa, chúng được bán cho người Thổ và giúp lôi kéo người Thổ về phe Đức vào ngày 1 tháng 11.

Toàn bộ các sự kiện này là một khởi đầu không may mắn của Hải quân Anh.

Đô đốc Hải quân Anh Troubridge đã bị đưa ra tòa án quân sự cho được xử vô tội. Một đô đốc khác là Berkeley Milne chỉ còn được một nửa mức lương cho đến khi cuộc chiến kết thúc. Và Beatty, khi ấy là phó đô đốc chỉ huy đội tuần dương hạm của hạm đội Grand Fleet, đã mô tả rõ ràng nhuệ khí của hải quân trong bức thư gửi cho vợ vào ngày 11 tháng 10: “Cứ nghĩ đến việc Thượng đế để cho hải quân trở thành lực lượng đầu tiên và duy nhất mang lại thất bại cho nước Anh là tôi phát ốm”.

Ấn tượng rõ ràng đọng lại trong tâm trí những người bình thường khi lần đầu đọc được chi tiết về sự kiện không may này là những chỉ thị đến từ Bộ Hải quân không gì khác hơn là những tai họa. Nếu truyền thông bị cắt đứt, các sĩ quan cao cấp tại chỗ dù vốn đã không giỏi lắm của hải quân có thể không hành động tệ đến thế, mà có thể đã có hành động tốt hơn. Tuy nhiên, Churchill là người phải trực tiếp gánh chịu trách nhiệm đối với hầu hết các thông điệp mang lại sự bất hạnh. Không chỉ vì ông là bộ trưởng nên phải chịu trách nhiệm trên danh nghĩa đối với mọi lỗi lầm của bộ. Churchill, cùng với Đô đốc Hải quân, đã cố tình tạo ra một chế độ chỉ huy có mức độ tập trung quyền lực cao. Ông đã rất hãnh diện khi mô tả điều này trong tác phẩm *The World Crisis*: “Khoác lấy quyền lực đáng kính trọng tích lũy suốt nhiều thế kỷ của truyền thống hải quân và được trang bị đầy đủ nhất vốn liếng tri thức hiện có, bộ chỉ huy hải quân nắm giữ một sức mạnh mà không ai dám thách thức”. Và bên trong Bộ Hải quân, “sức mạnh không ai dám thách thức” ấy đã được sử dụng, không phải là bởi toàn bộ thành viên của bộ chỉ huy mà bởi một nhóm gồm hai người, một là cựu bộ trưởng dân sự và một là thủy thủ chuyên nghiệp, đó là bộ trưởng Hải quân và Đô đốc Hải quân.

Theo lời của chính Churchill, toàn bộ hệ thống này khác hẳn hệ thống thịnh hành ở Đức. Ở Berlin, bộ trưởng Hải quân, cho dù chính đô đốc von Tirpitz giữ chức vụ này, là một nhân vật không có thực quyền. Quyền hạn của ông ta bị giới hạn vào việc quản lý các vụ việc thường nhật và không có quyền chỉ huy hoạt động của các hạm đội. Có một điều không rõ là hoàng thân Louis vùng

Battenberg, một đô đốc dù thiếu quả quyết nhưng chín chắn, có thể cộng tác bình đẳng đến mức nào. Nhất là khi ông ta là đối tượng của óc bài ngoại (vì là một hoàng thân Đức), trong khi Churchill không chỉ là một nhà hùng biện tài giỏi, mà còn là một người khó ngăn chặn. Churchill nổi tiếng và có một quyền lực chính trị đáng kể. Ông còn có khả năng, tranh luận, hơi thiên về khuynh hướng gây tranh cãi, điều làm cho ông trở thành người hầu như không thể phản bác trong mọi cuộc tranh luận tay đôi. Vì thế hẳn ông là người có toàn quyền, hầu như là duy nhất, đối với việc chỉ huy hải quân trong vài tháng đầu của cuộc chiến.

Những tháng này bắt đầu không suôn sẻ. Và thành công âm thầm của việc đưa sáu sư đoàn quân thường trực của Anh sang Pháp mà không gặp phải trở ngại nào, hoàn tất vào ngày 29 tháng 8, đã chẳng thu hút được sự quan tâm. Đây là một vấn đề đặc thù trong lực lượng hải quân Anh phát xuất từ ưu thế của họ: vai trò “ngăn chặn lực lượng đối phương” của hải quân hoàng gia Anh không phải là vai trò có thể có được sự ca ngợi của công chúng Anh. Có một mâu thuẫn cơ bản giữa lý thuyết phức tạp về ưu thế trên biển của Anh và mong muốn hải quân Anh giành được nhiều chiến thắng của báo chí Anh (và có thể là cả công chúng). Những mục tiêu chính mà vì đó hải quân Anh quyết giành lấy ưu thế trên biển gồm bảo vệ an toàn cho việc liên lạc giữa nước Anh và lực lượng viễn chinh ở miền bắc nước Pháp, cấm chân Hạm đội Đức (German High Seas Fleet) buộc chúng phải neo đậu tại chỗ, ngăn chặn hàng hóa nhập vào nước Đức, và duy trì an toàn cho việc đưa hàng hóa từ nước ngoài vào nước Anh, không phải là những vấn đề chiếm lĩnh các trang đầu của báo chí Anh. Chúng là những yếu tố cần thiết giúp nước Anh không bị đánh bại nhưng không tạo ra chiến thắng. Mãi đến tháng 6 năm 1916, khi hạm đội Đức đương đầu với hải quân Anh trong một trận chiến bất phân thắng bại ở Jutland, và vào đầu năm 1917, khi tàu ngầm của Đức đe dọa cắt đứt sự liên lạc của Anh ở vùng Bắc Hải - Đại Tây Dương, những mục tiêu chiến lược quan trọng này mới bị đe dọa nghiêm trọng. Theo bản năng, Churchill gần gũi với giới báo chí hơn là với những nhà chiến lược

tin tức nhất của hải quân. Thật ra, có người cho rằng ông luôn xem các hạm đội giống như là các đội kỵ binh có vai trò tấn công chứ không phải là phòng tỏa. Do đó, các kết quả tiêu cực không thể thỏa mãn được mong đợi của ông, trong khi các thành tích tích cực thì lại không thể đạt được suốt 5 tháng cho đến hết năm 1914.

Sáng ngày 22 tháng 9, ba tuần dương hạm già cỗi của Anh, được gọi chung là “những tuần dương hạm Cressy”, đã bị tàu ngầm Đức đánh chìm ngoài khơi vùng bờ biển Hà Lan với khoảng 1400 người chết. Những tàu chiến này đã nằm trong một vị trí nguy hiểm. Và một lần nữa các chỉ thị của Bộ Hải quân Anh, được chuyển tải trong bức điện tín ngày 19 tháng 9, được cho là nguyên nhân của thảm họa, dù đây là lần Churchill không đích thân đưa ra các chỉ thị. Ông đã không thấy hoặc thông qua bức điện tín tai hại này, nó do Battenberg (hoàng thân Louis) thực hiện, và vì thế chế độ lương đầu chế mà ông tạo ra cho Bộ Hải quân đã bị xem xét lại. Kết quả là một tổn thương kép. Churchill phải hứng chịu phần lớn sự công kích của công luận vào thời điểm mà uy tín của ông đã sụt giảm sẵn. Và Battenberg phải chịu đựng sự dằn vặt nội tâm, cùng với sự công kích ngày càng tăng nhắm vào việc ông là “người Anh không thuần chủng” đã dẫn đến việc ông phải từ chức năm tuần sau đó. Điều này xảy ra đồng thời với việc chiến hạm *Audacious* của Anh bị đắm, do ngư lôi, ngoài khơi vịnh Lough Swilly ở vùng bờ Bắc Hải - Ireland, nơi được cho là an toàn vì thuộc vùng biển quê nhà. Nửa tuần sau, thiếu tướng hải quân Cradock đã thua trong trận hải chiến Coronel, ngoài khơi vùng bờ biển của Chile. Ông đã chết cùng với 1.600 người, và trong trận này, hải quân Anh bị mất hai tuần dương hạm *Monmouth* và *Good Hope*. Hải quân Anh đã rửa hận cho mối nhục bằng chiến thắng trong trận hải chiến Falklands khi lực lượng của đô đốc Sturdee đánh chìm bốn chiến hạm của Đức, trong đó có hai tuần dương hạm bọc thép là *Gneisenau* và *Scharnhorst*. Trong trận này, hải quân Anh bị tổn thất rất nhẹ, nhưng đối với công chúng Anh, năm tuần chờ đợi để trả thù là quá dài.

Vào ngày 3 tháng 11, cảng Yarmouth của Anh đã bị bắn phá nhẹ, và sau đó,

ngày 16 tháng 12, ba thị trấn duyên hải của Anh là Scarborough, Whitby và Hartlepool đã bị bắn phá nặng nề. Điều tồi tệ hơn những tổn thất thật sự chính là nỗi sợ hãi (về sau hóa ra không đúng) cho rằng những đợt bắn phá này chỉ là khúc dạo đầu cho đợt tấn công dữ dội hơn của quân Đức ở vùng duyên hải Anh. Ngoài việc báo chí và công chúng Anh tha hồ thóa mạ việc một lực lượng hải quân hùng hậu nhất thế giới lại để cho đối phương ngang nhiên tấn công vào vùng bờ biển nước mình.

Nhìn chung, đây là một mùa thu đáng thất vọng của hải quân Anh. Dựa vào tầm cỡ của nó, hơn 1.000 tàu chiến đủ loại được bố trí khắp thế giới, các tổn thất mà hải quân Anh đã gánh chịu không nghiêm trọng cho lắm và không dẫn đến nguy cơ bại trận, thế nhưng chúng làm giảm nhuệ khí của 150.000 sĩ quan và thủy thủ (trong năm 1913, và tăng lên đến 400.000 trong năm 1918) trên 1.000 chiếc tàu và các cơ quan đầu não của Bộ Hải quân. Và không có người nào khác trong Bộ Hải quân bị chỉ trích nặng nề như là vị bộ trưởng dân sự của họ, người có rất nhiều kẻ thù trên chính trường, và cả một số kẻ thù trong Bộ Hải quân. Không có gì lạ khi về mặt rạn rở và đáng đi hân hoan đầu tháng 8 của Churchill biến mất vào những ngày đen tối giữa mùa thu. Như chính ông đã viết sau này: “Không có giai đoạn nào trong cuộc chiến khiến tôi cảm thấy nặng nề cho bằng khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 1914”.

Đừng nghĩ rằng tâm trạng ấy hủy diệt dũng khí và sức bật của ông. Vào ngày 27 tháng 10, thủ tướng đã ca tụng ông: “Churchill rất khéo xoay sở và không nản lòng, hai phẩm chất mà tôi thích nhất ở ông ta”. Tuy nhiên, nhiều người đã nghĩ rằng con đường sự nghiệp của ông sẽ không còn xán lạn. Sau cuộc họp Nội các ngày 4 tháng 11, Asquith đã viết cho nhà vua: “Nội các cho rằng vụ việc này [thua trận ở Coronel], cũng giống như việc để cho tuần dương hạm *Goeben* chạy thoát, và việc mất ba tuần dương hạm là việc đáng hổ thẹn của các sĩ quan hải quân”. Tuy nhiên, điều mà Churchill quan tâm nhất hẳn là việc ngay vào lúc ấy, David Beatty, người trong khoảng thời gian 1911-1913 là phó tư lệnh hải quân, một nhân vật nòng cốt trong bộ, đã viết thư cho vợ: “Giá mà Bộ Hải quân có

được một nhân vật giống như Kitchener, hẳn chúng ta đã làm được rất nhiều điều, và tình trạng tồi tệ hiện nay trong các vụ việc của Bộ Hải quân hẳn đã không tồn tại. Thật không thể hiểu được những điều ngớ ngẩn và những sai lầm mà chúng ta đã và đang tạo ra”. Đặc điểm kỳ lạ trong mùa thu đầu tiên của cuộc chiến là Churchill, người từng luôn nghĩ về hải quân trong thời bình và là một “sinh vật biển sống trên cạn” lại bị quyến rũ bởi các hoạt động quân sự trên bộ. Ông không chỉ đảm nhận quá nhiều trách nhiệm đối với việc ban bố các lệnh hải hành đầy chi tiết, mà còn cho rằng có thể thực hiện điều ấy trong khi để cho tâm trí bị chi phối bởi những cuộc xung đột quân sự ở Pháp và Bỉ, và đôi khi còn mong trở thành một vị tướng lục quân hơn là một bộ trưởng Hải quân. F. E. Smith, một người bạn của Churchill, đã nói về ông rằng: “Không một bộ nào, không một cuộc chiến nào, có thể đủ để thỏa mãn ông ta”.

Thái độ lưỡng phân bất quyết đã được bộc lộ rõ nhất trong hành động mạo hiểm của Churchill tại cảng Antwerp (Bỉ) trong khoảng thời gian từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 10. Chiến thắng của người Pháp trong trận chiến ở Marne ngày 6 đến ngày 10 tháng 9 đẩy quân Đức sang bờ trái của sông Marne và ngăn chặn cuộc tiến quân của tướng Đức Moltke trở thành một chiến thắng dễ dàng (giống như tướng Rundstedt sẽ thực hiện vào năm 1940). Sau đó là giai đoạn được gọi là Cuộc chạy đua ra biển, với việc hai bên đào các tuyến chiến hào dọc theo mặt trận. Và cho dù số thương vong là rất lớn nhưng tình hình không thay đổi nhiều cho đến tận năm 1918. Nhìn chung, điều vô cùng quan trọng đối với việc tiếp tế và liên lạc của quân Anh là, khi hai phe tham chiến đã tiến ra biển, các hải cảng quan trọng phải nằm trong tay quân đồng minh. Quân Anh rất cần đến các cảng Boulogne, Calais, và Dunkirk, dù việc giữ cho quân Đức không chiếm được Ostend và Antwerp (hai hải cảng ở Bỉ) cũng vô cùng quan trọng đối với họ. Tuy hải cảng sau cùng không nằm bên Eo biển Anh nhưng cũng có vai trò quan trọng vì việc kiểm soát vùng cửa sông Scheldt là mục tiêu sống còn của nước Anh ít nhất là 200 năm, và vì chính phủ Bỉ đã dời về đây sau khi bỏ Brussels. Vì thế, việc Antwerp thất thủ đồng nghĩa với việc kết thúc sự cầm cự có hiệu quả

trên đất Bỉ.

Churchill thường đến Dunkirk, nơi ông đã thiết lập một phi đội máy bay hải quân và nhiều đơn vị xe bọc thép (dưới sự chỉ huy của hải quân) được cải tạo từ những chiếc Rolls-Royces hiện có. Với vài tấm thép che chở (giống như xe của nhiều vị đại sứ Anh trong thập niên 1970 khi nạn khủng bố thịnh hành) và mang theo trang thiết bị để làm cầu vượt trên những khúc đường bị đứt, Churchill đã làm cho chúng trở thành các nguyên mẫu của xe tăng sau này. Tối ngày 2 tháng 10, khi đang trên đường đi thị sát mặt trận, đoàn xe lửa của Churchill đã dừng lại tại Kent và quay về. Xét từ tính độc đoán và dễ cáu giận của Churchill, hàm ý từ ghi chép của chính ông có điểm hơi vô lý. Theo đó, ông đã không rõ lý do của việc phải quay về cho đến khi đến ga Victoria và được triệu tập đến cuộc họp tại nhà của Kitchener ở phố Carlton Gardens. Tại đây, ông gặp cả Edward Grey, Battenberg và một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao (Tyrrell). Sở dĩ có buổi họp kín ở phố Carlton Gardens này là vì người ta nhận được một bức điện tín từ một bộ trưởng Anh ở Bỉ gửi về cho biết “Ủy ban Quân sự Tối cao [của Bỉ], với sự hiện diện của nhà vua [Albert], đã quyết định sơ tán ra khỏi Antwerp vào hôm sau để đến Ostend”. Ngay lập tức, Churchill đến Antwerp để khảo sát tình hình tại chỗ và cố gắng củng cố tinh thần của chính phủ Bỉ. Có thể dễ dàng thấy là sự thuyết phục của ông kém hiệu quả ra sao. Vào khoảng 1g30 sáng, ông đã quay về ga Victoria trên đoàn xe lửa đặc biệt đã đợi sẵn.

Có lẽ ông đã quá nóng lòng đối với chuyến đi mạo hiểm, nhưng chắc chắn là ông đã đi với sự phó thác hoàn toàn của bộ trưởng Quốc phòng và với cả sự ủng hộ dù kém nhiệt tình hơn của ngoại trưởng. Người Bỉ đã hứa sẽ củng cố lại quân đội, bao gồm lực lượng hải quân hoàng gia, một đội quân riêng của Churchill, hầu như hoàn toàn chưa được huấn luyện. Một tiểu đoàn đã đến Antwerp dưới sự chỉ huy của George Cômwallis-West, chồng cũ của mẹ Churchill và với sự hiện diện của người con trai thứ hai của thủ tướng (tên là Arthur), một nhân vật xuất sắc đến mức trở thành một chuẩn tướng “dân sự” (nghĩa là không được đào tạo chính quy). Đến 3 giờ chiều, Churchill mới đến trên chiếc Rolls-Royces đã

được trưng dụng dành cho ông. Nhưng ngay khi đến Antwerp, với một tinh thần vừa kích động vừa hoàn toàn bất cần, thay vì nghỉ ngơi, ông đã ngay lập tức tổ chức việc kháng cự ở Bỉ. Ông đã thuyết phục vua Albert và thủ tướng Bỉ rằng họ phải cố gắng tiếp tục chống đỡ trong mười ngày, một khoảng thời gian vô cùng quý giá cho việc củng cố phòng tuyến bên trái của Anh nằm giữa thành phố Lille của Pháp và biển.

Trên thực tế, họ đã cố gắng cầm cự được năm ngày, nhưng Churchill đã đánh giá rất cao thời gian ngắn ngủi này vì cho rằng, nếu không có nó, hải cảng Dunkirk đã lọt vào tay quân Đức. Để đổi lấy việc này, người Bỉ đã phải mất gần hết quân của họ nhưng về sau nhiều người được giải thoát và được tập trung để lại sẵn sàng chiến đấu. Khoảng 2.500 quân Anh, bao gồm nhiều người thuộc sư đoàn chưa được huấn luyện trực thuộc hải quân, đã bị chết hoặc bị bắt.

Về sau, khi nghĩ lại, chính Churchill cũng không chắc chắn về vai trò của ông. Vào lúc ấy, ông bị cuốn hút bởi thảm họa chiến tranh và bởi cơ hội được đích thân chỉ huy một cuộc chiến. Tâm trạng của ông hoàn toàn rối bời. Có thể thấy điều này qua hình ảnh ông di chuyển quanh Antwerp với một chiếc áo choàng không tay và mũ lưỡi trai, không chỉ trở thành người đại diện toàn quyền trong việc điều đình với nhà vua và chính phủ Bỉ mà còn tạm thời giữ vai trò tổng tư lệnh tại chỗ. Ông thiết lập các cơ quan đầu não ở các khách sạn lớn, tuyển dụng đô đốc Oliver, giám đốc cơ quan tình báo hải quân, làm thư ký riêng. Buổi sáng ông nằm trên giường để đọc cho thư ký ghi lại những bức điện tín sẽ được gửi đi khắp nơi, còn buổi chiều đi thị sát các vị trí phòng thủ ở vùng ngoại ô của thành phố dưới những trận mưa hải pháo của Đức, và vào buổi tối thì tham dự các cuộc họp. Đây là cuộc tổng duyệt nhỏ của cuộc sống của ông về sau trong khoảng thời gian 1940 - 1941. Trong những ngày đen tối này, Churchill cũng được hưởng vài niềm vui nhỏ giúp ông khuây khỏa phần nào ở văn phòng thủ tướng, ở trang viên Chequers, hoặc ở trang viên Ditchley. Về sau, khi nói đến chuyến trở về sau khi thăm lực lượng thủy quân lục chiến Royal Marines vừa mới đến và đang hoạt động quanh làngLierre, Churchill đã viết: “Ngồi trên xe 20

phút, chúng tôi quay về với sự ấm áp và sáng sủa ở một trong những khách sạn tốt nhất của châu Âu với những chiếc bàn được trang bị hoàn hảo và những người phục vụ luôn chu đáo”. Hình ảnh của chiếc khăn ăn Flenders sang trọng (cùng với thạc ăn có giá trị tương xứng được dọn trên đó) là một hình ảnh sống động và quyến rũ.

Churchill đã tự mãn đến nỗi, 36 giờ sau đó, ông đã gửi cho thủ tướng Asquith bức điện tín xin phép từ bỏ chức bộ trưởng Hải quân để được nhận chức tống tư lệnh ở Antwerp với cấp bậc quân đội tương xứng. Kitchener, người đã đọc bức điện này khi nó được gửi qua Bộ Chiến tranh (tiền thân của Bộ Quốc phòng sau này), đã trù tính rằng trong trường hợp này Churchill sẽ được phong hàm trung tướng. Các thành viên dân sự của Nội các đã không tỏ ý tán thành. Asquith bình luận: “Winston từng là một cựu trung úy kỵ binh. Và nếu đề xuất của ông ta được chấp thuận, ông ta sẽ là cấp trên của hai trung tướng lỗi lạc. Ấy là không tính đến các thiếu tướng và các đại tá, trong khi hải quân chỉ có thể cung cấp vài lữ đoàn ít ỏi...”. Ông nói rằng: “Tôi rất tiếc khi phải nói rằng nó đã bị cười nhạo trong Nội các”. Nhưng nên hiểu “rất tiếc” ở đây chỉ là cụm từ có tích chất dãi bôi không thật lòng, vì chắc chắn là trong giai đoạn này, Asquith không muốn Churchill rời bỏ Bộ Hải quân hoặc Nội các. Và dù thấy buồn cười trước sự bốc đồng của Churchill, nhưng ông ta cũng ngưỡng mộ những phẩm hạnh của Churchill, những phẩm hạnh mà một người điềm đạm chín chắn như ông không thể có. Tướng Rawlinson, một quân nhân chuyên nghiệp thăng tiến nhanh chóng, đã được chỉ định đảm nhiệm vị trí mà Churchill yêu cầu, và sau khi Rawlinson đến Antwerp vào ngày 7 tháng 10, Churchill đã khôn khéo quay về London. Điều này có lợi cả về mặt chính trị lẫn gia đình, vì Clementine sinh Sarah vào hôm ấy.

Nhìn chung, khác với Asquith, giới chính khách và báo chí đã không rộng lượng đối với Churchill. Báo *Morning Post* (chủ trương bảo thủ truyền thống), nơi trước kia đăng các bài viết của Churchill, đã cho rằng ông đã trả lại “chức vụ không thích hợp mà ông đang nắm giữ”. Beatty (người không chống đối

Churchill một cách mù quáng và là người mà Churchill muốn lôi kéo vé phe mình nhất vì có ảnh hưởng lớn đối với quan điểm của hải quân) cho rằng “chỉ có người điên mới nghĩ rằng Churchill có thể giải vây cho Antwerp bằng cách đưa vào đó 8.000 lính chỉ được huấn luyện nửa vời”. (Đây là câu nói thứ ba có tính cách chống lại Churchill được trích dẫn từ người này). Clementine Churchill, có lẽ hơi giận vì mãi đến khi bà sinh con xong, Churchill mới quay về sau chuyến phiêu lưu, đã cho rằng Churchill tạm thời mất khả năng cân nhắc mức độ tương quan về tầm quan trọng của các vụ việc. Và về sau chính Churchill cũng đã nhẹ nhàng tự trách. Trong tập 1 của tác phẩm *The World Crisis* (1923), ông đã viết về việc Nội các từ chối việc phong cho ông chức trung tướng: “Nhưng những người chống đối đã thắng thế, và dĩ nhiên là tôi chẳng có lý do gì để tiếc rẻ khi họ làm như vậy”. Và sau đó một đoạn, ông viết tiếp: “Chắc chắn là nếu khi ấy tôi già hơn mười tuổi, tôi sẽ cân nhắc rất lâu trước khi nhận một nhiệm vụ đầy rủi ro như thế [tổng tư lệnh ở Antwerp]”. Sau đó một thập kỷ, trong tác phẩm *Thoughts and Adventures* (1932), trong một bài tiểu luận có tiêu đề “Second Chances”, ông đã cho rằng ông sẽ hành động khác đi hoặc sẽ chẳng làm gì cả khi ở Antwerp.

Toàn bộ mùa thu năm ấy là một thử thách lớn đối với sự tự tin mãnh liệt của Churchill. Vào cuối tháng 9, ông đến Liverpool và nhóm từ bất hạnh “*moi chuột ra khỏi hang ổ của chúng*” đã vượt ra khỏi miệng tôi trong một bài diễn văn tẻ nhạt”. “Những con chuột” ở đây là những chiến hạm chủ lực của Đức, và “hang ổ” là những hải cảng an toàn gần cửa những con sông lớn ở miền bắc nước Đức. Câu nói này đã tạo ra phản ứng, nhất là ở các sĩ quan, rất giống với những gì xảy ra sau bài diễn văn đả kích châu Âu của Michael Portillo (trong vai trò là bộ trưởng Quốc phòng) đọc tại hội nghị của Đảng Bảo thủ trong năm 1995. Trong cả hai trường hợp, các đô đốc và thuyền trưởng đều cho rằng họ bị biến thành món đồ hộp trong những bài hùng biện ngạo mạn của các chính trị gia. Xem ra những từ mà Churchill sử dụng chẳng có gì là kỳ lạ hoặc đáng chê trách, ngoại trừ chút ít khoa trương theo thói quen của ông. Bài diễn văn này là

một thành công *tại chỗ* đáng kể của Churchill trước một cử tọa gồm 15.000 người. Nhưng tại sao ông lại đọc một “bài diễn văn đáng chán” ở Liverpool hoặc ở bất cứ nơi nào khác vào thời điểm ấy? Hầu như chắc chắn cho dù bài diễn văn đã được soạn từ nhiều tuần trước đó. Nhưng thay vì tìm kiếm những điều cần nói, ông lại tìm kiếm những cụm từ nghe thật kêu. Những trường hợp như thế thường là nguyên nhân gây rắc rối cho nhiều chính trị gia, cho dù họ không hấp tấp như Churchill.

Một tháng sau, Churchill phải đối diện với nhu cầu bổ nhiệm Đô đốc Hải quân mới, đây sẽ là người thứ tư giữ vị trí này trong vòng ba năm ông giữ chức bộ trưởng Hải quân. Chiến dịch phỉ báng Battenberg của báo chí) trên cơ sở rằng ông ta là người ngoại quốc và có thể có cảm tình với người Đức, đã không được Churchill tán thành. Nhưng ông chỉ chống đối một cách chiếu lệ đối với chủ trương thay thế Battenberg. Asquith cũng thế. Cả hai người đều cảm thấy Battenberg là người quá vô tư nên không thể giữ một chức vụ quan trọng trong cuộc chiến cam go. Đặc biệt, Churchill cho rằng Battenberg quá nhu nhược nên không thể giữ một chức vụ cần sự cứng rắn. Người ta nhận thấy rằng Battenberg dành phần lớn thời gian buổi sáng để ngồi bình thản trong văn phòng đọc *The Times*, trong khi Churchill phải đầu tắt mặt tối với các biên bản và các chỉ thị. Sử gia hải quân lỗi lạc của Mỹ là A. J. Marder đã chỉ ra rằng trong ba tháng đầu của cuộc chiến, một điều đáng quan tâm là có rất ít chỉ thị hoặc biên bản phát xuất từ Battenberg. J. A. Sanders, thư ký riêng lâu năm và có nhiều quyền lực của cựu thủ tướng Balfour tuyên bố rằng Battenberg bị gán cho biệt danh là “ba phải”. Tháng 12 năm ấy, trong bức thư Fisher viết cho Jellicoe, tư lệnh hạm đội Anh, còn dùng từ lỗ mãng hơn nữa: “Battenberg là một con số không và là người dễ bị Churchill qua mặt!”. Churchill đã rất lịch sự khi trả lời việc xin từ chức của Battenberg: “Tôi phải công khai bày tỏ sự biết ơn sâu sắc của tôi đối với ngài, và cảm thấy rất hối tiếc vì chúng ta phải chia tay sau ba năm chính thức hợp tác. Nhưng trong tình hình này, việc ngài quyết định từ chức là đúng đắn”.

Sự thật là Churchill cần có một vị Đô đốc Hải quân xuất chúng sau vụ việc ở

Antwerp và việc Anh bị mất ba tuần dương hạm. Fisher là người thích hợp và triển vọng đưa Fisher trở về làm Churchill rất phấn khích. Ông nghĩ rằng có thể làm giảm bớt tính bất cần của Fisher, nếu không phải là để giúp đỡ Fisher vì tuổi đã cao (73 tuổi), bằng cách đồng thời cũng đưa Arthur Wilson (72 tuổi), Đô đốc Hải quân đã bị Churchill loại bỏ trong năm 1911, lên làm cố vấn đặc biệt. Asquith không chống lại việc làm “kính lão đắc thọ” này. Nhưng Vua George V thì ngược lại, lý do thật sự của nhà vua là hải quân không tin tưởng Fisher. Nhưng nhà vua đã phạm sai lầm khi tranh cãi với Churchill. Nhà vua cho rằng sự căng thẳng của công việc sẽ giết chết một ông già vào độ tuổi của Fisher. Churchill đã bình thản và dứt khoát đáp lại, “Thần nghĩ rằng sẽ không có một cái chết nào vinh quang hơn thế dành cho ông ta”.

Có rất nhiều người thuộc giới sĩ quan hải quân cao cấp không tin vào sự hòa thuận lâu dài giữa Churchill và Fisher. Hai người là hai ngôi sao quyền lực cần có quỹ đạo riêng. (Cách mà hai người đáp ứng phần nào yêu cầu này là Churchill làm việc đến gần sáng và thức dậy muộn, trong khi Fisher đi ngủ vào giờ ăn tối và ngồi vào bàn làm việc từ sáng sớm). Nhưng đến tận lễ Giáng sinh, hầu như mọi chuyện đều êm xuôi, và tình hình đã lạc quan hơn nhiều so với suy nghĩ của Churchill trong tháng 10 và tháng 11, như ông đã viết chín năm sau trong *The World Crisis*: “Và rồi, đột nhiên sự căng thẳng trên toàn thế giới đã giảm”.

Như thế có nghĩa là Churchill bắt đầu năm 1915 với một tâm trạng tin tưởng quá mức vào ưu thế của nước Anh, và ông luôn bận tâm về vấn đề chiến lược.

Chương 14

NHỮNG THÁNG CUỐI CÙNG Ở BỘ HẢI QUÂN

Việc Churchill luôn bận tâm đến vấn đề chiến lược đã được biểu lộ đầy đủ trong một bức thư gửi cho Asquith sau lễ Giáng sinh. Suốt bảy năm trong vai trò là một bộ trưởng Nội các của Đảng Tự do, trong thời bình cũng như thời chiến, rất hiếm khi Churchill không gửi cho thủ tướng một công văn quan trọng vào dịp đầu năm. Đối với năm 1915, một công văn như thế đã được ông gửi đi trước bốn ngày, nghĩa là vào ngày 27 tháng 12 năm 1914.

Trong dịp này, Churchill không phải là người duy nhất gửi cho Asquith những ý kiến tư vấn. Vào ngày 28 tháng 12, đại tá Maurice Hankey, một sĩ quan tham mưu đã tạo ra ban bí thư Nội các và là người lãnh đạo ban này suốt hơn 20 năm, đã viết một lá thư quan trọng. Ngày 31, Lloyd George, người rất hiếm khi viết thư, đã gửi cho Asquith một lá thư trình bày thấu đáo quan điểm của ông. Thư của Lloyd George nổi trội hơn cả, và đã tác động đến Asquith nên về sau Asquith đã viết rằng: “Vào dịp năm mới tôi đã nhận được hai lá thư dài, một là của Winston và một là của Lloyd George (thư này khá hay)”. Nhưng đây có thể chỉ vì Asquith ngạc nhiên trước việc một người thường chỉ ưa nói là Lloyd George cũng viết lưu loát chẳng kém gì người ưa viết là Churchill. Điều đáng quan tâm là trong ba công văn chiến lược này, công văn của Churchill ít thiên về chiến lược phương Đông nhất.

Quan điểm của Churchill không khác nhiều với hai người kia, ông cho rằng vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên tình hình trên tất cả các mặt trận chính đều đình trệ. Ở Pháp, hai bên củng cố công sự vững chắc đến nỗi tình hình khó thay

đổi, cơ may duy nhất là tấn công ồ ạt với mức thương vong lớn nhưng kết quả rất thấp. Ở phương Đông, quân Nga bị đẩy lùi ngay khi “tiếp cận được hệ thống đường sắt của Đức” (bút pháp sinh động điển hình của Churchill). Nhưng khi họ lui về những vùng đất hẻo lánh trên đất nước của họ thì kẻ thù không thể truy đuổi để giành chiến thắng chung cuộc, tình trạng mà Napoleon từng gặp phải một thế kỷ trước. Hải quân Anh đã thiết lập được ưu thế trên biển nhưng khó tìm được cơ hội giao chiến với hải quân Đức. Để phá vỡ được thế bế tắc này, người Anh phải nghĩ ra một số chiến lược táo bạo mới. “Không có biện pháp nào khác hơn là gửi các đội quân của chúng ta đến Flanders [vùng đất ở tây bắc châu Âu, gồm một phần đất của Bỉ, Pháp, và Hà Lan] để nhai kềm gai hay sao?”. Xem ra không thể đạt được kết quả mang tính quyết định ở đó, cho dù, theo như lời ông bổ sung với sự cay đắng được giảm đôi chút: “Chắc chắn là nhiều ngàn quân nữa sẽ được gửi đi để đáp ứng nhu cầu quân sự tại các chiến trường”.

Churchill cho rằng có hai khả năng trong tình thế bế tắc. Khả năng thứ nhất táo bạo và nguy hiểm hơn: “Xâm nhập Schleswig-Holstein từ mặt biển có thể ngay lập tức khống chế kênh Kiel và cho phép Đan Mạch tham gia cuộc chiến bên phe chúng ta. Việc tham gia của Đan Mạch sẽ mở rộng đường tiếp cận vào vùng Baltic cho chúng ta. Việc hải quân Anh kiểm soát vùng Baltic sẽ cho phép các đội quân của Nga đổ bộ cách Berlin 90 dặm”. Có một điều mà Churchill có thể không bao giờ bị kết tội là tham vọng quá lớn. Tuy nhiên, đôi khi muốn hoàn thành những tham vọng lớn lại phải tập trung vào những mục tiêu nhỏ bé trước đã. Và một trong những mục tiêu nhỏ bé này là việc chiếm cho được hòn đảo Borkum rộng khoảng 10 dặm vuông ngay phía ngoài cửa sông Ems, chỉ cách biên giới Hà Lan vài dặm về phía bắc. Borkum là mục tiêu được khao khát bởi cả Arthur Balfour, người vào giai đoạn này được Churchill nhiệt tình hậu thuẫn và được xem là bộ trưởng Hải quân tương lai, lẫn Fisher, người còn mong muốn chiếm được Borkum hơn nữa. Nó cũng là chọn lựa được Churchill đề nghị trong thư gửi cho Asquith.

Khả năng thứ hai là mở đường thông qua eo biển Dardanelles, cho du quân

đội có chiếm cứ bán đảo Gallipoli hay không, để đưa một hạm đội vào biển Marmora rồi sau đó hạm đội này có thể tiến vào vịnh Golden Horn, đe dọa Constantinople và buộc chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đàm phán hòa bình, đồng thời lôi kéo Hy Lạp, Bulgari và Rumania về phe Đồng minh. Chọn lựa nhằm vào vùng biển Aegean lúc đầu xem ra khó khăn hơn là việc chiếm Borkum, dù mong muốn sau cùng là chiếm toàn bộ vùng chiến lược Baltic, với việc quân Nga bắt chấp băng giá vượt qua vùng bình nguyên Pomerania để chiếm thủ đô của Đức, xem ra là mục tiêu thậm chí còn nhiều tham vọng hơn nữa. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, còn rất nhiều bất trắc có thể xảy ra mà không thể dự đoán.

Lại còn có thêm một sự bất hạnh mơ hồ nằm giữa hai chiều hướng này. Churchill chính là người lúc đầu đã khiến tâm trí Asquith hướng qua bên kia Bắc Hải. Nhưng đối với Asquith thì không thành vấn đề, miễn là ông sẵn sàng tán thành việc Churchill chuyển tầm nhìn chiến lược sang Dardanelles. Đối với Balfour cũng vậy. Vấn đề còn đáng sợ hơn phát sinh từ Fisher. Vị Đô đốc Hải quân cao tuổi do Churchill tái lưu dụng, người vừa bị mê hoặc vừa đổ kỵ Churchill sâu đậm, đã bị thuyết phục phần nào bởi chiến lược nhằm vào vùng biển Aegea. Thế nhưng ông luôn tiếc nuối. Bất cứ khi nào tình hình ở đông Địa Trung Hải trở nên xấu đi, mà phần lớn là như thế, ông cho rằng sẽ tốt hơn nhiều nếu tập trung vào việc đánh bại quân Đức ở bên kia Bắc Hải. Vùng biển xám xịt và lạnh giá này đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của Fisher sau khi người Đức thành lập hạm đội ở vùng biển này vào đầu thế kỷ 20, dù các chiến công hiển hách trước kia của ông được thực hiện ở Địa Trung Hải.

Tuy nhiên, rắc rối thật sự giữa Fisher và Churchill không phải là khác biệt về chọn lựa giữa đảo Borkum và eo biển Dardanelles, mà là người này cho rằng người kia là kẻ độc đoán không thể thỏa hiệp. Họ giống như đôi vợ chồng dù không thể sống thiếu nhau nhưng cũng không thể chung sống. Mùa xuân năm 1915, khía cạnh sau (không thể sống chung) có khuynh hướng lấn át. Có thể thay thế ẩn dụ bên trên bằng hình ảnh hai con bọ cạp bị bỏ chung vào một cái chai. Nhưng trong trường hợp Fisher - Churchill thì phải nói rằng hai con bọ cạp ấy

dù sẵn sàng tiêm vào nhau lượng nọc độc lớn nhất nhưng lại có mối quan hệ tình cảm rất sâu đậm, nhất là từ phía Fisher. Mà tình cảm ấy thích hợp với chuyện yêu đương hơn là việc phối hợp trong công việc tại một cơ quan có tính bảo mật cao dưới áp lực của một cuộc chiến lớn.

Sự bất hòa giữa hai người tình, được khơi gợi bởi Fisher trong năm 1912, đã dẫn đến việc kiện tụng. Nhưng Fisher không phải là người trực tiếp gánh chịu trách nhiệm, và chuyện kiện tụng chẳng thấm vào đâu so với những rạn nứt về mặt tình cảm hình thành ba năm sau đó. Frederick Sturdee là một sĩ quan cao cấp bị Fisher đánh giá thấp (điều làm cho Sturdee không được xem trọng trong lực lượng hải quân). Lúc ấy, là một phó đô đốc, Sturdee đã rất may mắn khi được chỉ huy một hạm đội ở nam Đại Tây Dương trong tháng 11 năm 1914 khi một nhóm tuần dương hạm (đơn vị tàu chiến mà Fisher là người có công lớn trong việc thành lập) chiến thắng trong trận Falklands. Điều này vẫn không ngăn cản được việc Fisher tiếp tục xem Sturdee như là “một con lừa thông thái rườm (pedantic ass)”. Điều đáng quan tâm hơn là những gì mà Fisher đã viết cho Churchill trong bức thư ngày 25 tháng 4, chỉ ba tuần trước khi sự việc làm cho cả hai vỡ mộng: “Thực sự là, nếu không vì vấn đề Dardanelles buộc tôi phải cùng ông vượt qua khó khăn, hẳn là tôi đã rời bỏ Bộ Hải quân ngay ngày hôm qua và không bao giờ quay lại, và sẽ gửi ngay cho ông tấm danh thiếp có hình ảnh của phó đô đốc Sturdee để thế vào chỗ của tôi. Khi ấy hẳn là ông sẽ rất hạnh phúc!”. Nhưng gần như cũng trong thời điểm này, Fisher viết: “Tôi chân thành tin rằng Churchill yêu mến tôi”.

Cho dù không có yếu tố ganh tị bộc lộ trong hai câu trên, sự cộng tác giữa Churchill với Fisher vẫn tan vỡ. Fisher là một vị tư lệnh độc đoán. Ông đã rất thành công trong việc bọc cho mình lớp vỏ quyền rũ, một sự pha trộn bất thường gồm tính lập dị, sự ngạo mạn, và khả năng điều hành đáng tin cậy. Khi còn trẻ, ông đã có ảnh hưởng đáng kể đối với Gladstone và Garibaldi. Ông là người được cả Nữ hoàng Victoria và Vua Edward VI yêu mến, điều rất hiếm khi xảy ra. Các cuộc hôn nhân thất bại và thành công của ông với các bà vợ hoàng tộc tương

xứng với những thất bại và thành công như thế của các ông chồng khác của họ. Dù có vóc người khá thấp, ông rất điêu luyện khi ôm ngang eo Hoàng hậu Alexandra và dìu bà theo những bước valse nổi tiếng của ông.

Chắc hẳn Fisher là một người có tài, ông cho mình là thủy thủ giỏi nhất tính từ thời Nelson, nhưng thật ra có khá nhiều người cũng giỏi chẳng kém. Ông từng chứng kiến việc Kitchener sử dụng quyền lực tối cao tại Bộ Chiến tranh. Ông nghĩ rằng ông là một đô đốc hải quân tài giỏi cũng như Kitchener là một tướng lục quân giỏi. Tầm nhìn của ông là rất rộng lớn. Trong bức thư thiếu khôn ngoan một cách kỳ lạ của ông gửi cho Asquith (vào ngày 19-5-1915), phải thừa nhận là nó được viết lúc ông đang loạn trí, ông đã đưa ra những điều kiện điên rồ và nói rằng sẽ chỉ quay về với vị trí mà ông từ bỏ khi những điều kiện ấy được thỏa mãn:

Nếu những điều kiện sau đây được đáp ứng, tôi có thể bảo đảm cho sự thành công của việc kết thúc cuộc chiến:

- Phải loại bỏ Winston Churchill ra khỏi Nội các để tránh việc ông ta luôn làm hỏng các kế hoạch của tôi...

- Phải có một Ủy ban Hải quân hoàn toàn mới, thay đổi các đô đốc và bộ trưởng Tài chính (người hoàn toàn vô dụng). Những biện pháp mới cần phải có những người mới.

- Tôi phải có quyền hạn chuyên môn đầy đủ đối với hoạt động trên biển và là người duy nhất tùy ý sử dụng các hạm đội và bổ nhiệm các sĩ quan thuộc mọi cấp, và là tư lệnh duy nhất đối với mọi lực lượng trên biển với quyền lực tuyệt đối.

- Quyền hạn của bộ trưởng Hải quân phải giới hạn vào các chính sách và các thủ tục Quốc hội.

- Tôi phải là người duy nhất có quyền lực tuyệt đối đối với việc xây dựng và điều hành các xưởng đóng tàu mọi loại, và việc kiểm soát các

tổ chức dân sự của hải quân.

- Những điều kiện này phải được công bố đúng theo nguyên văn để mọi người có thể biết được vị trí của tôi.

Dù khao khát được nắm giữ quyền lực tuyệt đối như thế, nhưng việc Fisher trở về với chức vụ cũ vào cuối tháng 10 năm 1914 là nhờ vị bộ trưởng can thiệp nhiều nhất vào các hoạt động của hải quân trong lịch sử Bộ Hải quân (tức là Churchill). Đây cũng là vị bộ trưởng chống lại ông nhiều nhất. Trong thời gian đầu Fisher làm việc trong trụ sở Quốc hội, ông làm việc dưới quyền, nhưng thật sự là ngang hàng hoặc thậm chí là trên quyền, bốn bộ trưởng Hải quân: Selbome, Cawdor, Tweedmouth và McKenna. Trong bốn người này chẳng ai chuẩn bị trước cho ông việc đương đầu với Churchill, người mà ông vừa mang ơn lại vừa bị mê hoặc. Việc này cũng tương tự như việc tản bộ trong gió nhẹ dọc theo bờ biển có khí hậu ôn hòa để chuẩn bị cho việc đối phó với một trận bão.

Từ thời hoàng thân Louis làm Đô đốc Hải quân, Churchill đã hình thành thói quen đích thân phác thảo các chỉ thị chi tiết cho tư lệnh các hạm đội, và thậm chí là cho từng chiến hạm. Battenberg “ba phải” đã làm cho người khác nghĩ sai rằng Churchill kết hợp với ông khi soạn thảo những chỉ thị như thế. Nhưng nó còn hơn cả chuyện nghĩ sai. Battenberg không thể tranh luận với Churchill, và ông không phải là sĩ quan hải quân duy nhất có khuyết điểm này. Hơn nữa, nó đã trở thành thói quen, dù việc một bộ trưởng đích thân soạn thảo các biên bản hoặc các chỉ thị sau các cuộc họp là điều trái ngược với thông lệ. Khi thay đổi thông lệ như thế, Churchill luôn ghi nhớ hai điều: “Những vấn đề nghiêm trọng thường phát sinh từ sự bỏ qua những chi tiết vụn vặt”, và “việc đích thân soạn thảo bản công bố (hoặc tốt hơn là xem lại bản công bố đã được soạn thảo sẵn) thường giúp điều chỉnh kết quả của một hội nghị”. Vấn đề này phát sinh từ năng lực và ảnh hưởng khác thường của Churchill, và còn là bởi vì trong giai đoạn này ông kiểm soát hoàn toàn, nhưng bị ngập trong các chi tiết hoạt động của hải quân, cho dù những chi tiết ấy không phải luôn liên quan đến các chiến lược quan

trọng. Ông làm việc trong nhiều giờ liền với mức tập trung rất cao. Churchill không làm việc theo lối mà các bộ trưởng thường làm, nghĩa là không tóm lược những ý chính trong một cuộc thảo luận và yêu cầu người khác phải chuẩn bị một bản phác thảo. Ông đích thân thực hiện bản phác thảo ấy và thường tự cho rằng nó đã được tán thành rồi gửi đi ngay trước khi có thời gian xem xét lại.

Những thói quen này, kết hợp với sự tự tin quen thuộc, đã mang lại cho ông uy thế lẫn át hoàng thân Battenberg. Hẳn là ông cảm thấy cần phải quyết đoán hơn hoặc sẽ không tái sử dụng Fisher kèm thêm ông già Arthur Wilson. Một trong những điều luôn là thế mạnh của Churchill là dù muốn chi phối hoàn toàn những người chung quanh, ông luôn thực hiện điều ấy trên những người nổi trội nhất chứ không phải là trên những người thuộc hạng thứ yếu. Nhưng dù muốn lôi kéo Fisher vào một sự cộng tác nhiệt tình, ông vẫn không dự định thay đổi các thói quen của chính mình. Cụ thể là ông nhất quyết cho rằng việc không có sự phản đối bằng lời đồng nghĩa với việc tán thành. Và ông vẫn tiếp tục đích thân phác thảo một cách chi tiết các chỉ thị hành quân.

Một thí dụ điển hình cho thấy mức độ chi tiết và quy mô trách nhiệm mà ông đảm đương trong các phác thảo của ông là biên bản ông viết vào ngày 14 - 5 - 1915, và chính biên bản này là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, đã vượt ra ngoài khả năng chịu đựng của Fisher:

1. Phải đưa ngay khẩu pháo 15 inch thứ năm, với 50 viên đạn, đến Dardanelles càng sớm càng tốt, gửi đi bằng chuyến xe lửa đặc biệt ngang qua nước Pháp và cho lên tàu tại cảng Marseilles. Hãy đưa cho tôi biểu thời gian nói rõ thời điểm nó đến Dardanelles.

Hai khẩu pháo 9,2 inch sẽ được đưa đến Dardanelles, đưa đi cùng lúc, hoặc riêng rẽ, trên hai pháo hạm đã được chuẩn bị cho chúng, để bố trí trên bờ. Điều này sẽ được thực hiện ngay khi nhận được tin tức từ phó đô đốc de Robeck.

2. Chín pháo hạm hạng nặng sau đây phải được lần lượt đưa đến

Dardanelles, ngay khi đã được chuẩn bị sẵn sàng...

Cứ thế, Churchill tiếp tục viết thêm khoảng 300 từ quyết đoán và tự phụ mô tả chi tiết.

Đâu là nỗi buồn được che giấu của Fisher trong những tháng đầu năm 1915? Chủ yếu là ông ta ngày càng cảm thấy bất lực. Fisher quá quen với việc vượt qua mọi thử thách làm ô danh ông. Ông quá quen với việc mê hoặc Vua Edward VII, để có thể tự ý hành động theo cách riêng dưới thời bốn vị bộ trưởng liên tiếp với hai người cùng đảng phái và hai người thuộc đảng khác, để có thể đánh bại kẻ thù tiền nhiều thế mạnh của ông là đô đốc Charles Beresford. Thế nên ông đã nghĩ rằng không trở ngại nào có thể ngăn cản mình. Cũng giống như Churchill, ông có đủ tự tin để chào đón sự đối đầu với các đối thủ gan góc nhất. Cho đến lúc ấy, Churchill hẳn là người mà ông thích nhất trong số năm bộ trưởng Hải quân mà ông muốn chinh phục, cuộc chinh phục đáng kể nhất.

Nhưng Churchill là mục tiêu quá lớn đối với ông. Đây một phần là vì, khi đã bước vào tuổi 74, quyền lực của Fisher bị giảm. Ông vẫn thức giấc lúc 4 giờ sáng và ngồi vào bàn làm việc ở Bộ Hải quân. Ông theo dõi chặt chẽ tiến độ thi công đối với đơn đặt hàng gồm 600 chiếc thuyền mới trong sáu tháng mùa hè ở Ấn Độ trong vai trò của mình. Ông mang lại sinh khí cho Bộ Hải quân. Và như lời Churchill nói khi họ ở bên nhau trước lễ Giáng sinh: “Fisher làm cho Bộ Hải quân trông như một trong những chiến hạm tuyệt vời nhất đang chạy với vận tốc tối đa”. Nhưng sự chuyên cần được duy trì trong một thời gian dài của ông đã không còn. Đã có lần ông bị chỉ trích bởi Maurice Hankey, người sau đó không lâu đã trở thành đệ nhất cố vấn của Nội các, vì người này đi vào phòng của Fisher và bắt gặp ông đang ngủ say sưa trong giờ làm việc.

Tuy nhiên, điều còn đáng quan tâm hơn nữa là Fisher nhận thấy Churchill vượt quá khả năng chinh phục của ông. Ông đã nói hầu như vô vọng: “Ông ấy (Churchill) luôn thuyết phục được tôi”. Nó như thể là một trong những thiên thạch lớn nhất trong thái dương hệ va chạm trực diện với một thiên thạch tương

tự trong một cơ hội dị thường. Kết quả đương nhiên là sự huỷ diệt lẫn nhau. Nhưng trước khi va chạm xảy ra, thiên thạch Fisher nhận thấy rằng thiên thạch Churchill mạnh mẽ hơn. Và điều này đã tạo ra đau khổ thay vì e sợ. Fisher, người từng đích thân nghiên nát rất nhiều đối thủ khác, đã không thể trực diện tranh cãi với Churchill. Vì thế ông đành nhượng bộ mỗi khi không tán thành. Điều này ngày càng làm ông cảm thấy không vui và bức xúc. Nhưng, như đã được đề cập, giữa họ còn có mối quan hệ tình cảm, kết quả là những căng thẳng âm thầm trong Bộ Hải quân. Điều đáng ngạc nhiên không phải là việc xung đột giữa họ bùng phát vào giữa tháng 5 mà là việc nó đã không nổ ra từ nhiều tháng trước đó.

Từ tình trạng căng thẳng quá mức này, còn căng thẳng hơn sự bất đồng trong quan điểm chiến lược giữa hai người khi chọn lựa Borkum và Dardanelles làm mục tiêu, hoặc giữa chính sách thân trọng nhằm giảm tổn thất với chủ trương liên tục tấn công để giành lấy chiến thắng, đã làm nổi lên sự bất hòa vào tháng 5 năm 1915. Nếu họ là những người điềm tĩnh như đô đốc John Jefficoe và Arthur James Balfour, có lẽ cuộc tranh cãi gay gắt vẫn xảy ra, nhưng sẽ không mang tính triệt hạ.

Mức trách nhiệm mà Churchill phải gánh chịu đối với chọn lựa Dardanelles lớn đến đâu? Ông ta có đánh giá quá cao tác động của một chiến thắng mang tính quyết định ở vùng Cận Đông trên hai mặt trận chính hay không? Đây là câu hỏi không thể trả lời khi chỉ dựa trên kết quả thực sự. Chiếm Dardanelles là chiến lược táo bạo và sáng tạo, và mục đích cốt lõi của nó, được gói gọn trong câu nói nổi tiếng của Churchill: “Tìm biện pháp thay thế cho việc nhai kềm gai ở vùng Flanders”, là chính đáng, và nửa triệu năm mồ của binh lính Anh ở vùng đất thấp và thê lương ấy là một minh chứng hùng hồn.

Khuyết điểm vô cùng nguy hiểm là việc không có kế hoạch phối hợp giữa hoạt động của hải quân và bộ binh ngay từ đầu. Người phải chịu trách nhiệm đối với phần lớn khuyết điểm này chính là Churchill. Việc lập kế hoạch vào cuối tháng 12 năm 1914, và đầu tháng 1 năm 1915 được cho là một hoạt động phối

hợp. Tại hội nghị quân sự tổ chức vào ngày 13 và 18 tháng 1, chính Churchill là người ủng hộ việc để cho hải quân đơn độc mở cuộc tấn công, bất chấp sự lo lắng thấy rõ của Fisher. Kitchener đã phải ngăn cản không để cho Fisher rời bỏ cuộc họp ngày 28 tháng 1 của Ủy ban Quốc phòng. Fisher muốn làm như thế là để có thể, theo nhận xét về sau của Asquith, “duy trì sự im lặng trong nỗi phần uất đáng sợ”. Mãi đến giữa tháng 2, sáu ngày trước khi diễn ra cuộc tấn công của hải quân, quyết định gửi quân đến Dardanelles mới được ban hành. Quyết định gửi quân này là quá trễ và quân số được gửi đi quá ít, dẫn đến thương vong rất lớn, một trong những lần tổn thất về nhân mạng lớn nhất trong Thế chiến I.

Trong đoạn nhật ký ghi ngày 19 tháng 3 của mình, Hankey cho rằng Churchill lập một kế hoạch hành quân chỉ sử dụng lực lượng hải quân là vì muốn lấy lại uy tín đã mất ở Antwerp. Tuy nhiên, Churchill là bộ trưởng Hải quân chứ không phải bộ trưởng Chiến tranh hoặc thủ tướng. Kitchener và Asquith mới là những người chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với các vấn đề quân sự bao quát. Đặc biệt là Asquith đã không thể khơi gợi sự cống hiến trọn vẹn của Kitchener hoặc sự dè dặt của Fisher.

Kết luận về sau của Churchill cho rằng quan niệm của ông là đúng, chỉ vì nhiều cơ hội bị bỏ lỡ nên không thể thành công, nhưng dù sao đây vẫn là một nỗ lực ngoài tầm với khi không nắm được quyền lực tối cao. Nếu khi ấy Churchill là thủ tướng, với hàm ý là ông được phép vận dụng quyền lực của vị trí này (như ông đã thật sự làm như thế một phần tư thế kỷ về sau), hẳn là ông đã giành được một chiến thắng vĩ đại, rút ngắn đáng kể cuộc chiến và cứu được mạng sống của hàng trăm ngàn quân. Nhưng không dễ tìm được một sử gia quân sự nghiêm túc nào tán thành quan điểm này.

Là một bộ trưởng Hải quân năng động chưa từng có dù không phải là luôn có thể thuyết phục người khác, nhưng vì không phải là thủ tướng nên ông buộc phải hành động thông qua Hội đồng Quân sự gồm ít nhất là mười người, với một bộ trưởng dù hay hoài nghi nhưng khá đồng cảm với ông, và đại diện của Bộ Chiến tranh là Kitchener. Những mối quan hệ của Churchill với Kitchener là một sự

pha trộn, và những thành tố xấu trong sự pha trộn này thường phát sinh từ lỗi của Churchill. Trong khoảng thời gian trước lễ Giáng sinh 1914, một cuộc tranh luận vô ích bàn về mức độ mà các lực lượng trên bộ trực thuộc hải quân phục vụ ở Pháp (Sư đoàn Hải quân Hoàng Gia và các trung đội thiết giáp được cải tiến từ những chiếc Rolls-Royce [trên thực tế là những đơn vị đột kích của Churchill]) phải được đặt dưới quyền giám sát của Bộ Hải quân hoặc Bộ Chiến tranh. Một cuộc tranh cãi khác nguy hiểm hơn liên quan đến quan hệ thư tín phần nào riêng tư giữa Churchill với John French, tổng tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Anh, cộng thêm việc ông thường xuyên đến Pháp, đôi khi đến với đội quân riêng của ông đóng tại thành phố cảng. Nhưng những lần thăm viếng thường được kết thúc bằng việc ông gặp gỡ người Pháp tại các cơ quan đầu não của ông ở thị trấn St Omer. Người Pháp luôn thôi thúc Churchill đến Pháp và bàn luận cụ thể về chiến lược với họ. Kitchener không phải là người ngờ vực vô lý, nhất là khi ông không hiểu rõ về mối quan hệ thư tín của Churchill. Thủ tướng đã viết cho Churchill rằng: “Những cuộc gặp gỡ này, theo quan điểm của Kitchener, đã tạo ra những xích mích nghiêm trọng giữa người Pháp và ông ta (Kitchener) và giữa ban tham mưu Pháp và ban tham mưu của ông ta. Cần tránh, đừng để điều này tiếp diễn”. Ngoài ra, cánh hải quân của Churchill ngày càng bị công kích bởi Fisher, người luôn có mặt ở các cuộc họp của Hội đồng Quân sự.

Churchill đã làm tăng tính chất dễ bị công kích của mình bằng ba lỗi lầm nghiêm trọng mà vì chúng ông đã phải trả giá đắt. Thứ nhất, ông không nên đưa Fisher trở lại Bộ Hải quân trong năm 1914 trừ khi muốn chia sẻ quyền lực với ông ta nhiều hơn mức mà Churchill đã chia sẻ. Sẽ không có cơ hội cho sự cộng tác giữa họ phát triển tốt đẹp nếu Churchill dự định tiếp tục xem Fisher chẳng hơn gì Battenberg. Chỉ có một mức độ si mê nào đó, mà lần này là từ phía Churchill, mới có thể khiến ông nghĩ rằng sự cộng tác ấy sẽ hiệu quả.

Thứ hai, ông phớt lờ các tín hiệu nguy hiểm phát xuất từ Fisher. Với một sự pha trộn hầu như là giữa chân thật và ngây thơ, Churchill đã ghi lại tất cả những tín hiệu ấy trong tác phẩm *The World Crisis*. Trong phần tạ ơn ở đầu quyển sách,

ông đã viết: “Mãi cho đến cuối tháng 1 (năm 1915)..., ngài Fisher mới bắt đầu tỏ ra ngày càng không thích và chống đối kế hoạch Dardanelles”. Tuy nhiên, tác phẩm này đã bỏ qua sự kiện xảy ra tại một hội nghị quân sự quan trọng ngày 13 tháng 1. Đó là sau khi Churchill hùng hồn biện minh cho chọn lựa Dardanelles, Fisher đột nhiên đứng dậy và cố gắng rời phòng họp. Ông đã bị Kitchener chặn lại và đưa đến gần một cửa sổ để nói chuyện. Sau đó, Fisher đã ngập ngừng quay lại bàn hội nghị. Sau một nỗ lực không hiệu quả của hải quân nhằm mở đường tiến vào nội hải Marmora vào ngày 18 tháng 3, và bỏ qua bức điện “thượng khẩn” mà về sau Churchill gửi cho đô đốc de Robeck, vị bộ trưởng này (Churchill) ghi lại rằng: “Phải khá vất vả mới có thể thuyết phục được Đô đốc Hải quân (Fisher) tán thành bức điện”.

Trong tháng 4, sự chống đối của Fisher trở nên mạnh mẽ hơn. Một phần là do những gì đã được ông ghi lại bằng kiểu văn xuôi theo phong cách nhấn giọng của Nữ hoàng Victoria rất khó bắt chước nói về tình hình trong tháng này: *Chúng ta không thể gửi thêm cái gì khác, cho dù là gửi cho đô đốc de Robeck! CHÚNG TA ĐÃ LÀM HẾT MỨC NHỮNG GÌ CÓ THỂ LÀM!... Thất bại hoặc trở ngại ở Dardanelles sẽ chẳng là gì, nhưng thất bại ở Bắc Hải sẽ là SỰ SỤP ĐỔ*”. Và vào ngày 5 tháng 4, ông đã viết cho Churchill: “Ngài đã bị Dardanelles chiếm hết tâm trí nên không thể nghĩ đến bất cứ điều gì khác! Tôi nguyện rửa Dardanelles! Nó sẽ là mồ chôn chúng ta!”.

Tuy nhiên, Churchill cho rằng sự hoá giải cân xứng với những đợt bất mãn này là trong biên bản cuộc họp ngày 7 tháng 4 ông đã làm cho Fisher phải thừa nhận rằng lỗi không phải do ông. Ông nói: “Nhưng theo như ông (Fisher) tuyên bố, những điểm quan trọng trong chính sách phải do Nội các quyết định. Và trong trường hợp này, những lợi thế thật sự phải giành lấy đã buộc tôi cuối cùng phải tán thành ý kiến của Nội các, chấp nhận hạn chế tối đa các lực lượng hải quân sao cho vị trí của chúng ta ở Bắc Hải, chiến trường mang tính quyết định, không bị lâm nguy”. Dựa vào điểm này, Churchill tuyên bố rằng: “Như thế, vị trí của Đô đốc Hải quân đã được phân định rất rõ ràng. Nó được chính thức và cần

trọng đồng nhất hóa với hoạt động mạo hiểm ấy”.

Sai lầm thứ ba của Churchill trong giai đoạn này là tự đưa mình vào vị *trí mà trong đó ông* “không hài hòa với bất cứ ai ngoại trừ bản thân”. Ở một thời kỳ nào đó, mọi người đứng về phía ông nhưng về sau họ không còn ủng hộ ông. Đây luôn là vị trí mà người nắm giữ cần phải nghi ngờ năng lực của bản thân với một mức độ nào đó. Nhưng tự nghi ngờ bản thân không nằm trong tính cách của Churchill. Tuy nhiên, có một điều đáng quan tâm là khi tự bào chữa một cách chi tiết cho toàn bộ cuộc phiêu lưu quân sự ở Gallipoli, ông đã quy phần lớn trách nhiệm cho những người khác trong khi tự trách rất ít. Sự bào chữa được trình bày ở nhiều chương trong quyển 2 của tác phẩm *The World Crisis*, xuất bản năm 1923, và vì thế đã không được viết dưới áp lực trực tiếp của sợ hãi và thất bại, mà được viết theo hồi ức sau gần tám năm, khi Churchill đã bình tĩnh nhớ lại. Quan điểm chủ yếu của ông là nếu không vì vận rủi, không đủ thàm quỵến, quá lo lắng, đề cao quá mức sức mạnh của kẻ thù, hoặc do sự kết hợp của một số trong những yếu tố này, việc mở đường bằng đường bộ hoặc đường biển, hoặc cả hai, để đến vùng biển Marmora đã có thể thành công. Tự thân quan điểm đó đã là một chủ đề gây nhiều tranh cãi. Nhưng điều gây nghi ngờ nhiều hơn vẫn là niềm tin kiên định của ông, trái ngược với giả định khái quát cho rằng trong chiến tranh hầu như mọi chuyện đều do may rủi, rằng nếu có thể thành công trong việc tiếp cận Marmora thì mọi lợi ích sau đó chắc chắn sẽ đến một cách chắc chắn. Constantinople hẳn đã bị bao vây, chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ hẳn đã yêu cầu được đàm phán hòa bình, đế quốc Nga hẳn đã được duy trì, và vấn đề còn lại đáng quan tâm hơn hết là có thể các nước thuộc vùng Balkan gồm Serbia, Bulgari, Rumani và Hy Lạp hẳn đã hòa nhập thành một khối ủng hộ phe Đồng minh.

Đối với những người mà Churchill quy trách nhiệm với những mức độ khác nhau, ông thường kết hợp với những tuyên bố đáng ngờ phê phán về khả năng chính trị, năng lực quân sự, sự dũng cảm của họ trong những tình huống khác nhau. Trước hết phải kể đến Asquith, người dù nhìn chung ủng hộ chiến lược

phương Đông của Churchill nhưng đã hầu như là quyết định không giúp cho nó được thông qua. Ông ta quá tập trung vào việc cân bằng các thế lực chính trị trước hết là trong Đảng Tự do, và kế đến là trong Nội các liên minh. Ông ta còn là người phải chịu trách nhiệm đối với những tuần lễ quân Anh phải chịu tổn thất lớn trong tháng 5 và đầu tháng 6 vì những thay đổi đột ngột về chính trị có liên quan đến sự thành lập chính phủ mới. Tiếp theo là ngoại trưởng Edward Grey, người không đủ khả năng ngoại giao để có thể tạo ra sự liên minh hài hòa ở vùng Balkan, bên mình mà Churchill nhất quyết cho là có thể đạt được. Kế đến là người có vai trò nằm giữa bộ trưởng Chiến tranh và chỉ huy quân đội, là Kitchener. Ngoài lỗi nói chung là dễ thay đổi, ông là người gây ra sự trì hoãn suốt ba tuần đối với việc lên đường đến đông Địa Trung Hải của Sư đoàn 29, và sau đó lại tùy tiện đến mức không buộc nó phải dàn sẵn đội hình chiến đấu vào một lúc nào đó sau khi đến nơi. Fisher, ngoài những điều đã được nói đến, rõ ràng là có ảnh hưởng. Và Jellicoe cũng thế, ông là tổng tư lệnh của Đại hạm đội, người mà vì quá lo lắng nên rất dè xẻn trong việc sử dụng tàu chiến. Ông luôn giả vờ như là lực lượng tàu chiến của Anh yếu hơn so với thực tế khi đương đầu với tàu chiến Đức nên không tích cực cho các tàu đi làm nhiệm vụ mà để chúng nằm tại chỗ chờ đợi Hạm đội Đức.

Tại mặt trận (đông Địa Trung Hải), “kẻ xấu” đầu tiên được kể đến là phó đô đốc de Robeck. Ông là phó tư lệnh của đô đốc Carden, người chỉ huy một hạm đội quan trọng chủ yếu gồm các tàu chiến Anh nhưng cũng có một số tàu tăng cường của Pháp được bố trí ngoài khơi vùng phía nam Dardanelles. Hạm đội này gồm một số chiến hạm cũ kỹ mà một số người (bao gồm Churchill) cho là nên phá bỏ, nhưng trong số này có tàu *Elizabeth Queen*, chạy bằng dầu và được trang bị những khẩu hải pháo 15 inch, là chiếc tàu tốt nhất của Bộ Hải quân và cũng có thể là tốt nhất thế giới thời ấy. Carden, người phối hợp rất tốt với các kế hoạch của London, lâm bệnh hai ngày trước ngày 18 tháng 3, thời điểm hải quân đơn độc mở đường đến Dardanelles. De Robeck được chỉ định lên nắm quyền tổng tư lệnh thay cho Carden, dù đô đốc Rosslyn Wemyss, người cũng hiện diện

trong hạm đội, có cấp bậc cao hơn. Quyết định này có sự tác động phần lớn của Churchill, và đây cũng chính là quyết định làm ông phải hối tiếc. Nỗ lực ngày 18 tháng 3 đã không thành công, hỏa pháo của hạm đội đã không thể áp đảo được đại bác bắn từ các pháo đài trên bộ của người Thổ. Hai chiến hạm lớn của Anh là *Inflexible* và *Irrepressible* đã bị bắn chìm. De Robeck đã không bị kết tội đặc biệt đối với thất bại này. Churchill đã công kích de Robeck rằng ông này sau khi bị đẩy lùi đã không chịu thực hiện một nỗ lực khác. Sau đó đến lượt de Robeck bị thay thế vào cuối tháng 11 (1915) vì lý do sức khoẻ kém, và người thay thế chính là người trước kia bị gạt bỏ, đô đốc Rosslyn Wemyss. Một tinh thần quyết chiến mới đã được khơi gợi. Wemyss sẵn sàng mở ra đợt tấn công khác. Nhưng vào lúc ấy đã quá trễ, như câu nói buồn bã của Churchill: “Khi mà Bộ Hải quân sẵn sàng thì đô đốc lại không sẵn sàng (đây là cách chơi chữ của Churchill, chữ Bộ Hải quân [Admiralty] và đô đốc [Admiral] na ná nhau). Bây giờ, tình hình đã thay đổi”. Bộ Hải quân, vào lúc này dưới quyền Balfour, đã không phê chuẩn một cuộc tấn công táo bạo (vì thế mà ông ta bị Churchill liệt kê vào bản danh sách những người đã làm ông thất vọng). Nhưng chính Churchill mới là người phải chịu trách nhiệm đối với việc trao quyền chỉ huy hạm đội cho de Robeck để ông này thận trọng cho phép hạm đội neo đậu nghỉ ngơi ngoài khơi.

Trong số các tướng lĩnh chỉ huy quân đội, Churchill là người ít bị chỉ trích nhất. Ian Hamilton là người thân với Churchill nhất trong số các tướng lĩnh, và Churchill đã rất hài lòng với việc Ian Hamilton được bổ nhiệm. Ông không nhiệt tình như thế đối với sự bổ nhiệm thuộc cấp của Hamilton là trung tướng Stopford, người mà tác phong lười biếng và tự mãn sau ngày quân đồng minh đổ bộ ở vịnh Suvla thuộc bán đảo Gallipoli bị Churchill xem là một trọng tội. Hoặc đối với đại tướng Charles Monro, thay thế Hamilton vào tháng 10, một người cứng rắn, cho rằng chỉ có thể giành chiến thắng bằng cách tiêu diệt người Đức ở vùng Flanders (cho dù phải hy sinh rất nhiều sinh mạng của người Anh và người Pháp). Đối với Charles Monro, Churchill đã châm chọc: “Ông ta đã đến, ông ta đã thấy, và ông ta đã đầu hàng”, nhại câu nói lừng danh của Caesar.

Thậm chí là đối với quyền chỉ huy của Hamilton, Churchill vẫn viết một cách lãnh đạm nếu không muốn nói là căm ghét ở phần cuối. Đây là một dấu hiệu nổi bật cho thấy các sự kiện ở Gallipoli đã làm cho Churchill bất mãn đến nỗi một người thường rộng lượng như ông lại phê phán hầu hết mọi người có liên quan, ngoại trừ bản thân và một số sĩ quan cấp thấp và trung bình, những người đã tỏ ra dũng cảm. Việc ông phê phán hầu hết mọi người như thế đã không khơi gợi được sự tin tưởng đối với những đánh giá của ông về vấn đề này.

Trong những tháng đầu năm 1915, có một sự chán ghét ngày càng tăng đối với Churchill hình thành giữa các đồng sự ở Nội các, và quan trọng nhất là sự chán ghét phát sinh từ thủ tướng. Nhưng điều này cũng phát sinh từ cảm tình thật sự của ông (đôi khi là ác cảm). Những thí dụ tiêu biểu trong thư của Asquith sau đây cho thấy suy nghĩ của ông: “Tôi khá bức mình đối với Churchill” (ngày 18 tháng 2), và “Hôm nay Winston khá phiền phức, sau đó tôi cảm thấy hơi bức bối khi phải nói chuyện với ông ta vì lợi ích của chính ông ta” (26 tháng 2). Tuy nhiên, hẳn là có một số lời phê bình không được rộng lượng, như là (cũng trong ngày 26 tháng 2) “Ở một số mặt, Winston đang trong lúc tồi tệ nhất. Ông ấy ồn ào, khoa trương, thô lỗ, và nóng nảy hoặc tự mãn”.

Churchill cũng bắt đầu tỏ ra không còn chịu đựng được cái mà ông cho là tính lễ mễ của thủ tướng. Điều đáng ca ngợi ở Churchill là ông bày tỏ thái độ qua những bức thư trực tiếp gửi cho thủ tướng thay vì than thở với những người khác. Vào ngày 7 tháng 2, ông đã viết bức thư như sau:

Thưa Thủ tướng

Hơn ba tuần trước, ngài đã nói với tôi về vai trò vô cùng quan trọng của Servia (Serbia). Kể từ đó đến nay chúng ta đã chẳng làm gì cả, cho dù là

những hành động nhỏ nhất nhất. Thời gian đang trôi qua. Có lẽ ngài chưa cảm nhận được tác động của đầu đạn ấy nhưng nó đã rời nòng súng và đang hướng đến ngài. Trong vòng ba tuần nữa kể từ hôm nay,

ngài, Kitchener, và Grey sẽ phải đương đầu với tình hình tai hại ở vùng Balkan: và cũng như ở Antwerp, nó sẽ vượt ra ngoài khả năng vãn hồi của ngài.

Chắc chắn là ở vị trí thủ tướng, ngài không thể hài lòng ngồi yên giống như là một quan tòa công bố các sự kiện sau khi chúng đã xảy ra.

Trước khi gửi bức thư này, Churchill đã xóa câu cuối cùng. Nhưng dù sao đây cũng là một bức thư ngạo mạn khi nó được một bộ trưởng trẻ gửi cho một thủ tướng lớn hơn đến 20 tuổi.

Churchill còn có những mối quan hệ căng thẳng với một số đồng sự quan trọng. Với người đồng minh cũ và vẫn còn là chủ nhà của ông là Edward Grey, mối quan hệ của họ trở nên ngày càng xấu đi trong những tháng này. Vào ngày 20 tháng 2, Grey tuyên bố rằng ông ta rất “kinh ngạc” trước đề xuất bổ nhiệm thống đốc đảo Lemnos ở vùng biển Aegea, nơi mà người Hy Lạp không muốn hải quân của Anh dùng làm chỗ neo đậu.

Vào ngày 4 tháng 3, Grey và Churchill lại tranh cãi về khả năng hải quân xâm chiếm vùng biển thuộc lãnh hải Chile. Và trong ngày 6, Churchill làm cho vấn đề càng nghiêm trọng hơn bằng cách viết cho Grey một bức thư với giọng điệu kẻ cả lớn lối (đến mức không thể chịu nổi): “Tôi khẩn cầu ông trong cuộc khủng hoảng này (những rắc rối trong các mối quan hệ với Hy Lạp) đừng gây ra lầm lỗi khi cản trở các vụ việc. Những biện pháp thiếu nhiệt tình sẽ hủy hoại tất cả, và hàng triệu người sẽ chết do chiến tranh kéo dài. Ông phải can đảm và mạnh dạn...”. Tuy nhiên, đây là một mẫu khác của đoạn văn bất tử (hoặc ít nhất là gan góc) mà ông đã quyết định không gửi, bản phác thảo chỉ tồn tại trong văn thư lưu trữ của ông. Sau đó, trong tháng 4, ông đã tranh cãi kịch liệt với Grey về những hoạt động của một người buôn bán vũ khí có tên gọi kỳ lạ là *Captain de la Force*, người mà Churchill đã cố gắng giao dịch để mua những khẩu súng trường Brazil nhưng không thành công. Grey nói rằng những hoạt động này làm cho Mỹ không hài lòng và gây tổn thất nhiều cho các nhà cung cấp vũ khí của

Mỹ. Tất cả những điều này phải được xem xét từ bối cảnh là vào cuối tháng 3, Edwin Montagu nói với Asquith (và chắc chắn là cũng nói với những người khác) rằng Churchill có âm mưu đưa Balfour lên thay thế Grey ở Bộ Ngoại giao. Lúc đầu, Asquith có khuynh hướng tin điều này. Nhưng sau đó không lâu ông lại bị tác động bởi những lời phủ nhận quyết liệt và sự bày tỏ lòng trung thành của Churchill đối với ông, và tỏ ra tôn trọng quyền hạn của ông trong Nội các.

Churchill cũng nhiều lần tranh cãi với Kitchener, trong tháng 2 về các liên đội xe bọc thép thừa thải, và sau đó, vào giữa tháng 4, là cuộc tranh cãi kịch liệt về những rò rỉ thông tin liên quan đến sức mạnh của quân đội (điều đã khiến cho Kitchener hăm dọa từ chức, dù phần lớn trách nhiệm đối với vụ việc này thuộc về Lloyd George và McKenna). Cũng như mọi khi, Asquith dù chỉ trích nhưng phần nào tha thứ cho Churchill: “Những người có trách nhiệm phải biết nhiều hơn thường tỏ ra không hài lòng. Winston xấu tính, hấp tấp, và thiển cận bên cạnh việc nói quá nhiều, nhưng sau đó ông thành thật hối tiếc và sửa chữa các lỗi lầm”. Trong khi đó, dù nóng tính nhưng Churchill đã có một cuộc cãi vã kéo dài không lâu với ông này liên quan đến việc Lloyd George tìm cách để nhà vua thề bỏ rượu trong giai đoạn đối đầu [với người Đức].¹⁹

Cuộc tranh cãi không phát sinh từ các sự kiện mà được khơi gợi bởi thái độ khinh bỉ dễ bộc lộ và vì nó mà Churchill đã châm chọc cái mà ông gọi là “mánh lới” của Lloyd George. Churchill đã lớn tiếng tuyên bố rằng ông đã không hiểu được Lloyd George. Nhật ký của Frances Stevenson (người lúc ấy rất thân thiết với bộ trưởng Tài chính [Lloyd George] và sau đó khá lâu đã kết hôn với ông và trở thành nữ bá tước Lloyd George) ghi lại rằng Lloyd George đã đáp: “Ông sẽ hiểu được vấn đề khi ông hiểu ra rằng bàn luận không phải là độc thoại! Churchill đã rất giận”. Đây không phải là một cuộc tranh cãi nghiêm trọng (hai người đã viết thư xin lỗi nhau ngay trong chiều hôm ấy). Nhưng nó chỉ ra rằng mọi việc đã trở nên xấu đi sau vụ Dardanelles và sau khi Churchill không còn quyền lực ở Bộ Hải quân. Thế nên miệng lưỡi của Churchill trở nên cay độc và dễ gây gổ hơn trong những cuộc tranh cãi với tất cả các đồng sự trong Nội các,

những người rất quan trọng đối với ông.

Vị trí đứng đầu Bộ Hải quân của Churchill cũng sụp đổ. Fisher, người đã âm ỉ bất bình với Churchill trong suốt nhiều tháng và sau cùng đã không thể kiềm chế và đã tỏ thái độ vào Thứ bảy ngày 15 tháng 5. Với Fisher, mọi chuyện thường diễn ra vào sáng sớm. Có một hội nghị quân sự đầy trắc trở diễn ra vào ngày hôm trước. Churchill đã mô tả hội nghị là “chứa đầy sự phẫn nộ” mà phần lớn sự phẫn nộ ấy nhắm vào ông. Ông tiếp tục: “Đội quân của Hamilton đã lâm vào thế bế tắc tại bán đảo Gallipoli, nó bị cầm chân trong tình thế nguy hiểm và rất khó tăng viện, thế mà việc rút lui lại càng khó hơn nữa. Hải quân Hoàng gia Anh đã trở nên thụ động”. Theo chỉ thị của Fisher, chiến hạm *Elizabeth Queen* đã quay về nước. Đây là một động thái tiêu biểu cho thất bại ở Dardanelles, rõ ràng đến mức đô đốc de Robeck đã nhận được chỉ thị là phải giả vờ làm như chiến hạm này được đưa về Malta chỉ trong vài ngày để bảo trì.

Ở vùng Flanders, nguyên soái John French vừa mất 20.000 quân trong một cuộc tấn công đã được dự báo là không hiệu quả vào những vị trí đã được gia cố rất vững chắc của Đức. Trong khi diễn ra cuộc tấn công này, người Pháp tuyên bố rằng nguyên nhân khiến John French không thể chiếm mục tiêu vốn đã khó chiếm này là thiếu đạn pháo. Và dựa vào sự thiếu hụt, ông đã tự bào chữa bằng cách khơi dậy một chiến dịch báo chí chỉ trích chính phủ. Người thay mặt ông trong việc xúi giục các báo *Morning Post*, *Observer*, và trên tất cả là tờ *The Times*, chính là sĩ quan hầu cận của ông, đại úy Freddie Guest, người cũng là anh em họ của Churchill và là người bị Clementine ghét cay ghét đắng. Những nỗ lực của Freddie Guest thành công đến mức, ngoài sự đồng cảm của hội nghị quân sự ngày 14 tháng 5, báo *The Times* sáng hôm ấy đã chủ yếu đăng các bài báo liên quan đến vụ thiếu đạn. John French và tử tước Northcliffe (chủ sở hữu báo *The Times*) cho rằng vụ bê bối là một nỗi nhục đối với chính phủ cuối cùng toàn là thành viên Đảng Tự do (ngoại trừ Kitchener không thuộc đảng phái nào) từng ngự trị chính trường nước Anh. Nhưng một quan điểm ít thiên kiến hơn cho rằng trong khi sự kiện này là một nhân tố phụ gia, nguyên nhân mang tính quyết

định nhiều hơn lại chính là sự đổ vỡ trong Bộ Hải quân. Quan điểm này đã len vào hội nghị quân sự, từ việc Fisher đột ngột tuyên bố rằng ngay từ đầu ông đã chống lại cuộc phiêu lưu quân sự ở Dardanelles, và rằng Asquith và Kitchener (có khả năng là cả Churchill) biết rất rõ điều này. Tuy nhiên, theo Churchill, “sự can thiệp đã được im lặng chấp nhận”.

Sau ngày ấy, Churchill lại chìm ngập trong công việc hàng ngày, đưa ra các lệnh liên quan đến việc bố trí các hạm đội trong sự hòa thuận nửa vời với Fisher. Như đã được trích dẫn trong biên bản của Churchill, cần phải tăng viện cho hạm đội ở Dardanelles để bù vào số lượng chiến hạm đã được chuyển đi nơi khác. Không chỉ là chiếc *Elizabeth Queen* mà còn thêm bốn tuần dương hạm hạng nhẹ khác để gia nhập hạm đội Ý ở Taranto, như một phần của một âm mưu (đã tỏ ra thành công vào ngày 23 tháng 5) nhằm lôi kéo Ý tham chiến về phe Đồng minh. Churchill đã đi gặp Fisher vào sáng sớm (trong truyền thống về tôn ti của chính phủ Anh, việc cấp trên đến thăm cấp dưới [trên danh nghĩa] được xem là một động thái hòa giải, và động thái này thường, nhưng không phải là luôn luôn, thành công), và ông nghĩ rằng ông đã được Fisher tán thành một cách rõ ràng. Churchill lại một lần nữa không nhận biết một dấu hiệu cảnh báo đáng ngại. Ông đã than phiền rằng sự can thiệp của Fisher vào buổi sáng hôm ấy là không công bằng, và về sau đã ghi lại rằng: “Ông ta [Fisher] đã nhìn tôi một cách rất kỳ lạ và nói: Tôi nghĩ là ông nói đúng. Việc làm của tôi là không công bằng”. Sai lầm của Churchill nằm ở chỗ ông xem câu nói của Fisher như là một phần của lời xin lỗi. Thật ra, nó là một tuyên bố, có lẽ là đáng buồn, về sự xung khắc. Sự xung khắc này lại càng nghiêm trọng hơn khi vào tối hôm ấy, Churchill đã soạn thảo và gửi đi những chỉ thị chi tiết kèm thêm dòng chữ bổ sung tai hại “Đô đốc Hải quân phải giám sát hành động đã được ra chỉ thị”.

Ngày hôm sau, trong bữa điểm tâm, Churchill nhận thấy trên bàn không có bức thư tóm lược các sự kiện thường được Fisher soạn sẵn trong đêm và đặt trên bàn ông vào sáng sớm. Ông đến tham dự cuộc họp ở Bộ Ngoại giao lúc 9 giờ. Khi trở về, lúc đi ngang qua quảng trường *Horse Guards* ông đã bị chặn lại bởi

một thư ký riêng đang tỏ ra rất lo lắng. Người này nói với Churchill rằng Fisher đã từ chức, và nói thêm với vẻ mặt nghiêm trọng “tôi nghĩ là lần này ông ấy làm thật”. Lời bình luận của người này rất có ý nghĩa và đã đúng, vì đây là lần xin từ chức thứ tám của Fisher trong vòng sáu tháng rưỡi. Những điều Fisher ghi trong đơn từ chức rất đáng quan tâm, không thể không trích dẫn:

Sau khi cân nhắc thêm với một tâm trạng đầy lo lắng, tôi rất tiếc khi phải quyết định rằng không thể tiếp tục làm người cộng sự của ông. Việc nói một cách chi tiết sẽ khơi gợi sự quan tâm bất lợi ở công chúng - Jowett²⁰ đã nói rằng, “Đừng bao giờ thanh minh”. Nhưng tôi ngày càng cảm thấy khó thích nghi với những nhu cầu ngày càng tăng của Dardanelles để thỏa mãn những quan điểm của ông, như ông đã thành thật bày tỏ hôm qua. Hiện tôi đang chủ trương tiếp tục phủ quyết các đề xuất của ông.

Điều này thật không công bằng với ông, bên cạnh việc làm cho ông rất khó chịu đối với tôi. Tôi lên đường đến Scotland ngay để tránh việc phải giải bày với những người khác.

Người bạn chân thành của ông.

Fisher.

Thật ra, phù hợp với tâm trạng vừa yêu vừa ghét của mình, Fisher đã không trốn đến Scotland và vẫn ở lại London, dời nơi ở chính thức của ông ở phố *Queen Anne's Gate* để đến ở tại một khách sạn tọa lạc tại khu vực ga Charing Cross. Ông ẩn mình trong một nơi kín đáo, nhưng chỉ cách Bộ Hải quân khoảng gần 300 mét và cách trụ sở của chính phủ Anh không đến 800 mét. Dù lần từ chức thứ tám này là nghiêm túc nhất trong loạt từ chức của Fisher, nhưng ông vẫn mong chờ các lệnh triệu hồi, và dĩ nhiên là chúng sắp được gửi đến.

Thủ tướng nóng lòng tìm kiếm ông hơn là Bộ Hải quân. Điều này một phần là vì lúc đầu Churchill cho rằng lần từ chức này của Fisher cũng không nghiêm

túc, giống như là bảy lần trước, và chỉ là để tập trung vào những kế hoạch của chính ông ta mà không cần quan tâm đến các hậu quả chính trị của nó. Asquith tỏ ra cảnh giác hơn. Ông hoàn toàn hiểu rõ tình trạng bất bình hiện thời của chính phủ, nhất là khi kết hợp với vụ bê bối thiếu đạn pháo. Tuy nhiên, Churchill đã phải đi qua quảng trường *Horse Guards* đến lần thứ ba để báo cho Asquith biết tin Fisher vắng mặt. Thủ tướng đã ngay lập tức nhân danh nhà vua viết một lệnh triệu hồi bằng tay yêu cầu Fisher quay về với nhiệm vụ, và ra lệnh cho Maurice Bonham Carter, một trong những thư ký riêng của ông, đích thân đi tìm Fisher và trao lệnh triệu hồi ấy. Đây là một công việc nói dễ nhưng khó làm. Sự kiện này gợi nhớ phần nào câu chuyện xảy ra cuối thập niên 1940, khi nghị sĩ ham chơi của Đảng Bảo thủ là Michael Astor, người đã gửi một bức điện tín (từ khách sạn Ritz ở thành phố Madrid) cho thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng Đảng Bảo thủ nói rằng: “Ông phải bắt tôi ngay khi tìm được tôi, nghĩa là nếu ông có thể tìm ra tôi”. Người ta tiếp xúc với bà vợ buồn bã của Fisher ở trang viên Norfolk của ông ở Kilvertone, kiểm tra các trạm xe lửa, và lùng sục khắp London. Chỉ trong vòng hai giờ, người ta đã tìm ra Fisher (đã từ lâu, văn phòng thủ tướng rất giỏi về mặt này). Và Fisher đã đồng ý tự mình ra trình diện trước thủ tướng, dù không chịu bước chân vào Bộ Hải quân. Trong lúc đó, Asquith đang hiện diện tại đám cưới của nghị sĩ Geoffrey Howard. Geoffrey Howard là thư ký riêng của ông trước kia trong Quốc hội, mà cũng là người mà qua đó nữ bá tước Rosalind của vùng Carlisle trao lâu đài Castle Howard vào tay Đảng Tự do.

Mãi đến xế chiều ngày hôm đó, Fisher, theo cách mô tả sống động cho dù giàu tưởng tượng của Violet Asquith “đã bị bắt, bị mang đi trong miệng của một trong những con chó săn mồi, được thả xuống trước cửa phòng họp Nội các, thở hổn hển với đôi mắt đỏ ngầu”. Fisher tỏ ra “hòa nhã và thân thiện” với Asquith nhưng nhất quyết cho rằng không thể làm việc chung với Churchill. Tuy nhiên, Churchill nhận được chỉ thị đến và đưa Fisher về Bộ Hải quân và ngay chiều tối hôm đó đã rất cố gắng viết một bức thư xoa dịu Fisher, và thư đã được nhanh

chóng gửi đi. Việc làm này không có tác dụng. Fisher đã hồi âm vào ngày hôm sau với lời lẽ thân thiện, nhưng tùy theo cảm nhận của người đọc nó có thể là quá xúc cảm hoặc quá kích động. Churchill đã viết thêm một bức thư khác cũng ngay sáng hôm ấy (Thứ hai), và nhận được thư hồi âm thậm chí còn cương quyết hơn (“Xin đừng cố tìm gặp tôi, tôi sẽ chẳng nói gì vì đã nhất quyết như thế”), bức thư mà ngay cả Churchill cũng cho nó là quyết định sau cùng.

Churchill bắt đầu chuẩn bị một hội đồng mới cho Bộ Hải quân, thuyết phục một người đã qua tuổi 70 (Arthur Wilson) giữ chức Đô đốc Hải quân, và vẫn giữ nguyên vị trí của các sĩ quan cấp dưới. Với ý định như thế, ông bắt đầu lúc 5g30 chiều, với Clementine tháp tùng. Không chắc là bà đồng ý nhưng bà đã đi theo ông, lên xe đi khoảng 50 dặm để đến một ngôi nhà bên bờ sông Thames gần cầu cảng Sutton Courtenay, nơi mà Asquith đã đến và ở lại từ chiều hôm trước. Sự bình thản của Asquith thật kỳ lạ. Việc ra đi đột ngột của Fisher và nguy cơ bất ngờ mà chính phủ của Asquith phải giải quyết đã chẳng gây ra tác động nào khác cho chuyến đi nghỉ cuối tuần hơn là làm cho ông phải trì hoãn chỉ vài giờ. Và vào sáng Thứ hai, ông đã đến Oxford để thăm người con trai út đang học tại một trường trung học cơ sở ở đó. Vào buổi chiều, Asquith vẫn bình thản khi đứng ở trung tâm của cơn lốc chính trị với các vụ việc ở Pháp càng làm cho tình hình rối thêm. Theo nhật ký của Violet Asquith, vợ chồng McKenna đã đến nhà bà dùng trà trong khi “hoàng thân Paul của Serbia đi thơ thẩn trong vườn” và đã vội vã lên xe ra về trước khi Churchill đến. Khi Violet trở về sau nửa giờ đi thuyền, bà thấy “Winston đứng dưới chân thảm cỏ bên bờ sông trông giống như Napoleon trên đảo St Helêna (nơi Napoleon bị giam giữ)... Chắc chắn là Clemmie (Clementine) ratio lảng”.

Churchill trao cho Asquith đơn từ chức của ông, và biết rằng sẽ bị từ chối, dù ông báo cáo với Asquith rằng ông “không muốn như thế”. Nhưng tình hình nghiêm trọng đến nỗi ông cần phải bàn bạc với người lãnh đạo Đảng Bảo thủ. Điều này hơi khác thường và có thể được xem là vừa đáng ngại lại vừa giúp an tâm hơn. Với sự rộng lượng quen thuộc, “Asquith đã (theo lời kể của Churchill)

mời chúng tôi ở lại và dùng bữa, và chúng tôi đã được hưởng một buổi tối vui vẻ giữa đủ mọi rắc rối”. Vợ chồng Churchill lên xe trở về ngay trong đêm. Đến sáng hôm sau, Asquith xuất hiện để tham gia một cuộc họp quan trọng với Bonar Law trước giờ cơm trưa.

Cuộc họp này vô cùng quan trọng. Vì qua những cuộc hẹn và những chuyến đi cuối tuần, với tác phong nhanh chóng nhưng thận trọng đặc trưng của mình, Asquith đi đến kết luận rằng việc thành lập một chính phủ liên minh với Đảng Bảo thủ là điều tất yếu. Và đây là một quyết định không thú vị vừa vì Asquith không bao giờ đánh giá cao Bonar Law (lãnh đạo Đảng Bảo thủ) vừa vì ông không thích việc liên minh. Dù thường là một chính khách ôn hòa, Asquith rất ghét việc phải đưa các thành viên Đảng Bảo thủ vào Nội các, điều mà cả Churchill lẫn Lloyd George không thể hiểu được. Điều này chỉ vì ông vẫn còn mang nặng tinh thần quan liêu xưa cũ của Đảng Tự do, chứ không phải vì ông ghét sự chống đối sẽ xảy ra đối với các chính sách khi có sự hiện diện của các thành viên đối lập trong Nội các. Ông đã viết rằng: “Xem ra việc đưa vào nội bộ những người xa lạ mà cho đến nay vẫn là những nhân vật thù địch là nhiệm vụ cam go nhất”. Có lẽ cảm giác của các thành viên Đảng Bảo thủ cũng như thế. Và cách tiếp cận đầy ác cảm và miễn cưỡng này chính là tinh thần thống trị ngay từ buổi đầu thành lập của chính phủ liên minh kéo dài 19 tháng của Asquith. Ít ra, lúc đầu hẳn là liên minh này đã được hình thành với một mức độ nhiệt tình chung nào đó, như là sự nhiệt tình hiện diện trong chính phủ liên minh của Churchill 25 năm sau, và nó cũng hiện diện ở một chừng mực nào đó nhỏ hơn trong chính phủ của Lloyd George năm 1916.

Quyết định của Asquith đã đẩy Churchill vào một vị trí rất dễ bị công kích. Muộn nhất là từ năm 1910, ông đã bị thu hút bởi ý tưởng liên minh (theo cách nói của Asquith vài tháng trước, đó là “khao khát sự liên minh và tập hợp các chính khách thuộc nhiều thành phần khác nhau”). Nhưng nay xem ra ông là nạn nhân của nó. Theo chính ghi chép của Churchill trong tác phẩm *The World Crisis*, mãi đến trưa Thứ hai ông mới thực sự cảnh giác trước nguy cơ mà nó

mang lại, chứ không hề lo về nó khi còn ở tại làng Sutton Courtenay vào Chủ nhật. Ông đã đến trụ sở Hạ viện với ý định tìm gặp thủ tướng và thông báo thành phần của bộ chỉ huy hải quân mới trong một báo cáo cấp bộ trưởng. Ông ghé thăm Lloyd George trên đường đi, một thói quen của Churchill, và được vị bộ trưởng Tài chính (có lẽ là đã cường điệu thêm) cho biết rằng chính ông ta là người đã tạo áp lực để Asquith chấp nhận thành lập chính phủ liên minh. Theo lời của chính Churchill khi ông hồi tưởng rất lâu về sau, “Ông ấy [Lloyd George] biết rằng tôi luôn ủng hộ một chính phủ như thế và luôn thôi thúc việc thành lập nó mỗi khi có dịp. Nhưng vào lúc này có lẽ nên hoãn lại, cho đến khi uỷ ban của tôi đã được tái cơ cấu và yên vị ở Bộ Hải quân”. Lloyd George đã nói rằng việc trì hoãn là không thể được. Sau đó, khi Churchill đi dọc theo một hành lang ngắn và chính thức giới thiệu uỷ ban của ông với Asquith, Asquith đã bảo ông: “Không. Uỷ ban này sẽ hoạt động không hiệu quả. Tôi đã quyết định thành lập một chính phủ gồm nhiều đảng phái”. Asquith tiếp tục hỏi Churchill rằng ông muốn nhận nhiệm vụ trong chính phủ mới hay là muốn làm một vị tư lệnh ở Pháp. Và đây là lần đầu tiên Churchill nhận biết rằng ông sẽ không còn là bộ trưởng Hải quân.

Trước khi vấn đề được giải quyết, vì nhu cầu của hành động khẩn cấp, một thông điệp đã được gửi đến Churchill yêu cầu ông quay về Bộ Hải quân. Chắc chắn là đã có một số nguồn tin tình báo đáng tin cậy gợi ý rằng Hạm đội Đức có thể sẽ lần đầu tiên xuất hiện với toàn bộ sức mạnh của nó. Một điều cũng chắc chắn không kém là hẳn Churchill đã không chần chừ tận dụng nguồn tin này, ông đã ngay lập tức trở nên phấn khích, và linh hoạt. Nó làm cho ông giống như một người bị thương, chính ông từng sử dụng so sánh này với một cách giải thích khác, cố gắng hướng tâm trí vào khía cạnh tốt đẹp của cuộc sống đã được hưởng trước kia. Ông đã có một buổi trưa và một buổi chiều kỳ lạ. Ông gửi đi các hiệu lệnh mà không cần phải qua tay người mà khi cùng làm việc Churchill đã giả vờ tránh né việc tự gửi đi những hiệu lệnh như thế. Từ 3g55 chiều, khi “Đại hạm đội Anh Quốc chuẩn bị nhanh chóng lên đường” đến với Jelicoe, thì

đến 8g10 tối, vị đô đốc lại nhận được một thông điệp riêng “Có thể ngày mai là ngày xuất quân, chúc ông mọi điều tốt lành”, Churchill đã được hưởng một khoảng thời gian tuyệt vời. Ông thậm chí còn xoay sở để viết cho thủ tướng vào ngay chiều hôm ấy bức thư chấp nhận việc rời Bộ Hải quân. Nhưng nói thêm rằng, ông rất vui nếu được trao cho bất cứ chức vụ nào trong chính phủ mới nếu nó liên quan đến quân sự, không thì cũng là một công việc nào đó thuộc lĩnh vực quân sự.

Có lẽ ông đã bao gồm Bộ Thuộc địa (và Văn phòng về Ấn Độ) vào danh sách các cơ quan quân sự. Nhưng ông đã không được giao hai bộ này vì chúng là những bộ không quan trọng lắm. Và Asquith đã thiếu thận trọng khi quyết định trao chúng cho Đảng Bảo thủ. Bonar Law, người có vai trò tạo ra sự cân đối trong chính phủ phải trở thành bộ trưởng Tài chính (nhất là khi Lloyd George chuẩn bị tạo ra một bộ mới là Bộ Quân khí), nhưng trên thực tế lại trở thành bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Austen Chamberlain trở thành trưởng Văn phòng về Ấn Độ. Những cơ hội của Churchill đối với các thuộc địa có lẽ đã bị gạt bỏ bởi những cuộc dàn xếp liên đảng như thế. Nhưng cho dù không xảy ra điều này chăng nữa, cơ hội của Churchill cũng vẫn rất mong manh. Do một bức thư với lời lẽ gay gắt của Alfred Emmott (người cùng với Churchill đại diện cho khu vực cử tri Oldham trong nghị viện năm 1900 và sau đó khá lâu lại là đồng sự của ông trong một thời gian ngắn trong Nội các của Đảng Tự do) gửi cho Asquith vào Thứ ba (20 tháng 5): “Tôi khẩn cầu ngài hãy vì quyền lợi của các thuộc địa mà không để cho Churchill giữ chức vụ bộ trưởng Bộ Thuộc địa... Tác động của ông ta trên các thuộc địa hẳn là sẽ tệt hại và có thể là tai họa. Tính khí và cách cư xử của ông ta không phù hợp với chức vụ này”. Quan điểm này được hậu thuẫn mạnh mẽ bởi lá thư của W. Pringle, một nghị sĩ Scotland và là người được Asquith yêu mến và ủng hộ, người cho rằng việc Churchill tiếp tục giữ một chức vụ quan trọng là một “hiểm họa đối với công ích”. Pringle viết thêm rằng đây là quan điểm của một số lớn nghị sĩ thuộc Đảng Tự do. Tâm lý chống đối Churchill đã hình thành trong nhiều thành viên Đảng Tự do và hầu như là trong toàn bộ

các thành viên Đảng Bảo thủ ngoại trừ F. E. Smith và có thể là cả Arthur Balfour.

Sự im lặng hầu như là do bị tê liệt của Churchill kéo dài không lâu. Triển vọng về một cuộc tranh cãi lớn trên vấn đề hải quân, điều khiến cho các đảng phải vận động lôi kéo, đã được ngăn chặn một cách hiệu quả vào sáng Thứ ba ngày 18 tháng 5. Các chiến hạm của Đức đã quay về phương Đông, thế nên Churchill không thể vin vào sự đe dọa trực tiếp của chúng như là cái cớ để phải giữ ông lại ở Bộ Hải quân. Điều này không có nghĩa là ông phải tiếp tục im lặng. Suốt bốn ngày sau đó, từ Thứ ba đến Thứ sáu, 18 đến 21 tháng 5, ông đã viết cho Asquith năm lá thư khác với nhiều tâm trạng thay đổi. Vào ngày 18, ông nói rằng sẽ không từ chối nếu được chuyển sang Bộ Thuộc địa, nhưng ông mong được tiếp tục ở lại Bộ Hải quân để “hoàn thành công việc”. Vào ngày 20, ông nói rằng hy vọng rõ ràng của ông là một con át chủ bài mới và mang tính quyết định: “Tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi được biết rằng, ngày hôm qua, Arthur Wilson đã thông báo với các đô đốc rằng, trong khi chuẩn bị phục vụ hải quân hoàng gia trong vai trò là tổng chỉ huy, ông ta đã nghĩ đến việc phục vụ dưới quyền của tôi mà không muốn phục vụ dưới quyền của bất cứ ai khác. Đây là phần thưởng lớn lao nhất mà tôi từng được hưởng”. Cũng trong ngày này, Clementine Churchill đã gửi một bức thư cho thủ tướng với mục đích là tìm cách trì hoãn việc Churchill phải ra đi. Nhưng thay vì với giọng điệu khẩn cầu van xin, bà đã sử dụng lời lẽ cứng cỏi đến độ hầu như là xấc láo. Bức thư này còn chứa đựng câu nói nổi tiếng được nhiều người trích dẫn: “Có thể là trong mắt của ông và những người từng làm việc chung thì Winston có nhiều khuyết điểm. Nhưng ông ấy có một phẩm chất vượt trội, một phẩm chất mà tôi dám cả gan cho rằng có rất ít người trong Nội các hiện nay và trong tương lai có thể có. Đó là tài năng và khả năng sáng tạo tối cần thiết cho việc chống lại người Đức”.

Asquith đã mô tả đây là một “bức thư điên khùng”. Nhưng không phải như thế. Nó là một lời biện hộ chân thành, ít nhất cũng đã đạt được một mục tiêu.

Vào ngày 21 tháng 5, Churchill đích thân viết một bức thư dài đến hơn sáu tờ

giấy (nhỏ). Trong đó ông đã cố gắng trình bày về bản thân như là không thể nào không hoàn thành thành công cuộc phiêu lưu quân sự ở Dardanelles:

“Điều thôi thúc tôi không phải là tham quyền cố vị hoặc vì quyền lợi riêng tư. Tôi gắn bó với nhiệm vụ và bổn phận. Tôi đang thực hiện nhiệm vụ đáng sợ mà tôi đã cam kết hoàn thành và hiểu rõ nó. Tôi cùng với Arthur Wilson, biết rằng vì nhiệm vụ ấy tôi có thể bị sa thải”. Vào ngày hôm đó, ông viết thêm một bức thư thanh minh thậm chí còn dài hơn cho Bonar Law.

Vào chiều tối Thứ sáu, có thể Churchill đã viết thêm một lá thư mềm dẻo hơn và đã nhận được thư hồi âm với lời lẽ dù thận trọng nhưng kiên quyết từ Asquith: “Tôi đã nhận được các bức thư của ông. Ông phải chấp nhận rằng việc rời bỏ Bộ Hải quân là một cách giải quyết... Tôi hy vọng có thể giữ ông lại trong Nội các mới. Tôi chân thành biết ơn sự cống hiến to lớn của ông trước và từ khi chiến tranh nổ ra”. Bức thư với lời lẽ mềm dẻo của Churchill, một sự đổi thái độ xem ra tự phát vì một lá thư được viết sau đó đã gợi ý mạnh mẽ rằng, khi ấy ông chưa nhận được công văn quyết định của Asquith (liên quan đến vấn đề Bộ Hải quân), nói rằng: “Tôi rất tiếc về những rắc rối của ngài, và rất ân hận khi tôi là nguyên nhân khiến cho nhiều người khác có dịp để mang lại cho ngài những rắc rối ấy. Tôi sẽ chấp nhận bất cứ bộ nào, cho dù là nhỏ bé nhất, mà ngài muốn trao cho tôi...”. Sau đó khoảng 1 giờ, khi đã đọc thư của Asquith, ông lại viết bức thư khác, “Được thôi, tôi chấp nhận quyết định của ngài và sẽ không bận tâm nữa”. Asquith đã ngay lập tức viết thêm một bức thư để bày tỏ “sự cảm kích đối với bức thư nhưng không tỏ ra ngạc nhiên đối với tâm trạng của Churchill chứa đựng trong đó”. Thế rồi sự trao đổi thư từ phong phú này kết thúc.

Mãi đến ngày 26 tháng 5, việc thành lập chính phủ mới được công bố. Và bộ mà Churchill nhận được rất gần với vị trí “nhỏ bé nhất” (trong Nội các) dù nó vẫn mang lại cho ông niềm an ủi là vẫn tiếp tục là thành viên của Hội đồng Quân sự, hoặc Ủy ban Dardanelles theo cách gọi về sau. Ông trở thành quan chưởng ấn của lãnh địa công tước Lancaster. Hầu như nhiệm vụ duy nhất của cơ quan này là bổ nhiệm các quan tòa địa phương cho khu vực Lancashire. Trong suốt

năm tháng giữ chức vụ, Churchill không có cơ hội đọc diễn văn tại Hạ viện. Nhưng ít ra ông vẫn còn giữ được một chức vụ, dù chỉ là một chức vụ không quan trọng, để từ đó có thể tiếp tục biện minh cho chiến lược Dardanelles.

Chương 15

SỰ NGHIỆP KẾT THÚC Ở TUỔI 40 CHẴNG?

Trở ngại ngăn chặn đường sự nghiệp của Churchill quá lớn và theo nhiều cách đã khiến cho tính khí của ông dễ thay đổi, lúc buồn phiền chán nản, lúc phấn khích. Điều đáng ngạc nhiên là ông lại trỗi dậy như ông đã từng trong quá khứ. Thế nhưng không thể xem nhẹ sự sa sút tinh thần của ông. Ông đã nói với nam tước Riddell, chủ báo *News of the World*, người được nhiều chính khách chọn làm bạn tâm giao: “Thế là hết, tất cả những khía cạnh mà tôi quan tâm đều đã khép lại trước mắt tôi, như là tiến hành cuộc chiến và đánh bại người Đức”. Và về sau rất lâu, khi nhớ lại tâm trạng của Churchill ngay sau khi bị huyền chức, Clementine Churchill đã nói với Martin Gilbert: “Tôi đã nghĩ là ông ấy sẽ chết vì tuyệt vọng”.

Bất kể quãng thời gian tăm tối phải vượt qua, thái độ của Churchill đối với công chúng không phải là thái độ của một con thú bị thương muốn lê thân vào các bụi rậm để trốn tránh. Thay vì thế, ông vẫn tích cực tham gia vào các hoạt động công cộng như thể chúng vẫn dành cho ông. Có phần nào giống cha, người sau khi từ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 1886 vẫn ở lại trong toà nhà của Bộ Tài chính để viết những bức thư chúc mừng Giáng sinh, Churchill vẫn tiếp tục ở lại văn phòng thêm năm hoặc sáu ngày sau ngày chính phủ mới được công bố để chỉ đạo việc quan hệ thư từ của Bộ Hải quân. Tại văn phòng của quan chưởng ấn lãnh địa công tước Lancaster ở phía bắc cầu Waterloo, từ sau ngày 1 - 6 - 1915, Churchill bắt đầu viết thư gửi đi khắp nơi. Theo tính cách điển hình, hầu như liên lạc đầu tiên của Churchill từ văn phòng mới này là một lá thư gồm 4.000 từ

gửi đến các đồng sự nói về tình hình chiến lược tổng quát ở cả phương Tây lẫn phương Đông. Và một lá thư khác cũng được viết trong ngày ấy đã được gửi cho Jellicoe, người đã viết một lá thư với ngôn từ dù mộc mạc nhưng hợp với khuôn phép để tỏ lòng kính trọng và duy trì sự thân tình. Dù không bày tỏ sự hối tiếc việc Churchill phải ra đi, nhưng ông ca ngợi những gì Churchill đã làm được cho hải quân.

Tuy nhiên, sự kiện lớn của Churchill trong tuần lễ ấy là cuộc thăm viếng thành phố Dundee. Tại phòng hòa nhạc Caird Hall của thành phố này, Churchill đã đọc một bài diễn văn ngắn (nửa giờ) nhưng hùng hồn trước một số lượng đông đảo cử tri. Đây là lần đầu tiên ông đến thăm nơi đây kể từ khi chiến tranh nổ ra, và phải sau đó rất lâu cử tri ở đây mới gặp lại ông. Đây là một bài diễn văn rất thành công, nó bị ngắt quãng nhiều lần do cử tọa liên tục reo hò tán thưởng và xem ra họ sẵn lòng ủng hộ ông. Nó là bài diễn văn gồm một nửa là biện minh cho chính sách hải quân của ông, một phần tư chống lại việc tòng quân cưỡng bách sang phục vụ bên Pháp, và một phần tư là yêu cầu chính phủ cương quyết ủng hộ việc chiến đấu và yêu cầu dân chúng ủng hộ quyết tâm ấy. Đây là những khúc dạo đầu của năm 1940. Ông kết luận, dù khoa trương nhưng cũng không làm cho cử tọa cảm thấy sáo rỗng, nhàm chán:

Bây giờ lại nói về nhiệm vụ của các bạn. Hãy hy vọng và nhìn về phía trước chứ đừng ngần ngại chán nản. Một lần nữa hãy tập trung mọi năng lực mà các bạn có vào trong trái tim và khối óc, hãy một lần nữa cùng nhau hợp sức để thực hiện một nỗ lực tột bậc. Đây là thời điểm khắc nghiệt, nhu cầu của cuộc chiến vô cùng cấp thiết, sự thống khổ của châu Âu là vô bờ bến, nhưng việc nước Anh hợp sức lao mình vào cuộc chiến là không thể cưỡng lại. Chúng ta là nguồn dự trữ sức mạnh lớn lao của phe Đồng minh, và bây giờ nguồn dự trữ lớn ấy phải sử dụng như là một con người.

Một trong những lý do khiến gia đình Churchill trì hoãn việc rời bỏ dinh thự

của Bộ Hải quân là họ chưa có hơi nào khác để sống ở London. Arthur Balfour tỏ ra không nóng lòng dọn đến ở trong dinh thự Bộ Hải quân ngay, vì Arthur Balfour đang độc thân và đã có nhà riêng ở khu vực Canton Gardens và sợ rằng sẽ bị chê là tham lam nếu nôn nóng đến ở trong dinh thự của Bộ Hải quân. Và chính vì Clementine muốn nhanh chóng thoát ra khỏi một nơi ở đã trở nên không thể chịu đựng nên vợ chồng Churchill mới nóng lòng ra đi. Họ chấp nhận sống vài tuần tại phố Arlington với Ivor Guest, người vừa trở thành nam tước Wimbome. (Xét từ việc Clementine không ưa gì Ivor Guest, việc vợ chồng Churchill chấp nhận đến làm khách của Guest là một chọn lựa rất khó khăn). Sau đó, vào cuối tháng 6, họ quyết định thuê chung với gia đình khác một ngôi nhà rộng lớn lạnh lẽo nhưng thuận tiện ở số 41 đường Cromwell, đối diện với Viện Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên. Cả hai gia đình, trước kia đã rất thân thiết với nhau và nay vẫn tiếp tục như thế, rất thích thú trước việc có thể tiết kiệm tiền nhờ thuê chung nhà. Tuy nhiên, xem ra Churchill tỏ ra không thích thú lắm đối với việc sống trong nhà trẻ ghép này. Trong một bức thư gửi cho em trai vào ngày 2 tháng 10, Churchill cho biết rằng hầu hết các buổi tối tại London ông đến chơi ở nhà mẹ ông tại Số 72 phố Brook ở quận Mayfair.

Đã khó lại còn khó thêm, lương bộ trưởng của Churchill lúc này đã bị giảm bớt còn 2.000 bảng do việc chuyển chức vụ từ bộ trưởng Hải quân sang làm quan chưởng ấn lãnh địa công tước. Tiền bạc là vấn đề mà ông luôn vung tay quá trán, và sự thay đổi mới trong cuộc sống đã không ngăn cản được việc ông tậu một trang viên vào mùa hè năm đó. Đó là trang viên Hoe Farm gần thị trấn Godalming thuộc lãnh địa bá tước Surrey, và nó đã được cho thuê trước khi ông sa cơ thất thế. Nó là một ngôi nhà vườn thôn quê rất nhỏ với phong cách xây dựng thuộc triều đại Tudor hơn là một trang viên, được xây dựng trên một thung lũng hẻo lánh ở vùng quê nửa ngoại thành.

Hoe Farm có một khu vườn rộng, nơi xảy ra một trong những thời điểm quan trọng trong cuộc đời của Churchill. Trong kỳ nghỉ cuối tuần vào tháng 6, khi vẫn còn bối rối vì vừa bị mất một chức vụ cao (mà chính ông đã mô tả “giống như

một quái vật biển bị mắc vào lưới và bị kéo lên thuyền từ biển sâu hoặc như một thợ lặn đột ngột ngoi lên mặt nước”), ông tình cờ thấy một bức tranh màu nước rất đẹp của Goonie Churchill. Bà đã thuyết phục ông cầm cọ và vẽ thử. Ông đã bị thu hút, dù trước kia ông chưa từng quan tâm đến hội họa. Tuy nhiên, tính mong manh và tinh tế của màu nước không có duyên với ông. Ông đã nhanh chóng chuyển sang loại chất liệu cứng rắn hơn là sơn dầu. Hazel Lavery, bản thân là một họa sĩ và là vợ của một họa sĩ vẽ chân dung của giới thượng lưu, đã đến thăm Churchill và hướng dẫn ông cách sử dụng chất liệu sơn dầu. Điều này đã làm cho sự thích thú của ông tăng lên rất nhiều, và việc vẽ tranh đã thu hút ông hầu như suốt 50 năm còn lại của cuộc đời. Ông đã trở nên thành thạo đáng kể, và như nhận xét sâu sắc của Violet Bonham Carter suốt nhiều năm, thì đây là công việc duy nhất mà Churchill đeo đuổi trong sự im lặng hoàn toàn. Thực tế hơn, thú vui mới này đã giúp ông bình tâm hơn và phần nào giúp xoa dịu những cay đắng trên đường sự nghiệp.

Churchill đã không rút ra khỏi hoạt động chính trị. Trái lại, ông cố gắng bám víu vào từng chút ảnh hưởng mà ông có thể tạo ra từ vị trí của mình, nơi mà trên thực tế ông chẳng có việc gì để làm. Tình cảnh này được an ủi phần nào nhờ ông là thành viên của Bộ Chiến tranh, lúc này đã được đổi tên thành Ủy ban Dardanelles với số lượng nhân sự lúc đầu được giảm xuống còn 9 người rồi nhanh chóng tăng lên thành 13 hoặc 14. Lúc ấy vẫn chưa có các báo cáo Nội các nhưng các ghi chép của Hankey đã cho thấy rằng tại những cuộc họp trong tháng 6, sự can thiệp của Churchill chỉ kém thường xuyên hơn Kitchener, nhiều hơn Balfour (người kế vị Churchill trong Bộ Hải quân) và nhiều hơn rất nhiều so với thủ tướng hoặc bất cứ thành viên nào trong số sáu người còn lại.

Vào giữa tháng 6, Churchill đã viết thư cho Edwin Montagu như thể bộ trưởng Tài chính viết thư cho văn phòng Bộ Tài chính. Ông yêu cầu thành lập những trụ sở chiến tranh tiên tiến gần trụ sở của chính phủ mà tại đó ông có thể ở lại, yêu cầu được cung cấp một thư ký riêng (ông đã giữ lại Edward Marsh), một chuyên viên tốc ký, và một người đưa tin, vì “văn phòng lãnh địa công tước

Lancaster không phù hợp với công việc *nặng nhọc* của Nội các và Bộ Chiến tranh”. Dù từ “nặng nhọc” ở đây có thể là cường điệu nhưng yêu cầu của ông khá khiêm tốn, và ông đã nhận được một dãy phòng nhỏ ở số 19 đường Abingdon, đối diện với trụ sở Hạ viện. Đối với một người cách đây không lâu chiếm lĩnh văn phòng của Bộ Hải quân, dinh thự to lớn kề cận, và du thuyền Đại mỹ nhân, thì đây chỉ là một yêu cầu nhỏ nhoi.

Trong tháng 7, Churchill đã nghĩ rằng ông phải lên đường để gặp gỡ và hội ý tại chỗ với tướng Hamilton và đô đốc de Robeck, những tư lệnh ở Dardanelles, và để báo cáo với Nội các. Thậm chí chuyến thăm viếng ấy còn có khả năng được gia hạn để đến Bulgaria và Rumani, hai nước mà từ lâu Churchill đã nghĩ rằng ông có nhiệm vụ phải lôi kéo vào cuộc chiến bên phe Đồng minh. Không rõ là ý tưởng này phát xuất từ người nào, có lẽ là từ chính Churchill, nhưng đã được nhiệt liệt ủng hộ, có thể là do nhiều động cơ, bởi Asquith, Balfour, Kitchener, và Edward Grey. Churchill đã rất phấn khích trước triển vọng này, dù nó mang đậm tính Khải huyền, bởi thói quen thờ ơ với sự nguy hiểm cá nhân của ông. Vào ngày 18 tháng 7, ông đã viết cho Asquith: “Dĩ nhiên là tôi sẽ cẩn thận không để xảy ra những mối hiểm nguy không cần thiết. Nhưng không thể nào đánh giá tình hình ở vị trí ấy mà lại không đáp máy bay xuống quần đảo Gallipoli dưới hỏa lực của địch. Nếu có sự bất hạnh nào đó xảy ra cho tôi, tôi tin rằng vợ tôi sẽ được hưởng tiền trợ cấp dành cho quả phụ của một quan chức chết vì công vụ, và tôi nhờ cậy ngài giải quyết việc này”. Vào ngày hôm trước, ông đã viết một bức thư bi quan hơn thế cho Clementine, và lo liệu cho nó chỉ được gửi đến bà sau khi ông chết. Hai đoạn đầu trong bức thư nói về vấn đề tiền bạc nên khá tẻ nhạt. Đoạn thứ ba nhiều kịch tính, chắc chắn là ông đã tự bi thảm hóa nhưng đưa ra một quan điểm tích cực khi tự đánh giá bản thân và cuộc hôn nhân của ông. Tất cả được viết bằng thể văn xuôi với lời lẽ mạnh mẽ:

Anh lo lắng không biết em có được giữ hết mọi giấy tờ của anh hay không, nhất là giấy tờ liên quan đến việc quản trị Bộ Hải quân. Anh đã chỉ định em làm người thực hiện di chúc duy nhất đối với các tác phẩm

văn chương của anh... Không có gì phải vội, nhưng một ngày nào đó anh muốn sự thật phải được biết đến. Randolph sẽ làm rõ mọi việc. Đừng thương tiếc anh quá mức. Chết chỉ là một sự cố, và không phải là điều quan trọng nhất xảy ra cho sự hiện hữu của chúng ta. Nhìn chung, nhất là từ khi anh gặp một người đáng yêu như em, anh đã rất hạnh phúc, và em đã cho anh thấy tấm lòng của một phụ nữ có thể cao quý đến mức nào. Nếu có một thế giới khác, anh sẽ ở đó để chờ đợi em. Trong khi đó, em hãy lạc quan nhìn về phía trước, thoải mái, tận hưởng cuộc sống, thương yêu chăm sóc các con, và gìn giữ những ký ức của anh. Thương để ban phúc cho em.

Tạm biệt,

Winston.

Tiếp theo là đoạn văn bình thường, vì ông chẳng hề ra đi. Vào Thứ hai 19 tháng 7, Churchill đã từ trang viên Hoe Farm đến London với ý định từ đó sẽ đi đến khu vực đông Địa Trung Hải vào Thứ ba. Theo đề nghị của Kitchener và được Asquith chấp thuận, Hankey phải đi cùng Churchill. Điều này có lẽ không phù hợp với ý muốn của Churchill. Vì ở một mức độ nào đó, việc này giống như là cử người theo bảo vệ. Nhưng đây chỉ là một phiền hà nhỏ nên Churchill sẵn sàng chấp nhận. Tại phố Downing, Churchill đã nói lời từ giã Asquith, Kitchener và Grey khi Curzon đến. Và Curzon đã tỏ ra ngạc nhiên khi nghe nói về sứ mệnh của Churchill nhưng vẫn chúc Churchill nhận được những điều tốt lành trên đường thi hành nhiệm vụ. Tuy nhiên, với bản chất dãi dôi không thật lòng, điều đã làm lu mờ các khả năng xuất chúng và cản trở những tham vọng lớn của Curzon, và cũng chính là yếu tố khiến cho ông không được chọn làm thủ tướng trong năm 1923. Ngay sau đó, Curzon đã vội vã báo tin này cho các đồng sự thuộc Đảng Bảo thủ trong Nội các. Các đồng sự này đã chống lại và đã thành công đối với việc cử Churchill lên đường trong vai trò là phái viên Nội các. Ngay khi được thông báo điều này, Churchill đã từ bỏ ý định. Ông sẽ không lên

đường khi không được Nội các toàn tâm toàn ý yêu cầu. Việc Churchill rút lui đã khiến cho Asquith cảm thấy nhẹ nhõm vì không muốn phải tranh cãi về vấn đề này. Lại thêm một lần nữa, Churchill bị bẽ mặt.

Sau đó, Churchill vẫn ở lại trong chính phủ thêm 16 tuần nữa. Ở một số khía cạnh nào đó, nó giống như đi trên một con đường xuống dốc dài trước khi đi đến chỗ từ chức, dù nó là con đường có độ dốc khác nhau và nhấp nhô khúc khuỷu khiến cho điểm đến thường xuyên bị che khuất. Ông có khuynh hướng tự tranh cãi về việc có chính đáng, hay không nếu ở lại London để sống một cuộc sống dân sự. Vì thế, vào ngày 20 tháng 9, ông viết thư cho đại tá Jack Seely “Đối với tôi, thật không thể chấp nhận khi phải ở lại nơi đây để bàng quan chứng kiến, biết rõ mọi việc nhưng chẳng có gì để làm”. Và trong tháng 10, ông đã viết cho em trai: “Ở đây, anh biết rõ mọi việc (cụm từ được dùng lại) và có thừa thời gian. Thật không thể chấp nhận được, nhưng vào lúc này thì đây là nhiệm vụ của anh”.

Vì là người khởi xướng nên sẽ tự nhiên và hợp lý khi Churchill tự thấy mình là thành viên Nội các phải chịu trách nhiệm đối với chiến lược Dardanelles, và đối với những người từ đại tướng Ian Hamilton trở xuống tham gia vào hành động quân sự nguy hiểm (mà cuối cùng đã trở nên vô ích). Mà trong đó, một số người phải mất đi danh tiếng và rất nhiều người khác phải mất đi chính mạng sống của họ. Điều này đã mang lại cho ông một vai trò quan trọng cho đến tận tháng 8. Vào ngày 25 tháng 4, Hamilton đã thực hiện đợt đổ bộ thứ nhất với sư đoàn 29, quân đoàn Úc và quân đoàn New Zealand. Họ đã phải hứng chịu mức thương vong nặng nề nhưng đã cố gắng xoay sở để giữ vững các cứ điểm cho đến ngày 6 tháng 8 khi lực lượng tăng viện của quân đoàn IX đổ bộ ở vịnh Suvla. Lại một lần nữa, quân Anh phải hứng chịu tổn thất rất lớn. Dựa theo lời tường thuật tại chỗ của Jack Churchill, rõ ràng là cơ hội lật ngược thế cờ đã không còn. Có thể là do các tướng lĩnh dưới quyền của Hamilton thiếu sáng kiến nên cuộc tấn công mạnh mẽ của quân Anh đã bị trì hoãn. Tất cả những gì mà quân Anh còn bảo vệ được là một cứ điểm bấp bênh khác. Điều trở trêu cùng

cực là chiến lược tấn công bên sườn, chiến lược đã chi phối hoàn toàn tâm trí của Churchill suốt tám tháng trước, đã mang lại một thế cờ bí dù nhỏ nhưng cũng tốn nhiều xương máu như mặt trận phía tây, trong khi nó được cho là một chiến trường linh động và ít thương vong.

Phản ứng nhất quán của Churchill là thúc giục Ủy ban Dardanelles gửi thêm lực lượng tăng viện đến cho Hamilton. Sự quan tâm của ông đối với eo biển Dardanelles đã trở thành một nỗi ám ảnh, đến nỗi ông phớt lờ quy tắc quân sự thông thường là không tăng viện nếu chắc chắn thất bại. Tuy nhiên, khi đọc các bản báo cáo đông dài và đáng thất vọng của Ủy ban Dardanelles, không thể nào không đồng cảm với những lời phê bình buồn thảm và chua chát của Bonar Law, người phải đóng vai hoài nghi. Vào ngày 9 tháng 8, ông nói rằng: “Ian Hamilton luôn *suýt chút nữa* thì chiến thắng”. Vào ngày 27 tháng 8, ông đã hỏi Hamilton: “Chúng ta nên chống lại chiến lược Dardanelles hay là nên tiếp tục hy sinh thêm người [vào lúc này mức tử vong đã vào khoảng 40.000] dù không có cơ may thành công”. Churchill hẳn đã nhận biết điều này nhưng đã bị cắt đứt quyền hành nên không thể hành động. Ông quay sang đổ lỗi cho Ủy ban Dardanelles, cho rằng ủy ban này quá kém cỏi không thể đưa ra những quyết định cần thiết, và Nội các lại còn tệ hơn thế.

Ủy ban này đã buộc phải triệu hồi Hamilton vào giữa tháng 10. Người có vai trò đáng kể trong lệnh triệu hồi là Keith Murdoch, khi ấy là một phóng viên trẻ của tờ *Sydney Sun*, người đã trở thành chủ sở hữu của một tờ báo lớn ở Úc và là cha đẻ của trùm báo chí tầm cỡ hơn là Rupert, sinh năm 1931, khá lâu sau khi Keith Murdoch trở về từ chiến trường gian nan Dardanelles. Tầm quan trọng của Keith Murdoch trong tình huống phát sinh từ việc có nhiều binh lính Úc hiện diện (và chết) tại Gallipoli. Robert Donald, biên tập viên của tờ *Daily Chronicle* (của Đảng Tự do) đã viết cho Churchill để kể về ông ta với một văn phong hấp dẫn nhưng dè dặt:

Ngài Murdoch không làm ra vẻ như là người thành thạo về kiến

thức quân sự. Khi tôi hỏi cặn kẽ về báo cáo của ông ta, Murdoch đã trả lời qua loa để lảng tránh. Rõ ràng là ông ta chưa từng thấy những điều mà ông ta mô tả, không đích thân biết rõ về những người mà ông ta lên án. Thông tin mà Murdoch đưa ra phần lớn là đã cũ. Tôi không nói rằng phần lớn thông tin ấy là không chính xác hoặc một số chỉ trích của Murdoch là không hợp lý, nhưng theo cách cảm nhận của tôi về Murdoch thì nên cảnh giác khi chấp nhận những tuyên bố của ông ta.

Không biết là có dụng ý gì hay không, báo cáo của Murdoch, được gửi cho Asquith, Lloyd George, và thủ tướng Úc là Andrew Fisher, chủ yếu là nhằm vào việc công kích Ian Hamilton. Tại cuộc họp ngày 14 tháng 10 của Ủy ban Dardanelles, người ta đã đưa ra quyết định triệu hồi Hamilton (và Hamilton không bao giờ được giao quyền tư lệnh lần nào nữa). Churchill buộc phải nói rằng những khó khăn mà Hamilton phải đương đầu là “rất đáng sợ” và tin rằng việc Hamilton bị triệu hồi không phải là điều đáng hổ thẹn.

Hầu như đây là dấu chấm hết tạm thời đối với Churchill và là dấu chấm hết vĩnh viễn đối với Hamilton. Đầu tháng 10, Churchill vẫn còn viết những báo cáo của Nội các và viết thư cho Asquith. Vào ngày 4, ông đã đề nghị nên đưa Kitchener, người đã thất bại ở Bộ Chiến tranh, lên thay John French làm tư lệnh ở Pháp (nơi mà Churchill nghĩ rằng công sức bỏ ra của người Anh càng ít càng tốt). Bá tước John French nên chỉ huy “các đội quân Anh chống lại quân Thổ”. Lloyd George nên thay thế Kitchener ở Bộ Chiến tranh cùng với “ban tham mưu giỏi nhất có thể thành lập được. Douglas Haig dù không có tài ăn nói nhưng rõ ràng là một quân nhân có nền tảng giáo dục cao nhất và giỏi về lĩnh vực tình báo nhất mà chúng ta có”.

Điều rắc rối là nhiều người cho rằng Churchill muốn trách Asquith thiếu dũng khí, nhưng chính Churchill, dù bình thường là một người gan dạ, cũng trải qua căn bệnh tương tự. Có lẽ là có một loại siêu vi gây ra sự nhàm chán đáng sợ lơ lửng trong bầu không khí của văn phòng chính phủ Anh trong mùa thu 1915.

Bốn đoạn văn cuối cùng và cũng là những đoạn văn mạnh mẽ nhất, đã được cắt bỏ trước khi thư được gửi đi. Cũng ngập ngừng do dự và cuối cùng không được gửi đi như thế là hai bức thư từ chức gửi cho Asquith, được viết vào ngày 22 và 29 tháng 10. Bức thư thứ nhất hăm dọa sẽ ra đi nếu Kitchener không bị loại ra khỏi Bộ Chiến tranh và được thay thế bởi “một bộ trưởng Chiến tranh dân sự có năng lực thật sự chịu trách nhiệm trước Quốc hội và được giúp đỡ bởi một ban tham mưu tài giỏi nhất có thể có”. Kitchener đã không bị tước bỏ chức danh bộ trưởng Chiến tranh. Nhưng ông đã bị phái đến Dardanelles và các cứ điểm lân cận trong một tháng. Và ông phải chấp nhận việc Asquith đích thân can thiệp vào công việc của Bộ Chiến tranh như ông từng làm trong khoảng thời gian giữa thời điểm xảy ra vụ lộn xộn ở Curragh và thời điểm chiến tranh nổ ra trong năm 1914. Ông cũng phải chứng tỏ một cách muộn màng kỹ năng hành chính khéo léo. Điều không phù hợp với quan điểm cho rằng vào thời điểm ấy ông đã trở nên thờ ơ và lè mề một cách vô vọng. Ông đã phẫu thuật một số ung nhọt đã mừng mủ từ lâu dưới thời Kitchener, bao gồm việc triệu hồi bá tước John French từ lực lượng viễn chinh ở Pháp trở về và đưa Haig lên thay thế trong vai trò tổng tư lệnh.

Trước khi Kitchener lên đường đến đông Địa Trung Hải, Asquith còn tán thành yêu cầu phổ biến của Nội các là thành lập một Hội đồng Chiến tranh có quy mô nhỏ hơn nhiều so với hiện có. Ý định này đã được thủ tướng truyền đạt cho các đồng sự trong báo cáo ngày 28 tháng 10, và đây chính là điều khiến cho Churchill viết bức thư từ chức không gửi thứ hai. Ông đang trong một tình huống bất lợi giống với tình huống trong tháng 5 trước kia. Sau đó ông ủng hộ một chính phủ liên minh trên nguyên tắc, nhưng sẽ không ủng hộ nếu nó bao gồm việc loại bỏ ông, hoặc không cho ông giữ những vị trí có thực quyền trong chính phủ liên minh. Vào lúc này Churchill là người chỉ trích mạnh mẽ nhất đối với sự do dự bất quyết của Ủy ban Dardanelles. Nhưng ông hiểu rằng một thể chế nhỏ và phải chịu nhiều áp lực hẳn không thể bao gồm ông, và hiểu rằng ông sẽ được yên vị trong chức vụ rảnh rỗi không có gì nhiều ngoài việc bổ nhiệm các

quan chức hành chính địa phương ở Lancashire. Bức thư có một số dấu hiệu cho thấy tính khí dễ nổi nóng của ông:

Những quan điểm của tôi về chính sách giải quyết cuộc chiến đã được nhiều người biết đến, và tôi đã rất thất vọng đối với những điều đã diễn ra. Tôi không thể nghiêm túc nhận trách nhiệm khi không có quyền lực. Sự trì hoãn lâu dài trước khi đưa ra các quyết định không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến những bất hạnh của chúng ta. Sự thi hành không hoàn hảo và chậm chạp, thiếu kế hoạch, và thiếu sự phối hợp đối với mọi công việc quân sự và thiếu sự phối hợp hiệu quả với các đồng minh, là những lỗi lầm nghiêm trọng không thể sửa chữa chỉ bằng những thay đổi được chỉ ra trong báo cáo của ông, dù bản thân những thay đổi này là tốt... Tuy nhiên có một điểm mà chúng ta cần bàn luận. Đây là lúc chúng ta phải công khai tuyên bố sự thật về việc khởi xướng cuộc viễn chinh ở Dardanelles.

Thật kỳ lạ là bức thư này đã được viết trên giấy viết thư của khách sạn Claridge, và nó cũng đã không được gửi đi vì sau đó hai tuần, ông đã viết một bức thư khác với lời lẽ gay gắt và dứt khoát hơn nhiều. Nó tránh những lời bất bình giận dữ thường thấy trong những bức thư nháp bị ông vứt bỏ, và nó cũng biện minh cho chính sách hải quân của ông tích cực hơn và tự tin hơn, nhờ đó tránh được gợi ý đe dọa như trong câu cuối cùng của bức thư nháp. Trong tình trạng gần như là thất nghiệp trong mùa hè, Churchill trở nên bị ám ảnh bởi ghi chép về chiến tranh của ông trong vai trò bộ trưởng Hải quân. Và ông không ngừng yêu cầu rằng các báo cáo, các điện tín, và những tài liệu khác có liên quan đến không chỉ là trách nhiệm chung (với Asquith, Kitchener, và thật ra là toàn bộ Hội đồng Quân sự) đối với quyết định trong mùa đông về chiến lược Dardanelles, mà còn liên quan đến vụ việc ở Antwerp, vụ chìm ba tuần dương hạm, và vụ thất trận của đề đốc Cradock ở Nam Thái Bình Dương, phải được công bố.

Asquith, Balfour hay bất cứ một bộ trưởng nào khác, đều không nhiệt tình đối với việc này. Giữa một cuộc chiến khá tuyệt vọng như thế, không thể nào chờ đợi ở họ sự ưu tiên như nhau đối với vấn đề an ninh, đạo đức, và dĩ nhiên là cả việc phải giữ bí mật những vấn đề liên quan đến vai trò của họ (ngang bằng với việc biện minh cho thanh danh của Churchill như chính ông đã làm). Vì không thể phổ biến rộng rãi hơn, Churchill đã bắt đầu với việc âm thầm lưu hành (đặc biệt là giữa những đồng sự mới thuộc Đảng Bảo thủ mà vào lúc ấy không thể tiếp cận các tài liệu này) những bản sao các tài liệu bí mật. Ông làm như thế chúng là những mẩu dăm thư tục tĩu, và nôn nóng chờ đợi phản ứng của họ. Đây không phải là thời điểm tốt đẹp nhất của ông.

Tuy nhiên, trong bức thư xin từ chức thật sự, ông đã loại bỏ phần tự bào chữa tầm thường và thay vào đó là những ghi chú tự tin hơn. Nhờ đó, động thái này đã được cho là tạo được ấn tượng mạnh mẽ và đã lôi kéo được những bức thư ủng hộ từ nhiều người. Trong số này có cả Violet Asquith, Edward Grey, và vị đại tá chỉ huy Trung đoàn Kỵ binh thứ Tư. Nó tạo ra một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của Churchill, thế nên đáng được trích dẫn trọn vẹn.

Văn phòng Lãnh địa Công tước Lancaster

Ngày 11-11-1915

Asquith kính mến,

Khi rời Bộ Hải quân từ năm tháng trước, tôi đã nhận một công việc có rất ít việc để làm và để, theo như yêu cầu của ngài, tham gia vào công việc của Hội đồng Quân sự và giúp đỡ các bộ trưởng mới với những hiểu biết về các hoạt động hiện nay, điều mà tôi biết khá rõ. Những chỉ dẫn mà tôi đưa ra liên quan đến ghi chép trong các báo cáo của Ủy ban Quốc phòng Hoàng Gia [Committee of Imperial Defence] (danh xưng được dùng không chính xác để chỉ trước là Hội đồng Quân sự và sau đó là Ủy ban Dardanelles), và trong các thư báo mà tôi đã chuyển đến văn phòng Nội các. Và tôi mong ngài vào thời điểm này hãy

quan tâm đến chúng.

Tôi tán thành việc thành lập một uỷ ban quân sự có quy mô nhân sự nhỏ. Tôi rất cảm kích trước ý định muốn đưa tôi vào làm thành viên của uỷ ban này mà ngài đã bày tỏ với tôi sáu tuần trước. Khi ấy tôi đã thấy trước rằng việc ấy sẽ tạo ra những khó khăn cá nhân cho ngài, và tôi sẽ không trách cứ nếu kế hoạch của ngài thay đổi. Nhưng sự thay đổi ấy sẽ làm cho công việc của tôi trong chính phủ phải chấm dứt.

Tôi biết rõ việc tôi cần làm vào lúc này, và biết rõ vai trò của công cụ quyền hành pháp [một cụm từ tối nghĩa], tôi không thể chấp nhận vị trí chịu trách nhiệm tổng quát đối với chính sách chiến tranh mà không được chia sẻ thật sự sự chỉ dẫn và kiểm soát đối với nó. Thậm chí khi những quyết định cơ bản đã đưa ra một cách đúng đắn, tốc độ và phương pháp thi hành vẫn là những yếu tố quyết định kết quả. Vào những thời điểm như hiện nay, tôi cảm thấy không thể ngồi không mà lại được hưởng lương cao. Vì thế tôi mong ngài trình đơn từ chức của tôi cho nhà vua. Tôi là một sĩ quan, và tôi chấp nhận vô điều kiện quyền định đoạt của những người có thẩm quyền về mặt quân sự, và hiểu rằng đơn vị của tôi hiện đang ở Pháp.

Tôi có một lương tâm trong sáng, điều cho phép tôi điềm tĩnh nhận lãnh trách nhiệm đối với những sự kiện đã qua.

Thời gian sẽ minh oan cho quá trình tôi điều hành Bộ Hải quân và sẽ trao cho tôi cái mà tôi đáng được hưởng trong vô số những bước chuẩn bị và những hoạt động đã giúp chúng ta kiểm soát hoàn toàn các vùng biển.

Với sự tôn trọng và với tình bạn riêng tư không thay đổi, tôi xin tạm biệt ngài.

Người bạn rất chân thành của ngài,

Tuyên bố từ chức tại Hạ viện của Churchill vào ngày 15 tháng 11 cũng được thông qua suôn sẻ, trái ngược với lần ông can thiệp vào thủ tục Quốc hội bốn tháng sau. Violet Asquith lại một lần nữa không tiếc lời ca ngợi: “Tôi nghĩ rằng bài diễn văn của ngài rất hoàn mỹ, rất hiếm khi tôi bị xúc động hơn thế, nó là một bài diễn văn hay và phong phú. Tôi rất biết ơn khi được ngài kể về cách xử sự của ngài đối với *“lão già điên tình quái”*. Không cần phải nói, ai cũng biết rằng *“lão già điên tình quái”* ở đây là Fisher chứ không phải là cha của Violet, dù không lâu sau đó Asquith mới là người bị Churchill chỉ trích nhiều hơn. Từ một góc nhìn chính trị khác, công tước Sunny Marlborough là một người hầu như cũng nhiệt tình đối với bài diễn văn như chính Churchill dù có một cái nhìn khác về đoạn nói về *“lão già điên”*. Công tước nói: “Nó đã vạch trần một cách tuyệt vời trường hợp của ông và tôi đã rất thích thú, nhưng tôi muốn ông loại bỏ đoạn văn chỉ trích Fisher”. Không khó khăn gì để có thể đoán được là trong hai bức thư này, Churchill thích bức nào hơn. Đây hầu như là một định luật: Khi một bức thư ca ngợi chung chung có chứa đựng một đoạn chỉ trích, thì đoạn chỉ trích chứ không phải là những lời ca ngợi sẽ tồn tại mãi trong lòng người tiếp nhận.

Ngoài việc chỉ trích Fisher, dù nặng nề nhưng không đáng trách (“Tôi đã không nhận được sự chỉ dẫn rõ ràng của ngài trước khi vụ việc xảy ra, và sau đó tôi cũng không nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ ngài, điều mà tôi xứng đáng được nhận”) bài diễn văn của Churchill tỏ ra khoan dung và kiên quyết đối với tương lai. “Không có lý do gì để phải nản chí trước diễn biến của cuộc chiến. Lúc này, chúng ta đang phải vượt qua giai đoạn khó khăn, và có thể còn khó khăn hơn nữa trước khi tình hình trở nên tốt hơn. Nhưng nó chỉ tốt hơn nếu chúng ta biết chịu đựng và kiên nhẫn. Tôi tin chắc vào điều này bất kể tình hình hiện nay có ra sao chẳng nữa”. Nhưng nhìn theo nhiều cách, những khía cạnh tiêu cực (thay vì tích cực) của bài diễn văn được quan tâm hơn. Giống như trong câu chuyện “Con chó không sủa” của Arthur Conan Doyle trong loạt truyện viết về nhân vật Sherlock Holmes (trong câu chuyện này Sherlock Holmes phát hiện

được rằng người giết con ngựa quý chính là chủ của con chó vì con chó đã không sửa khi có người đi vào chuồng ngựa), ông đã không công kích Asquith hoặc bất cứ đồng sự trong tương lai nào của ông. Như thế, cho dù trong lòng Churchill và Clementine có cay đắng đến đâu, bề ngoài ông vẫn tỏ ra có thiện chí khi ra đi. Ông đã không xúc phạm những người ủng hộ Asquith và các thành viên Đảng Bảo thủ. Trong cuộc tranh cãi theo sau tuyên bố từ chức của Churchill, Asquith đã tỏ ra thân thiện hòa nhã. Và Bonar Law còn thân thiện hòa nhã hơn thế: “Nói dễ nghe hơn thì tôi tham gia Nội các mà không có thiên kiến ủng hộ các tôn ông đáng kính. Nhưng tôi phải nói rằng, sau khi cân nhắc rất kỹ lưỡng với tất cả sự sáng suốt của tôi, Churchill là một trong những người lỗi lạc nhất của đất nước chúng ta...”. Và ông đã viết thư cho Asquith để đề nghị rằng nên gửi Churchill đến Đông Phi, có thể là trong vai trò tổng tư lệnh, và vì thế phải được phong hàm trung tướng.

Bữa tiệc chia tay được tổ chức tại số 41 đường Cromwell vào ngày hôm sau có cả bánh và rượu lễ nên giống với nghi thức tang lễ, nhưng lại càng giống với một bữa tiệc dành cho cả Asquith và Churchill hơn. Violet Asquith đã đến, và đáng ngạc nhiên hơn là cả Margot Asquith cũng đến. Dĩ nhiên là Clementine cũng đến cùng với người em gái Neffie Hozier, Goonie Churchill, và Eddie Marsh. Theo như Violet ghi lại, “hầu hết mọi người đều tỏ ra ủ rũ trong khi Churchill lại tươi tỉnh và ở trong tâm trạng vui vẻ nhất của ông. Churchill và Margot ngồi đối diện nhau ở hai đầu bàn tiệc”. Trong bất cứ tình huống nào thì cũng khó có người nào có thể đua tranh với bộ đôi này.

Vào buổi sáng ngày 18 tháng 11, Churchill đi qua Eo biển Anh để gia nhập trung đoàn khinh kỵ binh được thành lập trước năm 1914 của lực lượng kỵ binh Oxfordshire. Tốc độ chuẩn bị cho sự hòa nhập và chuyển tiếp của Churchill thật khác thường, nó là Lực lượng Thực địa Malakand cũ của ông hoặc lực lượng nhỏ ở Omdurman. Ông đã ra đi với quân hàm thiếu tá, nhưng khi ấy không ai biết rõ cấp bậc của ông sẽ cao đến đâu và ông sẽ đạt được nó nhanh đến mức nào một khi ông đến nơi.

Chương 16

MỘT QUYẾT ĐỊNH SAI LẦM

Việc tiếp đón Churchill không thể gọi là xoàng xĩnh. Ông được xe của tổng tư lệnh đón tại bến cảng rồi được đưa đến sở chỉ huy ở St Omer. Churchill đã sáng suốt thuyết phục tài xế ghé qua các cơ quan đầu não của trung đoàn khinh kỵ binh Oxfordshire Hussars để ít nhất là có thể thu thập một số dữ liệu của trung đoàn mà ông từng mang phù hiệu dù chưa bao giờ thực sự phục vụ nó.

Tối hôm ấy, ông dùng cơm với John French và ngủ trong một “lâu đài trắng lệt với những bồn tắm nước nóng, những chiếc giường sang trọng, champagne, và nhiều tiện nghi khác”. Tại sở chỉ huy có rất nhiều điều gợi nhớ đến hoạt động chính trị ở London hơn là làm người ta liên tưởng đến những chiến hào bắn thiêu. “Redmond [nhà lãnh đạo ôn hòa của phong trào dân tộc chủ nghĩa Ireland trước chiến tranh ở Westminster] từng dùng cơm ở đây. Tôi cảm thấy rất dễ chịu và thừa nhận rằng tôi đã hoàn toàn đứng khi rời chính phủ”. Vì có nhiều diễn biến vừa không thuận lợi lại vừa khá nguy hiểm nhanh chóng theo sau, nên tình hình lúc đó nói chung vừa hiện thực lại vừa như không có thật, giống như một cảnh trong một vở nhạc kịch hoặc một hoạt cảnh lịch sử thời Trung cổ.

Kỳ lạ không kém là quãng thời gian ngắn này trong cuộc đời của Churchill. Ông chỉ tại ngũ trong năm tháng rưỡi, tương đương với khoảng thời gian ông ở lãnh địa công tước Lancaster. Và trong quãng thời gian ngắn ngủi này, ông còn bỏ ra tổng cộng ba tuần để đến Anh vì việc riêng hoặc vì công việc của Quốc hội. Những diễn biến trong những tháng này đã được ghi chép tỉ mỉ, vì không có thời điểm nào khác trong đời ông việc quan hệ thư từ với vợ lại nhiều hơn, trừ

mến hơn, và thậm chí là say đắm hơn, hoặc cung cấp thông tin nhiều hơn về những sự kiện mà ông trải nghiệm và tâm trạng của ông. Churchill bị giằng xé giữa ba ước muốn mâu thuẫn. Ước muốn thứ nhất là thực hiện nghĩa vụ với sự can đảm thường có. Ước muốn thứ hai là thắng tiến thật nhanh chóng trong quân ngũ. Khi có chức vụ cao trong quân đội, ông có thể nhanh chóng thỏa mãn những tham vọng cá nhân. Ước muốn thứ ba, trong chừng mực nào đó mâu thuẫn với hai ước muốn kia, là luôn bám sát hoạt động chính trị ở London. Thậm chí chỉ trong vòng một tháng sau khi đến Pháp, ông đã tin tưởng viết rằng: “Tôi sẽ không gặp phải trở ngại gì khi yêu cầu được trở về nước vì tình hình hiện nay cần đến sự hiện diện của tôi”.

Vào ngày thứ hai khi đến Pháp, Churchill đến gặp trung tướng (về sau là thống chế) bá tước Cavan, người vào lúc ấy chỉ huy các lực lượng bộ binh, và trở lại vào ngày hôm sau để dùng cơm với vị bá tước này. Tất cả mọi chuyện được diễn ra trong bầu khí trang trọng và hiếu khách. Sau đó, Churchill được cho là gắn bó với tiểu đoàn 2 của trung đoàn vệ binh do thành thạo với việc chiến đấu dưới chiến hào. Đây là sự gắn bó dư thừa vì ông không nắm giữ chức vụ chỉ huy nhưng nó đã đẩy ông vào những tình huống cam go và khá nguy hiểm. Những con chuột dưới chiến hào và sự ngập úng luôn ám ảnh ông, và ông đã phản ứng một cách khá hợp lý. Đã 16 năm trôi qua kể từ khi trải nghiệm đời lính trên chiến trường Nam Phi. Thế mà sau một tuần ở Pháp, ông lại viết: “Tôi rất hài lòng khi vẫn không trở nên ảo tưởng sau nhiều năm sống trong nhung lụa như thế”.

Lúc đầu, sự đón tiếp khá nồng hậu mà Churchill nhận được từ bá tước Cavan đã không được lặp lại ở cấp tiểu đoàn. Vị đại tá chỉ huy tiểu đoàn là George Jeffreys (người về sau lên cấp tướng rồi sau đó là nghị sĩ Đảng Bảo thủ đại diện cho khu vực Peters field suốt 10 năm) đã tỏ ra lạnh nhạt khi tiếp đón Churchill tại tiểu đoàn của ông. Nhiều năm sau, trong tác phẩm *Thoughts and Adventures* phát hành vào năm 1932, Churchill đã viết, đại tá Jeffreys nói rằng: “Tôi nghĩ phải nói với ông rằng chúng tôi không hề được hỏi ý kiến trước về việc ông đến

gia nhập đơn vị của chúng tôi”. Và người sĩ quan phụ tá của Jeffreys đã bổ sung thêm: “Có lẽ chúng tôi phải cắt giảm bớt quân trang của ông, thiếu tá ạ!... Chúng tôi đã tìm được người phục dịch cho ông, anh ta sẽ mang đến cho ông đôi vợ và bộ đồ cạo râu”.

Trong vòng 24 giờ đầu tiên, Churchill đã viết cho vợ, yêu cầu gửi đến những vật dụng cần thiết, nhưng đòi hỏi của ông tập trung vào thức ăn và rượu. Những yêu cầu này ngày càng cấp thiết hơn và vị sĩ quan phụ tá đã trở thành nhân viên liên lạc giúp kết nối giữa Churchill và đại bản doanh. Vào ngày 23 tháng 11, ông chỉ yêu cầu “mỗi tuần một hộp nhỏ thức ăn để bổ sung thêm vào khẩu phần ăn thông thường. Những con cá mòi, sôcôla, thịt hộp, và những món ăn thông thường khác có thể trở nên hấp dẫn. Hãy gửi ngay khi có thể...”. Hai ngày sau, Churchill yêu cầu “hai chai rượu mạnh lâu năm và một chai rượu đào”. Việc gửi hàng được tái diễn cứ mỗi 10 ngày. Nhưng vào ngày 27 - 1 - 1916, Churchill lại viết: “Về thực phẩm, em hãy gửi đến cho anh những tảng thịt (bò) muối lớn, pho mát, kem váng sữa, giăm bông, cá mòi, trái cây sấy khô - em có thể gửi một cái bánh hấp nhân thịt bò lớn nhưng đừng gửi thịt ngỗng đóng hộp hoặc những loại thức ăn đóng hộp khác”.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn nữa là ông đã nhanh chóng khắc phục được sự thù ghét ban đầu đối với trung đoàn vệ binh. Churchill đã tạo được ấn tượng với họ nhờ bởi sự nghiêm túc đối với mục tiêu, bởi sự dũng cảm trước hiểm nguy, và bởi khả năng chịu đựng gian khổ. Và về phần ông, ông đã ngày càng ngưỡng mộ trung đoàn vệ binh. Ngày 27 tháng 11, ông đã viết: “Kỷ luật của họ rất nghiêm minh, nhưng kết quả rất tốt. Nhuệ khí thật đáng ngưỡng mộ... Nhìn chung, họ dũng cảm trước tình trạng thương vong. Những gì phải thực hiện sẽ được thực hiện và những tổn thất được chấp nhận mà không một lời kêu ca than phiền...”. Ông đã dành ra nhiều thời gian bên nhóm quân do Edward Grigg chỉ huy, và nhanh chóng quen thuộc với cuộc sống dưới chiến hào ngoài tiền tuyến. Thời gian sống gần bó với đơn vị pháo thủ của Churchill giới hạn trong 10 ngày cuối của tháng 11 và khoảng hai ngày giữa tháng 12. Vào ngày 9 của tháng 12

năm ấy, Jeffreys đề nghị Churchill làm chỉ huy phó cho ông ta vì nghĩ rằng Churchill có thể dàn xếp để đơn vị pháo thù từ bỏ quy định mà chỉ có người của họ mới có thể áp đặt. Churchill được ca ngợi, nhưng ông tin rằng ông có thể vươn đến vị trí tốt hơn thế. Nhiều lần trước kia (như hồi ở Antwerp, hoặc nếu đến Đông Phi) thậm chí là quân hàm trung tướng cũng nằm không xa tầm tay của ông. Nhưng tham vọng hiện nay của ông tập trung vào việc nắm giữ quyền chỉ huy một lữ đoàn. Churchill tin rằng Asquith đã hứa với ông như thế trước khi ông rời London. Và thống chế French đã nghĩ rằng hẳn là Churchill sẽ có được vị trí ấy. Vào ngày 10 tháng 12, đề nghị này đã trở nên rõ ràng. Vào ngày ấy, ông đã viết cho Clementine: “Anh được trao quyền chỉ huy lữ đoàn 56 thuộc sư đoàn 19. Bridges sẽ chỉ huy sư đoàn này và lữ đoàn mà anh chỉ huy bao gồm các tiểu đoàn của trung đoàn Lancashire... Anh hy vọng Spiers sẽ là sĩ quan phụ tá lữ đoàn trưởng và Archie [Sinclair] sẽ giữ chức vụ tham mưu trưởng... Em hãy chuẩn bị cho anh bộ quân phục bằng vải kaki với hàm chuẩn tướng. Hãy đặt may sao cho các túi của bộ quân phục này nhỏ hơn túi của những bộ quân phục khác và may bằng vải chắc hơn”.

Điều ấy đã không xảy ra, và vì đã hoài công trông đợi và chuẩn bị nên kết quả hẳn là sự mất tinh thần và thậm chí còn khiến cho Churchill có cảm giác là bị lãng nhục. Tuy nhiên, phản ứng của ông đối với sự thất vọng này là thái quá và bất cân xứng. Vào lúc ấy, bên dưới vẻ ngoài bình thản của ông hẳn là những rối loạn lớn. Lúc đầu, ở Pháp, ông đã cố gắng ý thức và duy trì vẻ ngoài khỏe mạnh. Và ngày 23 tháng 11, sau buổi đầu bất ngờ phải ngâm mình dưới các chiến hào (chỉ mới năm ngày sau khi rời London), ông viết: “Giữa môi trường ẩm ướt, lạnh, và đầy những bất tiện dưới các chiến hào, anh đã tìm thấy hạnh phúc và sự hài lòng mà suốt nhiều tháng anh không hề biết đến”. Và vào ngày 4 tháng 12, ông viết: “Mọi người đều nói trông anh trẻ hơn năm tuổi so với tuổi thật, chắc chắn là chưa bao giờ anh cảm thấy khỏe và phấn chấn như lúc này”.

Hơn nữa, những người mong muốn những điều tốt đẹp nhất cho Churchill đã nghĩ rằng việc ông nhận ngay trách nhiệm chỉ huy một lữ đoàn là một hành động

quá hấp tấp làm mất tác dụng của những thành quả khiêm tốn mà Churchill gặt hái được ở Pháp. Clementine, người thường tỏ ra sáng suốt hơn chồng, đã viết vào ngày 6 tháng 12 rằng: “Hãy nhận chỉ huy tiểu đoàn trước đã, sau hẵng tính đến việc chỉ huy lữ đoàn. Tướng Bridges [người được cả hai vợ chồng Churchill rất tôn trọng] đến thăm em tối hôm qua... Ông ấy nói rằng: Tôi nghĩ là Churchill sẽ nhận chỉ huy một lữ đoàn. Em đã nói là em nghĩ rằng anh nên chỉ huy một tiểu đoàn trước đã. Khuôn mặt của tướng Bridges liền rạng rỡ, ông nói: Tôi rất vui nếu là như thế”. Và chính Churchill đã thành thật kể rằng, khi ông lại đến dùng cơm với bá tước Cavan vào ngày 11 tháng 12 thì “Tướng quân đã mạnh mẽ khuyên anh nên nhận chỉ huy một tiểu đoàn trước đã. Và đó là điều mà anh chọn nếu có thể”.

Dĩ nhiên tướng French muốn bạn của ông là Churchill chỉ huy một lữ đoàn. Nhưng vị tướng này sắp rời bộ chỉ huy. Asquith là người xem xét quyết định này trước khi Kitchener trở về từ khu vực đông Địa Trung Hải vào ngày 30 tháng 11, và tướng French đã biết rõ điều đó. Giữa tháng 12, vị tướng tổng tư lệnh này đang ở London để chuyển giao quyền chỉ huy. Ông đã nói với Asquith về dự định trao quyền chỉ huy lữ đoàn cho Churchill. Lúc đầu, thủ tướng có vẻ tán thành. Nhưng khi sự việc cỏ nguy cơ gây ra sự tranh cãi ở Quốc hội (Churchill chưa từng chỉ huy một tiểu đoàn nào và chỉ mới đến tiền tuyến trong một thời gian ngắn), thủ tướng đã trở nên thận trọng. Asquith đã viết thư cho tướng French nói rằng có thể quyết định ấy là thiếu thận trọng và nói thêm rằng: “Có lẽ ngài nên trao cho anh ta một tiểu đoàn”.

Tướng French đã gọi điện thoại đến St Omer (nơi Churchill dành phần lớn thời gian trong tháng 12 ở không để chờ đợi quyết định từ đại bản doanh) cho Churchill để báo cho Churchill biết về tin không vui này. Ít nhất, đây cũng là một xuất phát điểm đáng thất vọng (ngoài việc gạt bỏ cơ hội mang quân phục cấp tướng), cho dù đối với người ngoài. Và từ sự hồi tưởng, người ta khó nhận thấy đâu là sự khác biệt lớn lao cho một người lính nghiệp dư mà bảy tháng trước từng đảm đương công việc của tiểu đoàn và lữ đoàn. Tuy nhiên, có lẽ cho

đến lúc ấy câu nói “Cố lẽ ông nên trao cho anh ta một tiểu đoàn” của Asquith là câu khiến cho Churchill giận nhất. Churchill đã xem câu nói này như là một sự phản bội thô bạo. Trước kia, ông từng chỉ trích sự khéo léo của Asquith hơn là quan điểm của ông ta đối với cuộc chiến. Sau chuyện này, sự chỉ trích của Churchill trở nên dữ dội và không cân xứng. Thật bất thường khi Churchill khi liên tục nói rằng mình hạnh phúc và thanh thản trong cuộc sống mới trên chiến trường.

Điều này dẫn đến cuộc tranh cãi kéo dài nhiều tháng giữa Churchill và Clemetine liên quan đến những mối quan hệ Churchill - Asquith trong tương lai. Bà muốn giữ gìn mối quan hệ giữa họ còn Churchill lại không ngừng xúc phạm Asquith. Bà biết điều hơn ông rất nhiều. Churchill biết rất rõ ngay từ đầu rằng thái độ của ông không phải là kiểu thái độ khiến Asquith phải hàm ơn. Thậm chí trước kia ông đã nhận được nhiều tin xấu và đã viết cho vợ: “Thời điểm trừng phạt của Asquith và chịu phạt của Kitchener đã sắp đến. Kẻ khốn khổ đã hầu như phá hỏng các cơ hội của chúng ta. Có thể đã đến lúc chính anh phải hành động. Anh sẽ hành động mà không hề hối tiếc”. Sau đó, ông đã viết hai lá thư bảo bà xé bỏ bức thư (bà đã làm như thế) vì (lúc ấy) “anh chán nản và bối rối”. Nội dung của bức thư này so với những gì ông viết vào ngày hôm sau khác nhau một trời một vực. Sau đó, ông viết: “Nói chung, anh nghĩ rằng tư cách của ông ta đạt đến đỉnh điểm của sự hèn hạ và hẹp hòi... Cá nhân anh cảm thấy mọi mối liên hệ đều bị cắt đứt, và dù không muốn hấp tấp khi đưa ra quyết định, thế nhưng anh cảm thấy phải chấm dứt mọi quan hệ”.

Khi sự tranh luận giữa hai vợ chồng dần đi đến điểm đúc kết, vấn đề mở ra ngày càng là nên xem Asquith như là một kẻ phản bội nhãn tâm hoặc, có thể là với sự hoài nghi đáng kể, một lãnh tụ nhân hậu dù đôi khi tự mãn như đã từng đối với cả hai người bảy tháng trước. Có một đề tài phụ liên quan đến Churchill mà Lloyd George rất quan tâm (và hy vọng rằng ông có thể là tác nhân đưa chính Churchill trở lại với chức vụ), trong khi Clementine nhất quyết ngờ vực ông ta. Sự tranh luận giữa hai vợ chồng dù diễn ra trong sự thân mật và yêu

thương nhưng dai dẳng. Vào ngày 10 tháng 1, Churchill viết thư cho vợ về Asquith với giọng điệu mang tính phân tích và ít lãng mạn hơn là thói quen của ông vào lúc ấy. Nhưng phần kết thúc lại nặng trĩu muộn phiền: “Dù gì đi nữa, anh nhận thấy những gì mà Asquith quan tâm chẳng giúp ích gì cho anh. Cho dù ông ta có thân thiện đến đâu thì việc anh bị loại bỏ vẫn là điều phục vụ tốt nhất cho những *lợi ích* của ông ta. Ông ta có thể hối tiếc nếu anh bị chết nhưng điều này phù hợp với đường lối chính trị của ông ta. Cũng có thể là ông ta không tỏ ra hối tiếc nhưng điều này không phù hợp với đường lối chính trị của ông ta”.

Vào ngày 2 tháng 2, Churchill trở lại với giọng điệu than phiền cay đắng. “Anh ngày càng không ưa Asquith và những công việc của ông ta”. Nhưng bà viết cho ông: “Đừng hoàn toàn quay lưng lại với thủ tướng. Ông ta lười biếng nhưng có suy nghĩ lành mạnh. Và dù gì đi nữa, ông ta vẫn không phải là một con chồn hôi mà chỉ có thể là một con rùa già quý quý”. Khi nói về Lloyd George, bà cũng dùng giọng điệu tương tự: “Em chẳng tin tưởng ông ta chút nào. Nói thì hay, nhưng cặp mắt gian xảo và có trái tim bội bạc”.

Đáng ngạc nhiên là vợ chồng Churchill vẫn quan hệ thân thiết với vợ chồng Asquiths, nhất là khi bà không được vợ chồng Asquith yêu mến như cô em dâu Goonie. Điều này phản ánh việc họ tiếp tục kéo dài tình bạn với vợ chồng Asquith, cho dù đôi khi không được nồng thắm, là vì lợi ích của người chồng. Vào ngày 30 tháng 11, đứa con trai bốn tuổi rưỡi của Clementine là Randolph đã đóng vai trò một tiểu đồng tại đám cưới của Violet Asquith và Maurice Bonham Carter. Bà đã đến dinh thự của thủ tướng để dự tiệc, và đưa ra lời mô tả khá buồn cười với Churchill về việc “Khối Đá” (biệt hiệu mang tính chế nhạo nhưng không hoàn toàn ghét bỏ của họ dành cho Asquith) đi ngang qua bà và Haldane. “Ông ta thốt ra mấy lời lịch sự và bối rối khịt mũi...”. Margot Asquith và con gái là Elizabeth (về sau trở thành phu nhân Bibesco) đến dùng trà tại số 41 phố Cromwell vào tuần lễ sau đó, và Clementine cùng với Goonie được mời đến dùng tiệc trưa tại dinh thự thủ tướng vào Thứ bảy. Vào dịp năm mới, một lần nữa, vào ngày 9 tháng 1, bà được mời đến dùng cơm và đã ngồi cạnh thủ tướng.

Giữa tháng 2, bà nghỉ cuối tuần tại Walmer Castle, và chơi golf với thủ tướng, dù chẳng thể thắng nổi ông ta. Vào cuối tháng ấy, vợ chồng Asquith đến dùng cơm tại phố Cromwell (nơi ở tạm thời của gia đình Churchill). Và vào ngày 6 tháng 3, trong thời gian nghỉ kéo dài đầu tiên của Churchill, trước đó ông đã được nghỉ ba ngày nhân dịp lễ Giáng sinh, vợ chồng Asquith lại đến dùng cơm tại đó. Đây không thể là một cách xử tệ của thủ tướng đối với người vợ cô đơn ở London của một con vật thất sủng bị đem tế thần (Churchill tự gọi mình như thế).

Cũng không thể dễ dàng duy trì suy nghĩ rằng Asquith, người cho dù có thể bị cho là đã không đủ khả năng biến chiến dịch Dardanelles thành chiến thắng quyết định (rất khó vì Fisher chống lại còn Kitchener lại lạnh nhạt cảnh giác), đã xử tệ với Churchill về mặt cá nhân. Thủ tướng bị thúc ép (nhất là bởi Churchill) phải thành lập một uỷ ban điều hành chiến tranh không có sự hiện diện của công tước Lancaster, ông đã chấp nhận (vừa công khai vừa riêng tư) đơn từ chức của Churchill trong sự ân cần và tiếc nuối.

Lúc ấy, thủ tướng đã không hề buộc Churchill rời Nội các và tìm lối thoát trên chiến trường. Nhưng khi đã như thế, ông có ý muốn giúp Churchill được giữ chức vụ chỉ huy cao cấp hơn bất cứ chính khách trở thành sĩ quan nào khác trong Thế chiến I hoặc Thế chiến II mà không có kinh nghiệm quân sự trong thời gian gần. Hầu như Churchill đã đến rất gần với chức vụ lữ đoàn trưởng mà ông mong muốn. Nhưng tình cảm thân thiết của ông với French, vị tổng tư lệnh đã hết thời, tạo nên sự không tin cậy lẫn nhau giữa ông và Kitchener, cũng như với một số đồng sự khác trong Nội các. Nhưng khi sự thắng tiến quá nhanh của Churchill tỏ ra ngày càng trở nên đề tài tranh cãi nguy hiểm, cho chính bản thân ông và cho chính phủ, Asquith đã không còn muốn duy trì ý định ban đầu. Đây có thể không phải là một hành động anh hùng nhưng không thể nói là độc ác.

Nội dung trao đổi thư từ giữa Churchill và vợ trong những tháng này vẫn tập trung nhiều vào mô hình chung của cuộc sống quân ngũ hơn là tập trung vào sự bất bình đang trở thành nỗi ám ảnh của Churchill. Khi hy vọng được nắm giữ một lữ đoàn không còn, ông quanh quẩn ở đại bản doanh để chờ được chỉ huy

một tiểu đoàn. Thị trấn St Omer trở thành một nơi ít hấp dẫn ông hơn sau khi ông đích thân tiễn đưa tướng French ra đi vào ngày 18 tháng 12 trong một bầu khí hầu như là lãng mạn.

Haig rất lịch sự đối với Churchill, nhưng chỉ dừng ở mức ấy. Vì thế, Churchill trở nên cách biệt với Haig và gần gũi với Max Aitken (người không lâu sau trở thành nam tước Beaverbrook), một thành viên Quốc hội tạm thời khoác quân phục đã thành lập cái được mô tả là “một kiểu Bộ Chiến tranh Canada” tại thị trấn St Omer, nhưng không quá gần gũi với cơ quan đầu não của Haig. Đây là khúc dạo đầu rất điển hình có ảnh hưởng lớn trong những mối quan hệ mật thiết giữa Churchill với nam tước Beaverbrook, mối quan hệ kéo dài cho đến khi họ lần lượt qua đời. Beaverbrook vừa chiều chuộng lại vừa mang lại niềm vui cho Churchill vào thời điểm Churchill rất cần đến nó. Và cách cư xử này vẫn tiếp diễn, ít nhất là cho đến khi, và sau khi, Churchill bị đột quỵ nghiêm trọng lần đầu, ông là một trong những vị khách đầu tiên đến thăm Churchill. Ảnh hưởng chính trị của Beaverbrook hầu như không tốt (theo quan điểm của Clementine Churchill) và ông không phải luôn đứng về phía Churchill. Nhưng ông biết cách xoa dịu Churchill và bị hấp dẫn bởi việc Churchill suốt đời thích những kẻ chống lại đa số.

Một người bạn mới khác của ông trong những tuần này là Edward (thường được gọi là Louis) Spiers, người về sau đổi họ thành Spears và là liên lạc viên quan hệ với người Pháp từ thời thống chế Joffre đến thời tướng de Gaulle. Edward Spiers thành thạo hai ngôn ngữ, được giáo dục ở Pháp, nhưng vai trò của ông không chỉ là một người phiên dịch. Ông ăn nói lưu loát chẳng kém gì Churchill, dù lần đầu gặp mặt, ông chỉ mới 31 trong khi Churchill đã là bậc thầy hùng biện 41 tuổi, ông hầu như chỉ muốn là một thính giả kính cẩn lắng nghe. Vào ngày 8 tháng 12 năm 1915, Churchill viết (phần nào chủ quan nhưng có lẽ chính xác): “Tôi rất thích ông ta và ông ta hoàn toàn bị thu hút”. Sự thu hút này là song phương vì nó khiến Churchill khi có triển vọng trở thành lữ đoàn trưởng đã muốn đưa Spiers lên làm sĩ quan phụ tá. Và khi phải hạ thấp mục tiêu tham

vọng, ông muốn Spiers trở thành tiểu đoàn phó của ông. Đối với cả hai vị trí này, Spiers, một sĩ quan quan trọng của đại bản doanh và là một liên lạc viên, hoàn toàn không phải là người phù hợp. Nhưng điều này đã không ngăn cản được sự cố gắng thuyết phục của Churchill, khiến cho Spiers trở thành nhân vật dự bị miễn cưỡng cho các chức vụ ấy.

Trong tháng 12 năm ấy, vai trò thực tiễn hơn của Spiers là đưa Churchill đến thăm viếng hai đội quân của Pháp, là một kinh nghiệm xa lạ đối với phần lớn các sĩ quan Anh, cho dù đối với những người có chức vụ cao hơn nhiều so với Churchill. Hai quân khu Anh và Pháp, dù tiếp giáp nhau nhưng cách biệt và sống khép kín. Chuyến thăm viếng đầu tiên tướng Fayolle và đội quân thứ 10 ở mặt trận Arras, được thực hiện trong tháng 12, đáng nhớ hơn. Họ đã trao cho Churchill một nón sắt màu hơi xanh của Pháp với kiểu dáng rất phù hợp với ánh mắt cau có của ông. Ông mong là nó có thể bảo vệ “cái sọ vô giá” của mình. Sau đó, Churchill đã mang nó, có lẽ là theo cách không phù hợp với các quy định, bất cứ khi nào xuất hiện dưới những chiến hào (và cũng thường đội khi không ở dưới ấy). Chiếc nón sắt này đã phần nào trở thành biểu tượng của Churchill giống như chiếc mũ nồi đối với tướng Montgomery.

Ông thích tự phòng vệ kỹ càng (chắc chắn là việc đội chiếc nón sắt của Pháp rất hữu ích cho việc này) và ăn vận chỉnh tề. Cả hai khía cạnh này đã được minh họa một cách đáng nhớ trong bức ảnh Churchill chụp chung với Archibald Sinclair (sau này lãnh đạo Đảng Tự do), người không như Spiers về sau đã thật sự trở thành chỉ huy phó của ông. Bức ảnh này họ đã chụp chung ở một tiệm chụp hình địa phương ở Armentières vào một buổi chiều tháng 2 năm 1916. Nó trông như thể hai người là hai bức tượng đồng sống nước nhẵn nại và bền vững theo thời gian. Chiếc áo choàng sĩ quan của Churchill, được buộc chặt bằng chiếc nịt Sam Browne, tạo ra một ấn tượng kỳ quặc về quyền lực. Hình ảnh ăn vận nghiêm chỉnh (không có áo choàng sĩ quan) còn rõ nét hơn trong bức tranh ông chụp chung với Fayolle vào ngày được tặng mũ sắt Pháp. Nó gợi nhớ hình ảnh những chiếc áo choàng đen cài nút bó sát (như thể chúng được may cho một

người khác có hông nhỏ hơn) của bộ đồng phục “Quốc hội” Thế chiến II của ông.

Chuyến đến thăm quân khu Pháp, cũng đi với Spiers, là đến Vimy Ridge và khu vực nhìn xuống bình nguyên Douai. Khi ông mô tả chi tiết những ý tưởng liên quan đến việc triển khai các xe tăng, một trong số những vị chỉ huy của Pháp đã nói: “Liệu nó có dễ dàng hơn việc làm ngập vùng Artois để đưa hạm đội của ông đến tận đây hay không?”: Churchill xem trọng sức mạnh quân sự và khả năng chịu đựng của quân Pháp chứ không như cách đánh giá của họ đối với ông. Và một trong những niềm tin khiến cho ông lớn tiếng trong Hạ viện, vào khoảng tháng 3 năm 1933, rằng: “Tạ ơn Chúa vì sự hiện hữu của quân đội Pháp” có lẽ đã xuất hiện trong suy nghĩ của ông từ những cuộc thăm viếng này.

Vào ngày đầu năm 1916, Churchill được biết tiểu đoàn được giao cho ông sẽ là tiểu đoàn hỏa pháo hoàng gia số 6. Ông đã đến để nhận quyền chỉ huy vào ngày 5 tháng 1. Khi ấy tiểu đoàn này giữ vai trò dự bị ở Meteren, gần Bailleul, cách biên giới Bỉ khoảng 5 dặm và cách chiến tuyến khoảng 10 dặm. Nay thậm chí nó còn gần hơn nữa với một chiến tuyến khác, nơi nằm gần lộ trình của những chuyến xe lửa nối liền Lille (khi ấy đang bị đối phương chiếm đóng) và Calais. Tiểu đoàn được biết đến nhiều vì vào tháng chín năm trước đã phải gánh chịu mức thương vong kinh hoàng trong trận đánh ở Loos. Nó mất gần một nửa binh sĩ, hạ sĩ quan và 3/4 sĩ quan. Từ đó, nó phải trải qua giai đoạn cam go ở vùng Ypres Salient. Dĩ nhiên là vào lúc này nhuệ khí của nó khá thấp. Churchill đã viết thư cho Clementine về tiểu đoàn này nghe khá hợp lý nhưng nhiều chỗ trái ngược với thực tế:

Đây là một tiểu đoàn đáng thương. Các sĩ quan trẻ là những người Scotland nhỏ con thuộc tầng lớp trung lưu. Dù rất dũng cảm và thông minh nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trận mạc. Tất cả các sĩ quan thâm niên và giàu kinh nghiệm đều đã thiệt mạng. Anh đã dành ra suốt buổi sáng để xem từng đại đội tập luyện. Họ rất giỏi. Những lộn xộn

cũng được giải quyết tốt, tốt hơn nhiều so với trung đoàn vệ binh. Nay tiểu đoàn này tràn đầy sức sống và anh tin rằng anh sẽ mang lại nhiều lợi ích cho nó. Archie [tiểu đoàn phó mới của Churchill] rất vui mừng và anh hy vọng là anh ta sẽ được phong quân hàm thiếu tá.

Suy nghĩ của tiểu đoàn này đối với vị chỉ huy mới ra sao? Ở các sĩ quan chỉ huy cấp dưới, suy nghĩ của họ về vị chỉ huy mới đã được ghi lại khá đầy đủ. Các sĩ quan này có thể thuộc tầng lớp trung lưu và... nhỏ con. Những nhận xét thứ hai (nhỏ con) của Churchill là đáng ngạc nhiên vì bản thân Churchill cũng chẳng to lớn gì lắm. Hai trong số các sĩ quan tham mưu của Churchill vừa rất thành công trong sự nghiệp về cuối đời lại vừa là những sĩ quan rất nghiêm túc trong việc chấp hành các mệnh lệnh vào lúc ấy. A. D. Gibb, sĩ quan thường vụ tiểu đoàn, là một luật sư người Scotland, người mà sau giai đoạn pha trộn giữa hành nghề luật sư và sĩ quan ở cả London lẫn Edinburgh đã trở thành giáo sư Đại học Glasgow suốt 24 năm kể từ 1934. Vào cuối thập niên 1930, ông đã ba lần tranh giành vai trò đại diện cho các trường đại học Scotland trong tư cách ứng cử viên Quốc hội. Trong năm 1924, ông đã xuất bản tác phẩm *With Winston Churchill at the Front* (Cùng W. Churchill ngoài mặt trận).

Gibb đã viết tập sách mỏng gồm khoảng 20.000 từ với một văn phong châm biếm lý thú. Hai giả định căn bản của ông là: một, quân đội vận hành chủ yếu trên một chuỗi “hoạt động không hiệu quả”, hai, ở một chừng mực nào đó, hầu hết các quân lệnh được các sĩ quan cấp trên truyền cho cấp dưới thường sai lầm hơn là đúng đắn. Nhận xét này đặc biệt nhắm vào các quân lệnh đến từ bên ngoài tiểu đoàn và có sự dính líu của các sĩ quan tham mưu trong tiểu đoàn. Thế nhưng sự chỉ trích của ông được vui vẻ đón nhận, và ông đã làm cho cuộc sống bên dưới và ngay sau các chiến hào trở nên thú vị hơn thay vì làm cho nó thê lương hơn. Sự mỉa mai của ông không loại trừ đại tá Churchill, dù trong trường hợp này nó đi kèm với sự thừa nhận buồn cười rằng có thể có sự hiện hữu của một tạo vật đầy nghị lực, tự tin, gan dạ nhưng cấu thả và lập dị (ý muốn nói Churchill). Và ở phần kết, ông đã loại bỏ sự bàng quan và viết:

Tôi tin rằng không có vị chỉ huy nào từng được yêu mến hơn thế. Trong vai trò là một người lính, Churchill là một người tích cực, chu đáo, và kiên trì... Ông làm việc nhanh nhưng không để sơ sót và giúp đơn vị mức độ hiệu quả cao nhất có thể.

Tôi không có ý kiến gì về khả năng quân sự, cả về mặt chiến thuật lẫn chiến lược của ông vì vào thời của chúng tôi chúng không được thử thách. Nhưng tôi không thể nghĩ rằng người có một bộ óc sáng tạo đặc biệt như thế lại có thể tỏ ra kém cỏi trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào của con người. Và hơn nữa, ông ấy yêu cuộc sống trong quân ngũ: nó nằm trong tim ông và tôi nghĩ rằng ông có thể là một chiến binh vĩ đại. Chúng tôi thường được nghe những lời khích lệ của ông trong những tình huống khó khăn, như là “Chiến tranh là một cuộc chơi mà chúng ta phải đối diện với một khuôn mặt rạng rỡ”. Không có phương châm nào thực tiễn hơn thế... Churchill là người không bao giờ thiếu kẻ thù. Thế nhưng trong trung đoàn trước kia của ông không ai thù ghét ông. Mà thay vào đó, ông đã có được những chiến hữu và những người ngưỡng mộ trung thành và tỏ ra hãnh diện vì từng được phục vụ trong cuộc chiến tranh thế giới dưới quyền lãnh đạo của một người vĩ đại.

Và theo lời của Gibb thì bản thân ông là một người không dễ bị gây ấn tượng.

Một nhân chứng khác là Edward Hakewell Smith, khi ấy là anh lính trẻ 19 tuổi nhưng là sĩ quan võ bị duy nhất trong tiểu đoàn, người về sau là thiếu tướng rồi trở thành phó thống đốc Windsor Casde. Cả hai người đều chứng thực rằng tiểu đoàn đã không hề thích thú khi nghe tin Churchill sẽ chỉ huy nó. Phản ứng chung là: Tại sao Churchill lại không được điều đến nơi khác và để yên cho tiểu đoàn đã tơi tả vì chiến trận này? Ngày đầu tiên Churchill đến nhận tiểu đoàn đã trôi qua không suôn sẻ. Ông và Sinclair đã đến, với những chiếc mũ glenga xứ Scotland (việc Churchill thường xuyên đội nón sắt của Pháp hẳn phần nào là vì

ông không muốn đội chiếc nón glenga này), cùng với hai người hầu cũng cưỡi ngựa với một đồng hành lý có trọng lượng vượt hẳn mức thông thường, có cả “một chậu tắm dài và một bình đun nước tắm” (phong cách rất điển hình của Churchill). Sau đó (theo lời của Hakewell Smith) Churchill triệu tập tất cả các sĩ quan đến “bữa ăn trưa đáng chán nhất mà tôi từng tham dự”. Trong bữa ăn này, Churchill đã trừng mắt nhìn mọi người nhiều hơn là phát biểu. Cuối bữa ăn, ông đọc một bài diễn văn ngắn: “Thưa quý vị, bây giờ tôi là sĩ quan chỉ huy của quý vị. Tôi sẽ quan tâm đến những người ủng hộ tôi và triệt hạ những người chống đối”. Sau đó ông cố gắng tổ chức diễn tập toàn bộ tiểu đoàn. Nhưng khi đưa ra các khẩu lệnh khá cổ hủ cho kỵ binh thì đã tạo ra sự rối loạn ngoài ý muốn.

Sự bất hòa từ lúc đầu có lẽ đã được cường điệu bởi Hakewell Smith, dù không phát xuất từ ác tâm vì ông đã nhanh chóng trở thành người hâm mộ Churchill mà nhằm làm tăng kịch tính của quang cảnh thay đổi quyền chỉ huy. Và với sự gắn bó giữa Churchill và các chiến sĩ trong đơn vị, mối quan hệ giữa ông và họ giống như một câu chuyện với một kết thúc có hậu. Những người chế nhạo đã nhanh chóng trở thành những người ủng hộ. Churchill có hai tuần lễ để chuẩn bị cho tiểu đoàn trở lại với các chiến hào dù điểm đến của tiểu đoàn là một nơi ít nguy hiểm hơn nơi họ từng nếm trải trước kia. Hẳn là ông đã rất hăng hái khi thực hiện việc này và tập trung cao độ vào những chi tiết mà ông quan tâm.

Ông thực hiện một phương pháp huấn luyện táo bạo bao gồm những trận đấu bóng và hoạt động ca hát. Việc huấn luyện không quá gò bó dù, do ảnh hưởng tác phong của tiểu đoàn pháo thủ, ông nóng lòng uốn nắn đợt huấn luyện Tây Scotland luộm thuộm. Tuy nhiên, điều ông không bị tác động bởi tiểu đoàn pháo thủ là sự nhân hậu khi thực hiện những hình phạt mà thường là rất nghiêm ngặt trong thời Thế chiến I. Đó là do quan điểm của ông khi còn là bộ trưởng Nội vụ. Thật ra ông từng bị một vị chỉ huy lữ đoàn (người mà ông có ác cảm do không hài lòng với ông) trách móc vì mềm yếu về phương diện này. Nhưng thiếu tướng Furse, người chỉ huy sư đoàn 9 (sư đoàn Scotland, trung đoàn hỏa mai hoàng gia Scotland thuộc sư đoàn này), người trước kia Churchill chưa từng biết đến, cho

rằng Churchill đã uốn nắn kỷ cương và làm cho nhuệ khí của tiểu đoàn mà ông nắm giữ tăng lên rất nhiều. Và nói chung, tướng Furse trở thành người ủng hộ Churchill, dù có lần vào mùa xuân từng triệu hồi Churchill trở về khi ông được phép tham dự cuộc họp Quốc hội ở London.

Vào ngày 27 tháng 1, Churchill đưa tiểu đoàn của ông tiến vào các chiến hào bên kia biên giới nước Bỉ phía trước ngôi làng Ploegsteert. Từ lúc ấy cho đến kỳ nghỉ phép bảy ngày ở Anh, bắt đầu từ ngày 6 tháng 3 (sau đó được Churchill yêu cầu kéo dài đến 15 ngày với lý do là họp Quốc hội), là quãng thời gian Churchill thật sự trải nghiệm đời lính. Trong năm tuần này đã diễn ra nhiều thời kỳ khác nhau. Trước hết là 48 giờ và kế đó là sáu ngày ở mặt trận xen lẫn những quãng thời gian ngắn thu quân, nhưng đã không diễn ra những cuộc tấn công quan trọng bởi quân Anh cũng như quân Đức. Vì thế, Churchill đã không phải lao mình vào những cuộc tàn sát khủng khiếp chỉ để giành giật vài tấc đất, điều mà ông không tán thành.

Trong bầu khí yên tĩnh mang tính chiến thuật, dù thi thoảng cũng xảy ra những cuộc nã pháo, Churchill có khuynh hướng luôn liêu lĩnh hơn mức thật sự cần thiết, thường hấp tấp và táo bạo tiến vào những vùng đất không người. Nhưng, thật ra mức độ nguy hiểm mà ông dấn thân vào ra sao? Những bức thư Churchill gửi cho vợ, dù hấp dẫn và nhiều thông tin như chính bản thân thời kỳ này, thật ra không đáng tin vì một lý do dễ nhận biết. Trước hết là vì ông rất quan tâm đến việc trấn an vợ nên giảm bớt mức độ nguy hiểm. Thế nên vào ngày 19 tháng 11 khi lần đầu tiên vào các chiến hào với tiểu đoàn pháo thủ, ông viết: “Nhưng anh hy vọng là em nhận biết tính vô hại của việc làm này. Anh đã rất ngạc nhiên khi biết rằng mỗi ngày có khoảng năm người bị thương hoặc chết trong số 8.000 người tham gia. Anh sẽ rất buồn nếu em lo lắng vì chuyện như thế”. (Con số 8.000 này là toàn bộ quân số của sư đoàn cận vệ, và người ta có thể cho rằng nguy hiểm là đáng kể).

Tuy nhiên, về sau ông ngày càng ít quan tâm đến việc giữ cho Clementine không suy nghĩ về hiểm nguy mà ông đang phải đối diện. Ông ngày càng có

khuynh hướng mô tả những vụ việc ngoài ý muốn, những lần thoát hiểm trong đường tơ kẻ tóc, và hiểm họa trong tương lai. Vào ngày 16 tháng 2 ông viết: “Hiện nay, bộ phận chỉ huy của anh đã mất đi hai sĩ quan trong số năm người, và chắc chắn rằng bọn anh dễ trở thành mục tiêu bị tấn công”. Và cũng trong bức thư này, do sự thất vọng khác thường khi nghe tin về sự thử nghiệm thành công loại xe tăng sử dụng dây xích đầu tiên ở Anh. Churchill đã cay đắng than phiền rằng ông đã không được trao cho quyền sử dụng loại khí tài ấy, ông nói: “Anh cảm thấy mình thật bất lực. Có phải là người ta đã ngớ ngẩn khi không lắng nghe ý kiến của anh hay không? Hay là họ đã khờ khạo khi chờ đợi cho nó không còn hữu ích? Anh không sợ chết hoặc bị thương và thích cuộc sống thường ngày ở đây. Nhưng hành động xác xược và tính bợ đỡ của người khác đôi lúc làm cho anh căm ghét”.

Một lý do khả dĩ dẫn đến thay đổi này là sự phân vân không biết nên đặt niềm tin nhiều hơn vào Asquith hoặc Lloyd George đã nảy ra trong lòng Churchill. Khi đã mang lại cho tiểu đoàn của mình một tầm cỡ tốt hơn, đưa nó tiến vào mặt trận, và làm cho nó cũng như bản thân ông quen thuộc với cuộc sống dưới những chiến hào, và khi hy vọng về sau sẽ được giao cho một tiểu đoàn của ông đã trở thành chuyện quá khứ, ông không còn cảm thấy căng thẳng và buồn chán. Sự dao động trên chính trường London đã lại thu hút ông, không vì ảnh hưởng của sợ hãi mà vì sự pha trộn giữa hụt hẫng và tham vọng không được thỏa mãn. Trong một bức thư tháng 2 không đề ngày gửi cho Clementine, Churchill viết: “Nhóm người mà anh muốn cùng làm việc và hình thành một công cụ lãnh đạo hiệu quả gồm LI. G., F. E. (Smith), B. L. (Bonar Law), Carson, và Curzon. Anh luôn nghĩ như thế. Đây là một chính phủ thay thế khi giai đoạn *bàng quan chờ đợi* chấm dứt”. Vì mục đích chính trị hơn là giải trí, ông bắt đầu háo hức trông chờ kỳ nghỉ phép vào đầu tháng 3.

Như đã nói ở phần trước, ông đã gia hạn kỳ nghỉ phép thêm một tuần để có thể tham dự kỳ họp Hạ viện. Và sau khi trở về, thay vì tập trung vào cuộc sống quân ngũ ở Pháp, tâm trí của ông bị chiếm lĩnh bởi hoạt động chính trị ở

London. Ông ngày càng nóng lòng muốn rời cuộc sống quân ngũ để trở về với các nhiệm vụ ở Quốc hội.

Clementine đã không tán thành suy nghĩ của ông. Dĩ nhiên là bà muốn ông quay về vì lo cho sự an toàn của ông, nhưng bà cũng nhận thấy là ông phải chịu rủi ro ra sao khi quá hấp tấp. Sự phân vân của Clementine đã được bày tỏ rõ ràng trong bức thư ngày 6 tháng 4, nhiều tuần sau khi ông trở về Pháp sau kỳ nghỉ phép:

Winston yêu mến

Trái tim em tan nát và đau đớn vì lo cho anh. Nếu em bảo anh rằng: “Hãy ở lại chiến trường” thì một viên đạn độc ác nào đó có thể giết chết anh. Nếu em tin chắc rằng anh sẽ không bị tổn thương vì đạn pháo, hẳn là em sẽ bảo anh rằng: “Hãy kiên nhẫn, đừng vội hái khi quả chưa chín. Mọi điều tốt lành sẽ đến với anh nếu anh đừng quá hấp tấp. Những hành động vĩ đại phải được những con người đơn giản hiểu và tán thưởng. Người ta dễ dàng hiểu được động năng đã đưa anh ra tiền tuyến. Nhưng động năng đưa anh trở về phải được giải thích cặn kẽ”.

Đây là một lời khuyên rất cứng cỏi, rõ ràng là vì lợi ích của Churchill nhưng chống lại những ước muốn ngày càng cấp thiết của ông. Khi mùa xuân ấy trôi qua, ông ngày càng tin rằng việc trở về của ông sẽ làm thay đổi tình hình hoạt động chính trị và mở ra cho ông con đường quay về với một bộ nào đó. Điều duy nhất Clementine ngần ngại không nói thẳng rằng Churchill suy nghĩ không đúng nằm ở chỗ bà lo sợ cho sự an toàn của ông ở Pháp. Ông không thể cưỡng lại việc hơi cường điệu về rủi ro có thể có, khác với thái độ của ông trong khoảng thời gian tháng 11 đến tháng 12. Đó là cách ông lung lạc tâm trí của Clementine và thuyết phục bà đưa ra lời khuyên hợp với ý của ông hơn.

Khó mà thấy được lý do tại sao việc Churchill gia hạn kỳ nghỉ của ông vào đầu tháng 3 lại làm cho tâm trí ông xao lãng với cuộc sống quân ngũ và hướng

vé chính trường London. Về mặt chính trị, kỳ nghỉ đó gần như là một tai họa. Ông đã gặp gỡ rất nhiều người, nhưng ngoài hai người bạn biên tập viên là C. P. Scott của tờ *Manchester Guardian* và J. L. Garvin của tờ *Observer*, không ai khác đưa ra gợi ý cơ bản hợp lý ủng hộ việc hạ bệ chính phủ của Asquith hoặc triển vọng thực tiễn đưa ông về với chính phủ này hoặc một chính phủ kế nhiệm khác. Nói tóm lại, hành vi của ông là thất thường. Ông gần gũi với cả hai phe đối nghịch nhau, để cho bản thân bị lôi kéo vào một liên minh kỳ lạ nhất. Và vào cuối kỳ nghỉ 11 ngày tạm rời xa tiểu đoàn của mình, sự dao động của Churchill liên quan đến việc có nên trở về với cuộc sống quân ngũ hay không đã trở thành một bức tranh biếm họa của sự do dự.

Mâu thuẫn đầu tiên: Trong buổi tối trọn vẹn đầu tiên ở London, vào hôm Thứ sáu, Churchill yêu cầu mẹ ông tổ chức một bữa tiệc mà khách mời toàn là những người âm mưu chống lại chính phủ, mà nhân vật nổi bật nhất là F. E. Smith (dù người này là cố vấn pháp lý hàng đầu của chính phủ đương nhiệm). Trong số khách mời còn có Scott và Garvin. Có lẽ bữa tiệc không lôi kéo được Carson dù ông này không bị bệnh. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là sự hiện diện của Francis Hopwood, người thư ký thường trực cũ của Churchill ở Bộ Thuộc địa chín năm trước và gần đây hơn là thành viên không trung thành của ban chỉ huy Bộ Hải quân. Churchill nỗ lực tìm kiếm đồng minh. Ngay khi vừa trở về London, Churchill đã biết được rằng Thứ ba và Thứ tư sau đó sẽ có cuộc tranh cãi trên vấn đề các khoản dự chi dành cho hải quân. Điều này tạo cơ hội tốt cho ông công kích chính phủ qua cái mà ông gọi là chính sách thụ động của người kế nhiệm ông ở Bộ Hải quân là Arthur Balfour. Thật ra, Churchill đã dành ra ngày nghỉ phép đầu tiên để chuẩn bị kỹ lưỡng phần chính bài diễn văn dành cho dịp này, bài diễn văn mà ông bắt đầu soạn vào chiều tối hôm đó để cho nhóm người tụ họp tại bữa tiệc của ông duyệt lại.

Vào Thứ hai, Clementine đã sắp xếp để vợ chồng Asquith đến dùng cơm tại số 41 phố Cromwell (nơi gia đình bà đang ở tạm). Rất hiếm khi có vị tiểu đoàn trưởng nào có thể mời vợ chồng thủ tướng đến dùng cơm tại tư gia trong dịp

nghỉ phép đầu tiên. Cũng hiếm có vị thủ tướng nào như thế là đồng sự của Churchill trong Nội các suốt bảy năm. Churchill đã không che đậy việc ông sẽ đọc diễn văn bảo vệ thành tích của ông ở Bộ Hải quân vào ngày hôm sau. Nhưng hầu như chắc chắn là ông không cho biết mức độ công kích của bài diễn văn, không chỉ đối với Balfour mà đối với toàn bộ chính phủ nói chung. Ông cũng không tiết lộ về liên minh kỳ dị mà ông tham gia để tái tăng cường thế lực trong kỳ nghỉ cuối tuần ấy.

Đó là liên minh với Fisher, nguyên nhân khiến Churchill bị rút dài 11 tuần trước. Giữa hai người có sự hấp dẫn lẫn nhau kỳ lạ và hầu như sự hấp dẫn hỗ tương ấy không thể bị phá hủy. Hai biên tập viên báo chí là Scott và Garvin đã ủng hộ cả Fisher lẫn Churchill, và với sự thiếu khả năng phán đoán bất thường, họ nghĩ rằng có thể lại giúp hai người (Churchill và Fisher) tái cộng tác. Cả hai vị cựu chỉ huy Bộ Hải quân này đều quá khao khát được tái tuyển dụng vào những chức vụ quan trọng đến nỗi không thể cưỡng lại những lời mời chào nguy hiểm trong thời buổi nhiễu nhương. Fisher được mời đến dùng cơm trưa vào hôm Thứ bảy tại phố Cromwell, và Churchill đã lại gặp ông ta vào chiều Thứ hai. Cũng như lệ thường trong thời kỳ này, bà Clementine đánh giá sự việc tốt hơn Churchill. Cả F. E. Smith (người có mặt tại bữa tiệc trưa) lẫn Violet Bonham Carter (người không có mặt) đều nói rằng ý của Clementine là: “Đừng chạm đến chồng tôi, quý vị đã hại anh ấy một lần, lần này hãy để yên cho anh ấy”. Nhưng Churchill và Fisher không thể rời xa nhau, dù Fisher đã viết cho Churchill một bức thư biểu hiện sự giận dữ, Churchill vẫn lại một lần nữa lao vào vòng tay thân thiết của Fisher.

Điều này đã hủy hoại ảnh hưởng bài diễn văn tháng 3 đọc tại Hạ viện của Churchill. Sử dụng cái mà vào lúc ấy Churchill cho là tư cách ủy viên Hội đồng Cơ mật đương nhiên, Churchill đã phát biểu trên danh nghĩa phe đối lập. Và khác với các sĩ quan tại chức khác, Churchill đã thực hiện điều này trong bộ thường phục (có thể gọi chiếc áo đuôi tôm của ông là như thế vì nó không phải là quân phục). Phần đầu của bài diễn văn đã gây ấn tượng sâu sắc. Churchill đã

bảo vệ rất tốt thành tích của ông và đã công kích mạnh mẽ, có thể gây hại nhưng rõ ràng là không có ác tâm, chính sách của Bộ Hải quân sau thời của ông. Kế đó ông đã đọc một đoạn văn gây bối rối: “Tôi khẩn thiết yêu cầu bộ trưởng Hải quân hãy chấn chỉnh ngay để mang lại sinh khí cho bộ chỉ huy hải quân, bằng cách đưa nam tước Fisher trở về với chức vụ cũ”.

Sự kiện này có thể sánh với sự kiện trong tháng 7 năm 1942 khi John Wardlaw-Milne (một nhân vật ít được nhớ đến ngoại trừ khoảnh khắc vinh quang nhỏ bé của ông ta) đã trở thành trò hề khi có động thái huênh hoang báo trước là sẽ chống đối Churchill lại biến thành gợi ý cho rằng công tước Gloucester nên được giữ chức tổng tư lệnh các lực lượng của Anh. Những nhận xét ở phần kết luận của Churchill cũng tạo ra cảm giác tâm thường tai hại. Sức mạnh mà Churchill dày công gây dựng ở 40 phút đầu của bài diễn văn đã đột ngột tan biến. Lúc đầu, ông đã không nhận thấy sự thất bại của mình. Hầu như ông rời phòng họp ngay sau khi kết thúc bài diễn văn. Cho đến ngày hôm sau, Balfour mới phản bác, và Churchill cảm thấy ông không rảnh để lắng nghe các nghị sĩ không giữ các chức vụ quan trọng phát biểu. Đây là một hành động kiêu ngạo và khó lời kéo bạn hữu, nó còn khiến cho Churchill không nhận biết khuynh hướng không thiện cảm đối với ông ở diễn biến về sau của cuộc tranh cãi. Đặc biệt là ông đã không được nghe sự chỉ trích gắt gao của đô đốc Hedworth Meux, cũng là người có kỹ năng tranh cãi sắc bén. Ở tuổi 59, ông ta mới được bầu làm đại biểu Quốc hội trong một kỳ bầu chọn bổ sung ở khu vực Portsmouth. Ông ta đã không đọc bài diễn văn ra mắt và không dự định đọc diễn văn trong dịp này cho đến khi nghe bài phát biểu của Churchill.

Meux nhanh chóng khai thác điểm mà xem ra Churchill đã không cân nhắc thấu đáo: đó là nếu Fisher được trao quyền như cũ thì đô đốc Henry Jackson hẳn sẽ phải rời bỏ chức vụ ấy. Meux đã sử dụng điểm này như là bệ phóng để phát động cuộc công kích được nhiều người tán thưởng vào cái mà ông ta xem là trò đạo đức giả của cả Churchill lẫn Fisher:

Chúng ta hãy nhìn nhận vấn đề từ phía Hạm đội Hoàng gia (đô đốc tư lệnh John Jellicoe, các thuyền trưởng và các sĩ quan) khi họ nghe về cuộc tranh cãi này và biết được những gì vị cựu bộ trưởng Hải quân vừa phát biểu. Tôi có cần phải nói với các bạn về lỗi lầm của ông ta trong mắt của những người muốn gạt bỏ ông ta hay không?

Trong vài tháng đầu tiên của cuộc chiến, bất cứ khi nào chúng ta thành công hay đúng hơn là bất cứ khi nào kẻ thù gặp phải một thất bại nhỏ, thì toàn bộ lực lượng hải quân phải nhúc nhích đầu vì những lời khoa trương thô thiển được nhắc đi nhắc lại... Bất cứ ai trong lực lượng hải quân đều khó chịu khi phải nghe những lời khoác lác.

Tôi rất tiếc là ngài cựu bộ trưởng Hải quân không yên vị... Tất cả chúng ta đều mong ngài ấy gạt hái được thật nhiều thành công ở Pháp và mong rằng ngài ấy cứ ở yên tại đó.

Ít ra vào sáng hôm sau, Churchill cũng biết được về sự thất bại của bài diễn văn của mình. Ông không chỉ đọc được những bài công kích nhắm vào ông của Meux và nhiều người khác, mà còn thấy được sự đồng lòng công kích ông như thế trên những báo ở London, Churchill là chủ đề của rất nhiều đề tài của giới báo chí. Chỉ có báo không thuộc thủ đô là *Manchester Guardian*, có thể là dưới quyền của Scott, nói những lời tốt đẹp về Churchill. Cho dù là có thái độ ngang ngạnh hoặc chán ngán, Churchill vẫn không thể lảng tránh để tự làm lành vết thương. Ông đã phải quay lại Hạ viện chiều hôm ấy và nghe Balfour phản bác. Và cho dù Churchill chỉ trích sự quản lý thiếu sinh khí của cựu lãnh đạo Đảng Đảo thủ đến mức nào, ông vẫn e dè kỹ năng tranh biện của Balfour, một kỹ năng dựa trên sự sắc sảo về trí tuệ nhiều hơn là dựa trên những lời lẽ mạnh bạo. Bất chấp tình bạn được xây dựng vào đầu năm 1915 (theo cách nhìn nhận của Asquith thì tình bạn này rất sâu đậm), Balfour có nhiều điểm bất đồng với Churchill. Và trong dịp này ông chỉ đơn giản là bày tỏ những quan điểm ấy. Ông sử dụng việc đề bạt Fisher để minh chứng tính thiếu nghiêm túc của Churchill

đến mức ông không cần phải phản bác những lời chỉ trích khác của Churchill.

Anh bạn đại tá (vào lúc ấy biên bản Quốc hội sử dụng từ này để nói về Churchill) đáng kính của tôi thường làm cho Hạ viện phải ngỡ ngàng. Anh ta đã nói gì trong bài diễn văn từ giã vai trò chính khách để đeo đuổi binh nghiệp? Anh ta đã nói với chúng ta rằng khi cùng làm việc với nhau ở Bộ Hải quân, ngài Fisher đã không cung cấp cho anh ta những chỉ dẫn rõ ràng trước khi xảy ra các sự kiện, và không ủng hộ anh ta trong khi cương vị của anh ta cần được như thế.

Tôi không thể hiểu được suy nghĩ của con người khả ái này. Anh ta nói rằng anh ta đã bảo thủ tướng khi hoàng thân Louis thoái vị rằng người duy nhất anh ta có thể cùng làm việc là ngài Fisher. Xem ra vận rủi đã dai dẳng đeo bám anh ta. Có phải đó là một sự trùng hợp kỳ lạ hay không khi người mà anh bạn đáng kính của tôi muốn cùng làm việc ở Bộ Hải quân lại từ chối làm việc chung với anh ta?

Đoạn phát biểu này, có lẽ đã làm dấy lên sự cười nhạo Churchill. Ông nghĩ rằng cần phải phản bác và cần cơ hội để thực hiện. Ông nói rằng Balfour là bậc thầy về tranh biện trong Quốc hội. Khả năng này cùng với “vị trí cao và thâm niên trong Hạ viện” đã cho phép Balfour khiển trách “một người trẻ hơn ông ta rất nhiều”. Khi nói về Fisher, với ý định chống chế, Churchill vẫn duy trì quan điểm của mình. Ông tuyên bố rằng, trước khác nay khác khi mà chiến dịch Dardanelles đã trôi qua trong hồi tiếc. Nhưng ông đã không tạo được ấn tượng khi nói như thế.

Đáng ngạc nhiên là tác động của thất bại nặng nề này trên Churchill không đáng kể. Theo lời Gibb và nhiều người khác, dường như việc trở về với những chiến hào ở Pháp và với sự đùm bọc của đồng đội là lẽ đương nhiên. Thay vì thế, Churchill đã làm điều ngược lại. Ông xin gia hạn thêm thời gian nghỉ phép, tập trung suy nghĩ chuẩn bị cho Thứ ba sau (ngày 14 tháng 3) khi vấn đề dự án ngân sách của quân đội được đem ra bàn cãi, và phần nào bị thuyết phục bởi các cố

vấn đã bị loạn trí của ông (Fisher là người giận dữ nhất nhưng hai biên tập viên báo chí cùng với hai hoặc ba nghị sĩ cấp thấp cũng chẳng sáng suốt hơn là mấy). Họ bảo ông rằng một liệu pháp tai hại tương tự có thể hạ bệ chính phủ và có thể đưa ông lên vị trí vượt trội.

Hai phản ứng cực đoan nhất là của Fisher và Margot Asquith. Ngày 8 tháng 3, trên một tờ báo cực đoan, Fisher đã viết, “Chức vụ thủ tướng có vẻ đang trong tầm tay anh ta”. Cũng trong ngày này, phu nhân Asquith đã viết cho Balfour: “Tôi hy vọng và tin rằng người ta sẽ không bao giờ tha thứ cho bài diễn văn mà Winston đọc ngày hôm qua. Ông ta là kẻ đê tiện đáng khinh với khả năng đánh giá thấp kém nhất”. Cô con gái của chồng bà, vào lúc ấy là Violet Bonham Carter, đã tỏ ra thông cảm hơn. Cô đã đến gặp Churchill (theo yêu cầu của ông) và đã ghi lại: “Ông ta nhột nhật, ngang ngạnh, và tỏ ra thách thức. Tôi sẽ không thể nào quên được nỗi đau đớn của ông trong cuộc nói chuyện với tôi sau đó... Điều mà ông cho là một động thái khoan dung (tha thứ những điều sai trái của Fisher đối với ông) vì lợi ích của một mục tiêu lớn lao hơn, vì ưu thế của hải quân... lại bị xem như là một ván cờ vụng về được thực hiện vì những lợi ích của chính ông...”.

Suốt ngày hôm ấy, Churchill đã dành thời gian viết thư cho Kitchener để yêu cầu “gạt bỏ quyền chỉ huy của tôi ngay khi có thể miễn là không gây bất lợi cho quân vụ”, đồng thời yêu cầu được gia hạn kỳ nghỉ và gợi ý rằng nên trình bức thư này cho thủ tướng. Ngày hôm sau, ông đến gặp Asquith ở dinh thủ tướng để nói chuyện riêng, không rõ là theo sáng kiến của ai. Để biết được những gì xảy ra, chúng ta đành phải dựa vào những gì Violet Bonham Carter viết ra nhiều năm về sau, thế nhưng bài viết của bà đã tạo ấn tượng rất mạnh về sự thật. Thủ tướng dù quả trách Churchill nhưng trong thân tình. Asquith nói rằng ông muốn giữ cho Churchill không bị thất bại về mặt chính trị như cha của ông qua hành động nông nổi. Ông đã nêu rõ tình cảm của ông. Asquith ám chỉ rằng ông muốn đưa Churchill trở lại vì chính phủ nếu sự phấn nỡ (chủ yếu là ở các thành viên Đảng Bảo thủ, nhưng không riêng gì họ) có thể nguôi ngoai. Ông khuyên Churchill

trước mắt là nên quay trở lại nước Pháp. Ngày hôm sau, Churchill đã viết thư để nói rằng ông nghe theo lời khuyên ấy, nhưng yêu cầu được nhận một tờ cam kết bằng văn bản xác nhận là ông có thể quay về London bất cứ khi nào cảm thấy “ý thức thi hành công vụ” trỗi dậy. Asquith đã trao tận tay Churchill bản cam kết như thế, được ghi ngày 11 tháng 3.

Như thế, Churchill lại đi qua Eo Biển Anh vào Thứ hai ngày 13 tháng 3, tránh xa cuộc tranh cãi về dự án ngân sách quân đội. Clementine tháp tùng ông đến Dover. Có một ấn tượng mạnh mẽ tạo cảm giác rằng vào khoảng thời gian này Clementine đã phải mệt mỏi vì sự dao động của Churchill, và thậm chí còn khổ sở hơn nữa do chồng bà bị ám ảnh bởi vận mệnh của mình, nên nghiêng về sự nghiệp chính trị hay là bình nghiệp. Điều này đã chiếm lĩnh kỳ nghỉ của Churchill, làm cho ông ít chú tâm đến những mối quan hệ gia đình. Vào ngày 23 tháng 3, bà đã viết cho ông: “Những mối lo toan nặng nề của anh làm em rất mệt mỏi. Khi gặp nhau trong kỳ phép tối, em mong là chúng ta có khoảng thời gian dành riêng cho nhau. Chúng ta còn trẻ nhưng thời gian trôi quá nhanh, tình yêu sẽ không còn mà thay vào đó chỉ còn lại tình bạn, một thứ tình cảm tĩnh tại không thú vị hoặc nồng ấm”.

Buổi chia tay ở Dover không thể làm yên lòng bà. Trên xe lửa, Churchill đã thay đổi suy nghĩ và viết thư yêu cầu Asquith ngay lập tức thu hồi quyền chỉ huy tiểu đoàn của ông. Đồng thời, ông soạn thảo ngay tuyên bố cho giới báo chí để giải thích chiều hướng mới của mình. Tuyên bố đã được vợ ông công bố. Từ trưa đến tối, Churchill hoàn thành chuyển đi từ Dover đến vị trí đóng quân tiểu đoàn nằm phía trước ngôi làng Ploegsteert. Đây là một minh họa sinh động cho thấy tính chất vừa gần lại vừa xa giữa cuộc sống dưới các chiến hào ngoài tiền tuyến và cuộc sống bình thường ở Anh. Khi vừa đến đơn vị, Churchill đã ngay lập tức thay đổi suy nghĩ lần thứ tư. Và đã gửi điện tín ngay trong đêm cho Asquith để yêu cầu thu hồi lại bức thư. Asquith cảm thấy chán ngán nhưng nhẹ nhõm, và đã sáng suốt phái một thư ký riêng đến phố Cromwell để thu hồi tuyên bố báo chí từ Clementine và để bảo đảm sao cho tuyên bố này không bị công bố.

Không thể đưa ra kết luận nào khác hơn là Churchill vào giai đoạn đó đã hoàn toàn mất phương hướng và không rõ ông thật sự muốn gì. Điều đáng ngạc nhiên là sự dao động nước đôi của Churchill đã không tự bộc lộ trước tiểu đoàn, để rồi tạo vết cho quyền chỉ huy của ông. Nhưng không có một biểu thị nào, từ Gibb hoặc từ bất cứ một nguồn nào khác, cho thấy mọi sự diễn ra đúng như thế. Churchill vẫn duy trì được quyền lực và long trung thành của các thuộc cấp. Tuy nhiên, chắc chắn trong thâm tâm, tham vọng của ông đã dịch chuyển một cách dứt khoát sau chuyến trở về gần và không thành công. Ông viết thư gần như là không ngừng nghỉ cho bạn bè và những người quen để hỏi ý kiến về việc ông nên làm gì. Hầu hết trong số họ, bao gồm George Ritchie, chủ tịch khu vực bầu cử Dundee, đều nghĩ rằng ông nên yên vị tại Pháp. Nhưng Churchill đã trở nên quá bồn chồn, ngay cả vào cuối tháng 4 khi Hair thử đề nghị trao cho ông chức lữ đoàn trưởng, một chức vụ từng hấp dẫn ông, vẫn không thể làm ông thay đổi suy nghĩ.

Dù với tính khí như thế, nhưng vận may cuối cùng cũng đến. Hai tiểu đoàn hỏa mai Scotland tả tơi số 6 và số 7 đã được sáp nhập. Vị đại tá của tiểu đoàn 7 là người thâm niên hơn nên Churchill dễ dàng rũ bỏ gánh nặng. Vào ngày 6 tháng 5, Churchill tổ chức một bữa tiệc chia tay đáng nhớ tại Armentières. Đến ngày 7, ông lại vượt Eo biển Anh. Thế là cuộc đời binh nghiệp gần gũi của Churchill trong Thế chiến I kết thúc.

Chương 17

TOA XE CỨU THƯƠNG ĐẾN TRỄ

Ngay cả Garvin cũng khuyên Churchill “chỉ xuất hiện ở Hạ viện sau khi rời quân đội từ một tháng trở lên”. Rõ ràng Churchill đã không quan tâm đến lời khuyên này. Chỉ trong vòng 48 giờ sau khi về đến London, ông đã phát biểu mà không suy nghĩ chín chắn ở Hạ viện. Dự luật Cưỡng bách Tòng quân (Conscription Bill), dự luật đã gây ra sự chống đối từ những thành phần ưu tú của Đảng Tự do nhưng được Churchill (cùng với Lloyd George) ủng hộ mạnh mẽ, đang trong tiến trình chờ được thông qua. Ireland dù có phong trào tình nguyện nhập ngũ rất mạnh nhưng đang trong giai đoạn căng thẳng sau cuộc nổi loạn trong dịp lễ Phục sinh ở Dublin vào tháng 4 năm 1916. Asquith, người rất do dự khi phải chấp nhận chế độ cưỡng bách tòng quân, đã quyết định dù bất hợp lý nhưng khôn ngoan rằng luật này phải loại trừ Ireland. Churchill, là người có quan điểm ủng hộ chủ nghĩa thống nhất Anh - Ireland, dù trong khoảng thời gian 1912 - 1914 không thuộc nhóm chủ trương hợp nhất, đã cùng với Carson chống lại. Điều này có thể hợp lý nhưng không sáng suốt. Chế độ cưỡng bách tòng quân khi được thực hiện ở Ireland sau kỳ lễ phục sinh 1916, hoặc thậm chí là trước đó nữa, khó có thể giúp tuyển mộ thêm được lính mà chắc chắn sẽ tạo thêm nhiều rắc rối.

Suốt những ngày còn lại của tháng 5, Churchill tiếp tục đi diễn thuyết liên miên. Bất cứ cuộc tranh cãi nào có liên quan đến cuộc chiến đều khơi gợi một bài diễn văn dài của Churchill, cho thấy rằng ông vẫn còn rất sắc bén trong lập luận và thể hiện nó với tài hùng biện. Trong cuộc tranh luận ngày 17 tháng 5 liên

quan đến vấn đề thiết lập một ủy ban Không quân dưới quyền lãnh đạo của Curzon (Churchill muốn thành lập một Bộ Không quân với quyền hạn đầy đủ mà tốt nhất là dưới quyền chỉ huy của chính ông), ông thường than phiền rằng ưu thế về không quân đã mất. Nhưng kỳ lạ là ông đặt tầm quan trọng của nó vào một bối cảnh chung:

Trên biển, khả năng phòng thủ của thủy lôi và tàu ngầm ngày càng tăng đã làm giảm phần lớn sức mạnh của hải quân. Trên bộ, chúng ta đã mất ưu thế trước khi những biện pháp phòng thủ hiện đại được lĩnh hội tường tận, và chúng ta phải giành lại ưu thế này khi khả năng phòng thủ gia tăng. Nhưng bầu trời thì rộng, mà không hề có những chiến hào. Cả hai phía đều có thể sử dụng nó để tấn công cũng như phòng thủ.

Ông còn diễn thuyết rất hùng hồn (23 tháng 5) về sự khác biệt khủng khiếp giữa cái mà ông gọi là “nhân sự bên dưới chiến hào” và “nhân sự bên ngoài chiến hào” trong quân đội. Nhóm nhân sự thứ nhất luôn sống trong nguy hiểm và thường được gửi trở lại những vị trí nguy hiểm ấy sau khi đã bị thương hai lần hoặc đôi khi là ba lần. Trái lại, nhóm thứ hai sống hầu như là hoàn toàn an toàn và tương đối thoải mái, được trả lương cao hơn và được thưởng huy chương nhiều hơn. Ở đây dĩ nhiên là Churchill cũng khai thác vấn đề ác cảm lâu đời giữa các chiến sĩ ngoài tiền tuyến đối với đội ngũ sĩ quan ở nhóm thứ hai (sự ác cảm này đặc biệt nghiêm trọng trong những điều kiện tĩnh tại nhưng nguy hiểm của khoảng thời gian 1914-1918). Dù ông cũng nói nhiều về một số lượng rất lớn những binh sĩ Anh phần nào khỏe mạnh, cả ở Anh lẫn Pháp, thường xuyên đảm nhận những công việc mà các công dân dân sự, thậm chí cả phụ nữ, có thể dễ dàng thực hiện với kết quả tương đương. Cùng với suy nghĩ này, ông đưa ra ảo tưởng có thể huy động được một số lượng rất lớn chiến sĩ từ các vùng lãnh thổ thuộc Anh (31 tháng 5).

Nhìn chung, những lời chỉ trích của ông là sâu sắc và các biện pháp sửa chữa được đề nghị của ông là hợp lý, nhưng tác động của chúng bị vô hiệu bởi ba yếu

tố. Thứ nhất, ông diễn thuyết quá thường xuyên. Ông luôn quyết định phát biểu trong tất cả mọi cuộc tranh biện quan trọng (như vào ngày 23 tháng 5, ông đứng lên phát biểu ngay sau bài diễn văn của thủ tướng), điều làm giảm ảnh hưởng các bài diễn văn của ông. Thứ hai, ông quá tập trung, với cảm giác bị tổn thương, vào việc bảo vệ từng chi tiết trong bảng thành tích của chính ông cho đến tháng 5 năm trước. Tất cả mọi việc ở Bộ Hải quân đều hợp lý cho đến lúc ấy, và những sai lầm chỉ xảy ra sau đó. Thứ ba, ông quá dễ dàng trở thành mục tiêu tấn công đối với những người muốn gạt bỏ ông bằng những đòn giáng trả theo kiểu *gậy ông đập lưng ông* thô bạo thay vì phản bác những lập luận của ông. Khuôn mẫu do Balfour thiết lập trong tháng 3 đã được Bonar Law bắt chước trong cuộc tranh cãi về Ủy ban Không quân, và thậm chí còn được thư ký thường trực của Bộ Chiến tranh (H. J. Tennant) bắt chước vào ngày 23 tháng 5. Và vụ can thiệp “dân sự” đầu tiên của ông vào ngày 9 tháng 5, khi ông thôi thúc áp đặt chế độ cưỡng bách tòng quân cho Ireland, đã bị đập tan bởi một nghị sĩ rất thông minh sử dụng kỹ thuật “giả mù sa mưa”, và la lên: “Thế còn chiến dịch Dardanelles thì sao?” vào những khoảnh khắc mà bài nói của Churchill tạo được ấn tượng mạnh nhất. Churchill có thể đưa ra một đoạn văn phản bác hay kéo dài suốt một giờ nhưng không thể nghĩ ra một câu nói hiệu quả ngắn gọn.

Những trải nghiệm này cùng với hai bước phát triển quan trọng của cuộc chiến vào đầu tháng 6 đã khiến Churchill có một sự thay đổi quan trọng về sách lược. Hai sự kiện này đều xảy ra trên biển: cuộc chiến bi thảm ở ngoài khơi bán đảo Jutland vào ngày 1 tháng 6 và chiếc tàu của bá tước Kitchener bị đắm khi đang trên đường đến Nga vào ngày 6 tháng 6. Sự kiện thứ nhất, ngoài những hậu quả còn nghiêm trọng hơn nữa của nó, đã khiến cho Churchill nóng lòng muốn nhập cuộc. Sau một tuyên bố ban đầu không rõ ràng của Bộ Hải quân gây ra phản ứng bất lợi trong công chúng, Balfour đã yêu cầu Churchill đến gặp ông và đưa ra một tuyên bố thứ hai thuyết phục hơn. Churchill đã nhiệt tình soạn thảo bản tuyên bố này nhưng xem như thể nó là lời mời tham dự cuộc họp đầu tiên của Bộ Không quân của Curzon và cho phép nó nhen nhóm trong lòng ông hy

vọng nhanh chóng trở lại với chính phủ. Điều này được củng cố bởi cái chết của bá tước Kitchener, có nghĩa là cần phải có một bộ trưởng Chiến tranh mới. Churchill không cho rằng bản thân ông là người có thể trực tiếp thay thế chức vụ của Kitchener. Nhưng ông nghĩ Lloyd George là ứng cử viên sáng giá nhất cho Bộ Chiến tranh, và ông sẽ tháp tùng Lloyd George trong vai trò là bộ trưởng Bộ Quân khí (Minister of Munitions).

Suy nghĩ này, có lẽ là cùng với ý nghĩ mình đang thách thức sự kiên nhẫn của Hạ viện, đã khiến Churchill trở nên lặng lẽ trong tháng 6. Nhưng ông vẫn bị kẹt trong thế tiến thoái lưỡng nan. Ông nỗ lực nhằm loại bỏ vết nhơ Dardanelles ra khỏi thanh danh của ông, hay ít nhất là san sẻ lỗi lầm đó. Ông muốn thực hiện điều này vừa vì cho rằng đó là lẽ công bằng vừa vì nhận thấy rằng chừng nào ông còn bị xem là có tội thì trở ngại ngăn chặn ông quay về với chính phủ vẫn còn. Churchill nghĩ rằng phải loại bỏ trở ngại này nếu những tài liệu quan trọng liên quan đến chiến dịch Dardanelles có thể được công bố. Bonar Law, nhân danh thủ tướng, cho biết trong tháng 5 rằng những tài liệu ấy có thể được công bố. Nhưng sang tháng 6, Asquith ngày càng trở nên do dự hơn đối với việc này. Đặc biệt là ông không thể tán thành việc công bố các biên bản cuộc họp của Hội đồng Quân sự, mà ba trong số những biên bản này, các biên bản ngày 13 và 28 tháng 1 và ngày 26 - 2 - 1915 được Churchill cho là vô cùng quan trọng. Điều này đã khiến cho Churchill viết năm bức thư tranh cãi và trách móc quan trọng gửi cho Asquith trong tháng 6 và nửa đầu tháng 7. Churchill không còn là nhân vật gây phiền hà trong Hạ viện mà trở thành người gây phiền hà trực tiếp cho thủ tướng.

Churchill không nhận được vai trò nào trong Bộ Quân khí. Khi Lloyd George trở thành bộ trưởng Chiến tranh vào ngày 7 tháng 7, chức bộ trưởng Quân khí rơi vào tay Edwin Montagu. Việc Montagu vừa kết hôn với Venetia Stanley dường như không gây khó chịu đối với Asquith bằng việc Churchill hiện đang trở thành nhân vật bị hầu như là tất cả mọi thành viên của Đảng Bảo thủ và phần lớn thành viên Đảng Tự do ghét bỏ. Sự thất vọng đã đẩy Churchill vào tâm

trạng oán giận và chán nản. Việc tạm trú ở lâu đài Blenheim cùng với vợ và ba con cũng không thể giúp Churchill thanh thản, và thậm chí ông còn dự tính quay sang Pháp với vai trò chỉ huy tiểu đoàn. Có một tài liệu liên quan đến hồ sơ dạng văn bản là bức thư (dù có hơi lạc quan) viết ngày 15 tháng 7 gửi cho em trai là Jack, người mà Churchill thường bày tỏ những suy nghĩ thẳng thắn nhất của mình:

Có phải là quá đáng trách hay không khi tôi không được phép phục vụ đất nước trong những giờ phút trọng đại này? Tôi không thể biết được là tình hình sẽ ra sao. Nhưng sự bất ổn lớn đang hiện diện và vào bất cứ lúc nào một tình huống thuận lợi cho tôi cũng có thể xuất hiện. Trong khi đó, Asquith ngự trị trong sự uể oải. Lloyd George không nhiệt tình với việc tranh đấu cho tôi vào Bộ Quân khí.

Vào lúc này dù cuộc sống của tôi an nhàn, thú vị, và sung túc, tôi vẫn trăn trở từng giờ vì không thể chiến đấu một cách hiệu quả với người Đức... Tôi đang học cách để căm ghét.

Nỗ lực tác động quan điểm quần chúng của ông thay đổi từ việc đọc diễn văn ở Hạ viện sang việc viết những bài báo cho tờ *Sunday Pictorial*. Ông đã viết bốn bài báo như thế vào tháng 7, mỗi bài được trả 150 bảng, một khoản tiền lớn vào năm 1916 tương đương với khoảng 7.000 bảng hiện nay. Sự sung túc này cùng với triển vọng tiếp tục kéo dài của nó đã nuôi dưỡng sự hào phóng bẩm sinh của ông. Ở phần đầu của bức thư ông đã bảo Jack Churchill: “Những khó khăn về tiền bạc không thành vấn đề. Tôi có thể dễ dàng kiếm được từ 10 đến 12 ngàn bảng trong sáu tháng tới. Thế nên mọi việc ở phố Cromwell và những gì có liên quan sẽ được cung cấp tiền bạc thoải mái. Hãy báo cho tôi biết về bất cứ khoản nào cần chi tiêu”. Nghề làm báo giúp ông nổi tiếng và kiếm được tiền. Thậm chí cả con người khó tính (và là một độc giả quái đản của tờ *Sunday Pictorial*) là Haldane sau hai bài báo đầu tiên của Churchill đã phải viết rằng: “Những bài báo này chứa đựng sự phân tích sâu sắc nhất và chính xác nhất về tình hình trước

chiến tranh mà tôi từng thấy. Và tôi tán thành từng câu từng chữ mà ông đã viết trong đó”.

Trong cuộc đời của Churchill, khía cạnh quan trọng này (nghề làm báo) dù chỉ cung cấp một mảnh nhỏ ánh sáng vào lúc ấy nhưng kèm theo nó là sự kích thích. Thành quả cuộc tranh cãi lâu dài của Churchill với Asquith về việc công bố các tài liệu liên quan đến chiến dịch Dardanelles là số tài liệu này đã không được công bố, kèm theo đó là việc thành lập Ủy ban Điều tra. Ủy ban được công bố thành lập vào ngày 18 tháng 7 dưới quyền lãnh đạo của vị bá tước già Cromer, người mà Churchill từng giao hảo thân thiết trong thời gian ông viết tác phẩm *The River War*. Những ngày còn lại trong mùa hè năm ấy được Churchill sử dụng để tập trung vào việc thu thập các tài liệu chứng cứ. Ý nghĩ quay sang Pháp để chỉ huy tiểu đoàn, ý nghĩ chưa bao giờ là nghiêm túc của ông, đã biến mất.

Đối với Churchill, việc thành lập Ủy ban Điều tra của Cromer chẳng phải là một thành tựu mà cũng không phải là một tai họa. Xét cho cùng, nó đã phần nào cải thiện danh tiếng của ông và giúp ông thoát khỏi một số tội liên quan đến chiến dịch Dardanelles. Nhưng điều này không xảy ra trong tuần lễ hoạt động chính trị quan trọng nhất thuộc giai đoạn 1914 - 1918, vào đầu tháng 12 (1916) khi Asquith sụp đổ và Lloyd George lên thay thế với một diện mạo liên minh mới. Dù Cromer rất giận dữ vì các tài liệu liên quan đến chiến dịch Dardanelles không được công bố, nhưng Churchill vẫn bắt đầu đặt hy vọng vào ủy ban của Cromer. Ủy ban chỉ có tám thành viên mà trong số này rõ ràng là không ai thù ghét Churchill. Vào ngày 13 tháng 8, Churchill đã viết cho đại tá Seely: “Đây là một ủy ban khá tốt”. Việc Churchill tương đối bị mê hoặc bởi Ủy ban Điều tra đã không kéo dài. Dù vẫn thực hiện một hoặc hai bài diễn văn trước một Hạ viện lơ đãng và thừa thớt trong tháng 8, năng lượng của Churchill chủ yếu tập trung vào việc tìm chứng cứ cho Ủy ban Điều tra. Đáng ngạc nhiên là ông đã rất cố gắng để có thể có tiếng nói chung với Fisher. Sự công kích của Churchill đối với sự do dự của Kitchener, cựu bộ trưởng Chiến tranh, đã bị ngăn chặn phần nào. Và ông

còn phải kiềm chế hơn nữa bởi lời khuyên của Graham Greene, người vẫn còn là thư ký thường trực của Bộ Hải quân. Cố gắng để có được tiếng nói chung với Fisher có nghĩa là tự đặt lên vai gánh nặng thứ hai. Tuy nhiên, điều cũng quan trọng không kém là việc Ủy ban Điều tra quyết định chấp nhận một dạng mặt trận khác với dạng mà Churchill chờ đợi một cách tự tin. Vào ngày 12 tháng 8, Churchill đã viết thư cho Cromer: “Chiếu theo thủ tục của Ủy ban Điều tra, tôi cho rằng tôi có quyền tự do hiện diện tại cuộc điều tra của uỷ ban này. Tôi có một số chứng cứ phải được đệ trình và phải đích thân trả lời trước phiên tòa nếu vụ việc có liên quan đến tôi”.

Mãi đến ngày 20 tháng 9 Cromer mới hồi âm, và những gì ông nói khi ấy đã làm cho Churchill rất thất vọng. Ủy ban Điều tra đã bí mật nhóm họp. Và vì thế ông không thể hiện diện để xem xét những chứng cứ khác dù một bản sao những tuyên bố có liên quan đến Churchill đã được gửi đến cho Churchill để ông có thể yêu cầu được triệu tập trước uỷ ban nếu cần. Ủy ban đã không hề yêu cầu Churchill thuê luật sư hoặc đích thân hiện diện và ông đã không có cơ hội để đối chất. Tuy nhiên, Churchill đã trình chứng cứ vào giai đoạn đầu, vào ngày 28 tháng 9. Ông tập trung vào việc công bố cái mà ông gọi là “5 sự thật hiển nhiên”:

- 1) Sự toàn quyền (nói cách khác, ông đã không đơn phương hành động vượt thẩm quyền của mình),
- 2) Có triển vọng thành công hợp lý,
- 3) Những lợi ích quan trọng hơn [sức mạnh và sự an toàn của hạm đội chủ lực] đã không bị tổn hại,
- 4) Tất cả mọi trường hợp khả dĩ đã được tiên liệu,
- 5) Quyết tâm đã được chứng tỏ trong việc thực hiện.

Ông còn đệ trình một số lượng rất lớn chứng cứ bổ sung dạng văn bản (ông đã rất thất vọng vì Ủy ban Điều tra không công bố những chứng cứ này), và cố gắng sao cho uỷ ban này gặp nhiều nhân chứng ở Bộ Hải quân, những người mà

ông cho là rất có ích cho ông, cũng như cố gắng tái xuất hiện nhiều lần tại phiên tòa. Ông đã nghĩ là mọi việc tiến triển thuận lợi, và vào ngày 27 tháng 10 ông đã viết cho Spiers:

“Tôi đang dần thuyết phục được Ủy ban Điều tra vụ Dardanelles, và từng bước một tôi đang chiến thắng trong toàn bộ vụ việc. Tôi thật sự mong rằng họ gỡ bỏ gánh nặng làm tê liệt hành động của tôi”.

Một ví dụ tiêu biểu về “gánh nặng làm tê liệt” khiến Churchill bị gạt bỏ ra khỏi chính trường là một bài báo trên tờ *Daily Mail* ngày 13 tháng 10. Đó là lúc cuộc tấn công vô cùng tốn kém ở sông Somme bắt đầu vào ngày 1 tháng 7. Và trong suy nghĩ của Churchill thì đây là một ví dụ nghiệt ngã khiến ông không muốn tiến hành cuộc chiến, đang tỏ ra sẽ là một thất bại hiển nhiên. Tuy nhiên, hàm ý của bài báo đăng trên tờ *Daily Mail* là không một chính khách nào được phép can thiệp vào những kế hoạch của tổng tư lệnh Haig và tổng tham mưu trưởng Robertson, và nhất là đối với một “chính khách hoang tưởng” mà trong chiến dịch Dardanelles đã “gây nguy hiểm cho quân đội của chúng ta ở Pháp và đã hy sinh một cách vô ích nhiều ngàn binh sĩ”.

Dĩ nhiên *Daily Mail* là báo được ưa thích của Northcliffe, cũng giống như *The Times* là người bạn danh tiếng của nó. Điều trở trêu là người bảo trợ duy nhất trong giới báo chí của Churchill lại là tử tước vùng Rothermere, Harold Harms worth, em trai của Northcliffe. Anh em nhà Harms worth có quyền sở hữu đối với nhiều tờ báo mang lại nhiều lợi nhuận, dù chúng không phải là luôn đồng quan điểm. Chính *Sunday Pictorial* của Rothermere là báo đã mang lại sự sung túc vào tháng 7 cho Churchill, và quan trọng hơn nữa là tạo cho ông cảm giác có thể lại kiếm tiền từ báo này bất cứ khi nào ông muốn. Và Rothermere cũng chính là người dùng tên mình viết bài báo tâng bốc Churchill duy nhất vào lúc ấy trong một tờ báo nổi tiếng. Ngoài ra, vào mùa hè năm ấy (1916), theo lời của Jock Colville, Rothermere còn đặt Churchill vẽ một bức tranh mà ông rất thích và đã dùng để trang hoàng trong phòng ăn cho đến lúc chết. Churchill đã ngồi làm mẫu cho William Orpen vẽ tranh 11 lần vào những khoảng thời gian

mà về sau ông đã cường điệu mô tả là “vào những lúc tôi rất buồn và không có việc gì khác để làm”.

Dù đây là khoảng thời gian không may mắn về mặt chính trị, nhưng nó lại là khoảng thời gian rảnh rỗi tạo điều kiện cho các họa sĩ vẽ chân dung Churchill. Và chính ông cũng trở thành một họa sĩ vẽ tranh phong cảnh được đánh giá cao trong số các chính khách của thế kỷ 20. Lavery đã vẽ bức tranh Churchill đội nón sắt của binh sĩ Pháp trong thời gian phục vụ trong trung đoàn hỏa mai hoàng gia Scotland. Và trước đó một chút, họa sĩ Ernest Townsend theo đơn đặt hàng của Câu lạc bộ Toàn quốc của Đảng Tự do²¹ đã vẽ ông trong bộ đồng phục ủy viên Hội đồng Cơ mật. Trong ba bức chân dung Churchill, bức của Townsend vui vẻ và duyên dáng, bức của Lavery nghiêm nghị, còn của Orpen thì u sầu, và có điều đáng quan tâm. Điều đáng ngạc nhiên là Churchill lại thích con người u sầu do Orpen vẽ. Nhất là khi Churchill rất ghét bức tranh chân dung đẹp nhưng buồn bã của ông do Graham Sutherland vẽ, là bức tranh được trưng bày trong Hạ viện gần 40 năm sau nhân sinh nhật lần thứ 80 của Churchill. Chỗ khác nhau là Orpen vẽ ông buồn bã vì không được nắm giữ quyền lực mà lẽ ra phải được trao cho ông, trong khi Sutherland vẽ ông trông như buồn bã vì không còn sinh lực.

Cuộc khủng hoảng chính trị tháng 12 năm 1916 là cuộc khủng hoảng đặc biệt khó hiểu, nhất là trong bối cảnh các chính khách lớn và giới báo chí hầu như tha hồ tự tung tự tác. Điều này không đúng như thế đối với những biến động quan trọng trên chính trường nước Anh vào thế kỷ trước và trước đó nữa. 1886 là năm Gladstone thất bại trong việc kêu gọi Hạ viện thông qua Dự luật Ireland Tự trị đầu tiên. Trong năm 1922, sự sụp đổ của chính phủ Lloyd George đã được quyết định bởi lượng phiếu chống áp đảo của các thành viên Quốc hội thuộc Đảng Bảo thủ, là thành phần mà Lloyd George phụ thuộc chủ yếu. Trong năm 1931, Vua George V đã giữ một vai trò đáng ngờ và gây tò mò một cách đáng ngạc nhiên trong việc thành lập chính phủ đa đảng (national government). Và trong năm 1940, Churchill được tôn vinh nhờ một cuộc biểu quyết công khai của Hạ viện. Nhưng trong năm 1916, tất cả mọi chuyện phải lệ thuộc vào sự thao

túng của khoảng 15 chính khách hàng đầu. Họ phần nào bị tác động quá mức bởi những gì họ đọc được từ ngày này sang ngày khác trong những tờ báo quan trọng, nhưng không nhất thiết là tôn trọng những nguyên tắc đạo đức.

Tuy nhiên, đề nghị này đã thật sự được thực hiện dưới hình thức công khai tại Quốc hội. Vào ngày 8 tháng 11, Edward Carson, một chính khách xuất thân là một luật sư cuồng nhiệt nhưng hầu như hoàn toàn mang tính cách phá hoại, đã chất vấn chính phủ là chỉ nên bán tài sản của kẻ thù ở Nigeria cho người Anh hay là cả những công dân của các nước trung lập. Đây là một chuyện lỗ bịch và không quan trọng, chất vấn chỉ để chất vấn. Nhưng đối với Bonar Law, một người rất tin tưởng vào tính hợp pháp của Đảng Bảo thủ, đây là một câu hỏi hóc búa nhằm vào cả bộ trưởng Bộ Thuộc địa lẫn lãnh tụ của Đảng Bảo thủ. Và chỉ có 73 trong số 286 thành viên Đảng Bảo thủ đồng lòng với ông ta. 65 người, với sự tán thành của 11 thành viên bất mãn của Đảng Tự do, đã bỏ phiếu chống lại. Những người còn lại bỏ phiếu trắng.

Điều này đã làm Bonar Law lo lắng, vì ông là lãnh tụ của một đối tác liên minh thiết yếu, toàn bộ chính phủ, cho dù trong mắt của Asquith thì Bonar Law không phải là người được kính trọng cho lắm. Nhưng điều này không nhất thiết dẫn đến liên minh giữa Law và Lloyd George để có thể gạt bỏ nó. Trong buổi chiều ngày biểu quyết, Lloyd George được cho là đang dùng cớ với Carson, người cổ vũ bản kiến nghị chỉ trích. Nhưng ông đã chẳng thèm quay về để bầu cho phe chính phủ, dù người cùng dùng cớ với ông đã quay lại phòng biểu quyết ngay để bỏ phiếu chống. Thời kỳ này gợi nhớ bầu khí huy hoàng được tạo ra bởi phần đầu của vở nhạc kịch *Un ballo in maschera* (Vũ hội hóa trang) của nhà soạn nhạc Verdi, khi người ta không rõ người nào thuộc phe nào nhưng lại vây quanh nhau với dao găm trên tay.

Theo sự đánh giá của chính Churchill, như được bày tỏ trong tập hai của tác phẩm *The World Crisis*, hai nhân vật then chốt phải làm lành với nhau “qua các văn phòng của nam tước Max Aitken (sở hữu chủ của các báo *Daily Express*, *London Evening Standard* và *Sunday Express*)”. Churchill rất quan tâm đến điều

này cho dù những hy vọng của ông đối với Bonar Law đã nguội đi rất nhiều từ khi ông viết cho Clementine trong tháng 2 năm 1916 rằng những người mà ông muốn cộng tác là “Ll. G., F. E., B.L., Carson và Curzon”, thế nhưng ông tin tưởng mạnh mẽ rằng việc Lloyd George làm thủ tướng sẽ mang lại cho ông cơ hội quay về với chức vụ cao.

Từ góc nhìn dựa trên những ước muốn của ông, mọi việc đã tiến triển thuận lợi. Vào chiều ngày 5 tháng 12, Asquith bị loại ra khỏi chính phủ và Lloyd George chuẩn bị tiến vào. Đó là một buổi chiều đầy phấn khích nhưng cũng là một buổi chiều thất vọng cay đắng của Churchill. Chuyện được bắt đầu trong những nhà tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ của Câu lạc bộ Xe hơi Hoàng gia nơi Churchill và F. E. Smith gặp gỡ, hẳn là với hy vọng hóa giải một số ham muốn của họ. Nó là một cảnh diễn hình hiếm có ở đầu thế kỷ 20. Nhưng chắc chắn là Smith và Churchill hoàn toàn thoải mái. Dù sao đi nữa thì nó cũng đủ để giúp cho Smith có thể (70 năm trước kỷ nguyên điện thoại di động), dễ dàng bố trí một cuộc điện thoại gọi từ đó đến Lloyd George để nhắc nhở rằng ông dự định ăn tối ở nhà của Smith. Max Aitken cũng có thể hiện diện. Khi Lloyd George biết được rằng Churchill đang ở bên Smith, ngay lập tức ông gợi ý là ông cũng đến. Dĩ nhiên là Churchill tán thành. Hẳn là phần lớn các chính khách khác cũng phải tán thành trong trường hợp như thế. Cho dù những kế hoạch trước đó của Churchill có như thế nào, có thể một bữa tiệc khác phải hủy bỏ, hoặc Clementine phải bất ngờ trải qua một buổi tối cô đơn.

Bữa ăn tối này không kéo dài vì Lloyd George phải từ giả sớm để đến gặp Bonar Law, người vừa trở về sau khi gặp nhà vua tại nhà của Carson ở Eaton Place. Và Aitken, người muốn được xem là một chính khách quan trọng nhưng hầu như chỉ là một kẻ tọc mạch trên chính trường đã đến gặp Lloyd George để đi nhờ xe. Trong bữa ăn chóng vánh này, cuộc đàm luận, theo lời của Aitken, “hoàn toàn tập trung vào vị bộ trưởng mới... và tất cả những người có mặt đều tham gia sôi nổi như nhau”. Churchill thoải mái tự cho rằng ông phần nào được bao gồm vào nhóm nòng cốt. Điều mỉa mai là Aitken cũng thoải mái không kém khi

tự cho là mình cũng thuộc nhóm. Thật ra, hy vọng của ông ta cụ thể hơn hy vọng của Churchill: Bộ trưởng Thương mại là chức vụ mà ông thèm khát. Thật ra, vai trò của ông ta chỉ là chuẩn bị cho Churchill đón nhận tin xấu:

Theo cách đó tôi truyền đạt cho ông ta gợi ý của Lloyd George. Tôi có lý do để nói rằng đây chính xác là những từ mà tôi đã sử dụng: “Chính phủ mới sẽ rất xem trọng ông. Tất cả những người bạn của ông đều hiện diện trong chính phủ này. Ông sẽ có rất nhiều hoạt động chung với họ”.

Sự dè dặt về ngôn từ của tôi đã làm cho Churchill tin tưởng. Đột nhiên ông ta cảm thấy như bị lừa dối do đã mời người khác đến dùng cơm tối và trở nên vô cùng giận dữ. Tôi chưa từng nghe Churchill gọi người bạn lớn của ông ta là bá tước Birkenhead bằng từ gì khác hơn là “Fred” hoặc “F. E.”, thế nhưng trong lần này ông lại nói: “Smith biết rõ rằng tôi không được đưa vào chính phủ mới (tên của bá tước vùng Birkenhead là Frederick Edwin Smith).

Với tâm trạng như thế, Churchill bước ra đường phố với mũ và áo choàng cầm trong tay. Bá tước Birkenhead đi theo ông ta và cố gắng thuyết phục ông ta quay về nhưng vô ích”.

Nam tước Beaverbrook (tước hiệu mới của Max Aitken, hình thức đền bù duy nhất dành cho ông ta vì đã không nhận được chức bộ trưởng Thương mại và nhờ công làm sứ giả mang tin xấu đến cho Churchill - ông không muốn một Lloyd George tốt số có cảm giác là đã không giúp Churchill), đã công bố ghi chép của ông ta 44 năm sau khi diễn ra những sự kiện đã được mô tả. Người ta không rõ số lượng ghi chép của ông ta trong thời kỳ này và mức độ tưởng tượng của ông ta. Nhưng không có lý do gì để phải nghi ngờ mục đích chung của ghi chép này. Và sự chính xác về ngôn từ đã mang lại cho nó một vẻ ngoài chân thật (có thể là không đúng như thế).

Lloyd George muốn Churchill tham gia chính phủ của mình. Trong ba trang hồi ký *War Memoirs*, Lloyd George ám chỉ rằng ông chỉ muốn đưa Churchill vào Nội các thời chiến nhỏ bé (gồm chính ông, Bonar Law, Curzon, Milner và Arthur Henderson trong vai trò đại diện Công Đảng) mà ông đã thành lập. Sau khi đề cao “óc sáng tạo, sự gan dạ, tính siêng năng cần mẫn, và sự hiểu biết thấu đáo về binh pháp của Churchill”, ông nói tiếp: “Ở đây (trong Nội các Chiến tranh) các xung lực bốc đồng của ông ta có thể được kiểm soát, và những đánh giá của ông ta có thể được giám sát và kiềm chế trước khi được chuyển thành hành động”. Cho dù và vì lý do gì chẳng nữa, việc trở thành thành viên của một thực thể đầy quyền lực như thế hẳn khiến Churchill rất vui. Hẳn nó sẽ thanh minh cho ông (ít nhất là với Clementine) về những phê phán nghiêm khắc chống đối Asquith. Và nó sẽ là bằng chứng công nhận sự sáng suốt của ông khi rời bỏ mặt trận để tìm kiếm việc phục vụ đất nước ở quê nhà. Nhưng sự việc đã không như thế. Lloyd George muốn có Churchill nhưng lại càng muốn trở thành thủ tướng và thành lập một chính phủ vững vàng hơn.

Đối với phần lớn các thành viên Đảng Bảo thủ, Churchill chỉ là một người không thể sử dụng, và Lloyd George phải đóng vai trò hòa giải. Có thể Balfour và Carson chấp nhận Churchill. Thế nhưng, ngoài hai người này ra không có nhân vật hàng đầu nào khác chấp nhận, bao gồm những nhân vật đáng chú ý là nhóm “3C” (gồm Austen Chamberlain, Curzon và Robert Cecil), những người mà sự tán thành của họ có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng quyết định của Lloyd George. Nhưng Bonar Law “con quái vật gác cổng âm phủ” gây cản trở này, người thậm chí không muốn trở thành lãnh tụ trong Thế chiến I và không có tham vọng trở thành lãnh tụ thậm chí là trong Thế chiến II, lại có thể thông qua quyết định của Lloyd George. Lloyd George đã mô tả không cường điệu trong hồi ký *War Memoirs* việc ông cố gắng thuyết phục lãnh tụ của Đảng Bảo thủ giống như thời kỳ ông còn làm cố vấn pháp luật ra sao. Ông nói rằng trong một phiên tòa quan trọng, một trong những nhiệm vụ nặng nề nhất trong vai trò cố vấn pháp luật là chọn luật sư. Có một người đáng tin cậy, luôn đối xử tốt với

ông, và một người tài giỏi mà vào những ngày ông còn đương thời đã làm việc hiệu quả một cách đáng kinh ngạc nhưng có lẽ cũng đã tạo ra một số sai lầm khủng khiếp. Điều nguy hiểm là, nếu bạn quá cẩn thận không dám mạo hiểm thì con người tài giỏi ấy có thể bị đối phương khai thác. Ông nói tiếp:

“Câu hỏi mà người ta phải luôn tự đặt ra cho mình là: Anh ta gây hại nhiều hơn khi ủng hộ bạn hay là khi chống đối?”. Đây không phải là hành động thuyết phục nhất của vị phù thủy xứ Wales (biệt danh của Lloyd George), người thường là bậc thầy của việc thuyết phục. Và nó hoàn toàn không phải là suy nghĩ của Bonar Law, người không giàu trí tưởng tượng và khá chân thật, khi nói: “Trong thời gian này tôi thà để cho ông ta chống lại chúng tôi”.

Kể đó, ít nhất là từ góc nhìn khách quan, Churchill trải qua giai đoạn mơ mộng hão huyền hơn là giai đoạn mà ông trách móc trước đó. Trước tháng 12 năm 1916 luôn có triển vọng Churchill dự phần (cho dù là ông có cường điệu thêm vai trò của mình) vào việc hạ bệ Asquith và mở ra một bầu trời chính trị mới. Lúc này thì mục tiêu đầu tiên đã đạt được, nhưng tiền đồ của ông thậm chí còn mờ mịt hơn. Ông không muốn gia nhập nhóm các bộ trưởng thuộc Đảng Tự do đã bị thay thế, vì nhiệt tình của ông đối với họ (như là Asquith, Grey, McKenna, Runciman) đã sụt giảm theo những mức độ khác nhau vì những lý do tương ứng. Và dù ông đọc vài bài diễn văn chê trách với lời lẽ hòa nhã và viết vài bài báo để kiếm tiền, ông kiềm chế việc công kích chính phủ mới chứ không như đối với chính phủ trước.

Những tháng đầu của năm 1917 cũng là thời kỳ phiên muện của Thế chiến I. Vào đầu tháng 1, Rumani, tham chiến ở phe Đồng minh, đã hoàn toàn bị loại. Cũng trong khoảng thời gian này người Đức áp dụng chính sách sử dụng chiến thuật tàu ngầm tham chiến không hạn chế. Chính sách này đã ngay lập tức tạo ra hiệu quả đáng sợ. Nước Anh mất rất nhiều tàu thuyền, và một hiểm họa thật sự hình thành đe dọa mắt xích Bắc Đại Tây Dương. Chỉ trong vòng vài tháng, người Đức thua trận vì nỗ lực đang hấp hối của liên quân Anh-Pháp được tăng cường bởi các nguồn tài nguyên dồi dào của Mỹ. Nhưng điều này chỉ xảy ra sau

khi tổng thống Mỹ Woodrow Wilson thuyết phục được Quốc hội thông qua việc tuyên chiến với Đức vào ngày 6 tháng 4. Kể đó là ba tuần lễ kinh hoàng nằm giữa thời điểm đế quốc Nga sụp đổ và thời điểm nước Mỹ tham chiến.

Tại nước Anh, và còn hơn thế nữa ở nước Pháp, hầu như gia đình nào cũng có người thân bị chết. Gia đình Churchill tương đối may mắn hơn, họ không phải nếm trải quá gần bất cứ đau khổ nào. Nhưng Asquith đã bị mất Raymond, người con trai mà ông yêu quý nhất, tại vùng sông Somme vào tháng 9 năm 1916. Cũng như hai người được đề cập ngẫu nhiên khác là nghị sĩ Frederick Cawley, thành viên của Ủy ban Điều tra chiến dịch Dardanelles, mất một người con trai gần thành phố Mons trong tháng đầu tiên của cuộc chiến, năm sau lại mất người con trai khác tại bán đảo Gallipoli, và mất người con trai thứ ba tại Pháp năm 1918. Còn Rothermere mất người con trai thứ nhất ngay sau ngày ông đăng bài báo ủng hộ Churchill trong tháng 11 năm 1916, và mất người con trai khác trong tháng 2 năm 1918.

Số phận của Churchill bắt đầu thay đổi vào tháng 5 (năm 1917). Ông đã ủng hộ một phiên họp bí mật của Hạ viện trong vài tuần, nhưng lúc đầu chẳng ai quan tâm nhiều đến ông. Tuy nhiên, khi sự chỉ trích chính phủ gia tăng, Churchill đã khôn khéo thuyết phục người cháu để thay đổi của ông là Freddie Guest, người từ sĩ quan phụ tá của tướng French trở thành thủ lĩnh nhóm nghị sĩ thuộc phe Lloyd George, rằng một cuộc họp bí mật có thể là cơ hội tốt nhất để thủ tướng có thể tái xác lập quyền lực ở Quốc hội. Ông giải thích đầy đủ hơn về các vấn đề và chiến lược, điều khó thực hiện trong những phiên họp công khai. Gợi ý này đã thu hút Lloyd George, và cuộc họp như thế đã được ấn định vào ngày 10 tháng 5. Có nhiều cuộc hẹn quan trọng trong lịch hẹn của Churchill trong thời điểm chín năm sau khi ông quay về trong chiến thắng sau cuộc bầu cử lần đầu ở Dundee và 23 năm trước khi trở thành thủ tướng.

Không có chính khách quan trọng nào trong nhóm ủng hộ Asquith quan tâm đến việc khai thác cơ hội này, và vì thế vai trò mở ra cuộc tranh cãi rơi vào tay Churchill, mở đường cho thủ tướng, người đã ngay lập tức theo sau ông. Khác

hắn với những gì Churchill trải qua 14 tháng trước, xem ra lần này Churchill có dịp đọc bài diễn văn thành công nhất trong số những bài diễn văn ông từng đọc tại Hạ viện trong nửa đầu sự nghiệp của ông, cho dù nó kéo dài đến 1 giờ 15 phút, một bài diễn văn không chỉ đơn thuần là để hâm nóng bầu không khí (nhưng vì được đọc trong cuộc họp kín nên đã không được ghi lại). Tuy nhiên, trong tác phẩm *The World Crisis*, từ những ghi chú, luôn là rất nhiều, Churchill đã dựng lại phần cốt lõi của bài diễn văn này. Đây là một ví dụ kính điển về khả năng của Churchill đối với việc nhận dạng những nét đại cương của một cảnh ngộ rồi phân tích chúng theo cách có thể thu hút cử tọa (một Hạ viện đầy người) để khiến họ hướng suy nghĩ theo chiều hướng mà ông muốn. Vì đây là một bài diễn văn đáng quan tâm và vì nó được đọc tại một trong những thời điểm vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị lâu dài của Churchill, nên nó xứng đáng để được trích dẫn một đoạn dài:

Ngay từ đầu năm đã xảy ra hai sự kiện mà cả hai đều làm thay đổi toàn bộ tình hình và trong chính sách của phe Đồng minh, hai sự kiện này đã được xem xét cẩn thận. Đó là việc nước Mỹ tham chiến và đế quốc Nga sụp đổ. Ở một mặt, một đế quốc đồng minh với quân số thường trực gồm hơn 7 triệu đã bị quân Đức nghiền nát, ở một mặt khác, một quốc gia gồm 120 triệu dân với phần lớn công dân là những người giàu, có học thức, năng động, sở hữu những nguồn tài nguyên thiết yếu và hầu như là vô tận, đã đứng về phía chúng ta. Nhưng quốc gia này chưa sẵn sàng. Nó không có những đội quân lớn và những loại vũ khí quan trọng. Nhân sự của nó chưa được đào tạo cho chiến tranh. Cho đến nay, ngoài việc tham gia sản xuất đạn dược cho phe Đồng minh, các kho chứa vũ khí và các nhà máy sản xuất của nó chưa được tổ chức chu đáo. Nếu có thời gian để chuẩn bị, sẽ không có lực lượng nào có thể chống lại liên quân Anh - Mỹ... Nhưng điều này cần phải có một thời gian dài, một khoảng thời gian không thể tính bằng tháng mà phải tính bằng nhiều năm, mới có thể hình thành một lực lượng như thế.

Ông còn thêm vào một yếu tố vô cùng quan trọng khác, đó là việc liên lạc trên biển. “Khi người Đức quyết định chọn sử dụng tàu ngầm không hạn chế, hẳn họ cũng phải hiểu rằng điều ấy sẽ khiến người Mỹ nhập cuộc và chống lại họ. Lẽ nào họ cũng không tin rằng bằng chính phương tiện ấy họ có thể ngăn cản một cách hiệu quả sự can thiệp của Mỹ hay không? Chúng ta không rõ điều này. Chúng ta không muốn biết là trong một tuần có bao nhiêu chiến hạm bị tàu ngầm đánh đắm”. Tuy nhiên, tỉ lệ chiến hạm bị đắm là rất lớn và vẫn còn đang tăng. Churchill khẳng định “đó là hiểm họa hàng đầu và mang tính quyết định” phải bị khống chế. “Toàn bộ sức mạnh của nước Anh phải được tập trung vào điểm này. Hải quân nước Anh phải chiến thắng trong cuộc chiến. Mọi nguồn tài nguyên và phát minh phải được ứng dụng. Chiến lược chống tàu ngầm phải được ưu tiên và được đưa lên hàng đầu trong mọi hình thức nỗ lực của nước Anh”. Nước Anh phải bảo đảm sao cho các đạo quân của Mỹ được đưa đến châu Âu ngay khi họ sẵn sàng.

Trong khi đó, đâu là đối sách trên bộ của chúng ta? Từ những yếu tố hàng đầu đã được mô tả, chúng ta chưa rút ra được kết luận rằng không được phép lãng phí những đội quân còn lại của Pháp và Anh vào những cuộc tấn công hấp tấp trước khi quân Mỹ hiện diện trên các chiến trường hay sao? Chúng ta không có được ưu thế về quân số để có thể thực hiện thành công cuộc tấn công. Sức mạnh pháo binh của chúng ta không trội hơn kẻ thù. Chúng ta không có đủ số lượng xe tăng cần thiết. Chúng ta đã không thiết lập được ưu thế trên không. Chúng ta chưa khám phá được các phương pháp, về mặt cơ khí cũng như chiến thuật, có thể chọc thủng các tuyến phòng thủ bất tận của quân Đức. Trong tình hình như thế, liệu chúng ta có nên ném lực lượng còn lại vào những nỗ lực tuyệt vọng ở Mặt trận phía Tây trước khi những cánh quân lớn của Mỹ tiến vào nước Pháp hay không? Hạ viện phải yêu cầu thủ tướng sử dụng quyền lực trong tay ngăn cản các vị tổng tư lệnh của Pháp và Anh lôi kéo nhau vào những hành động mạo hiểm đầy tai họa. Phải ngăn

chặn những cuộc tấn công của tàu ngầm Đức. Phải thuyết phục nhiều triệu người Mỹ. Và trong khi đó phải tích cực phòng thủ ở mặt trận phía Tây sao cho có thể giảm thiểu mức thương vong của Pháp và Anh, để có thể đào tạo, gia tăng, và hoàn thiện các đạo quân và các phương pháp để dồn vào nỗ lực mang tính quyết định vào năm sau.

Dĩ nhiên người ta có thể cho rằng những đánh giá mang tính kích động của Churchill là nhằm gây ấn tượng không đúng. Và đây chính là cách làm của một người bí hiểm nhưng có nhiều ảnh hưởng là tử tước Esher, một người bạn đối trá (nếu thật sự từng là bạn), người từng rời bỏ Francis Hopwood để tìm đường tiến thân và viết thư cho tướng Haig vào cuối tháng đó ngay trước khi Churchill đến đại bản doanh ở St Omer rằng: “Ông ta bàn về những chủ đề quan trọng bằng những ngôn từ cường điệu và đã nhanh chóng trở thành nô lệ của chính những ngôn từ ấy. Ông ta đã tự lừa dối rằng ông đang nhìn bao quát vấn đề trong khi tâm trí chỉ tập trung vào một khía cạnh nhỏ”. Nhưng đây không phải là quan điểm chung của Hạ viện vào ngày 10 tháng 5 năm ấy, hoặc quan trọng hơn nữa là thủ tướng, người cũng vừa có được một chiến thắng quan trọng trong Quốc hội chiều hôm ấy. Theo lời của Churchill thì họ đã “tình cờ” gặp nhau sau chỗ ngồi của chủ tịch Hạ viện không lâu sau khi tham gia cuộc tranh cãi, sự kiện đã làm hài lòng cả hai người. Sự thân thiện đầm ấm sau khi đọc một bài diễn văn thành công là một trải nghiệm mà mọi chính khách đều biết. Họ chào hỏi nhau nồng nhiệt đến mức gợi nhớ mô tả châm biếm của Churchill nhiều năm sau trong tác phẩm *Great Contemporaries* (1937) dành cho Philip Snowden, người tiền nhiệm của ông trong Công Đảng và kế nhiệm ông trong vai trò bộ trưởng Tài chính: “Bộ trưởng Tài chính và Snowden ôm chầm lấy nhau với sự nồng nhiệt giống như là của hai con thằn lằn cùng loài xa cách nhau đã lâu. Và thế là sự hân hoan bắt đầu tràn ngập”.

Mô tả châm biếm này thật sự thích hợp với tình trạng của Churchill. Và từ ngày ấy trở đi, mối quan hệ của Churchill với Lloyd George gần như giống với quan hệ của ông với Asquith vào những ngày đầu Asquith làm thủ tướng, khi hai

người là cặp đôi hoàn hảo rực rỡ trong chính phủ. Biểu hiện tức thì của sự nồng nhiệt này là việc Lloyd George tạo điều kiện để Churchill có được một tuần lễ đi thăm mặt trận ở Pháp, Paris, và thăm tướng Haig ở St Omer. Đây là lần đầu tiên Churchill quay lại Pháp sau hơn một năm. Tất cả những nơi ông đến đều được chào đón theo nghi thức trọng thể nhất. Sau đó, ông đã dứt khoát quay lại chính trường London.

Churchill trở nên phấn chấn khi, vào ngày 18 tháng 7, bất chấp sự chống đối mạnh mẽ của Đảng Bảo thủ, Lloyd George đưa ông lên làm bộ trưởng Bộ Quân khí. Christopher Addison (người về sau rất lâu đã trở thành một trong những nhân vật được tín nhiệm nhất của Attlee trong chính phủ Công Đảng năm 1945, tương đương vai trò của Crewe đối với Asquith, nhưng vào lúc ấy ông là thành viên Đảng Tự do trung thành với chủ trương của Lloyd George nhất) đã trở thành bộ trưởng Bộ Tái thiết để nhường Bộ Quân khí lại cho Churchill. Vào giai đoạn này bộ trưởng Bộ Quân khí không phải là một chức vụ lớn, dù chính Lloyd George cũng đã rời Bộ Tài chính để chọn nó trong tháng 5 năm 1915. Nhưng Bộ Quân khí có mối liên kết hiển nhiên đối với các nỗ lực dành cho chiến tranh. Trường hợp này phần nào giống với trường hợp của Stafford Cripps trong mùa thu năm 1942. Ông này sau tám tháng nỗ lực nhưng không thành công (sau khi trở về từ cương vị là đại sứ ở Moscow), đã trở thành nhân vật thứ hai trên thực tế trong chính phủ, và thậm chí còn là đối thủ nặng ký của chính Churchill, khi nhận một vai trò dù không phải là cốt lõi nhưng quan trọng là bộ trưởng Bộ Sản xuất máy bay, và ở đây ông đã thực hiện tốt công việc liên quan đến kỹ thuật. Dĩ nhiên là khi trở về trong năm 1917, Churchill hài lòng với bất cứ công việc gì trong chính phủ miễn là nó không kém quan trọng thái quá, và đã hăng hái chuyển đến cơ quan đầu não của Bộ Quân khí ở khách sạn cũ kỹ Metropole tại quảng trường Trafalgar, một ngôi nhà được xây dựng không theo một phong cách nào.

Đâu là động cơ khiến Lloyd George muốn đưa Churchill trở về từ tháng 7 năm 1917, bảy tháng trước đó? Một phần là vì thành công của chính ông trong

cuộc họp bí mật do Churchill gợi ý đã làm cho ông tự tin hơn khi đối diện với các cộng sự thuộc Đảng Bảo thủ, những người vẫn tiếp tục chống lại việc đưa Churchill vào chính phủ. Một phần là chính nhờ thành tích của Churchill trong cuộc họp bí mật đã tạo ấn tượng cho thấy Churchill có thể đáng sợ ra sao khi là người chống đối, và vì giữa họ có một tình bạn xưa cũ. Nhưng thuyết phục hơn cả là trang nhật ký ngày 19 tháng 5 của Frances Stevenson, một trong những người thân cận nhất của Lloyd George vào lúc ấy:

“Ông ta nói rằng muốn có ai đó cố vũ và giúp đỡ ông ta, người không luôn tìm đến với vẻ mặt buồn bã và nói rằng xem ra mọi chuyện không ổn. Ông ta nói vào lúc này tất cả các cộng sự đang chỉ trích ông ta”. Thế nên, theo lời của đại uý Gibbs, chủ trương của Churchill “Chiến tranh là một trò chơi phải tham gia với một khuôn mặt tươi vui” đã tạo được thiện cảm, cho dù ông thường cau có giận dữ. Dù sao đi nữa, ông cũng đã quay về sau 26 tháng bị loại ra khỏi Bộ Hải quân, sau 20 tháng tự ý rời bỏ một Nội các vô vị, và vẫn còn 16 tháng chiến tranh phải vượt qua, dù vào lúc ấy, đa số cho rằng cuộc chiến sẽ kéo dài hơn nữa.

Chương 18

TẬN DỤNG CƠ HỘI Ở BỘ QUÂN KHÍ

Hầu như điều đầu tiên Churchill phải làm sau khi tái hòa nhập chính trường là đến khu vực bầu cử Dundee để tranh cử trong một cuộc bầu cử bổ sung. Chiến tranh vẫn không thể loại bỏ quy định buộc những người được bổ nhiệm vào Nội các (cho dù nằm ngoài Nội các Chiến tranh nhỏ của Lloyd George) phải đắc cử tại các khu vực bầu cử của họ. Và Churchill, khi nhớ lại trải nghiệm của ông trong năm 1908, không thể quá vui mừng trước viễn tượng này, nhất là khi ông đang bị chống đối. Một người không biết mặt mũi như Edwin Scrymgeour đã không để cho cơ hội này vượt mất và đã xuất hiện đúng lúc để vận động chống lại Churchill. Trong dịp này, ông tự gọi mình là người “vừa ủng hộ việc cấm rượu vừa thuộc Công Đảng”, dù ông đại diện cho nhóm phản chiến trong Công Đảng chứ không thuộc nhóm ủng hộ cuộc chiến. “Đối thủ của tôi đề nghị tìm kiếm hòa bình với người Đức để ngăn chặn việc buôn bán rượu ở Scotland” là nhận xét không khoan nhượng, ngắn, nhưng hay nhất của Churchill được sử dụng trong một chiến dịch tranh cử rầm rộ. Trong một cuộc bầu cử với ít người tham gia, một phần là do số danh sách cử tri đã lỗi thời vì đã có từ ba năm trước, Churchill đã thắng với số phiếu bầu là 7302 so với số phiếu của Scrymgeour là 2036.

Vào ngày 30 - 7 - 1917, Churchill đã có thể quay về London sau khi vượt qua thử thách và đã có thể thực hiện trọn vẹn các bốn phần của “một chủ cửa hiệu theo đơn đặt hàng của Nội các Chiến tranh” (nhận xét mang tính tự trào của Churchill vào lúc ấy). Đây là lần thứ ba Churchill tham gia vào một cuộc bầu cử

bổ sung, và ngoài lần này còn có hai lần khác đã mang lại cho ông thành tích vận động tranh cử độc đáo trong lịch sử vận động tranh cử của nước Anh cận đại. Đây là một chức năng trong quá trình phục vụ lâu dài trong Quốc hội của ông, và không giống như một số những người phục vụ lâu năm khác, việc Churchill thay đổi đảng cùng với nhiều khó khăn khác khiến ông lại phải tranh đấu trong chính Quốc hội mà ông phục vụ. Ông đã chiến thắng trong 21 lần tranh giành khu vực bầu cử.

Vào thời đó, Dundee là một nơi hẻo lánh, Churchill đã quen với nơi mà ông sống suốt 15 tháng còn lại của cuộc chiến. Mùa xuân năm 1917, gia đình Churchill quay về sống ở quảng trường Eccleston. Edward Grey, người phải rời Bộ Ngoại giao sau khi Asquith không còn là thủ tướng, đã không còn hứng thú với hoạt động chính trị và vì mắt đã rất kém (dù vẫn còn sống thêm 17 năm và nhiều lần được đề nghị làm thủ tướng của một liên minh ôn hòa, và đã được bầu làm hiệu trưởng Đại học Oxford trong năm 1929 mà không gặp phải sự chống đối nào). Ông không còn sử dụng chỗ ở này nữa (ngôi nhà ở quảng trường Eccleston mà vợ chồng Churchill đến ở). Tuy nhiên, gia đình Churchill không sống lâu dài ở quảng trường Eccleston. Vào giai đoạn này, họ không sống yên một chỗ ở London, ngoài ra, họ còn cần tiền cho thuê căn nhà ở quảng trường Eccleston. Thế nên sau khoảng một năm, họ đã cho mượn lại và chấp nhận chế độ “du cư”, theo kiểu nói của Asquith. Trước hết là đến nhà số 16 phố Berkeley-Hạ (do gia đình Homers ở trang viên Mells cho mượn), kế đó đến nhà số 3 phố Tenterden (do công nương Wimborne, cô ruột của Churchill cho mượn) rồi đến số 1 phố Dean Trench (nơi họ mượn một năm trong năm 1919), và sau cùng trong giai đoạn này là ngôi nhà có tên gọi Templeton ở Roehampton (do con của công nương Wimborne là Freddie Guest cho mượn). Trong mùa xuân năm 1920, vợ chồng Churchill đã mua căn nhà số 2 ở quảng trường Sussex, tách biệt với phố Bayswater, và đây là lần đầu tiên trong hai năm họ có được một ngôi nhà do họ làm chủ.

Từ mùa xuân năm 1917, họ sở hữu một cơ ngơi ở nông thôn gần thị trấn

Đông Grinstead. Cơ ngơi Lullenden được mua với giá 6.000 bảng, là tiền thân khá khiêm tốn của Chartwell, một ngôi nhà nông thôn dài, thấp, được coi nói rộng và cải tiến, nhưng chắc chắn không phải là một “mái nhà tranh” như sự ám chỉ của William Manchester, một trong những người viết tiểu sử Churchill. Lúc đầu nó chỉ đơn thuần là nơi đến nghỉ ngơi cuối tuần, nhưng với sự đe dọa từ khí cầu Zeppelin của Đức, Churchill đã thúc giục Clementine và ba con (với người thứ tư là Marigold được sinh vào tháng 11 năm ấy) thường xuyên ở lại đó. Churchill thường ngủ lại ngay tại văn phòng, một trong những điều thuận lợi là phòng ngủ ở khách sạn Metropole, nơi ông làm việc, khá tiện nghi, và từ mùa hè 1918, trở thành nơi ở thường xuyên của ông khi đến London. Tuy nhiên, ông rất thích đến ngôi nhà nông thôn. Một phần không hẳn là vì nó giúp ông thư giãn vào cuối tuần mà còn vì ông muốn duy trì nhịp điệu làm việc bằng cách thay đổi môi trường, và một phần là vì ông vừa muốn đi máy bay đến sở chỉ huy của quân Anh ở Pháp lại vừa muốn đến Paris, nên Lullenden trở thành một điểm dừng chân thuận tiện.

Hoạt động xuyên quốc gia là một đặc điểm nổi bật trong công việc của Churchill ở Bộ Quân khí, khi là người đứng đầu bộ này, ông luôn di động, thỉnh thoảng ra tiền tuyến nhưng thường đến Glasgow, Carlisle, hoặc Coventry hơn. Montagu và Addison cũng di chuyển nhưng không được quan tâm cho bằng sự di chuyển của Lloyd George hoặc Churchill. Trong vai trò bộ trưởng, Churchill không hề hứng với các trách nhiệm đối với hậu phương, và thật ra ông đã thành công phần nào trong việc quản lý những mối quan hệ lao động, chủ yếu dựa trên hình thức “thưởng bằng tiền” và do ông không thích những người sử dụng lao động đầu cơ trục lợi. Tuy nhiên, không thể chối cãi là ông thích những người cầm súng hơn là những người làm ra những khẩu súng ấy. Thật ra, dù thích trở thành bộ trưởng của một bộ cụ thể hơn là không được giữ bộ nào, và vẫn tiếp tục tỏ ra biết ơn Lloyd George vì đã bất chấp sự chống đối của Đảng Bảo thủ khi mang lại cơ hội cho ông, Churchill vẫn chán ngán thân phận “chủ hiệu” của mình. Đó là do ông bị gạt ra khỏi những cuộc thảo luận và những quyết định

mang tính chiến lược của Nội các Chiến tranh. Ông đã giải bày sự thất vọng của mình qua nhiều bức thư dài gửi cho thủ tướng, lúc thì than phiền lúc lại đưa ra những vấn nạn lớn hơn liên quan đến chiến lược tổng quát. Một phần đáng kể của những bức thư này là những phác thảo không được gửi đi. Lloyd George đã không hồi âm đối với phần lớn những bức thư của Churchill trong giai đoạn này dù không hẳn là ông không bị chúng tác động.

Churchill đã phải kìm nén một năng lượng dư thừa. Năng lượng không được dùng đến này, kết hợp với những yếu tố khác, biện minh cho việc ông thường xuyên vượt Eo biển Anh hơn bất cứ bộ trưởng nào khác của Pháp cũng như của Anh. Những yếu tố khác ở đây gồm, thứ nhất, ước muốn mãnh liệt đối với việc được hiện diện ở những nơi dầu sôi lửa bỏng, và thứ hai, Churchill là người luôn ái mộ văn hóa Pháp. Đây là một đặc điểm quan trọng trong cuộc đời ông. Dù bắt đầu sự nghiệp trong vai trò là một sĩ quan cấp úy trong quân đội Vương quốc Anh, Churchill đã phải đối mặt với thách thức lớn nhất (và đồng thời cũng là cơ hội lớn lao nhất) do thất bại của nước Pháp trong năm 1940 mang lại. Và có thể nói một cách phần nào trào phúng rằng, trong giai đoạn sau của Thế chiến II, thập giá nặng nhất mà Churchill đã phải mang chính là thập giá của vùng Lorraine (nghĩa là thập giá của chính tướng de Gaulle). Nước Pháp luôn là một cực nam châm thu hút Churchill. Từ ngày được chứng kiến những cuộc diễn tập của quân đội Pháp năm 1907 cho đến khi đã rất già và thường ngủ vật vạ ở làng La Capponcina của nam tước Beaverbrook hoặc ở La Pausa (làng lân cận nơi ở của Emery Reves, một đại diện người Mỹ rất được yêu mến, và của người vợ thậm chí còn được yêu quý hơn của ông), Churchill đã rất thích được sống ở Pháp. Vào ngày 6-6-1918, sau khi quân Đức thành công trong việc chọc thủng phòng tuyến Pháp vào mùa xuân, khi chỉ còn cách quân Đức 45 dặm, từ khách sạn Ritz ở Paris, Churchill đã viết thư cho Clementine: “Lần tới khi anh đến đây (nếu có lần tới ấy), em phải cố tháp tùng anh, em phải chuẩn bị một lý do hợp lý với sự giúp đỡ của Hội Thanh niên Cơ Đốc (Y.M.C.A. [hội mà bà rất gắn bó]) để có thể được hưởng vài ngày thú vị ở thành phố dù đang bị đe dọa nhưng rất thú

vị này”.

Vào tháng 3 năm 1918, khi cảm nhận được, chủ yếu là nghe được, cuộc tấn công lớn cuối cùng của quân Đức, Churchill đã đến nước Pháp năm lần trong vòng sáu tháng, và nhiều lần ở lại đến gần hai tuần. Trong dịp này, ông đã ở quá gần mặt trận so với bất cứ bộ trưởng nào khác, thậm chí là so với cả dân thường. Khi đến thăm bộ phận chỉ huy của đơn vị cũ là sư đoàn Scotland số 9, Churchill trải qua một đêm ngủ tại chỗ ở của binh lính bên cạnh chỗ ở của tướng tư lệnh đến 5 giờ sáng. Churchill đã thuật lại: “Một tràng đại bác khủng khiếp nhất mà tôi từng nghe đã nổ ra và kéo dài chưa đến một phút.” Churchill trở về với thói quen thời tham gia cuộc chiến ở Nam Phi, nghĩa là đi đâu cũng có đội hộ tống dành cho tước vị công tước và lần này cùng đi với ông là đội hộ tống Westminster, cũng như Marlborough (đội hộ tống cũ) hai tháng sau đó. Tuy nhiên, đội Westminster đã giúp ích rất nhiều, Churchill muốn ở lại để chứng kiến trận đánh. Đội hộ tống Westminster thuyết phục Churchill rằng họ nên rời trận địa khi còn có thể được. Làng Nurlu, nơi họ từng đến, nằm sâu trong vùng địch chiếm chỉ trong vòng vài tuần.

Hai ngày sau, Churchill trở về London với lợi thế là người biết nhiều về cuộc tấn công lớn cuối cùng của quân Đức hơn bất cứ ai khác. Ông mời Lloyd George, kèm theo tướng Henry Wilson, tổng tham mưu trưởng quân đội vừa mới được bổ nhiệm, và Maurice Hankey, người có vị trí ngày càng vững chắc trong chính phủ, đến dùng cơm tối với ông tại ngôi nhà ở quảng trường Eccleston vào buổi tối được Churchill mô tả là “một buổi tối mà suốt toàn bộ thời gian của cuộc chiến chưa có dịp nào trĩu nặng ưu tư cho bằng”. Đây là vinh dự cuối cùng của ngôi nhà này, ngôi nhà mà gia đình Churchill đã dời đi không lâu sau đó. Churchill đã tạm thời trở lại vùng trung tâm của nước Anh. Vài ngày sau, khi quân đồng minh không ngừng rút lui, ông lại sang Pháp mà lần này là theo yêu cầu cụ thể của thủ tướng. Lúc đầu Lloyd George muốn Churchill đến gặp thống chế Marshal Foch, người đang tiến đến vị trí tư lệnh tối cao của quân Đồng minh. Henry Wilson đã tìm cách phản đối việc đến thăm Foch lấy cớ là việc này

không phù hợp với nghi thức quân đội. Chỉ cấp tướng mới đủ tư cách để bàn bạc với cấp tướng (ít ra là về mặt nghi thức chính thức). Và như thế, hầu như sứ mệnh của Churchill chủ yếu là bàn bạc với chính Clemenceau, nhân vật “đáng gờm” 76 tuổi, người mà vào cuối năm 1917 đã trở thành thủ tướng tái đắc cử của nước Pháp, chức vụ mà ông ta từng đảm đương chín năm trước.

Ít ra thì việc phải chuyển hướng đến Paris cũng đã giúp cho Churchill được hưởng những tiện nghi xa hoa của khách sạn Ritz đang hầu như là không có khách. Điều này cũng giúp ông hình thành mối quan hệ tốt với Clemenceau (có lẽ là chính khách duy nhất trên thế giới vào lúc này vượt trội hơn Churchill cả về nhuệ khí lẫn tính nóng nảy trong khi tranh luận), người đã đưa Churchill đi theo trong một chuyến đi liệu lĩnh kéo dài 15 giờ. Vào lúc 8 giờ sáng Thứ bảy ngày 30 tháng 3, Churchill được mời đến Matignon, văn phòng và cũng là nơi ở của Thủ tướng Pháp ở đường St Dominique. Sau đó, Churchill đã viết: “5 chiếc mô tô quân đội được trang trí bằng những chiếc cờ tam tài nhỏ, biểu hiện cấp thẩm quyền cao nhất, tiến vào đậu chặt kín khoảnh sân nhỏ”. Ông nói thêm rằng Clemenceau đã chào ông bằng thứ tiếng Anh tuy lưu loát như hơi có âm hưởng Pháp rằng: “Thưa ngài Churchill, thân mến tôi rất vui vì ngài đã đến. Chúng tôi sẽ giới thiệu cho ngài mọi thứ... Chúng ta sẽ gặp tướng Foch. Chúng ta sẽ gặp tướng Debeney [chỉ huy quân đoàn I của Pháp]. Chúng ta sẽ gặp các vị chỉ huy của quân đoàn, và chúng ta còn đến gặp tướng Haig nổi tiếng, cũng như tướng Rawlinson, ngài sẽ biết những gì cần biết”.

Trước tiên, họ đến Beauvais, nơi họ được nghe những chỉ dẫn vừa đầy ấn tượng lại vừa lạc quan từ tướng Foch. Ông chứng minh diện tích đất mà quân Đức giành được đã bị thu nhỏ trong từng ngày diễn ra cuộc tấn công.

Sau đó mọi người đến Drury, cách Amiens 12 dặm về hướng Nam, để hội ý và dùng cơm với tướng Rawlinson, người đã tham gia vào nỗ lực xây dựng lại quân đoàn 5 đã tan tác, do phải hứng chịu cuộc tấn công khủng khiếp của quân Đức, và đưa quân đoàn này nhập vào quân đoàn 4 của chính ông. Tướng Haig đã từ Montreuil đi xe đến gặp họ và để thực hiện một cuộc bàn bạc quan trọng với

Clemenceau với thỏa thuận rằng, quân Pháp phải đáp ứng sự kêu gọi giúp đỡ của quân Anh, không phát động cuộc tấn công riêng về phía nam, mà thay vào đó tăng cường thêm quân cho phòng tuyến của Anh vì phòng tuyến này phải chịu nhiều sức ép nhất. Điều này xem ra đã làm hài lòng cả hai bên. Sau đó, Clemenceau yêu cầu được nhận “phần thưởng” từ phía Rawlinson, đó là việc được phép tiến sâu hơn vào vùng giao tranh. Churchill thắp tùng ông ta, điều tạo ra mối nguy hiểm nghiêm trọng là người này có thể cố gắng chơi trội hơn người kia qua những hành động liều lĩnh đại dột. Tuy nhiên, tầm quan trọng của Clemenceau đối với tinh thần chiến đấu của quân Pháp đã phần nào làm cho Churchill chùn bước, và ông đã đưa cả nhóm quay về với sự thận trọng hợp lý. Sau đó, họ đến gặp tướng Debeney bên ngoài Amiens và sau đó quay về Beauvais dùng cơm với thống chế Pétain trong chiếc xe lửa “lộng lẫy” của ông ta trước khi trở về Paris lúc 1 giờ sáng. Ngày hôm sau, Churchill viết cho Clementine:

Ông ấy [Clemenceau] là một nhân vật khác thường. Mỗi lời ông ấy nói, nhất là những nhận xét tổng quát về cuộc sống và đạo đức, đều đáng được lắng nghe. Tinh thần và nghị lực của ông ấy không thể bị khuất phục. 15 tiếng đồng hồ ngồi xe tốc độ cao trên những con đường gồ ghề ngày hôm qua cùng với ông ta đã làm anh kiệt sức, trong khi ông ta đã 76 tuổi.

Ông ta đã tạo ấn tượng cho anh hầu như giống với ấn tượng mà Fisher đã tạo ra, nhưng mạnh hơn nhiều.

Thành tựu khác nữa của Churchill trong chuyến viếng thăm Paris một tuần với nhiều chuyến mạo hiểm đến mặt trận là việc thuyết phục Clemenceau hợp sức với Lloyd George kêu gọi tổng thống Wilson gửi nhiều đạo quân Mỹ đến châu Âu và để cho các lữ đoàn của họ sáp nhập các sư đoàn của Pháp và Anh, mà không đợi đến khi tướng Pershing được ưu tiên thành lập lực lượng xung kích với toàn bộ binh sĩ là người Mỹ. Tổng thống Wilson chấp nhận cho 480.000

lính Mỹ vượt Đại Tây Dương trong 4 tháng tới. Thế nên cuộc thăm viếng của Churchill có thể được cho là một thành công lớn. Nó có thể còn (nhất là chuyển đi với Clemenceau) góp phần vào kết luận của ông trong thư báo gửi cho Lloyd George vào ngày 18 tháng 4: Trong hoàn cảnh các lực lượng đồng minh vẫn còn đáng tuyệt vọng, nếu bộ chỉ huy tối cao của quân Anh phải đưa ra chọn lựa khó khăn giữa việc bỏ trống các cảng ở Eo biển Anh và việc rời bỏ các phòng tuyến của quân Pháp ở phía nam vùng Picardy, thì nên chọn bỏ các cảng và hợp nhất hai đội quân.

Quan điểm quan trọng khác của Churchill về cuộc chiến trong giai đoạn này vừa dứt khoát lại vừa linh động không thể biết trước. Ông kiên quyết chống lại những cuộc đàm phán hòa bình cho đến khi kẻ thù rõ ràng đã bị đánh bại và chủ nghĩa quân phiệt Đức, không phải là nhân dân Đức, bị tiêu diệt. Nhưng ông cũng kiên quyết chống lại những cuộc tấn công gây tổn thất lớn về nhân mạng cho đến khi quân Mỹ tăng viện hình thành một ưu thế không thể chống lại. Vì thế, ông không hy vọng chiến thắng trước mùa hè 1919. Ông là người không đa cảm đến mức tàn nhẫn đối với việc sử dụng các phương tiện chiến tranh, và đã rất giận dữ khi việc cấm sử dụng khí độc làm vũ khí của Hội Chữ thập đỏ Quốc tế được Pháp ủng hộ. Việc sử dụng loại vũ khí này có lợi cho phe Đồng minh nhiều hơn vì gió thổi từ hướng tây thịnh hành hơn. Và ông đã thành công trong việc chống lại đề xuất của Hội Chữ thập đỏ. Mặt khác, vào giai đoạn cuối cuộc chiến, trong khi Churchill dù rất muốn được thủ tướng ủng hộ để được làm bộ trưởng trong tương lai, ông vẫn không ngần ngại phản đối thủ tướng trên vấn đề treo cổ hoàng đế Đức. Lloyd George ủng hộ phán quyết này. Còn Churchill, một phần vì những lý do nhân đạo, một phần có lẽ vì nghĩ đến tính thiêng liêng của vai trò đứng đầu đất nước của một vị vua, đã chống lại.

Tất cả những vấn đề này, và tất cả những thành tựu mà Churchill đạt được với Clemenceau, ngoại trừ vấn đề khí độc, đều không thuộc vai trò của Bộ Quân khí. Ông không quên các bốn phạm của ông ở bộ này. Thật ra, có một quan điểm được nhiều người ủng hộ cho rằng ông tái kích hoạt nó (hai năm sau khi Lloyd

George cố gắng làm điều tương tự). Và ông đã cải thiện rất nhiều những mối quan hệ của ông với Haig bằng cách thuyết phục Haig rằng ông là ông già Noel của kho trang thiết bị quân sự dồi dào. Ông còn thực hiện hai hoặc ba chuyến đi, được quảng bá rầm rộ và được chụp rất nhiều ảnh, đến những nơi sản xuất vũ khí, đáng chú ý nhất là Glasgow, Sheffield và Manchester, trong tháng 19 năm 1918. Khi ấy, ông vẫn còn dự tính cung cấp các loại vũ khí cho một chiến dịch trong năm 1919.

Tuy nhiên, sự thật là, với chức vụ bộ trưởng một bộ kém quan trọng, ông đã cố gắng đền bù cho việc không được giữ những vị trí quyền lực cao nhất ở quê nhà bằng cách dành ra thật nhiều thời gian có thể được để đến Pháp, nơi ông hầu như luôn là vị bộ trưởng Anh duy nhất hiện diện, và cũng là nơi tạo cho ông cảm giác gần gũi với tâm điểm của chiến trường. Trong tháng 5 năm 1918, ông nảy ra ý nghĩ phải có cơ quan đầu não nhỏ cho riêng mình, gần như là đại bản doanh. Và những mối quan hệ của ông với Haig dù không mật thiết như với John French, nhưng đã được cải thiện đủ để vị tướng tổng tư lệnh này sẵn sàng giúp đỡ ông từ đầu tháng 8. Cơ quan đầu não được đặt ở pháo đài Verchocq, nằm giữa St Omer và Montreuil và cách phòng tuyến của Anh 25 dặm, thậm chí là khi quân Đức đã tràn qua Bailleul và Armentières. Theo như mô tả của Churchill với Clementine, nó “đơn giản nhưng sạch sẽ... có những con đường với những hàng cây rất đẹp”. Nó là căn cứ của ông suốt 26 ngày trong 40 ngày sau đó, với thư ký riêng tội nghiệp Eddie Marsh buộc phải đi lại như con thoi một cách nguy hiểm giữa hai bờ của Eo biển Anh dưới những trận mưa đạn pháo, trong khi Churchill cố gắng thường xuyên thị sát chiến trường, và còn phải giữ vai trò quản gia dưới quyền của vị bộ trưởng khá vui tính nhưng thường đòi hỏi quá đáng.

Churchill là người chỉ trích bẩm sinh đối với “chiến lược pháo đài” của thời Thế chiến I (rất khác với chiến lược của thời Thế chiến II, khi mà các tướng chỉ huy phải tiến hoặc lui quân quá nhanh, không thể ở cố định trong một ngôi nhà tiện nghi). Pháo đài Verchocq là cơ quan đầu não hiện đại của ông (giống như 30 năm, khi trở thành người lãnh đạo phe đối lập, ông cũng mô tả như thế đối với

khách sạn Savoy Hotel, một khách sạn gần Westminster hơn so với ngôi nhà của chính ông ở Hyde Park Gate) suốt ba tháng trước ngày chiến thắng cuộc chiến. Dù cho tới tận mùa thu, ông cẩn thận từ chối việc thừa nhận sức chống cự của quân Đức đã suy yếu.

Thắc mắc còn lại: Đây là việc làm hữu ích của Churchill ở Bộ Quân khí, và đây là thành tích trong thời gian ở Pháp, có thể sánh với công việc quản trị quan trọng, dù không liên quan đến việc hoạch định chính sách và không mang tính chiến lược ở London? Churchill chỉ cần có khả năng đánh giá đúng nhu cầu về quân nhu của quân đội và tạo cho các tướng lĩnh niềm tin các vấn đề liên quan đến quân nhu của họ được London hiểu đầy đủ là đã đủ để được ngưỡng mộ. Nhưng sự cống hiến của ông cho cuộc sống bán tiền tuyến và cho những mối quan hệ cấp cao Anh-Pháp còn có giá trị hơn thế rất nhiều.

Liệu lợi ích lớn lao hơn này có làm hại tính hiệu quả của ông trong vai trò bộ trưởng một bộ hay không? Câu hỏi này không thể được giải đáp chỉ bằng một câu trả lời đơn giản. Ông được nhận một bộ nặng nề, luộm thuộm và phi truyền thống, với đội ngũ nhân viên gồm 12.000 người, và vào cuối cuộc chiến là 25.000, chủ yếu được nhồi nhét trong những khách sạn bị trưng dụng cho quân đội ở quảng trường Trafalgar, với các doanh nhân, thay vì là các công chức, giữ các chức vụ quan trọng. Có 50 đơn vị dân sự trong Bộ Quân khí, và mỗi đơn vị hoạt động phần nào độc lập. Churchill đã nhanh chóng giảm xuống còn 10 đơn vị, và các chủ doanh nghiệp còn lại hình thành hội đồng quản trị. Hội đồng này nhóm họp hàng ngày (ít ra là trong khi Churchill vẫn còn ở London) dưới quyền chủ tọa của ông. Ông tuyển dụng một số cán bộ quan trọng từng làm việc chung với ông khi còn ở Bộ Hải quân như Graham Greene, Masterton-Smith và Marsh.

Bộ Quân khí có lệnh chỉ cung cấp khí tài chiến tranh cho lục quân. Việc đóng tàu chiến và hỏa pháo vẫn nằm dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của Bộ Hải quân, như Churchill từng muốn như thế khi còn là bộ trưởng Hải quân. Nhưng ông là người luôn nhìn vấn đề từ góc nhìn của bộ mà ông đang nắm giữ. Và ông đã nhanh chóng tranh chấp với Eric Geddes, một trong những bộ trưởng xuất

thân là doanh nhân của Lloyd George, người vào lúc ấy cai quản Bộ Hải quân nhưng có rất ít kiến thức về hải quân. Churchill tỏ ra rất ngạo mạn. Ông còn nhanh chóng tranh cãi với bộ trưởng Bộ Lao động (G. O. Roberts) và với George Bames, người đã thay thế Arthur Henderson trong vai trò đại diện của phong trào công đoàn trong Nội các Chiến tranh. Những mối quan hệ của Churchill với bá tước Derby, bộ trưởng của bộ mà ông tham gia cung cấp quân nhu, cũng không suôn sẻ hoàn toàn. Tuy nhiên, theo cách nhìn của cả Hankey, thư ký Nội các, lẫn người còn quan trọng hơn, Lloyd George, thì Churchill, nhất là trong việc tranh chấp với *Geddes*, đã có quá nhiều quyền lợi. Và ít ra Churchill cũng đã làm hài lòng Haig. Vị tổng tư lệnh này đã đánh giá cao Churchill trong thời gian ông nắm giữ Bộ Quân khí, điều được chứng minh qua việc ông thường xuyên được chào đón ở sở chỉ huy và được cấp một biệt thự để ở lại. Churchill đã cung cấp rất dồi dào cho Haig đạn pháo, đạn súng cá nhân, các loại súng và cả xe tăng. Dù ông biết rằng Haig sẽ dùng phân tán một cách vô bổ loại khí tài này, thay vì tập trung chúng cho những cuộc tấn công ồ ạt bất ngờ, nhất là trong năm 1919. Churchill luôn là người của năm 1919, mà ở một chừng mực nào đó, điều này đã báo trước việc ông chống lại việc mở Mặt trận thứ hai trong năm 1943 vì cho rằng chiến lược đúng đắn ở mặt trận phía tây vẫn là phòng thủ cho đến khi quân Mỹ tham gia với sức mạnh to lớn của họ. Quan điểm này đã bị chặn trước bởi cuộc tấn công của quân Đức trong mùa xuân 1918. Sự kiện đó trước hết đã loại bỏ chọn lựa nhấn nại phòng thủ, tiếp sau là dẫn đến việc sức mạnh của quân Đức bất ngờ sụp đổ vào mùa thu sau thành công lúc đầu.

Khi không ở Pháp, việc làm chủ yếu của Churchill ở Bộ Quân khí là xử lý những mối quan hệ lao động, vai trò mà nhiều người cho là ông không thích hợp do vừa không có kinh nghiệm lại vừa do tính khí của ông. 1917 là năm đáng buồn nhất của cuộc chiến, với cuộc cách mạng trên các đường phố Petrograd và cuộc nổi loạn gần như là binh biến trong hàng ngũ quân đội Pháp, đã được phản ánh có phần hơi ít nghiêm trọng hơn thực tế, trong những xưởng chế tạo vũ khí ở Clydeside và Midlands. Trong mùa hè năm ấy đã xảy ra làn sóng đình công.

Dù còn có những lý do khác bắt nguồn từ sự mệt mỏi vì cuộc chiến và sự phản uất trước những kẻ trục lợi, nguyên nhân gây ra làn sóng đình công có thể được xác định là việc tiền thưởng của các công nhân lành nghề thuộc công đoàn thợ thủ công bị ăn bớt. Những người thợ này chủ yếu được tính công theo giờ lao động, nhưng những công nhân mới không lành nghề ngày càng được tuyển dụng nhiều hơn lại được ăn lương theo sản phẩm bất kể là nam hay nữ. Khi sản lượng phụ trội trở nên cấp thiết, những phân biệt đối xử *được giảm* thiểu tối đa. Và trong vài trường hợp, tiền lương còn lại sau khi khấu trừ các khoản khác của các công nhân không lành nghề lại nhiều hơn các công nhân giỏi. Ngoài ra, vì không được các giới chức có thẩm quyền cấp giấy phép rời bỏ công việc, các công nhân lành nghề không thể rời các công xưởng của bộ quốc phòng để tìm một công việc khác có mức lương cao hơn.

Phương pháp tiếp cận của Churchill đối với những vấn đề này là một hỗn hợp vừa đồng cảm lại vừa độc đoán. Ông đã mạo hiểm chấp nhận việc loại bỏ hình thức cấp giấy phép rời bỏ công việc bị căm ghét. Không quan tâm đến những dấu hiệu lạm phát, Churchill đã cố gắng tranh đấu để có thể tăng tiền lương cho các công nhân lành nghề ăn lương theo giờ lao động, dù động thái này chỉ là một biện pháp cứu tế tạm thời và lấy cớ cho những người khác đòi tăng lương. Trong Nội các, ông còn mạnh mẽ ủng hộ chủ trương rằng thuế lợi nhuận siêu ngạch (Excess Profits Tax) phải được tăng từ 80% đến 100%. Nhưng chủ trương này đã bị Bonar Law chống lại thành công. Mặt khác, ông không thể chịu đựng được việc các công nhân đình công trong sự an toàn trong nước trong khi binh lính phải từng ngày đối diện với cái chết ở chiến trường nước Pháp. Và ông đã thuyết phục Lloyd George hăm dọa cưỡng bức nhập ngũ đối với công nhân đình công. Đây là một biện pháp đã tỏ ra hữu hiệu trong mùa hè năm 1918. Đóng góp của ông là phác thảo một bản tố cáo chống lại “những tác động xấu và đen tối”. Có lẽ việc tuyên bố này không được công bố là một điều may mắn.

Khác với Thủ tướng, Churchill không phải là người khéo léo trong việc hòa giải, nhưng với tính hấp tấp, ông xoay sở để khắc phục tình hình công nghiệp

khá hỗn loạn. Trong tháng 10 năm 1918, ông đã nói với một người đại diện của các chủ sử dụng lao động công nghiệp: “Tình hình công nghiệp của chúng ta hoàn toàn, rối loạn”. Khi chiến tranh kết thúc, người ta có cảm giác rằng Churchill thành công hơn Edwin Montagu và Christopher Addison trong vai trò bộ trưởng Bộ Quân khí. Nỗi sợ hãi lớn nhất của 60 nghị sĩ thuộc Đảng Bảo thủ, những người đã hoảng hốt tụ họp bàn tán khi nghe tin Churchill có thể được bổ nhiệm, đã không trở thành hiện thực. Theo lời của Hankey, hành động trong năm 1917 của họ, cùng với sự đe dọa từ chức của bá tước Derby, một người rộng lượng, và Waker Long, một người thuộc Đảng Bảo thủ, đã giúp Churchill nhận biết là ông không được ưa thích ra sao.

Thế nên cuối năm 1918 là thời điểm thuận lợi hơn cho Churchill trên đường công danh so với giai đoạn giữa năm 1917. Nhưng ông cũng chưa đến được vị trí mà ông được giữ vào cuối nhiệm kỳ thủ tướng yên ổn của Asquith. Khi ấy, Churchill là một trong số ba hoặc bốn thành viên nổi tiếng nhất của chính phủ đáng nhớ ấy, với tuổi đời lớn hơn đáng kể so với các thành viên khác cộng với kinh nghiệm phong phú đối với việc giữ chức vụ cao. Ông vẫn là nhân vật bị ghét bỏ và không được tin tưởng của các thành viên có óc đảng phái và đơn giản của Đảng Bảo thủ, đảng mà ông đã từ bỏ, cho dù không bị ghét bỏ bởi Balfour, Curzon, hoặc F. E. Smith. Nhưng ông đã được đền bù phần nào bởi việc ngày càng được ngưỡng mộ mạnh mẽ nhưng không thân tình (giống như sự ngưỡng mộ của những con chim sẻ và quạ dành cho một con chim kỳ lạ thuộc loài khác - Đảng Tự do). Vào năm 1918, công cụ này bị hủy diệt, Churchill chỉ giữ một vai trò nhỏ trong việc hủy diệt nó. Đối với ông, sự bảo trợ hào huyền nhưng trìu mến của Asquith không còn và cũng không được mong muốn nữa. Thậm chí còn hơn cả thời kỳ 1908 - 1912 khi Churchill và Asquith được xem là “cặp bài trùng siêu phàm” của chủ nghĩa cấp tiến, Churchill rất thường xuyên gặp Lloyd George. Bản thân là một người không được tin tưởng, Churchill dựa vào một nhân vật nổi bật và được tin tưởng, nhưng là người chỉ được một số ít người cho rằng đặc điểm nổi bật nhất là đáng tin cậy. Churchill không nằm trong nhóm người ít ỏi

này.

Lloyd George đối xử ra sao với ông trong một thế giới mới sau khi Đức bị đánh bại? Câu hỏi này luôn vương vấn trong suy nghĩ của Churchill khi chiến tranh sắp kết thúc và hoạt động chính trị thời bình sắp xuất hiện. Vào ngày 6 tháng 11, vì là hai bộ trưởng thuộc Đảng Tự do kỳ cựu nhất trong chính phủ liên minh, Churchill và Montagu đã được mời đến dự tiệc trưa tại phố Downing để thảo luận về *tương lai* chính trị. Vấn đề thứ nhất là một cuộc tổng tuyển cử sớm, điều mà Lloyd George muốn tổ chức và Churchill muốn tham dự. Tuy nhiên, Churchill đang trong tâm trạng cáu kỉnh. Montagu đã diễn tả điều này một cách cay độc rằng: “Winston bắt đầu mặt sùng mày sĩa, ủ ê, và dè dặt”.

Nguyên nhân khiến Churchill hay cáu kỉnh đã dần lộ ra. Ông rất muốn được gia nhập chính phủ liên minh thời bình mà tiếng nói của ông vẫn phải có trọng lượng trong những quyết định quan trọng. Nói cách khác, hình thức của Nội các Chiến tranh hiện tại, với những bộ trưởng khác ngoài Nội các chỉ thỉnh thoảng mới được mời đến vì những quyết định biệt lập liên quan đến những trách nhiệm cụ thể của riêng họ, không được ông chấp nhận trong thời bình. Rõ ràng là Lloyd George đã cố gắng gạt bỏ điều này ở Churchill bằng một hỗn hợp gồm xoa dịu duyên dáng và nhượng bộ nửa mùa. Ông nói rằng Nội các Chiến tranh sẽ được giải tán vào lúc cuộc chiến kết thúc và ông sẽ quay lại với cái mà ông gọi là một “Nội các kiểu Gladstone gồm khoảng 12 thành viên. Điều ông thật sự làm trong suốt khoảng một năm sau trong khi Hội nghị Hòa bình Paris đang diễn ra chỉ là tăng thêm thành viên Nội các cũng hiệu quả như loại bỏ nó. Ông để cho Bonar Law giám sát hoạt động chính trị trong nước trong khi ông chỉ đạo các hội đồng quản lý nhà nước châu Âu, rất ít khi tham dự các cuộc họp Nội các hoặc Hạ viện. Trọn một năm, ông không tham dự các buổi chất vấn thủ tướng tại Hạ viện.

Montagu cho rằng trong khoảng thời gian ấy, Churchill hoàn toàn khuây khoả: “Dáng điệu ủ rũ biến mất, những nụ cười làm căng gương mặt đầy tham vọng, con kình ngư đã quen với đất liền...”. Nhưng, có lẽ là trong những lúc ưu tư nhất, sự nghi ngờ nảy sinh trong tâm tư Churchill. Ông lo rằng có thể là sẽ

một lần nữa bị gạt bỏ bởi các thành viên Đảng Bảo thủ, những người mà rõ ràng là người ta phải lệ thuộc, không muốn cho ông tham gia vào Nội các cho dù số lượng thành viên của nó được tăng thêm. Ngày hôm sau, ông đã viết cho thủ tướng một bức thư với giọng điệu khá thô lỗ, bức thư mà Lloyd George đã hiểu nó thô lỗ còn hơn mức độ khó nghe thật sự của nó. Mảng quan trọng và khó nghe của Churchill là “tôi cảm thấy tôi không thể định hướng cho bản thân nếu không thể biết các đồng sự chủ yếu của ông là những ai”.

Lloyd George không thích bức thư của Churchill chút nào cả: “Bức thư của ông làm tôi khó chịu. Nói trắng ra thì nó làm tôi bối rối. Nó gợi ý rằng ông tính đến khả năng rời bỏ chính phủ, và ông không đưa lý do nào khác hơn là sự bất mãn rõ ràng đối với các triển vọng cá nhân”. Điều đáng ngạc nhiên trong quan hệ thư tín này là độ dài của những bức thư họ viết cho nhau. Vì những bức thư này còn nằm trong mức hữu chiến của họ. Và những người có liên quan, dĩ nhiên là không thể không tính đến Lloyd George, hẳn đang phải bận tâm với rất nhiều vấn đề khác. Chúng càng đáng quan tâm hơn khi người ta nhớ lại những áp lực nặng nề (nhất là những áp lực đè nặng trên vai thủ tướng) trong thời điểm ấy. Và không có dấu hiệu nào cho thấy các thư ký riêng đã soạn thảo trước. Chúng còn cho thấy một mối quan hệ tiềm ẩn thân thiết khác thường bất kể tâm trạng thay đổi hàng ngày của họ ra sao đi nữa.

Cốt lõi của sự thân thiết giữa họ, không nhất thiết tạo ra tình bạn hoặc sự tôn trọng lẫn nhau, là việc họ là hai thủ tướng tài ba của thế kỷ 20 như đã được đề cập. Dù trong bối cảnh lịch sử, Churchill vượt trội hơn, nhưng trong tháng 11 năm 1918, việc Lloyd George hiểu được phẩm chất của Churchill còn khó hơn nhiều so với việc Churchill hiểu được phẩm chất của Lloyd George. Và có lẽ là do bị chi phối bởi nhiều điều khác nên Lloyd George đã không cố gắng tìm hiểu. Đây là cách giải thích duy nhất về vết ố nhỏ vĩnh viễn, hoặc trước mắt, làm vẩn đục việc trao đổi thư từ khó chịu lưu lại trên mối quan hệ của họ. Bức thư ngày 7 tháng 11 của Churchill đã làm cho Lloyd George rất bức. Churchill hầu như cố gắng buộc Lloyd George hứa trao cho ông một công việc cụ thể trong một chính

phủ thời bình. Sự cố gắng của Churchill thậm chí là có trước khi cuộc chiến chính thức kết thúc, trước khi diễn ra tổng tuyển cử và trước khi Lloyd George có thể quyết định thành phần trong chính phủ mới. Và Lloyd George đã phản ứng rất mạnh: “Rõ ràng đây là đòi hỏi chưa từng có! Việc chọn lựa các thành viên trong chính phủ phải do thủ tướng quyết định. Và bất cứ ai không tin tưởng sự lãnh đạo của thủ tướng thì chỉ có một con đường duy nhất, là tìm một nhà lãnh đạo khác mà anh ta tin tưởng”. Sau đó, ông khiển trách Churchill: “Tôi biết rõ khả năng của ông, và ông biết là tôi đã bất chấp sự bất mãn của rất nhiều người ủng hộ tôi khi giao cho ông chức bộ trưởng Bộ Quân khí...”.

Ba ngày sau, chiến tranh kết thúc. Churchill đã mô tả rất sinh động trong tác phẩm *The World Crisis* hình ảnh ông đứng ở cửa sổ văn phòng Bộ Quân khí nhìn lên hướng đại lộ Northumberland đến quảng trường Trafalgar chờ đợi những chiếc chuông của tháp Big Ben rung lên lúc 11 giờ sáng báo hiệu chiến tranh kết thúc, và việc tâm trí hướng đến những tiếng chuông tương tự bốn năm và 14 tuần trước đó ra sao. Khi ấy, chúng rung lên vào lúc 11 giờ đêm chứ không phải 11 giờ sáng, và đã cho phép ông báo hiệu sự thù địch cho tất cả các tàu chiến của Anh trên khắp thế giới. Trong năm 1918, ông viết: “Tôi nhận ra sự phản ứng hơn là sự phấn chấn từ những tiếng chuông ấy”. Sau đó, Clementine đi cùng Churchill, và họ đã quyết định, hoặc ít ra là theo ý của Churchill, đi xe đến số 10 phố Downing để chúc mừng Lloyd George. Khó có người nào chỉ mới nửa tuần trước có mối quan hệ thư tín khó chịu như thế với thủ tướng lại không được mời mà vẫn đến gặp và chúc mừng ông ta như Churchill. Nhưng bản năng của Churchill đã mách bảo ông làm điều hợp lý. Kết quả là Churchill được mời quay lại vào tối hôm ấy để dự tiệc chiêu đãi của thủ tướng. Những người khách khác chỉ gồm F. E. Smith và tướng Henry Wilson, tổng tham mưu trưởng quân lực Anh. Rõ ràng việc được mời đến dự bữa tiệc thân mật như thế là dấu hiệu cho thấy Lloyd George tin tưởng và tha thứ cho Churchill về những bức thư trước đó. Người thiệt hại duy nhất là Clementine, bà không được mời tham dự bữa tiệc toàn là đàn ông này và phải ăn mừng với các con mà không có sự hiện diện của

chồng. Điều này phần nào mang tính biểu tượng. Trong thời bình cũng như thời chiến, sự hấp dẫn của hoạt động chính trị tầm cỡ quốc tế và sự phấn khích của việc trở thành tâm điểm của các sự kiện luôn là những điều được Churchill ưu tiên.

Điều duy nhất làm giảm niềm vui của Churchill khi được góp mặt trong buổi tối đặc biệt đánh dấu sự thay đổi quan trọng ấy, là việc nhớ lại bữa tiệc chọn lọc chưa đầy hai năm trước, khi Lloyd George thành thủ tướng, và sự thất vọng, hầu như là cảm thấy bị lừa dối của Churchill sau đó. Lần này thì không như thế. Vào ngày 29 tháng 12, Churchill được phép chọn giữa việc trở lại với Bộ Hải quân và việc trở thành bộ trưởng Bộ Chiến tranh kiêm nhiệm Bộ Không quân. Có thể nói rằng việc này vượt quá sự mong đợi của ông. Nó làm cho những thỉnh cầu nhằm được bảo đảm trước của ông trở nên càng hẹp hòi, nhất là khi chúng được thực hiện trên một nền tảng chính trị rất yếu. May mắn cho Churchill là việc ấy chỉ khiến Lloyd George viết bức thư dài khiển trách thay vì tạo ra sự rạn nứt giữa hai người.

Trước khi Churchill có thể lại tham gia Nội các, và lần đầu trong gần 4 bốn năm lại được giữ một bộ có uy tín, ông phải tranh cử và chiến thắng trong cuộc tổng tuyển cử lần đầu kể từ năm 1910. Cuộc tổng tuyển cử này đã không quá cam go đối với Churchill ở khu vực bầu cử Dundee và đối với Lloyd George trên bình diện quốc gia. Ở Dundee, ông vận động tranh cử trong liên minh với một công đoàn chủ chiến và đã chiến thắng với số phiếu bầu hơn gấp đôi. Dù số phiếu bầu của Churchill cao hơn nhiều so với cuộc bầu cử bổ sung năm 1917, thế nhưng số phiếu của ứng cử viên Scrymgeour cũng lên đến 10.000 phiếu bầu. Trên bình diện quốc gia, Lloyd George với sự ủng hộ của Đảng Bảo thủ và Đảng Tự do, cộng thêm một số ít thành viên Công Đảng được xem là trung thành với chính phủ và nỗ lực chiến tranh, đã thắng lớn. Nhưng Lloyd George đã đạt được điều này với cái giá là hủy hoại Đảng Tự do, đảng mà trong 57 năm, từ buổi lễ ra mắt ở hội trường Almack (Willis's Rooms) trong tháng 6 năm 1859 đến cuối năm 1926, đã cầm quyền suốt 32 năm, và hủy hoại sự cân đối của đời sống chính

trị trước năm 1914. Số phiếu bầu của Đảng Tự do giảm từ 50% trong năm 1910 xuống còn 25%, và từ đó chỉ có một lần số phiếu bầu này vượt ngưỡng 25% khi liên minh với Đảng Dân chủ Xã hội mới thành lập (từ đó hai đảng sáp nhập) trong năm 1983. Và từ thời Asquith, không ai còn đưa ra câu hỏi nghiêm túc về một chính phủ do Đảng Tự do thuần túy nắm giữ quyền lực.

Lloyd George giữ được 478 ghế đại biểu, nhưng trên 335 ghế do thành viên Đảng Bảo thủ nắm giữ, áp đảo liên minh của Đảng Tự do với tỉ lệ là 2,5 trên 1. Có lẽ dấu chỉ thậm chí còn rõ hơn nữa cho thấy kiểu mẫu cũ bị phá hủy ra sao chính là tính mới mẻ và chia rẽ của phe đối lập. Đáng chú ý nhất là Asquith, người mà sau 32 năm là nghị sĩ đại diện cho khu vực East Fife đã phải thất bại ê chề ở đó.

Lloyd George đã chiến thắng một cách thuyết phục. Nhưng ẩn chứa trong chiến thắng này là việc những người ôn hòa ủng hộ Luật Ireland Tự trị đã bị thay thế bởi một mặt là những người chủ trương cộng hòa kiên quyết, những người không muốn duy trì bất cứ dạng chính thể chung nào cho quần đảo Anh,... và mặt thứ hai là bởi những người ủng hộ Asquith trước kia từng cùng ở trong Nội các với Lloyd George và có quan hệ thân thiện với ông suốt 11 năm. Mà theo cụm từ bất hủ của Stanley Baldwin thì “họ là những kẻ trâng tráo như thể đã vớ bở từ cuộc chiến”, và là những người, trong vòng bốn năm, đã làm tiêu tan sự nghiệp của Lloyd George, thê thảm đến mức không thể đảo ngược trong 22 năm còn lại của đời ông.

Phản ứng của Churchill đối với những diễn biến này có chứa đựng yếu tố hoài cổ của Đảng Tự do. Ông không muốn lại một lần nữa trở nên mờ nhạt trên chính trường, và ông biết rằng hy vọng duy nhất giúp ông tránh được điều này là gắn bó với Lloyd George. Hơn nữa, những nếm trải của ông trong khoảng thời gian 1915 - 1916, như đã được mô tả một cách sinh động trong những bức thư đã cắt đứt mọi mối ràng buộc trung thành của ông với Asquith. Tuy nhiên, ông cảm thấy hơi thương cảm, với tính cách hạ cổ, đối với sự suy thoái của Asquith. Vào ngày 23 tháng 12, Churchill đã viết cho Clementine “Asquith đã trải qua

những ngày rất khó khăn. Anh thật sự mong rằng ông già tội nghiệp này sẽ không sao. Anh rất muốn lên tiếng bảo vệ ông ta nhưng điều này sẽ gây ra nhiều rắc rối ở đây và ở những nơi khác...”. Rất khó nghĩ ra cách diễn tả hoàn hảo hơn về sự rộng lượng lúc trước của ông và đánh giá thực tế đâu là những mối quan tâm của ông hiện nay và trong tương lai.

Churchill rất muốn làm cho bản tuyên ngôn của chính phủ liên minh tỏ ra cấp tiến hết mức, và chắc chắn là ông đã đưa ý tưởng này vào chiến dịch vận động tranh cử ở Dundee. Ông đưa ra vấn đề quốc hữu hóa hệ thống đường sắt, điều đã thu hút trọn vẹn nhiệt tình của ông, cho dù việc này khiến chính phủ phải tốn một khoản tiền trợ cấp rất lớn. Ông còn kiên quyết ủng hộ việc đánh thuế những khoản lợi tức nhờ cuộc chiến.

Vào giữa tháng 10, Churchill đã viết thư cho Lloyd George. Và đây không phải là một hành động mị dân vì ông đã không công bố bức thư này. Bức thư viết: “Sao lại có ai đó kiếm được những khoản tiền lớn từ cuộc chiến trong khi mọi người phải phục vụ đất nước?”. Ông còn đề xuất một quan điểm đơn giản gói gọn trong một nền kinh tế được lập kế hoạch, và trong một chừng mực nào đó do nhà nước chỉ đạo, để đáp ứng những nhu cầu thời bình, giống như những nỗ lực được thực hiện cho cuộc chiến. “Sao lại để cho hòa bình mang lại không gì khác hơn là sự tranh cãi, ích kỷ, và nhỏ nhen trong cuộc sống hàng ngày. Nếu nam nữ công dân thuộc mọi tầng lớp, đảng phái, có thể trong suốt năm năm giống như một cỗ máy khổng lồ cùng nhau sản xuất ra *sự hủy diệt*, tại sao họ lại không thể thêm năm năm nữa cùng nhau tạo ra *sự thịnh vượng*?”.

Điểm mà Churchill tỏ ra ôn hòa, có lẽ là quá ôn hòa, đối với mong muốn của nhiều cử tri trong khu vực bầu cử của ông, là việc chống lại yêu cầu chia cắt nước Đức và từ chối việc nuôi dưỡng ảo tưởng rằng có thể buộc nước bại trận phải chi trả toàn bộ chiến phí. 2 tỉ bảng bồi thường cho những tổn thất mà họ trực tiếp gây ra là điều có thể chấp nhận, nhưng bắt họ chi trả toàn bộ 40 tỉ bảng chiến phí của nước Anh là điều phi lý.

Chiến dịch tranh cử ở Dundee là một chiến dịch huyền ảo. Churchill đã viết cho vợ vào ngày 27 tháng 11 rằng: “Cuộc họp đêm qua là cuộc họp nặng nề nhất mà anh từng chứng kiến ở Dundee”. Churchill quyết định phải hoàn thành tất cả những gì phải làm hoặc cần làm vào giữa ngày bầu cử, và tuyên bố “Sẽ lên chuyến xe lửa 2g47 để đến Edinburgh, nơi tôi sẽ dùng bữa”. (Có lẽ là trước khi theo tuyến đường sắt đi về phía nam). Tại London, vào sáng ngày 15 tháng 12, ông chờ đợi kết quả (giữa thời điểm bỏ phiếu và kiểm phiếu là khoảng thời gian chờ đợi 14 ngày trong dịp Giáng sinh để có thể thu thập phiếu bầu của các quân nhân ở hải ngoại), với sự tin tưởng chắc chắn rằng có những vị trí thay thế thỏa đáng đã được Lloyd George dành cho ông. Và với vị trí đã được bảo đảm, ông sẽ thoải mái (và lâu dài) góp ý với thủ tướng về quy mô và thành phần của Nội các, như ông từng làm với Asquith trước kia trên những chủ đề tương tự. Vào ngày 26 tháng 12, ông đã viết sáu trang giấy. Ông nghĩ rằng thành viên Nội các không thể ít hơn 14 hoặc 15 người, không tính đến chủ tịch Thượng viện. Chắc chắn là ông không biết trước được rằng người bạn lớn của ông là F. E. Smith sẽ bị gạt bỏ. Ông đề nghị để Isaacs (hầu tước Reading) làm ngoại trưởng, “bé Samuel” (thật ra là tử tước Herbert Louis Samuel theo cách gọi trào phúng của Asquith) làm bộ trưởng Nội vụ (dù có lẽ Montagu vẫn giữ Văn phòng về Ấn Độ, ông vẫn lo rằng sẽ không tốt nếu phe Tự do trong Nội các có nhiều người Do Thái). Để hóa giải, ông gạt bỏ Samuel và viết: “Tôi đề nghị giao Bộ Nội vụ cho Fisher”. Nhưng đây không phải là đô đốc Fisher già nua (John Arbuthnot Fisher) một lần nữa được mời tái xuất chính trường với bất cứ chức vụ nào có sẵn cho dù không thích hợp, mà là H. A. L. Fisher, sử gia và là hiệu trưởng của New College thuộc đại học Oxford, người đã là bộ trưởng Giáo dục từ năm 1916 và vẫn giữ chức vụ này cho đến năm 1922. Qua ví dụ trên cũng có thể biết rằng phần lớn ý kiến của Churchill đã không được chấp nhận, nhưng ông đã không phẫn nộ.

Về chức vụ của chính mình, ông nhắm đến Bộ Hải quân, nhưng thủ tướng lại không muốn Churchill giữ chức vụ ấy mà muốn giao cho ông Bộ Chiến tranh. Với quyền lực sẵn có và với khả năng dỗ ngọt nổi tiếng, hẳn là Lloyd George

dùng Bộ Không quân hoặc Bộ Chiến tranh để làm phần thưởng với ý đồ không chỉ là mong Churchill chấp nhận đơn thuần, mà phải là vui vẻ chấp nhận. Walter Long trở thành một bộ trưởng thâm lặng của Bộ Hải quân. Rõ ràng những sắp xếp này là hợp lý: Vì việc để cho Churchill quay về Bộ Hải quân chẳng khác gì, nói một cách sỗ sàng, để một con chó ăn lại đồng thức ăn nó đã nôn ra. Hay nói nhẹ nhàng hơn, chẳng khác gì khuyến khích ông lại tranh cãi về chiến dịch Dardanelles, tranh cãi với Asquith và với Kitchener. Bộ Chiến tranh, văn phòng nhà nước thứ bảy của Churchill khi ông chỉ mới 44 tuổi, đã mang lại cho ông cơ hội tốt hơn để nhìn vào tương lai.

PHẦN IV

- - - - -

NĂNG CHIỀU NGẬP NGỪNG
(1919-1939)



Chương 19

SỨ GIẢ HÒA BÌNH IRELAND

Thời gian 46 tháng tồn tại của liên minh thời bình Lloyd George là giai đoạn mà sự nghiệp của Churchill dù *ít được ca ngợi* nhất nhưng không phải là khoảng thời gian bất hạnh nhất. Ông có chức tước và quyền lực, và nhờ đó luôn được đánh giá cao. Churchill rất bất mãn trong các khoảng thời gian 1915 - 1917, 1922 - 1924, và trong “những năm mờ nhạt trên chính trường”. Thế nhưng 1919 - 1920 mới là khoảng thời gian đóng góp ít nhất cho thành tựu và lợi ích của ông. Nhưng ông không phải là người duy nhất không hài lòng trong khoảng thời gian này. Dù chính phủ liên minh cũng đạt được một số thành tích, mà có lẽ đáng chú ý nhất là hiệp ước Anh - Ireland 1921, thế nhưng có rất ít người tạo nên được danh tiếng cho bản thân từ chính phủ này. Và thủ tướng lại càng không phải là người như thế. Có một loại tiếng xấu nào đó ám ảnh chính phủ này, thế nên tất cả những ai ở lâu trong đó đều bị nhiễm bản đôi chút.

Chắc chắn Churchill không phải là người bị nhiễm bản nhiều nhất trong nhóm người phần nào pha tạp tập trung quanh thủ tướng với những gán bó khác nhau và nói chung là ngày càng giảm. Trong hai năm đầu, Bonar Law, thủ lĩnh của ba phần tư thuộc phe đa số trong liên minh, là chỗ dựa quan trọng của Lloyd George trong nước. Trong khi Lloyd George vắng mặt nhiều tháng để tham dự Hội nghị Hòa bình Paris, chuẩn bị cho Hiệp ước Versailles, Law là người thay thế Lloyd George xem xét các sự vụ trong nước. Bonar Law là tín đồ Tin Lành ở Ulster và từng làm kế toán ở Glasgow. Dù rõ ràng không phải là người xấu, nhưng ông đã không thể truyền cảm hứng cho người khác. Cuộc đời của ông,

nhất là sau khi goá vợ vào năm 1909, đặc biệt buồn thảm. Hầu như những thú vui của ông chỉ là đánh cờ, ăn bánh pudding, và hút xì gà. Ông là một người giỏi làm cho đối phương bối rối, mà theo cách nói của Maynard Keynes, ông có thể sử dụng những mẩu chuyện manh mún để hình thành toàn bộ cơ sở cho lập luận của mình. Tuy nhiên, tính trung thực phần nào có vấn đề của ông đã được kiềm chế bởi mong muốn thành công và khuynh hướng tránh làm cho nó sụt giảm do bản năng. Điều này cùng với một cơn bệnh bất ngờ trong mùa xuân 1921 đã tạo điều kiện để ông dễ dàng rời chính phủ. Và mùa thu 1922, ông đã bình phục đủ để góp phần quan trọng trong việc *hạ bệ* Lloyd George và sau đó lãnh đạo trong một thời gian ngắn chính phủ độc lập đầu tiên của Đảng Bảo thủ. Churchill và Law rất *ít hòa hợp* với nhau, cũng giống như giữa các chính khách quan trọng khác trong nửa đầu thế kỷ 20.

Trong năm 1921, Austen Chamberlain, một người thận trọng, kiên quyết, và lịch sự, đã thay thế Bonar Law lãnh đạo Đảng Bảo thủ. Ông đã nhanh chóng bị lóa mắt, hơn cả Law trước kia, bởi tài năng của Lloyd George. Nhưng so với người tiền nhiệm, ông kém thành công hơn trong quan hệ với Lloyd George hoặc với Đảng Bảo thủ. Đối với Law, mối quan hệ với Lloyd George, ít nhất là từ năm 1916, chẳng khác gì mối quan hệ lâu dài và đầy chịu đựng của ông với vợ. Nhưng những mối quan hệ này không phát triển đến mức bình đẳng hoặc trở thành mối quan hệ phát sinh từ sự thích thú hoặc sự phấn khích. Bất chấp lòng trung thành vô điều kiện của Lloyd George, việc che chở của Austen Chamberlain dành cho ông không thoải mái và ít nhiệt tình. Tháng 10 năm 1922 là thời điểm cả hai người bị *hạ bệ*. Lloyd George rơi xuống từ vị trí quyền lực cao, và Chamberlain chỉ còn giữ vai trò lãnh đạo Đảng Bảo thủ với việc bắt đầu và kết thúc của nhiệm kỳ đều diễn ra trong thế kỷ 20 và không bao giờ với được tới chiếc ghế thủ tướng. Tuy nhiên, ngoại trừ khuynh hướng thích bầu bạn với những người ít được tôn trọng hơn bản thân (về điểm này ông giống với Churchill), không ai có thể cho rằng Chamberlain là người không đáng tin cậy.

Vậy thì (ngoại trừ thủ tướng, một người cấp tiến và cũng là một nhà lãnh đạo

kiên cường thời chiến, nhưng đồng thời cũng là một kẻ thao túng chính trường tài giỏi chưa từng có) bầu khí ám muội, hay bầu khí mà ngày nay có thể gọi là nhơ bẩn, phát sinh từ đâu? Nó không thể phát sinh từ Balfour, ngoại trưởng cho đến tháng 10 năm 1919, hoặc từ Curzon, người kế nhiệm ông trong ba năm còn lại của chính phủ. Balfour có thể là một người nhẩn tâm và rất tài ba trong việc khéo léo né tránh bất cứ môi trường nhơ bẩn nào, nhưng điều ấy không làm cho ông trở nên kém đạo đức hoặc bị tha hóa. Curzon cũng thế, dù đôi khi tỏ ra lỗ bịch và so ra không tài ba bằng Balfour. Bá tước Birkenhead, tước hiệu của F. E. Smith sau khi được bổ nhiệm làm chủ tịch Thượng viện năm 1919, cũng không thể bị cho là một kẻ ám muội. Với tất cả tài trí thiên phú đôi khi tỏ ra rất uyên bác, ông luôn gây ấn tượng rằng ông là một kẻ liêu lĩnh, và cuối cùng (trong năm 1928) buộc phải rời bỏ chức vụ vì không thể sống bằng mức lương bộ trưởng và vì thế đã cố gắng kiếm tiền theo những cách thức không thích hợp đối với một thành viên Nội các.

Người còn lại là Robert Home, tiếp quản Bộ Tài chính sau khi Austen Chamberlain thay thế Bonar Law lãnh đạo Đảng Bảo thủ. Cũng giống như Bonar Law, Robert Home là con của một mục sư, nhưng còn hơn cả người không tin vào tôn giáo như Bonar Law, Robert triệt để phủ nhận những giá trị của Giáo hội Trưởng lão. Ông là một người độc thân thích đến các hộp đêm. Baldwin từng mô tả ông bằng cụm từ đáng nhớ là “kẻ đê tiện hiếm thấy người Scotland”. Điều này có thể là do sự ganh tị phần nào về mặt thương mại, vì Home được giao cho chức vụ trông nom tuyến đường sắt Great Western, một vị trí mà cha của Baldwin từng nắm giữ. Và trong khi nó thích hợp với người sản xuất gang ở vùng Worcestershire (ý nói Alfred Baldwin, cha của Stanley Baldwin) thì lại không phù hợp với vị nghị sĩ đại diện cho khu vực bầu cử Glasgow Hillhead (ý nói Robert Home). Home dù chưa từng dính líu vào vụ tai tiếng nghiêm trọng nào nhưng cũng không thể nói rằng ông là một người đáng kính trong chính phủ nói chung.

Còn có một số doanh nhân khác nhau từng tham gia Nội các mà dấu vết để

lại trên chính trường chẳng khác gì một đợt mưa tuyết tháng 4. Những doanh nhân này là đối tượng của sự đam mê kỳ quặc của Lloyd George, người chịu nhiều ảnh hưởng của người cậu là một mục sư đạo Tin Lành. Hiện nay rất khó để biết được đâu là đóng góp cụ thể của anh em nhà Geddes (Eric Geddes và Auckland Geddes), điều mang lại cho họ hai vị trí trong Nội các gồm 21 người (lớn hơn nhiều so với biên chế mà Churchill ủng hộ). Một nhân vật thậm chí còn mờ ảo hơn nữa là nam tước Inverforth (Andrew Weir), một thương gia và là chủ tàu ở Glasgow, người đã hoàn toàn biến mất trên chính trường sau hai năm và thành viên thứ tư của nhóm này là Hamar Greenwood.

Đây là chính phủ mà Churchill từng hoạt động từ lúc ông 44 tuổi đến 48 tuổi. Cho dù ở độ tuổi này, ông vẫn là một bộ trưởng trẻ xuất sắc có kinh nghiệm ở chức vụ cao. Khó có thể nói môi trường như vậy có truyền cảm hứng cho ông hay không. Ông đã bắt đầu công việc rất tốt vì đã nhanh chóng sửa đổi kế hoạch phục viên không thực tế và có khả năng gây bất hòa. Kế hoạch đã được vạch ra trong năm 1917 dưới thời bá tước Derby, không có nhiều động năng chính trị và nhằm vào việc cho giải ngũ sớm những người mà ngành công nghiệp trong nước cần đến nhất. Vì những người thuộc loại này cũng vì lý do trên mà được gọi nhập ngũ muộn nhất, thế nên việc đó đã khơi gợi cảm giác không công bằng, dẫn đến (ngoài những biểu hiện bất ổn khác) một cuộc binh biến nhỏ của binh lính Anh ở Calais và một cuộc biểu tình của những người lính giận dữ ở trung tâm London.

Churchill đã nhanh chóng thấy được tính bất ổn của kế hoạch này, và chỉ trong vòng 10 ngày nhậm chức, ông đã soạn ra một kế hoạch thay thế dựa trên thâm niên phục vụ, độ tuổi, và số lần bị thương. Kế hoạch này đã giúp cho vấn đề trở nên thỏa đáng trong chừng mực nào đó. Trên cơ sở này, chỉ trong vòng vài tháng, Churchill đã có thể nhanh chóng tạm thời giảm bớt quân số từ trên 3 triệu xuống 900 ngàn trước khi giảm mức quân số thời bình xuống 370 ngàn. Khi mục tiêu tiết kiệm tiền trở thành ưu tiên hàng đầu của Nội các, Churchill đã nhiệt tình đi theo hướng đó, cũng như suốt đoạn đường sự nghiệp ông hầu như luôn nhắm

vào các mục tiêu của bộ mà ông nắm giữ. Ông đã nghĩ ra giải pháp thỏa đáng, cho phần lớn binh sĩ xuất ngũ trong khi chi trả cho số binh sĩ còn lại mức lương gấp đôi số tiền họ nhận được trước kia. Churchill đã rất say mê lực lượng không quân suốt gần một thập kỷ. Ông tin tưởng mạnh mẽ (bất chấp vai trò kếp của mình) rằng nó phải được phát triển thành một binh chủng độc lập. Và ông có quan hệ thân thiết với tướng Hugh Trenchard (về sau trở thành trung tướng không quân), người đã sáng tạo một cách hiệu quả và chuyên nghiệp đồ hình nhận dạng máy bay trong không phận (RAP). Về mặt chính trị, những bố trí của ông dành cho Bộ Không quân không mấy thành công. Ông đề cho tướng Seely (John Edward Bernard Seely) tham gia Quốc hội trong vai trò là thứ trưởng Bộ Không quân để trả lời những câu hỏi liên quan đến không quân ở Hạ viện. Và ông là chính khách duy nhất hoạt động toàn thời gian trong Bộ Không quân. Seely là bạn thân của Churchill và là một quân nhân dũng cảm hào hiệp. Có một số bức thư của Churchill, trong những lúc chán nản cũng như trong giai đoạn làm bộ trưởng Bộ Quân khí, được gửi cho Seely khi ở Pháp. Nhưng Seely cũng từng là bộ trưởng (Bộ Chiến tranh) năm năm trước cho đến khi bị Asquith cách chức vì không đủ khả năng giải quyết rắc rối ở Curragh.

Người từng ở một vị trí cao như thế không thể là lựa chọn tốt nhất cho một chức vụ kém quan trọng, cho dù mức độ trung thành của ông ta cao đến đâu chẳng nữa. Hơn nữa, dù Seely vừa là bạn tốt lại vừa là quân nhân giỏi, ông ta lại không giỏi trong vai trò bộ trưởng. Seely đã nhanh chóng trở nên không vui và đã đưa ra một số lời than phiền phần nào mâu thuẫn về Churchill. Một mặt, ông ta cố gắng điều hành Bộ Không quân như một nhánh của Bộ Chiến tranh, mặt khác, ông ta hầu như phó mặc Bộ Không quân và chỉ dành ra mỗi tuần khoảng một giờ cho văn phòng bộ trưởng. Trong tháng 11 năm 1919, Seely từ chức sau khi đưa ra lời tuyên bố về vấn đề này tại Hạ viện, điều đã khiến Churchill bức dọc. Seely được thay thế bởi hầu tước vùng Londonderry, một nhân vật không lôi cuốn bằng Seely dù là một trong những bạn thân có tước vị cao của Churchill. Trong thời gian phục vụ lực lượng không quân sau đó cho đến đầu

thập niên 1930, không ít lần Londonderry bị chế giễu (bởi cánh tả) do tuyên bố cho rằng ông đã cố gắng ngăn cản việc cấm sử dụng máy bay ném bom tại hội nghị giải trừ quân bị (1931 - 1933), chỉ vì nước Anh rất cần đến chúng “trên biên giới của Vương quốc Anh”.

Dù thời gian hiện diện ở Bộ Không quân của Churchill không nhiều, có không ít lần ông cố gắng xoay sở để có được giấy phép lái máy bay. Đây từng là ước muốn của Churchill khi trở thành bộ trưởng Hải quân trước chiến tranh. Và mãi đến sau khi xảy ra một số vụ việc khủng khiếp, Clementine mới nài nỉ ông từ bỏ ý định ấy. Chắc chắn là tính đáng tin cậy của các máy bay đã được cải tiến phần nào trong lúc ấy nhưng không đến mức đủ để trở thành bằng chứng chống lại Churchill. Trong tháng 6 năm 1919 (khi không ngồi ở vị trí điều khiển), Churchill đã phải trải nghiệm một vụ hạ cánh khẩn cấp tại căn cứ không quân Buc gần Paris. Vẫn không nản lòng, chỉ một tháng sau đó, từ văn phòng của Bộ Chiến tranh, Churchill đến sân bay Croydon để tham dự buổi tập lái máy bay kéo dài một giờ vào buổi chiều tối. Buổi tập ấy đã không lâu đến thế. Từ tầm cao khoảng 90 bộ, vài hỏng hóc đã xảy ra, có thể là lỗi của con người làm cho các hỏng hóc trầm trọng thêm, máy bay đã buộc phải nhanh chóng hạ cánh và bị hư hại đáng kể. Churchill đã bị trầy xước nặng từ vụ việc này, còn người hướng dẫn ông bị thương nhẹ hơn. Churchill nghĩ rằng ông sắp chết nhưng sau đó đã có thể đứng dậy và đi đến Hạ viện chủ trì bữa tiệc chiêu đãi tướng Pershing, người chỉ huy quân Mỹ tại Pháp.

Có thể Churchill không có đủ tố chất của một phi công nhưng vẫn kiên quyết tập lái máy bay. Đa số hẳn đã từ bỏ sau khi trải qua việc đáp máy bay khẩn cấp lần thứ nhất, và có rất ít người muốn tiếp tục sau khi thoát chết lần thứ hai như thế. Thế nhưng phải bị thuyết phục rất nhiều lần, Churchill mới có thể từ bỏ ước muốn được cấp giấy phép lái máy bay.

Điều này khiến cho mối quan hệ giữa Churchill và Lloyd George trở nên xấu đi. Thủ tướng không hề có ý định để mình mắc mưu vào cuộc nội chiến ở nước Nga. Nhưng có lẽ vì quá bận tâm đến Hội nghị Hòa bình, nên ông đã phần nào

dung tủng Churchill và những người khác thuộc cánh hữu trong Nội các, những người có khuynh hướng ủng hộ đường lối của Churchill. Nó gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho các triển vọng và địa vị chính trị của Churchill. Nó củng cố sự ngờ vực của Lloyd George, một sự ngờ vực luôn hiện hữu cho dù Lloyd George ngưỡng mộ sự quả quyết táo bạo của Churchill và muốn làm việc chung với ông. Và Lloyd George đã lo lắng khi phải đưa Churchill ra khỏi Bộ Chiến tranh. Churchill được chuyển sang Bộ Thuộc địa vào đầu năm 1921, thay thế kẻ thù cũ là Milner. Đây không phải là sự giáng cấp vì hai vị trí này tương đương với nhau. Nhưng Lloyd George cũng không có ý định thăng chức cho Churchill. Và vào tháng 3 năm này, việc Bonar Law nghỉ hưu do bệnh tật đã dẫn đến việc Austen Chamberlain được đưa lên làm người lãnh đạo Đảng Bảo thủ và chức vụ bộ trưởng Tài chính bị bỏ trống. Churchill đã không được nhận chức vụ này, trái ngược với hy vọng và sự chờ đợi của ông. Sự thất vọng và phẫn uất của Churchill càng tăng thêm vì Robert Home, được nhận chức bộ trưởng Tài chính, là người ít kinh nghiệm hơn nhiều và trong vai trò là chính khách không nổi trội cho bằng Churchill. Sau đó là thời kỳ Churchill xa lánh thủ tướng, ít nhất thì cũng nhiều như thủ tướng xa lánh ông.

Xét từ một góc độ nào đó, chứ không phải toàn diện, 20 tháng trong vai trò bộ trưởng Bộ Thuộc địa của Churchill là khoảng thời gian hạnh phúc hơn so với những năm ở Bộ Chiến tranh. Chúng bị chi phối bởi hai khu vực trên thế giới nằm ngoài khu vực trách nhiệm của Bộ thuộc địa trong khoảng thời gian hai năm Churchill làm thứ trưởng (1905 - 1908). Khu vực thứ nhất là Trung Đông, được chuyển giao thực sự từ tay người Thổ Nhĩ Kỳ sang quyền bá chủ của người Anh. Và khu vực thứ hai là Ireland, nguyên một phần của Vương quốc Liên hiệp Anh trở thành lãnh địa với danh nghĩa là Bang Ireland Tự do (Irish Free State), và vì thế được ưu tiên bổ nhiệm một thứ trưởng Thuộc địa trong năm 1930, một vấn đề nằm trong phạm vi trách nhiệm của Bộ Thuộc địa. Về cuối thời kỳ này, khi khối liên minh tiến dần đến thời điểm suy vi, những bày tỏ quan điểm riêng tư của Churchill ngày càng xa rời thành tích của ông và của cá nhân thủ tướng. Tuy

nhien, Churchill cho rằng thành tích của chính ông đã giúp cho nhiệm kỳ Quốc hội 1921 - 1922 trở thành nhiệm kỳ thành công nhất trong sự nghiệp của ông.

Năm 1921 còn được đánh dấu bởi những cái chết liên tiếp đáng sợ trong gia đình ông. Vào ngày 15 tháng 4, Bill Hozier, em trai của Clementine và là cựu sĩ quan hải quân 33 tuổi, tự sát trong một phòng khách sạn ở Paris. Vào ngày 29 tháng 6, một tháng sau khi bị ngã cầu thang trong khi mang giày có gót rất cao và phải chịu cắt cụt chân, Lady Randolph Churchill (mẹ của Churchill) đã chết khi chỉ mới 67 tuổi. Đầu tháng 8 xảy ra cái chết của Thomas Walden, người với công việc đầu đời là giúp việc cho công tước Randolph (cha của Churchill) và trở thành người giúp việc của Churchill khi đến Nam Phi với ông trong năm 1899. Sau đó, vào ngày 23 tháng 8 đã xảy ra cái chết gây đau buồn nhiều nhất cho Churchill là cái chết của Marigold, con út của Churchill chưa đầy bốn tuổi, chết do một dạng bệnh giống bệnh bạch hầu. Cô bé phát bệnh 10 ngày trước ở một ngôi nhà bên bờ biển tại Broadstairs, nơi tất cả các con của Churchill được chăm sóc bởi một nữ gia sư và nhiều cô giữ trẻ. Khi ấy Clementine đang ở Eaton Hall thuộc lâu đài Cheshire của công tước Westminster. Bà vội vã đến Kent với nỗi sầu khổ càng tăng do ân hận vì đã không ở bên con trong những ngày đầu nhiễm bệnh.

Đến cuối năm, gia đình Churchill vẫn không thể nguôi ngoai phần nào nỗi đau khổ do những cái chết kể trên mang lại. Churchill đến Cannes cùng với Lloyd George (đáng ngạc nhiên là khi hai người vẫn còn xa lánh nhau sau vụ bổ nhiệm Home) vào ngày 28 tháng 12 (với một hành động thường thấy ở một số tác giả, Churchill đã đưa cho Thủ tướng đọc hai chương chép tay của tác phẩm *The World Crisis* trên xe lửa). Ngày hôm sau, toàn bộ gia đình Churchill, dưới sự trông nom của Clementine, đã dời đến căn nhà mới ở quảng trường Sussex Square, và bắt đầu phải hứng chịu trận dịch cúm thứ hai. Lúc đầu, hai người hầu gái bị nhiễm bệnh, rồi kế đó là Randolph và Diana (hai con của Churchill). Họa vô đơn chí, một người anh bà con của Churchill đến để giúp chăm sóc trẻ lại bị viêm phổi. Thế là toàn bộ gia đình chẳng khác gì như đang sống trong một bệnh

viện thôn dã, may mắn là có vài y tá đã được tạm thời thuê mượn đến để chăm sóc. Điều đáng ngạc nhiên là trong thư từ trao đổi của gia đình Churchill được gửi đến và gửi đi từ miền nam nước Pháp không hề có sự hoảng loạn, dù là ngay sau cái chết của Marigold và sau trận dịch cúm kinh hoàng. Không lâu sau đó Clementine lại ngã bệnh vì chứng suy nhược thần kinh. Bà bắt đầu bước vào độ tuổi ngũ tuần và đang mang thai lần cuối. Kết quả là Mary (về sau là nam tước phu nhân Soames), được sinh ra vào tháng 9 năm 1922, là người con cuối cùng.

Churchill trở về từ miền nam nước Pháp vào ngày 7 tháng 1, sau 12 ngày và với 20 ngàn từ của tác phẩm *The World Crisis* được viết ở đó. Hai tuần sau, Clementine, đang rất cần bình phục cả về thể lý lẫn tâm lý, đã đến thay chỗ Churchill ở Cannes. Tháp tùng Clementine là Venetia Montagu, người bạn viết văn trước kia của Asquith, và họ đã ở lại khoảng bốn hoặc năm tuần. Vợ chồng Churchill, cặp đôi có cuộc sống hôn nhân thành công nhưng có rất nhiều lúc sống xa nhau dù không đến mức như vợ chồng Gladstone (một ví dụ khác về cặp vợ chồng thủ tướng thành công trong hôn nhân) vào hai phần ba thế kỷ trước. Có lẽ mức độ sống tách biệt đã làm tăng, thay vì làm giảm, sự thành công trong hôn nhân của họ. Trong bất cứ trường hợp nào, nếu cả đôi bên đều có khả năng diễn đạt và có học thức (như trường hợp các cặp vợ chồng Gladstone và Churchill) thì các giai đoạn sống xa nhau dẫn đến quan hệ thư từ, sẽ là nguồn khai thác dồi dào của các nhà viết tiểu sử.

Ý tưởng khác được khơi gợi bởi lối sống này là sự thu hút kỳ lạ của vùng French Riviera (vùng bờ biển nước Pháp chạy dài từ Marseilles đến biên giới nước Ý) đối với tầng lớp lãnh đạo của nước Anh trong thập niên 1920, và ở chừng mực nào đó ít hơn đến tận thập niên 1930. Tạm chí cả những nhân vật vốn dĩ không thích tiếp xúc với những người khác như Bonar Law cũng thường xuyên đến đây, trong khi những người khác tự cho mình là phóng khoáng hơn như Churchill, Lloyd George, F. E. Smith, Beaverbrook, thường đổ dồn về những khách sạn lớn của Monte Carlo, Nice, và Cannes. Và việc này được thực hiện trong ba tháng mùa đông, trong thời gian này, dù có rất nhiều bằng chứng

ngược lại, những người Anh hâm mộ vùng bờ biển này vẫn cho rằng khí hậu ở Côte d'Azur đặc biệt ôn hòa. Sự gắn bó với vùng Riviera đã mang lại lợi ích lớn cho tuyến xe lửa tốc hành *Grands Express Européen*. Tuy nhiên, khi những người Anh diêm tĩnh từ các toa nằm bước ra tại Cannes hoặc Nice, họ bắt đầu sống một cuộc sống rất Anglê. Nếu có tên tuổi đủ lớn, các chính khách Anh có thể diện kiến Clemenceau, Poincaré, Briand, hoặc Herriot khi đi ngang qua Paris. Nhưng khi họ đã nhiễm khí hậu khá ấm áp ở miền Nam, họ hầu như sống cuộc sống như thế trong các cộng đồng người Anh sống tách biệt. Clementine Churchill đã rất thành công trong nhiều vòng thi đấu môn quần vợt ở Riviera. Nhưng hầu như toàn bộ các vận động viên cùng phe với bà và những đối thủ bị đánh bại đều là thần dân của Vua George V, thay vì là các công dân của nước Pháp.

Vai trò của các sông bạc (được xem là bất hợp pháp ở nước Anh thêm nhiều thập kỷ nữa, và thậm chí là ở Pháp vào lúc ấy chỉ cho phép hoạt động tại khoảng 12 thị trấn nghỉ dưỡng) trong việc tạo ra sức hấp dẫn giúp Riviera thu hút du khách lớn đến mức nào? Thậm chí cả Clementine, nhất là khi Churchill không có mặt ở đó, đôi khi cũng cho phép mình thư giãn ở các sông bạc, trong khi Venetia Montagu phần nào nghiện cờ bạc hơn. Churchill rất thích đánh bạc dù thường ăn thua không nhiều. Vì lý do ấy, Clementine có khuynh hướng cẩn thận hơn khi đến các sông bạc lúc Churchill vắng mặt. Điều này không phải vì bà ngại chồng mà vì bà không muốn khuyến khích Churchill nghiện cờ bạc. Có một lý do khiến bà dè dặt đối với F. E. Smith (dù rất thích vợ của ông ta) là tác phong gia trưởng của ông ta cổ vũ việc Churchill thường xuyên đánh bạc.

Bà lo sợ ảnh hưởng xấu về mặt đánh bạc hơn là về mặt uống rượu của Smith. Đây là một cách nhìn sáng suốt dù Birkenhead (F. E. Smith trở thành bá tước Birkenhead từ năm 1919) vào khoảng cuối đời đã góp phần tạo ra thói quen uống quá nhiều rượu của Randolph (con của Churchill và là con đỡ đầu của Smith). Tuy nhiên, Winston Churchill giỏi hơn Birkenhead (hoặc Randolph) trong việc làm cho rượu trở thành người đầy tớ phục vụ chứ không để cho nó

làm chủ. Thứ nhất, ông không uống nhiều như người ta vẫn tưởng dù trữ lượng của ông khá cao. Ông uống để thưởng thức chứ không uống để say. Thứ hai, Churchill vẫn có thể đọc những bài diễn văn trong sáng đến mức đáng ngạc nhiên khi đã rất say. Cơ thể của Churchill có khả năng chuyển hóa thực phẩm rất tốt, điều giúp cho ông sống lâu sau nhiều năm uống rượu trong khi Birkenhead phải từ giã cõi đời lúc 58 tuổi. Thứ ba, Churchill không cần phải thỉnh thoảng dành ra các khoảng thời gian kiêng rượu trong khi Birkenhead đã phải cố gắng uốn nắn thói uống rượu quá nhiều của mình. Vào ngày 9 - 2 - 1921, Churchill đã viết cho Clementine: “F. E. đã bỏ hẳn rượu mạnh suốt một năm, thay vào đó uống rượu táo và gừng, và trông trẻ lại khoảng 10 tuổi. Mèo đừng chế giễu vì ông ta rất nhạy cảm về vấn đề này. Trông ông ta rất buồn, không phải vì Heo”.²²

Và vào ngày 27 tháng 2, Churchill viết thêm: “Tối hôm qua F. E. đã mời anh dùng cơm. Thức uống chỉ có rượu táo. Ông ấy lúc thì hưng dữ lúc lại bình tĩnh, một nhân vật có nhiều hoài bão, rất đáng sợ và trông khá ủ ê. Kết quả của việc tự kiềm chế thói rượu chè quá độ”. Vì trữ lượng khá, Churchill tha hồ tham gia vào các bữa tiệc của xã hội thượng lưu, thậm chí là khá ồn ào đối với một bộ trưởng, nhất là trong mùa đông của hai năm 1921 và 1922, và mùa hè năm 1922, khi Clementine thường ở xa. Xã hội này chủ yếu quây quần quanh vị vua tương lai Edward VIII.

Những năm cuối cùng của chính phủ liên minh còn được đánh dấu bởi hai căn nhà mới của Churchill. Căn nhà thứ nhất đã phủ một bóng mát dài cho những sự kiện trong tương lai của gia đình ông. Và căn nhà thứ hai đã làm cho sự thay đổi này diễn ra nhanh hơn. Vào ngày 6-2-1921, Churchill viết thư cho vợ từ Chequers thuộc trang viên Chiltems, nơi tử tước Lee vùng Fareham dành ra để làm “nơi nghỉ ngơi” của các thủ tướng và người đầu tiên sử dụng là Lloyd George trong tháng trước: “Em sẽ thích khi thấy nơi này. Có lẽ em sẽ được nhìn nó vào một ngày nào đó, nó đúng là kiểu nhà mà em ngưỡng mộ, một bảo tàng chứa đầy lịch sử được trang hoàng với nhiều báu vật. Tuy không đủ ấm nhưng dù sao thì nó vẫn là một thứ tài sản tuyệt vời”.

Căn nhà thứ hai là Chartwell, được hoàn tất vào mùa hè 1922. Đây là một trang viên cân đối và có hình dạng kỳ lạ, tọa lạc ở hạt Kent, cách Westminster chỉ khoảng 24 dặm, và là nơi ở của Churchill trong phần lớn bốn thập kỷ còn lại của đời ông. Dù tọa lạc ở vị trí bán ngoại ô, nó thừa hưởng một thung lũng và nhìn ra một trong những cảnh quan đẹp nhất ở vùng đông nam Anh. Nó là tòa nhà thuộc thời Elizabeth nhưng được xây dựng theo phong cách thời Nữ hoàng Victoria và đã phần nào đồ sộ. Churchill đã nhắm đến nó từ đầu tháng 7 năm 1922. Clementine đã đến xem vào cuối tháng ấy khi bà đến ở gần đó. Lúc đầu, bà tán thành: “Em không thể nghĩ đến điều gì khác ngoài ngọn đồi phủ đầy cây, nhìn từ trên xuống giống như nhìn từ máy bay (em thật sự muốn có nó) nếu được như thế chúng ta sẽ dành ra nhiều thời gian để sống ở đó và sẽ rất... rất hạnh phúc”. Thế nhưng sau đó bà lại không thích vì nghĩ đến chi phí phục hồi, coi nới, và có thể phải thuê mướn thêm người phục vụ. Về sau rất lâu, bà đã nói với cô con gái Mary, người được sinh ra gần đúng với thời điểm hoàn tất trang viên Chartwell (tháng 9 năm 1922) rằng bà đã mua nó vào lúc Churchill ít ngay thật với bà nhất trong 57 năm kết hôn.

Churchill đã mua ngôi nhà này với giá 5.000 bảng (tương đương với 120.000 bảng hiện nay), ít hơn số tiền ông phải bỏ ra để mua trang viên Lullenden nhưng phải tốn thêm rất nhiều công tu sửa. Việc ông tính mua nó (cho dù chủ trương rằng luôn phải tăng thu nhập để bù đắp chi tiêu chứ không phải hạn chế chi tiêu để phù hợp với tình hình thu nhập khó khăn) là do vừa mới được thừa kế Garron Tower ở lãnh địa bá tước Antrim. Churchill bất ngờ nhận được bất động sản này từ bà nội là nữ công tước Frances vùng Marlborough, con gái hầu tước vùng Londonderry. Tuy nhiên, để lời hứa biến thành sự thật, tòng nam tước Henry Vane-Tempest, chỉ lớn hơn Churchill 15 tuổi, người đang được thừa hưởng tài sản này theo di chúc, phải chết trước đã. Thật tiện lợi là vị tòng nam tước này đã qua đời do một tai nạn đường sắt trong tháng 1 năm 1921. Người ta ước tính mỗi năm, trong thập niên 1920, bất động sản này sẽ mang lại nguồn thu nhập là 4.000 bảng, dù sau đó có người nghi ngờ không biết là khoản thu nhập này có

lên đến mức ấy không. Việc sửa chữa trang viên Chartwell rất cần đến khoản tiền ấy.

Churchill đã thuê Philip Tilden, một kiến trúc sư trẻ hợp thời dù không chuyên sâu, người đã tu sửa lại cơ ngơi Port Lympne của Philip Sassoon, và không lâu sau đó là cơ ngơi của Lloyd George ở làng Churt. Tilden dự kiến phải tiêu tốn ít nhất là 20.000 bảng cho Chartwell, một khoản đầu tư tương đương với gần nửa triệu bảng ngày nay, và phải mất khoảng 18 tháng để thực hiện nên phải sau tháng 4 năm 1924, Churchill mới có thể đến ở.

Đúng như những gì được chờ đợi sau công trình tu sửa trang viên Port Lympne, một công trình kiến trúc bán hiện đại vẫn còn được các nhà triệu phú muốn đến tham quan, kiến trúc sư Tilden sau khi tái thiết và coi nới Chartwell đã mang lại cho nó cảm giác sáng sủa và thoáng đãng, khác biệt những kiến trúc buổi đầu của vương triều Tudor (1485 - 1603). Trên thực tế, phòng ăn của nó, nhô ra phía bên trên thung lũng, gợi nhớ những hàng song sắt ban công ở hai chiếc tàu RMS Queen Mary và RMS Queen Elizabeth xưa cũ của hãng du thuyền Cunard. Tilden, cộng thêm công trình của người thiết kế nổi nghiệp với nhiều thập kỷ cư ngụ và đích thân xây tường và lát gạch của Churchill, đã biến Chartwell thành một trong hai nhà tưởng niệm chính khách được nhớ đến nhất ở phương Tây. Đối thủ duy nhất của nó là ngôi nhà riêng của gia đình tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt tại thị trấn Hyde Park. Ở cả hai địa danh, người ta đều có thể dễ dàng tưởng tượng, hầu như là cảm nhận được, sự hiện diện thể chất của hai con người đã giúp chúng nổi tiếng. Tuy nhiên, Clementine đã lo ngại hợp lý rằng việc tậu trang viên Chartwell vượt quá khả năng của gia đình. Chartwell liên tục làm thâm thủng nguồn tài chính của họ và hai lần cần đến sự bổ sung về tài chính, một trong năm 1938 - 1939 và một trong năm 1946, để gia đình Churchill có thể tiếp tục ở đó.

Vấn đề Trung Đông đã chi phối những tháng đầu trong vai trò là bộ trưởng Thuộc địa của Churchill cũng giống như vấn đề Ireland đối với giai đoạn sau. Lloyd George nói với ông rằng ông phải đến Bộ Thuộc địa vào ngày 1-1-1921.

Nhưng phải thêm sáu tháng nữa ông mới có thể nhận ấn triện của bộ này và bàn giao xong mọi công việc có liên quan của Bộ Chiến tranh, nhưng vẫn (phần nào trái khoáy) trông nom Bộ Không quân thêm hai tháng nữa, cho đến khi có thể bàn giao cho người anh em họ là Freddie Guest. Như đã được đề cập, trong thời gian Churchill đến thăm Lloyd George vào ngày 9 tháng 2 ở Chequers, họ đã cùng quyết định triệu tập Hội nghị Cairo trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến 22 tháng 3 (năm 1921). Hội nghị không tập trung vào vấn đề Ai Cập, mà vào những vùng đất phía bên kia kênh đào Suez, nằm giữa Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư, và nhất là Iraq (khi ấy được gọi là vùng Lưỡng Hà [Mesopotamia]). Báo *The Times* cho rằng kế hoạch này phát sinh từ mong muốn của Churchill là tổ chức một buổi tiếp kiến phó vương Ấn Độ. Và Curzon, người trong thời gian giữ chức Toàn quyền Ấn Độ 20 năm trước đã bày tỏ ý nghĩ tương tự: “Churchill đang không thể cưỡng lại ý muốn tự phong làm vua ở Babylon”.

Thật ra, Churchill đã không làm như thế, nhưng ông thật sự thích thú với vai trò phó vương không chính thức. Ông đã đến miền nam nước Pháp để mang theo Clementine trong một hành trình xa hoa từ Marseille đến Alexandria và đã bị ném đá khi đến Cairo bởi những người Ai Cập theo chủ nghĩa dân tộc. Nhưng ông vẫn bằng lòng chủ tọa một hội nghị được tổ chức trong khách sạn Semiramis được bảo vệ nghiêm ngặt, và vẫn lên ra ngoài, cùng với một nhóm quý tộc người Anh (có vài phụ nữ) dễ bị tấn công, để tham quan và chụp ảnh tượng nhân sư và các kim tự tháp sau một hành trình khó nhọc trên lưng lạc đà. Điều mà ông nhất quyết thực hiện là làm sao cho tiểu vương Feisal trở thành một vị vua chư hầu ở Iraq, và sao cho vùng đất lịch sử nổi tiếng ở xung quanh và giữa hai sông Tigris và Euphrates phải thực sự dưới quyền điều khiển của nước Anh với mức công sức bỏ ra thấp nhất. Không lực Hoàng gia Anh là lực lượng cung cấp đơn vị đồn trú duy nhất. Các đơn vị lục quân ở đây (vì một mệnh lệnh kỳ quái nên đang nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Aylmer Haldane, người từng là chiến hữu và bạn tù của Churchill, nhưng Churchill trong giai đoạn này đã gán cho Aylmer Haldane tên gọi “kẻ vu khống đầy ác tâm”) sẽ rút lui trong

năm sau. Vào thời gian này và trong tình hình này, Churchill được cố vấn bởi T. E. Lawrence, người có biệt danh là Binh nhì Shaw.

Rời Cairo, Churchill tiếp tục đến Jerusalem, nơi Herbert Samuel giữ vai trò Đại sứ do Hội Quốc Liên ủy thác cho nước Anh theo tinh thần của Hiệp ước Hòa bình trên vùng Palestine. Tại đó, Churchill tái khẳng định chủ trương ủng hộ chủ nghĩa phục quốc Do Thái ôn hòa, bằng tách tuyên bố rằng chính phủ Anh tán thành việc để cho người Do Thái thành lập hình thức nhà nước theo kiểu nào đó ở Palestine. Điều này được ông biểu tượng hóa bằng cách trồng cây trên núi Scopus, bên cạnh một trường đại học Do Thái mới. Ông đã thành công thật sự trong việc thiết lập một triều đại Ả Rập ở Transjordan, triều đại tồn tại lâu hơn nhiều so với vương triều của Feisal ở Baghdad. Tộc trưởng Abdullah, ông nội của vua Hussein, chiếu theo một hiệp ước do Churchill dàn xếp, đã tự phong làm vua ở Amman với vương quyền bị khống chế bởi nước Anh nhưng không phụ thuộc vị đại sứ ở Jerusalem. Sau đó, Churchill và Clementine thực hiện chuyến đi về quê nhà để nghỉ phép, mất hai tuần đi qua Alexandria, Sicily, và Naples, và mãi đến ngày 12 tháng 4 mới về đến London sau sáu tuần rời xa quê nhà.

Sau đó, Churchill bàn giao trách nhiệm của Bộ Không quân, trách nhiệm mà ông đã mang theo một cách không thích hợp khi chuyển sang Bộ Thuộc địa. Điều này không có nghĩa là ông sẽ có nhiều thời gian hơn dành cho châu Phi và quần đảo Tây Ấn (West Indies), những vùng đất mà theo truyền thống nằm trong lĩnh vực trách nhiệm của Bộ Thuộc địa, vì ông đã hầu như ngay lập tức bị chìm ngập trong vấn nạn Ireland. Những vùng nằm bên ngoài hai khu vực trên được giao cho các quan chức thường trực với sự hỗ trợ của Edward Wood, một nghị sĩ 39 tuổi đại diện cho khu vực bầu cử Yorkshire. Sau đó, Wood trở thành nam tước Irwin (khi ông đến Ấn Độ năm năm sau trong vai trò phó vương). Và kể đó, khi là tể tướng Halifax, Edward Wood trở thành ngoại trưởng của chính phủ Chamberlain và là người dễ dàng ngăn chặn việc Churchill trở thành thủ tướng trong tháng 5 năm 1940.

Trong tháng 5 năm 1920, tại Bộ Chiến tranh, Churchill đã phải gánh vác một

trọng trách, tuyển mộ và triển khai lực lượng *Black and Tans* và các cựu sĩ quan của lực lượng này để bổ sung cho lực lượng Auxis. Họ thuộc dạng Freikorps (chiến binh tự do), những người mà chiến tranh không mang lại cho họ tất cả sự khùng khiếp của nó và hòa bình không cung cấp đủ họ cho cơ hội có công ăn việc làm. Họ được giao nhiệm vụ cố gắng sử dụng vũ lực để trấn áp khùng bố hoặc đúng hơn là khùng bố để chống lại khùng bố. Trong năm 1920, chính quyền Anh ở Ireland tan rã nhanh chóng. Quốc vụ khanh Hamar Greenwood vẫn tiếp tục lạc quan cho dù sự thất bại của các lực lượng đang rối loạn là chuyện một sớm một chiều. Lời khuyên của ông tại bữa tiệc ở dinh thị trưởng vào tháng 11 năm ấy (1920) đã dẫn đến việc Lloyd George đưa ra lời tuyên bố kỳ lạ rất đáng tiếc rằng: “Chúng ta đã nắm được cổ họng những kẻ sát nhân”. Thật ra, nhà cầm quyền Anh ở Ireland ngày càng thu mình lại, chỉ còn kiểm soát được ba hoặc bốn hạt nằm quanh Dublin, nhưng thậm chí cũng rất khó bảo vệ những hạt này. Vào tháng 10, thị trưởng hạt Cork, một quan chức không có dáng vẻ của một ủy viên lập pháp mà là của một nhà thơ nhạy cảm, đã chết trong một nhà tù ở London sau 74 ngày tuyệt thực. Điều này đã dẫn đến tình trạng bạo lực gia tăng, nhất là ở vùng tây nam, khiến cho nhà chức trách, phải áp đặt tình trạng thiết quân luật ở các hạt Tipperary, Cork, Kerry và Limerick, như một biện pháp đối phó. Một trong những hậu quả đầu tiên là một phần quan trọng của thành phố Cork đã bị đốt vào ngày 11 tháng 12 (bởi các lực lượng của Anh).

Sự kiện này và những vụ việc khác đã gây ra phản ứng bất lợi cho chính phủ Anh trong giới báo chí quốc tế, cũng như gây ra nhiều chỉ trích trong nước. Đúng như người ta chờ đợi, Churchill là người đầu tiên ủng hộ việc thiết lập ưu thế quân sự để trấn áp lực lượng của Shin Fein (một đảng phái chính trị ở Ireland), đảng đã đưa Đảng Dân tộc Ireland Ôn hòa vào quên lãng trong cuộc bầu cử năm 1918, và trấn áp lực lượng quân đội của đảng này trước khi đàm phán với họ. “Không nản lòng khi thất bại, cao thượng khi chiến thắng” là một trong những câu cách ngôn mà Churchill thích nhất trong đời ông. Và vào cuối năm 1920, quân Anh đã không giành được chiến thắng nào ngoại trừ trong cái

nhìn lạc quan muôn thuở của Greenwood. Tuy nhiên, tính hung hăng chống lại thách thức thuộc bản năng của Churchill đã bị kiềm chế bởi tính cứng đầu cố hữu của người dân Ireland đang vô cùng bất mãn và bởi những lời chỉ trích sắc bén phát xuất từ nơi không xa nơi ở của ông bao nhiêu. Vào ngày 18 - 2 - 1921, từ Beaulieu-sur-Mer, Clementine đã viết một trong những bức thư thẳng thắn nhất của bà:

Liệu vào lúc này anh có sử dụng ảnh hưởng của anh cho một kiểu xoa dịu nào đó hoặc một mức độ công lý nào đó ở Ireland hay không (hãy thử đặt mình vào vị trí của người Ireland). Nếu anh là người lãnh đạo của họ, hẳn là anh sẽ không chùn bước trước sự hà khắc, lại càng không chùn bước trước sự trả đũa giáng lên đầu những người công chính lẫn những người quá khích. Anh nói (trong một bức thư mới đây) rằng xem ra những lời khẳng định đầy tự tin của Hámarr [Greenwood] đã không phát xuất từ những sự kiện có thật. Em rất xấu hổ khi nghĩ rằng những người như anh và thủ tướng mà lại nghe lời một người như Hamarr, một tên thực dân đáng báng bổ, một gã táo tợn, một thằng hề. Em nghĩ là ông ta đã thực hiện công việc thuộc lĩnh vực hành pháp của ông ta một cách gan dạ và hiệu quả (dù xét từ việc ông ta được toàn bộ tổng hành dinh cảnh sát London hậu thuẫn, ông ta chẳng có lý do gì để phải lo sợ)... Em luôn buồn và thất vọng khi thấy anh có khuynh hướng cho rằng việc sử dụng đường lối quả đấm thép “tàn khốc” là chuyện đương nhiên...

Thật khó đánh giá mức độ tác động của bức thư gay gắt và đầy sức thuyết phục này đối với Churchill. Trong Nội các, Churchill tiếp tục là người ủng hộ đường lối cứng rắn ít nhất là cho đến hai hoặc ba tháng sau khi đường lối này được đề xuất. Nhưng sự xung đột nội tâm của ông bắt đầu ngày càng tăng. Dĩ nhiên là trước chiến tranh, Churchill hầu như là một người cương quyết ủng hộ Dự luật Ireland Tự trị, dù so với một số đồng sự thì ông nhạy cảm hơn đối với

vấn đề Ulster, có lẽ một phần là do truyền thống gia đình. Nhưng vào lúc này, vấn đề Ulster đã nằm ngoài tầm với, Quốc hội riêng của nó đã được thành lập theo một đạo luật năm 1920. Ông sẵn sàng thừa nhận “tất cả những gì mà Gladstone đã cố gắng tranh đấu” cho Ireland. Dường như ông không nhận thấy rằng đã trễ đến 30 năm cho một giải pháp “liên kết được những trái tim” trong một chính thể đế quốc. Nhưng bất cứ chủ trương nào cắt đứt mối liên kết của Ireland với vương triều Anh, đều có thể làm nảy sinh hiểm họa xuất hiện một “nước cộng hòa cách mạng”, đều bị ông căm ghét. Churchill còn chủ trương rằng chính sách khủng bố phải bị triệt tiêu trước khi những đòi hỏi của Ireland, thậm chí là hợp pháp, có thể được chấp nhận. Tuy nhiên, thắng lợi như thế đã tỏ ra là rất khó đạt được đến mức gây bức mình.

Sau đó xảy ra cái mà Churchill mô tả là “sự thay đổi chính sách hoàn toàn và bất ngờ nhất” trong lịch sử của chính phủ Anh hiện đại. “Trong tháng 5, toàn bộ guồng máy quyền lực của nhà nước và toàn bộ ảnh hưởng của chính phủ liên minh đã được sử dụng để lùng sục và bắt giữ những kẻ sát nhân. Trong tháng 6, mục tiêu được đặt ra là hòa giải lần cuối cùng với người Ireland”. Churchill đã không giữ vai trò quan trọng trong sự thay đổi mang tính lịch sử trong quan điểm của Nội các. Về cơ bản, sự thay đổi diễn ra là do tác động của Lloyd George. Cho đến lúc ấy, thủ tướng tin rằng ông có thể tuyệt đối trông cậy vào các thành viên Đảng Bảo thủ, những người mà ông đã đưa vào Nội các để hậu thuẫn cho chính sách kiên quyết ủng hộ quyền tối thượng của nhà vua Anh ở Ireland. Sau đó, ông đột nhiên biết được rằng họ đang trở nên mất hết dũng khí, hoặc nói dễ nghe hơn, họ có một lương tâm phóng khoáng nhạy cảm như chính ông. Churchill đã viết với đôi chút mỉa mai về sự thay đổi chính sách ở Lloyd George. Ông đã không thật sự ủng hộ nó, nhưng (trái ngược với bản chất dễ gây gổ của ông) cũng không chống lại nó. Có lẽ ông chấp nhận nó nhưng không hoàn toàn, có thể là do hiệu ứng muộn bởi *kiến nghị* tháng 2 của Clementine.

Được hậu thuẫn bởi bài diễn văn hòa giải do Edward Grigg viết (cho các bộ trưởng nhưng lại được chính Vua George V đọc tại lễ nhậm chức của Quốc hội

Bắc Ireland vào ngày 22 tháng 6) và bị lung lay bởi những báo cáo gây nản lòng được gửi về từ tướng Macready (người phát hiện được rằng bộ tư lệnh của người Ireland rất khó bảo chứ không như sở cảnh sát London mà trước kia ông từng chỉ huy), chính phủ Anh đã nhắm đến một hiệp ước ngừng bắn với người Ireland. Nó là một ví dụ kinh điển cho thấy sự đúng đắn của câu nói: “Sương mù chiến tranh giúp mang lại hòa bình”. Không có bên nào nhận biết rằng, đối phương ít nhất cũng rã rời như chính họ. Hiệp ước này có hiệu lực từ tháng 7 năm 1921.

Eamon De Valera, lãnh tụ của đảng Sinn Fein, khi ấy chỉ mới 38 tuổi, một người lăm mừm và dễ làm người khác nản lòng khi phải đối phó, đã tham gia các cuộc đàm phán giữa Anh và Ireland. Cuộc thăm viếng phủ thủ tướng Anh đầu tiên của Eamon De Valera diễn ra vào ngày 14 tháng 7. Ông hiên ngang đi trên phố Downing, một con đường nổi tiếng, nơi tọa lạc của dinh thủ tướng Anh nhưng vào thời ấy không được gia cố nhiều, với sự thấp túng của những kẻ dày dạn nổi tiếng chẳng kém. Cuộc họp giữa Lloyd George và De Valera đã không giúp gì nhiều cho các vấn đề còn tồn đọng. Lloyd George đã tự đề cao bằng cách chứng minh rằng uy quyền của ông trên một nhánh của tộc người Celtic lớn hơn uy quyền của De Valera trên những người Ireland anh em của ông ta. Tuy nhiên, một tiến trình đàm phán hầu như không thể đảo ngược nhưng đồng thời cũng rất phức tạp đã bắt đầu. Tiến trình đàm phán lộn xộn và náo động giống như Nội các đang trong một kỳ nghỉ đặc biệt, diễn ra vào ngày 7 tháng 9 trong tòa thị chính của thị trấn Inverness (thuận tiện cho thủ tướng và được cho là cũng thuận tiện như thế đối với những người khác, vì các thủ tướng Anh khi ấy thường đến vùng Highland nằm ở miền bắc Scotland để nghỉ vào đầu mùa thu). Và việc hai phái viên người Ireland do De Valera phái đến với những yêu cầu quá đáng của phe Cộng hòa bị sa thải đã dẫn đến một hội nghị quan trọng kéo dài được tổ chức tại London vào ngày 11 tháng 10. Phái đoàn Scotland đến từ Dublin gồm: Arthur Griffith, một trí thức châu Âu và đồng thời cũng là một chính khách chính trực nhưng kém nhạy bén, Michael Collins, một học giả đầy năng lực sáng tạo, người mà vào độ tuổi 30 đã trở thành một Bonaparte của Ireland (danh tiếng không lấy

lừng bằng Napoléon vì sức mạnh quân sự của Ireland không bằng Pháp), một tướng lĩnh cách mạng, giỏi về chiến tranh du kích và biết tiến thoái, và ba người khác ít quan trọng hơn là Barton, Duffy và Duggan. Người vắng mặt đáng được quan tâm là De Valera. Với một nhận thức tốt về hoạt động chính trị, nếu không muốn nói là về nghệ thuật quản lý nhà nước, ông đã lùi lại phía sau để cho những người thay thế nhận lãnh trách nhiệm đàm phán để khi cần ông có thể phủ nhận thành quả của hội nghị.

Đoàn đại biểu của Anh nhiều hơn đoàn của Ireland một thành viên, vì kết quả không được quyết định bởi đa số nên người ta không rõ là việc có nhiều hơn một thành viên này có mục đích gì. Đoàn đại biểu này gồm thủ tướng, Austen Chamberlain trong vai trò là người lãnh đạo của những người chủ trương hợp nhất Anh - Bắc Ireland (vào lúc ấy), Birkenhead trong vai trò là chủ tịch Thượng viện, Laming Worthington-Evans, thay thế Churchill làm bộ trưởng Chiến tranh, người đã cho thấy rằng độ dài của tên gọi không bảo đảm cho sự nổi tiếng lâu dài, Hamar Greenwood trong vai trò là quốc vụ khanh (của Anh) Ireland, và Churchill trong vai trò là bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Đây là một uỷ ban Nội các rất hùng hậu, gồm hai người chống đối mạnh mẽ đạo luật Ireland Tự trị tiền 1914 (gồm Chamberlain và Birkenhead) và ba đảng viên Đảng Tự do của chính phủ liên minh (gồm Lloyd George, Churchill, và Greenwood). Hội nghị này diễn ra trong bầu khí “dè dặt thăm dò” cho đến đầu tháng 12, với việc các đại biểu của Ireland tạo ra ấn tượng kỳ lạ như thể họ là hai nhân vật Tamino và Papageno trong vở *Cây sáo thần* (của Mozart) sau cuộc hành trình từ Ai Cập đến vương triều của *Nữ hoàng bóng đêm* (nhân vật trong vở *Cây sáo thần*, có vai trò rất giống với Lloyd George). Tuy nhiên, các đại biểu của Ireland sau những tiến trình kéo dài hơn dự kiến của hội nghị đã bắt đầu hình thành mối quan hệ với các đại biểu của Anh còn thân thiết hơn là mối quan hệ của họ đối với De Valera, nhất là mối quan hệ giữa Collins và Churchill.

Churchill không có vai trò gì lớn trong những cuộc đàm phán. Ông nói rằng vai trò của ông chỉ thuộc hàng thứ yếu và đề cao vai trò của Birkenhead, người

trợ lý của Carson trong khoảng thời gian 1912 - 1914. Birkenhead là một động lực lớn giúp giải quyết các cuộc đàm phán, người mà trong một cuộc tranh luận sau đó đã đưa ra một trong những lời phản đối nổi tiếng nhất nửa đầu thế kỷ ấy để chỉ trích khối liên minh cũ. Trong cuộc tranh luận tại Thượng viện vào ngày 14 tháng 12 (1922), ông đã nói: “Về bài diễn văn của nam tước Carson, xét từ góc độ là một nỗ lực mang tính xây dựng liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo đất nước, nó chỉ như là một bài phát biểu ấu trĩ từ cửa miệng của một nữ sinh trung học quá kích động”. Người bạn thân nhất của Churchill, người mà vào những ngày trước khi trở thành bá tước Birkenhead đã được gán cho biệt danh là “Chuck it Smith” (Đủ rồi, Smith), cụm từ được trích ra từ khúc ballad đáng nhớ của Chesterton, không bao giờ có thể bị cáo buộc là che giấu cảm xúc của mình. Nhưng không thể đánh giá thấp giá trị của mối quan hệ của chính Churchill với Collins, trung tâm sức hút của đoàn đại biểu Ireland. Churchill đã đưa Collins đến quảng trường Sussex, chỉ cho ông ta thấy tuyên bố năm 1899 của Pretoria (thành phố ở đông bắc Nam Phi) nói rằng sẽ thưởng 25 bảng Anh cho người nào giao nộp đầu của mình và so sánh giá này với 5.000 bảng mức thưởng cho người giao nộp Collins 20 năm sau.

Nhưng đây không phải là sự so sánh mang tính nịnh bợ. Churchill luôn rất khéo trong việc quan hệ với những đối thủ cũ, mà Botha và Smuts là hai ví dụ tiêu biểu nhất. Collins khá phù hợp với nhóm của họ. Nếu Collins còn sống, có lẽ Churchill đã mời ông ta tham gia hội tiệc tùng Other Club (hội do Churchill và F. E. Smith thành lập năm 1911, tụ tập cứ mỗi nửa tháng để cùng ăn tối nhân dịp Quốc hội nhóm họp). Và có lẽ Collins sẽ đồng ý tham gia và đến London hai hoặc ba lần mỗi năm (hội này đã tụ tập khoảng tám lần) để dùng cơm với các chính khách, các tướng lĩnh quân đội, và những công chức khác do Churchill chọn (cho đến năm 1930 do Birkenhead chọn).

Tuy nhiên, Collins đã chết, và Griffith cũng thế. Khi họ đồng ý ký kết Hiệp ước Ireland vào tháng 12 năm 1921, cả hai đều cảm thấy rằng họ đã ký bản án tử cho mình. Khi đã giúp cho hiệp ước này được Dail (Hạ viện Ireland) thông qua

(nhưng vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của De Valera, và chỉ nhận được 64 phiếu ủng hộ [với 57 phiếu chống]) và thành lập chính phủ lâm thời của Nhà nước Ireland Tự do, cả hai đều chết. Griffith ở tuổi 50 và Collins chỉ mới 31, chỉ trong vòng chín tháng sau khi ký kết hiệp ước. Griffith chết do đau tim, còn Collins, người thoát chết sau nhiều lần bị lực lượng *Black and Tans* ám sát, đã bị phục kích và bị giết chết bởi các đối thủ cũ trong cuộc nội chiến Ireland. Dù không có vai trò quan trọng trong việc ký hiệp ước, nhưng vì là bộ trưởng lãnh trách nhiệm duy trì những mối quan hệ với thuộc địa mới nên Churchill trở thành người chịu trách nhiệm chính đối với việc thực thi hiệp ước. Chắc chắn là có sự tôn trọng lẫn nhau, thậm chí là tình bạn, đã được thiết lập giữa Churchill và Collins. Không lâu trước khi chết, Collins đã gửi một tin nhắn thông qua một người trung gian: “Nói với Winston là chúng tôi không thể làm được gì nếu không có ông ta”. Tin nhắn này đã làm vui lòng Churchill và ông đã ghi lại nó trong tác phẩm *The Aftermath* và đã viết về Collins với những dòng tôn kính, chân thật và không ủy mị: “Thừa kế một di sản đầy tai họa, lớn lên giữa những điều kiện khắc nghiệt và đi qua những thời điểm khủng khiếp, ông có nhân cách và những hành động mà nếu không có chúng thì nhà nước Ireland đã không được tái thành lập”.

Những hành động có liên quan đến Ireland của Churchill trong năm 1922 không phải là luôn sáng suốt. Trong tháng 4, khi những người nổi loạn chiếm một địa điểm mang tính biểu tượng cao là Four Courts (nơi tọa lạc của tòa án tối cao và tòa đại hình của Ireland) ở Dulin, nên ngay lập tức đe dọa chính phủ lâm thời. Vì đây là trung tâm pháp lý, nó gợi nhớ ký ức về việc chiếm giữ Bưu điện Trung tâm trong thời gian diễn ra cuộc bạo loạn lễ Phục sinh (Easter Rebellion) mới sáu năm trước, nên ông muốn tướng Macready nã pháo vào nơi bị chiếm giữ bằng những khẩu bích kích pháo đặt tại Phoenix Park. Tướng Macready đã sáng suốt hơn. Ông nói là không đủ đạn và đã giao việc ấy cho các lực lượng của Collins. Ông cho các lực lượng này mượn súng và về sau đã phá hủy những khẩu súng này.

Tuy nhiên, nói chung là Churchill đã đánh giá được rằng không thể rút lui và đã làm tất cả những gì có thể để ổn định tình hình. Ông trở nên kiên quyết hơn sau vụ IRA (Quân đội Cộng hòa Ireland) ám sát Henry Wilson khi ông này đang bước vào nhà của mình ở quảng trường Eaton trong bộ quân phục thống chế lục quân. Ông rất công bằng trong việc giải quyết các vụ việc ở vùng biên giới giáp ranh với Ulster. Và ông rất có uy và tự tin khi trông nom công việc của Ireland tại Hạ viện. Chính những điều này đã mang lại cho ông quan điểm tự đề cao bản thân trong kỳ họp Quốc hội 1921 - 1922.

Đây cũng là kỳ họp cuối cùng của chính phủ liên minh và cũng là thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thủ tướng của Lloyd George. Churchill đã khá bình thản trước những triệu chứng báo trước sự tan rã của chính phủ này. Chuyển đi nghỉ lễ Giáng sinh đến Cannes của Churchill và Lloyd George vẫn không giúp phục hồi sự ngưỡng mộ của Churchill dành cho Lloyd George trong vai trò là một cộng sự cấp trên trong mối quan hệ hợp tác mang tính xây dựng. Từ Cannes, vào ngày 4 - 1 - 1922, Churchill đã viết cho Clementine: “Thủ tướng tỏ nhạt một cách khác thường. Anh chưa từng thấy ông ấy như thế bao giờ... So với trước kia, dường như ông ấy thiếu hẳn sinh khí”. Ba tuần sau, Churchill lại viết: “Ở Lloyd George, anh thấy không có sự tự tin khi đánh giá vị trí của hải quân. Đối với Lloyd George, bất cứ điều gì đáp ứng tâm trạng của ông vào lúc này, sự bép xép của những kẻ không hiểu chuyện, và những tờ báo dễ bảo, là đã quá đủ”. Đồng thời họ thân mật với nhau một cách khác thường. Một tuần sau đó, Churchill lại viết cho Clementine, lúc này đang ở miền nam nước Pháp: “Anh dùng cơm tối với Jack và Goonie vào đêm kia, nhưng thường thì (ba đêm trong mỗi bốn đêm) thủ tướng, F. E. [Birkenhead], Max [Beaverbrook], và anh cùng dùng cơm tối với nhau”.

Tuy nhiên, Churchill vẫn hoàn toàn được phép cung cấp cho thủ tướng những lời khuyên thẳng thắn và thường là sáng suốt. Trong khi diễn ra những cuộc đàm phán với Ireland, có lúc Lloyd George, do bị tác động bởi sự chống đối của Đảng Bảo thủ và bởi những âm mưu của Ireland, đã muốn đầu hàng và

từ chức. Và rõ ràng tình huống này bị tác động phần nào bởi một cơn giận hờn ấu trĩ - “Rồi đây quý vị sẽ phải hối tiếc khi tôi ra đi”. Churchill đã kiên quyết bảo ông ta: “Hầu hết các chính khách đều rơi vào quên lãng khi từ bỏ vị trí của mình. Trong khi đó, những người vô cùng tầm thường lại trở thành quan trọng khi có được vị trí đó... Luôn luôn tồn tại ảo tưởng cho rằng không thể thành lập một chính phủ thay thế”.

Trong lần bất hòa kể đó và là bất hòa sau cùng của chính phủ liên minh, Churchill lại đứng về phe Lloyd George, chủ yếu là vì bản chất hay gây gổ của ông, dù ông không khéo léo cho lắm. Lần bất hòa này có liên quan đến cuộc đối đầu ở Chanak tháng 9 năm 1922. Hiệp ước Sèvres ký kết với người Thổ (một trong những hiệp ước phụ của Hiệp ước Versailles) đã trao một phần lớn khu vực Tiểu Á cho người Hy Lạp. Lloyd George luôn tỏ ra có cảm tình quá mức với Hy Lạp, ông tin rằng họ là chủng tộc chiến binh vĩ đại giống như người Celt. Nhưng phẩm chất chiến binh của người Hy Lạp lại không đủ cho vai trò này. Và trong mùa hè năm 1921, Mustapha Kemal, người sáng lập nước Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, đã đẩy hầu hết các lực lượng của Hy Lạp vào vùng biển Aegean và đe dọa đội quân đồn trú nhỏ của Anh tại Chanak bên eo biển Dardanelles. Và việc này gợi ý rằng các eo biển đi vào nội hải Marmora và kể đó là vào Constantinople và Biển Đen sẽ bị đóng lại. Chưa từng có sự kết hợp giữa đất liền và biển nào sống động và gây nhức nhối đến thế trong tâm trí của Churchill. Những vùng bờ biển tràn ngập hài cốt của những người chết trận trong năm 1915, và lẫn trong những bộ hài cốt là danh tiếng của ông. Nhưng ông vẫn sẵn sàng ủng hộ thủ tướng, nếu cần, trong một cuộc xung đột khác ở đó. Một lần nữa, ông đã quá cường điệu sự ham muốn của công chúng Anh. Và ông còn cường điệu hơn thế nữa đối với các lãnh thổ tự trị trong Vương quốc Liên hiệp Anh, đối với một cuộc chiến khác (cho dù là cuộc chiến nhỏ) trong vòng chưa đến bốn năm sau Hiệp ước Armistice. Nhiệm vụ đặc biệt của Churchill là huy động sự ủng hộ của các lãnh thổ tự trị, và ông đã không mấy thành công. Lời bào chữa duy nhất của ông là các thủ tướng, từ Wellington đến Ottawa, đã khá chậm chạp với các cỗ máy giải

mã của họ. Vì thế, một thông báo giao ước, được đưa ra bởi Lloyd George nhưng do Churchill soạn thảo, đã được công bố trước khi các bức điện tín được gửi đi. Họ đã không hài lòng. May mắn là người Thổ đã đồng ý không tấn công khu vực của người Anh ở Chanak mà không cần phải, nói theo một cụm từ trước kia của Churchill, “xác minh lại những vấn đề nghiêm trọng”.

Đây là lần bộc phát sau cùng chủ nghĩa phiêu lưu của Lloyd George. Năm tuần sau, chính phủ liên minh không còn. Nó bị giết chết bởi các thành viên Đảng Bảo thủ chống lại thủ tướng dựa trên ưu thế đa số của họ. Churchill đã không có vai trò gì quan trọng trong sự kiện gây ấn tượng sâu sắc sau cùng. Nó là vấn đề của Đảng Bảo thủ, và ít ra trên danh nghĩa, Churchill vẫn là thành viên của Đảng Tự do. Và ông lại càng phải đứng ngoài do đang bị chứng viêm ruột thừa cấp tính và phải trải qua phẫu thuật vào hôm trước ngày Lloyd George mất chức thủ tướng. Lloyd George không bao giờ được trở lại vị trí. Vận mệnh của Churchill kém rõ ràng hơn nhiều, nhưng ông không bao giờ như thế một lần nữa trong vai trò là thành viên Đảng Tự do.

Chương 20

MỘT CHÍNH KHÁCH KHÔNG ĐANG PHẢI

Vào ngày Lloyd George bị buộc phải từ chức, Thứ năm ngày 19-10-1922, Churchill phải nằm chữa trị trong một bệnh viện tư nhỏ tọa lạc tại quảng trường Dorset Square thuộc quận Marylebone, đang hồi phục sau khi được mổ ruột thừa chiều hôm trước. Mãi đến ngày 1 tháng 11, là 13 ngày sau khi mổ, Churchill mới có thể di chuyển một quãng đường ngắn để về nhà tại quảng trường Sussex. Tuy nhiên ông vẫn còn phải nằm dưỡng sức và phải thêm 10 ngày nữa mới có thể ra khỏi nhà. Việc bị bệnh đột ngột không chỉ khiến cho Churchill không thể chứng kiến việc Lloyd George bị hạ bệ, mà tai hại hơn nữa là nó còn gây trở ngại cho triển vọng chính trị của ông, khiến cho ông không thể vận động tranh cử trong cuộc tổng tuyển cử diễn ra sau đó không lâu. Cuộc bầu cử này được yêu cầu tổ chức vào ngày 26 tháng 10. Phải đến ngày 11 tháng 11, Churchill mới có thể xuất hiện với dáng vẻ xanh xao tiêu tụy ở khu vực bầu cử Dundee, chỉ bốn ngày trước ngày bỏ phiếu. Clementine đã đến đó trước để chuẩn bị. Cho dù sức khỏe không tốt, Churchill vẫn hoạt động trong thời gian bị buộc phải vắng mặt. Từ khu Tây London, ông gửi đến cho cử tri Dundee nhiều tuyên ngôn và nhiều tiểu luận chính trị. Một trong số này là một văn kiện dài 2.000 từ gửi cho vị chủ tịch mới của ông, là văn kiện mà báo *The Times* đã công bố trọn vẹn vào ngày hôm sau. Bốn văn kiện khác hầu như dài không kém có tiêu đề là “Winston S. Churchill: Những ghi chú dành cho cử tri”, nhưng để chính xác hơn, tiêu đề này nên được đổi thành “Những bất mãn hiện thời của chúng ta: Những suy nghĩ từ một giường bệnh ở London”. Dù vẫn còn mang lại sự lý thú cho người đọc nhưng chúng hoàn toàn bị mắc kẹt trong những giả định

của nhóm chính khách nòng cốt ở thủ đô và không phù hợp với thị hiếu của cử tri ở khu vực hành chính Tayside. Đại đa số cư dân của Dundee là những người rất nghèo, và những nhóm người vận động cho Churchill rất khó khăn khi phải lôi kéo những người vô sản. Churchill dù rất thông cảm với những người nghèo khổ (ông viết cho *Herbert Albert Laurens Fisher* sau khi cuộc bầu cử đã có kết quả rằng: “Nếu ông thấy được cuộc sống mà người dân Dundee phải chấp nhận, hẳn ông phải thừa nhận rằng họ có nhiều lý do để đáng được tha thứ”) cũng không thể dễ dàng tự điều chỉnh để có thể thu phục tầng lớp túng quẫn này.

Cho dù báo cáo y tế đã giải thích việc ông vắng mặt, những người nghèo khổ căm ghét những kẻ có đặc quyền vẫn không dễ dàng tha thứ cho ông: “Các cố vấn y khoa của Churchill gồm tử tước Dawson, Crisp English, và bác sĩ Dr Hartigan, đã nhất trí tán thành thời điểm mà Churchill tạm thời đưa ra, Thứ bảy ngày 11 tháng 11, sẽ là ngày Churchill có thể đọc diễn văn trước công chúng Dundee. Việc Churchill có thể thực hiện dự định này hay không phải dựa vào tình hình trong bốn hoặc năm ngày tới, khi cuộc hội chẩn bổ sung được thực hiện”.

Churchill, liên danh với một người lớn tuổi hơn ở địa phương là ứng cử viên khác của Đảng Tự do Dân tộc, có ba ứng cử viên khác ở bên trái, hoặc có thể là bốn nếu tính thêm ứng cử viên độc lập thuộc Đảng Tự do (người ủng hộ Herbert Henry Asquith)... Mỗi đe dọa thật sự đến từ đối thủ lưu niên của ông là Scrymgeour, người trên danh nghĩa vẫn là ứng cử viên độc lập chủ trương ủng hộ luật cấm rượu nhưng trên thực tế ngày càng có khuynh hướng liên danh với E. D. Morel, một ứng cử viên Công Đảng, người sáng lập Liên minh Kiểm soát Dân chủ (Union of Democratic Control) và cũng là nhà tranh đấu chống lại sự chiếm hữu nô lệ ở châu Phi, từng là một trong những người chống đối chiến tranh được kính trọng. Churchill đã sai lầm khi nghĩ rằng Morel sẽ không hợp tác với Scrymgeour mà là với William Gallacher. Từ nơi nghỉ dưỡng ở quảng trường Dorset, Churchill đã lên tiếng công kích cả hai người với lời lẽ nặng nề nhất: “Một chương trình ăn cướp và sung công vô cùng nguy hiểm đối với sự

thịnh vượng đang hồi sinh của đất nước, được truyền cảm hứng bởi tầng lớp đồ kỹ và học thuyết ghen tị, oán hờn và hiểm độc, đang được cổ vũ mạnh mẽ ở Dundee bởi hai ứng cử viên bị tẩy chay vào cuối cuộc chiến. Phải ngăn ngừa họ gây hại thêm cho việc bảo vệ đất nước”.

Chắc chắn trong giai đoạn này, khi đang chống lại tâm trạng thất vọng do phải nằm trên giường bệnh, Churchill theo đuổi chính sách tấn công *toàn diện* và không tự giới hạn bản thân vào với cánh tả. Ông tuyên bố mình là người bạn đích thực và lâu năm của Lloyd George. Và khi Reginald McKenna, lần đầu tiên trong suốt nhiều năm trên chính trường, đang trong tình trạng dễ bị chỉ trích, Churchill đã bất ngờ công kích ông ta với thái độ thù địch cố hữu.

Không chỉ các chủ ngân hàng (ý nói là các đối thủ của Churchill [đã được đề cập bên trên] trong cuộc tranh cử) là đối tượng sự chỉ trích của Churchill từ giường bệnh. Tân thủ tướng Bonar Law cũng không bị bỏ sót. Nhưng Beaverbrook, người phụ tá của Law và là bạn cũ của Churchill từng cặp kè bên ông từ St Omer cho đến những bữa cơm tối thân mật với Lloyd George, mới là người bị Churchill dành cho lượng nọc độc mạnh nhất.

Nhưng chiến dịch tranh cử vẫn tiếp tục là một cơn ác mộng đối với nhóm người vận động cho Churchill. Clementine đã đến đó vào ngày 5 tháng 11, và rõ ràng là bà đã phải trải qua thời điểm đáng sợ trước và sau khi Churchill đến vào ngày 11 tháng ấy. Có một sự phù hợp đáng buồn là những người ủng hộ mà bà đã ở cùng khi mới đến lại sống trong khu phố Dudhope Terrace. (Sau khi Churchill đến, bà theo ông đến ở tại Khách sạn Hoàng gia). Họ lệ thuộc quá nhiều vào sự giúp đỡ từ bên ngoài, và hàng nhập khẩu mà họ chọn xem ra không phù hợp với Dundee. Nhân vật nổi bật nhất trong cuộc bầu cử được dự định sẽ là cựu chủ tịch Thượng viện Birkenhead. Clementine đã tỏ ý khinh miệt khi nói về thành tích của ông này. Bà nói: “Ông ta là một kẻ vô tích sự, một con sâu rọu”.

Ngay khi vẫn còn xanh xao mệt mỏi, Churchill đã đến Dundee vào sáng ngày 11 tháng 11, đi theo ông là một nữ y tá và một thám tử. Một bữa tiệc chào

đón vui vẻ đã được tổ chức ở sân ga xe lửa, nhưng Churchill quá yếu nên không thể bước lên các bậc cầu thang để lên mặt đường và phải nhờ máy nâng hàng hóa nhấc lên. Sau đó, cũng trong buổi sáng hôm ấy, ông đã tham dự lễ kỷ niệm ngày ký hiệp định chấm dứt Thế chiến I với trang phục đính 11 huân chương, điều mà không đối thủ nào của ông có thể có được, những điều này chẳng giúp gì nhiều cho ông trong cảnh ngộ nghèo khổ và vỡ mộng mà Dundee đang lâm vào. Vào buổi chiều, Churchill tổ chức một cuộc gặp mặt gồm 3.000 cử tri sôi nổi trong thánh phòng Caird Hall.

Phần lớn cử tọa là những người có giấy mời và chăm chú theo dõi, nhưng điều này không có nghĩa là không có những người đưa ra những câu hỏi vặn. Nhưng Churchill vẫn có thể trình bày một bài diễn văn mạch lạc kéo dài suốt một giờ rưỡi. Ngoại trừ lúc đọc đoạn kết, khi đọc bài diễn văn này, Churchill đã ngồi trên một chiếc ghế cao được thiết kế đặc biệt cho ông.

Hai đêm sau, trong thánh phòng Drill Hall, tình trạng huyên náo lại diễn ra. Churchill đã phải bỏ bài diễn văn, chỉ để lại vài đoạn văn trong ghi chép của ông. Cuộc họp bắt đầu lúc 8 giờ và kết thúc lúc 8g45. Sau đó, vào chiều Thứ tư, tại cuộc mít tinh gồm 300 phụ nữ trong nhà thờ của giáo khu Droughty Ferry ở ngoại ô thành phố Dundee, nằm cách thành phố trong vòng nửa dặm, Churchill đã triển khai chiến thuật tấn công toàn diện D. C. Thomson, chủ một tờ báo địa phương có trụ sở đặt tại Dundee nhưng có nhiều chi nhánh trên khắp Scotland, và trên thực tế, với tờ báo có lượng phát hành lớn là *Sunday Port*, ông ta vươn đến cả vùng đông bắc Anh.

Thomson sở hữu cả báo buổi sáng ủng hộ Đảng Tự do là *Dundee Advertiser* lẫn báo buổi chiều ủng hộ Đảng Bảo thủ là *Dundee Courier*. Có thể điều này chỉ ra sự công bằng và lành mạnh. Tuy nhiên, hai tờ này đã kết hợp để làm một điều, là chống lại Churchill, đối tượng bị căm ghét và chê bai của Thomson. Thế nên cảm giác chống đối ở Churchill đối với Thomson là hoàn toàn dễ hiểu, nhưng việc ông có công khai vấn đề này hay không lại là chuyện khác. Tại Broughty Ferry, Churchill đã mô tả Thomson là “một người hẹp hòi, cay đắng, không biết

điều, nghiền ngẫm tính tự cao tự đại của chính mình, thường thức sự ngạo mạn đê tiện của chính mình, và từ ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác, luôn đeo đuổi một ý đồ”. Tờ *Courier* đã đáp trả bằng tuyên bố “Chắc chắn là ngài Winston Churchill đang trong tâm trạng khó chịu bất kể cơ hội của ngài ấy có ra sao đi nữa trong cuộc bầu cử hôm nay”.

Kết quả cuộc bầu cử là một thất bại nặng nề đối với Churchill, mức độ chênh lệch giữa phiếu chống và phiếu ủng hộ rất lớn. Scrymgeour là người được ủng hộ nhiều nhất với trên 32.000 phiếu, một sự tiến triển không tồi, với 650 phiếu bầu trong cuộc bầu cử bổ sung năm 1908, 2.000 phiếu năm 1917, và 10.000 phiếu trong cuộc tổng tuyển cử năm 1918. Có một câu chuyện vui trong thời kỳ này kể rằng, cử tri của Dundee, nổi tiếng là những người nghiện rượu nặng, đến các quán rượu để chè chén, sau đó lái xe đến các địa điểm bầu cử để bỏ phiếu ủng hộ luật cấm rượu hoàn toàn. Thực ra, Scrymgeour nhận được toàn bộ phiếu bầu của các thành viên Công Đảng đang trong tâm trạng chống đối Churchill, cộng thêm khoảng 2.000 phiếu của các cử tri ủng hộ ông gồm những người chống lại việc uống rượu và những người ngưỡng mộ tính bền bỉ của ông. Chiến thắng của Scrymgeour chắc chắn là một ví dụ kinh điển cho thấy sự ngưỡng mộ đối với đức tính này. Thay vì chán nản trong lần thất bại đầu tiên, ông đã thử vận may lần khác, lần khác, lần khác nữa, rồi lại lần khác nữa... và đã chiến thắng. Ông vẫn là người đại diện cho Dundee cho đến năm 1931, khi ông thua đậm trong lần bầu cử chính phủ đa đảng.

Morel là người về thứ hai với chỉ hơn 30.000 phiếu bầu. Kém Morel 8.000 phiếu là thành viên Đảng Tự do Dân tộc ít tên tuổi và là ứng viên phó của Churchill, người vừa cao tuổi lại vừa ít kinh nghiệm chính trường. Tuy nhiên, Churchill lại kém người này 2.800 phiếu bầu, không khác nhiều so với khoảng cách về lượng phiếu bầu giữa Scrymgeour và Morel, ứng cử viên Đảng Tự do ủng hộ chủ trương của Asquith nhận được 6.600 phiếu và kế đó là Gallacher, người cộng sản và là mục tiêu công kích lúc đầu của Churchill, nhận được 5.900 phiếu bầu.

Trong vòng chưa đến bốn năm nắm giữ chức vụ cao, Churchill đã từ chiến thắng với số phiếu ủng hộ lớn hơn hai phần ba rơi xuống mức thất bại với số phiếu chống lớn hơn 3/5. “Chỗ ngồi vững chãi” của ông trong năm 1908 đã không còn. Có lẽ vẫn còn may mắn một điều là thời buổi ấy không phải là thời buổi dao động ý thức, với hậu quả còn ảm đạm hơn nữa do Dundee trở thành khu vực có hai đại biểu. Nhưng rõ ràng đây là một trong những thay đổi lớn nhất của đất nước. May mắn là Churchill vẫn giữ được sự điềm tĩnh khi thất bại. Kết quả kiểm phiếu hẫng đã gây phiền muộn cho ông, vừa làm cho ông mệt mỏi về thể xác vừa khiến ông ngày càng mất kiên nhẫn khi thất bại thảm hại ngày càng lộ rõ. Cuộc kiểm phiếu kéo dài hơn bảy giờ, và còn phải kiểm phiếu lại không phải vì Churchill hy vọng có thể chiến thắng mà vì có cả ngàn phiếu bầu bị bỏ sai chỗ. Mãi sau 5 giờ chiều kết quả mới được công bố. Churchill đã rất chán nản và từ chối không chịu phát biểu ở buổi lễ tuyên bố kết quả. Nhưng sau đó ông đã quay lại hội quán của Đảng Tự do và đọc một bài diễn văn độ lượng khác thường. Đây là lần xuất hiện cuối cùng của ông ở Dundee. Ông nói với những người ủng hộ rằng mình không hề “hối tiếc, oán giận, hoặc cay cú”. Thậm chí ông còn dùng những từ tốt đẹp khi nói về Scrymgeour, người mà ông cho là “hắn sẽ có vai trò có ích để thực hiện khi đại diện cho Dundee, nơi hiện diện sự nghèo khổ đáng sợ và sự tương phản khủng khiếp giữa các tầng lớp xã hội”.

Trong vòng bốn giờ sau đó, Churchill rời Dundee và về London bằng chuyến xe lửa tốc hành có giường nằm. Một đám đông sinh viên ồn ào nhưng thân thiện (dường như phần nhiều là người Ireland) đã đến sân ga tiễn ông. Với tâm trạng phấn chấn tạm thời nhờ sự cổ vũ của họ, Churchill đã đi qua cầu sông Tay để rời Dundee. Nhưng ông lại rơi vào tâm trạng chán nản khi về đến London, vẫn chưa được khỏe về thể xác. Sau đó ông đã cay đắng viết, “Tôi không còn lại gì, không văn phòng, không chức vụ, không đảng phái, và thậm chí khúc ruột thừa cũng không”. Tại bữa tiệc do Alfred Mond tổ chức, Churchill đã được mô tả là “hầu như không nói trong suốt buổi tối hôm ấy”. Xét từ tính khí của Churchill, rõ ràng điều này cho thấy ông đang trong tâm trạng chán nản khác thường.

Sau đó ông đỡ hơn, rõ ràng phần nào là nhờ sự bình phục sức khỏe. Gia đình Churchill quyết định đến miền nam nước Pháp để nghỉ đông. Họ cho thuê lại căn nhà ở quảng trường Sussex và đến thuê nhà ở Villa Rêve d'Or, gần Cannes. Ông quay sang viết lách, vừa để khuây khỏa vừa để kiếm tiền. Tập đầu tiên của tác phẩm *The World Crisis* đã được ông viết khá nhiều nhưng chưa hoàn tất vào lúc này. Vào ngày 23 tháng 11, ông nói với người đại diện là Curtis Brown thông báo cho tờ *The Times* rằng đã có đủ tài liệu để có thể in *The World Crisis* thành nhiều kỳ vào cuối năm, và đã gấp rút thực hiện công việc. Ngày 28 tháng 11, ông yết kiến nhà vua vừa để xin nghỉ phép trong cương vị là bộ trưởng Bộ Thuộc địa (trọng trách mà ông không thể thực hiện trong tháng 10) vừa để nhận lãnh Huân chương Danh dự, huân chương bậc cao vừa mới được định ra. Ông là người được nhà vua ban cho huân chương này trong danh sách từ chức của chính phủ Lloyd George. Vào ngày 30 tháng 11, sinh nhật lần thứ 48 của ông, Churchill và Clementine rời London để đến vùng duyên hải Riviera. Lần ra đi này, bảy năm sau khi Churchill thực hiện chuyến đi ra tiền tuyến năm 1915, chỉ như là biểu tượng của sự đoạn tuyệt với những gì xảy ra trước kia. Và trong mắt Churchill thì tiến đồ chính trị trước mắt cũng ảm đạm không khác gì bảy năm trước ấy.

Vợ chồng Churchill ở lại miền nam nước Pháp cho đến giữa tháng 5 (1923). Nhìn bề ngoài trông ông thanh thản và thậm chí là mãn nguyện. Ông khuây khỏa vì thứ nhất là nhờ sức khỏe hồi phục. Thứ hai là vì ông vẽ rất hiệu quả trong ánh sáng của vùng trời miền nam nước Pháp, phù hợp với tình yêu dành cho các gam màu mạnh mẽ của ông. Thứ ba là vì tập một của *The World Crisis* đã được độc giả nồng nhiệt đón nhận, cả khi được in thành nhiều kỳ trên báo từ tháng 2 lần khi được in thành sách trong tháng 4. Thứ tư, ông đã cố gắng và tiến độ viết tập 2 của *The World Crisis*, đề cập đến các diễn biến trong năm 1915, diễn ra rất tốt. Churchill không thể tính đến việc đi nghỉ lễ mà không có công việc đan xen vào, và ông mang theo nhiều tài liệu và dụng cụ để tạo điều kiện cho công việc thuận lợi hơn. Ngoài các dụng cụ phức tạp để vẽ, ông còn mang theo nhiều tài liệu, một thư ký, và một trợ lý nghiên cứu đến Cannes.

Xen kẽ những hoạt động này là những lúc vô cùng buồn rầu, nhưng ít ra nó không khiến Churchill trầm trở quá mức. Ông chỉ quay lại nước Anh ba lần (và ở lại trong khoảng thời gian rất ngắn) trong suốt khoảng thời gian năm tháng rười. Và những lần quay về này là để thăm viếng, đưa và đón con ở trường học, giải quyết những vấn đề liên quan đến sách, và giám sát công việc đang tiến triển nhanh và vững chắc ở Chartwell. Tại London, Churchill ở trong khách sạn Ritz, hẳn là do chia sẻ quan điểm của mẹ ông cho rằng: “Suy cho cùng thì nó rẻ hơn”. Ông dành ra phần lớn thời gian của lần quay về thứ nhất để miệt mài viết sách. Ông nói với Clementine (trong lá thư đề ngày 30 - 1- 1923) rằng: “Anh bận đến mức không thể rời khách sạn Ritz ngoại trừ vào những bữa ăn”. Ông thu hút được người đọc và được các nhà xuất bản yêu cầu viết, và bất chấp sự thất bại ở Dundee, ông vẫn giữ được uy tín trong xã hội và trên chính trường. Ví dụ như có hôm ông tiếp đón J. L. Garvin, chủ bút tờ *Observer* và là độc giả nhiệt thành của ông, cùng với Edward Grey. Hôm khác ông mời hoàng tử xứ Wales đến ăn trưa tại Buck's Club, cùng với Freddie Guest và Wodehouse, “để bàn về polo và đời sống chính trị”. Vào một buổi chiều, ông dùng cơm với Haldane (từng tham gia chính phủ Công Đảng trong năm 1924), người về sau là chủ tịch Thượng viện.

Đáng lưu ý là các chính khách mà ông vẫn còn tiếp xúc có quan điểm chính trị thiên về chủ nghĩa xã hội hơn là chủ nghĩa tư bản. Và Churchill còn ghi lại rằng Hilton Young (về sau là nam tước thứ nhất vùng Kennet), thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng mới từ các thành viên Đảng Tự do ủng hộ Lloyd George, muốn mời ông nhận một vị trí mới. Tuy nhiên, Young đã không thể làm theo ý mình. Các thành viên Đảng Tự do ủng hộ Lloyd George chỉ chiếm được 57 ghế (theo đánh giá lạc quan hơn thì được 62 ghế), thế nên thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng này không thể đưa người vào hoặc ra khỏi chính phủ. Nhưng ít ra ông ta cũng nhận biết rằng nên lôi kéo Churchill hơn là xa lánh. Tuy nhiên, Clementine muốn ông trở lại với phe ủng hộ Asquith. Nhưng những người ủng hộ Asquith chỉ giành được 60 chỗ, có tài liệu còn cho là 55 chỗ. Churchill đang trong tâm trạng không dứt khoát. Ông vẫn tin tưởng vào chính sách tự do mậu dịch. Ông

vẫn còn sốc khi nghĩ đến tình trạng đói nghèo ở Dundee và tình trạng chia rẽ giai cấp ở đó. Nhưng ông tin vào sự cần thiết của bức tường thành các nhà nước tư bản để chống lại mối đe dọa đến từ quan điểm dựa trên chủ nghĩa xã hội của Công Đảng.

Tuy nhiên, trong mùa hè năm 1923, sau khi vợ chồng Churchill trở về nước Anh, những suy nghĩ này không còn áp đảo ông. Tâm trí ông tập trung nhiều hơn vào tập hai của *The World. Crisis* hơn là quan tâm đến chiêu bài trong lần tổng tuyển cử sau. Chính phủ của Đảng Bảo thủ giành được ưu thế đa số trong Quốc hội lần đầu trong gần 20 năm. Chartwell trở thành một nơi tiêu khiển hấp dẫn và tốn kém. Churchill thuê một căn nhà gần đó, dường như có tên gọi là Hosey Rigge, để từ đó ông có thể giám sát chặt chẽ công việc xây dựng Chartwell. Và chẳng có gì phải ngạc nhiên khi vì thế mà ông cãi cọ với kiến trúc sư, do chi phí xây dựng tăng cao mà tiến độ lại chậm, dù kết quả sau cùng rất đáng mãn nguyện. Nhưng mãi đến tháng 4 năm 1924 Churchill mới có thể trải qua đêm đầu tiên và gửi đi bức thư đầu tiên từ đó. Bức thư ấy được gửi cho Clementine, bà đã đi nghỉ lễ Phục sinh với mẹ bà ở Dieppe. Ông đã phải khá vất vả để thuyết phục bà rằng, các tiện nghi ở Chartwell thật xứng đáng với chi phí phải bỏ ra. Và chủ đích của bức thư này cùng với một bức thư khác được viết bảy tháng trước là nhằm thuyết phục Clementine. Vào ngày 2 - 9 - 1923, từ du thuyền của công tước Westminster đang thả neo tại cảng Bayonne, Churchill đã viết:

Người vợ yêu dấu của anh. Anh xin em đừng lo lắng về vấn đề tiền bạc, hoặc cảm thấy bất an. Trái lại, phương thức mà chúng ta đang đeo đuổi ưu tiên cho sự ổn định...

Chartwell sẽ là ngôi nhà của chúng ta. Chúng ta sẽ phải chi cho nó khoảng 20.000 bảng, nhưng nó sẽ đáng giá hơn mức giá ấy khoảng 15 ngàn bảng nữa [người ta có thể cho rằng đây không phải là cách đầu tư khôn ngoan). Chúng ta phải sống ở đó nhiều năm và sau đó sẽ giao lại

nó cho Randolph. Chúng ta phải làm cho nó trở nên hấp dẫn về mọi mặt và cố gắng hết sức để không phải vay mượn. Nó sẽ rẻ hơn so với nhà ở London.

Sau nữa (dù không có gì phải vội) chúng ta phải bán căn nhà ở Quảng trường Sussex và tìm một căn hộ nhỏ để ở tạm... Sau đó, chúng ta sẽ dùng xe mô tô để giao dịch làm ăn hoặc đi giải trí. Nếu anh quay về làm việc trong chính phủ, chúng ta sẽ sống ở phố Downing!

Có lẽ bức thư này thành công hơn trong việc vẽ nên một bức tranh mô tả những điều lý thú trong tương lai của Chartwell, hơn là làm yên lòng Clementine.

Vào lúc này (sau lần ở Dundee) Churchill đã thất bại trong một cuộc tổng tuyển cử và một cuộc bầu cử bổ sung, và đã gặp nhiều trở ngại trong hoạt động chính trị. Thế nên chúng ta cần nhìn lại tình hình trong mùa hè 1923 khi Churchill trở về sau nửa năm lưu đày tự nguyện. Lúc ấy, Baldwin đang trong những tháng đầu bất ngờ trở thành thủ tướng. Vì lý do khách quan lẫn chủ quan, Churchill có cảm tình với Baldwin hơn là Bonar Law. Lý do khách quan vì Baldwin là chính khách lý thú hơn và phóng khoáng hơn so với Law. Lý do chủ quan là Baldwin không như Bonar Law ngoan cố bác bỏ Churchill từ 1915 đến 1917. Trong năm 1923, Churchill không ghét mà cũng không tôn trọng Baldwin. Lúc đầu Churchill cho rằng Baldwin là nhân vật tự cao tự đại thuộc hạng đàn em (dù thật ra Baldwin lớn hơn Churchill đến bảy tuổi) bất ngờ trở thành thủ tướng. “Mang các quân Baldwin của anh ra” (mang các con tốt ra) là tiếng la tỏ ý xem thường Baldwin đôi khi được Churchill sử dụng khi chơi cờ. Tuy nhiên, khi đã trở thành thành viên trọn vẹn của liên minh các chính khách thâm niên, Churchill đã thật sự tôn trọng chức vụ của Baldwin. Điều này không hoàn toàn giống như ở Mỹ, nơi mà quyền lãnh đạo nhà nước được kết hợp với quyền hành pháp, một tính chất thiêng liêng nào đó được trao cho chức tổng thống, đôi khi không phù hợp với thành tích cá nhân. Tuy nhiên, không thấy có trường hợp nào mà người

lỗi lạc nhất trong số các chính khách cấp cao (nói gì đến các chính khách cấp thấp) lại từ chối khi được mời đến dinh thủ tướng để hỏi ý kiến cho dù không được thủ tướng trọng vọng cho lắm.

Sự chạm trán như thế đã xảy ra giữa Churchill và Baldwin vào ngày 14-3-1923. Không rõ đó là sáng kiến của ai, nhưng có lẽ là của Churchill vì ông có một kế hoạch mà ông chỉ có thể bật mí chút ít vì không có khả năng giả vờ, tính hồ hởi tự phát luôn làm lộ mục đích của ông. Tuy nhiên, kế hoạch của Churchill là thăm dò thái độ của Baldwin đối với việc sáp nhập các công ty dầu mỏ Royal Dutch Shell, Burmah Oil. Và công ty chính phủ nắm phần lớn quyền sở hữu là Anglo-Persian Oil Company, sự đầu tư chính phủ (public investment) chủ yếu là nhờ sáng kiến năm 1913 của chính Churchill khi ông làm bộ trưởng Hải quân. Churchill vừa mới được một trong hai công ty dầu mời đại diện cho họ trong những giao dịch với chính phủ với mức thù lao là 5.000 bảng. Số tiền này tương đương với khoảng 125 ngàn bảng ngày nay. Và đối với một người đang cố gắng thanh toán các hóa đơn ngày càng nhiều của Chartwell trong khi bà vợ lại đang rất lo lắng về vấn đề tài chính, đây quả là một đề nghị vô cùng hấp dẫn. Cho dù lúc ấy Churchill chỉ là một người bình thường ông vẫn thấy điều ấy là không thích hợp. Masterton Smith, người từng là thư ký riêng của Churchill ở Bộ Hải quân đã trở thành thứ trưởng thường trực của ông ở Bộ Thuộc địa và là người được Churchill hỏi ý kiến, đã tuyên bố là “rất ngại vấn đề này khi xét từ góc nhìn chính trị bao quát”. Thế nên Churchill muốn thăm dò phản ứng của Baldwin đối với vấn đề và đối với việc ông tham gia vào đó.

Diễn biến của cuộc gặp mặt khá tốt đẹp, Baldwin luôn tỏ ra rất quan tâm. Ngày hôm sau, Churchill đã viết cho vợ: “Cuộc gặp mặt giữa anh và thủ tướng rất dễ chịu. Ông ấy cho biết là không bận rộn gì và tiếp đãi anh rất thân mật. Bọn anh thảo luận về Ruhr, về dầu mỏ, về hải quân, về không quân, về việc bồi thường thiệt hại chiến tranh, về các khoản nợ của Mỹ, và về hoạt động chính trị tổng quát. Anh nhận thấy ông ấy hoàn toàn tán thành các đề xuất của *The Oil Settlement*. Thật ra, cách nói của ông cũng giống như Waley Cohen [giám đốc

điều hành của công ty Shell]. Anh tin chắc sẽ thành công. Điều duy nhất làm cho anh băn khoăn là công việc của chính anh”. Churchill còn nói với Clementine rằng: “Anh vào phủ thủ tướng qua cửa của Bộ Tài chính (vào lúc này là lối vào phủ Nội các) để tránh những lời dị nghị”. Ông viết thêm: “Điều đó đã làm cho Baldwin rất vui”.

Cuộc gặp mặt thân thiện này khá quan trọng, dù không tác động nhiều đến cả hai người. Về phía Baldwin là để có vị thế trong tương quan với Churchill với tư cách là cấp trên, khá thân mật trong thập niên 1920 nhưng ít thân mật hơn nhiều trong thập niên 1930. Mỗi quan hệ này có thể so sánh với kiểu quan hệ giữa Asquith và Churchill và kế đó là giữa Lloyd George và Churchill. Kết quả thực tiễn trước mắt của cuộc gặp này (hoặc của cuộc tiếp xúc ngay sau đó) là việc Churchill chấp nhận vai trò vận động hành lang cho các công ty dầu mỏ. Và với sự khích lệ của thủ tướng, ông đã đi gặp cả bộ trưởng Hải quân (L. S. Amery, người xung khắc với Churchill) và bộ trưởng Thương mại (Lloyd-Greame, người không lâu sau đó đã đổi tên thành Cunliffe-Lister) để bàn về vấn đề này. Tuy nhiên, vào trung tuần tháng 11, khi một cuộc tổng tuyển cử được bất ngờ công bố, Churchill đã chính thức không tham gia thêm vào các công việc liên quan đến việc sáp nhập. Bất chấp việc thường xuyên thiếu tiền, đây hầu như là lần duy nhất trong đời Churchill nhúng tay vào lĩnh vực kinh doanh. Suốt quãng đời còn lại, phương pháp kiếm tiền của ông chỉ giới hạn trong việc bán sách và những bài báo với giá cao nhất có thể được và đầu tư một phần tiền kiếm được vào thị trường chứng khoán.

Cuộc tổng tuyển cử năm 1923 diễn ra do Baldwin muốn áp dụng biện pháp bảo hộ mậu dịch. Ông nói là nếu không áp dụng biện pháp này thì ông không thể chống lại nạn thất nghiệp. Và cũng do ông tuyên bố rằng ông không thể áp dụng nó nếu không có sự ủy nhiệm dứt khoát của cử tri. Kết quả sơ bộ là Đảng Bảo thủ của Baldwin mất đi ưu thế đa số, mất đi 73 ghế đại biểu (lần đầu tiên kể từ 1900) trong một Quốc hội mới thành lập chỉ được một năm. Kết quả này khiến Churchill tạm thời ngừng tiến trình chuyển sang cánh hữu, một tiến trình đã tích

lũy động lực từ nhiều năm, và càng được gia cố hơn nữa bởi việc ông bị trừng phạt bởi những người thuộc cánh tả tại Dundee. Nhưng Churchill vẫn là người ủng hộ tự do mậu dịch và tin tức về việc chủ trương này lại một lần nữa được bảo vệ đã đưa ông quay về với khuynh hướng của Đảng Tự do, giống như một người lính già mà sự lưu luyến quá khứ được truyền cảm hứng bởi việc nhìn lại những chiếc huy chương từ những năm đầu thế kỷ. Ông tuyên bố với giới báo chí bằng một giọng điệu sôi nổi: “Tôi không chống lại chính phủ của Đảng Bảo thủ, mà cũng không chê bai thủ tướng mới... Nhưng một cuộc công kích hung hãn đã được phát động một cách vô ích và tùy tiện nhằm vào các nền tảng dân sinh. Một nguy thuyết quái dị đã được dựng lên để chống lại chúng ta... Những ai chống lại cuộc phiêu lưu man rợ và cũng là cuộc thử nghiệm liều lĩnh ấy phải đoàn kết lại trong tình đồng đội thật sự...”.

Lần đầu tiên kể từ năm 1910, Churchill chuẩn bị tranh cử dưới sự lãnh đạo trên danh nghĩa của Asquith. Dù Lloyd George, người cũng đã tập hợp (có lẽ là không tin tưởng lắm) dưới ngọn cờ đại nghiệp cũ, trên thực tế là người đồng lãnh đạo. Nhưng đâu là chiến trường của Churchill? Chắc chắn không phải là Dundee, và ông cũng dứt khoát từ chối lời mời đến từ khu vực cử tri Glasgow Central. Có lẽ ông đã quá chán ngán Scotland. Xem ra Lancashire là nơi sáng sủa nhất, nhất là khi ông nhớ lại những ngày huy hoàng trong cuộc vận động tranh cử năm 1906. Và những bài diễn văn đầu tiên trong đợt vận động tranh cử này đã được đọc ở Manchester (thành phố với phần lớn diện tích thuộc vùng Lancashire) ngày 16 và 17 tháng 11. Churchill nhận được rất nhiều lời mời đến Lancashire. Một lợi thế cố hữu của các thành viên Đảng Tự do, chỉ có ít ghế đại biểu trong Quốc hội là có rất nhiều khu vực bầu cử, không bị trở ngại bởi các đại biểu Quốc hội đương nhiệm, còn bỏ ngõ. Salford West và các khu vực Rusholme và Mossley của Manchester tìm cách tiếp cận ông. Sau đó, vào ngày 19 tháng 11, không biết tại sao Churchill lại quyết định chọn thành phố Leicester và tranh cử ở khu Tây của nó. Không chứng cứ nào cho thấy ông từng thăm viếng thành phố này khi còn mang nhiều dấu ấn lịch sử mà chỉ đến thăm viếng nó trong hình

hài hiện đại phần nào ít được biết đến. Nó cũng chẳng phải là nơi hấp dẫn đối với những người nghiên cứu các cuộc bầu cử và các khuynh hướng bầu chọn. Trước năm 1918, toàn Leicester từng là khu vực bầu cử có hai ghế đại biểu giống như Dundee, nhưng có truyền thống mạnh hơn đối với việc nghị sĩ đại diện là người thuộc Đảng Tự do và Công Đảng.

Hy vọng duy nhất của Churchill là không phải đối đầu với một ứng viên Bảo thủ. Thật không thể hiểu được tại sao ông lại nghĩ đến điều hầu như không thể xảy ra như thế. Baldwin đang tìm kiếm sự ủy nhiệm của cử tri để có thể thực hiện chính sách bảo hộ mậu dịch, nên không quan tâm đến việc để cho hai ứng cử viên ủng hộ tự do mậu dịch tự do tung hoành ở một khu vực bầu cử bán biên duyên như thế. Đối thủ chính của Churchill không phải là đại úy Instone, người phần nào là biểu tượng của ứng cử viên Đảng Bảo thủ (nhận được 7700 phiếu bầu, chỉ kém Churchill 1500 phiếu) mà là F. W. Pethick-Lawrence, một trong những nhân vật thầm lặng kỳ quái nhất của Công Đảng trong nửa đầu của thế kỷ 20.

Ở Leicester, Lawrence tranh đấu cho chủ trương đánh thuế vốn (capital levy: thuế đánh trên vốn, khác với thuế thu nhập). Và Churchill, với địa vị thay đổi rất nhiều trong năm năm kể từ khi ông nói đến việc tận thu “những khoản thu nhập bất chính” đã dành phần lớn thời gian vận động tranh cử ở địa phương để bác bỏ những lập luận của Lawrence trên vấn đề này. Tuy nhiên, các bài diễn văn tầm cỡ quốc gia của ông, theo sau sự thành công của bài diễn văn đả kích mở màn ở Free Trade Hall, Manchester, đã nhắm vào những trường hợp chống bảo hộ mậu dịch truyền thống. Dù có phần hỗn loạn, nhưng không đến mức như ở Dundee, cuộc vận động tranh cử ở Leicester xem ra tẻ nhạt khác thường, và Churchill trong khoảng thời gian kéo dài hai tuần rưỡi của chiến dịch đã tỏ ra trầm lặng. Khác với thói quen ưa viết lách thông thường, lần này ông đã chẳng viết một bức thư nào, gây khó khăn cho việc tìm hiểu nguyên nhân ông đến Leicester. Không hề có nhân vật địa phương nổi tiếng nào, như George Ritchie, lôi kéo Churchill đến đây. Đối với ông, lập trường báo chí địa phương nơi đây hầu như cũng

không thuận lợi như ở Dundee, với sự chống đối của hai tờ báo *Leicester Mercury* và *Leicester Mail*, dù không chống đối ông triệt để như các tờ báo của D. C. Thomson. Thế nên dù không phải là điều kiện thuận lợi nhất ông vẫn phải trông chờ vào sự ủng hộ của báo giới ở Nottingham, dù biết rằng sự thù địch giữa hai thành phố là không thể tránh.

Ngoài ra, ông còn nhận được rất nhiều lời khuyên, đặc biệt là từ Clementine, rằng ông nên cố gắng hơn nữa để đến Manchester. Lập luận của bà rất dứt khoát. Trong một lá thư không ghi ngày được gửi đi trong tháng 11 năm 1923, bà đã viết: “Dựa trên bản năng, một trong những lý do em muốn anh đến Rusholme (vùng thuộc Manchester, cách trung tâm thành phố khoảng hai dặm) là nếu thất cử ở đó, anh sẽ ít nản lòng hơn vì bị thua bởi một ứng cử viên Đảng Bảo thủ (điều hẳn sẽ làm dấy lên sự đồng cảm của Đảng Tự do) thay vì thua một người ủng hộ chủ nghĩa xã hội”. Dĩ nhiên đây là lối thăm dò theo đường đứt gãy cũ. Bà là một đảng viên Tự do kiên quyết, trong khi ông bắt đầu cảm thấy ngày càng xa rời chính kiến trước kia của mình, mà theo suy nghĩ của một số người thì chính kiến ấy là nền tảng đường lối của Đảng Bảo thủ. Rusholme rơi vào tay của Đảng Tự do. Và khi Churchill nhắm đến Leicester, nơi có thể thấy trước sự thất bại, hẳn là ông đã rất hối tiếc vì không nghe theo lời khuyên của vợ, dù nơi ấy không phải là khu vực bầu cử được ông quan tâm lâu dài. Pethick-Lawrence đã thắng ông với số phiếu cách biệt khá lớn, 13.624 trên 9.236. Ông hoàn toàn thất vọng với cuộc vận động tranh cử lần này. Chiến thắng nằm quá xa tầm với của ông, và ông đã không thiết lập mối quan hệ với khu vực cử tri.

Ngay sau khi thất bại ở Leicester, ngày 6 tháng 12, Churchill lại mắc mưu vào một vụ án hình sự liên quan đến tội phỉ báng, mà người khởi tố là bộ trưởng Tư pháp Douglas Hogg. Và Churchill, dù là nhân chứng chính, đã không phải hao tổn về tài chính trong vụ án. Có lẽ Churchill cần làm một việc gì đó để quên đi sự thất bại ở Leicester và để cho việc làm ấy triệt tiêu một điều gì đó tồi tệ hơn điều tồi tệ ở Dundee. Ông có nguy cơ trở nên giống thứ trưởng Bộ Nội vụ Charles Masterman, người khi được cất nhắc vào Nội các năm 1914 đã thất bại

trong ba cuộc bầu cử bổ sung và sự nghiệp bị tiêu tan. Mặc cho Masterman, do một sự trớ trêu cùng cực, được đề cử tranh cử ở khu vực cử tri Manchester Rusholme, Churchill vẫn từ chối tranh cử ở đó trong năm 1923. Và ông đã chiến thắng trong năm 1924, dù thất bại ngay năm sau.

Vụ kiện tội phỉ báng này nhằm vào hầu tước Alfred Douglas, người có biệt danh là “Bosie”, vì đã tuyên bố rằng phát biểu của Churchill nhằm trấn an về trận hải chiến Jutland trong tháng 6 năm 1916 là hành vi đồi bại nhằm thao túng thị trường chứng khoán vì lợi ích của một nghiệp đoàn Do Thái được lãnh đạo bởi Ernest Cassel (người đã thưởng cho Churchill 40 ngàn bảng Anh). Điều này vô lý, Churchill hoàn toàn vô tội, và khi hầu tước Alfred bị kết án sáu tháng tù giam thì có rất nhiều người ngạc nhiên trước hình thức xử phạt nhẹ như thế. Điều lý thú hơn nữa là đã có rất nhiều người gửi thư chúc mừng Churchill.

Trong khoảng thời gian từ lễ Giáng sinh đến ngày đầu năm 1924, Churchill tiến hành một thay đổi chính trị quan trọng. Qua quan hệ thư tín của Churchill với người bạn cũ là Violet Bonham Carter, tiến trình thay đổi này được bộc lộ rõ nhất. Cuộc tổng tuyển cử đầu tháng 12 đã chặn đứng nỗ lực của Baldwin nhằm lôi kéo đa số ủng hộ chủ trương bảo hộ mậu dịch. Hồi ký của Pethick-Lawrence ghi lại rằng Churchill, rất phóng khoáng khi nhìn nhận vấn đề này, đã chúc mừng kết quả bỏ phiếu ở khu vực Leicester, bằng cách nói với ông rằng: “Thế đấy! Dù sao thì đó cũng là chiến thắng của chủ trương tự do mậu dịch”. Nó đã tiêu diệt ưu thế đa số của Đảng Bảo thủ, nhưng cũng chẳng mang lại ưu thế đa số cho người nào khác. Đảng Bảo thủ vẫn chiếm được nhiều ghế nhất, 258 ghế, bên cạnh Công Đảng 191 ghế và 157 ghế của Đảng Tự do. Dựa trên sự khắt khe của hệ thống đảng phái nước Anh, kết quả có được đương nhiên là một chính phủ Công Đảng thiểu số rất yếu. Dĩ nhiên, một kết quả hợp lý và bền vững hơn phải là một chính phủ liên minh Tự do - Công Đảng.

Vào ngày 21 tháng 1, cuộc bầu cử làm thay đổi cục diện chính trị nước Anh đã diễn ra. Baldwin thất bại (đúng như những gì ông chờ đợi) với tỉ lệ phiếu chống là 328 trên 256, 137 nghị sĩ Đảng Tự do bầu chọn theo Công Đảng, 10

theo Đảng Bảo thủ, và 6 bỏ phiếu trắng. Phe cánh Churchill, nếu có thể gọi như thế, rất nhỏ. Ngày hôm sau, Ramsay MacDonald trở thành thủ tướng Công Đảng đầu tiên, một quãng thời gian quá ngắn kể từ khi đảng của ông từ là một nhóm nhỏ thoát ra khỏi đôi cánh của Đảng Tự do. Về phần Ramsay MacDonald, đây là một thành tựu, một bước nhảy vọt đến quyền lực (hoặc ít ra cũng là đến chức thủ tướng) cao hơn mức độ quyền lực mà các đồng sự lạnh lùng của ông nắm giữ được, và là thứ quyền lực không thể bị vô hiệu hóa hoàn toàn bởi bất cứ điều gì xảy ra từ 1931 trở đi. Dù phản ứng có phần quá khích đối với triển vọng Công Đảng nắm quyền, khác với thái độ điềm tĩnh hơn rất nhiều của cha con Asquith (Asquith và con gái), và của Baldwin, Churchill vẫn cư xử đúng đắn. Không hề có mối đe dọa nào nhắm vào trật tự xã hội, nhưng hoạt động chính trị đã không còn như trước. Đó là cơ hội nắm quyền cuối cùng của Đảng Tự do. Sau đó, thậm chí là cả vào thời điểm khó khăn nhất của Công Đảng trong thập niên 1930, nếu cần phải thay thế Đảng Bảo thủ trong những năm còn lại của thế kỷ, ngoại trừ khoảng thời gian lập loè ngắn ngủi 1981 - 1983, Công Đảng vẫn là chọn lựa thay thế chứ không phải là Đảng Tự do. Có một đường phân giới mới trong hoạt động chính trị, và đường phân giới này đã dứt khoát đẩy Churchill về phía cánh hữu.

Trước khi có thể hoạt động hiệu quả ở bất cứ cánh nào, việc đầu tiên Churchill phải làm là trở lại Hạ viện, và trong khi bắt đầu thực hiện tiến trình này, ông đã thực hiện nó với sự thiếu kiềm chế điển hình. “Đừng quá nóng vội” là cốt lõi của lời khuyên mà Clementine gửi cho Churchill từ miền nam nước Pháp, nơi bà đến nghỉ dưỡng vào tháng 2. Tuy nhiên, nóng vội chính là điều mà Churchill đã làm vào lúc ấy, và dưới sự bảo trợ mà bà không mong muốn nhất.

J. S. Nicholson, chuyên gia chưng cất rượu gin và là một chuẩn tướng, chết vào ngày 21 tháng 2 (năm 1924). Thế nên cuộc bầu cử bổ sung ở phân khu hành chính Abbey của khu vực Westminster đã được nhanh chóng tiến hành. Nó là cuộc đua phụ ngay trước khán đài chính trị. Trong thư gửi Clementine vào ngày 24 tháng 2, Churchill đã mô tả rất sống động, súc tích, và quá mức lạc quan về khu vực này và về triển vọng của ông ở đó:

Nó là một khu vực bầu cử hoành tráng gồm quảng trường Eccleston, nhà ga Victoria, quảng trường Smith, tu viện Westminster, phố Whitehall, phố Pali Mali, khu nhà Canton House, một phần của địa hạt Soho, mạn nam của phố Oxford, nhà hát Drury Lane, và quảng trường Covent Garden! Dĩ nhiên đây là chọn lựa số một của Đảng Bảo thủ... ít nhất là có khoảng 100 cử tri là nghị sĩ cư ngụ trong khu vực này, và hẳn là anh sẽ không gặp phải khó khăn gì trong việc chiếm được một vị trí đại diện vừa ý. Grigg, L. Spears, và các nghị sĩ Đảng Tự do khác sẽ tranh đấu cho anh, và có khả năng là E. Grey (một cư dân ở đây) sẽ ủng hộ anh. Anh nghĩ là McKenna cũng thế. Anh hy vọng nhận được thư của AJB [Arthur James Balfour, nam tước Balfour], cũng là cư dân ở đây. Tất cả những điều trên đã tạo ra một cơ hội đầy hứa hẹn, và nếu mọi việc xảy ra như ý muốn, anh sẽ giữ được ghế đại biểu này trong một thời gian dài.

Đáng lo nhất (nhìn từ phía Clementine) là câu mở đầu của bức thư: “Cuộc bầu cử bổ sung ở tu viện Westminster giống như một tia sét phóng vào anh. Rothermere và Max [Beaverbrook] đề nghị hoàn toàn ủng hộ anh qua những tờ báo của họ, và anh cần phải tung cờ hiệu tranh cử của anh lên cho công chúng biết”.

Như Churchill đã hy vọng, nhiều thành viên Đảng Bảo thủ đã bị thu hút bởi cờ hiệu quyền rũ ấy và trong thời buổi chính trị nhiễu nhương, bởi sự gia cố mà cờ hiệu ấy có thể đem lại. Nhưng vẫn còn đó gánh nặng của cỗ máy tôn sùng tính chính thống của Đảng Bảo thủ địa phương. Không rõ là họ có sẵn sàng dung nạp Churchill dưới chiêu bài Bảo thủ hay không. Dù sao đi nữa, Churchill cũng nghĩ rằng vẫn còn quá sớm nên không cần phải quá rạch ròi như thế và cứ tạm đứng dưới chiêu bài “ứng cử viên độc lập chống chủ nghĩa xã hội”. Các thành viên Đảng Bảo thủ ở khu vực tu viện Westminster không quá lo lắng về chuyện ấy. Vì cách đây không lâu, trong năm 1921, Nicholson cháu đã vận động tranh cử dưới một chiêu bài còn chường tai hơn: “ứng cử viên Bảo thủ độc lập chống

lãng phí”. Gia đình Nicholson không có quan hệ dài lâu với khu vực bầu cử này. Nhưng các thành viên Đảng Bảo thủ, thông qua một cuộc họp kín, đã dứt khoát chọn người cháu 32 tuổi của cựu thành viên Nicholson thay vì dọn chỗ cho Churchill.

Điều này đã dẫn đến một cuộc thảo luận sôi nổi trong giới có quyền lực nhất của Đảng Bảo thủ. Baldwin đã phải lái xe vượt quãng đường 50 dặm để dự cuộc thảo luận trong bữa tiệc trưa Chủ nhật để bàn bạc với Austen Chamberlain, người tiền nhiệm trong vai trò lãnh đạo Đảng Bảo thủ và là người không mấy hòa hợp với ông. Churchill không bao giờ bỏ qua việc tham gia vào một cuộc bàn cãi với sự căng thẳng và phấn khích. Có lẽ hầu hết các thành viên hàng đầu của Đảng Bảo thủ, bao gồm cả Baldwin, đều muốn Churchill đắc cử, nhưng họ lại không muốn tranh cãi với những người Bảo thủ địa phương.

Austen Chamberlain đã tổng kết tâm trạng chung khá rõ qua những gì ông viết cho vợ: “Anh sẽ lặng lẽ bầu cho Winston và chẳng tuyên bố gì về việc này. Nhưng thật đáng ngạc nhiên khi ông ta bị nhiều người không ưa đến thế...”. Baldwin đã cố gắng giữ sao cho không có thành viên nào trong phe đối lập ủng hộ bất cứ ứng viên cánh hữu nào, nhưng khi L. S. Amery, chàng David bé nhỏ thường công kích người khổng lồ Goliath Churchill, phá vỡ thế trận bằng cách công khai ủng hộ mạnh mẽ Nicholson, Baldwin đã cho rằng Balfour cần phải tuyên bố công khai hậu thuẫn Churchill.

Chiến dịch tranh cử của Churchill lần này đã có được mọi nét quyến rũ mà lần tranh cử ở Leicester không có. Ông lái xe quanh khu tây London với một người lính kèn phía trước, một trò quảng cáo được sắp xếp bởi thư ký mới tên là Brendan Bracken, khi ấy mới 23 tuổi, người sẽ thân thiết và trung thành với ông cho đến cuối đời. Có người nói rằng những cô gái của dàn đồng ca nữ nhà hát Daly đã thức suốt đêm để trang trí các phong bì chứa các tờ bướm vận động bầu cử của Churchill. Nhưng sự thật có thể đã bị cường điệu. Điều xác thực hơn là Churchill đã mời được một nghị sĩ Đảng Bảo thủ lãnh đạo toàn bộ chín uỷ ban bầu cử phân khu của ông. Đây là triệu chứng của biến động mà chiến dịch tranh

cử của Churchill gây ra trong nội bộ Đảng Bảo thủ, cả ở quy mô địa phương lẫn quy mô toàn quốc. Chắc chắn cuộc tranh cử này đã thu hút được sự chú ý của rất nhiều người, vừa vì danh tiếng và nhân cách của Churchill vừa vì địa điểm của khu vực bầu cử. Những yếu tố này hẳn đã được thổi phồng nhiều lần ở phân khu bầu cử Westminster. Vì thế, chẳng có gì đáng phải ngạc nhiên khi, gần 10 năm sau đó, Churchill đã phải mô tả nó là “cuộc bầu cử đầy phấn khích, sôi nổi, và gây ấn tượng mạnh nhất mà tôi từng tham gia tranh cử”.

Ông không chiến thắng, dù vào sáng ngày kiểm phiếu (20 tháng 3) London tràn ngập những tin đồn cho rằng Churchill đã đắc cử. Trong lần kiểm phiếu đầu người ta cho biết là ông thua đối thủ 33 phiếu. Nhưng sau đó, người đại diện của ông yêu cầu kiểm phiếu lại, hóa ra ông thua đối thủ đến 43 phiếu. Dù không đắc cử nhưng đây là một kết quả rất tốt cho ông, vì ông đã chứng tỏ được khả năng thu hút phiếu bầu trong một khu vực bầu cử giàu có. Đối với Churchill, nó phù hợp hơn rất nhiều so với Dundee hoặc Leicester. Và ông đã trải nghiệm nó mà không phải cay đắng hoặc thất vọng vì để cho một ứng cử viên cánh tả thắng cử.

Hơn nữa, Churchill đã thực hiện một kỳ tích ngược đời là chống lại một Đảng Bảo thủ khắt khe (với nhiều thành viên nổi bật nhất lại phần nào muốn ông đắc cử) trong khi đi theo chiều hướng tiến đến gần với đảng này hơn. Bài diễn văn vào đêm trước ngày bỏ phiếu của Churchill phát xuất từ ý tưởng liên minh Bảo thủ và Tự do, và nó còn tiến xa hơn nữa, ủng hộ một Đảng Bảo thủ thống nhất “với một cánh Tự do”. Vì là thành viên của cánh Tự do ấy, bên trong Đảng Bảo thủ, nên rõ ràng là ông trở thành một ứng cử viên nhiệt tình.

Churchill đã vượt được một quãng đường khá dài, nhưng ông vẫn còn phải vượt qua một số triền dốc đầy thử thách để có thể tiếp cận Đảng Bảo thủ. Để thực hiện bước tiếp cận cuối cùng, ông đã thực hiện một chọn lựa khôn ngoan. Archibald Salvidge là một thủ lĩnh cấp thành phố (ở Liverpool) của Đảng Bảo thủ với một sự pha trộn kỳ lạ, một người thật sự có tài quản lý. Ông từng làm công cho một nhà máy bia rồi trở thành giám đốc điều hành nhà máy ấy. Nhưng sự nghiệp cả đời của ông là phát triển Hiệp hội Công nhân Đảng Bảo thủ

Liverpool (Liverpool Conservative Working Man's Association). Khi Salvidge (sinh năm 1863) là một thanh niên thi công tước Randolph Churchill, với nền dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Bảo thủ, là một vị anh hùng đối với Salvidge. Cho dù là như thế, những tiếp xúc ban đầu của Salvidge với Winston Churchill không được tốt đẹp. Vì khi Churchill mời ông tham dự một bữa tiệc chiêu đãi của nhóm những công đoàn viên ủng hộ tự do mậu dịch trong Hạ viện trong năm 1903, Salvidge đã bất bình rời bữa tiệc và nói rằng đó là âm mưu chống lại Joseph Chamberlain, một nhà lãnh đạo được những người bình dân ở các vùng công nghiệp tại vùng trung du và miền bắc kính trọng hơn tất cả chúng ta cộng lại". Tuy nhiên, dưới thời chính phủ liên minh của Lloyd George, ông và Churchill lại quý mến nhau. Salvidge ủng hộ cả sự hợp nhất các thành tố Bảo Thủ và Tự do trong chính phủ lần Hiệp ước Ireland 1921, một sự dũng cảm đối với một thành viên công đoàn Liverpool.

Đầu tháng 4 năm 1924, Churchill mời Salvidge đến dùng cơm ở London với ý định nhờ ông tổ chức một cuộc mít tinh chung của Đảng Bảo thủ và Đảng Tự do ở Liverpool để nghe Churchill đọc một bài diễn văn quan trọng. Salvidge nói rằng tốt hơn là nên có một dịp mà trong đó người tham dự chỉ toàn là thành viên Đảng Bảo thủ, vì như thế chắc chắn sẽ dễ được chấp nhận hơn. Vào ngày 11 tháng 4, ông cung cấp một lời mời thích hợp từ Ủy ban Trung ương của Hiệp hội Công nhân Đảng Bảo thủ Liverpool, đại diện cho 23 chi nhánh ở các phân khu của khu vực bầu cử Quốc hội 11, và Ban chấp hành của Liên đoàn Phụ nữ Công nhân, Churchill đã nhận lời vào ngày 7 tháng 5. Salvidge đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, lôi kéo được một cử tọa 5.000 người.

Churchill đã dễ dàng tận dụng cơ hội này, dù sau đó không nghĩ rằng mình đã đọc một trong những bài diễn văn hay nhất. Đây là lần đầu tiên, suốt hơn 20 năm, Churchill đọc diễn văn trong một cuộc mít-tinh của Đảng Bảo thủ. Dù như chính ông cho biết, suốt gần một nửa khoảng thời gian này, ông cộng tác với các nhân vật đứng đầu của Đảng Bảo thủ trong chính phủ liên minh của Asquith hoặc của Lloyd George. Clementine, người đi theo Churchill, nhận thấy rằng nó

mang tính chất của một cú sốc văn hóa nhiều hơn. Và dường như bà đã thức cùng ông đến 2 giờ sáng khi ông đang làm cho những người chủ nhà mê mẩn trong bữa tiệc tối tổ chức ở khách sạn Adelphi, bằng phiên bản thiếu thận trọng hơn và cực đoan hơn của bài diễn văn ông vừa đọc trước đó. Ông đã qua sông và đã không thể bơi trở về.

Lúc này, ông phải nhận một vị trí của Đảng Bảo thủ, chiếc ghế mà ông có thể chiếm được trong cuộc tổng tuyển cử sau. Không rõ là bao lâu nữa điều này sẽ xảy ra. Chính phủ Công Đảng, với dự án ngân sách thận trọng nhưng khéo léo của Snowden và chính sách đối ngoại hiệu quả của MacDonald, đã có bước khởi đầu tốt hơn nhiều so với Đảng Tự do, bất chấp sự trông đợi của Churchill. Tuy nhiên, chỉ có một số rất ít người cho rằng điều ấy sẽ kéo dài. Churchill đã từ chối một số đề nghị trước mắt từ các thị trấn Ashton-under-Lyne, Kettering, và Royston. Có lẽ ông đã lưu ý đến một số lời khuyên trong bức thư mà Clementine đã gửi cho ông ba tháng trước: “Bằng bất cứ giá nào cũng đừng để cho Đảng Bảo thủ dễ dàng sử dụng anh. Họ đã đối xử tệ bạc với anh trong quá khứ và họ phải hiểu điều ấy”. Churchill vẫn còn gây ra một số khó khăn khi đứng dưới chiêu bài Bảo thủ thuần túy. Tuy nhiên, ông biết rằng Stanley Jackson, người đại diện chính của Đảng Bảo thủ, đứng về phía ông.

Trong mùa hè, Jackson nói với Churchill rằng ông ta đã nghĩ đến việc chuẩn bị cho Churchill thị trấn Richmond hoặc Epping. Richmond thì không thể, nhưng Epping lại khả dĩ. Vùng này là một sự pha trộn gồm vùng ngoại ô London khá giàu và vùng nông thôn West Essex. Về cơ bản, đây là lãnh địa an toàn của Đảng Bảo thủ. Nhưng các quan chức địa phương đã phải lo lắng vì sự thách thức mạnh mẽ của Đảng Tự do trong năm 1923, làm cho ưu thế đa số của họ giảm xuống còn 1.600. Điều này khiến cho họ quan tâm đến Churchill hơn. Hơn nữa, họ có một thái độ tôn trọng phải phép đối với một nghị sĩ lão thành. Vào tháng 9, khi họ muốn Churchill tham dự hội nghị khoáng đại của hiệp hội các thành viên Đảng Bảo thủ, “ngọn núi đã đến với Mahomet” (câu này tác giả mượn ý trong câu tục ngữ *Nếu núi không đến với Mahomet thì Mahomet phải đến với núi*,

nhưng đã cố tình nói ngược). Hội nghị này đã được tổ chức ở thành phố London chứ không phải ở nơi mà Curzon gọi là “những khu ngoại ô lạc hậu”. Quyết định có triển vọng tốt của họ dù không được nhất trí nhưng được đại đa số đảng viên tán thành. Vấn đề của Churchill vẫn còn khúc mắc bởi vấn nạn đâu là chiêu bài mà ông sẽ chọn. Họ (Đảng Bảo thủ) không muốn ông tranh cử dưới danh nghĩa “ứng cử viên độc lập” và chấp nhận cho ông lấy danh nghĩa là “ứng viên ủng hộ chủ-nghĩa hợp hiến” bất kể chiêu bài này thật sự có ý nghĩa ra sao. Vào lúc này ông chưa gia nhập Đảng Bảo thủ mà cũng chưa tham gia Câu lạc bộ Quý tộc Carlton.

Cũng trong tháng này (tháng 9 năm 1924), Churchill đã được chào đón nồng nhiệt tại Edinburgh. Ông đã đọc diễn văn trước các thành viên Đảng Bảo thủ Scotland tại phòng hòa nhạc Usher Hall. Balfour là người giới thiệu ông, và Edward Carson cùng với Robert Home đứng trên bục diễn thuyết. Chính phủ Công Đảng đã bị đánh bại trong Hạ viện vào ngày 8 tháng 10. Và vào ngày 30, trong cuộc tổng tuyển cử lần thứ ba trong vòng ba năm, Churchill trở thành người đại diện cho khu vực bầu cử Epping với 19.843 phiếu bầu, so với 10.080 phiếu của ứng cử viên Đảng Tự do và 3.768 phiếu bầu dành cho ứng cử viên Công Đảng. Epping (về sau đổi tên thành Woodford) khác với Dundee, tỏ ra là một vị trí an toàn dù trong khoảng thời gian 1938 - 1939 đã xảy ra xung đột nội bộ phát xuất từ một bộ phận của hiệp hội các thành viên Đảng Bảo thủ. Nhưng tính từ năm 1924, chuyện ấy còn rất lâu mới xảy ra.

Chương 21

VÀNG VÀ NHỮNG CUỘC ĐÌNH CÔNG

Đầu tháng 11 năm 1924, tiền đồ của Churchill sáng sủa hơn nhiều so với hai năm trước. Ông an nhiên trở lại Hạ viện và tham gia một cách hiệu quả vào đội hình Đảng Bảo thủ gồm 419 nghị sĩ. Để bảo đảm cho sự vững chắc của khối đa số này, sự tín nhiệm dành cho Churchill bị hạn chế. Dĩ nhiên là ông mong được trao cho một chức vụ quan trọng. Nhưng ông đã rất ngạc nhiên trước đề nghị của Baldwin vào ngày 5 tháng 11. Lời bình phẩm của Churchill rằng: “Ông đã giúp tôi nhiều hơn là Lloyd George từng giúp” thật sự rất thích đáng. Trong năm 1921, Lloyd George đã làm cho Churchill thất vọng vì không giao cho ông chức bộ trưởng Tài chính. Năm 1924, Baldwin đã đáp ứng sự mong đợi của Churchill bằng cách trao cho ông chức vụ này, một chức vụ dù không phải là luôn luôn nhưng thường đứng ở vị trí thứ hai trong chính phủ.

Trong việc bố trí nhân sự dường như có tác động của yếu tố may mắn. Lúc đầu, Bộ Tài chính được đề nghị trao cho Neville Chamberlain. Nhưng ông này từ chối, và thay vào đó lại chọn một bộ bình thường là Bộ Y tế, một bộ có lĩnh vực trách nhiệm rộng lớn hơn (cung cấp nhà cửa, giám sát chính quyền địa phương, giám sát luật chăm sóc người nghèo và lĩnh vực y tế) và cần được cải cách. Churchill là người được đề nghị sau, và Baldwin đã minh họa “thiên hướng liều lĩnh” của ông đúng như những gì Birkenhead từng gán ghép cho ông mấy năm trước,²³ bằng cách trao một chức vụ quan trọng cho Churchill. Câu chuyện cho rằng khi Baldwin đề cập đến chức bộ trưởng Tài chính thì Churchill lại nghĩ là chức Quốc vụ khanh vùng Lancaster (sở dĩ có sự nhầm lẫn này là vì ở

nước Anh chức bộ trưởng Tài chính [Chancellor of the Exchequer] và Quốc vụ khanh vùng Lancaster [Chancellor of the Duchy of Lancaster] đều được gọi là chancellor) là không đúng. Ngoài những vấn đề khác, hẳn là cách cư xử thiếu tế nhị nếu Baldwin đề nghị Churchill quay lại chức vụ mà ông ta từng không thích trong năm 1915, và Baldwin rất hiếm khi thiếu sự nhạy cảm. Thực tế, khi Churchill đến gặp Baldwin, ông đã đi ngang qua phòng của người ủng hộ ông là Stanley Jackson. Và đây chính là người khi nghe đến từ “Chancellor” đã cho rằng hẳn Baldwin nói đến chức vị quốc vụ khanh lãnh địa công tước Lancaster. Stanley Jackson đã không ngờ rằng con chim mà ông (ít nhất là trong vai trò một thành viên Đảng Bảo thủ) đã góp phần ấp ủ lại bay cao đến thế.

Vì thế, đối với Churchill, đây là một sự bổ nhiệm bất ngờ đầy may mắn. Và có lẽ, từ tất cả những điều này, người ta đã chờ đợi hai hệ quả. Một là lòng biết ơn đối với Baldwin, và hệ quả này dù có cường độ giảm dần nhưng đã thật sự tồn tại suốt nhiều năm. Hệ quả thứ hai (được phần đông chờ đợi) hẳn là sự tôn trọng đối với các vị thần bản mệnh trong đảng mới và sự thận trọng khi tự thích nghi với môi trường quyền lực mới mà ông biết rất ít về nó.

Một ví dụ nổi bật về sự ngạo mạn của Churchill là ông đã tỏ ra chẳng tôn trọng các vị thần bản mệnh ấy mà cũng chẳng cần thận trọng. Ông đã đảm đương quyền lực của Bộ Tài chính trong chính phủ như thể đã có kinh nghiệm kết hợp của những người tiền nhiệm như Gladstone, Disraeli, Lloyd George và Bonar Law. Và ông đối xử với các đồng sự như thể đã nắm trong tay những ủy nhiệm thư khó phản đối nhất của Đảng Bảo thủ. Đôi khi ông tự tin quá mức, như lao vào chủ trì uỷ ban Nội các trong khi diễn ra sự kiện tổng đình công. Ông đã bắt đầu bang cách trấn an hai thành viên chủ yếu khác của Nội các là bộ trưởng Nội vụ (Joynson-Hicks) và bộ trưởng Chiến tranh (Worthington-Evans) rằng: “Tôi từng làm công việc của ngài Jix (Joynson-Hicks) suốt 18 tháng và việc của ngài Worthy (Worthington-Evans) suốt hai năm. Thế nên tôi cần phải tiết lộ với hai ngài kế hoạch của tôi”. Hai người có thể sánh với Churchill về kinh nghiệm tổng quát trong nhiệm kỳ chính phủ ấy là Balfour, người mãi đến tháng 4 năm

1925 mới tham gia và bắt đầu thất bại, và Austen Chamberlain, người sống tách biệt với chức vụ ngoại trưởng. Nhưng toàn bộ kinh nghiệm của Churchill đạt được là qua việc tiếp xúc thân thiết với các đối thủ của chính phủ Bảo Thủ.

Điều này đã khiến Churchill hầu như không có được giây phút ngưng nghỉ nào. Ấn tượng mạnh từ những ghi chép về ông trong những tháng đầu ở Bộ Tài chính là năng lượng to lớn của ông dành cho khối lượng khổng lồ những bức thư gửi cho thủ tướng hoặc các đồng sự. Chúng mang dấu ấn không thể nhầm lẫn của riêng ông.

Vì thế, vào ngày 28 tháng 11 năm 1924, khi Churchill đưa ra quan điểm của ông trên vấn đề thuế trực thu qua một bức thư dài chín trang ủng hộ việc giảm thuế cho tầng lớp trung lưu và nghèo gửi cho Richard Hopkins (khi ấy là cục trưởng Cục Thuế quốc nội và về sau là bí thư thường trực Bộ Tài chính), ông đã đưa ra lập luận tối nghĩa và dĩ nhiên là theo phong cách riêng:

Khi thủy triều thuế rút xuống, nó để lại các triệu phú bị mắc cạn trên đỉnh của các đợt thuế. Cũng giống như việc chúng ta đã thấy những triệu phú này bị để lại bên mức nước thủy triều cao nhất và những người nộp thuế phụ thu bình thường phấn khởi vượt qua họ, toàn bộ tầng lớp nộp thuế phụ thu rồi sẽ lại bị để lại bên bờ biển khi đại bộ phận những người nộp thuế thu nhập hòa lẫn vào làn nước trong lành của đại dương. Tính chất hài hòa và tự nhiên của tiến trình này thanh nhã và dễ chịu trong cực điểm cuối cùng.

Vào ngày 1 tháng 12, Churchill viết thư cho ngoại trưởng nói rằng ông đề nghị thanh toán thuế nghĩa vụ chiến tranh đã quá hạn của Pháp và Ý, điều “sẽ khiến ngài lo lắng vì các đại sứ của các nước ấy sẽ mặt sưng mày sía thay vì vui vẻ”. Ngày hôm sau, ông viết thư cho cố vấn chính phủ để hỏi rằng liệu việc gia tăng số lượng tàu ngầm ở Hồng Kông từ 6 lên 12 chiếc có phải là hành động khiêu khích hay không “nếu như Nhật Bản chiếm đảo *Isle of Man* và đưa đến đó 21 tàu ngầm”. Hai tuần sau, ông viết thư cho Baldwin để nói rằng: “Việc đáp

ứng nhu cầu xây dựng hiện nay của Bộ Hải quân đồng nghĩa với việc làm tê liệt toàn bộ chính sách của chính phủ. Người nộp thuế sẽ không được hưởng lợi và việc cải cách xã hội sẽ không được thực hiện. Quốc hội của chúng ta sẽ là Quốc hội của Bộ Hải quân, bận rộn trang bị cho hải quân để chuẩn bị cho một cuộc tấn công lớn cận kề - *Voilà tout!* (tất cả chỉ có thế)”. Sau đó, vào ngày 22 - 2 - 1925, khi mạnh mẽ ủng hộ quyết định quay trở về với chế độ kim bản vị như thời trước chiến tranh của Bộ Tài chính và Ngân hàng Anh, Churchill đã viết thư cho Otto Niemeyer (thủ quỹ của Bộ Tài chính): “Tôi muốn thấy Bộ Tài chính bớt kiêu ngạo và Bộ Công nghiệp thêm toại nguyện”.

Cơ thể lộ tình cảm riêng tư mạnh mẽ này cùng với sự quả quyết gây rung động của ông đã gây ấn tượng cho người khác theo những cách khác nhau. Phê bình của vợ ông trong bức thư gửi giáo sư F. A. Lindemann (là một mặt trăng đi vào vòm trời của Churchill hầu như cùng lúc với Brendan Bracken [Brendan Bracken giống với một sao chổi hơn], cả hai người là một phần bầu trời của Churchill suốt 35 năm sau đó) là một sự đánh giá tốt: “Winston chìm đắm trong công việc mới cùng với các quan chức của Bộ Tài chính, những người mà ông ấy cho là rất phi thường”. Những quan chức này cùng với các quan chức khác của Ngân hàng Anh, đã được kích thích bởi Churchill, dù họ nhận thấy ông ít chịu lắng nghe và đòi hỏi nhiều về thời gian hơn người tiền nhiệm là Snowden. Trong số các đồng sự cao cấp, Churchill chỉ thân thiết với Austen Chamberlain, và Birkenhead, ngoại trừ trước kia khi thuộc hai đảng khác nhau, là người bạn tương hợp nhất suốt nhiều năm.

Khi những dự toán ngân sách của hải quân được tiết lộ, bá tước Beatty (thủy sư đô đốc và lúc ấy là Đô đốc Hải quân) đã đưa ra nhận xét về Churchill từ một góc độ khác. Vào ngày 26-1- 1925, Beatty đã viết cho vợ: “Gã Winston kỳ lạ đó đã hóa điên”. Nhưng 10 ngày sau ông lại viết thêm: “Anh phải mất rất nhiều sức lực khi phải đối phó với người có đầu óc nhanh nhạy như Churchill. Một bước đi, một nhận xét, hoặc thậm chí là một điều bộ không đúng sẽ bị chỉnh sửa ngay lập tức, thế nên anh phải luôn tỉnh táo”. Tuy nhiên, chính Neville Chamberlain,

người đã góp phần giúp Churchill trở thành bộ trưởng Tài chính do đã không nhận chức vụ này, mới là người có nhiều thiện cảm nhất đối với thành tích của Churchill trong những ngày đầu gia nhập Đảng Bảo thủ. Vào cuối tháng 8 năm 1925, Chamberlain đã viết cho Baldwin:

Khi nhìn lại nhiệm kỳ đầu tiên của chúng ta, tôi nghĩ bộ trưởng Tài chính của chúng ta đã làm việc rất hiệu quả, càng tốt hơn nữa khi ông ta đã không làm những gì mà người ta lo là ông ấy sẽ làm. Ông ta không áp đảo Nội các, dù rõ ràng là ông ta có ảnh hưởng mạnh đối với nó... Ông ta không âm mưu nắm quyền lãnh đạo, nhưng là một ngọn tháp của sức mạnh tranh luận trong Hạ viện... Ông ta là một nhân vật tài ba. Nhưng giữa tôi và ông ấy dường như có một hố sâu ngăn cách mà tôi chưa bao giờ nghĩ là sẽ vượt qua được. Tôi thích ông ấy, tôi thích sự hóm hỉnh và tràn đầy sinh khí của ông ấy. Tôi thích sự can đảm của ông ấy... Nhưng không phải hoàn toàn vì thích thú mà tôi trở thành thành viên trong đội ngũ của ông ấy. Để thay đổi là cụm từ thích hợp dùng để mô tả tính khí của ông ấy.

Trong giai đoạn này, ảnh hưởng của Churchill đối với Baldwin rất đáng kể. Churchill đối xử với thủ tướng với lòng biết ơn. Và thủ tướng dù không để cho Lloyd George làm lóa mắt lại tự cho phép mình tạm thời bị lóa mắt bởi người lãnh đạo nước Anh trong chiến tranh, thậm chí còn vĩ đại hơn ông trong thế kỷ 20 (ý nói Churchill). Có thể thấy rõ điều này qua giọng điệu trong những bức thư Baldwin gửi cho Churchill. Văn phong của chúng khác với văn phong của những bức thư ông thường viết, như thể ông cố gắng tranh đua với Churchill về sự tinh tế và khả năng sử dụng từ ngữ. Vì thế, khi Herbert Samuel từ Tyrol đến gặp thủ tướng tại thị trấn Aix-les-Bains trong mùa hè 1925 theo lệnh triệu kiến với hy vọng là sẽ được nhận chức chủ tịch Hội đồng Hoàng gia, Baldwin đã nói lại với Churchill khi ông đang ở trang viên Chartwell:

Cậu bé Samuel đã không đến trễ, cậu đến đúng vào lúc đồng hồ gõ

sáu tiếng vào buổi chiều Thứ hai. Trầm tĩnh, thành thạo và như thể một sự tỉ mỉ bí hiểm nào đó đã cho thế giới tạm bợ này mượn cậu ta lần đầu, chỉ trong chốc lát là cậu ta có thể nắm bắt được vấn đề của chúng ta với mọi hàm ý phức tạp của nó.

Aix rất đông người: hầu hết người ta đổ dồn về đây. Những chiếc xe buýt của khách sạn cho khách xuống tại địa điểm các nhà tắm La Mã, và đa số họ trông như thể vừa bị ta dùng nĩa đâm phải. Những người giàu có sẽ đến đây rất đông.

Bất chấp sự thân mật trong thư, Baldwin và Churchill ít gặp nhau trong cuộc sống xã hội. Tuy nhiên, họ vẫn thường gặp nhau vì Churchill đã phát triển thói quen đi bộ từ nơi ở truyền thống của bộ trưởng Tài chính là số 11 phố Downing đi ngang qua hai cánh cửa liền nhau của số 10 (nơi ở của thủ tướng) vào buổi sáng để đến phòng của ông ở tòa nhà Bộ Tài chính. Và hầu hết những lần như thế, khi đang trên đường đi, ông được thủ tướng gọi vào để tán gẫu vài phút. Việc này góp phần vào việc giữa họ không bao giờ xảy ra những cuộc cãi vã nghiêm trọng trong chính phủ trong suốt bốn năm rưỡi, cho dù sự hòa hoãn này không kéo dài thêm nhiều lắm sau khi chính phủ của Baldwin bị hạ bệ. Thói quen này chắc chắn đã giúp Churchill dễ dàng vượt qua những tháng đầu trong vai trò là bộ trưởng thuộc Đảng Bảo thủ, khi ông đã tham gia vào ít nhất là bốn cuộc tranh cãi quan trọng trong chính phủ, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho ông trong việc chuẩn bị kế hoạch ngân sách đầu tiên, và chỉ đạo những cuộc đàm phán tế nhị liên quan đến nợ chiến tranh với người Pháp.

Nguy hiểm nhất là sự tranh cãi về dự toán ngân sách của Bộ Hải quân. Đây là vì ông không chỉ thực hiện hành động trở mặt khác thường đối với vị trí mà ông từng giữ 12 năm trước khi ông suýt làm phá sản Nội các của Asquith với đòi hỏi hình thành một lực lượng hải quân lớn mạnh hơn. Thế mà nay, trong năm 1925, lại đòi hỏi những người bạn thân nhất của Baldwin trong chính phủ như là bộ trưởng Hải quân Bridgeman và chủ tịch Ủy ban Quốc hội chuyên trách vấn

đề tài chính của hải quân là Davidson phải thực hiện chính sách hạn chế chi tiêu cho hải quân. Một cuộc tranh cãi lớn đã dây dưa suốt gần một năm trong Nội các, với sự đe dọa từ chức của hai bộ trưởng (Churchill không nằm trong số này) và một số đô đốc, những người có lẽ đã hình thành một phần sức mạnh của ông. Cuối cùng, Baldwin đã khéo léo hướng đến giải pháp hơi thiên về phía Bộ Hải quân nhiều hơn là phía Churchill, nhưng ít ra thì vị bộ trưởng Tài chính có thể thoát ra khỏi thế bế tắc mà không phải bề mặt hoặc bất mãn.

Tranh cãi thứ hai xảy ra với bộ trưởng Lao động Steel-Maitland, và ở một chừng mực nhỏ hơn, với bộ trưởng Y tế Neville Chamberlain, liên quan đến kế hoạch bảo hiểm an sinh dành cho góa phụ, trẻ mồ côi và bảo hiểm hưu bổng. Đây là những kế hoạch mà Churchill quyết định đưa vào dự án ngân sách của ông. Steel-Maitland dứt khoát cho rằng kế hoạch này thứ nhất là quá hào phóng và thứ hai là được đưa ra quá sớm trong Nghị viện, và ít nhất thì Chamberlain cũng tán thành đánh giá thứ hai. Tuy nhiên, Churchill vẫn quyết định làm theo ý mình trong cả hai vấn đề. Quyền lực của một bộ trưởng Tài chính cương quyết đối với vấn đề dự án ngân sách là rất lớn.

Tranh cãi thứ ba xảy ra với một Chamberlain khác (Austen Chamberlain), người bạn cũ còn quen biết trước cả Neville, và là người đã trách móc việc thiếu sự ủng hộ của Churchill ở hai cuộc họp Nội các không thỏa đáng vào đầu tháng 3 năm 1925. Chamberlain đang công thức hóa sáng kiến liên kết Anh, Pháp, Đức, Ý và Bỉ thành một tuyến bố trí an ninh chung như là một phần của cái mà về sau sẽ là Hiệp ước Locarno. Baldwin đã không có ý kiến gì. Trong khi, theo suy nghĩ của Chamberlain, bộ trưởng Tài chính (Churchill) lại gây thêm rắc rối thay vì giúp đỡ đồng sự ở một bộ quan trọng khác. Vào giai đoạn này, Churchill chống lại bất cứ việc gì dính đến việc phải tận tâm với nước Pháp, là nước “chỉ nói mồm chứ chẳng chịu gánh vác trách nhiệm. Tất cả những gì chúng ta cần làm là chỉ lo việc của chúng ta, và chỉ trong vòng vài năm sẽ thấy người Pháp phải cầu xin sự giúp đỡ của chúng ta”.

Đáng quan tâm nhất là tranh cãi thứ tư dù nó không lan truyền từ Bộ Tài

chính và Ngân hàng Anh đến vũ đài Nội các. Gần như toàn bộ các sự cố vấn chính thống đều nhất trí rằng nước Anh nên quay trở về với kim bản vị (hệ thống hối đoái do nước Anh dẫn đầu đã bị tan vỡ do những căng thẳng của Thế chiến I) với mức hối đoái được ấn định ngang với thời kỳ trước chiến tranh. Trên chủ đề này, các biên bản của Churchill là những kiệt tác của sự chất vấn sắc sảo khiến cho đối tượng bị chất vấn phải tìm cách lẩn tránh. Vào ngày 29 - 1 - 1925, Churchill đã viết một biên bản và gửi nó đến Montagu Norman (Thống đốc Ngân hàng Anh từ 1920 đến 1944), Otto Niemeyer, R. G. Hawtrey (người với 41 năm làm việc ở Bộ Tài chính đã biến ông thành một huyền thoại thậm chí còn nổi tiếng hơn cả Niemeyer trong vai trò là chuyên gia tài chính quốc tế), và nam tước Bradbury. Bradbury, người đã nghỉ hưu và được phong hàm quý tộc sau khi trở thành thư ký thường trực của Bộ Tài chính suốt Thế chiến I, hiện đang là chủ tịch Ủy ban đặc trách phối hợp của lưỡng viện Quốc hội chuyên trách vấn đề tiền tệ và ngân hàng. Ủy ban này phải chịu trách nhiệm quyết định chiều hướng hối đoái hoặc quay về với kim bản vị.

Tinh thần của biên bản này được biểu lộ rõ qua việc ở Bộ Tài chính nó được biết đến với tên gọi là “Bài tập của ngài Churchill”. Đây là một tên gọi kết hợp gợi ý ngưỡng mộ đối với sự tích cực với sự khó chịu đối với vẻ ngoài hiền lành của biên bản, và được phản ánh qua lời bình của Bradbury: “Có vẻ như người viết đã đặt ngôi nhà tinh thần của ông ta vào trong chỗ trú ẩn của Keynes và McKenna [hai nhà kinh tế học, McKenna là nhà kinh tế học của Đại học Cambridge và là cựu bộ trưởng Tài chính, người đã trở thành chủ tịch của Midland Bank, người hoài nghi nổi bật nhất chống lại chủ trương kim bản vị], nhưng một số món trang sức trên chiếc áo choàng của ông ta lại được cung cấp bởi tờ *Daily Express* [nghĩa là Beaverbrook]”.

Những phúc đáp trực tiếp đối với biên bản của Churchill, khác với những phê bình cạnh khoé, là những ví dụ hay về cách hành xử vượt trội thay cho sự tranh cãi có chừng mực. Niemeyer nói rằng vào lúc này việc lảng tránh sẽ cho thấy nước Anh không bao giờ thật sự “xem xét một cách nghiêm túc” vấn đề

kim bản vị và rằng “chúng ta run sợ khi vũ đài được dựng lên”. Norman, vị thống đốc ngân hàng tài ba, thậm chí còn dịu dàng một cách cao thượng. Ông viết rằng, đối với “những người có giáo dục và hiểu biết” thì không có biện pháp nào có thể thay cho việc quay về với kim bản vị. Chắc chắn là vị bộ trưởng Tài chính sẽ bị công kích cho dù ông ta làm gì chẳng nữa. Nhưng “nếu chọn kim bản vị, ông ấy sẽ bị lăng nhục bởi những kẻ ngu dốt, những kẻ đầu cơ, và những nhà tư bản công nghiệp lạc hậu, nếu không chọn kim bản vị, ông ta sẽ bị lăng nhục bởi những người hiểu biết và bởi hậu thế”.

Những hoài nghi của Churchill đã dịu đi rất nhiều. Và nghị lực kết hợp với sự tự tin đã biến ông thành một chiến binh đáng sợ của hành động đánh bọc hậu. Thư phúc đáp của Niemeyer trả lời thư đầu tiên của Churchill đã được viết vào hôm Thứ bảy (21 tháng 2). Churchill lại phúc đáp thư của Niemeyer với dòng sửa thuần khiết nhất của học thuyết bành trướng:

Đối với tôi, dường như Bộ Tài chính chưa bao giờ phải đối diện với ý nghĩa sâu xa của cái mà ngài Keynes gọi là “nghịch lý của nạn thất nghiệp trong bối cảnh đói kém”. Ngài thống đốc ngân hàng tỏ ra hoàn toàn hạnh phúc trong cảnh tượng nước Anh là nước uy tín nhất trên thế giới nhưng đồng thời lại có đến 1.250.000 người thất nghiệp. Rõ ràng là nếu lượng người thất nghiệp này được sử dụng có ích và kinh tế, thì ít nhất là mỗi người sẽ tạo ra được ít nhất là 100 bảng mỗi năm, thay vì mỗi người làm tiêu tốn ít nhất là 50 bảng trợ cấp thất nghiệp mỗi năm.

Churchill đã soạn thư phúc đáp đầy đủ chi tiết và rất nhanh. Ông kết luận rằng: “Hãy tha thứ cho tôi vì đã gộp thêm các công việc của ông vào những phản ánh trong sáng Chủ nhật này”. Cho dù Churchill ra sao, ông vẫn không phải là một bộ trưởng lười biếng. Trong số những bộ trưởng Tài chính gần như cùng thời, Snowden hẳn sẽ chấp nhận lời khuyên mà không tranh cãi. Baldwin có thể ngẫm nghĩ về lời khuyên ấy trong buổi sáng Chủ nhật tản bộ trong im lặng. Và Austen Chamberlain có thể sẽ than phiền về lời khuyên đó với người chị gái

rằng ông đang bị thúc ép, nhưng sẽ không cãi lại mà không đưa ra một bản văn chính thức.

Churchill đã đẩy vấn đề đi đến một cuộc tranh luận trực tiếp cũng như bằng văn bản. Vào ngày 17 tháng 3, ông chuẩn bị một cuộc tranh luận bên bàn ăn. Ông luôn thích tranh luận bên bàn ăn. Dù là một sĩ quan cấp thấp trong lực lượng kỵ binh, truyền thống quân đội không cho phép tranh luận bên bàn ăn là một điều hoàn toàn xa lạ đối với ông. Ông tìm cách kết hợp nhiệt tình của ông ở thời điểm này với những niềm đam mê lâu dài. Nếu có thể được, ông sẽ kết hợp champagne với cuộc tranh luận và rượu mạnh với phương pháp hành động. Trong bữa tiệc chiêu đãi này, ông mời Keynes và McKenna, hai người không tin tưởng vào chế độ kim bản vị, mà “thánh điện” của họ được người ta cho là nơi trú ngụ của ông, và mời cả Bradbury Niemeyer.

Thức khách thứ sáu là P. J. Grigg, thư ký riêng chính của năm bộ trưởng Tài chính trước khi trở thành thứ trưởng thường trực và sau đó là bộ trưởng Chiến tranh. Grigg đã ghi lại rằng cuộc hội ngộ này kéo dài cho đến sau nửa đêm (báo trước những thói quen sau này của Churchill) và rằng vào cuối bữa ăn, “phe ủng hộ kim bản vị đã thắng”. Keynes có quan điểm khá khó hiểu về sự dị biệt quá lớn giữa giá cả của Mỹ và Anh, và giữa cách hiểu của Anh và Mỹ về cụm từ “phát triển kinh tế”, nên không thể có chung một hệ thống tiền tệ mở. McKenna chỉ ra rằng *nhân viên phản bội* không chỉ là các nhân viên mà có thể là cả cấp trên của họ. P. J. Grigg công nhận lập luận của Keynes là có cơ sở nhưng sau cùng lại cho rằng dựa trên thực tiễn chính trị, Churchill không có cách nào khác hơn là phải quyết định quay về với chế độ kim bản vị. Khi bữa tiệc kết thúc, hy vọng chống đối sau cùng của Churchill đã sụp đổ.

Đó là đỉnh điểm của tiến trình kéo dài hai tháng. Khi cuộc tranh cãi về kim bản vị được tiết lộ, người ta có cảm giác là thậm chí một bộ trưởng thường áp đảo người khác như Churchill cũng phải xuôi theo sức mạnh của dòng chảy. Ông vẫn chống đối nhưng về cơ bản là bất lực. Bộ Tài chính đã chống lại ông, Ngân hàng Trung ương đã chống lại ông, Ủy ban Đặc biệt với chủ tọa lúc đầu là

Austen Chamberlain và sau đó là Bradbury đã chống lại ông, “cái bóng” Công Đảng đã chống lại ông. Baldwin, người rất tôn trọng thống đốc Ngân hàng Montagu Norman, trên thực tế không tham gia vào quyết định này nhưng hẳn là đã rất buồn. Keynes và McKenna như hai gò đất mà Churchill cố gắng đứng được trên đó, nhưng vì những lý do khác nhau hai gò đất ấy đã tỏ ra là những bệ đỡ không mang lại sự hài lòng. Động lực của kiến thức thông thường đã cuốn trôi hai gò đất ấy. Sau bữa tiệc ngày 17 tháng 3, quyết định vẫn chưa được chính thức thừa nhận như là sự chấp nhận chung của nhóm nòng cốt. Và mãi đến ngày công bố dự án ngân sách 28 tháng 4, quyết định này mới được chính thức thừa nhận.

Toàn bộ câu chuyện là một ví dụ đáng nhớ về một bộ trưởng mạnh mẽ, nhưng vẫn phải ngập ngừng khuất phục và miễn cưỡng tự thích nghi với ý kiến hầu như đã được nhất trí và không thể cưỡng lại của đa số. Hai điểm khác nữa cũng cần được lưu ý. Thứ nhất là tính chất bí mật của cuộc tranh cãi. Trong hai tháng tranh luận gay gắt giữa thuận và chống lại biên bản của Churchill, vấn đề đã không được lan truyền ra bên ngoài Bộ Tài chính chứ nói gì đến việc lan truyền bên ngoài chính phủ. Sự kín đáo như thế là điều mà ngày nay không thể xảy ra. Thứ hai là khả năng của ý kiến sai lầm hầu như đã được nhất trí ấy, hay ít nhất là khả năng của sự thiển cận đến mức gây ra những hậu quả nghiêm trọng ấy. Điều mà Churchill chỉ cảm nhận được một cách mơ hồ: cách nhìn chưa hoàn chỉnh của Churchill vẫn vượt trội hơn so với cách nhìn nhận vấn đề của Norman, Niemeyer, Bradbury, Austen Chamberlain, hoặc Philip Snowden. Nhưng khi phải đương đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn này, sự tự tin của Churchill (dù đầy ắp trong những bức thư và những biên bản đả phá các quan điểm truyền thống) lại không phát triển thành thái độ cương quyết gạt bỏ quan điểm của các học giả uyên thâm.

Vì thế, đã xảy ra sự tận tâm với cái thường được cho là sai lầm lớn nhất của chính phủ Baldwin, và trách nhiệm đối với vấn đề này đã được trút lên đầu Churchill. Ví dụ như Keynes, tận dụng thành công vang dội của tác phẩm *The*

Economic Consequences of the Peace xuất bản năm 1919, đã viết một quyển sách nhỏ có tựa đề tương tự chỉ thay đổi một chữ là *The Economic Consequences of Mr Churchill*. Sự quy kết trách nhiệm phần nào bất công, nhưng chỉ là bất công phần nào chứ không hoàn toàn. Churchill muốn trở thành một bộ trưởng Tài chính có khả năng lôi kéo sự quan tâm của người khác. Ông mong muốn sao cho dự án ngân sách đầu tiên của ông tạo ra được một đợt sóng lớn, điều mà nó đã làm được, và góp phần đáng kể vào đợt sóng lớn ấy là tuyên bố về vấn đề kim bản vị. Dù rất ngập ngừng khi phải đổi ý, Churchill vẫn phải gánh vác trách nhiệm. Và nếu bị xét xử như thế thì ông còn phải chịu đựng một phần lớn sự khiển trách. Điều trở trêu là qua việc nâng giá đồng bảng Anh, Churchill đã phá hoại chính sách công nghiệp của Baldwin. Dù nếu ông không làm như thế thì chính Baldwin hẳn sẽ can thiệp vào chính sách tài chính của chính phủ và buộc ông phải chấp nhận lời khuyên của Montagu Norman.

Tuy nhiên, hậu quả của lời khuyên đã tác động trực tiếp đến chính sách xoa dịu các công đoàn mà Thủ tướng đã công bố vào ngày 6 tháng 3 (năm 1925) dẫn đến việc thu hồi dự luật chống công đoàn của một số cá nhân thành viên Đảng Bảo thủ và đưa danh tiếng lãnh đạo của ông lên đến đỉnh điểm. Trong thư gửi Clementine, Churchill đã viết về điều này như sau: “Anh chẳng biết tại sao ông ấy lại có thể tỏ ra mạnh mẽ đến thế”. Quyết định ngập ngừng của Churchill chỉ xảy ra sau bài diễn văn đã gây ấn tượng mạnh cho ông. Quyết định ấy hoàn toàn xứng hợp với những ước muốn mâu thuẫn của Baldwin. Và cuộc tổng đình công đã xảy ra trong vòng 14 tháng sau.

Dưới thời Churchill làm bộ trưởng Tài chính, tự thân những ngày chờ đợi dự án ngân sách được thông qua đã tạo ra cảm giác đây là một dịp khác thường hơn là một quá trình theo thống lệ, với những nghi thức phụ cận hoàn toàn tương hợp với nhiệt tình được chuyển tải trong nội dung của diễn văn dự án ngân sách. Tại ngày trọng đại diễn ra hàng năm, Churchill không chỉ cho trưng bày “Hộp Ngân Sách” (Gladstone Box) trước cửa ngôi nhà 11 phố Downing theo thống lệ mà sau đó còn đưa rước nó xuôi theo phố Whitehall để đến Hạ viện. Và tháp tùng

hộp ngân sách là thư ký riêng của ông ở Quốc hội, Robert Boothby, và một nhóm thành viên trong gia đình, một đội cảnh sát, theo sau là những nhân vật đáng kính. Vào những dịp như thế, Churchill mặc những chiếc áo khoác ngoài đường bộ. Dường như chiếc áo khoác ngoài có có làm bằng lông cừu calacum đã được ông đem cất vào ngày xuân phần (dù ông lại dùng nó vào đầu mùa thu). Nhưng ông vẫn còn ít nhất là hai cái khác nữa và rất hiếm khi ra ngoài mà không mang theo chúng. Ông luôn mặc nhiều lớp áo, đôi khi quá nhiều so với người chung quanh, dù nhìn chung thì cũng giống như các chính khách đồng sự trong thập niên 1920 và 1930.

Khi đảm rước đến Hạ viện, Churchill đi vào một phòng chờ, không mặc áo khoác ngoài, cùng với thư ký riêng Boothby, hộp ngân sách, và bài diễn văn, và tiến lên để đọc nó trong khoảng hai giờ. Ít ra là về hình thức, hầu như tất cả các bài diễn văn dự án ngân sách của ông đều thành công. Phong cách hùng biện của Churchill gợi cảm và đặc trưng đến mức không thể có ở người khác, nhưng ấn tượng này bị giảm bớt do sự chỉ trích chua cay của nó, chỉ trích cả bản thân lẫn những người khác.

Ông đã quyết định trình bày dự án ngân sách năm 1925, ngoài việc giảm thuế đáng kể cho những người có thu nhập cao (và ở một chừng mực nhỏ hơn giảm thuế cho cả những ông chủ lớn) như là một hành động liều lĩnh “vì điều kiện sống của người dân”. Nó rất giống với truyền thống của ông khi cộng tác với Lloyd George trước năm 1914. Thật ra, trong nội bộ các bộ trưởng đã có vài chỉ trích phê phán những thông báo lấn sân của ông, những thông báo lẽ ra phải do bộ trưởng Y tế thực hiện. Tuy nhiên, những cụm từ thật sự đầy thương cảm mà Churchill sử dụng khi nói về những rủi ro đau khổ của “những con người thấp cổ bé họng” vào lúc này đã biểu thị thái độ hạ cổ của giới quý tộc. Những giả định xã hội trong thập niên 1920 rất khác với những giả định xã hội trong thời kỳ sau Thế chiến II. Nhưng cho dù chúng được chấp nhận, trong dự án ngân sách năm 1925 của Churchill vẫn có một số yếu tố hoài cổ góp phần dẫn đến việc ông thất cử trong năm 1945.

Arthur Ponsonby, con trai (người theo Công Đảng) của thư ký riêng lâu năm của Nữ hoàng Victoria, đã chỉ trích thẳng thừng khi viết rằng: “Churchill đồng cảm với người nghèo qua tài hùng biện của ông ấy nhưng trên thực tế lại đồng cảm với người giàu”.

Nhưng nhìn chung dự án ngân sách của Churchill đã được đón nhận khá tốt và giúp làm tăng uy tín của ông trong chính phủ. Thậm chí trước đó Birkenhead, trong vai trò là trưởng Văn phòng về Ấn Độ, đã viết thư cho phó vương Reading (Rufus Isaacs, hầu tước vùng Reading và là phó vương Ấn Độ) rằng: “Vị trí của Churchill trong Nội các và trong chính phủ rất mạnh. Ông cùng gánh vác khó khăn với thủ tướng, người rất thích ông và là người mà ông chân thành biết ơn”. Điều này đã khiến ông rất quan tâm đến khủng hoảng trong ngành than, cuộc khủng hoảng mà theo hình thức nào đó đã gây áp lực cho sinh hoạt của chính phủ kể từ mùa hè 1925. Nhưng chúng ta đã biết, chủ trương trở về với kim bản vị với tỉ suất ngang với mức năm 1914 (phần nào là nguyên nhân của rắc rối) của Churchill đã gây hại cho ngành than (vì giá trị cao hơn của đồng bảng sẽ gây hại thêm cho việc xuất khẩu than đã sẵn sục giảm), ngành nuôi sống hàng triệu người. Nhưng đồng thời ông cũng được người ta xem là người cung cấp giải pháp khả dĩ. Trong tháng 7 năm 1925, ông được bầu làm chủ tịch của một uỷ ban đặc biệt trong Nội các để xem xét vấn đề quốc hữu hóa quyền khai thác than của hoàng gia. Nhưng đây không phải là giải pháp đối với vấn đề trước mắt. Đó là việc các ông chủ mỏ (hay là “những người sở hữu” theo cách gọi thích hợp hơn thường được họ sử dụng, và là những người mà theo đánh giá của Birkenhead một năm sau là những người kẻ đàn độn nhất mà ông ta từng gặp) chống lại tỉ giá mới của đồng bảng bằng cách công bố việc đóng cửa các mỏ than trên toàn quốc từ ngày 31 tháng 7, trừ khi các công nhân chấp nhận giảm đáng kể mức lương của họ.

Các công nhân mỏ, phần lớn sống trong những cộng đồng biệt lập và gắn bó với nhau, là những chiến binh gan lì nhất của tầng lớp lao động có tổ chức. Có thể họ không giỏi về chiến thuật, nhưng họ đoàn kết và được thôi thúc bởi tình

thần của phong trào lao động, và vì thế họ là một lực lượng nguy hiểm. Baldwin, người có tầm nhìn xa hơn và có lương tâm xã hội lớn hơn so với chủ nhân các khu mỏ, đã không muốn xảy ra xung đột. Churchill cũng thế. Ông đề nghị Baldwin thành lập một hội đồng hoàng gia để quyết định tương lai của ngành than, việc đã được xem xét suốt bảy tháng sau. Và ông đã đồng ý rằng một khoản trợ cấp, được ước tính là 10 triệu bảng nhưng thật ra là 29 triệu bảng, sẽ được chi cho ngành công nghiệp than trong giai đoạn này. Nhờ đó việc đóng cửa mỏ và tổng đình công đã được tạm hoãn từ tháng 7 năm 1925 đến tháng 5 năm 1926. Về sau Baldwin đã nói với G. M. Young, người viết tiểu sử được ông chọn, rằng: “Chúng tôi đã không sẵn sàng”.

Ngày trình dự án ngân sách của Churchill, Thứ hai ngày 26 - 4 - 1926, nằm giữa một bên là báo cáo ngày 11 tháng 3 của Ủy ban ngành than và một bên là cuộc tổng đình công nổ ra vào ngày 4 tháng 5. Báo cáo này đề nghị quốc hữu hóa quyền sở hữu các mỏ than của hoàng gia, đề nghị những cuộc sáp nhập, và dứt khoát hơn nữa, đề nghị chính phủ tài trợ cho việc nghiên cứu và tiếp thị, trợ cấp an sinh, và bác bỏ thẳng thừng đề nghị tăng giờ lao động và giảm lương của các chủ mỏ. Tuy nhiên, ủy ban này cho rằng, căn cứ vào mức làm việc bảy giờ mỗi ngày được ấn định và chỉ số vật giá giảm, việc mức lương bị giảm ở một mức độ nào đó là điều hợp lý.

Sau thành công đáng kể ở dự án ngân sách thứ nhất, Churchill đã phải gánh chịu đủ mọi khổ khăn từ dự án ngân sách thứ hai. Ngoài ra, ông còn phải chịu đựng một số tác động của việc bị quy trách nhiệm đối với “các hậu quả kinh tế của ngài Churchill”. Trước khi xảy ra khó khăn về thu nhập do cuộc tổng đình công gây ra và xảy ra cuộc đình công của công nhân mỏ than kéo dài thêm sáu tháng sau khi khúc mắc chính đã được giải quyết, tình hình ngân sách vốn đã khó khăn. Khoản trợ cấp 19 triệu bảng dành cho ngành than đã biến khoản thặng dư nhỏ thành sự thâm thủng nguy hiểm. Ông đã đề cập đến khó khăn này trong bài diễn văn năm 1925, nhưng năm chuyển tiếp, không tính đến giai đoạn trợ cấp cho ngành than, đã đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong suy nghĩ về lĩnh vực

tài chính công. Cho đến lúc ấy, người ta đã nghĩ rằng ngân sách 800 triệu bảng là sự tính toán sai lầm thời hậu chiến, và rằng một bộ trưởng Tài chính quả quyết có thể hạ thấp khoản tiền này xuống nếu không là 279 triệu bảng như thời kỳ 1913 - 1914 thì cũng phải là một con số nằm đâu đó giữa hai con số dự toán này.

Đó luôn là một suy nghĩ viển vông vì ngoài các khoản khác, chỉ riêng khoản nợ sau chiến tranh đã lên đến 300 triệu bảng (so với 24 triệu bảng trong giai đoạn 1913 - 1914). Nhưng mong muốn một điều không thể thực hiện không phải luôn là một khát vọng ngớ ngẩn. Có lẽ từ một thiện ý thiếu thận trọng, Churchill đã làm tan vỡ ảo tưởng. Tổng tác động của những nỗ lực lớn của Churchill dành cho nền kinh tế, nguyên nhân của sự hoang mang phức tạp và với trợ cấp dành cho ngành than bị bác bỏ, là phí tổn thật sự đã tăng vào khoảng giữa tài khóa 1924 - 1925 và 1925 - 1926 từ 795 triệu bảng lên 805 triệu bảng. Điều ấy được người tiền nhiệm của Churchill là Robert Home chỉ ra trong cuộc tranh cãi về ngân sách. Sau đó, 800 triệu bảng là con số không thể thay đổi. Mãi về sau này, nó mới bị vượt qua với 2.000 triệu của ngân sách năm 1939, 100.000 triệu bảng năm trong tài khóa 1981 - 1982, và lên đến 375.000 triệu bảng trong tài khóa 2000 - 2001 cho dù là sau nhiều năm “khôn ngoan hơn”.

Không gian xoay xở của Churchill trước kế hoạch ngân sách thứ hai rất hạn hẹp. Tuy nhiên, ông đã dành rất nhiều sức lực cho nó, nhưng không có nỗ lực nào phát huy tác dụng. Từ tháng 11 năm 1925 trở đi, ông đã phát động cuộc chiến dai dẳng, dù không có thành công nào đáng lưu ý, nhằm hạ thấp các con số trong dự toán của các đồng sự. Điều ấy đã không ngăn cản ông ủng hộ một biện pháp có ảnh hưởng sâu rộng là cải tổ Thượng viện (biện pháp đã nhanh chóng loại bỏ quyền tham gia Thượng viện của các quý tộc có tước vị được thừa kế) và tham gia một uỷ ban *Nội* các thành lập vào tháng 11 để bàn về vấn đề này với kết quả sẽ được mang ra trưng cầu dân ý. Ông nghỉ lễ Giáng sinh dài ngày ở trang viên Chartwell và mời thêm Edward Marsh, người có khoảng thời gian làm thư ký riêng cho ông tính đến lúc này đã hơn 20 năm, và giáo sư Lindemann, người thầy mới của ông. Và những giờ tiêu khiển của ông được điểm xuyên

những lần thường xuyên trao đổi thư từ với Bộ Tài chính. Sau đó, vào ngày 20 - 1 - 1926, khi phải đàm phán việc giải quyết nợ chiến tranh của Ý vào tuần sau, ông đến Leeds và đọc diễn văn trong bữa tiệc thường niên của Phòng Thương mại. Vì một số lý do, bữa tiệc tại thành phố Leeds là dịp ưa thích để các bộ trưởng Tài chính đọc bài diễn văn quan trọng cuối cùng trong giai đoạn trước khi dự án ngân sách mới được công bố. Churchill đã sử dụng nó trong năm 1926 để đánh giá tương lai một cách văn hoa:

Sự thịnh vượng, cô con gái phiêu bạt của gia đình chúng ta đã thất lạc trong cuộc Đại chiến đang đứng ở ngưỡng cửa. Cô bé đã đưa tay nắm lấy vòng nắm gỗ cửa. Chúng ta sẽ làm gì? Sẽ cho cô bé bước vào hay là đuổi cô bé đi? Chúng ta sẽ lại mời cô bé đến chiếc ghế bên lò sưởi hay là thêm một lần nữa để cô bé lang thang đến các nơi khác trên thế giới? Đó chính là chọn lựa sẽ xuất hiện trước nhân dân Anh trong những tháng đầy lo âu phía trước.

Những câu văn này đã tác động đủ mạnh đến suy nghĩ của George V, một vị vua tẻ nhạt và thường chống đối Churchill, đến nỗi ông yêu cầu Churchill cho phép ông sử dụng chúng trong bài diễn văn của mình.

Vào ngày 31 tháng 1, Clementine Churchill đến miền nam nước Pháp để nghỉ đông dài ngày (thói quen của bà vào thời ấy), nhưng việc ấy cũng không làm giảm quy mô hiếu khách của chồng bà. Vào dịp nghỉ cuối tuần ngày 6 và 7 tháng 2, ông đã mời đến nhà hai đồng sự trong Nội các (Worthington- Evans và Cunliffe-Lister) và thư ký tài chính của ông ở Bộ Tài chính (Ronald McNeil, người ủng hộ chủ trương hợp nhất không khoan nhượng từng dùng một quyển sách ném vào Churchill tại Hạ viện khi căng thẳng ở Bắc Ireland lên đến đỉnh điểm trong năm 1912). Vào dịp nghỉ cuối tuần kế tiếp, Churchill đã mời đến nhà không dưới sáu *nhân vật lỗi lạc*, gồm Sam Hoare, khi ấy là bộ trưởng Không quân, người đã ghi lại một đoạn đáng nhớ kể về lần thăm viếng này: “Trước đây tôi chưa từng thấy Churchill trong vai trò là điền chủ. Phần lớn thời gian của

sáng chủ nhật chúng tôi tìm hiểu tài sản của ông, và tìm hiểu những công việc mang tính kỹ thuật mà ông tham gia. Những công việc này gồm tạo ra những chiếc ao trong thung lũng, và có vẻ như Winston quan tâm đến chúng hơn bất kỳ thứ gì khác trên thế giới”. Hoare kể thêm Churchill tin rằng “Ông ta sẽ là nhà tiên tri đưa chúng ta vào Miền Đất Hứa mà trong đó không xảy ra việc đóng thuế thu nhập, và mọi người sống hạnh phúc suốt đời từ đó. Rắc rối nằm ở chỗ trong đầu ông ấy có quá nhiều kế hoạch chồng chéo lên nhau, đến nỗi tôi bắt đầu lo lắng là không biết ông ấy có thể lôi ra bất cứ kế hoạch nào từ đồng hỗn độn ấy hay không”.

Mười tuần sau, dự án ngân sách đã trao cho ông một cơ hội rất nhỏ để có thể làm việc ấy. Tất cả những gì ông có thể làm là phải xoay xở với những lượng tiền nhỏ và những điều chỉnh của quỹ thanh toán nhằm duy trì sự tiết kiệm hợp lý để không phải quay về với những nhượng bộ quan trọng của năm trước. Ông cũng không có cơ hội để trở tài hùng biện dù có thể vận dụng tối đa thông tin của một tài liệu tồi. Không ai khác ngoài Churchill có thể muốn tiến xa hơn nữa sau khi xem xét lại cả hiệu suất của tỉ giá hối đoái sau khi quay về với kim bản vị lần hiệu quả của các khoản thuế đánh vào mặt hàng tơ lụa mới. Việc này biểu hiện qua câu nói của ông: “Sau khi đã nấn ná một thời gian trong lĩnh vực tơ lụa và vàng, hiện nay chúng ta tiếp tục tiến vào những giai đoạn khốc liệt hơn trong hành trình của mình”.

Khắc nghiệt nhất là thuế cá cược 596 và thuế cầu đường. Vì thu nhập từ chúng lên đến một con số quan trọng là 21,5 triệu bảng. Và liên quan đến vấn đề này, các hiệp hội xe hơi tranh đấu vì lợi ích của họ đã thành công trong việc hình thành suy nghĩ cho rằng thuế cầu đường phải được dành riêng cho việc tu sửa cầu đường. Churchill đã thẳng thừng gạt bỏ điều này. Trong một báo cáo của Bộ Tài chính, ông viết: “Luận điệu như thế thật là lỗ bịch, nó vừa xúc phạm đến quyền lực của Quốc hội lại vừa xúc phạm đến lương tri”. Ông bác bỏ lập luận nguy hiểm của bộ trưởng Nội vụ Joynson Hicks, chủ tịch của Hiệp hội Xe hơi, lấy được 7 triệu bảng trong năm đó, và dàn xếp cho cái mà ông cho là sự phân

phối công bằng trong tương lai giữa Bộ Tài chính với Quỹ Xây dựng và bảo dưỡng Cầu đường.

Một tuần sau, khi cuộc tổng đình công bắt đầu, hầu hết những vụ việc này mới trở nên kém quan trọng. Như chúng ta đã thấy, Churchill từng là một người ôn hòa trong mùa hè 1925 khi vấn đề là kiểm chế sự không khoan nhượng của các chủ mỏ than bằng một hội đồng hoàng gia dưới sự lãnh đạo của Herbert Louis Samuel và thanh toán một khoản trợ cấp tạm thời. Và một lần nữa ông lại tỏ ra ôn hòa trong mùa hè 1926 khi Baldwin, sau khi đã thực hiện được một thành tích xuất chúng trong tám ngày tổng đình công, đã đến nghỉ dưỡng tại thị trấn Aix-les-Bains vì đã quá mệt mỏi. Trong thời gian nghỉ dưỡng dài ba tuần rưỡi, ông giao lại cho Churchill, đang khỏe mạnh, nhiệm vụ thực hiện các cuộc đàm phán để chấm dứt cuộc đình công của công nhân mỏ than. Cuộc đình công này vẫn kéo dài thêm sáu tháng sau khi cuộc tổng đình công do nó gây ra đã chấm dứt. Nhưng ngay trong giai đoạn tổng đình công, tâm trạng của Churchill đã rất hung hăng, đến mức một số đồng sự của ông đánh giá là ông rất vô trách nhiệm. Davidson đã viết cho Baldwin rằng: “Ông ta nghĩ mình là Napoleon”. Có lẽ tinh thần này đã có từ khi ông ước ao được ra tiền tuyến, điều đã khiến ông cố gắng từ bỏ Bộ Hải quân để đến Antwerp trong năm 1914 đích thân chỉ huy một lực lượng hải quân và nhiều đơn vị khác ở đó, vai trò mà ông chưa từng được đào tạo bài bản. Tuy nhiên, đây cũng là sự trải nghiệm tinh thần đã mang lại cho ông sự gan dạ trong mùa hè khủng khiếp năm 1940.

Trong năm 1926, khi chống lại một kẻ thù ít hiểm ác (công nhân đình công), tinh thần này của Churchill chỉ khơi gợi sự e sợ hơn là ngưỡng mộ. Khi đoàn xe có hộ tống đầu tiên mang thực phẩm từ các bến tàu vào trung tâm London, Churchill muốn nó được hộ tống bởi xe tăng và súng máy bố trí dọc theo đường đi. Ông muốn trưng dụng đài BBC và sử dụng nó làm cơ quan tuyên truyền cho chính phủ. Các đồng sự của Churchill thở phào nhẹ nhõm khi ông đổ dồn sức lực vào nhiệm vụ đã chọn, đó là điều hành tờ *British Gazette*. Đây là một ấn phẩm được chính phủ cho phép xuất bản, tổng hợp tài liệu từ các bộ và sử dụng

phương tiện in ấn của tờ *Morning Post*, trong khi tờ *Morning Post* và nhiều báo khác ít nhiều đã tham gia đình công. Vào ngày hiện diện cuối cùng của *British Gazette*, Churchill đưa lượng phát hành của tờ báo này lên đến 2.200.000 tờ, một thành tích đáng nể.

Vì thành tích này, ông đã có những mối quan hệ căng thẳng với các chủ báo lớn (Burnham của *Telegraph*, Astor của *The Times*, Berry của *Sunday Times* và Cadbury của *Daily News*), những người không muốn các kho giấy in báo của họ bị quân đội trưng dụng. H. A. Gwynne, chủ bút tờ *Morning Post*, là người bị gây hại trực tiếp đã tố cáo Churchill tấn công các văn phòng của tờ *Morning Post* và gây phiền hà cho nhân viên biên tập (“bằng cách thay đổi các dấu phẩy và dấu chấm”) lẫn nhân viên in ấn bằng cách làm như là sành sỏi hơn họ trong việc sử dụng các loại máy móc ngành in. Về mặt nội dung, ông đã khiến cho thậm chí một người hòa nhã như Walter Citrine (về sau được phong nam tước), tổng thư ký Hội đồng các Công đoàn, người 12 năm sau đã vui vẻ cùng Churchill xuất hiện trên các diễn đàn, phải mô tả hành động của ông là “một nỗ lực có hại nhằm làm sai lệch suy nghĩ của công chúng”.

Tuy nhiên, khi những chỉ trích này dấy lên, có lẽ không ai khác ngoài Churchill có thể có hành động táo bạo nhằm khóa lấp khoảng trống thông tin nguy hiểm. Hai tháng sau, trong một cuộc tranh cãi ở Hạ viện, một lần nữa không ai khác ngoài Churchill có thể xoa dịu hiềm khích bằng bài diễn văn tự chế giễu. Một thành viên Công Đảng đã đe dọa kích hoạt lại phiên tòa mà trong đó sức mạnh của các ngành công nghiệp chống lại tính hợp pháp của Quốc hội. Lúc cuộc tranh cãi sắp kết thúc, Churchill bắt đầu đáp lại bằng lối nói khoa trương: “Tôi không hề muốn dọa dẫm, điều hăn sẽ gây phiền hà cho Hạ viện và gây ra sự oán giận...”. Tuy nhiên, khi mọi người chờ đợi tuyên bố đáng sợ rằng lưỡi búa sấm sét của thần Zeus chuẩn bị được sử dụng, thì điều được nghe lại là “Quý ngài cần hiểu rõ rằng nếu quý ngài lại tấn công chúng tôi bằng một cuộc đình công chúng tôi cũng sẽ tấn công quý ngài” (đến đây ông ngừng lại đầy hàm ý... “bằng một tờ *British Gazette* khác”. Đây là một hành động bất ngờ rất thông

minh. Ông ngồi xuống trong tiếng cười vỡ òa từ cả hai phe trong Hạ viện, thay vì sự đáp trả quyết liệt nguy hiểm, Churchill lại thản nhiên tự chế giễu.

Cuộc đàm phán trong ngành than trải qua ba giai đoạn cho đến khi hai phe không chấp nhận hòa giải. Các chủ mỏ vẫn tiếp tục không khoan nhượng. Liên đoàn công nhân mỏ tỏ ra mềm dẻo hơn. Và cuộc đình công kết thúc, chủ yếu thuận theo các điều kiện của các chủ mỏ, vào ngày 20 tháng 11. Trong giai đoạn đầu, Baldwin vẫn đang ở nước Anh và trên danh nghĩa vẫn đang gánh vác trách nhiệm. Dù thái độ của ông được gói gọn rất đầy đủ trong nhận xét vào giữa tháng 7 rằng: “Cứ để họ tự giải quyết. Chúng ta đều đã quá mệt mỏi”. Và lúc nào cũng thế, Churchill luôn sốt sắng chen vào bất cứ khe hở kế cận nào. Sau đó, vào ngày 22 tháng 8, Baldwin phải đi dưỡng bệnh vì suy nhược thần kinh và đến ở tại Aix 24 ngày.

Đây là một cơ hội lớn dành cho Churchill. Ông có hai phụ tá, một là Arthur Steel-Maitland, một bộ trưởng Lao động không hiệu quả cho lắm, và hai là George Lane Fox, một quý tộc ở hạt Yorkshire, người quá thân thiết với các chủ mỏ nên khó có thể là một bộ trưởng Hàm mỏ tốt. Cả hai người đều không tán thành phương pháp của Churchill vì cho rằng như thế chính phủ can thiệp quá sâu và quá dung dưỡng công nhân mỏ than trong khi lại hà hiếp các chủ mỏ. Nhưng nhờ sức mạnh của cá tính, ông gần như hoàn toàn lôi kéo được họ.

Phương pháp bàn cãi thâu đêm “với bia và bánh sandwich tại dinh thủ tướng” của Harold Wilson khi xảy ra những tranh chấp công nghiệp đã được báo trước bởi những bữa tiệc champagne và hầu tại trang viên Chartwell (của Churchill) và nhà hàng Savoy Grill. A. J. Cook và Herbert Smith, lãnh đạo công nhân mỏ, là những người khó lay chuyển không thể lôi kéo. Nhưng những người khác, những đồng sự chỉ ủng hộ ngập ngừng, lãnh đạo phe đối lập Ramsay MacDonald, các chủ mỏ than từ hầu tước Londonderry đến D. R. Llewellyn, và những quan chức khác có liên quan, nhất là *mưu sĩ* và là cây bút nghiêm khắc Tom Jones, tất cả đều bị lôi kéo vào thế giới lạc quan tràn đầy sinh lực và hiếu khách ấy. Và ngoại trừ đối với các lãnh tụ công đoàn không thích giao du, càng

tiêu tốn nhiều champagne, Churchill càng có ích hơn cho công nhân mỏ và càng trở nên đáng ghét hơn trong mắt của các chủ mỏ.

Có hai dòng tư tưởng đối lập lẫn át nhau. Các chủ mỏ tranh đấu cho lợi nhuận, và Churchill tranh đấu cho quyền lực của nhà nước. Vì thế, Churchill muốn tiến hành một hội nghị ba bên với chính phủ giữ vai trò lực đối trọng thì các chủ mỏ đã cự tuyệt. Ông cho rằng hành động này gần như là chống lại quyền lực của nhà vua. Khi ấy còn xảy ra cuộc tranh cãi quyết liệt trên vấn đề thỏa thuận cấp quốc gia khác với thỏa thuận cấp khu vực. Hiện nay những thuật ngữ này đã không còn được sử dụng, nhưng chúng đã tác động rất mạnh đến cảm xúc vào lúc ấy. Các chủ mỏ muốn thoải mái trả lương thấp ở những vùng mang lại ít lợi nhuận với những vỉa than khó khai thác hơn. Liên đoàn Công nhân mỏ muốn công nhân ở các vùng khác nhau phải được trả lương như nhau. Vừa vì họ cho rằng công nhân làm việc ở vỉa than khó khai thác vẫn phải tốn công sức ít nhất là không thua gì công nhân ở vỉa than dễ khai thác, vừa vì cho rằng đây là yếu tố then chốt giúp họ có được sự đoàn kết và sức mạnh.

Sau đó xảy ra một đợt sóng ngầm thậm chí còn mạnh mẽ hơn, nó đặt nền tảng trên quan điểm của chủ mỏ (đến thời điểm này thì đúng) và đa số quan chức chính phủ cho rằng các công nhân mỏ đang bên bờ vực chết đói và sắp thất bại thảm hại. Vì thế nên họ cho rằng tốt hết là đợi thêm vài tháng cho điều ấy xảy ra thay vì tìm kiếm một giải pháp thỏa hiệp. Churchill có quan điểm ngược lại, ông cho rằng đất nước đang phải chịu đựng sự suy thoái kinh tế làm giảm sức mạnh của quốc gia, và rằng chính phủ có bốn phận phải nhanh chóng chặn đứng cuộc suy thoái. Người ta cho rằng chính trong giai đoạn này, Churchill đã lần đầu đặt ra câu cách ngôn “Thách thức trong thất bại, khoan dung trong chiến thắng”. Và một dòng tư tưởng đối lập sau cùng là nhiều người hết lòng trung thành với Baldwin (gồm Davidson, người đang ở với Baldwin tại Aix, Hankey, thư ký Nội các, và thậm chí là cả Tom Jones, người kết hợp sự yêu mến dành cho Baldwin vào với việc miễn cưỡng ngưỡng mộ tài năng của Churchill và phần nào có cảm tình với cánh tả, vì thế cũng có cảm tình hơn với công nhân mỏ) lo sợ rằng

Churchill quá nhanh chóng đạt được sự hòa giải, điều có thể đẩy lùi thủ tướng ra sau hậu trường bởi sự thành công vượt trội của người tạm thay thế. Họ lập kế hoạch đưa Baldwin trở về để chia sẻ mọi vinh quang có thể có. Sự e sợ tương tự sau đó cũng xuất hiện trong nhận xét của Jones khi Churchill kết thúc cuộc tranh cãi ngày 27 tháng 9. Đó là cuộc tranh cãi đã được Baldwin mở màn khá tế nhị: “Trong khi diễn ra màn trình diễn xuất sắc (của Churchill), thủ tướng quay mặt về phía hành lang chính và lấy một tay che mặt. Trông ông vô cùng thảm hại, tương tự như Ramsay [MacDonald] khi thất bại trước L. G.”.

Thật ra, sự e sợ mang tính chất ngăn ngừa của những người trung thành với Baldwin đã được đặt không đúng chỗ. Đầu tháng 9 là thời điểm cung cấp cho Churchill cơ hội lớn nhất để có thể đạt được sự hòa giải, và bài diễn văn cuối tháng 9 của ông đã hoàn toàn phá hủy cơ hội đó. Khi đang tràn trề hy vọng, ông đã tạo ra quá nhiều áp lực lên các chủ mỏ. Tại cuộc mít-tinh trưa và chiều ngày 6 tháng 9, ông đã diễn thuyết và tranh cãi với họ qua hơn 56 trang giấy. Nhưng ông đã không thể làm cho họ thay đổi lập trường. Và khi nhiều đồng sự của ông trở về sau kỳ nghỉ (bao gồm Birkenhead) và đọc những trang giấy ấy, họ nghĩ là ông cố gắng tạo áp lực không chính đáng và đã thành lập một khối liên minh chống lại ông tại các uỷ ban Nội các chuyên trách vấn đề ngành than và nhiều vấn đề khác. Churchill có thể phần nào lèo lái được tình hình trong một thời gian ngắn sau khi Baldwin quay về vào ngày 15 tháng 9. Nhưng vào cuối tháng, khả năng lèo lái tình hình của ông bị giảm rất nhiều, ngoài việc có thể đọc những bài diễn văn hay nhất tại Hạ viện. Và trong giai đoạn thứ ba, trải dài suốt tháng 10 và gần trọn tháng 11, ông luôn bị giám sát bởi các đồng sự (điều kỳ lạ là chỉ có nhân vật mờ ảo Laming Worthington-Evans là vẫn kiên quyết ủng hộ ông), những người muốn các chủ mỏ thắng thế trong việc hòa giải thông qua đàm phán.

Tuy nhiên, nỗ lực duy trì hòa bình bền bỉ của ông trái ngược hoàn toàn với tính hiếu chiến trong giai đoạn tổng đình công và tiếng tăm đã được gán ghép cho ông trong Công Đảng và công đoàn kể từ cuộc bạo loạn tại thị trấn

Tonypandy trong năm 1911. Toàn bộ phương châm hành động của ông là nếu xảy ra rắc rối ông không thể không cố gắng giải quyết. Ông có thể hành động sáng suốt hoặc không. Nhưng chủ trương an nhiên tự tại của Baldwin trong tháng 7 không bao giờ là chọn lựa của Churchill. Trong giai đoạn này, ngoại trừ thời kỳ sau năm 1951, Churchill là người tiên phong thực hiện không thể dừng được đối với những điều mới mẻ.

Ngay khi cuộc đình công của công nhân mỏ than chấm dứt, Churchill lơ là đối với công việc của chính phủ và trong suốt một tháng rưỡi ông tập trung hoàn tất tập 3 của *The World Crisis*. Về ngày tháng trong lời tựa có ghi là “Trang viên Chartwell ngày 1 - 1 - 1927” (tác phẩm này được đăng nhiều kỳ trong báo *The Times* vào tháng 2 và được phát hành dưới dạng sách trong tháng 3). Sau đó ông hưởng một kỳ nghỉ với 25 ngày sôi động nay đây mai đó tại vùng Địa Trung Hải. Kỳ nghỉ bao gồm việc chơi ván polo cuối cùng ở Malta, chứng kiến việc núi lửa Vesuvius phun trào từ Naples, chiêm ngưỡng cảnh quan mùa đông của đền thờ Parthenon tại Athens, và hai lần gặp Mussolini ở Rome, sau đó ông đưa ra những tuyên bố vô cùng hữu nghị. Mãi đến ngày 29 tháng 1, Churchill mới về đến London và sau đó lao vào việc chuẩn bị cho dự án ngân sách thứ ba.

Đây là một dự án ngân sách mạnh mẽ và chắc chắn được trình bày sôi nổi hơn so với hai dự án ngân sách trước. Baldwin đã viết trong thư gửi cho Nhà vua: “Các kẻ thù của ông ta (Churchill) sẽ nói rằng dự án ngân sách năm nay là trò tinh quái của việc thao túng và nhào nặn nguồn tài chính của quốc gia. Nhưng bạn bè của ông ta sẽ nói rằng đây là một kiệt tác của sự khéo léo”. Đối với một số đồng sự của Churchill, có lẽ đã phải khổ sở trước những nỗ lực của Churchill nhằm tỏ ra là một người lãnh đạo hung dữ khi xảy ra những cuộc đình công, dự án tài chính này của Churchill quá phô trương. Trong một bức thư gửi cho Irwin, phó vương Ấn Độ, Lane Fox đã gọi nó là “một bài thơ nhiều điệp âm ít giá trị”, và L. S. Amery, đúng như thái độ thường thấy đối với Churchill, về sau đã gửi vô số những lời than phiền đến Baldwin bao gồm việc đề nghị đưa Churchill ra khỏi Bộ Tài chính.

Vì biết rõ rằng dự án tài chính này không có nhiều giá trị, nên trước khi dự luật trở thành luật vào cuối tháng 7, Churchill đã để tâm trí hướng đến dự án tài chính 1928, thậm chí là 1929, với suy nghĩ là nó sẽ rơi vào trong khoảng thời gian ông vẫn còn là bộ trưởng Tài chính, cho dù chúng là hai dự án tài chính cuối cùng của chính phủ Baldwin. Ông nôn nóng tạo ra một ấn tượng mạnh mẽ.

Sau khi quay về với kim bản vị và sau cuộc đình công, nền kinh tế nước Anh suy yếu. Churchill muốn đưa ra những biện pháp kích thích đây ấn tượng và có tác động trên diện rộng cho hoạt động kinh tế. Rõ ràng đây là một kế hoạch táo bạo, khéo léo, và ở chừng mực quan trọng nào đó nó là sản phẩm của tư duy phong phú. Có một điều đáng ngạc nhiên vào lúc ấy, người xứng đáng nhất để có thể tuyên bố là đồng tác giả của kế hoạch là Harold Macmillan, người đã đưa ra những gợi ý có ảnh hưởng từ hai năm trước. Churchill đẩy nhanh việc xét duyệt trong nội bộ chính phủ đối với kế hoạch của ông bằng cách nhanh chóng gửi đi ba thư báo quan trọng, một gửi xuống cấp dưới, một gửi lên cấp trên, và một gửi cho người đồng cấp. Thư báo gửi cho cấp dưới được trao cho A. W. Hurst, khi ấy là một quan chức Bộ Tài chính có thể lực. Hai ngày sau, ông gửi một thư báo dài 11 trang đến thủ tướng. Chúng chứa đựng những thuật ngữ liên quan đến chiến lược chính trị cấp cao. Chính phủ không có động tĩnh gì nhưng vẫn phải canh cánh lo về tai họa phía trước. Chỉ có một cách là nắm lấy sáng kiến và kế hoạch lớn của Churchill thì mây và bão tố mới tan biến: “Chúng ta phải chế ngự các sự kiện vì e rằng chúng có thể nhấn chìm chúng ta”. Thư báo thứ ba, được viết một ngày sau thư báo thứ hai, gửi cho Neville Chamberlain, đồng minh, và/hoặc kẻ thù, quan trọng nhất của Churchill trong Nội các. Nó đã khéo léo nhằm đến việc củng cố chính quyền địa phương có trách nhiệm và tiết kiệm, chính quyền mà kế hoạch này có thể dẫn dắt.

Sau khi đã gửi đi ba thư báo này, Churchill đi hưởng kỳ nghỉ mùa hè và mùa thu mà thời gian nghỉ thậm chí còn dài hơn một trong những lần tạm trú ở Aix-les-Bains của Baldwin. Ông thực sự đi nghỉ từ tuần đầu tiên của tháng 8 đến tuần thứ ba của tháng 10, chủ yếu là tại trang viên Chartwell. Cả về kiểu mẫu lẫn ý đồ

đi nghỉ của Churchill đều khác với Baldwin. Baldwin đến Aix để xa lánh các đồng sự nhằm không phải bận tâm đến vấn đề chính trị.

Ông đã cố gắng không đọc báo tại nơi nghỉ dưỡng. Churchill đến Chartwell vẫn tiếp tục công việc chính trị mà không làm giảm chất lượng của công việc này. Và khi ra đi, ông đã thuyết phục các đồng sự và thuộc hạ đến thăm ông để được ông tiếp đãi một cách hào phóng, để nghe các quan điểm của ông, và để thấy những bộ mặt khác của ông qua các hoạt động từ việc vẽ tranh đến xây tường.

Churchill quyết tâm xúc tiến kế hoạch giảm thuế. Đây chính là sáng kiến của ông. Ngoại trừ Hurst, các quan chức của Bộ Tài chính tỏ ra lạnh nhạt. Họ muốn ông dùng tất cả các khoản thặng dư kiếm được để giảm nợ. Dù không nhiều nhưng Churchill cũng có một số đồng minh trong Nội các, và dù không cam kết dứt khoát nhưng thủ tướng vẫn tỏ ra tín nhiệm. Baldwin vẫn còn bị tác động bởi cá tính của Churchill và nghĩ rằng sự liều lĩnh trong kế hoạch của vị bộ trưởng Tài chính sẽ mang lại sinh khí cho chính phủ đang suy yếu của ông. Nhưng sự công kích cầu thả của Churchill đối với dự toán của nhiều bộ của các đồng sự đã khiến họ không có thiện cảm với ông.

Đối thủ nguy hiểm nhất có khả năng là Neville Chamberlain. Vừa vì sự kiên trì đeo đuổi của ông ta, dù ngoan cố nhưng đầy ấn tượng, đến từng chi tiết, khác hẳn phong cách phóng khoáng của Churchill, vừa vì lập trường thiên vị lợi ích đơn vị của mình. Chamberlain đã cung cấp lời giải trình sâu sắc hồi tưởng những chuyện đã qua và trình bày quan điểm của chính ông, cũng như đưa ra nhận xét về Churchill, trong một bức thư gửi cho Irwin ở Ấn Độ vào ngày 12 - 8 - 1928:

Khi những đề xuất này được gửi đến cho tôi, tôi đã tuyên bố rằng tán thành nguyên tắc giảm bớt thuế địa ốc cho lĩnh vực công nghiệp. Nhưng vì lợi ích của chính quyền địa phương, tôi cương quyết phản đối bất cứ kế hoạch nào tách rời mọi mối liên kết giữa chính quyền địa phương, và lĩnh vực công nghiệp cùng những lợi ích của lĩnh vực này.

Đối với tôi, xem ra sẽ vô cùng nguy hiểm nếu phần lớn công chúng trong cộng đồng bị thuyết phục rằng họ sẽ không bị ảnh hưởng gì trong một chính quyền địa phương bất tài, hoang phí, hoặc thối nát...

Chúng tôi đã có rất nhiều cuộc tranh cãi trên luận điểm này. Tôi đã lên án Winston về việc khinh suất ủng hộ những kế hoạch mà ông ta không hiểu được những tác động của chúng. Ông ta buộc tội tôi là thông thái rơm và ganh tị với cá nhân ông ta. Nhiều lúc tình hình giữa chúng tôi trở nên rất nặng nề. Nhưng đối với Winston, tôi có một lợi thế mà ông ta rất khó chịu khi nghĩ đến nó. Đó là không thể làm được gì khi thiếu tôi. Vì thế, rốt cuộc tôi là người duy nhất quyết định quy mô thực hiện, vì bất cứ khi nào tôi nói không được thì ông ta đành phải bất lực. Thật ra tôi chỉ không đồng ý một lần và ông ta đã phải ngưng ngay lập tức. Nhưng đó là lần tôi bị quấy rầy liên tục. Nói thật lòng, Winston là một người rất lý thú nhưng thật sự là một người khó chịu khi làm việc chung. Ta sẽ không có lúc nào được thanh thoi, và không biết lúc nào ông ta nổi giận... Khi xem xét các vụ việc, quyết định của ông ta không bao giờ dựa trên tri thức phù hợp, cũng không dựa trên sự cân nhắc lâu dài giữa những ý kiến tán thành và những ý kiến chống lại. Dựa trên bản năng thích những gì bề thế, ông ta tìm kiếm những ý tưởng mới mà không quan tâm đến tiểu tiết. Cho dù ý tưởng ấy khả thi hoặc bất khả thi, hay hoặc dở, miễn là ông ta thấy mình có thể đưa ra một cách hợp lý và thành công với một cử tọa đầy nhiệt tình, thì đối với ông ta, ý tưởng ấy đáng ca ngợi.

Đây là một sự mô tả sâu sắc dù rõ ràng, là có một số chỗ sai lệch. Nó chuyển tải khá trung thực những căng thẳng trong năm 1927-1928 và những lý do mà vì đó trong năm 1939, Chamberlain tỏ ra rất miễn cưỡng khi phải đưa Churchill vào chính phủ của ông cho đến khi chiến tranh thật sự nổ ra. Suốt mùa đông cho đến những ngày đầu mùa xuân, cuộc tranh cãi âm ỉ trời dậy, và cả hai phe đều không hoàn toàn thỏa mãn với kết quả. Chamberlain bảo lưu ý kiến của mình đối

với việc duy trì một số mối liên kết giữa lĩnh vực công nghiệp với chính quyền địa phương. Và Churchill vẫn theo ý mình, hầu như là vào phút cuối, đối với việc giảm thuế cho ngành đường sắt, điều mà Chamberlain và nhiều người khác chống đối quyết liệt. Kế hoạch được nhất trí sau cùng đã khiến Churchill hài lòng vì ông có thể trình nó cho Quốc hội với bài diễn văn có tác động mạnh dài ba giờ rưỡi vào ngày 24 tháng 4. Dự án ngân sách thứ tư của Churchill đã được đón nhận thuận lợi. Dù nó và những tranh cãi trước kia đã vắt kiệt nguồn năng lượng dù lớn nhưng đôi khi kiệt quệ của ông, khiến ông phải ngồi nán lại đến nửa giờ (đây là lần đầu tiên trong lúc đọc diễn văn ngân sách kể từ ngân sách năm 1909 của Lloyd George). Bốn ngày sau, Churchill ngã bệnh do bị cúm. Việc này khiến ông không thể trả lời trong cuộc tranh cãi về ngân sách. Và nó không chỉ giữ ông nằm trên giường bệnh hơn một tuần, mà ông còn mất thêm gần một tháng mới hồi phục. Tuy nhiên, ông đã trỗi dậy vì dự luật tài chính, một dự luật gặp phải rất nhiều khó khăn để được thông qua, và mãi đến ngày 3 tháng 8 mới trở thành luật.

Còn lại dự án ngân sách năm 1929. Việc Churchill hoàn thành dự án ngân sách thứ năm này là điều khác thường, trước ông chỉ có bốn bộ trưởng Tài chính khác tại chức đủ lâu để có thể làm được như thế. Và ông đã quyết định cho dù tương lai có ra sao sẽ dồn hết mọi công sức cho dự án ngân sách cuối cùng (trong thời gian làm bộ trưởng Tài chính). Ông không có nhiều ý tưởng mới để tuyên bố, điều không có gì phải ngạc nhiên sau sự thay đổi lớn trong năm 1928. Ông hủy bỏ khoản thuế không thành công trong năm 1928 là thuế cá cược, cho áp dụng đầy đủ chính sách giảm thuế nông nghiệp trong vòng sáu tháng (chắc chắn là với hy vọng rằng những người nông dân biết ơn sẽ đổ xô đến các địa điểm bầu cử). Và để củng cố danh xưng “bạn của dân - chúng” của mình, ông đã bãi bỏ thuế đánh vào mặt hàng trà. Nhưng hóa ra việc bãi bỏ thuế này chỉ kéo dài hai năm.

Sự khiêm tốn về số lượng của những thay đổi đã không ngăn cản việc Churchill đọc bài diễn văn mang tính luận chiến cao nhất trong những bài diễn

văn ngân sách của ông. Nó kéo dài ba giờ không ngừng nghỉ. Ông lấp đầy thời gian bằng cuộc khảo sát bao quát có dụng ý đối với toàn bộ hồ sơ của ông kể từ 1924, kết hợp với những tố cáo nhằm vào các đề xuất của cả Công Đảng lẫn Đảng Tự do về Quốc hội kế tiếp. Tuy không có những nguồn tài liệu thích hợp hỗ trợ, nhưng nó đã khiến cho những phóng viên thời sự thường tẻ nhạt và thận trọng chuyên viết về ngân sách nước Anh (Mallet và George) gọi là “bài hùng biện lỗi lạc”. Và tờ *Sunday Times* gọi nó là “bài diễn văn thú vị nhất trong các bài diễn văn ngân sách hiện nay”. Churchill kết thúc bài diễn văn ở đoạn cao trào. Nhưng vị trí đảng mới của ông trong khu vực bầu cử mà ông đại diện lẫn vị trí của chính ông trong đảng mới đều không vững chắc. Vì thế, bài diễn văn ngân sách thứ năm là dịp cuối cùng ông xuất hiện ở hàng ghế trước tại Hạ viện rồi vắng mặt trong suốt gần mười năm rưỡi. Đây là thời kỳ mờ nhạt trên chính trường của ông, dài hơn thời kỳ ông bị ảnh hưởng bởi vụ việc ở Dardanelles hoặc Dundee.

Chương 22

MỘT NHÀ VĂN HĂNG SAY

Với một thủ tướng mạnh mẽ hơn Baldwin, hẳn Churchill đã bị đưa ra khỏi Bộ Tài chính trước khi diễn ra cuộc bầu cử năm 1929. Quan điểm của Amery, người bạn học cũ của ông, cho rằng việc để cho Neville Chamberlain thay vào vị trí của Churchill “hẳn sẽ tương đương với ít nhất 20 hoặc 30 ghế đại biểu Quốc hội” có lẽ bị giảm giá trị do sự thù địch lâu dài của ông đối với Churchill. Ngoài ra còn cộng thêm việc ông ta muốn Baldwin đeo đuổi chủ trương bảo hộ mậu dịch, chủ trương mà theo cách nhìn của ông thì Churchill là trở ngại chính. Nhưng Amery không phải là người duy nhất cho rằng đã đến lúc Bộ Tài chính phải thay đổi, mà đây còn là quan điểm của Chamberlain với hai người bạn thân của Baldwin là Davidson và Bridgeman (và ở một chừng mực nào đó cả của thủ tướng).

Không có được sự chấp nhận trọn vẹn qua số liệu khảo sát bầu cử của Amery, người ta có cảm giác rằng, với sự quyến rũ của những thành ngữ bóng bẩy của Churchill cả trong thư từ lẫn trong các bài diễn văn bắt đầu mất tác dụng, ông đã ở Bộ Tài chính quá lâu. Và nếu vẫn còn được phép nán lại trong bộ này, ông có thể sẽ bị cho là muốn trở thành người kế vị mặc nhiên của Baldwin. Hơn nữa, ông còn chọc giận quá nhiều bộ trưởng, quân sự cũng như dân sự, do đã công kích quyết liệt các dự toán của họ. Ví dụ trong tháng 7 trước đó, ông đã giữ một vai trò quan trọng trong việc chống lại quan điểm của một nhân vật đáng kính như Arthur Balfour khi tìm cách tái ứng dụng “Luật 10 năm”, mà theo luật này, việc lập kế hoạch quốc phòng được tiến hành trên cơ sở sẽ không xảy ra

cuộc chiến nào trong 10 năm tới, (Luật 10 năm - Ten Year Rule: một nguyên tắc của nước Anh được áp dụng lần đầu vào tháng 8 năm 1919 theo sáng kiến của Churchill với sự hậu thuẫn của Lloyd George, cho rằng các dự toán của quân đội phải dựa trên giả định cho rằng Vương quốc Anh sẽ không tham gia vào bất cứ cuộc chiến tranh lớn nào trong vòng 10 năm tới và không cần đến bất cứ lực lượng viễn chinh nào) và trên một biểu thời gian rạch ròi thì hạn 10 năm phải đến tháng 7 năm 1938 mới hết. Tuy nhiên, đây là một tình huống trở trêu khi hồi chuông cảnh báo của thập niên 1930 đã lên tiếng.

Không có gợi ý nghiêm túc nào đề nghị đưa Churchill ra khỏi chính phủ. Ông là một người được nhiều người nghe theo và là một kẻ thù nguy hiểm cho những ai đưa ra bàn luận vấn đề như thế. Người ta xem xét việc đưa ông sang một vị trí tương đương hoặc gần tương đương. Có lẽ ý tưởng khả thi nhất là giao cho ông chức trưởng Văn phòng về Ấn Độ. Nhưng vị phó vương ở đó (phó vương Irwin vẫn luôn có ảnh hưởng lớn đối với Baldwin) không thích điều này. Có lẽ do Churchill đã tận tâm đeo đuổi chủ trương ngu dân ở Ấn Độ suốt gần năm năm sau khi chính quyền ở đó sụp đổ. Bộ Ngoại giao cũng là một vị trí khả dĩ. Trong một bức thư đáng nhớ dù không đề ngày tháng, Clementine Churchill đã viết thư cho chồng nói về sự cần thiết của việc thay thế Austen Chamberlain, người chỉ là “một con rối bằng giấy bìa” (bà nói hơi quá lời, dù có vài bức ảnh cho thấy cách mô tả này là có cơ sở). Nhưng đâu là điều trở trêu trong tương lai, bà viết tiếp, “Em sợ sự đối đầu của anh được người ngoài biết đến, vì có thể là người Mỹ sẽ gây trở ngại cho anh”.

Baldwin đã tránh tất cả những chọn lựa này. Ông không đủ sinh lực để thực hiện bất cứ sự cải tổ quan trọng nào trước cuộc bầu cử năm 1929, và sau cuộc bầu cử, ông đã mất quyền lực. Vào ngày 30 tháng 5, Đảng Bảo thủ mất 150 ghế đại biểu và đây là lần đầu tiên họ ít ghế đại biểu hơn so với Công Đảng. Thật ra họ mất hơn 300.000 phiếu bầu. Nhưng hệ thống bầu cử của nước Anh theo một cách nào đó vô hiệu hóa logic phiền phức này và đã tạo ra một Hạ viện với 289 thành viên thuộc Công Đảng, 260 thuộc Đảng Bảo thủ, và tám thuộc Đảng Tự

do. Tình hình rõ ràng hơn nhiều so với sau cuộc bầu cử 1923. Công Đảng dù vẫn không có được một đa số tuyệt đối, họ vẫn có quyền nắm quyền và Baldwin đã từ chức ngay lập tức. Ramsay MacDonald trở thành thủ tướng lần thứ hai.

Xét từ những bình luận riêng tư trước kia của ông, kết quả như vậy không thể gây sốc cho Churchill. Khu vực cử tri Epping khá an toàn cho ông dù phiếu bầu chỉ hơn phiếu của ứng cử viên Công Đảng 4.000 phiếu. Ông tham dự đêm công bố kết quả bầu cử không phải ở Epping mà là ở phố Downing. Cùng thức với ông là Baldwin. Tom Jones đã viết một bức thư mô tả óc đảng phái điển hình của Churchill:

Winston ngồi bên một chiếc bàn làm việc để... viết các bản danh sách bằng mực đỏ, nhấp từng ngụm whisky pha soda, khuôn mặt của ông càng lúc càng đỏ hơn. Ông đứng dậy và đích thân tiến đến bên chiếc máy điện báo, đôi vai rũ, đầu gục xuống giống như một con bò đực chuẩn bị tấn công. Mỗi khi các phiếu bầu cho Công Đảng được công bố liên tục, khuôn mặt Winston càng đỏ thêm vì giận dữ và rời chỗ ngồi để tiến đến sát bên chiếc máy đặt ở hành lang. Với đôi vai rũ xuống ông nhìn chăm chú vào các con số, xé các tờ giấy và hành xử như thể nếu phiếu bầu dành cho ứng cử viên Công Đảng tăng thêm ông sẽ đập tan chiếc máy. Những lời quát tháo của ông đối với đội ngũ nhân viên chung quanh không thể ghi ra được vì quá thô lỗ.

Cho dù thái độ của Churchill có ra sao đối với người đưa tin không may trong dạng chiếc máy điện báo, ông chẳng có nguyên nhân sâu xa nào để phải quá hối tiếc vì thất bại, hơn cả sự hối tiếc của phần lớn các đồng sự của ông đối với thất bại ấy. Ở mức độ nhỏ, điều này là vì nó loại bỏ mối đe dọa ông bị cách chức bộ trưởng. Ở mức độ trung bình, điều này là vì, tuổi chỉ mới 54 và đã trụ được suốt bốn năm rưỡi ở một bộ quan trọng của chính phủ, quan trọng hơn sáu bộ khác mà ông từng trải nghiệm, ông có thể thực sự cảm thấy rằng, ở thời điểm nửa đời người, ông được ở một vị trí tốt hơn bất cứ chính khách Anh nào khác.

Hơn nữa, khi đã an toàn vượt qua mức tuổi thọ của cha và vượt qua những linh cảm về tình trạng chết yếu, không có gì là phi lý khi ông cảm thấy môi trường hoạt động chính trị đang rộng mở trước mặt. (Việc rời bỏ Bộ Tài chính vào đầu độ tuổi trung niên của ông có thể làm lạc hướng quan điểm này).

Tuy nhiên, quan trọng hơn hết là vì ông có nhiều nguồn tài nguyên và nguồn hoạt động phi chính trị hơn hầu hết những chính khách quan trọng kể từ thời Gladstone. Số lượng không nhỏ công việc ngoài giờ mà ông có thể hoàn tất, thậm chí trong khi còn làm bộ trưởng Tài chính, là điều rất đáng kinh ngạc. Khi mới nhận bộ này, tập đầu của bộ sách *The World Crisis* viết về giai đoạn 1911 - 1914 đã được xuất bản, ông đã hoàn tất phần của quyển 2 viết về năm 1915, và quyển 3 viết về giai đoạn 1916 -1918 cũng đã được viết một phần đáng kể. Quyển này được chia làm hai phần nhỏ và được xuất bản vào đầu năm 1927. Công việc trau chuốt lại và in thử đã được ông thực hiện tại văn phòng. Và bất chấp những việc gây rối trí ở Bộ Tài chính và Nội các, ông đã viết được 450 trang của quyển *The Aftermath*, quyển sách này viết về giai đoạn từ hiệp ước đình chiến Armistice đến cuộc khủng hoảng với người Thổ ở thành phố cảng Chanak trong tháng 9 năm 1922. Nó được xuất bản trong tháng 3 năm 1929, ngay trước khi ông đưa ra dự án ngân sách thứ năm.

Như thế vẫn chưa hết, ngay khi vừa hoàn tất *The Aftermath*, ông đã bắt tay vào việc viết một quyển tự truyện mỏng hơn với nhiều đoạn châm biếm cổ tựa đề *My Early Life*. Nhiều người cho rằng đây là quyển sách hay nhất của Churchill, và một số còn cho rằng đây là tác phẩm xuất sắc của thế kỷ. Khác với thói quen của ông, quyển sách này rất kiệm lời, nó viết về giai đoạn từ lúc chào đời đến khi rời Đảng Bảo thủ trong năm 1902 - 1903. Điểm khác biệt nhất ở tác phẩm này là nó không nhằm chứng minh một quan điểm hoặc đưa ra một luận thuyết nào mà chỉ để giải trí. Vì thế nó không trích dẫn các tài liệu nhằm dự báo tình hình hoặc chuyển tải một ý đồ nào đó. Dù có chen lẫn nhiều trang mô tả và biện luận sinh động, tập sách này đã làm hỏng phần nào ấn tượng của *The World Crisis* và *The Second World War* (20 năm sau). Thay vào đó là những đoạn tự

trào và châm biếm người khác, từng tiếp xúc với ông, một cách nhẹ nhàng.

Giống như đối với việc hoàn thành tác phẩm *The Aftermath* trong 11 tuần gần như nghỉ lễ trong thời gian ngưng họp kéo dài của Quốc hội trong năm 1927, Churchill cũng dồn hết tâm trí vào tác phẩm *My Early Life* vào cuối mùa hè 1928. Vào ngày 2 tháng 9 năm đó, ông viết cho Baldwin: “Tôi đã trải qua một tháng thú vị: xây một căn nhà và đọc cho người ta viết một quyển sách. 200 viên gạch và 2.000 từ mỗi ngày”. Đây là một sản lượng có thể làm hài lòng bất cứ ai, nhất là những người không có nhiều hoạt động “tiêu khiển” như ông. Ông vẽ miệt mài, và trong năm trước, đúng với công thức luôn tìm kiếm lời khuyên, ông đã mời Walter Sickert đến trang viên Chartwell để hỏi ý kiến.

My Early Life được xuất bản trong tháng 10 năm 1930 bởi Thornton Butterworth, đây là nhà xuất bản thường xuất bản sách của Churchill trong giai đoạn đó. Họ đã xuất bản tất cả các tập *The World Crisis*, và chuẩn bị xuất bản ba quyển sách khác của ông (chứ không phải là 4, viết về ông tổ nổi tiếng của ông là công tước Marlborough) cho đến năm 1938 khi họ phải đóng cửa. Không có chứng cứ nào cho thấy rằng các điều kiện của Churchill, dù đã được đàm phán gặt gao và có lợi cho tác giả, góp phần dẫn đến cảnh ngộ này của nhà xuất bản. Các khoản tiền ứng trước là vừa phải (2.000 hoặc 2.500 bảng cho mỗi tập của bộ *The World Crisis* - tương đương với từ 60.000 đến 70.000 bảng ngày nay) nhưng doanh số bán sách ổn định chứ không bất thường. Cuối cùng, trong lần xuất bản đầu tiên, *My Early Life* bán được 11.200 quyển ở Anh và 6.600 quyển ở Mỹ. Và sách của ông, thậm chí là trước khi ông được thần tượng hóa trong thập niên 1940, có giá trị lan truyền. Nó được dịch ra 13 ngôn ngữ, và về sau, đến năm 1960, còn được chuyển thể thành kịch bản phim.

Ở New York, Nhà xuất bản Charles Scribner's Sons thay đổi tựa đề của nhà xuất bản ở London là *My Early Life* thành *A Roving Commission*. Và một tập sách gồm những tiểu luận được Churchill cho xuất bản năm 1932 đã được đổi tên từ *Thoughts and Adventures* thành *Amid These Storms*. Người ta có thể cho rằng cả hai tựa đề đều không mấy phù hợp với nội dung. Trong giai đoạn này,

Charles Scribner's Sons không thu hoạch được nhiều từ những tác phẩm của Churchill. Ví dụ như đối với một tập sách của *The World Crisis*, họ chỉ bán được 1.000 bản ở Mỹ. Nhưng Churchill không gặp phải khó khăn gì khi xuất bản tất cả những tác phẩm của ông tại New York cũng như London. Và cuối cùng, dĩ nhiên là việc xuất bản sách ở Mỹ mang lại cho ông và nhà xuất bản ở đó khoản tiền rất lớn chứ không như đối với Scribner.

Ngay khi rời chính phủ vào ngày đầu tiên của tháng 6 (năm 1929), Churchill dồn hết sức lực trước hết là vào việc dàn xếp các hợp đồng cho tác phẩm sắp viết (sau *The Aftermath* và *My Early Life*) và kế đó là bắt đầu viết. Chủ đề của tác phẩm này là cuộc sống của ông ở Marlborough với dự định là sẽ viết một hoặc hai tập sách vào khoảng từ 180.000 đến 250.000 từ. Ông tự làm đại lý cho mình. Khi hãng của A. P. Watt đến bàn chuyện làm đại lý, Churchill đã dứt khoát từ chối và nói rằng nếu đích thân thực hiện việc giao dịch, ông sẽ nhận được khoản tiền vượt xa 6.000 bảng ứng trước mà hãng của A. P. Watt chuyển tiếp từ Nhà xuất bản Hodder & Stoughton. Đây là khoản tiền 10.000 bảng mà Nhà xuất bản Geo. Harrap & Sons ứng trước để chi trả cho quyền xuất bản sách ở Anh và Khối liên hiệp Anh. Thornton Butterworth được dành cho thời gian một tháng xem xét có thể hiện thực hóa giao dịch hay không, nhưng họ đã thất bại, và đành cùng với Churchill bước vào giai đoạn tạm thời chia tay trong thân tình. Ngoài khoản tiền 10.000 bảng của Harrap, Churchill còn được nhận thêm 5.000 bảng từ Scribner để đổi lại quyền in sách ở Mỹ và 5.000 bảng khác cho bản quyền tác phẩm được in trong nhiều số báo.

Churchill còn nhận một người trẻ tuổi tốt nghiệp Đại học Oxford là Maurice Ashley vào giúp đỡ công việc của ông, người về sau trở thành một sử gia có tầm cỡ trong lĩnh vực lịch sử thế kỷ 17 và là người viết tiểu sử nổi tiếng. Điều kỳ lạ là, trong năm 1939, Maurice Ashley xuất bản tác phẩm viết về cuộc sống của chính anh ta ở Marlborough. Maurice Ashley làm việc bán thời gian cho Churchill cho đến năm 1933 với mức lương 300 bảng mỗi năm. Churchill mang theo anh ta trong tháng 7, và cùng với anh ta biên soạn một danh sách dài những

quyển sách mà họ sẽ cần đến và đưa anh ta đến lâu đài Blenheim (lâu đài này là món quà của Quốc hội Anh dành tặng cho ông tổ của Churchill là công tước Marlborough [John Churchill]) một đêm để anh ta quen với phòng ốc ở đó. Tất cả những điều này, cộng với vô số những cuộc thương lượng liên quan đến những loạt báo in sách, đã khiến Churchill vô cùng bận rộn trong hai tháng gần gũi trước khi kỳ họp Quốc hội năm 1929 kết thúc.

Những mối bận tâm của Churchill càng tăng thêm do Clementine phải trải qua cuộc phẫu thuật amidan vào ngày 4 tháng 7 và ngay khi rời cơ ngơi của Bộ Tài chính ở phố Downing, họ không còn nơi nào khác để ở tại London. Dĩ nhiên là họ phải về trang viên Chartwell, và thỉnh thoảng đến ở tạm tại căn nhà số 25 phố Park Lane của Philip Sassoon. Và để có thể ở lâu hơn tại London, họ đã sắp xếp thuê căn nhà của Venetia Montagu ở khu Onslow Gardens phía nam quận Kensington để ở trong tháng 11 và 12. Churchill còn phải xoay xở hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản không thể không làm của công việc Quốc hội, trao đổi một số thư thân tình với Baldwin, thậm chí còn đọc một hoặc hai bài diễn văn phần nào chiếu lệ tại Hạ viện. Ông vẫn còn là thành viên của “chính phủ lập sẵn (shadow Cabinet, chính phủ của phe đối lập được lập sẵn chờ được nắm quyền khi chính phủ đương nhiệm sụp đổ)”, dù đó là một nhóm có mức độ thể cách hóa kém hơn mức độ thể cách của nó sau này.

Vào ngày 3 tháng 8, từ Southampton, Churchill đi theo đường biển đến viếng thăm chính thức Bắc Mỹ trong ba tháng. Những người đi theo gồm con trai ông là Randolph, em trai ông là Jack, và con trai của Jack, người thường được gọi là Johnnie. Cả Johnnie lẫn Randolph đều là sinh viên chưa tốt nghiệp của Đại học Oxford. Họ mong đưa theo cả Clementine nhưng vì chậm hồi phục sau giải phẫu nên bà không thể đi cùng. Vì thế, giữa hai vợ chồng trao đổi với nhau rất nhiều thư trong chuyến viếng thăm Bắc Mỹ lần này của Churchill.

Trong chuyến đi xa xỉ trên tàu *Empress of Australia*, đưa họ đến thành phố Quebec, Churchill được ở trong một khoang hành khách lớn, đã thôi thúc ông viết hai bài báo quan trọng. Một trong hai bài báo này mô tả John Morley, bài

báo về sau được đưa vào tác phẩm *Great Contemporaries* (năm 1937), một tuyển tập tiểu sử nhiều nhân vật dày khoảng từ 4.000 đến 5.000 từ. Ông còn đọc khá nhiều cho người khác viết lại phần sơ thảo tác phẩm *Marlborough*. Nhìn chung, đây là chuyến hải hành sáu ngày yên tĩnh và dễ chịu, dù Churchill đã rất bồn chồn lo lắng khi nghe tin Arthur Henderson, ngoại trưởng mới, đã cách chức nam tước Lloyd, cao ủy của Anh tại Ai Cập. Nhật ký của Randolph Churchill đã cho thấy triển vọng trở thành nhà báo lớn ở độ tuổi 18, cho dù không trở thành một chính khách lớn.

Churchill đã sai lầm trên vấn đề cá nhân nam tước Lloyd, vì cách hành xử theo kiểu đế quốc chủ nghĩa của Lloyd vượt xa những gì mà chính sách của chính phủ Anh vạch ra, và Henderson tỏ ra đã không đi ngược lại đường lối của Austen Chamberlain mà chỉ đơn thuần là kiến định hơn người tiền nhiệm. Nó đánh dấu việc Churchill quay sang chủ trương bảo thủ cực đoan trên chính sách của Vương quốc Anh, với việc phần lớn năng lực chính trị của ông trong bốn năm sau đó được dành cho việc chống lại bước tiến khiêm tốn, hướng đến chủ trương trao quyền tự trị cho Ấn Độ đã được nêu lên trong cái đã trở thành Đạo luật Ấn Độ năm 1935.

Ông vẫn trung thành với chủ trương tự do mậu dịch trước kia, điều ông không muốn thay đổi vì muốn sử dụng chính sách đãi ngộ thuế quan đối với các lãnh thổ tự trị của Anh. Sự thanh bình của chuyến hải hành đã phần nào bị phá hỏng bởi sự thường xuyên xuất hiện của L. S. Amery, người Churchill không thích và cũng là bạn học cũ của ông, người ủng hộ nồng nhiệt chế độ thuế ưu đãi giữa các nước trong khối Liên hiệp Anh dành cho nhau. Amery và Churchill đã cùng tham dự một bữa tiệc và giữa họ xảy ra một cuộc tranh cãi quyết liệt. Theo ghi chép vô cùng thiên lệch của Amery thi trong cuộc tranh cãi này Churchill chỉ “lặp lại những cụm từ cũ trong năm 1903”. Ít nhất thì cuộc tranh cãi này cũng đã giúp cho Amery đưa vào nhật ký của ông nhận xét lý thú về tâm trạng tổng quát lúc ấy của Churchill:

Ông ấy rất quen thuộc với nó (sự tranh luận về tự do mật dịch), và nói ngắn gọn rằng, nếu tôi thành công ông ấy sẽ rời chính trường và tìm cách kiếm tiền. Ông ấy từng đạt được những gì ông ấy muốn, ngoại trừ vị trí cao nhất mà ông ấy thấy là vô vọng. Và dù sao đi nữa, hoạt động chính trị không phải thời nào cũng như thời nào, trình độ ngày nay thấp hơn và sẽ không còn những nhân vật như Gladstone, Salisbury, Morley, hoặc thậm chí Harcourt và Hicks Beach.

Sau khi cập bến ở Quebec, nhóm người của Churchill thoải mái tiếp tục đi đến Canada và Mỹ. Công ty hỏa xa Canadian Pacific Railway đảm nhận trách nhiệm chuyên chở họ và cung cấp một toa hành khách đặc biệt để họ thoải mái ngắm trải những địa hình khác nhau trong hành trình xuyên Canada. Điều này khơi gợi một thiện cảm khác thường ở Churchill đối với đoàn tàu. Lúc vừa đến mạn đông rừng núi Rocky, khi công ty hỏa xa cho Churchill nghỉ ở Banff Springs, một trong những khách sạn có mái màu xanh lục đặc trưng của công ty nằm dọc theo tuyến đường của họ trải dài khắp lục địa, Churchill đã hài lòng viết thư cho vợ. Trong đó có đoạn văn ông viết nhằm trấn an Clementine về vấn đề tài chính: “Từ khi rời Quebec đến nay, bọn anh đã chẳng phải chi tiêu khoản tiền nào cả”. Khi trở về, ông đã phải đọc nhiều bài diễn văn khác nhau dành cho những cử tọa khác nhau về tầng lớp và quy mô.

Trong bức thư gửi cho Clementine (ngày 27 tháng 8) cũng bày tỏ nhiệt tình của ông dành cho Canada và chứng thực ấn tượng trong nhật ký của Amery cho rằng ông gắn bó có điều kiện với hoạt động chính trị:

Anh đã được đón tiếp rất nồng hậu ở Canada. Trong đời anh, anh chưa từng được đón tiếp với sự quan tâm và ngưỡng mộ thật lòng đến mức như anh vừa được trải nghiệm trên khắp đất nước rộng lớn này...

Anh bị đất nước này thu hút mãnh liệt. Sự thịnh vượng ở đây phát triển theo nhiều hướng và mạnh mẽ. Anh đã quyết định rằng nếu N. Ch. [Neville Chamberlain], hoặc một người khác cũng thuộc loại người như

thế, trở thành người lãnh đạo của C.P. [Đảng Bảo thủ], anh sẽ xa rời chính trường và tìm cách mang lại cho em và các con cuộc sống thoải mái hơn trước khi anh chết. Đó là mục đích duy nhất thu hút anh, và nếu đường sự nghiệp bị cản trở, anh sẽ rời bỏ bãi chiến trường u ám để quay sang nơi có nhiều cơ hội hơn. Tuy nhiên, lúc này chưa phải là thời điểm để đưa ra quyết định.

Không rõ là lời đe dọa từ bỏ chính trường Anh và tìm kiếm một cuộc sống mới và vận may mới của Churchill có nghiêm túc hay không. Nhưng đây chắc chắn là điều ông có nghĩ đến khi đứng giữa một bên là tiền đồ âm đậm ở nước Anh và một bên là không khí sinh động ở hồ Louise của nước láng giềng.

Sau 26 ngày trên đất Canada, ông quay sang phía nam và đi vào lãnh thổ nước Mỹ. Ông trải qua thêm 20 ngày khác ở California, một tiểu bang vào lúc ấy, trừ việc thấy nó trên phim ảnh, xa lạ với bước chân của người Anh, và mật độ cư dân chỉ khoảng bốn triệu. Tại đây ông đến thành phố San Francisco để thực hiện một điều hầu như là phép màu vào thuở ấy: gọi điện thoại cho Clementine đang ở Chartwell, trải qua năm ngày ở Los Angeles nơi có nhiều hãng phim và thiết lập mối quan hệ bạn bè bền vững với Charlie Chaplin, trước khi đến gặp trùm tư bản báo chí William Randolph Hearst tại San Simeon và kế đó là gặp William McAdoo, con rể của Woodrow Wilson và là bộ trưởng Tài chính, tại Santa Barbara.

Vào ngày 19 tháng 9, từ Santa Barbara, ông đã viết cho Clementine một bức thư chi tiết hơn và lạc quan đến mức ngờ nghệch. Nhưng theo nhiều người thì nó cung cấp nhiều thông tin về những gì mà ông cho là tình hình tài chính của họ và lịch làm việc của ông. Sau khi yêu cầu bà thuê thêm người hầu cho căn nhà mượn của phu nhân Montagu, ông viết tiếp:

Bây giờ anh phải nói với em rằng trong thời gian gần đây vận may lớn và vô cùng kỳ lạ về mặt tài chính đã đến với anh. Trước khi anh rời đi, ngài Harry McGowan [Chủ tịch Công ty Kỹ nghệ hóa chất Hoàng

gia và là một doanh nhân rất được kính trọng] đã nghiêm túc hỏi anh rằng, nếu có cơ hội liệu ông ta có thể mua lại cổ phiếu của anh được không... Và vì ông ta mua lại cổ phiếu của anh khi đã hiểu tường tận về thị trường Mỹ rộng lớn này, thế nên chắc chắn là sẽ có điều tích cực khác bất ngờ xảy ra. Từ khi rời chức vụ bộ trưởng Tài chính, vận may và công sức bỏ ra đã mang lại cho anh những khoản như sau:

Tiến ứng trước cho cuốn Marlborough trong số 20.000 bản	6.000 bản
Tiến lãi của vốn đầu tư ở Mỹ	
Trước khi lên đường	1.300 bản
Từ khi lên đường	900 bản
Tiến lãi của McGowan	5.000 bản
Cổ phiếu Sherwoods tăng từ 17/6 lên đến 22/6	2.000 bản
Bài báo viết cho tờ Answers	225 bản
Bài báo viết cho tờ Jewish Paper	300 bản
3 bài báo viết về Rosebery, Morley và Trotsky cho Nash	1.350 bản
Tiến nhuận bút ứng trước của Butterworth vào ngày 30 tháng 10	1.700 bản
Hợp đồng dành cho các bài báo viết về chuyến đi Mỹ (chưa viết xong)	2.750 bản
Bài diễn văn được đề nghị đọc tại Economic Club of Worcester, Massachusetts	300 bản
	21.825 bản

... có đủ tiền để chúng ta sống thoải mái ở London cho đến mùa thu...

... có đủ tiền để chúng ta sống thoải mái ở London cho đến mùa thu...

Bảng liệt kê có ý đồ này, sự xáo trộn giữa tiền vốn và thu nhập, sự pha trộn giữa tiền công của công việc chưa hoàn thành và giả định cho rằng giai đoạn tăng giá bất ngờ của thị trường chứng khoán dường như kéo dài vô hạn, hẳn là hình ảnh không đúng của thu nhập hàng năm của Churchill. Vì chỉ mới ba tháng rưỡi trôi qua kể từ khi rời chiếc ghế bộ trưởng Tài chính, nên nó gợi ý rằng tổng cộng thu nhập từ việc viết sách và lãi vốn phải vào khoảng gần 80 ngàn bản (sẽ là 2,4 triệu bản khi được nhân với hệ số 30 để có con số tương ứng ngày nay) mỗi năm. Hiếm có nhân viên kế toán nào sẵn lòng chứng thực cho bảng liệt kê,

và hẳn là Churchill không dám áp dụng cách kiểm toán sáng tạo đối với tài sản của chính ông như thế cho tài sản của quốc gia. Tuy nhiên, cũng có nhiều chứng cứ cho thấy rằng nhiều vị bộ trưởng Tài chính tiết kiệm, từ thời Pitt đến thời Asquith, và về sau cũng còn vài vị nữa, đã không phải là luôn quan tâm đến tài sản của họ như là sự quan tâm dành cho tài sản của quốc gia.

Hiểm họa đã gần kề. Trong hai tuần lễ đầu tiên của tháng 10, Churchill ở tại Washington. Một phần là để ông tham quan các chiến trường trong cuộc nội chiến Mỹ và một phần là để gặp tổng thống Mỹ Hoover, một sứ đồ có ảnh hưởng rất lớn đối với chủ trương tự do mậu dịch.²⁴ Ông quay lại New York vào ngày 24 tháng 10, ngày mà thị trường chứng khoán Wall Street gây ra một sự rung động sơ bộ đáng sợ. Năm ngày sau, vụ sụp đổ lớn bắt đầu. Churchill đã được chứng kiến vụ tự tử đầu tiên do khánh kiệt tài chính, một người đã từ tầng 15 lao xuống ngang qua cửa sổ phòng ông. Sự bi quan đến mức tự hủy hoại bản thân như thế (dù có nhiều lần “giận dỗi” do hoạn lộ trắc trở) không phải là bản chất của Churchill. Nhưng ông vẫn là một nạn nhân khốn khổ của thời kỳ thị trường chứng khoán sụp đổ. Niềm lạc quan về tài chính của ông đã bị giáng một đòn chí tử. Ông đã đầu tư rất nhiều vào thị trường này và đã bị thiệt hại khoảng nửa triệu bảng tính theo thời giá hiện nay. Ông vừa cạn kiệt tài chính lại vừa hầu như không thể làm tròn bốn phận của một trụ cột gia đình. Những bức thư viết cho vợ vào lúc này của ông đã trở thành một công việc nặng nhọc hòng chuộc lỗi thay vì chia sẻ niềm vui. Ông trở về London vào tháng 11. Không phải là trong sự rạng rỡ của niềm vui trở về nhà mà ông từng trông đợi mà là phải ủ rũ thú nhận với Clementine lúc bà đón ông tại ga Waterloo rằng, niềm lạc quan về tài chính của ông đã hoàn toàn tan biến.

Tuy nhiên, sau khi đã thừa nhận những chuyện không vui, ông đã điên cuồng lao vào những dự án viết sách để có được nhiều tiền thay vì đắm chìm vào tầm trạng ủ ê. Có vài tin tốt xuất hiện. Con gái ông là Mary khi hiệu đính tài liệu liên quan đến thư từ trao đổi giữa cha mẹ đã viết: “Trong mùa đông năm 1929, trang viên Chartwell đã xuống cấp mà không được tu sửa. Ngôi nhà to lớn đã bị đóng

cửa và chỉ cho người vào tham quan với mục đích nghiên cứu, thế nên bố có thể đến làm việc tại đây. Ngôi nhà Wellstreet bé nhỏ và xinh xắn (Churchill đã xây nó và dự định là sẽ cho người quản gia) lúc này đã trở thành nơi trú ẩn trong *thời khủng hoảng kinh tế* của gia đình"... Mặt khác, gia đình Churchill tiếp tục thuê ngắn hạn nhiều căn nhà khá lớn ở London. Suốt nửa đầu thập niên 1930, họ đã thuê căn nhà của Edward Grigg ở số 113 quảng trường Eaton, dù vào lúc này thỉnh thoảng họ cũng tự cho phép ở lại vài đêm khá thoải mái trong khách sạn Goring tách biệt với quảng trường Victoria. Họ đã không có được chỗ ở cố định ở London cho đến cuối năm 1932. Và khi ấy họ đến ở chung trong một ngôi nhà hai hộ (số 11 khu nhà Morpeth) tương đối giản dị nằm phía đầu của một khối nhà thuộc vùng phụ cận nhà thờ Westminster.

Trong khi đó, hoạt động viết sách của ông trở nên phong phú đến mức khó khăn trong việc tách riêng nội dung cho từng quyển sách hoặc bài báo. Trước khi rời New York, ông thu xếp để viết sáu bài báo cho tờ *Colliers Weekly* và sáu bài khác cho *Saturday Evening Post*. Vào lúc ấy, hai tạp chí này là món ăn tinh thần không thể thiếu của cư dân các vùng ngoại ô và nông thôn của Mỹ. Hai chuỗi các bài báo này rất khác với 12 bài báo ngắn hơn nhiều viết cho *Daily Telegraph*, là những bài báo cũng được đăng ở Mỹ. Vào đầu tháng 1 năm 1930, ông viết hai trong số những bài báo gửi cho *Olliers*, viết về cái mà ông cho là chủ đề bị che giấu (đối với độc giả Anh và Mỹ) liên quan đến Mặt trận phía Đông trong khoảng thời gian 1914-1917. Chủ đề mà ông nghĩ sẽ là nội dung của tập 6 tiếp theo 5 tập của bộ sách *The World Crisis* đã được xuất bản. Vào ngày 12 tháng 1, ông viết cho Thornton Butterworth: "Tôi không biết là có thể viết nó cùng lúc với những dự án khác hay không. Lúc này tôi đang có điều kiện để thực hiện điều ấy... Nếu cố gắng, tôi có thể hoàn tất nó trong mùa hè và mùa thu năm nay để kịp xuất bản trong tháng 1 năm 1931. Tôi cần hỏi ý ông trước". Butterworth đã đồng ý, dù ông vẫn đang cần xuất bản *My Early Life* và biết rằng Churchill còn phải hoàn tất hợp đồng liên quan đến cuốn *Marlborough*. Dù được dự tính viết muộn hơn chút ít trong kế hoạch lạc quan của Churchill, thế nhưng *The*

Eastern Front đã được viết rất nhanh. Tiền ứng trước là 2.500 bảng, và lượng sách bán ra đợt đầu (tính đến cuối năm) là 4.768, điều này không nhất thiết có nghĩa là Churchill nhận được tiền ứng trước mà có nghĩa là nhà xuất bản chỉ kiếm được một khoản tiền khiêm tốn.

Vào ngày 22 tháng 1, ông đã viết thư đề xuất một công việc như thế với nhà xuất bản của Charles Scribner ở New York. Ở đây, ông phải giải quyết một vấn đề hơi khác. Đó là nhà xuất bản của Scribner không chỉ ký hợp đồng liên quan đến tác phẩm *My Early Life* như Thornton Butterworth mà còn ký hợp đồng liên quan đến cả *Marlborough* (khác với Thornton Butterworth). Ông đã cố gắng giải quyết (và rõ ràng là đã thành công vì nhà xuất bản của Scribner đã chấp nhận *The Eastern Front*) qua lời phân trần: Trong bất cứ trường hợp nào, việc chuẩn bị cho tập sách này sẽ không gây trở ngại hoặc làm chậm trễ *Marlborough*, tác phẩm được thực hiện với sự tiến triển ổn định và hình thành chủ đề tham khảo của tôi”.

Ngoài Maurice Ashley (người đã tỏ ra là một trợ lý nghiên cứu rất hiệu quả cho cuốn *Marlborough*), Churchill đã thuê thêm cả thiếu tướng hải quân Kenneth Dewar (vừa mới nghỉ hưu từ lực lượng hải quân) lẫn một sử gia hải quân trẻ hơn (trung tá J. H. Owen) để cung cấp tài liệu về những cuộc hải chiến dưới thời Nữ hoàng Anne, thì chắc hẳn đây là liệu thành quả có được từ một xưởng sản xuất văn chương như thế có thể được xem là thành quả của một người làm việc đơn độc với giấy và bút hay không (điều thường là một thử thách lớn ngay cả đối với một ngòi bút có năng lực) ?

Lời buộc tội này không thể bác bỏ theo nghĩa đen. Ít nhất là từ giai đoạn này trở đi, Churchill không bao giờ viết lại một lần nữa bất cứ một quyển sách nào. Ông tin tưởng vào các tài liệu dựa trên thực tế, không chỉ kiểm tra lại sau khi viết mà còn cẩn thận chuẩn bị trước như thể một bác sĩ chuẩn bị trước các dụng cụ mổ. Khi thay đổi tài liệu gốc bằng cách thêm vào đó ý kiến riêng, những so sánh, những ẩn dụ, và những đoạn hùng biện, ông chủ yếu đọc cho người khác viết, thường là tràng giang đại hải. Đôi khi ông đọc thuộc lòng trọn bản phác

thảo, như đối với nhiều bài báo và tác phẩm *My Early Life*, rồi sau đó chỉnh sửa rất cẩn thận.

Ông còn có thói quen kỳ quái là phải đọc bản in thử trước rồi mới mừng tượng ra hình dạng của quyển sách, và sau đó sửa tới sửa lui, kỹ đến mức một nhà xuất bản ngày nay sẽ cho rằng đó là hành động làm thâm thùng ngân sách in ấn của họ. Vì thế, trong tháng 2 năm 1930, ông đề nghị bổ sung thêm từ 40 đến 50 ngàn từ hoặc hơn nữa cho tác phẩm *My Early Life* đã viết. (Số lượng các quả bóng văn chương mà ông đang tung hứng trong giai đoạn này thật đáng nể phục). Ông cố gắng thuyết phục sao cho những gì đã được viết rồi phải được in ra, nếu cần thì dùng tiền của ông cũng được: “Chỉ khi nào thấy bản in thử của những gì đã viết ra tôi mới có thể viết tiếp”. Kết hợp với thói quen này là việc ông ngày càng thích làm việc trong tư thế đứng, do đó, ông mua một chiếc bàn làm việc có mặt nghiêng ở Chatwell. Ông cần cảm nhận và thấy các bản in thử, nhưng rất hiếm khi xem chúng trong tư thế ngồi tại bàn viết. Hầu như tất cả đều được thực hiện trong tư thế đứng hoặc đang trên giường ngủ.

Mặc dù Churchill ngày càng muốn có nhiều người khác dọn đường sẵn cho công việc, chúng ta vẫn không thể nào cho rằng những tác phẩm (hoặc hầu hết các bài báo) của ông là những sản phẩm công nghiệp. Chúng mang dấu ấn của riêng ông. Ông gọt giũa và hoàn tất nguyên liệu thô, và dấu ấn riêng được ông bổ sung rất sâu đậm và không thể nhầm lẫn với người khác. Điều bất tiện của phương pháp làm việc này là những người nghiên cứu thường có khuynh hướng cung cấp đủ mọi thứ tài liệu và Churchill thường phải đích thân chọn lọc và bổ sung giá trị. Kết quả là có nhiều quyển sách của ông khiến người ta nhớ đến lời xin lỗi nổi tiếng liên quan đến việc viết quá dài: “Tôi rất tiếc vì đã viết bức thư này dài đến thế, tôi không có thời gian để lược bỏ bớt”. Vì thế, năm tập của bộ sách *The World Crisis* (không có phần phụ lục và không kèm thêm tập thứ sáu là *The Eastern Front*) với tổng số trang khoảng hơn 2.300. Bốn tập của *Marlborough* cũng xấp xỉ như thế cả về số trang lẫn số lượng từ, cho dù lúc đầu ông ước tính là khoảng từ 80 ngàn đến 250 ngàn từ. Và sau đó sáu tập của *The*

Second World War lại được viết đến 3.600 trang với gần 2,4 triệu từ. Không ai có thể cho là Churchill viết ngắn mà phải nói là ông đầu tư vào đó quá nhiều, cho dù (nhất là trong trường hợp *The Second World War*) doanh số bán sách không sụt giảm, ông có nguy cơ trở thành người mua nhiều sách hơn số lượng cần đọc. Đó là lý do khiến cho những tác phẩm súc tích hơn và riêng tư hơn của ông, đáng chú ý nhất là *My Early Life*, *Great Contemporaries* và *Painting as a Pastime* (1948), giống như những suối nguồn trong vắt.

Tuy nhiên, sinh lực và khả năng của nhóm đã cùng ông sắp xếp nhiều chất liệu sáng tác cơ bản giúp cho các dự án viết sách tiến triển theo một trật tự hợp lý đáng nhận được sự ngưỡng mộ cao nhất. Thịnh thoả một số dự án viết báo bị dẹp bỏ, một phần là vì ông có những giao dịch đã được thương lượng có thời hạn hoàn tất quá gần nhau của các chủ báo cạnh tranh. Vì thế thỏa thuận của ông với tờ *Saturday Evening Post* đã không thể tồn tại khi báo này phát hiện được rằng ông muốn để cho thời gian viết bài cho *Colliers Weekly* xen kẽ vào thời gian viết những bài báo cho họ.

Tuy nhiên, những quyển sách đã xuất hiện theo một trật tự hợp lý và đúng thời hạn một cách đáng lưu ý. *My Early Life* ra đời vào ngày 20 tháng 10 (năm 1930) và bán được khoảng 10.000 bản vào dịp lễ Giáng sinh. Nó được người đương thời tán dương và là cơ sở của nhiều lần tái bản sau này, và dần đạt được danh hiệu tác phẩm kinh điển. Churchill vẫn giữ thói quen phân phát sách rộng rãi cho bạn bè và các đồng sự trên chính trường. Một số người có thói quen thận trọng cảm ơn ông trước khi đọc sách. Nhưng từ việc biếu sách, ông đã không nhận được những bức thư đáng lưu ý và nhiệt tình từ những người khác.

Tác phẩm *The Eastern Front* ra mắt vào tháng 11 năm 1923, theo sau một phiên bản tóm tắt bốn tập đầu tiên được xuất bản trong năm ấy của *The World Crisis*, là những tập sách mà Churchill đã phải bỏ rất nhiều công sức. Sau đó, để lấp đầy khoảng thời gian không bị vướng bận, ông biên soạn một hợp tuyển gồm các tiểu luận được đặt tên là *Thoughts and Adventures*, xuất hiện trong tháng 11 năm 1932. Hợp tuyển này ngay lập tức bán được 7.000 bản, là một thành tích

không tồi, và nó đã dẫn đến việc cho ra đời nhiều phiên bản được dịch ra tám ngôn ngữ khác. Nổi bật hợp tuyển này là tập một của *Marlborough*, xuất bản năm 1923, tập 2 năm 1934, tập 3 năm 1936, và tập 4 được xuất bản năm 1938.

Ngoài ra, ông tiếp tục giữ vai trò đại lý. Vào đầu năm 1930, một phụ nữ là cô Peam vào cuộc, có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của báo chí ở chỗ Curtis Brown, và về sau là một trong những nhà sáng lập các đại lý nổi tiếng như Pearn, Pollinger, và Higham. Cô trao đổi rất nhiều thư với phu nhân Pearman, người suốt một thập niên, kể từ 1929, là thư ký văn chương chủ yếu và tận tâm của Churchill. Nhưng ông đích thân đảm trách những cuộc thương lượng quan trọng cho quyền lợi từ những quyển sách của ông, cả ở Anh lẫn ở Mỹ. Điều này có liên quan đến việc đọc những bức thư dài, phức tạp, thường đưa vào nhiều lập luận, và tự quảng cáo. Nó cũng là việc kiếm tiền không dễ dàng. Churchill thường bị từ chối. Ví dụ như loạt bài đăng nhiều kỳ từ *The Eastern Front* bị tạp chí *The Times* từ chối với lập luận “Độc giả của chúng tôi ngày càng ít quan tâm đến những sự kiện chiến tranh”, và đã phải được mang đi chào hàng ở nhiều báo khác. Nhưng ông cũng nhận được nhiều thỏa thuận tích cực. Trong năm tài chính 1930 - 1931, tổng thu nhập của ông vào khoảng 35.000 bảng, tương đương với một triệu bảng ngày nay. Nhưng đây là công việc rất khó nhọc. Tất cả mọi nguồn khả dĩ đều được khai thác cạn kiệt đến mức khó khai thác lại, và tổn rất nhiều tiền, chủ yếu là từ tiền lương. Thế nên nếu xảy ra sự trì trệ thì cán cân thu chi sẽ bị thiên lệch nghiêm trọng theo chiều hướng bất lợi. Nhưng nhờ làm việc cật lực và chiến lược chấp nhận rủi ro, Churchill đã thành công trong việc khôi phục tình hình tài chính từ tình trạng gần như là nghèo rớt trong tháng 10 năm 1929 đến khả năng bắt đầu lại việc chỉnh trang trang viên Chartwell và quay lại với cuộc sống xa hoa.

Điều kỳ diệu là giữa cơn mê viết văn và viết báo, ông vẫn xoay sở để quay về với Quốc hội, với khu vực cử tri, và với đời sống chính trị. Đối với hoạt động chính trị, xét theo tiêu chuẩn thời ấy, ông siêng năng đến mức đáng ngạc nhiên, đọc diễn văn tại không ít hơn tám cuộc mít-tinh ở những phần khác nhau của

khu vực bầu cử Epping trong 10 ngày giữa mùa thu (1929). Dù sao đi nữa thì trong tương lai từ gần đến trung bình, có lẽ đã tốt hơn nếu ông gắn bó với nghị trường hơn. Vì không hoàn toàn gắn bó với nó, nên trong những năm kiếm được nhiều tiền, ông đã trù tính là khoảng thời gian giữ chức vụ cao 1924 - 1929, khoảng thời gian khiến cho ông rất hài lòng, sẽ là lần ở chức vụ cao cuối cùng cho đến sinh nhật lần thứ 60.

Chương 23

CHIM CÚC CU RA KHỎI TỔ

Nhuệ khí của Đảng Bảo thủ xuống thấp suốt hơn hai năm trong chính phủ Công Đảng thứ hai của MacDonald. Nó thảm hại chẳng kém gì lần họ bị thất bại nặng nề trong năm 1906, tệ hơn lần thất bại tương tự trong năm 1945, nhưng không gây ấn tượng bằng sau lần thất bại năm 1997 và 2001. Trong khoảng thời gian từ năm 1929 tới năm 1931, ngoại trừ những tổn thương tự gây ra cho mình, loại tổn thương thường gặp nhất trong hoạt động chính trị và gây phiền muộn nhiều nhất, có rất ít lý do có thể khiến cho đảng này mất tinh thần. Lần thất bại năm 1929 chỉ là thất bại trong gang tấc. Trong vòng sáu tháng, mọi chuyện đã trở nên rõ ràng rằng chính phủ của Công Đảng đã thừa hưởng một triển vọng kinh tế đáng sợ. Và xem ra chẳng có lý do gì để phải nghi ngờ việc nếu giữ được bình tĩnh thì Đảng Bảo thủ dưới trướng của Baldwin có thể giành lại quyền lực chỉ trong vòng vài năm.

Tuy nhiên, có nhiều thành viên Đảng Bảo thủ không muốn quay lại với quyền lực dưới trướng của Baldwin. Theo cụm từ của Robert Rhodes James, chính phủ trước kia của Baldwin “đã về vườn”. Họ muốn có một người sôi nổi hơn và những chính sách cực đoan hơn là chính sách mà Baldwin “chất phác” sẵn lòng áp dụng, vì ông là người quá trông mong vào sự đồng lòng. Những người bất mãn đã bị kích động và được giúp đỡ bởi hai lãnh chúa của thị trường báo chí trung cấp (Rothermere với tờ *Daily Mail* và những phụ trướng của nó, Beaverbrook với tờ *Daily Express* và những báo nhỏ hơn). Để đối chọi với hai vị lãnh chúa báo chí này, hai vấn đề đã được khai thác. Vấn đề thứ nhất là ước

muốn đẩy Đảng Bảo thủ đến với Chế độ Ưu đãi Hoàng gia toàn diện (về điểm này khao khát của Beaverbrook mạnh hơn nhiều) đối với thuế nhập khẩu bao gồm thuế tính trên lương thực, dù nhẹ tay hơn đối với các lãnh thổ phụ thuộc với hy vọng là họ cũng cho các nhà sản xuất của Vương quốc Liên hiệp Anh hưởng chế độ ưu đãi. Vấn đề thứ hai là chống chính sách tiến dần đến việc trao quyền tự trị cho Ấn Độ, với sự ủng hộ của Ramsay MacDonald, của Wedgwood Benn - trưởng Văn phòng về Ấn Độ, của Baldwin và của Samuel Hoare, người phát ngôn của Baldwin ở Ấn Độ, cũng như của hầu hết những người có quan điểm bảo thủ ôn hòa, từ tờ *The Times* đến bá tước Derby. Ở khía cạnh cực đoan này, Rothermere cương quyết hơn Beaverbrook. Quan điểm của Churchill không dứt khoát. Ông thừa hưởng được từ công tước Randolph cái hầu như là “bản năng gây rối” dù cố tránh tính hờn dỗi trẻ con. Suốt năm năm đầu tiên, ông có khuynh hướng yêu mến chứ không chỉ tôn trọng Baldwin, nhưng quan điểm chính trị của ông khác với người lãnh đạo trên danh nghĩa của mình. Trong khi Baldwin thích trời yên bể lặng thì Churchill lại thích đông tố. Nhưng ở những chủ đề mà Baldwin bị công kích, Churchill lại vô cùng ôn hòa (Chế độ Ưu đãi Hoàng gia đối với tự do mậu dịch) trong khi lại thái quá ở chủ đề kia (vấn đề Ấn Độ). Lúc đầu ông đe dọa từ bỏ Ủy ban Kinh doanh của Đảng Bảo thủ trong tháng 10 năm 1930 để chống lại chính sách bảo hộ mậu dịch hữu hạn mà Baldwin (bị phiền nhiễu bởi cả hai phe) đã phải cố gắng xoa dịu đảng của mình.

Sau cuộc họp nặng nề của Ủy ban Kinh doanh, Churchill đã đọc cho thư ký viết một trong những bức thư “không gửi” nổi tiếng nhất của ông dành cho Baldwin. Trong bức thư này, ông chấp nhận (một sự thay đổi lớn ở phía ông) “một biểu thuế đại trà trên các mặt hàng nhập khẩu của nước ngoài”. Nhưng ông đã ngập ngừng ở mặt hàng lương thực: “Tôi dứt khoát từ chối việc tìm kiếm một sự ủy nhiệm từ khu vực cử tri đề áp đặt thuế trên lương thực cơ bản của hòn đảo quá đông dân này”. Ông đã nói rất nhiều về điều ấy tại cuộc họp của Ủy ban Kinh doanh, thế nên Baldwin đã viết cho ông một bức thư đề cập đến “thời điểm quyết định thực sự”. Tuy nhiên, phần còn lại trong bức thư của Baldwin giới hạn

trong những thuật ngữ xoa dịu của tình bạn khiến Churchill thu lại lời đe dọa từ chức. Tuy nhiên, lời đe dọa ấy đã được những thành viên khác trong uỷ ban, như Neville Chamberlain, vin vào để chống lại ông trong những cuộc tranh cãi về sau.

Có lẽ sẽ tốt hơn nếu Churchill tiếp tục đeo đuổi vấn đề đã gây cho ông sự luyến tiếc nhưng ít ra cũng giúp gìn giữ nguyên vẹn danh tiếng bảo thủ tự do và con người đứng ở cửa giữa. Thay vì thế, Churchill đã chọn chiều hướng xoa dịu tâm trạng thất vọng về chính trị đang tràn ngập trong ông bởi việc từ chức khi tranh cãi về vấn đề Ấn Độ. Ông than phiền sau khi trở về từ Mỹ tháng 11 năm 1929, đáng chú ý nhất là trong những cột báo của tờ *Daily Mail*. Nhưng ông đã không đề cập đến nó tại Hạ viện cho đến ngày 26-1-1931, dù đã lên tiếng công kích sơ bộ trong bài diễn văn tại khách sạn Cannon Street ngày 11 tháng 12 (1930). Bài diễn văn được những người bảo trợ cho là “đáng ngưỡng mộ” nhưng bị phó vương Ấn Độ cho là “hoàn toàn vô lý”. Bài diễn văn không xuất sắc cho lắm được Churchill đọc ở Hạ viện sáu tuần sau đã có ba tác dụng. Thứ nhất, nó dứt khoát chia cắt ông với Baldwin. Và nó đã tác động như thế khi Baldwin, tại một trong những lần dừng cảm nhất trong đời, quyết định đối diện với rất nhiều chỉ trích trong nội bộ Đảng Bảo thủ để ủng hộ bạn ông là phó vương Ấn Độ trong một bước tiến thận trọng hướng đến một chính phủ tự trị ở Ấn Độ. Sự chia rẽ trong những trường hợp như thế đã để lại vết sẹo rất lớn cho một nhà lãnh đạo sẵn sàng đương đầu. Sự ngưỡng mộ trìu mến của Baldwin dành cho Churchill (được hình thành từ năm 1924 và lên đến cực điểm đối với tác phẩm *My Early Life* được ông bày tỏ trong mùa thu trước) đã tàn lụi trên vấn đề Ấn Độ vào cuối đông và đầu xuân 1931. Dĩ nhiên quan điểm của Churchill về Baldwin sau này có ảnh hưởng lịch sử nhiều hơn. Nhưng trong bối cảnh những cải tổ chính phủ năm 1931 và 1935, khi mà Churchill cay đắng nghiền ngẫm việc ông bị loại ra ngoài, quan điểm của Baldwin đối với Churchill là khá quan trọng.

Thứ hai, nó ném Churchill vào những tình huống gây tranh cãi. Trong lần tranh cãi đầu tiên vào ngày 26 tháng 1, ông bị công kích mạnh mẽ bởi

Wedgwood Benn, người mà khả năng hùng biện trong Quốc hội kém xa con trai sau này. Điều đáng buồn là Ấn Độ, chủ đề mà Churchill tập trung mọi hoạt động chính trị của ông từ giữa năm 1931 đến những tháng đầu tiên của năm 1935, là chủ đề mà Churchill biết không nhiều. Đã từ lâu ông không đến Ấn Độ, kể từ khi thi đấu môn polo vào những ngày cuối của thời gian còn là trung úy lữ đoàn khinh kỵ binh Hussars trong năm 1899. Ông cũng không có được thông tin tóm lược nào về Ấn Độ 30 năm sau đó có thể sánh với thông tin ông từng tìm kiếm và ghi thành hồ sơ trước một chiến dịch quan trọng, cho dù đó là chiến dịch ủng hộ tự do mậu dịch năm 1904, chiến dịch có liên quan đến sức mạnh hải quân 1911-1914, hoặc cải tổ thuế 1927 - 1928. Theo lời của Rhodes James, khi Churchill xuất hiện trước Ủy ban Đặc biệt phối hợp của lưỡng viện trong năm 1933, “sự thiếu kiến thức chi tiết về chủ đề là nhược điểm dễ bị công kích nhất”. Ông buộc phải dùng đến thuật hùng biện theo lối lặp đi lặp lại trước một cử tọa hoàn toàn không thích hợp.

Thứ ba, nó ném ông vào tay của cánh “ngoan cố” thuộc Đảng Bảo thủ, cánh mà quá khứ cũng như việc ở lì một chỗ của ông là những điều mà họ căm ghét. Trái lại, Churchill được những người bạn mới làm cho vui vẻ. Và với ý thức tận tâm với hoạt động chính trị mà ông không cảm nhận được kể từ dự án ngân sách cuối cùng của ông trong mùa xuân 1929. Ông tạm thời liên minh với Rothermere, người khả năng phán đoán về chính trị còn tệ hơn khả năng phán đoán của Beaverbrook và không có được sự hóm hỉnh của ông này. Vào ngày 31 tháng 1, từ khách sạn Riviera Palace ở Monte Carlo, Rothermere đã viết cho Churchill: “Anh đã đặt chân lên chiếc thang mà không lâu sau nó sẽ đưa anh đến với chức thủ tướng. Nếu anh kiên quyết bước tới, không điều gì có thể cản bước tiến của anh. Đất nước đang vô cùng mệt mỏi bởi những kẻ bù nhìn bao quanh người lãnh đạo vô dụng của Đảng Bảo thủ”.

Churchill, với 30 kinh nghiệm chính trường lẽ ra phải biết rõ hơn, đã tin vào lời tâng bốc lạc quan thô thiển ấy. Ông lao mình vào việc xúc tiến và dẫn dắt một chiến dịch tâm cỡ quốc gia. Vào đầu tháng 2, ông thông báo cho Rothermere,

người đã chuyển đến khách sạn Royal ở San Remo, về “những cuộc mít-tinh đông đúc và nhiệt tình nhất” tại “hai nhà hát tốt nhất ở hạt Lancashire”. Đó là Free Trade Hall ở thành phố Manchester và Philharmonic Hall ở thành phố Liverpool. Ông tiếp tục trước hết là đến với một cuộc mít-tinh đông đảo ở khu vực cử tri của ông (ở London) vào ngày 23 tháng 2. Về sự kiện này, ông đã viết cho Clementine rằng: “Anh đã gặp mặt toàn bộ lực lượng ở đơn vị bầu cử... Cuộc họp rất thân tình, sôi nổi, và đã đạt được sự đồng lòng”. Trong dịp cuối cùng này, Churchill đã tự cho phép đưa ra một số nhận xét đáng tiếc và đáng nhớ về Gandhi, người mà phó vương đã phóng thích ra khỏi nhà giam và đã nhiều lần nói chuyện nhằm kêu gọi Gandhi từ bỏ chiến dịch chống đối bất bạo động. Thật đáng sợ và đáng tởm khi phải gặp ông Gandhi, một luật sư nổi loạn thuộc luật sư đoàn Middle Temple hiện đang trình diễn như một thầy tu khổ hạnh kiểu thường thấy ở châu Á, với cách ăn vận gần như khóa thân hiên ngang tiến vào cung điện của phó vương để thương lượng về quyền bình đẳng với người đại diện của nhà vua”.

Sau đó, Churchill đến với một cuộc biểu tình lớn và thành công tại Albert Hall vào giữa tháng 3, và vài ngày sau đó ông đã viết “tôi nghĩ rằng mục tiêu tấn công kế tiếp sẽ là Glasgow”. Ông có một bản năng tốt mách bảo cho ông biết cách bố trí thành công một chiến dịch toàn quốc theo kiểu ở Gladstone. Dù ông cũng quan tâm đến môi trường vô tuyến điện đang phát triển và đã đấu đá suốt nhiều năm với chủ tịch mà cũng là tổng giám đốc của BBC do sự thiếu thiện chí của công ty phát thanh này. Dưới áp lực của cả chính phủ lẫn của phe đối lập chính thức, đương nhiên là BBC không thể cho phép Churchill sử dụng công ty của họ để phát đi tin tức liên quan đến vấn đề Ấn Độ. Không có gì là khó hiểu khi sự phấn khích của một chiến dịch mới, được nhiều báo đưa tin, đặc biệt là tờ *Daily Mail* của Rothermere, đồng minh mới mà cũng là độc giả rất nhiệt tình của ông, truyền sinh lực cho ông. Điều khó hiểu hơn là khi tự mò mẫm trên những con đường phù phiếm nhất (và dài đến bốn năm) của hoạt động chính trị ở nước Anh đương thời, với tất cả những kinh nghiệm đã có, ông lại tự thuyết phục rằng

ông đang trên đường đến với chiến thắng.

Chắc chắn là ông đã tự thuyết phục về điều này, ít ra là trong một thời gian ngắn. Clementine đã đến Mỹ vào ngày 8 tháng 2 (đây là chuyến đi vượt Đại Tây Dương đầu tiên của bà), nơi bà ở gần hai tháng với con trai là Randolph. Churchill đã viết thư cho Clementine vào ngày 20 tháng Hai, và thêm một bức thư khác sáu ngày sau đó, trong một tâm trạng phấn khích một cách ngớ ngẩn. Lúc đầu: “Hoạt động chính trị phát triển theo cách ngày càng có lợi cho anh”, và sau đó: “Thật đáng ngờ ngàng khi nhìn lại sự thay đổi trong hoàn cảnh của anh trong sáu tuần qua. Mọi bài diễn văn và mọi động thái của anh đều được đón nhận theo cách vượt ngoài mọi sự mong đợi. Thời điểm thay đổi bắt đầu từ bài diễn văn về Ấn Độ đầu tiên và từ lúc anh từ bỏ chính phủ lập sẵn. Mọi chuyện có thể xảy ra vào lúc này nếu dư luận có đủ thời gian để phát triển”. Tuy nhiên, dù muốn hay không ông vẫn thận trọng viết thêm: “Dù không có gì xảy ra anh vẫn khá hạnh phúc”.

Xét từ tính cách thẳng thắn và phóng khoáng của bà, điều thật sự đáng ngạc nhiên là Clementine đã không phản đối ông. Chắc chắn Đại Tây Dương là rào cản đáng sợ ngăn cản không cho phép bà hiểu chính xác những gì đang xảy ra (cho dù báo chí Anh thời ấy đăng tin của báo chí Mỹ nhiều hơn rất nhiều so với ngày nay). Nhưng bà đã quay về Anh trong hai tuần đầu tiên sau khi ông rời chính phủ lập sẵn đến khi ông đọc hai bài diễn văn quan trọng ở các cuộc mít-tinh tại Manchester và Liverpool. Hơn nữa, qua nhiều ví dụ cho thấy, bà rất giỏi trong việc khiển trách một cách điềm tĩnh qua thư từ. Nhưng tất cả những gì bà viết trong thư trả lời bức thư ngày 26 tháng 2 của ông là: “Em rất vui khi nhận được thư anh... Nó đã làm em ấm lòng. Ở nơi đây, em là một con chim hạnh phúc, nhưng em muốn được ở bên anh để được cùng anh ngắm nhìn chiếc phong vũ biểu của anh tăng nhanh. Từ nơi đây em theo dõi tất cả, theo dõi mỗi lần nó tăng vọt, mỗi lần nó rung rinh...”.

Churchill dần thân sâu vào chiến dịch Ấn Độ cùng lúc với giai đoạn ông viết hăng nhất. Điều này đặc biệt đúng khi có liên quan đến những bài báo đăng

nhiều kỳ, dù cuốn *The Eastern Front*, còn khá lâu mới hoàn tất, phải được giao vào cuối tháng 8. Có rất nhiều bài báo được ông viết vội vã để kiếm tiền nên chất lượng thấp. Ông cho đăng một bài về tiên tri Moses, bài báo mà ông rất cần đến sự giúp đỡ âm thầm của giáo sư Lindemann, trong loạt bài gửi cho tờ *Sunday Chronicle* với tựa đề “Những câu chuyện trong Thánh Kinh được thuật lại bởi những tác giả giỏi nhất thế giới”. Một lần nữa cũng với sự giúp đỡ của giáo sư Lindemann, ông dự định viết loạt bài khác có tựa đề “Nếu họ sống ở thời xa xưa”. Rất may là nhóm bài này đã không được viết. Tháng 2 năm ấy, trong bối cảnh vận động cho chiến dịch Ấn Độ, với sự giúp đỡ của người anh em họ ở Ireland là Shane Leslie, ông đã lao mình vào loạt bài báo khác có tựa đề “Những chiến binh vĩ đại tranh đấu cho những đại nghiệp không thành”. Điều trớ trêu là ông đã không nghĩ đến việc tựa đề này có thể ám vào sự nghiệp của chính ông.

Điều gây ấn tượng mạnh nhất không phải là bản chất kỳ quái của một số sứ mệnh mà Churchill đảm đương mà là khả năng của ông, bị chi phối bởi những kế hoạch chính trị cấp thiết và những tranh cãi gây rối trí, trong việc chuyển sự quan tâm và tập trung vào từng nhiệm vụ riêng biệt. Vào ngày 13 tháng 3, Churchill đã viết cho một trong những cố vấn văn chương của tác phẩm *Marlborough* rằng: “Hoạt động chính trị đòi hỏi phải cố gắng rất nhiều”. Nhưng ông không để cho hoạt động chính trị làm trễ hạn giao bài. Thần kinh của ông rất vững vàng, cả trong lửa đạn lẫn trên chính trường. Ông thậm chí còn làm với bót gánh nặng tài chính của mình bằng cách thuyết phục Thomson Butterworth xuất bản (vào ngày 27 tháng 5) một phiên bản đã được biên tập của bảy bài diễn văn nói về vấn đề Ấn Độ của ông. Ông đã trấn an nhà xuất bản: “Chúng là những bài diễn văn rất hay và trong đó không có việc lặp đi lặp lại”. Kế đó, ông còn bổ sung: “Dĩ nhiên là, đối với chúng, tôi đã phải gánh chịu nhiều rắc rối hơn là đối với bất cứ quyển sách nào khác mà tôi từng viết”. Tập sách nhỏ này bán được khoảng 4.000 bản, một thành tích khá tốt đối với một hợp tuyển các bài diễn văn, và đã mang về cho Churchill 150 bảng trừ đi 76 bảng dành cho tiền chỉnh sửa bản in thử phụ trội.

Toàn bộ bảy bài diễn văn này là những bài luận chiến có tác động mạnh, dựa quá nhiều vào lập luận lỗi thời cho rằng việc hướng đến chính phủ tự trị sẽ gây hại cho việc buôn bán của nước Anh vì nước Anh cần khống chế thị trường Ấn Độ. (Đó là lý do khiến cho ông mở màn chiến dịch ở London và hai thành phố lớn của hạt Lancashire). Nhưng chúng thiếu sự sắc sảo thường thấy ở ông và thiếu những câu đáng nhớ. Nó như thể là ông đưa vào một cái gì đó như là điềm gở của những người bạn mới. Chúng ta đã biết rằng vào ngày 26 tháng 1, tại Hạ viện, ông đã thất bại hoàn toàn trước “Benn nhỏ”, tên gọi thường được dùng để chỉ Wedgwood Benn, trưởng Văn phòng về Ấn Độ lúc ấy. Một người thậm chí còn nhỏ hơn Wedgwood Benn, trong hình hài của “con côn trùng đặc biệt nhỏ” (cụm từ Churchill dùng để chỉ Leo Amery trong một bức thư) đã chỉ trích mạnh mẽ Churchill sau bài diễn văn đọc ở nhà hát vì ông đã không được Đảng Bảo thủ ủy nhiệm. Nhưng quan trọng hơn hết, Baldwin nổi trội hơn Churchill trong giai đoạn đầu của cuộc tranh cãi về Ấn Độ. Trong giai đoạn này không có câu nói nào của Churchill, người sáng tạo thành ngữ nổi tiếng, ngoại trừ cụm từ đáng tiếc “thầy tu khổ hạnh gần như khóa thân” gán cho Gandhi, được lưu truyền nhiều thập niên. Trong khi có nhiều bài diễn văn đơn giản và đầy suy tư thay vì đầy toan tính của Baldwin lại làm được chính điều ấy.

Churchill trong những ngày đầu hăng hái của chiến dịch Ấn Độ đã góp phần quan trọng vào việc gần như hủy hoại quyền lãnh đạo của Baldwin vào đầu tháng 3. Quyền lãnh đạo của Baldwin đã trở nên không vững chắc, nhưng việc hủy hoại ấy cho dù thành công cũng chẳng đem lại lợi lộc gì nhiều cho Churchill. Ông sẽ không có cơ hội trở thành người lãnh đạo. Ngoài việc “người cầm dao không bao giờ được đội vương miện” như câu ngạn ngữ xưa cũ đã nói, ông lại có quá nhiều kẻ thù trong Đảng Bảo thủ và sự ủng hộ dành cho liên minh ngoan cố của ông quá yếu. Hầu như chắc chắn là khi đã hạ bệ Baldwin hẳn ông phải đưa Neville Chamberlain lên, trong khi Chamberlain, ít nhất cho đến 1939, là người không đồng cảm với ông, cả về mặt chính trị lẫn cá tính, như Baldwin.

Dù gì đi nữa, Baldwin đã không bị hạ bệ. Như tờ *The Times* đã viết vào ngày

13 tháng 3 (năm 1931): “Một trong những đặc điểm không bao giờ thay đổi của Baldwin là ông không bao giờ lên đến những đỉnh cao mà ông có thể lên đến cho đến khi sự nghiệp mà ông ủng hộ dường như trở nên vô vọng. Tinh thần của ông luôn là *nỗ lực vào phút cuối*”. Thậm chí trước khi rơi vào tình huống ấy, ông đã chiến đấu, ít nhất là trong vấn đề Ấn Độ, với sự dũng cảm gần như cao ngạo. Đảng Bảo thủ đã tranh cãi quyết liệt ngay trong Hạ viện, đến mức độ chưa có tiền lệ kể từ sự chia rẽ do phong trào đòi tự trị cho Ireland, và chưa bao giờ tái diễn, thậm chí trong lần tranh cãi công khai nội bộ Công Đảng giữa Aneurin Bevan và Hugh Gaitskell vào lúc Attlee sắp sửa rời cương vị lãnh đạo đảng này. Đảng đương quyền đã thích thú quan sát nhưng không can dự. Trong tháng 11 năm 1929, Baldwin đã tuyên bố: “Tôi chỉ bổ sung thêm rằng nếu vào một thời điểm nào đó đảng do tôi lãnh đạo không còn thu hút được những con người tầm cỡ như Edward Wood [Irwin, về sau là bá tước Halifax và là phó vương], khi ấy tôi sẽ rời bỏ đảng”. Trong tháng 3 năm 1931, khi Baldwin hầu như cho rằng tất cả đã kết thúc, ông đã mạnh mẽ đứng dậy và tuyên bố rằng ông chuẩn bị rời bỏ khu vực cử tri an toàn của ông là Worcestershire để tranh cử trong cuộc bầu cử bổ sung chưa ngã ngũ ở phân khu St George thuộc khu vực Westminster. Đây là một hành động gần như phơi mình ra trong một trận đấu như Churchill từng làm khi chọn phân khu Abbey bảy năm trước, và đã gây ra cuộc tranh cãi nghiêm trọng về vấn đề Ấn Độ vào ngày 12 tháng 3.

Trong trường hợp Baldwin không tranh cử ở phân khu St George, Duff Cooper sẽ là người tranh cử nhân danh ông. Nhưng Baldwin đã toàn tâm toàn ý lao mình vào chiến dịch tranh cử. Vào ngày 17 tháng 3, tại Queen’s Hall, ông đã đọc bài diễn văn nổi tiếng “Quyền lực mà không có trách nhiệm - đặc quyền của gái điếm” công kích các lãnh chúa báo chí. Cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 19 tháng Ba, đã mang lại chiến thắng lớn cho Duff Cooper và Baldwin trong việc chống lại các lãnh chúa báo chí và Churchill. Điều này khiến Churchill tổ chức một cuộc họp ngay chiều hôm ấy ở nhà hát Albert Hall, nhưng bất chấp số lượng tham gia đông đảo và bài hùng biện đỉnh tai nhức óc của Churchill, kết quả rất

đáng thất vọng. Dù đang trong tâm trạng phấn khởi, thời gian từ cuối đông đến mùa xuân năm 1931 không phải là khoảng thời gian đáng lạc quan của Churchill. Ông đã bị gạt ra ngoài vì sự thay đổi chính trị vào cuối mùa hè năm ấy. Và tệ hơn nữa, không giống như trong cuộc khủng hoảng thoái vị (Abdication crisis, khủng hoảng hiến pháp của Vương quốc Anh trong năm 1936 do Vua Edward VIII cầu hôn Wallis Simpson, một phụ nữ Mỹ quảng giao đã có hai đời chồng) xảy ra năm năm rưỡi sau đó, sự kiện cũng gây hại cho thanh danh của ông khi đã qua nửa đời người, nó đã không bạo phát bạo tàn. Vấn đề Ấn Độ vẫn là trọng tâm trong hoạt động chính trị của Churchill, hút cạn sinh lực của ông, đẩy ông sâu hơn vào cảnh ngộ bị cô lập và bất lực, trong ít nhất là thêm ba năm nữa.

Tháng 8 năm 1931 là thời điểm chứng kiến giai đoạn cuối của chính phủ Công Đảng thứ hai và sự tái xuất hiện của Ramsay MacDonald trong vai trò thủ tướng của chính phủ đa đảng (national government), thực thể đã nhanh chóng trở thành chính phủ với đại đa số là thành viên Đảng Bảo thủ. Chỉ có rất ít nghị sĩ Công Đảng ủng hộ người lãnh đạo chính phủ. Churchill tỏ ra khách quan một cách kỳ lạ, cho dù là trong vai trò quan sát. Sau giai đoạn phải bận tâm nhiều đến chiến dịch Ấn Độ, ông đã cố gắng nhanh chóng hoàn thành những hợp đồng viết sách và đã đạt được tiến độ đáng kể, nhất là đối với tác phẩm *The Eastern Front*. Hầu như lần duy nhất ông tham gia vào hoạt động chính trị trước kỳ nghỉ của Quốc hội là vào ngày 21 tháng 7 khi ông đến vùng Surrey cùng với Brendan để tham gia cuộc tụ tập của những người mưu đồ chính trị. Cuộc tụ tập này đã được tổ chức tại nhà của Archibald Sinclair ở thung lũng Coombe gần trung tâm hành chính của Surrey là Kingston-on-Thames. Lloyd George đã ở đó cùng với Oswald Mosley, với sự tháp tùng của Harold Nicolson. Khi ấy, Mosley chưa trở thành người ủng hộ chủ nghĩa phát xít. Nếu khi ấy ông ta đã như thế, hẳn Nicolson đã không đi theo, và ông ta sẽ không nhận được sự ủng hộ của những nhân vật thuộc cánh tả như là John Strachey và Aneurin Bevan. Ông vẫn còn là một người theo chủ nghĩa dân túy cực đoan và nóng nảy, một người trẻ tuổi hăng

hái và có sức lôi cuốn dù ít học. Có nhiều điển hình như thế trong hoạt động chính trị ở thế kỷ 20 mà phần lớn đều kết thúc trong thất bại nhưng không có người nào bị căm ghét như là Mosley. Mục đích của cuộc mít-tinh, được triệu tập bởi Sinclair theo mệnh lệnh của Lloyd George, là thành lập một nhóm đối lập đa đảng (nhóm mà theo quan điểm lạc quan của Lloyd George là sẽ không phải đứng về phía đối lập lâu dài) chống lại chính phủ đa đảng của MacDonald và Baldwin mà họ cho là sắp xuất hiện.

Churchill đã được báo cáo (bởi Nicolson) là “rất tài ba và đáng mến nhưng không có tính cách xây dựng”. Nicolson nói thêm: “Dù không nói ra nhưng tất cả chúng ta đều là thành phần của một liên minh lớn nhất từ trước tới nay”. Nhưng mọi chuyện đã không xảy ra như thế. Lloyd George phải cáo bệnh để trải qua một cuộc đại phẫu trước cuối tháng 7 và hoàn toàn nằm ngoài công cuộc tái định hướng trong năm 1931. Và cũng trong thời gian này, Churchill đi nghỉ trọn một tháng ở Pháp. Đặc biệt lần này ông cùng đi với Clementine và trú ngụ chủ yếu trong các khách sạn thay vì là khách của những biệt thự sang trọng (khỏi tốn tiền) của bạn bè. Tuy nhiên, ông bắt đầu ở khách sạn St Georges-Motel gần thành phố Dreux ở bờ tây Normandy. Khách sạn này dù có chữ motel, nhưng không phải là nhà nghỉ dành cho lũ khách đi xe mà là một lâu đài màu đỏ hồng được xây dựng từ thế kỷ 16 với chủ nhân là Consuelo Vanderbilt, cựu nữ công tước vùng Marlborough với người chồng thứ hai là Jacques Balsan. Đây là nơi Churchill thường đến ở lại trong thập niên 1930 và cũng là nơi ông trải qua lần nghỉ để vẽ tranh cuối cùng trước khi châu Âu bị phong tỏa vào ngày 23 - 8 - 1939 (ngày Stalin và Hitler ký hiệp ước không xâm lược lẫn nhau) và ông đã trở về nước Anh để trải qua sáu năm cực nhọc và chiến thắng.

Trong năm 1931, nó là một ngoại lệ trong chuyến du lịch chỉ ở lại khách sạn của ông. Từ đó, ông đến thị trấn vẫn còn vương vấn vinh quang của Vua Edward là Biarritz. Nơi mà, đúng với kiểu mẫu thời tiết tháng 8 của vùng Basque, ông đã thuật lại vào ngày 7 tháng ấy rằng: “Suốt một tuần lễ tại đây tôi đã không thấy mặt trời... Tôi đã mệt mỏi với việc vẽ những bức tranh có màu tối”. Từ Biarritz,

ông đến Carcassonne và kể đó là Avignon rồi quay về London để thực hiện chuyến đi dài 48 giờ, trước khi trở lại thị trấn Juan-les-Pins hai tuần lễ để viết, vẽ tranh, và dĩ nhiên cũng là để thưởng thức ánh mặt trời. Kiểu sống của ông trong tháng 8 khủng hoảng tài chính ấy khác rất xa kiểu sống của Stanley Baldwin, người đã từ Pháp quay về London vào ngày 12 tháng 8 rồi lại sang Pháp 10 ngày ngay chiều hôm ấy. Việc thích đi nghỉ của Baldwin có tác động chính trị mạnh hơn tác động của sở thích này ở Churchill. Dù sao đi nữa, Churchill cũng chỉ “nghỉ ngơi một nửa” với nửa còn lại là công việc nặng nhọc. Khi liên minh giữa Churchill và Rothermere còn nồng thắm, ông đã thông báo với lãnh chúa báo chí rằng: Tôi không bao giờ có những ngày nghỉ đúng nghĩa”, khi ông trùm báo chí đánh điện tín cho Churchill: “Ngài hãy dẹp những ngày nghỉ đi mà thay vào đó hãy làm việc cật lực”. Việc Baldwin lại lên đường đi nghỉ đã để cho Neville Chamberlain phải gánh vác trọng trách và có khả năng buộc phải chấp thuận sự hình thành chính phủ liên minh. Điều này đi ngược lại với lợi ích của Baldwin (nếu không thì ông có thể nhanh chóng trở thành thủ tướng lần nữa), và còn có thể đi ngược lại với cả những lợi ích của đất nước vì nó làm đảo lộn trật tự chính trị mới của công trình mà Baldwin đã đóng góp rất nhiều công sức trong thập niên 1920. Nó trao cho Công Đảng vai trò lập hiến trong tư thế là một đảng nằm trong một chính phủ thụ động và yếu.

Churchill đã không sốt sắng với chủ trương lập hiến của Công Đảng. Nhưng trong tháng 8 năm 1931, chính kiến của ông thiên về lối suy nghĩ của Baldwin hơn là của Chamberlain. Như cựu bộ trưởng Tài chính Robert Home viết cho Chamberlain vào ngày 18 tháng 8: “Có một thực thể rất rõ ràng trong quan điểm của Đảng Bảo thủ muốn chúng ta không gánh vác bất cứ trách nhiệm nào trong các kế hoạch của chính phủ. Winston Churchill, vừa mới trở về đêm qua sau 48 giờ đi xa, là người hung hăng nhất trong số những người có quan điểm như thế. Có lẽ ngài đã nghĩ đến điều ấy và đã không quan tâm cho lắm”.

Quan điểm của Churchill đã không được xem trọng vì ông không có cơ hội tham gia bất cứ chính phủ liên minh nào nếu nó thật sự xuất hiện. Những người

có cơ may tham gia chính phủ liên minh chỉ gồm Baldwin, vì ông vẫn còn là người lãnh đạo. Neville Chamberlain, vì là người từng cầm lái của chiếc thuyền vượt qua vùng biển tối tăm và nguy hiểm của sự hợp tác giữa nhiều đảng phái, Samuel Hoare và Cunliffe-Lister, vì sự hiện diện hữu ích của họ tại London vào thời điểm quan trọng. Thậm chí là khi một Nội các bình thường hơn và có nhiều thành viên Đảng Bảo thủ hơn được thành lập hai tháng sau, Churchill vẫn không được yêu cầu tham gia. Những nhân vật “trung thành” hơn nhiều như Austen Chamberlain và “con côn trùng” Amery cũng bị gạt ra ngoài.

Chuyến đi đến London vào trung tuần tháng 8 của Churchill chủ yếu là vì lý do văn chương hơn là chính trị. Từ khách sạn Goring chuyển sang khách sạn Ritz (có lẽ vì Clementine không ở cùng ông), ông tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi những nhà nghiên cứu, các nhà xuất bản và các thư ký ở đó vào sáng ngày 18 tháng 8. Điều này cho thấy sự chuyển hướng quan tâm. Bất chấp tâm trạng phần khích sai lầm vào đầu mùa xuân, hoạt động chính trị đã không giúp ích gì cho Churchill. Xem ra văn chương, hoặc ít nhất là việc viết lách và diễn thuyết kiếm tiền, hứa hẹn một triển vọng tốt đẹp hơn. Trong tháng 10, ông tranh cử tại khu vực cử tri Epping và đã chiến thắng với lượng phiếu bầu gia tăng rất nhiều. Nhưng mọi ứng cử viên Bảo thủ khác cũng đều giành được chiến thắng như thế ở các khu vực bầu cử khác trong năm 1931. Tuy nhiên, ông dồn sự quan tâm nhiều hơn vào việc xuất bản cuốn *The Eartem Front* và vào chuyến đi diễn thuyết quan trọng ở Mỹ. Chuyến đi đã bị tạm hoãn do cuộc tổng tuyển cử và phải đến đầu tháng 12 mới bắt đầu.

Cùng đi với ông là Clementine và cố con gái Diana, Churchill đến New York vào ngày 11 tháng 12, chuẩn bị cho chuyến diễn thuyết gồm đến 40 bài diễn văn mà theo những người tham dự thì sẽ mang về cho ông ít nhất là 10.000 bảng. Chiều hôm sau, ông đến Worcester, và ở tại thị trấn không đặc biệt lắm nằm giữa tiểu bang Massachusetts, ông đã đọc bài diễn văn đầu tiên. Chiều hôm sau, ông trở lại New York và ở tại khách sạn Waldorf-Astoria ở phố Park Avenue và sau bữa ăn tối im lặng với Clementine, đã nhận lời mời từ Bernard Baruch để đến

gặp vài người bạn tại căn hộ của Bernard Baruch ở phố Fifth Avenue cách Waldorf-Astoria khoảng một dặm. Ông đến đó bằng taxi, không có địa chỉ chính xác nhưng nghĩ rằng người lái taxi biết cách tìm địa chỉ. Với quan niệm như thế, ông có thể may mắn tìm được khách sạn Plaza ở New York, nhưng tìm kiếm một căn hộ tư nhân lại là chuyện khác. Kết quả là ông phải tìm kiếm một cách vô ích suốt một giờ. Cuối cùng, ông nghĩ là nhìn thấy một ô cửa quen nên bảo tài xế taxi dừng xe ở công viên Central Park và cố gắng đi bộ băng ngang qua Đại lộ số 5. Khi băng qua đường ông đã bị đâm phải bởi một chiếc xe đang chạy với tốc độ trên 30 dặm một giờ.²⁵

Tai nạn như thế nếu không chết thì lẽ ra cũng đã phải gãy tay chân. Sau một lúc nằm tỉnh táo chịu đựng đau đớn trên đường, ông được đưa đến bệnh viện Lennox Hill và nằm lại đó tám ngày. Kể đó ông được xuất viện, quay lại khách sạn Waldorf-Astoria. Và hầu như ông luôn phải nằm trên giường suốt mùa Giáng sinh cho đến ngày cuối năm khi ông và Clementine đi thuyền đến Nassau ở quần đảo Tây Ấn, nơi họ ở lại thêm ba tuần để ông dưỡng bệnh. Ở đây, tinh thần của ông bị suy sụp. Qua đoạn văn sau của ông người ta có thể thấy được là họ đã rất phấn khởi khi còn ở New York: “Chuẩn bị hai bài báo... viết về cảm giác khi bị đụng xe... Hoàn tất toàn bộ hồi ức về vụ việc này có thể tạo ra bài báo khoảng 2.400 từ”. Trong vòng 60 giờ, ông đã gửi điện tín để thông báo về tai nạn này cho Esmond Harmsworth, người mà Rothermere, cha của ông ta, đã giao cho gần như toàn quyền trông nom tờ *Daily Mail*, Nhưng bầu khí dù rất được ngưỡng mộ nhưng không tốt cho sức khỏe của Churchill ở vùng Tây Ấn, khác với bầu khí phấn khích trong thời gian ở New York, cùng với nhiều yếu tố khác, đã gây ra sự suy sụp tinh thần ở Churchill. Vào ngày 20 - 1 - 1932, ông đã viết cho Randolph: “Bố cảm thấy chẳng hứng thú gì khi mở hộp sơn màu (một dấu hiệu xấu)”. Và mấy ngày trước, Clementine cũng đã viết một bức thư náo ruột, cũng gửi cho Randolph: “Đêm qua bố rất buồn và nói rằng chỉ trong hai năm qua ông đã phải hứng chịu ba đòn trời giáng. Trước hết là mất hết tiền trong vụ thị trường chứng khoán sụp đổ, kế đó là mất vị thế chính trị trong Đảng Bảo thủ, và

bây giờ lại bị thương nặng do tai nạn. Ông nói rằng có lẽ ông không thể hồi phục hoàn toàn sau ba đòn ấy”.

Người môi giới cho việc diễn thuyết đã phải xoay xở để sắp xếp lại khoảng phân nửa các cuộc hẹn của ông, những cuộc hẹn mà ông phải thực hiện dần cho đến ngày 11 tháng 3. Ông đã di chuyển rất nhiều quanh khu vực Đông Bắc và Trung Tây nhưng không vượt qua thành phố Chicago. Clementine nghĩ rằng Churchill đã khỏe lại nhiều nên vào giữa tháng 2, bà đã một mình trở về nước. Churchill trở về vào ngày 18 tháng 3, sau lần thứ hai vắng nhà ba tháng rưỡi trong khoảng thời gian nhỉnh hơn hai năm. Và qua bức thư gửi cho Robert Boothby vào đầu tháng 2 cho thấy, thậm chí ông còn dự định trở lại thăm nước Mỹ khoảng năm tuần vào mùa hè để quan sát các hội nghị của Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa ở Chicago. Ở đó, chắc chắn ông đã bị theo dõi chặt chẽ nhưng vô hại bởi máy ghi âm của người Mỹ. Khi chiếc thuyền chở ông là *Majestic* đến các vùng biển châu Âu, ông nhận được một bức điện tín chúc mừng từ Clementine. Điều này hứa hẹn một sự chào đón tốt hơn rất nhiều so với lần ông trở về trong năm 1929, khi ông phải thú nhận với bà những tổn thất to lớn của ông ở thị trường chứng khoán Wall Street:

Em rất phấn khích khi nghe tin anh trở về. Em rất mong được gặp anh. Chiếc xe hơi mới và xe tải để chở hành lý sẽ đến Paddington lúc 7 giờ sáng ngày mai và chờ cho đến khi anh thức dậy. [Hẳn là ông đã lên bờ ở Plymouth và đến London bằng toa xe có giường ngủ]. Nước tắm và điểm tâm sẽ được chuẩn bị sẵn ở Chartwell. Hãy gửi điện báo trước nếu anh thật sự muốn như thế. Jack [Churchill] và phu nhân Bracken đến Chartwell để nghỉ cuối tuần. Người yêu dịu dàng của anh.

Xem ra chiếc xe tải đậu sân ở ga Paddington là vật quá thừa thãi cho dù là dành cho hành lý của Churchill. Nhưng “chiếc xe hơi mới” rõ ràng là một món quà “chào mừng trở về”, dù món quà này khá kỳ lạ xét từ biến cố của ông ở New York. Người ta có thể nghĩ rằng tốt hơn là ông không nên nghĩ đến chuyện xe cộ

sau tai nạn như thế. Tuy nhiên, nó là món quà hào phóng, một chiếc Daimler trị giá 2.000 bảng (tương đương với 60.000 bảng ngày nay) đã được chuẩn bị bởi Bracken, một người năng nổ và tận tụy, và những người đóng góp tiền đã được yêu cầu là gửi chi phiếu cho một người rất đáng kính và thuộc đảng khác là ngài Archibald Sinclair, khi ấy là bộ trưởng Bộ Scotland của chính phủ mà Churchill bị loại trừ. Những người bạn góp tiền cho ông mua xe mới được cho là có đến 140 người. Và như thế tính trung bình thì mỗi người góp vào khoảng 14 bảng.

Tai nạn ở New York đã không kết thúc những sự cố tai hại đối với sức khỏe của Churchill. Trước khi trở về nước Anh vào mùa xuân 1932, ông hầu như hoàn toàn xao lãng đối với cuốn *Marlborough*, tác phẩm lẽ ra phải là nhiệm vụ văn chương chủ yếu. Maurice Ashley và những cố vấn của Churchill đã phải làm việc miệt mài vậy mà Nhà xuất bản Harraps &, Scribner đã không ký những hợp đồng đáng giá để giúp Churchill giữ lại các trợ lý. Churchill được yêu cầu phải bảo đảm là ông hoàn toàn tập trung vào dự án này. Sau lễ Phục sinh năm 1932, ông đã phải cam kết như thế. Ông làm việc cật lực trong mùa hè. Và vào cuối tháng 8, với sự tháp tùng của Lindemann và một đoàn tùy tùng phù hợp, ông lên đường đi thăm các chiến trường của “John Duke”, tên gọi âu yếm mà Churchill dành cho công tước Marlborough, từ Flanders đến Bavaria. Ở miền nam nước Đức, một trong những nơi có khí hậu trong lành, ông bị bệnh và phải quay về qua ngã biên giới nước Áo để đến điều trị tại một bệnh viện ở Salzburg suốt hai tuần. Cũng giống như khi cam đoan với cảnh sát New York rằng tai nạn đụng xe là do lỗi của ông chứ không phải là lỗi của tài xế, ông đã rộng lượng tuyên bố rằng căn bệnh nhiễm phải lần này là do một con bọ ở nước Anh gây ra chứ không phải do con bọ của nước Đức. Ông trở về Chartwell vào ngày 25 tháng 9 khi vẫn còn rất yếu.

10 năm vừa qua không phải là khoảng thời gian tốt đẹp cho sức khỏe của ông. Viêm ruột thừa cấp tính trong năm 1912, bị cúm nghiêm trọng sau dự án ngân sách 1928, tai nạn xe ở New York, và nhiễm trùng ở Bavaria, tất cả lần lượt xảy ra cho ông từ lúc 48 đến 58 tuổi. Nhưng những tai họa này khác hẳn nhau

nên không thể tạo thành một kiểu mẫu. Cũng giống như nhiều người trường thọ khác, sức khỏe của ông không đặc biệt cho lắm vào giai đoạn nửa đời. Nhưng ít nhất thì ông cũng khỏe mạnh như Gladstone nhưng không quá lo lắng cho sức khỏe như đối thủ chủ yếu của ông trong cuộc đua trở thành thủ tướng khi tuổi đã cao. Ông đã không gặp thêm sự cố đáng kể về sức khỏe nào khác cho đến khi Thế chiến II xảy ra được một thời gian.

Chương 24

THIẾU SÁNG SUỐT KHI VỊ THẾ LU MỜ

Sau khi từ Mỹ trở về, Churchill vẫn còn mệt mỏi rã rời. Việc ông nhằn nại đọc hết một số lượng lớn những bài thuyết trình quả thật là một kỳ công. Ông đã viết: “Mỗi tháng phải nghỉ tám đêm trên xe lửa và đọc 25 bài diễn thuyết là một kiểu dưỡng bệnh nhọc nhằn”. Ông không mấy quan tâm đến bản thân.

Ông cũng không còn hăng hái trong lĩnh vực chính trị. Đáng buồn là rõ ràng ông không thể quay về với chức vụ cũ trong những điều kiện hiện thời. Và một trong những điều kiện ấy là nước Anh có một đảng cầm quyền lớn nhất từng có trong Hạ viện. Điều này đã kết thúc một cách hiệu quả nhiệm kỳ Quốc hội chỉ mới kéo dài được sáu tháng. Vì thế ông không còn quan tâm đến hầu hết các khía cạnh của đời sống chính trị. Đợt tái phát bệnh vào cuối tháng 9 khiến ông phải rời Chartwell để đến điều trị tại một bệnh xá ở London. Tuy nhiên, tất cả những điều này đã không thể ngăn cản nỗ lực mới của ông liên quan đến việc sắp xếp tác phẩm, thương lượng về tác quyền và thậm chí là viết thêm. Không may là chúng cũng không làm giảm nỗ lực của ông dành cho một vấn đề (giải quyết bế tắc trong năm 1890 liên quan đến việc duy trì nền cai trị của Anh ở Ấn Độ) mà vào lúc ấy khiến ông quan tâm dù đã kéo dài quá lâu, sắp sửa mất thêm gần ba năm cho đến đầu mùa hè 1935.

Các kế hoạch viết sách của Churchill trong mùa hè và mùa thu năm 1932 thậm chí còn nhiều tham vọng hơn cả kế hoạch trong khoảng thời gian 1929 - 1930. Tác phẩm *The Eastern Front* được xuất bản vào ngày 2 - 11 - 1931, và Thornton Butterworth từ đầu thế kỷ 19 đã viết: “Tôi thật tiếc khi phải nói rằng

nó đã không được thực hiện tốt như kỳ vọng của tôi”. Churchill nghĩ rằng nó đã bị lấn át bởi tác phẩm của hầu tước xứ Crewe, viết về cuộc đời tẻ nhạt của cha dượng là Rosebery (Archibald Philip Primrose). Tuy nhiên, vào giai đoạn này, Churchill là một tác giả dù rất hăng say trong việc viết sách nhưng chưa phải là một tác giả thành công. Đôi khi, doanh thu của ông rất thấp. Như một lập luận kỳ lạ để đòi thêm tiền nhuận bút, ông đã viết cho Thornton Butterworth trong tháng 2 năm 1931: “Quý ngài Scribner (nhà xuất bản Charles Scribner’s Sons) đã phải mất tiền quảng cáo cho mọi quyển sách của tôi, ngoại trừ hai quyển cuối”. Nhưng lượng đầu sách của ông nhiều đến nỗi số tiền kiếm được gộp lại là rất lớn, thậm chí còn hơn tiền của nhà xuất bản.

Vừa gửi tác phẩm *The Eastern Front* cho nhà xuất bản thì Churchill đã chuẩn bị cho tác phẩm *Marlborough*. Phần lớn tác phẩm của ông được các trợ lý hoàn tất, nhưng giờ đây, ông có rất ít cơ hội để đích thân trau chuốt lại. Trong tháng 6 năm 1932, khi chỉ viết được một chương mà “lẽ ra nên viết sau” những chương khác, ông đã thúc giục Harraps bố trí việc in và trù tính việc xuất bản, nếu không phải là trong mùa xuân năm 1933 thì chắc chắn phải là vào mùa thu năm đó. Với sự giúp đỡ của nhiều người, ông tiếp tục viết tập đầu tiên của *Marlborough* với sự khẩn trương và đã được xuất bản kịp thời. Nhưng cuộc sống lưu động đã không cho phép ông hài lòng với việc 18 tháng chỉ tập trung vào một quyển sách. Trong mùa hè năm 1932, ông đã viết một lúc, cả ở New York lẫn London, ba quyển sách có thể được cho là thuộc loại “khai thác những nỗ lực trước kia”. Quyển thứ nhất xuất hiện năm 1932 với tựa đề *Thoughts and Adventures* (được gọi là *Amid These Storms* ở Mỹ). Quyển thứ hai là *American Impressions*, đã không được in ra ở cả hai bên bờ Đại Tây Dương. Quyển thứ ba được tạm thời đặt tên là *Notable Contemporaries* vào lúc ấy. Lúc đầu, ông muốn xuất bản nó trước *Thoughts and Adventures*, nhưng về sau ông đã đổi ý. Và mãi đến năm 1937 *Notable Contemporaries* với tựa đề đã được đổi thành *Great Contemporaries* mới được xuất bản.

Trong tháng 12 năm 1932, Churchill cũng bắt đầu viết *History of the English*

Speaking Peoples, một tác phẩm có số phận trắc trở. Cassells đã đề nghị trao trước cho ông số tiền 20 ngàn bảng Anh (tương đương với ít nhất là 600 ngàn bảng Anh ngày nay) để ông viết một tác phẩm gồm 400 ngàn từ, tác phẩm mà họ biết là ông chỉ có thể bắt đầu thực hiện vào nửa sau của thập niên 1930. Đây là một đề nghị mà ông không thể từ chối, như Thornton Butterworth đã thừa nhận khi Churchill thông báo cho ông việc này. Trên thực tế thì tác phẩm này đã được thực hiện đúng kỳ hạn, nghĩa là vào năm 1939. Nhưng vào lúc ấy nó bị xếp vào kho lưu trữ. Trước hết là vì chiến tranh, và kế đó là vì Churchill muốn dành ưu tiên cho các tập sách thuộc bộ sách “Thế chiến II”. Mãi đến năm 1957, *History of the English Speaking Peoples* mới được xuất bản. Nó không phải là một trong những tác phẩm văn chương đặc sắc của Churchill.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn hết, nó là loạt bài duy nhất của ông được đăng trên tạp chí trong giai đoạn sau thời Baroque (thế kỷ 17 và đầu thế kỷ 18) và đã qua thời Rococo (thế kỷ 18). Ông tiếp tục viết loạt bài có tựa đề *Great Stories of the World Retold (Lược thuật các tác phẩm vĩ đại của thế giới)* cho tờ *News of the World* với sự ủy quyền của nam tước Riddell (George Allardice Riddell). Mỗi tác phẩm gồm khoảng 5.000 từ, và mức giá mà Churchill yêu cầu và được nhận là 2.000 bảng Anh cho mỗi loạt. Số tiền này có vẻ khá khiêm tốn, dù tương đương với khoảng 10 ngàn bảng Anh ngày nay. Và khi ông tuyển dụng được Edward Marsh, một người trung thành và có học vấn cao nhất mà ông từng có, để viết phần lớn với khoản tiền thù lao 25 bảng Anh (tương đương với 750 bảng Anh ngày nay) cho mỗi tác phẩm, thì giao dịch này đúng là một món hời đối với Churchill. Những đề tài được Riddell gợi ý là “Count of Monte Cristo” của Dumas, “Moonstone” của Wilkie Collins, “She” của Rider Haggard, “Ben Hur” của Lew Wallace, “Thais” của Anatole France và “Uncle Tom’s Cabin” của Harriet Beecher Stowe. Điều lý thú là có hai tiểu thuyết của Pháp được đưa vào bản liệt kê nguyên thủy của Riddell, trường hợp hẳn rất khó xảy ra ngày nay. Chỉ có tiểu thuyết gia Proust của Pháp là có cơ hội, và khó mà tưởng tượng được rằng tác phẩm “À la recherche” (tên đầy đủ là “À la recherche du temps perdu”)

được rút lại còn 5.000 từ dành cho độc giả của nhật báo *News of the World*. Tuy nhiên, trên thực tế, tác phẩm “Thais” về sau đã không được đưa vào bản liệt kê sau cùng, nó bị thay thế bởi tác phẩm *Tale of Two Cities*. Trong hình thức này, loạt bài này cũng được bán cho nhật báo *Chicago Tribune* (với giá 1.800 bảng Anh), và nhật báo *Sunday Graphic* ở London cũng giành được bản quyền thứ hai. Loạt bài này rất thành công, đến nỗi cả *News of the World* lẫn *Chicago Tribune* đều yêu cầu được đăng 6 bài sau của loạt bài. Loạt bài này dựa trên tác phẩm “Adam Bede” của George Eliot, “Ivanhoe” của Scott, “Westward Ho!” của Charles Kingsley, “Jane Eyre” của Charlotte Bronte, “Vice Versa” của F. Anstey và “Don Quixote” của Cervantes. Cũng như trước kia, phần lớn công trình là do Edward Marsh thực hiện. Mãi đến ngày 26-3 - 1933, loạt bài mới chấm dứt, hầu như là trước thời điểm Churchill một lần nữa lún sâu vào việc phản đối chính sách của chính phủ Anh ở Ấn Độ.

Mọi việc kết thúc khi người ta buộc Churchill phải tập trung vào phần cốt lõi của *Marlborough*. Đây là tác phẩm tiểu sử quan trọng đầu tiên của Churchill kể từ năm 1906. Khi đã chấp nhận, vừa có thu nhập lại vừa có được niềm vui, ngài Riddell đã yêu cầu loạt bài thứ hai. Churchill đã viết vào ngày 13-1-1933: “Tôi sẽ phải gác sang một bên tác phẩm *Marlborough* vào lúc này đã cao đến ngực tôi”. Bất chấp những trắc trở như thế, việc viết *Marlborough* vẫn tiến triển đáng kể. Vào nửa sau năm 1932, ngay cả khi đang mắc bệnh, ông đã viết thêm được 15 chương khác. Năng lực và sự cần cù trong sự nghiệp viết văn của ông thật đáng kinh ngạc. Trọn tập một gồm 557 trang đã được xuất bản kịp thời hạn trong tháng 10 năm 1933. Ngoài nỗ lực dành cho phần việc của bản thân, ông không ngừng đôn đốc công việc của những người khác. Trong tháng 5 năm 1933, ông đã gửi cho Marsh 27 chương để chỉnh sửa văn phong, kèm thêm một bản liệt kê các tiêu chuẩn mà ông muốn ứng dụng.

Vào mùa hè năm 1933, ông chẳng những viết 200 ngàn từ cho *Marlborough* mà còn viết 308 bức thư (chủ yếu là để hỏi thông tin và ý kiến) liên quan đến quyển sách này. Cho dù có muốn triển khai lớn đến đâu (với sự giúp đỡ về mặt

ngiên cứu của rất nhiều trợ lý) thì công trình 200 ngàn từ cũng phải kết thúc. *Marlborough* (tập 1) xuất hiện vào đầu tháng 10 năm 1933, đã nhanh chóng được in lại và đến với độc giả trong một phiên bản được sửa chữa đôi chút xuất hiện 15 tháng sau đó, rồi lại được tái bản năm 1939, sau khi ba tập sách tiếp theo đã được hoàn tất và xuất bản. Trong số bốn tập của *Marlborough*, tập 1 được in với số lượng 17 ngàn bản, một con số dù đáng kể nhưng chưa phải là một hiện tượng. Những tập tiếp theo được bán với số lượng giảm dần, tập hai bán được 15 ngàn bản, tập ba và bốn mỗi tập bán khoảng 10 ngàn bản. Tập đầu tiên, theo thói quen của Churchill, đã được kèm theo một bản danh sách phân phối dài để xác định số lượng ấn bản: các chính trị gia nổi tiếng, các thư ký riêng cũ và các quan chức cấp cao thân tình khác, cũng như nhiều độc giả chọn lọc. Nhiều chính khách, đáng lưu ý là Baldwin, Neville và Austen Chamberlain, đã đối xử với ông giống như sự so sánh của tiến sĩ Johnson: xem ông thuộc loại nằm giữa “những con chó đi lùi” và phụ nữ giảng đạo (theo Thánh Kinh thì phụ nữ không được phép giảng đạo trong những cuộc hội họp chính thức trong đền thờ). Thành công trong việc phát hành số lượng ấn bản như thế thật đáng ngạc nhiên. Họ còn tỏ ra ân cần, ngưỡng mộ và hài lòng (vẫn duy trì những mối quan hệ cá nhân) dù sự bất đồng chính kiến giữa họ và ông ngày càng trầm trọng. Neville Chamberlain thường là người thẳng thắn nhất: “Tôi rất biết ơn vì ông chưa loại tôi ra khỏi bản danh sách độc giả được ông quan tâm”. Và một lần nữa hầu như tất cả họ đã cẩn thận viết thư cảm ơn trước khi đọc sách. Dù sử gia kiêm chính khách Herbert Fisher là người ngoại lệ nhưng lại tuyên bố là đã đọc nó hai lần ngay trong tuần lễ phát hành đầu tiên.

Sau một đợt trì hoãn, một phần là vì sức khỏe Churchill trở nên tệ hơn trong các mùa thu năm 1931 và 1932 và một phần là do có sự thay đổi khi chức vụ phó vương chuyển sang Willingdon, vấn đề Ấn Độ lại nổi lên vào mùa xuân 1933. Suốt hai năm tiếp theo, hầu như cứ mỗi lần Churchill đụng đến vấn đề này cũng đều dẫn đến việc mức độ ủng hộ ông bị giảm và vị trí của ông trong Đảng Bảo thủ, nói chung là trong Hạ viện, bị lung lay. Bề ngoài, Ấn Độ đôi khi giống như

một chiến trường đầy hứa hẹn cho các hành động đen tối, vì chủ trương sâu kín của nhiều người hoạt động trong các liên minh địa phương của Đảng Bảo thủ là ủng hộ chủ nghĩa đế quốc. Và vì thế, họ không tin tưởng chủ trương tương đối tiến bộ của Baldwin và Hoare. Sự chống đối tự biểu lộ một cách mạnh mẽ (dù luôn là từ phe thiểu số) trong những lần tụ tập của Đảng Bảo thủ nằm ngoài những cuộc họp của Quốc hội. Trong tháng 2 năm 1932, tại cuộc họp Liên hiệp các Liên minh Bảo thủ toàn quốc, 165 người “chống đối” phải chống 189 người còn lại. Đây là thời điểm sĩ số chống đối cao nhất. Trong tháng 6, tại hội nghị chung của đảng, họ chỉ còn chiếm sĩ số 316 chống lại 838, và trong tháng 10 tại hội nghị đảng, con số này là 344 chống lại 737. Quan điểm của phe thiểu số luôn đáng ngại nhưng không tập trung được xung lượng cần thiết.

Bất chấp làn sóng những người chiến thắng thiếu kinh nghiệm bất ngờ tràn vào sau đợt thắng phiếu lớn năm 1931, vị trí của Churchill giữa các thành viên thuộc Đảng Bảo thủ trong Quốc hội hầu như chưa bao giờ vững mạnh như thế. Đảng Bảo thủ vào những ngày ấy về cơ bản là một đảng được nể trọng. Điều mà hầu hết các cử tri Bảo thủ thường làm là tranh cãi vào buổi chiều trước khi về nhà uống trà, và để cho bộ phận lãnh đạo gồm các nghị sĩ thuộc phe chiếm đa số, miễn là còn được ủng hộ, tiếp tục làm việc. Điều Churchill và những người bạn đồng minh của ông có thể làm là mang lại sự khó chịu cho một số nghị sĩ trung thành khi các liên minh của họ thực hiện những giải pháp chống lại chính phủ. Nhưng đây chỉ là sự công kích tương đối nhẹ nhàng. Không có cuộc công kích nào dẫn đến việc chọn ứng viên thay thế cho vị trí của họ. Và Churchill, một người giàu kinh nghiệm trong cương vị nghị sĩ nếu không phải là cương vị đảng viên Đảng Bảo thủ và là một người rất điềm tĩnh trong những cuộc công kích nhỏ như thế, hẳn phải biết rõ điều này. Hệ quả mà những cuộc công kích nhỏ gây ra không phải là bẻ gãy sĩ khí của đối tượng bị công kích mà là làm cho họ căm ghét hơn những kẻ công kích, đặc biệt là Churchill.

Hơn nữa, căn cứ vào sự ngập ngừng của Churchill, hẳn là ông nghĩ đến khía cạnh hẹp hòi không thỏa đáng của chính sách Ấn Độ mà ông buộc phải thực

hiện. Alfred Knox (thành viên của khu vực bầu cử Wycombe) đã viết cho Churchill một bức thư, hẳn đã làm cho người nhận phải thức tỉnh, làm dày dặn thêm chiến binh (Churchill) của những cuộc tranh đấu vì hiến pháp trong khoảng thời gian 1909 - 1911. Ông viết vào ngày 24 - 2 - 1933 rằng: “Hơn bao giờ hết, tôi quyết định chiến đấu đến cùng”. Trái lại, chiến dịch Ấn Độ của Churchill đã gây ra sự chia rẽ nghiêm trọng giữa Churchill với một số nghị sĩ tiến bộ thuộc Đảng Bảo thủ ít được biết đến, những người có thể trở thành đồng minh của Churchill trong cuộc chiến chống lại chính sách nhân nhượng Hitler sau này.

Các hành động gây ra sự chia rẽ phần lớn liên quan đến Ủy ban Đặc biệt kết hợp lưỡng viện (Joint Select Committee of Lords and Commons) đã được chính phủ đồng ý thành lập vào đầu năm 1933. Chính phủ vừa công bố một Sách Trắng (white Paper: báo cáo chính thức của chính phủ giải thích những ý tưởng và kế hoạch liên quan đến một đề tài cụ thể trước khi một luật mới được ban hành) phác thảo ý tưởng của họ nảy sinh từ cái được gọi là Hội nghị Bàn tròn thứ hai năm 1932. Ủy ban Đặc biệt phải trình bày nhận xét một cách chi tiết đối với những đề xuất này trước khi chúng được đưa vào dự luật mà về sau đã trở thành Đạo luật Chính quyền Ấn Độ (Government of India Act) năm 1935. Ủy ban này được dự định sẽ giữ vai trò hòa giải, tạo cơ hội để đầu vào của Quốc hội phù hợp với những yêu cầu tồn lưu trước kia của phái Churchill. Và thật ra vai trò của nó đã được đa số hiểu là như thế. Nhưng đây không phải là cách hiểu của Churchill. Lúc đầu, ông rất muốn có một số nhân vật “nổi loạn” hiện diện trong Ủy ban Đặc biệt, dù đồng ý rằng “Chính phủ phải chiếm mức độ đa số hiệu quả”. Sau đó, khi điều này đã được chấp nhận, bao gồm cả việc chức chủ tịch Ủy ban được trao cho hầu tước thứ tư xứ Salisbury. Ông ta là một người rất tán thành chủ trương của Churchill trên vấn đề này và là người đã đích thân ngỏ lời mời Churchill tham gia hội đồng. Và ông đã không bằng lòng tham gia. Bất chấp bức thư rất thân tình kết hợp với lời mời chính thức của Hoare, ông đã trả lời dứt khoát:

“Tôi nhận thấy sẽ bất tiện khi tham gia Ủy ban của ông chỉ để bị phủ quyết

bởi một đại đa số áp đảo gồm những nhân vật chủ chốt mà ông đã chọn... Tôi sẽ không tham gia vào sứ mệnh mà ông muốn thực hiện”. Trớ trêu là thái độ bất hợp tác (chính là một trong những thái độ của Gandhi, một người Ấn Độ mà Churchill ghét cay ghét đắng) đã bị đa số nhóm người ủng hộ *ít ỏi của Churchill* không tán thành.

Không lâu sau khi Churchill từ chối tham gia, ông đã có mối quan hệ thư từ quan trọng với hầu tước vùng Linlithgow (Victor Alexander John Hope). Người này, từng là phó vương từ năm 1936 đến năm 1943, vừa được chỉ định làm chủ tịch Ủy ban Đặc biệt (sau khi Salisbury từ chối). Ông là cấp dưới của Churchill suốt 13 năm và là người chống lại lập trường của Churchill về vấn đề Ấn Độ, dù là bạn thân và là người ngưỡng mộ Churchill trong những vấn đề khác. Ông quan hệ thư từ với Churchill rõ ràng là vì thiện ý, thú vị một điều là ông ký tên với chữ “Hopie”, từ giảm nhẹ thân mật của tước vị thời trai trẻ của ông (lãnh chúa vùng Hopetoun). Có năm bức thư dài đã được trao đổi trong những tuần đầu tiên của tháng 5 năm 1932. Điều đáng quan tâm chủ yếu là chúng đã dẫn đến việc Churchill tiết lộ lý do cơ bản tiềm ẩn trong chính sách Ấn Độ của ông đầy đủ hơn bất cứ dịp nào khác. Churchill đã viết vào tháng 7:

Tôi nghĩ chúng ta chủ yếu bất đồng quan điểm trong vấn đề này, rằng ông cho rằng tương lai chỉ là sự mở rộng quá khứ trong khi tôi nhận thấy lịch sử chứa đựng đầy dẫy những thay đổi và những lần thoái trào bất ngờ. Chủ nghĩa tự do ôn hòa và mơ hồ của những năm đầu thế kỷ 20, sự nói lên của những hy vọng và ảo tưởng hão huyền theo sau giai đoạn đình chiến của Thế chiến I đã bị thay thế bởi phản ứng mạnh mẽ chống lại nghị trường và thủ tục vận động bầu cử, và bởi sự hình thành những chế độ độc tài trắng trợn hoặc được che giấu hầu như là ở mọi quốc gia. Hơn nữa, việc chúng ta thiếu những mối quan hệ bên ngoài, sự sa sút trong lĩnh vực ngoại thương và vận chuyển quốc tế, đã đẩy dân số thặng dư của nước Anh đến gần bờ vực khốn khó. Chúng ta đang bước vào giai đoạn mà trong đó sự đấu tranh để tự bảo toàn sẽ tự

xuất hiện với mức độ căng thẳng mãnh liệt trước những nước công nghiệp đông dân.

Vì thế, sẽ là không đúng khi cho rằng nước Anh sẽ là quốc gia đơn độc phải chia sẻ quyền kiểm soát của nó trên quốc gia phụ thuộc lớn như Ấn Độ. Hà Lan sẽ không làm như thế, Pháp sẽ không làm như thế, Ý sẽ không làm như thế, Nhật cũng vậy, họ đang vươn tới vị thế một đế quốc mới. Suốt thời gian ông và bạn bè tiếp tục nói những lời nhạt nhẽo vô vị về một kỷ nguyên chiến thắng thoải mái đã qua, thì thủy triều sẽ thay đổi và nhấn chìm các anh.

Theo quan điểm của tôi, nước Anh hiện đang bắt đầu một cuộc đấu tranh mới để sinh tồn, và vấn đề nan giải của nó không chỉ là duy trì quyền sở hữu Ấn Độ mà còn phải mạnh tay hơn nhiều trong việc khẳng định các quyền lợi thương mại... Kế hoạch của các ông đã đi sau thời đại đến 20 năm.

Bức thư đáng nhớ này đã nói lên nhiều điều. Nó đánh dấu việc Churchill hoàn toàn gạt bỏ chủ nghĩa lạc quan, đặc điểm của những người ủng hộ chủ nghĩa tự do của Gladstone và Asquith. Thomas Hobbes đã thay thế John Locke trong vai trò là triết gia được hoan nghênh thời đó. Nó còn chứa đựng một gợi ý chắc chắn cho thấy tại sao vào thời điểm này Churchill lại bị nhiều người xem như là một Mussolini của nước Anh. Chính sách thực dụng khắc nghiệt và sự thiếu kiên nhẫn với “Nghị viện và thủ tục vận động bầu cử” đã cho thấy chút ít chiều hướng này. Bài thuyết trình hàng năm trước công chúng ở nhà hát Sheldon của ông (trong năm 1935) cũng thể với các hàm ý chủ trương nghiệp đoàn tích cực ủng hộ một “Nghị viện công nghiệp” riêng biệt. Thậm chí sự cáu kỉnh nổi tiếng của Churchill, rất đáng giá khi đối đầu với Hitler, có thể được viện dẫn để so sánh ông với Mussolini khi ông đối đầu với Hoare và Baldwin.

Tuy nhiên, Linlithgow, thường không được xem là người ưa lý sự, không cùng giới với Churchill, đã phản bác rất hiệu quả. Vào ngày 19 tháng 5, ông đã

viết:

Ông đương đầu với... một thời kỳ bạo lực và máu lửa sắp đến, một sự tranh đấu để sinh tồn ư? Tôi nghi ngờ điều đó, ông bạn Winston à! Tôi tự hỏi không biết là ông có nhận biết đầy đủ về hai khuynh hướng thay đổi cơ bản không, (a) Sinh suất giảm, (b) sản lượng tăng rất nhiều trên thực tế hiện nay và trong tương lai của cả sản phẩm thô lẫn đã qua chế biến? Tôi nghĩ rằng rất khó để đánh giá quá cao tầm quan trọng của khuynh hướng (b). Thế nên hãy tha thứ cho tôi nếu tôi nói nó không phải như thế. Không phải tôi là người rêu rao những câu chuyện nhạt nhẽo nhằm chán của một thời đại đã qua, đã lỗi thời đến 20 năm. Mà đúng hơn là ông, người đã đưa một cách nguy hiểm trên cành cây trong khi thốt ra những học thuyết lỗi thời có từ thuở hồng hoang đã được trù tính đưa vào vùng lãng quên. Tóm lại, hãy cho phép tôi với tư cách là một thành viên Đảng Bảo thủ đối với một thành viên khác, khẩn cầu ông hãy xem xét kịp thời những sai lầm trong suy nghĩ của ông và gạt bỏ chúng, vì sợ rằng ông sẽ bị lỡ tàu, vô phương cứu chữa.

Trong bối cảnh này, không chỉ là toàn bộ thế kỷ 20 mà thậm chí còn tính đến cả 32 năm còn lại trong cuộc đời của Churchill, khó mà tin được rằng Linlithgow đã không biểu lộ sự hiểu biết sâu sắc qua những lá thư như vậy.

Ủy ban Đặc biệt bắt đầu làm việc trong mùa hè năm ấy (năm 1933), và tất cả những động thái của ủy ban có liên quan đến những mối quan hệ của Churchill với nó đều bất hạnh. Khi trình bày luận chúng trong tháng 10, ông đã hăm dọa hơn là thuyết phục. Những điều này, và việc ông từ chối trở thành thành viên của ủy ban, đã trở nên không còn quan trọng khi so với thất bại của ông trong nỗ lực nhằm làm hỏng toàn bộ công việc của Ủy ban Đặc biệt qua hoạt động của ông trong mùa xuân 1934. Nó nhắm vào hai mục đích của Churchill phần nào không phù hợp. Một nửa là tầm nhìn nhắm đến việc duy trì một đế quốc Anh đầy thiện chí, một nửa là chủ trương giữ chặt Ấn Độ làm thị trường bị khống chế dành cho

vải dệt của vùng Lancashire. Điều vô cùng quan trọng là Phòng Thương mại Manchester phải ủng hộ mục đích thứ hai. Tuy nhiên, cả trong dạng đề trình bằng văn bản lẫn dạng trình bày trước Ủy ban Đặc biệt vào ngày 3 tháng 11, đoàn đại biểu của Manchester đều không bàn đến nhận xét của Churchill. Họ tỏ ra tiếc nuối khi phải tự thích nghi với thực tế của một thế giới đang phát triển. Churchill cho rằng thái độ lơ là của họ đối với chủ trương của ông là do áp lực sai trái bị áp đặt bởi Hoare thông qua sự môi giới của kẻ hối lộ chính trị tầm cỡ ở vùng Lancashire là bá tước Derby. Dựa trên đặc quyền của Quốc hội, ông đã đề xuất chủ trương của ông một cách trang trọng trong phòng họp Hạ viện vào ngày 16 - 4 - 1934.

Theo ước muốn của Churchill, chủ trương của ông đã được đề trình và được thảo luận trong khoảng thời gian từ 23 tháng 4 đến 6 tháng 6 khi bản báo cáo được in ra. Trong những ngày này, một Ủy ban Đặc quyền (Committee of Privileges) được thành lập với mức độ thẩm quyền hầu như cao đến khó tin. Chủ tịch của Ủy ban này là thủ tướng và chín thành viên khác bao gồm một cựu thủ tướng và một thủ tướng tương lai (Baldwin và Attlee), cùng với người suýt là thủ tướng là Austen Chamberlain và lãnh tụ của Đảng Tự do là Herbert Samuel. Trong số này còn có người bạn cũ của Churchill là nam tước Hugh Cecil và quan tổng chưởng lý (Inskip, một chuyên gia giáo luật xuất thân từ Đại học Bristol, về sau là chủ tịch Thượng viện và là chủ tịch Tối cao Pháp viện). Đặc biệt khi Churchill xuất hiện vào ngày 23 tháng Tư, bất chấp thái độ thường là lịch sự cho dù đáng chán của mình, Inskip đã buộc phải đối xử với ông như đối với một nhân chứng trong một phiên tòa không thỏa đáng và thúc ép ông “cố gắng trả lời những câu hỏi của tôi mà không sử dụng lối nói khoa trương nếu có thể được”. Điều còn tệ hơn nữa đối với Churchill là Austen Chamberlain (đồng sự cũ, đồng minh hiện nay về vấn đề cảnh giác sớm các hiểm họa từ chủ nghĩa Quốc xã) lại có phần vòng vo úp mở, nhưng rõ ràng là không tán thành, khiến trách việc Churchill “sử dụng địa vị của ông, như một thành viên lỗi lạc của Nghị viện để đọc diễn văn trước một ủy ban theo cách mà các ủy viên chưa từng phải nghe từ

những người được mời đến để cung cấp chứng cứ và thông tin mà họ có”.

Sau sáu tuần thường phải tham dự những cuộc họp kéo dài nhằm chán và tốn nhiều sức lực để nghe Churchill viện dẫn hàng đống tài liệu, Ủy ban (bao gồm những người bạn rợn nhát vương quốc) đã đồng lòng đưa ra một báo cáo dứt khoát. Họ bác bỏ vụ tố tụng của Churchill và tuyên bố rằng, không có bằng chứng cho thấy cả Hoare lẫn Derby sử dụng đặc quyền để gây ảnh hưởng. Khi đương đầu với phán quyết này, hầu như ai cũng tìm nơi ẩn nấp, thu mình lại, và nhanh chóng về hưu rồi bỏ chính trường. Nhưng Churchill với bản chất pha trộn sự dũng cảm, tự cho mình là đúng, và thiếu sáng suốt, đã thực hiện điều ngược lại.

Khi báo cáo được trình lên Hạ viện vào ngày 13 tháng 6, ông đã đứng lên ngay sau khi thủ tướng (lúc ấy là Neville Chamberlain) đề nghị chấp nhận nó và đã trình bày ý kiến của ông hơn một giờ, dứt khoát không thừa nhận mọi phát hiện. Về mặt nào đó thì nó đáng ngưỡng mộ, nhưng không thể phát động chiến tranh bằng những cách thức như vậy. Thay vì lôi kéo đồng minh, ông lại khước từ họ. Hoare, viết cho phó vương tạm quyền ở Delhi, với nhận xét mà ông cho là đúng: “Winston có cái nhìn bi quan về mọi việc. Rõ ràng là cách cư xử của ông ta hẳn là để biểu lộ sự mãn nguyện về việc cuộc thăm vấn đã không kết tội hai người bạn và là đồng sự cũ. Nhưng vì lợi ích chung ông ta nên cảm thấy có bốn phận phải khiêu kiện. Nếu làm như thế hẳn ông ta sẽ giành lại được vị trí đã mất và sự cảm thông của Hạ viện”.

Trái lại, Churchill vẫn tiếp tục duy trì quan điểm của ông dù Ủy ban Đặc quyền đã không bao giờ cân nhắc kỹ lưỡng trường hợp này. Hạ viện đã không đồng tình với ông. Có lúc Percy Harris, người không lâu sau đã trở thành thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của Đảng Tự do, đã ngắt lời để hỏi: “Có phải đó là một sự công kích đối với Ủy ban Đặc quyền hay không?”. Churchill đã điềm tĩnh trả lời: “Không! Đó là sự công kích đối với bản báo cáo”. Leo Amery (người thường xuất hiện vào những khoảnh khắc quan trọng trong cuộc đời của Churchill và thường sẵn lòng “giấu đồ bìm leo”) đã phản bác ngay sau khi Churchill phát biểu

và đã thành công lớn. Ông đã tố cáo Churchill vì lơ dểnh nên đã làm hỏng công việc của Ủy ban Đặc biệt, muốn buộc Hoare từ chức, và thường gây ra tình trạng chia rẽ bất cứ lúc nào có thể được trong nội bộ Đảng Bảo thủ. Sau đó ông quay sang phần quan trọng nhất của lập luận: “Một quý ông thật sự đáng tôn kính luôn phải sống phù hợp với phương châm mà ông ấy đã chọn: *Fiat justitia mat caelum* (Phải công bằng cho dù trời có sập)”. Churchill đã bực mình la lên. “Dịch ra tiếng Anh đi chứ!”. Là một người không giỏi về văn hóa Hy - La, nên câu Latin ấy đã được Amery sử dụng không đúng chỗ. Amery, có thể đã không chuẩn bị trước cho sự gián đoạn ấy nên đã đưa ra một phiên bản dịch có phần nào phóng tác: “Nếu tôi có thể ngáng ngã Sam [Hoare], thì chính phủ sẽ tan vỡ”. Và hầu như toàn bộ Nghị viện ở một trong những thời điểm đồng lòng của nó đã cùng cất lên một tràng cười chống lại Churchill.

Đối với Churchill, cuộc tranh luận đã đi từ xấu đến rất tệ. Attlee là phó thủ lĩnh của phe đối lập, sau đó ông bị Hugh Cecil loại bỏ. Thậm chí ngay cả Archibald Sinclair, một người trung thực và được yêu mến, cũng ủng hộ bản báo cáo, và John Simon, ngoại trưởng và chủ tịch của Ủy ban Pháp định Ấn Độ (Indian Statutory Commission) trong thời gian 1928 - 1929, đã đọc một bài diễn văn phân tích quan điểm của Churchill một cách tài tình. Vào lúc này, rõ ràng Churchill không thể quy tụ cho dù là một nhóm nhỏ để vận động bỏ phiếu biểu quyết chống lại bản báo cáo. Ông đã phản ứng bằng cách rời bỏ phòng họp trước khi cuộc tranh cãi kết thúc. Đây là ngày rất tồi tệ đối với ông ở Hạ viện.

Chiến dịch Ấn Độ của ông vẫn tiếp tục trọn một năm nữa. Khoảng thời gian này bao gồm sinh nhật lần thứ 60 của ông, sự kiện giúp trì hoãn việc địa vị chính trị của ông bị lu mờ. Suốt mùa hè và mùa thu 1934, Churchill đã hoàn tất một chiến dịch khu vực mà tâm điểm là Lancashire và đã tổ chức thành công một số cuộc biểu tình công khai giúp ông giữ vững tinh thần. Tuy nhiên, ông đã bỏ lỡ hội nghị trong tháng 10 của Đảng Bảo thủ để thực hiện cuộc du ngoạn tại vùng biển phía đông Địa Trung Hải trên chiếc du thuyền của Walter Gurness. Đây là một sự biết điều khi nhìn từ mọi quan điểm, ngoại trừ việc ông không nên làm

như thế khi đang tham gia một chiến dịch sinh tử với mức độ thù địch cao nhất. Tuy nhiên, lần hội nghị này không phải là cuộc chạm trán mang tính quyết định của các đảng viên bảo thủ năm ngoài nghị trường, nơi được cho là tập trung sức mạnh của Churchill. Và sức mạnh này đã được biểu lộ tại cuộc họp của Hội đồng Liên minh Quốc gia (National Union Council) ở Queen's Hall vào ngày 4 tháng 12. Vào lúc ấy, công việc kéo dài 18 tháng của Ủy ban Đặc biệt đã đưa ra một bản báo cáo phần nào làm hài lòng chính phủ. Tất cả mọi vũ khí quan trọng đều đã được triển khai trong nhà hát Queen's Hall. Baldwin, Austen Chamberlain và Amery ủng hộ bản báo cáo, còn Churchill và Salisbury thì chống lại. Kết quả là 1.102 phiếu ủng hộ Baldwin và 390 ủng hộ Churchill.

Chỉ hơn một tuần sau, cuộc đối đầu lại diễn ra ở Hạ viện. Trong dịp này, rất nhiều người cho rằng tài hùng biện của Churchill đã chiến thắng. Vào giai đoạn này, ông có thể dễ dàng đi từ thành công đến thất bại hoàn toàn. Điều đáng ngưỡng mộ là những lần thất bại không thể ngăn cản việc ông lại đứng dậy một cách tự tin. Nhưng việc bỏ phiếu đã hầu như phản ánh kết luận của Liên minh Quốc gia (National Union). Chính phủ đã chiến thắng sự tu chính thù địch đối với bản báo cáo của Ủy ban Đặc biệt với số phiếu 410 chống lại 127. Nhưng ba trong số 127 là của các thành viên Công đảng hoặc Đảng Tự do, những người muốn việc bàn giao quyền lực được tiến hành nhanh chóng hơn. Số phiếu của những thành viên Bảo thủ thuộc phe Churchill chỉ có 74. Trong Thượng viện, sự tu chính tương tự cũng đã bị đánh bại bởi số phiếu 239 so với 62. Một mức độ bỏ phiếu cao đối với một Thượng viện thường trầm lặng và khiếm diện của thập niên 1930, nhưng không có lợi cho Churchill.

Thế nhưng Churchill vẫn chưa bỏ cuộc. Ông quyết tâm chống lại Dự luật về Ấn Độ (India Bill) được Hoare đưa ra như một công trình chủ lực phần nào đơn điệu cho năm 1935. Trong mùa xuân, ông thường nói rằng ông bị buộc phải từ bỏ thói quen chuẩn bị quá tỉ mỉ. Ông đã viết cho Clementine (đã lên đường tham gia cuộc du lịch trên biển) vào ngày 13 tháng 4: “Ở tuổi 60, anh thay đổi phương pháp phát biểu, phần lớn là với sự cố vấn của Randolph. Và nay anh huyền

thuyền trước Hạ viện một cách trôi chảy và không cần chuẩn bị trước. Xem ra họ rất hài lòng. Nhưng đâu là bí quyết của nghệ thuật nói trước công chúng?... Đường như hiệu ứng văn học mà anh đã tìm kiếm suốt 40 năm chỉ là con số không!”.

Tuy nhiên, Randolph Churchill dù thành công trong vai trò là một cố vấn có tài hùng biện, lại không thành công trong vai trò của một người kế tục cha trong giai đoạn này. Anh đã miệt mài nỗ lực hòng tìm cho mình một vai trò chính trị nhưng không phụ thuộc cha. Vào giữa tháng 1 năm 1935, anh đã tuyên bố mà không cần hỏi ý kiến trước rằng anh sẽ tham gia tranh cử trong một cuộc bầu cử bổ khuyết (bye-election) ở đơn vị bầu cử Wavertree của Liverpool trong vai trò là một đảng viên Bảo thủ chống lại Dự luật về Ấn Độ Churchill đã không hài lòng với kết quả (một phần là do thiếu sự chỉ bảo), nhưng đã quyết định rằng chỉ có một cách duy nhất là phải ủng hộ kết quả ấy. Ông đã đọc diễn văn trước nhiều cuộc biểu tình ở Liverpool và tập hợp bạn bè để huy động tiền và sự ủng hộ. Ông cũng rất ấn tượng trước thành tích của Randolph. Tuy nhiên, chiến dịch tranh cử này đã làm cho những mối quan hệ giữa Churchill và Đảng Bảo thủ xấu đi rất nhiều. Nhất là khi Randolph chỉ nhận được vừa đủ số phiếu (10 ngàn chống lại số phiếu chính thức của Đảng Bảo thủ là 13 ngàn) để ứng cử viên của Công đảng có thể xen vào.

Chuyện này chưa xong thì Randolph lại lên đường. Lần này anh không đích thân ứng cử, mà chỉ cố động bằng mọi khả năng cho dù không có sự dính líu của cha với một ứng cử viên đại diện (Richard Findlay, người lẽ ra phải ở tù ngay từ đầu nhiệm kỳ thủ tướng của Churchill vì các quan điểm phát xít) trong cuộc bầu cử bổ khuyết ở Norwood (Nam London) diễn ra vào ngày 14 tháng 3. Lần này, số phiếu chống đối chỉ là 2.700, và chỗ ngồi đã được giữ lại cho các đảng viên Đảng Bảo thủ. Điều này đã không đến nỗi nào, vì ứng cử viên chính thức là Duncan Sandys, người không chỉ là ủng hộ viên trung thành khó lay chuyển của Churchill mà còn là người kết hôn với Diana Churchill (trưởng nữ của Winston Churchill) trong năm đó. Đường như cặp này đã thấy nhau lần đầu khi còn ở hai

phe khác nhau của chiến dịch tranh cử, nhưng sau đó một thời gian không lâu mới thật sự gặp nhau. Tất cả đã giúp Randolph khuây khỏa phần nào trong thời gian anh bị sốt vàng da và tăng bạch cầu đơn nhân nhiễm khuẩn.

Trong mùa xuân ấy, giai đoạn ba (committee stage: giai đoạn thứ ba của một tiến trình gồm năm giai đoạn trình qua Quốc hội của một dự luật khi dự luật vẫn còn được mổ xẻ và tu chỉnh) của Dự luật về Ấn Độ vẫn còn chật vật chưa được Hạ viện thông qua. Đây có lẽ là lúc Churchill cần cù nhất trong việc sử dụng những chi tiết vụn vặt cho công việc trong suốt 64 năm là thành viên Quốc hội của ông. Như ông đã viết cho Clementine vào ngày 5 tháng 4: “Trong khoảng thời gian duy nhất không có sự hiện diện của anh, chính phủ đã thông qua 60 điều khoản chỉ trong nháy mắt” (nó là một dự luật lớn, có đến 400 điều khoản). Cuối cùng, giai đoạn ba của dự luật kết thúc vào ngày 15 tháng 5. Churchill đã đọc 68 bài diễn văn trong thời gian diễn ra vụ tố tụng. Đôi khi sự hóm hỉnh và tài hùng biện của ông nổi bật, nhưng ông cũng tiến đến gần những tuần lễ buồn tẻ hơn bất cứ giai đoạn nào khác trong những năm dài trên đấu trường Quốc hội. Sau đó là đến giai đoạn 4 của dự luật, kế tiếp là giai đoạn 5 bắt đầu vào tháng 6. Churchill đã đi vào phần kết thúc. Ông ngồi xuống sau khi nói xong bài phát biểu cuối cùng về đề tài này vào ngày 5 tháng 6, thì “côn trùng” Leo Amery, người đã luôn quấy rầy Churchill, đứng lên nói với một Hạ viện luôn đồng cảm với ông ta: “Đến đây là hết văn thơ cuối cùng thuộc chương cuối của sách Jeremiah (Book of Jeremiah: sách nói về việc vương quốc Judah của Do Thái bị người Babylon tiêu diệt)”.

Việc bác đơn này được hầu hết những người trong phòng họp đồng tình (dù thật sai lầm khi xem sự bất thường ấy của “tâm trạng của Nghị viện như sự chỉ dẫn đáng tin cậy giúp chỉ ra đâu là điều đúng, điều sai). Churchill đã huy động được 122 lá phiếu chống lại dự luật trong lần bỏ phiếu cuối cùng so với 386 phiếu thuận của chính phủ. Nhưng một lần nữa, vì một phần ba số phiếu đồng tình với ông là của các thành viên Công Đảng, những người có quan điểm đối với chủ đề này trái ngược với quan điểm của ông, nên sự biểu quyết không thể là

kết quả cuối cùng khiến ông hài lòng. Con số chính xác hơn về số lượng người ủng hộ trung thành của ông được cung cấp bởi bản danh sách khách mời buổi tiệc được ông tổ chức ở khách sạn Claridge's vào ngày 31 - 5 - 1935. (Ông luôn là người thích tranh luận trong những bữa tiệc). Có 51 nghị sĩ và 12 người cùng địa vị với họ tham dự. Tuy nhiên, bất cứ sự giải thích nào về những tên tuổi này cũng đều được khơi gợi từ dạng cực đoan của ý tưởng “Non tali auxilio nec deíensoribus istis tempus eget” (Đây không phải là thời điểm kêu gọi sự giúp đỡ như thế hoặc nhờ cậy những đồng minh như thế). Chỉ một vài người là hữu ích đối với Churchill trong trận chiến lớn hơn ở phía trước.

Chương 25

CHIẾC ĐỒNG HỒ BÁO THỨC REO SỚM

Thập niên 1930 là khoảng thời gian Churchill in đậm dấu ấn của ông trên lịch sử. Đây là những năm ông mờ nhạt trên chính trường và thành đề tài của một loạt phim truyền hình. Ông là một người luôn phê bình gay gắt (nhưng không được nhiều người nghe) thái độ nhu nhược của chính phủ Anh, lần lượt dưới quyền lãnh đạo của MacDonald, Baldwin và Neville Chamberlain, khi đối diện với sự hung hãn ngày càng leo thang của những kẻ phát xít. Đây là sự mô tả nhìn chung là chính xác nhưng quá đơn giản về các quan điểm và cách cư xử của Churchill trong khoảng thời gian giữa 1932 và 1939. Thành tích về sự dũng cảm và khả năng thấy trước của ông khi chống lại những mối đe dọa gây hại cho hòa bình và dân chủ đáng tin cậy hơn thành tích của bất cứ chính khách quan trọng nào khác của nước Anh, ngoại trừ Austen Chamberlain. Nhưng vị chính khách già đáng kính này, người luôn thiếu nghị lực và sự tự tin của Churchill, đã chết trong tháng 3 năm 1937, và vì thế đã có được sự may mắn là không phải chứng kiến các chính sách xoa dịu của người em cùng cha khác mẹ (Arthur Neville Chamberlain).

Tuy nhiên, thành tích đáng tin cậy của Churchill phải trải qua hai sự giám định phẩm hạnh mà cả hai đều có thể chấp nhận. Thứ nhất, ông luôn xem nền an ninh quốc gia của nước Anh bị đe dọa chủ yếu là từ nước Đức. Vì thế ông đã không dứt khoát trên những thách thức mà ông cho là thứ yếu đối với trật tự thế giới, từ cuộc xâm lược Mãn Châu Lý trong năm 1931 của người Nhật qua cuộc phiêu lưu quân sự của Mussolini ở Abyssinia (tên cũ của Ethiopia) trong năm

1935 đến cuộc nội chiến Tây Ban Nha 1936 - 1939. Điều này có nghĩa là ông không bỏ phiếu tán thành chính sách an ninh chung đúng đắn của Hội Quốc Liên, giống như cách làm của những người có quan hệ mật thiết với ông: Archibald Sinclair, Robert Cecil, Violet Bonham Carter, nam tước vùng Lytton. Nhưng ông có nhiều công trạng hơn họ. Thậm chí là hơn Công Đảng ngay cả khi vị thủ lĩnh yêu hòa bình của Công đảng là George Lansbury, lãnh đạo đảng này từ 1931 đến 1935, bị thay thế bởi “thiếu tá Attlee [Clement Richard Attlee], người có thành tích chiến đấu tốt [lời của chính Churchill])” người tỏ ra tán thành rõ ràng hơn *đối với* chủ trương chống phát xít không chỉ bằng lời mà còn bằng vũ khí.

Thứ hai, sự dửng dưng của Churchill trong việc chống lại chính phủ đôi khi giảm sút do ước muốn được trở lại vị trí cao trong chính quyền. Điều này rất dễ hiểu, ông muốn có quyền lực. Ông đã bị quyền lực hấp dẫn khi là một thành viên Nội các lúc mới 33 tuổi. Trong độ tuổi hưởng lương hưu năm năm đầu tiên, từ năm 1940 đến 1945, khi phải gánh vác nhiều gánh nặng hơn bất cứ thành viên nào khác trong Nội các, ông đã cảm thấy phấn khích hơn là chán nản. Và thậm chí khi đã 80 tuổi, ông cũng vẫn cảm thấy rất khó từ bỏ những ràng buộc ấy. Do tính cách không khoan nhượng, ông đã bị tước bỏ một phần những gì mang lại quyền lực cho ông từ lúc 54 tuổi cho đến khi đã gần 65. Ngoài ra, ông đã có những dấu hiệu lão hóa đáng chú ý trong nửa sau của thập niên 1930, không lâu sau ngày sinh nhật thứ 60. Dù là một trong ba thủ tướng hiếm hoi thọ hơn 90 tuổi, nhưng sẽ là sai lầm khi cho rằng ông luôn tỏ ra trẻ trung trong những năm còn đương nhiệm. Cho đến đầu thập niên 1930, ông đã luôn duy trì tính cáu gắt, ưa gây gổ và hay thay đổi của một người trong độ tuổi trung niên. Ông có thể vẫn là một trung tá sai bước quanh những vị trí đóng quân của tiểu đoàn như ông từng làm 50 năm trước. Tuy nhiên, vào một thời điểm nào đó trong khoảng thời gian 1934 - 1935, triệu chứng tuổi già đã đột ngột tấn công ông. Khi tham gia chiến dịch với Randolph ở Wavertree trong tháng 2 năm 1935, hoặc khi đọc bài diễn văn nổi tiếng tại Câu lạc bộ Carlton (ở London) trong tháng 9 năm đó hoặc

ở khu vực bầu cử Epping của chính ông hai năm sau, ông đã mang dáng vẻ của một ông già. Hoạt động của một đảng viên Bảo thủ và uy lực khác thường của ông vẫn không giảm, nhưng đó chỉ là ấn tượng do động tác thể xác tạo ra.

Có một cơ hội kỳ quái xuất hiện trong Hạ viện trong tháng 5 năm 1935. Khi đại tá Thomas Moore, một người thủ đoạn đã kéo dài vai trò thành viên của Nghị viện với tư cách đại diện cho vùng Ayr cho đến năm 1964, đã đứng lên ngay sau Churchill và công kích ông về việc “trong toàn bộ bài diễn văn đã tạo ra cảm giác rằng người Đức đang chuẩn bị chiến tranh”. Sau đó Moore cố gắng làm dịu sự lỗ mãng bằng cách nói thêm: “Dù người ta không thích việc chỉ trích một ông già”. Nói chính xác thì lúc ấy Churchill chỉ mới 60 tuổi và 5 tháng, và còn sống thêm 30 năm nữa (Moore hầu như có tuổi thọ tương đương, cho dù danh tiếng và thành tích không bằng, còn sống được thêm 36 năm nữa). Thế nên có thể xem tuyên bố của Moore trong dịp này là một trong những lời từ biệt hấp tấp và lỗ bịch nhất trong vô số biên bản chính thức của các cuộc họp Nghị viện. Tuy nhiên, điều ông ta nói là dấu hiệu cho thấy Churchill đã bị xem là *passé* (lạc hậu, lỗi thời) ra sao, ít nhất là do nhận thức thiếu sâu sắc.

Có thể chính Churchill cũng nghi ngờ một cách khó chịu rằng Moore đã nói đúng phần nào. Hơn mười năm sau, ông đã có một bản ghi chép, chính xác về chi tiết nhưng có thể phần kết luận đã được “bi thảm hóa” không đúng, về giai đoạn này trong cuộc đời ông:

Ngoài sự lo lắng về công vụ, những năm từ 1931 đến 1935 là khoảng thời gian rất dễ chịu đối với cá nhân tôi. Tôi đã kiếm sống bằng cách viết những bài báo được phổ biến rộng rãi không chỉ ở nước Anh và nước Mỹ mà còn ở những tờ báo nổi tiếng nhất của 16 quốc gia châu Âu trước khi cái bóng của Hitler bao trùm. Thật ra, tôi phải tay làm hàm nhai. Tôi đã lần lượt đưa ra những tập khác nhau của bộ sách *Life of Marlborough* (Cuộc đời và sự nghiệp của John Churchill). Tôi đã không ngừng nghiên ngẫm tình hình châu Âu và việc tái vũ trang của người

Đức. Tôi đã sống chủ yếu ở Chartwell, nơi có nhiều thứ giúp tôi tiêu khiển. Tôi đã tự tay xây phần lớn hai ngôi nhà nhỏ và những bức tường của một khu vườn rộng, và đã chế tác đủ loại hòn non bộ và vòi phun cùng một bể bơi lớn. Nhờ đó mà từ sáng đến tối tôi không phải rơi vào những khoảnh khắc uế oải lười nhác, đồng thời, sống thanh thản hạnh phúc bên gia đình trong khu vườn của chúng tôi.

Đây là một bức tranh cho thấy tâm trạng thỏa mãn của ông trong những tháng này và trong những năm kế cận. Ở đây có một cảm giác về sự bất lực chính trị, về sự phí phạm tài năng, về thời gian trôi qua vô nghĩa, và về vài thời kỳ “giận dỗi”, dù phạm vi ảnh hưởng của những chiều hướng này đã *được* cường điệu. Có thể là ông đã uống rượu quá nhiều, cho dù là đánh giá từ tửu lượng khác thường của ông. Vào dịp tân niên 1935 -1936, ông đã tình cờ gặp tử tước Rothermere (người chưa bao giờ có ảnh hưởng tốt đến cuộc đời ông) lần đầu ở hải cảng Tangier rồi sau đó là ở thành phố Marrakech. Rothermere đã đề nghị cá cược một khoản tiền là 2.000 bảng Anh (ông đã làm điều tương tự với bá tước vùng Birkenhead [Frederick Edwin Smith] trước khi vị quan chương ấn bị đau gan này suy sụp) rằng Churchill không thể bỏ rượu trong năm 1936. Churchill đã từ chối không nhận cá cược (vì “cuộc đời không đáng để sống”) nhưng chấp nhận cược chỉ ăn 1 bảng Anh (thua 600 bảng Anh) nếu ông có thể không uống rượu mạnh hoặc rượu mạnh pha loãng trong năm tới. Không rõ là ông có thắng cược hay không, nhưng sự xuất hiện của vụ việc này đã chỉ ra một vấn đề.

Ngoài ra còn có sự chống đối nhằm vào chính sự mô tả lạc quan của ông về cuộc sống giống với Cincinattus (Lucius Quinctius [519 TCN] là một chính khách La Mã cổ đại, giữ vai trò quan chấp chính tối cao trong năm 460 TCN và là người có quyền hành tuyệt đối của La Mã trong năm 458 và 439 TCN. Lucius Quinctius được gọi là Cincinattus [đúng ra phải là Cincinnatus, tiếng Latin có nghĩa là tóc xoắn] vì ông có mái tóc xoắn. Cincinnatus được người La mã xem là một trong những vị anh hùng vào buổi đầu của La Mã và là nhân vật tiêu biểu cho đức hạnh và sự giản dị của người La Mã) tại điền trang Chartwell trong thập

niên 1930. Mô tả dần trở nên sinh động của Robert Boothby trong dịp này có thể đã kịch tính hóa quá mức, ông đã nói một cách nhàm chán về ngày nghỉ cuối tuần của Harold Nicolson trước khi Vua Edward VIII thoái vị vào cuối năm 1936. Nicolson đã báo cáo với Boothby: “Tôi biết rằng Winston đã dự tính làm một điều gì đó đáng sợ. Tôi đã nghỉ cuối tuần ở chỗ ông ta. Ông ta im lặng và bồn chồn liếc về phía các góc nhà. Khi con chó làm như thế thì ta biết là nó sắp bị bệnh. Điều này cũng đúng với Winston. Ông đã xoay sở để chịu đựng nó suốt ba ngày, rồi sau đó ông đến Nghị viện và đổ bệnh ngay phía bên kia phòng họp”.

Boothby luôn là một đồng minh không kiên định của Churchill hoặc bất cứ ai khác, ông không hèn nhát nhưng thiếu suy nghĩ, và vì thế mà phải dè dặt phần nào đối với phát ngôn của mình. Nhưng có lẽ là ông đã đúng khi mô tả tâm trạng của Churchill là vừa bất mãn nản chí vừa tự mãn thanh thản trong những năm sống ở điền trang Chartwell. Trong trường hợp này, không có gì đáng ngạc nhiên hoặc phải xấu hổ khi ông nghĩ là còn có cơ hội quay về với chức vụ cao, chủ yếu là từ mùa hè 1935 đến mùa xuân 1936. Ông đã ra mặt chống lại chính phủ. Ông cũng không tìm kiếm một vị trí không có quyền lực. Thật ra, có một lý do khiến ông bị ngăn chặn không tham gia chính quyền là quan điểm cho rằng một khi đã tham gia ông sẽ thống trị chính phủ. Người ta thuật lại rằng Neville Chamberlain (vào giai đoạn sau) đã nói với Hore-Beisha (Isaac Leslie Hore-Belisha, nam tước đầu tiên xứ Hore-Belisha) rằng “ông ta sẽ không để những người khác có cơ hội, dù chỉ là nói”. Nếu Asquith (Herbert Henry, bá tước đầu tiên xứ Oxford và Asquith [1852 -1928]) không chết từ 12 năm trước hẳn sẽ ít nhất là cảm thông phần nào điều này, cho dù ông nổi tiếng là giỏi chịu đựng hơn Chamberlain.

Theo đánh giá về sau, cuối thập niên 1940 của Churchill, bóng tối chiến tranh bắt đầu trôi dạt từ năm 1931 - 1932. Ông không thể xác định điều này sớm hơn. Vì trong mùa hè 1928, như chúng ta đã thấy, ông chủ trương chống lại Arthur Balfour trong việc buộc Nội các Baldwin tái ủng hộ “luật mười năm” (ten-year rule: quy định chủ trương rằng đế quốc Anh sẽ không tham gia bất cứ cuộc chiến lớn nào trong vòng mười năm tới). Điều này có nghĩa là kế hoạch

quốc phòng phải được lập trên cơ sở không có sự đe dọa chiến tranh nào trong khoảng thời gian ấy. Điều trở trêu là Nội các của MacDonald, trong thời gian 1932 - 1933 đã tự rút ra khỏi việc lập kế hoạch này, nhưng vì họ đồng thời chấp thuận bản ghi điều khoản (memorandum) được gửi đến từ bộ trưởng Tài chính (Neville Chamberlain) tuyên bố rằng: “Những rủi ro tài chính và kinh tế rõ ràng là vấn nghiêm trọng và cấp thiết nhất mà quốc gia phải đương đầu”, nên sự thay đổi chính thức trên thực tế đã không tác động nhiều đến chi phí quốc phòng.

Trong mùa xuân 1936, ngay sau khi Hitler tiến quân vào Rhineland, vùng đất phi quân sự theo tinh thần của Hiệp ước Versailles, Churchill đã mô tả chính xác quãng thời gian năm năm trước là giai đoạn con đường xuống địa ngục (descensus Avemo). Ông đã tuyên bố với Hạ viện vào ngày 26 tháng 3 năm ấy:

Chúng ta không thể hài lòng khi nhìn lại chính sách ngoại giao của chúng ta trong năm năm vừa qua. Chúng là những năm tai hại... Chúng ta đã chứng kiến những thay đổi đáng thất vọng nhất và đáng sợ nhất trong quan điểm của loài người, những thay đổi chưa từng xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn đến thế. Năm năm trước, mọi người đều cảm thấy an toàn, năm năm trước, mọi người trông ngóng hòa bình, trông ngóng một thời kỳ mà trong đó nhân loại được hưởng những kho báu mà khoa học có thể giúp phân phối đến mọi tầng lớp nếu hòa bình và công lý thắng thế. Năm năm trước, việc nói về chiến tranh hẳn sẽ được xem không chỉ là nực cười và tội lỗi mà còn là dấu hiệu của sự điên rồ...

Một số người có thể đưa thời điểm an phận phát sinh từ những kỳ vọng hiền lành của thập niên 1920 đến một thời điểm hơi sớm hơn, với sự suy sụp kinh tế là yếu tố chính.

Nhưng vận mệnh riêng của Churchill, tạm thời ông đang vô cùng mệt mỏi vào lúc sự bùng nổ ấy kết thúc, chưa bao giờ tác động mạnh mẽ trên những hiệu ứng phụ của các sự kiện kinh tế hoặc tài chính. Việc ấn định năm 1931 như là

thời điểm sức khỏe của Churchill bắt đầu sa sút rất gần với thời điểm nổi lên của Hitler, người mà ngay từ đầu, Churchill đã không sai khi cho là mối đe dọa chủ yếu và không thể hòa giải được.

Một trong những điểm yếu của thể chế Weimar là cung cấp thường xuyên những cuộc bầu cử. Những cuộc bầu cử Quốc hội Đức diễn ra hai năm một lần trộn lẫn với những cuộc trưng cầu dân ý quốc gia để bầu tổng thống cộng hòa và những cuộc bầu cử vùng miền. Ở cuộc bầu cử Quốc hội Đức năm 1928, Đảng Quốc xã của Hitler chỉ giành được 12 ghế trong một Nghị viện có đến khoảng 480 thành viên. Trong năm 1930, với tình trạng suy thoái kinh tế đã khá trầm trọng, họ chiếm được 107 ghế, và tháng 7 năm 1932, với số người thất nghiệp lên đến trên 4 triệu, họ chiếm được 230 ghế với 37% phiếu bầu. Trong cuộc bầu cử tổng thống vài tháng trước, họ nhận được số phiếu ủng hộ là 13 triệu rưỡi so với 19 triệu của thống chế Hindenburg. Họ trở thành một lực lượng đáng gờm trong nước. Và Randolph Churchill, liền lĩnh đi lại ở Đức trong vai trò thông tin viên của tờ *Sunday Graphic*, cố gắng để tự thuyết phục rằng việc Hitler giành được quyền lực vào ngày 30 - 1 - 1933 đồng nghĩa với chiến tranh và rằng ông ta xứng đáng để được nhận một thông điệp chúc mừng, và cũng là lúc để gửi đi một bức điện tín.

Randolph Churchill còn lo rằng cha của ông sẽ gặp Hitler, và các điều kiện để diễn ra cuộc hội ngộ ấy lại thuận tiện một cách nguy hiểm. Suốt phần lớn thời gian trong tháng 9 năm 1932, Winston Churchill và đoàn tùy tùng hiện diện ở miền nam nước Đức. Mục đích chính của ông là nghiên cứu chiến trường Blenheim. Nhưng sau khi nhiệm vụ này đã hoàn tất và trước khi bị bệnh, ông đã trải qua gần một tuần, không rõ lý do, vào ở trong khách sạn Regina ở Munich. Tại đây, ông đã tìm hiểu được nhiều điều từ một người đàn ông có tên hiếm có là “Putzi” Hanfstaengl, chủ một nhà xuất bản nghệ thuật ở Munich có phần như là công dân Mỹ, một người khá thân thiết với Hitler vào lúc ấy, dù ông ta đã không sống ở Mỹ từ 1937 đến 1945. “Putzi” khá thân thiết với Churchill, người đã mời ông ta tham dự các bữa tiệc. Churchill viết:

Sau bữa tiệc, ông ta tiến đến chiếc đàn piano và đàn nhiều giai điệu cũng như hát nhiều ca khúc với một phong cách đặc biệt khiến tất cả chúng tôi vô cùng thích thú. Dường như ông ta thuộc tất cả mọi giai điệu của Anh mà tôi thích... Ông ta là một nghệ nhân tuyệt vời và vào lúc ấy là người được Fuehrer (lãnh tụ ở Đức) ưa thích. Anh ta nói rằng tôi phải gặp ông ấy, và việc dàn xếp cho cuộc gặp chỉ là chuyện nhỏ. Hàng ngày, Hitler đến khách sạn này vào khoảng 5 giờ, và hẳn sẽ rất vui khi gặp tôi. Vào lúc ấy, tôi chưa hề có thiên kiến chống lại Hitler. Tôi biết rất ít về lý lịch cũng như học thuyết của ông ta, và không hề biết gì về tính cách. Tôi ngưỡng mộ những người bảo vệ quốc gia bại trận của họ, cho dù là tôi thuộc phe bên kia. Nếu ông ta chọn, ông ta hoàn toàn có thể là một người Đức yêu nước.

Theo Churchill thì sau đó ông đã nói với “Putzi” rằng mình không thể hiểu được tại sao Hitler lại có chủ trương chống người Do Thái tàn bạo đến thế: “Tại sao lại chống một người chỉ vì huyết thống của anh ta?”. Thế nên vào ngày hôm sau, và vào những ngày sau nữa, Hitler đã không đến, và thế là cuộc gặp mặt đã không diễn ra. Cả về sau này cũng không bao giờ có cái gọi là cuộc gặp mặt Churchill - Hitler. Sau đó rất lâu và trong khi phái bộ Ribbentrop (1936 - 1938) đến London, Churchill đã ghi lại rằng: “Người bán rượu Sekt trở thành nhà ngoại giao” (cụm từ khinh miệt dùng để chỉ ngoại trưởng Đức là Joachim von Ribbentrop) đã hai lần gợi ý với ông rằng ông nên đến Đức và sẽ được Hitler tiếp đón. Ông nói: “Tôi đã từ chối, hay đúng hơn là đã cự tuyệt, cả hai lần được mời”. Khó mà tưởng tượng được rằng một cuộc gặp mặt có thể ngăn chặn sự thù địch đang tăng của Churchill. Thậm chí ngay cả khi xét đến trường hợp Churchill dễ mềm lòng trước Mussolini trong năm 1927 và Hitler có khả năng tỏ ra dễ mến một cách giả dối, như trường hợp đáng chú ý nhất và đáng tiếc nhất của Lloyd George trong năm 1936. Hơn nữa, vào lúc ấy có một hoặc hai dấu hiệu cho thấy rằng Churchill, dù hiểu rõ mối đe dọa đến từ chủ nghĩa quân phiệt Đức, vẫn có thể có cảm tình với một số khía cạnh của ảnh hưởng vào buổi đầu

của Đảng Quốc xã trên nước Đức. Đáng chú ý nhất là bài diễn văn hoàn toàn không nên có (trong đó ông đã tỏ ra có quá nhiều thiện cảm với cả Mussolini lẫn những người Nhật Bản xâm lược Mãn Châu Lý) mà ông đã đọc vào ngày 17 - 2 - 1933 (chỉ ba tuần sau khi Hitler thôn tóm quyền lực).

Tuy nhiên, ông là người hầu như nhanh hơn bất cứ ai khác trong việc quan tâm đến hiểm họa Hitler. Và ông liên kết hiểm họa này với chính thể Quốc xã, một chính thể không thể chấp nhận ngay bên trong quốc gia của nó và thách thức các quyền lợi của nước Anh bên ngoài. Vào ngày 13-4-1933, tại Hạ viện, ông đã nói về “những hoàn cảnh đáng ghét” nay đang chi phối ở Đức và về hiểm họa “bức hại và tàn sát người Do Thái” đang lan tràn ở nhiều khu vực (đáng chú ý nhất là ở Ba Lan), nơi mà ảnh hưởng hoặc phạm vi chinh phục của Đảng Quốc xã đang lan rộng. Trước đó một tháng, ông còn bắt đầu một chuỗi dài những bài diễn văn công kích sự dự liệu quốc phòng của nước Anh, đặc biệt là đối với lực lượng không quân. Ông đã chán nản cho rằng lực lượng không quân của Anh chỉ được xếp vào hàng thứ năm trên thế giới. Những bài diễn văn cảnh báo này của Churchill đã được Hạ viện đón nhận với sự khác biệt về mức độ đồng tình. Đôi lúc ông thu hút được một lượng thính giả lớn với sự đồng tình và đôi khi gần như là bị ông mê hoặc, nhưng đôi khi diễn văn của ông không được Hạ viện chấp nhận và dẫn đến xung đột. Và những hậu quả tương phản như thế, lúc thì thành công khi lại thất bại, vẫn xảy ra cho dù những bài diễn văn của ông cố gắng chuyển tải cùng một thông điệp trung tâm. Giống như mọi nhà hùng biện khác, có lúc thì ông được đón nhận có lúc thì không, có lúc ông thành công nhưng lại có lúc thất bại. Và cũng giống như mọi diễn giả khác, ông thích thành công và ghét thất bại.

Thế nhưng, một trong những đức tính của ông là không bao giờ cho phép sự thất bại ngăn cản, khiến ông phải thối chí rút lui và không thể làm gì khác ngoài việc tập trung vào nỗi bất bình với cái tôi tả tơi mà không màng đến những kế hoạch sắp đến. Kế hoạch viết sách của ông được hình thành là nhờ như thế. Ngay khi về đến biệt thự ở Chartwell hoặc Morpeth, thậm chí là sau khi trải qua

những ngày tồi tệ nhất ở Quốc hội, ông không có sự chọn lựa nào khác hơn là tập trung tâm trí vào việc đọc một đoạn văn trong *Marlborough* hoặc một bài báo quan trọng. Hơn nữa, sự tự tin cố hữu của ông giúp ông bình tâm trở lại chỉ trong vài tuần, hoặc thậm chí là vài ngày, để có thể lại đọc những bài diễn văn dài (đôi khi diễn văn của ông dài đến gần một giờ rưỡi, độ dài thường thấy ở các bài diễn văn của Gladstone) trước Hạ viện mà không thay đổi nhiều đối với thông điệp của ông. Đôi khi bài diễn văn của ông thành công ngay tại chỗ nhưng không tác động nhiều đến chính sách của chính phủ.

Hai bài diễn văn đọc vào tháng 3 năm 1933 của ông, một bài đánh giá lực lượng không quân và một bài đề cập đến những đề xuất mà MacDonald đã đề trình tại Hội nghị Giải trừ Quân bị Geneva (Geneva Disarmament Conference) vào ngày 23, là những bài diễn văn thuộc loại “chối tai”. Có lẽ ông hơi ngại khi bàn đến vấn đề lực lượng không quân vì hai lý do. Một là vì ông đã không làm gì nhiều để giúp đỡ binh chủng mới này khi còn là bộ trưởng trong khoảng thời gian 1919 - 1920 hay khi còn là quan chức ẩn trong khoảng thời gian 1924 – 1929, hai là ông có quan hệ mật thiết với hai người ở Bộ Hàng không. Đó là “Charlie” Londonderry một người bạn khá thân nhưng không được ngưỡng mộ lắm và cũng là một người bà con của Churchill, là bộ trưởng, và Philip Sassoon là thứ trưởng và là người phát ngôn của Hạ viện. Sassoon là một chủ nhà hào phóng thường xuyên đón tiếp Churchill tại lâu đài Lympne. Đây thật sự là một khía cạnh phức tạp trong cuộc sống của Churchill trong thập niên 1930 với Đảng Bảo thủ giữ vai trò thống trị mà phần lớn thành viên vẫn thuộc tầng lớp thượng lưu, và với Đảng Tự do và Công Đảng không thể giữ vai trò trung tâm trong hoạt động chính trị. Trong số những người mà Churchill công kích có rất nhiều người nếu không phải là bạn cũ thì cũng là người có quan hệ họ hàng. Ông đã cố gắng vượt lên trên điều này bằng cách luôn tâm niệm rằng không bao giờ để cho tình cảm riêng tư gây trở ngại cho việc công. Thế nhưng không thể tránh khỏi việc có một số người không mấy tin tưởng điều này, hoặc thậm chí ngay cả bản thân Churchill khi ông vô cùng áy náy vì một số lời công kích.

Ông đã không liệt kê thủ tướng Ramsay MacDonald của chính phủ liên minh vào danh sách bạn bè, không phải vì hợm hĩnh. MacDonald có bề ngoài, và có thể là cả huyết thống, của một người phần nào thuộc dòng dõi địa chủ Scotland. Và việc có lai lịch tầm thường không bao giờ là nguyên nhân gây trở ngại cho những mối quan hệ của Churchill với Lloyd George hoặc làm giảm sự ngưỡng mộ của ông đối với sản phẩm của cuộc sống thôn dã ấy (cha của Lloyd George từng là chủ nông trại). Hơn nữa, Churchill hẳn phải đồng cảm với sự thay đổi đảng phái của MacDonald. Nhưng ông đã xem thường MacDonald, cho người này là một người cao su (dễ uốn nắn, thay đổi) và không thích sự giả dối của chính phủ liên minh. Chắc chắn một phần là vì ông không được mời tham gia, nhưng chủ yếu là vì lợi ích của công chúng.

Một trong những lý do khiến cho bài diễn văn ngày 23 tháng 3 của Churchill thất bại là ông đã công kích MacDonald, người mà ông kịch liệt lên án là phải đích thân chịu trách nhiệm đối với việc tình hình trở nên xấu đi từ bốn năm trước, “điều đã mang chúng ta đến gần với chiến tranh hơn và... làm cho chúng ta yếu hơn, nghèo hơn, và khiến cho khả năng quốc phòng của chúng ta giảm sút”, một sự lên án quá đáng thay vì làm hại uy tín của nạn nhân lại làm hại chính ông. Điều này khiến cho rất nhiều người về sau đã cho rằng thái độ của ông bắt nguồn từ tham vọng không được thỏa mãn. Nhận xét của ông đã bị công kích từ mọi phía trong Hạ viện. Từ Geoffrey Mander, một nghị viên thuộc Đảng Tự do được ngưỡng mộ trong thời kỳ này. Từ David Logan, một cư dân Liverpool thuộc Đảng Tự do lớn tuổi và mờ nhạt. Và tệ nhất là từ một ủng hộ viên thuộc loại vô danh tiểu tốt của chính phủ, người cố gắng tấn công vào điểm yếu của Churchill bằng cách mô tả bài diễn văn của ông “không thể là của một chính khách hoặc một người sẵn lòng giúp đỡ đất nước... mà chỉ có thể là của một người có mối hận thù cá nhân với thủ tướng... Và là người thất vọng trên đường tìm kiếm danh vọng”. Thậm chí ngay cả Stafford Cripps, một người chuyên gây phiền nhiễu vào lúc ấy, cũng đã mô tả bài diễn văn của Churchill là “hoàn toàn có hại”. Điều trở trêu cuối cùng là Anthony Eden, khi ấy là thứ

trưởng Bộ Ngoại giao, người lo lắng cho chính phủ và đã khiển trách Churchill vì sử dụng những lời lẽ mang tính “châm biếm và chế nhạo” trong một cuộc tranh luận nghiêm túc và đã đưa ra những lập luận “ngớ ngẩn kỳ quái”.

Ngoài sự ủng hộ của một nhóm nhỏ, Churchill bị cô lập, và sự không tán thành càng tăng vì bài diễn văn này được đưa vào giữa những bài diễn văn cứng rắn nhất về Ấn Độ của ông. Trái ngược với việc nổi tiếng là rất ít khi tham dự những cuộc họp trong thời gian này, Churchill rất thường đọc diễn văn ở Hạ viện. Điều rắc rối là sau khi đã nói (và dường như ông vượt quá mức độ được phép trong phạm vi thường chỉ hơi được ưu tiên và thường được phép đứng dậy vào những thời điểm tốt nhất của một thành viên Hội đồng Cơ mật) ông rất miễn cưỡng khi phải ở lại để lắng nghe những người khác phát biểu. Khi George Lansbury, một nhân vật thường không được Đảng Bảo thủ ưa thích, đã thẳng thừng công kích cách cư xử trong Quốc hội của Churchill trong tháng 7 năm 1932, ông đã được cả hai phe lớn tiếng tán thưởng. Lansbury đã than phiền rằng thói quen của Churchill là “bước vào, đọc diễn văn, rồi bước ra như thể Thiên Chúa Toàn Năng vừa phán, bỏ mặc toàn bộ những người khác trong phòng họp”.

Bài diễn văn 23 tháng Ba (1933) đã được đọc và Churchill đã khiến người ta phải rùng mình khi nói “Cảm ơn Thượng Đế vì có quân Pháp”. Quân đội Pháp vào lúc ấy là lực lượng lớn nhất ở châu Âu nằm ở phía tây biên giới Liên Xô. Đây là một sự không ý tứ hơn là muốn gây mâu thuẫn. Nhưng bản chất của câu nói đã không hợp thời. Nó đụng chạm đến việc chính phủ Anh đã chậm trễ trong việc nỗ lực đưa ra một công thức cho Hội nghị Giải trừ Quân bị nhằm hòa giải ước muốn an ninh của Pháp và ước muốn được cân bằng với lực lượng Đức. Nó là một sự tìm kiếm khó khăn ngay từ buổi đầu của hội nghị trong tháng 2 năm 1932, và có lẽ đã trở nên bất khả khi Hitler nắm giữ quyền lực vào năm sau. Nhưng công thức này có một sự gán bó chặt chẽ với “mục tiêu hậu 1918” liên quan đến việc giới hạn quân bị đa phương. Điều này không chỉ được cảm nhận và tán thưởng ở những thành viên Công Đảng ôn hòa, mà còn ở nhiều đảng viên Bảo thủ tự do.

Churchill đã không hiểu được cảm nghĩ này. Nhìn từ một phía nào đó thì ông đã đúng. Ông không phải là người hiếu chiến. Nhưng từ những ngày thơ ấu chơi với những người lính ở ngôi nhà của cha tại Connaught Place, qua những trải nghiệm khi còn là thuộc cấp của Hussars, cho đến những trải nghiệm trong Thế chiến I trong một thời gian ngắn, và được củng cố bởi tác phẩm viết về những vinh quang của những trận đánh của vị công tước thứ nhất xứ Marlborough (John Churchill), ông đã quen thuộc với các đội hình hành quân và không hề sợ các cuộc đụng độ vũ trang. Một khi nước Anh không thể mang lại một sự hòa giải trong những ngày tương đối còn an nhàn (đối với thế giới cho dù không phải là đối với nước Đức) của Cộng hòa Weimar (Weimar Republic: Cộng hòa Đức trong khoảng thời gian 1919 – 1933, nó được gọi như thế vì hiến pháp của nó được soạn thảo tại thành phố Weimar), thì trò chơi kết thúc. Nhưng những hy vọng sâu kín cần một thời gian nữa để chuẩn bị trước khi chết hẳn. Và bầu khí của thời điểm này là một bầu khí chống chiến tranh và phần nào hòa bình. Cảm nghĩ này đã được tăng cường một vài năm trước nhờ sự ra đời của nhiều tác phẩm có chất lượng cao, với sự góp mặt của những tác giả như Robert Graves, Edmund Blunden, Siegfried Sassoon và Robert Cedric Sherriff, viết về những nỗi kinh hoàng trong cuộc chiến 1914-1918.

Những tác phẩm này khá khác biệt với vô vàn hồi ký viết về Thế chiến II. Chúng phần nào gần với khoảng thời gian hưu chiến mà nhiều bài tiểu luận nặng tính văn chương và buồn chán đã nói đến. Chủ nghĩa phản chiến, hoặc quan điểm chống chiến tranh, cũng là tác nhân của cuộc bầu cử bổ sung tháng 10 năm 1933 tại Đông Fulham, cuộc bầu cử đã khiến cho Baldwin phải lo lắng. Ba năm sau, Baldwin nói rằng phe đa số 14 ngàn người của Đảng Bảo thủ có năm ngàn người đồng lòng với Công Đảng ở chủ trương “không bàn đến vấn đề nào khác hơn là hòa bình”.

Đây là một sự thay đổi quan điểm gây ấn tượng sâu sắc, dù không lớn hơn một số trường hợp thay đổi quan điểm khác đã xảy ra trong thập niên 1980 và 1990, nhưng không biết có phải là nó tiêu biểu cho chủ trương yêu hòa bình

thầm kín hay không. Khu vực bầu cử này (Đông Fulham), bằng một nửa khu vực bầu cử thị trấn Fulham nhỏ ở tây nam London, đã được Đảng Bảo thủ giành lại trong năm 1935 và vùng này đã phải hứng chịu những trận mưa bom dữ dội trong thời chiến giống như ở những khu vực khác của thủ phủ. Và ứng cử viên của Công Đảng là John Wilmot, người đã chiến thắng một thời gian ngắn trong năm 1933. Thay vì là một người chống chiến tranh “hoàn toàn từ bỏ chính trường”, trong thời chiến ông đã làm thư ký riêng cho Hugh Dalton, bộ trưởng Công Đảng hiếu chiến nhất trong chính phủ Churchill, và sau đó là bộ trưởng Quân nhu trong năm 1947. Wilmot là thành viên của một Ủy ban nhỏ gồm sáu bộ trưởng có quyền đưa ra quyết định chế tạo bom nguyên tử mà không cần phải báo trước cho toàn bộ Nội các hoặc Quốc hội. Ngoại trưởng thuộc Công Đảng Michael Stewart, một người thiếu sức thuyết phục nhưng kiên trì, tận tâm với đồng minh phương Tây đến mức đã ủng hộ Mỹ suốt cuộc chiến Việt Nam. Căn cứ vào những gì đã biết về Hitler, và có thể là cả những giả định về ông ta từ lúc đầu, rõ ràng là dư hương độc hại phát sinh từ mơ tưởng hòa bình nửa mùa này phải được xua tan. Và đúng là nó đã tan dần nhưng diễn ra quá chậm và không hòa hợp chặt chẽ với tiến trình diễn ra ở Pháp.

Trong giai đoạn này, Churchill tỏ ra khinh bỉ cái mà ông gọi là sự ủy mị không tưởng của tinh thần Geneva (tinh thần của Hội nghị Giải trừ Quân bị ở Geneva). Có lẽ ông đã đúng khi hoài nghi cái mà ông gọi là “một mớ bát nháo” (“mush, slush and gush”, ông đã dùng cụm từ này để mô tả các mệnh lệnh của giới lãnh đạo), cụm từ được ông sử dụng không thích hợp lắm vào khoảng tháng 5 năm 1932. Về sau ông nhận thấy có thể ngăn chặn chủ nghĩa lý tưởng Geneva để tăng hiệu quả cho lời kêu gọi của ông. Nhưng trong năm 1933, ông đã quá mệt mỏi nên không thể làm chuyện đó. Thậm chí cho dù không có vấn đề Ấn Độ, ông vẫn khó có khả năng thuyết phục đa số đảng viên Bảo thủ về sự cần thiết của việc tái vũ trang, thay vì chấp nhận phương pháp nhân nhượng của ông già Baldwin ủy mị (cách diễn tả của Churchill). Chủ yếu là vì vấn đề Ấn Độ nhưng phần nào cũng còn vì kêu gọi chống chủ nghĩa không tưởng, nên

Churchill đã bị cô lập. Ông là một chiếc đồng hồ báo thức gây khó chịu làm cho phần lớn người nghe lo lắng nên họ phải tắt thay vì để nó báo thức.

Một thí dụ về sự nôm nong có phần thô lỗ trong phong cách tranh luận của ông đã được cung cấp bởi kỳ nghỉ cuối tuần tại Chartwell vào cuối tháng 10 năm 1933, khi khách mời của ông là gia đình Austen Chamberlain. Chamberlain đã cung cấp hai đoạn văn viết về sự thăm viếng này, một trong bức thư gửi cho cô em gái Ida, được viết khi ông ở Chartwell: “Anh đang nghỉ cuối tuần với gia đình W. Churchill. Anh đã cố gắng để thảo luận thật nhiều về tác phẩm *Marlborough* và bàn thật ít về vấn đề Ấn Độ. Trong bữa ăn chỉ có gia đình Churchill với một hoặc nhiều nhất là hai người khách. Rất vui nhưng mệt mỏi vì cả Winston lẫn Randolph đều lớn tiếng khi phấn khích vì tranh luận”. Bức thư thứ hai được viết sáu tuần sau đó, gửi cho cô em gái Hilda, và dù không sinh động trong việc mô tả cuộc sống trong gia đình của Churchill ở Chartwell, nhưng nó tiết lộ nhiều hơn về mặt chính trị:

Ông ấy [Churchill] tiên đoán rằng ông ta và vấn đề Ấn Độ học búa của ông sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của khoảng một phần ba thành viên trong đảng. Thế nên dự luật về Ấn Độ sẽ được xúc tiến nhưng sự tranh đấu sẽ để lại những ký ức cay đắng khiến cho chính phủ phải được cơ cấu lại. Chúng tôi tranh cãi về vấn đề Ấn Độ với tư cách là bạn bè và sẽ ngừng tranh cãi ngay khi sự việc ngã ngũ. Tôi nhận thấy không có lý do gì để từ chức, tôi không lo lắng, tôi thật sự không muốn trở thành thủ tướng khi đã 70 hoặc 71 tuổi và thấy không có lý do gì để phải chịu khuất phục gánh nặng như thế... Những nguyên cớ không được vững chắc cho lắm! Tôi không thích những cái mà ông ta thích. Nhưng nếu phải trả lời thẳng thừng thì tôi sẽ nói là tôi đã quá già và trong bất cứ trường hợp nào thì cũng không lãnh nhận nó vì sẽ không tạo được ảnh hưởng từ lúc đầu cho đến phút cuối.

Đây là phản ứng rất điển hình của Austen Chamberlain: không muốn rời vũ

đài mà cũng không muốn tung một đòn knock-out khi còn đứng trong vũ đài, cố vũ sự lịch thiệp và nếu có thể được thì cả sự hòa giải. Trái lại, Churchill luôn muốn giao chiến với các đầu sỏ đối lập (cho dù trên danh nghĩa thì họ thuộc phe của ông), và phần nào đã tự lừa dối rằng ông đã tiêu diệt được họ từ rất lâu trước khi cuộc xung đột được giải quyết. Tuy nhiên, có một điều gì đó rõ ràng là đang lớn vồn quanh sự cộng tác không chặt chẽ giữa Chamberlain và Churchill. Điều mà trong một số hình thức nào đó sẽ tồn tại dai dẳng cho đến lúc vị chính khách già này chết ba năm rưỡi sau đó. Họ thân thiết với nhau hơn so với bất cứ đảng viên Bảo thủ hàng đầu nào khác trước hiểm họa Hitler (cả hai đều có thái độ không dứt khoát đối với Mussolini) và trước nhu cầu tái vũ trang của nước Anh.

Người này muốn người kia được giữ chức vụ cao trong chính phủ. Tháng 12 năm 1935, sau khi kế hoạch Hoare-Laval (Hoare-Laval Pact [1935]: kế hoạch bí mật được hoạch định bởi ngoại trưởng Anh Samuel Hoare và thủ tướng Pháp Pierre Laval) nhằm trao phần lớn Abyssinia (tên cũ của Ethiopia) cho nước Ý đã khiến cho Hoare, lúc ấy là ngoại trưởng, phải từ chức, thì Churchill đã không có ấn tượng gì khi Eden được chọn làm người thay thế. Ông đã viết thư cho Clementine: “Việc bổ nhiệm Eden đã không làm cho anh tin tưởng. Anh mong là vì sự quan trọng của chức vụ ấy, người ta sẽ tìm hiểu ông ta kỹ hơn. Austen ở Bộ Chiến tranh thích hợp hơn nhiều, và anh không hiểu tại sao người ta lại bỏ sót ông ấy”. Vào ngày 15 tháng 2, Chamberlain, người thường xuyên trao đổi thư từ với hai cô em gái không chồng, đã viết thư cho cô chị khi ông nghĩ là sắp bầu chức vụ bộ trưởng Quốc phòng: “Theo quan điểm của anh, khi xét về phương diện tri thức và khả năng, chỉ có một người xứng đáng với chức vụ ấy. Đó là Winston Churchill! Anh không nghĩ rằng SB sẽ trao chức vụ ấy cho ông ta và Neville muốn ông ta quay lại. Nhưng cả hai đều sai”: Căn cứ vào những mâu thuẫn của họ trên vấn đề Ấn Độ và trên một số đề tài khác, và căn cứ vào việc Churchill không phải là mẫu người chuộng bề ngoài như Chamberlain mong muốn, một người quá cầu nệ các quy ước xã hội và quá khoa trương tác phong có phần nghiêm nghị của mình, Austen rất rộng lượng đối với Churchill. Và

Churchill dù có thể là không bao giờ hoàn toàn thoải mái với các cộng sự nhưng thật sự tôn trọng Chamberlain không đơn thuần chỉ vì Chamberlain là một đồng minh hữu dụng, cũng như ông.

Các bài diễn văn cảnh báo của Churchill vào giữa thập niên 1930 tập trung vào ưu thế không quân của Đức. Trên thực tế, việc ông nói đến một số nguy cơ (kỳ lạ là về điểm này ông đồng quan điểm với Baldwin [người cố gắng cảnh báo rằng “Máy bay ném bom luôn thành công đối với nhiệm vụ của nó”]) đã làm suy yếu ý chí kháng cự của nước Anh do đã cường điệu tình trạng dễ bị tấn công của London và nhiều thành phố khác, cho rằng chúng dễ bị tàn phá bởi lực lượng không quân Đức. Sự cảnh báo này lên đến đỉnh điểm trong những bài diễn văn ông đọc tại Hạ viện trong năm 1934. Vào ngày 30 tháng 7, ông đã nói đến việc “London là mục tiêu dễ bị tấn công nhất trên thế giới, giống như một con bò béo tốt với bốn chân đã bị trói chặt được đặt nằm trước miệng của thú săn mồi”. Và vào ngày 28 tháng 11, dù ẩn dụ này đã bớt phần sinh động nhưng dự ngôn tiên báo về sự diệt vong lại càng giống với nội dung của Sách Khải Huyền hơn nữa:

Cho dù tình hình có vẻ yên tĩnh đến mức nào chăng nữa, thì nguy cơ bị tấn công bằng không quân vẫn vô cùng đáng sợ..., không ai có thể xem thường hậu quả vô cùng thảm khốc của việc London bị tấn công liên tục trong bảy hoặc mười ngày. Không ai có thể mong đợi rằng số thương vong sẽ thấp hơn 30 ngàn hoặc 40 ngàn. Nguy hiểm nhất là bị tấn công bởi bom cháy. Nhiều nhà khoa học đã đoán chắc với tôi rằng bom nhiệt nhôm gây cháy sẽ đâm xuyên qua nhiều tầng lầu và gây cháy đồng thời. Đáng sợ không kém những tai hại vật chất là sự hoảng loạn của dân chúng. Chúng ta phải thấy rõ rằng khi London bị không quân địch tấn công liên tục, ít nhất là có đến 3 hoặc 4 triệu người sẽ chạy tán loạn ra các vùng quê quanh thủ đô.

Sau đó, ông tô đậm thêm mức độ khủng khiếp:

Tôi phải nói rõ rằng sự nguy hiểm không chỉ xảy ra ở London...

Hải Birmingham, Sheffield, và các thị trấn công nghiệp lớn cũng là những mục tiêu được nghiên cứu cụ thể... Hiểm họa này không chỉ khiến chúng ta bị thiệt hại nghiêm trọng về vật chất mà còn bị tổn thất nặng nề về nhân mạng. Qua điều này tôi muốn nói đến việc chúng ta sẽ bị chinh phục và nô dịch hóa... Sẽ không mấy hữu dụng khi chúng ta lập kế hoạch để đưa các kho vũ khí và các nhà máy sang vùng đất phía tây của đất nước. Khi xét đến phạm vi hoạt động rộng lớn và tốc độ của các loại máy bay hiện đại (370 đến 380km/ giờ) thì rõ ràng là hầu như mọi phần đất trên hòn đảo bé nhỏ này đều có nguy cơ bị tấn công như nhau... Không thể chạy trốn khỏi một cuộc không kích. Chúng ta phải nhất thiết chống trả tại chỗ. Chúng ta không thể trốn tránh! Chúng ta không thể dời thành phố London, chúng ta không thể dời chuyển lượng cư dân khổng lồ sống dựa vào vùng cửa sông Thames. Chúng ta không thể dời chuyển các căn cứ hải quân dọc bờ biển phía nam với các cộng đồng cư dân sống quanh chúng suốt nhiều thế hệ.

Không thể bỏ qua khía cạnh khoa học của việc phòng thủ chống lại những cuộc tấn công bằng không quân. Nhưng “khi mà tất cả mọi biện pháp phòng thủ đã được bàn đến và thực hiện, trong khi chờ đợi sự khám phá mới, thì biện pháp phòng thủ trực tiếp trên quy mô lớn vẫn là sự *tin chắc vào khả năng giáng trả kẻ thù, sao cho có thể gây cho chúng mức thiệt hại chẳng kém gì mức thiệt hại chúng gây ra cho chúng ta*”. Vì thế, cần phải gia tăng nhanh chóng sức mạnh của không quân.

Bài diễn văn tháng 11 năm 1934, trong chuỗi bài diễn văn tập trung vào việc cảnh báo về sự nguy hiểm của lực lượng không quân Đức mà Churchill đã đọc trong thời gian đó, có lẽ đã được đón nhận nhiệt tình nhất. Frances Stevenson (thư ký riêng và cũng là tình nhân của Lloyd George), người ngồi ở lô dành cho nhà báo tại Hạ viện vì Lloyd George cũng phát biểu trong cuộc tranh luận, đã ngạc nhiên ghi lại rằng ông (Churchill) hầu như vẫn “bình thản khi được hoan hô”. Sự ngạc nhiên của cô (Frances Stevenson) càng tăng vì đã không nghĩ đến

việc đấy là bài diễn văn mà ông đã dồn hết tâm huyết cho nó (và nó thật sự chứa đựng rất nhiều uyển ngữ). Nhưng cô đã nghĩ rằng đấy có thể là một chiến thắng của nội dung trên hình thức. Một trong những nội dung mà ông giành được từ Baldwin, người quyết định cuộc tranh luận, là sự cam đoan rằng chính phủ sẽ không để sức mạnh của lực lượng không quân Anh thua kém sức mạnh của lực lượng không quân Đức. Trên cơ sở đó, Churchill đã thu hồi tu chính án quan trọng của ông để ủng hộ chủ trương của Đảng Bảo thủ chống lại một tu chính án của Công Đảng không chấp nhận việc tăng cường quy mô của không quân Anh.

Khác với mọi lần, nghĩa là rời Hạ viện với dáng vẻ giận dữ như thường xảy ra, đây là dịp mà Churchill tỏ ra vui vẻ vì đã thành công. Đây là lần xuất hiện cuối cùng trước sinh nhật thứ 60 của ông hai ngày sau đó được đánh dấu bằng một buổi tiệc khiêu vũ nhỏ do Randolph Churchill tổ chức tại khách sạn Ritz với nhiều bài diễn văn và champagne. Bữa tiệc ngoài sự tham dự của những người khác còn có sự hiện diện của Violet Bonham Carter (con gái cựu thủ tướng Asquith). Quá khứ thuộc Đảng Tự do của ông đã không bị chôn chặt hoàn toàn.

Có thể cho rằng các bài diễn văn tập trung quá mức vào hiểm họa không quân đã phần nào xuyên tạc nỗ lực tái vũ trang hạn chế của nước Anh. Quân đội đang trong tình trạng xuống dốc đã không được quan tâm nhiều, mà thậm chí lực lượng hải quân, binh chủng trước kia rất được Churchill yêu mến, cũng suy yếu. Khi ông quay lại với Bộ Hải quân với chức vụ bộ trưởng trong tháng 9 năm 1939, ông lại thấy những hình dạng quen thuộc vì hầu hết những tàu chiến đang sử dụng đều nằm tại bến trong nhiệm kỳ 1911 -1915 của ông. Tuy nhiên, cuộc Không chiến nước Anh (Battle of Britain: tên gọi được dùng để chỉ cuộc không chiến giữa Đức và Anh trong năm 1940, khi không quân Anh cố gắng ngăn chặn không quân Đức thả bom xuống các thành phố của Anh) là cuộc chiến vô cùng quan trọng và nguy hiểm đối với sự tồn tại của quốc gia. Sự tranh cãi đương thời về tương quan lực lượng giữa không quân Đức và Anh thường phức tạp thêm bởi các hệ thống phân loại khác nhau giữa sức mạnh trên chiến tuyến và sức mạnh dự bị, nhưng ấn tượng chung là hầu hết, chứ không phải là luôn luôn,

những ước tính của Churchill gần với sự thật hơn là những ước tính nặng tính tự mãn của chính phủ. Và vì thế có thể kết luận rằng, qua những gì đã xảy ra trong năm 1940, việc Churchill đôi khi cường điệu hiểm họa đến từ không quân Đức đã chẳng gây hại gì. Nhưng nhìn chung, ông đã phóng đại quá mức. Và khi Rothermere nói về việc Đức có đến 20 ngàn máy bay (trong khi Churchill cho rằng họ chỉ có từ một ngàn đến một ngàn rưỡi), Churchill đã khiển trách ông ta với mọi khả năng có thể khi phải chống lại một người sở hữu nhiều đại lý báo chí sinh lợi nhất.

Trong bài diễn văn đọc tháng 11 năm 1934, lúc Churchill sử dụng cụm từ cũ “những người hiểu biết về khoa học”, ông chủ yếu nói đến F. A. Lindemann, trưởng khoa triết học thực nghiệm của Đại học Oxford, được những người trong giới của Churchill gọi là “giáo sư”. Ông chào đời ở Baden- Baden (ông rất hối tiếc về điều này vì là người mạnh mẽ chống lại người Đức), cha ông là một người giàu có ở xứ Alsace (đông bắc nước Pháp), mẹ ông là người Mỹ gốc Anh cũng giàu có không kém. Ông là người vô cùng thông minh, có những công trình khoa học quan trọng khi chỉ khoảng 35 tuổi. Nhưng về sau ông lại dồn tâm trí vào việc triển khai (hoặc bác bỏ) quan điểm của các nhà khoa học khác, hoặc chú tâm vào nhiệm vụ quản lý việc xây dựng phòng thí nghiệm Clarendon đã lỗi thời của Đại học Oxford để có thể cạnh tranh với phòng thí nghiệm Cavendish của Đại học Cambridge, hoặc lo việc tô điểm cho bản thân một cuộc sống thượng lưu, lạc thú chủ yếu của ông. Ông ăn mặc như một quân gia nhưng là một quân gia đua đòi.

Ông bắt đầu quen biết Churchill từ năm 1921 qua người trung gian là công tước vùng Westminster, điều khiến cho Lindemann rất hài lòng. Qua suốt thập niên 1920, mối quan hệ này ngày càng trở nên thân thiết và càng sâu đậm vào đầu thập niên 1930. Khi đã chín muồi, mối quan hệ đã hoàn toàn biến thành quan hệ giữa người hầu đối với chủ (về phía Lindemann) và được Churchill nhiệt tình đón nhận và xem ông như là một vệ tinh hữu ích không thể thiếu. Lindemann luôn sẵn sàng hiện diện khi Churchill cần đến để hỏi ý kiến hoặc để

được giúp đỡ, và vào giữa thập niên 1930, Lindemann đến nghỉ tại điền trang Chartwell của Churchill từ 10 cho đến 12 kỳ nghỉ cuối tuần mỗi năm.

Những mặt không được ngưỡng mộ trong tính cách của Lindemann đã được che giấu ở Chartwell nhưng lại thường được biểu lộ trọn vẹn ở Đại học Oxford. Ông là giáo sư của Học viện Wadham (một trong số 39 học viện và 7 viện giáo dục tôn giáo của Đại học Oxford). Nhưng ông nghĩ rằng Học viện cao đẳng Christ Church (một trong những học viện lớn nhất của Đại học Oxford thuộc nhà thờ chính tòa giáo phận Oxford) thích hợp với thân phận của ông hơn. Và ông đã xoay sở để được sống ở đó gần 40 năm. Ông là một thành viên nổi tiếng nhưng ưa gây gổ trong phòng họp của các giáo sư. Khi tranh cử một trong những vị trí của Đại học Oxford trong vai trò ứng cử viên độc lập của Đảng Bảo thủ (đối với những vấn đề không liên quan đến hiểm họa chủ nghĩa Quốc xã, quan điểm của ông trùng hợp với quan điểm của Churchill) trong cuộc bầu cử bổ sung năm 1937, ông đã thất bại thảm hại. Ông được Churchill đưa vào thành phần chính phủ trong năm 1939 và cất nhắc lên hàng quý tộc trong năm 1941 với đất phong là Cherwell (danh hiệu của ông là tử tước vùng Cherwell). Sự kiện này đã dẫn đến việc ra đời một bài thơ châm biếm vào khoảng năm 1945 với đoạn mở đầu: “Đã từ lâu rất lâu, khi chiến tranh vừa mới nổ ra, lãnh chúa vùng Chenvell chỉ là anh giáo sư quèn Lindemann”.

Đóng góp về mặt khoa học của Lindemann cho chính sách công đã bị giới hạn nghiêm trọng bởi tính cố chấp. Khi Churchill, trong năm 1935, giúp cho ông được bổ nhiệm vào một uỷ ban khoa học để xem xét hệ thống phòng không, thì giữa ông và chủ tịch của uỷ ban này là ngài Henry Tizard cùng những thành viên khác đã nhanh chóng xảy ra cãi vã. Chỉ trong vòng một năm, uỷ ban này đã trở nên mất đoàn kết và đã được tổ chức lại mà không có Lindemann. Tuy nhiên, trong vai trò là người cố vấn trực tiếp của Churchill, ông đã tỏ ra là một vị cố vấn rất hiệu quả. Ông đã đưa ra những ý kiến chính xác và rất ít khi bị nghi ngờ. Ông đã góp nhiều công sức cho những bài diễn văn bàn về việc phòng thủ trước chiến tranh và là “người thân” được yêu mến ở điền trang Chartwell.

Khả năng cố vấn về mặt khoa học của Lindemann được bổ sung bởi hai nguồn thông tin chính thức: một là từ Desmond Morton, khi ấy là người lãnh đạo Trung tâm Tình báo Công nghiệp (một cơ quan có tên gọi dễ gây hiểu lầm được Ủy ban Quốc phòng Hoàng gia thiết lập nhằm theo dõi việc tái vũ trang của Đức), hai là từ Ralph Wigram, một quan chức đang thăng tiến của Bộ Ngoại giao chết năm 1937 khi còn rất trẻ. Morton đã thu hút được sự quan tâm của Churchill khi còn là sĩ quan hầu cận của thống chế Haig, lúc ông giữ vai trò bảo vệ Churchill trong những lần Churchill đi thị sát tiền tuyến. Sau đó, trở thành bộ trưởng Chiến tranh, Churchill đã đưa Morton vào làm việc trong cơ quan tình báo quân đội, nơi Morton được giữ chức vụ cao cho đến năm 1940. Có lẽ một phần vì lòng biết ơn và một phần vì quan điểm về công vụ, trong thập niên 1930, Morton đã tiết lộ với Churchill rất nhiều tin tức tình báo. Ông tuyên bố là được phép làm như thế với sự cho phép của các thủ tướng gồm Rainsay MacDonald, Baldwin và sau đó là Neville Chamberlain. Tuyên bố có phần khó tin này không thể xác minh. Quan điểm khác cho rằng Morton tự ý làm như thế vì ủng hộ chủ trương của Churchill liên quan đến việc tái vũ trang và cảnh báo hiểm họa đến từ người Đức đã được nhiều người tán thành, vì Morton chỉ ở cách xa Chartwell một dặm. Ông ta chỉ cần nhàn tản băng ngang qua những cánh đồng là tới.

Morton là nguồn thông tin chính để Churchill tìm hiểu về tin tức trong nội bộ nước Đức, nhất là thông tin về việc tái xây dựng không quân Đức. Trong năm 1940, ông bước vào trụ sở của chính phủ Anh với vai trò là sĩ quan hầu cận của Churchill, và trong một thời gian ngắn có vai trò thông báo cho thủ tướng các thông tin tình báo về quân Đức đã được giải mã từ Bletchley Park. Về sau, trong chiến tranh, các tham mưu trưởng quân đội đã bị buộc phải bố trí nhân sự chặt chẽ hơn, và Morton vì không còn nhiều ảnh hưởng nên không còn được Churchill trọng dụng.

Wigram cũng có quan điểm chống lại chính sách xoa dịu, dù thuật ngữ này mãi đến hai năm sau mới mang ý nghĩa đặc biệt của nó. Ông kết hôn với con gái của J.E.C. Bodley (John Edward Courtenay Bodley), sử gia cận đại của Pháp,

người vào khoảng thập niên 1880 từng là thư ký riêng của tòng nam tước Charles Dilke trong những ngày mà vận mệnh chính trị của Dilke đang thăng tiến. Vợ của Wigram là Ava Wigram đã làm cho giới chính khách và quan chức ngạc nhiên, bằng việc kết hôn với John Anderson trong năm 1941, và sau đó khi đã trở thành phu nhân rồi đến quả phụ Ava Waverley. Bà đã cố gắng quan hệ với giới chính khách trung tâm dưới thời của Churchill và Macmillan. Vào giữa thập niên 1930, bà tình cờ gặp người chồng đầu tiên, một ngôi sao ngoại giao đầy triển vọng với vai trò thông báo tin tức của Bộ Ngoại giao cho Churchill. Wigram, cho đến cuối năm 1936, đã hoàn tất một bộ ba ái quốc có vai trò, cho dù hợp pháp hoặc bất hợp pháp, giúp Churchill nắm vững các thông tin cần thiết đối với một nghị sĩ không phải là bộ trưởng.

Chương 26

VŨ KHÍ VÀ HIỆP ƯỚC

Dối với Churchill, năm 1935 là năm chuyển tiếp. Qua khỏi năm đó, ông đã đi theo một chiều hướng khác với khi ông bước vào. Cuối cùng, ông đã loại bỏ được nỗi ám ảnh Ấn Độ. Mặt khác, khi sự tranh cãi về vấn đề Ấn Độ đã kết thúc, ông nhận thức được rằng việc trở lại. Với chức vụ trong chính phủ khó hơn ông tưởng rất nhiều. Baldwin thay thế MacDonald trong chức vụ thủ tướng vào giữa năm đã khiến cho việc Churchill tham gia chính phủ không được chào đón. Tuy nhiên, ông vẫn còn nuôi hy vọng cho đến ngày 13 - 3 - 1936 khi Thomas Inskip được chỉ định làm bộ trưởng Điều phối Quốc phòng, hy vọng của Churchill mới tiêu tan. Điều này giống như một dấu hiệu báo trước rằng bất cứ sự bổ nhiệm nào trong chính phủ, cho dù là không thích hợp, cũng đều nhắm vào các nhà lãnh đạo thuộc Đảng Bảo thủ hơn là Churchill. Lindemann đã nói rằng đây là sự bổ nhiệm tồi tệ nhất kể từ khi “Hoàng đế La Mã Caligula phong cho con ngựa của ông làm quan chấp chính tối cao”.

Trước giai đoạn vận hạn này, rõ ràng Churchill đã không thẳng thừng khi chống đối chính phủ. Trong tháng 10, ông đã tham dự hội nghị của Đảng Bảo thủ tại Bournemouth với mục đích không phải là triệt hạ Baldwin mà là ca ngợi ông ta. Ông đã mô tả Baldwin như “một chính khách với sự tự tin và thiện chí nhiều hơn bất cứ chính khách nào khác mà tôi biết trong sự nghiệp lâu dài của tôi”. Lẽ đương nhiên là Baldwin đã tỏ ra rất hài lòng, và Churchill đã rất khiêm tốn khi nhận lời cảm ơn của Baldwin. Giai đoạn hy vọng và thận trọng này đã kết thúc với việc Inskip được bổ nhiệm, dù Churchill rất thận trọng đối với phản

ứng trước tin này và nhường cho những người khác bày tỏ sự giận dữ.

Còn có một sự thay đổi khác khá quan trọng trong thái độ của Churchill năm 1935. Trước khi những bài diễn văn cảnh báo được đọc, ông tìm cách xoa tan hy vọng hào huyền bằng thực tế phũ phàng. Trong tâm trạng chống lại thế giới phát sinh từ chủ trương không khoan nhượng của ông trong vấn đề Ấn Độ, Churchill đã hăm hờ chọc giận Hạ viện hơn là thuyết phục nó. Ông hướng sự gây hấn hung hăng của ông vào những người ủng hộ chính phủ liên minh của Ramsay MacDonald, vào nhóm người nhỏ bé quá khích của Công đảng đối lập, và vào các thành viên của Đảng Tự do, bao gồm người bạn thân của ông là Archibald Sinclair.

Vào giữa thập niên, ông ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng lời kêu gọi và không hề giảm bớt sự gay gắt của thông điệp trung tâm cảnh báo rằng nước Anh cần tái vũ trang. Ông đã cố gắng thực hiện điều này sao cho có thể thu hút được những người có khuynh hướng chính trị trung tả trông cậy vào Hội Quốc Liên và hệ thống an ninh chung (collective security: hệ thống an ninh quốc tế, trong đó, các nước đồng lòng cùng hành động để chống lại nước gây hấn nếu một trong số các nước thành viên bị tấn công, học thuyết cốt lõi trong hiệp ước của Hội Quốc Liên). Với việc Hội nghị Giải trừ Quân bị đã không còn ảnh hưởng, Churchill bắt đầu xem Hội Quốc Liên không còn là mối đe dọa đối với lực lượng không quân Anh và quân đội Pháp mà như một công cụ để chống lại sự gây hấn của chủ nghĩa phát xít. Ông đã sử dụng chính sách tay đôi phù hợp với tuyển tập những bài diễn văn trong thập niên 1930 của ông với tựa đề “Vũ khí và hiệp ước”. Bốn năm trước, hẳn ông sẽ không sử dụng tựa đề này và không thanh minh cho việc sử dụng nó.

Những sự kiện chính trong năm 1935 đã làm thay đổi quan điểm của Churchill là: Hiệp ước Hải quân Anh - Đức trong tháng 6 thừa nhận Hitler có quyền xây dựng lực lượng hải quân với sức mạnh bằng 35% sức mạnh của hải quân Anh, điều khiến cho Pháp bất mãn, Baldwin thay thế MacDonald giữ chức thủ tướng, và Hoare thay thế Simon là ngoại trưởng cũng trong tháng này, Ý tấn

công Ethiopia vào đầu mùa thu, và cuộc tổng tuyển cử trong tháng 11, đã dẫn đến việc quay trở lại của chính phủ liên hiệp với số lượng thành viên ủng hộ dù đã giảm bớt nhưng vẫn chiếm đa số. Sau đó, vào đầu tháng 3 năm 1936, sau khi đã tái áp dụng chế độ cường bức tòng quân và cố gắng tạo ra một đội quân lớn, Hitler đã tiến quân vào khu phi quân sự Rhineland.

Churchill đã phản đối Hiệp ước Hải quân Anh - Đức. Bất chấp việc người bạn của ông là Wigram, người từng “tuyên bố trái ngược với chủ trương đảng của mình”, thôi thúc ông ủng hộ hiệp ước này. Và Churchill đã phản đối bằng một lập luận đáng quan tâm: “Hành động của chúng ta đã làm suy yếu ảnh hưởng của Hội Quốc Liên và làm hại nguyên tắc của hệ thống an ninh chung. Việc người Đức vi phạm hiệp ước đã được bỏ qua, thậm chí còn được ca tụng. Mặt trận Stresa (Stresa Front: [1935] thuật ngữ được dùng để chỉ sự liên minh giữa Pháp, Anh và Ý, được hình thành theo hiệp ước được ký kết ở thị trấn Stresa của nước Ý để chống lại tuyên bố tái vũ trang cho nước Đức của Hitler) đã bị rạn nứt nếu không phải là bị hủy bỏ”. Mặt trận Stresa, được hình thành tại một hội nghị ở khu nghỉ dưỡng Stresa giữa Mussolini, Ramsay MacDonald và Pierre Laval trong tháng 4 năm 1935, đã bị sử gia Alan John Percivale Taylor bôi bác là cuộc họp giữa ba kẻ phản bội bảo vệ các kết quả của “cuộc chiến nhằm kết thúc chiến tranh và tạo ra một thế giới an toàn hơn cho chế độ dân chủ”. Trong đó, hai người [MacDonald và Laval] chống lại chiến tranh, còn người thứ ba [Mussolini] tiêu diệt nền dân chủ trên đất nước của chính ông ta. Cục diện này càng rối ren hơn nữa khi chỉ trong vòng vài tháng, người ta thấy rõ rằng mối đe dọa trực tiếp đối với hiệp ước ở Stresa phát sinh từ chủ nhà của hội nghị (Mussolini) thay vì là Đảng Quốc xã ở Đức. Vào cuối mùa hè, không ai còn có thể không tin vào việc Mussolini chuẩn bị xâm lược Ethiopia. Vương quốc Ki-tô giáo trên danh nghĩa này đầy dẫy những nghịch lý. Nó là nước theo chế độ quân chủ tồn tại lâu nhất ở châu Phi. Và dù có nhiều tập tục man rợ, nó vẫn là thành viên của Hội Quốc Liên, nên vẫn được hưởng trọn vẹn quyền được bảo vệ bởi các nước khác theo tinh thần của hiệp định an ninh chung của Hội Quốc

Liên. Nhưng quốc gia này chỉ mới trở thành thành viên của Hội Quốc Liên từ năm 1923 (sau khi Mussolini thôn tóm quyền lực ở Ý) nhờ sự can thiệp của Ý chống lại sự chống đối của chính phủ Anh, nước cho rằng Ethiopia không đáp ứng được những nguyên tắc của sự ổn định văn minh.

Đối với Churchill, cuộc chiến ở Ethiopia đã tạo ra một tình trạng khó xử. Ông có thể dễ dàng gạt bỏ sự tôn trọng quá mức của ông đối với Mussolini vào cuối thập niên 1920. Sau đó, ông đã cho rằng cuộc phiêu lưu quân sự ở châu Phi của Mussolini là “không phù hợp với nguyên tắc xử thế của thế kỷ 20”. Ngoài việc quan tâm đến hiểm họa Đức, ông còn lo lắng về việc nước Ý, khác với cục diện Thế chiến I, có thể bị buộc phải ngả sang phe Đức. Điều này đã xung đột với ước muốn mới nhằm củng cố Hội Quốc Liên của ông, một ước muốn có thể được củng cố bởi “Bảng thăm dò hòa bình” (Peace Ballot: bảng câu hỏi được phổ biến trên toàn nước Anh trong năm 1935 gồm có năm câu hỏi nhằm tìm hiểu quan điểm của công chúng Anh đối với Hội Quốc Liên và hệ thống an ninh chung) dưới sự sắp xếp của Hội Liên hiệp Quốc tế [The League of Nations Union, một tổ chức tư có trước Hội Quốc Liên] vào đầu mùa hè 1935. Kết quả của lần thăm dò này được công bố vào ngày 27 tháng 6, đã cho thấy mức độ tham gia đáng kể. Trên 11 triệu người đã hưởng ứng việc bầu chọn qua thư. Dựa trên năm câu hỏi quan trọng, hơn 10 triệu người đã chọn việc trừng phạt kinh tế để chống lại kẻ gây hấn, so với số người phản đối là 600 ngàn người. Ở phần thứ hai của bảng câu hỏi, liên quan đến việc có nên trừng phạt bằng quân sự hay không (nghĩa là phát động chiến tranh hoặc ít nhất là phong tỏa bằng hải quân), có 6.750.000 chọn là “Nên”, và 2.360.000 chọn “Không nên”.

Chiến dịch thăm dò dư luận tư nhân khổng lồ này đã không tác động gì nhiều đến Churchill. Nó đã không được nhắc đến trong quan hệ thư từ của Churchill. Trong giai đoạn tích cực nhất của chiến dịch, Churchill đang phải bận tâm với những bước cuối cùng trong cuộc chiến chống lại Dự luật về Ấn Độ và lo bàn mưu tính kế với các đồng minh. Như tại bữa tiệc lớn cuối cùng “của những kẻ thất bại” vào ngày 31 tháng 5, những người rõ ràng là không được Hội Liên hiệp

Quốc tế và chiến dịch hòa bình yêu mến.

Hầu như chắc chắn là Churchill không trả lại một bản thăm dò đã được điền vào đầy đủ các thông tin, dù, cũng như mọi khi, điều này không chứng tỏ là ông đã chống lại. Nhưng ông cũng không bất mãn với kết quả. Nhiều năm sau, Churchill đã viết một đoạn hồi ức không ghi ngày tháng bày tỏ thiện cảm đối với bản thăm dò dư luận này, nhưng đây chỉ là một nhận thức muộn màng đối với sự việc đã qua. Phản ứng mang tính tự phát nhiều hơn của ông đã được bộc lộ rõ ràng trong hồi ký của tử tước Cecil xứ Chelwood, chủ tịch Hội Liên hiệp Quốc tế: “Tôi đã gặp Churchill ngay sau chiến dịch thăm dò hòa bình. Ông đã tỏ ra rất hài lòng với kết quả của cuộc thăm dò và đã nồng nhiệt chúc mừng tôi vì kết quả này. Nhưng ông đã yêu cầu tôi ủng hộ sự gia tăng vũ trang cần thiết và tôi đã đồng ý”.

Churchill đã nhận biết không sai rằng trong khi chiến dịch Khảo sát Hòa bình (Peace Ballot) đã khiến cho các bộ trưởng, đang chuẩn bị cho một cuộc tổng tuyển cử sớm, cảm thấy cần phải trình bày sự tái vũ trang như thế là một phương tiện hòa bình, nó còn tạo sự thuận tiện cho những người lãnh đạo không thuộc phe chủ hòa của Công Đảng và Đảng Tự do có được cái nhìn thực tế hơn về hệ thống an ninh chung (collective security: hệ thống an ninh quốc tế mà trong đó các nước thành viên sẽ đồng lòng phối hợp hành động để chống lại nước gây hấn khi có một nước thành viên bị tấn công). Ông kết thúc đoạn văn viết về chiến dịch khảo sát hòa bình này trong tác phẩm *The Gathering Storm*: “Thật ra, tôi đã làm việc hợp ý với họ trong một năm trên chính sách mà tôi gọi là *Vũ khí và hiệp ước*”. Tuy nhiên, chính sách này cũng đồng thời khiến Churchill phải phân vân về mức độ ghê lạnh mà ông cần tỏ ra với người Ý khi ông chống lại cuộc phiêu lưu quân sự của họ ở Ethiopia. Vào ngày 11 tháng 7, ông đã cảnh báo rằng nước Anh không nên đi đầu trong vấn đề này để trở thành con cừ đầu đàn hoặc nước lãnh đạo có vai trò tập trung và lãnh đạo các nước châu Âu chống lại những kế hoạch của Ý ở Ethiopia... Ông nói: “Chúng ta phải thực hiện bốn phận của mình, nhưng chúng ta phải cùng thực hiện nó với các

nước khác... Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, tôi cảm thấy cần phải tuyên bố rằng chúng ta không đủ mạnh để có thể làm người phân xử hoặc người phát ngôn của thế giới”.

Sau đó, vào ngày 1 tháng 9, Samuel Hoare, người vừa trở thành ngoại trưởng, đã đến Geneva và phát biểu tại Đại Hội Đồng của Hội Quốc Liên bài diễn văn ủng hộ hệ thống an ninh chung tạo ra được sự cộng hưởng mạnh nhất được thực hiện bởi một bộ trưởng Anh trong thập niên 1930. Nó theo sau giai đoạn chuẩn bị nhằm thiết lập một mặt trận chống lại nước Ý mà Anthony Eden đã thực hiện mười ngày trước. Hoare còn nói lên điều mà Baldwin cho là cần thiết cho một chiến dịch tranh cử thành công tại quê nhà. Câu nói then chốt của ông là: “Để phù hợp với các nghĩa vụ chính xác và rõ ràng của nó, Hội Quốc Liên, với sự chung lưng đấu cật của đất nước tôi, phải đại diện cho việc gìn giữ chung sự toàn vẹn của hiệp ước an ninh chung, và đại diện cho sự chống trả chung và kiên quyết đối với mọi hành động gây hấn vô căn cứ”. Ngày hôm sau, người ta tuyên bố rằng hai tàu chiến là Hood và Renown, với sự hộ tống của một hạm đội nhỏ, đã đến Gibraltar. Có vẻ như nước Anh đã thật sự nhập cuộc.

Churchill đã ở lâu đài Château de l’Horizon tại Golfe Juan của Maxine Elliott²⁶, chủ yếu là một dịp nghỉ lễ để vẽ tranh và tham quan các sông bạc. Về sau, ông viết rằng: “Dù lo lắng về nước Đức, và không mấy hài lòng với những công việc đã được giải quyết của chúng tôi, tôi nhớ là đã bị khuấy động bởi bài diễn văn của Hoare khi tôi đọc nó trong ánh nắng của vùng Riviera... Nó đã gắn kết mọi lực lượng ở nước Anh tiêu biểu cho sự kết hợp dũng cảm của chính nghĩa và sức mạnh, điều mà ít nhất cũng phải là một chính sách”. Nhiệt huyết của ông hẳn phải sôi sục hơn khi nghĩ đến bóng dáng xám xịt to lớn của những chiến hạm của Hải quân Hoàng gia tiến vào nơi có thể là những chiến trường của chúng. Ông luôn ủng hộ những hành động kiên quyết, và xem ra đây là một cơ hội. Ông không thể tính đến việc bị đánh thọc sườn bởi Sam Hoare, một “đặc vụ hấp tấp” (cách diễn tả của Churchill) ở Ấn Độ. Hơn nữa, ông muốn đoàn kết với bộ phận lãnh đạo của Đảng Bảo thủ trong cách tiếp cận với cuộc bầu cử (mà ông

dự định là trong đó ông sẽ là người ủng hộ chính phủ với hy vọng là trở lại làm việc trong chính phủ ngay khi cuộc bầu cử hoàn tất).

Tuy nhiên, ý kiến thật sự của ông khi người Ý chuẩn bị tấn công châu Phi vào ngày 4 tháng 10 có lẽ đã được biểu lộ rõ hơn trong một bức thư gửi cho Austen Chamberlain vào ngày 1 tháng đó:

Tôi rất buồn. Tấn công nước Ý hẳn là một hành động khủng khiếp và chúng ta sẽ phải trả giá đắt. Thật bất nhẫn làm sao khi sau chừng ấy năm khẩn cầu Pháp giảng hòa với Ý mà bây giờ lại buộc Pháp phải chọn lựa giữa nước Ý và chúng ta. Tôi không cho rằng chúng ta phải là nước đi đầu trong một biện pháp khó khăn đến thế. Nếu hiểu rõ vấn đề này, chúng ta hẳn phải cảnh báo Mussolini từ hai tháng trước.

Sau đó, cuộc bầu cử đã xảy ra và hoàn tất (vào ngày 14 tháng 11) tương đối êm thấm với các phe đa số hài lòng ủng hộ chính phủ trong cuộc bầu cử quốc gia và ủng hộ Churchill ở khu vực bầu cử Epping. Chính phủ bị mất gần 100 ghế. Nhưng đây chỉ là một sự giảm số lượng tự nhiên từ cơ cấu hoàn toàn giả tạo của Hạ viện năm 1931. Phe chính phủ (thuộc Đảng Bảo thủ) vẫn là phe đa số đáng kể, nhiều hơn Công đảng 270 ghế và nhiều hơn 250 ghế khi so với các đảng khác cộng chung lại. Churchill ở Epping nhận được số phiếu bầu là 34.849 so với 14.430 phiếu ủng hộ ứng cử viên của Đảng Tự do và 9.758 phiếu dành cho ứng cử viên của Công Đảng. Kết quả không được ông quan tâm lắm. Ông đã được Baldwin gửi điện tín chúc mừng vì nhận được đa số phiếu nhưng không kèm theo lời mời tham gia chính phủ. Như ông đã thành thật viết sau đó: “Đối với tôi, đây là một sự thất vọng to lớn và cay đắng”.

Sau một tuần chờ đợi mà không thấy gì, ông cho rằng chuyện này đã kết thúc (ít nhất là tạm thời), và tốt nhất là nên ra nước ngoài để che giấu sự chán nản và hy vọng bình tâm trở lại. Ông được cho là đã (trong nhật ký của Harold Nicolson) mua vé tàu để đến Ball, nơi mà có lẽ Clementine muốn ông đến sau chuyến du lịch trên biển đến vùng Đông Nam Á của bà. Thật ra, ông quyền

luyện với vùng Địa Trung Hải hơn và đã lên đường đến Majorca trong tháng 12. Ông vẫn còn quan tâm đến chính trị, nên đã mời Pierre-Etienne Elandin đến dùng bữa khi đi ngang qua Paris. Sau đó, ông phân vân giữa chức vụ thủ tướng và ngoại trưởng, chức vụ mà không lâu sau đó ông được bổ nhiệm. Nhưng Churchill không để mối quan tâm của mình bị chuyển hướng bởi tác động các đề xuất trong kế hoạch hòa bình Hoare-Laval liên quan đến Ethiopia, sự kiện xảy ra hầu như đồng thời với lúc gia đình Churchill rời London. Sau đó họ đi đến đâu thì bị mưa đuổi theo đến đó (dù Clementine nhanh chóng chuyển hướng kỳ nghỉ của gia đình đến Áo để được tham gia môn lướt ván trên tuyết), từ Majorca đến Tamaris, Barcelona, rồi Tangier, nơi Churchill hưởng ngày lễ Giáng sinh. Mãi đến khi Churchill đến khách sạn Maniounia ở Marrakech, nơi mà ông từng mô tả là “một trong những khách sạn tốt nhất mà tôi từng sử dụng”, Churchill mới thấy lại ánh nắng với những màu sắc rực rỡ phù hợp với việc vẽ tranh và khôi phục cảm hứng cho ông viết tiếp tác phẩm *Marlborough*. Và tại đây ông không chỉ được gặp Lloyd George mà còn được đàm đạo với Rothermere, một người luôn di chuyển.

Trong những ngày mưa tháng 12 tại Tây Ban Nha, Churchill phải chứng kiến biến động chính trị do các đề xuất của kế hoạch Hoare-Laval gây ra. Vào ngày 11 tháng 12, Brendan Bracken đã viết cho ông rằng: “Chúng ta đã trải qua một cơn biến động chính trị... Baldwin, người mà 3 hoặc 4 ngày trước vẫn còn ngự trên đỉnh cao quyền lực, nay đã không còn được tin tưởng”. Đây chắc chắn không phải là tin tức mà Churchill muốn được nghe, giống như việc khi Baldwin phải rút lui khỏi Hiệp ước Hoare-Laval khiến cho kẻ thù của Dự luật về Ấn Độ của Churchill bị buộc phải từ chức chỉ sau sáu tháng giữ chức vụ ngoại trưởng. Nhưng điều này đã không thể khiến Churchill phải quay về nước và nhóm người nhỏ vây quanh ông gồm bạn bè và các cố vấn cũng không khuyên ông làm như thế. Vào Thứ ba ngày 19, Randolph đã gửi cho Churchill bức điện tín ngắn gọn khi Churchill đang ở khách sạn Colon tại Barcelona với nội dung như sau:

Chính phủ kiên quyết ủng hộ các đề xuất hòa bình, hòa giải với

Austen (Austen Chamberlain), và thuận theo phe đa số vào ngày Thứ ba. Giả sử ông (Churchill) không ủng hộ việc nhượng bộ Mussolini một cách nhục nhã, thì mọi sự chống đối cũng sẽ bị giải thích không đúng. Cho dù không nói ra, ông vẫn buộc phải bỏ phiếu ủng hộ, chống đối, hoặc bỏ phiếu trắng. Nhưng dù gì đi nữa cũng chẳng thay đổi được điều gì. Dù chính phủ thoát khỏi tình trạng bị chỉ trích, uy tín của chính phủ vẫn bị sút mẻ nghiêm trọng trong nước. Việc tái vũ trang một cách nghiêm túc là điều không thể tránh, và điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc ông tái tham gia chính phủ. Mong ông ở yên tại Barcelona.

Đây là lời khuyên được hoan nghênh, và khi Churchill rời Barcelona vào ngày 20 tháng 12, ông đã đi về hướng nam chứ không phải hướng bắc. Thậm chí là khi tháng 1 năm 1936 đã trôi qua, ông vẫn rất do dự trước việc trở về Anh. Tin tức về việc Randolph quyết định tranh cử trong cuộc bầu cử bổ sung ở khu vực bầu cử Ross và Cromarty chống lại Malcolm MacDonald (người cũng giống như cha của ông thất bại trong việc giữ lại ghế trong Công Đảng, và cũng là ứng cử viên chính thức của chính phủ) đã củng cố ý định xa lánh của ông. Tin tức đến từ vùng Highlands thật đáng nản lòng. Vào ngày 17 tháng 1, Bracken đã gửi đến một bức điện tín thậm chí còn ngắn gọn hơn bức điện tín được gửi một tháng của ứng cử viên nhiệt tình Randolph: “Các triển vọng của Randolph là rất mờ mịt. Có khả năng là Đảng Xã hội giành chiến thắng. Tại thị trấn Cromarty, lượng người đầu cơ còn nhiều hơn số lượng thành viên Đảng Bảo thủ”. Và Churchill, ngoài việc nghi ngờ khả năng thu hút phiếu bầu từ những kẻ đầu cơ của Randolph, trong giai đoạn này không còn hứng thú với việc tranh cãi với chính phủ.

Mãi đến khi xảy ra cái chết của Vua George V, vào ngày 20 tháng 1, Churchill mới trở về nước Anh. Và thậm chí sự kiện này còn mang lại cảm hứng cho ông viết một bài báo dài khoảng 4.000 từ về triều đại của Vua George V cho tuần báo *News of the World* hơn là khiến ông vội vã trở về. Bài báo này đã được chủ báo mới ca ngợi và trả tiền nhuận bút cao (chủ báo cũ là Riddell đã chết vào

cuối năm 1934) vì đã giúp cho số lượng phát hành tăng đang kể. Được Churchill hoàn tất trước khi rời thành phố Marrakech, bài báo đã được bà Pearman đánh máy lại với tinh thần trách nhiệm cao khi đang trên chuyến xe lửa đến Tangier. Bài báo này lại xuất hiện trong tuyển tập luận văn *Great Contemporaries* trong vai trò là một luận văn lịch sử xứng đáng xuất hiện trong tác phẩm xuất sắc này. Nhưng theo đánh giá ngày nay, bài báo này xem ra hoàn toàn không phù hợp với tuần báo *News of the World*. Nó đã cố gắng đánh giá một cách khách quan về Vua George V, người mà Churchill không có cả những mối quan hệ khi lạnh nhạt lúc nồng ấm như đối với Vua Edward VII. Và với ngôn ngữ khoa trương, bài báo tập trung vào dòng chảy của những sự kiện lịch sử và những biến động chính trị ở nước ngoài xảy ra trong thời gian trị vì của Vua George V. Bài báo đã ca ngợi nhà vua, bằng hàm ý nhiều hơn là ngôn từ, về việc nhà vua đã giữ gìn nguyên vẹn ngai vàng của ông trong khi ngai vàng của rất nhiều vị vua khác bị lật đổ. Dù là một sự khoa trương lịch sử, nhưng hẳn bài báo này là một bản cáo phó mộc mạc dành cho *The Times* hoặc *Morning Post*. Tuy nhiên, việc viết bài báo này với tốc độ cao mà không có sự tham khảo bất cứ quyển sách nào quả là một kỳ công đáng kể.

Mãi đến ngày 26 tháng 1, Churchill mới trở lại Chartwell. Nhưng với khả năng của một ủy viên lão thành của Hội đồng Cơ mật, ông vẫn kịp thời trình bày quan điểm của ông với Vua Edward VII một ngày sau khi đọc bài diễn văn nhậm chức ở Hạ viện. Hoạt động chính trị ở Quốc hội Anh vào những tháng đầu của năm 1936 xoay quanh việc dàn xếp một triều đại mới, suy tính về việc bổ nhiệm một bộ trưởng Quốc phòng mới và về việc nước Anh sẽ tận tâm ra sao với Hội Quốc Liên và Ethiopia, một hoạt động vô cùng sôi nổi vào tháng 9 và đình trệ thảm hại vào tháng 12, không mấy tập trung vào điều mà Hitler sắp thực hiện. Trong khi tham gia tất cả những hoạt động này, đặc biệt là việc đầu tư vào vị thủ tướng mới, Churchill bị thu hút vào việc nhanh chóng hoàn tất tác phẩm *Marlborough*. Vào ngày 6 tháng 2, người ta có thể cho rằng tập hai của *Marlborough* đã được xuất bản vào tháng 10 trước đó, và 315 trang sách của tập

ba đã được chuẩn bị để in. Vào giữa tháng 3, ông còn bắt đầu viết một loạt bài mới đăng hai tuần một lần cho nhật báo *Evening Standard*.

Trong nửa đầu của tháng 2, ông còn tham gia hoạt động ngoại khóa của một trường đại học với vai trò là người thẩm định sân khấu của nhà hát London. Chuỗi sự kiện này là một sự biểu lộ mạnh mẽ quy mô mà theo đó, dù không tham gia chính phủ suốt gần bảy năm, cá nhân ông vẫn gìn giữ được cho mình một sức mạnh phi chính trị khác thường. Một vở kịch với tựa đề “*St Helena*”, viết về giai đoạn lịch sử cuối đời của Napoleon, đã được diễn ở nhà hát Old Vic (tên thường được dùng của Royal Victoria Theatre ở London). Vở kịch này đã được soạn bởi R. C. Sherriff (tác giả của vở kịch chống chiến tranh “*Journey’s End*”) và Jeanne de Casalis. Vào tháng 2, tác phẩm này đã bị Dudley Barker chê bai, ông cho rằng nó “nhạt nhẽo quá mức”. Ngày hôm sau, Churchill đã viết cho Edward Marsh, người mà ông rất tôn trọng trên lĩnh vực văn chương và văn hóa nói chung: “Có một bài phê bình rất đáng thất vọng về vở kịch *St Helena* trên tờ *Evening Standard*. Tôi rất vui vì ông nói rằng tôi hẳn sẽ thích nó. Tôi sẽ tìm cách dành ra một đêm để đi xem, nhưng tôi sẽ rất đau khổ khi phải chứng kiến cái chết (trong vở kịch) của một nhân vật mà tôi rất quan tâm [Napoleon]”. Vào ngày 3 tháng 2, ông đã dành ra được một đêm để xem kịch và vào ngày hôm sau ông đã viết cho báo *The Times* một bài báo chống lại những lời chế bai mà ông đã đọc. “Theo cách đánh giá thô thiển của tôi trong tư cách là một độc giả lâu đời nhưng vẫn còn ham đọc thêm các tác phẩm văn học viết về Napoleon thì *St Helena* là một vở kịch rất xuất sắc. Ngoài ra, vở kịch này còn thu hút sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối”.

Bài báo của Churchill đã phần nào làm náo động dư luận. Trong tập hồi ký năm 1968, Sherriff đã viết:

Doanh thu của rạp hát vào đêm trước khi bức thư này được viết chỉ là 17 bảng 12 shilling và 6 penny, điều này có nghĩa là chỉ có khoảng 60 người hiện diện trong một rạp hát có thể chứa đến một ngàn người.

Buổi biểu diễn vào đêm sau khi bức thư của Churchill được đăng báo đã thu hút được trên 500 người, và hôm sau, vào tối thứ bảy, rạp hát đã không còn chỗ. Các vé ghế ngồi đều đã được bán hết và nhiều người phải đứng sau sân khấu và những chỗ trống khác để xem kịch. Đây hẳn là sự thay đổi thị hiếu ngoạn mục nhất từng xảy ra đối với một vở kịch.

Và hẳn đây cũng là một trường hợp độc nhất vô nhị mà sự hoan nghênh của một chính khách làm thay đổi thái độ của tầng lớp công chúng thích xem kịch. Ngay cả Gladstone, một người gần gũi và nhiệt tình với kịch nghệ với thói quen khắc phục tật điếc của mình bằng cách xin phép ngồi xem kịch ở một góc khuất gần sân khấu, cũng không thể có được ảnh hưởng mạnh mẽ như thế.

Ai sẽ là vị bộ trưởng mới giữ nhiệm vụ tái vũ trang, được công bố trên Sách Trắng (White Paper: báo cáo chính thức của chính phủ nước Anh, giải thích các ý tưởng và các kế hoạch liên quan đến một chủ đề đặc biệt trước khi một luật mới được ban hành) trong tháng 3 của chính phủ? Cũng như những người khác, Churchill đã sôi nổi suy đoán một cách lạc quan chuyện này, dù không dứt khoát. Cũng vào ngày 3 tháng 3, ông đã viết cho vợ, người đang miệt mài với môn trượt ván trên tuyết ở vùng Zurs thuộc nước Áo, nơi bà đã đến vào khoảng thời gian trước lễ Giáng sinh, với nội dung chứa chan hy vọng:

Dù xem ra sức khỏe của anh vẫn chưa khả quan... Thế nhưng Betty Cranborne [về sau trở thành công nương Salisbury]... nói với anh rằng tuần trước Neville Chamberlain đã bảo bà ta rằng: “Dĩ nhiên nếu vấn đề là tính hữu hiệu về mặt quân sự, thì chắc chắn người được chọn phải là Winston”. Tất cả những người có khả năng thay thế đều đang được xem xét và loại trừ, như Hoare (vì là quan chức ngoại giao và là đồng tác giả của hiệp ước Hoare-Laval), Swinton, Hankey và Weir (vì họ là những thành viên của Thượng viện), Ramsay (vì mọi người đều cho rằng ông là một phế tích biết đi), W. Percy (vì khả năng của chính ông ấy), Neville (vì ông ta mơ đến chiếc ghế thủ tướng chính phủ), K Wood (vì

là người nuôi hy vọng trở thành bộ trưởng Tài chính), Home (vì ông ta sẽ không chịu từ bỏ mức lương chủ tịch 25 ngàn bảng Anh mỗi năm)... Thế nên rốt cuộc thì ai cũng có lý do để không được giao hoặc nhận chức vụ này... Cho dù sự thế có ra sao thì anh cũng không có ý định để cho trái tim mình phải tan vỡ. Thôi thì cứ để cho số mệnh an bài.

Nếu nhận được chức vụ này, anh sẽ trung thực trước Thượng đế và con người chứ không để sự ngạo mạn và phấn khích tác động. Nếu anh không phải là người được chọn, thì chúng ta sẽ có nhiều điều để cùng hưởng thụ với nhau, Clemmie yêu thương của anh.

Mười ngày sau, hy vọng ấy đã tan biến. Churchill đành phải tạm hài lòng với “nhiều điều để chúng ta [Churchill và vợ] cùng hưởng thụ”. Nửa đầu của tháng 3 là khoảng thời gian sôi nổi khiến cho nhiều người phải bối rối. Vào ngày 7 tháng 3, Hitler đưa quân vào khu phi quân sự Rhineland, thách thức Hiệp ước Locarno cũng như Hiệp ước Versailles. Lúc đầu, phản ứng của Churchill rất mờ nhạt. Ông đã gửi điện tín cho Clementine vào ngày hôm ấy chỉ để báo cho bà biết là chưa giải quyết được điều gì (ông muốn nói cả về vấn đề ông được đưa vào làm việc trong chính phủ hay không). Ông nói rằng ông nghi ngờ lời phát biểu liên quan đến sự tranh cãi về vấn đề quốc phòng trong Sách Trắng được công bố vào Thứ ba sau (ngày 10 tháng 3), và báo cho Clementine biết là không nên vội trở về nhà cũng như không nên đi qua nước Đức trong bất cứ trường hợp nào. Ông đã thật sự bày tỏ ý kiến vào Thứ ba nhưng với sự e dè khác thường và không quá sôi nổi, không đề cập gì đến vấn đề Rhineland, một phần ủng hộ Sách Trắng (chống lại sự chỉ trích của Công Đảng) và một phần tỏ ra hối tiếc sự yếu mềm trong quá khứ.

Ba ngày sau, Churchill biết rằng thay vì chính ông, Inskip đã được chọn, nhưng đến lúc ấy phản ứng của ông vẫn không rõ ràng. Vào buổi chiều của ngày đáng thất vọng ấy, ông đã tổ chức một buổi tiệc ở một tầng trong tòa nhà Quốc hội để chiêu đãi Flandin. Người này được chính phủ Pháp bổ nhiệm làm ngoại

trưởng và cũng là người khi ở London đã kêu gọi sự ủng hộ để làm một điều gì đó không rõ lắm chống lại việc chiếm Rhineland, nơi được Churchill xem như “khu vườn phía sau nhà”. Những người khách khác của Churchill gồm Austen Chamberlain, Robert Home, và đáng ngạc nhiên là cả Samuel Hoare. Với nhận thức muộn màng, Churchill đã rất quan tâm đến sự yếu kém về quân sự của Anh-Pháp vào lúc Hitler đã xâm chiếm Rhineland. Trong tác phẩm *The Gathering Storm*, ông đã gợi ý rằng phải chi người Pháp huy động hàng trăm sư đoàn bộ binh và lực lượng không quân nổi tiếng là rất mạnh của họ, thì Hitler đã phải rút lui, còn nếu không, hẳn Hitler đã bị hàng ngũ tướng lĩnh Đức hạ bệ. Sau đó, trước tình hình bất lợi nghiêm trọng của các nền dân chủ phương Tây, các thể hệ tướng lĩnh Đức đã tin tưởng rằng Hitler có một tầm nhìn táo bạo vượt lên trên những tính toán quân sự hợp lý của họ. Churchill đã trích dẫn và lên án những điều mà Baldwin và Neville Chamberlain đã nói về Flandin trong lần chính khách này thăm viếng London như là người phải chịu trách nhiệm phần nào về việc quyết tâm kháng cự đang bị chao đảo của Pháp bị dập tắt. Vào thời điểm mang tính quyết định cao nhất, trong số những chính khách lớn của Pháp được Churchill mến mộ, chỉ có Flandin quyết định rằng nếu ông không thể nhận được sự ủng hộ của nước Anh để kiềm chế người Đức khi họ vẫn còn yếu, ông sẽ kết thân với họ khi họ đã trở nên mạnh mẽ. Vì thế, sau cuộc chiến, ông đã bị kết án là cộng tác với địch, và cần phải được Randolph làm chứng bằng lời và Churchill bênh vực bằng văn bản để có thể được tha bổng.

Khác với những hồi ức sau này, vào thời điểm ấy, Churchill đã không cương quyết trong vấn đề Rhineland. Vào Thứ bảy (14 tháng 3), ngay sau ngày Churchill thất vọng vì không được bổ nhiệm vào chức vụ trước kia, ông đã đến Birmingham để đọc diễn văn trong bữa tiệc lớn được tổ chức hàng năm của các nhà kim hoàn. Đây là dịp tụ họp rất quan trọng của thành phố Birmingham và của quốc gia vẫn còn được tổ chức cho đến ít nhất là thập niên 1960. Và ở đó ông đã đưa ra thông điệp không phải là kết tội mà là ca ngợi bộ trưởng Tài chính Chamberlain (dĩ nhiên đây là sân nhà của Neville [Neville Chamberlain]). Trong

đó, mượn lời của Shakespeare, ông so sánh Chamberlain như “một con ngựa thồ chất trên lưng những công việc nặng nhọc”. Ông còn nói rằng Chamberlain “hẳn sẽ luôn gắn bó với sự cải tạo các vấn đề tài chính và sự tín nhiệm của chúng ta”. Vào thứ ba, Churchill đã dự tiệc tại đại sứ quán Bỉ nhân dịp ra mắt vị thủ tướng mới (Van Zeeland) của nước này. Van Zeeland đã được Harold Nicolson mô tả là “đầy sức sống”, khác với cách mô tả của Anthony Eden: “Một người phờ phạc vì mệt mỏi với đôi mắt đỏ và sưng húp vì mất ngủ”.

Trong cả hai dịp đầu không có dấu hiệu nào cho thấy Churchill nghĩ rằng tai họa không thể tránh động chạm đến chính ông hoặc nước Anh. Tuy nhiên, ông đã thật sự nghĩ rằng việc Hitler không bị trừng phạt vì cuộc phiêu lưu quân sự ở Rhineland của ông ta là điều khiến cho nước Pháp cần phải được xoa dịu ngay. Và ông đã cố tình sắp xếp cho bản thân có được hình ảnh rõ ràng của “một người bạn của nước Pháp” ở Anh. Vào ngày 17 tháng 4, ông đã viết một bức thư rất dài cho tờ *The Times* để phản bác (với ngôn từ nhã nhặn) người bạn cũ là Hugh Cecil. Vì người này đã hiểu không đúng về những nỗi sợ của nước Pháp trước người Đức và lại đã trách Cecil cũng qua tờ báo ấy một tháng sau. Đầu mùa thu, ông còn nỗ lực hơn nữa để hàn gắn những mối quan hệ Anh-Pháp. Sau hai khoảng thời gian lưu trú tạm thời để vẽ tranh (một vào cuối tháng 8 ở lâu đài của Consuelo Balsan gần thành phố Dreux, phía bắc vùng Normandy, và lần thứ hai vào đầu tháng 9 khi trở về biệt thự của nữ nghệ sĩ Maxine Elliott ở vùng bờ biển Côte d’Azur), ông đã thực hiện một chuyến đi phức tạp để trải nghiệm 24 giờ ở nhà của Flandin tại khu vực bầu cử Yonne của Flandin. Tại Dijon, ông rời toa giường ngủ của chiếc xe lửa tốc hành Train Bleu lúc 7g30 sáng thứ bảy và đi 60 dặm bằng xe hơi đến vùng quê Burgundy. Chiều hôm ấy ông đã báo cho Clementine, người thường không hiện diện bên cạnh ông, rằng ông đã “kiệt sức vì những cuộc bàn luận chính trị và phải đi ngủ”.

Ông còn dành ra một ngày để hiện diện trong cuộc diễn tập của quân Pháp bên tướng Maurice Gustave Gamelm, vị tổng tư lệnh đầu tiên (1939 — 1940) và có sự nghiệp khá đen đui của quân đội Pháp. Ông cũng đến Paris thăm viếng

Leon Blum, người đã trở thành thủ tướng của chính phủ Mặt trận Bình dân vào tháng 5. Khác với thái độ của ông đối với Mặt trận Bình dân ở Tây Ban Nha, lực lượng mà ông đã tỏ ra không mấy đồng cảm khi nó bị tướng Franco chống lại vào tháng 7, ông rất quan tâm đến Blum, và đã viết thư tỏ lòng kính trọng trong rất nhiều dịp. Vào ngày 8 - 11 - 1936, ông đã viết cho Blum: “Tôi hy vọng là ngài cho phép tôi gửi đến ngài những lời chúc mừng thành thật nhất đối với những tiến bộ vĩ đại đã diễn ra trong các sự vụ của nước Pháp kể từ khi tôi vinh dự được gặp ngài lần đầu tại Quay d’Orsai [nguyên văn của Churchill, đúng ra phải là Quay d’Orsai - Bộ Ngoại giao Pháp]”. Sau đó, hầu như ngay khi trở về điền trang sau chuyến đi kéo dài ba tuần, Churchill đã thay đổi hoàn toàn và trở lại Paris để đọc bài diễn văn (bằng tiếng Anh) rất nổi tiếng tại tòa nhà Theatre des Ambassadeurs để bảo vệ chế độ dân chủ nghị viện và một nhà nước tự do. Khi đánh giá qua những bức thư chúc mừng mà ông nhận được từ cả hai bờ Eo Biển Anh (tất nhiên không phải tất cả đều khách quan), rõ ràng Churchill đã rất thành công. Charles Mendl, một tùy viên báo chí thâm niên và sành sỏi tại đại sứ quán Anh, đã viết rằng: “Kể từ lúc tôi làm việc ở đây, chưa từng có bài diễn văn nào của người nước ngoài lại được đón nhận nồng nhiệt đến thế”.

Thiện cảm đối với nước Pháp của người nước ngoài này (Churchill) phù hợp với trọng tâm hoạt động chính trị trong năm ấy của ông ta. Đây là một nỗ lực nhằm kết hợp chặt chẽ sự ủng hộ đối với Hội Quốc Liên với quyết tâm củng cố khả năng phòng vệ của nước Anh. Để làm được điều này, cần phải rất khéo léo trong việc thiết kế các thể chế chính trị phù hợp chỉ trong vòng hai năm, sao cho những người nhiệt tình nhất với Hội Quốc Liên thấy được một trong những sự kiện quan trọng nhất và mang lại hy vọng nhiều nhất của nó là Hội nghị Giải trừ Quân bị. Và cũng cho những người tích cực nhất trong việc ủng hộ các lực lượng vũ trang của Anh xem Hội Quốc Liên như là một tổ chức ủy mị yếu đuối trong việc can thiệp vào công việc của các nước khác. Hầu hết những người ủng hộ Dự luật về Ấn Độ của Churchill thuộc vào loại thứ hai (ủng hộ các lực lượng vũ trang của nước Anh). Thế nhưng, khi Churchill tìm cách gia tăng nhu cầu vũ

trang để hậu thuẫn cho minh ước của Hội Quốc Liên, thì họ lại viết thư kháng nghị một cách khó hiểu. Thật ra, đây là một thời điểm bất thường để Churchill đến với một nhiệt tình mới đối với Hội Quốc Liên vì nó vừa thất bại không thể kiềm chế Mussolini (ý kiến của Churchill rất mơ hồ về vấn đề này). Việc chấp nhận hành động táo bạo của Hitler ở Rhineland (hành động đã chà đạp cả Hiệp ước Versailles lẫn Hiệp ước Locarno) cũng chẳng giúp ích gì cho việc củng cố quan điểm cho rằng sự văn hời an ninh có thể đạt được qua việc củng cố các hiệp ước thông qua quyền lực của luật pháp quốc tế. Hơn nữa, ước muốn dễ nhận thấy của Churchill liên quan đến việc cải thiện những mối quan hệ với các chính khách thuộc phái trung và phái tả ôn hòa trên chính trường nước Anh (đây là điều vô cùng quan trọng đối với ông trong năm 1940) đã không giúp gì cho ông vì thái độ của ông đối với cuộc nội chiến Tây Ban Nha.

Một trong những kết quả của sự đồng cảm đã bị biến đổi của ông đối với cuộc nổi loạn của tướng Franco là sự trở ngại trong việc phát triển những mối quan hệ với Ivan Maisky, đại sứ Liên Xô tương đối thân phương Tây ở London suốt thập niên 1930. Chắc chắn là Maurice Hankey, vị cố vấn chính phủ luôn điềm tĩnh, sau khi thăm viếng điền trang Chartwell đã mô tả Churchill như “bạn chí thiết của I. Maisky”, nhưng giữa họ có một số trao đổi qua lại. Thế nhưng không vì thế mà Maisky không khiển trách Churchill về bài diễn văn đọc ở Hạ viện trong tháng 11, trong đó, Churchill đã lên án Nga vì đã làm nổ ra sự kiện Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, việc Churchill trong năm 1936 thiên về cánh giữa trong hoạt động chính trị ở Anh là một hành động khéo léo, khôn ngoan về chiến lược và đặc dụng về chiến thuật. Ông đạt được điều này thông qua một số tổ chức tương đối nhỏ với những tên gọi khó hiểu kết hợp thành một lực lượng đáng kể nhờ danh tiếng và phẩm hạnh của Churchill. Và chính phẩm hạnh này, kết hợp với tài hùng biện, đã tạo cho ông sức hấp dẫn có thể thu hút những người mà hiện ông đang muốn thu hút.

Trung tâm của hoạt động này là cái được gọi là Nhóm nòng cốt, được hình

thành một cách mơ hồ như là một câu lạc bộ tiệc trưa, tụ họp ở khách sạn Victoria nằm ở góc của đại lộ Northumberland, chỉ cách đó vài bước chân là khách sạn Metropole, văn phòng cũ của ông khi còn là bộ trưởng Bộ Quân khí 20 năm trước. Lúc đầu, có một số thắc mắc về việc ai là người phải thanh toán tiền cho các bữa ăn. Thắc mắc này đã được giải đáp nhanh chóng và thỏa đáng, tiền ăn được thanh toán phần lớn bởi Eugène Spier, một người Đức gốc Do Thái giàu có, không hẳn là người tị nạn vì đã di cư đến từ năm 1922. Việc cư trú lâu năm ở Anh vẫn không giúp cho ông thoát khỏi việc bị giam giữ vì là công dân của quốc gia thù địch vào tháng 6 năm 1940 và bị trục xuất đến Canada, một số phận rõ ràng là bất công đối với các hoạt động chống chính sách xoa dịu của ông trong thập niên 1930. Chắc chắn là vì bận rộn vào lúc ấy nên Churchill đã không mấy quan tâm đến việc này. Spier trở về nước Anh năm 1945 và sau đó đã công bố một số sự việc nội bộ đáng quan tâm của Nhóm nòng cốt.

Một trong những sự việc nội bộ này là trong các bữa tiệc trưa của câu lạc bộ, Churchill luôn đòi được ngồi bên cạnh bà Violet Bonham Carter, người thường xuyên tham gia, và còn thường yêu cầu được phục vụ loại rượu porto mà ông ưa thích. Khi được hỏi là có mối quan hệ nào đó hay không giữa hai yêu cầu này, ông đã trả lời là cả hai đều mang lại một sự ấm áp đặc biệt. Việc bà Violet chiếm lại tâm điểm của sự quan tâm là một dấu chỉ rõ ràng cho thấy xu hướng hơi thiên về phái tả của Churchill. Cho dù từ quan điểm này, có một người tham gia thậm chí còn đáng chú ý hơn nữa, đó là Walter Citrine, tổng thư ký của Hội đoàn các đại diện Công đoàn Anh (Trades Union Congress).

Nhóm nòng cốt đã phát triển thành Ủy ban chống Đức Quốc xã, với chủ tịch là Citrine và Norman Angell, Sylvia Pankhurst (người nổi tiếng vì tranh đấu cho quyền bầu cử của nữ giới), và các phó chủ tịch là Eleanor Rathbone, một nghị sĩ độc lập thiên tả đại diện cho khu vực bầu cử “Combined English Universities” (Combined English Universities là một khu vực bầu cử đại học có đại diện trong Quốc hội Anh [từ 1918 đến 1950]. Nó được hình thành bởi quyền bầu cử và gồm tất cả các trường đại học ngoại trừ Cambridge, Oxford và London, là ba trường

đại học có đại biểu riêng). Nhưng Churchill là người có ảnh hưởng rất lớn vì ông thuộc Phân bộ Anh của Hội tân thịnh vượng chung (British Section of the New Commonwealth Society), hiệp hội mà huân tước Davies, một huân tước giàu có và có tinh thần vì mọi người đã không mấy khó khăn trong việc thuyết phục Churchill làm chủ tịch.

Trong tháng 6 năm 1936, Davies đã viết những bức thư dài chân thành ca ngợi Churchill, khuyến khích Churchill sử dụng Hội tân thịnh vượng chung để làm bộ phận và trở thành ngọn đuốc của thế giới và cứu châu Âu thoát khỏi tai họa. Churchill đã nhiệt tình hưởng ứng với chỉ chút ít e dè. Ông thật sự hoạt động rất hiệu quả trong giai đoạn hợp nhất này. Ông đã viết thư cho tử tước Cecil xứ Chelwood (Robert Cecil) vào ngày 21 tháng 10 khi mà những người khác kêu gọi việc thảo luận về “Tự do và hòa bình”: “Chúng ta không gây trở ngại cho hiệu năng của Hội tân thịnh vượng chung hoặc Hội Quốc Liên mà hoạt động để kết hợp nỗ lực thực tiễn và vì sự tiến bộ chung”. Và khi phát biểu tại một dịp khác trước Nhóm nòng cốt có phần mở rộng tại khách sạn Savoy vào ngày 15 tháng 10, ông đã tỏ ra có tài ứng biến (điều mà người ta thường cho rằng không phải là vũ khí hiệu quả nhất trong kho vũ khí hùng biện của ông), và có thái độ thân thiện nồng ấm, thái độ thường có khi đối diện với những người chưa từng làm việc chung kết hợp với nhau một cách tự phát vì một mục tiêu đặc biệt. Cách đối xử của ông với Citrine rất khôn khéo, “Tôi nhận thấy không có lý do gì để lúc này chúng ta không mở một cuộc họp khai mạc tại sảnh đường Albert Hall hoặc Queen’s Hall và bố trí một buổi diễn thuyết lớn nhất trong khả năng có thể... Dĩ nhiên là ngài Walter Citrine phải là người ngồi ghế chủ tọa. Chúng ta chỉ có thể mở cuộc họp khi ngài Walter Citrine nhận lời. Tôi không thể phát biểu khi mà ai đó kém cỏi hơn chứ không phải là ngài Walter ngồi ghế chủ tọa”.

Trong dịp này, Churchill cũng rất khéo léo trong việc thu phục những người tham gia khác và trình bày một học thuyết hấp dẫn nhất đối với các đồng minh mới: “Đối với vấn đề chính sách, chúng ta có một bản tuyên bố quan trọng nhất

do ngài Wickham Steed công bố. Đây là người suốt ba hoặc bốn tháng qua đã cố gắng để hoàn thiện nó, và chúng ta cũng có một bản tuyên ngôn dạng phác thảo. Tôi đã nhận được một bức thư của ngài Norman Angel, một người đồng cảm với tôi nhất... Chính sách của chúng ta là bám sát minh ước của Hội Quốc Liên, đó là nền tảng hoạt động của chúng ta. Về bất cứ phương diện nào, chúng ta cũng không mảy may xa rời nguyên tắc này.”

Định hướng mới này không làm giảm niềm tin của ông cho rằng việc nước Anh được vũ trang hùng hậu là nền tảng của mọi chính sách hiệu quả của Hội Quốc Liên. Cuối tháng 7, ông tổ chức một đoàn đại biểu hùng hậu gồm các thành viên Đảng Bảo thủ tháp tùng thủ tướng, với sự tham gia của Halifax (người lãnh đạo Thượng viện) và Inskip (bộ trưởng Quốc phòng phối hợp). Và ông cùng bàn bạc với họ trong nhiều giờ về những khiếm khuyết trong nỗ lực phòng thủ của nước Anh. Churchill đã cử Austen Chamberlain và hầu tước Salisbury làm người lãnh đạo trên danh nghĩa của đoàn đại biểu gồm 18 người, nhưng điều này không gây trở ngại cho việc ông chứng tỏ quyền lãnh đạo của ông đối với phái đoàn. Thật ra, đã có sự tham khảo biên bản của Nội các vài tuần trước khi ông đe dọa sẽ đọc một bài diễn văn dài 4 giờ, nhưng may mắn là ông đã không làm như thế. Dù hai cuộc hội nghị đã không mang lại nhiều kết quả, nhưng ít ra thì chúng cũng đã cho thấy sự mềm mỏng mà ông bày tỏ đã không gây hại cho mặt cứng rắn của ông. Ông đã chứng tỏ khả năng cổ vũ sự đón nhận phái tả mạnh mẽ hơn là thái độ kéo dài trong quá khứ. Ông đã cố gắng để làm cho đoàn đại biểu trong tháng 7 năm 1936 trở thành đoàn đại biểu quy tụ mọi đảng phái, nhưng Attlee và Sinclair đã không tham gia.

Xét theo mọi hướng, địa vị chính trị của Churchill vào tháng 11 năm 1936 xem ra lạc quan hơn là ông tưởng khi hy vọng được tham gia chính phủ trong khoảng thời gian 1935 đến đầu năm 1936 của ông ba lần không thành. Bài diễn văn về chính sách đối ngoại đọc trước Hạ viện vào ngày 8 tháng 11 của Churchill khá thành công, và ông cũng đã đọc một bài diễn văn đáng nhớ khác vào ngày 12 tháng ấy. Bài diễn văn sau được lưu ý ở việc ông duy trì một sự mỉa

mai tương xứng và ở việc nó đã khiến cho Baldwin khi đáp trả đã chạm đến một trong những thời điểm đáng thất vọng trong sự nghiệp đầy thăng trầm của Churchill, với cách diễn đạt hầu như là than vãn rất tai hại. Đoạn văn chế giễu của Churchill xoáy vào giả định mơ hồ trong một nhận xét của bộ trưởng Hải quân Duff Cooper, người về sau đã nhanh chóng trở thành một trong những đồng minh của Churchill. Cooper nói rằng: “Chúng ta luôn xem lại vị trí”, Churchill đã chộp lấy câu nói này: “Tất cả những gì mà ngài đô đốc cam đoan với chúng ta đều có thể thay đổi. Tôi tin chắc là như thế... Chính phủ không thể quyết định, hoặc không thể buộc thủ tướng đưa ra quyết định. Thế nên họ tiếp tục gây ra những nghịch lý kỳ lạ, quyết định để rồi không giải quyết, giải quyết lại thiếu kiên quyết, kỷ cương lập lờ, quyết tâm dễ thay đổi, sự toàn năng trở thành bất lực. Thế nên chúng ta tiếp tục chuẩn bị nhiều tháng, nhiều năm, những tài sản quý giá mang tính sống còn cho sự vĩ đại của nước Anh để rồi bị lãng phí”. Không ai có thể cho rằng những biện giải của Churchill là bộc phát. Nhưng ít ra thì chúng cũng đạt được hiệu quả trong việc chế giễu, điều hoàn toàn thiếu trong bài đáp từ của Baldwin, trong đó, ông đã tự bảo vệ trước lời buộc tội cho rằng Hitler đã được phép ung dung tái vũ trang trước nước Anh hai năm.

Vào ngày 25 tháng 11, Churchill đã củng cố thêm địa vị của ông bằng bài diễn văn sôi nổi đọc trước các thành viên của Hội tân thịnh vượng chung tại bữa tiệc trưa ở một khách sạn tại London. Bữa tiệc này thu hút được đến 450 thực khách quyền quý. Và xem ra mọi điều đều thuận lợi để cho cuộc họp tại Albert Hall có thể lôi kéo mọi tổ chức đến gần nhau. Điều này đã được xem xét kể từ lúc mới thành lập Nhóm nòng cốt, nhưng Churchill đã không muốn tổ chức cuộc họp một cách hấp tấp. Vào lúc này, với sự tự tin, ông đã tổ chức cuộc họp vào Thứ ba ngày 3 tháng 11. Citrine nhận vai trò chủ tọa, và Churchill là diễn giả chính. Điều này hẳn đã biểu tượng hóa sự đoàn kết mới của trung tâm “Tiền an ninh chính trị chung” chống Đức Quốc xã.

Vào lúc diễn ra cuộc họp, Churchill lại tự mình rơi vào một tình thế ngớ ngẩn nhất và tệ hại nhất trong cuộc đời ông. Vào cuối cuộc họp, “vấn đề của nhà

vua” (cách nói trại của Baldwin) đã bị phơi bày ra khỏi lớp vỏ bọc vốn che phủ nó thoát khỏi những đôi mắt tọc mạch của công chúng Anh. Ít nhất là từ mùa hè, việc vị vua mới dan díu với nữ công tước Wallis Simpson (một quý bà ở Baltimore hầu như đang cùng độ tuổi tương đối chín chắn với nhà vua và đang đi vào giai đoạn kết thúc cuộc hôn nhân thứ hai), đã bị chỉ trích rất nhiều trong giới báo chí Mỹ và châu Âu làm thủ tướng phải bận tâm. Vấn đề không phải là việc nhà vua chuyển sự quan tâm và yêu mến của ngài sang một người đàn bà mới. Thậm chí là sau 25 năm chịu đựng sự giáo dục khắt khe của Vua George V, Vua Edward VII lại không cấm đoán Vua Edward VIII để vị vua mới này lâm vào một mối quan hệ thiếu thận trọng đến mức ấy. Vấn đề là sự bướng bỉnh của nhà vua và tham vọng của Wallis Simpson có thể dẫn đến cuộc hôn nhân đưa bà lên ngôi hoàng hậu. Và vì sự kiện này, Baldwin và những người khác ngày càng nghi ngờ rằng với tính cách ấy của nhà vua và với suy nghĩ của công chúng, nhà vua khó phù hợp với ngôi vua theo hiến pháp.

Dù giới báo chí Anh vào lúc ấy đã im lặng một cách đáng ngạc nhiên (thậm chí cả một số thành viên Nội các cũng tỏ ra ngây ngô không hay biết), tất cả những điều này đã trở thành những đề tài bàn tán trong giới thân hữu của Churchill. Churchill tự xem mình là người thân của hoàng gia. Như đã được đề cập đến, trong những năm đầu trước khi cuộc chiến nổ ra, Churchill là khách thường xuyên trong những bữa tiệc khiêu vũ nhỏ của hoàng gia để nhà vua lúc ấy là hoàng tử xứ Wales tiêu khiển. Và trong mùa hè vừa qua trước đó, vợ chồng Churchill là khách mời trong dịp nghỉ cuối tuần lý thú ở Blenheim bên cạnh những người khách là nhà vua, bà Simpson (vẫn còn có chồng đi kèm), vợ chồng Duff Cooper, (vừa trở thành công tước và nữ công tước xứ Buccleuch) và bà Cunard. Dù trung thành với chế độ một vợ một chồng Churchill rất hiếm khi phê bình sự thiếu chung thủy của những người khác. Hơn nữa, ông phải chịu trách nhiệm đối với tính trẻ con của vị vua mới (một tính cách phù hợp với quan điểm lãng mạn của nhà vua đối với chế độ quân chủ), và Churchill đã nhận thấy vị vua mới phù hợp với ngài vàng hơn là Vua George V, vị vua duy nhất trong số

5 vị vua có liên quan đến sự nghiệp của Churchill mà ông chưa bao giờ quan hệ thân mật. Một phần do phát xuất từ cuộc gặp mặt ở Blenheim, trong mùa hè năm ấy, ông đã phác thảo hai bài diễn văn để tưởng nhớ công ơn của nhà vua và đã được nhà vua nhiệt tình đón nhận.

Vì thế, giữa họ đã có một tình bạn vững chắc và lâu dài, đáng tin cậy một cách tự nhiên. Thế nên vào đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng, nhà vua đã tìm kiếm và nhận được sự chấp thuận của Baldwin để có thể hỏi ý một số chính khách độc lập nào đó, mà người đó hẳn là Churchill. Điều không đáng tin, và cũng khá quan trọng đối với câu chuyện của Churchill, là tuyên bố của Churchill về việc xác định thời điểm cuộc triệu kiến. Không thể chối cãi là Churchill đã dùng bữa với chỉ riêng nhà vua tại Fort Belvedere vào buổi chiều thứ sáu ngày 4 tháng 12. Trong một ghi chép liên quan đến việc nhà vua thoái vị, sau suốt mùa thu không gặp nhà vua, Churchill đã tuyên bố là đã nhận được thông báo (không xác định ngày) từ Walter Monckton²⁷ qua điện thoại là có khả năng diễn ra bữa tiệc ấy vào lúc 5 giờ chiều cùng ngày.

Không rõ động cơ của việc Churchill không nói rõ ngày, nhưng có một lý do đáng ngờ gợi ý rằng cuộc triệu kiến được báo trước có thể đã được thông báo từ ngày hôm trước. Thứ nhất, không thể nào một chính khách Anh, cho dù là được nhà vua triệu kiến, lại có thể đến ăn tối với nhà vua vào 5 giờ chiều cùng ngày. Thứ hai, thái độ của Churchill vào chiều hôm trước (Thứ năm ngày 3 tháng 12) rất bồn chồn gợi ý rằng ông đã nhận được lệnh phải gặp nhà vua vào ngày hôm sau. Vào buổi chiều tối diễn ra cuộc họp ở Albert Hall, nơi mà Churchill trở thành tâm điểm chú ý, và ông đã kiên quyết, nhưng cũng rất thận trọng, để dàn cảnh cho cuộc họp. Tuy nhiên, trong hồi ký không thiên vị của Citrine, chủ tọa của cuộc họp chiều hôm ấy, đã ghi lại như sau:

Tất cả các diễn giả đều tập trung ở một phòng riêng nằm sau bức diễn thuyết ngoại trừ Winston vì ông đến trễ... Tôi không thích để cho cử tọa phải chờ đợi và tôi luôn bắt đầu cuộc họp đúng với thời điểm đã

được thông báo. Thế nên tôi đã nói với các đồng sự rằng: “Nếu Winston không hiện diện ở đây trong vòng ba phút nữa thì chúng ta sẽ bắt đầu cuộc họp mà không cần có sự hiện diện của ông ấy”... Tôi đã nhẹ nhõm khi Churchill nhanh chóng xuất hiện. Churchill kéo tôi sang một góc và xúc động nói: “Tôi phải nói chuyện với ông”. Tôi hỏi với giọng khá thô lỗ: “Chuyện gì thế?”. Ông đáp: “Chuyện về nhà vua”. Tôi hỏi: “Thế thì có liên quan gì đến cuộc họp này?”. Churchill đáp: “Người ta đang chờ tôi tuyên bố”. Tôi nói: “Tôi thấy chẳng liên quan gì. Chúng ta đến đây là để biểu lộ sự đoàn kết chống Đức Quốc xã. Chúng ta không đến đây để nói về nhà vua hay về bất cứ một chuyện gì khác. Nếu ông muốn đưa ra một bản tuyên bố thì những người khác cũng muốn làm như thế, mà nếu không có ai khác tuyên bố thì chính tôi sẽ tuyên bố. Ông sẽ bị thách thức”.

Vì thế mà cuộc họp bị trì hoãn này đã bắt đầu với sự lạnh nhạt giữa Churchill và vị chủ tọa, dù Citrine vẫn rộng lượng ghi lại rằng: “Cuộc họp đã kết thúc thành công và không hề xảy ra sự bất hòa con con nào”, và rằng: “Winston đã đọc bài diễn văn của ông [chỉ tập trung vào các vụ việc quốc tế] với phong cách của một bậc thầy diễn thuyết”.

Trong bữa tiệc nhỏ tại Fort Belvedere vào chiều ngày hôm sau, Churchill đã hoảng hốt vì nhà vua bị hai cơn mất tri giác nên Churchill phải gọi ngay hai vị bác sĩ giỏi là tử tước Dawson xứ Penn (Bertrand Edward Dawson) và nam tước Horder (Thomas Jeeves Horder) đến để khám bệnh cho nhà vua. Quan trọng hơn hết là ông đã nhấn mạnh đến việc cần phải có thời gian và khuyên cả nhà vua lẫn Baldwin (trong một bức thư sau đó) là không nên vội vã (đối với việc tuyên bố thoái vị). Tuy nhiên, hầu như chắc chắn là trong buổi chiều đầy cảm xúc như thế, Churchill đã thật sự tiến đến rất gần việc tự trao cho mình vai trò người lãnh đạo tương lai của phe “nhà vua”.²⁸ Có thể thấy rõ điều này trong một bức thư kỳ lạ nhất mà Churchill viết cho nhà vua vào ngày hôm sau (Thứ bảy). Bức thư này

khác thường vừa vì sự cầu thả (đôi khi không chính xác) của nội dung vừa vì giọng điệu tự mãn, trái ngược với dòng ghi chú trọng thị mà ông thường viết ở phía trên và dưới các bức thư gửi cho nhà vua. Thật ra, sự tự mãn trong thư đã gây ra sự ngờ vực đối với Churchill, cho dù ông tương đối điềm đạm khi viết. Bức thư này đáng để được chép lại hầu như trọn vẹn:

Thưa Hoàng thượng,

Tin tức dồn dập gửi về từ mọi mặt trận! Không có sự chỉ trích nào nhắm vào ngài. Chắc chắn là yêu cầu về thời gian sẽ được chấp nhận. Vì thế sẽ không có quyết định tối hậu hoặc dự luật nào được đưa ra cho đến lễ Giáng sinh (có thể là tháng 2 hoặc tháng 3).

2. Không vì bất cứ lý do gì để khiến nhà vua phải rời bỏ đất nước. Lâu đài Windsor là cứ điểm của ngài. Khi đất nước phải đối diện với quá nhiều hiểm họa, chúng ta không thể chiều theo bất cứ khuynh hướng tiêu cực dù nhỏ nhất nào. Vào lúc này, hẳn sẽ tốt hơn nhiều khi để cho bà Simpson trở lại nước Anh trong một hoặc hai ngày hơn là để cho nhà vua phải ra nước ngoài.

3. Ngài Craigavon, thủ tướng của Bắc Ireland, người bị tác động mạnh do lòng trung thành với Hoàng thượng và cần nhiều thời gian để làm quen với thực tế. Có thể nào không mời ông ta đến dự tiệc trưa vào ngày mai hay không? (Tôi nghĩ là) theo hiến pháp thì ông ta có quyền đến và dù sao chẳng nữa thì cũng không ai phản đối. Có thể công khai hóa sự thăm viếng của ông ta. Ông ta và tôi có những mong muốn như nhau, như là hy vọng rằng rốt cuộc thì sẽ có một kết thúc tốt đẹp. Đường đến Tipperary (một vùng đất ở Ireland) rất xa.

4. Nam tước Max [Beaverbrook] là người mà Hoàng thượng đã đưa về nước từ nước ngoài, là một người rất dũng mãnh trong chiến đấu. Tôi đã trao cho ông ta thông điệp của Hoàng thượng, xin ngài hãy gọi điện thoại hoặc viết thư cho ông ta, tốt hơn là gọi điện thoại. Nếu có thể

sắp xếp thì cứ cho ông ta diện kiến vì tôi thấy chẳng hại gì. Tuy nhiên, điều quan trọng là cần tiếp xúc với ông ta.

5. Bài báo của Bernard Shaw trong tờ *Evening Standard* đêm nay là một bài báo thật sự dí dỏm nên đọc. Ông ta là một người hạnh phúc.

Tóm lại.

Việc có lợi thế về mọi mặt của họ đã mang lại cho họ triển vọng giành được những địa vị cao và khả năng tập trung được những lực lượng lớn.

Tôi tớ và là thần dân trung thành hết lòng vì Hoàng thượng.

WSC (Winston *Leonard Spencer Churchill*).

Ngày hôm sau (Chủ nhật, 6 tháng 12), Churchill đã đưa ra một tuyên bố chính thức khá khoa trương trước giới báo chí. Trên danh nghĩa thì nó chỉ là lời kêu gọi “hãy kiên nhẫn”, nhưng trong quá trình triển khai sự việc, ông đã đưa ra một số chủ trương có hại cho hiến pháp. Ông nói rằng không cơ quan nào có quyền khuyên nhà vua thoái vị. Nếu các bộ trưởng không muốn thu hồi lời khuyên của họ “thì dĩ nhiên là họ có quyền từ chức”, và việc họ cố gắng ngăn chặn trước việc thành lập chính phủ thay thế là không đúng. Hơn nữa, nhà vua không thể thực hiện hành động mà các bộ trưởng rất sợ, đó là kết hôn với bà Simpson (vì bà chưaa hoàn tất thủ tục ly hôn) trước sớm nhất là tháng 4. Vì thế, sao chúng ta không thảo luận kỹ càng? Quan điểm cuối cùng này của ông đã bị chỉ trích nặng nề bởi John Alfred Spender, người viết tiểu sử của Campbell-Bannerman và Asquith và là một chủ bút thuộc Đảng Tự do rất được tôn trọng: “Sao ông lại có thể đề nghị rằng nên kéo dài vấn đề hiện nay đến năm tháng, năm tháng tranh cãi giằng dũa và chia rẽ. Có khả năng là có một phe phái bảo hoàng được thành lập để chống chính phủ. Nhà vua là trung tâm chia rẽ làm suy yếu đất nước và Khối Thịnh Vượng Chung, mà tất cả những điều này lại diễn ra trong tình hình hiện nay của thế giới?”. Không phải chỉ có Spender là người duy

nhất chỉ trích nặng nề Churchill. Cũng trong ngày hôm ấy, Wickham Steed đã cảnh báo rằng: “Có lẽ chúng tôi, những người cùng cộng tác với ông trong phong trào Tự do và Hòa bình (tên gọi khác của những người bảo trợ cuộc họp ở Albert Hall) phải công khai tách riêng vì không cùng quan điểm với ông”. Và từ một quan điểm khác, hầu tước vùng Salisbury đã viết thư cho Churchill với hàm ý có phần đe dọa: “Tôi rất lo lắng khi thấy thái độ hiện nay của ông”.

Trong tất cả những bức thư mà Churchill nhận được vào Thứ hai ấy, không có bức thư nào đủ khả năng để làm nản lòng Churchill. Ông đã đến Hạ viện vào Thứ ba (ngày 8 tháng 12), được cho là đã dùng bữa trưa trong một dịp gặp gỡ giữa các chính khách Anh và Pháp, đã quyết định ăn thoải mái. Nhiều thành viên quay lại sau dịp nghỉ cuối tuần từ các khu vực bầu cử xa xôi hơn vùng Epping (nơi mà Churchill không đến trong bất cứ trường hợp nào) với chủ trương ủng hộ Baldwin và chống nhà vua đã được củng cố bởi các quan điểm địa phương ở những nơi họ đến. Baldwin chỉ đưa ra tuyên bố chủ trương hòa giải và có triển vọng sẽ làm cho tình hình sáng sủa hơn vào sáng Thứ ba. Điều này đã không ngăn được việc Churchill tiếp tục quan điểm của mình và chuẩn bị sẵn sàng mọi loại vũ khí ngôn từ hạng nặng. Những điều ông nói được cho là thí dụ kinh điển của ngôn từ trái ngược hoàn toàn với cảm nghĩ của Hạ viện không phải là nhiều lắm, thật ra, ông đã bị buộc phải im lặng trước khi có thể lên tiếng. Việc này không phải luôn là điều xấu vì đôi khi Hạ viện có thể bị chi phối bởi những cảm xúc tồi tệ nhất. Tuy nhiên, khi nhìn lại, nguyên nhân của việc giữ Vua Edward VIII trên ngai vàng xem ra không thể tương đương với sức mạnh đạo đức đã khiến cho Martin Luther quan tâm đến việc cải cách tại nhà thờ Wittenberg.

Thất bại của Churchill vào chiều hôm ấy là điều chắc chắn. Harold Nicolson, người thường rất thân với Churchill, đã viết: “Hôm qua, tại Hạ viện, Churchill đã hoàn toàn thất vọng... Trong vòng 5 phút, ông đã phá hủy những công trình tái thiết mà ông đã kiên nhẫn gây dựng suốt hai năm”. Trong giai đoạn này, Leo Amery, người dù thường tỏ ra thù địch, lại khá thân thiện với Churchill. Ông đã viết: “Churchill đã hoàn toàn choáng váng do Hạ viện đồng lòng chống lại ông

và do bị chủ tịch Hạ viện khiển trách”. “Baffy” Dugdale đã thay đổi quan điểm ba tuần trước của bà. Bà chỉ để cho Churchill ba phút, thay vì năm phút như Nicolson đã cho, để tự đào mồ chôn mình. Bà đã viết: “Robert Bernays [một nghị sĩ trẻ của Đảng Bảo thủ về sau chết trong chiến tranh] đã lái xe đưa tôi về nhà. Anh ta nói rằng hôm qua Winston đã bị phản đối quyết liệt, và ông rất nhẫn nại... Trong vòng ba phút, hy vọng nắm giữ quyền lực và ảnh hưởng của ông đã tan tành”. Và giậu đổ thì bìm leo, Robert Boothby khẳng định rằng ngay lập tức, trong khoảnh khắc dễ bị tấn công nhất, Churchill đã được thông báo rằng: “Chiều hôm nay, ở Hạ viện cũng như trước nhân dân, ông đã tặng cho nhà vua một quả đấm mạnh ngoài sức tưởng tượng của Baldwin. Ông đã làm giảm số lượng người ủng hộ đến mức tối thiểu. Tôi nghĩ con số này chỉ còn vón vện bảy người”. Sau đó, Boothby đã xin lỗi về bức thư này, và Churchill luôn là người khoan dung. Cho dù là như thế, nhưng trong năm 1940, Boothby bị buộc phải rút lui khỏi chính phủ (của Churchill) vì một luận điệu được cho là “dơ bẩn”. Và người lãnh đạo chính phủ (Churchill) được cho là đã không sốt sắng trong việc cố gắng giúp ông ta, có khả năng là vì Churchill đã nhớ lại bức thư trước kia.

Bị bề mặt tại phòng họp, bị công kích bởi công văn độc địa của Boothby và bầu khí thù địch chung, Churchill đã không thể lảng lạng bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi bị một đòn choáng váng trong Nghị viện, ông đã đọc một bài diễn văn để tự biện hộ trước uỷ ban gồm 2.922 thành viên Quốc hội bình thường (những người không giữ những vị trí quan trọng) thuộc Đảng Bảo thủ. Báo cáo về cuộc họp được nghị viên phụ trách việc tổ chức gửi cho Nội các có đoạn như sau: “Có rất nhiều người tham dự... có một vài người vỗ tay khen ngợi khi ngài Churchill phát biểu. Tuy nhiên, ấn tượng chung là tốt, đó là một bài diễn văn hay và được đón nhận”. Nội dung của nó đã buộc vị nghị viên phụ trách ghi lại thành báo cáo dài nhiều ngàn từ. Dù sao thì bài diễn văn ấy cũng chẳng phải là một kỳ công của việc tự kiểm chế. Nó cho thấy rằng, ngoài việc là một người tự cao tự đại dễ tự ái, Churchill còn là một diễn viên giỏi. Và ông lại chứng tỏ điều này vào Thứ năm (ngày mà Baldwin chuẩn bị một báo cáo cần trọng, hòa nhã, nhưng có sức

hủy diệt mạnh, về chủ trương của ông đối với “vấn đề của nhà vua”), giải thích tại sao nhà vua lại tự chọn phương án thoái vị thay vì những phương án khả thi khác.

Bài diễn văn này là chiến thắng lớn sau cùng của nhà vua. Kế đó, Atdee đưa ra một bài phát biểu, có lẽ đây là lần đầu ông sử dụng quyền lực và sự đánh giá đúng đắn của mình, để ủng hộ Baldwin. Sau khi Sinclair phát biểu, có lẽ là một lúc hơi lâu, Churchill đã cố gắng thực hiện một cuộc rút lui chiến thuật trong tình huống tồi tệ nhất. Thậm chí Amery cũng nghĩ rằng Churchill đã rất khéo léo khi thực hiện “chỉ qua một bài diễn văn súc tích đáng ngưỡng mộ”. Ông nói rằng điều đã làm thì đã là chuyện quá khứ, và hãy để cho lịch sử giải quyết những điều ấy và cả những điều chưa được thực hiện. Vào lúc đó, tất cả những người tin tưởng vào nguyên tắc quân chủ “phải cố gắng củng cố ngai vàng và trao cho người kế vị đức vua sức mạnh, một sức mạnh chỉ có thể phát xuất từ lòng mong muốn quốc gia và đế chế đoàn kết”.

Sự thoái vị của nhà vua gây hại cho vị trí và các triển vọng tương lai của Churchill ra sao? Vào ngày 1 - 1 - 1937, Churchill đã viết thư cho Bernard Baruch, trong đó có đoạn: “Tôi không cho rằng chủ trương của tôi không tác động nhiều đến vị trí chính trị của chính tôi, nhưng cho dù là như thế, tôi cũng vẫn không hành động theo cách khác”.

Đối với hầu hết những người khác vào đầu năm 1937, tuyên bố này hẳn được cho là phát xuất từ lòng tự mãn thô thiển. Nhưng nhìn qua những gì đã xảy ra trong vòng không đến ba năm rưỡi sau đó, có thể cho rằng triển vọng trung hạn của Churchill vững vàng hơn so với những đánh giá của Nicolson, Amery, Bernays, Dugdale, Boothby và nhiều người khác.

Tuy nhiên, điều trở trêu cuối cùng là nếu Churchill thành công trong việc giữ Vua Edward VIII lại trên ngai vàng, có thể là, trong khoảng thời gian 1940 - 1941, ông cho rằng nhà vua là người lãnh đạo tiềm năng nguy hiểm của một nhà nước theo kiểu Vichy (Vichy government: chính phủ thân Đức của Pháp) cần

phải truất phế hoặc kiềm chế. Bà Dugdale kết luận đánh giá ngày 8 tháng 12 của bà: “Nhưng Thượng đế một lần nữa hậu thuẫn tôi tớ của ngài là Stanley Baldwin”. Thế nhưng trong bối cảnh chính trị của thập kỷ kế tiếp, có thể Thượng đế lại được cho là hậu thuẫn còn mạnh hơn nữa, cho dù tinh tế hơn, đối với tôi tớ của ngài là Winston Churchill.

Chương 27

TỪ THOÁI VỊ ĐẾN THỎA THUẬN MUNICH

Nhìn chung, năm 1937 là một năm yên tĩnh. Về phía cuối thập niên 1930 là thời kỳ mà tốc độ rơi vào khủng hoảng tạm thời giảm. Hitler, hoặc Mussolini, đã không thực hiện thêm hành động kỳ quái nào. Họ tiếp tục ủng hộ cuộc nổi loạn đang ngày càng thành công của tướng Franco. Và họ đã thật sự hủy diệt Guernica (bản doanh của Quốc hội xứ Basque tự trị) vào tháng 7, trong đợt oanh tạc dữ dội đầu tiên của không quân Đức trước khi oanh tạc Coventry và nhiều thành phố khác của Anh suốt ba năm sau đó. Nhưng đã không có dấu hiệu báo trước rõ ràng như những dấu hiệu mà khủng hoảng Abyssinia (tên cũ của Ethiopia) và Rhineland đã cung cấp năm 1935 và 1936, và liên minh chính trị với Áo rồi kế đó là áp lực dữ dội đè nặng trên Tiệp Khắc đã được thực hiện trong năm 1938. Như thế, năm 1937 giữa hai cuộc chiến là năm kết thúc giai đoạn hòa bình bề ngoài, là thời điểm mà người ta còn có thể lẫn tránh việc thừa nhận rằng Thế chiến II là điều không thể tránh. Nó tương đương với năm 1913 trước sự hân hoan trong mùa thu trước năm 1914 (trước khi diễn ra Thế chiến I).

Đây không phải là năm mang lại sự hài lòng cho Churchill. Khi nhìn lại chuyện đã qua, chúng ta có thể thấy rằng ông đã tự đưa mình vào vị trí mà theo đó chỉ có chiến tranh mới có thể mang lại quyền lực cho ông. Điều này không có nghĩa là ông muốn có chiến tranh. Dù rất phấn khích trước các vấn đề quân sự, nhưng như đã đề cập đến từ trước, ông không phải là kẻ hiếu chiến. Churchill không thích sự chết chóc theo cách đã khiến cho thống chế Haig (tư lệnh mặt trận phía tây của Anh trong khoảng thời gian 1915 - 1918) phải động tâm. Và

hơn nữa, rõ ràng là ông không xem chiến tranh là điều kiện cần thiết để phục hồi vận mệnh chính trị. Ông luôn hy vọng phần nào lạc quan rằng một vài thay đổi chính trị có thể mang lại cho ông chức vụ cao trong chính phủ. Ông luôn tỏ ra lãnh đạm với chức vụ nhưng nói rằng nếu được trao cho một công việc xứng đáng nào đó, như ở Bộ Quốc phòng, hẳn ông sẽ chấp nhận. Thậm chí ông còn tỏ ra hy vọng rằng việc Baldwin bị thay thế bởi Neville Chamberlain vào cuối tháng 5 có thể mở ra cho ông một triển vọng mới.

Vào năm 1937, Churchill trở nên chán nản do cuộc sống về hưu nửa mùa. Cincinnatus đã rất quyến luyến với nông trại của ông ta nhưng không quá lâu. Charles de Gaulle đã cảm thấy rằng 11 năm ở làng Colombey-Ies-deux-Églises là quá đủ. Và vào năm 1937, Churchill đã không chịu đựng được lâu hơn nữa cuộc sống nhàn nhã ở điền trang và cảm giác của de Gaulle 20 năm sau đó khi đã 67 tuổi và đã già cỗi về thể xác. Trong năm 1937, Churchill chỉ mới 62 nhưng cũng đã bắt đầu cảm nhận được tuổi già. Chúng ta cũng có thể nhận thấy rằng hầu như việc viết sách một cách điên cuồng vào đầu và giữa thập niên 1930 đã bắt đầu sụt giảm, do cả về khả năng của tác giả lẫn thị trường tiêu thụ. Liệu *Marlborough*, tác phẩm văn chương chủ yếu của ông trong giai đoạn này, có thể từ là công việc phát xuất từ sự yêu thích lại biến thành gánh nặng hay không? Khó mà biết được rằng tạo sao ông lại kéo dài quá mức, cả về số trang lẫn thời gian. Tác phẩm này được dự định vào mùa hè 1929 là sẽ gồm một hoặc nhiều nhất là hai tập, gồm khoảng từ 180 ngàn đến 250 ngàn từ. Nhưng tám năm sau (và bốn năm sau khi xuất bản tập 1) nó lại đòi hỏi sự tập trung nỗ lực ghê gớm để gói gọn nó trong bốn tập với gần một triệu từ. Các nhà xuất bản của ông, cả ở London lẫn New York, đều không hài lòng với sự gia tăng khối lượng. Đối với nhà xuất bản London, vào tháng 6, ông đã viết một bức thư xin lỗi nói rằng không sẵn sàng để in vào cuối tháng 8 mà phải để đến tháng 12. Và với Clementine (vợ Churchill), ông viết thư cho bà vào cuối tháng 7 (lúc bà đang chữa bệnh ở Áo) than phiền rằng ông đã làm việc quá sức, khối lượng công việc dành cho tác phẩm *Marlborough* là quá lớn. Nhìn chung, người ta có ấn tượng

rằng “Công tước John (John Churchill, nhân vật chính của *Marlborough*) đã ở lâu quá mức được chào đón (ý nói là tác phẩm quá dài), và hẳn mọi người mong rằng tác phẩm *Marlborough* sớm kết thúc”.

Hơn nữa, *Marlborough* lại được xuất bản vào thời điểm Churchill phải làm việc với một nhà xuất bản khác về một tác phẩm lớn khác là *History of the English Speaking Peoples*. Và ông đã khá ngần ngại khi phải viết những bức thư trấn an nhà xuất bản Cassell & Co, nhà xuất bản mà ông đã nhận trước tiền nhuận bút. Ông nói với họ rằng việc nghiên cứu tìm tài liệu đã được thực hiện chu đáo ra sao. Ông còn phải tiếp tục viết các bài báo để lấy tiền thù lao trả cho đội ngũ biên tập của ông và bảo dưỡng các điền trang tại Chartwell và Morpeth, cũng như chi trả cho các thư ký cũng như các trợ lý nghiên cứu. Theo ghi chép thường là chính xác của Martin Gilbert, trong giai đoạn này ông đã viết khoảng 64 bài báo, mỗi tuần hơn một bài. 33 bài trong số này được viết cho tờ *Evening Standard* của Beaverbrook, nơi đã trở thành đầu ra chính cho các bài báo của Churchill. Trong số này, những bài báo viết về vấn đề chính trị được phát hành suốt năm nửa tháng một bài. Nhưng ông còn viết cho cùng tờ báo này về chủ đề (nóng bỏng) khác nữa có tựa đề là *The Great Reigns (Những triều đại vĩ đại)*, bắt đầu với “The Heroic Story of Alfred the Great” (Câu chuyện anh hùng của Alfred đại đế) và chấm dứt bằng bài báo “Victoria, Mother of Many Nations” (Victoria, bậc mẫu nghi của nhiều quốc gia).

Tờ báo khổ nhỏ *News of the World* là đầu ra thứ hai với 30 bài báo được phát hành trong năm này, và nó bị theo sát nút bởi tờ *Sunday Chronicle* với 11 bài báo. Những bài báo được đăng trong tờ *News of the World* luôn được chủ báo là Emsley Carr đón nhận nồng nhiệt.

News of the World là một nguồn tiền dự trữ tuyệt vời được khai thác trong trường hợp khẩn cấp, nhất là vì nó chi trả gần 400 bảng Anh (tương đương với 12 ngàn bảng Anh ngày nay) cho mỗi bài báo. Nhưng tờ *Sunday Chronicle* lại là nơi rất tốt để Churchill tiêu thụ những bài báo dư thừa. Trong tháng 2, tờ *Sunday Chronicle* đã đăng bài báo “Big Navy (Lực lượng hải quân hùng hậu)”, trong

tháng 5 là bài “A King’s Command (Một mệnh lệnh của nhà vua)”, và trong tháng 6 là “The Creed of the Devil” (Tín điều của quỷ). Những bài báo dự phòng này đã được trả tiền nhuận bút không quá hậu hĩnh. Một người ẩn trong bóng tối được gọi là Adam Marshall Diston (người dường như không bao giờ xuất hiện tại điền trang Chartwell) đã hoàn thành phần lớn một bài báo được đăng trong *News of the World* chỉ để được nhận 15 bảng Anh, và thậm chí Eddie Marsh, một người khó tính nhưng rất được ngưỡng mộ sau khi được bố trí để rút gọn tác phẩm *Chiến tranh và Hòa bình* thành một phiên bản gồm vài ngàn từ cho Churchill (ông tuyên bố rằng đây là công việc nặng nhọc nhất mà ông từng làm) và phải may mắn lắm mới nhận được 10% tiền nhuận bút mà Churchill được nhận. Tuy nhiên, họ và những người khác dường như rất hài lòng với các khoản tiền được nhận.

Trong năm 1937, thị trường Mỹ béo bở là nơi mà thu nhập qua việc viết báo của Churchill giảm bớt so với tiền mà ông kiếm được ở đó vào đầu thập kỷ. *Saturday Evening Post*, cũng như nhà xuất bản Hearst của Mỹ đã không còn nằm trong bảng liệt kê các đầu ra của Churchill. Ông đã viết bốn bài báo cho tạp chí *Colliers Weekly* của Mỹ trong năm này. Nhưng không phải là tất cả đều được phát hành. Bất chấp sự thẳng thắn và không hoàn toàn thù địch trong bài viết về tiểu sử của Neville Chamberlain sau ngày ông này nhận chức thủ tướng, bài viết này chỉ được đăng sau khi đáp ứng yêu cầu viết bổ sung thêm khoảng từ 400 đến 500 từ “mô tả tính cách xa cách và những giai thoại về ông ta”. Tại quê nhà, tờ *Daily Mail* (khi ấy là tờ báo trả nhuận bút cao nhất cho Churchill) đã đình bản. Rothenmere vẫn là một người quen với mức độ thân mật vừa phải nhưng không còn là một người ủng hộ.

Cuối năm 1936, Churchill đã viết thư cho vị giám đốc ngân hàng luôn lo lắng về việc làm thế nào để có được tổng thu nhập vào năm tới khoảng 15 ngàn bảng Anh (tương đương với 450 ngàn hiện nay). Một con số không nhỏ nhưng khi so với lối sống của ông và thu nhập của phần lớn bạn bè ông thì cũng không phải là quá lớn. Và điều này đã làm dấy lên sự thắc mắc không biết liệu ông có

tiếp tục duy trì được điền trang Chartwell hay không, dù nó là nơi rất quan trọng đối với cuộc sống và sở thích của ông. Vào ngày 2 - 2- 1937, ông đã viết cho Clementine (đang nghỉ tại một địa điểm trượt tuyết) một bức thư tỏ ra lo lắng về tình hình tài chính:

Có một quý bà quan tâm đến một ngôi nhà giống như ngôi nhà ở điền trang Chartwell của chúng ta... Nếu có thể bán được 25 ngàn bảng Anh thì anh sẽ bán. Nếu không bán được với mức giá cao, chúng ta có thể tiếp tục duy trì thêm một hoặc hai năm nữa. Nhưng anh sẽ không từ chối nếu bán được giá vì con cái của chúng ta hầu như đều đã trưởng thành và anh cũng chẳng còn sống được lâu nữa.

Do quý bà ấy đột nhiên biến mất hoặc do thu nhập của Churchill tăng nên hai năm sau đó ông đã không bán điền trang Chartwell. Ông đã nói đúng về chi tiết này, cho đến khi khủng hoảng lại xuất hiện. Một người rất quan trọng đối với Churchill trong những năm cuối đời của ông, đã thật sự xuất hiện hầu như đúng vào lúc Churchill gửi thư cho Clementine. Nhưng người ta nghi ngờ đối với việc Churchill có đủ tiền ngay để giải quyết vấn đề. Vị hiệp sĩ được chờ đợi ấy là Imre Revesz, một người Hungary định cư tại Paris, điều hành một văn phòng đại diện được gọi là “Co-operation” chuyên cung cấp các bài báo của các chính khách hàng đầu trên 25 quốc gia. Ông được Austen Chamberlain giới thiệu với Churchill (Austen Chamberlain chết sau đó năm tuần) như một sự giúp đỡ lúc chia tay. Đây là điều đáng ngạc nhiên vì nghề viết báo kiếm tiền nhìn chung là một trò chơi mà vị chính khách già này hầu như luôn thua thiệt. Lúc đầu, Revesz gần như bòn mót từng đồng xu cho Churchill. Ông đã yêu cầu nhật báo *Paris Soir* trả cho Churchill 99 bảng Anh để đăng lại những bài báo mà Churchill viết cho tờ *Evening Standards* nhật báo *Dagens Nyheter* ở Stockholm trả cho Churchill gần 44 bảng Anh. Trong khi một tờ báo nhỏ viết bằng tiếng Yiddish ở thành phố Kaunas của Lithuania nhận đăng lại chúng với giá chỉ 8 shilling, tương đương với 12 bảng Anh. Revesz được hưởng 40% tiền nhuận bút của

những bài báo in lại này. Đây là mức chi trả cao nhưng ông ta đã phải bỏ công nhiều để tạo ra và duy trì mạng lưới tiếp xúc, sắp xếp vô số những bản dịch, và cố gắng để các báo phát hành đồng thời (đối với việc này, việc gắn bó với những biên tập viên địa phương là rất quan trọng) trong một châu Âu không có fax hoặc thư điện tử mà chỉ có các dịch vụ liên lạc sơ sài qua đường hàng không. Chỉ riêng tháng 10 năm 1937, Imre Revesz và Churchill đã trao đổi với nhau 19 bức thư, trong số này có chín bức thư do Churchill viết. Lúc đầu Churchill rất cảnh giác, nhưng về sau ông rất thích hoạt động kinh doanh của Revesz. Nó không chỉ giúp phổ biến các quan điểm của ông, mà còn mang lại cho ông gần 2 ngàn bảng Anh mỗi năm mà không cần phải viết thêm.

Vào đầu cuộc chiến, Revesz đến London, nơi ông ta bị thương nặng do không kích, rồi kể đó là New York, đổi tên thành Emery Reves và quen với một người bạn gái Texas hấp dẫn tên là Wendy, người về sau ông cưới làm vợ. Cuối thập niên 1940, ông đã làm việc cho Churchill. Và chính ông trở nên giàu có qua việc điều đình về tác quyền ở Mỹ đối với tác phẩm “Thế chiến II” và tự mua bản quyền của tất cả các phiên bản tiếng nước ngoài của tác phẩm này. Trong sự nghiệp kinh doanh của mình, ông đã thu tóm được *La Pausa*, tờ báo được Churchill ưa thích ở miền nam nước Pháp, đình bản trong khoảng thời gian từ 1955 đến 1960 do những mâu thuẫn xã hội giữa họ. Bà Clementine Churchill không ưa Reves, và có lẽ điều này đã kết thúc những chuyến thăm viếng kéo dài trong một thời gian dài của ông.

Điều làm tăng sự hứng thú với hoạt động viết sách của Churchill trong năm 1937 là việc sắp xếp và xuất bản tác phẩm *Great Contemporaries* (Những người vĩ đại đương thời) trong mùa hè và đầu mùa thu. Ông bắt đầu tập trung cao độ vào *Great Contemporaries* vào giữa tháng 7. Và sau đó, ông hân hoan cảm thấy công việc trở nên nhẹ nhàng và vui thú trong giai đoạn sắp xếp lại và kiểm tra một vài sự kiện, song song với việc viết tác phẩm *Marlborough*, một công trình hao tâm tốn trí hơn nhiều, và đã đến được với ánh sáng ở cuối đường hầm. *Great Contemporaries* được hoàn thành vào đầu tháng 9, đã thành công ngay và kéo

dài. Năm ngàn bản đầu tiên đã bán hết nhanh chóng, tiếp theo cũng là năm ngàn bản, làm cho doanh số đợt đầu cao đáng kể, nhưng lượng ấn bản còn cách xa mức 15 ngàn bản. Churchill hài lòng với kết quả. Ông đã viết cho Marsh vào ngày 11 tháng 10: “Ông sẽ vui khi biết rằng *Great Contemporaries* bán rất chạy”. Cũng như mọi khi, ông gửi sách cho những người bạn già và các đối thủ chính trị ôn hòa (như Baldwin, Neville Chamberlain và John Simon) và nhận được nhiều thư tỏ ra niềm nở hơn là tình cảm mà ông thường nhận được khi tặng sách.

Các bài bình luận, mà phần lớn là nặc danh vào thuở ấy, phần lớn là tích cực. Thậm chí trong tờ *New Statesman*, nhà lý luận chính trị nổi tiếng Leonard Woolf (người có một số tiểu luận xuất sắc) đã viết bài khen ngợi. Trường hợp ngoại lệ là J. C. Squire, một nhà bình luận có ảnh hưởng lớn vào thời ấy, đã viết bài chê bai trong tờ *Daily Telegraph*, điều đã làm cho Thornton Butterworth, người xuất bản sách này, mất tinh thần. Trong ấn bản năm 1937, *Great Contemporaries* gồm 22 bài tiểu sử đã được xuất bản từ trước nhưng có bổ sung thêm chi tiết, bắt đầu là tiểu sử của Rosebery và kết thúc là tiểu sử được viết vội vã về Vua George V. Tiểu sử của chính khách thứ tám của Anh được viết hay nhất, nhưng tiểu sử của chính khách thứ 14 mới là tiểu sử được ông viết với lòng kính trọng. Các tiểu luận mô tả Balfour, Asquith, Curzon và Birkenhead có chứa nhiều đoạn văn gây ấn tượng sâu sắc. Nói về Balfour, Churchill viết: “Ông đi từ hội đồng chính phủ này sang hội đồng chính phủ khác [từ Nội các của Asquith đến Nội các của Lloyd George], từ Nội các của vị thủ tướng bệnh vực ông đến Nội các của vị thủ tướng chỉ trích ông nặng nề nhất. Ông giống như một đóa sen dịu dàng mạnh mẽ vươn lên khỏi ao bùn mà không lấm bẩn”. Nói về Asquith, ông viết: “Ông ngồi trong Nội các giống như một chánh án, kiên nhẫn lắng nghe và xem xét vụ kiện từ mọi phía... Và khi kết thúc phiên tòa, phán quyết mà ông đưa ra rất hiếm khi không làm thỏa mãn các bên... Đối với Asquith, nếu cửa tòa án mở, ông tập trung toàn bộ tâm trí vào vụ kiện. Còn nếu cửa tòa án đóng, bạn có thể bước vào mà không cần phải gõ cửa vì có gõ hay không thì cũng chẳng làm ông bận tâm”.

Về sự nghiệp của Curzon, ông viết: “Buổi sáng là vàng, buổi trưa là đồng, và buổi chiều là chì. Nhưng tất cả đều cứng rắn và được đánh bóng cho đến khi sáng bóng theo yêu cầu của từng loại”. Khi viết về Birkenhead (F. E. Smith), một người bạn lớn không cùng đảng phái, ông đã viết những dòng ca ngợi đáng nhớ: “Trong mọi công việc, dù công hay tư, nếu ông ta đứng về phía bạn vào Thứ hai, Thứ ba ông vẫn thế, và vào Thứ sáu khi mọi việc xem ra đáng thất vọng, ông vẫn mạnh dạn ủng hộ bạn”. Từ đầu đến cuối công trình biên soạn bộ sưu tập các tiểu sử, từ phòng làm việc của nhóm ông toát lên một cảm giác tự do, với văn phong của nhiều người được trau chuốt như văn phong của chính Churchill và không bị gò bó. Giống như các bức tranh của chính ông. *Great Contemporaries* vẫn là một ngôi sao rất sáng trong chòm sao gồm nhiều tác phẩm văn học của Churchill.

Ngoài số lượng lớn gồm các tác phẩm văn học và các bài báo (dù tuyển dụng nhiều người cộng tác, nhưng Churchill luôn đích thân thẩm định và biên tập lại), Churchill còn viết một lượng lớn thư mà trong đó ông hiếm khi hà tiện trong việc sử dụng ngôn từ. Ông công kích các bộ trưởng với những bức thư và họ thường rất thận trọng khi đáp trả. Điều này một phần là vì cách xử sự trong thời kỳ ấy, với tác phong của các vị bộ trưởng cao quý hơn ngày nay, một phần là vì chẳng ai muốn chọc giận Churchill một cách không cần thiết. Sau bài diễn văn đọc trong tháng 11, nhật báo *Daily Telegraph* đã nhận xét: “Churchill vẫn là nhà hùng biện giỏi nhất trong Hạ viện...”. Ở đây còn có sự lịch sự giả dối gây ấn tượng sâu sắc trong chính phủ đa đảng phái của dân tinh lẻ Baldwin lẫn trong chính phủ khép kín của thị dân Neville Chamberlain. Nó được duy trì trong giới các chính khách cấp cao của Đảng Bảo thủ. Xét lại sự việc từ quan điểm ngày nay, sẽ thấy rõ hơn khi nhìn từ quan điểm của thời ấy, chúng ta thấy rằng Baldwin và Chamberlain đã kiên quyết ngăn chặn không để Churchill tham gia chính phủ của họ. Ít nhất là trong thời bình dưới thời chính phủ của Chamberlain. Họ kín đáo đưa ra những lý do khác nhau để biện minh cho quyết định của họ. Ví dụ như Baldwin nói với Tom Jones, một người bạn tâm giao của

ông, vào tháng 5 năm 1936:

Một ngày nào đó gần đây tôi sẽ đưa ra một số nhận xét vào một dịp tình cờ nào đó về Winston. Không phải là một bài diễn văn mà chỉ là một vài từ đột xuất. Tôi đã chuẩn bị. Tôi sẽ nói rằng khi Winston chào đời, có rất nhiều nàng tiên sà xuống nôi của ông với nhiều món quà trên tay như *trí tưởng tượng*, tài hùng biện, tính cần cù, năng lực làm việc. Và kể đó là một nàng tiên khác bay đến nói rằng: “Không ai có quyền nhận được nhiều quà đến thế”. Nàng ta chỉ nhắc ông lên và đóng cửa ông mà thôi. Và với nhiều món quà đã nhận được, ông đã từ chối hai món quà là khả năng công bằng và sự khôn ngoan. Và đó là lý do khiến chúng ta thích thú khi nghe ông trở tài hùng biện trong Hạ viện nhưng lại không nghe theo lời khuyên của ông.

Một vài tháng trước khi Chamberlain kế nhiệm Baldwin, một bữa tiệc trưa với người sắp trở thành thủ tướng đã truyền cảm hứng cho “Baffy” Dugdale viết: “Xem ra Winston sẽ không được mời tham gia Nội các của Chamberlain. Ông ta [Chamberlain] đã trích dẫn, với sự cho phép, đoạn mô tả Churchill của (tôi nghĩ là) Haldane khi họ cùng tham gia Nội các của Asquith: Nó giống như việc tranh cãi với một ban kèn đồng”. Tuy nhiên, theo những phong cách khác nhau, cả Baldwin lẫn Chamberlain đều phấn khởi và xúc động mỗi khi được Churchill gửi biểu những quyển sách thành công. Việc ngưỡng mộ thành quả văn chương là việc làm dễ chịu hơn là việc đón nhận những quan điểm phần lớn là gây ra sự khó chịu của ông.

Với một số ít bộ trưởng được ông quan tâm, lượng thư từ qua lại của Churchill đối với họ cũng nhiều như sự tự tin của chính ông. Việc ngài Thomas Inskip được bổ nhiệm làm bộ trưởng Quốc phòng phối hợp vào tháng 3 năm 1936 đã khiến cho Churchill thất vọng cay đắng. Inskip là chính khách có chính kiến khác với Churchill nhất, ông là một người đáng kính, giáo điều, có phong cách tình lễ và tự đắc. Nhưng trong vòng hai tháng, Churchill đã viết cho ông

nhiều bức thư chỉ trích rất dài và đưa ra những lời khuyên chi tiết. Và Inskip tiếp tục cố gắng kiên nhẫn hồi âm bằng những bức thư dài tương đương với thư của Churchill. Để thưởng công cho sự cần mẫn này, Inskip và vợ của ông ta đã được mời đến dự bữa chiêu đãi ít người và không kéo dài tại điền trang Chartwell vào một ngày trong tuần lễ kỷ niệm ngày lễ Hiện Xuống (Whitsun recess, kỳ nghỉ rơi vào tuần thứ bảy, sau lễ Phục sinh) của năm 1936). Và họ đã sốt sắng nhận lời đến mức đã lên đường sớm từ London. Inskip, có phần thiếu thận trọng vì không quan tâm đến thói quen viết sách của Churchill, đã trả lời: “Chúng tôi hy vọng sẽ đến sớm, vào khoảng 12 giờ ngày Thứ hai, hoặc có thể là sớm hơn chút ít”. Sự háo hức của Inskip đã rọi một ánh sáng lý thú lên uy tín xã hội của Churchill trong Đảng Bảo thủ, trong giai đoạn này có nhiều thí dụ tương tự như thế. Các bộ trưởng phần đông bàn tán về việc ông không có uy tín về mặt chính trị. Và đôi khi các biên bản cuộc họp của Nội các ghi lại rằng ông là một mối phiền hà và có khả năng gây nguy hiểm. Thế nhưng họ cũng muốn thăm viếng gã yêu tinh quyền rũ ấy trong lâu đài của gã và để xem nơi gã soạn thảo những bài diễn văn và các bài báo đáng sợ. Maurice Hankey, cố vấn chính phủ thâm niên đã được Chamberlain cất nhắc lên làm bộ trưởng, là một khách mời thường xuyên hơn của điền trang Chartwell. Về sau ông đã khá táo bạo, dù rất cẩn thận, ghi lại các diễn biến trong những cuộc thăm viếng ấy cho thủ tướng.

Những bộ trưởng khác trong thời kỳ này, những người cũng nhận được các công văn quan trọng liên quan đến chính sách từ Churchill gồm Neville Chamberlain, Swinton (bộ trưởng Không quân 1935 - 1938), Hore-Belisha (sau khi ông vào làm việc trong Bộ Chiến tranh năm 1937), thậm chí cả kẻ thù cũ trong vấn đề Dự luật về Ấn Độ là Samuel Hoare (người tái tham gia chính phủ với chức vụ bộ trưởng Hải quân trong mùa hè 1936), và Anthony Eden, ngoại trưởng từ lúc Hoare từ chức trong tháng 12 năm 1935. Tuy nhiên, đáng lưu ý là quan hệ thư tín với Eden của Churchill khác và thân tình hơn so với các bộ trưởng khác.

Quan hệ thư tín này được trao đổi thường xuyên nhưng ngắn và thân mật, và

về phía Eden còn cởi mở hơn chứ không dè dặt như thói quen của các đồng sự của ông. Cho dù những căng thẳng về sau có phát triển ra sao, chúng cũng đã tác động đến sự chuyển tiếp quan trọng từ lúc Churchill không mặn mà với việc Eden được bổ nhiệm cuối năm 1935 đến lúc Eden thất vọng từ chức vào đầu năm 1938. Sự thất vọng này được ghi lại trong tác phẩm nổi tiếng *The Gathering Storm*:

Khuya ngày 20 tháng 2, tôi nhận được một cuộc điện thoại khi đang ngồi trong căn phòng cổ kính của tôi ở điền trang Chartwell... báo rằng Eden đã từ chức... suốt giai đoạn sắp xảy ra cuộc chiến và trong những thời điểm đen tối nhất của nó, tôi vẫn ngủ ngon giấc...Tôi ngủ say và tươi tỉnh khi tỉnh giấc, và cảm thấy thèm ăn đến mức muốn chop ngay lấy bất cứ món điểm tâm nào được dọn lên. Nhưng lúc này, vào đêm 20 - 2 - 1938, và chỉ trong dịp này mà thôi, tôi đã thức thâu đêm. Từ nửa đêm đến sáng, tôi trằn trọc trên giường với cảm giác buồn phiền và lo sợ. Dường như có một người trẻ tuổi đứng lên chống lại những đợt sóng dài ảm đạm buộc người ta phải chao đảo hoặc chịu khuất phục, hoặc chống lại những tính toán sai lầm và những xung lực mơ hồ. Cách chỉ đạo công việc của tôi khác với anh ta theo nhiều cách. Nhưng vào lúc này tôi thấy anh ta là hiện thân của niềm hy vọng về cuộc sống của nước Anh, chủng tộc lâu đời và cao quý đã làm rất nhiều điều cho nhân loại, và vẫn còn phải cống hiến thêm nhiều nữa. Bây giờ thì anh ta đã từ bỏ. Tôi nhìn thời gian chậm rãi trôi ngang qua cửa sổ, và thấy trước mắt tôi là hình ảnh của Thần chết.

Đoạn văn đáng nhớ này, cho dù có phần giả tạo, có lẽ đã được viết trong năm 1946 và rõ ràng là do chính Churchill viết ra. Chắc chắn là nó vay mượn điều gì đó từ những lợi ích của việc nhìn lại sự việc đã qua. Vào lúc ấy, suốt ba năm rưỡi, Eden là một ngoại trưởng đôi khi dễ sai khiến một cách đáng được biểu dương. Và Churchill cũng dựa vào ông ta để điều hành phe đối lập khi mà ông

thường không hiện diện ở Hạ viện. Nhưng rõ ràng là đoạn văn này còn dựa trên thực tế của năm 1938. Việc từ chức của Eden được mọi người cho là do có những bất đồng với Chamberlain do Chamberlain muốn xoa dịu Mussolini, vấn đề mà đã từ rất lâu, nhìn từ mặt chiến lược, Churchill đã không có quan điểm rõ ràng. Nhưng, như đối với phần lớn những trường hợp từ chức khác, đây không phải là nguyên nhân duy nhất. Ít nhất còn có một nguyên nhân quan trọng không kém. Đó là việc Chamberlain gạt bỏ một đề nghị bí mật có tính thăm dò của Roosevelt có khả năng mở ra một con đường để Mỹ can thiệp vào châu Âu khoảng gần bốn năm trước khi xảy ra sự kiện Trân Châu Cảng. Trong vấn đề này, Churchill hoàn toàn đứng về phía Eden. Ý thức phát xuất từ bản năng của ông về địa lý chính trị (geopolitics: [môn học nghiên cứu về] mối quan hệ giữa chính trị và địa lý, dân số và kinh tế, đặc biệt là có liên quan đến chính sách đối ngoại của một nước) vượt trội quan điểm rõ ràng nhưng hạn hẹp của Chamberlain về “bàn cờ thế giới” (cụm từ tuyệt vời đã được Keynes sử dụng khi nói về Bonar Law). Và ở đây có một yếu tố thứ ba, một sự pha trộn gồm sự tương kỵ hoàn toàn về tính khí và việc Eden cương quyết bảo vệ các đặc quyền của Bộ Ngoại giao trước sự lấn lướt của Chamberlain, với Horace Wilson, trên danh nghĩa là người cố vấn về vấn đề công nghiệp cho chính phủ, giữ vai trò xung kích tấn công vào lãnh địa của Bộ Ngoại giao.

Churchill có quan điểm phần nào trung lập trên vấn đề lòng tự ái của Bộ Ngoại giao. Nó là một bộ lớn mà ông chưa từng nắm giữ, và trong hai chính phủ mà ông lãnh đạo, ông không cho phép thực hiện một chính sách ngoại giao thụ động theo kiểu của chính phủ. Mặt khác, Horace Wilson có ác cảm sâu sắc với ông, đối với cả phong cách lẫn chính sách, giống như một số quan chức Bộ Ngoại giao khác - như Wigram (chết đầu năm 1937) và Vansittart (Robert Gilbert, từ là thứ trưởng thường trực trở thành cố vấn Bộ Ngoại giao vào đầu năm 1938).

Tuy nhiên, khi xem xét từ nhiều hướng và không bị tác động bởi cảm xúc vào thời điểm ấy, có thể cho rằng sự từ chức của Eden (được thay thế bởi

Halifax, kẻ thù cũ của ông trong vấn đề Dự luật về Ấn Độ) là một điểm chuyển tiếp quan trọng trong thái độ của Churchill đối với chính phủ Chamberlain. Ngay từ đầu rõ ràng ông đã thích vị thủ tướng mới này hơn là Baldwin, đối tượng mà về sau ông đã phát triển một tâm trạng thù địch hầu như là một dạng ám ảnh. Việc Baldwin cất nhắc ông trong năm 1924 đã phai mờ trong ký ức. Nhưng họ đã qua lại thân mật với nhau bốn năm rưỡi. Sau đó, khi là láng giềng với nhau ở phố Downing, và dù Churchill đã từ chức để chống lại Baldwin trong năm 1930, nhưng họ vẫn lịch sự với nhau trong suốt khoảng thời gian Churchill tranh đấu không mệt mỏi cho Dự luật về Ấn Độ. Ngày 7 tháng 10, ông đến với hội nghị của Đảng Bảo thủ tại Scarborough và phát biểu những lời hầu như tỏ ý ân hận: “Tôi từng đến đây nhiều năm khi giữa chúng ta có những bất đồng trên vấn đề tái vũ trang và về vấn đề Ấn Độ. Thế nên tôi nghĩ rằng tôi cũng phải đến đây khi chúng ta đã đồng ý với nhau”. Phần còn lại trong bài diễn văn ngắn của ông là phần đề cao chính sách ngoại giao của chính phủ được phần đông xem như cùng quan điểm với Anthony Eden.

Vì thế, việc Eden từ chức vào tháng 2 năm 1938 có thể được xem là một cú sốc đối với ông. Nhất là khi chỉ một năm sau chủ nghĩa bành trướng của Đảng Quốc xã ngày càng hung hăng và chính sách của chính phủ Chamberlain ngày càng có khuynh hướng thỏa hiệp với Hitler và Mussolini, một chính sách có tên gọi mới là “chính sách xoa dịu”. Tuy nhiên, Churchill vẫn còn phần nào do dự không triệt để bài bác chủ trương của Chamberlain. Vào giữa tháng 3, ông đã khiến Harold Nicolson phải ghi lại rằng: “Chưa ai từng phải chịu đựng một tình thế đáng sợ hơn là tình thế mà Neville Chamberlain phải chịu đựng. Và Churchill đã quy toàn bộ trách nhiệm cho Baldwin”.

Cũng vào thời điểm này, một bữa tiệc trưa khác thường đã diễn ra vào ngày 10 tại phố Downing. Joachim von Ribbentrop, từng là đại sứ của Đức tại London từ năm 1936, được bổ nhiệm làm ngoại trưởng thay cho Neurath (Konstantin Freiherr von Neurath) và sắp quay về Đức. Vào Thứ sáu, ngày 11—3 — 1938, ông ta và vợ đã được gia đình Chamberlain mời dự một buổi tiệc chia tay. Việc

này cho thấy ông ta được đánh giá rất cao. Hầu hết các đại sứ may mắn đã được Bộ Ngoại giao mời đến dự bữa tiệc tiễn đưa như thế, và nhiều người trong số họ, bao gồm những nhân vật lỗi lạc, rất hài lòng khi được mời. Việc Ribbentrop là người đầu tiên khiến cho một thủ tướng phải mời đến dự tiệc chia tay là một kỳ công, và tám năm rưỡi sau đó, bị kết án theo lệnh của một tòa án phối hợp do chính phủ mà vị thủ tướng này đại diện, thành lập. Để tăng phần kỳ quái cho bữa tiệc, khoảng 16 người, vợ chồng Churchill cũng được mời tham dự và đã nhận lời dù không thích hợp ngay cả xét về mặt chức vụ chính thức hoặc do có quan hệ bạn bè với Ribbentrop. Và kỳ dị hơn nữa, ngay trong bữa ăn, thứ trưởng thường trực của Bộ Ngoại giao là Alexander Cadogan, người ngồi kế bên bà Clementine Churchill, đã nhận được thông điệp cho biết quân Đức bắt đầu tiến vào nước Áo để sáp nhập quốc gia bé nhỏ này vào đế chế Đức. Thậm chí khi bá tước Cadogan (Alexander George Montagu Cadogan) nói nhỏ với ông về thông tin này, Chamberlain vẫn lịch sự để cho Ribbentrop ra về.

Thế nhưng bữa tiệc vẫn hòa nhã kéo dài thêm nửa giờ, tạo cơ hội cho Ribbentrop răn đe Churchill rằng ông nên cẩn thận đừng làm hỏng những mối quan hệ hữu nghị giữa Đức và Anh.

Đây là lần cuối cùng Churchill dự tiệc ở số 10 Phố Downing (nơi ở và là văn phòng chính thức của bộ trưởng Bộ Tài chính Anh) cho đến khi chiến tranh nổ ra. Dù vẫn duy trì Nhóm nòng cốt, nhất là sau khi hoàn thành *Marlborough* trong tháng 3 (để kịp xuất bản vào ngày 2 tháng 9), vẫn thường phát biểu trong Hạ viện trong những năm yên ổn còn lại trước cuộc chiến, Churchill luôn cố gắng viết sách và viết báo để kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải các khoản chi phí. Cuối tháng 3 năm 1938, ông phải vượt qua tình trạng khó khăn về tài chính vì đã hết hợp đồng với tờ *Evening Standard*. Rõ ràng là vì những quan điểm về chính sách ngoại giao của ông khác hẳn những quan điểm của nam tước Beaverbrook (William Maxwell Aitken). Tuy nhiên, chính những chủ báo (thường là các nhà kinh doanh chứ không phải chính khách) không phải là Beaverbrook, đã cắt hợp đồng với Churchill bất chấp tình bạn lúc thân mật khi lạnh nhạt. Trong vòng hai

tuần, Churchill chuyển sang hợp tác với tờ tước vùng Camrose (William Ewart Berry) và đồng ý rằng từ lúc ấy về sau những bài báo viết về chính trị đảng nửa tháng một lần của ông phải được chuyển từ tờ *Evening Standard* sang tờ *Daily Telegraph* với những điều kiện tương tự.

Cả điều kiện này lẫn chuyển đi diễn thuyết có khả năng được trả nhiều tiền kéo dài hai tháng mùa thu ở Mỹ, đều không thể bù đắp cho những tổn thất do đợt khủng hoảng lần thứ hai ở thị trường chứng khoán New York bắt nguồn từ cuộc suy thoái kinh tế năm 1938. Các cổ phiếu mà Churchill đã mua hơn 18 ngàn bảng Anh đã xuống giá còn khoảng 5.700 bảng Anh, một sự tổn thất tương đương với 375 ngàn bảng Anh ngày nay. Lẽ ra là phải nghe theo lời khuyên của Bernard Baruch và nhiều người khác, Churchill lại làm theo ý mình và trở thành kẻ đầu cơ bất hạnh của thị trường chứng khoán.

Những tổn thất về vốn này đã buộc ông phải nghĩ đến việc bán điền trang Chartwell. Công ty tư vấn và môi giới bất động sản Knight, Frank &, Rutley đã được giao cho chuẩn bị tập sách mỏng mô tả điền trang Chartwell. Một tập sách trong khi nhiệt tình quảng cáo Chartwell (“5 phòng khách, 19 giường ngủ và phòng thay quần áo, tám phòng tắm, chiếm một vị trí tuyệt vời trong một thung lũng ở sườn phía nam của những ngọn đồi thuộc vùng Kent”) lại đưa ra giá bán 20 ngàn bảng Anh, thấp hơn quá nhiều so với mức 30 ngàn bảng Anh mà một người môi giới khác đề nghị 15 tháng trước, hoặc thậm chí là so với mức giá 25 ngàn bảng Anh mà Churchill từng hài lòng (trong thư gửi cho vợ là Clementine). Tuy nhiên, thương vụ này, cho dù là đạt được mức giá cao hơn, là một cuộc chia tay não lòng. Nó không chỉ cắt lìa khỏi ông một thú vui mà còn tác động tiêu cực đến chế độ làm việc của ông. Nó xảy ra khi mà tiền đồ của ông, của đất nước ông và của lục địa châu Âu đang u ám.

May mắn thay, một lần nữa Churchill lại thoát khỏi cảnh ngộ đau lòng. Một hiệp sĩ khác, quan trọng hơn nhưng không hiện diện lâu dài trong cuộc đời của Churchill bằng Imre Revesz, đã xuất hiện. Vị hiệp sĩ này là Henry Strakosch, một nhà tài phiệt Anh ở Nam Phi giống với rất nhiều nhà tài phiệt khác trong

nửa đầu của thế kỷ 20, cả về mặt tốt lẫn mặt xấu. Trước thời Churchill, Henry Strakosch đã trở thành một chủ ngân hàng và là một chính khách thầm lặng (thành viên của một hội đồng hoàng gia trong thập niên 1920, cố vấn cho nhiều hội nghị quốc tế). Ông được phong tước hiệp sĩ vào khoảng năm 1921 mà không có bất cứ sự can thiệp hiển nhiên nào của Churchill. Về sau ông trở thành chủ bút của tuần báo *Economist*. Trong năm 1938, dựa trên sự quen biết Churchill (chủ yếu là nhờ việc cung cấp cho Churchill qua thư từ những thông tin chi tiết và đáng tin cậy về tác động của việc tái vũ trang trên nền kinh tế nước Đức, và dường như do chủ trương chống Đảng Quốc xã và ngưỡng mộ cá nhân Churchill), nên Henry Strakosch đã không vụ lợi trong việc giúp Churchill giữ lại điền trang Chartwell.

Strakosch đã thực hiện việc này một cách gián tiếp theo một cách thức có phần phức tạp. Thông qua Brendan Bracken, ông đã dàn xếp để cầm giữ tất cả mọi cổ phiếu của Churchill ở Mỹ theo giá nguyên thủy (gần gấp ba lần giá hiện hành) và đồng ý là sẽ không gây khó khăn cho Churchill ít nhất là trong ba năm tới. Và ông cũng có quyền thay đổi thỏa thuận và trả cho Churchill khoảng 800 bảng Anh một năm. Điều gì xảy ra khi kết thúc thỏa thuận ba năm này đã không được ghi lại. Strakosch đã tự nguyện hứng chịu một số tổn thất. Vào mùa xuân 1941, không chỉ là ngôi nhà chính ở điền trang Chartwell phải đóng cửa, địa vị của Churchill và nước Anh trước khi Liên Xô và Mỹ tham chiến khá tồi tệ, mà các tài sản ở Mỹ do Anh sở hữu còn bị trưng thu (có đền bù). Tuy nhiên, trong năm 1938, sự can thiệp của Strakosch đã giúp ích cho Churchill rất nhiều. Điền trang Chartwell một lần nữa không bị biến thành một món hàng mua bán.

Theo quan điểm của một cuộc điều tra khắt khe của Quốc hội hiện đại, thì chắc chắn là cuộc giao dịch giữa Churchill và Henry Strakosch rất đáng ngờ. Hẳn là Strakosch sẽ bị xem là một nhân vật thao túng chính trường nham hiểm nhất, một kẻ tung tiền mua chuộc để tạo ảnh hưởng chính trị. Thật ra, điều đáng phải lưu tâm là lợi ích mà ông mang lại cho Churchill tuyệt đối không tạo ra sự thay đổi trong những mối quan hệ giữa hai người. Ông vẫn chỉ là một nhân vật

bình thường, không bao giờ xuất hiện tại ngôi nhà mà ông đã giúp giữ lại, chỉ thỉnh thoảng viết cho Churchill những bức thư cho biết về tình hình kinh tế với giọng điệu vẫn đầy kính trọng như trước chứ không hề thay đổi. Xem ra phần thưởng duy nhất dành cho ông là vào năm sau ông được trở thành thành viên của The Other Club (một hội ăn uống do Winston Churchill và bá tước Frederick Edwin Smith thành lập năm 1911, hội viên gặp nhau mỗi nửa tháng một lần chỉ để ăn uống vào ngày Quốc hội nhóm họp. Các thành viên bao gồm cả những chính khách hàng đầu lẫn những người ngoài chính trường), và đôi khi được mời đến ăn cơm ở văn phòng hoặc tại nơi ở của thủ tướng vào những năm đầu của chính phủ Churchill. Khi ông chết, vào năm 1943, ông để lại cho Churchill 20 ngàn bảng Anh trong di chúc.

Vào cuối xuân và đầu mùa hè 1938, Churchill đã tiến hành chiến dịch chống chính sách xoa dịu. Khoảng tháng 2, do bận bịu với sự nghiệp văn chương, ông đã từ chối lời mời đến đọc diễn văn tại một cuộc họp vào cuối mùa đông của Hội Tân Thịnh Vượng Chung, một hiệp hội mà ngài Davies đã không mấy khó khăn khi lôi kéo ông vào làm chủ tịch ở Birmingham. Nhưng vào cuối tháng 3, sự quan tâm của ông đã thay đổi, từ việc tập trung vào tác phẩm *Marlborough* sang *Manchester*. Ông đã lên chương trình cho cuộc họp phối hợp của liên minh gồm Hội Tân Thịnh Vượng Chung và Hội Quốc Liên ở đó vào ngày 9 tháng 5, và lúc đầu ông đã thuyết phục bá tước Lord Derby làm chủ tọa cuộc họp. Về sau, bá tước Derby rút lui vì cho rằng ông không phải là người thật sự ủng hộ Hội Quốc Liên và cho rằng cuộc họp sẽ làm dấy lên sợ chống đối có thể là rất quyết liệt, và vì là quan chức đại diện cho nhà vua ở vùng Lancashire nên ông không muốn dính líu. Churchill đã đón nhận tình huống này với một phong cách bình thản đáng ngạc nhiên, mà theo cách mô tả tài tình của thống chế Haig gần hai thập kỷ trước thì thái độ của người cuối cùng chống lại ông (Winston Churchill, trong tác phẩm *The World Crisis*, đã tố cáo rằng thống chế Haig sử dụng “ngực của những người lính gan dạ” để bịt nòng súng máy của đối phương) giống như một miếng đệm hóa giải đối lực và mang đậm dấu ấn của Churchill. Ông đã viết thư an ủi

Derby và quay sang tìm sự hậu thuẫn từ Aiderman Toole, một người nhất thời mến mộ những hành động của Churchill và từng là thị trưởng thuộc Công Đảng địa phương những năm trước. Tuy nhiên, sự thành công của cuộc họp đã không lệ thuộc vào cả Derby lẫn Toole mà tùy thuộc vào chính bản thân Churchill. Ông đã tạo được ảnh hưởng đáng kể ở Manchester cũng như ở Bristol một tuần sau đó và cả ở Sheffield và Birmingham khoảng hai tuần sau nữa. Trong thời gian này, ông còn đọc diễn văn ở khu vực bầu cử Chingford. Những cuộc họp ấy cũng giống như mọi cuộc họp chính trị thành công khác, chúng mang lại cho cả diễn giả lẫn người nghe sự cảm nhận sâu sắc đối với các sự kiện có ảnh hưởng lớn đương thời, có khả năng mang lại cảm hứng cho những hành động trong tương lai của một số người hiện diện. Nhưng về cơ bản, chúng vẫn không làm thay đổi chiều hướng chính trị hiện thời.

Churchill đã củng cố những bài diễn văn bằng cách xuất bản chúng vào cuối tháng 6 trong một hợp tuyển gồm nhiều bài diễn văn của ông trong thập niên 1930 (có bổ sung thêm một bài diễn văn năm 1928) dưới tựa đề thích hợp là “Arms and the Covenant” (Vũ khí và hiệp ước), dù trước ngày ấy vũ khí thì nhiều mà hiệp ước thì chẳng bao nhiêu. Winston Churchill đã để cho con trai là Randolph Churchill biên tập và giới thiệu. Đây là một động thái bày tỏ sự khoan dung của ông đối với con vì trong tháng 2 và tháng 3 trước ông đã cãi nhau kịch liệt, qua thư từ, với Randolph. Sự bất hòa này nảy sinh từ một nhận xét có liên quan đến Hore-Belisha được cho là có tính công kích Churchill do Randolph đưa ra. Cả hai cha con có thói quen trao đổi với nhau những bức thư rất dài, đôi khi để nguyên rửa, và đôi khi là để oán trách. Họ hầu như không thông cảm nhau và lần bất hòa này kéo dài gần ba tuần.

Randolph đã rất xuất sắc. Những bài diễn văn đã được thu thập chính xác và phần lớn được biên tập rất hay, tựa đề của hợp tuyển rất thích hợp và gây được tiếng vang trong bối cảnh chính trị vào thời ấy. Số lượng bán ra của chỉ một tập diễn văn đã không tồi, vào khoảng bốn ngàn bản, nhưng vẫn thấp hơn mong đợi của Churchill. Từ một trong những đợt trị bệnh, lần này là từ Pyrenees,

Clementine đã viết cho Churchill: “Em rất tiếc vì sự thất vọng của anh đối với doanh số của quyển sách. Em nghĩ là phải như thế vì những người cho rằng chính phủ đã sai hoàn toàn lại là những người không giàu có gì, mà những người ủng hộ Đảng Bảo thủ lại không muốn đọc một quyển sách khiến họ phải suy nghĩ”. Tuy nhiên, quyển sách này đã mang lại cơ hội tái hòa giải cho hai cha con Churchill và là một bản tuyên ngôn của chiến dịch hiện thời của ông, một chiến dịch vẫn tiếp tục được quan tâm.

Trong năm ấy, Churchill vẫn rất quan tâm đến nước Pháp. Ông đã nghỉ hai đêm tại đại sứ quán Anh ở Paris khi đang trên đường về phương nam vào đầu tháng 1. Eric Phipps, đại sứ Anh ở Pháp, đã mời ngài Blum đến dự cơm trưa với Churchill trong ngày thứ nhất. Và ngày thứ hai, ông đã mời Leger, tổng thư ký của Bộ Ngoại giao Pháp và là một nhà thơ. Sau đó, Churchill trải qua năm tuần tại hai ngôi nhà ở miền nam nước Pháp, một của Maxine Elliott, và ngôi nhà kia là của Daisy Fellowes, con gái công tước Decazes và là vợ góa của hoàng thân Jean de Brogue trước khi kết hôn với một người điền chủ và tao nhã là Reggie Fellowes. Trong thời gian nghỉ dưỡng này, ông đã dồn sức lực vào việc viết *Marlborough*, dù đôi khi tạm ngừng công việc viết lách để đọc tin về các chính trị gia ở Riviera vào thời ấy và giai đoạn ấy trong năm. Ông đã viết cho bà Clementine rằng: “Mãi đến giờ ăn trưa, anh mới rời phòng ngủ, nhưng vẫn làm việc trên giường trong lúc được một chuyên gia vật lý trị liệu xoa bóp. Sau bữa ăn trưa, bọn anh chơi mạt chược đến 5 giờ chiều rồi đi nghỉ và tiếp tục làm việc”. Sau khi đến nhà Maxine Elliott, nơi vợ chồng công tước Windsor và Lloyd George cũng đến, ông viết tiếp: “Vào Thứ tư, Anthony Eden và Lloyd George đã đến để dùng cơm. Ngày mai, anh sẽ dùng cơm trưa với Rothermere và dự tiệc với Lloyd George vào buổi tối. Anh đã dự định dùng bữa trưa với nam tước Vansittart nhưng cha ông ta vừa chết... Bữa tiệc với Flandin rất đáng thất vọng, thức ăn rất tệ... Theo mô tả của ông ta thì tình hình nước Pháp rất đen tối”.

Cuối tháng 3, Churchill lại đến nghỉ cuối tuần tại tòa đại sứ Anh ở Paris.

Dường như Phipps chưa từng dễ tính hơn thế. Khi nhận được thông báo văn tắt về việc sẽ trì hoãn một tuần, Phipps đã viết thư mời Churchill đến vào tuần khác. Tuy nhiên, với phần nào dè dặt, Phipps còn viết thư cho ngoại trưởng là Halifax, vào thứ hai sau kỳ nghỉ cuối tuần:

Mục đích việc Winston Churchill ở lại đây đang ngày càng phức tạp. Hầu như tất cả mọi khía cạnh trong cuộc sống chính trị của Pháp đều được trình bày với ông ta ngay tại, và trong khoảng thời gian nằm giữa, các bữa ăn. Ngoài những cuộc phỏng vấn [với những người đã được đề cập], ông ta đã gặp mặt (phần lớn là tay đôi) Louis Marin, tướng Gamelin, Mandel, Chauvin, Chastenet của nhật báo *Le Temps*, Sauerwein của nhật báo *Paris Soir* và nhiều người khác nữa. Ông ta còn muốn gặp người thuộc Đảng Cộng sản Pháp nhưng tôi đã can ngăn và ông ta đã nghe theo... Theo tôi thì việc ông và ngài thủ tướng đến đây sẽ là việc rất hữu ích trong việc cân bằng những huyệt hăng mà Winston để lại. Tiếng Pháp mà ông ta sử dụng rất kỳ dị và đôi lúc không thể hiểu nổi... Ông sẽ được đích thân đánh giá dịp cuối tuần sinh động này từ người minh họa xuất chúng của nó (Churchill)...

Lần thăm viếng Paris kế tiếp của Churchill rơi vào tuần thứ ba của tháng 7. Dịp này diễn ra nhân cơ hội Vua George VI và Hoàng hậu Elizabeth đến thăm chính thức nước Pháp, một trong những dịp diễn ra vào buổi hoàng hôn của các vị thần (*Götterdämmerung*, tác giả muốn nói đến thời kỳ suy vi của những nhân vật chính trị lớn) trong lịch sử thế giới thập niên 1930. Cuộc thăm viếng này nhằm biểu tượng hóa sức mạnh, sự đoàn kết và sự điềm tĩnh của hai xã hội dân chủ phương Tây khi phải đương đầu với sự thách thức khắc nghiệt đến từ bên kia sông Rhine. Tinh thần của Clemenceau, Lloyd George, Foch và Haig phải được tái tạo. Vị vua mới và hoàng hậu, và ngay cả chính vị tổng thống của nền Cộng hòa đệ tam Albert Lebrun, người luôn đường bệ trong bộ áo đuôi tôm và cà vạt trắng, đã bị gạt sang một bên giống như những đôi găng tay đã cũ chỉ

trong vòng hai năm. Dù vợ chồng Churchill không phải là hoàng thân quốc thích nhưng vẫn được mời tham dự trong tất cả những sự kiện quan trọng như khách của chính phủ Pháp, một dấu chỉ bất thường cho thấy sự ngưỡng mộ của nước Pháp đối với người Anh không chính thống (ý nói là không thuộc hoàng gia) này. Họ được đối đãi trọng thị tại bữa đại tiệc ở Điện Elyseé và bà Clementine (vợ Churchill) được sắp xếp ngồi bên cạnh thống chế Pétain, người trong Thế chiến II đã không thể giành lấy thân phận một vị anh hùng như trong Thế chiến I. Trong bữa tiệc này, Churchill, người không được biết đến nhiều trong lần đầu (ông từng đến Pháp ít nhất là từ 40 năm trước) nhưng lại là nhân vật tiếng tăm lẫy lừng trong lần cuối đến Pháp, có vai trò vừa là khách mời danh dự vừa là thông tin viên báo chí. Ông đã viết cho tờ *Daily Telegraph* những lời như sau:

Vua nước Anh được tiếp đón trong bầu khí quyến rũ và tao nhã, lịch lãm và văn minh, của mỹ thuật và thi ca, của nhạc và khiêu vũ, mà chỉ có người Pháp mới có thể tạo ra được. Những cảnh trong những vở nhạc kịch có lẽ đã được dàn dựng rất công phu để minh họa việc cuộc sống của con người vượt lên trên những hoạt động ngoại giao phức tạp... Thật tội nghiệp cho người nào không thấy được niềm vui trong ảo mộng giữa ánh nắng dịu dàng của tự do và của nước Pháp.

Bất chấp những khó khăn sắp đến với hai quốc gia, Churchill đã dự tính thực hiện cuộc thăm viếng để cho bản thân được thư giãn một vài ngày. Một tuần trước, Clementine đã viết cho ông: “Em mong là anh diện bộ vest xám ưa thích khi dự tiệc tại Điện Versailles...” và ông đã tổ chức một bữa tiệc thịnh soạn dành cho cuộc thăm viếng. Tuy nhiên, điều đã thật sự xảy ra lại là một minh họa hoàn hảo cho thấy trong những năm này ông đã cân đối ra sao giữa một bên là thú vui còn một bên là bổn phận, và làm thế nào để bổn phận thắng thế khi phải chọn một trong hai. Những người cùng đến Paris với ông gồm Venetia Montagu, Duff Cooper và Diana Cooper. Họ dự định rời London vào Thứ ba ngày 18 tháng 7 để kịp đi trên chuyến xe lửa thượng lưu Night Ferry mới khai trương lộ trình và vừa

mang những toa tàu có giường ngủ vào ga Victoria và đưa khách đến Paris vào khoảng 9 giờ sáng. Nhật ký của Diana Cooper ghi lại:

Chúng tôi đã dự một bữa tiệc vui vẻ với gia đình Rothschild [gồm Victor Rothschild, người vừa trở thành nam tước đời thứ ba của dòng họ Rothschild, và người vợ đầu tiên của ông là Barbara, Winston, và Venetia, Winston đã mang theo cỗ bài bezique (cỗ bài đúp gồm 64 lá bài) nhằm moi tiền của tôi. Nhưng ý đồ này đã bị ngăn chặn bởi một thông điệp đến từ thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng cho biết rằng ngày hôm sau sẽ là ngày thảo luận về “vấn đề rắc rối”. Thất vọng khi biết được điều này, Churchill đã vội vã đến Hạ viện. Sau đó, ông gặp lại chúng tôi tại Điện Victoria và cho biết nguồn tin của thủ lĩnh nhóm nghị sĩ của đảng là đúng. Ông sẽ lên đường vào ngày mai.

“Vấn đề rắc rối” ở đây là vụ việc liên quan đến Sandys. Mùa hè năm 1938, Duncan Sandys (một sĩ quan địa phương đồng thời là một nghị sĩ) đã dựa vào nguồn tin bí mật có được nhờ khả năng quân sự của ông ta để đưa ra câu hỏi gây lúng túng nhằm chất vấn thủ tướng về sự yếu kém của các hệ thống phòng không ở London. Khi bị đe dọa là sẽ bị phạt theo kỷ luật quân đội, ông đã đưa vấn đề ra trước Hạ viện với lý do là đặc quyền nghị sĩ của ông bị xâm phạm. Lúc đầu, sự khiếu nại đã nhận được sự đồng tình. Cả ba người là Attlee, Sinclair và Churchill đều ủng hộ trình vụ việc này lên Ủy ban Đặc quyền, và cả ba đã đồng lòng thực hiện. Hơn nữa, ủy ban này đã nhanh chóng nhận thấy rằng tòa án quân sự đã vi phạm đặc quyền của một nghị sĩ khi ngăn cản việc ông ta thực hiện các bốn phận. Tuy nhiên, chỉ trong vòng vài ngày, các vụ việc được trình bày trước Ủy ban đã không chính xác ít nhất là về mặt ngữ nghĩa. Sau đó vấn đề trở nên rối ren và tiếp diễn mà không có giải pháp rõ ràng cho đến khi Hạ viện ngưng họp trong một thời gian dài. Sự kiện này không chỉ gây trở ngại ngay từ lúc đầu cho chuyến đi đến Paris của Churchill mà còn là yếu tố tiêu cực không cần thiết trong những mối quan hệ của ông với chính phủ.

Ưu tiên mà Churchill dành ra, không phải là cho sự cần mẫn ở Quốc hội nói chung. Vì ông rất ít khi tham gia những cuộc họp của Hạ viện, mà là cho một vấn đề mà ông cảm thấy gần gũi cả về phương diện cá nhân lẫn công việc quốc gia, đã được minh họa trên quy mô lớn hơn bởi quyết định hủy bỏ vào tháng 7 chuyển diễn thuyết ở Mỹ mà ông dự định thực hiện trong mùa thu. Do thực hiện quyết định này trước tháng 8, Churchill chỉ phải chịu nộp phạt số tiền 400 bảng Anh vì vi phạm hợp đồng, thay vì phải nộp phạt 600 bảng Anh nếu đưa ra quyết định hủy bỏ chuyển đi diễn thuyết sau thời điểm ấy. Lý do khiến ông chịu nộp phạt khoản tiền này và từ bỏ một khoản tiền lớn mà ông mong mỏi là vì Churchill cho rằng ông không thể lên đường trong tình hình châu Âu hiện nay, và nhất là khi sự đe dọa của Đức đối với Tiệp Khắc đang lớn dần. Việc hủy bỏ này đã bị người đại diện môi giới diễn thuyết của ông ở New York phản đối mạnh mẽ. Người ta chưa từng dàn xếp một chuyển diễn thuyết quan trọng như thế. Người đại diện này nói rằng: “Uy tín bị hủy hoại sẽ không bao giờ phục hồi lại được. Liệu ngài có tin rằng có thể dàn xếp một chuyển diễn thuyết khác sau lần lỗi hẹn này không? 400 bảng Anh là khoản tiền có thể giải quyết về mặt nghĩa vụ pháp lý. Thế nhưng đối với tôi thì sự cam đoan của ngài quan trọng hơn bất cứ ràng buộc pháp lý nào”.

Khi Churchill đưa ra quyết định, ông kiên quyết khước, từ yêu cầu của người đại diện. Ông đã nặng lời khi viết về thái độ của người này, “Dĩ nhiên ông ta rất thất vọng vì mất đi cơ hội kiếm được 25 ngàn USD từ chuyển diễn thuyết của tôi. Nhưng đối với những người khác thì việc tôi hủy bỏ hợp đồng chẳng gây hại gì”. Đây là tiền lệ của một tinh thần mà chỉ trong một vài năm đã khiến ông quen với việc gạt bỏ những việc kém quan trọng khi ông nhận thấy hành động đó là phù hợp. Sự tận tâm như vậy luôn được Churchill kiên quyết thực hiện. Ông sống tại điền trang Chartwell suốt tháng 8 và suốt thời gian đầu của việc miệt mài với tác phẩm *History of the English speaking Peoples*, tác phẩm mà theo hợp đồng thì ông phải hoàn thành vào mùa hè 1939 để xuất bản trong năm 1940. Ông đã viết trôi chảy và chuyên cần. Đến nỗi chỉ sau bốn hoặc năm tuần, bất

chấp việc bị phân tâm bởi cuộc khủng hoảng gia tăng ở Czech, ông đã viết được 70 ngàn từ, viết từ lịch sử của người Anh cổ đại đến chuộc chinh phục của người Norman, và đã bố trí để được in ra.

Ông đã sử dụng F. W. Deakin, về sau là người đầu tiên lãnh đạo phái bộ quân sự của Anh đến gặp Tito và sau đó là hiệu trưởng của phân viện St Antony thuộc Đại học Oxford, làm trợ lý nghiên cứu thường trú. Nhưng người ta nghi ngờ tri thức của cả hai người về giai đoạn lịch sử buổi đầu mà họ dồn công sức để biên soạn trong mùa hè ấy. Churchill đã kêu gọi sự giúp đỡ của Mortimer Wheeler, một chuyên gia khảo cổ nổi tiếng của Đại học London. Trong tháng 7, ông viết thư yêu cầu Wheeler đến Chartwell vào hai dịp nghỉ cuối tuần. Trong thư ông viết: “Khi ấy mong ngài thực hiện ba buổi thuyết trình hoặc nói chuyện không chính thức về đề tài thời kỳ tiền La Mã và La Mã (thời kỳ nước Anh tiền La Mã là giai đoạn trước năm 43, và thời kỳ nước Anh La Mã là giai đoạn từ khoảng năm 43 đến 410, khi mà phần lớn lãnh thổ của nước Anh thuộc đế quốc La Mã) và sự suy vi của nó, và các vương quốc của người Saxon cho đến thời Alfred Đại đế. Thính giả của ngài sẽ là những người được chọn lọc và rất quan tâm, gồm ngài Deakin và tôi”. Bất chấp những điều gây bối rối về mặt chính trị và về mặt tâm lý có liên quan đến hòa bình trong năm vừa qua, tác phẩm *The English speaking Peoples* đã được viết với tốc độ nhanh với sự giúp đỡ phần nào của G. M. Young, thế nên vào ngày 31-8-1939, một năm sau đó, ngày hết hạn chính thức, một thành quả khó tin với tổng số khoảng 530 ngàn từ đã được viết và chuẩn bị in. Thế nhưng mãi đến năm 1956 - 1958, tác phẩm này mới được xuất bản. Việc trì hoãn này trước hết là do bị trở ngại bởi Thế chiến II, và kế đó là do quyết định của tác giả (với sự đồng ý của nhà xuất bản) nhằm ưu tiên cho một tác phẩm gồm sáu tập viết về giai đoạn sáu năm lúc ấy. Nhưng vào ngày trước ngày Hitler xâm lược Ba Lan, Churchill chỉ cần 13 tháng miệt mài làm việc đã hoàn thành hợp đồng được thỏa thuận với Cassells.

Churchill đã dự tính ở lại điền trang Chartwell cho đến tháng 12 năm 1938 rồi sau đó một lần nữa mang các bản thảo đến ngôi biệt thự ở làng Riviera của

Maxine Elliott. Tuy nhiên, từ đầu tháng 9, việc Churchill biết rõ về triển vọng xâm lược Đức Quốc xã và sự yếu kém của lực lượng Anh - Pháp dẫn đến sự sụp đổ của Czech đã làm tiêu tan ý định tìm nơi thư giãn của ông. Churchill đã đến Pháp vào giữa tháng 9 nhưng chỉ ở lại Paris đúng 24 giờ. Cùng với Louis Spears, Churchill đã đáp máy bay đến Pháp để gặp hai nhân vật chống Đức Quốc xã kiên quyết nhất trong chính phủ Pháp lúc ấy là Paul Reynaud và Georges Mandel. Cuộc thăm viếng này đã không nhận được sự tán thành của Eric Phipps ở Paris và Maurice Hankey (vừa rời bỏ vai trò cố vấn chính phủ), người luôn chỉ trích Churchill một cách thâm độc trước những người khác dù về mặt riêng tư thì tỏ ra thân thiện. Hankey đã hỏi chung chung chứ không nhằm đến riêng ai rằng: “Chúng ta nên nghĩ gì nếu có một số chính khách Pháp đến thăm viếng và cố gắng kích động các thành viên chống hòa bình trong Nội các?”.

Suốt tháng 9 ấy, Churchill đã rất lo lắng (cũng giống như nhiều người khác). Ông cố gắng tác động đến một chính phủ mà thật ra ông không có nhiều ảnh hưởng. Và kết quả là ông thường phải trải qua tâm trạng u sầu và cảm thấy bất lực. Điều kỳ lạ là vào lúc này, trong thời gian ông ở tại điền trang Chartwell dù bị gián đoạn bởi việc thường đến London và khó giữ được sự điềm tĩnh, ông lại viết với tiến độ rất nhanh tác phẩm *The English speaking Peoples*. Vào ngày 9 tháng 9, ông đã viết cho Mortimer Wheeler: “Trong những ngày bất an này, việc có thể đưa một ngàn năm lịch sử vào giữa suy nghĩ của tôi và thế kỷ 20 là một điều an ủi giúp tôi khuây khỏa”. Nhưng thật ra đây chỉ là một nhận xét băng quơ hơn là việc biểu lộ sự thanh thản.

Vào ngày 8 tháng 9, Chamberlain trở về sau kỳ nghỉ và bắt đầu một giai đoạn thảo luận căng thẳng của Thường trực Nội các và toàn bộ Nội các. Kết quả là Chamberlain dẫn đầu phái bộ đầu tiên trong loạt sứ mệnh nhằm “khẩn cầu” Hitler. Ông đáp máy bay đến Berchtesgaden vào ngày 15 - 16 tháng 9. Vào ngày 18, Daladier và Bonnet (thủ tướng và cũng là ngoại trưởng của Pháp) đến London. Vào ngày 22, Chamberlain quay lại Đức. Hitler quyết định đến gặp ông tại thành phố Godesberg thuộc vùng Rhineland, nhưng chỉ để trách móc. Khi đến

đó, ông ta nói rằng kế hoạch chia cắt Tiệp Khắc, kế hoạch mà sau thỏa thuận sơ bộ tại Berchtesgaden, Chamberlain đã thuyết phục Pháp và người Tiệp (rất miễn cưỡng) chấp nhận, được tiến hành quá chậm và phải thực hiện nhanh hơn. Khi cảm thấy bị xúc phạm vì bị quở trách như thế, sau khi quay về London vào ngày 24 do sự thúc giục của những người khác, đặc biệt là Halifax, ông đã có những dấu hiệu tỏ ra sẽ cứng rắn hơn. Sau một vài ngày, Nội các và quốc gia đã lên kế hoạch chuẩn bị cho chiến tranh.

Vào ngày 28 tháng 9, sau một sự kiện đầy kịch tính tại Hạ viện, khi bài diễn văn sâu não của thủ tướng bị cắt ngang bởi nhận xét của một nghị sĩ trốn hành lang nhỏ dành cho các quan chức, đã tạo cơ hội cho Chamberlain công bố rằng Hitler đồng ý tổ chức một hội nghị bốn nước (gồm Đức, Anh, Pháp, Ý, mà không có sự hiện diện của Tiệp Khắc) tại Munich vào hôm sau. Toàn bộ Hạ viện, ngoại trừ Harold Nicolson, đã nhẹ nhõm đứng lên tiễn chân Chamberlain biểu lộ sự tín nhiệm. Không biết là Churchill có đứng lên hay không? Martin Gilbert nói rằng ông ta cùng với Eden, Amery và Nicolson, đã không đứng lên. Việc Eden không đứng lên là khó tin nhất (ông cố kiềm chế để không tỏ ra khiêu khích Chamberlain). Và Amery dù thường thô lỗ hơn lại trở nên nhỏ bé đến nỗi cho dù ông ta thật sự đứng lên thì người ta vẫn nghĩ là ông vẫn ngồi yên. Điều mà Churchill thật sự đã làm là đứng lên (có lẽ là rất chậm) để tiến về phía Chamberlain, chúc ông ta may mắn (có khả năng là bằng một thông điệp mơ hồ) và nói rằng Chamberlain từng rất may mắn, cách nói mà theo lời Nicolson thì Chamberlain không thích tí nào. Tại Munich, vào ngày hôm sau, Hitler đã có được tất cả những điều mà ông ta muốn. Chamberlain đáp máy bay về nước vào ngày 30 tháng 9 để phạm phải một sai lầm tai hại. Ông tuyên bố rằng hội nghị Munich là một chiến thắng (hòa bình trong danh dự) và không cần phải trì hoãn việc triển khai thành quả của hội nghị ấy. Điều này có thể gây tranh cãi.

Suốt những tuần lễ ấy, Churchill thường xuyên tiếp cận với ngoại trưởng và thủ tướng. Ông đã có những buổi nói chuyện tay đôi quan trọng với Halifax vào cuối tháng 8 và vào ngày 11, 19 và 22 tháng 9. Ngoài ra, ông đã gặp mặt tay ba

với Chamberlain vào ngày 10 tháng 9, và một lần nữa vào ngày 26. Lịch sử nhả nhận là điều thừa thãi trong những cuộc gặp này. Rắc rối duy nhất là cả hai đều không quan tâm đến lời khuyên của Churchill, kéo dài suốt tháng. Churchill đã không chống lại việc trao nhiều quyền tự trị cho người Tiệp gốc Đức (Sudetendeutsch) khi mà việc người Đức trú ngụ trên một dải đất quan trọng ở Bohemia đã được biết đến. Và ông cũng không thù ghét phái bộ của Rinciman do Chamberlain bảo trợ, một phái bộ đến Tiệp Khắc vào cuối tháng 7 để cố gắng đạt được một sự dàn xếp. Tuy nhiên, dự tính của ông là phải nói rõ với Hitler rằng nếu cần thiết thì nước Anh sẽ chiến đấu vì Tiệp Khắc. Điều này đã thật sự được ca ngợi trong báo cáo biên bản cuộc họp Nội các ngày 12 tháng 9. “Ngoại trưởng báo cáo rằng ông ta đã cùng thủ tướng gặp mặt Churchill... Churchill đã kiến nghị rằng chúng ta nên tuyên bố với người Đức là nếu họ xâm lược Tiệp Khắc, chúng ta sẽ ngay lập tức tuyên chiến với họ”. Hơn nữa, ông ta đã cố gắng nhấn mạnh điều đó để tạo ra một ý thức chiến lược hợp tác mật thiết hết mức có thể với Liên Xô trước mỗi đe dọa như thế. Trong các trang nhật ký ngày 26 tháng 9 của Harold Nicolson đã ghi lại: “Winston nói rằng (và tất cả chúng tôi đều tán thành), sai lầm cơ bản mà thủ tướng phạm phải là ông ta đã không tin tưởng nước Nga”.

Vì lời khuyên của Churchill trên hai vấn đề then chốt không được nghe theo nên ông rơi vào tâm trạng pha trộn gồm việc xem thường chính phủ, với đôi chút thách thức trong tuyệt vọng và bi quan. Có ba tình tiết nổi bật. Vào ngày 22 tháng 9, Nicolson đã được mời tham dự một cuộc họp bí mật gồm khoảng mười người tại Morpeth Mansions:

Trong khi tôi đang đợi thang máy đi xuống thì Winston xuất hiện từ một chiếc taxi. Chúng tôi cùng đi lên tầng trên. Tôi nói: “Đây là địa ngục”. Churchill đáp lại: “Đây là ngày tàn của đế quốc Anh”.

Chúng tôi tập trung trong phòng khách của ông... Churchill đứng sau tấm chắn lửa của lò sưởi và nâng ly whisky soda vẫy chào chúng

tôi. Phong cách của ông mờ nhạt một cách đáng ngạc nhiên nhưng toát ra một vẻ áp đảo mà thật ra là có thể chấp nhận.

Sau đó Nicolson được mời đến thêm một lần nữa (nhưng được nam tước phu nhân Violet Bonham Carter hoàn toàn tán thành trong bức thư gửi Churchill năm 1948) vào ngày 29 tháng 9 khi Chamberlain đang ở Munich:

Lúc 7 giờ chiều, chúng tôi [Nhóm nòng cốt] lại gặp nhau tại khách sạn Savoy. Mục đích của cuộc họp này là để Winston, tử tước Cecil (vùng Chelwood), Attlee, Eden, Archie Sinclair và Lloyd cùng đứng tên trong bức điện tín gửi cho thủ tướng nhằm kêu gọi ông đừng phản bội người Tiệp. Tôi đã bận rộn với vấn đề này suốt buổi chiều. Nhưng Anthony Eden đã từ chối ký tên vào bức điện tín vì cho rằng nó có thể được hiểu là phát xuất từ sự thù địch lâu dài chống lại Chamberlain. Attlee không chịu ký nếu không có sự đồng ý từ đảng của ông ta, mà làm gì còn thời gian để chờ đợi. Chúng tôi ngồi buồn bã vì biết rằng không thể làm được gì. Thậm chí xem ra Winston cũng không còn ý chí tranh đấu.

Kế đó, Colin Coote, vào lúc này đang làm việc cho tờ *The Times* nhưng suốt 14 năm sau đó ông là chủ bút tờ *Daily Telegraph*, lãnh phần trả tiền ăn buổi tối cho cả nhóm tại The Other Club. Và cả Nicolson lẫn Violet Bonham Carter đều không có lý do gì khác để không tham gia buổi tiệc. Coote viết:

Churchill đang rất giận dữ và buồn rầu... Ông quay sang trút giận lên hai vị bộ trưởng hiện diện là tử tước Duff Cooper và Walter Elliot. Người ta luôn có thể biết được lúc nào thì ông xúc động sâu sắc vì những lúc ấy giọng của ông có nhiều âm vang và khác đi. Vào lúc này giọng của ông không có tiếng vang mà trở nên the thé. Ông hỏi, tại sao những con người đáng kính giàu kinh nghiệm và có thành tích tốt trong Thế chiến I lại có thể chấp nhận một chính sách hèn nhát đến thế? Nó là

một chính sách bán thiu, hèn hạ, phi nhân tính, và tự dẫn đến diệt vong.

Duff Cooper phải chịu đựng sự dẫn dắt của Churchill, phải lãnh gánh nặng bảo vệ chính phủ mà ông sẽ từ nhiệm không đến hai ngày sau đó. Một thành viên trung kiên của Quốc hội đã chịu đựng cho đến khi các ấn bản đầu tiên của các nhật báo buổi sáng được phát hành có đưa tin giờ chót về các điều khoản Munich. Và Coote đã ra ngoài để mua chúng tại phố Strand, một đường phố ở trung tâm Westminster, London. (Vào những ngày ấy, rõ ràng The Other Club phải tự điều chỉnh để phù hợp với giờ giấc của nhóm Churchill, khác với quy luật đóng cửa từ 10g00 cho đến 10g30 đêm ngày nay). Khi Coote quay lại, tất cả đều choáng váng vì sự nhượng bộ hoàn toàn của chính phủ trước đòi hỏi của Hitler. Duff Cooper đã lặng lẽ rời đi. Thậm chí Churchill cũng bỏ đi sau đó. Đường như khi ra về, ông đã tựa vào cánh tay của Richard Law, con của vị cựu thủ tướng không được ông ưa thích là người trung thành với chủ trương chống chính sách xoa dịu. Trên đường rời khách sạn của The Other Club, họ đi ngang qua một phòng tiệc riêng lớn đầy những thực khách và vũ công phóng đảng, về sau Law đã nhớ lại rằng: “Tôi hiểu rất rõ về người đang buồn rầu và giận dữ bên cạnh tôi. Khi đã đi xa, ông lẩm bẩm: Thật tội nghiệp cho dân chúng, họ không biết là sắp phải đương đầu với điều gì đâu”.

Cuộc thảo luận ở Munich kéo dài suốt bốn ngày trong tuần sau. Mãi đến ngày thứ ba trong bốn ngày ấy, rơi vào Thứ tư ngày 5 tháng 8, Churchill mới lên tiếng. Ông luôn rất giỏi trong việc tìm thời điểm thích hợp cho các bài diễn văn của mình sao cho toàn khán phòng và những tờ báo lớn phải chú tâm. Sự thận trọng này đã cho phép ông giành được chính điều đó mà không cần phải cạnh tranh với Chamberlain, Attlee và Lloyd George, như ông đã phải như thế trong hai ngày đầu sau khi Duff Cooper đọc diễn văn từ chức. Ông đã đứng lên lúc 5 giờ 10 phút và đọc diễn văn suốt 45 phút. Đây là một bài diễn văn hùng hồn và không khoan nhượng. Sau khi phủ nhận qua loa ác cảm của ông đối với thủ tướng, ông tiến vào trọng tâm thông điệp bằng cách tuyên bố: “Chúng ta đã vượt qua được tình trạng bị đánh bại hoàn toàn, và người Pháp thậm chí còn phải chịu

đựng nhiều hơn mức chúng ta đã chịu đựng. Tất cả những gì mà ngài thủ tướng làm được là buộc kẻ độc tài người Đức thay vì ngốn một lúc tất cả những món được dọn trên bàn ăn lại phải tạm hài lòng với việc được phục vụ từng món một”.

Đoạn văn này đã tạo ra một đợt xôn xao giận dữ từ các dãy ghế của chính phủ sau lưng ông và thậm chí còn nhận được lời bình phẩm là “vô nghĩa” từ nữ từ tước Astor, dù lời phát biểu này nói chung là sai nhưng bà đã không thể tự kiềm chế. Ông tiếp tục châm chọc: “Tôi tin rằng các điều khoản mà ngài thủ tướng mang theo về có thể được tán thành dễ dàng qua các đường lối ngoại giao thông thường vào bất cứ thời điểm nào trong mùa hè... Người Tiệp, những người đang phải tự lo thân và cho rằng sẽ không nhận được bất cứ sự giúp đỡ nào từ các cường quốc phương Tây, đã có thể có được những điều kiện tốt hơn những gì mà họ đã phải nhận sau khoảng thời gian lo sợ cùng cực này. Tình cảnh của họ hiện nay không thể tệ hơn được nữa... Mọi chuyện thế là hết im lặng thê lương, bị bỏ mặc, bị tan rã, Tiệp Khắc chìm vào bóng tối. Quốc gia này đã phải chịu nhiều đau khổ do liên kết với các nền dân chủ phương Tây và với Hội Quốc Liên, tổ chức mà đối với nó Tiệp Khắc luôn là một người đầy tớ dễ bảo”.

Ông tiếp tục với một điều tiên đoán cho thấy, đã nhanh chóng trở thành sự thật: “Tôi cho rằng trong tương lai, nhà nước Tiệp Khắc sẽ không còn duy trì được thân phận độc lập. Tôi nghĩ là quý vị sẽ thấy rằng trong một khoảng thời gian vài năm, nhưng chỉ có thể tính từng tháng, Tiệp Khắc sẽ chìm vào bóng tối của chế độ Quốc xã”. Ông tiếp tục bằng việc tố cáo sự khinh suất của nước Anh trong 5 năm trước: “Chúng ta đã bỏ qua cột mốc lịch sử đáng sợ của đất nước khi mà sự cân bằng lực lượng ở châu Âu đã bị xáo trộn, và... Vào lúc này đây, những lời phán truyền khủng khiếp được đưa ra là nhằm chống lại các nền dân chủ châu Âu: *Người đã bị đặt lên bàn cân và thấy rằng không đủ*” (Daniel 5, 27). Churchill dùng câu Kinh Thánh này để nói đến sự thiếu khả năng của Chamberlain: “Tôi không thể tin rằng có một sự kiện tương tự như thế diễn ra trong lịch sử”. Nhưng sau đó ông không thể không kêu gọi sự giúp đỡ dành cho

những nghiên cứu mùa hè của ông và đã trình làng một trong những nghiên cứu ấy, nghiên cứu về cuộc đời của Vua Ethelred II.

Lập luận tiếp theo của ông dễ gây tranh cãi hơn cho rằng Pháp và Anh có thể đã thành công hơn nữa trong cuộc chiến chống Đức trong năm 1938, khi mà quân đội của nước này “chưa đạt đến mức trưởng thành hoặc hoàn hảo” như quân đội Pháp, không như bất cứ thời điểm giả định nào trong tương lai. Kể đó ông chỉ trích nặng nề việc thủ tướng muốn quan hệ thân thiết với chính phủ Đức. “Với nhân dân Đức thì được, nhưng ông không nên thân thiện với chính phủ hiện nay của họ. Ông chỉ nên có những mối quan hệ đúng đắn về mặt ngoại giao. Nhưng không thể có mối quan hệ hữu nghị giữa chế độ dân chủ Anh và chế độ Đức Quốc xã. Đức Quốc xã là một chế độ không thừa nhận đạo đức Ki-tô giáo, một chế độ cổ vũ bước tiến của nó bằng một tư tưởng phi Ki-tô giáo man rợ, một chế độ cổ vũ tinh thần hiếu chiến và tham vọng chinh phục, một chế độ sử dụng việc bức hại để có được sức mạnh và thú vui trụy lạc. Và như chúng ta đã thấy, nó không ngừng sử dụng lực lượng vũ trang để giết người hàng loạt. Một chế độ như thế không bao giờ có thể trở thành người bạn đáng tin cậy của chế độ dân chủ Anh”.

Kể đó ông lên án ý tưởng thực hiện một cuộc tổng tuyển cử trước kia nhằm khai thác cảm giác nhẹ nhõm giả tạo của quốc gia như một sự “không đúng đắn về mặt hiến pháp”, trước khi đưa ra lời cảnh báo kết thúc: “Đây chỉ là bước đầu, chỉ là một ngạm đầu tiên ném thử trước những chén đắng mà chúng ta phải nhận từ năm này sang năm khác. Trừ khi, bằng cách phục hồi sức mạnh tinh thần và quân sự, chúng ta đứng lên chống lại để giành lại thể đứng tự do mà chúng ta từng có tại nhiều thời điểm trong quá khứ”.

Đây là một bài diễn văn hùng hồn và xuất sắc, nó duy trì thông điệp của Churchill hơn 60 năm. Nhưng nó lại không phải là bài diễn văn lôi kéo về cho Churchill thêm nhiều người bạn từ những hàng ghế Quốc hội dành cho Đảng Bảo thủ. Họ là những người phần nào nằm trong số 30 người bỏ phiếu trắng khi được yêu cầu chia làm hai phe để biểu quyết. Mà theo Gilbert thì trong số này

chỉ có 13 người kể cả Churchill, không có Eden, vẫn giữ vững lập trường trong khi các thành viên khác thay đổi. 17 người khác thì thận trọng hơn trong việc chống đối. Đối với những người không có kinh nghiệm trong sinh hoạt Quốc hội, việc không bỏ phiếu của họ (dù kín đáo hoặc phô trương) trong bất cứ trường hợp nào có thể sẽ mang lại kết quả làm giảm sức mạnh của những lời lên án quyết liệt trong những bài diễn văn của Churchill và vài người khác. Trong trường hợp này, nó là điều sắp xảy ra. Và thậm chí đối với Churchill, nó khiến ông phớt lờ trông trải trước sự chống đối của các cử tri và các nghị viên phụ trách tổ chức, buộc ông phải giảm mức độ công kích nếu muốn duy trì sự ủng hộ của Đảng Bảo thủ. Theo sau hào khí của bài diễn văn ngày 5 tháng 10 của Churchill là một tiến bộ lớn trong quan điểm của dân chúng và việc Churchill tạm ngừng công kích để giảm tình trạng dễ bị công kích. Ông đã chứng kiến quá nhiều thăng trầm trong hoạt động bầu cử nên không thể bình thản trước sự mất ưu thế của Đảng Bảo thủ tại khu vực bầu cử Epping, đây là hiểm họa nhanh chóng nổi lên từ sau thảo luận Munich.

Chương 28

NĂM HÒA BÌNH SAU CÙNG

Khi nhìn lại, rắc rối hậu Munich giữa Churchill và các cử tri thuộc Đảng Bảo thủ hầu như không thể tin được. Trong vòng một năm, ông đã trở về chức vụ cũ. Trong vòng 18 tháng, ông trở thành thủ tướng. Trong vòng hai năm, ông được bầu làm chủ tịch Đảng Bảo thủ mà không bị chống đối, và từ vị trí này ông ngự trị trên hoạt động chính trị của nước Anh thêm 14 năm rưỡi nữa. Và 30 năm sau khi giai đoạn này kết thúc, ông là người duy nhất trong số những người tiền nhiệm thuộc Đảng Bảo thủ “hậu 1945” được nữ thủ tướng Margaret Thatcher lưu dụng.

Tuy nhiên, điều không thể bỏ qua là trong khoảng sáu tuần của mùa thu năm 1938, và kể đó là thêm bốn tuần nữa nhưng với mức độ nhẹ hơn, đã có sự nghi ngờ đối với khả năng tiếp tục vai trò một nghị sĩ Đảng Bảo thủ của Churchill. Không có lý do gì để cho rằng các thành viên của Hội các đảng viên Bảo thủ Epping (hoặc Tây Essex) là những người chống lại sự đổi mới hoặc mệt mỏi. Trong năm 1924, họ đã đón nhận Churchill như đón nhận nạn nhân của một vụ đắm tàu. Họ ủng hộ ông làm bộ trưởng Tài chính. Họ đã duy trì thời gian không tham gia của ông đối với chính phủ lập sẵn của phe đối lập trong năm 1930 và hậu thuẫn cuộc tranh đấu kéo dài của ông trên vấn đề Đạo luật về Ấn Độ. Họ đã không đòi hỏi nhiều về thời gian hoặc tiền bạc của ông. Nói chung là họ đã đồng cảm với chiến dịch nhằm tranh đấu cho việc tái vũ trang giữa thập niên 1930 của Churchill. Nhưng khi ông công kích “ông hoàng hòa bình” (the prince of peace, hình ảnh nhất thời của Chamberlain trong lòng các đảng viên Đảng Bảo thủ địa

phương) trong các điều khoản mà ông sử dụng trong cuộc tranh cãi ở Munich, thì sự bất mãn và thù địch xuất hiện.

Hoạt động chính trị trong bất cứ trường hợp nào cũng khó hiệu quả nếu thiếu những phần tử bạo động. Nhưng khó khăn của việc duy trì nhiệt tình mà không trao cho những kẻ có khuynh hướng bạo động quá nhiều sức mạnh là một trong những vấn đề kinh niên của một chính phủ dân chủ. Trong năm 1909, Arthur Balfour đã đưa ra một câu nói ngạo mạn nổi tiếng: “Tôi rất tôn trọng hội nghị của Đảng Bảo thủ, nhưng tôi thà hỏi ý kiến của người hầu về các chính sách quan trọng hơn là tham khảo ý kiến của hội nghị này”. Không phải là chuyện tình cờ khi chỉ trong vòng ba năm sau khi đưa ra nhận xét đó, Balfour trở thành một trong số một vài người bị buộc phải thôi việc.

Dù Churchill không bao giờ bị cho là ngạo mạn đến mức như Balfour, nhưng ông luôn chủ trương rằng chính sách phải do những người lãnh đạo quyết định chứ không thể trao phó cho các nhà hoạt động chính trị địa phương. Trong bất cứ trường hợp nào, ông đều cho rằng các vấn đề giữa ông và Chamberlain không liên quan gì đến lòng trung thành với đảng. Bất chấp, hoặc bởi vì, quan điểm này, ông xem vấn đề ở khu vực bầu cử Epping là nghiêm trọng nhưng không giảm nhẹ khí. Tuyên bố thẳng thừng nhất của Churchill về các cử tri ở khu vực bầu cử Epping nằm trong những câu trả lời một bức thư tự phát ủng hộ và kêu gọi hành động cương quyết từ Ramsay Muir. Ông này là một sử gia và là một quan chức tận tụy thuộc Đảng Tự do có tuổi đời xấp xỉ tuổi của Churchill, từng làm việc một thời gian ngắn tại Hạ viện trong khoảng thời gian 1923 -1924. Churchill viết: “Tôi đang gặp phiền phức tại khu vực bầu cử của tôi, và tôi đã tuyên bố rằng nếu không giành lại được sự tín nhiệm thì sẽ kêu gọi sự ủng hộ của các cử tri. Trong trường hợp này, một cuộc bầu cử bổ sung sẽ được tổ chức, mà căn cứ trên đặc tính của khu vực bầu cử này, thì sẽ rất hữu ích cho những dự định của ông”. Ý nghĩa câu thứ hai hơi mơ hồ có nghĩa là trong trường hợp như thế, Churchill sẽ đón nhận sự ủng hộ của các thành viên Đảng Tự do, những người mà trong cuộc bầu cử vừa qua đã giao cho ông một nhiệm vụ khó khăn,

dù không ghê gớm lắm, là chống lại những thành viên chính thức của Đảng Bảo thủ ủng hộ Chamberlain. Tuyến bố của ông được làm rõ hơn nữa qua đoạn kết luận:

“Tôi có quan hệ mật thiết với Archie [Sinclair]... Không biết là liệu tôi có thể mời ông đến chơi và dùng cơm trưa với tôi [tại Chartwell] vào một ngày nào đó trong tuần tới hay không”. Bức thư này vừa cho thấy Churchill rất quan tâm đến mối đe dọa trên lại vừa cho thấy nhân tố Đảng Tự do mà ông nói đến là một phần trong chiến lược dự phòng nhằm chống lại mối đe dọa ấy.

Một phần thiết yếu khác của chiến lược là trực tiếp đương đầu với mối đe dọa đến từ “những người trung thành”. Thật ra ông đã viết với đôi chút nóng nảy cho nam tước Boothby đang lo lắng vào ngày 1 tháng 10: “Tôi không nghĩ là ông sẽ không gặp phải bất cứ khó khăn nghiêm trọng nào với các cử tri của ông, nếu ông cho họ biết rằng bất chấp những gì họ nói hoặc làm ông vẫn sẽ giành chiếc ghế đó”. Ông đã tuân thủ quy tắc “trực tiếp” bằng cách viết một bức thư rất trang trọng cho Hawkey, chủ tịch Hội các đảng viên Bảo thủ Epping, vào ngày 13 tháng 10:

Ngài James Hawkey thân mến!

Tôi muốn bàn bạc với hiệp hội của ngài về những sự kiện trọng đại đã xảy ra. Chúng ta đã luôn đồng lòng đối với vấn đề Ấn Độ và quốc phòng. Chỉ có thể ngăn chặn chiến tranh khi chúng ta nhìn nhận những sai lầm. Tôi tin rằng một nỗ lực tối đa nhằm bảo đảm an ninh quốc gia phải được thực hiện... Chúng ta cần đến những hy sinh và những nỗ lực to lớn từ mọi phía để gìn giữ đất nước.

Vì thế tôi mong ngài sẵn lòng kêu gọi tất cả những người bạn của chúng ta đoàn kết và thực hiện những bước cần thiết phù hợp với những quy định của hội (Hội các đảng viên Bảo thủ Epping).

Người bạn chân thành của ngài,

Winston S. Churchill.

Hawkey là người nhiệt tình ủng hộ Churchill và được Churchill kính trọng. Hawkey được giáo dục tại địa phương, tự thành đạt và có ảnh hưởng hầu như là đối với mọi quan chức ngành dân chính trong khu vực bầu cử của ông. Ông được phong tước hiệp sĩ trong thời gian Churchill giữ chức vụ đại pháp quan, và sau đó là tòng nam tước vào cuối nhiệm kỳ thủ tướng của Churchill năm 1945. Theo quan điểm của Churchill, nhược điểm duy nhất của Hawkey là không tôn trọng Hội Quốc Liên. Có một số đoạn tham khảo khá buồn cười về vấn đề này trong những bức thư trao đổi giữa họ dường như là để bôi bác những chuyện ngớ ngẩn hoặc những chuyện đại loại như thế về Hội Quốc Liên. Vì thế ông ta thích chủ trương vũ trang hơn là ký hòa ước trong chính sách của Churchill. Nói chung, Hawkey nhiệt tình, sáng suốt, trung thành với Churchill và là tai mắt của Churchill.

Vào ngày 4-11- 1938, ông ta đã triệu tập các thành viên Đảng Bảo thủ Epping tại tòa nhà Winchester House trong thành phố (nơi Churchill đã gặp họ hoặc những người tiền nhiệm của họ lần đầu trong năm 1924) và đã rất kỹ lưỡng trong việc dàn xếp trước những bước chuẩn bị. Ông ta và Churchill đã đứng khi chuẩn bị kỹ như thế vì ở nơi đây có nhiều điều không thuận lợi. Có rất nhiều thành viên đã thông qua những nghị quyết thù địch. Và bầu không khí bất lợi ở đây đã được ghi lại rõ ràng trong một bức thư (ngày 20 tháng 10) mà Sir Harry Goschen, một chuyên gia tài chính lớn tuổi của thành phố cư trú tại phần phía bắc của khu vực bầu cử, viết cho Hawkey:

Tôi không thể không nghĩ rằng, thật tiếc khi ông ta [Churchill] gây ra sự bất hòa trong Hạ viện bằng bài diễn văn đã đọc. Dĩ nhiên, ông ta không giống như một thành viên thấp cổ bé miệng, những gì ông ta nói được lan truyền khắp châu Âu và đến tận nước Mỹ. Và tôi nghĩ là sẽ tốt hơn nhiều nếu ông ta giữ im lặng và đừng đọc bài diễn văn nào.

Rất nhiều cử tri từ một số khu vực hành chính xa xôi, như Harlow,

rất giận dữ với Churchill... Rất nhiều người đã viết thư cho Douglas Pennant [con rể của Goschen] và nhiều người khác để trách móc ông ta. Tôi nghe được rằng đã có một cuộc biểu tình ở Epping nhằm chống Churchill, và tất cả giống như một mớ bùng bong.

Winston Churchill đã kiên quyết giải quyết rốt ráo vấn đề, một là ngay trong nội bộ Đảng Bảo thủ ở Epping, hai là (nếu phương án 1 thất bại) trước toàn bộ cử tri địa phương. Phương án 1 của Churchill đã không thất bại. Tại cuộc họp ngày 4 tháng 11, Churchill đã nhận được số phiếu bầu thuận lợi, 100 phiếu ủng hộ so với 44 phiếu chống, Goschen và nhiều người khác đã ngả về phe Churchill. Rõ ràng là ông đã giành được đa số phiếu bầu, nhưng phe thiểu số vẫn chiếm được một sĩ số đáng sợ, đủ để các thành viên của nó nghĩ đến việc tranh đấu vào dịp khác. Hơn nữa, việc Churchill nhận được 100 phiếu là kết quả sơ bộ của việc làm lành:

Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với thủ tướng (Chamberlain), vì ông đã có những nỗ lực bền bỉ và dũng cảm dành cho sự nghiệp hòa bình. Nhưng chúng ta cũng lấy làm tiếc rằng những quan điểm về thời điểm thích hợp để tái vũ trang cho đất nước của chúng ta mà ngài Winston Churchill đáng kính đã trình bày với khu vực hành chính này trong năm năm vừa qua, đã được hội (Hội các thành viên Đảng Bảo thủ Epping) và Liên hiệp các hiệp hội Đảng Bảo thủ Quốc gia thông qua, lại đã không được lắng nghe. Vì chúng ta đã cảm thấy rằng nếu chúng được lắng nghe thì thủ tướng hẳn đã tự thấy rằng mình đang ở một vị trí tốt hơn nhiều cho việc đàm phán với những người lãnh đạo của những nhà nước độc tài. Vì thế chúng ta khuyến khích ngài Churchill tiếp tục duy trì công việc của ngài dành cho sự thống nhất đất nước và quốc phòng. Chúng ta tin rằng đây là nền tảng vững chắc nhất của một nền hòa bình lâu dài mà chúng ta vô cùng ao ước.

Ai là người đã soạn thảo bản văn này? Xét cả về văn phong lẫn nội dung, đây

không thể là tác phẩm của Churchill vì chắc chắn là ông sẽ tránh việc nhận xét thiên vị giữa Chamberlain và chính ông. Thật ra, căn cứ vào sự nhập nhằng nước đôi trong cách giải quyết, có thể cho rằng đây là tác phẩm của những người thật sự từng chỉ trích Churchill, nếu không nó đã bị loại bỏ vì cho là vô nghĩa. “Chúng ta” trong bản văn này là nhóm người được lãnh đạo bởi Colin Thornton Kemsley (về sau là đại tá). Khi ấy, ông ta là một người kinh doanh bất động sản địa phương 35 tuổi ở Essex. Tuy nhiên, trong năm 1938, ông ta đã cả gan bác bỏ toàn bộ sự đánh giá về tình hình ngoại giao và quân sự của Churchill. Có lẽ là không có gì để phải ngạc nhiên khi sự nghiệp trong Quốc hội của ông ta không sáng sủa trong thời gian Churchill lãnh đạo. Thậm chí dưới thời thủ tướng Macmillan, ông ta chỉ được phong tước hiệp sĩ sau 19 năm phục vụ Quốc hội.

Điều gì đã xảy ra khiến 30 người (chắc chắn một số người trong số này là những người ưa bàn tán) thay đổi phe phái làm thay đổi kết quả biểu quyết? Hẳn Churchill sẽ buộc người ta tổ chức một cuộc bầu cử bổ sung. Nhưng việc định thời điểm không do ông quyết định mà là do những đối thủ của ông nằm trong số những nghị viên phụ trách kỷ luật của Đảng Bảo thủ, những người có thể chọn thời điểm công bố các pháp lệnh trong Hạ viện mà nếu không có chúng thì việc tranh cử không thể diễn ra. Có chắc là ông sẽ thắng hay không? Trước lễ Giáng sinh, khi người ta còn nghĩ rằng sẽ không có chiến tranh và mức độ tín nhiệm dành cho Chamberlain vẫn còn cao, việc Churchill đắc cử là không chắc chắn. Vào đầu năm 1939, và nhất là sau khi Hitler biến hội nghị Munich thành trò hề bằng cách nuốt gọn Tiệp Khắc, triển vọng của Churchill mới sáng sủa hơn. Người duy nhất chống hội nghị Munich (người thật sự phải đối diện với một cuộc bầu cử bổ sung), là nữ công tước vùng Atholl (Katharine Marjory Stewart-Murray). Và bất chấp sự ủng hộ từ phía Churchill, bà đã bị thất cử vào ngày 21 tháng 12 trước một nhân vật tâm thường ủng hộ Chamberlain với số phiếu ủng hộ là 10.495 so với số phiếu của đối thủ là 11.808. Không có sự tham gia của ứng cử viên thuộc Đảng Tự do hoặc Công đảng nào, những người rất đoàn kết, mà nếu phải tranh cử với họ, Churchill rất muốn thắng cử ở vùng Epping. Dĩ

nhiên là vị nữ công tước này không phải là Churchill, nhưng số phận của bà đã gợi ý rằng sự nghiệp của Churchill có thể đã lâm nguy. Nếu Churchill thất cử trong cuộc bầu cử bổ sung ấy, hẳn nó là một cuộc bầu cử bổ sung tai hại nhất trong lịch sử nước Anh.

Liệu khó khăn mà Churchill đã phải đối diện ở khu vực bầu cử Epping có khiến ông phải tạm thời cảnh giác trước quan điểm của công chúng hay không? Ví dụ như ở Hạ viện vào ngày 17 tháng 1, ông đã cùng với Đảng Tự do biểu quyết ủng hộ đề nghị thành lập Bộ Quân nhu. Đây là lần đầu kể từ khi Dự luật về Ấn Độ xuất hiện, Churchill bỏ phiếu chống chính phủ, việc mà ông thường tránh né. Ông đã tham gia vào nhóm hoạt động chống đối chỉ gồm có Harold Macmillan và Brendan Bracken. Nhưng bên ngoài Hạ viện, ông đã không thực hiện lời đe dọa phần nào kém mạnh mẽ mà ông đã tuyên bố với Harold Nicolson vào lúc ông muốn khiêu khích Chamberlain: “Tại lần bầu cử tiếp theo, tôi sẽ diễn thuyết trên tất cả mọi bục diễn thuyết của những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội trên toàn quốc”.

Trái lại, khác với hai người kế nhiệm ông trong vai trò người lãnh đạo Đảng Bảo thủ, ông đã từ chối Harold Macmillan và Edward Heath để ủng hộ Alexander Dunlop Lindsay, hiệu trưởng Đại học Balliol, khi ông ta ứng cử (thất bại) với vai trò là một ứng cử viên độc lập chống hội nghị Munich trong cuộc bầu cử bổ sung nổi tiếng tại Oxford vào cuối tháng 10. Ông đã không ủng hộ Vernon Bartlett, phóng viên nhật báo *News Chronicle*, khi ông ta ứng cử (thất bại) với thân phận tương tự tại Bridgwater vào giữa tháng 12. Churchill đã hoàn tất một học thuyết phức tạp được ông trình bày trong một bức điện tín ngày 26 tháng 10 gửi cho tử tước Cecil xứ Chelwood: “Chừng nào còn thừa nhận các nghị viên phụ trách kỷ luật của Đảng Bảo thủ thì tôi không thể đứng về phe chống lại họ trong một cuộc bầu cử bổ sung trừ trường hợp có đến hai ứng cử viên Đảng Bảo thủ cùng tham gia tranh cử”.

Churchill đã nhẹ nhàng trách móc lời cảnh báo của Anthony Eden vào lúc ấy, ông viết thư cho người tổ chức Nhóm nòng cốt vào ngày 12 tháng 11: “Tôi đã

không tin tưởng vào sự chiến thắng của ngài Eden vì vào lúc ấy ông ta rất nhút nhát rụt rè”. Nhưng ở một chừng mực nào đó, ông đã ganh đua với Eden. Tuy nhiên, không ai từng trải qua việc phải duy trì vị thế trong một đảng trong khi lại bất đồng với người lãnh đạo đảng trên vấn đề then chốt thuở ấy lại có khuynh hướng chỉ trích Churchill về vấn đề này. Việc nhóm thiểu số biểu quyết chống lại việc buộc tội một người, những nỗ lực nhằm thiết lập một mối liên kết giả tạo, và việc xem sự chống đối là vấn đề lớn, là những đặc điểm cần thiết quá quen thuộc trong hoạt động bè phái có vẻ khó hiểu đối với những người ngoài cuộc.

Bất chấp sự chống chế phần nào ở phía Churchill, những mối quan hệ giữa ông và Chamberlain vào mùa thu sau hội nghị Munich đã trở nên tồi tệ hơn so với bất cứ thời điểm nào trong suốt hai thập kỷ, không thân thiện mà cũng không hận thù. Trong đó, đời sống chính trị của hai người tác động lẫn nhau. Kỳ lạ là một vấn đề tương đối nhỏ xảy ra ngay sau khi cuộc thảo luận ở Munich kết thúc dường như đã gây ra ác cảm trầm trọng giữa họ. Chính phủ muốn dời cuộc họp của Hạ viện đến tháng 11. Điều này đã bị chống đối bởi Công Đảng, Đảng Tự do, Churchill, Macmillan và một vài thành viên khác của Đảng Bảo thủ. Trong tiến trình tranh cãi phần nào theo thủ tục, Churchill và Chamberlain đã rất dễ nổi nóng với nhau. Vị thủ tướng này cho rằng những lập luận của Churchill là “không có giá trị” và ngay chiều hôm ấy đã viết cho Churchill một bức thư đầy tức giận:

Tôi rất tiếc vì những nhận xét của tôi đã khiến ông khó chịu, nhưng tôi phải nói rằng ông đã quá dễ bị tổn thương trước một người thường công kích những người khác.

Tôi nhận thấy những nhận xét của ông đã mạnh mẽ công kích tôi và những người từng cộng tác với tôi.

Tôi không xem những nhận xét gây tổn thương này của ông như là sự cắt đứt những mối quan hệ cá nhân giữa chúng ta, nhưng ông không thể chờ đợi ở tôi việc không chống trả khi bị ông công kích.

Cho dù những mối quan hệ cá nhân trên danh nghĩa giữa họ có được duy trì hay không, Chamberlain cũng đã không hề thực hiện động thái nào để kiềm chế những nỗ lực của những người nhiệt tình “trung thành” với ông ở khu vực hành chính Epping nhằm hủy hoại vị trí của Churchill ở khu vực bầu cử này. Và trong cuộc tranh cãi ở Bộ Quân nhu vào ngày 17 tháng 11, Chamberlain đã sử dụng hết mọi khả năng có thể để bôi bác những phẩm chất cá nhân, thay vì là những lập luận, của Churchill.

Tôi vô cùng ngưỡng mộ nhiều phẩm chất nổi bật của vị nghị viên này (Churchill). Ông tỏa sáng theo mọi hướng. Thế nhưng tôi nhớ là từng hỏi một chính khách của một vùng tự trị (người từng giữ chức vụ cao suốt nhiều năm), rằng theo ông thì đâu là phẩm chất quý giá nhất của một chính khách? Thì ông ta trả lời rằng đó là khả năng đánh giá vấn đề. Nếu Hạ viện hỏi tôi rằng khả năng đánh giá vấn đề có phải là khả năng nổi trội nhất trong số những phẩm chất của vị nghị viên này hay không, hẳn là tôi sẽ phải yêu cầu Hạ viện đừng đẩy tôi đi quá xa.

Sự bôi bác khá tinh quái đương nhiên đã tạo ra sự thích thú cho những người vẫn còn trung thành với Chamberlain. Đã không có bất cứ dấu hiệu cải thiện nào trong mối quan hệ giữa họ trong suốt mùa đông, dù có điều nghịch lý là sự lạnh nhạt hóa ra chỉ là khúc dạo đầu chứ không tiếp tục phát triển xấu hơn. Và khi chiến tranh nổ ra, Churchill đã tham gia chính phủ, những mối quan hệ của họ trở nên tốt hơn trước.

Trong Hạ viện, Churchill đã không đáp trả sự công kích của Chamberlain, ông không giỏi trong việc phản ứng ngay tại chỗ dù những lập luận bộc phát ngay bên bàn ăn của ông thường là rất sắc sảo và đáng nhớ. Thế nhưng ông đã phản công rất hiệu quả trong cuộc họp ở khu vực bầu cử của ông gần một tháng sau. Việc tổ chức cuộc họp này ở Chingford vào ngày 9 tháng 12 là một hành động vội vã liều lĩnh của Churchill. Vì nó là cuộc họp gồm nhiều đảng phái với sự hiện diện đáng kể của phe cánh Đảng Tự do và do Hội Quốc Liên chủ trì.

Trong diễn văn, Churchill đã phản bác lập luận của Chamberlain cho rằng ông thiếu khả năng đánh giá vấn đề.

Tôi xin được hân hạnh trình bày những đánh giá của tôi về những sự việc ngoại giao và quốc phòng trong năm năm vừa qua để so sánh với những đánh giá của chính ông ta (Chamberlain). Trong tháng 2, ông ta đã nói rằng sự căng thẳng ở châu Âu đã giảm rất nhiều, thế nhưng chỉ vài tuần sau, Đức Quốc xã đã chiếm nước Áo. Tôi tiên đoán rằng ông ấy sẽ lặp lại tuyên bố này ngay khi cú sốc ở nước Áo lắng dịu. Ông ta cũng đã dùng luận điệu như thế vào cuối tháng 7. Thế mà vào giữa tháng 8, người Đức lại vận dụng những thủ đoạn ranh ma mà vì chúng sau đó chúng ta suýt rơi vào cuộc chiến thế giới và kết thúc với việc cộng hòa Tiệp Khắc bị tiêu diệt. Tại bữa tiệc lớn vào tháng 9 ở Guildhall do ngài thị trưởng tổ chức, ông ta đã nói với chúng tôi rằng châu Âu đang tiến dần vào thời kỳ hòa bình. Thế mà Đảng Quốc xã lại thực hiện những hành động dã man gây kinh hoàng cho thế giới văn minh đối với các cộng đồng Do Thái (Đêm kinh hoàng [Kristallnacht, tiếng Đức có nghĩa là đêm các cửa kính bị đập vỡ, thuật ngữ dùng để chỉ một trong những cuộc thảm sát người Do Thái ở Đức] đã diễn ra trong hai ngày 9 và 10 tháng 11 năm 1930).

Làn sóng bạo động mới nhằm chống người Do Thái tràn ngập nước Đức (chủ yếu là theo lệnh của chính phủ), vào cuối tháng 10 và đầu tháng 11 phần nào đã giúp củng cố địa vị của Churchill và làm lung lay uy thế của Chamberlain. Vào ngày 28 tháng 10, lệnh trục xuất 20 ngàn người Ba Lan gốc Do Thái đã được ban hành ở Đức. Để phản ứng, một thanh niên Ba Lan gốc Do Thái 17 tuổi đã ám sát một nhà ngoại giao Đức trẻ ở Paris. Nỗi kinh hoàng của những giờ phút đầu tiên của Đêm kinh hoàng tháng 10 là một phản ứng đã được Đảng Quốc xã trù tính từ trước. Cửa kính của các cửa hàng của người Do Thái bị đập vỡ và hàng hóa bị phá hủy hoặc đánh cắp, các thánh đường Do Thái bị đốt

và nhiều người Do Thái bị hành hung. Sau đó, vào ngày 13 tháng 10, chính thể đương quyền ở Đức không những đã không sửa sai hành động vi phạm luật pháp mà còn hợp thức hóa nó bằng cách đưa ra sắc lệnh cấm không cho người Do Thái hoạt động kinh doanh vào cuối năm ấy.

Rõ ràng chuỗi sự kiện như vậy đã gây thêm khó khăn cho Chamberlain trong nỗ lực mô tả Hitler như một đối tác hòa bình. Hitler đã dồn hết tâm trí vào hai bài diễn văn kế tiếp nhau vào ngày 6 và 8 tháng 11, nhằm công kích mạnh mẽ cá nhân Churchill, điều đã thôi thúc nhật báo của Đảng Quốc xã tố cáo Churchill là người xúi giục dẫn đến vụ ám sát ở Paris. Sự cuồng loạn của người lãnh đạo nước Đức và tuyên bố lỗ bịch của ông ta đã khiến công chúng Anh có thiện cảm với Churchill. Thậm chí nhật báo *The Times*, tờ báo trung thành với chính sách xoa dịu, cũng đã tuyên bố rằng trong bất cứ trường hợp nào, những lời công kích này là “quá quắt” và là những “nhận xét không thể chấp nhận”.

Tuy nhiên, cuối mùa thu và vào Mùa Vọng (Advent Season) năm ấy vẫn chưa phải là thời điểm thăng tiến sự nghiệp của Churchill. Chẳng khác gì Chamberlain, Churchill cũng là một người bần tính. Thậm chí sau cuộc tranh cãi ở Bộ Quân nhu, Churchill còn chống đối Duff Cooper, người nổi tiếng là cục cằn nhưng lại là một trong một số ít ỏi những đồng minh của Churchill vào lúc ấy và là một người ngây thơ. Việc nhận được huy chương vàng nhờ tác phẩm *Marlborough* tại hội chợ sách do tuần báo *Sunday Times* tổ chức đã phần nào khích lệ Churchill. Nhưng sau đó, vào ngày 5 tháng 12, trong hành động cuối cùng của chuỗi chiến công kéo dài của Duncan Sandys, ông đã phải nếm trải một thất bại nhỏ trong Hạ viện. Điều đáng ngạc nhiên là Churchill đã bị bẽ mặt bởi tử tước Hore-Belisha. Với lời bình luận đáng chú ý ở phần cuối, nhật ký của Nicolson đã ghi lại rằng:

Winston đã có những bước khởi đầu tuyệt vời và tất cả chúng tôi đã chờ đợi để được nghe một bài diễn văn xuất chúng. Ông đã chỉ trích Hore-Belisha là tỏ ra quá tự mãn. Hore-Belisha đã đứng dậy nói: “Lúc

nào và ở đâu?”. Churchill trả lời là: “Tôi đã chuẩn bị chứng cứ đây”, và bắt đầu dò trong tập ghi chép của mình để tìm những mẫu giấy được cắt ra từ những tờ báo. Ông kiên nhẫn tìm kiếm và đã tìm thấy những chứng không phải là những bài báo thuyết phục nhất, và mẫu báo mà ông lớn tiếng đọc lại không kết tội Hore-Belisha. Winston trở nên bối rối và cố gắng chấn chỉnh bài diễn văn nhưng ông đã thất bại thảm hại. Một người ngồi kế bên tôi nói rằng: “Churchill đã trở thành một ông già”. Chắc chắn ông ta là một con hổ, nhưng nếu mất đi sức bật thì ông ta sẽ thất bại.

Clementine lại đi xa. Bà lên đường vào cuối tháng 11 để tham dự một chuyến hải hành dài ngày trên du thuyền của nam tước Moyne (Walter Edward Guinness) và mãi đến tháng 2 mới quay về. Churchill cô đơn, và vợ ông cũng thế. Nhưng điều này chẳng giúp ích gì nhiều cho họ. Vào ngày 17 tháng 12, Churchill và cô con gái Mary (lúc này đã 16 tuổi) đã cùng gửi cho bà Clementine một bức điện tín với nội dung: “Xin vui lòng nhắn tin cho chúng tôi. Chúng tôi rất lo lắng vì không nhận được tin tức gì”. Vào ngày 24, Churchill đã viết thư cho một người bạn là tử tước Craigavon (James Craig) để cảm ơn về một món quà. Trong đó có đoạn: “Trong thời điểm khó khăn và bất hòa này, tôi cảm thấy rất cô đơn...”. Cũng trong buổi chiều hôm ấy, ông đưa hai người con là Mary và Randolph đi nghỉ lễ Giáng sinh ba ngày tại Blenheim. Kế đó, vào cuối tuần lễ đầu tiên của tháng 1 năm 1939, ông đến Paris để gặp Reynaud, Blum và cựu ngoại trưởng Yvon Delbos trước khi bước vào hai tuần làm việc vất vả khác (dành cho tác phẩm *The English Speaking Peoples*) tại lâu đài Chateau de l’Horizon của Maxine Elliott. Ông yêu ánh sáng mặt trời nơi đây (nhưng không chắc là ông được hưởng hai yếu tố này tại vùng Riviera vào tháng 1) và không thích tình trạng băng tuyết đóng dày, tình trạng mà Chartwell, Blenheim và phần lớn xứ Anh phải chịu đựng suốt mùa Giáng sinh năm ấy. Ngoài ra, ông còn lo sợ rằng đây là kỳ nghỉ cuối cùng trong thời bình của ông, và đã quyết định duy trì thông lệ nghỉ đông của tầng lớp thượng lưu Anh trước chiến tranh: lâu đài

Blenheim ở Anh, khách sạn Ritz ở Paris, xe lửa hạng sang Train Bleu, khu nghỉ dưỡng Golfe Juan, những bữa tiệc với gia đình Windsor, những canh bạc kéo dài nhưng không “sa đà” tại sòng bạc Casino. Điều duy nhất không phù hợp với “lối sống thượng lưu” bình thường của ông là sự quan tâm đối với các chính khách của nền Cộng hòa đệ tam và nỗ lực viết sách xen vào các khoảng trống giữa những đam mê khác nhau.

Sau những bất đồng trong năm 1938, năm 1939 là năm Churchill trở lại làm việc trong chính phủ, dù ông xem giai đoạn này như một thời kỳ mà chính phủ tiến đến gần ông hơn, Sự kiện then chốt của quý thứ nhất của năm là việc Hitler ngạo mạn thôn tính Tiệp Khắc vào ngày 15 tháng 3. Hành động này đã hủy diệt chủ trương xoa dịu đáng tranh cãi, dù tinh thần của nó vẫn tồn tại dai dẳng sau đó nhiều tháng. Điều này được xem là đã làm tăng uy tín của Churchill và đồng thời làm giảm uy tín của Chamberlain. Nhưng nhiều tình huống mới đã giúp cho thủ tướng (Chamberlain) vẫn giữ vững quyền lực. Ông là người, mà cho dù có yếu đuối ra sao khi phải đối diện với những kẻ độc tài, vẫn là con sư tử rất gan lì chống đỡ sự lấn lướt của Attlee, Sinclair, và trong giai đoạn này là của Churchill.

Kết quả là một giai đoạn dị thường mà trong đó ít ra thì Churchill cũng tin rằng ông là người chiến thắng, trong khi Chamberlain lại không chấp nhận một kiểu thất bại như thế. Vì thế, vào ngày 22 tháng 3, Churchill đã viết cho Margot Oxford: “Hiện nay chính phủ đã chấp nhận chính sách ngoại giao mà tôi và hầu hết các thành viên Đảng Tự do đã thúc ép từ lâu, và do đó tôi đã có những mối quan hệ rất tốt với họ”.

Quan điểm phấn khởi xuất phát từ một nhân vật lớn có óc thực tế thuộc thập niên 1930 này đã dựa trên hy vọng hơn là căn cứ vào sự thật, Nó không phù hợp lắm với bức thư tỏ ý không khoan nhượng mà Chamberlain viết cho em gái là Hilda ba tuần sau đó. Nó biểu lộ mức độ mà ông ta có thể lãnh đạo một chính phủ kết hợp nhiều phe phái. Dựa vào cuộc tranh cãi ngày 13 tháng 4, ông ta viết: “Attlee đã hành xử hèn nhát như bản chất vốn có của ông ta. Tôi đã rất thất vọng về Archie Sinclair và không ngạc nhiên đối với bài diễn văn của ông ta, một màn

trình diễn thật sự thảm hại vào một dịp như thế, nhưng tôi hy vọng được nghe một bài diễn văn khá hơn từ Winston, người đã tuyên bố sẽ đọc một bài diễn văn không vô bổ. Nhưng trong bài diễn văn của Churchill có một hàm ý cay độc nhận được sự cổ vũ từ những dãy ghế của các thành viên Đảng Tự do. Một lần nữa tôi cảm thấy thất vọng khi ông ta chấm dứt bài diễn văn”.

Việc Churchill tin rằng chính phủ sẽ ủng hộ chính sách của mình đã khiến ông lại trao đổi những bức thư có quan điểm ủng hộ chính phủ. Vào ngày 21 và 27 tháng 3 và ngày 9 tháng 4 (năm 1939), ông đã viết cho thủ tướng, người đã không còn quan hệ thư tín với ông từ khi xảy ra bất đồng sau cuộc tranh cãi ngày 17 - 11 - 1938. Mục đích của những bức thư này là nói với Chamberlain những điều ông phải làm nhưng được trình bày một cách nhã nhặn. Churchill còn quay sang công kích nhiều vị bộ trưởng khác với những lời khuyên. Ông công kích Kingsley Wood (Bộ Không quân) và Hore-Belisha (Bộ Chiến tranh) bằng những câu hỏi phần nào liên quan đến kỹ thuật, và công kích Halifax trên những vấn đề rộng hơn liên quan đến chính sách. Cũng như mọi khi, uy lực và tác động của Churchill rất mạnh. Tất cả những vị bộ trưởng này đều kính trọng ông, nhưng họ cũng muốn ông điềm tĩnh hơn. Thủ tướng cũng thế, và cả Chatfield, tổng tư lệnh hải quân, người được bổ nhiệm thay thế Inskip trong vai trò điều phối quốc phòng vào cuối tháng 1. Chatfield (người hầu như hoàn toàn bị tràn ngập bởi một cảm giác pha trộn gồm ngán ngẫm và kính trọng, mà cũng với cảm giác ấy các bộ trưởng đã đón nhận một công văn khác từ ngòi bút lưu loát của Churchill) đã trả lời Halifax, người đã gửi cho ông bức giác thư của Churchill về vấn đề khai triển hải quân: “Cảm ơn ông đã trao cho tôi bức thư của Churchill. Dĩ nhiên là có rất nhiều điều đáng quan tâm trong những gì mà Churchill viết, dù người ta mong rằng ông ấy đừng quá bộp chộp như thế. Vì hàm ý của nó là Bộ Hải quân phải tạo ra được sự tin cậy mà lại bỏ qua một số điều quan trọng cần cân nhắc đồng thời”.

Lễ Phục sinh năm ấy rơi vào ngày 9 tháng 4. Vào ngày thứ Sáu Tuần Thánh, Churchill mời Harold Macmillan đến dự cơm trưa tại điền trang Chartwell, và

Mussolini phát động cuộc chiến tranh xâm lược Albania. Về sau, Macmillan đã có một mô tả đáng nhớ về việc Churchill cố gắng xoa dịu sự thất vọng của mình vì không được làm bộ trưởng khi mà phe Trục (Axis: liên minh Đức, Ý và Nhật) lại phát động một cuộc tấn công khác bằng cách cố gắng xử sự như là một bộ trưởng:

Tôi đã ở trong một tình huống giúp tôi có được cái nhìn đầu tiên về Churchill khi ông làm việc. Các tấm bản đồ được trải ra, các thư ký được bố trí, những chiếc điện thoại bắt đầu đổ chuông. Churchill hỏi: “Hạm đội Anh được bố trí ở đâu?” Dù là với tư cách cá nhân, Churchill vẫn luôn duy trì một đội ngũ cộng tác viên lớn để giúp ông hoàn thành một khối lượng lớn công việc viết sách và nỗ lực chính trị... Tôi sẽ luôn nhớ mãi hình ảnh ngày mùa xuân ấy và sự cảm nhận về năng lực, một dòng chảy năng lượng lớn, từ Churchill, dù lúc ấy ông không có vai trò chính thức nào trong chính phủ. Có vẻ như ông là người duy nhất bình thản trong khi những người khác tỏ ra luống cuống và bất quyết.

Neville Chamberlain ít bị tác động bởi sự rối loạn do nỗ lực kích động của Churchill gây ra trong không khí an bình của lễ Phục sinh. Ông đã viết cho một người em gái vào Chủ nhật: “Thật khó chịu khi bị quấy rầy vì phải tham dự một cuộc họp với hai người thuộc phe đối lập và Winston, người tồi tệ nhất trong nhóm này. Ông ta đã gọi điện thoại hầu như là mỗi giờ trong suốt cả ngày. Tôi e là ông ta đã chuẩn bị một bài diễn văn quan trọng để đọc”.

Churchill, người không hề hay biết những gì Chamberlain viết về ông trong quá trình quan hệ thư từ rất siêng năng với gia đình của ông ta, đã hy vọng là được đưa vào tham chính lần đầu kể từ đầu năm 1936. Như đã được chứng minh năm tháng sau, hy vọng của Churchill được làm việc trong chính phủ tùy thuộc vào việc các triển vọng của nước Anh và hòa bình trở nên xấu đi. Tuy nhiên, vào ngày 13 tháng 4, ông đã nghĩ là nên mời David Margesson, thủ lĩnh nhóm nghị sĩ đảng của Chamberlain (và về sau là thủ lĩnh nhóm nghị sĩ đảng của chính

Churchill) đến dự cơm tối và để thuyết phục ông ta. Cuộc gặp mặt này đã đến tai Chamberlain (sau đó lại đến một người em gái của ông) vào ngày 15 tháng 4. Và bất chấp tính đồn thổi qua hai trung gian của vụ việc này, những gì ghi nhận được nhìn chung là đúng dù sự truyền đạt có phần chống Churchill. Chamberlain đã viết:

Vì không có thời gian để màu mè kiểu cách nên Churchill đã nói thẳng với David Margesson về khao khát được trở lại làm việc trong chính phủ. Khi trả lời những câu hỏi, ông ta đã bảo đảm với David về việc ông ta tin chắc rằng mình có thể làm việc hòa hợp dưới quyền của thủ tướng, người có rất nhiều phẩm chất đáng ngưỡng mộ mà ông ta không có. Mặt khác, ông ta nói ông ta cũng có những phẩm chất quan trọng có thể giúp ích rất nhiều cho thủ tướng để chia sẻ phần nào gánh nặng to lớn dường như đang ngày càng tệ hơn. Ông tỏ ý muốn được giao Bộ Hải quân nhưng cho biết là cũng rất hài lòng nếu được kế vị Runciman làm chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hoàng gia. Ông ta nghĩ rằng Eden hẳn cũng sẽ được đưa vào, nhưng cho rằng mình hữu ích hơn Eden.

Những hy vọng của Churchill đã không được thỏa mãn vì thế ông quay lại với tác phẩm *The History of English-Speaking Peoples*, nghề viết báo, Nhóm nòng cốt, và giải quyết hậu quả của vấn đề ở khu vực bầu cử Epping. Với nghề viết báo, ông bắt đầu một giai đoạn cộng tác mới tương đối gần với nhật báo *Daily Mirror*. Vào ngày 23 tháng 4, Hugh Cudlipp, lúc ấy mới 26 tuổi, đã dành hai trang đầu của tuần báo *Sunday Pictorial*, một đối tác của nhật báo *Daily Mirror*, để đăng bài tán dương Churchill và kêu gọi đưa Churchill vào chính phủ. Hai ngày sau, Cudlipp viết thư thông báo cho Churchill biết rằng ông đã nhận được “sự hưởng ứng chưa từng có”: 2.400 thư, trong đó chỉ có 73 bức thư không tán thành. Vì thế, có lẽ thiện ý này đã làm dịu ngôn từ trong bài viết của Churchill gửi cho nhật báo *Daily Mirror*, đầu ra chủ yếu của các bài báo của

Churchill kể từ khi hợp đồng của ông với nhật báo *Daily Telegraph* kết thúc trong vui vẻ vào tháng 5.

Vào thời điểm ấy, tờ *Daily Mirror* vẫn chưa phải là tờ báo có nhiều ảnh hưởng vì là báo khổ nhỏ, và mãi đến khi được dẫn dắt bởi Cudlipp từ 1959 đến 1973, nó mới trở thành một tờ báo có uy tín lớn. Nó không thể sánh với tờ *Daily Telegraph* trong vai trò chuyển tải những quan điểm của Churchill đến với những tầng lớp có ảnh hưởng. Nhưng ít ra thì việc Churchill thay đổi đầu ra từ *Daily Mail* sang *Evening Standard* rồi đến *Daily Telegraph* và kể đó là tờ *Daily Mirror*, với tờ *News of the World* luôn là một đầu ra dự trữ, cho thấy rằng ông đã không tuyệt vọng. Tuy nhiên, về vấn đề xuất bản phụ, Imre Revesz nhận thấy rằng ngày càng khó thuyết phục những tờ báo của Ba Lan, Rumani, Hy Lạp và thậm chí là Thụy Điển, nhận đăng những bài báo của Churchill. Họ không đăng các bài viết của Churchill vì sợ nguy hiểm chứ không phải vì những bài báo ấy khô khan. Đây là một hình ảnh sống động minh họa thái độ phẫn ai nấy lo (*saueve qui peut attitude*) ở châu Âu: “Phải thừa nhận rằng hiện nay tất cả các quốc gia Trung và Đông Âu sẵn lòng ký kết riêng rẽ những hiệp ước khà dĩ nhất đối với họ với nước Đức Quốc xã đang thắng thế”. Tuy nhiên, con người tháo vát Revesz đã cân đối tình hình này bằng cách dàn xếp hợp đồng với một chương trình phát thanh ở Mỹ cho Churchill. Nhờ đó ông được trả 100 bảng Anh cho mỗi bài dài 10 phút trong loạt bài nói chuyện ở Mỹ.

Trong năm 1939, xem ra các hoạt động của Nhóm nòng cốt đã không được Churchill quan tâm nhiều. Do áp lực của việc viết tác phẩm *The History of English-Speaking Peoples* và vì hơi thất vọng đối với những kết quả trước kia, Churchill đã từ bỏ chiến dịch tranh cử ở địa phương. Có nguy cơ là các cuộc họp của Nhóm nòng cốt không còn là bàn đạp của hành động mà đơn thuần chỉ là những cuộc thảo luận quanh bàn ăn về đủ mọi chủ đề. Vào ngày 9 tháng 2, Nhóm nòng cốt đã tiếp đón bá tước vùng Halifax (Edward Frederick Lindley Wood). Vào ngày 25 tháng 4, người ta đã tụ tập rất đông để long trọng đón tiếp Joseph P. Kennedy, vị đại sứ chủ bại người Mỹ. Kennedy cùng đến với con trai

của ông là John Fitzgerald Kennedy, vị tổng thống tương lai của nước Mỹ. Harold Nicolson đã ghi lại dòng chữ dễ gây hiểu lầm: “Kennedy đã đọc một bài diễn văn tuyệt vời”. (Nghe như Joseph P. Kennedy là người đã đọc bài diễn văn này, nhưng thật ra John Fitzgerald Kennedy mới là tác giả).

Rắc rối ở khu vực bầu cử Epping tiếp diễn suốt mùa xuân. Ngay vào thời điểm tham gia cuộc tranh cử bổ sung vào cuối tháng 3 ở Scotland, ứng cử viên không biết mặt mới là Thornton-Kemsley đã đeo đuổi quyết liệt chiến dịch lôi kéo các thành viên chống Churchill vào các nhánh xa trung tâm thành phố. Ông ta hy vọng nhờ vào số lượng áp đảo của các nhánh nhỏ này có thể trở thành phe đa số trong cuộc họp khoáng đại hàng năm của Hiệp hội Trung ương tại Epping.

Churchill đã phần nộ viết một bức thư cho nam tước Douglas Hacking, chủ tịch Đảng Bảo thủ, vào ngày 18 tháng 3, tố cáo Văn phòng Trung ương Đảng Bảo thủ là đã tham gia vào những thủ đoạn lôi kéo. Có lẽ là nếu sáng suốt hơn thì ông đã đưa bức thư vào tập hồ sơ quan trọng gồm những bức thư không gửi. Có một vài cơn bão cuồng nộ nhắm vào James Hawkey, và Churchill đã phải bảo vệ ông ta thay vì được ông ta bảo vệ.

Một tuần lễ sau khi Churchill tham gia chính phủ, lúc chiến tranh đã nổ ra, Thornton-Kemsley viết một bức thư tạ lỗi: “Tôi viết thư cho ông chỉ để nói rằng ông đã đúng khi liên tục cảnh báo về sự nguy hiểm của người Đức: Con cháu cháu dưới cây dương xỉ lúc này đã không kiêu hãnh về việc nó đã làm rung chuyển cả một cánh đồng với tiếng kêu báo động của nó”. Đây là một cách để tỏ thiện chí nhưng không được quan tâm. Ủng hộ khi không còn cần thiết là việc làm quá dễ dàng. Churchill đã viết thư hồi âm với sự độ lượng đáng ngạc nhiên: “Đối với tôi, chuyện đã qua không còn đáng bận tâm nữa”.

Cuối xuân và mùa hè năm 1939, Churchill phân vân trước những ước muốn và những suy nghĩ mâu thuẫn. Thứ nhất, ông cho rằng ít ra thì chính phủ (cũng phải chấp nhận chính sách mà ông thôi thúc suốt nhiều năm). Bracken, người luôn là phát ngôn viên trung thành của ông, đã thông báo với Bernard vào ngày

19 tháng 4: “Winston đã chiến thắng trong cuộc chiến dài hơi. Bây giờ chính phủ đã chấp nhận chính sách mà ông đã đề nghị ba năm trước”, và chính Churchill đã giải thích (với Lytton) chủ trương của chính sách này là thành lập một Đại liên minh dựa trên hiến chương của Hội Quốc Liên. Ông cho rằng việc chiến đấu cho Ba Lan (và có thể là cả Rumani), sau khi Chamberlain đưa ra những lời bảo đảm về hòa bình vào lúc Hitler đã chiếm Praha, không có ý nghĩa chiến lược quan trọng như việc chiến đấu cho Tiệp Khắc: “Thủ tướng vẫn tiếp tục đưa ra những lời bảo đảm và thu hẹp những khối liên minh, bất chấp việc chúng ta có thể giúp đỡ một cách hiệu quả những quốc gia được chúng ta quan tâm hay không. Ngoài lời hứa bảo đảm hòa bình cho Ba Lan, Hy Lạp và Rumani, thủ tướng còn bảo đảm sự liên minh với Thổ Nhĩ Kỳ. Thế nhưng Churchill lại đoán chắc rằng những bảo đảm ấy không có bất cứ giá trị nào về mặt quân sự ngoại trừ sự thỏa thuận chung chung với Nga”.

Đối với thỏa thuận này, trở ngại không chỉ là do sự chậm trễ của Chamberlain và của hiệp ước Halifax mà còn do việc Ba Lan và Rumani không sẵn lòng chấp nhận bất cứ thỏa thuận nào mà theo đó quân Nga được đồn trú trên đất nước của họ. Họ phân vân không biết nên sợ ai hơn, Hitler hay là người Nga. Trong bất cứ tình huống nào, những mong muốn mâu thuẫn của Churchill vẫn khó hòa hợp với nhau, và điều này lại càng phức tạp hơn khi mà Churchill đang muốn giảm thiểu bất đồng với những nhân vật lãnh đạo Đảng Bảo thủ.

Điều này chẳng liên quan gì đến khu vực bầu cử Epping, ông đã khắc phục vấn đề ở đó, và đã không hề yếu đuối trong những tháng cam go nhất. Nhưng mong muốn trở lại với chức vụ cao ở nơi mà ông có thể hành động chứ không chỉ hoạnh hoẹ là một ước muốn mãnh liệt và không có gì phải hổ thẹn.

Tuy nhiên, vẫn còn thêm một điều phức tạp. Ít nhất là khi nhìn lại, Churchill đã tin rằng triển vọng có thật về việc liên minh với Liên Xô vì lợi ích đã không còn kể từ mùa xuân ấy. Trong cuộc tranh cãi ngày 19 tháng 5, Churchill, Lloyd George, Eden, Attlee và Sinclair đều tuyên bố chắc chắn về việc đeo đuổi liên minh. Từ những vấn đề mà qua đó Churchill xem Liên Xô như một đồng minh,

ông nói: “Nếu chúng ta sẵn lòng liên minh với Nga khi cuộc chiến nổ ra thì tại sao chúng ta không liên minh ngay từ bây giờ...?”.

Có hai điều đã giúp Churchill khuây khỏa trong mùa hè năm ấy. Vào ngày 27 tháng 6, Thornton Butterworth xuất bản “Step by Step”, một tuyển tập gồm những bài báo của Churchill đã được đăng trong các báo *Evening Standard* và *Daily Telegraph* ba năm trước. Tuyển tập này bán rất chạy, đợt đầu bán được 7.500, trong vòng tám tháng sau đó lại được tái bản hai lần với số lượng bán ra lần lượt là 1.500 và 1.800. Nó còn được một nhà xuất bản ở New York in lại và được dịch ra tám ngoại ngữ. Ông đã phân phối một số lượng sách biểu lớn, nhưng chủ yếu là cho những người bạn lâu năm và có thể là cả những đồng minh mới thay vì những thành viên Đảng Bảo thủ nằm trong danh sách biểu sách trước kia. Chính Chamberlain và Baldwin cũng không được tặng sách, nói gì đến Hoare hoặc Simon. Thế nhưng Attlee lại được tặng sách và đã nồng nhiệt viết thư cảm ơn với dòng chữ đầu tiên: “Winston yêu quý”. Churchill cũng nuôi dưỡng tình cảm với Stafford Cripps, người bị trục xuất ra khỏi Công Đảng vì đã không ngừng tìm kiếm một dạng phối hợp mới trong hoạt động chính trị. Điều này trái ngược với thái độ thô bạo của ông đối với Cripps, chỉ mới hai năm trước khi Cripps yêu cầu Churchill giúp đỡ sau khi các ủy viên quản trị của Albert Hall không cho phép ông tổ chức cuộc họp của Mặt trận Đoàn kết (gồm Công Đảng, Đảng Cộng sản và Công Đảng Độc lập) tại đây. Churchill đã gặp mặt Cripps suốt một giờ vào ngày 22 tháng 6, và sau đó hai người trao đổi với nhau nhiều bức thư mà trong đó Cripps thôi thúc Churchill nhận vai trò lãnh đạo một liên minh đang hình thành.

Vào đầu tháng 7, một nhóm đông đảo các biên tập viên báo chí mới đã xuất hiện và làm việc cho những tờ báo lớn của Đảng Bảo thủ như *Daily Telegraph* và *Daily Mail*, họ yêu cầu chính phủ phải thu dụng Churchill. Lúc này còn xuất hiện một chiến dịch dán áp phích nặc danh hoạt động trên 600 địa điểm ở thủ đô. “Đâu là giá để Churchill tham chính?” là khẩu hiệu xuất hiện nhiều nhất trong số những khẩu hiệu được trưng bày ở quảng trường Piccadilly Circus. Chamberlain

dù không muốn nhưng vẫn phải bắt đầu nhận ra rằng việc đưa Churchill vào chính phủ là điều không thể né tránh. Vào giữa tháng 4, khi nói về yêu cầu thăng thưởng của Churchill với Margesson, Chamberlain đã nói với các cô em gái: “Tôi muốn dành nhiều thời gian hơn để ngẫm nghĩ về đề xuất này. Nó choán ngợp tâm trí tôi vào lúc tôi cảm thấy thật sự cần giúp đỡ, thế nhưng tôi đã quá vội vã từ bỏ ý định làm điều gì đó”. Vấn đề là không biết Winston, người chắc chắn sẽ rất hữu ích khi được đưa vào hàng ghế chính phủ (treasury bench: hàng ghế đầu tiên phía bên phải vị trí của chủ tịch Hạ viện, chỗ ngồi của hầu hết các bộ trưởng quan trọng trong chính phủ), sẽ là người giúp đỡ hay gây trở ngại cho Nội các. Vào ngày 3 tháng 7, ngay sau khi tờ *Daily Telegraph* đưa ra yêu cầu mạnh mẽ nhất về vấn đề đưa Churchill vào chính phủ, Chamberlain đã trao đổi rất lâu với tử tước vùng Camrose (William Ewart Berry). Dù trấn an người chủ báo *Telegraph* rằng những mối quan hệ của ông với Churchill đã được cải thiện rất nhiều từ mùa thu trước, Chamberlain vẫn ngập ngừng khi nói về vấn đề này. William Ewart Berry nói: “Trách nhiệm của ông ta (Chamberlain) vào lúc đó rất nặng nề. Đến nỗi không còn cảm thấy rằng ông có thể rút ra được nhiều điều bổ ích từ những ý tưởng và những lời góp ý của Churchill để có thể hóa giải những bất đồng không thể tránh”.

Những vấn đề như thế dây dưa cho đến ngày 4 tháng 8, khi Quốc hội ngừng họp để nghỉ ngơi lần cuối trong khoảng thời gian hòa bình ngắn ngủi. Dịp nghỉ tình cờ trùng hợp với ngày bắt đầu Thế chiến I. Churchill đang ở Chartwell, vẫn miệt mài với những trang cuối của tác phẩm *The English Speaking Peoples* cho đến 4 tháng 8 mới đi Pháp tám ngày. Cuộc viếng thăm này chủ yếu vì mục đích quân sự theo lời mời của tướng Georges, một vị tướng kỳ cựu trong quân đội Pháp. Thật ra thì tâm trạng trong tất cả những bình luận của Churchill (với Clementine) về chuyến đi là một sự kết hợp giữa tâm trạng phấn khích của một cậu học sinh, quá lạc quan về sức mạnh quân sự của Pháp, và tâm trạng bi thương trong những giây phút cuối trước cuộc chiến.

Georges đến đón tôi tại phi trường rồi lái xe đưa tôi đến một nhà

hàng tại Bois để vừa dùng cơm trưa trong bầu không khí tràn đầy ánh nắng vừa bàn về công việc nhiều giờ liền... Vị tướng này đã đến khách sạn Ritz để đưa tôi đến Gare de l'Est. Chúng tôi đi trên chuyến xe lửa tốc hành đặc biệt của Michelin để đến Strasbourg, dùng cơm tối trên đường đi. Chúng tôi đi suốt hai ngày... Tối nay ngủ tại Strasbourg, mai tại Colmar, và Thứ tư tại Belfort.

Kể đó, sau một kỳ nghỉ ngắn tại Normandy (Churchill viết tiếp):

Trên đường đi ngang qua Paris, tôi đã mời tướng Georges dùng cơm trưa. Ông đã nói với tôi về tất cả những nhân vật quan trọng trong quân đội của Pháp và Đức và phân loại các sư đoàn theo chất lượng. Cuộc nói chuyện này có ấn tượng mạnh đến nỗi lần đầu tiên tôi phải thốt lên: “Nhưng người của các ông giỏi hơn mà”. Ông ta đáp lại: “Người Đức có một lực lượng rất mạnh và sẽ không để chúng tôi tấn công trước. Nếu họ tấn công trước, cả hai nước chúng ta phải tổng động viên”.

Khi Churchill mời tướng Ironside (nam tước thống chế William Edmund Ironside), người giữ vai trò tổng tham mưu trưởng, đến dùng cơm trưa tại điền trang Chartwell vào tuần sau, Ironside đã ghi lại: “Winston đã bị ảnh hưởng qua mạnh bởi Georges. Tôi nhận thấy rằng cách nhìn của ông ta rất Pháp và có quan điểm rất kỳ lạ đối với những gì ông ta đã thấy... Tôi bảo ông ta rằng những gì người Pháp nói với ông ta khác xa những gì họ nói với các tướng lĩnh của chúng ta...”.

Trong kỳ nghỉ năm ngày tại Normandy, Churchill đã ở tại khách sạn St Georges-Motel, lâu đài của Consuelo Balsan, cựu nữ công tước vùng Marlborough, nơi ông luôn muốn đến thăm viếng, dù quan điểm của nữ chủ nhân (thân Đức, có cảm tình với Chamberlain, và bài Do Thái) cũng xấu chẳng khác gì chồng cũ của bà là Sunny Marlborough, người anh em họ của Churchill và cũng là người được ông yêu mến. Đối với những người đã quen biết từ lâu, không có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, người mà ông cảm thấy phù

hợp về địa vị xã hội, và có thể đón tiếp ông nông hậu, Churchill chẳng quan tâm lắm đến quan điểm của họ. Vì thế, ông hài lòng với việc hưởng thụ những ngày nghỉ ở Pháp trong “ánh sáng của vùng thung lũng nơi tiếp giáp của vùng Lure và vùng Vesgre”. Ông viết rằng ông có thể “cảm nhận sự lo sợ sâu sắc bao trùm lên tất cả” và “cảm thấy khó tập trung vào việc vẽ tranh”. Tuy nhiên, ông đã gây ấn tượng sâu sắc cho họa sĩ Paul Maze, người bạn cùng vẽ tranh với ông, về khả năng tập trung cao độ vào tác phẩm trước khi quay sang Maze và nói: “Đây là bức tranh cuối cùng chúng ta vẽ trong thời bình”.

Ông chỉ ở tại Chartwell thêm một tuần nữa sau khi từ Pháp trở về, một phần là để tập trung vào tác phẩm *The English Speaking Peoples* (ông đã viết những bức thư mô tả rất chi tiết về tác phẩm này cho Deakin và G. M. Young vào ngày 29 và 32 tháng 8), phần khác vì vấn đề chính trị và quân sự. Ông đến London để tham dự cuộc họp đặc biệt kéo dài một ngày trong tháng 8 của Quốc hội. Vào lúc này, hiệp ước Đức - Liên Xô đã được công bố, và bóng tối chiến tranh lại càng hiện rõ hơn. Ông đã mang nỗi thất vọng về cho Kingsley Wood cũng như tướng Ironside, và thậm chí còn thông báo với tướng Ironside lúc 10 giờ sáng ngày 1 tháng 9 rằng Đức đã bắt đầu xâm lược Ba Lan từ lúc bình minh, dường như trước khi Ironside hoặc bất cứ ai trong Bộ Chiến tranh biết được tin này. Cuối ngày hôm đó, Churchill rời Chartwell đến những cơ quan đầu não hiện đại hơn ở Morpeth Mansions. Đây là thời khắc sau cùng Churchill còn gắn bó với sự nghiệp văn chương và còn được sống trong thời bình.

PHẦN V

- - - - -

VỊ CỨU TINH CỦA ĐẤT NƯỚC
(1939-1945)



Chương 29

CUỘC CHIẾN THÂM LẶNG VỚI NƯỚC ĐỨC VÀ SỰ HÒA THUẬN MIỄN CƯỜNG VỚI CHAMBERLAIN

Vào chiều Thứ sáu ngày 1 - 9 - 1939, 12 giờ sau cuộc tấn công xâm lược của Hitler vào Ba Lan, Churchill được triệu đến gặp Chamberlain và chấp nhận lời đề nghị về một vị trí trong Nội các Chiến tranh. Lời đề nghị này tuy rất quả quyết nhưng lại không rõ ràng. Trong thời gian đó, Chamberlain đang suy tính về một Nội các Chiến tranh và Churchill cho rằng ông chỉ là một bộ trưởng không bộ mà thôi. Việc ông có thực sự trở thành một thành viên trong chính phủ hay không cũng chưa lấy gì làm chắc chắn. Trong suốt ngày hôm đó và hôm sau, ông đã phàn nàn vì luôn phải chịu đựng tình trạng lấp lửng. Ông không biết mình đã được chính thức bổ nhiệm hay chưa. Ông cảm thấy bị ngăn cản phát biểu trong phiên họp lúc 6 giờ của Nghị viện (vừa triệu hồi sau thời gian nghỉ) vào tối Thứ sáu, và trong cả tối Thứ bảy. Đó là thời điểm mà một cuộc bạo loạn, được dẫn dắt bởi Arthur Greenwood (quyền chỉ huy Công Đảng do Attlee bị bệnh phải vắng mặt) và được ủng hộ bởi Leo Amery, đã xảy ra do thái độ lập lờ của Chamberlain.

Tuy nhiên, sau hành động tuyên chiến của Anh đối với Đức vào 11 giờ sáng Chủ nhật, mọi việc đã trở nên rõ ràng hơn. Trước tiên, khi Nghị viện nhóm họp vào buổi chiều, Churchill đã đứng lên thực hiện bài diễn thuyết ngắn trong tư cách một thành viên của Nghị viện. Tuy nhiên, tình hình có lẽ sẽ tốt hơn nếu ông không làm như vậy. Bài diễn thuyết chỉ kéo dài 6 phút nhưng không mang lại

hiệu quả gì. Harold Nicolson viết: “Winston đã can thiệp bằng một bài diễn thuyết không thu hút được sự chú ý do nó quá giống một trong những mẫu tin của ông”. Đặc điểm nổi bật của bài diễn thuyết ngắn này là sự chuẩn bị quá kỹ lưỡng và sử dụng thuật hùng biện dài dòng. Ông đã đứng lên diễn thuyết vì cho rằng mình nên phát biểu, thay vì có điều gì đó đáng để nói. Lloyd George, người phát biểu sau ông, cũng được cho là rơi vào cùng một hoàn cảnh như vậy. Nicolson còn khá bao dung khi nói rằng trong bất kỳ sự kiện nào, Nghị viện vẫn thường bị chi phối bởi tiếng còi tầm đầu tiên và tiếng còi báo yên vang lên trong thời gian tranh luận để thu hút sự chú ý trước một vấn đề nào đó.

Ngay sau cuộc trao đổi chớp nhoáng, Nghị viện đã tạm hoãn, và Churchill lại lần nữa được triệu đến gặp Chamberlain. Bằng chứng về nơi cuộc họp quan trọng này diễn ra đã gây nên một số tranh cãi. Sự tranh cãi ấy chủ yếu xảy ra do sai sót của trí nhớ con người, một yếu tố vốn không đáng tin cậy vì phụ thuộc rất nhiều vào khả năng hồi tưởng cá nhân. Đây là điều hoàn toàn trái với những bản ghi chép chính thức, đặc biệt khi chúng được ghi lại không lâu sau khi một sự kiện vừa mới diễn ra. Chính bản thân Churchill trong *The Gathering Storm* (*Cơn bão xoáy*) đã nói rằng ông đến “phòng của ông ta [Chamberlain]”, và nhìn thấy một bối cảnh trông rất giống với phòng của thủ tướng ở Hạ viện. Tuy nhiên, thám tử tư của Churchill, thanh tra W. H. Thompson, người vừa được gọi lại làm việc vài ngày trước đó, đã kể lại câu chuyện rất sinh động. Ông kể rằng ngay sau cuộc tranh luận, Churchill đã tiến ra xe (một chiếc “Daimler trông như xe tang”) và nói: “Số 10, phố Downing, Thompson”. Kể đó, sau khi gặp thủ tướng, ông đã lên xe và ngồi trên băng ghế sau ngay cạnh Clementine, người vẫn đang kiên nhẫn chờ ông, và nói: “Chính là Bộ Hải quân”. Ông còn bồi thêm với một tiếng cười thầm: Tình huống này tốt hơn nhiều so với những gì mà tôi đã nghĩ”. Thompson, người về sau đã viết hai cuốn hồi ký về Churchill, hoàn toàn có động cơ để cường điệu hóa vai trò của mình trong ngày trọng đại đó, đặc biệt khi ông ta là người có khả năng nắm bắt tâm trạng của Churchill rất tốt.

Đó chính là Bộ Hải quân, và cả Nội các Chiến tranh, do Chamberlain đã thay

đổi ý định kể từ sau Thứ sáu. Ông quyết định sẽ bổ sung cho bộ máy quyền lực tối cao những bộ trưởng từ các bộ khác. Bộ Hải quân không chỉ mang lại cho Churchill quyền chỉ huy thực thụ, một yếu tố mà bộ trưởng không bộ thường không có, mà còn khơi dậy trong ông nỗi luyện tiếc quá khứ đầy đau thương, thậm chí đầy nguy hiểm của 25 năm về trước, khi ông còn giữ chức vụ tướng tự vào cuối mùa hè năm 1914. Trong tình huống nào, ông cũng được bổ nhiệm một cách chắc chắn dù cho mãi hai ngày sau thì ấn dấu văn phòng mới được gửi đến. Ông đã tham dự cuộc họp đầu tiên (khá chớp nhoáng) của Nội các Chiến tranh lúc 5 giờ chiều. Kế đó, ông đi thẳng ra hậu trường để tiếp quản vương quốc hải quân vừa khôi phục của mình.

Đây là một sự trở lại không mấy dễ dàng, đặc biệt với khoảng cách thời gian lên đến mười năm. Có rất nhiều cuộc tranh cãi đã nổ ra liên quan đến việc nên hay không nên tái bổ nhiệm ông. Tình hình căng thẳng đến mức làm dấy lên một bầu không khí chống đối. Ông phải đương đầu cùng lúc với thái độ nghi ngờ của những bộ trưởng khác và rất nhiều kỳ vọng đến từ báo giới lẫn cộng đồng. Churchill đã vượt qua tất cả bằng sinh lực tuyệt vời và thái độ làm việc cẩn trọng. Ở Bộ Hải quân, ông đã bắt đầu tập cho mình một thói quen tốt. Đây cũng là thói quen được ông duy trì và phát huy khi nhậm chức thủ tướng tám tháng sau đó. Thói quen của ông là thảo ra một số biên bản thuộc bộ, gửi đến “thành viên số một của Hội đồng Đô đốc”, gửi đến thư ký thường trực dân sự, và gửi đến cho hai đến ba sĩ quan hải quân cao cấp đặc biệt hoặc đang nắm giữ những vai trò trọng yếu khác. Đó thường là những câu hỏi hay những lời nhận xét hóm hỉnh, lịch sự và ngắn gọn. Bức tranh tổng thể mà những biên bản này đã tạo nên trong *The Churchill War Papers* (Những bức thông điệp chiến tranh của Churchill) cũng như trong trường hợp của *The Second World War* (Thế chiến II) đã bị bóp méo bởi những lời hồi đáp hiếm khi được cho phép xuất hiện ở những nơi như vậy. Tuy nhiên, chúng vừa mang tính tự phát vừa có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Churchill đã thảo ra những biên bản ấy mà không hề do dự. Ông làm việc này cũng nhanh chóng như khi ông đọc hay quan sát thấy điều gì đó thu hút sự

chú ý. Chưa bao giờ có một vị bộ trưởng hay một nhà văn nào lại dựa quá nhiều vào sự hỗ trợ thường xuyên từ người viết tốc ký như ông. Ông cần sự trợ giúp của rất nhiều thư ký dù ban ngày hay ban đêm. Số thư ký của ông còn nhiều hơn cả số kẻ nịnh hót của những nhân vật vĩ đại.

Công việc ở Bộ Hải quân chỉ chiếm một phần thời gian nhất định trong toàn bộ công việc của ông. Ông luôn thể hiện trí tưởng tượng phong phú của mình trong những bức thư gửi đồng nghiệp, đặc biệt là những bức thư gửi cho Halifax, ngoại trưởng, và gửi cho thủ tướng. Ông đã viết cho Neviue Chamberlain tổng cộng 13 bức thư về tình hình thực tế trong sáu tuần đầu tiên của chiến tranh. Những bức thư này không phải để thể hiện sự tức giận, dù chỉ vón vện một bức trong số đó được trả lời trực tiếp. Chamberlain nói rằng ông nhìn thấy bộ trưởng mỗi ngày nên thấy không cần thiết phải trả lời thư. Churchill còn viết một số văn kiện và tỏ rõ quan điểm nổi bật của mình trong các biên bản gửi Nội các vào thời gian đó.

Liệu ông có quá liều lĩnh hay không khi vừa mới trở lại với chính phủ? Samuel Hoare đã thể hiện phản ứng đầu tiên của Nội các cũ của Chamberlain khi viết thư gửi đến Beaverbrook vào ngày 1 tháng 10 như sau: “Winston đã thể hiện nhiều điều hơn những gì mà các ngài mong đợi, rất hùng hồn, đầy cảm xúc và gợi lại quá khứ. Ông ấy giống như một ông già đang sắp hết hơi. Chắc chắn ở đất nước này, ông ấy đang có một địa vị rất quan trọng... Tôi phải nói rằng vào thời điểm này, ông ấy là nhân vật nổi tiếng nhất trong Nội các”.

Lời nhận xét cho rằng Churchill đang già đi (không riêng gì sự lão hóa theo quy luật thời gian) đã rất phổ biến trong suốt thời kỳ đó. Tuy nhiên, có rất ít người ủng hộ quan điểm này trong thời gian ông làm việc. Người ta nghi ngờ về những suy nghĩ tích cực nhiều hơn những chứng cứ khô khan.

Ở Bộ Hải quân, hầu hết những thuộc hạ cao cấp của ông đều rất ngạc nhiên với khối lượng công việc và thời gian làm việc kéo dài (nếu thuận tiện) của ông. Geoffrey Shakespeare (không đảm nhiệm vai trò đô đốc mà là thứ trưởng Bộ Hải

quân trong năm đầu chiến tranh, và là người có kinh nghiệm để so sánh do từng làm thư ký cho Lloyd George) đã viết: “Thường thì sau bữa tối, ông sẽ tổ chức một cuộc họp Hải quân từ 9 - 11 giờ tối. Nhưng sau 11 giờ tối, ông sẽ dành trọn thời gian để chuẩn bị cho các bài diễn thuyết... Ông đọc một cách nhanh chóng và quả quyết cho các chuyên gia đánh máy, những người luôn sử dụng một chiếc máy chữ không phát ra nhiều tiếng động. Một đêm nọ, ông đã nói: “Các anh chuẩn bị xong hết cả chưa? Tối nay tôi cảm thấy mình rất có hứng”. Đích thân Churchill đã viết vào ngày 24 tháng 9 rằng: “Trong ba tuần vừa qua, tôi không có lấy một phút nghỉ ngơi ngoài công việc. Đó là ba tuần dài nhất mà tôi từng sống”. Nhưng đây là lý do được ông nêu ra trong bức thư nhằm lý giải việc chậm trễ trả lời cho một yêu cầu nào đó đang bị ông nghi ngờ. Như mọi khi, Clementine chắc chắn sẽ rất bất ngờ vì điều này. Chỉ mới vài ngày trước đó, bà còn viết rằng: “Winston làm việc cả ngày lẫn đêm. Ông ấy khỏe. Tạ ơn Chúa, ông ấy chỉ mệt nếu không thể ngủ đủ 8 tiếng mỗi ngày. Ông ấy không nhất thiết phải ngủ nhiều như thế, nhưng nếu không có đủ 8 tiếng nghỉ ngơi trong 24 giờ mỗi ngày thì ông sẽ cảm thấy mệt mỏi”.

Trong thực tế, dù bận rộn với vai trò của một vị bộ trưởng cần mẫn nhất mọi thời đại, ông vẫn tìm cách duy trì một số mối liên hệ với cuộc sống trước chiến tranh của mình. Vào hai Chủ nhật, ngày 10 tháng 9 và ngày 8 tháng 10, ông đã ở Chartwell trong suốt những dịp cuối tuần. Ông cũng viết một vài bức thư để gửi cho Deakin, Alan Bullock (một trợ lý nghiên cứu trẻ khác của Đại học Oxford) và G. M. Young về vấn đề hoàn thành cuốn *The English Speaking Peoples*. Ông còn cố giữ lại những vết tích của hình mẫu London trước chiến tranh. Vào ngày 11 tháng 9, ông đã ăn tối ở Other Club, vào ngày 16 tháng 10, ông đã ăn trưa tại Savoy Grill cùng với Stefan Lorant (sau này làm biên tập viên cho tờ báo mới và rất thành công là *Picture Post*). Trong bữa ăn trưa hôm đó thì Samuel Hoare cũng đã có mặt. Hoare là người đã tỏ thái độ nửa bạn bè, nửa thù địch và bị Churchill “lưu đày” đến đại sứ quán Anh ở Madrid ngay khi ông vừa thành lập chính phủ vào năm 1940.

Do đó, đầu óc của Churchill không hẳn lúc nào cũng bận rộn và thiếu thời gian nghỉ ngơi, trong những vấn đề của Bộ Hải quân và cả những công việc khác của chính phủ. Tuy nhiên, những lần hiện diện chính thức của ông lại vô cùng ấn tượng. Chẳng hạn như vào ngày 16 tháng 10, ngày mà Stefan Lorant tổ chức bữa tiệc trưa, ông đã đọc năm biên bản khác nhau cho các đô đốc hải quân, soạn ra biên bản chính thức của chiến lược Scandinavia cho Nội các Chiến tranh, soạn thêm một biên bản ghi nhớ khác về sản xuất máy bay (can thiệp khá sâu vào những phạm vi không thuộc bộ của ông), và viết thư gửi đến Tổng thống Roosevelt, tướng Georges cùng đại sứ Pháp ở London. Toàn bộ các biên bản dài gần ba ngàn từ, một con số khá ấn tượng đối với bất kỳ nhà văn toàn thời gian nào, dù cho Churchill còn phải luôn để mắt theo dõi đội hình bố trí của các đội tàu và luôn có những đóng góp quan trọng. Việc theo dõi đội hình của hạm đội là một công việc đòi hỏi rất nhiều loại biên bản khác nhau để gửi đến cuộc họp kéo dài từ 1 lg30 đến 13g00 của Nội các Chiến tranh.

Thư từ qua lại giữa ông với Roosevelt đã được bắt đầu từ Tổng thống Mỹ, người đã viết vào ngày 4 tháng 9 như sau: “Do có cùng vai trò trong Thế chiến nên tôi muốn ngài biết rằng tôi vui sướng như thế nào khi thấy ngài quay trở lại làm việc trong Bộ Hải quân”. Ông đã nghĩ rằng hai bên nên tiếp tục thư từ cho nhau về những vấn đề ngoại giao đường biển lẫn những vấn đề thuộc các lĩnh vực khác. Churchill tất nhiên là đồng ý với đề xuất này. Nhưng điều đó đòi hỏi ông phải dàn xếp cẩn thận với Chamberlain. Thủ tướng có lẽ rất có lý khi nghĩ rằng ông là người đối thoại trực tiếp với Roosevelt. Tuy nhiên, những hạn chế trong sự xét đoán cá nhân của ông có tác động nhiều hơn so với khuynh hướng đổ kỵ. Ông chưa bao giờ nghĩ nhiều đến Roosevelt.

Tuy nhiên, Churchill đủ thông minh để không viết thư gửi tổng thống Mỹ sau lưng thủ tướng. Trong những tháng đầu của cuộc chiến, ông đối xử với Chamberlain bằng một thái độ tôn trọng và sự cẩn tắc tuyệt đối. Đây vẫn là một chiến thuật thông minh dành cho các bộ trưởng trong mối quan hệ đối với người đứng đầu chính phủ, đặc biệt khi những phiên họp quan trọng với báo giới và

cộng đồng làm nâng tầm những bộ trưởng thuộc cấp thông qua nhà lãnh đạo danh nghĩa. Chính vì thế, khi mô tả sự kiện diễn ra ngày 13 tháng 10, Churchill đã viết:

Mối quan hệ của tôi với Chamberlain trở nên thân mật đến mức ông và phu nhân đã đến ăn tối cùng chúng tôi tại trụ sở Bộ Hải quân. Ở đó, chúng tôi ngồi cùng nhau trong một căn phòng rất tiện nghi trên tầng áp mái. Chúng tôi đã tổ chức một bữa tiệc dành cho bốn người. Dù từng là đồng nghiệp dưới thời của ngài Baldwin trong năm năm, nhưng vợ tôi và tôi vẫn chưa bao giờ gặp mặt gia đình Chamberlain trong một hoàn cảnh tương tự như vậy trước đây. Nhân cơ hội tuyệt vời này, tôi đã chuyển chủ đề câu chuyện sang cuộc sống của ông ấy ở Bahamas [từ 1890 - 1895], và tôi rất vui khi biết rằng vị khách quý biết nhiều về quá khứ hơn tôi tưởng. Ông đã kể cho chúng tôi nghe toàn bộ câu chuyện mà trước đây tôi chỉ biết một cách sơ sài. Đó là cuộc đấu tranh kéo dài sáu năm của ông để trồng gai bện thừng trên một hòn đảo nhỏ căn cứ ở Tây Ấn, gần Nassau... Tôi cảm thấy rất thú vị về sự nồng ấm của ngài Chamberlain khi ông trò chuyện. Bản thân câu chuyện của ông cũng đã là một điều rất tuyệt vời rồi. Tôi tự nghĩ thầm: “Thật đáng tiếc, vì khi gặp mặt chính khách người Anh lịch thiệp này với tùy tùng của ông ở Berchtesgaden, Godesberg và Munich, thì Hitler không hề biết rằng ông ta đã có cơ hội trò chuyện với một trong những người tiên phong đầy kinh nghiệm trong các cuộc hành quân ngoài biên giới của Đế quốc Anh!”. Đây thực sự là cuộc chuyện trò xã giao thân mật cùng với Neville Chamberlain mà tôi còn nhớ, nếu xét đến tất cả những công việc mà chúng tôi đã làm cùng nhau trong gần bảy năm.

Trong suốt buổi tối, rất nhiều tin tức đã được nêu ra để bàn thảo, về chính sách trả góp, về vụ đắm ba chiếc tàu ngầm Đức. Bà Chamberlain, vốn không được xem là một người khôn ngoan, đã hỏi xem liệu có phải là một âm mưu hay

không. Nhưng đây là một nỗi đau lớn, như Churchill về sau đã nhận xét. Không một vụ đắm tàu ngầm nào được chứng minh bởi những bản ghi chép. Điều thực tế là việc tàu chiến Royal Oak của Anh đã bị đánh đắm bởi ngư lôi ở Scapa Flow vào sau nửa đêm. Chamberlain không có thói quen thức khuya để xử lý vụ việc. Do đó chính Churchill, vốn phải kiềm chế ước muốn được thể hiện mình trong cuộc trò chuyện, đã ứng xử một cách khôn khéo trong cuộc gặp mặt xã giao hiếm có này. (Tuy nhiên, đây chỉ là ấn tượng nhỏ được ông tạo ra một cách giả tạo dựa trên khả năng ứng biến tốt nhất của mình). Vì nhiều lý do khác nhau mà buổi ăn tối hôm đó được xem là thành công cho cả hai bên, dù cơ hội này không thường xuyên được lặp lại.

Thái độ tôn trọng và cẩn tắc của Churchill đối với Chamberlain, cũng như những phản ứng thân thiện của Chamberlain, đã không giúp tránh khỏi những căng thẳng không thể không xảy ra. Vào ngày 12 tháng 9, Churchill đã rất nỗ lực để Brendan Bracken được bổ nhiệm làm thứ trưởng Nghị viện của Bộ Thông tin mới thành lập, một vai trò mà thượng nghị sĩ phụ trách pháp luật phi báo chí người Scotland, Macmillan, từng đảm nhiệm. Chamberlain không đồng ý và quyết định bổ nhiệm Edward Grigg. Kế đó, vào ngày 26, Churchill đã thực hiện một bài diễn thuyết quan trọng ở Hạ viện kể từ khi quay trở lại hàng ghế đầu trong Quốc hội. Ông đã làm vậy với sự cho phép của thủ tướng (sẽ rất khó để Chamberlain có thể nói “Không”) và trình bày suốt 20 phút về vấn đề liên quan đến cuộc chiến trên biển. Tuy nhiên, thật không may khi bài diễn thuyết này được trình bày quá gần với thời điểm Chamberlain mở màn cho cuộc tranh luận. Sự so sánh giữa hai người đã khiến cho bài diễn thuyết của Chamberlain bị lu mờ. Nicolson đã viết:

Ảnh hưởng từ bài diễn thuyết của Winston lớn hơn nhiều lần so với những gì đã được biết đến. Cách thể hiện của ông rất đáng ngạc nhiên. Ông đã nghe mọi lời nhận xét, thể hiện từ thái độ quan tâm sâu sắc cho đến sự bông bột, từ lòng quyết tâm cho đến thái độ trẻ con. Mọi người có thể cảm nhận được tinh thần của Nghị viện trong từng câu từng chữ.

Về sau này, sự thiếu năng lực và thiếu khả năng truyền cảm hứng của thủ tướng đã được chứng minh một cách rõ ràng trước những người ủng hộ nồng nhiệt nhất của ông. Chỉ trong 20 phút này, Churchill đã tự nâng mình lên gần với địa vị thủ tướng hơn bao giờ hết.

Ronald Cartland, người đại diện cho địa hạt Norton của nhà vua ở Birmingham (nghị sĩ Đảng Bảo thủ trẻ tuổi bị giết ngay sau đó), đã viết: “Winston đã đánh bật những nhà phê bình, những người đã xì xào rằng tuổi tác sẽ gây ra nhiều điều tai hại. Ông đã cho Nghị viện nhìn thấy tất cả những vũ khí cần thiết của một nhà lãnh đạo mà ông đang có”. Từ phía bên kia, Đảng Bảo thủ giai đoạn trước chiến tranh của Henry “Chips” Channon đã khẳng định bản chất khác biệt giữa hai bài diễn thuyết:

Thủ tướng đã có một bài diễn thuyết rất sâu sắc như mọi khi, nhưng thật không may, ông đã bị Winston áp đảo ngay sau đó. Winston đã có bài diễn thuyết cực kỳ thành công, với lối biểu đạt và cách thể hiện bùng nổ, mô tả đầy đủ chi tiết công việc của Bộ Hải quân. Ông khiến cho mọi người thích thú và gây ấn tượng mạnh trước Nghị viện. Ông hẳn đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng. Đây là điều hoàn toàn tương phản với bài diễn thuyết vô hồn của thủ tướng.

Tôi tin chắc rằng Winston đang có lợi thế lớn để giành lấy cương vị thủ tướng. Tôi nghĩ rằng thời khắc vẫn chưa chín muồi. Nhưng ngày hôm nay, tôi đã thấy dấu hiệu của “những chàng trai tuyệt vời” [một thuật ngữ nhạo báng mà Chamberlain dành cho các nghị sĩ Đảng Bảo thủ, những người phản đối chính sách xoa dịu] đang bắt đầu được vận động trở lại. Chúng ta cần phải theo dõi kỹ.

Năm ngày sau đó, Churchill đã nối tiếp câu chuyện bằng việc công bố tình hình chung của cuộc chiến trên biển qua sóng phát thanh. Đây là lần đầu tiên ông diễn thuyết trên chương trình phát thanh tối Chủ nhật của thời chiến. Đây là

nguyên mẫu đầu tiên của chương trình mà chỉ tám tháng sau đã trở thành chương trình phát thanh nổi tiếng nhất về thuật diễn thuyết (do có quy mô lớn hơn nhiều so với những “cuộc trò chuyện” thông thường) trong lịch sử của ngành truyền thông. Buổi phát thanh vào ngày 1 tháng 10 được xem là một buổi diễn thuyết đại thành công của Hạ viện, bao trùm cả những vấn đề không liên quan đến Bộ Hải quân. J. R. (Jock) Colville đã viết rằng: “Một bài diễn thuyết đầy cảm hứng của Winston Churchill trên sóng vô tuyến”. Đây là một nhận xét rất đáng nhớ, dù sau này Colville đã trở thành một trong những nhà chép sử biên niên giỏi nhất trong các nhiệm kỳ thủ tướng của Churchill. Tuy nhiên, Chamberlain đã thể hiện mình là một người thiện chí và thật lòng, khi sự đồng thuận xuất hiện ở đoạn mở đầu của một trong những bức thư rất chân tình ông viết cho em gái: “Anh cũng có cùng quan điểm với Winston, người đã có một buổi diễn thuyết rất tuyệt vời mà tất cả chúng ta đều đã nghe”.

Tuy nhiên, giữa hai chiến thắng liên tiếp của Churchill và biên bản của Nội các vẫn có một số mối liên hệ. Đây là biên bản mà thủ tướng đã gửi đi vài tuần sau khi nói rằng ông đã yêu cầu bộ trưởng không bộ cao cấp (Samuel Hoare) thực hiện một cuộc khảo sát tổng quát đối với các buổi truyền thanh của bộ trưởng, cũng như hướng dẫn các bộ trưởng làm rõ mọi vấn đề với Hoare trước khi chấp nhận lời mời phỏng vấn để lên sóng. Churchill không chấp nhận bất kỳ mệnh lệnh độc đoán nào từ kẻ cự thù, người mà ông không mấy tôn trọng. Tuy nhiên, ông lại là người rất giỏi trong việc chống đối làm sao để không tỏ ra mất lịch sự. Ông đã viết thư hồi đáp cho Chamberlain rằng:

“Theo kinh nghiệm của riêng tôi, những buổi trò chuyện của thành viên Nội các về quan điểm của họ đối với các sự kiện cộng đồng luôn được cân nhắc thấu đáo và dựa trên hiểu biết về các chính sách của chính phủ... Tôi nhận được rất nhiều thư mời và yêu cầu diễn thuyết trên sóng phát thanh, và đã rất nhiều lần (dù chắc chắn không lấy gì làm vui) tôi cảm thấy mình có điều gì đó cần phải nói. Tôi tất nhiên sẽ rất sẵn lòng tuân theo sự chỉ đạo của ngài về vấn đề này: nhưng tôi không

nghĩ mình nên tuân theo chủ ý của bộ trưởng không bộ cao cấp trong tình huống như vậy. Do đó, tôi sẽ chờ sự can thiệp riêng của ngài trước khi nhận lời mời phỏng vấn, và nếu cảm thấy đó là trách nhiệm của mình thì tôi sẽ chủ động đến gặp ngài”.

Do đó, Hoare đã bị gạt ra khỏi vai trò giám sát trong mối quan hệ với Churchill. Còn Chamberlain thì biết rằng nếu ông tìm cách can thiệp mối quan hệ giữa Churchill và cộng đồng thì ông sẽ phải đối mặt với một cuộc đối thoại không lấy gì làm dễ chịu. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy những vị bộ trưởng mạnh mẽ đã vận dụng năng lực như thế nào mỗi khi họ cảm thấy mình bị người đứng đầu chính phủ đối xử như một thuộc cấp thay vì một người đồng nghiệp. Hầu như chưa lần nào Churchill phải có một cuộc đối thoại không mấy dễ chịu với Chamberlain. Thậm chí chỉ hai tuần sau đó, Churchill đã tham gia một buổi phát thanh khác vào tối Chủ nhật. Lần này ông còn đề cập đến chính sách chung nhiều hơn những gì đã trình bày vào ngày 1 tháng 10, và tất nhiên là ông cũng đón nhận những quan điểm chính thức thiếu thiện chí hơn nhiều so với trước đây. Thông điệp trọng tâm của ông là kiên quyết giữ vững lập trường của thủ tướng:

Các bạn biết đấy, tôi không phải lúc nào cũng đồng tình với ngài Chamberlain, dù chúng tôi luôn là những người bạn tốt. Nhưng ông ấy là một người cứng rắn, và tôi có thể nói rằng ông ấy sẽ chiến đấu một cách ngoan cường để giành chiến thắng cũng như cách ông ấy đã làm vì nền hòa bình. Các bạn có thể tin chắc rằng tất cả những quốc gia mà Anh và Pháp đang đại diện cho thế giới hiện đại sẽ sụp đổ, hay Hitler, chế độ phát xít Đức, và mối đe dọa thường trực đối với châu Âu rồi sẽ bị đánh bại. Đó là bản chất của vấn đề và mọi người hãy thay đổi tư duy nhằm hướng đến sự thật đáng buồn đó.

Bằng cách này, ông có ý định ngăn cản những thay đổi có thể xảy ra đối với một nền hòa bình đã được đàm phán từ trước. Bất chấp những hoạt động ngày

một sâu rộng hơn, vào những tháng mùa thu của năm 1939, Churchill đã được xem như một chiếc “máy phát điện” ở Bộ Hải quân. Vào ngày 14 tháng 9, trong đoạn trích đã nêu trước đây, Channon viết: “Tôi nghe nói rằng Winston đã khiến Bộ Hải quân phát điên vì những hoạt động can thiệp và sự sôi nổi của mình”. Nhưng vào hôm sau, Kathleen Hill, thư ký đánh máy quan trọng của Churchill trong suốt cuộc chiến, đã viết: “Khi Winston còn làm việc trong Bộ Hải quân, bầu không khí ở đây như sôi lên, đầy nhiệt huyết. Nhưng mỗi khi ông đi công du thì bầu không khí ấy bỗng trở nên vô cùng chết chóc”. Sự thật về chuyện này chắc chắn tồn tại giữa hai quan điểm có phần trái ngược đó.

Churchill không phân biệt bên nào là những vấn đề chính sách, bên nào là những vấn đề điều hành. Trong bối cảnh đó, với truyền thống lâu đời của Văn phòng Chiến tranh hay Bộ Không quân, vai trò của Bộ Hải quân trở nên rất quan trọng. Bộ Hải quân vừa được xem là tháp kiểm soát không lưu vừa là trung tâm hành chính. Những chỉ đạo điều hành các đội tàu từ xa phát đi từ Bộ Hải quân đã vô cùng hiệu quả, điều mà Văn phòng Chiến tranh hay Bộ Không quân chưa bao giờ làm được. Việc điều khiển mọi thứ từ xa luôn là một yêu cầu được Churchill rất chú ý. Một việc khá mâu thuẫn đã xuất hiện khi ông thực hiện chuyến viếng thăm kéo dài bốn ngày ở Pháp vào đầu tháng 11. Dù có ghé thăm Trung tâm chỉ huy²⁹ Lực lượng Viễn chinh Anh của tổng tư lệnh Gort, nhưng mục đích ban đầu của ông là bàn bạc với người Pháp về những vấn đề hải quân. Như Churchill đã nhớ lại sau sự kiện này:

Trước khi cuộc họp bắt đầu, đô đốc Darlan đã trình bày với tôi về cách xử lý những vấn đề của Bộ Hải quân ở Pháp. Bộ trưởng Hải quân, M. Campinchi, đã không được phép hiện diện khi những vấn đề điều hành đang được bàn thảo. Điều này khiến cho bầu không khí trở nên chuyên nghiệp hơn. Tôi khẳng định thành viên số một của Hội đồng Đô đốc và tôi chỉ là một. Darlan nói rằng ông đã nhận biết điều này, nhưng ở Pháp lại là một chuyện khác.

“Tuy nhiên, ngài bộ trưởng sẽ đến trong buổi tiệc trưa” ông ấy nói.

Điều này đã được thể hiện rõ ràng trong một biên bản mà Churchill gửi đi năm ngày trước đó cho tham mưu trưởng và tham mưu phó của lực lượng hải quân:

Chúng ta không cho phép mình bị đẩy ra khỏi vùng Biển Bắc và quên đi trách nhiệm chính là bảo vệ Đảo Anh trước những cuộc tấn công xâm lược. Không căn cứ quân sự nào trên bờ Tây có thể được phép tồn tại, ngoại trừ những trường hợp ngoài dự tính và diễn ra trong thời gian ngắn. Nelson và Rodney, phải giữ vững vị trí của họ ở Rosyth [thuộc vịnh Forth], và chiến đấu ở đó khi không ở trên biển. Warspite và Valiant phải sẵn sàng để thay thế khi gặp thương vong, chẳng có lý do nào để không ở lại Plymouth khi mọi người vẫn đang còn cần đến chúng ta.

Churchill không có ý khinh thường những quan điểm hải quân chuyên nghiệp, dù những cố vấn của ông vào năm 1939 toàn là sĩ quan bậc thấp, thậm chí chỉ là chuẩn úy hải quân. Hơn nữa, họ lại không có những cá tính nổi bật như của những người mà ông từng làm việc cùng trong thời kỳ trước đây. Ngoài ra, ông còn có một thuận lợi khác. Ngoại trừ hai tàu chiến Courageous (bị ngư lôi tấn công vào ngày 17 tháng 9) và Royal Oak bị đắm, cộng với khá nhiều tàu buôn đã bị tổn thất khi người Đức lần đầu tiên áp dụng mìn từ tính, mùa thu năm 1939 lại không có nhiều biến động hải quân. Do đó, người ta chẳng thể so sánh với hoàn cảnh mà ông từng trải qua trước đây nhằm làm giảm giá trị của những tháng cùng kỳ năm 1914.

Giữa bận bịu công việc trong và ngoài liên quan đến Bộ Hải quân, Churchill còn tham gia vào một số hoạt động khác. Ông đã hai lần ghé thăm Scapa Flow, hàng rào phòng thủ mà ông rất quan tâm. Ông theo dõi lễ đính hôn và đám cưới chớp nhoáng chỉ trong một tuần của Randolph với cô gái 19 tuổi, Pamela Digby.

Sự tác hợp giữa Randolph và Pamela đã khiến Churchill cảm thấy rất hứng thú trong quãng thời gian này. Ông đã nhận một bức thư phiến hà được gửi từ công tước Windsor. Trong đó, vị cựu hoàng đã tìm cách gợi lại cuộc tranh luận với người anh em quyền lực của mình, cũng như với những người đang nắm giữ binh quyền tối cao. Để đáp lại, Churchill bào ông phải thật cẩn trọng, chấp nhận vai trò thiếu tướng trên danh nghĩa để liên minh với Pháp. Tốt hơn cả là ông phải thực thi mọi mệnh lệnh được phát đi từ cấp trên. Cuộc trao đổi này chắc chắn đã đánh dấu chấm hết cho mối quan hệ lãng mạn giữa Churchill và công tước, cũng như xóa tan niềm tin của công tước khi cho rằng Churchill sẽ lại ủng hộ ông như từng làm vào tháng 12 năm 1936.

Kế đó là sự xuất hiện của bản giới thiệu dài 10 ngàn từ (có sự giúp đỡ) dành cho *The English Speaking Peoples*, và hoạt động phân phối một tác phẩm được ông xem là bản in thử hoàn hảo với 500 ngàn từ (một kỳ công đáng nhớ trong hoàn cảnh như vậy) ở Cassells vào giữa tháng 12. Suốt thời gian này, ông buộc phải xuất hiện và tham dự những cuộc họp thường xuyên (chẳng hạn như 24 cuộc họp trong tháng 11) của Nội các Chiến tranh gồm 9 thành viên. Từ giữa tháng 11, ông còn phải tiếp nhận những yêu cầu bổ sung từ Ủy ban Điều phối quân sự, bao gồm các bộ trưởng và một số ít những cố vấn chuyên nghiệp. Đây là những người cũng thường xuyên họp mặt dưới cương vị chủ tịch của Chatfield nhưng do Churchill lãnh đạo. Hoàn cảnh này chỉ chấm dứt khi hình thức trở nên sát với thực tế và Churchill đảm nhận chiếc ghế chủ tịch vào đầu tháng 4 năm 1940.

Có vô vàn công việc đang chờ đợi một người đàn ông vừa đón mừng sinh nhật lần thứ 65 và bước vào thời kỳ căng thẳng nhất của cuối tháng 11 (năm 1939). Dù cho chưa đầy sáu tháng sau đó ông lại tỏ ra háo hức để đảm trách và duy trì hoạt động của mình trong suốt năm năm tiếp theo.

Mùa Vọng năm ấy đã trở nên sôi nổi bởi sự thất bại của chiến hạm Graf Spee gần bờ biển Uruguay vào ngày 17 tháng 12. Tình huống này đã xảy ra sau cuộc giao tranh đầu tiên trên biển đầy căng thẳng. Churchill không cho phép trì hoãn

phản ứng trong tuần nghỉ lễ Giáng sinh. Ông ra lệnh cho lực lượng hải quân không được dừng lại, không được nghỉ ngơi trong suốt dịp Giáng sinh hay năm mới, và ông đã đứng ra làm gương trong cương vị của một người chỉ huy. Ông nói với thư ký của Nội các rằng ông sẽ ở Bộ Hải quân “trong suốt mùa Giáng sinh hoặc ở ngoài trời trong một giờ mười lăm phút [có lẽ ám chỉ Chartwell], và điều đó chỉ diễn ra trong vòng vài giờ”. Nhưng ông đã không đến Chartwell, dù sao đi nữa thì cũng không phải vào ngày Giáng sinh, khi theo thư ký của ông thì: “Ông đã làm việc từ sáng sớm cho đến lúc ăn tối”. Ông đã đọc cho thư ký viết hơn 4 ngàn từ, từ một bức thư dài gửi thủ tướng cho đến biên bản của Nội các, cũng như những biên bản nội. Ngày 30 tháng 12, một ngày sau cuộc thanh tra hải quân ở Weymouth, Churchill đã dành ra một vài đêm với gia đình Digbys, bố mẹ vợ mới cưới của Randolph ở Cerne Abbas, Dorset. Sau đó, vào ngày 4 - 1 - 1940, Churchill đã dành bốn ngày rưỡi để viếng thăm nước Pháp. Ở đây, ông đã bàn bạc với Darlan, thanh tra một phân đoạn phòng tuyến mới (đối với ông) của Pháp và thăm một đơn vị Không lực Hoàng gia trước khi ở cùng một đêm với Gort trong trung tâm chỉ huy BEF (British Expeditionary Force: Lực lượng Viễn chinh Anh). Churchill không bao giờ cho phép những mâu thuẫn gay gắt giữa các đơn vị làm cản trở kế hoạch của mình.

Trong thời gian ở Pháp, rắc rối với nhà xuất bản đã lên đến đỉnh điểm. Desmond Flower của Cassells không hài lòng với nửa triệu từ trong *The English Speaking Peoples*. Churchill, người chủ trương hòa giải với các nhà xuất bản và dành những lời lẽ chua cay cho các đồng nghiệp chính trị, đã viết thư trả lời để làm lại đoạn kết dài 10 ngàn từ. Flower, vốn là người đã thu được rất nhiều lợi ích (dù ông không hề hay biết điều đó) từ cuốn *The Second World War* của Churchill, đã trả lời bằng một lời lẽ đầy ngạc nhiên với thái độ hòa giải của Churchill. Ông nói rằng lẽ ra mọi việc không nên như vậy:

Tôi rất xin lỗi khi phải nêu ra một quan điểm nghiêm túc cần ông cân nhắc. Chúng tôi không thể cho rằng bản thảo của ông, với phần kết là cuộc Nội chiến Mỹ, đã theo đúng hợp đồng giữa chúng ta đã ký để

viết về *The English Speaking Peoples...*

Kể đó, Brendan Bracken (người dường như đã can thiệp vào bức thư này), đã rất thông minh khi chứng tỏ giá trị của mình giống như “nhà kinh doanh danh dự của ngài Churchill”, cũng như nêu rõ tại sao ông, hầu như cho đến tận lúc qua đời vào năm 1958, vẫn còn rất cần thiết đối với Churchill. Khi Churchill đến đại sứ quán Anh ở Paris, ông đã nhận được một thông điệp gửi từ Bracken:

Cassells gửi cho ông một bức thư khá dài để yêu cầu phần bổ sung cho cuốn sách lịch sử của ông. Ông ấy không hề nhắc đến khi nào thì khoản thanh toán theo trị giá hợp đồng [7.500 bảng Anh], sẽ được chi trả.

B[racken] đã có một cuộc trò chuyện rất thẳng thắn với ngài Desmond Flower. Ông nói rằng nhà xuất bản mà ông làm việc chung đã bóp méo lịch sử. Nhưng ông không cần phải trình bản thảo mới trước ngày 30 - 6 - 1940. B. cũng yêu cầu được thanh toán vào sáng sớm ngày mai. Bên nhà xuất bản đã hứa và B. hy vọng sẽ nhận được tấm séc thanh toán lúc 11 giờ sáng. Flower cũng đồng ý sẽ xem xét lời đề nghị của B về việc Cassell nên trả lại cho ông khoản tiền [1.100 bảng, hoặc gần 30 ngàn bảng theo thời giá ngày nay] đã chi ra khi cho in bản in thử.

Phần trình bày của Bracken có vẻ như rất hoàn hảo. Nhưng may mắn thay là thực tế lại không như vậy. Churchill đã mất gần trọn tháng 6 năm 1940 để viết về tình hình biên giới Venezuela hay những cuộc tranh cãi về nghề cá ở Canada giữa Anh và Mỹ.

Ngoại trừ việc để mắt đến những chi tiết nhỏ (có đủ áo vải len thô cho binh lính trong mùa đông trên tàu khu trục, những tiện nghi để “nghỉ ngơi và tiêu khiển” cho các hạ sĩ quan và sĩ quan hải quân ở Weymouth), mỗi bận tâm chính của Churchill trong năm đó là hai trận đánh lớn. Churchill đều là người giành

chiến thắng trong cả hai trận đánh này, một diễn ra bên trong Bộ Hải quân và một diễn ra trong Nội các Chiến tranh. Ở Bộ Hải quân, vấn đề được quan tâm hàng đầu là căn cứ dành cho đội tàu chính của Home Fleet. Sau sự kiện tàu Royal Oak bị đắm ở bãi neo đậu vào ngày 4 - 10 - 1939 thì khu vực Scapa Flow, cho đến khi được củng cố trở lại, được xem là một nơi không còn an toàn. Tương tự như vậy là Rosyth, vốn đã trở thành mục tiêu oanh tạc của máy bay chiến đấu hai ngày sau đó. Rodney và Nelson, “những thuyền trưởng canh cổng” theo lối dùng từ đặc biệt của Churchill vào ngày 29 tháng 10, cùng hạm đội bảo vệ và yểm trợ đã được lệnh dời đến Clyde.

Đó là một nước cờ tạm thời, nhưng lại kéo dài cho đến tận tháng 3 năm 1940 và không được Churchill ủng hộ. Ông cho rằng các tàu chiến lớn nên đối mặt với kẻ thù ở Rosyth trên vịnh Forth và không nên rút về vùng biển được bảo vệ ở phía Tây, vốn mất rất nhiều giờ di chuyển từ Biển Bắc. Điều này là nguyên nhân dẫn đến rất nhiều biên bản than phiền của Churchill gửi đô đốc Pound, thành viên số một của Hội đồng Đô đốc. Lý lẽ được ông viện đến là quá trình tái gia cố chậm chạp ở Scapa Flow và những bất lợi của Clyde trên vịnh Forth. Ngoại trừ việc chọn địa điểm sai lầm của quân Anh khiến cho việc di chuyển trở nên khó khăn, các tàu chiến Anh còn có hệ thống hỏa lực yếu ớt và phải đối mặt với những cản trở của cầu cảng. Chúng thậm chí còn bị tấn công dữ dội trên phần lãnh thổ của dân Ireland sống ở Glasgow, nơi mở ra một kênh truyền đạt thông tin về sự chuyển động và tai nạn của các đội tàu đến cho quân Đức qua Dublin. Bờ Tây cũng không thể mang lại an toàn cho các tàu chiến chính. Nelson đã bị phá hỏng nghiêm trọng bởi một cuộc tấn công bằng mìn vào ngày 7 tháng 12. Cuộc tranh luận kéo dài vô ích này đã để lại hai ấn tượng mạnh mẽ. Một là những chiếc tàu chiến to lớn được xem như loài khủng long, rất hung dữ nhưng lại dễ bị tổn thương. Sự bảo vệ mà những chiếc tàu ấy cần đến cũng tương đồng với mức độ an toàn mà chúng mang lại. Hai là ngay cả một vị bộ trưởng đầy thao lược và mạnh mẽ về chính trị cũng cảm thấy khó khăn khi thúc giục các đô đốc đi ngược lại với những lời cảnh báo chuyên nghiệp.

Trận chiến trong Nội các Chiến tranh chủ yếu xoay quanh chủ đề liệu nước Anh có nên tham chiến với mọi rủi ro cố hữu, hay tốt hơn cả là phải tránh xa những lời xui giục của các nước trung lập lẫn Đức. Điều này lần đầu tiên được thể hiện thông qua mối bận tâm đến Hiệp ước Ireland về cảng biển Queenstown (sau này đổi tên thành Cobh), Berehaven và Lough Swilly. Các quyền của quân Anh trong việc điều động sức mạnh hải quân đã được ghi rõ trong Hiệp ước Ireland ký kết vào năm 1921. Tuy nhiên, trong cuộc đàm phán mà Churchill rất tích cực tham gia thì những quyền này đã bị bác bỏ theo thỏa thuận mới vào năm 1938. Theo đó, Liên bang Tự do Ireland được đổi tên thành Eire. Churchill đã ra vẻ chống đối một cách quyết liệt hành động bác bỏ này. Nhưng thực tế lại không như vậy. Ông ngầm ủng hộ và chỉ tỏ ra căng thẳng trong những mối quan hệ với các đồng minh “Vũ khí và Hiệp ước” của mình. Vào tháng 10 năm 1939, dưới áp lực của tàu ngầm Đức ở phía Tây, ông đã nêu lại vấn đề này trong cuộc họp ở Nội các Chiến tranh vào ngày 16 của tháng: “Thành viên số một Hội đồng Đô đốc đã nhấn mạnh sự thiếu hụt nghiêm trọng các tàu khu trục... sự căng thẳng đã đến mức báo động. Tình hình sẽ được cải thiện rất nhiều nếu chúng ta có thể sử dụng Berehaven”.

Quan điểm đó chắc chắn mang tính hợp lý về mặt hậu cần, nhưng lại không thuyết phục Nội các rằng Taoiseach (De Valera) có thể bị gạt bởi Bộ Thuộc địa hay Bộ Ngoại giao để trao trả các cảng biển cho Anh. Nếu không được như vậy thì họ sẽ phải dùng vũ lực để đoạt lại. Churchill tin rằng “3/4 dân số ở Ireland đồng tình cùng chúng ta” và chỉ có “một phần thiểu số thiểu hợp tác” là đã đe dọa De Valera. Thật không khó để nhận ra Anthony Eden (trong cương vị bộ trưởng Thuộc địa) có đủ tính thực tế khi ông viết thư gửi cho Halifax vào ngày 20 tháng 10 như sau: “Tôi sợ rằng tình hình ngày càng trở nên rõ ràng hơn trong việc Dev [De Valera] khó có thể giữ được thái độ trung lập với những tiện nghi mà Bộ Hải quân yêu cầu. Ít nhất phải 80% dân số Ireland đồng tình với thái độ trung lập của nhà nước”. Churchill do đó phải miễn cưỡng chấp nhận thất bại.

Tuy nhiên, vào tháng 12 và tháng 1, một vấn đề lớn hơn nhưng không hoàn

toàn tương tự đã nảy sinh. Hoàn cảnh lần này còn thử thách lòng kiên nhẫn của Churchill nhiều hơn trước. Đây còn được xem là nguyên nhân ban đầu dẫn đến chiến dịch Na Uy vào tháng 4 năm 1940, một chiến dịch táo bạo nhưng không thành công mà Churchill đã tham gia kể từ sau trận chiến Dardanelles. Nhưng thật nghịch lý, thay vì khiến ông một lần nữa bị rơi vào quên lãng, hoạt động lần này đã giúp Churchill có được chiếc ghế thủ tướng. Đây là câu hỏi lớn đặt ra đối với việc ngăn cấm hành động tiếp tế quặng sắt cho Đức từ khu vực Scandinavia. Đó là những chuyến hàng đi từ cảng Narvik, bắc Na Uy, và cảng Lulea, Thụy Điển, trên vịnh Bothnia. Cảng Lulea, dù nằm ở phía nam của cảng Narvik, nhưng lại hoàn toàn tránh được những ảnh hưởng của dòng nước ấm từ vùng vịnh và hầu như không bị đóng băng trong những tháng mùa đông kéo dài. Do đó, quặng sắt của Thụy Điển vẫn được vận chuyển trong mùa đông thông qua Narvik.

Dù không có cơ sở thực tế nhưng Churchill vẫn tự thuyết phục mình và người khác rằng hành động ngăn cấm sẽ nhanh chóng tác động đến nỗ lực chiến tranh của Đức. Ở Nội các vào ngày 23 tháng 12, ông đã viện đến biên bản ghi nhớ của Fritz Thyssen, người gần đây đã công khai chống đối Hitler và tạm thời lánh nạn ở Thụy Sĩ và Pháp. Fritz cho rằng chiến thắng sẽ thuộc về bên nào “giành được quyền kiểm soát nguồn quặng sắt và sắt từ tính ở Bắc Thụy Điển”. Đây là một chủ đề mà bất kỳ ai biết đến cái tên Thyssen (và cũng là người chủ công ty, dù ông đã mất gần năm năm thời chiến trong các trại tập trung) đều rất quan tâm. Churchill đã thêm mắm thêm muối cho biên bản này bằng cách nói rằng hành động ngăn cấm sẽ “rất hữu ích cho thời gian còn lại của cuộc phong tỏa, thu ngắn đáng kể thời gian chiến tranh và chắc chắn sẽ hạn chế đổ máu trên Mặt trận phía Tây”.

Nội các Chiến tranh “không tán thành cũng không phản đối”. Quan điểm này tồn tại hàng tuần liên giữa những kế hoạch thu hẹp hay mở rộng. Những kế hoạch thu hẹp muốn chấm dứt sự lưu thông từ Narvik thuộc bờ Tây Na Uy đến Đức, một hoạt động chỉ có thể được thực hiện bằng cách đặt mìn trong vùng biển

Na Uy và tiến hành tuần tra liên tục bang tàu khu trục. Kế hoạch mở rộng muốn phe Đồng minh sở hữu hiệu quả hơn đối với các mỏ của Thụy Điển. Điều này trở nên rất cấp bách khi Lulea sẽ không còn bị đóng băng vào cuối tháng 4. Về mặt lý tưởng thì hành động này sẽ được áp dụng để công khai đáp lại sự cường bách của Đức đối với Thụy Điển. Nhưng nếu mọi việc không diễn ra (dường như không có một lý do đặc biệt nào khiến nó phải diễn ra) bởi hành động can thiệp quân sự của phe Đồng minh, điều đó sẽ gây nhiều ngạc nhiên cho những quan điểm trung lập của thế giới từ Mỹ cho đến Hà Lan.

Vị trí trung tâm của Nội các cho thấy họ chỉ muốn đạt đến cứu cánh cuối cùng nhưng lại không hề biết đến những phương tiện cần thiết. Thủ tướng đã phát biểu vào ngày 22 tháng 12: “[quyết định] có lẽ là một trong những bước ngoặt của cuộc chiến. Ông rất có ấn tượng trước những lời phát biểu trong bản ghi nhớ của Fritz Thyssen. Chắc chắn những lời phát biểu ấy được ông xem là cơ hội để giáng một đòn chí mạng cho quân Đức”. Kết quả là một quan điểm ôn hòa đã ra đời. Quan điểm ấy cho rằng những kế hoạch thu hẹp không đủ sức để quyết định cục diện và cũng không thể áp đảo những kế hoạch mở rộng. Chính vì vậy, cả hai lựa chọn nói trên đều cần phải tiếp tục được cân nhắc thảo luận. Âm mưu này, vốn được xem là kế hoạch để hạn chế Churchill, đã chứng tỏ sự sai lầm qua thời gian. Đây cũng là một hệ quả có thể đoán trước và khiến ông tức giận. Halifax đặc biệt giỏi trong việc triển khai những chiến thuật trì hoãn, đến mức chỉ sau một cuộc họp tiêu cực vào ngày 12 - 1 - 1940, ông cảm thấy mình cần phải viết một bức thư hòa giải để gửi cho Churchill. Nhưng thái độ hòa giải ấy chỉ là hình thức, không phải suy nghĩ thực tế. Churchill đã trả lời lại vào ngày 15 tháng 1 như sau:

Mỗi bản khoản của tôi đối với quyết định đó chủ yếu dựa trên những khó khăn mà cỗ máy điều hành chiến tranh của chúng ta mang lại. Tôi nhìn thấy những bức tường ngăn cản to lớn đã và đang được xây dựng nên. Tôi tự hỏi rằng liệu có kế hoạch nào giúp tìm ra cơ hội để vượt qua những bức tường đó... Vì vậy, hãy tha lỗi cho tôi nếu tôi thể

hiện sự buồn phiền của mình... Một điều có thể chắc chắn ở đây là chúng ta sẽ không bao giờ giành được chiến thắng nếu chọn con đường ít trở ngại nhất.

Sự thất vọng của ông còn được thể hiện trong một biên bản gửi đến đô đốc Pound vào ngày 16 tháng 1. Trên danh nghĩa thì biên bản ấy bàn đến hệ thống phòng không của Scapa Flow, nhưng thực tế nó lại đề cập đến những phương hướng chỉ đạo khác nhau, đa số đều không liên quan gì đến công việc của Pound:

Sự phung phí sức mạnh của chúng ta thể hiện trong mọi lĩnh vực. Mọi người đều cho rằng mình đang phụng sự tổ quốc bằng cách góp sức cho sự an toàn của địa phương. Quân đội của chúng ta thật nhỏ bé nếu so sánh với lực lượng đối phương ở chiến tuyến. Không lực của chúng ta hầu như không thể địch lại với không quân Đức. Chúng ta không thể làm bất kỳ điều gì để ngăn không cho đối phương tiếp nhận nguồn tiếp tế quặng sắt quan trọng. Chúng ta vẫn giữ một thái độ hoàn toàn bị động và phân tán lực lượng ngày một rộng hơn. Hạm đội tàu chiến cần Scapa và Rosyth được bảo vệ ở mức độ cao nhất. Anh có thấy rằng có lẽ chúng ta đang hướng đến thất bại hay không?

Điều giúp Churchill khuây khỏa là buổi diễn thuyết lần thứ tư trên chương trình sóng phát thanh đêm Chủ nhật, nơi mà ông đã nói lên mọi ý kiến của mình vào ngày 20 tháng 1. Đặc biệt khi bàn đến những vấn đề hải quân, ông đã gây ngạc nhiên với một nhận xét lạc quan hơn nhiều (“Dường như tối nay thì một nửa tàu ngầm được quân Đức sử dụng để phát động chiến tranh đã bị đánh đắm”, “Spee vẫn trụ vững ở cảng biển Montevideo như một tượng đài hùng vĩ và biểu tượng chiến thắng trước số phận các tàu chiến của Đức Quốc xã, những chiếc tàu học đòi làm kẻ cướp trên vùng biển bao la”, “Xét cho cùng thì tình hình vẫn chưa xấu đi. Thực tế thì mọi việc chưa bao giờ tỏ ra sáng sủa trong một cuộc chiến hải quân cả”). Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên ở đây là khuôn khổ của

bức tranh mà ông đã chọn cũng như những màu sắc rực rỡ được ông sử dụng. Ông gần như đang vẽ một bức tranh biếm họa theo phong cách riêng, sử dụng thuật ẩn dụ và thuật hùng biện trong thực tế.

Sau khi đề cập đến các quốc gia trung lập, ông đọc phần kết của bài diễn văn “kêu như tiếng chuông vỡ” của mình như sau:

Rất ít cuộc chiến có thể giành được chiến thắng nếu chỉ dựa vào những con số đơn thuần. Chất lượng quân đội, sức mạnh ý chí, thuận lợi địa lý, tài nguyên thiên nhiên và khả năng tài chính, quyền kiểm soát trên biển, và quan trọng nhất là lý do thích hợp để kích động tinh thần của hàng triệu con tim. Tất cả đều được xem là những yếu tố quyết định trong các câu chuyện của con người. Nếu không thì làm sao loài người có thể tiến hóa, làm sao họ có thể chinh phục và tiêu diệt những loài mãnh thú của thời kỳ đồ đá, làm sao họ có thể phát triển được những tiêu chuẩn đạo đức, làm sao họ có thể tiến lên hàng thế kỷ để lĩnh hội những khái niệm như lòng trắc ẩn, sự tự do và nhân quyền? Làm sao chúng ta nhận ra những ánh đèn hiệu đang kêu gọi và hướng dẫn chúng ta băng qua những con đường khó khăn, những chiến trường khói lửa của hôm nay và hướng đến một ngày mai tươi sáng hơn? Ngày đó sẽ đến khi hồi chuông báo tin vui lại vang vọng khắp châu Âu, khi những quốc gia chiến thắng, không chỉ chế ngự được kẻ thù, mà còn chế ngự được cả chính họ, lên kế hoạch để phát triển và xây dựng những tòa lâu đài của công bằng, truyền thống và tự do.

Dù ảnh hưởng lên kẻ thù có như thế nào thì buổi phát thanh cũng khiến Bộ Ngoại giao lo sợ. Halifax đã chờ đợi trong năm ngày trước khi bí mật gửi đi một bức thư khiển trách. Nội dung bức thư đã tổng kết tất cả những phản ứng bất lợi từ báo chí các nước: “Bài diễn thuyết khiến tôi rơi vào tình trạng không thể ngồi yên nếu là một thành viên trong chính phủ. Điều đó giống như việc ngài đã chọn một con đường hoàn toàn khác so với con đường mà thủ tướng hay chính tôi đã

chọn. Tôi nghĩ, như vẫn thường nghĩ khi tiếp xúc với những quốc gia trung lập đó, rằng tôi có thể đoán trước trước tâm trạng của họ sẽ như thế nào”. Churchill đã trả lời với thái độ nửa ăn năn: “Đây chắc chắn là một lời chúc mừng khó chịu. Tôi cứ ngỡ rằng mình đang trình bày quan điểm của chính ngài và của Neville”. Nhưng điều đó không ngăn cản ông tiếp tục thực hiện một bài diễn thuyết hào hùng khác (và cũng được phát thanh) ở Trung tâm Thương mại Tự do, Manchester, vào Thứ bảy tiếp theo.

Trong giai đoạn nhượng bộ, ông đã bắt đầu buổi phát thanh vào ngày 20 tháng 1 của mình bằng một câu nói hết sức thông minh: “Mọi người đều tự hỏi điều gì đang xảy ra với cuộc chiến”. Ai không đặt ra cho mình câu hỏi đó thì sẽ tự trở thành người phát ngôn của chính phủ. Ý tưởng của Chamberlain hay Halifax, những người mà ông cho là có quan điểm thiếu nghiêm túc khi bàn đến những vấn đề theo quan niệm của riêng ông, là khá phi lý. Ông khơi dậy các con tim nhưng cũng đồng thời kích động sự thù hận. Ông không có được tiếng nói trong Nội các Chiến tranh, hay thậm chí không thể áp đảo hoàn toàn các đô đốc, nhưng vị trí của ông lại không thể bị tấn công. Có thể dễ dàng nhận thấy Chamberlain đã phản đối tất cả những lời chỉ trích nhằm vào sự phi lý của mình. Khi cuộc họp lần thứ năm của Hội đồng Chiến tranh Tối cao (một danh hiệu khá phô trương dành cho tổ chức có quá ít những lãnh đạo chính trị có thể tồn tại đến vài tháng) diễn ra ở Paris vào ngày 4 và 5 tháng 2, với dự định lập kế hoạch cho một giai đoạn tích cực hơn của cuộc chiến, lần đầu tiên Churchill đã được yêu cầu tham gia.

Chương 30

TỪ THẨM HỌA FJORDS ĐẾN CHIẾN THẮNG TRONG CHÍNH PHỦ ANH

Đầu mùa xuân năm 1940, Churchill còn phải chịu thất bại trong một trận chiến khác. Ông không thất bại trước kẻ thù, vốn hiếm khi tổ chức giao chiến trong thời gian này, cũng không thất bại trước Nội các Chiến tranh hay các đô đốc, mà là trước quân Pháp. Vào giữa tháng 11 năm 1939, ông đã tỏ ý hết sức quan tâm đến một dự án, về sau được biết đến với tên gọi Hoạt động Lính thủy đánh bộ Hoàng gia. Dự án này có mục đích kiểm soát hoàn toàn sông Rhine, đường giao thông huyết mạch của nền thương mại Đức, với hàng loạt những quả thủy lôi. Hoạt động này diễn ra giữa Strasbourg và sông Lauter, thuộc phía nam Karlsruhe, nhánh tả của con sông thuộc lãnh thổ Pháp. Đây là một hành vi phá hoại nghiêm trọng hệ thống liên lạc nội bộ của Đức và được xem là phản ứng thích đáng trước những cuộc tấn công của Đức nhằm vào nền thương mại đường biển của phe Đồng minh. Ban đầu, người ta chỉ quan tâm đến một doanh nghiệp Anh làm nhiệm vụ cung cấp và lắp đặt hệ thống mìn. Nhưng về sau, khi đã quan sát địa thế, họ nhận thấy sự hợp tác của Pháp cũng là một điều kiện tối quan trọng.

Tướng Gamelin tỏ ý đồng thuận ngay từ giai đoạn đầu, nhưng các chính khách Pháp mới là những đối tượng khó thuyết phục. Chính phủ Pháp trong giai đoạn này đang tập trung vào những hoạt động ở xa, nhưng họ lại không muốn làm bất kỳ điều gì có thể kích động quân Đức ở Mặt trận phía Tây. Tuy nhiên, trong cuộc họp của Hội đồng Chiến tranh Tối cao ở London vào cùng ngày thì

thỏa thuận đã đạt được. Quyết định đưa ra là một hành động hai chiều sẽ diễn ra vào đầu tháng 4. Hoạt động Lính thủy đánh bộ Hoàng gia bắt đầu diễn ra vào ngày 4, còn lối thoát ở khu vực Narvik được dự định cho nổ mìn vào ngày 5. Sai lầm bắt đầu tái diễn. Daladier, người sau khi bị thay thế chức thủ tướng bởi Paul Reynaud vào ngày 21 tháng 3 đã trở thành bộ trưởng Quốc phòng khó tính nhưng đầy quyền lực, vốn chỉ là một người thiếu quyết đoán. Ông cho rằng các nhà máy sản xuất máy bay của Pháp có thể được xem là sự trả đũa không thể chấp nhận đối với quân Đức. (Thật đáng ngạc nhiên khi hồi tưởng lại quá khứ, nhưng còn có rất nhiều điều tương tự khác nếu xét trên quan điểm này. Đúng sáu tuần trước khi chiến dịch “Blitzkrieg” (Thần sét) của Đức diễn ra, vốn loại bỏ Pháp một cách nhanh chóng, mọi người lẽ ra phải nghĩ ngay đến viễn cảnh kinh hoàng về những cuộc không kích ồ ạt).

Vì vậy, thời gian biểu của cả hai hoạt động (vốn được người Anh xem là bổ khuyết cho nhau) đã bắt đầu sai lệch. Vào ngày 4 tháng 4, Churchill đã đến Paris với lời chúc phúc của Chamberlain và ý, định buộc Daladier phải tham chiến. Ông đi cùng người bạn yêu nước Pháp và nói tiếng Pháp của mình, tướng Spears. Đây là người đã ghi lại một số chi tiết thú vị, cả chua cay lẫn ngọt ngào, của chuyến đi này. Những ghi chép của ông đã minh họa rõ nét sự kết hợp giữa hoàn cảnh khó chịu, những mối nguy hiểm, và thói xa xỉ vốn là một đặc điểm của đời sống chính trị vào thời gian đầu chiến tranh. Trong trường hợp của Churchill thì tình hình như vậy đã kéo dài trong suốt năm năm tiếp đó. Spears đã ghi nhận lại bên lề cuộc hành trình: “Chúng tôi run rẩy trong vòng tay của De Havilland như thế món xà lách đang ở trong chảo dưới bàn tay khéo léo của một đầu bếp năng nổ”. Nhưng trong bản ghi chép, ông đã nhấn mạnh lần đến tham dự buổi tiệc trưa ở Laperouse, một nhà hàng kiểu “Jacobean mặt trước” (thuật ngữ kiến trúc của Anh) trên đường Quai Grands-Augustines. Đây là nơi ra đời của bức tranh “Proust’s Swan”. Đây cũng là nơi tướng Georges đã rời bỏ tổng hành dinh đã chiến của mình để chiều theo ý muốn của Churchill (và Spears). Spears viết: “Bữa trưa hôm đó thật tuyệt. Tôi vẫn xem đó là một trong những dịp

đặc biệt hiểm hoi mà mình đã trải nghiệm trong suốt cuộc chiến. Chúng tôi là ba người bạn đang rất hạnh phúc khi được cùng nhau làm việc, ăn thức ăn ngon và uống rượu. Georges là người trầm tĩnh, vui vẻ và tự tin”.

Tuy nhiên, thú vui yến tiệc không ngăn họ thảo luận với nhau một số vấn đề quân sự quan trọng. Trong đó, Churchill đã nhấn mạnh sự nguy hiểm của việc trì hoãn, cả trong mối quan hệ với Lính thủy đánh bộ Hoàng gia và với thể chủ động của Scandinavia. “Nous aliens perdre l’omnibus” (tiếng Pháp có nghĩa là chúng ta sẽ bị mất đi những chiếc xe buýt hai tầng), Spears nhớ lại câu nói của ông. Điều này đã diễn ra một ngày sau khi Chamberlain đưa ra tuyên bố tai hại trong cuộc họp của Liên minh Quốc gia Bảo thủ, rằng Hitler “đã để lỡ chuyến xe buýt”. Cũng vào buổi tiệc trưa ở Paris hôm đó, tướng Ironside - tham mưu trưởng, lại khẳng định trong cuộc họp báo rằng Hitler đã phải “cảm ơn Trời” vì không đến trạm dừng xe buýt đúng giờ. Thật kỳ lạ khi các vị chính khách và tướng lĩnh, những người không có nhiều kinh nghiệm về xe buýt và trạm dừng xe buýt, lại bị ám ảnh quá nhiều về điều này.

Mục đích chính trong chuyến viếng thăm của Churchill hầu như không đạt được. Do không thuyết phục được Pháp duy trì niềm tin vào những quyết định của Hội đồng Tối cao London trong tuần trước đó, Churchill đã quyết định tấn công vào cộng đồng bản xứ. Trong đêm đầu tiên ở đại sứ quán Anh, ông nhận thấy Reynaud đang tỏ thái độ trung thành một cách miễn cưỡng và có nhiều toan tính. Sáng hôm sau, ông đã đến đường St Dominique để thuyết phục Daladier. Khi ra về, ông đã bị Daladier làm cho tin rằng việc hoãn hoạt động sử dụng thủy lôi cho đến ngày 1 tháng 7 sẽ là quyết định khôn khéo hơn. Và khi đó, Pháp hẳn đã chuyển các nhà máy sản xuất máy bay quan trọng đến những khu vực an toàn. (Trong thực tế, Lính thủy đánh bộ Hoàng gia đã ra quân vào đầu tháng 6. Trong khi phá hoại tạm thời hệ thống giao thông trên sông Rhine, họ đã tiến hành một cuộc càn quét quy mô nhỏ giữa những khu vực bị tàn phá ở Pháp). Sự thay đổi đột ngột này đã giúp Chamberlain có cơ hội đưa ra những nhận xét *dĩ dỏm* để chống lại Churchill. Ông nói rằng điều đó nhắc cho ông nhớ lại “câu chuyện của

con vẹt sùng đạo được bán đi để dạy lời hay ý đẹp cho một con vẹt hay chửi thề. Nhưng kết quả thì chính nó lại đi học cách chửi thề của con vẹt kia”.

Một điều thú vị khác trong chuyến viếng thăm Paris lần này đã được Spears ghi lại chính là một số lời khuyên mà ông đã nhận được từ Clementine Churchill về cách đối phó với chồng bà. “Hãy viết những gì mà anh phải nói”, Spears nhớ lại những gì bà khuyên. “Ông ấy thường không nghe mỗi khi đang bận suy nghĩ một điều gì đó khác. Nhưng ông ấy luôn xem các biên bản cẩn thận và cân nhắc mọi ngụ ý trong đó. Ông ấy chưa bao giờ quên những gì mà mình đã nhìn thấy”. Điều này là sự thật. Và mọi người hẳn rất ngạc nhiên khi biết rằng Churchill vốn không thành công trong sự nghiệp học hành trước đây, và đây là một đặc điểm giúp phân biệt ông với các chính trị gia thiếu trí tuệ khác, những người vốn rất giỏi trong việc nghe nhưng lại cực kỳ kém cỏi trong việc nhìn. Ngay trước chuyến viếng thăm Paris lần này, Churchill từng thể hiện sức mạnh cá tính và tạo ra rất nhiều ảnh hưởng tích cực liên quan. Trước hết là với chính quyền cấp cao của Mỹ, sau đó là với giới chức trong Bộ Ngoại giao, nơi mà rất nhiều cái tên đã và đang trở thành ngôi sao trong ngành ngoại giao Anh trong suốt 30 năm kể từ năm 1940. Sumner Welles đã được phái đến để thực hiện chuyến công du vào đầu năm 1940 ở châu Âu trong vai trò sứ giả đặc biệt của Tổng thống. Ông là một người New York tinh tế, giàu có, một nhà ngoại giao đầy kinh nghiệm và hiện đang là thứ trưởng (số hai) trong Bộ Ngoại giao Mỹ, nơi Roosevelt nhận thấy ông là một đối trọng có ích đối với vị bộ trưởng khó tính nhưng quan trọng (Cordell Hull). Welles đã đến thăm Berlin, Roma, London, Paris và một số thành phố ít tên tuổi hơn. Ông được xem là một người hơi thiếu thái độ “trung lập”. Mục đích sâu xa của ông trong chuyến đi này là tìm kiếm cơ hội để lập ra một vòng đàm phán hòa bình.

Vào buổi chiều ngày 12 tháng 3, Welles đã được Churchill đón tiếp nồng nhiệt. Churchill nói với Welles rằng cuộc chiến phải diễn ra một mất một còn, chưa kể đến những điều khác. Bản báo cáo của Welles về cuộc gặp gỡ đã được gửi về cho viên chức Bộ Ngoại giao (Berkeley Gage), người đã ghi lại trong một

biên bản thuộc bộ như sau:

Ngài Welles rất có ấn tượng với ngài Winston Churchill. Ông đang rất mệt mỗi khi gặp ngài Churchill và nghĩ rằng mình sẽ rất khó để giữ tập trung. Tuy nhiên, thực tế thì hoàn toàn ngược lại. Trong suốt buổi phỏng vấn kéo dài gần 3 giờ, mỗi quan tâm của ông đối với những gì mà ngài Churchill nói đã trở nên thú vị và làm xua tan mọi nỗi mệt nhọc. Ngài Welles cho rằng ngài Churchill là một trong những con người tuyệt vời nhất mà ông từng gặp.

Khi quay lại Pháp vào ngày 6 tháng 4, Churchill ngay lập tức lao vào chiến dịch Na Uy bất hạnh (phần nhiều do cách điều hành sai lầm). Những bài tập bố trí thủy lôi ở lối vào cảng Narvik đã diễn ra kéo dài trong ít nhất là bốn tháng. Hoạt động này cuối cùng đã bị hoãn lại từ ngày 5 đến 8 tháng 4 do sự phản đối của Pháp đối với việc sử dụng thủy lôi trên sông Rhine. Vào lúc đó, quân Đức đã ra mặt chống lại Đan Mạch và Na Uy, một hoàn cảnh khiến cho hoạt động này trở nên không còn quan trọng nữa. Copenhagen đã bị bao vây bởi bộ binh mà không gặp phải bất kỳ sự kháng cự nào. Tất cả các cảng biển quan trọng ở Na Uy, từ Oslo cho đến Narvik đều đã bị quân Đức chiếm đóng, bất chấp rất nhiều người đã ủng hộ quan điểm của Anh, đặc biệt là của Churchill, rằng Hải quân Hoàng gia đã giành được quyền kiểm soát hoàn toàn Biển Bắc. Sau này, dù quân Đức đã có một số quyết sách sai lầm nghiêm trọng về mặt chiến lược, nhưng những hoạt động chiến thuật của họ vào mùa xuân năm 1940, cả ở Scandinavia và ở Pháp, đã được tiến hành dựa trên một kế hoạch hoàn hảo. Chính điều đó đã khiến cho phe Đồng minh giống như những đạo quân nghiệp dư đầy vụng về.

Biên bản của Nội các Chiến tranh và của Ủy ban Điều phối quân sự (nơi mà Churchill ngồi ghế chủ tọa) trong suốt vài tuần sau đó viết về chiến dịch Na Uy đã cho thấy một ấn tượng rất xấu với việc thiếu kế hoạch, thiếu mục đích chắc chắn, sự điều phối kém giữa các ban ngành, và việc chuyển hướng liên tục giữa các mục tiêu. Điểm yếu cơ bản trong vị thế của phe Đồng minh là việc Gennans

chỉ huy không lực Na Uy và điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền làm chủ mặt biển của Anh, đặc biệt khi họ đã có sự hợp tác ngay từ đầu. Xét trên phương diện nào đó thì hoàn cảnh này đã chứng tỏ những gì Churchill từng nói bảy năm trước. Những điểm yếu của quân Anh mà ông đã bóc trần thực chất là để ám chỉ lực lượng không quân Luftwaffe. Trong thực tế thì Luftwaffe thỉnh thoảng còn bị chỉ trích vì đã sử dụng những nguồn lực hạn chế của quân đội và thậm chí là của cả lực lượng hải quân. Ông đã nhìn thấy, và cường điệu hóa, mối đe dọa từ bầu trời đối với các thành phố và những chiến trường, dù trên biển hay trên đất liền. Nhưng sự yếu kém của lực lượng không quân, so với sự vượt trội tuyệt đối của hải quân Anh, cũng làm cho Churchill trở thành một vị bộ trưởng Hải quân không hoàn hảo. Nếu một vài tháng sau, khi Chamberlain thất bại, Churchill sẽ tranh cử quyền kế vị và thành công sẽ phụ thuộc khá nhiều vào hành vi của ông trong chiến dịch Na Uy. Cơ hội thành công của ông khó có thể bì được với một số người khác, chẳng hạn như Kingsly Wood. May mắn thay là danh tiếng của Churchill đã được khẳng định thông qua một thời gian dài, giống như chiếc đồng hồ báo thức dự cảm của những năm 1930. Chứ không như một bộ trưởng bình thường, người mà trong chiến dịch không lực thiếu thành công, đã làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn với một cuộc chạy đua vũ trang giữa các nhà chỉ huy chuyên nghiệp.

Ngay cả năng khiếu hùng biện để truyền cảm hứng cho người khác của ông dường như cũng mất đi trong tháng 4 tăm tối đó. Vào ngày 6, chỉ ba ngày sau khi khởi động những hoạt động trong chiến dịch Na Uy, ông đã gửi một bản báo cáo tạm thời đến Hạ viện. Ông nói rằng mình không đủ thời gian để đọc bài diễn thuyết vốn “đã được chuẩn bị khá lâu và rất kỹ lưỡng, cũng giống như cách tôi đã làm với bất kỳ nhận định nào, với những điều mà tôi muốn trình bày với Nghị viện”. Kết quả lại hoàn toàn bất ngờ, bài diễn thuyết đã kéo dài hơn dự kiến (đến 65 phút) dài hơn bất kỳ bài diễn thuyết nào trước đây mà ông từng trình bày trước Hạ viện kể từ khi quay lại chính phủ. Bài diễn thuyết đó dài gần gấp ba lần bản báo cáo cực kỳ thành công của ông vào ngày 26 tháng 9 trước đây. Những

người từng ghi lại nhận xét đã cảm thấy rất bất ngờ trước vẻ mệt mỏi có thể nhận thấy của Churchill. Harold Nicolson đã mô tả chi tiết hơn khi viết: “Ông ấy tự cho phép mình quyền diễn đạt những điều mập mờ cùng những lời chế giễu đáng mệt mỏi. Tôi hiếm khi nhìn thấy ông ấy ở trong tình trạng bất lợi như vậy... Đó là một bài diễn thuyết lơ mờ, rối rắm và mang lại cho Nghị viện một tâm trạng bất an”.

Những người khác (tướng Spears và cố vấn pháp luật Terence O'Connor) tỏ ra độ lượng hơn và nghĩ rằng ông đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn. Colville nhận xét rằng ông “ít bóng bẩy như thường lệ”, nhưng đã “tạo ra một tình huống tốt cho những thành tựu hải quân trong suốt những ngày vừa qua”.

Hạm đội Đức đã bị thiệt hại nghiêm trọng trong chiến dịch Na Uy. Họ đã tổn thất ba chiếc tuần dương hạm và 10 tàu khu trục. Ngoài ra, hai chiếc tuần dương hạm cỡ lớn và một trong hai chiếc tàu chiến bỏ túi còn lại đã tạm thời không thể sử dụng được nữa. Cho đến tận mùa hè năm 1940, hạm đội Đức vẫn còn rất yếu. Đây là một trong những yếu tố phần nào liên quan đến cuộc đào thoát êm thấm của quân Anh ra khỏi Dunkirk, cũng như việc đình chỉ kế hoạch xâm nhập (của Anh) diễn ra ba tháng sau đó. Hải quân Anh cũng chịu tổn thất đáng kể (ba tuần dương hạm, một tàu tuần tra và bảy tàu khu trục bị đánh đắm, cộng với ba tuần dương hạm, hai tàu tuần tra và bảy tàu khu trục khác nữa bị hư hỏng nặng, ngoài ra, hàng không mẫu hạm Glorious cũng đã đắm trên vùng biển Na Uy chỉ một tháng sau khi Churchill trở thành thủ tướng). Tuy nhiên, sự tan rã của quân Anh lại đến từ một núi băng còn lớn hơn nhiều.

Chính thất bại trong hoạt động kết hợp giữa lục quân và hải quân để giành được những mục tiêu quan trọng đã khiến chiến dịch Na Uy trở thành một tai họa quân sự mức độ trung bình và cũng là một chất xúc tác chính trị ở quê nhà. Hầu hết thành viên trong Nội các Chiến tranh tin rằng Trondheim, thủ phủ ở miền trung Na Uy, mới là một mục tiêu quan trọng hơn so với cảng biển Narvik mà Churchill rất quan tâm. Thỉnh thoảng, mọi người còn cho rằng Trondheim lẽ

ra đã bị bao vây bởi những cuộc tấn công trực diện. Tuy nhiên, quan điểm đó đã phần nào bị lung lay khi người ta cho rằng hoạt động này quá nguy hiểm, tốt hơn cả là phải tiến hành những cuộc đổ bộ nhỏ lẻ vốn từng diễn ra thành công vào giữa tháng 4 ở Namsosto, phía Bắc Trondheim và Andaisnes ở phía Nam. Điều này cho thấy kế hoạch tiến quân gọng kìm đã hoàn toàn thất bại. Quân Anh đã phải rút khỏi hai cảng cá này vào ngày 2 tháng 5, chỉ hai tuần sau khi đổ bộ. Cảng Narvik đã không bị chiếm giữ cho đến tận ngày 28 tháng 5 và sau đó buộc phải di tản vào ngày 8 tháng 6.

Bức tranh âm đạm của thất bại và Hành động rút lui đã được trưng ra trước Hạ viện cùng toàn thể nước Anh trong tuần lễ đầu tiên của tháng 5. Ngoài ra, việc công khai bản báo cáo đầy mập mờ và những nhược điểm chính là mối đe dọa đối với một cuộc tấn công dữ dội của Đức nhằm vào các quốc gia Tây Bắc Âu và Pháp. Churchill đã dự đoán điều này. Biên bản ghi nhớ và những lời phát biểu của ông trước Nội các Chiến tranh có rất nhiều lời cảnh báo về nguy cơ sắp xảy ra của một cuộc tấn công như vậy. Churchill vẫn còn một thuận lợi khác, đó là việc danh tiếng trong cộng đồng chưa bị suy giảm. Khi lực lượng hải quân chịu tổn thất và bị đẩy lùi thì bộ trưởng vẫn không bị quy trách nhiệm với quan điểm chung. Ông vẫn giữ được hình ảnh của một kẻ gan lì, người đầu tiên đã dám lên tiếng và dàn xếp mọi việc. Tuy nhiên, ông không hề có vẻ là ứng cử viên số một cho cương vị thủ tướng một khi Chamberlain ra đi. Theo một kết quả thăm dò cộng đồng được công bố vào ngày 8 tháng 4 (ngay trước thất bại ở Na Uy), đối với câu hỏi nếu Chamberlain “về hưu”, mọi người thích ai lên kế vị nhất, đã nhận được câu trả lời với mức độ phần trăm như sau: 28% cho Eden, 25% cho Churchill, 7% cho Halifax, 6% cho Attlee và 5% cho Lloyd George.

Trong nội bộ chính phủ Anh, điểm số dành cho Churchill có lẽ còn thấp hơn nhiều. Vào ngày 16 tháng 4, Edward Bridges, thư ký của Nội các, đã ghi lại tầm quan trọng của việc đích thân thủ tướng (Chamberlain), không phải là bộ trưởng Hải quân (Churchill) nên đứng ra chỉ huy cuộc họp ngày hôm sau ở Ủy ban Điều phối quân sự. Quan điểm này được nêu ra bởi tướng Ismay, người không bao lâu

sau đã trở thành một trong những chỗ dựa vững chắc nhất của Churchill và cũng là người trung gian trong mối quan hệ của ông với các tham mưu trưởng. Ismay cho rằng nếu Churchill chỉ huy cuộc họp (với chủ đề là cuộc tấn công vào Trondheim) sẽ dễ dẫn đến những hoàn cảnh bất lợi và sự từ chức hàng loạt, cả từ các tham mưu trưởng lẫn các bộ trưởng ở những bộ ngành khác. Cùng đồng tình với quan điểm này là cựu thư ký riêng của Churchill trong Bộ Tài chính, James Grigg. Grigg vừa mới trở về từ Ấn Độ để đảm nhiệm vai trò thư ký thường trực của Văn phòng Chiến tranh. Colville đã ghi lại lời phát biểu của ông vào ngày 12 tháng 4 rằng: “Chúng ta phải yêu cầu thủ tướng tham gia vào việc này trước khi Winston và Tiny [Ironsides, trưởng Ban tham mưu Hoàng gia] làm hỏng toàn bộ cuộc chiến”. Thật bất ngờ khi chỉ một tháng trước thất bại của ông và Churchill lên thay, quyền lực của Chamberlain lại là nỗi khao khát của một nhóm những viên chức cao cấp đáng kính. Đây là những người về sau trở thành người ủng hộ Churchill, dù không phải tất cả đều có đầu óc hay phê bình người khác.

Cuộc tranh luận ở Hạ viện về “vấn đề Na Uy” diễn ra vào Thứ tư ngày 7 tháng 5 và Thứ năm ngày 8 tháng 5, năm 1940, là một cuộc tranh luận vừa gây xúc động vừa có tầm ảnh hưởng bao quát. Những hệ quả mà cuộc tranh luận lần này để lại có thể được xem là lớn nhất trong tất cả những cuộc tranh luận nghị trường của thế kỷ 20. Đó là một cuộc họp mà gần như nghị sĩ nào khát khao chiếc ghế cao nhất đều tham dự (ngoại lệ duy nhất là Aneurin Bevan). Trong cuộc tranh luận Don Pacific của thế kỷ 19 giữa những đối thủ diễn ra từ ngày 8 đến 11 tháng 7 năm 1850, chỉ có thể so sánh được với cuộc tranh luận lần này về mức độ khác biệt của các bài diễn thuyết và hình ảnh khó quên của những nhà hùng biện. Tuy nhiên, cuộc tranh luận thời đó đã bị xem như thất bại khi chẳng có gì diễn ra theo sau.

Cuộc tranh luận vào năm 1940 còn dẫn đến nhiều hệ quả khác, và đây cũng chính là nguyên nhân làm thay đổi lịch sử của năm năm tiếp theo. Đó là một bản kiến nghị vô thường vô phạt để tạm hoãn cuộc họp của Nghị viện. Phe đối lập của Công Đảng ban đầu tỏ ý nghi ngờ về việc tổ chức một cuộc bỏ phiếu, nhưng

sau đó thì họ đã bị cuộc tranh luận thuyết phục rằng đây chính là một hành động đúng đắn. Quyết định này là một trong hai đóng góp chính của Công Đảng để bảo đảm sự thay đổi trên chiếc ghế thủ tướng. Cả hai yếu tố này đều không cho thấy Churchill chắc chắn sẽ là người kế nhiệm. Nhưng nếu thiếu chúng thì Chamberlain rõ ràng sẽ vẫn tại vị, chắc chắn là đến ngày 10 tháng 5, và có lẽ sẽ chẳng có gì để người kế nhiệm phải làm ngoại trừ yêu cầu hòa bình một cách nhục nhĩ như những gì đã áp đặt cho Pháp.

Vào ngày đầu tiên (Thứ ba ngày 7 tháng 5) của cuộc tranh luận, Chamberlain đã mở màn bằng một bài diễn thuyết mang tính phòng ngự đầy mệt mỏi và không gây ấn tượng cho ai. Điểm nhấn duy nhất của ông là tuyên bố cho rằng Churchill sẽ được trao quyền “trên danh nghĩa của Ủy ban Điều phối quân sự để chỉ đạo Hội đồng Tham mưu trưởng, những người sẽ chuẩn bị mọi kế hoạch để thực hiện những mục tiêu mà ông ta trao cho họ”. Ngay cả sự chuyển giao quyền lực trong việc chủ trì cuộc chiến cũng không được đón nhận một cách nồng nhiệt. Attlee, người theo sau với một bài diễn văn nhẹ nhàng, sắc sảo, không thích điều này. Ông cho rằng đó là một thỏa thuận không hợp lý, bất công đối với Churchill, chỉ trao cho ông ta một nửa quyền hành trong khi đòi hỏi ông ta phải tiếp tục kiểm soát chặt chẽ một trong ba bộ ngành. “Điều này giống như yêu cầu một người phải chỉ huy một đạo quân trên chiến trường và chỉ huy thêm cả một sư đoàn”. Lời nhận xét thể hiện một thái độ nghiêng về Churchill, đã xuất hiện trong một số bài diễn thuyết khác trong suốt cuộc tranh luận. Những người đã đứng lên diễn thuyết không cho rằng việc Churchill được trao nhiều trách nhiệm hơn sẽ giúp việc chủ trì cuộc chiến được diễn ra tốt đẹp. Thay vào đó, họ cho rằng kết quả này là do sự vận dụng sai lầm tài năng của ông, không phải do sự yếu kém cá nhân hay thiếu năng lực. Xét bề ngoài thì Churchill cũng dễ tổn thương như Chamberlain, nhưng bên trong thì ông còn có một sức mạnh tiềm tàng vẫn chưa sử dụng đến.

Attlee rút ra một kết luận chua chát: “Đó không chỉ là vấn đề Na Uy. Na Uy chỉ được xem là đỉnh điểm của rất nhiều vấn đề khác nữa. Mọi người nói rằng

những người phải chịu trách nhiệm chính cho hậu quả [ông có ý nói đến Chamberlain, Simon và Hoare, không phải Churchill] là những người đã có một sự nghiệp liên tục thất bại. Na Uy là một thất bại diễn ra sau Tiệp Khắc và Ba Lan. Ở nơi đâu thì câu chuyện cũng giống nhau với hai từ quá trễ”. Người phát biểu tiếp theo là Archibald Sinclair, lãnh đạo Đảng Tự do, người không nổi tiếng vì tài diễn thuyết mà vì những hoạt động chống đối Chamberlain. Kế đó là câu chuyện khoác lác của đô đốc chỉ huy hạm đội, Roger Keyes, người vừa là bạn của Churchill và cũng là một người ủng hộ cho trường phái “quyết chiến” trong chiến lược hải quân kể từ thời Dardanelles. Trên thực tế thì ông không thực sự ủng hộ Churchill vào thời gian đó, bởi lẽ ông đang cảm thấy thất vọng với lực lượng hải quân. Ông nghĩ rằng nếu với sự chỉ huy của mình thì lực lượng này đã không được phép tấn công và bao vây các cảng biển quan trọng của Na Uy trước khi quân Đức có thể củng cố phòng tuyến ở đó. Tuy nhiên, ông biết mình nên nhắm mũi súng vào ai. Ông đã nhắm vào Chamberlain, không phải là Churchill: “Tôi rất ngưỡng mộ và đánh giá cao người bạn danh giá của mình, bộ trưởng Hải quân. Tôi hy vọng sẽ nhìn thấy mọi người vận dụng đúng năng lực của anh ấy”. Để tăng trọng lượng cho lời nói, Keyes đã chọn một bộ đồng phục rực rỡ của đô đốc hải quân, với những dải viền bằng vàng trên ống tay áo và sáu hàng huân chương trên ngực áo. Theo ông thì điều này giúp “thể hiện địa vị” và được thiết kế để hình tượng hóa cho nhu cầu “được phát biểu thay cho các sĩ quan và binh lính đang chiến đấu, những người đang rất hạnh phúc trong lực lượng hải quân”. Ông kết thúc bằng cách hát lên một giai điệu rất rõ ràng nhưng lại đầy ngụ ý trong lịch sử hải quân: “Cách đây một trăm bốn mươi năm, Nelson đã nói: Tôi cho rằng nơi nguy hiểm nhất chính là nơi an toàn nhất. Và điều này vẫn đúng cho đến tận ngày hôm nay”.

Tiếp theo là L. S. Amery, dù các bài diễn thuyết của ông thường được xem là quá dài, đã trình bày về một loại tên lửa có mức độ phá hoại cao. Tám tháng sau, chính sự hung hăng của ông đã dẫn đến lời kêu gọi “Hãy nói vì nước Anh, Arthur” từ Nghị viện cho đến Greenwood, trong thời gian giữa cuộc xâm lược

của Hitler vào Ba Lan và lời tuyên chiến của Anh, khi Chamberlain còn tỏ thái độ ngạp ngừng. Tuy nhiên, thủ tướng lại nghĩ rằng Amery đứng về phía mình, do khu vực bầu cử Birmingham, thậm chí cả Amery khi còn là thanh niên từng là một trong những người ủng hộ hết mình cho chiến dịch Ưu đãi Hoàng gia của Joseph Chamberlain.

Lloyd George nói với Amery rằng đó là bầu không khí xúc động nhất của một bài diễn văn mà ông từng nghe. Ngày đầu tiên đã khép lại với bài diễn thuyết bế mạc của Arthur Greenwood và lời hồi đáp không hiệu quả từ vị bộ trưởng Chiến tranh lịch thiệp nhưng không quan trọng, Oliver Stanley.

Herbert Morrison đã mở màn cho phe đối lập vào ngày Thứ hai (thứ Tư ngày 8 tháng 5). Bài diễn thuyết của ông khá luộm thuộm, nhưng lại có phần tin tức trọng tâm đáng chú ý. Đó là việc Công Đảng thông qua quyết định chia cắt thay đổi bản kiến nghị hoãn họp thông thường thành một cuộc bỏ phiếu phê bình có quy mô tương đương. Thông tin này buộc Thủ tướng phải đứng lên và phát biểu vài câu khiến ông tự đào sâu thêm ngôi mộ chính trị của mình: “Tôi không muốn loại bỏ chủ nghĩa phê bình. Nhưng tôi muốn nói với các bạn của tôi trong Nghị viện là tôi chấp nhận thách thức. Tôi thực sự đón nhận điều này. Ít ra thì chúng ta cũng sẽ biết được ai là người cùng phe và ai là kẻ chống đối. Tôi yêu cầu các bạn hãy ủng hộ chúng tôi trong hành lang Nghị viện tối nay”. Việc nhấn mạnh từ “bạn” ở đây được xem là tư tưởng bè phái hẹp hòi và gây chia rẽ sâu sắc, đặc biệt là khi đất nước đang cần đến tinh thần đoàn kết, không phải là chủ nghĩa bè phái.

Lloyd George, người đứng lên ngay sau khi Samuel Hoare trong vai trò bộ trưởng Không quân đưa ra câu trả lời chán ngắt dành cho Morrison (bài diễn thuyết của ông trong bất kỳ sự kiện nào cũng bị vùi dập bởi màn kịch can thiệp trong một phút của thủ tướng). Ông tận dụng ngay lời kêu gọi bạn bè đó để trả lại hơn 20 năm thù hận cho người mà ông từng mô tả là vươn đến đỉnh cao khi trở thành thị trưởng của thành phố Birmingham trong những năm tháng khó khăn. “Đây không phải câu hỏi về việc ai là bạn của thủ tướng”, Lloyd George

nói.

“Đây là một vấn đề quan trọng hơn nhiều. Thủ tướng cần nhớ rằng ông ấy đã đối mặt với những kẻ thù nguy hiểm của chúng ta trong cả thời chiến và thời bình. Ông ấy luôn là phe bị đánh bại. Ông ấy không ở trong tình thế thích hợp để có thể kêu gọi sự ủng hộ dựa trên tình bạn. Ông ấy cần phải viện đến đức hy sinh. Quốc gia này đã sẵn sàng hy sinh nếu được lãnh đạo đúng đắn... Tôi chính thức đề nghị thủ tướng hãy nêu cao tấm gương hy sinh lần này. Sẽ chẳng điều gì giúp ích cho chiến thắng ngoại trừ việc thủ tướng từ bỏ chiếc ghế của mình.”

Những lời lẽ này mang đầy vẻ khinh bỉ và làm gợi lại phẩm hạnh của Lloyd George. Đó là bài diễn thuyết hùng hồn nhất của ông trước Hạ viện trong suốt một thời gian dài. Dù vẫn còn là thành viên chính phủ thêm năm năm nữa nhưng bài diễn thuyết này vẫn được xem là có ảnh hưởng sâu rộng nhất của ông. Ngoài ra, đây còn là một phép ẩn dụ tuyệt vời được ông nhắm đến Churchill. Việc làm đó hoàn toàn tự phát, bởi lẽ bài diễn thuyết có mục đích đáp lại lời phát biểu can thiệp của Churchill. Lloyd George đang tìm cách giúp Churchill không bị quy trách nhiệm trong vấn đề Na Uy. Churchill đã đứng lên và nói: “Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn trước tất cả những gì mà Bộ Hải quân đã gây ra. Tất cả điều này đều là lỗi của tôi”. Lloyd George đã trả lời: “Quý ngài đây không được phép biến mình thành hăm trú ẩn trước các cuộc không kích và che chắn cho đồng nghiệp khỏi những mảnh vỡ bắn ra”.

A.V. Alexander đã kết thúc cuộc tranh luận của Công Đảng lúc 9g30 tối. Alexander là một sản phẩm của Phong trào Hợp tác, người đã ngồi trong Nghị viện ở khu vực bầu cử cho Sheffield. Từ năm 1929, khi ông trở thành bộ trưởng dưới quyền MacDonald, Alexander đã hoàn toàn chú tâm vào những vấn đề liên quan đến Bộ Hải quân. Ông là một người yêu nước chân chất với những quan điểm thiên cận. Dù có năm để truyền giáo hay trở thành một người bài rượu thì ông vẫn tự mình tìm cách trở thành một “Tiểu Churchill”. Khi tái đắc cử làm bộ trưởng trong chính phủ liên minh của Churchill, ông rất thích xuất hiện trong bộ áo vét bó sát và mũ lưỡi trai kiểu thủy thủ của một người Anh trong Cục Đường

thủ. Tuy nhiên, không giống như Churchill, ông hầu như luôn làm theo tất cả những gì mà các đô đốc bảo, ngoại trừ khi Churchill nói điều gì đó khác, và để rồi phải chịu đựng một quãng thời gian không mấy dễ chịu.

Alexander từng giúp Churchill có được bước chuyển tiếp sang Nghị viện một cách dễ dàng trong tám tháng trước. Xét trên một phương diện nào đó, bài diễn thuyết của ông vào ngày 8 tháng 5 là một ngoại lệ. Ông đã đặt ra những câu hỏi rất thẳng thắn và đi sâu vào trọng tâm. Tuy nhiên, cũng giống như những người khác, ông đã làm vậy với lòng tôn trọng và sự hối tiếc dành cho Churchill, không phải cho những người đồng nghiệp mà ông không thích, những người đã phải chịu sự công kích của bài diễn thuyết trong đoạn trích tồ tộ sau:

Tôi cần phải công khai lặp lại những gì mà tôi đã nói trước đây. Đó là tôi rất tôn trọng khả năng, lòng quyết tâm và tinh thần chiến đấu của bộ trưởng Hải quân. Nhưng đêm nay, sau hai ngày tranh luận, với tư cách là thành viên của Nội các Chiến tranh, ông ấy phải trả lời những gì mà thủ tướng đã chỉ thị rất rõ cho chúng ta ngày hôm qua. Đó là những quyết định liên quan đến chiến dịch này. Do đó, trong đêm nay thì Nội các Chiến tranh, kể cả ngài bộ trưởng, phải có câu trả lời trước những lời chỉ trích đang xuất hiện trong Nghị viện. Nếu bộ trưởng cho phép tôi được nói, thì ba người đồng nghiệp của ngài [Chamberlain, Stanley và Hoare], những người đã kiểm soát Nghị viện trong hai ngày qua, đã giao cho ngài một nhiệm vụ khá nặng nề trong giai đoạn cuối.

Churchill đã đứng lên lúc 10g11 tối và phát biểu trong vòng 49 phút. Nhìn chung thì bài diễn thuyết của ông lần này đã khá thành công. Channon, với tư cách là người thân cận Chamberlain, đã viết: “Ông ấy [Churchill] đã có một bài diễn thuyết hùng hồn, sôi nổi, một siêu phẩm của nghệ thuật hùng biện”. Nicolson, vốn thuộc phe đối lập, đã ghi lại như sau:

[Winston] đã nhận một nhiệm vụ bất khả thi. Một mặt, ông phải bảo

vệ cho quân đội, mặt khác, ông phải trung thành với thủ tướng. Mọi người nghĩ rằng sau cuộc tranh luận này, ông sẽ không thể hoàn thành được nhiệm vụ mà không làm ảnh hưởng đến uy tín của mình. Tuy nhiên, ông đã thể hiện một nhân cách phi thường khi vừa tỏ ra trung thành tuyệt đối, vừa có thái độ thành thật. Ngoài ra, với sự thông minh của mình, ông còn chứng tỏ cho mọi người thấy rằng mình chẳng có gì phải bận tâm trước nhóm người nhút nhát và bối rối này cả.

Bài diễn thuyết của Churchill đã thu hút được sự chú ý cần thiết ít nhất là trong 40 phút đầu. Sáu mươi năm sau, khi đọc lại bài diễn thuyết đó, người ta nhận thấy nó mang tính vẽ vời nhiều hơn là sự sắc sảo. Trong đó chẳng có lập luận nào tinh tế và cũng chẳng có những lý lẽ mang tính thuyết phục cao. Ông đã đối phó một cách khôn khéo với sự việc dẫn đến “những người bạn” bất hạnh của Chamberlain. “Ông ấy nghĩ rằng mình có vài người bạn, và tôi hy vọng rằng sự thật sẽ đúng như thế. Ông ấy chắc chắn sẽ có rất nhiều bạn tốt khi mọi việc đang diễn ra suôn sẻ”. Do đó, Churchill đã phủ nhận vai trò như một người bạn xấu tính mà mọi người đều lảng tránh, cũng như khôn khéo nhắc nhở thính giả rằng ông không phải là người ủng hộ Chamberlain khi những tai họa trước cuộc chiến diễn ra.

Về sau, khi sự bất đồng lên đến đỉnh điểm, Hạ viện đã phải chứng kiến một trong những cảnh tượng hỗn loạn nhất từ trước đến nay. Đó là hoàn cảnh khiến cho Hạ viện phải đi đến những quyết định quan trọng nhất của mình. Tình huống này bắt đầu diễn ra với các thành viên say sưa của Công Đảng Scotland, nhưng lại nhanh chóng được ủng hộ bởi những phản ứng từ một nhóm say sưa khác từ phía bên kia. Ngay cả Hugh Dalton, người ủng hộ mù quáng sở thích gây âm ỉ của Lord Randolph Churchill, cũng đã rất bất ngờ, và viết lại rằng: “Một cuộc nổi loạn thú vị, đôi khi hơi ngu ngốc, đã xảy ra sau bài diễn thuyết của Winston”.

Một cuộc tranh luận sôi nổi thường dẫn đến một quyết định quan trọng. Chỉ có 486 trên tổng số 615 thành viên Nghị viện bỏ phiếu bầu. Con số những người

thận trọng không bỏ phiếu thuộc Đảng Bảo thủ được ước tính vào khoảng 60 người. Ngoài ra còn có 41 người, vốn trước đây là phe ủng hộ chính phủ, đã bước vào hành lang bỏ phiếu của Công Đảng. Kết quả là đa số 213 phiếu bầu trên danh nghĩa của Đảng Bảo thủ đã thất bại trước 81 phiếu. Trong hầu hết các trường hợp thì đây là một tỉ lệ hoàn toàn có thể an tâm. Rất nhiều chính phủ đã tiếp tục tồn tại với tỉ lệ chỉ bằng nửa như vậy. Nhưng trong hoàn cảnh của thời điểm đó, với việc nước Anh sắp sửa thua trận, còn thủ tướng thì bị công kích từ mọi phía trong suốt cuộc tranh luận, cùng một khát vọng sâu xa về việc đoàn kết toàn dân và một nhà lãnh đạo năng nổ hơn, chính phủ ấy lại đang dần sụp đổ. Chamberlain rời khỏi Nghị viện trong một bộ dạng mệt mỏi và giận dữ. Sau đó, ông đã gọi Churchill đến phòng để nói rằng ông cảm thấy mình không thể tiếp tục được nữa.

30 giờ sau cuộc bỏ phiếu, Hitler đã tiến hành một cuộc tấn công toàn diện vào phương Tây, gọi là “Cuộc chiến ngụy tạo” (Hitler tự tạo ra lý do giả để gây chiến). Đây là điều mà chiến dịch Na Uy chưa thể có được, xét trên một phương diện nào đó. Ngày can thiệp, vào Thứ năm 9 tháng 5, là một trong những sự kiện “va-et-vient” của chính trị, dù các bộ trưởng đã tìm cách tổ chức một cuộc họp gần trưa kéo dài một tiếng mười lăm phút ở Nội các Chiến tranh. Trong những ngày sôi động đó, theo ghi chép từ lời kể của một số chính trị gia, đã có rất nhiều sắc thái khác nhau xuất hiện, dù cho hệ quả chung của những sự kiện này hầu như đã rất rõ ràng. Điều này đã diễn ra bất chấp sự thật rằng chính bản thân Churchill là nhân tố chính gây nên sự lẩn lộn. Sáu năm sau, khi viết tập một bộ hồi ký về Thế chiến II, ông đã kể lại một cuộc gặp mặt đầy xúc động giữa ông, Chamberlain và Halifax vào 11 giờ sáng Thứ sáu ngày 10 tháng 5, ngay sau khi cuộc tấn công của quân Đức diễn ra. Ông kể rằng Chamberlain, khi đã nhận ra mình không thể tiếp tục giữ cương vị thủ tướng, đã tìm cách để vận động cho Halifax trở thành người kế vị của mình. Churchill nhớ lại: “Tôi vẫn giữ im lặng trong một quãng thời gian dài sau đó. Chắc chắn quãng thời gian này dài hơn hai phút mà mọi người vẫn thường chứng kiến trong buổi lễ kỷ niệm ngày kết thúc

Thế chiến I. Đó chính là quãng thời gian mà Halifax đã phát biểu”. Bộ Ngoại giao nói rằng ông ta không đủ phẩm hạnh của một thượng nghị sĩ nên đề xuất người kế vị là Churchill.

Xét trên phương diện nào đó thì cuộc gặp mặt này là có thật, nhưng thời gian và những người tham dự lại thiếu chính xác. Cuộc họp quan trọng đã diễn ra không phải vào sáng Thứ sáu mà là vào chiều Thứ năm. Margesson cũng có mặt ở cuộc họp. Ngoài ra, việc Churchill giữ im lặng quá lâu và việc Halifax tự loại trừ mình hầu như không liên quan gì với nhau. Ông từng làm vậy trong cuộc họp song phương lúc 10g15 cùng với Chamberlain vào sáng Thứ năm. Ở đó, ông đã nhấn mạnh bất lợi lớn mà một thượng nghị sĩ như ông phải gánh chịu trong vai trò thủ tướng. Đây cũng là lần đầu tiên ông sử dụng cụm từ “tôi bị đau bụng” đầy ẩn ý. Ông đã duy trì vị thế này trong cuộc họp bốn bên lúc 4g30. Là thủ tướng trong số các nghị sĩ Anh, ông nhanh chóng trở thành “mặt mũi” ở vị trí mà Lloyd George từng tìm cách truất phế Asquith vào năm 1916. “Tôi nghĩ rằng Winston là một lựa chọn sáng suốt hơn. Winston không phải là loại người hay do dự. Ông rất tốt bụng, lịch thiệp và chứng tỏ được rằng đây là giải pháp tốt nhất. Thủ lĩnh nhóm nghị sĩ và nhiều người khác cho rằng cảm giác đứng trong Nghị viện đã làm thay đổi ông”. Vì một lý do nào đó mà bức điện tín này đã được phó bí thư thường trực Bộ Ngoại giao, Cadogan, ghi lại. Đây là người đã nhìn thấy Halifax ngay khi ông vừa quay lại từ số 10 Phố Downing. Điều đó tạo nên lòng tin nhờ vào lời nhận xét của Cadogan. “Tôi nói rằng về mặt cá nhân thì tôi ủng hộ điều này [quyết định này], bởi vì điều đó giúp H. ở lại với chúng ta. Nhưng tôi không chắc lắm về W.S. Churchill”.

Ngày hôm sau, Rab Butler, thứ trưởng thường trực thuộc bộ của Halifax và là người rất nghi ngờ Churchill, đã tìm cách giữ cấp trên của mình ở lại trong nỗ lực cuối cùng để thuyết phục ông ta thay đổi ý định. Butler nghe nói rằng Halifax đã đến gặp nha sĩ riêng. Vị nha sĩ cho rằng cơn đau răng của ông không liên quan gì đến cơn đau bụng. Không nghi ngờ gì nữa, Halifax đã quyết tâm không trở thành thủ tướng trong hoàn cảnh đó. Nếu có ý định tranh cử chức thủ

tướng thì ông đã đến cuộc hẹn. Ông là một ứng cử viên chính thức đầy triển vọng. Vị trí trong Công Đảng cũng không chắc chắn. Đây chính là điểm then chốt, vì Chamberlain nhận thấy mọi người sẽ không theo ông, và điều đó càng thúc giục ông nhanh chóng rời đi để bỏ trống chiếc ghế thủ tướng. Dalton ủng hộ Halifax và nói rằng Attlee cũng như vậy, dù thông tin này không đáng tin cậy cho lắm. Morrison cũng nghiêng về hướng đó. Nhưng như Robert Blake đã chỉ ra, họ “không còn lựa chọn nào khác ngoài quyền phủ quyết”. Họ không muốn bỏ phiếu phủ quyết cho Halifax, nhưng họ cũng không có ý định làm vậy với Churchill.

Điều đáng nghi ngờ hơn ở đây là sự xả thân trong động cơ của Halifax. Ông không được gọi là “Holy Fox” (Con cáo thiêng) một cách khời khời. Ông tin rằng sẽ khôn khéo hơn nếu không quá nhiệt tình hay tập trung vào các vấn đề quân sự như Churchill. Ông cho rằng mình sẽ kiểm soát tốt hơn con người mạnh mẽ này (người mà cùng với một số mối quan hệ đặc biệt, như với Beaverbrook và Bracken, thường được mọi người biết đến với biệt danh “những kẻ côn đồ”) từ một vị trí quyền lực trong Nội các. Ông nghĩ rằng mình còn thể hiện được chân phẩm giá khi từ chối chức vị thủ tướng thay vì bon chen để kiểm soát những gì lẽ ra trên danh nghĩa (nhưng không chỉ trên danh nghĩa) là một chính phủ của Halifax. Hơn nữa, chính phủ Churchill sẽ thất bại khá nhanh chóng. Có rất nhiều người nghĩ rằng đây chỉ mới là điểm khởi đầu. Trong trường hợp đó, ông (Halifax) có thể tiến lên từ một vị trí quyền lực hơn, không bị đe dọa bởi một cuộc bạo loạn quy mô, và chọn đúng quân cờ, dù chúng chỉ là những mảnh vỡ từ một nước Anh độc lập cũng như từ sức mạnh chính trị. Cả hai giả thuyết này đều là phỏng đoán, dù một vài ngụ ý trong bức thư riêng của Halifax đã cho thấy chúng có phần nào thực tế. Cả hai đều đã cho thấy đó là những phỏng đoán sai lầm. Trong suốt thời gian còn lại của năm 1940, cho đến khi được phái làm đại sứ ở Washington, tầm ảnh hưởng của Halifax trong bộ máy hành chính đã dần biến mất thay vì tăng lên. Chính phủ của Churchill, vốn từng được cho là “bẩn thỉu, tàn ác và ngăn ngừi”, đã kéo dài hơn năm năm và trở thành chính phủ

nổi tiếng nhất trong thế kỷ 20, hay có lẽ là trong suốt chiều dài lịch sử Nội các Anh. Để có được điều này thì mọi người đã mắc nợ rất nhiều Halifax, người lẽ ra đã trở thành thủ tướng vào ngày 9 tháng 5, khi ông khéo léo khước từ cơ hội đó.

Quan điểm cho rằng Công Đảng giúp Churchill trở thành thủ tướng do đó chỉ là một câu chuyện hoang đường. Tuy nhiên, đó là một quân cờ quan trọng trên bàn cờ. Lúc 6g15 tối Thứ năm, sau cuộc họp quan trọng giữa bốn bên, Attlee và Greenwood đã đến gặp Chamberlain. Trong khi đó, Halifax và Churchill được mời ra vườn để uống trà (trà chưa bao giờ là thức uống ưa thích của Churchill dù vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày). Môi trường ngoài trời đó tiêu biểu cho một hình mẫu trái ngược của mùa xuân đến muộn và mùa hè của nước Anh. Viễn cảnh càng kinh khủng chừng nào thì thời tiết lại càng rực rỡ chừng đó. Đó là những minh chứng thường xuyên để thể hiện sự tương phản khắc nghiệt giữa vẻ đẹp của phong cảnh và sự ảm đạm của những mối đe dọa.

Khi buổi tiệc trà ngoài vườn đang diễn ra thì Chamberlain nhìn thấy Lord Camrose, chủ sở hữu tờ *Daily Telegraph*. Những ghi chú của Camrose về cuộc họp là rất chính xác, bởi lẽ đây vốn là thói quen của ông:

Ông ấy [Chamberlain] đã suy nghĩ rất nhiều về câu hỏi liệu ai là người ông nên yêu cầu nhà vua phái đến, và đã thảo luận vấn đề này cùng Halifax và Winston. Ông nghe thông tin cho rằng bầu không khí trong Công Đảng đang nghiêng về Halifax. Nhưng dù bất kỳ trường hợp nào, Halifax cũng đã nói rằng ông không thích được phái đến bởi lẽ cảm thấy vị trí này quá khó khăn và phiền hà nếu đảm nhiệm. Do đó, ông ấy (Neville) đã khuyên nhà vua phái Winston.

Nếu các lãnh đạo Công Đảng cư xử theo cách mà mọi người kỳ vọng thì vấn đề này sẽ được dàn xếp ổn thỏa vào chiều Thứ năm (ngày 9 tháng 5). Nhìn chung thì họ cũng đã cư xử như vậy. Churchill đã kể lại tình huống mà Attlee và Greenwood ngồi phía bên kia trong Nội các, còn Chamberlain, Halifax và ông ngồi ở bên này. Một nhận xét của Halifax về sau đã cho thấy rõ toàn bộ câu

chuyện:

Thủ tướng áp đặt vai trò cho họ [với hy vọng họ sẽ tham gia vào đảng liên minh của khối đại đoàn kết quốc gia] và họ đã cho thấy một thái độ lảng tránh. Nhưng cuối cùng, họ nói rằng không đủ khả năng thuyết phục đảng của mình chấp thuận phụng sự cho thủ tướng. Họ đồng ý rằng sẽ bàn bạc với ban chấp hành vào ngày mai về hai vấn đề, hy vọng Công Đảng đồng ý nguyên tắc (a) của Neville, (b) của một ai đó khác. Họ sẽ gọi điện vào chiều ngày mai để trả lời “Có” hoặc “Không” trước cả hai vấn đề.

Công Đảng chuẩn bị tổ chức hội nghị thường niên ở Bournemouth. Cuộc gặp mặt toàn diện sẽ diễn ra vào Thứ hai đến. Nhưng Ủy ban Điều hành Quốc gia, trong thời gian này vẫn còn là một cơ quan đầy quyền lực, đã hội họp từ sớm để tiến hành một số cuộc gặp mặt tiền hội nghị. Công Đảng, một tổ chức có chức năng duy trì các điều luật hoạt động, không cho phép các thói quen của họ bị thay đổi bởi những vấn đề như thất bại ở Na Uy hay sự khởi đầu của chiến dịch “Blitzkrieg” vốn cách xa hơn 100 dặm ở bên kia Eo biển Manche. Attlee và phe của ông đã đón chuyến tàu trưa lúc 11g34 từ ga Waterloo đến Bournemouth, với mục đích họp mặt trong căn phòng ở tầng hầm của khách sạn Tollard Royal. Theo Dalton, dù một số thành viên thể hiện trạng thái phấn khích thái quá nhưng một quyết định đồng lòng đã được thông qua rất nhanh chóng. Attlee gọi điện cho người đưa tin của ông đến phố Downing lúc 6 giờ chiều. Công Đảng sẽ phục vụ trong một chính phủ liên minh, nhưng không phải dưới quyền Chamberlain. Họ sẽ chấp nhận một thủ tướng Đảng Bảo thủ khác, nhưng họ không cho thấy sự thiên vị nào giữa Halifax và Churchill, những ứng cử viên tiềm năng nhất. Ngay khi nhận được thông điệp, Chamberlain đã đến điện Buckingham để đệ trình đơn từ chức và khuyên nhà vua tiến cử Churchill, người đã trở thành thủ tướng vào 6 giờ tối Thứ sáu ngày 10 tháng 5. Trong khi đó, Attlee vẫn đang trên đường quay lại London, nơi mà ông (và Greenwood) đã đến thăm Churchill ở Bộ Hải quân

vào đêm hôm đó để thảo luận về mô hình chính phủ mới.

Trong hai ngày của quá trình điều chỉnh chính trị quan trọng, không giống như Halifax, Churchill đã thể hiện một thái độ rất rõ đối với việc trở thành thủ tướng. Vào sáng Thứ năm, ngay sau khi có kết quả từ cuộc tranh luận và cuộc phỏng vấn đêm hôm trước với Chamberlain, ông đã gọi điện cho Eden và yêu cầu ăn trưa với mình vào cùng ngày. Khi Eden đến nơi, ông đã rất ngạc nhiên khi nhìn thấy một nhân vật thứ ba là Kingsley Wood, về sau trở thành bộ trưởng không bộ cao cấp. Cho đến lúc ấy thì Wood vẫn là một người trung thành với Chamberlain. Tuy nhiên, Wood đã quyết định rằng, theo quan điểm riêng của Chamberlain và của những người khác, đây là lúc Chamberlain phải ra đi. Và ông đã rất tin tưởng, ngay cả trước khi Halifax mắc phải “bệnh đau bụng”, rằng Churchill mới là người kế vị tiềm năng nhất. Vào Thứ năm thì quan điểm của ông không mấy quan trọng, bởi lẽ Chamberlain và Halifax đã đi đến quyết định mà không cần sự can thiệp của Wood. Họ thậm chí còn đi xa hơn vào sáng hôm sau. Sau khi nhận được tin tức về cuộc tấn công của quân Đức ở Mặt trận phía Tây, Chamberlain đã có ý định sử dụng hoàn cảnh này làm lời biện hộ cho việc mình vẫn ở lại “cho đến khi trận chiến của Pháp kết thúc”. Dấu hiệu của Wood sau đó đã mách bảo ông, trong vai trò là một người bạn, rằng đây là sự đảo ngược của cảm giác. Việc cuộc tấn công nổ ra đã tạo nên một sự thay đổi hết sức cần thiết trên chiếc ghế lãnh đạo.

Vào sáng Thứ năm, Churchill đã nhìn thấy Beaverbrook và Bracken, cả hai đều thúc giục ông áp dụng chiến thuật duy trì im lặng mỗi khi nhận được câu hỏi về việc lựa chọn giữa ông và Halifax. Đêm hôm đó, Eden đã quay trở lại để dùng bữa tối, lần này là một cuộc nói chuyện tay đôi nghiêm túc. Clementine Churchill, vẫn như mọi khi trong những dịp quan trọng, dù đa phần với những lý do thích hợp, đã vắng mặt trong cuộc gặp gỡ. Chồng của chị bà (Nellie Romilly) đã chết ở Herefordshire, và bà phải đến đó. Với sự vắng mặt của vợ, Churchill đã thể hiện một thái độ ưu tiên thích hợp khi không cho phép bất kỳ tờ báo nào của Bộ Hải quân được phép làm ông xao lãng những trách nhiệm chính trị quan

trọng trong thời khắc hiện tại.

Cú hích duy nhất đối với Công Đảng đã diễn ra khi Churchill tìm cách tỏ ra hết sức mềm mỏng với Chamberlain. Attlee và Greenwood rất hài lòng với hai chức vụ không bộ ở Nội các Chiến tranh gồm năm thành viên, cộng với một bộ trưởng (Alexander ở Bộ Hải quân), và các vị trí cao cấp bên ngoài Nội các Chiến tranh cho Ernest Bevin, Morrison và Dalton. Simon và Hoare, hai “đồng minh tồi tệ”, bởi lẽ họ như đến từ hai đảng đối lập cũng như một số đảng viên Đảng Bảo thủ, đã bị loại bỏ không thương tiếc. Simon, vốn ở ngoài Nội các Chiến tranh, đã được bầu làm Đại Pháp Quan, nơi mà theo Attlee, “ông sẽ trở nên vô hại”, (dù vẫn cho phép ông ta ở lại Woolsack nhưng Churchill thậm chí không đặt ông ta vào Nội các “Lâm thời” mùa hè năm 1945). Hoare không ở trong chính phủ, dù trên danh nghĩa thì ông được phái làm đại sứ Pháp trong chính quyền Tây Ban Nha.

Ngược lại, Churchill rất muốn thể hiện sự quan tâm hết mực của mình đến Chamberlain. Kế hoạch ban đầu của ông là giúp Chamberlain trở thành chủ tịch Hạ viện. Ông muốn Chamberlain tiếp tục giữ chức lãnh đạo Đảng Bảo thủ với thời gian kéo dài không quá những gì mà ông đã sắp đặt. Không nghi ngờ gì nữa, Churchill đã xử lý tương tự như cách của Lloyd George đối với Bonar Law, người tiền nhiệm của Chamberlain, lãnh đạo Đảng Bảo thủ. Ngoài ra, ở đây còn có một khác biệt đáng kể nữa trong việc Lloyd George không phải là thành viên của đảng chính như Churchill.³⁰ Những kế hoạch dành cho Chamberlain này là quá nhiều đối với Công Đảng. Attlee đã có những bài phát biểu rất sinh động, dù ông chấp nhận rằng trường hợp giữ lại Chamberlain “ở đâu đó trong chính phủ” là điều quá mệt mỏi. Đích thân Churchill đã làm theo thói quen của thủ tướng và duy trì cương vị lãnh đạo trên danh nghĩa của Nghị viện, với Attlee là phó thường trực. Chamberlain trở thành Viện trưởng Viện Cơ mật, một chức danh ngồi không ăn lương từng được Attlee nắm giữ trong cương vị bộ trưởng không bộ cao cấp.

Ngoại trừ những bố trí này thì bằng nỗ lực và thực tế, Churchill đã cho thấy ý thức của mình đối với sự yếu kém của những nguồn lực hỗ trợ cho ông từ Đảng Bảo thủ (cũng như cách cư xử tốt). Ông thể hiện điều đó bằng cách ngay khi quay lại từ cung điện, ông đã viết hai bức thư thật lòng để đánh giá cao thiện chí, một gửi cho Chamberlain và một gửi cho Halifax. Cuối cùng thì ông cũng đã trở thành thủ tướng ở tuổi 65. Ngoại trừ người tiền nhiệm thì ông là người lớn tuổi nhất kể từ thời Campbell-Bannerman lần đầu tiên ngồi lên chiếc ghế cao nhất trong văn phòng chính phủ. Đây cũng là lần đầu tiên sau 40 năm ông được bầu vào Quốc hội. Ông đã đảm nhiệm chức vụ mới trong một hoàn cảnh hiểm nghèo nhất từ trước đến nay dành cho một vị tân thủ tướng. Ông không phải là sự lựa chọn của nhà vua. Ông không phải là sự lựa chọn của chính phủ Anh, vốn đã phản ứng bằng nhiều hình thái đe dọa khác nhau để chờ đợi thái độ phản ứng điên cuồng của ông. Ngoài ra, ông cũng không phải là lựa chọn của đại đa số thành viên trong Hạ viện. Tuy nhiên, trong giai đoạn phôi thai này, ông đã nhanh chóng trở thành nhà vô địch được đón nhận trên toàn quốc dưới đôi mắt của cả công chúng lẫn báo chí. Những ai ban đầu còn do dự và nghi ngờ, từ nhà vua cho đến các bộ trưởng thường trực, đều nhanh chóng nhận thấy vai trò quan trọng của ông.

Chương 31

21 NGÀY CỦA THÁNG 5

Mùa xuân đến muộn và mùa hè đến sớm của năm 1940, không chỉ trong ảnh hưởng đối với vận mệnh quốc gia mà còn trong bầu không khí nhiều người từng sống, là một trong những giai đoạn phi thường nhất, dù phần nào hơi phi thực tế, trong lịch sử Anh. Thời gian này, các phương tiện thông tin không đủ tốt để có thể biến một hoàn cảnh nguy hiểm thành sự cảm động trên toàn quốc gia. Trong trường hợp cuối cùng, chúng ta lại được thông tin quá đầy đủ, không phải thông qua tiểu thuyết của Jane Austen, về một cuộc sống bình yên nơi điền trang và gần nhà thờ.

Năm 1940 cũng là năm mà cuộc sống bình thường đã được giới thiệu trên những nguồn tin chính thức. Nước Anh trở nên thiếu linh động và đây là một phần trong những lời buộc tội chống lại chính phủ trước đây. Vẫn [còn đó gần một triệu người thất nghiệp. Nền kinh tế quốc gia vẫn chưa phát triển. Tất cả nói lên rằng khá nhiều sự dễ dãi của cuộc sống những năm 1930 vẫn tiếp diễn. Các hãng hỏa xa đáng tin cậy đã thực hiện những chuyến tàu suốt, với những toa xe đầy đủ tiện nghi nếu so với ngày nay. Thậm chí đất nước còn có đủ lượng xăng dầu dành cho những mục đích riêng. Thực phẩm vẫn chưa phải chịu chế độ phân phối chặt chẽ, các khách sạn lẫn nhà hàng ở thành thị và nông thôn tiếp tục phục vụ những bữa ăn tuyệt vời như họ đã làm năm năm trước, với nguồn cung cấp rượu vẫn đủ dùng cho một thời gian dài. Tất cả những tiêu chuẩn thông thường bề ngoài, như đã nhắc đến trước đây, được đặt dưới một trong những bầu không khí áp lực cao nhất trên toàn nước Anh. Những ngày mùa hè tươi đẹp cứ thế diễn

ra đều đặn.

Tương lai vẫn bất ổn, nhưng mọi người đã xóa bỏ mọi hệ quả của thất bại ra khỏi suy nghĩ tích cực của mình. Đây không phải vấn đề có liên quan đến lòng can đảm. Nói đúng hơn là mọi người đã chọn cách tin rằng điều tồi tệ nhất sẽ không diễn ra. Xét trên phương diện nào đó, liệu đây có phải là một sản phẩm từ sự mê hoặc trong thuật hùng biện của Churchill hay không vẫn là một câu hỏi rất khó trả lời. Mục đích và phương pháp của ông là để kêu gọi tinh thần phản kháng. Ông khiến mọi người tin vào chiến thắng sau cùng. Ít ra thì điều này đã làm giảm bớt sự tê liệt trong nhận thức của họ. Từ đó, họ có thể theo đuổi những hoạt động thường nhật. Một số hoạt động thậm chí còn tỏ ra hữu ích hơn nhiều so với những nỗ lực chiến tranh. Mọi người như đang sống một cuộc sống hạnh phúc đáng ngạc nhiên trên “sườn núi”.

Churchill bước vào cương vị thủ tướng, dù đó là khát khao và ý định đã có từ lâu của ông, cũng tương đương một cuộc hôn nhân bất ngờ trong thời chiến. Ông đã có một dịp nghỉ cuối tuần ngắn ngủi khi đón nhận những bức thư đầy cảm động từ những người bạn cũ. Đó là vị tướng trung thành Reggie Barnes (bạn đồng ngũ của ông ở Cuba vào năm 1896) và Violet Bonham Carter là những ví dụ điển hình. Và ông cũng thực hiện công việc tạo dựng chính phủ. Tình hình đang trở nên tồi tệ hơn so với những gì mà lẽ ra đã hoàn thành trong thực tế. Đây chỉ là tuần trăng mật ngắn ngủi của ông. Và thậm chí ông còn bị chỉ trích bởi kẻ hai mặt hay cáu bẳn, Hankey, người đã viết thư cho kẻ bị tước đoạt tài sản (Samuel Hoare) vào Chủ nhật ngày 12 tháng 5 như sau: “Tôi nhận thấy sáng hôm nay hết sức hỗn loạn. Không ai nắm chắc được diễn biến của cuộc chiến trong tình trạng khủng hoảng. Người đọc chính tả, thay vì đọc cho người khác viết, đã lao đầu vào một cuộc cãi vã không đáng có với các chính trị gia của cánh tả về những bộ ngành phụ. N. C [Chamberlain] đang cảm thấy rất thất vọng về tất cả mọi việc”. Đoạn thông điệp ngắn ngủi này tiêu biểu cho hàng loạt những định kiến của những năm 1930 nhằm vào Churchill với vai trò trọng tâm trong chính phủ Anh: Chamberlain là người quản lý chính phủ có trật tự, Churchill là

một nhân vật thích khoa trương và có sự vận động chính trị ngầm thay vì công khai. Ngoài ra, một chính phủ đa đảng trông giống như một chiếc tổ chim dơ bẩn hơn là thành tựu của khối đoàn kết quốc gia.

Ngày hôm sau, Churchill được tiếp đón không mấy nhiệt tình ở Hạ viện. Đây là cuộc họp được triệu tập bằng điện tín cá nhân. Cuộc họp sẽ diễn ra lúc 2g30 chiều Thứ hai, đúng vào dịp lễ Whitsun. Khi Chamberlain tiến vào, ông phải đối mặt với cảnh tượng được Nicolson mô tả là “một sự đón nhận khủng khiếp” từ hàng ghế của Đảng Bảo thủ. Channon còn đi xa hơn: “Các nghị sĩ đã mất bình tĩnh, họ la hét, chúc mừng, vẫy vẫy bản chương trình làm việc trên tay, còn sự tiếp nhận của ông chỉ là một thái độ tung hô bình thường”. Ngược lại, Churchill thì “không được đón nhận nồng nhiệt cho lắm”. Những lời chúc mừng ít ỏi dành cho ông phần lớn đến từ hàng ghế của Công Đảng và Đảng Tự do.

Sau đó, Churchill đã có một bài phát biểu ngắn, nói đúng hơn là một lời kêu gọi dành cho các căn cứ chiến đấu hơn là một bài diễn văn. Tuy nhiên, bài phát biểu của ông vẫn chứa một số câu nói đã trở nên bất hủ qua nhiều thập kỷ:

Tôi muốn nói với Nghị viện, như tôi đã nói với những ai từng tham gia chính phủ này, rằng tôi không có gì để hy sinh ngoài máu, sức lực, nước mắt và mồ hôi. Trước mắt chúng ta là một thử thách vô cùng to lớn... Các ngài hỏi rằng chính sách của chúng ta là gì? Tôi sẽ trả lời rằng: Đó là tiến hành chiến tranh, bằng đường biển, đường bộ và đường không, với tất cả ý chí và sức mạnh mà Chúa có thể ban cho chúng ta, tiến hành chiến tranh chống lại sự tàn bạo, vốn chưa bao giờ chế ngự được trong bóng tối. Đó chính là chính sách của chúng ta. Các ngài hỏi rằng mục tiêu của chúng ta là gì. Tôi có thể trả lời bằng một từ: Đó là chiến thắng, chiến thắng bằng mọi giá, chiến thắng bất chấp tất cả mọi điều kinh hoàng, chiến thắng, tuy lâu dài và gian khó, bởi vì nếu không chiến thắng thì sẽ chẳng một ai sống sót.

Nicolson đã nói rằng đó là lời phát biểu “đi thẳng vào vấn đề”. Channon nói:

“Thủ tướng mới phát biểu rất hay, thậm chí là rất xúc động”. Còn Colville (có lẽ là người đáng nói nhất, bởi lẽ chỉ mới 68 giờ trước đó, ông vẫn còn đang uống champagne cùng Rab Butler, Alec Douglas-Home và Chips Channon để “chúc mừng vua của mặt nước” - ám chỉ Chamberlain), đã viết rằng: “Ông ấy [Churchill] đã có một bài diễn thuyết rất sâu sắc”. Những ảnh hưởng từ trí tuệ tầm thường của phe thân Chamberlain, chống Churchill đáng bắt đầu tan chảy. Tuy nhiên, trong những ngày đầu, ông vẫn còn một con đường dài trước mắt cần vượt qua.

Churchill, thủ tướng thuộc giới thượng lưu kể từ nhiệm kỳ thủ tướng của Balfour kết thúc trước đó 35 năm, cũng là người được cộng đồng trao cho chức quyền. Một ngày sau khi bài diễn thuyết được đón nhận nhiệt liệt ở Hạ viện (được thừa nhận trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm trong chính phủ của ông), David Low, họa sĩ tranh biếm họa chính trị nghiêng về phe tả nổi tiếng trong những năm 1930 và 1940, đã in trong tờ *Evening Standard* một bức họa đáng nhớ và thể hiện quan điểm rất rõ ràng. Thật bất thường khi bức tranh này hoàn toàn không có gì mang tính chế nhạo. Trong đó vẽ Churchill, với tay áo xắn lên, đang bước đi một cách quyết tâm về phía trước, theo sau là Attlee, Bevin, Chamberlain, Greenwood, Halifax, Sinclair, Morrison, Eden, Amery, Duff Cooper, A. V. Alexander và một đám đông những người ủng hộ vô danh, tất cả đều xắn tay áo hành động. “Tất cả đều ở sau lưng ngài, Winston” chính là lời chú thích. Thật kỳ lạ, bức tranh này một nửa thể hiện, một nửa hình thành nên tâm trạng của quốc gia, khác hẳn thái độ cam lạng và nhìn lại quá khứ của Hạ viện một ngày trước đó.

Đây là thời điểm kết thúc tuần trăng mật ngắn ngủi và u tối của Churchill trong cương vị thủ tướng. Ông đã tiếp nhận một vai trò đầy đe dọa. Ông chưa bao giờ do dự trong khát vọng đảm nhận công việc này, dù trên đường quay lại sau cuộc hẹn với nhà vua, ông đã nói, theo lời một thư ký của ông, rằng, “Tôi hy vọng sẽ không quá muộn. Tôi rất sợ điều đó”. Vài tuần tiếp theo là quãng thời gian hoàn toàn tai họa đối với nước Pháp, đối với nước Anh, và đối với cả

Churchill. Toàn bộ sự tự tin trong đoạn thông điệp kết luận của tập một bộ sách *The Second World War* là rất nổi tiếng:

Khi đi ngủ lúc 3 giờ sáng [vào đêm nhậm chức thủ tướng], tôi đã cảm nhận được một cảm giác vô cùng thanh thoi. Cuối cùng thì tôi đã có quyền chỉ đạo toàn bộ cục diện. Tôi cảm thấy như thể mình đang bước đi cùng với số phận. Cuộc sống quá khứ chỉ là bước chuẩn bị cho giờ khắc này và cho thử thách này... Tôi tin chắc rằng mình sẽ không thất bại. Do đó, dù không thể kiên nhẫn chờ cho đến sáng, tôi vẫn ngủ ngon lành và không cần đến những giấc mơ đẹp.

Bất chấp đoạn thông điệp, vốn được viết trong một bối cảnh hoàn toàn khác của sáu hay bảy năm về sau, thật khó tin rằng Churchill đã không trải qua những khoảnh khắc tồi tệ nhất vài tuần sau đó. Trong thực tế, không có sáng nào ông thức dậy mà không cảm thấy rằng mình đã phạm phải sai lầm. Ông gần như phát điên với trách nhiệm nặng nề. Ông buộc phải tìm kiếm một giải pháp hoàn hảo thay vì để tình hình trở nên xấu đi. Vào ngày 17 tháng 5, Colville ghi lại rằng đã đến gặp thủ tướng rất sớm ở sân bay Hendon khi ông vừa quay trở về từ chuyến viếng thăm Paris đáng thất vọng: “Ông ấy trông khá vui vẻ, ngủ đủ giấc và ăn sáng một cách thoải mái ở tòa đại sứ” và chỉ một ngày sau: “Winston, một người đầy tinh thần chiến đấu và ngày càng mạnh mẽ hơn nhờ vào những lời chỉ trích lẫn nghịch cảnh”. Nhưng vào ngày 21 tháng 5 thì: “Tôi chưa từng nhìn thấy Winston căng thẳng như vậy... Không nghi ngờ gì nữa, tâm trạng của ông đang có những dao động nhất định. Tuy nhiên, hầu như không có dấu hiệu nào cho thấy tâm trạng đó ảnh hưởng đến những sự kiện mà ông có rất ít thời gian để xử lý. Có lần, ông đã tự mình lái xe đến Chartwell, nơi mà ông chỉ làm mỗi một việc là cho bày thiên nga và lữ cá chép ăn. Đây có thể được xem là biểu hiện của một giai đoạn tối tăm nhất. Nhưng nhìn chung, ông đã có phương pháp để phòng để chống lại tâm trạng chán nản trong mọi hoàn cảnh. Điều đó cho phép ông tiếp tục đọc vô số những biên bản ngắn, với những chủ đề lớn và nhỏ. Ông biết rằng

những chỉ đạo của mình sẽ được tuân theo. Ông tỏ ra là người yêu thích quyền lực”.

Mặt khác, một số dấu hiệu rõ ràng nhưng không gây ngạc nhiên đã cho thấy tính khí và ngay cả phép xã giao của ông cũng bị ảnh hưởng trong những trường hợp căng thẳng. Colville, chỉ sau một tuần làm việc với Churchill,³¹ đã ghi lại (không phải than phiền về cách đối xử của riêng ông) rằng: “Ông ấy ít khi suy nghĩ về nhân viên của mình”. Trong tháng sau đó (ngày 27 tháng 6), ông đã nhận được một bức thư đáng sợ do Clementine gửi đến. Ảnh hưởng của bức thư này có lẽ lớn hơn nhiều bởi vì đó là bức thư duy nhất được biết đến trong suốt giai đoạn 1940:

Anh yêu quý,

Em hy vọng sẽ được anh tha thứ nếu kể cho anh nghe một điều mà em nghĩ rằng anh nên biết.

Một người trong đoàn tùy tùng của anh (một người bạn hết lòng tận tụy) đã đến gặp em và nói với em rằng anh sẽ rất nguy hiểm khi bị đồng nghiệp và thuộc cấp ghét bỏ. Họ có thái độ như vậy là do những thái độ đàn áp và ngôn ngữ mỉa mai của anh. Dường như những thư ký riêng của anh cũng đồng tình với cách hành xử như một cậu học sinh và “mặc nhiên chấp nhận những gì xảy đến với họ”. Họ phớt lờ sự hiện diện của anh bằng hành động nhún vai. Nếu một ý kiến được nêu ra (giả sử trong một cuộc họp) anh được cho là tỏ ra khinh khỉnh như thể chưa có ý kiến nào cả, dù đó là ý kiến tốt hay xấu. Em rất ngạc nhiên và thất vọng bởi vì trong suốt những năm qua, em đã quen thuộc với tất cả những ai từng làm việc cùng anh, dưới quyền anh, yêu thương anh. Em cũng đã nói với anh điều này và em được nghe rằng “Chắc chắn đó là do căng thẳng”.

Winston yêu quý của em. Em phải thú nhận rằng cách hành xử của

anh đang dần mất đi những giá trị tinh tế, và không còn là của một con người lịch thiệp như xưa nữa.

Chính anh là người đưa ra mệnh lệnh. Nếu những mệnh lệnh đó không được thực thi nghiêm chỉnh thì ngoại trừ Đức vua, Tổng giám mục Canterbury và chủ tịch Hạ viện, anh sẽ sẵn sàng sa thải bất kỳ ai. Do đó, với quyền lực tối cao này, anh phải biết kết hợp cung cách lịch sự, lòng tốt và nếu có thể là cả thái độ cao thượng... Em không thể chịu nổi việc những ai đang phụng sự quốc gia và làm việc cho anh lại không yêu thương, ngưỡng mộ và tôn trọng anh. Bên cạnh đó, anh sẽ không có được những kết quả tốt nhất với tính khí nóng nảy và sự thô lỗ. Điều này hẳn sẽ dẫn đến tình trạng thù ghét và tâm lý nô lệ của mọi người. (Những cuộc phiến loạn trong thời chiến chính là câu hỏi đáng quan tâm nhất).

Hãy tha thứ cho người luôn hết lòng yêu thương và lo lắng cho anh.

Clemmie.

(Em viết bức thư này ở Chequers vào Chủ nhật vừa rồi và đã định xé nó đi, nhưng giờ thì nó lại ở đây.)

Ảnh hưởng của bức thư can đảm và thông minh này không thể nào đo lường trực tiếp. Nhưng hầu hết những ai làm việc gần gũi với Churchill trong cuộc chiến đều cảm thấy yêu mến ông, bất chấp những lần nổi nóng thường xuyên của ông.

Tuần trăng mật của Churchill trong cương vị thủ tướng đã diễn ra cực kỳ ngắn ngủi. Vào buổi sáng sau khi bức họa của Low được công bố, Paul Reynaud đã gọi điện cho ông. Paul Reynaud là lãnh đạo chính phủ Pháp và cũng là một trong những nhà lãnh đạo Pháp được Churchill tôn trọng nhất. Churchill luôn xem ông là một sự tiến bộ lớn so với người tiền nhiệm, Daladier. Ghi chú dành cho cuộc đối thoại này như sau: “Ngài Reynaud hẳn đang trong tâm trạng bị kích

động [cụm từ này vốn mang nhiều ý nghĩa hơn những gì muốn nói]. Ông nói rằng cuộc phản công đêm hôm qua nhằm vào quân Đức, nhóm tiến hành chọc thủng phòng tuyến ở nam Sedan, đã thất bại, còn con đường dẫn đến Paris thì đã mở toang. Trận chiến này đã thua hoàn toàn. Ông thậm chí còn bàn đến việc từ bỏ chiến đấu”.

Lời cảnh báo đầu tiên về sự sụp đổ của Pháp dành cho Churchill đồng hành cùng lời yêu cầu chi viện thêm bộ binh và các biên đội tàu chiến cho quân Anh. Việc chi viện bộ binh là một đòi hỏi bất khả thi nếu dựa trên thời gian tương ứng. Riêng về các biên đội tàu chiến thì đây là một đòi hỏi có thể thực hiện được, dù phải liều lĩnh giảm số lượng tàu chiến ở quê nhà xuống dưới mức tối thiểu. Mức tối thiểu là số lượng tàu chiến mà Sắc lệnh Chiến tranh xem là cần thiết để bảo vệ đất nước. Đứng sau tình trạng nước đôi này là một câu hỏi không dễ trả lời cho năm tuần tiếp theo. Nếu tất cả lực lượng đều được sử dụng để cứu nguy cho sự sụp đổ của Pháp, hoặc khi dấu hiệu tinh thần yếu đuối của Pháp trong việc kháng cự trở nên rõ rệt, liệu việc Anh tiếp tục chiến đấu một mình có mục đích cao xa nào không? Churchill đã suy nghĩ rất kỹ khi tham gia khối liên minh với Pháp và đặt nhiều niềm tin vào quân Pháp. Không một chính trị gia Anh nào khác có niềm tin mãnh liệt vào Pháp như ông. Mặt khác, niềm tin bắt đầu nhanh chóng tan biến chỉ trong vài ngày khi ông vừa trở thành thủ tướng. Khả năng về nền hòa bình riêng của Pháp đã ám ảnh tâm trí Churchill ngay sau cuộc trò chuyện với Reynaud vào sáng hôm đó. Lời ghi chú về cuộc đối thoại này tiếp tục: “Ông ấy [Churchill] cũng nói đôi lần rằng: Dù người Pháp làm gì, chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục chiến đấu đến cùng”. Điểm mấu chốt, vốn rất dễ nhận ra, là lòng quyết tâm của ông.

Tình trạng khó xử này đã ảnh hưởng đến tất cả những cuộc thảo luận của Churchill với Pháp trong suốt năm tuần tiếp theo. Vốn chỉ có 10 sư đoàn đối mặt với kẻ thù, quân Anh đã liên tục thúc giục các tướng Pháp triển khai 103 sư đoàn của họ với tinh thần tấn công cao hơn nữa. Quân Pháp, vốn rất bức bối với lời khuyên này, đã đặt ra một điều kiện, rằng quân Anh ít nhất nên bù đắp cho nỗ

lực đổ bộ bất thành của họ bằng cách phái lực lượng không quân có sẵn đến để bảo vệ quân Đồng minh trong trận chiến quyết định vì quân Pháp. Xét trên thực tế của điều kiện đó thì đây không phải là một đòi hỏi quá phi lý. Ý tưởng này đã được ủng hộ bởi tướng Smuts, người vốn rất được Churchill tín nhiệm trong các lời khuyên chiến lược. Từ Nam Phi, Smuts đã đưa ra tín hiệu ngay trong tuần đầu tháng 6 rằng mọi thứ nên tập trung vào điểm quyết định. Đây là một học thuyết quân sự chính thống rất tuyệt vời. Với những sửa đổi thích đáng về chi tiết, kế hoạch từng được tán đồng bởi Lloyd George, được ủng hộ bởi Churchill, trong những giai đoạn về sau của Thế chiến I. Nhưng sau đó, chính ý chí kháng cự của Clemenceau và Foch, bất chấp những khó khăn của năm 1917, đã kích thích tinh thần chiến đấu của quân Pháp. Sự khác biệt quan trọng của năm 1940 là việc giả định này không còn được chấp nhận bởi Churchill, và với những lý do nhất định khi phân tích kỹ mọi việc. Không có lý do nào để tin rằng sự hoang phí lớn với nguồn sức mạnh không lực Anh có thể tạo ra một kết quả khác biệt ở Pháp.

Điều mà không lực Anh đã đóng góp có lẽ là tạo ra một bầu không khí tốt hơn trong sáu lần Churchill ghé thăm nước Pháp, giữa lễ nhậm chức của ông cho đến khi kế nhiệm và thỏa thuận ngừng bắn của Pháp. Nhưng một vài tuần tỏ rõ thiện chí của Pháp hiếm khi được xem là sự đền bù đầy đủ cho thất bại (chỉ suýt chút nữa tránh được) trong trận chiến trên không của Anh vào hai tháng rưỡi sau đó.

Ba lần viếng thăm Pháp của Churchill đã diễn ra vào tháng 5. Trong chuyến viếng thăm đầu tiên vào ngày 16 - 17, ông đã tự làm lực lượng yếu đi bằng cách phái đến Pháp 10 biên đội tàu chiến khác (bốn trong số đó đã được Nội các Chiến tranh đồng tình, nhưng sau đó thì họ bị gây áp lực với sáu biên đội tàu còn lại bởi những thông điệp thuyết phục gửi đi từ Churchill ở Paris). Nhưng đây chính là điểm hạn chế. Chuyến viếng thăm lần hai diễn ra vào ngày 22 tháng 5 có kết quả khá nhất, bởi lẽ Anh đã tỏ rõ thiện chí với tướng Weygand, người đã thay thế Gamelin. Đây cũng là người, bất chấp đã 73 tuổi, luôn xem Churchill

“như một người đàn ông mới 50” và thường “tạo ấn tượng tốt nhất bằng sức mạnh và sự tự tin của mình”. Đặc biệt hơn, ông đã có được “Kế hoạch Weygand”. Theo đó, Đạo quân số I của Pháp và Lực lượng Viễn chinh Anh gần Eo biển Manche sẽ tấn công xuống phía Nam trong khi một toán quân mới tập hợp của Pháp sẽ nhanh chóng ráp đội hình từ Công sự Maginot, Nam Phi và một số nguồn lực kết hợp khác sẽ tấn công lên phương bắc từ trung tâm của mặt trận. Mục đích là cắt đứt vôi bạch tuộc của quân Đức, vốn kéo dài khoảng 50 dặm ở đâu đó gần St. Quentin, 80 dặm về phía Đông Bắc Paris, trên tuyến đường sắt chính dẫn đến Brussels. Kế hoạch này không khác nhiều so với kế hoạch trước đây của Gamelin, ngoại trừ việc Weygand lúc này đã rất tự tin khi nghĩ rằng mọi việc sẽ diễn ra đúng như vậy, điều mà Gamelin chưa hề nghĩ đến. Đây là một thái độ tự tin hoàn toàn sai lầm. Rất ít sự kiện đã diễn ra dưới thời của Weygand cũng như dưới thời của Gamelin. Không có cuộc tấn công nào của quân Pháp ở phía bắc của Somme. Chỉ có một trận chiến không hiệu quả của Anh ở Arras và một hoạt động về sau được Churchill xem là một quyết định sai lầm khi di tản đến Boulogne bằng đường biển. Vào đêm Thứ bảy ngày 25 tháng 5, tướng Gort, chỉ huy BEF, đã khẳng định rằng Kế hoạch Weyland hoàn toàn phá sản. Lựa chọn duy nhất của ông khi đó là tiến ra biển và giữ vững các cảng Calais và Dunkirk. Hai ngày sau, việc đầu hàng của nhà vua và quân đội Bỉ (dù các bộ trưởng đã tìm cách băng qua Pháp để đến Anh và trở thành một chính phủ lưu vong) hầu như không giúp tình hình chung cải thiện được gì nhiều.

Quân Pháp, nếu chỉ vì sự vượt trội về quân số, ít ra cũng có trách nhiệm như quân Anh đối với thất bại của Kế hoạch Weygand. Hơn nữa, Đạo quân số I của Pháp đã bị chia cắt giống như quân Anh giữa phòng tuyến của Đức và mặt biển. Mọi thứ đều trở nên nguy hiểm khi cả hai phe lúng túng tìm cách buộc tội lẫn nhau. Churchill tỏ ra quyết tâm, vốn rất thích hợp trong việc duy trì khả năng quân Anh chiến đấu một mình, để làm bất kỳ điều gì đó có thể giúp tránh khỏi hoàn cảnh này. Việc ông đảm nhận quyền lực tối cao trong cỗ máy chiến tranh của Anh, dù là với hoàn cảnh khó khăn trong giai đoạn hiện tại, đã cải thiện đáng

kể thiên kiến của ông. Ông có thể đã trở thành một người cáu kỉnh với cấp dưới, nhưng cũng tỏ rõ quyết tâm hơn trong việc kiểm soát những ám ảnh và sự nóng giận của mình trong thời gian theo đuổi những mục tiêu dài hạn hơn. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong những cuộc trò chuyện không mấy vui vẻ giữa ông và Roosevelt trong những tuần lễ ấy. Điều đó cũng được áp dụng trong thái độ của ông hướng đến “kẻ thất bại”, Pháp. Ông vô cùng băn khoăn về việc điều động càng nhiều Lực lượng Viễn chinh quay trở lại Anh càng tốt. Nhưng ông cũng lo lắng về việc làm sao để không để lại một vết sẹo rỉ máu cho người Pháp, mà ông vẫn hy vọng rằng họ sẽ quyết tâm chiến đấu, hoặc ít nhất cũng ủng hộ sau lưng quân Anh. Do đó, việc hối thúc Pháp tán thành quyết định của tướng Gort trở nên hết sức cấp bách. Vào ngày 26 tháng 5, bản phụ lục mật cho biên bản Nội các Chiến tranh đã ghi lại quan điểm của thủ tướng, rằng “thật quan trọng để bảo đảm rằng Pháp không than phiền chúng ta vì việc chúng ta đã để họ thất vọng trên phương diện quân sự, khi cắt đứt đường tiến ra bờ biển”. Vào ngày 31, khi bay đến Paris để dự một cuộc họp khác của Hội đồng Chiến tranh Tối cao, dẫn theo cả Attlee, Dill (tham mưu trưởng mới) và Spears, ông đã rất cố gắng để chỉ ra rằng Anh sẽ không khởi đầu trước. Ông nói: “Chúng ta nên tiến lên, *bras dessus, bras dessous* (tay trong tay) và Anh sẽ hậu thuẫn”.

Tuy nhiên, đó là một cuộc họp chưa chat, Pétain, được bổ nhiệm làm phó thủ tướng, đã lần đầu tiên ra mặt. Ismay³² ghi lại rằng đó là “Một ông già trông rất mệt mỏi trong bộ áo quần thẳng thớm lê chân hướng đến tôi, chìa tay ra và nói: Pétain. Thật khó để tin rằng đây là nguyên soái vĩ đại của Pháp, người mà tên gọi gắn liền với thiên anh hùng ca Verdun... Ông giờ đây trông rất ốm yếu, chán nản và thất vọng”. Reynaud vẫn trả lời một cách nóng ấm trước “đoạn kết sôi nổi về ý chí không khoan nhượng khi người Anh quyết chiến đấu đến cùng” của Churchill, theo lời kể của đại sứ Anh. Tuy nhiên, vị đại sứ này cho rằng lời nói của Reynaud “xuất phát từ suy nghĩ hơn là từ con tim”.

Trong những ngày cuối cùng của tháng 5, Churchill phải đối mặt với hai mối nguy hiểm lớn, cả hai đều gây ra những sự lúng túng nhất định. Cuộc di tản từ

Dunkirk và những nhánh quân liền kề của hơn 335 ngàn quân Anh và Pháp đã diễn ra giữa ngày 27 tháng 5 và ngày 1 tháng 6, lẫn sang cả những ngày đầu tháng 6. Thực tế đã vượt quá xa những gì mà Churchill từng kỳ vọng vài ngày trước đó, khi ông nghĩ rằng quân Đồng minh sẽ may mắn rút lui được khoảng 50 ngàn quân. Tuy nhiên, tổng cộng 224 ngàn quân Anh, 111 ngàn quân Đồng minh, chủ yếu là Pháp, cộng với một ít quân Bỉ và Ba Lan, đã rút lui thành công. Đó quả là một sự giải tỏa tâm lý lớn. Một lượng quân số Pháp vừa đủ đã được giải cứu để tạo ra ấn tượng nhẹ nhàng về tinh thần đoàn kết của quân Đồng minh. Việc quay trở lại bờ biển quê hương với nửa triệu quân Anh vốn vẫn rất nhỏ bé là một thực tế vô cùng quan trọng. Nếu thiếu họ thì Anh sẽ rất dễ bị tấn công bởi các lực lượng xâm lược Đức. Nhưng hành động đó còn có một ý nghĩa tâm lý tích cực hơn. Có thể người ta sẽ xem Dunkirk là một chiến thắng huy hoàng chứ không chỉ là sự giải thoát. Churchill đã rất tỉnh táo khi không bị thuyết phục bởi suy nghĩ đó. Chiến tranh không bao giờ có chiến thắng bằng những cuộc di tản”, ông đã thẳng thắn trình bày trước Hạ viện vào ngày 4 tháng 6 như vậy.

Việc Hitler thất bại trong nỗ lực cản trở cuộc rút quân thành công của Anh bằng một cuộc tấn công cuối cùng vào vị trí mỏng nhất của quân Anh vẫn còn là một bí ẩn. Điều này có thể bắt nguồn từ một lý do tượng trưng nào đó. Dù với tâm trạng ủng hộ Anh hay với bất kỳ vai trò nào khác, Hitler luôn muốn quân Anh, theo lời mô tả trong *Khúc bi thương (Elegy)* của Gray, phải để mặc châu Âu “cho bóng đêm và cho tôi”. Một số hoạt cảnh lịch sử đã có thể hình tượng hóa tốt hơn chiến thắng của Đức xét trên phương diện này, thậm chí đây còn là một lời bảo đảm cho nước Anh. Khi đó, vai trò của những chiếc tàu nhỏ với nhiệm vụ giúp BEF quay trở lại Kent xuyên qua vùng biển yên tĩnh vào cuối tháng 5, đầu tháng 6 sẽ không còn mang nhiều ý nghĩa. Tuy nhiên, thực tế thì lại phức tạp hơn đôi chút. Hitler chắc chắn sẽ giữ lại lợi thế của quân thiết giáp Đức ở “bridgehead” (khu vực chiếm đóng và được củng cố trên vùng đất của địch, nhất là bên bờ sông phía địch).

Ông ta đã làm đúng như vậy sau khi bàn bạc với Rundstedt, chỉ huy 44 sư đoàn của Nhóm A, vào cuối buổi sáng ngày 24 tháng 5. Rundstedt rõ ràng là đã tuân theo mệnh lệnh. Nhưng các tướng Đức (thậm chí là cả một số thống chế) đã rất sẵn sàng đồng thuận với Hitler trong giai đoạn này. Một số nơi gần cứ điểm tỏ vẻ ít hài lòng hơn. Tướng von Bock đã viết thư trách móc, gửi vào ngày 31 tháng 5 như sau: “Cuối cùng, khi chúng ta tiến đến Dunkirk thì người Anh sẽ phải rời đi”. Ông có ý trách cứ Rundstedt, người thích để dành lực lượng thiết giáp của mình, thay vì sẵn sàng cảnh giác. Dường như chẳng có lý do nào để nghi ngờ rằng đó là mệnh lệnh của Hitler. Tại sao? Có lẽ một phần vì ông ta tin rằng quân Anh sẽ bại trận bởi lực lượng Luftwaffe của Goring. Máy bay chiến đấu của Đức tất nhiên đã khiến cho cuộc sống ở cảng Dunkirk và trên bờ biển về phía Đông thành phố trở nên không mấy dễ chịu. Nhưng ngoài ra thì không còn gì khác. Dunkirk là một ví dụ điển hình về những khó khăn cần phải đối mặt nếu muốn chiến thắng những chiến dịch tấn công bằng không lực thuần túy.

Liệu còn điều gì khác nữa không? Liệu còn suy nghĩ nào đang hình thành trong tâm trí Hitler không? Liệu ông ta có muốn một “đế chế của châu Âu và một đế chế của thế giới bên ngoài” sống hòa bình với Anh hay chẳng? Đây hẳn là một nỗi nhục không thể chấp nhận và trong bất kỳ trường hợp nào, Anh cũng sẽ bị bỏ rơi? Đây là một loạt câu hỏi mà bất kỳ câu trả lời nào được nêu ra đều có tính lảng tránh, dù cuốn *Hitler* của Ian Kershaw đã chẳng chỉ ra điều nào khác ngoài những toan tính về mặt quân sự. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, thái độ do dự của Hitler và sự ổn định của thời tiết đã góp phần đáng kể vào thành công của cuộc di tản rầm rộ. Nếu xét theo nghĩa tiêu cực thì đây có thể xem là chiến thắng đầu tiên trong nhiệm kỳ thủ tướng của Churchill.

Kết quả là sự tự tin của Churchill đã tăng lên rất nhiều vào ngày 2 tháng 6, khi hoạt động ở Dunkirk đã hoàn thành một cách mỹ mãn, tốt hơn nhiều so với một tuần trước đó. Sáng hôm đó, ông đã gửi lời nhận xét cho tướng Ismay, nói rằng: “Cuộc rút quân thành công của BEF đã làm thay đổi hoàn toàn vị thế của Bộ Quốc phòng”. Toàn bộ giọng điệu trong biên bản chua cay lẫn thực tế này là

của một người từng thoát ra khỏi hoàn cảnh khó khăn và có thể tự đề cử trong giai đoạn tiếp theo, (đặc biệt là giai đoạn bảo vệ nước Anh), giai đoạn của một chuyến hành trình xuyên qua vùng lãnh thổ khá mới mẻ.

Tuy nhiên, một yếu tố khác cũng đã xuất hiện trong những ngày này, dù hầu như không trùng với cuộc di tản Dunkirk. Vào ngày 26, 27 và 28 tháng 5, chín cuộc họp căng thẳng của Nội các Chiến tranh đã được tiến hành. Đây là một tình huống hiếm khi xảy ra. Quyết tâm của Churchill thì không có gì phải nghi ngờ, nhưng quan điểm chính trị của ông lại không như vậy. Nội các Chiến tranh giới hạn trong 5 thành viên, dù quy mô nhanh chóng mở rộng lên 7 hay 8. Nhưng trong giai đoạn này chỉ có Churchill, Chamberlain, Halifax, Attlee và Greenwood. Halifax đã có một cuộc trò chuyện được ông cho là rất quan trọng với Bastianini, đại sứ Ý, vào chiều Thứ bảy. Mỗi người trong giai đoạn này đều muốn tập trung toàn bộ nỗ lực để giữ cho nước Ý không tham gia vào cuộc chiến. Anh, và Pháp, đã có quá nhiều điều để giải quyết trước khi Ý làm xoay chuyển cục diện cân bằng của châu Âu bằng cách tham gia vào phe mà họ đã hỗ trợ từ thời Thế chiến I. Nhưng đằng sau ước muốn hợp lý nhưng lạc quan để ngăn không cho Mussolini tham gia cùng Hitler (điều mà ông từng làm vào tháng 6) là toan tính để sử dụng Ý như sức mạnh trung gian để duy trì hòa bình. Trong khi đó, Anh sẽ đề nghị với Hitler những điều khoản có lợi để cân nhắc, với mục đích thu được quyền tự trị đủ cho nước Anh, thậm chí tiếp tục giữ vai trò đế quốc. Điều này cũng tương đương với quãng thời gian 20 tháng của cuộc họp Munich lần thứ hai sau lần diễn ra đầu tiên.

Viễn cảnh như vậy rất thích hợp với thái độ bi quan Cơ Đốc giáo của Halifax. Theo cảm giác của người Pháp thì ông không phải là kẻ cộng tác với địch. Ông chưa từng bao giờ trở thành một Laval. Ông nghĩ rằng mình là một người thực tế. Chính suy nghĩ này đã giúp ông, khi còn sống ở Ấn Độ vào đầu những năm 1930, được tự do hơn so với Churchill. Nhưng cũng chính thái độ đó tạo nên sự khác biệt giữa ông và lòng can đảm bất khuất của Churchill trong mùa xuân năm 1940. Halifax phần nào cảm thấy xấu hổ khi trở thành người xin

lỗi vì chính sách xoa dịu. Ông chưa bao giờ đi quá xa theo hướng đó như Chamberlain, và ông cũng không bao giờ phạm phải những sai lầm nghiêm trọng khi mô tả thỏa thuận Munich là “hòa bình trong danh dự”. Ông từng có suy nghĩ từ chức để bảo toàn những gì tốt đẹp nhất về nước Anh mà ông từng biết đến và yêu mến. Có một câu chuyện, có lẽ chỉ là hư cấu, rằng ông đã đến Garrowby, căn nhà tẻ hơn trong hai căn nhà ở Yorkshire của ông, vào một trong những dịp cuối tuần đẹp nhất trong năm. Vào tối thứ bảy, ông đã ngồi trên nền đất cao nhìn ra thung lũng York và quyết định rằng trách nhiệm đầu tiên của mình là duy trì càng nhiều hình ảnh tươi đẹp này càng tốt: phong cảnh tuyệt vời, xã hội trật tự, không còn cảnh đàn áp hay những kiểu phô trương thiếu tế nhị.

Tất cả những yếu tố đó đã khiến ông nghĩ đến một vòng đàm phán hòa bình. Điều đó có nghĩa rằng sự đàn áp của Đức Quốc xã ở châu Âu và thái độ chấp nhận của quân Anh rằng những nỗ lực của họ để thử thách Hitler bằng chiến tranh là một thất bại. Nhưng Vale of York sẽ vẫn tồn tại ở đó. Quân Anh ở đó hy vọng sẽ không bị tấn công như trường hợp Tây Ban Nha của Pháp. Quan điểm của Halifax không quá mơ hồ như của Pháp, nhưng vào năm 1940, quân Anh có thể hy vọng mình sẽ được sống yên ổn bên Eo biển Manche như Tây Ban Nha đằng sau dãy núi Pyrenees. Quan niệm đó là đáng khinh bỉ đối với Churchill. Ông được xem là một trong những thành viên đầu tiên của Nội các nói rằng: “Hòa bình và an toàn sẽ không thể đạt được khi Đức đang thống trị châu Âu. Rằng chúng ta không bao giờ chấp nhận điều đó”.

Châu Âu quan trọng đối với Churchill hơn là đối với Halifax, cũng như đối với Chamberlain. Hai người sau có một điểm chung chính là tính hẹp hòi thiên cận, bị chi phối bởi những kinh nghiệm và khái niệm khác nhau về quốc gia. Churchill nghiêng về châu Âu nhiều hơn. Lỗi viết văn trong *Marlborough*, cũng như cảm nhận và suy nghĩ của ông, đã biến châu Âu lục địa, và trên tất cả là Pháp, Anh, trở thành trung tâm của thế giới. Tuy nhiên, sau này vai trò đại diện cho nước Anh của ông bỗng trở nên mơ hồ, đặc biệt khi ông kêu gọi sự đoàn kết của toàn châu Âu. Sẽ chẳng còn gì để nghi ngờ về vai trò quan trọng trung tâm

mà ông đã dành cho sự đoàn kết châu Âu vào cuối những năm 1940 và 1950. Cũng chính vì quan điểm đó mà ông đã quay lưng lại với thế lực xấu xa gây chia rẽ của những năm 1930. Ngược lại với nền tảng niềm tin này, mệnh lệnh ưu tiên của Churchill, thậm chí trong những tháng ngày ảm đạm trước thành công tương đối của Dunkirk, vẫn rất rõ ràng và khác biệt hoàn toàn so với của Halifax. Trong tình huống xấu nhất, nước Anh nên khởi động cuộc chiến thay vì hòa đàm theo một nước cờ nhục nhã và sai lầm khác. Hy vọng của ông là nước Anh có thể xây dựng nên một đồn lũy kháng cự, dù cho đó có thể không phải là nguồn sức bật cho chiến thắng. “Vào thời điểm thích hợp, một thế giới mới với tất cả sức mạnh và ý chí sẽ xuất hiện để cứu rỗi và giải phóng cho thế giới cũ”. Quan điểm chung của nước Mỹ trong giai đoạn đó hầu như không cho phép Roosevelt tham chiến. Tuy nhiên, Churchill, trong những cuộc đàm phán với Pháp luôn tin rằng đó điều không sớm thì muộn cũng phải diễn ra.

Sự do dự của Churchill trong suốt 9 cuộc họp vốn không phụ thuộc vào những khác biệt nhỏ về vị trí của ông và Halifax (như đã được tranh cãi một cách đầy nghi ngờ) mà là do một thực tế chua cay khác. Ngay từ đầu cuộc đua marathon ba ngày, Churchill đã không chắc về một kết quả đại đa số ủng hộ trong Nội các Chiến tranh mà ông vừa mới chọn lựa. Ông có thể dựa vào hai thành viên của Công Đảng để không bị lôi kéo bởi viễn cảnh của một cuộc đàm phán đầy nguy hiểm. Tuy nhiên, trong cuộc tranh luận, Attlee đã tỏ ý đồng thuận thay vì chống đối. Ông ta là một người hoàn toàn đáng tin cậy. Tuy nhiên, người ta đã quên một người là Arthur Greenwood. Xét trên phương diện nào đó thì ông ta vẫn được nhớ đến, dù không phải là một nhân vật được kính mến cho lắm. Ông ta là người đã đứng lên sau Churchill để tạo ra một cuộc chạy đua không khoan nhượng.

Greenwood khi đó là nghị sĩ 60 tuổi đại diện cho Wakefield, người từng là nhà hùng biện kinh tế ở Đại học Leeds. Ông là bộ trưởng Y tế có năng lực nhưng không nổi bật trong chính phủ MacDonald nhiệm kỳ hai. Ông đã trở thành phó lãnh đạo đảng dưới quyền Attlee và đã hoàn thành công việc rất tốt khi Attlee

vắng mặt dài ngày để xử lý một hoạt động quan trọng, suốt mùa hè và đầu mùa thu năm 1939. Ông cũng có một tâm hồn phong phú, từng được đề cao bởi hai thủ tướng trước tiên là Churchill, kế đến là Attlee vào 1940. Họ đã giao cho ông những chức vụ có uy tín cao nhưng lại ít thực chất. Do không đạt được nhiều thành tựu trong cả hai chức trách vốn không phải công việc, dù điều đó có phần không công bằng với ông cả hai thủ tướng đều đã bỏ rơi ông sau gần hai năm. Tuy nhiên, ông đã có hai quãng thời gian đầy vinh quang quãng thời gian đầu nổi tiếng hơn quãng thời gian thứ hai. Ông đã chống đối mạnh mẽ từ hàng ghế đầu trong Quốc hội ở phe đối lập vào đầu tháng 9 năm 1939. Ông cũng là liên minh trong Nội các của Churchill có khả năng ăn nói lưu loát nhất vào thời điểm cuối tháng 5.

Sự kín kẽ của vấn đề đã được minh họa rất rõ bởi hành động kết thúc cuộc họp của Churchill vào Chủ nhật ở Nội các. Ông đã quyết định kết nạp thêm Archibald Sinclair cho những cuộc họp tiếp theo. Quyết định này đã được đưa ra dựa trên quan điểm cho rằng trong những vấn đề quan trọng, Công Đảng (thậm chí chỉ với 25 ghế) nên có đại diện trong hội đồng cao nhất. Thực tế là Churchill cần một nguồn hỗ trợ khác đáng tin cậy hơn, ngoài Attlee và Greenwood. Do đó, Sinclair, với người phó của ông ở Pháp vào năm 1916 và là một giọng nói kiên định của chính sách xoa dịu, là người được ông tin cậy để mang lại điều đó.

Tuy nhiên, nhân vật then chốt ở đây lại là Chamberlain. Nếu ông ta đoàn kết với Halifax thì Nội các Chiến tranh sẽ bị chia rẽ. Đối với Churchill thì đây sẽ là một sự rạn nứt vô cùng khó chịu. Nếu cả Halifax và Chamberlain đều đồng thuận trên vấn đề này thì chính phủ sẽ trở nên yếu ớt. (Đại đa số thành viên Đảng Bảo thủ trong Hạ viện, phần lớn vẫn không trung thành với Churchill, không thể dễ dàng bỏ qua). Hơn nữa, sẽ thật khó để nhìn xem chính quyền mới có thể làm được những gì. Ba tuần trước đó, Công Đảng đã quyết tâm phụng sự cho Halifax. Nhưng Attlee và Greenwood, do đã chứng kiến tận mắt việc Halifax tấn công vào vị thế của Churchill bằng những thỏa thuận mà họ từng không đồng ý, nên sẽ khó có thể hài lòng để phụng sự ông ta. Sinclair cũng

không phải là ngoại lệ. Kết quả hẳn chỉ là một chính phủ của những kẻ thất bại, dựa trên những phiên họp có rất ít sự chống đối đến từ Đảng Bảo thủ. Nước Anh lẽ ra đã có thể đoán trước được hoạt động của Pháp ở Tours và Bordeaux vài tuần sau đó. Họ cũng không cần phải biện hộ cho việc không có người lính Đức nào ở vùng đất Anh. Hơn nữa, những chính trị gia đang tranh cãi vẫn có thể đang sở hữu một thành phố thủ đô bình yên, không gặp nhiều thách thức.

Dù chắc chắn thực tế không đến mức độ này, bởi lẽ những giả thuyết vẫn luôn là giả thuyết, thì hiểm họa dành cho Churchill, và cho cả nước Anh, vẫn đang ở mức cao. Nếu ngay từ đầu, ông từ chối bằng thái độ kiên quyết trước tất cả những thỏa thuận và đề xuất của Halifax thì tâm trí ông hẳn cũng đã suy nghĩ về viễn cảnh của một loạt những sự kiện như vậy. Hơn nữa, bên cạnh ông là sự yếu đuối của chính phủ Pháp, vốn đang do dự dưới áp lực của Hitler và sợ hãi về viễn cảnh một cuộc tấn công của Mussolini nhằm vào nhánh đông nam. Chuyến viếng thăm của Reynaud (một trong những bộ trưởng Pháp giỏi nhất) vào Chủ nhật ngày 26 tháng 5, ngày đầu tiên trong ba ngày quan trọng của Nội các, đã giúp vấn đề trở nên rõ ràng hơn. Do đó, Churchill hầu như không còn sự lựa chọn nào khác ngoài trì hoãn và chờ đợi Chamberlain. Theo lời kể lại thì ông đã đối xử với Chamberlain bằng sự quan tâm cẩn thận ngay từ lúc vừa kể vị ông ta. Trong chuyến viếng thăm nước Pháp lần đầu tiên, Churchill đã nhờ Chamberlain “trông coi văn phòng” thay mình. Nhìn chung thì trong giai đoạn này, Churchill trông cậy vào ông ta nhiều hơn vào Attlee với vai trò phó thủ tướng. Chamberlain đã đáp lại bằng sự trung thực và thái độ nồng ấm. Thiếu sót của Chamberlain là suy nghĩ thiên cận và luôn tự cho mình là đúng, cũng như thiếu khả năng phân tích những động cơ. Chính vì lẽ đó, Chamberlain sẽ khó có thể hiểu được những lời tranh luận của đối thủ. Phẩm chất của Chamberlain cũng là một điều đáng nói. Ông là con người trọng danh dự và trung thành. Ông bám víu vào quyền lực mỗi khi có thể, nhưng ngay sau đó, hầu như không oán giận đối với việc bị phế truất. Ông không tổ chức các cuộc vận động ngầm. Và quan trọng nhất, ông đã quay sang ủng hộ cho Churchill thay vì Halifax, giúp kết thúc

ba ngày quan trọng trong cuộc chạy đua vào Nội các.

Churchill phải có được điều này mà không cần sự trợ giúp của những tin tức tốt lành hơn từ Dunkirk. Điều đó chỉ thành hiện thực sau khi ông đã nắm giữ được vị trí trong Nội các. Trong cuộc họp thứ ba của Nội các vào Chủ nhật ngày 26 tháng 5, vốn diễn ra từ 5g00 đến 6g30 chiều, sau khi Reynaud rời đi, và được Halifax mô tả như “một cuộc họp bất thường”. Churchill đã đưa chủ đề cuộc di tản ra thảo luận, nhưng quan trọng là lý do để không bắt đầu động rừng: “Thủ tướng nghĩ rằng tốt nhất là không quyết định gì cả cho đến khi chúng ta thấy số lượng quân có thể lên tàu trở lại từ Pháp. Hoạt động này có lẽ là một thất bại lớn. Mặt khác, quân đội của chúng ta có thể chiến đấu rất dũng cảm, và chúng ta có thể giữ được một thành phần đáng kể của lực lượng viễn chinh”. Tất cả lời lẽ trong giai đoạn này đều mang tính thăm dò. Chỉ vào hôm sau (Thứ hai ngày 27 tháng 5), 7 ngàn quân đầu tiên trở về. Vào Thứ ba thêm 17 ngàn nữa. Riêng trong Thứ tư, Thứ năm, Thứ sáu và Thứ bảy (ngày 29 tháng 5 đến ngày 1 tháng 6), một lượng quân ồ ạt trở về lên đến 50 ngàn người mỗi ngày. Nhưng tất cả đều vẫn ở thì tương lai vào Chủ nhật, ngày mà Chamberlain mô tả trong nhật ký của ông là “ngày đen tối nhất trong lịch sử”. Như để bổ sung thêm cho sự ảm đạm, trời đã đổ mưa suốt ngày hôm đó, và đây cũng là trận mưa đầu tiên trong nhiều tuần lễ liên. Trong bối cảnh đen tối thì biên bản của Nội các không thể nào trở nên nổi bật. Chúng “thiếu chủ đề” và phải mượn một nhận xét nổi tiếng của Churchill trong một bối cảnh hoàn toàn khác. Những biên bản tạo ra ấn tượng của năm người đàn ông đang hoang mang thảo ra những nhận xét vụn vặt theo nhiều hướng khác nhau. Từ những bản ghi chép này, mọi người không thể nào khẳng định hay phủ nhận hai nhận xét quan trọng nhất của Giáo sư Lukacs³³ từ biên bản lưu của tối hôm đó. Một là “Chamberlain hiện đang ngồi trên hàng rào”, và một là “Churchill, ít nhất thì ngay bây giờ, nghĩ rằng phải thể hiện phần nào sự nhượng bộ đối với Halifax”. Tuy nhiên, cán cân giữa các khả năng có thể xảy ra dường như nghiêng về phía Lukacs trong cả hai lời phát biểu.

Vào cuối ngày tồi tệ đó thì không có một quãng nghỉ giải lao nào. Đêm hôm

đó, Churchill đã can thiệp để vạch ra bản chỉ dẫn cho “cuộc chiến sinh tử” nhằm gửi đến chỉ huy sư đoàn của một lực lượng nhỏ quân Anh đang cắm trại ở Calais. Tướng Ismay, người đã ăn tối cùng Churchill vào đêm hôm đó, đã viết: “Quyết định này ảnh hưởng đến chúng tôi một cách sâu sắc, đặc biệt nhất có lẽ là Churchill. Ông đã im lặng một cách bất thường trong suốt bữa ăn tối hôm đó. Ông đã ăn và uống với cảm giác chán ghét thấy rõ. Khi chúng tôi rời khỏi bàn ăn, ông đã nói: Tôi cảm thấy mình đổ bệnh rồi”. Cảm giác chán ngán của ông không chỉ do việc phải đưa ra một mệnh lệnh khó khăn. Bởi lẽ dù ghét những cuộc tàn sát hàng loạt thì ông vẫn chưa bao giờ buồn bực khi phải hy sinh một số sinh mạng để cứu lấy nhiều người hơn. Ngoài ra, ông xem việc duy trì sức kháng cự ở Calais trong vài ngày là điều kiện thiết yếu để cải thiện viễn cảnh của cuộc di tản Dunkirk. Một ngày với ba cuộc họp của Nội các, nơi mà ông hầu như không thể nêu lên ý kiến riêng, cộng với thời gian tìm cách thuyết phục Reynaud, và nhiệm vụ làm trung gian hòa giải được tổ chức đặc biệt vào buổi sáng ở tu viện Westminster, nơi mà Churchill chỉ có thể đứng trong một nửa thời gian. Có thể chính sự căng thẳng này đã tạo ra cảm giác chán ngán.

Sáng hôm sau, Thứ hai ngày 27 tháng 5, ông đã cảm thấy đỡ hơn phần nào. Các cuộc họp của Nội các diễn ra lúc 11g30 sáng, 4g30 chiều và 10 giờ tối. Để thời gian trống dành cho các bộ trưởng không kéo quá dài, người ta đã tổ chức thêm một cuộc họp của Ủy ban Quốc phòng lúc 7 giờ tối. Cuộc họp sáng kéo dài khá lâu và quan trọng, bởi lẽ ở đó có một số bộ trưởng bổ sung (nhiều hơn con số năm người như thường lệ), cũng như một số các viên chức. Cuộc họp bàn đến những vấn đề liên quan đến hải quân và lục quân, chẳng hạn như cuộc di tản của Narvik, và không hề đề cập đến những vấn đề bí mật, quan trọng. Tương tự như vậy, cuộc họp lúc 10 giờ tối cũng chủ yếu tập trung vào những hậu quả từ sau hành động đầu hàng của Bỉ. Chỉ có cuộc họp kéo dài một tiếng rưỡi bắt đầu từ lúc 4g30 chiều mới đề cập đến những vấn đề còn tồn đọng của ngày hôm trước, và thành phần tham dự trong cuộc họp này là năm người cộng với Sinclair. Không khí chung của cuộc họp đã được ghi nhận lại bởi hai nhận xét đương thời.

Halifax kể lại trong nhật ký:

Chúng tôi đã có một cuộc thảo luận gay gắt kéo dài về cách tiếp cận nước Ý, nếu xét trên danh nghĩa, nhưng phần lớn đề cập đến chính sách chung trong sự kiện mọi thứ đã trở nên thực sự tồi tệ ở Pháp. Tôi nghĩ rằng Winston đã nói lên những điều đáng sợ nhất, cũng giống như Greenwood. Sau khi suy ngẫm, tôi đã nói lên những gì mình nghĩ về họ. Nếu đó thực sự là quan điểm của họ, và nếu hành động đó là đi thẳng vào vấn đề, thì con đường theo đuổi của chúng tôi hoàn toàn khác biệt nhau. Winston đã tỏ ra rất ngạc nhiên và thích thú. Khi tôi lặp lại điều tương tự ở trong vườn, ông đã xin lỗi và tỏ ra phẫn khích. Tuy nhiên, điều đó khiến người ta cảm thấy thất vọng thấy ông bị cảm xúc chi phối trong khi lẽ ra nên suy nghĩ và lập luận có lý trí.

Cũng về phiên họp đó, John Colville viết: “Nội các đã cân nhắc khả năng của chúng ta trong việc tiến hành cuộc chiến một mình trong hoàn cảnh như vậy. Đó cũng là dấu hiệu cho thấy Halifax đang trở thành một kẻ thất bại. Ông ấy nói rằng mục tiêu của chúng ta không còn là đánh bại quân Đức nữa, mà là bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ cũng như nền độc lập tự do của đất nước”.

“Cuộc tản bộ trong vườn” chính là hành động liều lĩnh nhưng rất thành công của Churchill. Ông không thừa nhận bất kỳ điều gì để phủ nhận lập luận chia rẽ đáng sợ của Halifax. Theo biên bản ghi lại thì ngay sau cuộc họp, những khác biệt giữa thủ tướng và ngoại trưởng, đã thể hiện rõ ràng. Mục tiêu chính là để cuộc thảo luận của Nội các tập trung vào những gì mà chính phủ Anh cần nói với Reynaud. Với quân đội lẫn chính phủ rã rời của mình, Reynaud chắc chắn sẽ bám vào Mussolini như một người trung gian.

Những điểm nổi bật nhất trong biên bản cuộc họp của Nội các được ghi lại như sau:

Thủ tướng nói rằng ghi chú của ngoại trưởng đã cho thấy cách tiếp

cận với Mussolini mà M. Reynaud muốn chính phủ Pháp và Anh thực hiện... Mọi người có thể cho rằng một biện pháp mập mờ được đề xuất bởi M. Reynaud không giống với biện pháp mà chúng ta đã yêu cầu Tổng thống Roosevelt áp đặt cho Mussolini. Tuy nhiên, đó là một thỏa thuận hợp lý cho thấy sự khác biệt giữa việc tự đề ra biện pháp và sử dụng biện pháp được đề xuất bởi Tổng thống Roosevelt. Nhìn bề ngoài thì đó giống như là một sáng kiến của ông ấy.

Viện trưởng Viện Cơ mật [Chamberlain]... nghĩ rằng sẽ thật không may nếu [quân Pháp] biết được điều này [cảm giác họ đã bị chơi khăm bởi cuộc hành quân ra biển của BEF], rằng chúng ta đã không quyết tâm ngay cả trong việc tạo cho họ cơ hội để đàm phán với Ý.

Thủ tướng nói rằng ông đang chịu áp lực ngày một tăng với sự thiếu hiệu quả trong biện pháp được đề nghị áp dụng đối với Mussolini, một điều mà chắc chắn Mussolini sẽ coi thường. Biện pháp đó sẽ làm M. Reynaud mất nhiều uy tín hơn nếu ông kiên quyết giữ vững lập trường...

Đây là khi Halifax khiến sự khác biệt giữa ông và Churchill trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết:

Ngoại trưởng nói rằng ông không nhìn thấy những khó khăn đặc biệt trong việc chọn giải pháp được đề xuất bởi Viện trưởng Viện Cơ mật. Tuy nhiên, ông ý thức về những khác biệt sâu sắc chắc chắn tồn tại trong quan điểm mà ông sẽ làm rõ... Trong cuộc thảo luận của ngày hôm trước, ông đã hỏi thủ tướng, với điều kiện những vấn đề quan trọng đối với nền độc lập của đất nước này không bị ảnh hưởng, rằng ông có được chuẩn bị để thảo luận các điều khoản hay không. Thủ tướng đáp rằng ông sẽ rất biết ơn nếu có thể thoát khỏi tình cảnh hiện tại dựa vào những điều khoản như vậy, giả sử chúng ta vẫn giữ được những tinh túy và yếu tố cần thiết cho sự tồn tại, ngay cả khi cái giá phải trả là nhượng

bớt một phần lãnh thổ. Tuy nhiên, trong tình huống hiện nay, thủ tướng cho rằng chúng ta không còn có thể nghĩ đến bất kỳ điều kiện nào, ngoại trừ chiến đấu đến cùng...

Thủ tướng nói rằng vấn đề mà Nội các Chiến tranh nêu ra để tìm sự ổn định là khá khó khăn. Chưa kể đến cuộc thảo luận đối với một vấn đề vốn khá phi thực tế và hầu như không thể phát sinh. Nếu Hitler sẵn sàng tạo lập hòa bình dựa trên những điều khoản liên quan đến việc hoàn lại những 6 thuộc địa của Đức và cương vị chúa tể của Trung Âu, thì đó sẽ là một vấn đề khác. Tuy nhiên, ông ta hầu như sẽ không chấp nhận đưa ra một lời đề nghị như vậy.

Phiên họp đã đi đến kết luận trong một bản ghi chú mơ hồ. Biên bản cuộc họp của Nội các được lập ra để che giấu sự khác biệt bằng cách tránh né những cụm từ sắc bén. Tuy nhiên, nó lại cho thấy rõ rằng sự khác biệt vẫn tồn tại ở đó và chưa được giải quyết thấu đáo. Biên bản còn cho thấy các bộ trưởng đang chọc các quả billiard theo những hướng ngẫu nhiên khác nhau, thay vì chỉ tập trung vào một quyết định chính xác. Nhưng rồi một ngày mới vẫn đến. Vào Thứ ba ngày 28 tháng 5, cuộc họp đã bắt đầu theo cùng hình mẫu của Thứ hai ngày 27. Cuộc họp của Nội các Chiến tranh đã diễn ra vào 11g30 trưa, nhưng chủ yếu tập trung vào những vấn đề hoạt động, với những người ngoài cuộc trên năm người, cộng với sự có mặt của Sinclair. Roger Keyes đã xuất hiện để nêu lên vấn đề liên quan với sự kiện đầu hàng của Bỉ.

Ngay sau bữa ăn trưa hôm đó, Churchill đã có một bài phát biểu ngắn trước Nghị viện, hứa hẹn về một bài phát biểu trọn vẹn và đầy đủ hơn vào một thời gian nào đó trong tuần. “Trong khi đó, Nghị viện nên chuẩn bị cho những tin tức quan trọng và khó khăn hơn”. Không một câu hỏi nào được nêu ra và chỉ có hai nhận xét ủng hộ ngăn ngui được gửi đi.

Vào 4 giờ chiều, Nội các Chiến tranh tiếp tục họp để bàn về những vấn đề chưa giải quyết xong của hai ngày trước, cuộc họp lần này không diễn ra ở Phố

Downing mà là trong phòng thủ tướng ở Hạ viện. Trước đây, Churchill từng nói: “Quân Pháp đang tìm cách hướng chúng ta theo một hành động sai lầm. Vị thế sẽ hoàn toàn khác biệt khi quân Đức có một nỗ lực bất thành để xâm lược đất nước này”. Halifax đã đáp lại: “Chúng ta không được quên đi sự thật rằng mình phải đạt được những điều khoản tốt hơn trước khi Pháp rút khỏi cuộc chiến, cũng như khi những nhà máy sản xuất máy bay chiến đấu của chúng ta bị đánh bom, thay vì tỏ ra hợp tác trong quãng thời gian ba tháng”.

Sau đó, thủ tướng đã đọc một bản thảo thể hiện quan điểm của ông. Đối với ông, điều quan trọng nhất là việc M. Reynaud [còn được gọi là Lord Halifax] muốn chúng ta đến bàn hội nghị với “Herr” Hitler. Nếu ngồi bên chiếc bàn đó thì chúng ta nên tìm những điều khoản giúp tiếp cận được nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của mình. Đến mức này, khi phải rời khỏi bàn hội nghị, chúng ta nên tìm đến với sức mạnh của lòng quyết tâm, một nguồn sức mạnh lẽ ra đã tan biến.

Cuộc họp đã kết thúc sau khoảng một tiếng rưỡi với một loạt những nhận xét vụn vặt từ các bộ trưởng. Màn chơi billiard snooker tiếp tục diễn ra theo những hướng khác nhau mà không cho thấy hy vọng rõ ràng về sự tập trung.

Kế đó, Churchill tham gia vào một hoạt động được xem là thủ đoạn ngoại giao tuyệt vời nhất của ông. Một số người còn xem đây là phần thưởng bất ngờ may mắn nhất trước những thử thách kỳ lạ chỉ trong ba ngày. Ông đã triệu tập một cuộc họp lúc 6 giờ giữa các cấp bộ trưởng Nội các, những người không có mặt trong Nội các Chiến tranh. Nếu là một thủ đoạn ngoại giao có kế hoạch thì đây quả là một ví dụ kinh điển đối với việc triệu tập vòng đàm phán bên ngoài để bù đắp cho sự cân bằng bên trong. Trong hồi ký chiến tranh, Churchill đã luôn đề cập tầm quan trọng của cuộc họp này nhưng không thông tin đầy đủ về động cơ triệu tập cuộc họp: Tôi đã không gặp rất nhiều đồng nghiệp của mình bên ngoài Nội các Chiến tranh, ngoại trừ một số cá nhân, kể từ sau khi chính phủ thành lập, và tôi nghĩ rằng việc tổ chức cuộc họp này là hoàn toàn thích đáng...”. Tuy nhiên, ông không đánh giá thấp tầm quan trọng của cơ hội. Sau khi ông nói:

“Tất nhiên, dù bất kỳ điều gì xảy ra ở Dunkirk thì chúng ta vẫn sẽ tiếp tục chiến đấu”, ở đó đã diễn ra một sự kiện đặc biệt. Khi xem lại cuộc họp đó (với 25 chính khách và thành viên Quốc hội đầy kinh nghiệm, những người đại diện cho tất cả các quan điểm khác nhau, dù đúng hay sai, trước cuộc chiến) khá đông người dường như đã nhảy khỏi bàn và chạy đến bên ghế, la hét và vỗ vỗ vào lưng Churchill.

Sau này, Hugh Dalton còn bổ sung thêm một số ghi chú bên lề nhật ký của mình, rằng Churchill cũng đã nói: “Nếu câu chuyện dài này cuối cùng cũng kết thúc, thì hãy để nó kết thúc khi mỗi người chúng ta nằm bất động trong vũng máu”. Hiện tại không thể nói trước liệu đây có phải là phép cường điệu hóa của Churchill hay không, hay đó chỉ là tác phẩm cóp nhặt của Dalton theo một phong cách mà Dalton vốn rất ngưỡng mộ và không từ nào có thể được xem là “quá đáng” theo thiên kiến của ông ta. Thật đáng tiếc khi Churchill chưa bao giờ có thể đáp lại những tình cảm nồng ấm từ một người có năng lực và rất can đảm, dù đôi khi hơi khoa trương, đó là Dalton. Dù thực tế của câu nói này ra sao thì dường như chẳng có lý do nào để nghi ngờ sự chính xác trong lời mô tả của Dalton về cảnh tượng (nhìn chung đã được khẳng định bởi chính Churchill) hoặc của những chi tiết bổ sung của ông ta. Cảnh tượng đó là ba nhà lãnh đạo đã chúc tụng là Amery (bất chấp thái độ thù địch trước đây), Lord Lloyd (một trong những người ủng hộ Churchill trong cuộc tranh luận Dự luật về Ấn Độ và nhìn chung là một đảng viên Đảng Bảo thủ thuộc cánh hữu) và đích thân Dalton (nhà xã hội ủng hộ đảng phái, thậm chí còn là một người yêu nước cuồng nhiệt và chống đối Đức). Đó là một sự phô trương thích hợp. Cuộc gặp mặt lần này đã làm tươi mới và cổ vũ tinh thần cho Churchill.

Vào 7 giờ tối, ông lại họp mặt với nhóm nội bộ, những người lúc đó hẳn đã kiệt sức với sự chia rẽ bởi phe phái và những lập luận của nhau. Đó là cuộc họp thứ chín trong ba ngày và cũng là cuộc họp lần thứ tư được đặc biệt dành cho cuộc đối đầu Halifax - Churchill. Đó là những cuộc đối đầu chiếm gần hết thời gian và hình thành nên một trận đấu lịch sử. Tuy nhiên, tính nghiêm trọng của

hoàn cảnh lại xứng đáng với điều đó, với ánh chớp của tinh thần sắt đá vẫn thỉnh thoảng chiếu soi. Tâm trạng của Churchill hiện tại rất “il faut en finir” (kiên quyết). Dù mọi việc có xảy ra như thế nào, nếu không có sự kích thích của những nhóm đối thủ, sẽ chẳng có gì để nói đến. Dù sao đi nữa, ông cũng thẳng thắn trình bày trước Nội các Chiến tranh về chất lượng của các bộ trưởng cấp thấp: Họ “đã bày tỏ sự thỏa mãn cao độ khi nghe ông nói rằng sẽ không có chuyện từ bỏ chiến đấu. Ông không nhớ việc mình từng nghe kể về một cuộc họp mặt của nhiều người đang giữ những chức vụ cao trong đời sống chính trị, những người đã cố tình nhấn mạnh vai trò của mình”. Và Halifax đã nhận ra thất bại. Một phần do Chamberlain đã không còn ủng hộ nữa, và một phần do chính ông ta đã bị thuyết phục bởi những lời phỉnh phờ (khi ở trong vườn) và lòng quyết tâm (trong phòng họp Nội các) của Churchill. Ông đã nghĩ đến một cách thoái lui đầy quanh co. Nhưng ông vẫn còn đó hy vọng đối với việc buộc Roosevelt, tìm cách điều đình: “Ngoại trưởng một lần nữa đã đề cập yêu cầu được gửi đề xuất đến Mỹ”. Tuy nhiên, Churchill đã tỏ ra kiên quyết một cách đầy thận trọng với “điệu nhảy minuet” ngoại giao này:

Thủ tướng nghĩ rằng lời đề nghị này đối với nước Mỹ vào thời điểm hiện tại là khá sớm. Nếu chúng ta giữ vững lập trường để chống lại quân Đức thì điều đó sẽ tạo ra sự ngưỡng mộ và lòng tôn trọng của họ, nhưng với một biện pháp tiếp cận mang tính bợ đỡ, nếu được thực hiện ngay bây giờ, thì sẽ tạo ra một ảnh hưởng cực kỳ tồi tệ. Vì thế, ông không thích bất kỳ đề xuất nào liên quan đến chủ đề nhạy cảm trong thời điểm hiện tại.

Sau đó, ông đã hoãn cuộc họp đến gần 20 phút. Khi quay lại văn phòng Bộ Hải quân (nơi ông đã ở cho đến ngày 14 tháng 6, thể hiện sự quan tâm thái quá đối với Chamberlain, người thậm chí chỉ phải di chuyển từ số 10 đến số 11 phố Downing), ông đã cảm thấy ăn ngon miệng hơn so với hai đêm trước đó. Lúc 11g40 trưa, ông gửi cho Reynaud một thông điệp chắc nịch mà ông đã trình bày

với Halifax bốn giờ trước: “Theo quan điểm của tôi, nếu cả hai chúng ta cùng tỏ rõ thái độ, thì sẽ có thể tự cứu mình thoát khỏi một số phận như Đan Mạch hay Hà Lan. Thành công của chúng ta ban đầu sẽ phụ thuộc vào tinh thần đoàn kết, sau đó mới dựa vào lòng can đảm và sức chịu đựng”. Sự khác biệt là Churchill đã có thể dần dần đánh bại Halifax, nhưng ông lại không thể đánh bại kẻ thất bại trong chính phủ Pháp.

Tuy nhiên, ông đã giành được chiến thắng đầu tiên và cũng là một trong những chiến thắng quan trọng nhất trên cương vị thủ tướng. Chiến thắng đó đã đến sau khi những tin tức tốt lành hơn cả mong đợi về cuộc di tản Dunkirk được báo về. Điều này không phải là một hệ quả tất yếu, không giống như việc chiến thắng thường dẫn đến chiến thắng, trong khi thất bại nối tiếp thất bại. Như một thông lệ, trong cuộc họp của Nội các vào 11g30 trưa hôm sau, Churchill đã có thể báo cáo lại rằng 40 ngàn quân đã đổ bộ an toàn. Trong ba ngày tiếp theo, lại 200 ngàn quân khác trở về. Hoàn cảnh này đã thay đổi khả năng bảo vệ đất nước. Điều này, cùng với chiến thắng trong Nội các Chiến tranh, đã củng cố thêm sự tự tin của ông. Vào buổi sáng sau khi có kết luận về trận chiến trong Nội các, ông đã lập ra biên bản sau để gửi đến các bộ trưởng và các viên chức cao cấp:

Trong những tháng ngày đen tối này, thủ tướng sẽ rất biết ơn nếu tất cả đồng nghiệp của ông trong chính phủ, cũng như những viên chức cấp cao, duy trì được hào khí trong công việc. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu áp lực của những sự kiện mà còn thể hiện sự tự tin vào khả năng và quyết tâm cao độ để tiếp tục cuộc chiến. Chúng ta sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi đánh tan ý chí của kẻ thù, kẻ đang buộc toàn thể châu Âu phải chịu sự thống trị của hắn.

Nhìn chung Churchill không phải là người thù dai. Nhưng thật khó để tin rằng những sự kiện diễn ra vào các ngày 26 - 28 tháng 5 lại không liên quan gì đến ý kiến của ông (khi Lord Lothian hy sinh ở Washington vào tháng 12), để

loại bỏ Halifax khỏi hậu trường London. Rất nhiều bộ trưởng cấp cao đã đến gặp Halifax để chứng kiến việc ông rời khỏi ga King's Cross. Ông đã đến Scapa Flow khi một tàu chiến hạng nặng băng qua Đại Tây Dương. Số người đến để chứng kiến cảnh tượng ra đi của vị đại sứ lần này có thể được xem là nhiều nhất trong lịch sử. Sau sự khởi đầu có phần do dự, ông đã chứng tỏ mình là một người đại diện thành công và tận tụy của nước Anh trong một vị trí chiến lược quan trọng. Churchill muốn Eden chứ không phải Halifax làm ngoại trưởng trong suốt phần thời gian còn lại của cuộc chiến. Tám năm sau đó, trong cuốn hồi ký, kết hợp giữa tấm lòng nhân hậu cao cả (hướng đến Halifax) và sự dối trá, Churchill đã viết đoạn thông điệp ngoạn mục nhất thể hiện một thông tin sai lệch đã xuất hiện trong cả sáu tập sách:

Các thể hệ tương lai rõ ràng cần quan tâm đến câu hỏi liệu chúng ta có nên chiến đấu một mình hay không thì sẽ không bao giờ tìm thấy một vị trí trong chương trình nghị sự của Nội các Chiến tranh. Điều này được tất cả các đảng phải thừa nhận và xem đó là một chuyện tất nhiên. Chúng ta quá bận rộn để có thể lãng phí thời gian vào những vấn đề hàn lâm, phi thực tế này.

Chương 32

SẮC MÀU TỐI TỆ CỦA MÙA HÈ 1940

Đối với những người dân Anh, nỗi đau của tháng 6 năm 1940 chính là sự sụp đổ của nước Pháp. Đối với Churchill và những người thân cận với ông, điều này còn hơn cả sự sụp đổ của các thế lực bên ngoài nước Pháp. Nước Pháp có một đội quân thủy chiến hùng mạnh, đứng thứ tư trên thế giới, và là một đế quốc có mặt ở Bắc Phi. Nước Pháp có tác động liên quan chặt chẽ tới mối quan hệ Mỹ - Anh. Ngay vào đầu tháng 6, Churchill đã cảm nhận rõ ràng về sự mất mát của nước Pháp. Ông đã nỗ lực rất nhiều để giữ quốc gia này trong chiến tranh nhưng không có một yếu tố nào để có thể thông qua những đề nghị và hành động do các thế lực bên ngoài nước Pháp.

Ngày 4 tháng 6 mùa hè năm đó, Churchill đã trình bày một bài diễn thuyết trong hội đồng Nghị viện. Không giống như bài phát biểu ngày 26 tháng 5, bài trình bày này rất dài (30 phút) và rất gây ấn tượng, hoàn toàn do chính tay ông, một thủ tướng chính phủ, soạn từ đầu đến cuối. Làm thế nào ông chọn được thời điểm đúng để đưa ra những bài phát biểu thử thách lòng tin. Tất nhiên khả năng thuyết phục lưu loát của ông là một yếu tố quan trọng nhưng phải kể đến khoảng thời gian hàng giờ ông tập trung để làm nên tác phẩm. Đối với mùa hè quyết định đó, khoảng thời gian này rất hữu ích trong việc quyết định và tạo dựng đỉnh cao sự nghiệp của ông. Những bài diễn văn của ông, cũng tương tự như tác động của dàn hợp xướng trong một vở nhạc kịch Hy Lạp. Những bài hùng biện đầy tính thuyết phục ấy, nếu đặt trong một thời điểm kém quyết định hơn có lẽ được xem là bị thổi phồng quá mức. Những cách nhìn nhận của ông không chỉ phù

hợp với thái độ sống lúc bấy giờ mà còn tồn tại trong vòng sáu thập kỷ, ăn sâu vào tâm trí của lớp trẻ thời đó và cho tới bây giờ khi họ đã trở thành những ông bà lão. Nó chính là niềm cảm hứng cho cả một quốc gia và với chính ông nó là niềm phấn chấn xen lẫn hồi hộp, giúp ông nâng cao tinh thần của mình và nhờ đó tạo động lực mạnh mẽ dồn toàn bộ sức lực vào công việc. Rõ ràng Churchill rất hài lòng về những nỗ lực trong bài diễn văn ngày 4 tháng 6 và cách nó được tiếp nhận, mặc dù những phản ứng của các nhân vật thuộc Đảng Bảo thủ không được niềm nở lắm. Tuy nhiên, Charnon, đã nhanh chóng cảm nhận được. Ông viết: “Churchill là một diễn giả rất có tài hùng biện và ông dùng một thứ Anh ngữ hết sức cao quý”, đặc biệt làm cho “nhiều thành viên trong Công Đảng bật khóc”. Một thành viên khác trong Công Đảng, một người tài năng nhưng đôi khi cũng hơi ngông cuồng, đại tá Josiah Wedgwood, đã viết cho Churchill (từng là bạn và cùng chung một đảng đồng minh với ông): “Một bài diễn văn trị giá 1.000 đồng vàng và là bài hùng biện của một ngàn năm lịch sử”.

Tác động đối với Churchill trong thắng lợi này (ông nhận thức rất rõ đây chính là thắng lợi của ngôn từ chứ không phải quyền năng của thượng đế) đã giúp ông dùng những lời lẽ nhẹ nhàng hơn trong một hoặc hai bức thư viết tay khi đưa ra những đề nghị trì hoãn. Churchill viết cho Baldwin, người mà trước đó hơn hai tuần đã gửi cho ông những mong muốn tràn đầy nhiệt huyết. Churchill kết luận “Tôi không cảm thấy gánh nặng mình đảm nhận là quá lớn nhưng cho tới giờ phút này tôi vẫn không thể khẳng định là mình rất thích ngồi vào ghế thủ tướng”. Và ông cũng viết một bức thư gửi nhà vua cảm ơn vì đã chấp nhận những tiêu chuẩn hơi thiếu rõ ràng của các ủy viên Hội đồng Cơ mật Hoàng gia Anh cách đó một tuần hoặc lâu hơn. “Một ngày mới tốt đẹp sẽ đến, mặc dù chưa có gì là chắc chắn”, đó chính là câu kết trong bức thư.

Hai tuần tiếp theo khi bài diễn văn “Ngôi nhà chung” của Churchill diễn ra vào ngày 18 tháng 6, sau ngày Pháp thỏa thuận ngừng bắn, đã có tác động mạnh tới mối quan hệ với Pháp. Và có những nỗ lực của ông không mấy khó hiểu nhưng hơi quá lạc quan trong việc thuyết phục Pháp rằng liệu họ có thể giữ tình

hình lâu hơn trong vài tuần để Mỹ có thể tự nguyện nhảy vào cuộc chiến. Trong khoảng thời gian mùa hè năm 1940 chưa bao giờ có một cơ hội mỏng manh nào để điều này xảy ra. Đầu tiên, Roosevelt làm việc với hội nghị Đảng Dân chủ vào tháng 7 và lấy ủng hộ cho một nỗ lực chưa từng xảy ra. Sau đó, vào tháng 11, ông chính thức tái tranh cử. Và trong suốt quá trình tranh cử, ông nghĩ cần phải thông báo rộng rãi ở Boston rằng: “Những chàng trai của chúng ta sắp được tung vào một cuộc chiến ở nước ngoài” vào ngày 30 tháng 10. Và ngay cả sau khi cuộc tranh cử đã giành chiến thắng, phải cần thêm 13 tháng nữa và một phương thức trực tiếp để đưa nước Mỹ tham gia cuộc chiến.

Mặc dù Roosevelt đã tấn công bằng một thông báo mạnh mẽ rộng khắp trên các phương tiện truyền thông vào ngày 10 tháng 6 khi phát biểu rằng: “Chúng ta sẽ mở rộng thế lực để giành lấy những nguồn tài nguyên của quốc gia”, Churchill vẫn mơ tưởng khi ông bảo đảm chắc chắn với nước Pháp, các chính trị gia và những nhân vật tại hội đồng chiến tranh cấp cao lần thứ 11 gần Briare: “Theo quan điểm của nước Anh, khi cuộc tấn công xảy ra trên lãnh thổ vương quốc này thì rất có khả năng sẽ lôi kéo Mỹ vào cuộc chiến”.

Churchill cũng thông báo tương tự với Nội các Chiến tranh vào cuối cuộc họp ngày 13 tháng 6:

Từ khi về nước (từ chuyến viếng thăm nước Pháp hai ngày lần thứ hai) Reynald đã nhận được một tin nhắn quan trọng từ tổng thống Roosevelt... Ông cho rằng nó giống như một lời tuyên bố chiến tranh và có thể tổng thống sẽ thực hiện mà không cần thông qua bất kỳ một cuộc họp Quốc hội nào. Ông khó có thể thúc giục Pháp tiếp tục chiến đấu và vượt qua tất cả những khó khăn gặp phải nếu nước Mỹ không có ý định nhảy vào để hỗ trợ. Trong tương lai không xa, nếu ý định của ông không được cả quốc gia đồng ý thì điều rõ ràng là ông sẽ gạt tất cả qua một bên.

Có thể nghĩ rằng ông đang muốn đem lại những niềm lạc quan giả tạo cho

các bộ trưởng Pháp (những người đang rất cần) và cho cả Nội các Chiến tranh của Anh, hành động này của ông được xem là hợp lý.

Tuy nhiên, ông phải nhận thức một cách tỉnh táo về những gì mình đạt được trong những giờ phút khó khăn ấy. Sự thật phũ phàng chính là trong suốt tháng 6, tất cả những hành động thực tế mà Roosevelt và Mỹ đã làm không có gì khác ngoại trừ những lời nói, những từ ngữ chỉ nhằm khuấy động và khích lệ.

Một Churchill với đầu óc thực tế đã gửi đến Mackenzie King, thủ tướng Canada, một bức điện vào ngày 5 tháng 6:

Mặc dù tổng thống là người bạn thân thiết của chúng tôi, nhưng cho tới giờ phút này chúng tôi chưa nhận bất cứ một sự giúp đỡ thực tế nào từ nước Mỹ. Chúng tôi không mong Mỹ gửi tới những viện trợ quân dụng. Nhưng họ còn không có những đóng góp có giá trị ngay cả một chiếc máy bay hay một chuyến viếng thăm của hạm đội Hoa Kỳ đến những cảng phía nam của vùng đất Ireland.

Ngày 15 tháng 6 (một ngày sau khi Đức chiếm đóng Paris) và đối lập hoàn toàn với thái độ lạc quan 36 giờ trước đó, Churchill bị buộc phải thông báo tới toàn Nội các Chiến tranh một nguồn tin không mấy tốt đẹp mà ông nhận được từ Tổng thống Roosevelt. “Tổng thống hy vọng rằng chúng ta nhận thấy được rằng nước Mỹ đang làm tất cả những gì có thể để cung cấp nguyên vật liệu và những viện trợ cần thiết”. Thông báo của ông ngày 13 không hề có một chút ý định nào muốn thừa nhận sự tham gia của nước Mỹ vào cuộc chiến. Và để được đánh giá tốt, Roosevelt bổ sung thêm về việc không hề đồng ý hành động công bố rộng rãi bức điện gửi tới ngài Reynaud vào ngày 13 (việc mà cả hai nước Pháp và Anh đều muốn làm).

Không hề có một chuyến viếng thăm nào của hải quân Hoa Kỳ tới cảng Nam Ireland và những chiếc khu trục hạm đã hơi lỗi thời của Mỹ. Những điều Churchill yêu cầu đã không xảy ra cho tới cuối tháng 8.³⁴ Và đáp lại là một thỏa

thuận thương thuyết hết sức khó khăn, trong đó Mỹ có những quyền lợi về một loạt những căn cứ lãnh thổ nước Anh xuyên Đại Tây Dương từ phía Tây Ấn Độ và những vùng lân cận tới Newfoundland (một đảo thuộc Bắc Đại Tây Dương). Tuy nhiên, Churchill có dự nhận thức và tinh tế để biết được ai mới chính là kẻ đòi hỏi để tránh thể hiện bất kỳ thái độ bất mãn hay thiếu kiên nhẫn nào. Trong suốt những tuần lễ hết sức khó khăn đó, ông vẫn giữ phong thái lịch sự trong tất cả những bức điện gửi tới Roosevelt. Điều quan trọng nhất ông làm chính là chỉ ra được việc nước Mỹ sẽ bị tổn thương như thế nào nếu Hitler giành được quyền kiểm soát, không chỉ lực lượng hải quân Pháp mà còn của cả nước Anh. Ông có cách nhìn nhận thẳng thắn về những biến động lớn ngay cả khi nó có thể xảy ra đột ngột trong mối tương quan với Roosevelt hơn bất kỳ người nào khác.

Ông đã viết vào ngày 15 tháng 6: “Nếu chúng tôi nhân nhượng, các bạn có thể sẽ có một nước Mỹ của châu Âu dưới quyền của Đức Quốc xã đông đảo hơn, mạnh mẽ hơn và được trang bị vũ khí tối tân hơn Tân thế giới rất nhiều”. Không rõ viễn cảnh này làm Roosevelt lo sợ ra sao. Nhưng dần dần sự phối hợp giữa thái độ kiên nhẫn đầy vẻ thân thiện đi kèm đôi lúc những cái nhìn kinh sợ thoáng qua đã giúp đem lại cho nước Anh khá nhiều vũ khí trong thỏa ước Lend-Lease (một thỏa ước thuê mượn vũ khí) vào tháng 3 năm 1941. Và cuối cùng từ sự gây hấn của Nhật Bản, Mỹ đã đi đến cam kết hoàn toàn và dứt khoát vào tháng 12 về sự giúp đỡ đối với nước Anh.

Hai chuyến viếng thăm cuối cùng của Churchill trong tổng cộng sáu lần ghé thăm nước Pháp vào đầu mùa hè năm 1940 vào khoảng thời gian 11 ngày, từ ngày 2 đến 13 tháng 6. Chuyến cuối cùng của ông tới Paris là vào 31-5. Ngày 10 tháng 6, ông muốn ghé qua nơi này một lần nữa. Nhưng nhận thấy chính quyền Pháp đang bận bịu với việc tiêu hủy những tài liệu lưu trữ đồng thời tìm những điểm dừng chân mới cho hoạt động di tản, chưa sẵn sàng để đón tiếp, nên ông đã không ghé. Tuy nhiên ngày 11 tháng 6, họ thu xếp với ông một cuộc hẹn tại Briare gần Orleans, 70 dặm về phía nam Paris. Tướng Spears đi cùng Eden, Dill, Ismay và nhiều thành viên hội đồng.

Họ gặp nhau vào 7 giờ sáng. Ngòi bút của Anthony Eden đã mang lại một sự miêu tả sống động: “Trong giờ phút mà thủ tướng Churchill tuyên bố với nước Pháp rằng chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu, nếu cần thiết, tôi đã quan sát thái độ của phía đối phương. Một Reynald đầy bí hiểm và một Weygand lịch thiệp khó có thể che đậy được nét hoài nghi. Marshal Pétain thì ngờ vực một cách bồn cợt. Mặc dù không nói gì nhưng thái độ của ông rõ ràng là *Cest de la blague* (Đây là một trò đùa)”. Weygand không thể nào lỗ mãng hơn và lúc nào cũng ủng hộ tư tưởng chủ bại. Ông phát biểu: “Tôi không làm được việc gì có ích cả, tôi không muốn can thiệp vào vì tôi không có một đội quân dự bị, không hề có. *Cest la dislocation* (Đây sẽ là một sự chuyển dời)”.

Còn có thêm một cuộc họp sau bữa tối và một bữa sáng hoành tráng bắt đầu lúc 8 giờ hôm sau (hơi sớm để Churchill có thời gian chuẩn bị trang phục và sẵn sàng cho một buổi thảo luận). Cho tới lúc đó, Pétain theo một quan điểm riêng. Và tướng De Gaulle (một thiếu tướng 45 tuổi vừa được bổ nhiệm phụ tá bộ trưởng trong chiến tranh), nhân vật tạo được thiện chí trong cuộc họp tối hôm trước, lại đại diện cho một hướng nhìn nhận khác. Buổi nói chuyện không đạt được nhiều kết quả. Có hai quan điểm tranh cãi. Nước Pháp, cũng giống như trong cuộc họp trước, muốn có thêm nhiều hỗ trợ về không quân từ Anh. Nước Anh, trong khi thỏa mãn những đề xuất không mấy thoải mái vẫn luôn muốn xác định quyền nắm giữ phần lớn lực lượng để dành cho giai đoạn tiếp theo của cuộc chiến, một cuộc tấn công của Đức vào nước Anh. Anh muốn Pháp bảo vệ Paris tránh bị phá hủy. Thủ tướng hỏi: “Liệu toàn bộ người dân Paris và các vùng lân cận khi đối mặt với những khó khăn có chia rẽ và trì hoãn kẻ thù như thời điểm năm 1914 hay lại giống như Madrid [trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha]”. Câu trả lời của Pétain đã làm dịu lại vấn đề: “Làm cho Paris trở thành một thành phố đổ nát không hề tác động đến kết quả này”. Weygand thêm vào: “Chúng tôi đã thông báo cho chính quyền đại diện Paris là thành phố này sẽ được công bố thành một thành phố mở và không hề có một nỗ lực kháng cự nào được tạo dựng trong lòng thủ đô. Có rất nhiều người không có khả năng tự bảo vệ và chúng tôi

không thể nào đứng nhìn thành phố này bị phá hủy bởi những trận oanh tạc của quân Đức”.

Thủ tướng và phái đoàn của mình bay trở về London dự một cuộc họp Nội các Chiến tranh lúc 5 giờ chiều. Hầu như kết quả duy nhất của chuyến viếng thăm này là Churchill có thể tin rằng ông đã nắm trong tay sự bảo đảm của chỉ huy lực lượng hải quân Darlan: “Hải quân Pháp sẽ không bao giờ đầu hàng quân địch”. Trong phương án cuối cùng, Churchill đã báo cáo, ông sẽ gửi thông tin đó đến Canada. Tuy nhiên, thủ tướng cẩn thận bổ sung, “tất nhiên sẽ có nhiều nguy hiểm nếu trong trường hợp ông ta bị các chính trị gia gạt bỏ”.

Mặc dù hội nghị Briare không đem lại kết quả gì đáng kể, nhưng Churchill cũng đã đồng ý một yêu cầu từ phía Reynald (do đường kết nối điện thoại không tốt nên phải mất một lúc lâu để Churchill hiểu được điều Reynald muốn) là sẽ lại bay tới Pháp vào hôm sau, Thứ năm ngày 13 tháng 6 để dự một cuộc họp vào buổi chiều tại tòa thị trường, chính quyền Pháp hiện đang được di chuyển về phía Tây. Ông ra đi với tâm trạng hết sức bối rối vì sợ rằng một cuộc gặp gấp gáp chỉ có nghĩa rằng nước Pháp muốn được thoát khỏi trách nhiệm và không muốn chấm dứt tình trạng hòa bình riêng rẽ. Phái đoàn Anh đã đi đến phi trường Tour, một nơi đầy thương tích bom đạn (do một cuộc tấn công vào đêm hôm trước). “Máy bay hạ cánh rất khó khăn vì cơn bão, và chúng tôi không được bất kỳ ai chào đón hay đưa rước. Phiền phức hơn, họ còn mượn một sĩ quan chỉ huy sân bay của Citron và đưa chúng tôi đến tòa thị trường, mà dường như người này không hề có một sự chuẩn bị nào”. Sau này, Churchill đã viết lại: “Lúc đó đã gần 2 giờ và tôi có thể khẳng định nhờ vào buổi tiệc trưa...”. Ismay, người cùng đi với Spears, nhân vật thường xuyên của buổi tiệc (cộng thêm Halifax và một người nữa có vẻ không phù hợp cho lắm trong trường hợp này là Breaverbrook) đã điền thêm vào những chi tiết một cách chính xác.

Cuối cùng, Reynald và các cộng sự của ông cũng xuất hiện và sau đó cuộc họp của hội đồng chiến tranh cấp cao bắt đầu lúc 3g30. Đúng như điều Churchill đã lo sợ, nước Pháp với một lực lượng quân đội không mấy ổn định và dường

như mất hết ý chí chiến đấu, mong mỗi một cuộc đình chiến và mơ ước tìm kiếm một sự tự do mà không phải gánh chịu những lời chỉ trích của nước Anh. Đây không phải là điều Churchill có thể sẵn sàng đáp ứng vào lúc này, mặc dù ông đã đề xuất lời khẩn cầu cuối cùng đến Roosevelt, và yêu cầu Reynauld chấp nhận một sự trì hoãn không quá giới hạn.

Khi Churchill bước xuống khỏi chiếc phi cơ xập xệ của hãng hàng không Tours vào cuối ngày, ông không biết phải bốn năm sau, cho tới ngày 12 - 6 - 1944, một tuần sau ngày “D” (ngày quân Đồng minh đổ bộ lên nước Pháp trong Thế chiến II), ông mới được bước lên vùng đất của người Normandy để viếng thăm Montgomery (cùng đi với Smuts và tổng chỉ huy quân Anh Alan Brooke) tại tổng hành dinh của ông nằm ở lâu đài Creully. Churchill chưa hề chuẩn bị trước cho sự chia cắt kéo dài. Thật ra chỉ ba ngày sau đó, ông đã lên kế hoạch gặp mặt Reynaud tại cảng nước Anh. Một cơ quan nước ngoài được hướng dẫn gửi một bức điện từ tòa đại sứ Anh tới Pháp (tại Bordeaux), trong thư sử dụng lối trình bày ở thì tương lai (nhưng hóa ra lại là không phù hợp): “Người đứng đầu chính phủ Anh, cùng đi với bộ trưởng cấp cao của Nội các Anh [Altte] và bộ trưởng Không quân [Sinclair] kèm theo một vài nhân vật khác nữa sẽ đến Concarneau lúc 12 giờ trưa hôm sau, ngày 17, trên một chiếc tàu dành để gặp gỡ M. Reynaud”.

Không lâu sau đó có một tin nhắn được gửi tới, Churchill đến ga Waterloo bắt một chuyến tàu đặc biệt đi Southampton để lên tàu tuần dương. Một bức điện mật đến từ Bordeaux: “Buổi gặp mặt bị hủy bỏ”. Lúc đầu, Churchill không chấp nhận sự lộn xộn này. Theo như thuật lại là ông bức bối ngồi hơn nửa tiếng đồng hồ trên tàu hỏa và không chịu quay trở lại phố Downing. Nhưng cuối cùng thì ông cũng nhận thức được thất bại trong kế hoạch của mình và quay trở về.

Buổi gặp mặt không thành công tại Concarneau là lần thứ ba hay thứ tư mà Churchill nỗ lực nhằm kêu gọi Reynaud. Lời kêu gọi Roosevelt tham gia cũng được dự đoán trước là sẽ không thu được kết quả gì. Cuối cùng thì nỗ lực của nước Anh trong việc níu kéo Pháp ở lại cuộc chiến (hay ít nhất cũng là lực lượng

hải quân Pháp, đội quân ở Bắc Phi, có thể là một quân đoàn nhỏ ở Brittany) cũng là một trong những nỗ lực phi thường. Và cũng có thể nói đây là một kế hoạch tốt bụng một cách ngờ nghệch nhất mà trước đây chưa từng xuất hiện trong cơ chế những quyết định của chính quyền Anh. Mặc dù chúng thường mang màu sắc tiêu cực và thiếu óc sáng tạo nhưng cũng có sự bao quát và mang tính thực tế. Tại bữa tiệc trưa ở Câu lạc bộ Canton vào ngày 15 tháng 6, ý kiến hợp nhất hai quốc gia Anh và Pháp thành một thể thống nhất đã được đưa lên hàng đầu. Trong số những nhân vật có mặt ngày hôm đó có: Halifax, Corbin (đại sứ Pháp) và Robert Vansittart. Trong 24 giờ tiếp sau đó, cuộc họp đã lấy được động lực vượt qua những thất vọng. Vấn đề xuất hiện trước khi Nội các Chiến tranh họp mặt lúc 3 giờ chiều Chủ nhật ngày 16 tháng 6. Thời gian và địa điểm họp mặt được ấn định tùy thuộc vào mức độ quyết định của hoàn cảnh. Churchill rất ngạc nhiên về làn gió mạnh quét qua những nhân vật như Chamberlain và Attlee, những người mà bình thường rất có tài châm vào các tình huống nóng bỏng. Một phút ghi lại: “Thủ tướng nói rằng thiên hướng đầu tiên của ông là chống lại ý kiến trên, nhưng trong một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, chúng ta phải làm cho mình giảm bớt trí tưởng tượng bay bổng. Một vài thông báo kịch tính lúc này rõ ràng là rất cần thiết để giúp nước Pháp tiếp tục đi lên”. Vì vậy, lời đề nghị đưa ra nhanh chóng được triển khai mà không cần cân nhắc từng chi tiết: hai nước sẽ có cùng chung tư cách công dân, chung một Nội các Chiến tranh, hợp nhất lực lượng quân đội và có thể cùng chung một hội đồng Nghị viện với nhiều ngôn ngữ mặc dù điều này chưa có ai chính thức đề cập đến.

Đây là một sự pha trộn gây nhiều ngạc nhiên. Nhìn lại quá khứ, thật khó để quyết định xem cái gì đã làm đảo lộn mọi thứ: sự quá tự tin về khả năng hòa hợp thành công của hai quốc gia Anh và Pháp với những bộ máy chính quyền phức tạp và hoàn toàn khác xa nhau có thể đặt cạnh nhau chỉ bằng một mớ tài liệu khoảng 300 từ, hay là một quyết định quá vội vàng của những con người với những bản tính hoàn toàn không đồng nhất.

Tướng De Gaulle thật sự là người chịu trách nhiệm chuyển lời đề nghị đến

Reynaud ngay sau khi nó được đi đến thỏa thuận vào buổi chiều Chủ nhật, và sau đó đem theo những tài liệu viết tay khi ông trở về Bordeaux vào buổi chiều tối cùng ngày. Vai trò của Churchill tại cuộc họp Concameau là củng cố thêm sức mạnh của mình bằng khả năng hùng biện. Mục đích của việc ông kéo Attlee và Sinclair cùng đi là nhằm gia tăng mức độ nghiêm trọng của lời đề nghị, thể hiện cho thấy đó là một quyết định rút ra từ tất cả các đảng phái ở nước Anh.

Động lực hành động của nước Anh một nửa đã rõ ràng nhưng nửa còn lại vẫn còn rất khó hiểu. Không ai trong Nội các Chiến tranh mong muốn, ngay tại thời điểm đang khủng hoảng cao độ, xảy ra một sự kiện kéo dài lê thê và nằm dưới mức giới hạn. Tuy nhiên, họ dường như rất ít chú ý tới tác động mà kế hoạch này có thể đem lại cho sự phát triển chủ yếu trong vòng quay của chính quyền Pháp. Những người Pháp đang rất thiết tha mong muốn một cuộc đình chiến và cũng chính là những người đang dần trở thành những kẻ chống đối nước Anh, một quốc gia đã không mang lại cho họ nguồn lực để chống cự lại bọn phát xít Đức cũng như sự tự do tìm kiếm giải pháp thỏa thuận với những kẻ đi xâm lược. Không hề nghi ngờ khi bộ trưởng Anh cho rằng De Gaulle, Monnet, Pleven và Corbin, tất cả không thể cùng mắc sai lầm trong suy nghĩ về một đất nước bạn. Nhưng tất cả họ đã như thế. Kế hoạch liên minh khích lệ Reynaud trong vòng một giờ hay hơn đã tác dụng ngược trên hầu hết những nhân vật xung quanh ông ta. Một vài người nhìn nhận nó như là một âm mưu để biến Pháp thành một vật sở hữu của nước Anh. Pétain cho rằng “nó sẽ là một kiểu hợp nhất chết người”. Đầu buổi tối (ngày 16 tháng 6), Reynaud đã không nhận được sự đồng thuận của Nội các về kế hoạch liên minh. Tới 8 giờ tối cùng ngày, ông đã từ chức và Pétain tiến tới lập một chính quyền đầu hàng. Đó là lý do tại sao Churchill ngồi lì trên chiếc tàu tại ga Waterloo. Không có bất kỳ ai ở lại trong chính quyền Pháp còn muốn bàn bạc ý kiến với ông. Kế hoạch vĩ đại và có vẻ vội vàng dường như đã phản tác dụng và được lịch sử cho vào quên lãng.

Ngoại trừ thất bại trong việc kéo nước Pháp ở lại cuộc chiến, kế hoạch hợp nhất không đem lại kết quả gì về mối quan hệ trong tương lai của lực lượng hải

quân Pháp. Vào giờ ăn trưa ngày 16 tháng 6 (thời điểm ngay trước khi Nội các Chiến tranh chính thức xác nhận lời tuyên bố về kế hoạch liên minh), Churchill đã gửi cho Reynaud một bức điện hết sức cứng nhắc và mạnh mẽ. Sau khi đưa ra sự tác động của nền hòa bình đơn phương đến “niềm vinh quang của nước Pháp”, nội dung bức điện tiếp sau đó là: “Tuy nhiên, duy nhất một điều nếu hải quân Pháp ngay lập tức cập cảng Anh thì sự đàm phán sẽ còn được bỏ ngỏ. Chúng tôi sẽ sẵn sàng chấp nhận điều tra thêm, để cho chính phủ Pháp có thể bảo đảm chắc chắn về những điều khoản đình chiến”. Tuy nhiên, nước Pháp vẫn tiếp tục theo đuổi kế hoạch đình chiến mà không hề ngó ngàng gì tới những đề nghị của Anh. Không có bất kỳ một tàu chiến nào của Pháp cập cảng Anh mặc dù công bằng mà nói ngay cả lúc đó cũng như sau này không có một tàu lớn nào được phép đồn ép các dịch vụ hàng hải của Đức. Nhưng Churchill đã phá vỡ điều đó. Vào cuối đêm hôm sau (ngày 17 tháng 6), ông đã điện cho Pétain và Weygand những điều mà Alexander Cadogan đã cố buộc ông phải hạ giọng, bức điện này được mô tả là nóng như lửa đốt. Churchill đã nói với họ, bất kỳ đòi hỏi nào của Đức có liên quan tới hạm đội Pháp cũng sẽ là “sự giày xéo những tên tuổi hàng ngàn năm lịch sử”. Kiểu bùng nổ như thế, dù cho có khôn ngoan hay không thì trong hoàn cảnh này vẫn có thể hiểu được và còn được minh họa bằng sự ám ảnh của Churchill, đã dẫn đến những hành động mang tính quyết định nhất của ông trong những tuần lễ đầu tiên khi Anh một mình đứng trong cuộc chiến.

Đầu tiên, trong hoàn cảnh này, ông phải chuẩn bị sự kích hoạt tinh thần tự giác. Và đây là điều ông đã làm rất hoành tráng tại Hạ viện vào ngày 18 tháng 6, một ngày sau khi nước Pháp cuối cùng cũng sụp đổ. Có một cuộc họp thường kỳ của Nội các Chiến tranh lúc 12 giờ, và với một không khí phản đối mờ nhạt, bầu không khí mà Cadogan luôn phải làm việc khi giải quyết các hoạt động chính trị, ông viết: “Winston không ở đây. Cadogan đang viết lại bài nói chuyện”. Ông cũng có thể đã phàn nàn rằng tại sao Lincoln lại không dẫn mình vào một công việc ở Nhà Trắng vào buổi sáng ở Gettysburg. Tuy nhiên, bài nói chuyện 45 phút

của Churchill vào ngày 18 tháng 6 có vẻ dài hơn so với Gettysburg nhưng phần lớn nó hầu như rất dễ lưu lại trong bộ nhớ:

Cuộc chiến của nước Pháp đã kết thúc. Tôi mong rằng, đây sẽ là lúc bắt đầu cuộc chiến của nước Anh. Đây là trận đánh quyết định sự sống còn của nền văn minh của những con người theo Cơ Đốc giáo. Nó còn quyết định sự sống còn của chính nước Anh và tiếp tục sự nghiệp thiết lập đế chế của quốc gia này. Sức mạnh và cơn thịnh nộ của quân đội sẽ là ngòi nổ cho chúng ta. Hitler biết rằng ông ta sẽ phải hủy diệt chúng ta trên hòn đảo này nếu không muốn bị bại trận trong cuộc chiến. Nếu chúng ta chống lại được hắn thì cả châu Âu có thể sẽ được hưởng tự do, và thế giới sẽ trở thành một vùng đất rộng lớn, ngập tràn ánh nắng. Nhưng nếu chúng ta thất bại thì toàn thế giới, kể cả nước Mỹ, và tất cả những gì chúng ta đã nhận thức được và giữ gìn sẽ chìm vào vực thẳm. Một thời đại của bóng tối và tội ác sẽ diễn ra. Vì vậy, nghĩa vụ của chúng ta là nối kết toàn bộ sức mạnh. Và chúng ta luôn ghi nhớ rằng, nếu khối cộng đồng chung và đế chế Anh còn kéo dài trong hàng ngàn năm thì loài người sẽ nói rằng: “Đây là những giờ phút tuyệt vời nhất của sự sống”.

Hai ngày sau đó, có một cuộc họp bí mật diễn ra tại Hạ viện, nhưng không hề có một biến bản báo cáo chính thức nào hiện còn tồn tại. Họ không đưa ra giả thuyết rằng hội nghị bí mật, có không ít hơn 65 người tham dự nhưng trong số đó chỉ có 31 người còn tại vị trong suốt năm năm còn lại của cuộc chiến. Hầu hết các nghị sĩ đều như vậy bởi vì họ có ý thức giữ bí mật đối với những nhận thức quan trọng đặc biệt. Nhưng Churchill đã khôn khéo trình bày rộng rãi những nỗ lực của mình trước công luận. Ngay cả trong những giai đoạn khó khăn nhất, ông vẫn thể hiện thái độ tôn trọng đặc biệt đối với những thành viên trong Hạ viện (một thái độ tốt hơn cả so với những gì mà Lloyd George đã làm trong Thế chiến II). Nhưng ông cũng rất công bằng khi mong muốn giải bày những ngôn từ

vang vọng nhất của mình thông qua Nghị viện và đài BBC tới toàn thể quốc gia. Điều này không chỉ thỏa mãn ước muốn lĩnh hội những kiến thức đặc biệt của các nghị sĩ mà họ còn có thể tự truyền đạt những nguồn thông tin này đến tất cả những cử tri và những người xung quanh.

Churchill nhận thấy số phận của hạm đội Pháp như một bản lề của cán cân lực lượng hải quân thế giới. Nếu nó rơi vào tay quân Đức hay Ý thì Địa Trung Hải sẽ trở thành một cái hồ của các nước phe Trục và chủ quyền an ninh trên vùng biển Đại Tây Dương của nước Anh có thể sẽ bị đe dọa. Những điều khoản trong ký kết đình chiến của Pháp, theo quan điểm này, đối với ông là không chấp nhận được. Khoản 8 đưa ra điều kiện là, ngoại trừ một vài tàu được lưu lại để bảo vệ quyền lợi thực dân của Pháp, phần lớn sẽ tập trung lại tại cảng, được phân lập và bị tháo hết vũ khí và sẽ không được dùng trong chiến đấu, tất cả dưới quyền kiểm soát của Đức hoặc Ý. Về sau, Churchill đã viết: Do đó, điều rõ ràng là tất cả các tàu chiến của Pháp sẽ phải trải qua sự kiểm soát trong khi đã được trang bị đầy đủ”. Điều mục của ký kết đình chiến cũng khẳng định rằng Đức sẽ không dùng những chiến hạm này cho những mục đích riêng. Nhưng chúng ta có thể đặt bao nhiêu tin tưởng vào những lời nói của tên Hitler? Trong bất kỳ sự việc gì cũng đều có ngoại lệ. Theo như thiện ý của Đức, những chiếc tàu nào cần thiết cho mục đích tuần tra trên biển hay có nhiệm vụ dò soát thủy lôi thì có thể được đề xuất những phương án giải thích linh hoạt hơn. “Bằng mọi giá, với mọi nguy cơ, dù bằng cách này hay cách khác”. Churchill đã xác định nên để các tàu chiến của Pháp dưới quyền kiểm soát của nước Anh càng nhiều càng tốt, nếu không muốn những chiếc tàu này bị chìm ngấm. Mặc dù, có vài lời phản đối từ phía Halifax về những nguy cơ đối với thái độ không mấy thân thiện với chính quyền mới của Pháp (ví dụ như ông đã chống lại việc tướng De Gaulle cho phép phát thanh đến Pháp từ nước Anh vào ngày 18 tháng 6), Churchill đã không có nhiều khó khăn trong việc chống đỡ những lời lẽ khó chịu của Nội các Chiến tranh.

Sự phân tán lực lượng hải quân Pháp vào thời điểm ký kết đình chiến ngạc

nhiên thay lại có lợi đối với mục tiêu của nước Anh. Hai tàu chiến, bốn tàu tuần tra đêm, tám tàu mang vũ khí hủy diệt, và nhiều tàu ngầm, bao gồm cả chiếc Surcouf nổi tiếng và không ít hơn 200 tàu loại nhỏ đang nằm trên vùng biển nước Anh, chủ yếu là ở Plymouth và Portsmouth. Không có bất kỳ khó khăn thực sự nào trong việc giành được quyền kiểm soát những thiết bị quân dụng này. Chỉ trong trường hợp của chiếc Surcouf, có một vài kháng cự nhỏ, một lính Anh và 1 lính Pháp thiệt mạng còn 3 lính Anh khác bị thương.

Tại Alexandria, cực đông của Địa Trung Hải, có một tàu chiến Pháp đi cùng bốn tàu tuần tra. Ba trong số đó được trang bị hết sức hiện đại và một vài tàu chiến cỡ nhỏ khác. Tất cả đều được yểm hộ thỏa đáng bởi đội quân Anh nằm phía bên ngoài. Tại Oran, (hoặc Mersel - Kebir, tên gọi khác của một cảng quân sự lân cận) trong bờ biển Địa Trung Hải của Algeria, có hai tàu chiến, một tàu sân bay, ba tàu tuần tra thông thường cộng thêm hai tàu tuần tra chiến đấu Dunkerque và Strasbourg cộng với những vũ khí hủy diệt và tàu chiến cỡ nhỏ. Hai tàu tuần tra chiến đấu, niềm tự hào của hải quân Pháp, là nỗi khiếp sợ của những phi công oanh tạc Đức là Gneisenau và Scarnborst. Địch thủ duy nhất của chúng trong lực lượng hải quân Pháp là hai tàu chiến kiểu mới Jean Bart, đặt tại Casablanca và vẫn chưa được đưa vào chiến đấu và chiếc Rithelieu tại Dakar, được trang bị nhiều hơn nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh. Còn có nhiều tàu tuần tra khác tại Algiers, và tại Toulon (nằm ngoài phạm vi có thể kiểm soát của Anh) còn có 4 tàu tuần tra khác và tàu ngầm. Danh sách trên cho thấy Churchill đã không thổi phồng về đội ngũ then chốt của hải quân Pháp.

Có hai mục tiêu chính trong hành động của nước Anh. Đô đốc hạm đội Cunningham tại Alexandria và đô đốc Somerville, có quyền hạn tại Gibraltar đưa ra cho người Pháp bốn sự lựa chọn: (1) tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù, (2) kéo tàu đến các cảng nước Anh, nơi tàu có thể lưu trú, mặc dù toàn bộ thủy thủ đoàn phải trở về Pháp, (3) cho tàu đến cảng của nước Pháp ở vùng phía Tây Ấn Độ, nơi tàu thuyền sẽ được phi quân sự hóa và có thể giao cho Mỹ trông coi, (4) bỏ chạy. Nếu không có bất kỳ chọn lựa nào, những chiếc tàu đó sẽ bị hải

quân Anh ném bom phá hủy. Cunningham, đô đốc lực lượng hải quân Anh, đã linh hoạt đưa ra những điều kiện của chính ông, kết quả là hải quân Anh đã không cần đốt cháy những chiếc tàu của Pháp tại Alexandria. Somerville ít nhất cũng không mấy vui sướng với nhiệm vụ giống như Cunningham. Điều đó ngay cả đã gây ra cho ông cảm giác xót xa vì nó có liên quan mật thiết với sự rút lui tại Dunkirk và cũng là niềm tự hào khi thành công trong việc giải thoát hơn 100 ngàn lính Pháp. Có lẽ vì vậy mà tín hiệu ông nhận được từ London vào cuối đêm ngày 2 tháng 7 đã được phác thảo rất cẩn thận, có thể nó được làm từ chính tay Churchill. “Ông đã thực hiện một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất mà một tướng Anh từng phải đối mặt. Nhưng chúng tôi hoàn toàn đặt niềm tin vào ông và mong rằng ông có thể thực hiện nhiệm vụ này với một thái độ dứt khoát”.

Vào sáng hôm sau, Somerville đã đi tàu đến Oran sớm trước 9 giờ sáng. Cả ngày dài ông cố gắng nỗ lực thương thuyết với chỉ huy trưởng của Pháp nhằm tìm một giải pháp hợp lý nhưng không đi đến thành công. Chỉ sau 6 giờ chiều, ông nhận được một tín hiệu dứt khoát của Bộ Hải quân báo cho ông rằng ông phải dàn xếp ổn thỏa vấn đề này, nếu cần thiết có thể phát hỏa hoặc nhấn chìm tất cả các tàu chiến Pháp, trước khi trời tối. Tín hiệu đó đã không có hiệu lực. Ông đã hoàn thành tất cả mọi công việc trước đó nửa giờ. Sự thỏa thuận kéo dài khoảng 10 phút và theo sau đó là một cuộc chiến đấu trên không ác liệt từ phía những chiếc máy bay của *Ark Royal* trong khi đào tẩu khỏi Strasbourg và hai máy bay hộ tống. Kết quả thành công hết sức nhẹ nhàng. Một tàu chiến Pháp bị giáng trúng một đòn và những tàu còn lại bị đưa vào bờ. Chiếc *Dunkerque* bị mắc cạn, chiếc *Strasbourg* bị hư hại ở Toulon. Và cả ba chiếc tàu tuần tra tại Algiers cũng cùng chung số phận. (Năm ngày sau đó, trong một cuộc chiến trên không tại không phận hoàn toàn khác biệt, chiếc *Richelieu* đời mới đã bị phá hủy nặng nề tại Dakar). Tại Oran, 1.299 thủy thủ Pháp bị chết và khoảng 350 người khác bị thương trong cuộc chiến. Cuộc giao chiến này đã để lại một vết thương khó lành trong mối quan hệ Anh - Pháp trong nhiều năm.

Đây là một hành động mang tính tàn bạo hơn là vẻ vang, và hải quân Pháp

đã trở thành một phế nhân không thể nào hồi phục hoàn toàn. Có cảm giác rằng Somerville đã tự trừng phạt mình, ông có thể đạt được một chiến thắng mà không cần phải đổ máu, giống như Cunningham tại Alexandria. Tuy nhiên, sự tàn nhẫn của Churchill có ba điểm có thể chấp nhận, và hai trong số đó mang màu sắc chính trị sự. Trước hết nó cho thấy lòng quả cảm của ông khi thực hiện những cuộc đổ bộ trong một hoàn cảnh dường như tất cả đều chống lại nước Anh. Gần như tất cả những người khác sẽ để cho những chiếc tàu nằm nguyên và hy vọng một phỏng đoán tốt đẹp nhất sẽ thành hiện thực. Không ai có thể tin rằng một chính phủ lãnh đạo bởi Halifax lại có thể tạo lập trật tự cho Oran.

Điều thứ hai, và có thể hơi ngạc nhiên khi nhìn vào quan điểm hết sức cẩn trọng vào thời điểm bấy giờ thì hành động này đã tạo ra một tác động tốt đối với những gì mà Churchill mô tả: “Một vòng quay chính trị ở Hoa Kỳ... Và từ đó trở về sau, không bao giờ còn có một cuộc nói chuyện nào về việc nước Anh đã tạo ra điều đó”. Thứ ba, tin tức này đã nhận được cảm tình trong các thành viên Hạ viện. Vào ngày 4 tháng 7, Churchill có một tuyên bố nửa giờ đồng hồ khi Hạ viện đi đến một cuộc họp bí mật. Những ghi chép sau này của ông có đoạn:

Các thành viên Hạ viện đều im lặng lắng nghe trong khi tôi tường thuật lại câu chuyện. Nhưng cuối cùng đã xảy ra một cảnh chưa từng xảy ra trước đây. Mọi người dường như đều đứng dậy, vỗ tay không ngớt trong một khoảng thời gian rất dài. Cho tới trước thời điểm này, tôi chỉ nhận được từ tất cả các thành viên trong Đảng Bảo thủ một thái độ vô cùng lạnh nhạt, và chỉ có sự chào đón nồng hậu từ những thành viên Công Đảng mỗi khi bước vào Nghị viện hoặc được tung hô trong vài dịp đặc biệt. Nhưng vào lúc này đây, tất cả đã chính thức đồng lòng ủng hộ tôi.

Vào thời điểm đó, vấn đề đã được hoàn toàn xác minh bằng những tài liệu ghi chép của Harold Nicolson: “Lúc đầu, cả Hạ viện đều không mấy vui vẻ với cuộc tấn công ghê tởm này. Nhưng bài phát biểu của Winston đã giúp chúng tôi

lấy lại tinh thần. Bài nói chuyện của ông đã có một kết thúc thật tuyệt vời, Winston đứng đó với những giọt lệ rơi trên má”. Nhìn trên phương diện rộng hơn, toàn bộ hành động đánh bom ở Oran có thể được bào chữa một cách hợp lý. Đối với riêng Churchill, sự kiện này đã đánh dấu chuyển biến nhỏ, sang một giai đoạn bình ổn hơn của cuộc chiến. Sau khi trải qua những ngày tháng 7 đầu tiên, trái ngược với hai tháng trước đó, không có bất kỳ điều gì tồi tệ hơn xảy ra trong nhiều tuần tiếp theo. Đất nước vẫn còn trong tình trạng có thể bị xâm lược bất cứ lúc nào, và Churchill mong rằng mình vẫn luôn giữ được tỉnh táo và trong tình trạng sẵn sàng đón nhận. Ông vẫn không thật sự tin vào những gì đang diễn ra, rất nhiều ví dụ trong các hồ sơ tài liệu đáng chú ý của ông đã cho thấy điều đó, và ông đã chính xác. Churchill không nghĩ rằng, quân Đức khi thiếu đi ưu thế trên biển có thể tấn công cho tới khi chúng có thể đánh bại lực lượng không quân của hoàng gia. Ông hiểu rằng những cuộc chiến trên không đang rình rập nhưng ông có nhiều niềm tin vào lực lượng không quân. Và kết quả là Churchill có thể yên tâm kéo dài thêm tình trạng ổn định hiện nay, và có rất nhiều dấu hiệu cho thấy ông đã có nhiều tiến triển về tinh thần chiến đấu trong khoảng thời gian nửa đầu tháng 7. Nhắc lại bức thư của Churchill vào ngày 26 tháng 6, ta cũng có thể thấy lại được thái độ bình tĩnh đó vào thời điểm này.

Vào ngày 5 tháng 7, nghị sĩ Victory Cazalet, người vẫn hàng ngày cùng đi với Halifax tư khách sạn Dorchester đến văn phòng, đã ghi lại rằng: “Chúng tôi hơi khó chịu về Winston. Ông ta rất kiêu ngạo và không thích bất cứ một kiểu phê bình nào. Halifax đã nói, hầu như không thể có được một cuộc nói chuyện 5 phút với ông ta”. Có thể dưới cái nhìn của Nội các, có nhiều nguyên nhân để Churchill không hề có hứng thú khi nói chuyện với Halifax hơn là lý do kiêu ngạo. Hơn thế nữa, cách nhìn nhận của Cazalet lại có phần mâu thuẫn với rất nhiều báo cáo khác. Colville đã viết vào ngày 3 tháng 7: “Winston đã thể hiện một tình cảm cởi mở và nhiệt tình hơn những gì tôi thấy trước đây rất nhiều... Vào cuối tuần, Winston nói rằng ông cảm thấy phấn khởi hơn bất kỳ thời điểm nào kể từ khi đảm nhận công việc này”. Và trong bài tường thuật vào ngày 18

của Nicolson gửi cho Brendan Bracken: “Trong suốt 20 năm quen biết Winston, tôi chưa bao giờ nhìn thấy Winston hứng khởi như ngày hôm nay. Và công việc dường như đã đem lại cho ông ta một luồng sinh khí mới”. Đây mới chỉ là một phần bởi vì chiến thắng ở Nghị viện vào ngày 4 tháng 7 đã tạo cho ông một niềm tin tươi mới trong mối quan hệ với những thành viên trong Nghị viện. Ông đã trả lời tất cả những câu hỏi dành cho thủ tướng trong hai ngày, Thứ năm ngày 18 tháng 7 và Thứ ba ngày 23 tháng 7, với niềm thích thú và một tư thế làm chủ hoàn toàn. Channon đã viết lại trong buổi gặp gỡ thứ hai như sau: “Winston đưa ra những câu trả lời hết sức mạnh mẽ. Đó là những câu trả lời do chính ông soạn ra, những câu trả lời làm chấn động cả tòa nhà Quốc hội, ông đang đứng trên đỉnh cao và toàn thể Quốc hội cũng như toàn đất nước đang đồng hành với ông...”. Trong quá trình trao đổi ngày 23 tháng 7, ông đã đưa ra một ví dụ rất hay để tạo được niềm tin từ đề xuất của một chính phủ đang trong tình trạng vô cùng lúng túng. Nó đã được lên kế hoạch để tạo lập “những trụ cột im lặng” (còn được biết đến theo tên của bộ trưởng Thông tin nhưng có phần hơi thiếu tế nhị - “những kẻ rình mò của Cooper”), có nhiệm vụ tường thuật lại tất cả những tin tức báo động lan tỏa và những nỗi thất vọng chán chường mà họ gặp phải. Khi tất cả đã phân rõ trắng đen, thì sẽ không còn gì là hấp dẫn nữa, Churchill từng nói. Cuộc vận động “thiết lập những trụ cột im lặng” đã lan rộng tới nước Mỹ. Nghị viện thì hài lòng còn Churchill thì thắng lợi.

Sau đó, vào ngày 30 tháng 7, Nghị viện tiến tới một cuộc họp mật về vấn đề nước ngoài. Một tuần trước đó, Churchill đã phát biểu, đây có vẻ như là mong ước của toàn thể Nghị viện. Tuy nhiên hiện có một vài dao động, một phần do ảnh hưởng của những chỉ trích bất lợi từ phía báo chí, và rất nhiều nhân vật muốn có một cuộc tranh luận mở. Theo đó, Churchill nói: “Chính phủ hiện nay đang ở một vị thế vô cùng bối rối với những qui định mâu thuẫn nhau mà các công chức phải gánh chịu. Những người này chỉ có một ước muốn duy nhất là phục vụ”. Ông sẽ làm tất cả những gì ông muốn nhưng tất cả các thành viên phải đưa ra quyết định thật sự của mình. Vì vậy, ông nhanh chóng đề xuất một cuộc

bỏ phiếu tự do, trong đó những thành viên trong ban tổ chức và các bộ trưởng không được phép bỏ phiếu, cho ý kiến là nên mở một cuộc họp kín hay là công khai. Ông kết luận bằng cách đưa ra lời thông báo theo kiểu hơi bông đùa, một phong cách thường thấy ở ông và cuối cùng hầu hết mọi người đều muốn một cuộc họp kín. Trong dịp này, Rib Bulter (một nhân vật trong uỷ ban ngoại giao) đã mở ra một cuộc tranh luận: “Ông ấy đã chuẩn bị cẩn thận hai bài diễn văn. Và cả hai đều sẽ rất tuyệt vời. Tôi tin chắc là như vậy. Và có thể sẽ có một bài dài hơn”. Một cuộc họp kín đã được tiến hành và bài diễn văn dài đã được lựa chọn.

Vào khoảng 8 giờ tối, chính Churchill đã phát biểu. Dalton ghi lại: “Winston trong dáng vẻ kiêu hãnh, cả trước đây và cả sau này. Không nghi ngờ gì nữa, ông hiện là người lãnh đạo cả Nghị viện”. Lúc 11g30, Churchill đi chuyển tàu đến vùng đông bắc để dành cả ngày hôm sau kiểm tra lực lượng phòng vệ bờ biển. Trước khi rời khỏi nơi đó, ông đã nhấn mạnh với Halifax là cần phải ngay lập tức gửi cho Roosevelt một bức điện khẩn. Ông đã soạn sẵn một bức điện ngày 5 tháng 7 nhưng đã quyết định, có thể dưới áp lực của uỷ ban ngoại giao, đó không phải là thời điểm thích hợp để gửi đi. Chủ đề bức điện vẫn luôn là nước Anh đang có nhu cầu sử dụng những cỗ máy hủy diệt đã được Mỹ dùng qua. Cốt lõi của bức điện ngày 30 tháng 7 là: “Tôi không thể hiểu tại sao với một vị thế như nước Mỹ mà lại không thể gửi cho chúng tôi ít nhất là 60 vũ khí hủy diệt... Thưa tổng thống, với một niềm kính trọng, tôi phải nói với ngài rằng trong lịch sử lâu dài của cả thế giới thì đây là một hành động cần phải làm ngay lúc này”. Rất mạo hiểm khi phải nói ra những lời lẽ cường bức này. Và quyết định thực hiện nó, giữa cân nhắc và hậu quả, rõ ràng đã làm tăng thêm những ngày căng thẳng. Nhưng đó là một việc làm vô hại và ở khía cạnh nào đó nó còn là một hành động có lợi. Sự việc những vũ khí hủy diệt đã được công bố vào ngày 3 tháng 9.

Khi Churchill đang ở vùng đông bắc thì George Lambert, nghị sĩ thuộc phe tự do quốc gia và một vài nhân vật trong Nghị viện mà những kinh nghiệm từng trải của những người này còn dài hơn cả Churchill đã viết cho ông như sau: “Là một trong những người kỳ cựu của Hạ viện, tôi rất vui mừng vì ông đã đối xử với

tất cả nghị sĩ tại Nghị viện này với một thái độ rất có tinh thần trách nhiệm và không hề bỏ qua bất cứ ai. Thật sự, vai trò lãnh đạo của ông ở Nghị viện là xuất sắc nhất trong số những người mà tôi từng nhớ. Cho tới giờ phút này, ông đã có được lòng tin của tất cả thành viên Nghị viện và toàn thể quốc gia”.

Chương 33

KHỞI ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH CHỚP NHOÁNG

Cuộc chiến tại nước Anh, mặc dù ít nhất cũng có tầm quan trọng quyết định như Blemheim hay Waterloo, nhưng đây là một sự kiện không có tính chính xác cao. Sự mơ hồ muốn nói đến ở đây là thời điểm cuộc chiến bắt đầu và kết thúc, cũng như khi nó đang thực sự diễn ra. Đây là một trận giao tranh với tinh thần nghĩa hiệp. Trong đó, hàng ngàn người lính của cả hai bên đều xung trận. Nhưng đây là một cuộc chiến không hề lấm lem bùn đất như của những đội quân đánh bộ. Cả hai bên đều đã phóng đại quá mức về cả thất bại của đối phương lẫn chiến thắng của chính mình. Kết quả chính là một nỗ lực, nhưng nỗ lực đó đem lại nhiều giá trị cho nước Anh hơn so với nước Đức. Một nỗ lực mà tất cả người dân Anh đều cần phải có, cộng với sự yếu kém về hải quân của Đức, Anh phải ngăn chặn sự xâm lược của Đức lần đầu tiên từ năm 1066, qua vùng biển hẹp. Do đó, đây là một trong những cố gắng mang tính quyết định nhất trong lịch sử.

Trong suốt tháng 7 và đầu tháng 8, nước Đức đã sử dụng những sân bay vừa chiếm được ở Normandy và Brittany để thực hiện các cuộc không kích rải rác mà không hề có tọa độ rõ ràng, một phần ở phía đông nước Anh và vùng đảo Wales. Ví dụ vào ngày 31 tháng 7, nhiều trái bom đã rơi xuống vùng đông nam Cornwall, Devon, Somerset, Gloucestershire, South Wales và Shropshire.

Khó có thể nhận ra mục đích của những hành động này. Trong những cuộc tấn công vào tháng 7 lịch sử đó, có tổng cộng 258 người dân vô tội đã bị sát hại,

so với con số 1.075 người vào tháng 8 và 6.500 người trong tháng 9, những trận oanh tạc ồ ạt chủ yếu tập trung vào các thành phố công nghiệp nước Anh ở vùng đông bắc.

Tuy nhiên, khó có thể xác định thời điểm bắt đầu cuộc chiến ở nước Anh, khởi phát vào tháng 7, đầu tháng 8. Trong tháng 3, khi cuốn cẩm nang dày 24 trang của Bộ Không quân được phát hành hàng ngàn bản và lần đầu tiên tên gọi “Cuộc chiến tại nước Anh” được lưu truyền rộng rãi (chưa ai từng thấy xuất hiện cụm từ trong một văn cảnh như thế trước khi cuốn sách thật sự ra đời) thì ngày khởi đầu cuộc chiến được ấn định là vào ngày 8 tháng 8 và ngày kết thúc là 31 tháng 10. Những ngày tháng này được lựa chọn một cách tùy ý. Một vài người cho rằng ngày 8 tháng 8 gần cột mốc. Tuy nhiên lại mâu thuẫn với những ý kiến khác cho rằng ngày 15 mới là ngày kết thúc thương lượng. Và đây mới là ngày tấm màn bắt đầu được kéo lên. Còn ngày 31 tháng 10 thì có vẻ “thoáng hơn”, ít gây tranh cãi. Cốt yếu của cuộc chiến tại nước Anh chính là đập tan ý đồ muốn phá hủy đất nước này của Đức cả ở trên không lẫn mặt đất. Trong đó, mọi cố gắng là nhằm ngăn chặn những chiếc máy bay ném bom của Đức. Đây là một cuộc chiến trong phạm vi hẹp, một phần là do lực lượng chiến đấu chính yếu của Đức, đội máy bay Messerschmitt 109, chỉ cực kỳ xuất sắc khi chiến đấu ở độ cao và bị giới hạn bởi nhiều yếu tố. Đội máy bay Messerschmitt 109 chỉ có thể tiếp cận được London từ những căn cứ ở miền bắc nước Pháp và tất nhiên không thể thực hiện được những cuộc chiến cách quá xa những căn cứ này. Do đó, cuộc chiến tại nước Anh có thể được xem là một tên gọi có vẻ khoa trương những trận đánh ở Kent, Sussex và Surrey và hầu hết các cuộc chiến tại những vùng lân cận, dù cho tiếng vang của chúng cũng lan đi rất xa.

Một thời gian dài trước ngày 31 tháng 10, Đức đã chuyển đổi mục tiêu. Đầu tiên là thực hiện hàng loạt những cuộc oanh tạc vào ban ngày tại London, bắt đầu vào buổi chiều Thứ bảy và lan tới các thành phố khác. Và khi những thất bại từ hành động này không còn có thể chấp nhận, họ chuyển sang những cuộc oanh tạc vào ban đêm. Những trận đánh như vậy chưa thể kết thúc vào ngày 31 tháng

10. Tháng 11 vẫn còn là những tháng ngày nước Anh bị tấn công dữ dội, cả ở London và những thành phố khác. Trận oanh tạc của Đức ngày 14 tháng 11 ở Coventry đã làm choáng váng nước Anh.

Tuy nhiên, tại nước Anh, điều gây ấn tượng nhất về cuộc chiến (ngoại trừ lòng quả cảm của các chiến sĩ) không phải là thời điểm bắt đầu hay kết thúc cuộc chiến, mà là việc mỗi bên đều không hề biết những gì đang diễn ra bên phía đối phương. Bao trùm hoàn toàn là một cuộc chiến trong tình trạng hoang mang bối rối. Mặc dù thực tế, Churchill đã nhận được những thông tin mật mã đã được xử lý thông qua liên lạc vô tuyến, và những thông tin này được tạo dựng bởi những quy trình rất nghiêm ngặt từ những tai mắt bên trong nước Đức. Bí mật hải quân, kết nối giữa tàu ngầm Đức và chỉ huy của nó, có thể là yếu tố quyết định. Mỗi đe dọa với vùng biển sống còn Bắc Đại Tây Dương tăng hay giảm tùy thuộc vào cách mà bộ phận giải mã có thể đọc được những hướng dẫn cho tàu ngầm Đức.

Một ví dụ về sự khó hiểu của cuộc chiến này chính là người Anh lúc nào cũng luôn cường điệu thái quá về ưu thế của Đức về máy bay chiến đấu, đồng thời cũng cường điệu khả năng của Anh sẽ triệt phá hành động xâm lược của Đức. Những con số sẵn có về các phi cơ chiến đấu rất khác thường và khó hiểu do bởi tính phức tạp cả ở phòng tuyến bên ngoài và lực lượng dự trữ bên trong.³⁵ Một phần cũng do Đức đã phá hủy khá nhiều máy bay ném bom của Anh trong cuộc chiến trên không đầu tiên và sau đó là ở London, trong khi đó các máy bay ném bom của nước Anh đang bận chiến đấu ở những mục tiêu xa hơn, và vì vậy Anh đã mất đi một phần lực lượng không quân.

Vào Chủ nhật 15 tháng 9, thời điểm quyết định của cuộc chiến, nước Anh chính thức công bố, được phát thanh vào tối hôm đó, 185 máy bay của Đức đã bị phá hủy và bên phía Anh là 40. Thực tế, số máy bay bị thiệt hại của Đức là 60 (40 máy bay ném bom và 20 máy bay chiến đấu) và 20 máy bay ném bom khác bị hư hỏng nhưng có thể cơ bản phục hồi. Nhìn chung tỉ lệ 60/40, hoặc ngay cả 50/50, của bên tấn công so với bên phòng vệ thì gần với sự thực hơn là một tỉ lệ

4,5/1 mà Churchill đã tin tưởng (hoặc ít nhất là niềm tin của John Martin, một thư ký với cái đầu rất lạnh lùng). Cố gắng không bị lừa gạt một cách có chủ ý, mặc dù Churchill có vẻ chế nhạo người Đức khi họ đưa ra những yêu sách ngoài sức tưởng tượng.

Đức cũng có cái nhìn phóng đại về những thiệt hại mà họ phải gánh chịu và sức mạnh tổng thể của Anh. Vào ngày 16 tháng 9, Goring đã thông báo rằng không lực Đức đã giảm xuống còn 577 chiếc máy bay. Thật sự khi đó có 656 chiếc có thể tham gia tác chiến, do còn rất nhiều nguồn máy bay bổ sung từ kho dự trữ hoặc đang được vận chuyển. Trận đánh mùa hè năm đó chưa làm suy giảm sức mạnh của lực lượng chiến đấu hoặc sức mạnh tổng thể của RAF (Không quân Hoàng gia Anh). Một phần là do chiến thắng của Beaverbrook trong tháng đầu tiên với vai trò trưởng bộ phận sản xuất máy bay. Ông thừa hưởng một tiềm năng đầy hứa hẹn, nhưng khả năng ứng biến không mấy khéo léo của ông đã tác động đáng kể đến vấn đề này. Chương trình được gọi với cái tên Harrogate thực hiện vào tháng 1 năm 1940 đã đem lại con số chính xác 3.602 chiến binh xuất trận trong vòng một năm. Tổng con số đạt được là 4.238, tức khoảng gần 352 lính trong một tháng sẵn sàng chiến đấu trong những tháng mùa hè và mùa thu năm đó. Số quân xuất trận của Đức chỉ khoảng gần một nửa con số đó.

Đây là một yếu tố quyết định có vẻ hợp lý đối với sự đề bạt thăng tiến của Beaverbrook trong Nội các Chiến tranh vào ngày 2 tháng 8, là sự thay đổi đầu tiên từ sau buổi gặp mặt của năm nhân vật vào những ngày đầu tháng 5. Churchill cảm thấy ông cần Beaverbrook, cả về mặt chính trị lẫn cá nhân. Chamberlain phải tạm ngừng công việc để thực hiện một cuộc phẫu thuật vào khoảng cuối tháng 7 do căn bệnh ung thư dạ dày đã đến giai đoạn trầm trọng. Mặc dù trên danh nghĩa, ông vẫn là thành viên trong hội đồng cho tới ngày 3 tháng 10, trước khi ông mất vào ngày 9 tháng 11. Beaverbrook đã đem lại cho Churchill một số thành viên trong Đảng Bảo thủ cân bằng với số lượng thành viên trong Công Đảng. Nhưng tính cách và phong thái của ông rất khác biệt so

với Chamberlain, khó có thể đạt được sự điềm tĩnh vững vàng. Những nhân vật đóng vai trò quyết định về những biến đổi trong tháng 5 năm 1940 cảm thấy đây lại là một ví dụ khác về việc để cho những gã ngốc đảm trách công việc của những con người đáng kính. Chỉ riêng mình Halifax là người thân cận duy nhất của vị linh già còn ở lại. Hai tháng sau, khi Chamberlain chính thức từ chức, Halifax đảm nhận vị trí của Chamberlain.

Kingsley Wood, một người mưu trí nhưng còn lâu mới vượt qua người khác để đứng đầu Ngân khố Anh, được bổ sung vào để cân bằng với sự thu nhận Ernest Bevin, bộ trưởng Lao động, một người có những phẩm chất hoàn toàn, trái ngược với những phẩm chất của Wood. John Anderson, cũng tham gia vào bộ phận trước đây của Chamberlain trong hội đồng, một nhân vật luôn ra vẻ dương dương tự đắc, nhưng vào giai đoạn đó chưa chính thức đi theo một đảng phái chính trị nào. Nhìn nhận theo một mức độ nào đó thì cuộc gặp mặt cuối cùng này là một cú nhào lộn vui vẻ. Vì vậy, cuộc không kích của Đức ở London trở nên nghiêm trọng hơn. Churchill đã quyết định ông cần có một người am hiểu mọi ngõ ngách của London hơn là một người như Anderson, bộ trưởng Nội vụ. Herbert Morrison, gia nhập vào Nội các Chiến tranh vào tháng 11 năm 1942, và sau đó thăng chức lên vị trí bộ trưởng Ngân sách.

Vào giai đoạn khác sau tháng 10 năm 1940, Anthony Eden, Stafford Cripps, Oliver Lyttelton và Lord Woolton cũng trở thành thành viên của nhóm. Vì vậy phần thưởng của Churchill dành cho Beabrook vào ngày 2 tháng 8 chính là bắt đầu một quá trình chuyển Nội các Chiến tranh, từ một nhóm các thành viên gắn kết chặt chẽ với nhau, không đứng đầu bất kỳ một bộ phận nào (Halifax là ngoại lệ duy nhất), thành những vị trí được xếp đặt một cách rời rạc trong chính phủ.

Nhìn lại, đây có vẻ như những việc làm hết sức đáng ngạc nhiên nếu xét theo tính chất bình thường và hòa nhã của mùa hè năm 1940. Vì vậy, khi sự khắc nghiệt bắt đầu tồn tại ở London (và những thành phố khác), lúc đêm tối buông xuống, còi báo động vang lên rất sớm mỗi ngày là những nhắc nhở sắc bén về cuộc sống con người nơi đây, khi Anh một mình đứng trong cuộc chiến. Và đây

không hoàn toàn là một hành động vì danh tiếng bản thân của Churchill. Ban đầu những cuộc ném bom chủ yếu ở Docklands và vùng cực đông, cuộc chiến đấu nhằm duy trì tinh thần với điều kiện sống giống như những khẩu phần cháo phân phát. Churchill rất có khả năng trong vấn đề này. Và sau những sự cố dữ dội vừa xảy ra, ông đã thực hiện một cuộc viếng thăm giúp nâng cao tinh thần người lính ở vài nơi thuộc thủ đô London, những nơi mà từ năm 1910 ở phố Sidney ông ít khi đặt chân đến. Ông không bao giờ có ý định bỏ qua vấn đề hình thức, Churchill mặc một bộ quần áo đặc biệt cùng với chiếc mũ vành “hài hước” và không bao giờ quên điều xì gà. Ông không bao giờ để lộ tên tuổi của mình trong những hoàn cảnh như thế. Nhưng điều đó đã xảy ra có lẽ vì ông đã đem một món quà tinh thần tới mọi người. Ngày 8 tháng 9, ông đã rơi nước mắt khi chứng kiến những cảnh tàn sát. Một phụ nữ địa phương đã hét toáng lên: “Nhìn kìa, ông ấy thật sự quan tâm đến chúng ta!”. Ngay lập tức cả đám đông đang bu quanh đó đồng loạt vỗ tay.

Sau đó, có cuộc tấn công trải rộng ra xa khu vực phía tây. Đêm ngày 15 tháng 10 đánh dấu một cuộc công kích kéo dài nhất vào trụ sở chính phủ ở thủ đô. Một quả bom rơi ngay Bộ Tài chính và giết hại ba quan chức. Đầu bếp phố Downing và trợ lý thoát chết nhờ Churchill đã ra lệnh cho hai người đến hầm trú ẩn chỉ vài phút trước đó. Pall Mall trở thành một con đường lửa. Cầu lạc bộ Carlton, trên con đường này và dọc theo đường Reform đã bị phá hủy hoàn toàn, mặc dù không hề có mất mát nào về con người. Hailsham, đứng đầu Bộ Tài chính tương lai, đã công cha mình chạy khỏi đồng đồ nát, là những hình ảnh điển hình nhưng hết sức hợp lý đã được ghi lại. Và Margesson, một nhân vật chỉ huy kỳ cựu, cũng không mấy hiệu quả trong việc chống lại những máy bay ném bom. Ông phải ngủ qua đêm một cách thảm hại ở mái hiên phố Downing. Nhưng khi thủ tướng và thư ký riêng của ông xem xét một phần đồng đồ nát của Cầu lạc bộ Carlton vào ngày hôm sau, họ đã rất ngạc nhiên khi thấy đôi dép của Margesson được xếp gọn gàng ngay cửa ra vào phòng ngủ, giống như đang chờ đợi sự trở về của chủ nhân.

Trong giai đoạn này, London đã để hở những vị trí mà trước đây không thể bị tấn công trong thế giới văn minh. Moscow vào năm 1812, Washington vào năm 1814, 1861, và Madrid với vai trò một pháo đài của nền cộng hòa từ năm 1936 tới 1939 là những so sánh gần nhất. Nhưng không một vị trí nào trong số đó phải hứng chịu sức nặng của những trái bom tấn. Số 10 phố Downing, một trong những ngôi nhà rộng và ọp ẹp nhất London, được xây dựng vào đầu thế kỷ 18, từng nổi tiếng là một mục tiêu của quân Đức. Riêng Churchill thì cho rằng nơi này cũng không mấy chắc chắn, mặc dù vị trí yêu thích của ông trong suốt cuộc ném bom của Đức là leo lên các tháp quân dụng và quan sát mọi diễn biến.

Đầu tiên, phòng khách ở số 10 phố Downing được dời đến căn phòng trước đây từng được dùng làm phòng dành máy cho thư ký ở tầng hầm đặt tại cuối vườn. Ba khu nhà khác được chuẩn bị cho thủ tướng, mặc dù hai trong số đó chỉ được sử dụng hạn chế. (Tòa nhà này nằm tách biệt và đối với Churchill, đây là một kế hoạch không thu được nhiều ủng hộ khi di chuyển toàn bộ chính phủ đến Worcestershire, ông đề cập đến vấn đề này với nhiều sự mâu thuẫn giống như một “sự chuyển dời đen tối”). Khu nhà quan trọng và được dùng nhiều nhất nằm ở góc tầng trên của khu nhà cũ (nhưng không đến nỗi cũ lắm, nó là một công trình được xây dựng rất vững chắc từ những năm đầu thập niên thế kỷ 20). Tòa nhà thương mại nằm đối diện với công viên St James tại cổng Storey. Nó nằm ở tầng trên, thật ra là ở ngay trên nóc văn phòng Nội các Chiến tranh mới xây, và do đó nhận được một ít ánh sáng. Ngoài ra, khu nhà còn được lắp thêm một số thanh xà ngang và mấy cửa chớp bằng thép. Nhưng nó vẫn không bảo đảm an ninh hoàn toàn, mặc dù khung sườn nhà có rất ít khe hở. Nơi này có thể duy trì liên tục việc bí mật cung cấp thức ăn và nước uống. Khi việc di dời được tiến hành, nơi đây trở thành căn cứ chủ yếu của Churchill trong hầu hết thời gian xảy ra cuộc chiến. Nó nhanh chóng được biết đến với cái tên “Nhà số 10” hay “Kho thóc”. Tuy nhiên Churchill thích trở về và nghỉ ở Nhà số 10, tại nơi đây ông còn tổ chức các cuộc họp của Nội các ở gian phòng truyền thống bất kể khi nào cảm thấy tương đối an toàn.

Ngoài ra, Ủy ban Vận tải London còn cung cấp nhiều địa chỉ an toàn khác ở phía dưới trạm xe điện ngầm không còn được sử dụng tại góc phố Down và Piccadily (được biết đến với cái tên “Burrow”). Nhà ga sau này không bao giờ được sử dụng lại nhưng kiểu mái vòm bán nguyệt đôi, kiến trúc của những ga điện ngầm trước đây, hiện vẫn được nhìn thấy. Ngạc nhiên là Ủy ban Vận tải London thì thoảng lại cung cấp nhiều địa chỉ lưu trú hết sức sang trọng cho một số vị khách chính thức khác.

Một lệnh rút quân khỏi London tới vùng ngoại ô đã được chuẩn bị tại đồi Dollis, phía xa khu Willesden. Churchill nằm lai lịch nơi này khá rõ, vì Gladstone đã dành một phần quan trọng trong những năm cuối cùng của phe đối lập ở đây, thuê một biệt thự của Aberdeen, hiện nay là công viên Gladstone. Tuy nhiên, Churchill phải bao quát được viễn cảnh của việc lưu lại ngắn hạn trong những hoàn cảnh không mấy ôn hòa như thế. Sáng Chủ nhật ngày 8 - 9 - 1940, ông đã đi tham quan cơ ngơi ở vùng đồi Dollis trước khi thị sát tình hình tổn thất ở vùng cực đông. Vào ngày 3 tháng 10, một cuộc họp chuẩn bị được tổ chức sớm trong tòa nhà với kết cấu xây dựng đặc biệt như một “thành lũy” (bắt đầu khởi công chỉ ngay sau thoả thuận Munich), được xây dựng tại vùng đồi Dollis vào năm 1933 và “mỗi bộ trưởng được yêu cầu kiểm tra và phải thỏa mãn những yêu cầu của ông về nơi làm việc và nghỉ ngơi”. Họ không thích những gì đang nhìn thấy. Churchill viết lại, “Chúng ta hãy kỷ niệm dịp vui này bằng một bữa tiệc trưa nhanh và sau đó trở về lại Whitehall”. Churchill, một người mà những ký ức về chiến tranh không phải lúc nào cũng chính xác từng viết “Chúng tôi không bao giờ quay trở lại Dollis”. Điều này không đúng. Một cuộc họp Nội các Chiến tranh khác đã được tổ chức ở đây vào tháng 3 năm 1941, nhưng dưới quyền chủ tọa của Attlee chứ không phải của Churchill, một người không thể chịu được thời tiết cực kỳ giá lạnh. Sự vắng mặt của ông chính là nguyên nhân của sự nhầm lẫn.

Vào ngày đầu tháng 11, có ý kiến muốn di dời tòa nhà Quốc hội. Tòa nhà này với những kiến trúc gothic rực rỡ hiện đại do Charles Barry sáng tạo, đặc

trung với vị trí gần bờ sông làm cho nó nhanh chóng trở thành một công trình kiến trúc ấn tượng nhất London. Giờ hành chính đã được thay đổi so với giờ thông thường, từ 2g45 cho tới tối khuya đã chuyển thành 11 giờ sáng tới 5 giờ chiều. Từ ngày 7 tháng 11, khu nhà thờ cũng bị thay đổi. Tòa nhà trung tâm của nhà thờ chỉ mới được hoàn thành một năm trước đây, đối diện với trường Westminster và giáp mặt với tu viện. Khoảng cách từ Cung điện Westminster đến đó khoảng hơn một phần tư dặm và hơi bất tiện nhưng khá tách biệt và khó thấy, hy vọng rằng điều này sẽ làm cho quân địch bối rối. Hầu hết các nghị sĩ đều có thể được ưu tiên ở bất cứ đâu họ muốn, và chính Churchill là nguồn kích động lớn, một con người luôn vận động.

Cuộc sống của ông ở London luôn bị khuấy động, nên không có gì ngạc nhiên khi Churchill bị các lễ nghi long trọng đeo bám khiến ông không thể có được những ngày nghỉ cuối tuần. Nhưng có những thứ còn nhiều hơn là cuộc chạy trốn khỏi căn hầm của Nhà số 10. Có thể do thói quen làm việc cố hữu là đọc cho người khác chép, nên bất kể những yêu cầu nào trong thời bình hay thời chiến ông đều có thể giải quyết và luôn có thể chi phối toàn bộ công việc lãnh đạo một đất nước đang bị bao vây. Có một câu chuyện đùa vào những năm 1930, kể rằng, Hitler và Mussolini luôn tấn công vào *đợt* cuối tuần, vì làm như vậy, họ sẽ bắt nước Anh ở phía chéo cánh. Nhưng Churchill là một người hay nghỉ cuối tuần hơn cả Baldwin, Chamberlain hay Halifax. Ngoài ra, ông thích nói chuyện vào bữa ăn. Ông không giỏi lắm trong những cuộc nói chuyện tay đôi, nhưng tại bàn, ông luôn là một người chói sáng. Và sự thông minh của ông không những làm cho những vị khách (phần lớn thường là các đô đốc hải quân, không quân, cũng như những vị bộ trưởng và quan chức nổi tiếng, người thân, và đôi khi là những bạn bè xã giao) thích thú và hứng khởi, mà đặc biệt còn khơi dậy trong chính ông tinh thần và niềm say mê. Các thính giả đó khó có thể xen giữa hay cản trở cuộc nói chuyện của ông. Tại đây, ông chỉ nói chuyện với những người nghe giới hạn, giống như những điều được thuật lại trong ghi chú của nhật ký Eden vào ngày 25 tháng 11: “Ăn tối với Winston, chỉ có hai chúng tôi... với

champagne và món hàu tại phòng ăn của ông”.

Chuyến hành trình đến Chequers diễn ra vào chiều Thứ sáu (đôi khi vào sáng Thứ bảy), cùng đi có đoàn tùy tùng, để làm một số công việc quan trọng. Chính vì thế, vấn đề đã trở nên nghiêm trọng khi Chequers bị thương tổn nặng nề tại vùng trũng Buckinghamshire vào ngay thời điểm “trăng lên cao” của tháng. Churchill phản ứng bằng một quyết định pha trộn mang phong cách đặc trưng, rất hăng hái và hết lòng.

Vào trưa Thứ ba ngày 5 tháng 11, Churchill gặp Market Harborough và thông báo với ông này về việc vào Thứ sáu tiếp theo, ông sẽ đến Ditchley trong ngày cuối tuần, tới khu nhà của Ronald Tree (nghị sĩ Đảng Bảo thủ) ở phía bắc vùng Oxford. Cùng đi với Churchill có đầy đủ bộ máy của chính phủ Anh. Họ sẽ sử dụng ngôi nhà này trong một vài ngày cuối tuần sắp tới cho mục đích an ninh. Thực tế, ông đã dùng nó tổng cộng là 15 ngày cuối tuần trong suốt một năm rưỡi sau đó, lần cuối cùng vào tháng 3 năm 1942.

Ronald Tree là một người Mỹ gốc Anh 43 tuổi với một tư duy sáng suốt, phong cách xử sự lịch lãm và sở hữu một gia tài kếch xù. Ông là một người mạnh mẽ trong những năm hòa bình cuối cùng, kịch liệt chống lại những thỏa hiệp vô nguyên tắc nhưng lại không gần gũi với Churchill. Ditchley là một khu nhà tuyệt đẹp, được tu sửa vào thập niên 1720 và chỉnh trang lại hết sức công phu vào năm 1935. Nơi này cách Blenheim khoảng 7 dặm về phía Bắc, là quê hương của Churchill và cách London khoảng 35 dặm hay xa hơn so với Chequers.

Ngôi nhà này có vẻ thanh nhã hơn so với Chequers (tuy nhiên lại gần gũi với phong cách của Chartwell hơn) và thức ăn ở đây cũng ngon hơn nhiều. Chỉ tiếc là khi kết thúc chiến tranh, Churchill đã không hề thể hiện lời cảm ơn nào.

Việc di chuyển nơi làm việc liên tục không chỉ giúp ông trở thành một mục tiêu, khó đoán mà còn khích lệ tinh thần ông. Churchill thích những chuyến đi. Ông từng nói với Colville khi đến Chequers vào một buổi tối Thứ sáu ngày 1

tháng 11: “Bây giờ tôi thích ăn tối tại Monte Carlo và sau đó đi tới sòng bạc’”. Tinh thần của ông luôn cao, một phần là do bản chất sôi nổi của ông, đặc biệt là khi có thêm những tác nhân kích thích như thức ăn, đồ uống và cả những thính giả. Ngay cả trong những thời khắc ảm đạm hơn thì các đánh giá chiến lược của ông vẫn không hề thiếu những hứa hẹn triển vọng. Churchill cho rằng, vị trí của nước Anh đã được cải thiện đáng kể so với thời điểm cách đây bốn, năm tháng. Nguy cơ bị tấn công đã bị đẩy lùi nhưng ông vẫn chưa sẵn sàng công bố điều này tới toàn thể dân chúng, để phòng trường hợp sơ suất.

Ông cũng tin rằng nước Anh đã kiểm soát được những cuộc không kích dữ dội của Đức. Và trong khi nó vẫn còn là một vết thương chưa lành của cả một quốc gia thì không hề có minh chứng gì về việc những con số tử vong đã phá vỡ tinh thần chiến đấu của những thành phố, hoặc làm giảm lượng sản xuất máy bay và vũ khí đạn dược của nước Anh. Con số thương vong rải rác mỗi tháng khoảng từ ba đến năm ngàn người. Ông cũng không cho rằng những phá hủy về vật chất như trên có thể làm cản trở sự tái lập cuộc sống nơi đô thị. Ông đã phát biểu tại Nghị viện vào ngày 8 tháng 10: “Sẽ mất khoảng mười năm với tốc độ tàn phá như hiện nay để một nửa số căn nhà ở thủ đô London bị phá hủy. Tất nhiên, cuối cùng thì sự tiến triển cũng sẽ bị suy giảm”.

Điều này không có nghĩa là ông đã nhìn thấy rõ ràng thắng lợi của nước Anh trong cuộc chiến, nếu không có sự can thiệp của Hoa Kỳ. Cuộc tấn công duy nhất ở cánh quân trung tâm mà ông có thể ngó tới chính là trận ném bom các thành phố Đức. Đặc biệt theo quan điểm phản ứng mạnh mẽ của chính nước Anh đối với những cuộc tấn công của Đức, sẽ gây ra nhiều sự hiếu kỳ và thiệt hại không thể tránh khỏi nếu người ta đặt một thái độ quá lạc quan vào những vũ khí không có gì là chắc chắn này. Để đưa ra một lời giải thích, có lẽ không cần thiết vì không có gì đáng để nói. Thất bại của cuộc chiến ngày 16 — 17 tháng 12 (năm 1940) đã đem lại nhiều điều kỳ lạ.

Tại cuộc họp Nội các Chiến tranh ngày 12 tháng 12, sau một thoáng lưỡng lự, cuối cùng người ta đã đưa ra quyết định cần phải có một nỗ lực phối hợp để

đập tan tinh thần chiến đấu của một trong những thành phố có quy mô trung bình của Đức, bằng một cuộc tấn công hủy diệt trên không. Mannheim đã được chọn. Kết quả không như ý muốn. Chỉ 14 nam giới Đức (cộng với 18 phụ nữ và 3 trẻ em) bị sát hại, và 7 trong số 200 lính ném bom Anh đã bị mất tích. Nước Anh đã thu được cho mình vài bài học.

Vượt xa những thất vọng có thể hiểu được của Churchill vào mùa thu năm 1940 để nhìn thấy con đường chiến thắng của đế chế Anh khi không có các nước Đồng minh, vẫn còn có những thất bại luôn ám ảnh ông. Đó là sự mất mát cực kỳ to lớn của tàu bè Anh ở vùng Bắc Đại Tây Dương. Đó là những mối đe dọa ẩn mình giống như cách mà quân đoàn thiết giáp Đức đang chờ đợi nhảy vào nước Anh từ phía Bắc nước Pháp, hay những máy bay ném bom Luftwaffe Đức tấn công vào những thành phố Anh chính yếu. Vì vậy đòi hỏi cấp thiết là Churchill phải nhìn thấu những vấn đề đó xuyên suốt như những chùm tia X. Ông đã trình bày chi tiết việc này trong một bức thư (dài 4 ngàn từ) gửi đến một địa chỉ thích hợp nhất là Roosevelt vào ngày 8 tháng 12. Ông đã soạn bức thư này trong nhiều tuần lễ và rõ ràng đã xem nó như một trong những điểm mấu chốt hết sức quan trọng. Lần đầu tiên bức thư được đề cập vào khoảng thời gian khá sớm, ngày 26 tháng 11.

Khi đến nơi, bức thư đã trở thành một tài liệu hết sức mạnh mẽ và tình tảo. Con số tàu bị đánh chìm ở Bắc Đại Tây Dương là một điểm không tốt:

Những mất mát về tàu thuyền, yếu tố thêm vào trong nhiều tháng gần đây, đã gây ra hậu quả lớn có thể so sánh được với những năm tháng tồi tệ nhất của cuộc chiến cuối cùng... Ước tính tải trọng hàng năm mà chúng tôi phải nhập khẩu để duy trì sức mạnh toàn diện là 43 triệu tấn, tải trọng nhập trong tháng 9 chỉ ở mức 7 triệu tấn và trong tháng 10 là 38 triệu tấn. Những suy giảm ở mức độ này nếu cứ tiếp tục diễn ra sẽ gây ra hậu quả chết người. Trong sáu hoặc bảy tháng tới sẽ đem lại những nguồn lực tàu chiến bị hạn chế về sức mạnh hơn so với

mong đợi. Các chiến hạm *Bismarck* và *Tirpitz* chắc chắn sẽ được đem ra sử dụng vào tháng 1.

Việc kháng lại những hiểm họa này phụ thuộc vào một loạt các hành động của nước Mỹ, chỉ một thời gian ngắn trong cuộc chiến. “Tôi tin rằng nếu ông đồng ý, thừa tổng thống, thất bại của Đức Quốc xã và hành động bạo ngược của bọn phát-xít sẽ là một kết quả quan trọng đối với người dân nước Mỹ và cả Tây bán cầu. Chúng tôi xem lá thư này không phải là một sự kêu gọi giúp đỡ về vật chất, mà là một khẳng định những việc tối thiểu các ngài cần phải làm để đạt được những mục đích chung”.

Hơn bốn tháng sau đó, dần dần với ký kết thuê mượn vũ khí và ép buộc của hải quân Mỹ về quyền tự do thương mại kể từ kinh tuyến 26, đại khái là khoảng 2/3 về phía đông ngang qua vùng Đại Tây Dương, Churchill đã nhận được hầu hết mọi lời đề nghị. Ông đã không hề ngại ngần thể hiện những lo ngại của mình đối với việc làm của Roosevelt. Nó còn biểu thị trong ông một thái độ không được phép coi nhẹ trên tất cả các mặt trận như trong năm 1940, rút ra từ những vấn đề hết sức gần gũi. Một sự kiện xảy ra trong tháng 11 và một vào tháng 12 đã giúp gia tăng nhuệ khí chiến đấu. Đầu tiên đó là thành công của binh chủng không quân tấn công vào nơi tập kết của hải quân Ý ở cảng Taranto. Và thắng lợi thứ hai là của tướng Wavell, chỉ huy trưởng chiến trường Trung Đông, vượt qua nước Ý ở biên giới giữa Ai Cập và Libya, giải phóng lính Ai Cập khỏi lực lượng bao vây, giành được Sidi Barrani và bắt giữ 40 ngàn tù binh Ý. Thật sự thì đây mới chỉ là những đòn đánh khởi đầu của một trận bóng bàn giữa sa mạc và còn tiếp tục cho tới El Alamein hai năm tiếp theo. Nhưng đối với nước Anh đây là chiến thắng trên bộ đầu tiên trong 15 tháng của cuộc chiến. Thắng lợi này bù đắp lại thất bại của tướng De Gaulle vào cuối tháng 9, đã nỗ lực không thành công kể cả với sự trợ giúp của nước Anh ở Đông Phi. Và đây là một minh chứng cho khả năng suy đoán của Churchill, quyết định tăng cường cho vùng Trung Đông trong khi Anh vẫn trong tình trạng bị đe dọa bởi các cuộc tấn công.

Trong suốt mùa thu năm đó, Churchill ít có dịp đi thị sát. Tuy nhiên, dịp cuối tuần ở Chequers và Ditchley là ngoại lệ. Đó là những thời khắc yên bình nhất của ông trong toàn bộ cuộc chiến. Từ mùa hè năm đó cho tới cuối năm, không hề có bóng dáng nước Pháp, nước Mỹ, vùng Nam Phi, và cả nước Nga trong mắt ông. Ngày 28 tháng 8, ông đến Dover và Ramsgate và đã có những ngày nghỉ ngơi thật sự và sự kiện này cũng trùng hợp với một cuộc chiến trên không xảy ra sau đó. Tác động của đợt ném bom có ảnh hưởng rất lớn, cả trong cuộc sống của ông khi ở khách sạn và khi ông đã lên tàu để trở về theo yêu cầu của nhân vật đứng đầu Ngân khố Anh, nhằm bàn bạc kế hoạch bù đắp những thiệt hại do chiến tranh.

Vào chiều Chủ nhật ngày 8 tháng 9, một ngày trước cuộc tấn công quan trọng đầu tiên, Churchill đã thực hiện một viếng thăm đình đám và được ghi lại khá chi tiết đến vùng cực đông. Ngày 15 (Chủ nhật tiếp sau đó) là một ngày dữ dội nhất trong cuộc chiến tại nước Anh. Ông đã đi một đoạn đường dài từ Chequers để gặp chỉ huy trưởng không quân, Marshal Park, tại sở chỉ huy Uxbridge. Cơ sở này kiểm soát toàn bộ vùng Essex, Kent, Sussex và Hampshire. Khi ông quan sát những ánh sáng trên các bảng chỉ thị quan trọng, một điều rõ ràng là không còn bất kỳ một đội quân dự trữ nào trong đội ngũ. Và Churchill đã hỏi Park: “Chúng ta còn nguồn dự trữ nào khác không?”. Câu trả lời của Park là không.

Churchill luôn bị ám ảnh về nhu cầu phải có một đội quân dự bị. Ngay đầu ngày 16 tháng 5, ông đã đặt một câu hỏi với Gamelin: “Các ông đã có cuộc tổng diễn tập chưa?”. Và câu trả lời nhận được là “Chưa”. Ông bắt đầu có những hoài nghi đối với Gamelin và cả nước Pháp. Và trong kế hoạch sắp xếp tuyến phòng ngự ở miền nam nước Anh nhằm ngăn ngừa những cuộc tấn công xảy ra vào tháng 7 và đầu tháng 8, Churchill đã nhất định yêu cầu chỉ huy mặt trận không được nới lỏng tuyến quân phòng vệ dọc bờ biển, nhưng vẫn phải bảo đảm có thể huy động một cách nhanh chóng nhất những đơn vị sẵn có trong đất liền và những vùng lân cận để tấn công quân Đức ngay khi chúng tiến lên đất liền, một

vị trí rất dễ bị tổn thương trong trường hợp bị phản công. Không có gì đáng ngạc nhiên là sau khi quan sát bảng chỉ thị của những cuộc tấn công trên không kinh điển vào ngày 15 tháng 9 (ngay cả khi nó đem lại một kết quả không mấy chính xác) ông đã quay trở về Chequers lúc 4 giờ chiều. Và theo như cách nói của chính ông thì “ông đã bị dần tới tả bởi đội quân mang số hiệu 11”. Ông ngủ một giấc cho tới tận 8 giờ sáng. Tuy nhiên, nếu hiểu theo một cách khác, trong ngày hôm đó, ông đã tìm lại được chính mình. Sau đó, vào ngày 7 tháng 10, Churchill, trong đêm khuya, đã cùng đi với Pile, thực hiện nhiệm vụ của ban chỉ huy phòng không, kiểm tra súng ống ở Richmond và những đèn pha gần vùng đồi Biggin. Hai người bị lạc nhau và Churchill đã phải lê từng bước chân ướt nhẹp trên bãi đèn pha để có thể trở về phố Downing (lúc 4 giờ sáng) trong một tâm trạng đầy ngờ vực. Trong cuộc thám hiểm kế tiếp, ông còn được nếm nhiều cảm giác hơn, đó là một chuyến hành trình đường dài đặc biệt bằng tàu hỏa mà ông luôn thích thú. Từ đầu buổi tối ngày 22 tháng 10 cho tới sáng ngày 24 tháng 10, ông “du hành” trên vùng đất Scotland, tham quan xưởng sửa chữa và đóng tàu Rosyth và kiểm tra đội quân người Ba Lan ở Fifeshire, những người lính sẽ có dịp đi đến nước Anh trong một ngày không xa. Ngày 1 tháng 11, ông kiểm tra đội quân ở Northolt trong bộ đồng phục của một thiếu tướng hải quân và bộ quần áo này chưa bao giờ trông phù hợp với ông.

Đó là những công việc trong một năm và bao nhiêu đó có lẽ cũng quá đủ. Churchill đã quá bận rộn. Hầu hết những công việc ông làm đều tự ông nghĩ ra. Điều đó không có nghĩa là ông phải vật lộn với một mớ những thứ giấy tờ mà những cấp dưới gửi lên. Ông luôn là người khởi xướng vấn đề và luôn đặt câu hỏi tại sao những kế hoạch đó lại không được hoàn hảo, tại sao lại có quá nhiều bộ chỉ huy, tại sao có nhiều máy bay được sản xuất mà không được đưa vào chiến đấu, tại sao những chiếc xe tăng được thiết kế theo kiểu làm hạn chế khả năng sản xuất hàng loạt, tại sao Bộ Hải quân lại không đánh giá đúng nhu cầu của quốc gia, cần nhanh chóng nhiều tàu chiến tốt hơn là những con tàu quá hoàn hảo chỉ cung cấp đủ khi cuộc chiến đã không còn diễn ra. Và Churchill còn

đưa ra vài ví dụ từ những tư liệu ông nghiên ngẫm được trên các trang báo. Không có gì nghi ngờ về việc ông luôn cố gắng kiểm soát hoạt động của tất cả bộ trưởng và các bộ phận dưới quyền. Và điều dễ dàng nhận thấy, đồng thời cũng là một dấu hiệu tốt, là những bộ trưởng gần gũi với ông phải kể đến như Eden, bí thư nhà nước về chiến tranh và Sinclair, bí thư nhà nước về không quân là những người bị nhận những lời phê bình sắc bén và thường xuyên nhất từ Churchill. Eden từng nhận được nhiều bức thư bắt đầu bằng cụm từ như: “Tôi rất không vui với cách uỷ ban chiến tranh đã giải quyết với vấn đề của nước Pháp”, hoặc “Bức điện này không thể hiện được sức sống của cuộc chiến ở vùng Trung Đông”. Sinclair, một người bạn khá lâu năm của Churchill so với Eden (ngay cả khi đứng trong các đảng đối lập nhau) nhận được những lời chòng ghẹo, nhưng cũng là những lời khiển trách hết sức thâm thúy, vào ngày 29 tháng 9:

Tôi rất lấy làm vui khi nhận ra rằng bình thường thì tôi rất hài lòng về ông. Tôi chỉ đề cập đến bức điện mà văn phòng ngoại giao gửi tới cho ông để kiểm tra lại một lần nữa vỏ bọc không thể xuyên thủng của bộ phận bảo mật, mà ông từng đảm nhận trước khi tạm ngừng để điều hành một bộ phận đối lập với chính phủ, và hiện trở thành một trong những trụ cột của cơ sở đó. Hoặc là ông phải mắc rất nhiều sai lầm trong thời gian trước đây, hoặc là chúng tôi đã tiến bộ rất nhiều từ sau sự thay đổi này.

Bộ trưởng Lao động đã ra đi một cách rất nhẹ nhàng cũng như một cách thức tương tự như trên. A.V. Alexander, bộ trưởng đầu tiên của Bộ Hải quân nhận được ít lời phê bình hơn và ông này luôn muốn khiêu khích Churchill. Churchill đối xử với Bevin bằng một thái độ thận trọng khác hẳn so với Attlee. Ngay cả với Greenwood, một nhân vật được xem như bánh xe thứ năm trong bộ máy chỉ huy Nội các Chiến tranh cũng nhận được từ ông hàng tá những lời chỉ trích. Morrison và Dalton là hai vị bộ trưởng rất hữu ích và làm việc có hiệu quả nhưng không may là không một ai trong hai nhân vật này nhận được từ thủ

tướng sự ưu ái. Đối với Amery, (gia nhập cùng Dalton) mặc dù nhận được sự ủng hộ to lớn trong ngày 28 tháng 5, tính cách vẫn còn nhiều nóng vội. Bước đầu nhân vật này đã bị giáng chức từ vị trí trưởng Văn phòng về Ấn Độ xuống làm việc ở Bộ Y tế trong cuộc tái cải tổ tháng 12, kết quả của việc Halifax được dời đến Washington. Trong giai đoạn này, Beaverbrook cũng được đối xử với một thái độ thận trọng tương đương với cách thủ tướng đã thực hiện với Bevin. Tuy nhiên (trong trường hợp của Beaverbrook) thái độ của Churchill có vẻ thân thiện hơn một phần là do mối quan hệ thân hữu lâu năm giữa hai người và sự thích thú của Churchill đối với các cơ sở sản xuất của ông ta (một niềm ham mê không nhận được nhiều tán thành). Churchill cho rằng Beaverbrook đã lập được một chiến công phi thường trong việc gia tăng hiệu suất của Hurricane và Spitfire và ông rất lấy làm không vui khi ông này cứ liên tục xin từ chức.

Công việc bận rộn giúp Churchill có thể tránh gặp mặt những vị khách không mong muốn. Ngày 8 tháng 11, ông đã viết một bức thư khá tinh tế gửi tới vua Albani nhằm đưa ra lời từ chối dứt khoát với một thái độ hàm ý: “Thưa ngài, tôi hy vọng là mình không bất kính khi nói rằng trong trường hợp hiện tại, áp lực về thời gian đối với công việc của tôi quá lớn không thể có vinh dự được gặp mặt ngài... Winston S. Churchill – bề tôi trung thành của ngài”.

Ông còn từ chối Arthur Salter và ngay cả thượng tướng hải quân Roger Keyes, một nhân vật luôn có ý muốn tới Chequers. Ngược lại Churchill dành rất nhiều thời gian cho Nghị viện. Giữa ngày 20 tháng 8 và ngày 19 tháng 12, ông đã có 12 lần diễn thuyết tại đây. Những bài nói chuyện này khác nhau cả về độ dài lẫn nội dung. Hai bài thuyết trình, sau sự kiện Taranto và Sidi Barrani, chỉ là những lời tuyên bố ngắn gọn. Hầu hết những bài còn lại là những đánh giá quan trọng và thể hiện một thái độ điềm tĩnh và nhiều khía cạnh khác nữa. Chúng không phải là những bài hùng biện hùng hồn mang tính tranh đấu của mùa hè năm đó, mặc dù vẫn chứa đựng những câu nói nổi tiếng: “Chưa bao giờ trên cuộc sống đầy mâu thuẫn của con người, chúng ta được sở hữu quá nhiều hoặc quá ít” và kết luận bằng sự so sánh giữa sự tiến bộ trong mối quan hệ giữa người

Mỹ và Anh với dòng chảy của những con sông lớn: “Nếu muốn tôi cũng không thể ngăn cản bước tiến của mối quan hệ này và không ai có thể làm việc đó. Giống như con sông Mississippi vẫn luôn chảy mãi và hãy cứ để nó chảy mãi, chảy mãi như một dòng nước lũ, không thể ngăn cản, không thể chống cự, nhưng hiền hòa đối với những vùng đất thanh bình, và đem lại một ngày mai tốt đẹp”. Colville đã viết: “Dù cho đó là một bài nói chuyện không hùng hồn như mọi khi, Churchill đã không cố tình khuấy động dòng cảm xúc mà đã dẫn đường cho cảm xúc thăng hoa”.

Một điều dễ dàng nhận ra là mức độ mà ông ít nhất đã đặt mình vào vị trí với vai trò là người lãnh đạo Nghị viện. Ông không bọc mình trong vỏ kén của người lãnh đạo cuộc chiến từ xa. Ông bàn luận về những thay đổi trong vị trí bộ máy lãnh đạo và về việc di chuyển trụ sở Giáo hội. Ngày 21 tháng 11, Churchill đã có một bài nói chuyện theo cách thông thường đáp lại bài phát biểu mở màn của hoàng gia trong cuộc họp Nghị viện, và ông đã tạm dừng cuộc họp dời đến kỳ nghỉ Giáng sinh ngày 19 tháng 12.

Lần đầu tiên Churchill đón Giáng sinh tại Chequers, và ông cho phép mình nghỉ ngơi nhiều hơn, giảm bớt công việc sau bữa ăn trưa so với một năm trước đó. Không nghỉ ngơi gì, viễn cảnh đã tươi sáng hơn nhiều so với sáu tháng trước đây. Nhưng ông vẫn còn hai mối lo ngại tiềm ẩn: những mất mát to lớn không thể cứu vãn của số lượng tàu bè ở mặt trận tiếp cận miền Tây và sự suy thoái nhanh chóng nguồn tài chính để chi trả cho những nguyên vật liệu cần thiết từ nước Mỹ. Vấn đề thứ hai, ông đã bị ràng buộc với Roosevelt trong những đối chác mỏng manh. Và sau đó, cũng như việc chắc chắn không thể nào quên những hiểm họa mà cuộc không kích đã gây ra, phần lớn thành phố London đã bị thiêu rụi trong một vụ ném bom với quy mô lớn vào tối ngày 30 tháng 12, và kết thúc cuộc chiến bốn giờ của Churchill.

Chương 34

KHÔNG CÒN ĐƠN ĐỘC

Năm 1941, chiến tranh châu Âu đã trở thành cuộc chiến tranh thế giới. Và việc làm đó đã minh chứng mạnh mẽ cho việc nước Anh hiện đang đứng về phe chiến thắng, khác với những điều xảy ra trong tháng 6 và 7 năm 1940 mặc dù không huy hoàng rực rỡ như một ông vua chiến thắng một minh bất chấp khó khăn (như trong con mắt chính giới Anh). Cả Liên Xô và Mỹ đều bị đẩy vào cuộc chiến. Sự dính dáng của Liên Xô có vẻ bất ngờ hơn, nhưng ngược đời là điều đó lại xảy ra trước. Còn đối với nước Mỹ thì giống như đang chơi trò bập bênh và đất nước này đã ngập ngề một nửa trong suốt gần một năm. Sự tham gia này làm gia tăng tinh thần của Churchill, mặc dù dần dần cả hai nước đã làm cho ông trở nên kém quan trọng hơn so với vai trò ông nắm giữ cuối năm 1940 và đầu năm 1941. Tuy nhiên, ông cũng hết sức chào đón hai sự kiện. Một là cuộc tấn công của Nhật Bản với Mỹ và hơn thế nữa là cuộc tấn công của Đức vào Liên Xô, mặc dù điều này đồng nghĩa với việc bổ sung thêm Nhật Bản vào danh sách kẻ thù. Hai tháng tiếp theo sau đó đem lại cho Anh một đòn kinh khủng nhất mà đất nước này từng phải gánh chịu và một sự xuống dốc tồi tệ nhất đối với vận mệnh của Nội các Chiến tranh do Churchill lãnh đạo. Tuy nhiên, phản ứng một cách tự nhiên của ông đối với sự kiện Trân Châu Cảng “cuối cùng thì chúng ta đã hoàn toàn chiến thắng” là hoàn toàn chính xác (xảy ra vào ngày 7 tháng 9).

Đó là sự kết thúc hợp lý của năm 1941 mà khởi đầu bằng việc Churchill dành toàn bộ tâm huyết của mình cho việc nuôi dưỡng mối quan hệ giữa Mỹ và

Anh. Điều này thể hiện khả năng nhận biết và tập trung vào những vấn đề quan trọng, được nhận thấy rõ ràng trong một phần cuộc sống của ông. Mặc dù nhiều lúc những vấn đề này hơi có vẻ thiên vị và có liên quan chặt chẽ với những mục đích to lớn hơn.

Một ví dụ rõ ràng cho vấn đề này chính là cách cư xử của ông đối với Harry Hopkins, một nhân vật đã dùng hàng tháng trời tham quan nước Anh, bắt đầu vào Thứ bảy ngày 9 - 1 - 1941. Hopkins rất thân cận với Roosevelt và tất nhiên sẽ nhận được từ Churchill một kiểu chào đón hết sức lịch sự, mặc dù điều này không hề hy vọng sẽ đem lại bất cứ kết quả nào rõ rệt (việc mà ông từng làm với Sumner Welles gần một năm trước đây). Nhưng sự quan tâm của Churchill đối với Hopkins là một thủ tục hoàn toàn tách biệt và càng không có gì chắc chắn sẽ đem lại kết quả. Sau này, trong cuộc chiến, Churchill đã dành tặng Hopkins một tước hiệu mà trong đó hai phần ba thể hiện sự ngưỡng mộ và một phần ba còn lại mang nét trào phúng “Ông hoàng, nguồn gốc của vấn đề”.

Khi hội nghị giữa Canada và Mỹ đang ở lúc cao trào thì bỗng nó lại sa vào những vấn đề không thích đáng. Nguyên nhân là do ông đã như dội nước vào mặt mọi người khi nói: “Đây chính là vấn đề chúng ta cần phải quyết định” - (những từ ngữ của Churchill về Birkenhead). Dù sao thì tới đầu năm 1941, Churchill đã không còn khả năng này. Tuy nhiên ông đã quyết định đi sâu vào trọng tâm của vấn đề như Hopkins từng làm, rằng “Hopkins là một trong những vị khách người Mỹ quan trọng nhất mà chúng ta từng được tiếp đón”. Những câu chữ của Brendan Bracket đã được chính Churchill truyền cảm hứng.

Xét một cách dễ hiểu, Hopkins không phải là bạn chí cốt của Churchill. Ông từng là một cậu bé nghèo đến từ thành phố Sioux, bang Iowa, một người đã dành phần lớn cuộc đời mình thực hiện các phúc lợi xã hội. Mỗi quan hệ đặc biệt của ông với Roosevelt có được ít nhất là cho tới khi diễn ra cuộc bầu cử tổng thống Mỹ của Roosevelt tại bang New York vào năm 1928. Ông là một người theo chủ nghĩa tự do làm việc trong các tổ chức xã hội và ngoài ra còn là một người rất có khả năng quản lý. Hai năm đầu tiên của Roosevelt trong vai trò tổng thống Mỹ,

Hopkins đã có quyền sử dụng một khoản tiền trị giá 8,5 ngàn tỉ USD (một khoản tiền lớn trong thập niên 1930) mà không hề gây ra bất kỳ một lời nói xấu nào. Ông đã được thăng chức lên vị trí bí thư Bộ Thương mại vào năm 1938. Và ông còn có tham vọng trở thành một tổng thống hậu Roosevelt (như nhiều người vẫn nghĩ) nhưng sức khỏe tưởng như lúc nào cũng cường tráng của ông đã nhanh chóng xuống dốc. Vào đầu năm 1940, ông đã ổn định ở một vị trí quan trọng. Ông là cánh tay phải của Roosevelt vào cuộc bầu cử tổng thống Mỹ nhiệm kỳ ba trong năm đó. Người vợ thứ hai của ông chết vào năm 1937, năm ông trở nên một nhân vật quen thuộc ở Nhà Trắng và đó cũng là nơi ông cưới người vợ thứ ba vào năm 1943. Ông không bao giờ lấy lại được sức khỏe cường tráng trước kia và mất vào năm 1946 khi 56 tuổi. Nhưng cho tới tận lúc đó, ông chưa bao giờ từ bỏ khát khao được thăng tiến. Do đó, ông luôn tin rằng sự hòa hợp với tổng thống Mỹ sẽ đóng góp quan trọng vào ảnh hưởng lớn lao của ông, xoay chuyển từ thất bại của các đồng minh thành thất bại của Hitler vào khoảng năm 1940. Nhờ vào những tác động ủy quyền này mà có thể từ đó đã dẫn đường cho ông nhanh chóng giành được một vị trí trong bộ máy của Churchill. Về bản chất, điều này được rút ra từ thực tế giống như việc rất nhiều cộng sự mà Churchill quý mến, ông cũng vẫn chỉ là một kẻ ngoài cuộc với những cái chạm tay đầy ngụ ý.

Churchill đưa Brendan Bracken đến gặp Hopkins tại cảng Poole, ông đến đó bằng cách đi tàu từ Lisbon và sau đó tàu đưa ông đến London. Vào Thứ sáu, Churchill và Hopkins ăn trưa trong một căn phòng ở tầng hầm trên phố Downing, cùng nhau nhâm nhi những ly vang đỏ và Brandy cho tới 4h chiều. Ngày hôm sau, Hopkins tham gia vào bữa tiệc Ditchley (khi đó là một ngày cuối tuần trăng tròn) và lưu lại đó trong hai ngày. Buổi chiều Thứ ba, Churchill rời nơi đó trên một chuyến tàu đặc biệt từ vùng Bắc Scotland, đón Hopkins, Clementine Churchill, vợ chồng bác sĩ riêng của ông và gia đình Halifax. Mục đích nhỏ bé của chuyến hành trình này là đưa tiền Halifax tới Washington. Halifax đã được ban tặng “một sự tiễn đưa long trọng” với tư cách bộ trưởng Bộ

Ngoại giao. Ông còn tình cờ gặp được nhân vật “đặc biệt quan trọng” (F. D. Roosevelt) đến từ một hướng khác. Toàn bộ đoàn người cùng băng qua Scapa Flow và nghỉ qua đêm tại *Vua George V*, một tàu chiến như một tác phẩm nghệ thuật mới, con tàu mà nhiệm vụ trước đây của nó dùng để chuyên chở Halifax đến vịnh Chesapeake. Tuy nhiên, chuyến đi này còn có hai mục đích phụ. Thứ nhất là để tạo điều kiện cho Churchill, lần đầu tiên trong suốt một năm nay, có dịp viếng thăm nơi mà trong Thế chiến I nó được biết đến như là đội quân hùng mạnh Grand Fleet.

Mục đích thứ hai là thể hiện thái độ hòa nhã đối với Hopkins. Chuyến đi đã được xây dựng dựa trên những quan điểm này. Họ bắt hết chuyến tàu này đến chuyến tàu khác. Đây là sự thể hiện khả năng của Hải quân Hoàng gia, Clementine Churchill cũng thể hiện sự linh hoạt tối đa. Va Hopkins, gần như đã muốn ngã xuống nước nhưng ít nhất đã không làm như thế vì sẽ gây tác động không tốt đến tinh thần mọi người. Sau đó họ trở về đất liền và đi xuyên qua eo biển chính của Scotland, nơi lần đầu tiên Churchill tham quan xưởng đóng tàu Liverkeithing. Sau đó, họ đón Tom Johnston, nghị sĩ Công Đảng tại Tây Stirlingshire (một nhân vật hiện là đại biểu chính quyền trung ương tại địa phương). Phái đoàn dùng một bữa ăn trưa trên tàu tại Glasgow. Cục Quân nhu luôn theo dõi sát sao hành trình của Churchill, và Glasgow là một địa điểm quan trọng của cuộc hành trình. Đây là khu vực đóng tàu và cung cấp đạn dược mang tính sống còn. Và với những cửa sông gần đó, nơi đây cũng đã trở thành một trong ba hải cảng phức tạp nhất (hai hải cảng khác là Mersey và Bristol Channel) có thể tăng cường sử dụng trong trường hợp hạm đội Đại Tây Dương gặp khó khăn.

Churchill bị cho là luôn muốn có những cuộc họp âm thầm với những vị lãnh đạo và các thành viên trong hội đồng, mặc dù vị trí họp được chọn lần này là thành phố Chambers. Chambers là một trong những vị trí dân cư quan trọng nhất ở nước Anh. Churchill không chuẩn bị một bài thuyết trình nào và muốn giấu đi danh tiếng về khả năng hùng biện bằng việc đưa ra một bài thuyết trình lê thê.

Rõ ràng ông muốn sự xuất hiện của Hopkins với vai trò như một đại diện của “vị lãnh tụ nổi tiếng”. Nhưng có thể tác động gây ấn tượng nhất của bài nói chuyện chính là, khi ông không hề có sự chuẩn bị nào cho bài thuyết trình nhằm khuấy động người nghe thì ông lại có khả năng tự kiểm chế, hạn chế tối thiểu những câu nói có thể làm Hopkins, hoặc Roosevelt, bối rối. “Chúng tôi không yêu cầu một đội quân lớn từ nước ngoài trong năm 1941. Điều chúng tôi cần là vũ khí, tàu chiến và máy bay chiến đấu”.

Churchill nhận được hai phần thưởng từ chuyến viếng thăm này, một xảy ra nhanh chóng, và một chậm hơn. Chiều hôm đó, Johnston đã tổ chức một buổi tiệc tối tại khách sạn North British. Vào cuối buổi tối, không nghi ngờ gì nữa, Hopkins đã bị ảnh hưởng rất lớn từ tình cảm và thái độ hiếu khách của mọi người trong ngày hôm đó. Tuy nhiên, trong những ghi chú có liên quan ở cuốn “Lòng trắc ẩn” về tương lai của Mỹ và Canada, ông viết: “Các anh đến đâu tôi sẽ đến đó. Và nơi các anh gác cũng là nơi chúng tôi gác - cùng chung những người lính và cùng chung cả Chúa Trời”. “Ngay cả cho tới cuối cùng” Hopkins thêm vào. Churchill đã chảy nước mắt và chưa bao giờ ông đạt được một kết quả khó khăn đến thế, nhưng trong hoàn cảnh này, đây là một kết quả vô cùng chính đáng.

Ông đã giành trọn cảm tình từ Hopkins và việc làm này được thực hiện bằng tất cả lòng can đảm, tự tin và cả những sự quan tâm có tính toán. Lòng tự tin cao độ và bản tính chú tâm vào những chi tiết quan trọng đã hỗ trợ ông. Tại Ditchley, ông đã bày tỏ quyền lợi của nhân dân lao động New Deal đối với cuộc sống chưa từng nếm mùi khổ cực của chính ông và việc thiết lập mạng lưới phúc lợi xã hội rộng khắp. Trong buổi tối hôm đó, hay 11 giờ tối hôm sau, hay ba tuần sau tại Chequers, hay những ngày ở Ditchley, cũng như một vài buổi tối trên chuyến tàu hoặc ở Scotland, ông luôn hướng tới những buổi làm việc rất khuya và sôi động mang phong cách của Churchill. Tại buổi trao đổi lúc nửa đêm, Churchill đã sắp xếp các chủ đề liên quan đến những bước phát triển của cuộc chiến tranh. Đó là thái độ bình chân như vại của người Đức, ý kiến của ông về vấn đề ổn định cuộc

sống sau chiến tranh cả trong vấn đề quốc gia và tiền bạc, những tác động không tốt của những chính sách do Joseph Chamberlain và Stanley Baldwin tạo dựng. Ông làm như vậy nhằm lấp đầy những khoảng trống trong buổi tiệc. Không hề có ý định lôi kéo Hopkins về phía mình, Churchill chỉ thể hiện cho ông thấy sức mạnh của hạm đội cũng như khả năng phi thường của ông trong việc giải quyết vấn đề Công Đảng Glasgow. Phần thưởng thứ hai của ông cho ngày Glasgow hôm đó là một sự kháng cự hiệu quả đối với cuộc ném bom thảm khốc ở Clydeside vào khoảng trung tuần tháng 3, sát hại hàng ngàn người dân và làm hư hỏng khá nhiều xưởng đóng tàu. Kết quả của đòn đánh đó đã bị hạn chế.

Cuối cùng, khi Hopkins về nước vào ngày 10 tháng 2 thì ông đã lưu lại nơi đây lâu hơn gấp đôi so với dự kiến ban đầu. Hopkins được Churchill dẫn tới Dover để chứng kiến những trái bom bay (tên lửa của Đức) băng qua Eo biển Manche và hàng rào biên giới. Ngoài ra, còn có một cuộc viếng thăm tới Portsmouth và Southampton, hai nơi phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của cuộc chiến vào hạ tuần tháng 1. Nhưng trên tất cả những sắp xếp này chính là thắt chặt mối quan hệ tin tưởng lẫn nhau và tình bạn giữa hai bên. Hopkins đã đánh giá Churchill với Roosevelt rằng: “Đây là một thế lực trực tiếp đằng sau mọi chiến lược và chỉ đạo toàn bộ cuộc chiến ở mọi khía cạnh chủ đạo. Ông ấy là một người phi thường lôi cuốn toàn bộ người dân Anh, tất cả mọi tầng lớp và đoàn thể”, đó là tất cả những lời nói mà Churchill đã mong đợi. Chính điều này đã tạo dựng một cầu nối quyết định giữa ông với tổng thống Mỹ, nhân vật mà trong giai đoạn này ông chưa hề có cơ hội gặp mặt. Mối quan hệ vẫn còn hạn chế trong phạm vi chỉ là những dòng tin trao đổi xuyên đại dương và những cái nhìn thoáng qua những chương ngại mà London gặp phải trong thời kỳ chính phủ Lloyd George. Nghịch lý chính là sợi dây liên kết này còn đóng vai trò quyết định hơn cả những điều chính yếu để hai người trở thành bạn thân. Hopkins và Churchill còn cảm thấy thoải mái đối với tình bạn của hai người hơn cả đối với Roosevelt và Churchill. Mối quan hệ thân thiết này được minh họa hết sức sống động trong một sự kiện xảy ra sáu tháng sau đó, trong một dịp Hopkins

quay lại nước Anh và có cơ hội một lần nữa ở Chequers vào một đêm Chủ nhật. Churchill đã không dừng cuộc nói chuyện và để cho những vị khách của mình đi ngủ, trong đó có Attlee và Averell Harriman, hai người rất hay ngáp ngáp dài. Chính Hopkins là người giải quyết vấn đề trong hoàn cảnh đó. Ông nói đùa rằng nếu Churchill cứ tiếp tục làm việc “theo kiểu đó”, thì toàn bộ nhân viên của ông sẽ bỏ ông mà đi.

Mô hình thứ hai trong cuộc sống của Churchill năm 1941 (mặc dù đó có thể không phải là nguyên nhân) theo sau những tháng đầu tiên trong cuộc viếng thăm của Hopkins chính là những cuộc thăm thú ở các tỉnh thành. Cuối năm 1940, Churchill chưa chính thức bị đẩy vào hoàn cảnh khó khăn nhưng có một vài ngoại lệ nho nhỏ đáng lưu tâm, ông rất ít khi đi thăm thú đất nước. Vào ngày 10-12 tháng 4, ông đến Swansea, Bristol và Plymouth, những nơi đã gánh chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng từ những trận bom oanh tạc. Và ở những thành phố ông đến sau đều có vẻ thảm hại hơn thành phố trước. Tại Bristol, ông tiến hành một buổi lễ không tuân theo bất kỳ một nghi thức nào. Ông từng là hiệu trưởng danh dự của trường đại học ở đây từ năm 1926. Nhưng ông đã bị mất vị trí này khi có ý định xây dựng một công trình trên đỉnh Clifton nhằm tôn vinh học vị danh dự cho Winant Menzies (thủ tướng Úc). Có rất nhiều động thái chính trị trong vấn đề này. Ông không bỏ qua cơ hội lần đầu tiên được chứng kiến thảm họa khủng khiếp nhất từ trước tới nay. Cùng tháng đó, ông đã dành ra 24 tiếng ở Manchester và Liverpool và vào ngày 1-2 tháng 5, ông trở về lại Plymouth. Nếu so về quy mô kích cỡ, có lẽ đây là thành phố bị tàn phá kinh khủng nhất. Tuy nhiên, như điều thường thấy của tất cả các trận chiến thông thường, chỉ có những tòa nhà cao tầng và các trung tâm thương mại là phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất, còn các xưởng sửa chữa đóng tàu thì may mắn thoát được, giống như những nhà máy sản xuất máy bay của Coventry năm tháng trước. Sau đó, có một khoảng thời gian tạm ngưng các đợt ném bom cho tới cuối tháng 9, thời điểm ông tiến hành chuyến hành trình một mình kết hợp ghé thăm Coventry, Birmingham và Liverpool một lần nữa.

Mô hình cuộc tấn công trên không năm 1941 vẫn tiếp diễn như thế trong nhiều tháng đầu tiên và London trở thành một nơi tương đối yên bình. Tòa Nghị viện trở về chốn cũ của nó vào ngày 21 tháng 1, và số 10 phố Downing một lần nữa trở thành nơi hoạt động chủ yếu của Churchill. Những thành phố phía nam và tây nam như Portsmouth, Cardiff và Swansea tiếp tục gánh chịu một vài khó khăn. Nhưng điều đó không còn tiếp diễn cho tới đầu tháng 3, khi một hệ thống phòng không tập trung bắt đầu được thiết lập tại những cảng biển như Manchester, Liverpool, Glasgow, Hull, Plymouth, Bristol và ngay cả Belfast. Những trận oanh tạc liên tục diễn ra trong sáu hay bảy đêm liên tiếp. Tại Liverpool, ví dụ vào đầu tháng 5, có khoảng ba ngàn người thiệt mạng và 76 ngàn người phải sống trong cảnh không nhà cửa suốt một tuần liền. Bình yên của thành phố London đã chấm dứt. Ngày 16 và 17 - 4 còn có thêm hai cuộc ném bom vào thành phố thủ đô và cũng vào ngày đó tháng 5, lễ kỷ niệm ngày nhậm chức thủ tướng của Churchill đã trở thành ngày kinh hoàng. Tòa Nghị viện Quốc hội cũng nằm trong đống đổ nát. Ngày 22 tháng 4, kỳ họp Quốc hội phải quay trở về trụ sở giáo hội và trong tất cả các trường hợp, những trận ném bom vào nửa đêm luôn là những trận dữ dội nhất. Nhưng tòa Nghị viện không thể sử dụng được cho tới khi nó được tái xây dựng và hoàn thành vào năm 1950. Tháng 5 chính là thời điểm chấm dứt những đau đớn của cuộc chiến và trải đường cho những tháng ngày bình yên của London gần ba năm sau, Quốc hội chuyển đến tòa Thượng viện, các thượng nghị sĩ đã nhẹ nhàng rút lui đến một căn nhà cạnh dinh thự hoàng gia.

Đối với Churchill và toàn cảnh cuộc chiến tại nước Anh thì đó là một mùa xuân kinh hoàng. Cuộc chiến trên không, mặc dù vô cùng dã man nhưng trong giai đoạn này là một đòn đánh cuối cùng và có thể kiểm soát được. Điều dễ thấy nhất là nó có thể bảo đảm an toàn cho những mục tiêu quân sự quan trọng trong sáu đêm bị tấn công liên tục trong cuộc oanh tạc của Đức tại Liverpool tuần đầu tháng 5. 69 trong số 144 tàu thả neo tại bến đã được đưa vào cuộc chiến và tổng trọng tải của những tàu còn neo bến tại hải cảng trọng yếu này đã bị cắt giảm chỉ

còn một phần tư. Tuy nhiên, số tàu bị mất mát ngoài khơi cũng giảm đáng kể, nhờ Mỹ đã đảm nhận nhiệm vụ tuần tra một cách hiệu quả một nửa phía tây Đại Tây Dương cũng như vùng phía đông Ireland.

Tuy nhiên hầu như ở các nơi khác, mọi thứ có vẻ tồi tệ hơn. Ngày 6 tháng 4, Hitler tấn công Nam Tư và Hy Lạp. Trước khi quân đoàn thứ 13 của quân Đức đóng quân ở Belgrade, không quân hoàng gia đã bay đến Nam Tư để tham chiến, và nơi đây đã có một đội quân du kích ngày càng hùng mạnh. Hy Lạp cầm cự cho tới ngày 24 tháng 4 thì đầu hàng. Hành động này là một vết thương lớn đối với nước Anh, hơn cả Nam Tư. Đầu tháng 3, Nội các Chiến tranh đã đưa ra một quyết định hết sức khó khăn nhằm tăng cường sức mạnh của quân đội Hy Lạp, bằng việc gửi sang 55 ngàn lính Anh. Những người lính này được chia sẻ từ đạo quân ở Ai Cập và do đó có nguy cơ làm giảm sức mạnh của quân đội. Wavell, tổng chỉ huy khu vực Trung Đông, ban đầu hết sức lưỡng lự đối với quyết định này nhưng sau đó cũng hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên, khi thảm họa xảy ra, quan điểm nhất quyết thiết lập một đạo quân ở Cairo đã được Wavell đẩy trách nhiệm sang cho các chính trị gia và một số nhân vật đặc biệt. Churchill đã nhấn mạnh rằng ông không hề gây bất kỳ sức ép nào đối với Wavell và chính Wavell cũng cảm thấy vô cùng bối rối trước quyết định khó khăn này.

Vào những ngày cuối cùng của tháng 4, một cuộc rút quân khác lại diễn ra. Trong số 55 ngàn lính Anh ở Hy Lạp thì có khoảng 12 ngàn người mất tích. Nhưng thâm trầm hơn chính là cảm giác một quân đội như quân đội Anh, những người lính có thể còn chuyên nghiệp hơn cả quân Đức, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu hơn lại phải rút chạy. Sau đó còn là những thất bại ở Crete, 26 ngàn trong số 43 ngàn quân trốn thoát được phải chuyển đi. Đó là thời điểm một tháng trước khi cuộc rút quân kế tiếp xảy ra. Thời khắc chuyển giao giữa tháng 5 và tháng 6 có khoảng 16 ngàn lính tới Alexandria. Bắt đầu từ Na Uy, Crete là một trong những trận rút quân hỗn loạn và nhục nhã nhất trong bốn lần rút quân, chỉ có lần ở Dunkirk có lẽ là nhẹ nhàng hơn cả. Hai tuần sau, lực lượng Anh phải gánh chịu một thất bại nặng nề dưới sức ép của Rommel ở chiến trường sa mạc

Bắc Phi. Churchill viết về thất bại này “đối với tôi đây là một đòn cay đắng nhất”. Trong ngày hôm đó, ông đến Chartwell (căn nhà mà mọi cánh cửa đều khóa chặt) sau một khoảng thời gian dài không ghé thăm. Churchill đã đến nơi này bốn lần vào tháng 6 và đầu tháng 7. Ông nói: “Tôi thất vọng và đi lang thang hàng giờ”. Đó là một trong những thời điểm suy sụp của ông trong cuộc chiến.

Tin tốt lành duy nhất mà ông tiếp nhận là việc con tàu *Bismarck* bị đánh chìm vào ngày 27 tháng 5. Thất bại ở đây là sự mất mát chiến hạm *Hood* (kèm theo 1.500 lính), con tàu qui mô nhất và chạy nhanh nhất của hạm đội chủ chốt, và những thiệt hại đối với chiếc *Hoàng tử xứ Wales*. Tuy nhiên, việc đánh chìm chiếc *Bismarck*, chiến hạm hiện đại và hùng mạnh nhất trên thế giới, được xem như một phần thưởng có giá trị hơn hết thảy. Trong bất kỳ chiến thắng trên biển nào, hầu như hai bên đều có những tổn thất ngang bằng nhau.

Tin chiếc *Bismarck* bị đắm đã đem lại một nguồn sáng đối với thái độ của Churchill trong thời điểm này. Cadogan đã viết: “Đây là những ngày tháng u ám và tăm tối của các thành viên Nội các”, điều đã được nhấn mạnh trong nhật ký của Hugh Dalton. Churchill trong một tâm trạng nhiều mâu thuẫn, vẫn luôn khẳng định sẽ mở rộng việc huy động quân dịch đến vùng phía Bắc Ireland, điều mà tất cả đảng viên hợp nhất đều mong muốn. Nhưng hầu như tất cả những thành viên còn lại ở sáu hạt khác, gồm cả London và Dublin, cho rằng việc làm này sẽ gây ra một mối bất hòa nghiêm trọng (nó gây nhiều thiệt hại hơn là có lợi). Kết thúc một ngày dài hôm đó, Anthony Eden đã gửi cho Churchill một dòng ghi chú:

Winston thân mến!

Hôm nay là một ngày không tốt, nhưng ngày mai Baghdad sẽ bị xâm nhập, chiếc Bismarck sẽ chìm. Trong vài ngày nữa, cuộc chiến sẽ thay đổi và ông sẽ làm tất cả những gì có thể để giành một thắng lợi lịch sử.

Không cần trả lời.

Bạn của ông

Anthony

Vào ngày 27, khi chiếc *Bismarck* chìm, tình hình đã có biến chuyển. Churchill nhanh chóng tìm cách giải quyết vấn đề quân dịch và công bố quyết định này đến toàn thể Quốc hội bằng một thông báo khá nhẹ nhàng.

Tại cuộc gặp của Ủy ban Quốc phòng vào cuối ngày, ông đã bày tỏ một thái độ tôn trọng đối với Alan Brooke, một nhân vật vẫn còn nằm trong bộ tổng tư lệnh và chưa trở thành người lãnh đạo bộ tham mưu trong sáu tháng tới. Vào những dịp trước đây Churchill hay đưa ra những lời chỉ trích gay gắt đối với Brooke vì vậy cần trích dẫn ở đây những lời khen của Churchill với Brooke trong dịp này:

Nhìn chung, buổi tiệc đã thành công mỹ mãn. Rất ngạc nhiên là làm thế nào mà ông ấy có thể giữ được một vẻ bề ngoài hết sức thư thái trong khi đang gánh chịu một trọng trách khó khăn. Ông ấy là một trong những người tuyệt vời nhất mà tôi từng gặp và là một nguồn vô tận những bài học mà tôi chưa bao giờ có ý định ngừng học hỏi. Tôi nhận ra một điều, trên thế giới này rất hiếm khi tồn tại những con người tài năng như thế: những con người đứng trên tất cả mọi người.

Đó chỉ là thiện ý bất thường của Churchill, vào ngày 8 tháng 6, ông đã gửi thư cho con trai, hiện đang phục vụ ở Cairo. Hai cha con ông có mối quan hệ không được tốt, Randolph thường là một đứa con khó bảo và hay chọc tức ông, khiến ông luôn bức bối. Nhưng trong địa vị của một người cha với những áp lực và thất bại thảm hại của mùa hè năm đó, ông vẫn còn đủ sáng suốt và năng lượng để đưa ra một chuỗi những câu chữ trau chuốt với khoảng 1.200 từ, vừa đủ để hé lộ nhưng cũng đề cập gần như tất cả những mối lưu tâm của ông trong thời điểm hiện tại. Tất nhiên, cái tài đó là do khả năng viết lách lưu loát của ông. Tuy nhiên cũng phải nhìn nhận là ông vẫn chưa thật sự thành công trong vai trò

một người cha đối với Randolph cũng giống như quan hệ của Randolph đối với ông. Một tháng sau (hoặc có thể hơn) Churchill lại tiếp tục thực hiện theo yêu cầu của Randolph. Ông chỉ định Oliver Lyttelton, cho tới thời điểm đó đang là bộ trưởng Thương mại, trở thành Quốc vụ khanh ở Cairo và là thành viên của Nội các Chiến tranh.

Trong suốt nửa đầu tháng 6, sau những buổi chiều một mình tha thẩn trên thung lũng Chartwell, Churchill đã thể hiện mình là một tổng tư lệnh tài năng. Ông không những không hề bỏ cuộc do những thất vọng chán chường mà còn sa thải Wavell, một nhân vật đã không còn tạo dựng được lòng tin ngay từ ngày 6 tháng 5. Việc làm này được ông thực hiện một cách khéo léo, tế nhị nhưng cũng đầy dứt khoát vào ngày 21 tháng 6, và nhận được sự đồng thuận của tham mưu trưởng, và ở góc độ nào đó của cả chính Wavell. Wavell đổi vị trí với Auchinleck, tổng chỉ huy ở khu vực Ấn Độ. Và sự chuyển đổi này không phải là do ông thiếu khả năng hay thiếu nhuệ khí chiến đấu mà do sự mệt mỏi chán chường sau một khoảng thời gian dài phải liên tục cố gắng trong tình trạng quá thiếu thốn lực lượng. Quyết định này được Wavell chấp nhận một cách rất nhẹ nhàng nhưng đối với những người dưới quyền ông, đây có vẻ như là một món quà không xứng đáng cho thái độ hết lòng tuân thủ những quy luật chính trị khắt khe.

Vấn đề xa hơn chính là trong những tuần đầu Auchinleck nắm giữ vị trí chỉ huy mới, Churchill bắt đầu nhận ra rằng nhân vật này cũng cứng đầu không kém so với Wavell. Việc chỉ định Lyttelton tới Trung Đông vào thời điểm cuối tháng 6 đã được ông đề cập đến từ trước. Niềm tin của tổng chỉ huy Auchinleck có thể, hoặc không bao giờ được cải thiện, bởi việc ông đã giữ lại những chính sách từ thời Thế chiến I. Churchill đã đề cập trong tất cả mọi phương tiện truyền thông về việc chỉ định lãnh đạo chính trị mới là Oliver Lyttelton.

Tuy nhiên, Auchinleck, đã tin tưởng vào chính mình và giành được niềm tin của Churchill khi ông được triệu tập đến London và Chequers vào cuối tháng 7 và tạo được ấn tượng tốt. Hai năm giữa chiến thắng đầu tiên trước quân Ý và

thắng lợi của Montgomery tại Alamein không phải là những giờ phút hạnh phúc đối với chính quyền Cairo.

Tất cả những thắng lợi này về thực chất đều bị che mờ bởi cuộc tấn công của Hitler vào ngày 22 tháng 6 ở nước Nga. Churchill vẫn luôn tin vào một mùa xuân mong manh sắp đến. Ngày 3 tháng 4, ông gửi một bức điện mang tư cách cá nhân tới Cripps, đại sứ ở Moscow để nhờ chuyển trực tiếp tới Stalin. Ông tin rằng điều này sẽ tạo ra một ấn tượng mạnh vì đây là lần liên lạc đầu tiên của ông tới Stalin sau chín tháng.

Churchill thức dậy vào trưa Chủ nhật, tin quân Đức tấn công Liên Xô dữ dội, bắt đầu Mặt trận phía Đông đã không hề làm ông ngạc nhiên. Phản ứng ngay lập tức của ông là nhanh chóng phân phối một kênh liên lạc vô tuyến quan trọng. Ý tưởng này đã xuất hiện trong đầu ông, ít nhất là từ khi ông lái xe đến Chequers vào tối Thứ sáu. Tuy nhiên đó không phải là một phản ứng tốt vào đầu buổi sáng sau một đêm dài, mà chỉ là hành động thay thế cho những tiếng cằn nhằn như nhiều người khác vẫn thường làm. Và ông cũng không mạo hiểm khi thực hiện hành động này vì những vị khách vào dịp cuối tuần của ông có cả gia đình của Eden và Winant. Khi đó, Winant bảo đảm với ông rằng những giúp đỡ đối với nước Nga sẽ nhận được ủng hộ của chính quyền Mỹ. Và Eden còn củng cố thêm khẳng định này bằng việc Beaverbrook đã cùng ăn trưa với ông. Và ít nhất Beaverbrook đã đưa ra hai quan điểm cho thấy Nội các Chiến tranh không hề muốn gây thêm bất kỳ sự kiện rắc rối nào nữa. Churchill đã rất chính xác khi loay hoay khắp nơi những hoạt động trong giờ làm việc và cả hoạt động ngoài giờ làm việc, và gửi tới Crippes. Và cả những chuyện ngoài công việc, cũng như việc Peter Fraser, thủ tướng New Zealand, đến để dự bữa ăn trưa và sẽ ở lại cho tới cuối ngày cũng được ông loay hoay. Việc vận dụng thời điểm hết sức thích hợp, tương tự như tiếng vang từ những bài phát biểu hùng hồn của Churchill. Ông phải mất cả ngày dài miệt mài để viết bản phác thảo. Và hơn thế nữa, ông buộc chúng phải lên tiếng. Và những chính sách ông đưa ra luôn mang theo tình yêu và nỗ lực tìm kiếm chân lý. Chúng được nuôi dưỡng bằng niềm tin sắt đá.

Ông đã chặt lấy những tinh hoa từ khối óc, con tim mình để dựng nên bản phác thảo. Trong trường hợp này, Churchill đã cắt tĩa rất thành công và bài viết vẫn chưa sẵn sàng cho tới 20 phút trước thời điểm ấn định. Giới hạn sát nút này cũng có một điểm thuận lợi là Eden không có cơ hội xem xét hiệu chỉnh bất kỳ chi tiết nào.

Chủ đề trọng tâm của bài viết là: “Chúng ta sở hữu một mục đích cần nhắm tới và một mục đích không thể bỏ qua. Chúng ta quyết tâm tiêu diệt Hitler và xóa sạch mọi dấu vết của Đức Quốc xã. Từ giờ phút này không gì có thể lay chuyển được ý chí của chúng ta, không bao giờ... Bất kỳ người dân hoặc quốc gia nào chống lại Đức Quốc xã sẽ đều nhận được sự giúp đỡ của chúng ta. Và những ai theo phe Đức sẽ là kẻ thù của chúng ta. Vì vậy chúng ta sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp đỡ Liên Xô và những người dân Nga”.

Không nghi ngờ gì về những ý kiến quân sự, hoặc ở Anh hoặc ở Mỹ đều đợi tin Đức quốc xã sẽ nhanh chóng đánh bại Hồng quân. Điều không chắc chắn ở đây là thời gian một tháng hay ba tháng. Tuy nhiên, Churchill, vốn dĩ là một người có cái nhìn lạc quan vẫn cười nói hết sức vui vẻ cả trong bữa tối hôm đó và cả khi ông lên giường đi ngủ. Colville, một nhân vật nói theo nghĩa đen là một người luôn xắn tay áo cho ông, đã ghi lại như sau: “Thủ tướng không ngừng lặp đi lặp lại một điều thật tuyệt vời. Đó là việc nước Nga tham gia vào cuộc chiến chống nước Đức trong một thời điểm mà hai đất nước này có thể dễ dàng sát cánh cùng nhau”. Cuối cùng, Churchill đã thẳng thắn thừa nhận rằng, Liên Xô đã tiêu diệt phần lớn lực lượng đáng gờm của Đức, một việc mà ngay cả nước Anh nếu có phối hợp với toàn bộ lực lượng quân Mỹ thì cũng chưa chắc có thể đánh đổ bức tường thành phía đông vững chắc của Hitler.

Không lâu sau khi Anh và Liên Xô trở thành các nước cùng tham chiến, câu hỏi về Mặt trận thứ hai (ở Pháp) đã phát triển trên nền mối bất hòa Nga - Mỹ. “Mặt trận thứ hai” nhanh chóng trở thành khẩu hiệu chiến lược, được viết đầy lên tường và đi vào trong cả những câu nói của những đoàn người biểu tình, và thu hút sự ủng hộ của những nhân vật như Beaverbrook và Michael Foot. Con số

thương vong to lớn mà Liên Xô phải gánh chịu đã đem lại thành công, quan trọng cho Mặt trận thứ hai. Trong thời điểm đó nước Nga không hiểu tại sao Anh lại không ngay lập tức đem những đội quân nhỏ vượt Eo biển Manche và đưa tay ra giúp đỡ. Điều kỳ lạ là đây không phải là hành động đầu tiên của Churchill. Ông nhanh chóng có ý định thực hiện một cuộc tấn công mạnh mẽ với 25 ngàn quân vào miền bắc nước Pháp, và thảo một bức điện vào ngày 23 tháng 6 với khẩu hiệu “Hãy hành động khi trời còn sáng”. Có một vài điểm rất trùng hợp với những gì đã diễn ra cách lúc ấy 14 tháng ở cuộc chiến Dieppe tháng 8 năm 1942, trong cuộc chiến đó, quân Canada cũng phải gánh chịu một tổn thất khá nặng nề. Tuy nhiên, một thời gian dài sau đó, Churchill đã tin chắc hành động tấn công vào bờ biển nước Pháp một cách vội vàng không chỉ mang lại một trận đánh đẫm máu, mà còn giống như một cuộc chơi bóng gậy nước giạt lùi ngoài bãi biển. Đây là một việc làm có thể trì hoãn hy vọng chiến thắng của các nước Đồng minh trong nhiều năm tới. Ông duy trì ý nghĩ này trong ba năm tiếp theo.

Điểm nhấn tháng 8 năm 1941 là cuộc gặp gỡ giữa Roosevelt và Churchill ở vịnh Placentia, thuộc Newfoundland. Cho tới sau này, một cách tự nhiên, cuộc gặp gỡ vẫn được che phủ bởi một tấm rèm bí mật. Roosevelt có một cuộc đi câu ở vùng bờ biển Maine, sau đó ông chuyển sang một tàu tuần dương của Mỹ để đến nơi hẹn gặp. Churchill đến từ Scapa Flow trên chiếc *Hoàng tử xứ Wales*, chiếc tàu xếp hàng thứ hai trong số các tàu chiến Anh. Cùng đi với ông có hai hay ba thành viên trong bộ tổng tham mưu, Alexander Cadogan, uỷ ban ngoại giao và nhiều thành viên khác nữa ở các cấp thấp hơn, ngoài ra còn có Hopkins, ông này vừa kịp từ Nga trở về để đi với cả đoàn. Một trong những đặc điểm đáng mẩn của Hopkins chính là cái mũi méo mó ông đội trên đầu. Ông luôn bắt kịp chuyển tàu hay chuyển bay, hoặc vừa kịp thoát ra khỏi bệnh viện, để đưa ra những lời khuyên quan trọng trong những hội nghị trọng đại mang tính quyết định. Roosevelt được tháp tùng bởi tướng Marshall, các sĩ quan hải quân cấp cao, Stark và Sumner Welles. Có thể một trong những kết quả đáng kể nhất của cuộc gặp gỡ trên biển này chính là tạo cơ hội tiếp xúc lần đầu cho những nhân

vật đứng đầu hai nước Anh và Mỹ.

Luôn có một thoáng nghi ngờ về việc Churchill đã nói hoặc diễn thuyết quá nhiều về lòng yêu mến của Roosevelt và vì vậy không có gì thắc mắc về việc Roosevelt luôn nằm trong số những người lắng nghe tuyệt vời nhất của ông. Ngoài ra, tổng thống Mỹ còn gửi tới Churchill những lời hỏi thăm ân cần với tư cách cá nhân để cảm ơn Churchill trong lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 60 của ông vào ngày 30 - 1 - 1942. Trước thời điểm đó, tổng thống Mỹ đã có một khoảng thời gian dài biết đến Churchill: “Tôi rất vui mừng khi được sống cùng thập niên với ông”. Sự cân nhắc duy nhất ở đây chính là Roosevelt luôn biết lựa chọn những lời khen có lợi nhất. Tại cuộc gặp gỡ trên tàu vào tháng 8 năm 1941, Roosevelt đã chủ động bắt đầu bằng việc đem đến cho Churchill những thánh giá và hân hạnh mời Churchill thể hiện tài năng của mình.

Churchill tới Newfoundland nghỉ ngơi và thư giãn. Chiếc *Hoàng tử xứ Wales* bắt đầu khởi hành từ Scapa Flow vào chiều Thứ hai ngày 4 tháng 8, và đến vịnh Placenta vào Thứ bảy ngày 9 tháng 8. Trong chuyến hành trình, Churchill đã có những ngày thật sự rỗi rãi kể từ khi ông giữ chức vụ thủ tướng. Ông đọc cuốn *Captain Hornblower RN* của C. S. Forester, xem nhiều phim, có cả phim “Phu nhân Hamilton” (một bộ phim chiến tranh mà ông yêu thích). Phim này ông đã xem tới năm lần, và ông đã mất 7 bảng Anh (tương đương với 175 bảng hiện nay) cho nó.

Trong ngày đầu tiên tại vịnh Placenta, Roosevelt là người chủ trì cả bữa trưa và bữa tối trên tàu tuần dương. Giữa hai bữa ăn diễn ra một cuộc họp sơ bộ. Sau buổi tối, Roosevelt, cùng lời đề nghị của Hopkins đã hỏi Churchill một câu rằng, liệu ông có thể đưa ra một đánh giá tổng quan riêng biệt về cuộc chiến này hay không, không phải dưới hình thức một bài diễn thuyết mà với tư cách một bài nói chuyện nhỏ với quy mô thánh giá khoảng 25 người. Tất nhiên Churchill đồng ý nhưng vẫn còn một điều bí ẩn là liệu tổng thống Mỹ và các thành viên cấp cao trong chính quyền Mỹ, những nhân vật chưa một lần nghe Churchill nói, có hiểu được trọn vẹn hay không. Thực đơn bữa tối không mấy hấp dẫn, được trình bày

chi tiết trong tác phẩm *White House Papers of Henry L. Hopkins* của Robert E. Sherwood, nhưng những thức uống có liên quan thì không thấy đề cập. Phải chăng sự khắt khe này không được bộ tổng tư lệnh quan tâm nhằm chiêu theo những thói quen nổi tiếng của những vị khách? Và nếu không thì cách xử sự khắt khe bất thường đó đã làm giảm hiệu quả của buổi nói chuyện đó như thế nào?

Sáng hôm sau, một “buổi tiệc Mỹ” được tổ chức trên tàu *Hoàng tử xứ Wales*. Churchill đặc biệt chú ý đến việc lựa chọn các bài thánh ca để tất cả mọi người có mặt trên tàu có thể hát. Phái đoàn của tổng thống Mỹ lưu lại cho tới bữa trưa, tại nơi mà buổi tiệc tối hôm trước đã diễn ra, và một điều chắc chắn là không thể thiếu rượu.

Cuộc họp vào bữa trưa Thứ sáu do Roosevelt chủ trì, nếu không kể tổng thống Mỹ thì chỉ có ba nhân vật tham gia: Churchill, Beaverbrook (đến từ ngày hôm trước) và Hopkins. Hopkins cho rằng đây là một trong những phiên họp thu được nhiều kết quả thỏa mãn nhất trong mục tiêu nuôi dưỡng những mối quan hệ giữa hai nhân vật chính. Điều này thực chất không nằm ngoài cuộc họp về hải quân. Nước Anh hy vọng những thông tin truyền đạt sẽ chứa đựng nhiều khuyến cáo của nước Mỹ đối với Nhật. Không phải là nước Anh muốn gây chiến với Nhật, mà là vì Anh tin rằng những khuyến cáo này sẽ góp phần ngăn chặn hành động xâm phạm lãnh thổ của Nhật Bản đối với vùng Viễn Đông thuộc Anh, một điều sẽ dẫn đến những hậu quả không nhỏ. Tuy nhiên, Roosevelt rất khôn ngoan trong chiến thuật “lùi một bước, tiến hai bước”. Riêng cuộc gặp mặt này chính là hai bước tiến trọn vẹn, ông không phải thực hiện bất kỳ sai lầm quân sự nào để có thể gây ra những rắc rối trong nội bộ.

Cuộc gặp gỡ ở vịnh Placenta thu được nhiều thành công ngoài ý muốn, theo cách nhìn nhận từ nhiều phía của nước Anh, hiện nay được biết đến như Hiến chương Đại Tây Dương. Nói một cách chính xác, đây là bản tuyên bố 8 điểm trong mục tiêu chiến tranh, bản thân nó có nhiều điều không cần thiết nhưng không thể phủ định những kết quả mà nó đã đem lại. Đối với Churchill, ông cho

rằng mục tiêu đánh bại Hitler đã là quá đủ. Còn về phía Roosevelt, ông có thể sẽ bị buộc tội là người cầm cương trong việc đưa ra những mục tiêu chiến tranh mặc dù có vẻ miễn cưỡng. Bản phác thảo vấn đề trên vẫn chưa thật sự trôi chảy ngay cả khi nó có vẻ thông suốt bởi cả hai bên đều không đưa ra những điều kiện quá khắt khe với bên còn lại. Nước Anh sẽ không có điều khoản thứ ba, “không có những điều kiện ngang bằng về thương mại và nguồn nguyên liệu thô trên thế giới”, và thiếu những điều khoản bổ sung mà theo như Mỹ mô tả đó là những điểm nhỏ nhặt. Điều này nhằm bảo vệ Thỏa thuận ưu tiên Ottawa và đối với Churchill, một người theo xu hướng thương mại tự do thì nó không đáng bận tâm lắm. Nhưng với Beaverbrook thì lại khác, ông thuyết phục thủ tướng rằng không thể bỏ qua điều này mà không có sự đồng ý của chính phủ nước tự trị, một việc rất khó thực hiện trong thời điểm hiện tại. Vì vậy, nước Mỹ đành phải miễn cưỡng từ bỏ vấn đề này.

Nước Anh (trong thời điểm Churchill cầm quyền) cũng không mấy vui vẻ với điểm ba trong điều khoản nhằm “bảo đảm quyền lợi cho tất cả người dân khi lựa chọn chính quyền lãnh đạo”. Churchill, sau đó đã trình bày với Quốc hội, rằng việc áp dụng này trước tiên hết là cho các nước hiện đang nằm dưới ách của Đức Quốc xã, và chỉ được nhìn nhận khi đánh giá nó trên khía cạnh là một quyết định dành riêng về quyền độc lập của Ấn Độ và phần còn lại của đế quốc Anh. Tương tự, Roosevelt cũng không mấy thích thú với điều 8 liên quan đến an ninh tương lai của thế giới, trong đó nước Anh có đề cập đến “một tổ chức quốc tế hữu hiệu”. Nhớ đến Woodrow Wilson, Roosevelt đã né tránh việc vạch tội Hội đồng Liên minh các quốc gia mới thành lập. Tuy nhiên, ông lại rất hài lòng với sửa đổi đề xuất từ London, nơi mà Attlee rất coi trọng hoạt động của ông với tư cách quyền thủ tướng. Và khi nhận được bản phác thảo Hiến chương lúc nửa đêm, ông đã triệu tập Nội các Chiến tranh và trả lời cho Churchill lúc 4 giờ sáng (giờ London). Điều này được bổ sung thành một điểm trong vấn đề an ninh xã hội, cải thiện điều kiện lao động và những bước tiến trong kinh tế. Việc làm này nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Roosevelt, ông nhìn nhận nó như là hành

động lấp đầy những chỗ còn thiếu sót trong khẩu hiệu tự do, vốn là điều khoản thứ năm. Và mọi người cũng chấp nhận ý kiến cần có một phái đoàn phối hợp Mỹ - Anh đến Liên Xô vào tháng 9. Beaverbrook là thành viên của phái đoàn Anh (vốn là mục đích sự có mặt của ông), nhưng chỉ sau này, khi Hopkins không đủ sức theo chuyến bay khó khăn vượt Archangel, Harriman đã thay thế ông.

Chiến hạm Hoàng tử Xứ Wales, được hộ tống bởi các khu trục hạm của Mỹ, lên đường vào tối thứ Ba quay về theo hướng đông và đã đi được một chặng đường khá dài gần đến Iceland, nơi tàu sẽ tạm dừng chân, vào lúc nội dung thông cáo chung, và có lẽ tin tức về cuộc hội nghị của phái đoàn Anh-Mỹ đã được công bố cho toàn thế giới. Phái đoàn nước Anh trở lại Scapa Flow vào Thứ hai (18 - 8) sau hơn hai tuần. Churchill nhìn nhận đây là khoảng thời gian được sử dụng hết sức chính đáng, thật sự mặc dù vẫn còn có một hay hai vấn đề không thỏa mãn lắm. Kết quả thu được là một thành tích to lớn. Và ông khẳng định một vấn đề, đó là không gì có thể thay thế được việc gặp gỡ trực tiếp. Đây là thời điểm lần đầu tiên ông sử dụng dấu hiệu chiến thắng (dấu chữ V).

Giữa thời điểm Churchill trở về từ cuộc gặp gỡ Đại Tây Dương và việc nước Mỹ bước vào cuộc chiến là khoảng 112 ngày. Mặc dù, vịnh Placenta là một vùng đất nông ấm và trung thành, nhưng sẽ sai lầm khi cho rằng đây là những bước phải đi không thể tránh khỏi. Đó là niềm hy vọng và cũng có thể nói là niềm tin của Churchill. Nhưng đối với Roosevelt, đó không phải là mong muốn được sắp đặt. Khi Hopkins ăn trưa với tổng thống tại Phòng Bầu dục vào Chủ nhật ngày 7 tháng 12, thảo luận đầu tiên của họ là việc hải quân Nhật đánh phá hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng. Hopkins thuật lại phản ứng của Roosevelt như sau: “Tổng thống đề xuất chi tiết những nỗ lực của ông trong việc tránh cho đất nước không rơi vào cảnh chiến tranh, và ông *tham thiết muốn hoàn thành nhiệm kỳ công tác của mình mà không phải dính vào bất kỳ cuộc chiến nào*. Nhưng nếu hành động này của nước Nhật là sự thật thì sự việc đã trở nên hệ trọng và nằm ngoài tầm tay của cá nhân tôi, bởi người Nhật sẽ tự quyết định vận mệnh của mình.”

Mặc dù không hoàn toàn chắc chắn về phần thưởng to lớn mà Churchill nhận

được, với những hoài nghi mà có thể chính ông cũng có thể nhận ra, giai đoạn này đã đem lại cho ông những kết quả không đến nỗi tồi: nước Nga đã có một chỗ dựa trong tương lai. Ban đầu họ nhận được sự tiếp tế từ đoàn tàu hộ tống của Đồng minh đến từ Bắc Cực, bù đắp lại những tổn thất hết sức nặng nề của họ. Có được điều đó là nhờ sự cải thiện đáng kể trong việc tiếp quản thành công vùng đất Iran của hai nước Liên Xô - Anh mà không hề phải đổ máu vào thời điểm cuối tháng 8. Những trắc trở về hàng hải trên vùng biển Bắc Đại Tây Dương cũng đã đủ để cuộc chiến đó giành chiến thắng. Người giải mật mã Bletchley đóng một phần quyết định trong vấn đề (bằng cách thông báo những thông tin về vị trí của các tàu ngầm Đức), và vào ngày 6 tháng 9, nhân vật này xứng đáng nhận được từ Churchill một chuyến viếng thăm chúc mừng. Những điều đó đem lại cho ông không chỉ các thông tin quan trọng về vùng biển Bắc Đại Tây Dương mà còn đưa ra những hiểu biết chắc chắn về ý đồ xâm lược nước Anh của Đức, cũng như những tin tức quan trọng về mặt trận phía đông. Churchill sẵn sàng thông báo những thông tin này cho Stalin (cùng nỗ lực nhằm bảo mật nguồn gốc thông tin). Tại Ai Cập, Auchinleck đang lùi những bước chậm chạp. Cuối cùng, ngày 15 tháng 11, Churchill đã khởi phát một cuộc tấn công. Mười ngày sau, cuộc chiến này đã thu được những thắng lợi cụ thể mặc dù chỉ là những thành công giới hạn. Đó là tăng cường bao vây cảng Tobruk, một cảng nhỏ ở Libya mà Wavell đã giành được vào tháng 1 nhưng sau đó đến tháng 4 đã bị quân Ý lấy lại (một phần nhỏ thuộc quyền của Đức).

Tuy nhiên, Churchill nhận thấy không thể chiến thắng cuộc chiến này nếu không có sự tham dự của nước Mỹ. Phương châm “Hãy cho tôi phương tiện và tôi sẽ hoàn thành công việc” được thông báo rộng rãi vào ngày 9-2 - 1941 chính là cách nói khôn khéo của ông. Điều quan trọng nhất mà ông muốn nói ở đây chính là “Hãy cho tôi một công cụ và chúng tôi sẽ có đủ thời gian cầm cự cho tới khi nào các bạn tới”. Vì vậy, thời khắc nhẹ nhõm thực sự chính là lúc nghe tin về Trân Châu Cảng. Churchill đang ở Chequers và dùng bữa trưa với Winant và Harriman. Đây là sự ưu tiên đặc biệt mà ông dành cho mối quan hệ Anh - Mỹ và

thời điểm thực hiện cũng hết sức thuận tiện. Nhưng trở trêu thay, họ phải ngay lập tức ngăn cản ông khi vừa nghe thông báo qua điện thoại từ văn phòng ngoại giao nói về việc Mỹ chính thức tuyên bố chiến tranh với Nhật Bản. Điều này ngược lại với những cảnh báo của Roosevelt (mặc dù ông không có quyền tự do quyết định về vấn đề chiến tranh hay hòa bình như Churchill). Có nghĩa là nước Mỹ không nằm trong cuộc chiến với Đức (hay Ý) cho tới bốn ngày sau đó, khi chính Berlin và Roma đưa Mỹ vào cuộc chiến châu Âu.

Phản ứng của Churchill được thể hiện bằng những từ ngữ, theo cách đó đã thu được nhiều sự tán thành có cơ sở vững vàng và cũng là cách mở đầu của chương sách này. Sau tháng 12 năm 1941, mặc cho những thay đổi thăng trầm, ông không còn nghi ngờ gì về kết quả cuối cùng. Tất nhiên, ông có phần hối tiếc về những mất mát nghiêm trọng mà Mỹ gặp phải. Nhưng những mất mát đó không thể so sánh với những khả năng to lớn của Mỹ, sẽ hết lòng chiến đấu vì những lý do chính đáng. Bối cảnh toàn cục dường như đối khác khi ông bắt đầu chuẩn bị cho lần gặp gỡ thứ hai với Roosevelt, nhân vật mà ông đã có cuộc nói chuyện qua điện thoại vào tối Thứ bảy trước đó. Tuy nhiên, lần gặp gỡ này không phải là để kiểm tìm thứ phía sau tình bạn của những con người mà sự cam kết có thể thay đổi, mà chỉ giới hạn trong vòng tròn bên mình. Churchill, một người rất nhiệt tình với những chuyến hành trình, đã khởi hành đến Washington vào ngày 12 tháng 12 với nghị lực phi thường. Tuy nhiên, trở trêu thay, cuộc khởi hành với mục tiêu ban đầu để tạo dựng một xu thế hòa bình ổn định lại mở ra một giai đoạn với rất nhiều sai lầm, thiếu sót. Mùa thu năm 1941, cuộc chiến đã diễn tiến một cách khá dễ chịu. Trong năm chuyển tiếp và vào thời điểm mùa đông và xuân của năm 1942, cuộc chiến đã đem lại hết thảm họa này đến thảm họa khác.

Chương 35

HỢP TÁC ANH-MỸ

Các rủi ro, lớn hay nhỏ, đều bắt đầu trước khi Churchill và phái đoàn của ông rời khỏi Chequers bằng một chuyến tàu đặc biệt từ Windsor đến Gourock, và tiếp theo là một hành trình chậm chạp tới Washington. Họ vượt Đại Tây Dương, trong một chiến hạm mới của hải quân Anh, Công tước xứ York. Chiếc tàu này đã gợi lại một kỷ niệm đáng buồn về chiếc *Hoàng tử xứ Wales*, sau chuyến đi tới Newfoundland bốn tháng trước đã bị máy bay Nhật đánh chìm, cũng như chiếc *Repulse* ngoài bờ biển Malaysia vào ngày 9 - 12 - 1941. Điều đó, cùng của những mất mát của quân Mỹ trong trận Trân Châu Cảng, đồng nghĩa với việc tất cả quyền kiểm soát đại dương ngoại trừ Đại Tây Dương đã bị mất về tay quân Nhật.

Những hồi ức ảm đạm, cộng với thời tiết khắc nghiệt, đã làm chuyến xuyên Đại Tây Dương của Công tước xứ York ít thoải mái hơn nhiều so với chuyến đi trước. Thời tiết khắc nghiệt kéo dài và họ phải ở trên tàu suốt. “Chúng tôi giống như ở trong một tàu cánh ngầm”, Beaverbrook đã than phiền như thế. Và họ đi với một tốc độ chậm, một hành trình ngoằn ngoèo, mất chín ngày mới tới được Hampton Roads, cửa ngõ vào vịnh Chesapeake. “Chuyến đi biển này dường như rất dài”, đây là những kết luận của Churchill trong một tin nhắn gửi tới Eden vào Thứ sáu.

Dự định là tàu Công tước xứ York sẽ đến Potomac và Churchill sẽ chỉ xuống tàu một thời gian ngắn để đi đến Nhà Trắng bằng xe hơi. Nhưng ông càng ngày càng mất kiên nhẫn trong diễn biến phía Tây quá chậm chạp và khẳng khẳng sẽ

xuống tàu ở Hampton Roads, và bay 120 dặm hay hơn đến Washington. Khi ông đến sân bay nội địa mới, Roosevelt đang ngồi trong xe hơi, chờ đón tiếp ông. Đó không chỉ là một vinh dự, mà không có chuyến thăm nào của những người đứng đầu chính phủ ngày nay có được ngay cả từ một tổng thống. Nó còn là một động lực cần thiết để lên dây cót tinh thần cho Churchill sau tám ngày bị giam hãm. “Tôi siết chặt tay ông ấy [Roosevelt] với tất cả sự khuây khỏa và thoải mái”, Churchill sau này đã viết lại như vậy. Đó là một cử chỉ làm yên lòng mà Roosevelt đã thể hiện rất tốt. Với nó, ông đã giải phóng Churchill khỏi cảm giác chán nản từ chuyến đi biển và làm ông cảm thấy chuyến đi có ý nghĩa. Roosevelt lúc đầu do dự về một chuyến thăm sớm và một hội nghị chiến lược lớn nhưng sau đó ông nhanh chóng thấy rằng nó không thể nào tránh khỏi và quyết định là sẽ tiếp nhận theo cách nồng nhiệt nhất có thể. Một lời mời trang trọng về việc lưu lại Nhà Trắng thông qua bá tước Halifax khi Churchill đang ở trên biển. Churchill chấp nhận vào ngày 18 tháng 12, nói rằng ông sẽ sẵn lòng nếu đi cùng đoàn tùy tùng năm người.

Những người còn lại trong đoàn sẽ ở khách sạn Mayflower. Đây một lần nữa là một vinh dự đáng chú ý. Chuyến thăm lần này, với hai lần nghỉ giữa chừng (hai ngày rưỡi ở Ottawa và một tuần ở Florida) đã kéo dài ba tuần rưỡi. Và đây là một trong những sự kiện kỳ lạ nhất trong lịch sử của những mối quan hệ giữa những người đứng đầu chính phủ. Nó tồn tại một mâu thuẫn, thể hiện trong những chương trước, rằng những ngôi sao lớn chỉ hạnh phúc trong quỹ đạo không bị cản trở của chính mình. Nhà Trắng, được biết đến như một lâu đài điều hành, trong thế kỷ 19, thật sự là một lâu đài, nhưng lại có thêm một nhà cầm quyền thứ hai với đoàn tùy tùng trong tình thế bí mật. Ban đầu, Churchill dự tính chỉ ở trong một tuần, nhưng sau đó chuyến thăm lại kéo dài và không có dấu hiệu nào cho thấy sự đón tiếp ông trở nên bớt nồng nhiệt.

Mặt khác, có một vài dấu hiệu, từ phía của Churchill, rằng ông đã cố gắng để trở thành một vị khách lịch sự. Về chuyến đi của mình, ông viết: “Ở đây, chúng tôi được phu nhân Roosevelt tiếp đón, bà luôn quan tâm tới mọi thứ để chúng tôi

cảm thấy dễ chịu khi ở đây”. Eleanor Roosevelt có những phẩm chất rất đáng ngưỡng mộ nhưng bà đã áp đặt Nhà Trắng vào một chế độ hết sức khắt khe, về cả thức ăn lẫn nước uống. Có nhiều dấu hiệu cho thấy một Roosevelt sống tương đối đạm bạc bị bỏ mặc cùng với một Churchill thích được cung phụng trong suốt những lần vắng mặt thường xuyên của bà.

Churchill cũng nhớ lại rằng 13 bữa ăn tối và gần như những bữa trưa mà Roosevelt và Churchill ăn cùng nhau, luôn có mặt Hopkins và đôi khi có một vài người khác, “tổng thống đã tự làm cocktails một cách tỉ mỉ”. Franklin Roosevelt được nhiều người biết về tài nghệ pha trộn rượu martin (món cocktail quen thuộc của ông) theo một tỷ lệ mà những người sành uống coi đó là một tai họa.

Roosevelt cũng muốn là một chủ nhà tốt nên cũng điều chỉnh lối sống ở mức nào đó cho phù hợp với thói quen của Churchill. Hopkins viết rằng: “Thức ăn ở Nhà Trắng luôn ngon hơn khi Churchill ở đó, và dĩ nhiên, rượu cũng được sử dụng thoải mái hơn”. Tổng thống Mỹ và thủ tướng Anh cũng cố gắng thích nghi với cách ngủ của đối phương. Roosevelt thức khuya hơn bình thường. Churchill thì giả vờ đi ngủ sớm hơn. Nhưng sau đó ông cũng bận rộn với hàng loạt những tin nhắn phải gửi đi London thông qua John Martin và nói chuyện với Hopkins. Phòng ngủ của Hopkins ở bên kia hành lang, và ông cũng là một người thức khuya như Churchill. May là Roosevelt và Churchill đều thích dậy trễ vào buổi sáng, chính vì thế mà không có những xung đột về thói quen ở đây.

Chuyến thăm mở rộng này trôi qua một cách êm đẹp, những dự định ban đầu của Churchill là từ Washington đi Ottawa để nói chuyện trước Nghị viện Canada rồi từ đó về thăm Anh vào dịp năm mới. Việc kéo dài đến ngày 14 - 1 - 1942, mà sau cùng ông đã rời Nhà Trắng, xảy ra chủ yếu là vì công việc quan trọng phải làm trong những phiên họp cần được chuẩn bị kỹ càng ở hội nghị Arcadia. Như được biết, ở những phiên họp đó có tổng thống Mỹ và thủ tướng Anh tham dự, cùng 10 hay 12 sĩ quan cao cấp. Có một điều mà phía Hoa Kỳ ngạc nhiên là không khí tiệc rượu lúc nào cũng ồn ào ở phía Anh, với những thư ký vội vã ra cùng những thùng hàng hóa màu đỏ mà các bộ trưởng Anh dùng nó để gây ấn

tượng về một sự khẩn trương và quan trọng trong công việc của đế quốc Anh. Người Anh, lại cảm thấy lạ lùng bởi cái không khí khá yên lành tỏa khắp Nhà Trắng và sự khác biệt trong cung cách làm việc của Roosevelt so với Churchill. Nhưng tình trạng đó hợp lý, vì không phải do sự thờ ơ, mà bởi những biện pháp về an ninh. Churchill, luôn là một nhân vật trung tâm, luôn bị thôi thúc tới những nơi có hành động hay quyền lực, hoặc cả hai càng tốt, đã hoàn toàn hài lòng về chuyến lưu lại Nhà Trắng dài ngày vào năm 1941 - 1942.

Churchill tham gia vào những buổi lễ khá trang trọng ở Nhà Trắng, ngắm ánh sáng của cây thông Giáng sinh trong vườn và nghe những bài diễn thuyết từ ban công. Tiếp đó ông cùng tổng thống Mỹ được hộ tống bởi một lực lượng an ninh hùng hậu, đến nhà thờ vào buổi sáng lễ Giáng sinh, nơi Churchill cảm thấy ấn tượng với giai điệu của bài *Little Town of Bethlehem* mà ông chưa bao giờ nghe. Sau đó, ông đến một buổi hẹn nói chuyện rất quan trọng tại phiên họp Quốc hội Mỹ. Bài diễn văn của Churchill khá thành công, mặc dù ông có nói về những mối lo ngại rằng công cuộc chống Nhật được Mỹ quan tâm nhiều hơn là công cuộc chống Đức.

Vào đêm đó, ông bị một cơn đau tim nhẹ. Sau khi cố gắng mở cửa sổ, ông bị đau ở tim, cơn đau lan xuống cánh tay trái khiến ông thờ đốc. Bác sĩ Charles Wilson, một thành viên trong đoàn tùy tùng của Churchill đã đến. Churchill muốn được bảo đảm rằng sẽ không có gì xảy ra với ông nữa. Cùng lúc đó, ông yêu cầu bác sĩ bắt mạch cho mình và nổi giận với kết quả. Theo chẩn đoán ban đầu thì Churchill bị một cơn suy mạch vành, mà phải “điều trị ít nhất sáu tháng trên giường bệnh”. Đây không phải là một kế hoạch có thể thực hiện được. Vì thế, Wilson không ngăn cản chuyến đi bằng tàu hỏa của Churchill tới Ottawa vào một ngày rưỡi sau đó, hay cả bài diễn thuyết của ông tại Nghị viện Canada vào ngày 30 tháng 12.

Vào ngày kế tiếp, Churchill có một buổi họp báo với báo giới Canada trước khi trở về Washington bằng xe lửa. Cuộc họp báo này không căng thẳng bằng cuộc họp báo ở Washington vào ngày ông từ Anh đến. Có người hỏi Churchill,

phải chăng Singapore là chìa khóa cho tình hình từ Viễn Đông đến nước Úc? Với những nghi ngờ về an ninh ở Singapore, ông trả lời rằng: “Chìa khóa cho toàn bộ tình thế là thái độ kiên quyết mà các nước dân chủ như Anh và Mỹ khi tự ném mình vào những cuộc xung đột”. Sau đó ông còn được hỏi là bao lâu sẽ đạt đến thắng lợi. “Nếu chúng tôi xoay xở tốt, có lẽ chỉ tốn một nửa thời gian so với khi chúng tôi không thể nắm giữ tình hình tốt hơn”.

Tuy vậy, những cố gắng trong chuyến đi Canada làm cho Roosevelt và những người khác nghĩ ông đang mệt mỏi, và ông được thuyết phục nên đi Florida năm ngày để nghỉ ngơi, đến căn nhà ven biển mà Edward Stettinius cho mượn. Người Mỹ không muốn ông trở về nước trước khi bộ tổng tham mưu hoàn thành một chuỗi 12 cuộc họp và có một chính sách chi tiết được ông và Roosevelt chấp nhận. Về phần Churchill, ông thấy việc làm khách tại nhà tổng thống Mỹ hơn ba tuần, chỉ bị gián đoạn bởi chuyến đi Canada ba ngày, có thể sẽ làm Roosevelt phiền lòng.

Đối với Churchill, hội nghị Arcadia khiến ông cảm thấy được bình đẳng với người Mỹ. Ở vịnh Placentia, ông đã háo hức với việc Mỹ tham chiến. Ông nói với Vua George VI vào một buổi ăn trưa sau khi ông trở về: “Nước Anh và nước Mỹ bây giờ đã chung vai sát cánh sau nhiều tháng đi dạo với nhau”. Hai ngày trước, ông nói với Nội các Chiến tranh: “Họ (những người Mỹ) không ở đó để học từ chúng ta trừ khi không dạy họ ngay từ đầu”.

Hội nghị Arcadia cũng khích lệ Roosevelt, thiết lập những chỉ tiêu hơi cao trong sản xuất thời chiến của Mỹ trong bài diễn văn đọc tại Quốc hội vào ngày 6 tháng 1. Sản xuất máy bay phải được tăng lên đến 60 ngàn vào năm 1942 và 125 ngàn vào năm 1943. Xe tăng cũng phải tăng lên 25 ngàn năm 1942 và 75 ngàn năm 1943. Súng phòng không lên đến 20 ngàn và sau đó là 35 ngàn. Và có lẽ quan trọng nhất, là những khối lượng vận chuyển hàng hóa phải từ 6 triệu tấn năm 1942 (so với 1,1 triệu năm 1941) lên 10 triệu tấn năm 1943. Những ước phóng này không chỉ được thực hiện mà còn vượt chỉ tiêu. Họ đã góp một phần không nhỏ trong việc dẫn tới thắng lợi của Đồng minh, cũng như giảm bớt phần

nào những căng thẳng về nguồn viện trợ cho Liên Xô, Anh và bản thân nước Mỹ.

Vì thế mà Churchill, khi trở về nước vào ngày 14 tháng 1, cảm thấy khá mất ngủ, dù có những tin tức không tốt trong thời gian ông ở Mỹ. Những diễn biến hoạt động của quân Nhật, đặc biệt ở Malaysia, đã làm cho thông tin tình báo về phòng ngự của Singapore không thực hiện được như mong muốn. Tối hôm đó, ông ăn tối với Roosevelt và Hopkins. Theo lịch trình thì ông sẽ khởi hành vào 8g45, nhưng phải đến 9g45 ông mới đứng dậy rời khỏi bàn. May là có một con tàu đặc biệt đang chờ để đưa ông đi Norfolk, Virginia. Xe của tổng thống Mỹ chở Churchill tới một đường tàu ở Đại lộ số 6, và Hopkins đưa ông vào toa xe có giường ngủ. Roosevelt trở về Nhà Trắng, còn Hopkins đến bệnh viện hải quân, hoàn toàn kiệt sức.

Ngày hôm sau, thủy phi cơ của Mỹ đưa Churchill tới Bermuda, mà từ đây, đoàn dự định sẽ đi tiếp trên con tàu *Công tước xứ York*. Trong chuyến bay 3 giờ, Churchill được lái 20 phút, và những “hành khách của ông” bao gồm bộ trưởng Không quân, nghĩ gì đã không được ghi lại. Ông còn thuyết phục phi công đưa ông tới Plymouth (một chuyến đi 18 giờ) suốt chiều và tối hôm sau. Tàu *Công tước xứ York* rời cảng mang theo phái đoàn tùy tùng và đồng hành lý nặng nề.

Churchill luôn nhận thức một cách rõ ràng rằng nước Anh sẽ khó lay chuyển sau những sôi nổi của Washington vào đầu thời chiến. “Chẳng có một viễn cảnh đầy năng nào mà tôi phải trở lại”, mọi thứ tệ hơn những gì ông nghĩ. Nhưng sự kiện, từ Viễn Đông đến Ai Cập đến biển Manche của nước Anh, đều diễn ra theo một cách tồi tệ gần như nhau. Và những ảnh hưởng ngầm của làn sóng chỉ trích có vẻ như làm ông nản lòng như hồi tháng 6 và 7 năm 1940, cộng thêm những khó khăn là những lời nói của ông không còn sức ảnh hưởng như trước. Cuối tháng 1, tháng 2 và tháng 3 năm 1942 là khoảng thời gian khủng hoảng lòng tin đối với cả chính phủ liên minh và bản thân Churchill.

Chương 36

NĂM BẢN LỀ

Churchill gặp nhiều khó khăn sau khi trở về từ chuyến thăm dài ngày miền bắc nước Mỹ. Những khó khăn này không mấy rõ ràng, và một vài việc trong số đó không được công khai với báo giới. Tháng 9 năm 1941) viết mất hai tàu chiến lớn và những bước tiến không thể chống cự của Nhật Bản xuyên qua vùng lãnh thổ hải ngoại của nước Anh đã gây ra một bầu không khí không tốt ở Nghị viện. Đối với Churchill, việc Mỹ tham chiến đã giúp Anh lấy lại thế cân bằng. Churchill nhìn nhận bước lùi trước mắt có phần nghiêm trọng hơn. Những cá nhân khác, với cách nhìn nhận thiếu bao quát, có thể hơi ghen tị với sự vắng mặt lâu dài của ông. Hơn nữa, trên chiến trường châu Phi, Churchill đã đầu tư quá nhiều vào vùng đất xa xôi này, và một lần nữa lại gây ra nhiều thất vọng.

Đó là những khó khăn công khai. Ngoài ra còn có những khó khăn khác mang tính cá nhân hơn đối với Churchill tồn tại như một vòng luẩn quẩn. Thứ nhất là việc giải mã những mật mã của tàu ngầm Đức, đóng vai trò quan trọng trong chiến thắng Bắc Đại Tây Dương thời điểm nửa sau năm 1941, đột nhiên không còn hiệu lực. Đức đã bổ sung hệ thống mã hóa hải quân và đó là thời điểm một năm trước khi những tín hiệu quan trọng được các nhân viên giải mã mở khóa. Điều này có nghĩa là, những mất mát về hàng hải mà Churchill đã đánh giá là một trong những cú thọc sườn nguy hiểm nhất đối với nước Anh, một lần nữa, đã gây hậu quả không thể chống đỡ.

Vấn đề thứ hai có phần nghiêm trọng hơn. Đó chính là lo sợ của riêng Churchill về việc quân đội không còn tinh thần chiến đấu. Nỗi lo lắng này đã

gieo vào lòng ông từ khi còn ở Na Uy vào năm 1940. Trong suốt thời gian chiến dịch ở nước Pháp, mọi việc có vẻ tồi tệ hơn so với khẳng định hoặc có thể xảy ra theo chiều hướng trái ngược. Nếu nước Anh chiến đấu một cách thờ ơ, cũng sẽ làm giảm trầm trọng sức chiến đấu của Pháp. Cuộc rút lui ở Dunkirk đã được chỉ đạo khá tốt. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một cuộc tháo chạy, chứ không phải là một chiến thắng. Hy Lạp và đảo Crete đã không thể làm gì để phủ nhận những phán quyết buồn thảm này. Việc Singapore đầu hàng vào ngày 15 - 2 - 1942 đã củng cố thêm tâm trạng tiêu cực. Nhưng vào ngày 11 tháng 2, ông đã phàn nàn với Violet Bonham Carter, một người bạn mà ông luôn nói chuyện một cách hết sức thẳng thắn như những người bạn già, với nỗi lo sợ là “Những người lính của chúng ta không tuyệt vời như cha anh họ.” Trong những tháng ngày năm 1915, những người lính của chúng ta chiến đấu ngay cả khi họ chỉ còn có một mảnh giáp và giữa làn đạn bom ác liệt. Ngày nay, những người lính ấy đã không còn chịu đựng được những quả bom lao xuống đầu mình. Chúng ta có nhiều lính ở Singapore, quá nhiều và họ đã có thể chiến đấu tốt hơn thế nhiều”. Brooke, một tham mưu trưởng tương đối mới, đã có một cách nhìn nhận tương tự. “Nếu quân đội không thể chiến đấu tốt hơn hiện nay thì cũng đáng khi chúng ta mất đế chế này”, ông đã khẳng định trong cuốn nhật ký.

Hoàn toàn trùng khớp với thời điểm xuống dốc của Singapore chính là sự trốn thoát của hai tàu chiến Đức *Gneisenau* và *Schamhorst* vào ngày 22 tháng 2, kèm theo đó là chiếc tàu nhỏ *Prinz Eugen*. Cùng những thắng lợi hiển nhiên trên biển Manche của Đức, thì đây là một đòn mạnh đối với hạm đội danh tiếng của nước Anh. Những sự kiện này đồng thời xảy ra đã làm hạ thấp tinh thần của Churchill đến cực điểm trong toàn bộ cuộc chiến và cảm giác ấy vẫn còn lưu lại một thời gian sau.

Từ cách nhìn nhận của Nghị viện, Churchill vẫn chưa ở trong hoàn cảnh nguy hiểm thực sự. Không lâu sau khi trở về từ Mỹ, ông đã có ba ngày hoàn toàn dành cho những cuộc bỏ phiếu tranh luận kín. Ông bắt đầu bằng một bài diễn văn hai giờ và đã làm nó trở nên thật sự căng thẳng trong suốt 42 phút, đó là

khoảng thời gian ông xen vào nhằm mở ra một thế phòng thủ nhưng không giống thường lệ. Ông hơi kéo vạt áo và nói: “Chúng ta không cần rút mật vào những luận cứ và cũng không có gì phải sợ hãi rụt rè khi đưa ra ý kiến”. Không khí cuộc thảo luận diễn ra sau đó đã tốt hơn ông mong đợi. Churchill bắt đầu cuộc nói chuyện bằng một thái độ không hài lòng. Nguyên nhân chính là có một vài ý kiến phản đối những quan điểm ông đã trình bày, qua một bài diễn thuyết mà có thể sau đó sẽ được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước. Có một vài ý kiến cho rằng trong bài nói chuyện này, ông, một nhân vật hùng biện nổi tiếng đã có vẻ hơi mệt mỏi và lưỡng lự. Vì vậy, ông cảm thấy như mình bị xúc phạm vì những lời lẽ phê bình không mấy lịch sự. Sau này, ông viết: “Chắc tôi không bị từ chối như thế này nếu tôi ở trong những bộ máy chính trị ở Nghị viện các nước khác trên thế giới”. Tuy nhiên, sau đó Churchill đã kìm nén cơn giận dữ. Và dần dần, ông cảm thấy những câu chữ mà mình nói ra cũng có trọng lượng: “Họ đã nhận được những gì họ cần tuy thiếu mất lòng nhiệt thành hăng hái. Nhưng tôi có cảm giác là những lý lẽ đưa ra vẫn chưa đủ cơ sở để thuyết phục họ”. Nicolson, một nhân vật luôn biết cách phân xử đúng đắn trong những hoàn cảnh như thế, ngay cả khi ông là một người không hề có vai trò gì. Ông đã khẳng định: “Cho tới khi ông ấy (Churchill) hoàn thành bài nói chuyện thì tốt hơn hết là chúng ta không nên có bất kỳ một sự phản đối nào. Nếu có chẳng chỉ nên là một chút băn khoăn”. Chính Churchill cũng vô cùng ngạc nhiên và cảm thấy thoải mái hơn với bầu không khí của buổi thảo luận diễn ra tiếp sau “những ý kiến mà theo tôi là không mấy thân thiện”. Khi kéo căng bầu không khí buổi thảo luận nhằm nâng cao sức mạnh những ý kiến mà mình đưa ra, ông đã thật sự lo lắng khi nhận thấy sự chia rẽ về quan điểm.

May mắn thay, Churchill đã đưa ra một ví dụ rất tuyệt vời về vấn đề tại sao mình lại trở thành một nhà cách mạng không mấy uy quyền nhưng nhận được sự mến mộ từ nhiều người trong bộ máy Quốc hội. James Maxton, lãnh đạo Đảng Tự do, đã thực hiện nhiệm vụ một cách hết sức chính xác. Ông đã tự mình tiến hành cuộc vận động hành lang. Churchill đã đạt kỷ lục 466 phiếu thuận, những

lá phiếu hết sức mạnh mẽ và vững chắc nếu không nói là cực kỳ ngoạn mục trong tổng số 640 phiếu của Quhội. Nhưng một điều tất yếu là có nhiều thứ đã ra đi dưới những hình thức khác nhau của cuộc chiến. Thời điểm diễn ra cuộc tranh luận và bỏ phiếu này ông đã xác định một thái độ cực kỳ chính xác nhằm tập trung cho việc chuẩn bị những bài nói chuyện: Mặc dù những ngày qua đã đem đến cho tôi nhiều căng thẳng và mệt mỏi, tôi vẫn không hề miễn cưỡng khi dành ra 12 đến 14 tiếng đồng hồ để tập trung vào việc sắp xếp hàng ngàn câu chữ liên quan đến những vấn đề nhiều mặt đòi hỏi phải giải quyết...”. Tất nhiên, buổi tranh luận không thể làm sáng tỏ hoàn toàn bầu không khí. Sự khắc nghiệt của Nghị viện và giới báo chí vẫn luôn dai dẳng, đó lại là những nền tảng không hề vững chắc để chống chọi lại những xuống dốc xảy ra vào giai đoạn giữa tháng 2. Lần đầu tiên, cụm từ “có thể” len lỏi vào ý nghĩ của Churchill khi ông bắt đầu nhiệm kỳ của mình và những suy nghĩ đó đã được thay đổi trong giai đoạn nửa sau của cuộc chiến. Đầu ngày 21 tháng 1, Eden ghi lại, Churchill đã hạ thấp mục tiêu của mình với Beaverbrook và A. V. Alexander (một nhân chứng có tầm ảnh hưởng rộng) theo sau một động thái phòng ngự khó khăn do “phần lớn thành viên của Đảng Bảo thủ không ưa gì ông, vì vậy tự ông phải làm tất cả những gì có thể. Và ông cũng sẽ rất hạnh phúc nếu được nhường quyền lại cho một người khác”. Tâm trạng chán chường của Churchill chỉ tiếp diễn trong một thời gian ngắn. Ngày 10 tháng 2, trước “thảm họa giữa tháng”, Oliver Harvey, thư ký riêng của Eden, người có cái đầu lạnh, đã viết: “Ông ấy phải chuẩn bị để có thể vượt qua”. Sau đó, vào ngày 15, khi Churchill phản ứng lại những luồng thông tin khủng khiếp được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng vào tối Chủ nhật, Nicolson viết: “Những thông tin đó không đúng. Đất nước đã quá hoảng loạn và kích thích đến nỗi đã bị chính những câu chữ bóng bẩy đánh lừa”. Tuy nhiên Nicolson cũng khá thẳng thắn thêm vào “không biết ông ấy có thể nói những điều gì khác”.

Tuy nhiên, những lời bình phẩm về tài hùng biện của Churchill sớm bị nhấn chìm, bởi nó đã đánh vào điểm mạnh của ông. Cũng giống như việc nói rằng

Mozart không còn khả năng soạn nhạc hoặc Raphael không còn vẽ được nữa. Nếu ông không thể dùng những từ ngữ của mình để củng cố đất nước, ông đã không trở thành một nhân vật như ông từng thể hiện vào những năm 1940. Phải chăng ông đã không còn khả năng điều hành đất nước? Trong tuần đầu tiên của tháng 3, Cadogan đã ghi lại rằng, Eden đồng ý với ý kiến: “Trong hai tuần lễ cuối cùng, cuộc chiến không hề có bất kỳ chiều hướng có tính trọng tâm nào. Nội các Chiến tranh không hề hoạt động, không có bất kỳ một cuộc họp nào của cơ quan quốc phòng... Và guồng quay không có người điều khiển”. Trong cùng tuần lễ này, ngay cả con gái ông là Mary Churchill cũng đã ghi trong nhật ký: “Đó là những ngày buồn bã của bố. Đó là những sự kiện và những thử thách đã làm suy giảm tinh thần của ông”.

Bên cạnh những thất bại, Churchill còn phải tích cực tìm một chỗ đứng cho Stafford Cripps. Vào ngày 23 tháng 1, Cripps đã trở về sau một chuyến đi 19 tháng hết sức thành công với vai trò đại sứ ở Liên Xô. Phong cách khổ hạnh của ông có vẻ tượng trưng cho lòng dũng cảm và sự hy sinh mang tên nước Nga Xô Viết, mặc dù đó không phải là phong cách của Stalin. Cripps trong bất kỳ sự kiện nào, đều không có vẻ hòa hợp với những nhân vật lãnh đạo của Liên Xô so với những việc mà Beaverbrook hay Harriman từng làm. Ông đã tạo nên một nguồn sức mạnh và giành được nhiều sự chú ý khi phát biểu trên đài phát thanh về sự kiện Chủ nhật ngày 8 tháng 2: “Dường như trong bầu không khí của đất nước này thiếu một tinh thần khẩn trương. Chúng ta có vẻ như là những thánh giả hơn là những người trong cuộc”. Những lời bình phẩm, mặc dù được đưa ra rất dè dặt, nhưng có nguy cơ gây ra nhiều hiểm họa. Cripps, hơn bất kỳ ai khác, đang là nhân tố kích thích Churchill trở thành tiếng nói của toàn quốc gia.

Tuy nhiên, Churchill luôn mời gọi Cripps. Và ông đã có mặt tại bữa tiệc trưa Chequers ngày 25 tháng 1 cùng lời mời tham gia bộ máy chính phủ, với vai trò là bộ trưởng Ngân sách. Ban đầu, Cripps có vẻ sẵn sàng chấp nhận lời đề nghị, nhưng bốn ngày sau đó, ông đã trả lời bằng một bức thư từ chối hết sức lịch sự. Có một vài bằng chứng cho thấy ông bị ảnh hưởng bởi cuộc gặp mặt với Ernest

Bevin. Ông này hầu như không bao giờ là một người bạn của ông trong cuộc chiến Công Đảng thập niên 1930 nhưng lại là một bộ trưởng giành được nhiều sự kính trọng (như Churchill). Nếu đúng như vậy, lời từ chối của ông đã được xác định bởi tình trạng một đất nước đang đối mặt với cuộc chiến hết sức gay go. Churchill trở về từ nước Mỹ để tìm hiểu những mối quan hệ đen tối của Bevin và Beaverbrook, hai vị bộ trưởng mà ông đã đánh giá rất cao, nhưng theo những chiều hướng khác nhau. Brendan Bracken và Beaverbrook, hai cộng sự ông hết lòng thương mến trong số tất cả các bộ trưởng dưới quyền và cả hai ông này đều không tạo nhiều thiện cảm với các đồng sự. Cuộc tranh cãi của Bevin với Beaverbrook là về những nỗ lực sau này, với vai trò phụ trách hoạt động sản xuất máy bay. Và đây chính là mục đích của Churchill muốn tiến cử Beaverbrook, hiện đã là thành viên của Nội các Chiến tranh trong 18 tháng, việc này sẽ đem lại cho Beaverbrook thêm một vài quyền lực theo kiểu “chúa tể” (như cách gọi của chính phủ Churchill năm 1951), vượt trên cả Cripps nếu ông này chấp nhận làm bộ trưởng Ngân sách. Vì vậy, Bevin đã đẩy được nửa cánh cửa khi thuyết phục Cripps từ bỏ vị trí ấy.

Có hai bước phát triển và cả hai đều không được đoán trước vào thời điểm cuối tháng 1. Điều đầu tiên là Beaverbrook chỉ làm bộ trưởng phụ trách hoạt động sản xuất máy bay chỉ trong vòng chưa đầy một tuần, một việc mà theo như Churchill mô tả “là một cú suy nhược tinh thần”, và ông ta đã nhất định đòi từ bỏ tất cả mọi chức vụ. Sự việc thứ hai là hậu quả của buổi phát thanh truyền rộng rãi ngày 8 tháng 2 và những thảm họa xảy ra vào những tuần tiếp theo đó, Cripps trở nên mạnh mẽ hơn trong khi bộ máy chính quyền ngày càng suy yếu dần. Cả ông và Churchill đều đang cùng chơi những điệu luân vũ. Tại buổi gặp gỡ cử tri ở thành phố Bristol, Cripps đã đáp lại lời đề nghị tham gia vào bộ máy chính phủ với một thái độ không mấy nghiêm túc khi phát biểu như sau: “Tốt hơn hết các bạn nên tìm câu trả lời từ ngài Churchill”. Ngay hôm sau, Churchill đã viết một bức thư đề nghị Cripps nên xem lại lời đề nghị với vị trí bộ trưởng Ngân sách. Oliver Lyttelton, trở về từ Cairo, sẽ trở thành bộ trưởng phụ

trách hoạt động sản xuất máy bay. Cripps đã không còn bị cám dỗ với vị trí bộ trưởng Ngân sách nhưng lúc này cả ông và Churchill đều đang đứng trên những tư thế không mấy chắc chắn. Vào thời điểm 19-2, Churchill đã đưa ra cho Cripps lời đề nghị rất đúng lúc là trở thành nhân vật đứng đầu Nghị viện và là thành viên của Nội các Chiến tranh. Và ông ta đã không thể từ chối, mặc dù thật sự ông đứng ở vị trí thứ ba, sau Attlee.

Phải chăng sự dàn xếp này gây nên thất bại chủ yếu trong bộ máy chính trị của Churchill, và là bước giật lùi quan trọng nhất trong hoạt động quân sự? Lần đầu tiên một nhân vật có khả năng thành công trong việc dàn xếp một vị trí cao trong bộ máy chính phủ. Và chính Churchill cũng tự nguyện với hành động mặc cả này. Tuy nhiên, nếu suy xét theo một cách khác có thể Churchill đang khéo léo đưa Cripps vào thế bị bao vây. Vào thời điểm mà mọi người đều cho rằng Cripps có cơ hội trở thành một ứng cử viên chức thủ tướng hơn so với Eden hay Attlee, thì Churchill lại trao cho nhân vật này một công việc thật nhiều thanh thế, phù hợp một cách lạ thường với khả năng của ông ta. Cũng như tất cả các cố vấn hoàng gia khác, Cripps là một người rất có tài tranh cãi trong những trường hợp như thế. Nhưng ông lại không hề có ý định muốn nắn gân bộ máy Quốc hội, và ông không hề có một đảng phái nào sau lưng mình. Ông không bao giờ có thể cùng đồng hành với Quốc hội vì Churchill với cái đầu thông minh đã làm điều đó vào tháng 7 năm 1940. Ông ta đã quá nghiêng về những bài thuyết giáo. Và với vai trò lãnh đạo Nghị viện, ông ta đã có vài tuần tận hưởng những ngày tháng ngọt ngào và sau đó là những chuỗi ngày xuống dốc nhanh chóng.

Có liên quan mật thiết với chiều hướng chủ yếu của cuộc chiến là bộ sậu bảy nhân vật cấp cao. Mặc dù trong số đó, Greenwood đã rời khỏi bộ máy chính quyền và Kingsley Wood không còn trong Nội các Chiến tranh những vẫn trong Bộ Tài chính. Cripps đã giành được một vị trí có tầm ảnh hưởng quan trọng. Nhưng vì ông ta không có bất kỳ một hội đồng nào để giúp đỡ giải quyết những vấn đề quân sự và ý kiến của ông ta đưa ra trong mọi trường hợp đều có vẻ mơ hồ và không mấy rõ ràng, nên chỗ đứng của ông ta là một vỏ bọc hơn là một vị

trí nòng cốt.

Trong suốt mùa hè (năm 1942), Cripps đứng trước một cuộc chiến đầy mưu mô nhưng ngạc nhiên là ông ta vẫn luôn giữ bình tĩnh trước Churchill. Cripps muốn thu nhỏ Nội các Chiến tranh chỉ còn 4 hoặc 5 bộ phận hoạt động độc lập với ban tham mưu và có thể đưa ra những quyết định chiến lược. Cần thiết phải trở lại cơ cấu tổ chức của Lloyd George trong hai năm cuối ở Thế chiến I. Churchill sẽ làm chủ tịch tổ chức này. Nhưng ông phải từ bỏ vai trò đặc biệt là bộ trưởng Quốc phòng. Thông qua đó, tham mưu trưởng sẽ trực tiếp tư vấn và giúp đỡ Churchill đưa ra ý kiến. Trên danh nghĩa, sự tán thành của tất cả các thành viên còn lại (Attlee, Anderson, Eden, Bevin và Lyttelton) đã đóng một vai trò quan trọng trong các công việc đối ngoại. Giải pháp mà Cripps đưa ra hoàn toàn không nhận được sự tán thành từ phía Churchill. Như ông đã viết trong *The Second World War*, một sự thừa nhận sau gần tám năm, trải qua vô vàn khó khăn để đi đến chặng đường thành công: “Tôi đã cố gắng hết sức mình để nắm trọn quyền lực trong việc điều khiển phương hướng cuộc chiến... Tôi có thể đã không còn giữ được vị trí thủ tướng nếu như rời bỏ văn phòng bộ trưởng Quốc phòng”.

Trước mùa thu năm đó, sự khác biệt giữa hai nhân vật này đã có khoảng cách quá lớn, và Cripps không muốn lưu lại Nội các Chiến tranh thêm một phút giây nào nữa. Tất nhiên, ông cũng bị ảnh hưởng bởi ý nghĩ rằng mình không thể thành công trong vị trí lãnh đạo Nghị viện, và cũng không nên ra đi với thái độ tức giận. Churchill thuyết phục ông ở lại cho tới khi những mối hiểm họa của cuộc chiến ở sa mạc miền đông (E1 Alamein) không còn nữa. Tuy nhiên, một khi cuộc chiến này giành thắng lợi, vị trí của Cripps sẽ nhanh chóng bị đè bẹp. Cuối cùng, ông quyết định rời Nội các Chiến tranh vào tháng 11 với một thái độ đầy thiện chí. Ông cảm thấy hoàn toàn hài lòng với vai trò phụ trách hoạt động sản xuất máy bay chiến đấu, một bộ phận quan trọng nhưng không thuộc khu vực nòng cốt. Vị trí này rất tương xứng với mức độ quyền lực của bộ trưởng Ngân sách, vị trí mà trước đây ông đã từ chối vào cuối tháng 1 và đầu tháng 2

trong cùng năm đó. Ông đã phục vụ với tất cả khả năng của mình trong cương vị này cho tới ngày cuối cùng của cuộc chiến. Trong giai đoạn ấy, đường cong parabol quyền lực của ông đã bị ngăn lại.

Vào tuần sau, đúng sinh nhật lần thứ 68, một trong những tin nhắn ấm áp thân tình nhất mà Churchill nhận được là từ Cripps: “Bất kể việc chúng ta có nhiều điểm khác biệt trong cách nhìn nhận vấn đề, đối với tôi, việc có được cơ hội làm việc không mệt mỏi cùng ông vì mục tiêu chiến thắng thì đó là một niềm vui sướng và hạnh phúc hết sức to lớn. Chúa sẽ dẫn đường cho ông trong những tháng ngày sắp tới”. Tuy nhiên, không như bản tính của hai người, điều này đã trở thành cầu nối của lòng tôn trọng và yêu mến. Ngay cả Churchill cũng có những câu chuyện nổi tiếng và hài hước mỗi khi kể về Cripps, chứa đầy một niềm ngưỡng mộ triu mến.

Dần dần, vào mùa xuân năm 1942 thái độ và tinh thần của Churchill có nhiều tiến triển. Không có những chiến thắng vang dội nhưng sự thất bại và tinh thần suy sụp đã không còn tồn tại trong quân đội. Mối lo ngại duy nhất của ông trong giai đoạn ngắn này (tháng 2 và 3) là bao lâu nữa cuộc chiến sẽ giành thắng lợi và liệu ông có phải là người có thể nhìn thấy trước tương lai tươi sáng ấy không.

Ngày 8 tháng 4 Harry Hopkins, cùng tướng Marshall, đã thực hiện chuyến đi quan trọng lần thứ ba đến London. Họ lưu lại London trong mười ngày. Hopkins thực hiện cuộc viếng thăm với tất cả lòng nhiệt tình thân thiện còn lưu lại từ năm 1941. “Sao chúng ta lại không gặp nhau sớm hơn nhỉ? Vì vậy làm ơn hãy nhóm lửa lên”, ông liên lạc với Churchill như vậy. Và Churchill đã rất vui mừng khi có cơ hội gặp lại Hopkins. Churchill nói: “Những chuyến viếng thăm của ông luôn đem lại cho chúng tôi những liều thuốc bổ”. Một lần nữa, cuộc luận bàn giữa năm nhân vật chủ chốt được tổ chức. Ngay lập tức sau đó, một bữa tối giữa các nhà lãnh đạo và kèm theo là một kỳ nghỉ cuối tuần ở Chequers. Sau đó, hai đại diện đáng tin cậy của nước Mỹ lại được trải qua những ngày tuyệt vời. Họ cùng dùng bữa với nhà vua và hoàng hậu Anh tại Điện Buckingham và tại phố Downing, nơi nhà vua vẫn thường lui tới với vai trò khách không thường xuyên.

Kết quả của sứ mệnh này là thỏa thuận chiến lược hoàn toàn trên danh nghĩa hai chính phủ Mỹ và Anh, về phía Roosevelt khi được báo cáo lại đã rất hài lòng với kết quả chuyển đi.

Tuy nhiên, dường như không khí vui vẻ và ấm áp của những ngày tháng trước đây trong hai cuộc viếng thăm tháng 1 và tháng 6 năm 1941 đã không còn nữa. Có thể trong điều khoản tháng 1 năm 1942 của Churchill có chú ý đến vai trò của Vua George VI về sự chuyển tiếp từ những bước đồng hành tới việc ký kết mối quan hệ, và điều này khiến cho cả hai có những thái độ hết sức thận trọng. Hoặc cũng có thể là do sự có mặt của tướng Marshall.

Mặc dù theo như xác nhận của cả Dean Acheson và Oliver Franks (sau này trở thành đại sứ Anh ở Washington từ năm 1949 tới 1953), tướng Marshall là một nhân vật có vẻ quyền rũ, nhưng khả năng hòa nhập không thể so sánh với Hopkins. Những cuộc nói chuyện trong tháng 4, giải quyết những vấn đề có tầm chiến lược quan trọng và không đưa ra được phương án nào sáng sủa về vấn đề mối quan hệ Mỹ - Canada trong toàn bộ cuộc chiến. Roosevelt gửi Hopkins và tướng Marshall tới nhằm thay đổi quan điểm của Churchill về mối quan hệ trong tương lai giữa Đức và các nước đồng minh. Động cơ ban đầu của Roosevelt là nhằm thông báo việc hỗ trợ cho nước Nga, trong khả năng cho phép để gánh đỡ phần nào những mất mát của họ trên các mặt trận trong mùa hè 1942, và thứ hai cũng thể hiện Mỹ không chỉ nói suông trong cuộc chiến tranh ở châu Âu. Tuy nhiên, không bao giờ có một ngày tháng ấn định rõ ràng cho những việc làm này. Hầu hết những vấn đề trên được bàn luận trong phạm vi các điều khoản thiết lập năm 1943. Nhưng có thể là thắng lợi của Đức ở chiến trường Nga đã khiến cho việc thành lập Mặt trận thứ hai trở nên cấp thiết vào tháng 9 năm 1942.

Dù thế nào thì đối với nước Anh, hoặc ở vị trí thủ tướng hoặc tổng tham mưu trưởng đều chưa bao giờ có ý định chống lại những đề xuất của Mỹ đưa ra. Sự thật là những nhân vật này luôn thể hiện thái độ ủng hộ hết mình mà không kể đến những khả năng có thể xảy ra cuối năm 1942.

Đêm 26 rạng ngày 27 tháng 5, Rommel khởi đầu cuộc tấn công (điều mà Churchill nghĩ Auchinleck phải đoán trước được) chống lại lực lượng quân Anh ở Libya. Mặc dù trong thời gian hai tuần đầu có nhiều biến động bất thường (hầu hết đều là những biến động không thuận lợi), quân Anh nhanh chóng lấy lại thế ổn định. Churchill cảm thấy ông không việc gì phải hoãn chuyến viếng thăm Roosevelt dự định sắp diễn ra, sắp xếp vào ngày 17 tháng 6. Lần này ông đi trực tiếp bằng tàu từ Stranraer đến Washington. Như vậy sẽ tiện lợi về thời gian, chuyến đi sẽ nhanh chóng (27 giờ) nhưng những hiểm họa của cuộc chiến thì không hề nhỏ. Arthur Purvis, một nhân vật rất có tài trong lần thực hiện nhiệm vụ ở Washington đã bị giết hại trên đường đến hội nghị vịnh Placenta vào tháng 8 năm 1941. Và Brigadier Stewart, giám đốc kế hoạch thuộc Bộ Chiến tranh, người cùng đi với Churchill đến Washington, đã bị giết bảy tháng sau đó trên đường trở về từ hội nghị Casablanca. Tất nhiên đã có những sự đề phòng hết sức kỹ lưỡng nhưng không thể bảo đảm an toàn tuyệt đối cho những vị khách cấp cao trên những chuyến bay đường dài trong thời điểm chiến tranh.

Churchill cũng cảm thấy vùng thung lũng Hudson đáng sợ hơn nhiều so với những hiểm họa ở vùng biển Đại Tây Dương. Sau một đêm ở tòa đại sứ Anh, ông đến phi trường hạt Dutchess thuộc bang New York để gặp Roosevelt. Tổng thống Mỹ đứng cạnh chiếc xe hơi, diềm tỉnh nhìn về hướng chiếc phi cơ chở Churchill đang tiến đến gần mà theo như Churchill mô tả đó là “lần hạ cánh khủng khiếp nhất mà ông từng chứng kiến”. Nhưng điều ấy không đáng gì với chuyến tham quan sau đó cùng Roosevelt trên chiếc máy bay riêng của tổng thống Mỹ. Không hề có bộ điều khiển bằng chân, vì vậy mọi thứ từ bộ lái, chân ga, phanh, hộp số đều được sử dụng bằng tay. Nhưng điều này không hề cản trở những màn biểu diễn của tổng thống Mỹ, lúc lui, lúc tiến, giống như đang đi trên dòng chảy của sông Hudson.

Mặc dù bận với những trò tiêu khiển như thế, nhưng Churchill và Roosevelt vẫn có thể bàn bạc nhiều công việc quan trọng mà họ có thể làm trong những thời điểm thích hợp và hoàn cảnh trịnh trọng hơn thế. Tất nhiên, đây thật sự là

một chuyến viếng thăm 30 giờ đồng hồ dạo quanh Hyde Park trước khi tổng thống Mỹ bắt chuyến tàu để cả hai cùng trở về Washington vào tối hôm sau. Sau buổi tối Thứ hai, hai người đã giải quyết xong nhiều vấn đề, cũng như kế hoạch ném bom nguyên tử. Cơ bản thì việc tập hợp tất cả thông tin dựa trên những điều khoản cân bằng và chia sẻ kết quả thu được đã được quyết định vì an ninh và sự phát triển trong tương lai của Mỹ (được đặt tên lại trong kế hoạch Manhattan). Mặc dù theo quan điểm này, ít nhất Anh cũng có những tiến triển tương đương với Mỹ. Trong các quyết định quan trọng nhưng không kém phần nhạy cảm, Churchill không hề có bất kỳ cố vấn quan trọng nào mà ông có thể đặt trọn niềm tin. Ngay cả khi Roosevelt gần như đơn độc nhưng vẫn có sự xuất hiện kịp thời của Hopkins trong những thời khắc quyết định.

Churchill cũng vạch ra cho Roosevelt các giới hạn của Mặt trận thứ hai một cách thẳng thắn, hơn cả những gì ông đã làm với tướng Marshall và Hopkins ở London vào tháng 4 hoặc trong những trao đổi sau này. Câu nói chủ chốt trong văn bản mà ông chuẩn bị đưa cho Roosevelt là lập luận mạnh mẽ mà ông đã phát biểu ở Hyde Park được viết như sau: “Cho tới giờ phút này không có bất kỳ một nhân vật có thẩm quyền nào trong quân đội Anh có khả năng đưa ra sơ đồ kế hoạch cho chiến dịch tháng 9 năm 1942 nhằm tạo ra cơ hội thành công. Trừ khi người Đức hoàn toàn nản chí. Nhưng đó chỉ là điều không tưởng”. Hồ sơ này còn kèm thêm những phần phụ lục tùy tiện chỉ đáng bỏ đi: “Liệu ban tham mưu Mỹ có kế hoạch gì không? Mục tiêu tấn công? Hiện đang sẵn có những máy bay và tàu chiến nào? Và ai sẽ là người điều hành việc lãnh đạo?”. Nhưng ông vẫn tiếp tục: “Liệu chúng ta có thể ngồi yên khi một vở bi kịch đang diễn ra trên vùng biển Đại Tây Dương trong suốt năm 1942?”. Nếu điều này xảy ra, mơ ước của Churchill sẽ thành hiện thực. Bởi vì vào tháng 4, ông đã nhận được một thông tin về nhiệt tình của Roosevelt đối với những hành động khởi đầu ở khu vực phía Tây. Nhưng xét cho cùng, trong trường hợp này tốt hơn hết người ta vẫn không nên dội một gáo nước lạnh quá sớm để đẩy tổng thống Mỹ đến chỗ giành quyền ưu tiên cho vùng biển Thái Bình Dương, tuy đây là điều mà hầu hết

công chúng nước Mỹ đều đang thiên về.

Trong những giả định này, chiến thuật của Churchill đã hoàn toàn thành công. Tình trạng bi đát trong cuối mùa đông và đầu xuân năm đó không làm ảnh hưởng tới khát khao hoặc làm suy giảm khả năng thay đổi tình thế của Churchill. Để từ đó bằng cách riêng của mình, ông sẽ giải quyết những vấn đề của các nước thuộc nhóm đồng minh chính. Những bước tiến này còn minh họa rõ ràng nguyên nhân tại sao ông không bao giờ chấp nhận đầu hàng. Khi cả công luận và Nghị viện đều ngả nghiêng, ông đã thể hiện sức mạnh với vai trò bộ trưởng Quốc phòng và tổng tư lệnh. Ông đã không củng cố vị trí của mình so với Roosevelt và Stalin, dầu cả hai nhân vật này đều sở hữu một quyền lực tối cao trên những vùng đất lớn hơn nước Anh rất nhiều cả về dân số lẫn diện tích.

Sau thành công ở cuộc nói chuyện tại Hyde Park, sáng ngày 21 tháng 6, Churchill trở về Washington sau một chuyến đi thâu đêm (vì một vài lý do nào đó, Roosevelt không cho phép chuyến tàu chở tổng thống vượt quá vận tốc 35 dặm một giờ) và đưa ông về một nơi quen thuộc: Nhà Trắng. Sau đó ông nhận được một thứ mà theo như sau này ông mô tả là “một trong những đòn nặng nề nhất mà tôi có thể nhớ được trong suốt cuộc chiến”. Đó là tin quân Anh ở Tobruk đầu hàng với lực lượng 35 ngàn quân. Điều này còn nhục nhã hơn khi ông nhận được tin này từ chính tổng thống Roosevelt. Mọi người đang ngồi trong Phòng Bầu dục với Hopkins và Ismay khi tin nhắn này tới tay tổng thống Mỹ: “Ông ấy đưa nó cho tôi mà không nói bất kỳ lời nào. Ông luôn tin chắc rằng Auchinleck có đủ lực lượng và viện trợ ở Tobruk để duy trì một thế bao vây lâu dài mà ông đã tạo được trong năm trước đó”.

Khi thông tin này được xác nhận, Churchill dường như mất phương hướng. Khía cạnh tồi tệ nhất của vấn đề này đúng như nghi ngờ của ông, đội ngũ quân Anh, từ cá nhân cho tới cả các trung đoàn đều không thể so sánh với người Đức: “Thất bại là một chuyện, nhưng nhục nhã lại là một vấn đề khác”. Roosevelt rất tốt bụng khi ngay lập tức đưa ra đề nghị giúp đỡ: “Chúng tôi có thể giúp được gì không?”. Thứ nhất, Mỹ đề nghị gửi đến vài sư đoàn để củng cố lực lượng quân

Anh ở chiến trường sa mạc. Churchill đáp lại với vẻ mặt thảm hại. Tuy nhiên, nếu so với một đội quân thiếu kinh nghiệm chiến đấu như thế thì quân Mỹ khó lòng có thể thất bại, mà chỉ có thể làm tốt hơn những gì quân Anh đã làm ở Tobruk. Thật sự thì quyết định sử dụng vũ khí hạng nặng là một điều lắt hữu ích. Ba trăm xe tăng Sherman và một trăm khẩu pháo được nhanh chóng gửi đi kèm theo một đội quân hộ tống.

Mặc dù trên thực tế, Roosevelt hết sức thông cảm với tình hình lúc bấy giờ nhưng những thông tin nhận được từ Tobruk không thể nào không làm ảnh hưởng tới vị trí của Churchill trong Nhà Trắng. Cho tới bấy giờ, từ chỗ có thể dạy cho nước Mỹ cách thức để tạo nên một cuộc chiến, Churchill đã luôn giành được sự ủng hộ trong một vở diễn mà ông luôn ở thế ưu tiên. Và duy nhất chỉ có vùng đất nước Anh là được bảo vệ an toàn trong 32 tháng xảy ra cuộc chiến. Không chỉ thế, trong cái nhìn của Mỹ, đây không chỉ là thông báo bình thường về một thất bại mà còn có thể được xem như những nghi vấn về sự sống còn của chính phủ thủ tướng Churchill. Dẫu sao cũng là một sự thối phòng quá mức, mặc dù vào ngày 25 tháng 6 có một ý kiến “không tin tưởng vào phương hướng chủ đạo của cuộc chiến” được sắp xếp gọn gàng trên bàn trong những tài liệu của Nghị viện, đã thu hút sự chú ý của các nghị sĩ. Điều đó có nghĩa là khi Hopkins thấy Churchill trên tàu tại Baltimore vào đêm hôm đó, lời chào tạm biệt sau cùng của ông là (do Ismay thuật lại): “Giờ đây, hãy vì nước Anh thân yêu và chúc một chuyến đi tốt đẹp”.

Tinh thần của ông lúc đó có thể không mấy hăng hái, họa chăng chỉ là một lời tạm biệt vui vẻ trong hoàn cảnh của Nghị viện lúc bấy giờ, khi ông đã nhận thấy những điều tồi tệ nhất của cuộc chiến. Ngoài ra, lúc đó còn có những “cuộc nổi dậy” đáng sợ khác (được thuật lại trong báo cáo vào tháng 2 năm 1943). Tuy nhiên, không có bất cứ thách thức nào đặt ra cho Churchill như trong làn sóng phê bình hồi tháng 6 năm 1942. Vấn đề ở đây là khả năng điều hành cuộc chiến tranh trong những nỗ lực và cung cách của bản thân ông. Nhưng dù sao thì những lời lẽ về ông trong cuộc tranh luận ngày 1 và 2 tháng 7 năm đó cũng vẫn

là một vết thương.

Đối với Churchill, đây không phải là vấn đề nhằm xác định câu trả lời chính yếu của bản thân ông vào thời điểm cần đưa ra những bảo đảm tối hậu. Và ông cũng không mắc sai lầm về tính hiệu quả của những câu chữ không cần thiết. Trong tháng 1, khi tinh thần của ông trở nên xuống dốc, Churchill đã mở một cuộc nói chuyện với bài diễn văn hơn hai giờ đồng hồ. Tháng 4, khi mọi thứ đã hầu như hồi phục hoàn toàn, bài diễn thuyết của ông trong cuộc họp kín chỉ trong 1 giờ 50 phút. Tháng 7, vào thời điểm cuối cùng của những hiểm họa tiềm tàng, ông chỉ hạn chế bài nói của mình trong 45 phút. Đây là một dấu hiệu tốt.

John Wardlaw-Milne, nghị sĩ Đảng Bảo thủ vùng Kidderminster từ năm 1922, mở một cuộc tấn công đe dọa. Tuy nhiên, bài diễn thuyết của ông ta đã không thu được thành công, ông ta đã không né tránh vấn đề: “Sai lầm đầu tiên mà chúng ta mắc phải trong cuộc chiến này chính là hành động hợp nhất Văn phòng Thủ tướng và Bộ Quốc phòng”. Điều này đã chọc thủng vào quyền lực của Churchill. Ông như nuốt từng lời nói. Harold Nicolson miêu tả ông lúc này như “một nhân vật với phong thái bình tĩnh và hết sức vững vàng”. Nhưng Nicolson cũng nhanh chóng bổ sung “thật sự đó chỉ là giả tạo”.

Vì vậy, Milne cũng nhanh chóng bộc lộ quan điểm cho mọi người thấy. Ông đang cố tìm cách loại bỏ thủ tướng ra khỏi vai trò hiện tại xuống một vị trí quyền hạn có khi còn thấp hơn cả những gì mà Lloyd George muốn làm đối với Asquith trong năm 1916. Ông đòi hỏi một nhân vật nổi trội hơn để điều hành cuộc chiến và đồng thời là tổng tư lệnh chỉ huy toàn bộ lực lượng quân đội. Cũng không rõ liệu Milne có muốn cả hai vị trí này đều do một người nắm giữ hay không hay là ông muốn hai nhân vật nắm giữ hai vị trí này luôn cản chân nhau. Tuy nhiên, không phải là vấn đề lớn khi ông ta lại khiến mọi thứ trở nên tầm thường khi giới thiệu công tước Gloucester (con trai thứ ba của Vua George V) lên ứng cử cho một trong hai hoặc cả hai vị trí. Để mô tả, Nicolson đã viết: “Một làn sóng bối rối hoang mang lan truyền khắp Nghị viện”.

Tiếp theo Milne là lực lượng chống đối do Aneurin Bevan dẫn đầu. Aneurin Bevan là nghị sĩ Công Đảng ở phía nam Wales, nổi lên như một nhân vật chính trị và chuyên gia tranh luận mặc dù ông không bao giờ có tầm nhìn như Churchill. Đây là một trong những bài diễn văn phá hoại đáng nhớ nhất trong thời kỳ chiến tranh của Bevan, bao gồm cả những cấu trúc câu mang tính tiêu cực như: “Thủ tướng giành hết chiến thắng này đến chiến thắng khác trong các cuộc tranh luận. Nhưng cũng đồng nghĩa với những thất bại liên tiếp trong hàng loạt những trận đánh”. Sau một khoảng lặng mọi người có thể dễ dàng tưởng tượng ra sự ngập ngừng khi ông thốt lên những từ ngữ dồn nén, giờ đã lên đến cực điểm, là sự buộc tội mang tính tố cáo về những “thành kiến giai cấp khó hiểu”. Điều này không khác gì một phát súng xẹt ngang qua Hạ viện.

Ngay trước khi Churchill đáp trả, Hore-Belisha lại phải lãnh đòn về việc ai sẽ là người nắm quyền bộ trưởng Chiến tranh. Churchill đã để lỡ mất một vài thứ mà theo như ông mô tả đó là “sức mạnh của lời nói” vì ông chỉ mới chạm nhẹ vào linh hồn của bài diễn văn ở phút cuối cùng. Tuy nhiên, ông không thất bại, khi biết khai thác sơ hở của kẻ địch. Ở mức độ đó, ông đã phần nào minh chứng cho đòi hỏi của Bevan “hãy chiến đấu trong cuộc chiến cũng như trong những cuộc tranh luận”. Phần còn lại của bài diễn văn không phải là một trong những đoạn văn tuyệt vời nhất của ông.

Churchill đã thắng thường đẩy lui những thách thức mạnh mẽ đối với ông trong suốt năm năm lãnh đạo cuộc chiến. Nhưng đó không phải là một thắng lợi vẻ vang. Tinh thần của ông sau những buổi tranh luận không bao giờ được đánh giá cao. Ông phải chờ đợi thêm bốn tháng trước khi thực hiện một bước biến đổi thực sự. Ngay cả khi rất muốn làm những hành động của ông chỉ là ngồi và chờ đợi. Ngày 18 tháng 7, một phái đoàn chính trị quân sự từ Mỹ đến London. Phái đoàn này còn lớn hơn cả đoàn đại biểu đến trong tháng 4 vừa qua. Hopkins và tướng Marshall, cùng với sự có mặt của đô đốc King.

Churchill quyết định dành trọn tháng 8 thực hiện một chuyến đi đến Ai Cập và Liên Xô nhằm khích lệ tinh thần. Sự can đảm của ông thể hiện ở hai mặt. Thứ

nhất, chuyến đi này liên quan đến những hiểm họa trước mắt. Một chuyến tàu sang trọng từ vùng biển Bắc Đại Tây Dương không thể cùng đến Cairo hoặc Moscow. Ông phải chấp nhận sự khổ ải trong những chuyến bay dài ngày trên những phi cơ ném bom, một việc mà đối với nhiều người là không thể, và một quý ông lớn tuổi quen lối sống xa hoa sẽ không bao giờ chấp nhận. Điều thứ hai và đồng thời cũng là điểm mấu chốt nhất là bầu không khí ngột ngạt đè nặng trong thực chất sứ mệnh của Churchill. Ở Cairo, ông phải kiềm chế khi đưa ra những quyết định then chốt. Còn tại Moscow, ông phải đối mặt với những tin nhắn hết sức khó chịu. Đó là một thách thức không đơn giản.

Churchill đến Cairo vào sáng ngày 4 tháng 8, và tối ngày 10 tháng 8 ông dời nơi này để đến Moscow. Trong ngày cuối cùng ở Cairo, ông đã ghé thăm nhiều đơn vị bộ binh (mặt trận bao quanh E1 Alamein) và cố gắng đánh giá tinh thần quân sĩ và sức mạnh tổng thể của toàn bộ đạo quân. Chiều ngày 7 tháng 8, ông đưa ra quyết định thay thế Ritchie, chỉ huy quân đoàn VIII bằng Gott, và Auchinleck, người mà Churchill không ưa thích, được thay thế bằng Alexander, người đã rời khỏi đội quân Eisenhower để đến Torch. Trong tối hôm đó, ông được báo cáo rằng Gott đã bị sát hại trong một chuyến bay đến Cairo và chuyến bay này cùng lộ trình với chuyến bay mà Churchill đã đi vào hôm trước. Sau đó, ông chỉ định Montgomery vào vị trí của Gott. Đây có thể coi là một việc làm tai hại đối với đạo quân Eisenhower. Nhưng trong đó, có thể do may mắn hoặc cũng có thể do khả năng biết đánh giá, cùng với Alexander, họ đã trở thành một sự kết hợp tốt và đã giành được thắng lợi đầu tiên trong cuộc chiến. Tối Thứ hai, ngày 10 tháng 8, Churchill rời Cairo trong một phi cơ ném bom để đến Teheran, bước đầu tiên trong hành trình tới Moscow. Đi cùng ông, không kể đến đoàn tùy tùng, là nhân vật Averell Harriman. Ông hy vọng có thể tới Moscow vào ngày kế tiếp, sau “một ngày tắm gội ở Teheran” (Churchill luôn đặt ra yêu cầu nhanh chóng về việc này). Nhưng vì hãng hàng không có một vài vấn đề nên ông phải ở lại ngày Thứ ba dùng bữa trưa với Shah và chờ đợi trong một “khu vườn Ba Tư tuyệt đẹp”. Cuối cùng thì ông cũng tới Moscow lúc 5 giờ chiều Thứ tư sau một

chuyến bay kéo dài 6 tiếng rưỡi. Ông được sắp xếp nghỉ ngơi ở biệt thự quốc gia số 7, cách Điện Kremlin khoảng nửa giờ xe hơi và đi qua khu rừng thông. Trong thời tiết tuyệt vời, điều ngạc nhiên là ông đã tận hưởng những giờ phút thư thái ngả lưng trên những ngọn đồi thông lá kim. Buổi gặp gỡ đầu tiên trong số bốn lần gặp mặt kéo dài với Stalin là vào 7 giờ tối. Trong lần gặp mặt này, cùng đi với Churchill có Harriman, Archibald Clark và Kerr, người thay thế vị trí của Cripps tại tòa đại sứ Anh và kèm theo một thông dịch viên. Buổi gặp đầu tiên kết thúc sau 3 giờ 40 phút. Tối Thứ năm có một buổi gặp gỡ thứ hai, bắt đầu lúc 11 giờ tối, một thời điểm không hề thuận lợi cho tất cả mọi người (trừ Churchill và Stalin) kéo dài trong nhiều giờ.

Lần gặp gỡ cuối cùng là vào Thứ bảy (ngày 15 tháng 8). Churchill đã vạch ra kế hoạch kiểm soát toàn bộ cuộc họp diễn ra trong vòng một tiếng đồng hồ hoặc có thể hơn nhưng thực tế nó kéo dài tới 2g30 sáng hôm sau. Dù mệt mỏi, Churchill vẫn giữ dáng vẻ nghiêm trang, sau đó leo lên máy bay cất cánh lúc 5g30 đến Teheran trong một chuyến hành trình dài.

Churchill trở về Cairo vào ngày 17 tháng 8. Ở nơi đây, ông cảm thấy thoải mái sau những chuyến đi thị sát khi được biết tin bộ đôi Alexander — Montgomery đã giúp nâng cao tinh thần quân sĩ. Ông trở về Anh ngày 21 tháng 8, sau 23 ngày vắng mặt. Cuộc dạo chơi trong Thế chiến II này là một hành trình kéo dài khá ngạc nhiên của Churchill.

Những cảm xúc hỗn độn của Alan Brooke về Churchill và về những lời bình phẩm chỉ trích gay gắt của công luận chỉ được trút bỏ khi chiếc máy bay chở ông rời vùng đất Ai Cập khô cằn. Ông không nghi ngờ gì về việc Churchill đã thực hiện rất tốt sứ mệnh của ông ở Liên Xô, đồng thời cũng giúp thúc đẩy hệ thống cầm quyền ở Cairo.

Giữa thời điểm Churchill trở về từ Cairo và sáng Chủ nhật giữa tháng 11 khi chuông nhà thờ nước Anh rung lên lần đầu tiên sau hai năm rưỡi³⁶. Đối với ông đó là những ngày đầy hy vọng nhưng cũng không kém phần căng thẳng. Sự thật

là đang có sự thay đổi quan điểm chiến tranh. Cho tới tháng 11 năm 1942, sau 38 tháng lâm chiến, cả Anh và Pháp về thực chất luôn trong thế phòng thủ. Sau tháng 11, tức là 30 tháng còn lại của cuộc chiến tranh châu Âu, Đức lại chính là kẻ đứng ở vị trí đó mặc dù Hitler vẫn còn duy trì khả năng kháng cự bền bỉ khiến nhiều nước Đồng minh phải chịu tổn hại. Mặc dù Churchill rất nhiệt tình với việc “rung chuông cảnh báo” nhưng đó là việc làm mang tính nhắc nhở nhiều hơn. Bữa tiệc truyền thống hàng năm của thị trường London vào ngày 10 tháng 11 thực hiện vào ban ngày, là một buổi tiệc trưa chứ không phải buổi dạ tiệc. Bằng những lời lẽ dè dặt, ông nói, “Thời điểm này không phải là điểm kết thúc, và nó cũng không phải là khởi đầu cho một sự kết thúc. Có thể đây là kết thúc của một bước khởi đầu”.

Việc lấy đà với mặt trận E1 Alamein không phải là thời gian dễ chịu đối với Churchill. Ông nhanh chóng nhận ra rằng bộ tổng tham mưu Mỹ muốn trì hoãn trong vài tuần. Churchill kịch liệt phản đối. Ông cho rằng việc hoãn đổ bộ lên bờ Đại Tây Dương ở Bắc Phi và từ bỏ luôn mục tiêu Địa Trung Hải ở Algeria vào tháng 10 sẽ đem lại những hậu quả xấu hơn bao giờ hết. Bên cạnh đó, hành động nhượng bộ này là sự phản bội lại những gì ông đã đặt ra trong cuộc nói chuyện của mình với Stalin vào tháng 8 vừa qua. May mắn là, sát cánh cùng ông có tổng tham mưu quân Anh, tư lệnh lâm thời của Mỹ, Eisenhower và Mark Clark, những nhân vật hiện đang ở London đã giúp ông gia tăng uy thế với Roosevelt. Và vào đầu tháng 9, Roosevelt đã chấp nhận quan điểm của Anh.

Mặc dù giành thắng lợi nhưng tinh thần của Churchill trong tháng 9 và đầu tháng 10 vẫn không mấy cải thiện. Trong chiều hướng thuận lợi, Montgomery đang tấn công Rommel, vốn đã gần kiệt sức vào ngày 2 tới 5 - 9, một phần do thiếu nhiên liệu. (Đây là cuộc chiến mà trước đó Alan Brooke đã rất vui khi Churchill từ bỏ vào ngày 21 tháng 8. Trước ngày 8 tháng 9, Alan rất buồn bực khi Churchill cứ liên tục gây sức ép cho Alexander và Montgomery, cùng với tính nóng vội của thủ tướng muốn nhanh chóng mở cuộc tấn công trước khi mọi thứ sẵn sàng). Đức vẫn liên tục đẩy mạnh cuộc tấn công phía nam Liên Xô, ít

nhất là cho tới tuần cuối cùng của tháng 9.

Sau đó, mọi thứ bắt đầu thay đổi một cách đột ngột, nhưng không hề có bất kỳ sự bùng nổ nào trong bước chuyển biến lớn lao này. Theo quan điểm của Anh, đội quân tại chiến trường El Alamein đóng vai trò nòng cốt. Trong 12 ngày chiến đấu ác liệt từ thời điểm 23 tháng 10, quân đoàn 8 đã bảo toàn được thắng lợi trước lực lượng Đức, Ý. Mặt trận của Rommel bị phá vỡ. Hơn 20 ngàn quân địch bị bắt làm tù binh, nhiều xe tăng và súng đạn bị chiếm. An ninh của Alexandria và Cairo một lần nữa không còn bị đe dọa và con đường đi về hướng Tây dọc bờ Địa Trung Hải được thông thoáng. Nhưng quan trọng nhất, trận El Alamein đã kết thúc chuỗi thất bại của đội quân Anh, điều vốn ám ảnh Churchill bấy lâu nay.

Trong suốt tháng 10, quân Đức dường như không hề nao núng khi tiến về Caucasus. Đầu tháng 11, quân Đức bắt đầu chững lại. Tháng 1 năm 1943, Hồng quân tiêu diệt một lực lượng lớn quân Đức. Sau chiến thắng này, các nước Đồng minh vẫn còn một chặng đường dài trước mắt để tiến bước, trong một vị thế không có gì tốt hơn so với những dự đoán ba tháng trước đó. Đối với Churchill, chiến thắng này là minh chứng cho những thách thức của ông trong năm 1940 và chiến lược đặt ra năm 1941 - 1942, đồng thời những việc làm đó cũng khởi đầu cho những ngày suy tàn của Hitler. Ông chính là người tạo ra điểm then chốt trong việc hình thành khối Đồng minh hùng mạnh nhưng vị trí chiến lược mang tính lịch sử ấy vẫn chưa thể bảo đảm sự vững chắc trong tương lai.

Chương 37

TỪ CASABLANCA ĐẾN TEHERAN

Suốt năm 1943, những chuyến công du của Churchill ngày càng trở nên dày đặc. Và trong khi ảnh hưởng của ông lên Roosevelt và Stalin vẫn còn cao, thì những phương án chi tiết mà ông đề ra trong Nội các Chiến tranh Anh đã giảm nhanh sức thuyết phục. Bệnh tật, không có gì ngạc nhiên khi những căng thẳng mà ông phải gánh lấy ở tuổi 68, cũng bắt đầu gây nhiều trở ngại.

Hội nghị đầu tiên của năm diễn ra ở Casablanca, Maroc, sớm được biết đến với tên một bộ phim, và kéo dài trong một khoảng thời gian đáng kinh ngạc, từ ngày 15 đến 24 tháng 1. Hội nghị này nổi bật ở hai điểm. Thứ nhất, nó đưa ra quan điểm không sáng suốt về sự đầu hàng vô điều kiện của quân địch. Thứ hai, hội nghị Casablanca đã đưa đến sự hòa giải miễn cưỡng giữa hai tướng Pháp, Giraud và De Gaulle. Giraud sẽ mở rộng lối đi của Đồng minh vào miền nam châu Phi, nhưng điều này làm ông không thể không đồng hội đồng thuyền với De Gaulle. Bức ảnh tái hợp đầy trang trọng của hai vị tướng này, cùng với Roosevelt và Churchill, giống như những bà vú nuôi, ngồi ở hai bên, là một hình ảnh kinh điển của Thế chiến II.

Sau hội nghị trang trọng đó, Churchill đưa Roosevelt tới Marrakech. Tâm trí ông trở về với những chuyến thăm hòa bình thành công của nhiều năm trước, và ông muốn cho tổng thống Mỹ nhìn thấy hình ảnh mặt trời mọc trên những ngọn núi Atlas phủ đầy tuyết. Churchill, và có lẽ cả Roosevelt, đều cảm thấy lòng mình như lắng lại. Vào buổi chiều sau đó, ông đã vẽ bức tranh duy nhất trong những năm chiến tranh. Stalin đánh điện yêu cầu những thông tin chi tiết về kế

hoạch tấn công Ý đã được quyết định ở hội nghị Casablanca. Đó là đòi hỏi hơn cả sự nhân nhượng, mà ngay cả với Stalin, không bao giờ sẵn sàng nói cho những đồng minh châu Âu biết về kế hoạch quân sự của mình. Tuy nhiên, Churchill đã nói với Roosevelt rằng đó là một yêu cầu cần được chấp nhận.

Sau Marrakech, Churchill bay tới Cairo trong bốn ngày, và tiếp tục đến đông nam Thổ Nhĩ Kỳ. Churchill luôn dành hết sự quan tâm của mình, cả ý nghĩ lẫn những chuyến đi của ông, để cố gắng đưa Thổ Nhĩ Kỳ về phe Đồng minh. Có lẽ nó đã làm Churchill nhớ lại khoảng thời gian Thế chiến I, ông cũng đã cố gạt Thổ Nhĩ Kỳ khỏi phe Liên minh Trung tâm. Không trường hợp nào thành công cả, mặc dù Churchill từng tuyên bố chắc nịch là sẽ được tổng thống Inonu trả ơn trong lần gặp tới bằng một cái ôm ấm áp.

Từ Adana, Churchill đã đến Cyprus, nơi mà ông chỉ làm mỗi việc là duyệt quân đoàn kỵ binh thứ tư, và sau đó quay về Cairo chuẩn bị cho chuyến đi ven biển Nam Phi dài hai ngàn dặm đến với quân đội Anh ở Algiers. Ở đó ông đã xoay sở để bồi đắp mối quan hệ giữa De Gaulle và Giraud, rồi bay về nước trong một máy bay ném bom, và tới Wiltshire 24 giờ sau đó. Khi ông đến London bằng chuyến tàu ở trạm Paddington, có 13 vị bộ trưởng, dẫn đầu là Attlee, Eden và Bevin, đứng trên sân ga đón ông. Ông đã rời nước Anh được 26 ngày.

Chiều hôm đó, Churchill tham gia họp Nội các Chiến tranh và Hạ viện. Một ngày sau (ngày 2 tháng 2), ông lâm bệnh, phải nằm trên giường và được chẩn đoán viêm phổi. Nhưng ông đã làm rất nhiều việc trong khoảng thời gian bị bệnh, gồm việc viết một bản đánh giá 7 trang giấy đầy thú vị về chiến tranh cho Vua George VI ngày 22 tháng 2. Ngày 3 tháng 3, Churchill có thể đi đến Chequers, nhưng cũng phải mất 12 ngày ông mới trở về và hoạt động trở lại ở London. 31 ngày bệnh tật và hồi phục được thêm vào chuỗi 26 ngày vắng mặt ở Địa Trung Hải.

Không lâu sau, ông bắt đầu dự tính một chuyến thăm Washington. Ngày 28

tháng 3, quân đoàn 8 của Montgomery đổ bộ lên bờ Mareth của Tunisia, đánh dấu sự khởi đầu kết thúc chiến dịch Bắc Phi. Câu hỏi về địa điểm đổ bộ tiếp theo trở nên cấp thiết Churchill tin chắc rằng đồng minh sẽ tiến đến Sicily như một bàn đạp nhanh chóng tiến tới bán đảo Ý hơn là đi theo kỳ vọng của tham mưu trưởng Hoa Kỳ là hủy diệt Sardinia. Ngày 4 tháng 5, ông lên tàu *Nữ hoàng Mary* ở Greenock, nhổ neo đi New York. Churchill một lần nữa ở Nhà Trắng vào một buổi tối tháng 5.

Lần thăm Washington thứ ba của Churchill kéo dài 15 ngày, là thời gian diễn ra Hội nghị Trident. Hội nghị được thực hiện ở cấp độ bộ tổng tham mưu, mặc dù có tới bốn phiên họp toàn thể mà cả tổng thống Mỹ lẫn thủ tướng Anh đều tham gia. Tổng thống Mỹ tiếp tục đón tiếp vị khách của mình một cách hết sức chu đáo. Ông đã ra sân ga để gặp Churchill khi chuyển tàu từ New York đến. Trong chuyến đi này, Churchill có một buổi nói chuyện ở Quốc hội Hoa Kỳ, bảy tháng sau lần xuất hiện của ông vào cuộc họp năm 1941. Nó một lần nữa lại thành công. Tuy thế Roosevelt có lẽ đã không hài lòng bởi những lời bình luận ở Quốc hội rằng, chỉ có Thủ tướng Anh mới nói cho họ biết những gì đang diễn ra.

Không có sự bất đồng gay gắt nào trong quan hệ Anh - Mỹ suốt Hội nghị Trident. Mọi bất hòa đầu tiên xảy ra là do sự nghi ngờ của Mỹ (đặc biệt là bộ trưởng Marshall), rằng trong lúc Churchill luôn ủng hộ việc tấn công trực tiếp Pháp, thì ông lại nói là “Quyền lực nước Đức ngày càng mòn đi bởi sự kiệt sức.” Vào thời điểm sụp đổ của nước Đức, thì lực lượng Anh - Mỹ ở Vương quốc Anh sẽ diễn ra một cuộc hành quân chiến thắng từ Eo biển Anh đến Berlin. Thứ hai, khuynh hướng của Roosevelt, lúc đầu bắt nguồn từ Bộ Ngoại giao Mỹ, là chỉ trích tướng De Gaulle. Những lời chỉ trích ấy có thể sẽ làm Churchill bức xúc nếu như tự ông không thấy thất vọng. Và thứ ba, chính sự nghi ngờ của nước Anh rằng hiệp định Alloys vào tháng 6 về việc nghiên cứu vũ khí nguyên tử đã không được thi hành theo thỏa thuận. Các sĩ quan Mỹ cho rằng đó là nguyên tắc hợp lý của thời chiến, rằng những thông tin chỉ nên được tiết lộ cho những ai cần được biết để đẩy mạnh nỗ lực chiến tranh. Điều này đã đi ngược với thỏa hiệp là,

người Anh, có được những lợi ích tương đương trong tương lai vì đã chia sẻ những nghiên cứu của họ trong quá khứ.

Cuộc gặp gỡ song phương Roosevelt-Stalin vào tháng 7 ở Alaska được bàn tán xôn xao, và Harriman được cử đến London để cố làm dịu Churchill khi ông không được mời tới cuộc gặp này. Mặc dù Churchill không phải là mục tiêu chính yếu trong những cuộc họp mặt Nga - Mỹ (bởi ông cũng có những cuộc gặp riêng với Stalin vào tháng 8 năm 1942 và không ít hơn năm lần, cộng với sáu lần dự định, với Roosevelt), nhưng dù sao thì việc loại Churchill ra khỏi cuộc gặp Roosevelt - Stalin là một cú sốc lớn đối với ông.

Cuối tháng 7 năm 1943, Churchill đề nghị một hội nghị trù bị của những bộ trưởng ngoại giao để mở đường cho cuộc họp của các nguyên thủ. Một cuộc họp trọng đại diễn ra năm tháng sau hội nghị Teheran là cuộc gặp ba người, chứ không phải hai. Và Churchill vẫn chưa thể có những cuộc gặp mặt hai bên với Roosevelt như ở Quebec vào tháng 8, dẫn đến việc tổng thống Mỹ phải có những cuộc nói chuyện ngoài lề ở Cairo trên đường đến Teheran. Dù vậy, nhiều lời nói bóng gió gây rối loạn trong mối quan hệ song phương Mỹ - Nga đã lộ ra ở hội nghị Teheran.

Trong thời gian này, Churchill tiếp tục cuộc vận động. Được hộ tống bởi tướng Marshall và những người tùy tùng, ông đã từ London đến Newfouknd (bằng thủy phi cơ), và rồi đến Gibralta, và sau một đêm, lên đường đi Algiers. Đó là những chuyến bay 8 tiếng rưỡi, 17 tiếng và 3 tiếng, một thành tích kinh khủng so với bất kỳ tiêu chuẩn nào, mặc dù không có những rủi ro nào hơn là việc mắc kẹt giữa Đại Tây Dương do đông bão.

Mục đích chính của ông ở Algeria và Tunisia là vạch ra đường lối chiến thuật cho quân Đồng minh ở Địa Trung Hải sau khi chiếm Sicily. Giả định là cuộc đổ bộ này, vì phải diễn ra vào đầu tháng 7, sẽ có kết quả khá nhanh chóng. “Từ từ” là thích đáng hơn, vì Churchill đã nhận ra rằng sẽ vô ích nếu cố gắng áp đặt với Eisenhower hay Alexander, bằng uy tín của ông, một kế hoạch không

được Hoa Kỳ chấp thuận. Đó là lý do mà ông luôn đưa tướng Marshall đi cùng. Nhưng dù sao ông cũng có những hoạch định cụ thể về bước tiếp theo: Nên xâm nhập vùng đất chính của Ý trên quy mô lớn, đủ để chiếm Roma và đẩy Ý ra khỏi cuộc chiến, cùng với nỗi ám ảnh lâu dài của ông, là nên kéo Thổ Nhĩ Kỳ về phe Đồng minh. Quan điểm này được nhiều tướng lĩnh chấp nhận, mặc dù luôn có nhiều nghi vấn. Và Marshall vẫn chưa được ủy thác bất cứ điều gì để giám sát tập trung của ông trên chiến dịch Chứa tể (kế hoạch đổ bộ vào nước Pháp).

Có ba mục tiêu bổ sung cho chuyến thăm lần này của Churchill. Đó là ông muốn cổ vũ quân đội, Anh và Mỹ, đã giành thắng lợi to lớn trong việc loại bỏ kẻ thù khỏi Bắc Phi. Tin về thắng lợi này đến với ông vào ngày 10 tháng 5 khi ông đang tiến gần tới bờ biển nước Mỹ. Nó trái ngược với những tin tức nhận được ở Nhà Trắng vào mùa thu 11 tháng trước. Ông yêu cầu chuông nhà thờ nước Anh phải được vang lên lần thứ hai trong sáu tháng. Sau một vài tuần, chính những lời khen ngợi của ông đã tạo nên một bài diễn văn có khả năng tập hợp đông đảo quân lính. Sau đó là công việc gắn kết, hòa giải miễn cưỡng giữa De Gaulle và Giraud ở hội nghị Casablanca. Tiến trình hội nghị đạt đến đỉnh điểm trong một buổi tiệc vào ngày 4 tháng 7, mặc dù De Gaulle như thường lệ vẫn không chịu nghe theo những hòa giải đó.

Churchill muốn ở lại đây thêm một tuần nữa, nhưng ông cảm thấy còn nhiều vấn đề với những nhiệm vụ ở London. Ông đã vắng mặt tròn một tháng. Ông bay về vào buổi tối ngày 4 - 6 - 1943. Cuộc hành trình không có rắc rối nào, ngoài thời tiết ở Gibraltar quá xấu để có thể di chuyển bằng thủy phi cơ như dự định, vậy nên ông phải tiếp tục đi bằng máy bay ném bom. Trở về London, ông lập tức chủ trì hội nghị Nội các Chiến tranh vào trưa Chủ nhật và sau đó thảo bản tuyên bố với Hạ viện. Tất cả đến đông đủ để đón chào ông, mặc dù nó trở thành một chút gì đó theo kiểu “Thủ tướng thăm nước Anh”.

Mùa hè được đánh dấu bởi cuộc tấn công của quân Đức ở Mặt trận phía Đông vào ngày 5 tháng 7 và bằng cuộc đổ bộ thành công Sicily của Anh và Mỹ vào ngày 9. Ngay sau đó là sự rút lui của Mussolini (ngày 25 tháng 7) và việc

tiến cử đổ đốc Badoglio. Badoglio lập tức mở cuộc đàm phán với quân Đồng minh, dẫn đến cuộc đình chiến vào ngày 7 tháng 9 và cuộc tấn công của Đức chống Ý. Đầu tháng 7, Churchill đã nhận ra rằng Sicily chứ không phải Sardinia nên là mục tiêu đầu tiên của quân Mỹ ở châu Âu. Dù sao đi nữa, những khác biệt tồn tại dai dẳng giữa Anh và Mỹ về địa điểm tiếp theo, sau khi đã chiếm đóng Sicily (ngày 17 tháng 8), những nỗ lực của quân Đồng minh cần định hướng rõ. Churchill muốn tiến thẳng đến bán đảo Ý với việc chiếm đóng thành Roma như một mục đích cần thực hiện sớm. Dù luôn sẵn sàng dành một vài sư đoàn hoạt động ở vùng Địa Trung Hải, ở Balkan hay việc chiếm đảo Rhode, ông vẫn không vui về quyết định rút bảy sư đoàn (bốn sư đoàn Mỹ và ba sư đoàn Anh) từ đội quân đang chiến đấu chống Ý để xây dựng sức mạnh ở Anh cho chiến dịch Chúa tể năm 1944.

Chính thái độ không tán thành của Churchill đã không tránh khỏi sự ngờ vực, từ tướng Marshall cho đến Stalin, lo ngại rằng ông không toàn tâm cho chiến dịch Chúa tể. Mỗi nghi ngờ đó có lẽ sẽ gia tăng nếu họ biết được những tài liệu ngày 19 tháng 7 của Nội các Anh chủ trương rằng *Jupiter*, kế hoạch đổ bộ vào phía Bắc Na Uy sẽ được xem xét như một thay thế cho chiến dịch Chúa tể, là những nỗ lực chính cho hoạt động quân sự ở Địa Trung Hải mùa xuân 1944. Churchill nói:

Tôi không tin rằng con số 27 sư đoàn Anh và Mỹ sẽ đủ cho chiến dịch Chúa tể. Vì hiệu quả chiến đấu của quân Đức, và họ có thể có được sức mạnh lớn hơn nữa để chống chọi với chúng ta, dù những cuộc đổ bộ của chúng ta đã đạt được thành công. Có nhiều lý do cho thấy đây là thời điểm hợp lý để chúng ta chuẩn bị với tất cả tâm huyết và sức lực. Nhưng nếu sau đó thấy rằng hoạt động của mình đã vượt quá sức mạnh bản thân ở thời điểm tháng 5 và sẽ phải trì hoãn đến tháng 8 năm 1944, chúng ta nên xem xét một kế hoạch hoạt động khác. Và đây là điều thiết yếu.

Trong khoảng thời gian này, ông kiên định những mục tiêu chính trị. Đó là cuộc họp song phương với Roosevelt, có viễn cảnh tốt đẹp hơn cuộc họp song phương Nga - Mỹ, điều đã làm ông lo sợ ba tuần trước đó. Nó trở thành hội nghị Quebec đầu tiên, với tên gọi là *Quadrant* (hội nghị Quebec thứ hai là *Octagon*, vào tháng 9 năm 1944). Churchill rời London để dự hội nghị vào ngày 4 tháng 8 (chính xác là hai tháng sau khi ông trở về từ Bắc Phi, và mặc dù, cuộc họp chỉ kéo dài trong một tuần, nhưng ông đã ở gần bảy tuần). Một lần nữa, con tàu *Nữ hoàng Mary* được chọn làm phương tiện di chuyển, dù ông trở về bằng tàu chiến. Ông đồng hành cùng toàn bộ đạo quân Anh gần 200 người, có cả Clementine Churchill và con gái họ là Mary. Chuyến thăm này mang nhiều tính chất xã hội. Vì vậy mà sự hiện diện của Clementine và Mary là chính đáng, dù Churchill không tin chắc rằng những nhà lãnh đạo thường không cho họ những đặc quyền cao như thế.

Sau khi hạ cánh, họ tiếp tục một hành trình xe lửa dài và chậm đến thành phố Quebec. Trong vòng 24 giờ, Churchill và con gái khởi hành một chuyến tàu khác để tham gia cùng Roosevelt trong thung lũng Hudson. Rất nhiều công việc cần được bàn giao và cả đoàn có những bữa trưa ngoài trời mỗi ngày tại nhà của Roosevelt. Churchill rất thích những món ăn dân dã và bể bơi ngoài trời, nhưng lại thấy khí hậu ở đây nóng bức và ngột ngạt, ông nói: “Tôi thức giấc vào một tối vì không thể ngủ được và gần như không thể thở, và tôi đi ra ngoài ngồi trên một đoạn dốc nhìn ra dòng sông Hudson. Ở đó, tôi đã ngắm bình minh lên”.

Trong khi có những giả thuyết rằng ở London (trong bất cứ trường hợp nào), các lãnh đạo cấp cao của chiến dịch Chúa tể sẽ là người Anh, thì Churchill lại khá dễ dàng chấp nhận những lý lẽ của Roosevelt rằng việc thiết lập sức mạnh của Mỹ sẽ sớm làm cho nước này trở thành một đồng minh của Pháp, và nên làm điều đó đến cùng. Roosevelt muốn giao cho Marshall nhiệm vụ này, nhưng sau đó lại chuyển cho Eisenhower. Churchill, người đã hứa hẹn quyền chỉ huy với Alan Brooke nhiều như Roosevelt đối với Marshall, đã gây ra sự thất vọng không mấy lịch thiệp khi ông trở về Quebec. “Ông ta không yêu cầu sự chia sẻ,

không hối hận là đã thay đổi quyết định, và đối mặt với những vấn đề như thế nó chỉ là những chuyện nhỏ”, Brooke sau đó đã viết như vậy. Vào thời gian ấy, tổng thống Mỹ cũng dễ dàng đồng ý rằng Mountbatten, người đã thành công trong việc chỉ huy những cuộc hành quân kết hợp, sẽ là tư lệnh tối cao vùng Đông Nam Á.

Stalin được mời đến cuộc họp ba phía vào mùa thu tại Alaska. Nhưng Stalin đề nghị một địa điểm khác là Archangel hoặc Astrakhan. Sau nhiều chỗ hẹn từ Scapa Flow đến Khartoum bị Stalin hoặc Roosevelt bác bỏ, cả ba đã quyết định đến Teheran. Thủ đô Ba Tư xa ít nhất gấp bốn lần đối với Roosevelt, người thiếu kiên quyết nhất trong ba người, và cũng vậy đối với Stalin, và xa gấp đôi với Churchill, người được coi là lớn tuổi nhất.

Churchill trở lại Quebec. Roosevelt và Hopkins cũng về theo hai ngày sau đó. Hội nghị bắt đầu, dù có nhiều việc phải được làm giữa các tham mưu trưởng của hai nước trong suốt thời gian ở Hyde Park. Tuy vậy, cũng không có nhiều kết quả to lớn ở hội nghị Quadrant. Sự công nhận Ủy ban Dân tộc Pháp của Churchill đã làm nản lòng Brook. Rồi ông tán thành việc xâm chiếm mỏm phía bắc Sumatra (Đông Ấn thuộc Hà Lan), hy vọng có thể làm những lập luận của ông mang tính thuyết phục. Vì Churchill không thể thuyết phục Roosevelt, nên Brooke không cần phải ngăn cản Churchill .³⁷

Một trong những điều đáng quan tâm hơn cả là nỗ lực nhằm chống lại việc tận tâm vô điều kiện đối với kế hoạch Chúa tể của Churchill vẫn tiếp diễn, với lý do là được nhiều người tán thành. Nếu tới ngày đã định mà có hơn 12 sư đoàn Đức hoạt động ở Pháp, hay khả năng thiết lập hơn 15 sư đoàn khác trong hai tháng kế tiếp, thì ông muốn có sự trì hoãn. “Một câu chuyện cũ rích về số thương vong khổng lồ và sức mạnh khủng khiếp của Đức Quốc xã”. Hopkins đã nói như vậy. Về vấn đề này, không giống với Sumatra, không có mối bất hòa nào giữa Churchill và Brooke, mà chỉ cung cấp thêm những lý lẽ để trao lệnh hành quân “Chúa tể” cho Marshall như đã dự định. Sự tận tụy của Marshall trong cuộc

đổ bộ nước Pháp như là một mục tiêu tối hậu của Anh và Mỹ năm 1944 còn cao hơn của Churchill hay bất cứ vị tướng Anh nào.

Mặc dù không phải chịu một bước thụt lùi nào đáng kể, nhưng Churchill vẫn cảm thấy mệt mỏi và “cáu kỉnh” (như lời nhận xét của Brooke vào những ngày cuối của hội nghị) và cảm thấy vui vẻ hơn khi có một chuyến du ngoạn năm ngày đến một ngôi nhà trên núi. Trong một bức thư cảm ơn, ông viết rằng đó là kỳ nghỉ đích thực đầu tiên của ông từ khi chiến tranh bùng nổ. Ba ngày sau khi đến, ông ngồi nói chuyện với tướng Ismay và Leslie Rowan, một trong những thư ký thân cận của ông tới 3g45 phút sáng. Và trong những bữa ăn ở ngôi nhà gỗ nhỏ, ông đã kêu gọi nhiều tùy tùng, kể cả Candogan khó tính, tham gia vào một bản hợp ca những bài hát cổ xưa.

Trong một chuyến đi bằng tàu hỏa khác, phái đoàn của Churchill đến Washington, vào một buổi chiều tháng 9, và một lần nữa lại được đưa đến Nhà Trắng. Họ ở trên vùng đất Bắc Mỹ 11 ngày trước khi lên tàu trở về Clyde. Lý do tại sao có sự kéo dài vẫn chưa biết rõ. Churchill nói rất nhiều và rất hợp ý Roosevelt. Thời điểm này đã kết thúc giai đoạn quân Ý đầu hàng, ngay khi quân Đồng minh vượt qua eo biển Messina. Tiếp sau đó là cuộc đổ bộ của quân Đồng minh ở Salerno, 30 dặm về phía nam Naples. Churchill đã dành 36 tiếng đồng hồ trên chuyến đi đến Boston để nhận bằng tiến sĩ danh dự ở Harvard. Trong khuôn viên Đại học Harvard, ông đã có một bài diễn văn rất thành công, bao gồm những đoạn nói về thế giới sau chiến tranh, với việc sử dụng Anh ngữ như “ngôn ngữ thông thường ngày càng rộng rãi trên toàn cầu”. Điều này đã làm phật lòng người Pháp. Sau đó, ông dành một ngày cho Clementine, đưa bà đi thăm dinh cơ riêng của tổng thống Mỹ lần đầu tiên. Ở đó, Churchill tổ chức kỷ niệm 35 năm ngày cưới với một bữa ăn tối cùng Roosevelt. Churchill thích tàu hỏa và cả việc dờn xa nước Anh.

Churchill đến Clyde vào sáng Chủ nhật ngày 20 tháng 9, và đến phố Downing vào buổi chiều hôm đó. Khoảng thời gian ông đã đi là 47 ngày. Vì vậy sẽ có hàng đống công việc trong nước đang chờ ông giải quyết. Vào Thứ hai,

ông diễn thuyết tại Hạ viện, một tiếng vào buổi trưa, và sau bữa trưa, ông tiếp tục diễn thuyết trong một giờ rưỡi nữa. Churchill bắt đầu có những giọng điệu giận dữ sau những cuộc đối thoại đơn giản. Có lẽ ông học được cung cách đó từ Roosevelt. Ông có những lời than phiền khéo léo chống báo chí, thường là mục tiêu yêu thích của thủ tướng, hơn là chống lại các nghị sĩ.

Nicolson nghĩ Churchill bắt đầu theo “cung cách lằng đằng và khinh thường”, nhưng đã dịu bớt, đặc biệt là sau bữa trưa. Ông ấn tượng bởi những điểm sáng và điểm tối của bài diễn văn. Nó là sự kết hợp của tài hùng biện với một đột phá bất ngờ của sự thân thiện. Trong tất cả các vũ khí của ông, đây là thứ vũ khí không bao giờ thất bại. Vào ngày 21 tháng 9, Kingsley Wood qua đời trong văn phòng riêng, thì những sự việc bất ngờ cũng ủa tới. Churchill chỉ định John Anderson vào vị trí của Kingsley Wood và đưa Attlee từ Văn phòng Thuộc địa giữ chức chủ tịch thay cho Anderson. Điều này không ảnh hưởng gì tới chức vụ của Attlee như một phó thủ tướng, nhưng cũng khiến ông ngày càng được chú ý trong mạng lưới những thành viên Nội các. Ngoài ra, Beaverbrook trở lại chính phủ với tư cách là một ủy viên Hội đồng Cơ mật, chứ không phải của Nội các Chiến tranh.

Ngày 7 tháng 10, Churchill chuẩn bị bay đến Tunisia, nếu ông có thể thuyết phục tướng Marshall cùng đi. Ông muốn theo đuổi việc đổ bộ vào đảo Rhodes và kéo Thổ Nhĩ Kỳ vào cuộc chiến, cũng như bày tỏ vài mối nghi ngờ mới về chiến dịch Chূúa tể. Nhưng Marshall không thể đến. Sau đó, việc chống chiến dịch Chূúa tể nổi lên giữa Smuts và Vua George VI. Smuts dùng bữa trưa với nhà vua vào ngày 13 tháng 10, và họ lo lắng về sự vội vàng trong các lệnh hành quân. Ngày tiếp theo, Vua George viết cho Churchill một bức thư dài và những lập luận diễn tả nỗi sợ hãi của họ, và kết luận bằng việc đề nghị Churchill dùng bữa tối với ông và Smuts trong chiều hôm đó. Churchill đến, nhưng trước đó ông gửi cho nhà vua một bài học thiết thực về thực tại cuộc sống: “Không có khả năng cho sự lùi lại được chấp thuận. Cả bộ tham mưu Mỹ và Stalin sẽ phản đối kịch liệt”. Nỗi lo sợ của nhà vua và Smuts không phải vì hèn nhát. Họ bị hút vào

những mục tiêu Địa Trung Hải và mục tiêu Balkan, nhưng trên tất cả, họ sợ rằng bộ máy chiến đấu bền bỉ của Đức sẽ làm quân Đồng minh thất bại. Churchill chậm rãi chuyển những nỗi lo đó cho Roosevelt. Ông đánh điện vào ngày 17 tháng 10: “Nếu nước Đức không sụp đổ thì chiến dịch năm 1941 sẽ là một chiến dịch nguy hiểm nhất mà chúng ta gánh vác. Và cá nhân tôi cảm thấy lo lắng về thành công của nó hơn là năm 1941, 1942 và 1943”. Roosevelt, một phần vì sự lạc quan sẵn có, và một phần vì sự kiên quyết của các cố vấn quân sự, đã không hề nao núng.

Churchill khởi hành chuyến đi kế tiếp vào ngày 12 tháng 11. Vào ngày 11, ông cảm thấy không còn khỏe để chủ tọa Nội các Chiến tranh (chủ yếu vì những cơn cảm lạnh, viêm họng, và biến chứng của việc tiêm chủng dịch tả và thương hàn). Nhưng dù sao thì ông cũng lên đường vào buổi trưa hôm sau. Ông đến Plymouth để lên tàu tuần dương Renown tới Algiers, sau đó là Malta. Trong hai ngày đi này ông chủ yếu ở trên giường. Và sau đó, ông lại lên đường đi Alexandria (ở Cairo) và đến đó vào 21-11. Quyết tâm của ông càng thêm mạnh mẽ khi nhận được tin tức (thông qua Roosevelt) trước khi ông rời phố Downing là Stalin sẽ đến Teheran vào 27 - 11 và Roosevelt sẽ đến Cairo vào ngày 22. Suốt chuyến đi, Churchill đồng hành cùng cô con gái Sarah. Đó là niềm an ủi của ông, vì cô chính là đứa con yêu quý của ông. Suốt hành trình, vị thuyền trưởng đã cố làm Churchill vui bằng cách tính toán khoảng thời gian ông ở trên biển và trên không, và quãng đường ông đã đi, bằng tàu, bằng máy bay, từ khi chiến tranh bắt đầu. Câu trả lời thật ghê gớm: 110 ngàn dặm cộng với 33 ngày ở biển và 14 ngày 3 giờ ở trên không!

Mặc dù cảm thấy sức khỏe không tốt, Churchill vẫn ở phi trường Heliopolis để gặp Roosevelt vào buổi sáng hôm sau khi ông đến, và cùng nhau dùng bữa trưa và bữa tối hôm đó. Buổi sáng tiếp theo (ngày 23 tháng 11), phiên họp đầu tiên của hội nghị Anh - Mỹ tại Cairo đã diễn ra, vẫn ở biệt thự của Roosevelt, và đã tập trung toàn lực vào cuộc chiến ở Viễn Đông. Không có quyết định khó khăn nào, cũng không có sự bất đồng ý kiến nào xảy ra. Chiều hôm đó,

Churchill và con gái đã khám phá ra rằng Roosevelt chưa bao giờ thấy tượng Nhân sư. Và họ đưa Roosevelt tới gần ngắm bức tượng mà không phải ra khỏi xe hơi. “Con nghĩ ông ấy cần được hưởng thụ, con nghĩ ông ấy hiểu được những khó khăn mà cha đang đối mặt”, Sarah Churchill viết thư cho mẹ. Nó đã dẫn dắt chúng ta nghĩ rằng Churchill một lần nữa lại lôi kéo Roosevelt như trước trận đánh Trân Châu Cảng. Dĩ nhiên, ông đã coi những cảnh đẹp của Cairo trong thời chiến thuộc quyền sở hữu của mình. Lời bình của bản thân ông về tượng Nhân sư là: “Nó không nói cho ta điều gì cả, và đó vẫn một nụ cười bí hiểm”. Nó gợi nhớ một mục từ trong nhật ký của Gladstone nói về một công trình bằng đá thời cổ đại khác ở Stonehenge rằng: “Nó nói lên nhiều điều, song cũng nói lên rằng nó che giấu nhiều điều hơn nữa”.

Cuộc họp vào sáng hôm sau có cả những đại diện châu Âu quen thuộc, Churchill không trực tiếp tranh luận về chiến dịch Chùá tể nhưng vẫn tạo sức ép bằng việc nhấn mạnh vào các nước Địa Trung Hải. Ông diễn tả sự mất tinh thần về tiến triển chậm chạp trên vùng đất Ý (cuộc đổ bộ Salerno đã bị sa lầy) và về sự chiếm đóng trở lại của quân Đức ở đảo Leros. Nhưng điều đó nghĩa là các nước Địa Trung Hải có những nỗ lực lớn chứ không phải nhỏ. Ông ủng hộ kế hoạch “trước Roma, sau Rhodes”. Churchill được Eisenhower ủng hộ, và không có những thỉnh cầu nào của ông bị bác bỏ trong diễn tiến của hội nghị Teheran. Churchill phấn khởi đánh điện cho nhà vua: “Tôi đã có những tiến triển tốt đẹp với tổng thống và những viên chức cấp cao của ông ấy, và tôi khá chắc chắn rằng tất cả sẽ kết thúc một cách tốt đẹp”.

Tại bữa ăn tối thân mật vào chiều hôm sau, Churchill đã nói không ngừng trong ba giờ, và sau đó là hai giờ nữa trước khi đi ngủ. Nhưng đáng ngạc nhiên là sáng hôm sau, trên đường khởi hành đi Teheran, ông khám phá ra mình bị viêm họng nặng. Chuyến bay dài năm tiếng rưỡi không làm ông cảm thấy tốt hơn. Không có sự sắp xếp nào khi họ tới. Người Anh ở trong tòa công sứ trong một khoảng đất lớn. Sát bên là phái đoàn Liên Xô còn lớn hơn. Tòa công sứ Mỹ nhỏ hơn và cách đó 1 dặm, Churchill đề nghị (với Stalin vào ngày 23 tháng 11)

rằng Roosevelt nên ở tòa công sứ Anh, như sự đáp lễ cho nhiều đêm lưu lại Nhà Trắng nhưng đề nghị đó bị phớt lờ. Sau một đêm không mấy tiện nghi ở tòa công sứ, những người Mỹ được thuyết phục di chuyển đến tòa công sứ của Liên Xô, nơi như người Nga nói, là chỗ duy nhất mà Roosevelt có thể an toàn thoát khỏi những kế hoạch ám sát của kẻ thù có thể xảy ra. Tổng thống Mỹ chấp thuận.

Churchill bị mất tiếng hoàn toàn và gần như kiệt sức nên ông không thể dự bữa tối tay ba trong buổi tối đầu tiên và phải nằm trên giường. Sự an ủi duy nhất là buổi hẹn gặp hôm đó bị hoãn lại. Hai người kia ăn tối riêng. Buổi sáng hôm sau, dù đã khá hơn, nhưng hy vọng của ông là có một cuộc nói chuyện trước với Roosevelt đã không thành hiện thực. Tổng thống Mỹ gặp Stalin một giờ trước lúc khai mạc hội nghị trang trọng vào 4g30 chiều. Nếu xét về sự thất vọng của Churchill vào đêm hôm trước, đây là một thái độ hơi khiếm nhã của Roosevelt. Hơn nữa, người Nga đã tiến cử một cách khôn khéo Roosevelt làm chủ tịch hội nghị. Điều này ắt hẳn, khích lệ Roosevelt trong việc dàn xếp những mối bất hòa. Thực vậy, trong cuộc gặp trước với Stalin, ông đã xoay sở (khác xa những hy vọng của Churchill ở Cairo) bằng việc cho biết sự đồng cảm về việc tấn công trực tiếp bờ tây, trái ngược với chiến thuật Địa Trung Hải.

Churchill diễn tả sự nản chí của mình, mặc dù ông rất ít khi để lộ những dấu hiệu căng thẳng. Trong hội nghị Teheran, có ba cuộc họp chính thức, ba buổi tiệc tối và hai buổi tiệc trưa của ba vị đứng đầu. Trong cuộc họp thứ nhất, ông tự cảm thấy có gì đó lạc lõng. Có lẽ chính vì Roosevelt đã thừa nhận với Stalin là cần có một sự linh động từ những ngày đầu tháng 5 cho việc phát động chiến dịch Chứa tể. Churchill lấy hết can đảm đề nghị họp khá sớm (được Roosevelt sẵn sàng đồng ý) và kết luận bằng một lời cảnh báo: “Khi tất cả chúng ta là những người bạn tốt, có lẽ thật thừa thãi để lừa dối bản thân là chúng ta đều thấu hiểu những vấn đề một cách giống nhau. Thời gian và sự kiên nhẫn là điều cần thiết”.

Ngày hôm sau, mọi việc trở nên tốt đẹp hơn. Churchill đã có sự hòa giải nhưng không phải là trong cuộc hội nghị song phương với Stalin trong buổi sáng. Sau đó, cả hai cùng dự buổi tiệc trưa của Roosevelt. Cuộc họp chính thức

thứ ba vào chiều hôm đó đã diễn ra khá tốt, bằng việc giả định rằng chiến dịch Chúa tể sẽ diễn ra vào thời gian đã định, và Liên Xô sẽ là nước tấn công đầu tiên, điều đó sẽ gây khó khăn cho nước Đức trong việc tăng cường tập trung sức mạnh ở phía tây. Phương án đề ra là bắt đầu chiếm đóng những vùng trọng yếu và những ý tưởng của Churchill đã biến ông thành một nhân vật tuyệt vời. Ông nói về những ghi chú có vẻ hợp logic, mừng tượng một xích ngắn gọn về số phận đang lơ lửng của nước Đức. Churchill thết đãi bữa tối, nhân dịp sinh nhật lần thứ 69 của ông.

Ngày tiếp sau (2 - 12), Churchill bay tới Cairo. Ở đó, ông sống trong căn biệt thự của Richard Casey, người đã thay thế chức bộ trưởng bộ Dân cư Anh của Oliver Lyttelton ở Trung Đông, đến ngày 10. Roosevelt cũng ở Cairo trong ba, bốn ngày. Hội nghị Sextant Anh - Mỹ bị gián đoạn lần trước được tiếp tục lại. Và có nhiều quyết định, chủ yếu được Churchill hoan nghênh, như Buccaneer, một cuộc hành quân đổ bộ qua vịnh Bengal để chiếm quần đảo Andaman, nên bỏ ngỏ. Điều này làm cho nhiều tướng lĩnh Mỹ tức giận. Cùng với nó là thông báo đến Mountbatten rằng ông sẽ giành lấy những gì đã có, và sẽ không đi theo một tương lai không thể dự đoán được. Với Churchill, điều đó có nghĩa là cơ hội tốt để duy trì chiến thuật Địa Trung Hải cũng như làm thỏa mãn người Mỹ và người Nga (và có lẽ là chiến thắng trong cuộc chiến này) với chiến dịch Chúa tể.

Trong khi Roosevelt vẫn còn ở đó, Churchill trở lại việc thuyết phục người Thổ Nhĩ Kỳ. Ông mời những nhà lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ đến Cairo trong ba ngày. Nhưng họ tỏ ra cũng miễn cưỡng như trước đây khi nói có thể có hoặc có thể không. Ông phải chào tạm biệt Inonu ở phi trường.

Tinh thần và sức khỏe của Churchill có những biểu hiện khác nhau. Macmillan nghĩ vào ngày 8 tháng 12 rằng ông “trong tư thế rất phong độ”. Alan Brooke cũng nhận thấy ông trong một “hình dáng oai vệ” trong những đêm trước... Nhưng ông đã thấy mệt đến nỗi không thể tham dự buổi tối đầu tiên với người Thổ Nhĩ Kỳ. Smuts đã nói với Brooke rằng Churchill “không hề thấy vui vẻ vào những buổi tối”. Và bản thân Churchill cũng để ý đến những dấu hiệu

làm ông kiệt sức. Ông không còn đủ sức lau khô người sau nhiều lần tắm rửa, mà chỉ nằm trên giường cho đến khi không khí làm khô người thay ông.

Vào buổi tối Thứ sáu ngày 10 tháng 12, ông bay lúc 8g30 đến Thổ Nhĩ Kỳ, ở đó trong hai ngày tại căn biệt thự của Eisenhower với dự định thăm quân đội Anh ở Ý. Chuyến đi đó là một thảm họa nho nhỏ. Máy bay của ông đáp xuống một sân bay khác còn Eisenhower chờ ông cách đó 40 dặm. Brooke cho rằng thủ tướng cảm thấy “mệt mỏi” với hình ảnh: “Họ đưa thủ tướng ra khỏi máy bay. Và ông ngồi trên hành lý của mình trong làn gió lạnh - vào sáng sớm, giống như không còn có thứ gì tồn tại trên đời nữa. Chúng tôi ở đó trong khoảng một giờ rồi đi tiếp và ông cũng trở nên lạnh nhạt từ lúc ấy”. Khi đã gặp được Eisenhower, ông nói: “Tôi sẽ ở với anh lâu hơn dự định. Tôi đã hoàn toàn kiệt sức”.

Churchill đã ngủ gần trọn một ngày hôm đó, mặc dù cũng thức dậy dùng bữa tối với Eisenhower, Tedder (chỉ huy không quân của quân Đồng minh ở Địa Trung Hải), Brooke và nhiều thành viên khác trong đoàn tùy tùng. Suốt buổi tối, ông trở bệnh, đơn thuần chỉ vì kiệt sức. Vào 4 giờ sáng, ông mò mẫm vào phòng của Brooke vì nghĩ đó là phòng của Moran - vị bác sĩ trong đoàn và than rằng ông đau đầu dữ dội. Vào sáng hôm sau nữa, bệnh của ông đã giảm bớt, nhưng Churchill vẫn phải nằm vì một cơn sốt khá cao. Moran đã không nao núng và khôn ngoan khi yêu cầu sự giúp đỡ về y học ở mọi hướng. Một máy chụp X-quang đã cho thấy một mảng phổi của Churchill bị viêm. Nhà bệnh học (đại tá Pulver) được triệu đến từ Cairo, và sau đó là một chuyên gia về tim mạch (Brigadier Bedford). Cơ thể Churchill rất yếu trong ít nhất ba ngày. Moran sau đó đã nói rằng vào đêm 14-12, ông đã nghĩ là Churchill sắp ra đi, và nó diễn ra trước cái đêm tệ nhất, tức vào ngày 15, khi tim ông bắt đầu đập loạn nhịp.

Vào sáng ngày 16, ông đã khá hơn. Sau đó thì Churchill có những bước hồi phục tuy chậm nhưng đều đặn. Ông xoay xở với những sắc lệnh ngày càng nhiều và những công việc khác. Churchill làm việc liên tục gần 24 giờ mỗi ngày. Nhưng ông vẫn không nhắc người nổi khỏi giường cho đến lễ Giáng sinh, khi

trong chiếc áo choàng đầy màu sắc, ông đã điều khiển cuộc họp của những nhà chức trách và các chỉ huy không quân liên quan tới kế hoạch đáp xuống Anzio vào tháng 1, ở phía nam Roma. Tuy nhiên vào ngày Giáng sinh, ông cũng chủ trì một hội nghị khác và dùng bữa trưa cùng với không dưới 5 chỉ huy cấp cao, hội nghị này kéo đến 4 giờ chiều. Dường như ông bị nhiễm những thói quen của người Nga, và những bữa ăn của ông chỉ là bánh mì nướng...

Vào ngày 27 tháng 12, một buổi tiệc chúc mừng sự hồi phục hoàn toàn của Churchill được tổ chức ở Marrakech, vùng đất hứa của ông từ năm 1936. Đó là một chuyến bay khó khăn cho những ai ở trong hoàn cảnh của Churchill, kéo dài suốt năm tiếng và đi qua những dãy núi cao tới 3 ngàn mét. Trong chuyến thăm lần này, ông không ở khách sạn đầu tiên mà ông yêu thích (khách sạn Mamounia), mà ở biệt thự Taylor do một phụ nữ Mỹ sở hữu, và được Roosevelt tùy ý sử dụng sau lần thăm Canada một năm trước. Ông ở đó 18 ngày. Vì những mục đích xã hội, ông chọn người đồng hành là Beaverbrook. Sức ảnh hưởng của Beaverbrook lên ông khá lạ thường, đặc biệt vì Beaverbrook không hề là một người ủng hộ đáng tin tưởng.

Churchill nói rằng, ông cảm thấy không đủ mạnh khỏe để vẽ trong suốt hai tuần rưỡi. Nhưng ông đã thấy rất nhiều khách du lịch, trong đó có hai người, người thứ nhất là tổng thống Tiệp Khắc, đã ở đó bốn giờ rưỡi (ông này có chút gì đó nhàm chán), và người thứ hai là tướng De Gaulle, có tính cách nổi tiếng đến nỗi không cần phải miêu tả. Họ dường như đến đây để hồi phục sức khỏe hơn là vẽ vời. Một thói quen thường ngày của đoàn Churchill là có những buổi tiệc trưa dã ngoại ở chân núi Atlas. Và thời kỳ dưỡng bệnh của Churchill đã rất khả quan. Churchill nói rằng ông muốn ở đó thêm hai tuần nữa, nhưng ông nghĩ phải về London cho kế hoạch đổ bộ Anzio vào ngày 21 tháng 1. Vào ngày 14, ông bay tới Gibraltar và lên tàu *Vua George V* để đến Plymouth. Ông ở London vào sáng ngày 18, sau khi rời nơi ấy 67 ngày. Ông đã xa nước Anh không ít hơn 172 ngày, cộng với 31 ngày ông bị viêm phổi ở London và ở Chequers, trong cái năm được đánh dấu bằng chuyến khởi hành dự hội nghị Casablanca vào ngày 12 - 1 - 1943.

Không gì ngạc nhiên khi trong hoàn cảnh đó, Churchill đã gặp toàn bộ chính phủ ở Paddington. Chỉ đáng ngạc nhiên là ông đã cố xoay xở trong một giờ đầu để trả lời những câu hỏi trong Hạ viện, để chủ trì Nội các Chiến tranh và dùng bữa trưa với nhà vua ở Điện Buckingham. Nicolson đã miêu tả sự thể hiện của Churchill ở Hạ viện vào hôm đó là một trong những trang nhật ký đáng nhớ nhất của ông:

Chúng tôi đang lãng phí thời gian bởi những câu hỏi... thì tôi thấy sự kinh ngạc trên nét mặt của những thành viên Công Đảng. Thành linh họ nhảy dựng lên và bắt đầu la hét và tung giấy lên không trung. Chúng tôi cũng vậy. Và cả Hạ viện vỡ oà trong niềm vui khi Winston, rất hồng hào và hơi dè dặt, một cách tinh ranh, lén đi tới chiếc ghế dài phía trước và ngã mình vào chỗ ngồi quen thuộc.

Chỉ một vài phút sau, ông đã trả lời tất cả những câu hỏi. Hầu như mọi người, trong một dịp như hôm đó, không thể không đáp lại ông bằng những cái nhìn đầy xúc động. Nhưng Winston đã trả lời một cách khéo léo, làm cho toàn bộ vấn đề trở nên chu toàn.

Sự vắng mặt của ông thực chất còn làm cho ông được yêu mến hơn và với Churchill, điều đó không làm ông mất đi những thủ thuật trong Hạ viện, những thủ thuật mà ông đã học trong 43 năm trời.

Chương 38

TRỞ LẠI NƯỚC PHÁP

Năm 1944 là một năm hơi mệt mỏi với Churchill. Ông tiếp tục tình bạn thân thiết bề ngoài với Roosevelt, mặc dù có những khác biệt ngày càng xa về chiến lược. Với Stalin là một mối quan hệ thay đổi bất thường rất đáng tò mò. Xu hướng cơ bản là hướng tới sự thù địch, nhưng vẫn chưa có một sự bộc phát nào khi Churchill đến Moscow vào tháng 10.

Nhưng đó cũng là năm mà sự bồn chồn thao thức của Churchill đã giảm hẳn so với năm 1943. Giữa chuyến trở về từ Marrakech và chuyến khởi hành đi hội nghị Yalta vào ngày 29 - 1 - 1945, ông chỉ rời khỏi Anh trong vòng 63 ngày. Đại khái, đó là một năm có nhiều niềm vui với quân Đồng minh, mặc dù sự chống cự của Đức ngày càng trở nên ác liệt từ tháng 9 trở đi. Mỗi đe dọa bắt đầu hiển hiện vào năm 1943, đã làm tăng sức ảnh hưởng. Như kết quả của thắng lợi của quân Đồng minh, một chiến lợi phẩm ngoài sức tưởng tượng vào năm 1940, và ông, trên tất cả, xứng đáng để hưởng thụ, lại trở nên vừa cay đắng vừa ngọt ngào. Niềm vui về tương lai đượm vẻ sâu muợn và với nỗi e sợ về một thế giới sau chiến tranh.

Cuộc đổ bộ Anzio, 40 dặm về phía nam Roma, diễn ra trong ba ngày sau khi Churchill trở về từ Marrakech. Nó đạt được thành công nhất định, khu vực chiếm từ tay quân địch đã được bảo vệ không bị đánh bật. Nhưng như một phương tiện để gỡ thế bế tắc trên mặt trận Ý thì đó là một sự thất vọng. Điều này càng trở nên rõ ràng chỉ trong một tuần hay hơn, và được Churchill diễn tả trong một cụm từ mà ông đã lặp lại nhiều lần trong rất nhiều chỉ thị suốt tháng 2: “Tôi

hy vọng rằng chúng ta đang đánh bật một con mèo hoang. Nhưng tất cả những gì chúng ta thu được là một con cá voi mắc cạn”.

Điều đáng trách cho sự án binh bất động chủ yếu là do chỉ huy quân đoàn Mỹ, tướng Lucas. Nhưng có lẽ đối với khó khăn về địa thế, kỹ năng và sự bền bỉ trong chiến thuật đối kháng của Kesselring thì cũng có nhiều việc cần điều chỉnh. Chiến dịch của người Ý đang bắt đầu làm các nước tấn công hao tổn đáng kể hơn các nước phòng vệ.

Sự chống đỡ của người Ý có một ảnh hưởng lên thái độ của Churchill đối với chiến dịch Chúa tể. Nó làm ông nhớ tiếc tới việc lãnh địa Alexander bị chia cắt làm bảy phần (bốn của Mỹ và ba của Anh), được trả về Anh để trang bị lại và chuẩn bị cho cuộc đột kích qua biển Manche. Hơn nữa, nó còn làm ông phần nộ về việc ngày một yếu đi của quân đội ở Ý có liên quan mật thiết tới quyết tâm của nước Mỹ là thực hiện đến cùng kế hoạch Anvi (một kế hoạch đổ bộ vào miền nam nước Pháp). Kế hoạch được dự định là diễn ra đồng thời với chiến dịch Chúa tể, nhưng cuối cùng lại diễn ra sau hai tháng. Tuy nhiên, điều đó cũng làm ông nhận ra rằng ông không nên một mất một còn với nước Ý. Ngay sau khi trở về London, ông lao vào kế hoạch chi tiết về chiến dịch Chúa tể. Ông thiết lập và tự chủ trì một loạt các hội nghị của bộ tổng tham mưu, mà ở đó Eisenhower và người đứng đầu bộ tham mưu của ông là tướng Bedell Smith cũng có mặt. Mục đích của những cuộc họp này là nhìn lại tiến trình. Chẳng hạn như công trình xây dựng bến cảng Mulberry và sự triển khai tốt nhất lực lượng không quân Đồng minh. Ông cũng mở những buổi tiệc trưa đều đặn hàng tuần ở phố Downing giữa ông, Eisenhower và Bedell Smith.

Roosevelt có lẽ đã nghĩ rằng có một mối nguy hiểm trong sự mất cân xứng giữa những can thiệp tại chỗ của thủ tướng Anh và thái độ thờ ơ cách đó ba ngàn dặm. Nhưng ít nhất thì không thể nói rằng Churchill hoàn toàn tách khỏi những cơ cấu mà ông từng thể hiện nhiều mối nghi ngờ. Khi ông gửi một tin nhắn đến tướng Marshall vào ngày 20 tháng 2 nói về chiến dịch Chúa tể: “Tôi đã cứng rắn hơn nhiều khi thời gian tới gần”. Và ông cũng nói thêm rằng đó là sự độc lập,

mặc cho những điều kiện ông đã đặt ra trong hội nghị Teheran có được thỏa mãn hay không, những gì ông nói sẽ tương thích với những gì ông hành động.

Những tháng cuối mùa đông và đầu mùa xuân năm 1944 là một thời kỳ không tốt đẹp đối với Churchill. Những căn bệnh đã làm ông già và yếu đi nhiều. Vào ngày 2 tháng 2, Marian Holmes, một thư ký tận tình, đã viết trong nhật ký: “Không biết làm sao mà hôm nay trông ông ấy già đi đến 10 tuổi”. Colville, hai tuần sau đã nhắc lại điều này khi đưa một hình ảnh ông “ngồi trên một chiếc ghế trong phòng làm việc ở Nhà số 10”, ở đó trông ông “già cỗi, mệt mỏi và rất phiền muộn”. Ngay sau đó là một cuộc bầu cử phụ ở Tây Derbyshire gây nhiều tai họa. Hầu tước Hartington, người thừa kế đất đai ở Devonshire, đã bị đánh bại bởi một người trong Công Đảng ở địa phương, bảy tháng trước khi Hartington bị giết ở Bỉ. Nó xảy ra chỉ hai tuần sau khi kết quả cũng khá tồi tệ xảy ra với chiếc ghế của Đảng Bảo thủ, và Churchill bắt đầu nói khề rằng cách giải quyết đúng đắn là một cuộc tổng tuyển cử.

Churchill còn có nhiều điều khác làm ông phiền muộn. Một là sự không khoan nhượng của người Nga đối với người Ba Lan. Hai là những phiền muộn của ông về nước Mỹ. Bề ngoài sự liên minh của họ, theo những từ trong bài thơ *Longfellow* mà Roosevelt đã gửi cho Churchill vào đầu năm 1941, lướt đi một cách êm ả trên sóng, vẫn có rất nhiều trở ngại phía trước, mà đôi khi những sóng gió đó ngập cả boong trên. Khi Churchill có một buổi tối giải hòa với Alan Brooke vào ngày 25 tháng 2, sau một bất hòa gay gắt, Brooke đã tường thuật lại rằng việc Churchill đồng cảm với thái độ khó chịu gần đây của tổng thống Mỹ. Điều này biểu lộ khi Roosevelt khước từ lời mời của Churchill dự lễ Phục sinh với ông ở Bermuda. Tổng thống Mỹ biện minh rằng ông bị ốm. Những lý do về sức khỏe của Churchill có thể làm ông không thể một lần nữa có một chuyến đi xuyên Đại Tây Dương, nhưng chúng cũng không đủ mạnh để cản ông vượt qua nỗi khát khao không bao giờ tắt của những chuyến hành trình xa xôi.

Thật sự thì Churchill mệt mỏi về cả thể xác lẫn tinh thần. Ngày 22 tháng 2, ông có bài nói chuyện đầu tiên trong Nghị viện kể từ tháng 9 năm ngoái. Ông

bảo với Colville rằng: “Tôi phải cố gắng lắm... mới viết được những bài diễn văn như vậy trong lúc này”. Harold Nicolson lại nghĩ: “Ông ấy trông có vẻ đã khỏe trở lại, nhưng vẫn có những cơn ho nhẹ. Tất nhiên là ông không còn sung sức và thích gây gổ như hồi 1940. Nhưng ông không cần phải như vậy. Ông đã đúng khi đã có những lời nhỏ nhẹ, điềm đạm của một chính khách lão thành”. Cũng có những điều bức mình khi các cuộc ném bom của Đức ở London thỉnh thoảng diễn ra, sau một khoảng thời gian khá dài, trong những ngày đầu mùa xuân. Có hai cuộc ném bom trong tháng 2, đầu tiên vào buổi tối Chủ nhật ngày 20, những đợt bom nhắm vào cuộc diễu hành của đoàn kỵ binh, đã thổi bay các cửa sổ ở phố Downing. Churchill ở Chequers nên không bị nguy hiểm trong dịp đó, mặc dù ông ở London trong đợt ném bom thứ hai và bốn cuộc ném bom vào tháng 3. Theo thuyền trưởng Pim, ông vẫn đối diện với những cuộc ném bom đó với một tinh thần chiến đấu cao: “Phản ứng duy nhất của thủ tướng là áo mũ sẵn sàng và ngay khi tiếng súng nổ vang thì ông đã ở trên mái tòa nhà để quan sát khung cảnh rõ hơn”. Và trong lá thư ngày 4 tháng 4 gửi cho con trai, ông viết: “Đợt ném bom ở trong một mức độ vừa phải... đôi khi cha đến khẩu đội của Mary [khi Mary Churchill không đồng hành với cha trong những nhiệm vụ lớn thì bà là một sĩ quan phòng không, đóng quân ở Hyde Park] và nghe tiếng những đứa trẻ đòi cầm súng chiến đấu”. Colville, người đã phản ánh khá đúng những quan điểm của phố Downing, viết: “London dường như bị những cuộc ném bom làm cho nhiễu loạn và ít sôi sục hơn những năm 1940 - 1941”. Ông còn ghi lại rằng, Churchill, hơn một tuần sau đó, thức rất trễ và trong đại sảnh ở Chequers, đã chìm đắm trong khói thuốc. Đó là lần duy nhất, trong ít nhất 25 năm, ông bị nói là hút quá nhiều thuốc. Khi được hỏi tại sao ông làm vậy thì Churchill trả lời rằng: “Nó là điều duy nhất giúp tôi thoát khỏi những người Thổ Nhĩ Kỳ”. Ông thể hiện sự căng thẳng và u ám của mình rõ hơn trong một bức điện tín gửi cho Alexander, một vị tướng mà ông ưa thích: “Chiến tranh đã đè nặng lên chúng ta lúc này”. Ông có hai chuyến đi duyệt quân thành công, một là với Eisenhower ở phía nam nước Anh và một là của những vị tướng Anh ở Yorkshire. Ông ngủ, ăn trưa và ăn tối trong toa tàu hỏa đặc biệt của mình. Nhưng sau một cuộc họp của

bộ tham mưu vào ngày 28 tháng 3, Brooke viết về thủ tướng: “Tôi e là ông ấy sẽ suy sụp nhanh chóng. Dường như ông không còn khả năng tập trung vài phút, cứ đi lang thang một cách nguy hiểm. Ông cứ vừa ngáp vừa nói là mình cảm thấy mệt mỏi”.

Sự mệt mỏi tuy vậy không làm Churchill dễ khuất phục. Ông gần như luôn chấp nhận những đề nghị mà bộ tham mưu đã vạch ra cụ thể, nhưng đó là vì ông tán thành với những lý lẽ hơn là vì ông kiệt sức. Sức khỏe của ông đôi khi làm ông không thể suy nghĩ logic, thỉnh thoảng lại nóng tính và khá thường xuyên phiền muộn, nhưng điều đó không bao giờ làm mất đi khao khát của ông để nắm chắc quyền lực. Có ba ví dụ nổi bật trong suốt mùa xuân năm 1944. Vào ngày 21 tháng 3, biểu tượng của tính chính trực, John Anderson, đề nghị với Churchill là đã đến lúc phải thông báo với Nội các Chiến tranh về Tube Alloys (kế hoạch bom nguyên tử) và có lẽ, rộng hơn nữa, là thông báo với cả quân đội Liên Xô. Churchill đã đáp lại đề nghị đầu tiên là: “Tôi không đồng ý. Họ có thể làm gì với nó?”, và với đề nghị thứ hai là: “Không có lý do gì để làm vậy”.

Một tuần sau, nội các của Churchill bị đánh bại lần đầu tiên từ khi thành lập gần bốn năm trước ngay tại Hạ viện. Ông lập tức hạ quyết tâm là Hạ viện nên bị buộc phải công nhận sự phi lý của mình. Hai ngày sau, ông có lá phiếu mà trước đây đã bị gần 400 người xóa đi. Colville tóm tắt: “Thủ tướng thật tài ba. Tôi nghĩ nó giống như đập vỡ một hạt đậu bằng một cái búa tạ”.

Lần duyệt nghị quyết thứ ba trước khi ban hành là khó nhất. Ở Hy Lạp, một lực lượng kháng chiến chỉ sau lực lượng của Tito, được thành lập trên núi, với EAM (Mặt trận Giải phóng Dân tộc) nắm quyền lãnh đạo về chính trị và ELAS (Quân đội Giải phóng Nhân dân) nắm sức mạnh quân sự. Ngày 26 tháng 3, Ủy ban Chính trị của Mặt trận Giải phóng Dân tộc tuyên bố thành lập chính phủ Hy Lạp lâm thời. Đó là thử thách trực tiếp đối với chính phủ lưu vong ở Cairo, bắt nguồn từ tính hợp pháp, từ sự trung thành với Vua George II của người Hy Lạp.

Khi công bố từ vùng núi Hy Lạp tới với thế giới, thì vua Hy Lạp đang ở

London. Lực lượng quân Hy Lạp ở Ai Cập bắt đầu một cuộc khởi nghĩa chống lại nhà vua. Đại sứ Anh ở Cairo, một người trong Bộ Ngoại giao nhiệt tình nhưng ưa tranh luận, đã hy vọng là nhà vua chấp thuận thời kỳ nhiếp chính, và bằng cách mở rộng chính phủ dưới quyền của thủ tướng mới, mà trong đó cái tên Sophocles Venizelos được đề nghị.

Do sự vắng mặt của Eden vì bệnh tật mà Churchill phải chịu trách nhiệm tạm thời về những cơ quan ở nước ngoài, vì vậy ông tham gia trực tiếp vào công việc đối ngoại hơn là những việc hàng ngày của mình. Vào ngày 7 tháng 4, ông đã ăn trưa với vua Hy Lạp tại số 10 phố Downing. Và ông đã nói với nhà vua rằng ông ta đã khá đúng đắn khi muốn trở về Cairo và giữ vững chính quyền đang lung lay. Sau đó, ông đã nói rằng cuộc nổi loạn trong lực lượng Hy Lạp cần phải dập tắt bằng mọi cách. “Chúng ta sẵn sàng sử dụng lực lượng cuối cùng, nhưng hãy tránh tàn sát nếu có thể”, ông nói với tướng Paget - tổng tư lệnh ở Ai Cập.

Vào cuối tháng 4, những mục tiêu chính của Churchill cũng đã hoàn thành. Không có thương vong nào về phía Hy Lạp và chỉ có một sĩ quan Anh bị mất tích. Nhà vua tự hợp pháp hóa trong thời gian ở Cairo và thành lập một chính phủ mới dưới quyền của George Papandreou, thay vì Sophocles Venizelos. Trong cách giải quyết như vậy, Churchill nhận được sự ủng hộ từ Roosevelt. Ông hài lòng về điều đó. Vấn đề của Hy Lạp bùng nổ lần tiếp vào tháng 12 năm 1944, và lần này rất kịch liệt. Sau đó nó đã phá hỏng kỳ Giáng sinh cuối cùng của Churchill ở Chequers trong nhiệm kỳ thủ tướng thời chiến.

Trong lúc đó, ngày mà cuộc tấn công vào lực lượng của Hitler ở Pháp đang tới gần, mà theo Churchill, với một tốc độ đáng sợ. Dường như ông đã cứng rắn hơn, nhưng vẫn còn e ngại. Trong những thời điểm bại trận, ông là người ngang ngạnh và oanh liệt nhất trong lịch sử, nhưng khi tới gần chiến thắng, ông lại cẩn trọng nhiều hơn cả Roosevelt và tướng Marshall. Điều đó không ngăn cản việc ông nắm vai trò chủ động và khuyến khích công cuộc chuẩn bị. Ẩn mình trong toa xe lửa đặc biệt của mình, ông hiện diện thường xuyên ở gần những điểm lên tàu. Tuy thế, trong sự chờ đợi lo lắng ở những ngày cuối xuân, ấn tượng mạnh

mẽ nhất là thời gian mà tâm trạng của Churchill có nhiều dao động. Đôi khi ông hừng hực năng lượng và sự sáng chói, xen vào đó là sự mệt mỏi và u sầu.

Tuy nhiên, điều đè nặng Churchill nhiều hơn, là cảm giác rằng ông không còn khoẻ mạnh như trước, cả về thể chất lẫn tinh thần. Vào ngày 7 tháng 5, Brooke đã ghi lại một cuộc nói chuyện về khuya: “Ông ấy nói rằng vẫn luôn ngủ ngon, ăn ngon nhưng không còn nhảy khỏi giường theo cách thường làm nữa. Và ông cảm thấy như thể mình sẵn lòng ở trên giường cả ngày”. Những nhận xét có hơi hướng chán chường của Brooke cần phải được chiếu cố, nhưng điều được minh họa sinh động và khách quan hơn là những sự kiện vào ngày 26 - 29 tháng 4. Colville, mặc dù có những nhân chứng xác thực khác, cũng bày tỏ:

Thứ tư ngày 26 tháng 4. Thủ tướng đã thất bại trong các phiên chất vấn ở Quốc hội. Ông bị lạc đề, trả lời những câu hỏi không thích đáng, và quên mất tên ông hoàng xứ Kashmir [lỗi cuối cùng này không đến nỗi nào].

Thứ sáu ngày 28 tháng 4. Thủ tướng đến Chequers một mình bằng xe hơi, ngủ thiếp đi với băng đen trên mắt và vẫn còn ngủ trong chiếc xe... Sau đó ông ăn tối với Smuts, tiếp sau là xem một bộ phim về luật... Và thủ tướng làm việc tới 1g30, khi những cố gắng phối hợp của ông và giáo sư (Lindemann), Tommy (bên Hải quân) không còn hiệu quả khiến ông phải đi ngủ.

Thứ bảy ngày 29 tháng 4. Thủ tướng ngủ đến 11g35, một việc lạ lùng.

Sự mệt mỏi này vẫn chưa kết thúc. Vào ngày 1 tháng 5, một tuần sau đó, nó được lặp lại trong lời Colville: “Một cuộc đua điên cuồng đến London vào 12 giờ trưa để đúng giờ khai mạc hội nghị với thủ tướng các nước thuộc địa ở số 10 phố Downing. Thủ tướng tới trễ, dĩ nhiên, nhưng buổi khai mạc đã phải diễn ra suốt đêm. Chiều đó ông đã làm nên cái gọi là một bản trình bày oai nghiêm và

sáng chói về toàn cảnh cuộc chiến và những viễn cảnh của nó.

Thủ tướng các nước New Zealand, Úc, Canada đã đáp lại ông với sự ủng hộ nhiệt thành mà gần đây ông không được nhận từ giới báo chí trong nước và Quốc hội. Thái độ ủng hộ của họ đã tiếp thêm sức mạnh cho Churchill. Mặc dù thủ tướng các nước thuộc địa lưu lại hai tuần ở Anh, Churchill không hề mất kiên nhẫn, và rất vui dẫn họ tham gia những buổi duyệt binh. Sức ảnh hưởng của ông lên họ đã phần nhiều giúp ích cho ông. Đế quốc được củng cố như một động lực về tình cảm với ông, tạo ra một vài xung đột giữa châu Âu và quan điểm đế quốc về vị trí của nước Anh trong những năm cuối thập niên 1940.

Có hai vấn đề khó khăn khác đối với Churchill trong cuộc chạy đua tới ngày “D”. Đầu tiên là chủ trương ném bom và thứ hai là bản báo cáo mới của tướng De Gaulle về cuộc đổ bộ của quân Đồng minh ở đất nước mình. Đó không hẳn là những tranh luận trong nội bộ phe Đồng minh. Vấn đề là một số lượng lớn bom nên tập trung vào ga dầu mỗi ở Pháp là sáng kiến của Solly Zuckerman (từng là nhà động vật học trẻ tuổi chuyển sang là một chuyên gia về *bom*, người tự tin là sẽ đóng góp một phần lớn trong chính sách phòng thủ ở Anh trong 40 năm tới). Trung tướng không quân Harris, người đứng đầu đội quân ném bom, không thích điều đó, vì ông không thể bỏ lỡ việc phá sạch những thành phố ở nước Đức. Churchill cũng không thích ý kiến này, với những lý do khác nhau. Ông nghĩ rằng việc ném bom ở Pháp sẽ dẫn đến quá nhiều cư dân Pháp tử vong, và sẽ đẩy lên sự phản nộ chống phe Đồng minh ở Pháp. Ông thừa nhận là sau ngày “D”, “khi quân Anh và Mỹ có thể sẽ có nguy cơ thương vong rất cao, một tỷ lệ mới sẽ tự thiết lập...”. Nhưng đó chính là thời điểm làm ông lo lắng. Có điều gì đó ngược lại với đánh giá chung của ông về chiến trường miền bắc nước Pháp, mà ông gán tầm quan trọng của nó cho việc quân Đức không thể củng cố nhanh chóng. Sự phá hủy mạng lưới đường sắt nước Pháp rõ ràng là một đóng góp quyết định cho điều này. Mặt khác, nó phù hợp với quan niệm của Churchill. Tuy vậy, Roosevelt không ngại ngần, và kiên quyết làm bất cứ thứ gì để giúp đỡ cuộc đổ bộ.

Churchill cũng hoàn toàn mơ hồ về số thương vong. Ông không hề muốn thấy một Somme khác, nhưng ông cũng tin rằng đó luôn là nhiệm vụ của quân đội khi giao chiến với kẻ thù. Ông không thích những mặt trận im ắng hay quá nhiều sĩ quan tham mưu ẩn mình trong tiện nghi mà không giúp ích gì. Vào đầu tháng 5, ông tập trung các sĩ quan tham mưu ở Angiers, không còn là điểm trọng tâm của chiến tranh nữa. “Điều tốt nhất nên làm là hình thành một quân đoàn với khoảng một ngàn sĩ quan tham mưu và cho họ nêu gương với quân đội trong việc lãnh đạo một vài cuộc tấn công...”. Điều đó không thể xảy ra, dĩ nhiên, và thực tế thì ông cũng không dự định làm. Ông chỉ tung ra một đòn chống lại sự thừa thãi về số lượng sĩ quan tham mưu không thể tránh được với bất cứ một tổ chức quân đội khổng lồ nào.

Những khó khăn liên quan tới De Gaulle chính là việc cả người Anh lẫn người Mỹ đều không sẵn lòng cho ông ta biết thông tin về địa điểm và thời gian cuộc đổ bộ diễn ra. Đảng Tự do Pháp trước giờ vẫn bị đánh giá là bấp bênh không vững chắc. De Gaulle được mời từ Algiers đến London và đã đến vào sáng sớm Chủ nhật ngày 4 tháng 6. Ông được tiếp đón bởi một lá thư từ Churchill yêu cầu ông tham gia một buổi tiệc trưa trên tàu. Toa xe lửa đó, nằm ẩn mình trên những đường tàu phụ sau bờ biển phía Nam, lướt qua tâm trí của Churchill. Nó làm ông nghĩ đến những cơ quan đầu não cấp cao và những hướng tiến triển của cuộc đổ bộ.

Buổi chiều hôm đó, ông vừa trở về sau chuyến duyệt binh lên đường của quân đoàn Northumbrian ở Southampton và chuyến thăm tới tổng hành dinh của Eisenhower. Ông đi cùng Smuts và Ernest Bevin trong khi Eden chờ ông ở toa xe lửa. Khi ấy, với sự chứng kiến của Pierson Dixon, thư ký riêng của Eden, ông đã thay đổi trang phục từ đồng phục hải quân sang đồng phục khinh kỵ binh trước khi chủ tọa “một bữa tiệc rất vui vẻ” trong hội trường. “Thức ăn hảo hạng, có loại champagne năm 1926 và một chai rượu mạnh cổ xưa...”. Không khí thật thoải mái, Eden và Bevin có chung những cảm xúc rằng Churchill bị xúi giục nói là “ông sẵn sàng từ bỏ quyền lãnh đạo của mình, bất kỳ lúc nào”. Đó có lẽ

không phải là lời nhắn nhủ chính xác nhất.

Buổi yến tiệc không hề được nhắc lại trong ngày hôm sau, mặc dù Bevin, Eden và Smuts đều ở lại văn phòng và có vẻ như De Gaulle đã đồng ý đến. Chuyến thăm của De Gaulle khởi đầu khá tốt. Churchill tiếp đón ông niềm nở. Nhưng De Gaulle không phải là người dễ giao thiệp, và trong dịp này, sự dè dặt của ông là điều có thể hiểu được. Ông được triệu đến, đầu tiên phải đi một ngàn dặm và sau đó là 80 dặm để đến một toa xe lửa trên đường sắt phụ ở nông thôn.³⁸ Ở đó, ông đã được báo trước 36 giờ về cuộc đổ bộ vào đất nước ông. Ông thực sự rất may mắn khi nó là 36 giờ chứ không phải 12 giờ vì chỉ có chiều hôm trước do dự báo thời tiết, Eisenhower đề nghị hoãn lại từ ngày 5 sang ngày 6 tháng 6. Một tin nhắn khác của Churchill cho ông là ông phải có một chuyến thăm Washington và cố gắng cải thiện mối quan hệ với Roosevelt trong thời kỳ đầu cuộc chiến ở Normandy.

Ngoài ra, Churchill (theo lời của Eden) đã nói với De Gaulle rằng, nếu sau khi tất cả mọi cố gắng mà tổng thống (Hoa Kỳ) vẫn ở một phe và De Gaulle ở một phe khác, thì Churchill sẽ đứng về phe tổng thống Mỹ. Và rằng dù thế nào đi nữa thì sẽ không có mối bất hòa gì giữa Anh và Mỹ chỉ vì nguyên nhân là nước Pháp.

Tiếp đó, De Gaulle đã nói rằng ông khá thông cảm về việc nước Anh sẽ đứng về phe nước Mỹ. Điều đó được xem như một thái độ hòa giải, mặc dù mang ý mỉa mai hơn là chia sẻ. Và nó hình thành quan điểm của De Gaulle sau này khi ông bác bỏ những đề nghị của Harold Macmillan để tham dự vào thị trường chung châu Âu với phát biểu rằng nước Anh sẽ thuộc về “le grand large” (biển khơi) hơn là ở châu Âu. Ngày 4 tháng 6, các thành viên chính phủ nghĩ là Churchill đã quá gay gắt với De Gaulle. Eden đã viết trong hồi ký năm 1965: “Tôi không thích tuyên bố này, cả Bevin cũng thế, ông ấy đã nói riêng với tôi như vậy. Cuộc gặp gỡ là một thất bại”. De Gaulle cũng nghe theo lời khuyên của Churchill đến Mỹ, từ ngày 6 đến ngày 11 tháng 7, và có những mối quan hệ khá

tốt với Roosevelt ở Washington, tốt hơn cả mối quan hệ với Churchill ở Hampshire.

Chiều đó, Churchill trở về London, và ở đó một vài ngày với những căng thẳng khác... Ông muốn tới gần hơn để xem những gì đang diễn ra, và vào giữa tháng 5 ông đã ép đô đốc Ramsay đồng ý một kế hoạch khá liều lĩnh. Ramsay, với vai trò là tổng tư lệnh khu vực Dover chịu trách nhiệm về việc sơ tán Dunkirk, vào năm 1944, chỉ huy hải quân Đồng minh (dưới quyền của Eisenhower) cho cuộc đổ bộ. Ông miễn cưỡng viết cho Churchill vào ngày 16 tháng 5:

Tóm lại, kế hoạch là ông nên lên tàu Belfast... Ở vịnh Weymouth vào khoảng chiều trước ngày D một ngày, con tàu được gọi về khi đang trên đường từ Clyde... và đã trở lại với tốc độ tối đa. Tôi cho rằng không có gì gọn nhẹ hơn là một con tàu sẽ thích hợp cho ông trong việc ở lại suốt đêm và việc tiến gần tới các mặt trận. Ngày tiếp theo, có thể ông sẽ được chuyển qua một tàu khu trục đã hoàn tất việc ném bom oanh tạc và trở về Anh để nạp đạn lại. Ông có thể có những chuyến đi ngắn ở bờ biển, tới những vùng chưa bị bom mìn càn quét, trước khi trở về tàu.

Ramsay nói tiếp rằng ông tôn trọng ý muốn của Churchill là không thông báo cho Đô đốc Hải quân biết. Nhưng ông nghĩ rằng nó cần được nói với Eisenhower với tư cách là một chỉ huy cấp cao, “và tôi phải nói với ông rằng ông ấy rất ghét việc ông ra đi như thế này”. Chính sự can đảm cũng như tính cách phóng túng của Churchill đã đẩy ông tới những khoảnh khắc vô trách nhiệm của nửa sau Thế chiến II. Ông nói với Colville vào ngày 25 tháng 4 về quyết tâm của ông trở thành một trong những người đầu tiên đứng trên vùng đất chiếm được từ quân địch và thêm vào: “Thật vui khi đến đó trướcc Monty”. Ít nhất thì câu nói đùa của ông về Montgomery cũng có ý nghĩa khôi phục tinh thần đáng kể từ những thời điểm thoái trào vào mùa xuân, và quyết tâm của ông đủ để xóa tan sự

chống đối của Eisenhower. Gần như tất cả đều chống đối hành động ngang tàng của Churchill. Chắc hẳn bộ tổng tham mưu cũng vậy khi họ nghe được điều đó. Và tướng Ismay cũng thế, người đã chỉ ra những vấn đề ở đây là không có nhiều an toàn về giao thông nên cần có một quyết định đúng đắn.

Tuy nhiên Vua George cũng đã có một số hành động khéo léo ngăn cản Churchill, điều này đã tạo ra sự ngạc nhiên lớn... Đầu tiên, nhà vua đã đón nhận nó như một ý kiến đúng đắn và nói rằng ông cũng muốn đến nơi đó. Sau đó, khi ông được thư ký riêng của mình, Lascelles, nói về sự chống đối của những chỉ huy cấp cao, ông đã rút lại ý định và toàn tâm thuyết phục Churchill cũng làm như thế. Ông không hề có ý định ban ra một sắc lệnh nào hay ngăn cấm thủ tướng không được đi. Nhưng ông sử dụng một vũ khí khác. Cần đến hai bức thư để mài mòn quyết tâm của Churchill. Và trong bức thư thứ hai, gửi vào ngày 4 tháng 7, nhà vua đã viết:

Tôi muốn một lần nữa thỉnh cầu ông đừng ra biển vào ngày “D”. Hãy xem xét lại vị thế của bản thân tôi. Tôi là một người trẻ hơn ông, tôi là một thủy thủ, và là một nhà vua đứng đầu cả ba quân chủng. Không có gì thích hơn là được đi ra biển nhưng tôi đã chấp nhận là sẽ ở lại đây, có công bằng không khi ông sẽ làm đúng những gì tôi đáng lẽ phải làm?

Vì thế Churchill đã phải bỏ ra tối ngày 5 và 6 tháng 6 để là một “người đàn ông đàn hoàng chịu nằm ở trên giường”. Sự chán nản cùng với những ác cảm dai dẳng về sự tàn sát có lẽ lý giải cho lời chúc buổi tối chán chường với Clementine: “Em có nhận thấy rằng khi em thức dậy vào buổi sáng, 20 ngàn người có thể bị giết?”. Điều đó không chỉ khủng khiếp mà còn rất bi lụy. Thật ra chỉ có khoảng ba ngàn quân Anh phải bỏ mạng trong suốt ngày “D”, và vào cuối tháng 7, số thương vong không vượt quá 8 ngàn, mà trong đó 2/3 là quân Mỹ. Vào trưa ngày “D”, Churchill gửi một bản báo cáo không lấy làm thiện chí tới Hạ viện. Sau đó ông dùng bữa trưa với nhà vua và đưa ngài trở về tổng hành

dinh không quân của đồng minh ở Quảng trường St James và tổng hành dinh của Eisenhower ở quảng trường Grosvenor. Vào 6g15 chiều hôm đó, với những phát biểu tự tin ở Hạ viện, ông đã bày tỏ lòng ngưỡng mộ đặc biệt sự dũng cảm của Eisenhower. Điều đó đã gợi lên, mặc dù ông không nói như thế, quyết định của chỉ huy cấp cao trong việc dẫn đầu cuộc đổ bộ mặc cho thời tiết không khả quan hơn bao nhiêu, sau sự trì hoãn chỉ trong 24 giờ. Việc trì hoãn dài hơn có thể gây tổn hại lớn cho cuộc hành quân.

Chương 39

KHỞI ĐẦU CỦA SỰ KẾT THÚC

Chuyến thăm của Churchill đến vùng đất chiếm được ở Normandy diễn ra trong một ngày, đồng hành với Smuts và Alan Brooke, ăn trưa ở tổng hành dinh của Montgomery, vào ngày 12 tháng 6. Chuyến thăm thứ hai kéo dài hơn vào ngày 22 và 23 tháng 7, gồm việc thăm quân Mỹ ở Cherbourg và bờ biển Utah, sau đó tới vùng đất của nước Anh ở Arromanches, xem xét nơi trú tàu ở Mulberry và ngủ trên tàu Hải quân Hoàng gia *Enterprise*. Trong mỗi ngày này, ông đều đến tổng hành dinh của Montgomery, và từ nơi đó đi thăm Caen và gặp bốn chỉ huy quân đoàn Anh cũng như Omar Bradley, tướng Mỹ dưới quyền Eisenhower.

Sau chuyến thăm của Churchill là hai sự kiện riêng rẽ nhưng quan trọng vào mùa hè cuối cùng của cuộc chiến chống nước Đức. Vào buổi chiều khi ông trở về, những quả bom bay (V1) lần đầu tiên xuất hiện ở Đông Nam nước Anh. 27 quả bom này bay tới tối hôm đó, nhưng chỉ 4 quả tới được London, và một trong số đó rơi xuống Bethnal Green khiến hai người tử vong. Sau đó, có một sự tương quan 1:1 giữa số lượng loại vũ khí này đã được phóng lên và số lượng thương vong. Vào ngày 6 tháng 7, Churchill thông báo trong ba tuần đầu tiên của cuộc tấn công với 2754 quả bom bay đã làm 2.752 người chết. Vào cuối tháng 8, khi mối đe dọa đặc biệt này chấm dứt, số người tử vong đã lên đến hơn 6 ngàn. Ngoài ra, gần 750 ngàn căn nhà bị phá hủy, nhưng chỉ có 23 ngàn căn được sửa lại.

Những con số trên cũng chưa bằng con số thương vong vào những tháng tới

tệ nhất của năm 1940, nhưng nó cũng đủ để hình thành một sự căng thẳng đáng kể đối với thần kinh của nhiều người. Churchill không thuộc những người có thần kinh như vậy. Ông là một trong những người bị chiến tranh làm mệt mỏi nhiều nhất. Nhưng ông có lòng can đảm không bao giờ tàn lụi và tiếp tục ra lệnh không ngừng. Ông cam đoan với Stalin, có lẽ với một chút hiên ngang rằng: “Thứ vũ khí mới này không có những ảnh hưởng đáng kể lên cuộc sống ở London. Những con đường và công viên vẫn có rất nhiều người đi dạo khi hết giờ làm...”.

Churchill đã dồn tâm sức vào những chiến lược khá tàn khốc trong việc giáng một đòn trừng phạt lên người Đức, những người phải bị trừng phạt bởi đã phóng những quả bom bay V1.

Đằng sau những phản ứng này là nỗi lo sợ về mối đe dọa lớn hơn – vũ khí bí mật thứ hai của Hitler - bom bay V2. Loại bom bay V2 có sức công phá cao hơn bom bay V1 và có đặc tính hoàn toàn im ắng (không giống như V1, phát ra những tiếng ồn). Nếu bạn nghe tiếng nổ của một quả V2 thì một người khác, chứ không phải bạn, là nạn nhân. Suốt 277 ngày, 1.050 quả đã rơi xuống London và những vùng lân cận. Trong khi những quả V2 cũng gây ra nhiều cuộc tàn sát trên quy mô lớn, thì tổng số thương vong lại ít hơn với những quả V1. Nhưng trung bình có 7 quả V2 không báo trước được phóng lên một ngày là điều không hề được mong đợi trong mùa đông thứ sáu, mùa đông cuối cùng và rất lạnh lẽo của chiến tranh.

Ở Pháp, vào mùa hè năm 1944, kết quả của cuộc đổ bộ đã được lên kế hoạch rất lâu và gây nhiều tranh cãi, là quân Đồng minh đã giữ vững được những vùng chiếm đóng, là một giải tỏa rất lớn. Tiếp theo là thời kỳ mệt mỏi chán chường vì bế tắc trong suốt sáu tuần. Sau đó, ngày 25 tháng 7 là giai đoạn thứ ba với bước tiến mau lẹ và vượt bậc, quân Đồng minh đã tiến tới Paris ngày 24 tháng 8 và Brussels vào ngày 3 tháng 9. Những thành công đó là minh chứng cho quyết tâm của Roosevelt - Marshall trên toàn Mặt trận Thứ hai hơn cả cuộc tiến công ngập ngừng lưỡng lự của Churchill - Brooke. Sự mất cân bằng Anh - Mỹ dẫn đến việc

quân Mỹ dưới quyền của Omar Bradley gặt hái nhiều tiếng tăm từ bước tiến này. Quân đoàn thứ 21 của Montgomery đã phải chiến đấu xung quanh Caen và Falaise để tạo ra một trục quay an toàn cho đội quân của Bradley để đội quân này có khả năng càn quét bán đảo Cotentin từ Cherbourg và di chuyển kịp thời chỉ trong ba tuần tới Dreux, Chartres và Orleans.

Eisenhower, với những lời lẽ sáng suốt nhất, là một chính trị gia hơn là một tướng lĩnh, ít nhất cho đến mùa thu, trong việc ngăn chặn mối bất hòa giữa hai đạo quân trên một mặt trận. Nhưng ở một mức độ cao hơn, sự hòa hợp Anh - Mỹ, được thắt chặt suốt những năm gian khổ, thay vì sẽ nóng ấm hơn bởi những thắng lợi thì lại bắt đầu tàn lụi. Vấn đề đầu tiên, mà có lẽ là vấn đề duy nhất là có nên thêm một cuộc đổ bộ của quân Đồng minh vào miền Nam nước Pháp, lúc đầu có tên hiệu là Anvil hay không. Đây là vấn đề mà người Mỹ đã tán thành một cách kiên quyết ở Teheran. Họ quá tâm huyết với chiến dịch này, nhưng người Anh lại chống đối một cách kịch liệt không kém. Churchill bác bỏ vì ông coi đó là một việc làm liều lĩnh mà không có mục đích và nó liên quan rõ ràng tới sự suy yếu lực lượng của thống chế Alexander ở Ý và hạn chế khả năng chọc thủng trận tuyến ở thung lũng Po, phá hủy lực lượng của tướng Đức Kesseiring và sự khẩn cấp phải tới được Vienna, một mục tiêu để cân bằng giữa đà tiến quân của Đồng minh phương Tây và của Liên Xô ở Trung Âu.

Cuộc tranh cãi này lên đến cao trào vào giữa ngày 21 tháng 6 và ngày 1 tháng 7, từ sự bất đồng ở bộ tổng tham mưu đến những đòi hỏi thay đổi giữa thủ tướng Anh và tổng thống Mỹ, gay gắt hơn bất cứ thứ gì xảy ra trước đó giữa họ. Người Mỹ nhất định không lay chuyển và người Anh, nhanh chóng trở thành những cộng sự yếu thế, sau cùng cũng không có chọn lựa nào khác là phải chấp nhận quyết định của họ. Trong những tin nhắn của Churchill gửi cho Roosevelt vào ngày 1 tháng 7, thể hiện một sự cộc cằn kỳ lạ. Đáp lại phản ứng không chịu nhượng bộ của Roosevelt trong cuộc tranh cãi trước, ông chỉ ra rằng: “Chúng tôi rất lấy làm tiếc với bức điện tín của ngài về sai lầm chiến thuật và chính trị đầu tiên mà cả hai chúng ta cùng phải chịu trách nhiệm”. Trong bức điện tín cuối

cùng trong chuỗi điện tín gửi cùng ngày, Churchill viết rằng: Ngài phải tham gia một cuộc phản đối chính thức” chống lại một quyết định đã khiến cho những kỳ vọng đặt vào chiến dịch ở Ý tan thành tro bụi. Ông viết tiếp: “Đó là nỗi đau lớn nhất mà tôi gửi tới ngài trong tâm trạng như thế này”.

Cuộc tranh cãi này bản thân nó đủ gây nhiều phiền hà. Cả sau ngày 1 tháng 7, khi Bộ tổng tham mưu Anh, theo ngôn ngữ của Alan Brooke, đã thành công trong việc thuyết phục Churchill đối với thái độ nhạy cảm của ông. Churchill vẫn khẳng khái trở lại vấn đề trong tháng 8 và tiếp tục tranh cãi, có thể hợp lý nhưng không hiệu quả rằng việc đổ bộ nên thực hiện ở phía tây chứ không phải ở phía nam nước Pháp. Đáng chú ý hơn, một cách nhân quả hay tình cờ, mà sự bất đồng về chiến dịch Anvil là khởi đầu của một mô hình mới. Trước nó, Bộ tổng tham mưu Anh - Mỹ thường ít khi bất đồng đối với những vấn đề lớn. Sau nó, họ dường như ít khi nào cùng một phe trong một vấn đề, và phe của người Anh, vì sự không nhất quán, gần như lúc nào cũng là bên thua cuộc.

Sự dàn xếp mang tính tạm thời của Churchill đối với những khó khăn trong nội bộ Đồng minh là đề nghị một cuộc họp cấp cao. Đỉnh cao của cuộc tranh cãi của ông với Roosevelt là vấn đề chiến dịch Anvil. Ông viết, gần như ai oán: “Tôi chắc chắn rằng nếu chúng ta gặp nhau, như tôi từng đề nghị nhiều lần, chúng ta sẽ có được một thỏa thuận hợp ý”. Và ông cũng đề nghị vài điều tương tự với Stalin, con gấu trong hang ít khi nào chịu rời khỏi ổ, là người mà Churchill luôn đơn phương đi thăm, cũng như cố đưa ra những lời mời vào nhiều dịp khác.

Tại sao Churchill lại hăm hở với những cuộc gặp gỡ đó? Không hẳn vì ông không chịu được bất kỳ sự không rõ ràng nào trên giấy tờ. Ngược lại, có một “quy tắc Whitehall” mà ông tuyên bố vào đầu nhiệm kỳ, rằng tất cả những ý kiến của ông phải được viết ra. Trong những lý lẽ của ông về chiến dịch Anvil với Roosevelt trong mùa xuân năm 1945 và những tuần cuối cùng trong cuộc đời Roosevelt, có một điều ấn tượng là sự trôi chảy trong cách hành văn của Churchill đã làm Roosevelt choáng ngợp với hàng loạt những tin nhắn khá dài. Đối với Churchill, có rất nhiều điều phải làm với niềm đam mê đi đây đi đó, với

niềm tin vào sức mạnh của mình trong thế mặt đối mặt. Điều có thể làm ông sâu muộn là phải thường xuyên ở gần những cơ cấu quyền lực.

Với Churchill, thông thường thì những cuộc gặp gỡ đều có kết quả tốt đẹp. Ông luôn thiết lập những mối quan hệ thân thiết và nồng hậu với những người nói chuyện với ông, không chỉ với Roosevelt mà cả với Stalin. Ông cảm nhận những gì đã đạt được, những hiểu lầm và cả những khác biệt có thể dàn xếp, và các chuyến đi của ông không hề uổng phí. Chỉ là vẫn theo cái lối tồi tệ, đặc biệt trong nửa cuối Thế chiến II, sự khác biệt và những khó khăn quay trở lại, và mọi chuyện lại như trước.

Churchill hầu như là một vị khách thăm viếng thường xuyên.³⁹ Những nỗ lực của ông nhằm mời Roosevelt, và cả Stalin, đến London, Edinburgh, hoặc tham dự một hội nghị trên tàu ở lãnh hải nước Anh luôn luôn thất bại. Và ở một chừng mực nào đó, trong vai trò là khách thăm viếng, ông luôn luôn là *người thỉnh cầu*. Ông tìm cách gặp gỡ họ và cảm thấy mình có trách nhiệm lớn hơn trong việc tìm kiếm sự thành công cho cuộc gặp, London luôn luôn là môi trường làm tăng tầm quan trọng của người lãnh đạo quốc gia hoặc lãnh đạo chính phủ. Nếu xảy ra những tình huống khó khăn, ông có khuynh hướng phá tan hơn là duy trì sự im lặng bằng cách thuyết phục cực kỳ khéo léo. Vì thế, ông cho rằng những cuộc gặp *gỡ cấp* cao luôn đạt được thành quả lớn hơn những gì mà chúng thật sự mang lại.

Nửa sau năm 1944 đã cho Churchill cơ hội thỏa mãn khát vọng du lịch, để ông trải nghiệm tính khí nóng nảy và những thất vọng về các hội nghị cấp cao, và để ông nếm trải vị ngọt và đắng trong việc nhận ra rằng, khi chiến thắng của quân Đồng minh đang đến gần thì người Anh và ông trở nên kém quan trọng trong phe Đồng minh. “Tôi thật sự rất tiếc cho việc ông không đến được”, ông đánh điện vào ngày 10 tháng 8, và nói thêm một cách khôn ngoan rằng: “Đức vua dường như rất thất vọng khi tôi nói với ngài về điều đó”. Tuy nhiên, Churchill đã có được từ tổng thống Mỹ một lời hứa về hội nghị song phương lần

thứ hai ở Quebec (còn có tên là Octagon). Và với điều đó, ông có thể tận hưởng một chuyến thăm Ý kéo dài, khi rời khỏi Anh từ ngày 19 đến 29 tháng 8. Đó là một chuyến đi pha trộn những ngày tắm nắng với những hội nghị quan trọng, và việc có thể tới tận ranh của những trận đánh. Ông còn lên cả tàu khu trục, và đi vài dặm quanh St Tropez để có thể quan sát lâu nhất cuộc đổ bộ ở miền Nam nước Pháp mà ông đã chống lại một cách cay đắng. Đó là một ví dụ kinh điển về việc “nếu bạn không đánh bại được họ, hãy tham gia cùng họ”. Nó được xem như một hành động hào hiệp, nhưng ông cũng không nguôi ngoai thái độ chỉ trích sự chệch hướng này.

Trên đường từ London đến Naples, Churchill dừng chân một vài giờ ở *Algiers*, nơi mà ông yêu cầu De Gaulle đến nhưng vị tướng đó từ chối. Điều này đã gây ra cho ông một tâm trạng phẫn nộ. Ông đã viết một chút gì đó không thật lòng với Clementine Churchill: “Tất nhiên vào lúc như thế, anh không nên để nó ảnh hưởng tới những ý tưởng chính trị của anh. Nhưng anh cảm thấy nước Pháp có De Gaulle sẽ là một nước Pháp chống đối nước Anh hơn bất cứ nước nào tự vụ Fashoda”.⁴⁰ Ở Naples, Tito và Churchill đã có hai cuộc họp khá thân mật.

Trong chuyến hành trình thăm nước Ý của Churchill, ông đã bỏ qua Florence (vẫn còn nằm trong tay nước Đức), và ở nhiều đêm tại đại sứ quán Anh ở Roma, có buổi yết kiến với Giáo hoàng Pius XII. Gần cuối chuyến đi, ông đã yêu cầu tướng Alexander đưa ông tới rất gần mặt trận ở phía bắc Ancona. “Tôi đã đến rất gần kẻ thù và lúc đó tôi đã nghe được hầu hết tiếng súng đạn của Thế chiến II”.

Churchill trở về Anh, và sáu ngày sau ông lên tàu *Nữ hoàng Mary* dự hội nghị Quebec. Một sự kết hợp thuốc kháng sinh cộng với những viên thuốc sốt rét (mà ông phải uống trong bốn tuần sau khi rời khỏi Ý) và việc con tàu rẽ sóng nhiều ngày trong cái nóng oi bức của dòng nước ấm từ vịnh Mexico qua Đại Tây Dương đến châu Âu đã làm Churchill suy nhược trong suốt chuyến đi. Ông dành phần lớn thời gian trong khoang của mình đọc sách. Vào buổi ăn tối đêm Thứ ba, theo Colville, nhiều món ăn được ông nuốt trôi cùng champagne và sau đó là

những chai rượu mạnh sản xuất năm 1870.

Hội nghị Quebec II đã không giải quyết được gì nhiều, và một vài điều đã được quyết định trên danh nghĩa lại không hợp lý. Đặc biệt là kế hoạch của Morgenthau về nước Đức sau chiến tranh. Henry Morgenthau từng là bí thư Bộ Tài chính Hoa Kỳ từ năm 1934, và mặc dù có nhiều chuyện phức tạp ông vẫn là một người ủng hộ Roosevelt từ chiến dịch 1928. Ảnh hưởng của Morgenthau vì vậy rất đáng kể, và tổng thống Mỹ tạm thời bị cuốn hút vào kế hoạch này.

Điều đáng ngạc nhiên là nó cũng làm Churchill thấy thú vị. Trong bất cứ một sự lộn xộn nào, cả Roosevelt và Churchill đều tán thành kế hoạch ngày 15 tháng 9. Ngoại trưởng của cả hai nước rất ngạc nhiên. Eden nói với Churchill là nó sẽ không bao giờ được Nội các Chiến tranh thông qua. Corden Hull, người có những ảnh hưởng trong chiến thuật hơn mức bình thường, huy động toàn bộ lực lượng của Bộ Ngoại giao để bác bỏ kế hoạch này. Việc nó thiếu thực tế ra sao đã được minh họa bằng những gì thực sự xảy ra vào những năm 1950 và 1960.

Đối với những người còn lại, ấn tượng tác động mạnh mẽ đến họ là những vấn đề nan giải liên quan đến sự bất đồng về chiến lược. Các tham mưu trưởng của Mỹ, những người mà lực lượng của họ hiện diện ở châu Âu đã nhanh chóng vượt trội lực lượng Anh (vào cuối cuộc chiến, quân số của Mỹ ở châu Âu vào khoảng 3 triệu so với 1 triệu của Anh) đương nhiên là đã rất phấn chấn bởi thành công của chiến dịch Chứa tể. Họ so sánh sự ủng hộ kiên định của họ với sự lưỡng lự của người Anh đối với chiến dịch. Bất chấp sự tranh cãi đúng sai về chiến lược, Dragoon (trước kia được gọi là Anvil) chưa thất bại lần nào và quân đội nhanh chóng tiến về vùng thung lũng sông Rhône. Hai ngày trước khi bắt đầu hội nghị ở Quebec, một cuộc họp của các lực lượng thuộc phe Đồng minh, giữa lực lượng đến từ Normandy và lực lượng đến từ Provence, đã diễn ra gần thành phố Dijon. Ngay cả Churchill trong tuyên bố khai mạc ở Quebec cũng đã phải ngượng ngịu nói rằng thành tích của Dragoon là “đáng tuyên dương nhất”.

Còn có những khác biệt cơ bản về việc tiến đến chiến tranh chống Nhật, điều

đã được thảo luận nhiều ở Quebec. Churchill cố gắng ngăn người Mỹ nghĩ rằng người Anh đã lặng lẽ rút khỏi chiến dịch này. Thật ra ông đã bỏ rất nhiều công sức cho cuộc họp báo (tham gia cùng Roosevelt) và bác bỏ một cách hài hước về quan điểm rằng: “Nước Anh muốn lẩn tránh những ràng buộc về cuộc chiến tranh với Nhật Bản... Và điều đó làm tôi ngạc nhiên, vì thực tế thì, hội nghị được ghi nhận theo một khuynh hướng hoàn toàn ngược lại. Nếu có những điểm khác nhau có thể điều chỉnh được, thì chỉ là chúng tôi rõ ràng cảm thấy rằng Hoa Kỳ đang có ý định giữ quá nhiều cho chính họ... Các bạn không thể giành tất cả lợi ích về mình được. Các bạn phải chia sẻ.” Người Anh không muốn vai trò cơ bản của họ là chiến đấu một cách vô hạn định trong những điều kiện hết sức kinh khủng trong rừng nhiệt đới ở Myanmar. Họ sẵn sàng, một khi nước Đức bại trận, thì hạm đội chính của họ nên có mặt trong cuộc tấn công then chốt vào Nhật Bản. Nhưng người Mỹ lại nghĩ mối quan tâm của người Anh là khôi phục khu vực mà Anh đã bị đánh đuổi một cách nhục nhã, và trên tất cả, tìm được lối trở lại Singapore... Và người Mỹ, bao gồm tổng thống, lại không mấy nhiệt tình trong việc chống đỡ cho đế quốc Anh.

Những vấn đề như thế không gây hại cho khẩu vị của Churchill để ông có thể thưởng thức những món cao lương mỹ vị vào cuối hội nghị Quebec, với khoảng trên dưới hai ngày với Roosevelt tại Hyde Park. Khi bác sĩ của ông hỏi khi trên đường về rằng ông thấy hội nghị Quebec mệt mỏi ít hay nhiều hơn so với hội nghị ở Cairo vào năm trước, ông trả lời: “Hội nghị này là hội nghị gì? Hai cuộc nói chuyện với bộ tổng tham mưu, còn lại chỉ là chờ đợi cơ hội nói chuyện với Roosevelt”. Tuy nhiên, những gì ông chờ đợi ở Quebec đa số đều đạt được ở công viên Hyde. Ngoại trừ đoàn tùy tùng của ông và Harry Hopkins, người mà ông rất vui khi gặp mặt ở đó, vì ông sợ rằng Hopkins sẽ không được mấy thiện cảm, nên ông không mời những người khách khác. Đó là lần cuối cùng mà ông có Roosevelt về phe mình. Có một cuộc gặp gỡ nhỏ ở Malta trên đường tới Yalta năm tháng sau đó. Nhưng ở hội nghị Yalta, bản thân Roosevelt, ngoại trừ sự kiệt sức thể hiện rõ, lại lo lắng một cách ảo não về việc duy trì mối

quan hệ ngang bằng giữa Stalin và Churchill.

Chuyến thăm Hyde Park lần cuối này, đủ để đưa Churchill quay về trong một trạng thái tinh thần cao hơn khi ông đến. Colville, Moran, Cunningham và Marian Holmes, thư ký của ông đều nhất trí như vậy. Đoàn trở về London vào buổi sáng ngày 26 tháng 9. Chiều hôm đó, Churchill giải đáp những câu hỏi của Hạ viện. Và mặc dù có tin xấu là quân đoàn đổ bộ đường không đầu tiên gần bị hủy diệt khi tấn công vào Arnhem ở Hà Lan, ông vẫn có vẻ rất lạc quan. Ông đọc diễn văn tại Hạ viện vào hai ngày sau, một giờ trước bữa trưa và thêm một giờ sau đó. Lời nhận xét của Nilcolson vào dịp thứ hai là: “Ông đã bắt đầu rất tốt, ông đã nói năng rất dễ dàng”. Nhưng sau khoảng 45 phút, giọng nói của ông trở nên khàn và câu chuyện bị ngập ngừng.

Vào ngày 10 tháng 10, Churchill bay tới Paris. Đó là một chuyến bay nhỏ so với những chuyến đi xa và nguy hiểm của ông trong những năm trước, nhưng là lần đầu tiên ông đi một tuyến đường quen thuộc kể từ ngày 31-5 - 1940. Suốt bốn năm rưỡi, quan hệ của ông với De Gaulle dao động một cách dữ dội, phần lớn đi xuống hơn là đi lên. Tuy nhiên De Gaulle lại có sức mạnh gấp đôi, có thể gấp ba so với Churchill, nghĩa là Churchill có nỗi giận với De Gaulle như thế nào từ mùa hè năm 1941 đến mùa hè 1944, và đe dọa không thừa nhận ông, thì điều đó cũng không bao giờ xảy ra. Đầu tiên, trên phương diện cá nhân, De Gaulle có sức ảnh hưởng lớn với Churchill. Và thứ hai, qua nhiều năm, lòng tin của quần chúng với De Gaulle ở khu vực Pháp chiếm đóng đã tăng lên và không lay chuyển được. Trong nửa sau Thế chiến II, ông không bị loại bỏ bởi sự biến động trong nội bộ nước pháp. Và thứ ba, có lẽ, Churchill cũng hiểu rằng, vì tất cả sự xoay vòng một mỗi trên một nền tảng quyền lực mỏng manh, De Gaulle thật sự là một người rất tuyệt vời, có lẽ là một chính khách xuất sắc nhất Tây Âu.

Churchill vì thế đã sẵn sàng nhớ tới những cam kết với bản thân và với De Gaulle, những cam kết trong thời kỳ đen tối nhất của chiến tranh, rằng “có ngày chúng ta sẽ cùng nhau đi xuống Điện Élysées”. Vào ngày đình chiến năm 1944, họ đã làm như vậy. Churchill được rất nhiều người dân Paris hoan hô nồng nhiệt.

Ông nép mình trong một căn hộ ở Quai d'Orsay trong một bồn tắm (luôn là thứ quan trọng trong nội thất của Churchill) mạ vàng. Và ông đã có một chuyến đi 36 giờ trong một con tàu đặc biệt của De Gaulle tới mặt trận đầu tiên gần Besancon. Nhưng ở chiến trường, ông cố gắng trông có vẻ hạnh phúc, trong khi De Gaulle lại trông có vẻ buồn phiền. Đó là thái độ của một tướng lĩnh. Ông không thích chia sẻ những cơ hội, trong khi Churchill lại rộng lượng hơn.

Một năm trôi qua không hề kết thúc trong khúc ca khải hoàn chói lọi. Quân Đức tiếp tục chống cự với sự gan lì đáng nể, cả ở Ý và ở ngưỡng cửa đất nước của họ. Những tranh cãi về chiến lược trong nội bộ đồng minh phương Tây không làm cho họ lao đao. Người Anh nghĩ rằng quân Mỹ đang xao lãng trong trục phía bắc xuyên qua Hà Lan và Montgomery trở nên ngày càng chỉ trích Eisenhower. Churchill, trong khi tán thành với Montgomery về vấn đề nếu không là những phê bình cá nhân, gửi những tin nhắn hơi rầu rĩ cho Smuts vào ngày 1 tháng 12: “Ông phải nhớ rằng... quân đội của chúng ta chỉ bằng một nửa so với quân Mỹ và sẽ sớm ít hơn 1/3... Giờ đây chúng ta phải tập hợp lại và tăng cường quân lực trong cuộc tấn công mùa xuân tới... Trong lúc đó, tôi đang cố gắng gạt Hà Lan ra đằng sau. Nhưng nó không dễ như tôi từng làm mọi thứ”. Năm ngày sau, ông than phiền với Roosevelt rằng, vì tổng thống Mỹ không đồng ý cho cuộc họp trước Giáng sinh, “thời gian có lẽ đã tới, và chúng tôi phải đối mặt với một tình thế chiến tranh nghiêm trọng và đáng thất vọng khi một năm kết thúc”. Roosevelt đã đáp lại một cách bình tĩnh và có chút gì đó khiển trách: “Có lẽ tôi không đủ gần với cảnh tượng để cảm thấy thất vọng về tình thế chiến tranh như ngài. Và có lẽ cũng là vì sáu tháng trước, tôi không lạc quan như ngài đối với yếu tố thời gian”. Tất cả điều đó xảy ra trước cuộc tấn công Ardennes, mà sau này được phương Tây gọi là “Battle of the Bulge”. Trận này được Rundstedt chỉ huy, bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 với lực lượng 10 đơn vị xe tăng Panzer và 14 quân đoàn bộ binh. Tại một ngôi làng ở nước Bỉ có đài tưởng niệm chiếc xe tăng mang hình chữ thập ngoặc, phía dưới khắc rằng đây là địa điểm mà lực lượng tấn công của tướng Đức Rundstedt đã tới, và điều này xảy ra vào buổi

chiều trước lễ Giáng sinh.⁴¹

Churchill suốt tháng 12 năm ấy đã mất đi nhiều sự ủng hộ. Ông phải đối mặt với Hạ viện vào ngày 8 tháng 12 trong một bài diễn văn có sức thuyết phục và cương quyết. Những người nổi loạn thuộc cánh tả đã có số phiếu bầu là 30, tương đối cao. Hơn nữa, James Stuart, chủ tịch Hạ viện, không nghĩ là những tranh luận hay phiếu bầu có thể làm không khí êm dịu trở lại. 11 ngày sau đó, ông nói với Colville rằng đây là lần đầu tiên ông cảm thấy Hạ viện “thật sự tức tối và mất kiên nhẫn” với Churchill.

Ở Anh, ông phải đối mặt với những chỉ trích không ngừng từ tạp chí *The Times* và *Manchester Guardian*. Nhưng nó không là gì so với thái độ của báo chí Mỹ đối với Churchill. Trong mối quan hệ với báo chí Mỹ, Churchill luôn không gặp may.

Churchill dự định sẽ đi Quebec vào chiều thứ Sáu ngày 22 tháng 12. Nhưng ông đã ở số 10 phố Downing quá trễ nên quyết định sẽ ngủ ở đó và chỉ thực sự đi năm lúc 5 giờ chiều hôm sau. Những thay đổi này trong kế hoạch cũng như thái độ của ông cho thấy ông đang ở một tình trạng không may bình tĩnh. Vào thời gian đến Chequers, ông đã quyết định không ăn tiệc Giáng sinh cùng gia đình ở ngoại ô Buckingham, mà theo một cách mới là ở trong chiếc máy bay chiến đấu C54 đầy tiện nghi trên chuyến đi từ Naples tới Athens để xử lý vấn đề Hy Lạp.

Quyết định này đã làm cho gia đình ông vô cùng kinh ngạc. Một buổi tiệc gia đình lớn và trọng đại thay cho một Giáng sinh thoải mái nhất trong 5 dịp Giáng sinh thời chiến mà Churchill đã trải qua. Việc đến trễ 24 giờ của thủ tướng cũng đủ để người ta thất vọng. Tin tức mà Churchill đưa ra, rằng ông sẽ rời khỏi vào tối mai (lễ Giáng sinh) để tham gia một chuyến đi mạo hiểm kéo dài suốt thời gian nghỉ lễ còn lại, là một điều không mấy tế nhị. Clementine, người thường không bận tâm mấy tới sự vắng mặt của bản thân và chồng mình, đã lui vào phòng và “ràn rụa nước mắt”.

Churchill vẫn không thay đổi kế hoạch. Eden, mặc dù không mấy thích thú khi kỳ nghỉ Giáng sinh của ông bị phá vỡ, nhưng cũng đề nghị được đi cùng thủ tướng. Người duy nhất làm Churchill do dự là Cranbone, làm việc trong Bộ Thuộc địa và là người đứng đầu các thượng nghị sĩ, đã đến dự bữa ăn trưa vào Chủ nhật và đưa ra những lý lẽ hết sức thuyết phục chống lại chuyến đi. Nhưng sự do dự ấy chỉ xảy ra trong chốc lát. “Những kế hoạch”, hầu như không tồn tại trong buổi sáng, đã được cho qua. Như nhật ký của Colville đã ghi lại “một buổi chiều hỗn loạn đã diễn ra, khi thủ tướng nói với đức vua, với Attlee, với Bevin, Beaverbrook trong một máy điện thoại và tôi thông báo cho C.A.S (bộ chỉ huy không quân), đô đốc Tommy (sĩ quan phụ tá hải quân của thủ tướng) trong một máy điện thoại khác”.

Thật ra thì một nhóm nhỏ và khá riêng tư (của Churchill) được vận chuyển bằng đường hàng không từ Northolt chỉ trong vòng hơn một giờ trong buổi sáng sớm ngày Giáng sinh. Churchill đem theo bác sĩ riêng, thư ký riêng Colville, sĩ quan phụ tá hải quân, cùng hai nữ thư ký xinh đẹp nhất ở phố Downing là Marian Holmes và Elizabeth Layton. Eden đi cùng Pierson Dixon. Tại sao Churchill lại quyết tâm tiến hành chuyến đi phá vỡ cuộc sống tiện nghi của rất nhiều người? Có một giải thích rõ ràng nhất, đó là ông đặt nhiệm vụ cao hơn những niềm vui, và mặc dù là một người cũng muốn dễ dãi với bản thân, nhưng sống mẫu mực là việc ông luôn noi theo. Bất cứ khi nào hai việc công và tư cùng đến một lúc, nếu vấn đề đó đủ lớn, ông luôn ưu tiên cho việc công. Nhiệm vụ luôn đồng hành cùng quyền lực, ước mơ của ông là trở thành trung tâm của những sự kiện, ông thích nguy hiểm hơn là sự nhàm chán, thích rủi ro hơn là trì trệ. Hơn nữa, ông có lòng tin vào sức mạnh của mình và khả năng giải quyết những vấn đề mà trong một lúc nào đó, dường như là không thể vượt qua.

Hội nghị Athens đã không gặt hái được nhiều thành quả. Và cũng không có diễn biến nào khác hơn trong hai ngày còn lại của Churchill ở Athens. Ông ở đó cho đến chiều ngày 28 tháng 12. Sau khi trải qua một đêm ở Naples, ông trở về London vào Thứ sáu ngày 29, đúng thời điểm để trình báo cáo vào cuộc họp đầu

giờ chiều với Nội các Chiến tranh, và dành nửa buổi tối (cùng với Eden) ép buộc vua Hy Lạp cho tới khi ông ta chịu chấp nhận chế độ nhiếp chính.

Vậy là chuyến đi khác thường vào lễ Giáng sinh của Churchill đã trôi qua. Ông đã không thể kết thúc được cuộc chiến giành quyền lực ở Athens. Ông cũng không bảo vệ được sự thống nhất quốc gia của Hy Lạp. Song với những lý do mơ hồ thì điều này cũng có ý nghĩa. Nó cho ông một phương án hành động mà bằng cách đó có thể thoát khỏi một vị trí không giữ vững được.

Trên hết, có vẻ như không ai ngoài Churchill có thể làm được điều đó. Nó đòi hỏi một sự kết hợp độc đáo của uy tín và nhiệt huyết hướng đạo sinh. Nó làm nên một kết thúc kỳ lạ của một năm mà sự sụp đổ của chủ nghĩa quốc xã đã trở nên không thể tránh được. Song hãy khoan nói đến thành công sớm. Trong năm đó, những đám mây u tối của thế giới chính trị đã lấy đi quá nhiều hy vọng trong việc đáp ứng những ước muốn về quân sự của Churchill bốn năm về trước.

Chương 40

CHIẾN THẮNG Ở CHÂU ÂU VÀ THẤT BẠI Ở NƯỚC ANH

Với một khởi đầu không mấy vui vẻ, năm 1945 lại trở thành năm của những chiến thắng. Churchill đã viết: “Đây là một năm mới mẻ và có nhiều sự khác biệt”. Ngày 8 tháng 1, ông đã cân nhắc và viết cho Roosevelt một bức điện, với nỗi lo lắng: “Điểm cuối cùng của cuộc chiến này còn thảm hại hơn cả một sự kết thúc”. Điều làm ông lo lắng nhất chính là bối cảnh chính trị châu Âu, mặc dù bên cạnh có không ít các thế mạnh quân sự ngắn hạn khác. Bom bay V2 tiếp tục bay tới London. Lực lượng quân Mỹ, với quân số hao hụt khoảng 80 ngàn người vẫn có thể cầm chân được cuộc tấn công ở Ardennes. Nhưng để vượt qua quân Đức và chấm dứt những kháng cự cuối cùng của địch ở miền đông thì vẫn còn là một chặng đường dài trước mắt. Alexander đã bị nhấn chìm vào dòng nước lũ sôi sục. Thời tiết trở thành một cái gì đó thật kinh hoàng. Ngày 3 tháng 1, Churchill ghé thăm Eisenhower tại tổng hành dinh Versailles, sau đó đến gặp Montgomery ở Ghent, một chuyến hành trình bằng tàu hỏa chán ngắt xuyên qua những vùng đất phủ đầy tuyết trắng miền bắc nước Pháp. Montgomery đã có chút ít tác động tốt đến Churchill. Ba ngày sau, Montgomery đã nhanh chóng thông tin rộng rãi đến giới báo chí với một thái độ hết sức khoa trương. Việc này đã gây ra nhiều mối hiềm khích và Eisenhower e rằng sẽ không thể ra lệnh cho bất cứ ai dưới quyền Montgomery. Mặt trận duy nhất mà ông ta có thể đi qua một cách dễ dàng là chiến trường phía Đông. Quân Nga đã tràn qua miền nam vùng đất Hà Lan và trên đường tiến tới sông Oder. Nhưng điều đó không hề làm cho Churchill cảm thấy khả quan hơn chút nào.

Nỗi lo lắng ngự trị trong ông vẫn không thể nào dập tắt. Điều này đối với Churchill rất ít khi xảy ra. Vào tháng 1, khi ông thật sự tin rằng mình đã nắm được Roosevelt trong hội nghị sơ bộ hai bên ở Malta trước khi cả hai tiến hành kế hoạch cuộc gặp ở Yalta, ông đã gửi một bức điện tới tổng thống Mỹ: “Không gì có thể cản đường chúng ta. Từ Malta tới Yalta! Không ai có thể thay đổi”. Tuy vậy, ngay cả kế hoạch Malta cũng chỉ còn là đồng tro tàn, Churchill đã sốt cao và nằm bẹp suốt hai ngày trên tàu tuần dương Orion. Roosevelt chỉ ở lại trong một ngày và mặc dù Churchill đã cố lôi mình dậy để cùng dùng bữa với tổng thống Mỹ trên tàu tuần dương thì Roosevelt vẫn không chấp nhận bất kỳ ý kiến nào nữa về kế hoạch tiền Yalta.

Những thất bại và thành công cùng với tâm trạng thất vọng không bao giờ nằm ngoài cuộc chơi. Và nó lại có mối quan hệ thường trực với điểm cao trào vào nửa sau cuộc chiến. Trừ khi, có thể một lần nữa tổng thống Mỹ miễn cưỡng chấp nhận những vấn đề có tính nghiêm trọng như thế. Điều làm Churchill trở nên bối rối là những dấu hiệu sa sút trong việc kiểm soát nội bộ. Nguyên nhân chính có nguồn gốc từ thái độ bất mãn mà chính ông đã sử dụng nó để chỉ huy bộ máy chính phủ. Đã có nhiều lời bình phẩm về những cuộc họp kéo dài mà không hề đưa ra được bất kỳ quyết định dứt khoát nào, ông xem nó như những cuộc dạo chơi và chỉ là nơi để phô bày sự hiểu biết của mình. Alan Brooke và Alexander Cadogan, hai người có nhiệm vụ giúp ông lưu lại những trang nhật ký đã rất không vừa lòng với thái độ của Churchill. Nhưng họ, cũng như tất cả những người thân thiết bên cạnh Churchill, luôn dành cho ông một niềm tôn kính đặc biệt, vượt lên trên những lỗi lầm mà ông đã gây ra, mặc dù điều đó có thể làm họ phát điên.

Thời điểm này Churchill đã mất đi sự ủng hộ của các đồng sự trong chính phủ. Không chỉ do sự chậm trễ mà còn bởi ông hiếm khi thu thập thông tin từ báo chí, trừ khi đó là những tờ báo dành riêng cho Nội các. Và từ những vấn đề trên đã dẫn đến những sự việc nghiêm trọng. Ông lại có phần thiên về định kiến của những bạn đồng sự thân thiết, những nhân vật không tạo được sự tin tưởng

của tất cả mọi người. Beaverbrook, Bracken và Lindemann đều nằm trong số những nhân vật này và đặc biệt là Lord Cherwell, có thể xem như là người đầu tiên gây ra vụ đổ vỡ. Sự kiện này cộng với những lời chỉ trích thích đáng đã làm vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn, nó được mô tả hết sức sinh động trong nhật ký của Colville ngày 9 tháng 1:

Sau nửa đêm, khi Beaverbrook và Brendan (Bracken) đang hội ý trong phòng ngủ riêng tại dinh thủ tướng, với những ý đồ không mấy tốt đẹp (tôi nghĩ đó là mưu đồ chống đối Bevin, người mà thủ tướng ưa thích nhất trong số các thành viên thuộc Bộ Lao động). Anthony Eden đã xuất hiện như một cơn bão tố. Thời điểm đó, Lord Cherwell vừa mới nhận chức trong Bộ Ngoại giao, do chính thủ tướng đề cử. Và tại nơi đó, Eden đã xác nhận vấn đề thiếu lương thực của quân đội Anh ở châu Âu. Eden nói với tôi rằng ông sẽ từ chức nếu như ai đó tìm thấy bất kỳ ý kiến nào trong quan điểm của ông là không mang tính chuyên môn hoặc chỉ đơn thuần là lý thuyết suông. Đó là những vấn đề mà ông tâm huyết. Tôi chuyển điện thoại của Eden cho thủ tướng. Và thủ tướng đã giải quyết sự cố một cách rất thông thạo như với tư cách của một người cha...

Churchill có thể là một người cha tốt còn Eden lại là một người hết sức nóng tính. Mặc dù vậy, trong thực tế chưa bao giờ hai người có cùng quan điểm. Vấn đề của thủ tướng là làm sao khơi gợi những phản ứng từ các đồng sự quan trọng. Thật ra, đó là những nhân vật ông đã kể với Hopkins trong vòng hai tuần lễ qua là cặp đôi này “nếu vì lý do nào đó dẫn đến mâu thuẫn thì chính phủ sẽ sụp đổ”.

Tuy nhiên, nhân vật quan trọng hơn chính là Attlee, át chủ bài của ngày 29 tháng 1. Attlee không bao giờ gần gũi với Churchill, người đã không giới thiệu ông vào Other Club, và đây luôn là một bài sát hạch được đánh giá cao. Nhưng với vai trò lãnh đạo Công Đảng và là người thay mặt thủ tướng thực thi nhiệm vụ, ông đã thể hiện rất nhanh vai trò của mình khi thủ tướng có việc bận bộn

ngoài. Ông chính là nhân vật mấu chốt trong các liên kết chặt chẽ của chính phủ. Hơn nữa, nếu trong tương lai không bị lật đổ, Attlee có thể được đánh giá là một trong những thủ tướng thành công nhất thế kỷ 20. Vì vậy, chỉ có vài đối thủ cạnh tranh với Eden cho vị trí thấp nhất trong liên minh.

Hai đức tính đáng kể nhất của Attlee: Đầu tiên là ông rất kiệm lời, những bài nói chuyện và diễn văn của ông hết sức khô khan, không có chút gợi cảm nào, thứ hai là lòng trung thành tận tụy với tổ chức, dù đôi khi long trung thành này lấn át cả sức sáng tạo trong công việc của ông. Và tất nhiên đối với Attlee, tổ chức cũng bao hàm cả Churchill. Vì vậy, sẽ là một điều ngạc nhiên khi nhân vật này có thể tự tay mình ngồi viết một bức thư hơn hai ngàn từ với những lời lẽ phản đối phê bình Churchill. Ông viết với tất cả tâm huyết, gạt bỏ tất cả những vấn đề riêng tư. Những nhân vật được ông gửi thư sau này có thể dễ dàng nhận ra vô vàn dấu hoa thị ngẫu hứng và những dấu than với dụng ý làm sinh động thêm bài viết. Điều này có thể làm cho những bức thư sắp gửi có thể tăng hoặc giảm bớt sức mạnh. Nó cho thấy Attlee tránh né việc thể hiện cảm xúc thái quá lên những dòng chữ mình viết, ngay cả đó là những bức thư mang tính cá nhân. Ông muốn những dòng tin gửi đi sẽ đạt được mục đích nhưng không âm ỉ.

Với trình độ của Attlee thì những dòng tin ấy không thể nào thực sự ngắn gọn súc tích. Tuy nhiên sức tác động mà nó tạo ra cũng không vì thế mà suy giảm. Bức thư của Attlee đến tay Churchill vào Thứ bảy ngày 20 tháng 1. Colville thuật lại là ban đầu Churchill phản ứng rất dữ dội: Ông vạch đi vạch lại những câu chữ mĩa mai châm biếm, xem như đó là âm mưu của những kẻ hai mặt: Đây được xem như một minh chứng cho những hành động không thỏa đáng của những thành viên thuộc Đảng Bảo thủ trong Nội các. Cuối cùng vào Thứ hai, Churchill đã kiềm cơn giận và gửi cho Attlee một bức thư để thừa nhận vấn đề:

Kính chào ngài chủ tịch,

Tôi rất lấy làm cảm ơn vì lá thư mang tính riêng tư mà ngài đã gửi

tới tôi vào ngày 19 tháng 1. Ngài có thể chắc chắn một điều rằng tôi sẽ luôn thực hiện những lời khuyên có lợi nhất.

Chào thân mến,

W.S.C.

Nếu được hỏi liệu có bất kỳ sự thay đổi nào sau những việc làm táo bạo mà Attlee đã thực hiện thì câu trả lời rất hạn chế và sự ủng hộ chỉ là thái độ im lặng.

Trong quá trình quản lý chính phủ, quyết định mang tính tranh cãi nhiều nhất của Churchill chính là mở rộng vùng đất sẽ ném bom nhằm giúp thống chế không quân Harris trong trận chiến ở Berlin và một số thành phố lân cận. Quyết định này được đưa ra vào cuối tháng 11 dựa trên nền tảng lòng tin vào khi năng rút ngắn cuộc chiến. Điều này sẽ dẫn đến việc xóa sạch Dresden trong hai ngày 13 và 14 tháng 2. Tuy nhiên sẽ là sai lầm nếu đổ toàn bộ trách nhiệm cho Harris. Ngày 28 tháng 3, Churchill viết cho tổng tham mưu trưởng: “Nếu không làm được điều đó, chúng ta sẽ tiến tới kiểm soát toàn bộ vùng đất nằm trong đồng cỏ nát... Việc phá hủy Dresden vẫn còn là một lời chất vấn đáng sợ đối với các nước Đồng minh về hành động ném bom”.

Sự kiện tiếp theo là hội nghị Yalta diễn ra vào giữa thời gian từ ngày 5 đến 11 tháng 2, khiến Churchill phải vắng mặt ở Anh trong ba tuần lễ. Ít nhất thì đây cũng là thành công cao nhất trong giai đoạn chiến tranh. Vì những lý do nào đó mà mỗi ràng buộc bộ ba (ba nước), đối với yêu cầu cần thiết đánh bại cỗ máy chiến tranh Đức hùng mạnh, nhiều khi lại tỏ ra lỏng lẻo, làm suy yếu sức mạnh đoàn kết tập thể. Roosevelt vốn dĩ trước đây đã có vài dấu hiệu suy giảm sức khỏe, hiện tại dấu hiệu đó càng thêm rõ ràng và xuất hiện nhiều triệu chứng mới. Điều đó đã làm giảm năng lực của ông cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông không thể tham dự cả sáu ngày diễn ra tranh luận. Ông chỉ hứng thú với một chi tiết lặp đi lặp lại áp dụng cho Teheran và quan điểm đa dạng kiểu hai bên cả Đông và Tây của Churchill.

Hai vấn đề chiếm ưu thế trong hội nghị Yalta, thứ nhất là đề mục trước đây còn gây tranh cãi trong hội nghị sơ bộ ở Dumbarton Oaks (Washington) về việc thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc. Có một vài ý kiến được đưa ra, mặc dù đề mục trọng tâm là liệu Hội đồng Bảo an có đủ thế lực để giải quyết những vấn đề gây tranh cãi trong các thành viên thường trực. Những thỏa thuận, thông thường trong trường hợp đạt được sự đồng thuận cao nhất, mỗi bên phải mất khoảng một tháng, điều này đã gây ra cuộc khủng hoảng trước thềm hội nghị San Francisco. Vào thời điểm đó, những đề mục có vẻ dễ dàng hơn, không trầm trọng như những nghi thức của hội nghị Yalta.

Vấn đề thứ hai là những câu chuyện dài dòng và thiếu tính thuyết phục về vùng đất Hà Lan. Nó nhận được rất nhiều sự quan tâm từ phía Churchill, Roosevelt thì có phần coi nhẹ hơn.

Sau khi kết thúc hội nghị Yalta, phái đoàn Anh đã dành hai ngày nghỉ ngơi ở Franconia sau đó bay đến Athens. Câu trả lời không phải hoàn toàn tồi tệ, thành phố đã có vẻ khá ổn định hơn so với thời điểm sáu tuần trước. Churchill đã có thể dạo quanh thành phố trên một chiếc mui trần chứ không phải một chiếc xe tăng bọc sắt như trong dịp lễ Giáng sinh. Sau đó, ông đến Alexandria, chào tạm biệt Roosevelt sau khi cùng dùng bữa trưa trên tàu tuần dương *USS Quincy* vào ngày 15 tháng 2. Sau đó cả hai người không bao giờ còn có dịp gặp lại nhau.

Churchill trở về Anh vào ngày 19 tháng 2 sau chuyến bay kéo dài gần 14 tiếng đồng hồ. Di chuyển bằng đường hàng không được xem là một trong số những phương tiện hiện đại và thuận tiện nhất trong giai đoạn nửa sau thế kỷ 20. Tuy vậy, chiếc *Sky master* chở thủ tướng vẫn bị chệch đường do sương mù ở Northolt, là nơi tổ chức tiệc chào đón trong đó có cả Clementine Churchill đang đợi để đến Lyneham ở Wiltshire. Cuối cùng, nơi hẹn gặp được sắp xếp ở khách sạn đối diện nhà ga Reading. Tại đây, khi Clementine đến, Churchill đang vui vẻ uống whisky và soda. Bà hình dung mình sẽ gặp một người mạnh mẽ hơn rất nhiều so với lúc ông ra đi thử sức với những phiên họp cực kỳ khó khăn. Hai người dùng bữa với nhà vua và hoàng hậu. Churchill đánh giá rất cao chuyến đi

cùng với những cuộc họp, hầu như không phụ thuộc vào mục đích cũng như nội dung và kết quả, một chuyến đi đem lại ích lợi nhiều hơn là sự mệt mỏi.

Yalta là chuyến tham quan ra nước ngoài cuối cùng của ông trong giai đoạn chiến tranh. Từ ngày 23 - 26 tháng 3, ông đi cùng Montgomery trong trận đánh mạo hiểm cuối cùng ở lãnh thổ phía tây, nhưng chỉ mất khoảng 2 giờ bay từ London. Câu hỏi đặt ra lúc này là tại sao một nhà ngoại giao lỗi lạc như Churchill lại không đến dự đám tang của Roosevelt sau cái chết đột ngột của ông ta vào ngày 1 tháng 4. Đám tang diễn ra một phần tại Nhà Trắng vào Thứ bảy ngày 14 tháng 4 và một phần nghi thức thực hiện ở Hyde Park vào ngày 15, Chủ nhật. Với Churchill, cả hai nơi đặt bia mộ đều có mối liên hệ với Roosevelt. Có rất nhiều thời gian để ông đi đến cả hai nơi này, đó là những ngày trong tuần rảnh rỗi không phải chạy đua với công việc. Phản ứng đầu tiên của ông là sẽ bay ngay vào tối Thứ sáu và dự định này vẫn nằm trong kế hoạch, chuyến đi sẽ được thực hiện lúc 8g30 tối.

Nhưng tại sao dự định này lại không được thực hiện? Trong ngày ông nhận được điện báo từ Halifax nói rằng cả Harry Hopkin và Edward Stettinius (trong vai trò bộ trưởng mới), hai nhân vật theo như ông nghĩ, đều có khả năng thực hiện tốt công việc. Sau đó Truman, tân tổng thống Mỹ, đã hỏi ông: “Ông có biết cá nhân ông có tầm quan trọng lớn lao như thế nào nếu như có cơ hội gặp mặt tôi càng sớm càng tốt...”. Điều này ắt hẳn đã tăng cường khao khát của Churchill. Ông thay đổi ý kiến, và quyết định rằng Eden, vốn đang trên đường đến dự hội nghị San Francisco, sẽ thay ông làm việc này. Và ông đã viết một trong những bức thư kém tính thuyết phục nhất từ trước tới nay gửi nhà vua để giải thích lý do ông không đến:

Trong những ngày này, tôi bị tác động không thể đến dự đám tang tổng thống Roosevelt được vì phải suy nghĩ về mối quan hệ với người đương nhiệm mới. Tuy nhiên, tất cả các bộ trưởng của tôi đều vắng mặt. Do vậy, dù thế nào đi nữa, ngoại trưởng cũng phải sắp xếp để làm công

việc này. Tôi cảm thấy những nghi thức (chủ yếu thực hiện ở Nhà thờ St. Paul) liên quan tới đám tang của tổng thống Roosevelt diễn ra vào tuần sau là những công việc vô cùng quan trọng. Vì vậy, tôi cảm thấy mình sẽ không hoàn thành hết trách nhiệm nếu như rời bỏ Nghị viện vào lúc này mà không mảy may bận tâm. Tôi phải cân nhắc kỹ về những lời điều trần gửi tới ngài tổng thống quá cố và rõ ràng việc này nằm trong phận sự của cá nhân tôi (lời điều trần được đọc tại Nghị viện vào chiều Thứ ba ngày 17 tháng 4). Áp lực công việc là cực kỳ to lớn. Vì vậy tôi nghĩ tốt hơn hết mình nên ở lại đây dự phòng những trường hợp bất trắc trong giờ phút chuyển giao quan trọng.

Tất nhiên, Churchill phải trả giá cho quyết định có phần tiêu cực của mình. Điều này không mấy ảnh hưởng tới danh tiếng của ông trước dư luận ở cả Anh và Mỹ, nhưng nó cũng không giúp ông cải thiện vị trí của mình. Dường như mọi người rất ngạc nhiên về sự vắng mặt của ông và ông cũng phải trả giá vì không giành được vị thế cân bằng trong mối quan hệ với Truman. Truman là một tổng thống mới và trong những giai đoạn như thế sẽ rất dễ bị tác động. Hơn nữa, ông ta còn có sự ngưỡng mộ tinh thần nghĩa hiệp của Churchill. Churchill còn phải nhận một “quả phạt đền”, ít nhất nó cũng xảy ra trong chính đám tang của ông, gần hai mươi năm sau, tổng thống Mỹ Johnson cũng không đến dự.

Trước cái chết của Roosevelt, cuộc chiến tranh chống Đức gần như hoàn tất. Sự kháng cự của Đức hết sức mong manh khi quân Đồng minh vượt qua sông Rhine. Ngày 17 tháng 4, Montgomery báo cáo 5.180 quân đã tử nạn trong hai tháng trước và đội quân của Alexander hiện còn ở bên ngoài Bologna. Nhưng từ giữa tháng 4, sự suy sụp của phe Trục ngày càng trầm trọng và kết thúc đã gần kề. Chiến thắng đã nằm trong tay nhưng cách bố trí của quân Đồng minh nhằm đạt được điều đó không như những gì mà Churchill mong đợi. Từ lâu, ông ao ước được lái xe xuyên qua đèo Ljubljana để đến Vienna. Nhưng khi quân đội Liên Xô chiếm đóng thủ đô nước Áo vào ngày 13 tháng 4, lúc đó lực lượng liên quân Anh - Mỹ vẫn còn cách tới 500 dặm.

Tối ngày 24 tháng 4, hy vọng của ông muốn được đến nơi này đã không còn nữa. Điều quan trọng nhất, trên hết vẫn là Berlin. Ông mong rằng quân Đồng minh ít nhất phải chung sức với Nga vượt qua được đồng đồ nát của Đế chế Hitler. Nhưng ông không thể làm lung lay những người Mỹ với quan điểm chính trị của họ.

Tinh thần của Churchill không thật sự tốt trong thời điểm giành chiến thắng. Không chỉ vì lý do ông thức rất khuya mà ông còn có chiều hướng phải thường xuyên “làm việc trên giường” cho tới chiều tối, phải ăn trưa một mình, đối với ông đây là một dấu hiệu không tốt. Điều kiện thể chất của ông rất tồi tệ như một người 70 tuổi cộng với những suy kiệt và áp lực mà ông đã phải trải qua. Ông nói theo cách như tự kê khai: “Lúc này tôi thực sự mệt mỏi và thể trạng yếu đến nỗi tôi phải nhờ Marrine nhắc lên cầu thang bằng một chiếc ghế tại cuộc họp Nội các do Annex chủ trì”. Tình trạng ốm yếu này hoàn toàn ngược với quyết tâm bùng nổ của ông đối với trọng trách cộng đồng. Vào ngày châu Âu giành chiến thắng, ông đã dùng bữa trưa với nhà vua, rồi tuyên bố chiến thắng trên đài phát thanh lúc 3g00. Lời khẳng định này được lặp lại vào 3g30 tại Nghị viện. Ông còn dẫn đầu đoàn người đến nhà thờ St Margaret để làm lễ Tạ ơn. Sau khi trở về và tận hưởng những giây phút hạnh phúc bên làn khói thuốc, ông lại dẫn đầu toàn bộ Nội các và bộ tổng tham mưu đến Điện Buckingham dự lễ ăn mừng cùng hoàng gia. Ông phát biểu trước đám đông lớn trên ban công của Bộ Y tế, thuộc tầng dưới cùng tòa nhà chính phủ Anh. Ông dùng bữa trưa với hai con gái Sarah và Diana (cùng chồng), cộng thêm Duncan Sandys và Lord Camrose, sau đó cũng ở văn phòng chính phủ Anh, ông lại có thêm một bài nói chuyện khác nữa trước rất đông người tham dự. Hôm sau, ông trở về nhà số 10 phố Downing để đọc tin tức đăng trên các báo ra vào buổi sáng, trong số đó tờ *Daily Telegraph* hết sức hoan nghênh những hành động của ông, nhưng tờ *Daily Mail* lại không mấy tán thành. Sự mệt mỏi dường như đã không còn khi ông tham gia các hoạt động xã hội như đang được trở về với quá khứ huy hoàng. Ngày 2 tháng 5 ông dùng bữa với Noel Coward và hai người bạn gái đã lâu không gặp, Venetia

Montagu và Juliet Duff, ông về lại số 10 phố Downing lúc 1g30 sáng.

Viễn cảnh trước mắt đã đẩy lên trong Churchill một cảm giác không rõ ràng. Nhìn chung ông từng rất tự hào về liên minh chính trị diễn ra trong giai đoạn năm năm trước đây, với cương vị lãnh đạo đã tạo dựng cho Churchill một trong những hình tượng chính khách tuyệt vời nhất trong lịch sử thế kỷ 20. Tính cách hơi có phần kỳ quái của ông đôi khi cũng gây nên một vài lời chỉ trích châm biếm khi ở cương vị này. Ngày 24 tháng 9, sau cái chết của nhân vật đứng đầu Bộ Ngân khố Anh, Kingsley Wood, tình hình đặt ra là nhất thiết phải có một cuộc cải tổ trong Nội các. Điều này đã được ghi lại bằng những dòng nhật ký chua chát của Cadogan về cuộc nói chuyện của Churchill với Anthony Eden: “Ngoại trừ ông và tôi, đây có thể xem là một trong những chính phủ tồi tệ nhất trong lịch sử Anh”. Ở hướng nhìn nhận cực đoan khác, ông viết trong tập sách năm 1954 về những hồi ức chiến tranh với ba cuộc bầu cử khó khăn mà ông đã ra sức tranh đấu trong Công Đảng (nhưng ông đã thua hai trong số đó): “Không thủ tướng nào có thể mong ước có được những cộng sự trung thành và kiên định hơn những con người mà tôi đã tìm được trong Công Đảng”, có thể lời nhận xét đánh giá xác thực nhất lại được thể hiện trong bức thư ông gửi cho Smuts vào ngày 3 - 9 - 1944. Ông viết: “Tôi đang chờ đợi những ngày u tối của cuộc tổng tuyển cử, một sự kiện mà trước đó nhiều tháng đã làm phá hủy một chính phủ Anh có năng lực nhất từ trước tới nay”.

Lòng trung thành với đảng tiếp tục được phát huy. Đầu mùa xuân, chính Churchill đã thực hiện sự khởi đầu bằng bài phát biểu trước Đảng Bảo thủ trong hội nghị diễn ra vào ngày 15 tháng 3. Đây là hành động báo trước nhiều tranh cãi sắp sửa diễn ra nhằm san bằng chế độ chuyên chế vừa chớm nở, ngang với những chương trình sắp đặt của Công Đảng. Điều này hiển nhiên sẽ làm biến dạng cuộc bình luận về Gestapo sắp tới trên đài phát thanh của ông diễn ra vào ngày 4 tháng 6 tới. Ông còn xúi giục Ernest Bevin, một bộ trưởng Công Đảng mà ông hết sức yêu mến, gửi tới hội nghị liên minh thương mại ngày 9 tháng 3 một bức thư từ chối việc chỉnh sửa điều luật tranh chấp thương mại năm 1927.

Điều luật này nhận được rất nhiều ý kiến từ các thành viên trong Công Đảng, kể cả các nhân vật ôn hòa, được xem như hành động trả đũa cho cuộc tổng đình công năm 1926. Nó mang ý nghĩa tượng trưng hơn là vật chất. Nhưng thái độ thù địch của Churchill đã trở thành một hành động tốt đẹp giúp kích động bài nói chuyện của Bevin, một bài diễn văn mà theo như Churchill mô tả là “rất không thân thiện” (đối với Đảng Bảo thủ). Có quá nhiều dấu hiệu cho thấy điều này. Churchill chào đón sự việc với nhiều cảm giác xen lẫn nhau. Đây luôn là một phần phức tạp trong con người của ông, mặc dù bình thường ông là một người rất nhất quán, rất trung thành với đảng chính trị mà mình đã gia nhập.

Churchill không mấy nhiệt tình về cuộc tổng tuyển cử mùa hè 1945. Ông muốn giữ lại các bộ trưởng thuộc Công Đảng trong bộ máy chính phủ cho tới khi cuộc chiến chống Nhật giành chiến thắng. Và những nhân vật này cũng muốn ở lại cho tới tháng 10 khi cuộc đăng ký bầu cử mới diễn ra. Nhưng các bộ trưởng trong Đảng Bảo thủ và các chiến lược gia trong văn phòng bầu cử quốc gia không muốn điều này. Sẽ không đúng nếu như nói các thành viên trong Đảng Bảo thủ muốn tạo nên một bộ máy điều hành nhạt nhẽo và không mấy tốt đẹp. Nhìn chung, Công Đảng cũng không mấy tích cực trong cuộc bầu cử này. Còn Đảng Bảo thủ thì có nhiều biểu hiện tích cực hơn. Nhưng trên hết, những người này chỉ muốn hưởng lợi từ những tấm séc của đông đảo quần chúng yêu mến Churchill. Vì vậy, Churchill đã thuyết phục Công Đảng một lựa chọn hoặc ở lại cho tới khi kết thúc cuộc chiến chống Nhật hoặc ngay lập tức phá bỏ luôn liên minh hợp tác.

Ngày 18 tháng 5, Attlee chạm trán với Churchill sau khi trở về từ hội nghị ở San Francisco. Ông ta đã hỏi ý kiến Churchill trong bức thư đề xuất vấn đề tiếp tục duy trì khối liên minh cho tới khi Nhật Bản đầu hàng, cam kết việc chính phủ liên minh lâm thời sẽ nỗ lực giữ vững nền an sinh xã hội cùng với kế hoạch bảo đảm chính sách việc làm toàn diện. Churchill chấp nhận đề nghị này, cũng có nghĩa là Attlee phải ủng hộ việc Công Đảng nắm quyền điều hành chính phủ. Nhưng hai ngày sau khi Attlee đến Blackpool, nơi tổ chức cuộc họp các đảng,

Churchill nhận thấy ý kiến của Attlee hoàn toàn trái ngược. Morrison không tán thành việc duy trì này, còn Bevin và Dalton, hai nhân vật trước đây có chiều hướng ủng hộ nhưng sau đó bị lung lay khiến thủ tướng cảm thấy mình như đang bị chơi xỏ. Thực chất có sự khác biệt trong quan điểm của các nhà lãnh đạo. Churchill tin rằng một nhà lãnh đạo cần phải có tầm ảnh hưởng lớn, bao quát rộng khắp và Attlee cho rằng mình chính là đại diện cho những khả năng đó.

Sự chia rẽ này đã gây nên nhiều vấn đề có phần gay gắt. Có thể nó không tạo nên những chia rẽ cá nhân cũng nhưng đã gây ra những mâu thuẫn nhỏ về các sai lầm mắc phải đồng thời gợi nhớ về những tình cảm tốt đẹp một thời. Ngày 21 tháng 4, sau khi thực hiện điều khoản bảo lưu mở, Churchill với vai trò hiệu trưởng danh dự của trường đại học địa phương đã đưa Ernest Bevin và A. V. Alexander đến Đại học Bristol, cấp cho họ bằng khen danh dự của trường. Ngày 28 tháng 5, năm ngày sau khi miễn cưỡng nhận chức thủ tướng liên minh và nhận mệnh lệnh của nhà vua thiết lập “kẻ bảo hộ” chính quyền bảo thủ, Churchill tổ chức một buổi tiệc liên hoan ở phố Downing để chia tay các bộ trưởng trong Công Đảng và các thư ký dưới quyền. Hugh Dalton miêu tả “những giọt nước mắt đã lăn dài trên hai gò má của ông”. Churchill khẳng định: “Vầng hào quang lịch sử sẽ luôn chiếu sáng trên đỉnh đầu của tất cả các bạn”.

Chính xác là một tuần sau đó, Churchill đã có một bài nói chuyện mang tính đảng phái nhất từ trước tới nay. Và theo như quan điểm của đại đa số, đây có thể được xem như một bài diễn văn thiếu tính đánh giá nhất trong số những bài nói nổi tiếng của ông. Cuộc bầu cử năm 1945 hơn lúc nào hết chính là một cuộc chiến trong giới truyền thông. Tất nhiên tivi lúc này chưa phải là phương tiện truyền thông rộng rãi, nên đại đa số người dân đều lắng nghe qua radio. Và trong những năm chiến tranh mọi người đã quen với việc theo dõi radio, lắng nghe những thông tin có tính xác thực và đáng tin cậy nhất về những việc tốt và không tốt đang diễn ra xung quanh họ trong cuộc sống hàng ngày. Trong suốt tháng 6, tin tức mỗi đêm đều thể hiện sự cân bằng giữa một loạt các đảng phái chính trị. Bản thân Churchill quyết định bốn trong số mười thành viên của Đảng Bảo thủ

bao gồm cả bộ trưởng thứ nhất và cuối cùng. Sáu bộ trưởng còn lại, trong đó có cả John Anderson, nhân vật trên danh nghĩa không nằm trong đảng và Lord Woolton, mỗi người đều có một phần. Bracken chứ không phải Beaverbrook được nằm trong danh sách. Công Đảng đã thông báo rộng khắp những phân bố trong Đảng. Attlee chỉ nhận một vị trí nhưng có lẽ đó là việc làm hiệu quả nhất ông đã thực hiện được cho tới ngày nay.

Trong các ngày cuối tuần từ 1 đến 3 tháng 6 tại Chequers, Churchill bận chuẩn bị bài nói chuyện trên đài phát thanh sẽ gửi vào Thứ hai. Cả hai nhân vật Beaverbrook lẫn Bracken đều không có mặt hoặc dính líu gì tới bài viết này. Tuy nhiên tác động tích lũy từ hai nhân vật ấy trong khoảng thời gian cùng làm việc đã có chút gì đó tác động đến lập trường của ông trong cuộc vận động cử tri. Nhưng phong cách viết vẫn là thành quả của chính Churchill. Khi bài viết hoàn thành, ông đưa nó cho Clementine xem qua. Theo như trong tiểu sử của con gái bà viết, bà đã không đồng ý với cách viết của ông. Nhưng ông đã không nghe lời Clementine.

Tác động tức thời của chương trình Phát thanh được truyền đi rộng rãi đã làm Attlee trở thành người dẫn đầu chiến dịch tranh cử. Tại hội nghị Blackpool, chỉ hai tuần trước đó, ông ta vẫn còn lu mờ trước tài nói chuyện của Morrison, Bevin và Dalton. Attlee chưa bao giờ là một nhân vật xuất sắc trước công chúng và vẫn còn rất nhiều người trong Công Đảng nghi ngờ về khả năng lãnh đạo của ông. Tuy nhiên ông lại có rất nhiều khán thính giả quần chúng, những người thường lắng nghe phát biểu của các chính trị gia trên đài BBC. Điều này là một thuận lợi cho Attlee vì khán thính giả đã trở thành những người kiên nhẫn biết chấp nhận lắng nghe bài diễn thuyết lịch sử đầy chấp nôi của một diễn giả trong chiến dịch tranh cử. Kể từ đó, ông đã có thể vận dụng cuộc tranh cử với một uy quyền mới. Churchill đã làm một điều mà đáng ra phải hạn chế hết mức. Thay vì hạn chế Attlee ông đã tạo điều kiện cho đối thủ.

Điều này cũng đúng trong một chiến dịch tranh cử khác của Churchill, thể hiện trong những lần thư từ qua lại không dứt giữa ông với Attlee bàn về vấn đề

liệu Công Đảng có nên hay không nằm dưới quyền kiểm soát của giáo sư Harold Laski và Hội đồng điều hành quốc gia “mang phong cách đa tổ chức” của chính nhân vật này. Trong năm đó Laski giữ chiếc ghế chủ tịch Công Đảng và dưới con mắt của các thành viên Đảng Bảo thủ ông là một tay hù dọa có tài. Trong hoàn cảnh lúc đó ông luôn có hành động khiêu khích, cho rằng việc Attlee tháp tùng Churchill tham dự hội nghị ba bên diễn ra tại Potsdam vào tháng 6 thực ra chỉ với vai trò “quan sát viên” và chủ yếu là 3 nhằm vào phá hoại chiếc ghế lãnh đạo của ông. Attlee đã có những phản ứng hết sức mạnh mẽ với con người này. Khi nhận được bức thư ngày 24 tháng 5 từ Laski xúi giục ông rời bỏ vị trí lãnh đạo, ông đã đáp trả: “Rất cảm ơn vì lá thư ông gửi cho tôi. Chúng tôi sẽ xem xét kỹ nội dung viết trong đó”. Trong một dịp khác cũng không lâu sau đó, Attlee còn gửi tới ông này những lời quở trách được xem như “bất hủ”: “Lúc này một thái độ im lặng từ phía ông là một hành động rất đáng được hoan nghênh”.

Việc làm này trong chiến dịch tranh cử của Churchill không đem lại kết quả đáng kể. Đa số dân chúng không hiểu điều ông sắp sửa làm và ông tạo cho mọi người một cảm giác giống như ông đang nhai đi nhai lại những điều không thể xảy ra. Bộ máy của Công Đảng cho tới đảng lãnh đạo đều bối rối và đầy rẫy những hiểm họa tiềm tàng bên trong. Tuy nhiên, trong quan điểm đó vẫn có những nền tảng giá trị pháp lý. Nó cũng gây ra những khó khăn đáng kể cho cả Hugh Gaitskell khi ông đứng trên vai trò lãnh đạo phe đối lập và Harold Wilson khi lãnh đạo chính phủ.

Mặc dù có sai sót và thất bại trong chiến dịch tranh cử, Churchill vẫn không quá lo lắng về kết quả đạt được. Ông tin tưởng rằng sẽ hết sức mạo hiểm khi đất nước trao vận mệnh của mình sau cuộc chiến vào tay Attlee, hơn là vào tay ông. Những nhà chuyên môn của đảng bảo đảm với Churchill ông sẽ chiếm đa số ít nhất là 60%. Ông nghĩ nếu như Roosevelt giành chiến thắng trong bốn lần bỏ phiếu thì ít nhất ông cũng thắng được một lần. Và những hoạt động ông đang làm đều có vẻ khích lệ ông. Nhiều đám đông xếp thành hàng dài hai bên đường chào đón mỗi khi ông đi ngang qua, việc ông tới thăm trung tâm thành phố đã

trở thành một sự kiện trọng đại. Ngược lại, Attlee cùng vợ đã tự cầm lái đến dự hết cuộc họp mặt này đến buổi gặp gỡ khác mà không hề có một người nào đồng hành trong suốt chuyến đi.

Churchill đã chiến đấu hết sức mình trên mặt đất cũng như trên không trung. Đó là cách ông đã được dạy để trở thành một nhà vận động bầu cử từ khi còn là một chàng trai trẻ, và không có gì khiến ông thay đổi cách nhìn nhận của mình. Công Đảng và Đảng Tự do không hề có thái độ chống lại ông trong khu vực bầu cử của riêng mình. (Epping được chia làm hai phần và ông đã chọn khu vực đông dân cư hơn. Đảng Bảo thủ được đổi một phần ở Woodford). Nhưng việc làm này không hề cản trở ông thực hiện những cuộc hành trình ngoài trời đến London, gửi các bài nói chuyện mang đầy tính chiến đấu của ông đến các cử tri của cả hai đối thủ Ernest Bevin và Herbert Morrison. Tại ngôi nhà Limehouse của Attlee không thể nào có đủ lực lượng và sức kháng cự để gây khó khăn cho cuộc viếng thăm này.

Trong suốt chiến dịch tranh cử, áp lực của các công việc tại văn phòng vẫn là một gánh nặng rất lớn đối với Churchill. Eden bị bệnh loét tá tràng và ông chỉ có thể thực hiện trọn vẹn một thỏa thuận bầu cử (đó là một buổi phát thanh khá đặc biệt vào ngày 27 tháng 6). Điều này có nghĩa là Churchill phải đảm trách thêm gánh nặng của Bộ Ngoại giao trong nhiệm kỳ của một thủ tướng và là nhà lãnh đạo Đảng trong suốt thời gian diễn ra bầu cử. Ông viết trong hồi ký:

Những ngày này trôi qua với những tiếng kêu la hò hét của đám đông. Và khi đêm đến, mọi thứ trở nên mệt mỏi. Tôi trở về với con tàu chỉ huy của mình, nơi cả hội đồng và những bức điện tín mới đến đang chờ đợi. Tôi phải tiếp tục công việc khổ nhọc thêm nhiều giờ nữa. Những phi lý của tình trạng kích động và ồn ào vô căn cứ trong đảng luôn ám ảnh đầu óc tôi. Thật sự tôi cảm thấy vui mừng vì cuối cùng những ngày tranh cử cũng đã đến.

Công việc chính của chính phủ là chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ quan trọng của

bộ ba (Mỹ, Anh và Nga) tại Potsdam, bắt đầu vào ngày 5 tháng 7. Ông bay tới Berlin để đến Potsdam vào ngày 15 tháng 7. Những người tham gia ngoài Eden còn có Attlee, một nhân vật mà những lời bẻ lái của ông về Laski trong trường hợp này rõ ràng thể hiện vai trò “người quan sát” hơn là một thành viên tham gia chính thức. Hội nghị Potsdam từ quan điểm của Churchill rất thích hợp với mật danh Terminal (cuối cùng), là một hội nghị dài nhất từ trước tới giờ trong số các hội nghị cấp cao. Churchill, ngay cả khi Attlee phải trở về London vì vấn đề kiểm phiếu) thì riêng ông vẫn có thể tham gia trọn vẹn 9 phiên họp kéo dài trong chín ngày. Và khi Attlee, cùng với Ernest Bevin, ngoại trưởng mới quay lại Potsdam vào ngày 28 tháng 7 với tư cách dẫn đầu phái đoàn Anh, hội nghị vẫn còn tiếp tục thêm năm ngày nữa.

Eden cho rằng cách thể hiện cởi mở của Churchill đã bị hạn chế:

Churchill đang trong tình trạng không tốt. Những thứ ông đọc không hề có dàn ý, vô cùng rối rắm, mơ hồ và hết sức dài dòng.... Alec [Cadogan] và tôi và Bob [Pierson Dixon] chưa bao giờ thấy W. như thế... Một lần nữa ông lại bị dính bùa mê của Stalin. Ông ấy luôn miệng: “Tôi thích con người ấy và tôi rất hâm mộ những gì ông ấy làm”.

Dù có hay không, những điều này cũng rất đáng nghi ngờ. Trước thềm hội nghị Potsdam, các cuộc gặp gỡ cấp cao luôn có một sự đơn điệu đáng sợ. Cảm giác này không giống như khi ta xem một cuốn phim hay nhiều lần. Churchill cố gắng tiến hành một cuộc họp sơ bộ nhằm phát huy vị thế bình thường trước đây của Anh đối với Mỹ. Và dù cho người ông phải đối mặt là Roosevelt hay Truman, đây vẫn là một sự đánh bại một cách nhẹ nhàng trên mặt đất. Nhưng sức mạnh của ông (mặc dù khởi đầu không mấy tốt ở hội nghị Potsdam) và những bài trình diễn tuyệt vời ông thực hiện tại hội nghị đã giúp ông sớm lấy lại tinh thần. Và nó còn được tăng cường nhờ những khoảng thời gian dài cùng Stalin. Họ đã có một bữa trưa kéo dài 5 giờ đồng hồ cùng nhau ở Potsdam, nếu

không kể đến người thông dịch đi cùng, và một mối quan hệ đặc biệt nữa sẽ được sớm tái thiết lập. Cuối cùng một thông cáo chung với một số tiến bộ đã đi đến thỏa thuận và tiến trình thực hiện sẽ được triển khai trong hai tháng tới.

Churchill trở về London vào chiều Thứ tư ngày 25 tháng 7, vẫn có rất ít hy vọng về chiến thắng trong cuộc bầu cử. Nếu nói rằng tâm trạng của ông lúc này vẫn bình tĩnh thì không hề chính xác. Ông đã đưa ra không ít những lời đề nghị không mấy rõ ràng, chủ yếu thông qua những cú điện thoại tới London để nhận được những lời bảo đảm khi còn ở Potsdam. Attlee, luôn có mặt ngay lập tức nhưng Churchill không hề tham khảo ý kiến của ông ta vì ông ta có thể sẽ đưa ra những ý kiến sai lầm. Nhà lãnh đạo Công Đảng chắc chắn mình đã thất bại và Churchill đã thẳng mặc dù vẫn còn một giới hạn kha khá, khoảng 60 ghế. Lord Moran rất chắc chắn về sự trở về của Churchill nên ông vẫn để tất cả hành lý tại Potsdam.

Churchill dùng bữa trưa vào chiều tối tại số 10 phố Downing, cùng với Clementine, Randolph, Mary và em trai ông là Jack Churchill. Hai nhân vật không thể thiếu là Beaverbrook và Bracken cũng ghé qua. Ông lên giường và đi ngủ lúc 1g15, đối với ông là hơi sớm. Sau đó ông viết lại: “Ngay trước bình minh, đột nhiên tôi thức dậy. Người rất đau như bị một vết dao sắc đâm thẳng vào. Cho tới giờ phút này, những lời cáo buộc trong tiềm thức vẫn dần vọt và lấn át mọi thứ trong đầu tôi”. Tuy nhiên suy nghĩ cũng chỉ làm ông trở mình và ông lại nhanh chóng đi vào giấc ngủ. Ông thức dậy lúc 9 giờ, cho tới thời điểm đó, thùng phiếu đã tới lúc được công khai, khi những kết quả đầu tiên đến, ông vẫn còn nằm trên giường hoặc cũng có thể đang tắm cho tới tận sau 10 giờ sáng. Trước 10g30, kết quả cuối cùng đã rõ ràng. Tác động vượt trội của truyền thanh đã giúp phổ biến tin tức khắp đất nước.

Churchill khoác lên người bộ trang phục màu tối, đốt một điếu xì gà và đó phục xuống chiếc ghế bành ở phòng làm việc. Một bức tranh ảm đạm. Ông thất bại nhưng cũng cần có thời gian để nhận biết được rõ ràng phạm vi thất bại. Đây là một thất bại quá lớn, một trong những kết thúc thê thảm nhất trong số ba lần

thất bại của Đảng Bảo thủ trong thế kỷ 20. Số ghế của đảng giảm xuống còn 210 ghế. Trong cả ba trường hợp đều là những kẻ thách thức bên cánh tả, trường hợp đầu tiên là Đảng Tự do, trong hai trường hợp còn lại là Công Đảng, giành chiến thắng với gần 400 ghế. Nguyên nhân do trong năm 1945, Đảng Bảo thủ đã giữ nhiều hơn 50 ghế trong Nghị viện so với hai trường hợp còn lại. Không có bất kỳ một áp lực của đảng thứ ba nào có thể so sánh với Công Đảng năm 1906 hoặc Đảng Dân chủ Tự do năm 1997.

Ngày 26 - 7 - 1945, không có một suy nghĩ nào có thể an ủi ông. Về hình thức bên ngoài, với những thất bại, ông vẫn cư xử không chê vào đâu được. Buổi ăn trưa hôm đó, chủ yếu chỉ trong nội bộ gia đình. Mary Churchill kể lại nó giống như có một bầu không khí u ám đang bao trùm tất cả. Khi Clementine cố gắng nói với ông kết quả này cũng không đến nỗi tồi, có khi trong cái rủi lại có cái may, thì vẫn với vẻ hài hước thường ngày, ông trả lời: “Vào lúc này, tốt hơn hết là nên lừa dối”. Những vị khách ngoài cuộc như Beaverbrook và Bracken cũng vô cùng ngạc nhiên.

Sau bữa trưa, Lascelles, thư ký riêng của nhà vua, yêu cầu thảo luận một sự sắp xếp về thay đổi trong chính phủ, quyết định Churchill sẽ đến cung điện và từ chức vào lúc 7 giờ chiều. Điều này liên quan đến một thay đổi trong kế hoạch theo như suy nghĩ trước đó của ông, bất kể kết quả cuối cùng có như thế nào, ông cũng sẽ gặp mặt các thành viên trong Nghị viện với tư cách thủ tướng. Sự đứt khoát trong thái độ của đa số Công Đảng đã khiến cho điều này không còn phù hợp. Sau này, ông có viết một bức thư rất nhã nhặn gửi tới Attlee thông báo cho ông ta lịch trình làm việc. Tại lễ từ chức, hẳn là vì kết quả của buổi lễ đã làm nhà vua lo lắng, nên nhà vua đã ban cho Churchill Huân vị Garter (huân vị cao quý nhất trong hàng ngũ hiệp sĩ Anh). Nhưng ông đã từ chối và đề nghị nhà vua thay vì trao cho ông thì nên trao cho Anthony Eden.⁴²

Sau đó Churchill cũng có vài lời phát biểu chia tay ngắn gọn và bao hàm nhiều ý nghĩa, bài nói này được đọc lại trên bản tin lúc 9 giờ:

Quyết định của người Anh đã được thể hiện qua số phiếu bầu ngày hôm nay... Những trách nhiệm rất nặng nề cả công việc trong và ngoài nước đang được đặt lên vai chính phủ mới. Chúng ta phải hy vọng về thành công họ sẽ mang lại trong tương lai. Không chỉ có mình tôi muốn thể hiện với những con người tôi đã dành trọn tâm huyết trong những năm tháng khó khăn, lời biết ơn vô hạn về sự ủng hộ hết lòng và vô cùng kiên định đã dành cho tôi trong suốt thời gian tôi thực thi nhiệm vụ của mình, cùng sự ân cần họ đã dành cho chúng tôi.

Buổi ăn tối hôm đó (một lần nữa trong bầu không khí không vui) đỡ ảm đạm hơn. Về cơ bản vẫn là một buổi ăn gia đình cộng thêm sự có mặt không thể thiếu của Bracken và Eden, người thay thế cho Beaverbrook. Ngày hôm sau, vào buổi trưa, Churchill tổ chức buổi liên hoan chia tay các thành viên trong Nội các ở phòng truyền thống. Đây đã trở thành một buổi chia tay bịn rịn và đầy xúc động. Churchill kể với Eden về căn phòng là nơi đã chứng kiến 30 năm cuộc đời ông và ông sẽ không bao giờ ngồi chiếc ghế này một lần nào nữa. Người thừa kế vị trí đã không lộ liễu thể hiện thái độ phủ nhận viễn cảnh mà Churchill vẽ ra trong tương lai. Nhưng ông khẳng định với Churchill rằng, không có bất kỳ sự trở về nào có thể tiếp tục làm tỏa sáng chỗ đứng của ông như ông đã từng làm.

Chiều hôm đó là một chuỗi kế tiếp những buổi tiệc chia tay. Điều thú vị nhất ở đây chính là sự có mặt của nhân vật tham mưu trưởng. “Đây là một buổi gặp mặt buồn và cảm động, tôi cảm thấy khó có thể nói lên một nỗi lo sợ trong chính bản thân tôi về một sự suy tàn”, Alanbrooke thuật lại. Mối quan hệ của Churchill với các vị tướng, cũng như các vị bộ trưởng, luôn căng thẳng và trong tình trạng chuẩn bị sẵn sàng. “Chúa không biết họ sẽ đi đâu khi không có mặt Churchill. Nhưng Chúa biết những nơi họ sẽ đi khi có Churchill!”, đây là một phản ứng chóng vánh của Alanbrooke viết trong nhật ký sau khi ông được chỉ định với vai trò tham mưu trưởng vào tháng 12 năm 1941, và đó cũng là giọng điệu của ông trong suốt cuộc chiến. Lời bình phẩm cuối cùng sau khi Churchill từ chức lại vô cùng nhẹ nhàng: “Tạ ơn Chúa đã cho tôi cơ hội được làm việc bên cạnh một con

người như thế, và cơ hội được mở to mắt chứng kiến một nhân tài xuất chúng như ông hiện diện trên cõi đời này”. Tuy nhiên hình ảnh cô đọng nhất về những vấn đề bàn cãi xung quanh mối quan hệ giữa Churchill và Alanbrooke chính là những phản hồi tương ứng về cuộc tấn công của Nhật Bản ở Trân Châu Cảng ba năm rưỡi trước đây. Alanbrooke phản nản nó đã không được hoàn tất trong 48 giờ làm việc của ban tham mưu. Trong khi phản ứng của Churchill, như đã thấy, đó là: “Dù sao chúng ta cũng sẽ chiến thắng”. Đây là sự khác biệt giữa một sĩ quan tham mưu giỏi và một chính khách có cái nhìn toàn cầu.

Sau khi từ chức, Churchill không hề lẩn trốn công việc. Có thể một phần là do ông không có nơi nào để trốn ngoại trừ dịp nghỉ cuối tuần sau cùng ông có đến Chequers, và Attlee rất vui với kế hoạch này của ông. Ông tổ chức một buổi tiệc liên hoan rất lớn mà Winant, đại sứ Mỹ, nhân vật bổ sung đáng quan tâm nhất đã phải kê đến 15 ghế xung quanh bàn tròn và một vại champagne dùng cho buổi ăn tối diễn ra vào tối Chủ nhật. Nhưng tâm trạng ông đã có vẻ thật hơn khi đặt bút ký chữ ký cuối cùng lên cuốn sách của những khách tham gia và viết kèm từ “hết” bên dưới.

PHẦN VI

- - - - -

BÓNG ĐÊM TỐI TẮM
(1945-1965)



Chương 41

BỆNH NHÂN NGƯỜI ANH

Cử nhật ngày 30 - 7 -1945, Churchill và Clementine dời tới khách sạn Claridge, sau đó một tuần hoặc lâu hơn, hai vợ chồng lại ngồi trong căn hộ của Duncan Sandys trên phố Marsham ngay rìa Pimlico. Trong hai tuần đầu tháng 8, họ đi “cắm trại” cuối tuần ở Chartwell, nhưng mãi cho đến cuối mùa thu, Clementine mới lấy lại được ngôi nhà chính nơi đây. Căn nhà tại London số 28 Hyde Park Gate, nằm ngoài đường Kensington, mua vài tháng trước đã sẵn sàng từ tháng 10. Trong thời gian Clementine bắt tay sửa sang nhà cửa, Churchill không có ở đây, lúc đầu ông ở vùng hồ Como sau đó đến vùng Riviera thuộc đông nam nước Pháp. Trước khi đi, ông có xuất hiện trong buổi lễ khánh thành cung điện mới, lúc này ông cũng đã có biểu hiện rõ ràng ý định không muốn tiếp tục nắm giữ cương vị lãnh đạo Đảng Bảo thủ.

Ngày 1 tháng 8, khi Nghị viện tập hợp để bầu ra một đại diện diễn thuyết, 200 thành viên Đảng Bảo thủ đã nhiệt liệt ủng hộ Churchill. Mọi người trong Đảng cùng cất lên bài “For He’s a Jolly Good Fellow” (Một người bạn tuyệt vời). Công Đảng đáp lại bằng bài “Cờ đỏ”, khơi mào một mối chia rẽ mới trong Nghị viện. Việc ganh đua bè phái này có vẻ như không tốt khi đồng thời việc tiến hành bổ nhiệm 250 thành viên Công Đảng mới vào bộ máy Nghị viện. Ngày 16 tháng 8 cuộc tranh luận đầu tiên trong bài diễn văn của nhà vua khai mạc chính phủ mới chính là dấu hiệu đầu tiên khơi gợi những “vết thương đang lên da non”. Churchill đã phát biểu trên vị trí đối lập so với vị trí trước đây ông từng đảm trách lần đầu sau khi từ chức, rút lui khỏi Nội các năm 1930. Đó là một bài

nói mà theo như lời miêu tả của vợ ông: “Một bài diễn văn hết sức ấn tượng, cảm động và đầy khéo léo”. Attlee đáp lại với những lời lẽ luyến tiếc về những tháng ngày lãnh đạo của Churchill, một thời kỳ đã giúp đem lại nhiều thắng lợi to lớn của nước Anh, và đánh dấu sự kết thúc bằng thắng lợi trong cuộc chiến với Nhật Bản. Việc buộc phải ném hai quả bom nguyên tử vào ngày 6 và 9 tháng 8 trong hoàn cảnh này hiện đã không còn là vấn đề tranh cãi giữa các nước Đồng minh cũng như giữa các đảng trong nội bộ nước Anh. Hình tượng Churchill xuất hiện trước công chúng vào thời điểm này mang nét nhẹ nhàng và thanh thản hơn những ngày trước đây. Ngày 26 tháng 8, Clementine viết một bức thư cho con gái, kể lại ngày tháng lạnh lẽo trong cuộc sống gia đình ở Chartwell, một vùng đất không chút nào tĩnh lặng:

Mẹ không thể lý giải điều đó một cách cụ thể. Nhưng trong cảnh khổ cực này, dường như thay vì mọi người nương tựa vào nhau để sống thì những trận cãi cọ lại liên tục diễn ra. Mẹ nghĩ rằng tất cả điều đó là do lỗi của mình, nhưng dường như mẹ đang tìm kiếm một cuộc sống quá sức chịu đựng của bản thân. Ông ấy thật sự không hạnh phúc và điều đó làm cho cuộc sống trở nên khó khăn hơn. Mọi thứ đều không dễ dàng và không ai biết nên bắt đầu từ đâu...

Ngày 31 tháng 8, Churchill đã có một trận cãi vã không nhỏ với Randolph trong bữa ăn tối ở Claridge với Brendan Bracken (đây không phải là việc khó nhất từ trước tới nay của Churchill). Khoảng thời gian này trôi qua có vẻ nhàn rỗi. Ngày 2 tháng 9, Churchill cùng con gái Sarah, bác sĩ riêng, thư ký, và các nhân viên phục vụ bay qua Milan tới biệt thự ở vùng hồ Como. Chuyến viếng thăm này được thống chế Alexander sắp xếp nên sự đón tiếp rất long trọng và đối với Churchill điều này hoàn toàn xứng đáng. Thái độ tôn trọng này có được không chỉ nhờ những cống hiến của Churchill trong giai đoạn chiến tranh cùng với những thành quả chiến thắng ông đã tạo dựng được, mà còn nhờ những mối quan hệ nuôi dưỡng bằng tình cảm gắn bó mật thiết giữa ông và Alexander.

Nhưng cách tiếp đón này nếu áp dụng cho thời điểm hiện nay có thể khiến không ít người thắc mắc, vì thật ra đây chỉ là một chuyến đi với mục đích nghỉ dưỡng của một chính trị gia. Khu biệt thự ông ở, mặc dù trên danh nghĩa thuộc quyền sở hữu của bộ chỉ huy, nhưng thực chất nó được dành riêng cho Churchill và người thân của ông toàn quyền sử dụng trong suốt quãng thời gian 17 ngày lưu lại. Ngoài ra, ông còn được lựa chọn một sĩ quan phụ tá đặc biệt và sở hữu riêng một cận vệ. Những ngày sau đó, vào dịp nghỉ cuối tuần, đích thân Alexander từ Áo bay về để cùng tham dự với Churchill những buổi thảo luận về đề tài hội họa.

Khi Churchill rời khỏi đây, trước hết ông đến biệt thự Pirelli thuộc vùng Riviera sau đó mới đến Pháp, sĩ quan phụ tá có nhiệm vụ hộ tống ông. Một người nắm rõ về các đại lý du lịch có nhiệm vụ tiền trạm tới Monte Carlo thương thảo giá, chọn những chỗ nghỉ ngơi đặc biệt dành riêng cho các nhân vật đặc biệt, giá tiền khoảng 4 đồng vàng guinea (tương đương 100 bảng Anh hiện nay). Tuy nhiên, Churchill không lưu lại đây lâu, ông sớm trở về biệt thự Antibes, nơi này lúc nào ông cũng được Eisenhower chào đón.

Churchill về lại Anh vào tuần đầu tháng 10, sau một chuyến nghỉ ngơi kéo dài năm tuần phía bên kia vùng núi Alps. Đây là một chuyến đi rất có ích đối với Churchill cả về mặt thể chất lẫn tinh thần, mặc dù vậy, ông cũng khá dửng dưng cảm khi thừa nhận một số vấn đề với Clementine (ngày 5 tháng 9):

Thật tốt khi anh có thể hoàn tất và chỉnh sửa những bức tranh còn dang dở. Bản thân anh đã cảm thấy khỏe hơn rất nhiều và không còn bận tâm lo lắng về bất kỳ vấn đề nào nữa. Từ ngày rời khỏi nước Anh, anh đã không đụng tới một trang báo nào và cũng không còn hứng thú đụng tới chúng. Trong nhiều năm qua, đây là lần đầu tiên anh có cảm giác mình như hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới này. Cuộc chiến tranh chống Nhật Bản đã thắng lợi và chúng ta đã giành được hòa bình. Tâm trạng anh lúc này thật sự nhẹ nhõm khi chứng kiến đất nước đang từng ngày phát triển đi lên, trong khi các nước khác vẫn còn đang phải đối

mặt với không ít những khó khăn của tàn dư cuộc chiến. Thật là “trong cái rủi vẫn còn có cái may”.

Trong chuyến đi về mặt thể chất không phải ông hoàn toàn ốm yếu, mặc dù vậy điều lạ là ít thấy ai nhắc đến thú chơi golf của bác sĩ Moran. Churchill từng phải chịu đựng chứng thoát vị từ sau một tai nạn lúc nhỏ, nhưng đã sáu năm nay nó không còn tái phát, đột nhiên thời điểm này nó lại trở chứng và Moran phải gọi một bác sĩ quân y. Đây là nhiệm vụ Moran đã quá quen khi còn phục vụ Churchill trong thời gian chiến tranh. Harold Edwards, phẫu thuật gia đến từ Ý, nhanh chóng có mặt và cố định chỗ đau cho ông. Bản thân Churchill phải tập quen dần với việc này mãi cho tới hai năm sau, khi ông mạo hiểm chấp nhận một cuộc phẫu thuật. Cuối cùng sau những ngày ở Antibes, Churchill cũng phải trở về nước Anh, và lại tiếp tục bị quấy rầy bởi chứng viêm họng và cảm lạnh làm ông hết sức khó chịu. Sau chuyến đi, điều tuyệt vời nhất ông có được, còn hơn cả những ngày tháng 7 ở Hendaye, là hứng thú với hội họa, một sở thích hết sức nhẹ nhàng và tĩnh lặng. Hơn thế nữa, những ngày tháng này còn cho ông thời gian để hồi tưởng và chiêm nghiệm những sai lầm mắc phải trong các cuộc bầu cử trước đây. Ông không cần phải quá nghiêm khắc với bản thân về những sai sót trong chiến dịch tranh cử (mà đa số toàn là những lý do không đâu vào đâu), và đặc biệt là về bài phát biểu vốn đã được truyền đi rộng rãi khắp cả nước. Rõ ràng đó là những dấu hiệu bước đầu cho thấy Đảng Bảo thủ đã có phần nào tiến bộ trong việc cải thiện vị trí và công tác vận động tranh cử. Nhiều năm trước, những thăm dò ý kiến cử tri Gallup, đăng trên tờ *News Chronicle* cho thấy Công Đảng đã tăng dần vị thế lãnh đạo lên tới 10%. Kết quả cuối cùng đem lại cho họ con số 8,5%, đủ để phát huy sức mạnh của đa số phiếu Công Đảng trong hệ thống bầu cử có xu hướng ngày càng mở rộng của nước Anh. Nhưng kết quả này nằm ngoài dự đoán, điều mà không một ai cảnh báo trước.

Cũng không có nhiều dấu hiệu cho thấy đây là một cuộc bầu cử đã được tẩy não bằng những bài diễn văn của các nhà biện hộ lỗi lạc thuộc Đảng Bảo thủ. Thật sự theo như cách nhìn nhận xuyên suốt thời kỳ chiến tranh của đông đảo

quần chúng Anh thì hầu như không ai muốn trở về thời kỳ những năm 1930. Và khi nhìn nhận về Đảng Bảo thủ, bất kể có hoặc không có sự lãnh đạo của Churchill, bản chất đảng này vẫn là hình ảnh đại diện cho những ngày tháng đã qua. Cũng không có gì phải thắc mắc nếu như vẫn có một số người mang trong đầu những suy nghĩ không nhất quán, đó là tiếp tục bầu cử ủng hộ Công Đảng nhưng đồng thời vẫn muốn duy trì vị trí lãnh đạo của Churchill trong bộ máy chính phủ. Một số người lên tiếng ủng hộ Churchill trong suốt quá trình ông tham gia bầu cử nhưng sau đó lại ra sức chống ông. Số người này không rõ số lượng, nhưng nó lại cân bằng với những cử tri có ý định chống đối Đảng Bảo thủ, đồng thời có ý thiên về phía Churchill là bằng mọi giá ông phải trở thành nhà lãnh đạo nước Anh trong những ngày tháng hòa bình. Điều này được minh họa bằng bảng kết quả Woodford cộng với sự cân nhắc về các phiếu trống của các ứng cử viên Công Đảng và Tự do, những nhân vật ra sức ủng hộ chủ nghĩa tự do. Họ chỉ nhận được 852 phiếu bầu. Và trong lần thứ hai tham gia tranh cử vào năm 1950, họ đã vượt qua Churchill hơn 10 ngàn phiếu.

Ở nước Anh vào mùa thu năm đó, hầu như không có bất cứ điều gì tươi sáng xảy ra nhằm giúp cân bằng lại bầu không khí ảm đạm. Ông có cảm giác mình như đang lâm vào cơn bão rồi cùng cực. Churchill cần tới ba phụ tá giúp ông trong vấn đề viết lách hoặc thảo nội dung các lá thư. Điều khó khăn nhất lúc này, trái ngược hoàn toàn với tình thế tiến thoái lưỡng nan từng xảy ra trong quá khứ, là ông không hề muốn trở thành lãnh đạo của phe đối lập lẫn nhiệm vụ là người đóng vai trò khích lệ trong chính phủ. Điều chưa rõ ràng ở đây là, hoàn cảnh mờ hồ này có dẫn dắt ông về lại số 10 phố Downing hay không, hay ông chỉ đang tìm kiếm một cơ hội để chi phối Eden.

Ngay cả khi có mặt ở London, việc ông tham dự các cuộc họp Hạ viện cũng hết sức thất thường. Mặc dù ông ưu tiên dành nhiều thời gian cho việc viết hồi ký chiến tranh, nhưng hầu như tuần nào ông cũng chủ trì các cuộc họp mật trong Nội các diễn ra vào mỗi chiều Thứ ba hàng tuần. Và cũng có thể dễ dàng nhận thấy những việc ông làm mang tính khách quan và hơi có vẻ kiểu cách hơn là

mang màu sắc công việc.

Tuy nhiên, Churchill phải thường xuyên vắng mặt vì những chuyến đi dài ngày và Eden phải đảm nhận vị trí này. Điển hình như đầu năm 1946, Churchill có việc phải đến Mỹ trong suốt khoảng thời gian từ đầu tháng 1 tới cuối tháng 3. Và ông thường lấp đi những khoảng trống bằng cách chuyển các cuộc họp từ Westminster thành các bữa ăn trưa ở khách sạn Savoy. Tại đây cuộc gặp mặt có vẻ mang tính tiệc tùng, nhưng cũng có phần đơn giản.

Khi Churchill còn trong Hạ viện, ông thường xuyên can thiệp vào nhiều công việc khác nhau, đặc biệt những vấn đề còn thiếu sót hoặc thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng với thái độ thân thiện và không kém phần nổi trội. Những bài diễn văn của ông tuy được đánh giá cao, ít nhất là từ phía Attlee và Bevin, nhưng đôi khi cũng nhận được những cái nhìn thiếu kiên nhẫn, thậm chí giấu cợt, từ phía các nghị sĩ thuộc Công Đảng trong Nghị viện. Phản hồi có vẻ tiến bộ hơn nhiều từ phía các thánh giả bên ngoài, không chỉ ngoài Nghị viện mà còn là người dân trong nước. Nhưng sau đó, vào tháng 9 năm 1945, lại có một sự cố đáng buồn. Khi ông hấp tấp đưa ra những ý kiến khiển trách và chống đối các chính sách xã hội và kinh tế do chính phủ đưa ra, ông đã bị đẩy ra ngoài cuộc tranh luận. Những câu nói dí dỏm của Attlee đã làm giảm bớt bầu không khí căng thẳng. Đây là giai đoạn ông ở vị thế đối lập, tạo nên nhiều ý kiến phản hồi từ phía các đồng sự cấp cao cho rằng Đảng Bảo thủ vốn đã không mấy mạnh mẽ sẽ khó có thể nào tiến bộ hơn dưới bàn tay lãnh đạo “loạng choạng” của Churchill. Bá tước thứ 17 vùng Derby, người luôn sát cánh với sự nghiệp chính trị trong một khoảng thời gian không thua kém gì Churchill, chính là nhân vật đầu tiên đề xuất sự thay đổi. Không chỉ ông ta, mà còn rất nhiều nhân vật tầm cỡ khác cùng có chung quan điểm. Tuy nhiên, rất ít ai, nếu không muốn nói là không có ai, dám đối mặt để nói điều này với Churchill.

Tin tốt lành nhất mà Churchill nhận được vào khoảng thời gian cuối năm 1945, trước chuyến đi dài ngày đến Mỹ vào đầu tháng 1, theo như những gì ông mô tả, là “kế hoạch hoành tráng biến Chatrwell thành tài sản quốc gia” của Lord

Camrose. Điều này có nghĩa đây chính là lần thứ ba cũng là lần cuối cùng “nơi trú ẩn kết hợp với bất động sản của Churchill” được ông rút ra khỏi thị trường. Camrose mất thêm tám tháng nữa để thực hiện kế hoạch. Nhưng trước tháng 8 năm 1946 ông ta đã có đủ số tiền (bản thân ông có 15 ngàn bảng Anh, ngoài ra quyên góp từ 16 nhân vật khác mỗi người thêm 5 ngàn bảng Anh) để mua lại nó từ Churchill với giá 43.600 bảng Anh và Churchill đem 35 ngàn bảng gửi vào Quỹ bảo trợ với điều kiện Churchill vẫn ở lại đây cho tới cuối đời với khoản tiền thuê cộng với thuế là 350 bảng Anh một năm, và sau khi ông mất nơi đây sẽ trở thành nơi tưởng nhớ ông. Churchill rất nhiệt tình với kế hoạch này và ông hứa sẽ để lại tất cả những tài liệu và vật kỷ niệm liên quan đến ngôi nhà, giữ nguyên vẹn toàn bộ giá trị vốn có của nó. Công việc này hoàn tất làm ông hết sức mãn nguyện. Ông còn có nguyện vọng muốn được chôn cất tại chính nơi này nhưng sau đó ông đã thay đổi ý kiến.

Cho tới khi việc chuyển nhượng Chartwell hoàn tất, Churchill cảm thấy thoải mái hơn nhiều so với khi kế hoạch vừa mới được đề xuất. Bên cạnh món tiền lời khổng lồ ông thu được từ việc bán cuốn hồi ký chiến tranh, các khoản tiền khác bắt đầu ào ạt đổ về. Alexander Korda trả ông 50 ngàn bảng Anh để được quyền làm bộ phim *The History of the English Speaking Peoples*, và cuốn sách này chỉ được phép phát hành cho tới năm 1956 - 1958 mặc dù nó đã hoàn tất bản thảo đầu tiên từ trước khi chiến tranh bùng nổ. Odhams Press trả ông 25 ngàn bảng Anh số tiền tác quyền còn lại của những cuốn sách trước năm 1940, Henry Luce với 12 ngàn bảng Anh về bản quyền cuốn “Những bài nói chuyện trong các phiên họp cơ mật ở Nghị viện trong thời gian chiến tranh”. Vì vậy, ông dùng số tiền của Camrose không chỉ để giữ Chartwell như ban đầu, mà còn để mua vô số các nông trại sát bên, mở rộng đáng kể số tài sản và điền trang ông hiện có. Sau đám cưới của Mary Churchill và Christopher Soames vào tháng 2 năm 1947, gia đình Soames dời đến ngôi nhà chính của khu điền trang và Christopher đảm nhận việc quản lý toàn bộ tài sản.

Mùa đông năm 1947, nước Anh ở trong thời tiết giá rét vô cùng khắc nghiệt

cộng với vấn đề thiếu nhiên liệu sử dụng. Churchill dành phần lớn thời gian sống tại Hyde Park Gate, vì nơi đây có hệ thống sưởi ấm đặc biệt, còn ở Chartwell thì quá lạnh. Ông dồn hầu hết nỗ lực cho tập sách đầu tiên, *The Gathering Storm*, trong cuốn hồi ký của mình nhưng vẫn tranh thủ thời gian cho các công việc ở Nghị viện. Đây là điều trái ngược với những năm trước đây khi ông có một thời gian dài ở lại Mỹ, chuẩn bị rất kỹ lưỡng bài diễn văn phát biểu chính vào ngày 5 tháng 3 tại Fulton, Missouri, khởi đầu bằng sáu tuần đầy nắng gió và nước ấm ở vùng biển giữa Florida và Cuba. Clementine lúc nào cũng bên cạnh ông. Sự khác thường bà nhận thấy ở Churchill là ông khó khăn trong việc tách bạch rõ ràng giữa niềm đam mê hội họa và công việc viết bài. Vài bức vẽ vừa hoàn tất không thể ngay lập tức khẳng định tài năng nghệ thuật của ông đã tìm được bến đỗ nơi vùng biển Caribê, cũng giống như Côte d’Azur hay vùng Marrakech. Và hình như trong bất kỳ chuyến đi nào ông cũng bị sốt vì nhiễm khuẩn đường hô hấp. Căn bệnh đó đã trở thành “bạn đồng hành” không thể thiếu của ông.

Sức hấp dẫn của lời mời phát biểu tại một trường đại học không mấy danh tiếng Westminster nằm trong một thị trấn nhỏ thuộc trung tâm phía tây vùng Fulton chính là ở chỗ bài nói này sẽ đến tai tổng thống Truman. Fulton là một vùng đất nằm ở khoảng giữa bang Missouri, nơi ở của vị tân tổng thống Mỹ, theo như những gì tổng thống tả với Churchill thì Đại học Westminster là “một ngôi trường tuyệt vời”. Hơn thế, ông còn hướng dẫn Churchill cách đến Fulton và sẽ là người giới thiệu nhà diễn thuyết đến tất cả các khán thính giả. Chính điều đó đã có sức quyến rũ ghê gớm lôi kéo Churchill vượt qua một chặng đường 18 tiếng đồng hồ bằng xe lửa để đến đây và có cơ hội đồng hành cùng Truman, một nhân vật ông không có cơ hội gặp mặt từ sau lần gặp bất ngờ không hẹn trước ở Potsdam. Churchill cũng vô cùng náo nức khi có dịp làm sâu đậm hơn mối quan hệ này. Chuyến đi phải trải qua hai đêm ngủ trên tàu. Nhưng đêm nào hai ông, một tổng thống và một cựu thủ tướng, cũng chơi bài cho tới tận 2g30 sáng. Dường như ít khi nào người ta thấy hai ông không ngồi cùng nhau.

Dự tính ban đầu chuyển đi theo lời mời đến Fulton là ông sẽ thực hiện từ ba cho tới bốn bài nói chuyện và điều này không thể không làm Churchill hồi tưởng lại những ngày tháng đã qua. Nhưng đó không phải cách mà Churchill muốn làm. Trong suốt cuộc đời, ông chưa có dịp nào thực hiện một loạt các bài nói chuyện như lúc này. Những bài diễn văn ấy là những bài mẫu mực nhất, đáng nhớ nhất và cũng gây tranh cãi nhiều nhất trong các năm sau cuộc chiến. Những năm cuối thập niên 1940, chỉ có duy nhất bài phát biểu trong lễ trao bằng của Đại học Harvard của tướng Marshall diễn ra vào tháng 6 năm 1947 là có thể so sánh với bài nói của Churchill vào mùa thu năm 1946.

Những lời lẽ trong bức thông điệp mà Churchill gửi tới Fulton đã làm giàu thêm những chất liệu vốn có từ trước tới nay trong nghệ thuật diễn thuyết. Nó chính là “bức màn sắt” đến từ lục địa châu Âu xa xôi, từ Stettin ở vùng biển Baltic cho tới tận Trieste ở Adriatic. Ông nói:

Nếu với số dân của khối cộng đồng các nước nói tiếng Anh cộng thêm dân số Mỹ cùng với sự hợp tác các mặt trận trên không, trên biển từ khắp nơi trên thế giới, và trên các mặt trận khoa học, công nghiệp và cả sự trợ giúp về sức mạnh tinh thần, thì sẽ không có bất kỳ nỗi sợ hãi hay thiếu hụt về sức mạnh nào có thể ngăn cản chúng ta khát khao hòa bình. Ngược lại, chúng ta đã hoàn toàn có sự bảo đảm chắc chắn vượt trội về vấn đề an ninh.

Điều cốt lõi của thông điệp ông muốn gửi tới đã quá rõ ràng. Dù lời nhắn gửi đó có nói hay không thì công việc nhất thiết phải làm vào lúc này là thành lập khối liên minh các nước phương Tây. Và không có gì mà các thành viên lãnh đạo Liên Hiệp Quốc lại không chung sức đoàn kết tạo dựng mối liên hệ keo sơn với tất cả các liên minh khác. Tất nhiên trong vòng vài năm, liên minh này ban đầu sẽ giải quyết các chính sách của Anh và Mỹ dưới sự đồng thuận của các nước trọng khối châu Âu, không chỉ chủ yếu các nước Pháp, Benelux (liên minh Bỉ, Hà Lan, Luxembourg) và Ý mà còn nhiều nước khác kéo dài từ Na Uy tới

Thổ Nhĩ Kỳ và từ Hy Lạp cho tới Bồ Đào Nha. Truman và Marshall, Bevin và Acheson, sẽ thu được rất nhiều tiếng tăm từ việc xây dựng tổ chức NATO, một liên minh trong suốt 40 năm diễn ra chiến tranh lạnh đã đạt được những mục tiêu chính yếu của nó mà không cần bất kỳ tiếng súng nào.

Tuy nhiên, năm 1946, nó đã trở thành một món ăn béo bở, ít nhất là đối với báo chí Hoa Kỳ. Không có bất kỳ lý do gì để thắc mắc khi những lời lẽ của Churchill được các thánh giả bang Missouri nhiệt tình đón nhận. Nhưng điều xảy ra lại hoàn toàn khác khi những tờ báo sáng hôm sau phát hành. Tờ *Wall Street Journal* đã dùng những lời lẽ lỗ mãng: “Nước Mỹ không hề muốn sự tín nhiệm này hoặc bất kỳ thứ gì liên quan tới tổ chức liên minh có quan hệ với bất kỳ quốc gia nào khác”. Tờ *New York Times* cũng lên tiếng chỉ trích mạnh mẽ. Và tờ *Chicago Sun* đã mô tả lại những lời Churchill nói như “những học thuyết độc hại” mà ông đã dàn xếp ở Fulton. Chỉ một tuần trước đó tờ báo này đã đăng tải loạt bài “Những bài nói chuyện trong các phiên họp bí mật” của chính Churchill. Sự xúc phạm ghê gớm buộc Churchill phải xem xét lại những thỏa thuận đầy hứa hẹn về đề nghị xuất bản trước đây.

Trong nước, bên cạnh tờ *The Times*, những phản ứng đối với sự kiện Fulton không nhất quán nhưng cũng không kém phần lo ngại. Attlee (do bị thúc ép từ các hàng ghế sau trong Nghị viện rằng bài phát biểu của Churchill là có ý đồ muốn chia rẽ Attlee với chính phủ), mặc dù không tán thành với ý kiến đó nhưng cũng cho rằng Churchill đã phát biểu trên tinh thần cá nhân và ông ấy phải chịu trách nhiệm về lời nói đó, và chính phủ không có nghĩa vụ phải đưa ra bất kỳ ý kiến nào, dù tán thành hay không. Thực chất Công Đảng cũng có ý tán thành chuyến viếng thăm Hoa Kỳ của Churchill. Nhưng không giống như rất nhiều thành viên trong Đảng của ông (họ tán thành việc ông vắng mặt dài ngày ở Nghị viện), những chính sách ngoại giao của Bevin đã tiến bộ rất nhiều theo chiều hướng ở Fulton, ngay cả khi sự tiến bộ này còn có vẻ chậm chạp. Và Churchill, thông qua những mối quan hệ ở New York và Washington, đã giúp ông trong việc hỗ trợ số tiền vay (bằng USD) rất cần thiết cho Anh trong việc tiếp tục tham

gia hiệp ước vay mượn vũ khí Lend - Lease. Đây là hiệp ước mà Keynes đã thương lượng và ký kết vào mùa thu trước đó, cố gắng làm giảm nhẹ trong đó một số điều khoản không có lợi. Ngoài ra, Churchill còn cẩn thận công khai tất cả những việc làm kể trên. Tất cả các bộ trưởng Anh đều được thông báo đầy đủ và chi tiết về những cuộc thương thảo. Nhưng điều đó không nhận được sự biết ơn từ phía các nghị sĩ trong Công Đảng. 93 người trong số này, chiếm gần 1/4, đã có những hành động lên tiếng phản đối Churchill. Danh sách có cả những cái tên rất đáng ngạc nhiên là James Callaghan và Woodrow Wyatt.

Con bài chủ chốt, một nhân vật có thái độ mập mờ còn hơn cả Attlee hay Bevin, không ai khác chính là Truman. Một đoạn phim quay lại sự kiện Fulton cho thấy tổng thống Mỹ đã vỗ tay rất nhiệt tình trong suốt bài nói chuyện gây tranh cãi của Churchill. Và cũng không hề có một lời nói bóng gió nào trong thái độ của ông ta đối với Churchill trong chuyến hành trình trở về. Truman đã gửi tới Churchill một lá thư hết sức thân mật vào thời điểm khá trễ, ngày 12 tháng 3, khi tất cả những sóng to gió lớn đã xảy ra. Ông ta nói, tất cả người dân Missouri đã “thật sự vui sướng khi lắng nghe những điều ông nói”. Nhưng tại cuộc họp báo tại Nhà Trắng vào ngày 8 tháng 3, tổng thống Mỹ đã chối bỏ tất cả những gì ông được biết về nội dung bài nói chuyện của Churchill (người ta rất nghi ngờ về tính xác thực này) và khẳng định rằng việc ông có mặt ở đó không có nghĩa là ông ủng hộ Churchill. Thậm chí ông còn hạn chế Acheson, đại diện chính phủ Mỹ tại New York đón tiếp Churchill vào tuần lễ sau đó. Nhưng điều này vẫn không làm sút mẻ mối quan hệ của hai bên. Churchill đã không một chút nghi ngờ khi cho phép Truman toàn quyền ở lại Anh theo như truyền thống bấy lâu nay của ông với Roosevelt nhằm đạt được một số mục tiêu hạn chế.

Bài diễn văn nổi tiếng thứ hai của Churchill trong năm 1946 thực hiện ở Đại học Zurich vào ngày 19 tháng 9. Nó đánh dấu sự mở màn một chiến dịch vì liên minh châu Âu, và dành phần lớn thời gian và sự quan tâm của ông cho công việc chính trị từ thời điểm đó cho tới tháng 8 năm 1949. Tới năm 1950 ông tham gia chiến dịch với một cái đầu vô cùng khôn ngoan, trong hai phiên họp đầu tiên, tại

Strasbourg, và đây là những thiết lập bước đầu còn hết sức sơ khai. Hội đồng châu Âu mới hoàn toàn chỉ là một tổ chức trên danh nghĩa, nhưng nó lại mang biểu tượng quyền lực và được đặt tại vị trí giao thoa giữa Pháp và Đức, tại một thành phố đã có bốn lần thay đổi quyền cai trị trong suốt thập kỷ qua. Những thay đổi này đã đánh dấu những thắng lợi và thất bại của mỗi nước trên hai vùng đất uy lực nhất của châu Âu.

Hiệu quả tuyệt vời trong bài nói của Churchill ở Zurich là nó đã nhìn thấu và chấp nhận đối mặt với sự thật về một châu Âu liên minh phải dựa trên sự hợp tác của hai nước Pháp và Đức: “Bước đầu của quá trình tái lập gia đình châu Âu là Pháp và Đức phải cộng tác với nhau. Đây là cách duy nhất để pháp có thể tìm lại được vị thế lãnh đạo châu Âu. Sẽ không thể có một châu Âu mới nếu không có tinh thần đoàn kết của hai nước Pháp và Đức”. Một lần nữa, Churchill lại tuyên bố học thuyết của ông nhưng ít nhất đối với nhiều người đây cũng là một ý kiến còn non yếu nhưng sẽ trở thành tiền đề trong nhiều năm tiếp theo. Có rất nhiều người ở Pháp không mong đợi một sự trở lại hoàn toàn của nước Đức. Con rể của Churchill, Duncan Sandys (người sau này lãnh đạo tổ chức chính của phong trào châu Âu ở Anh), được gửi đến để thăm dò thái độ của tướng De Gaulle, đã có báo cáo như sau:

[Tướng De Gaulle] nói rằng mối liên hệ về bài nói chuyện của ngài Churchill với sự hợp tác Đức - Pháp đã không được người Pháp đón nhận. Nước Đức trong hoàn cảnh hiện tại đã không còn tồn tại. Người dân Pháp kịch liệt phản đối việc tái thiết lập bất kỳ một liên minh nào có liên hệ với nước Đức Quốc xã trước kia. Và chúng tôi cũng rất hồ nghi về những chính sách đưa ra của chính phủ Anh và Mỹ. Trừ khi chúng ta loại trừ cơ hội tái lập uy quyền của Đức, bằng không sẽ xảy ra một mối đe dọa liên minh châu Âu sẽ trở thành sự bành trướng của thế lực Đức. Ông ta nhấn mạnh nếu ý kiến của Pháp là ủng hộ đề xuất liên minh châu Âu sẽ đồng nghĩa với việc cùng với Anh, Pháp phải trở thành thành viên đồng sáng lập. Hơn thế nữa hai quốc gia phải có một sự hiểu

biết chính xác lẫn nhau về thái độ chấp nhận Đức trước khi đạt được bất kỳ mục đích nào sau này.

Mặc dù những phản ứng ban đầu không mấy ủng hộ (của tướng De Gaulle, hoàn toàn trái ngược với quan điểm của ông sau này, muốn Anh giúp Pháp giải quyết những vấn đề với Đức), nhưng không nghi ngờ gì khi cách nhìn nhận của Churchill đã đem lại cho ông những hướng đi rõ ràng. Ban đầu, nó đã dẫn dắt ông tới những khái niệm khá mơ hồ về một tập hợp những thành viên vì tình hữu nghị giữa Konrad Adenauer và bản thân tướng De Gaulle, sau đó là sự khâm phục lẫn nhau rõ ràng (mang tính xã hội) giữa Helmut Schmidt và Valéry Giscard d'Estaing, sau cùng là quyết định của Helmut Kohl và Francois Mitterrand nhằm đưa ra một điểm chung cho Cộng đồng các quốc gia châu Âu, đã đem lại cho Pháp ảnh hưởng quan trọng nhất đối với châu Âu sau cuộc chiến. (Với Đức, mức độ ảnh hưởng có phần ít hơn, và quy mô nền kinh tế của các nước này đã giúp nó rất nhiều trong việc tăng cường vị thế).

Hầu hết sự bảo đảm bước đầu cho vấn đề tạo dựng thuộc về phía Churchill. Không chỉ tạo nên một bước đi mạnh mẽ ở Zurich mà sau đó ông còn đưa vào những tổ chức đầy thế lực. Churchill chính là người khởi đầu hội nghị Hague vào tháng 5 năm 1948, đề cập đến những mục tiêu rõ ràng trong công cuộc phát triển Liên minh châu Âu. Ông đã dùng tài ăn nói của mình để đưa ra những lời khẳng định bảo đảm giá trị sự tham dự của Blum, Monnet, Reynaud, Spaak và De Gasperi. Ông còn nỗ lực đoàn kết tất cả sức mạnh của các đảng phái trong nước Anh thành một thể thống nhất. Trong đoàn đại biểu 140 người do ông dẫn đầu chỉ có 20 nghị sĩ trong Công Đảng. Sự công kích mạnh mẽ của hội nghị đã được xử lý hết sức linh hoạt bằng tài ăn nói của Churchill. Cuối cùng, Nghị viện châu Âu đã đi đến đồng thuận, mặc dù bên cạnh đó vẫn có những cản trở của chính phủ Anh. Vào mùa hè năm 1949, Hội đồng các quốc gia châu Âu đã được thiết lập ở Strasbourg. Trong năm đầu tiên, hội đồng này vắng mặt Đức nhưng Đức đã có mặt trong năm thứ hai.

Như đã đề cập đến, Churchill đóng vai trò khá toàn diện trong tất cả các phiên họp ở cả hai năm. Ông chấp nhận chịu đựng những ngày tháng ẩm ướt ở Strasbourg dài như thế có tới hai tháng 8. Ông sống ở căn biệt thự nằm sát thành phố và nơi đây không có nhiều trò tiêu khiển. Ông được tự do tham gia vận động hành lang và thực hiện nhiều bài diễn thuyết. Bài nói chuyện đáng chú ý và đem lại thành công vang dội nhất là bài diễn văn ngoài trời diễn ra vào ngày 11 - 8 - 1949 thực hiện trước 20 ngàn người tại Quảng trường Kléber. Những lời lẽ tình cảm bộc phát của ông về tình hình châu Âu lúc này có lẽ là những điều người ta chưa bao giờ thấy ông thể hiện ở Strasbourg trước đó và cả sau này cũng thế.

Mặc dù qua tất cả những gì Churchill thể hiện, vẫn còn có nhiều tranh cãi về những tình cảm mà ông dành cho nước Anh. Liệu ông có dự định để Anh tham gia vào tổ chức liên minh này hay không. Ông chỉ đơn giản lên tiếng kêu gọi tất cả mọi người hãy tham gia liên minh đoàn kết nhưng liệu bản thân ông có sẵn sàng thực hiện điều mình nói hay không. Nhìn chung, những bằng chứng xác thực đã cho thấy Churchill không hoàn toàn muốn Anh góp tay vào liên minh. Điều ấy xem ra có vẻ mâu thuẫn. Đọc những đoạn văn Churchill chuẩn bị cho bài nói chuyện, người ta không khó để nhận thấy vai trò của ông chỉ đơn thuần là cổ vũ ngoài lề. Bài diễn văn ở Hague là một minh họa. Ông có đề cập đến những bước tiến đạt được trong một năm rưỡi từ sau bài nói chuyện ở Zurich: “16 quốc gia châu Âu hiện đang liên kết lại vì một mục tiêu kinh tế. Năm nước trong số đó đã có mối quan hệ hết sức bền chặt về kinh tế và quân sự. Chúng tôi hy vọng sẽ ngày càng nhận được nhiều sự tham gia của dân chúng các nước Scandinavia, bán đảo Iberian cũng như Ý...” Churchill chỉ kể đến Anh trong số năm nước chứ không nằm trong số 16 quốc gia. Rõ ràng, ông không nhìn nhận Anh như một bộ phận của châu Âu mà chỉ là thành phần của hạt nhân châu Âu.

Churchill tiếp tục đối mặt trực tiếp với những vấn đề chủ quyền. Những viện trợ về kinh tế và đoàn kết trong phòng thủ quân sự “nhất thiết phải có từng bước đi thích hợp kèm với những chính sách song hành của liên minh chính trị bền chặt”, ông phát biểu. “Thật sự điều này đòi hỏi phải chấp nhận một vài hy sinh

trong vấn đề hợp nhất chủ quyền các quốc gia. Tuy nhiên, điều này cũng không quá bất khả thi và không khó chấp nhận. Chỉ cần xem đây như việc các quốc gia đang từng bước đảm đương và có trách nhiệm về chủ quyền quốc gia với quy mô to lớn hơn, nhưng vẫn có thể bảo đảm tính toàn vẹn về đặc trưng của bản sắc văn hóa mỗi nước...”.

Sau đó vào năm 1950 khi điều khoản thực tế của liên minh hợp nhất châu Âu được đưa ra, khởi đầu cho kế hoạch Schuman về Cộng đồng Than và Thép, Churchill đã mạnh mẽ chỉ trích đường lối thiển cận của Công Đảng (“Những thợ mỏ ở Durham sẽ không đồng ý về vấn đề này”, đó là lời lẽ mang đầy vẻ chế nhạo của Herbert Morrison). Và ông sẵn sàng dẫn dắt Đảng Bảo thủ đi vào từng phần của thảo luận tiền kế hoạch Schuman. Churchill không hoàn toàn thừa nhận sự gia nhập nhưng bản thân ông thật sự muốn đi theo chiều hướng đó. Edward Heath có khả năng thực hiện một bài diễn văn đầu tiên đầy nồng nhiệt trước thềm hội nghị châu Âu mà không hề đi chệch đường lối chính thống mà Đảng Bảo thủ đã vạch ra. Và hiệp ước Paris nhằm thiết lập Cộng đồng Than và Thép tháng 12 đã trở thành một hiệp ước có tầm cỡ siêu quốc gia, lớn hơn cả hiệp ước ký tại Roma vào năm 1957 về khối Cộng đồng kinh tế và Euratom (Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu).

Mặc dù có những bằng chứng pháp lý chi tiết để cân bằng các bên tham gia, nhưng thực tế chắc chắn vẫn có sự khác biệt về phía Churchill trong vấn đề nhìn nhận vai trò của Anh sau cuộc chiến so với Ý, Đức, và ngay cả với Pháp. Ông vẫn còn nhìn châu Âu hay có thể nói một cách tổng quát hơn là cả thế giới này bằng kính viễn vọng Benelux. Ông thể hiện rõ nhất quan điểm của mình trong bài phát biểu ngày 26 - 6 - 1950. Anh phải vắng mặt trong hội nghị vì bận vấn đề thành lập Cộng đồng Than và Thép, ông bắt đầu: “Anh đã làm phiền tới sự bình ổn của châu Âu... Tôi ở đây hết lòng muốn hòa giải và nhận được sự nhất trí của hai nước Pháp và Đức, đồng thời cũng là để đón nhận nước Đức trở về với đại gia đình châu Âu. Nhưng cũng giống như những gì tôi đã nhấn mạnh, Pháp và Anh sẽ cùng chung tay giữ trọng trách chủ yếu trong việc giải quyết những điều

khảo cân bằng với Đức. Và tất nhiên sự hợp tác này sẽ tạo sức mạnh to lớn hơn rất nhiều nếu chỉ có riêng Pháp tham gia”. Mỗi liên minh hai nước Pháp - Đức, dù cho dưới hình thức trực tiếp hay thuộc một tổ chức các nước lục địa nào quy mô hơn, vẫn là một bước tiến hết sức vẻ vang và mang tính nhân bản vì sự phục hưng của một châu Âu thịnh vượng và vì hòa bình thế giới. Tuy nhiên, tiếp theo đây sẽ là sự khởi đầu ăn khớp của ba mắt xích: châu Âu, khối thịnh vượng chung và một mối liên hệ hết sức đặc biệt là Mỹ. Và vai trò của Anh nằm trong cả ba mắt xích đó:

Do nằm ở một vị thế có một không hai trên thế giới nên nước Anh có cơ hội đóng một vai trò quan trọng và quyết định trong cả ba nhóm lớn các nước phương Tây... Tất cả mọi chuyển động của thế giới này đều dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quốc gia. Và chúng tôi cảm thấy tất cả những gì đang hiện diện xung quanh mình chính là niềm hy vọng đáng tin cậy nhất. Vậy thì làm thế nào chúng ta có thể chung sức xây dựng nên một tổ chức của toàn thế giới nếu như quyền độc lập tự do và chủ quyền của mỗi nước không hề bị ảnh hưởng?

Chủ nghĩa châu Âu trong đầu Churchill không hề ảnh hưởng gì tới những dự tính của ông về mối quan hệ mật thiết của Anh với Mỹ. Nhưng như những điều Churchill đã nhấn mạnh, đây không phải là lúc đưa vấn đề này ra bàn bạc. Chính sách về Mỹ đã ổn định, và sự ổn định đó vẫn sẽ được duy trì cho tới nhiều thập niên về sau. Nó sẽ thúc đẩy những nỗ lực hành động của khối liên minh châu Âu. Và việc Anh bắt đầu trở thành một bộ phận của liên minh này đã trở thành một yếu tố làm trầm trọng hóa vấn đề, chứ không hề tạo một chút lợi ích nào trong mối quan hệ giữa London với Washington. Và tinh thần Đại Tây Dương mạnh mẽ của Churchill cũng không thể dứt ông ra khỏi sự tận tụy với lục địa châu Âu. Jean Monnet luôn để dành sẵn một lượng hàng hóa và mối quan hệ mật thiết với Mỹ. Paul Henri Spaak, từ vị trí chủ tịch Hội đồng Strasbourg và là người thực hiện hiệp ước Roma đã trở thành tổng thư ký tổ chức NATO. Konrad

Adenauer đã có một “châu Âu thu nhỏ” tuy nhiên ông nhận thức được rằng sự bình ổn mà ông đang cố công tái dựng ở vùng đất phía tây nước Đức về bản chất vẫn là do Mỹ đem lại. Do đó, trong suốt những năm 1950 ông đã bày tỏ thái độ hết sức kính trọng đối với tổng thống Eisenhower.

Điều khiến Churchill không hòa hợp với lục địa châu Âu chính là ở mắt xích Khối thịnh vượng chung. Và trong những ngày này, nó được xem là một khối thịnh vượng trong sạch. Cách nhìn nhận ấy được khởi đầu từ cuộc mít-tinh lớn của toàn châu Âu diễn ra vào ngày 29 -11 - 1949:

Nước Anh là một phần của toàn bộ châu Âu. Và điều đó có nghĩa chúng ta có đóng một phần quan trọng trong sự phục hưng nền thịnh vượng và vĩ đại của châu Âu. Nhưng nước Anh không phải là một quốc gia đơn lẻ. Nước Anh chính là người sáng lập và là trung tâm của toàn bộ thể chế đế quốc và Khối thịnh vượng chung. Chúng ta sẽ không bao giờ làm bất cứ điều gì làm tổn hại đến sự thắt chặt tình cảm cũng như những truyền thống và quyền lợi chung của mỗi thành viên gia đình các quốc gia trong khối Cộng đồng Anh.

Không ai bỏ rơi chúng ta. Đối với việc Anh gia nhập Liên minh châu Âu và Khối thịnh vượng chung không phải là việc không thể xảy ra nhưng dưới con mắt của châu Âu thì việc gia nhập này đã không còn nhiều giá trị. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Liên minh châu Âu, Strasbourg nhanh chóng đưa ra vấn đề tạo lập một hệ thống kinh tế, trong đó không chỉ bao gồm các quốc gia châu Âu mà còn nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác có liên quan.

Rõ ràng đây cũng chính là quan điểm trong đầu Churchill lúc này. Việc Anh có liên quan đến toàn bộ châu Âu không hề làm ảnh hưởng mà còn giúp đẩy mạnh mối quan hệ giữa Anh với Mỹ. Sự khác biệt ở đây là về cách nhìn nhận sự việc ở tương lai. Trong khi nền kinh tế Mỹ liên tục được tăng cường thì nền kinh tế của các quốc gia liên kết trong khối cộng đồng chung có xu hướng suy giảm.

Và điều này nếu còn tồn tại sẽ gây khó khăn cho việc hòa hợp với châu Âu. Tuy nhiên, không phải chính phủ Attlee lẫn chính phủ Churchill mà chính Eden mới là người được phép quyết định hầu hết các chính sách ngoại giao điều hành châu Âu. Và đầu tiên là Macmillan, sau đó là Heath, phải cố gắng quyết định hành động để bù đắp những khoảng thời gian bị bỏ phí, và họ sẽ phải đối mặt với những sự lựa chọn không mấy dễ chịu.

Sẽ là vội vàng nếu như lúc này ta đưa ra những tiên đoán về ý kiến của Churchill trong vấn đề chịu trách nhiệm về những hoạch định chính sách trong hai thập niên 1960 và 1970. Nhưng điều chắc chắn là chủ đề châu Âu mà ông đưa ra vào cuối những năm 1940 và 1950 không hề thiển cận. Đó là một trong những mục tiêu chính trị có tầm ảnh hưởng hết sức to lớn trong thời điểm ấy. Churchill đã có một cái nhìn toàn diện về vấn đề gia nhập của Anh theo hướng đi của châu Âu. Ông kết hợp điều này với khát vọng bảo đảm vị trí của Anh không bị tuột dốc trong các thế lực hùng mạnh của thế giới. Nhưng tại sao ông không đưa ra quan điểm về vai trò ông nắm giữ từ Dunkirk tới Potsdam? Vấn đề ở đây chính là chủ nghĩa châu Âu đã có một vị thế rất sâu rộng với cái nhìn hết sức toàn diện.

Đó là những năm tháng rồi ren và có nhiều sự chống đối trong cuộc đời của Churchill với tư cách một chính trị gia nhưng lại trở thành những câu chuyện hết sức sinh động trong cuốn *The Second World War*. Đúng ra ông có rất ít thời gian khi quyết định có nên viết lại những ký ức chiến tranh này không, nhưng sự ngập ngừng không trở thành vấn đề. Trong suốt những ngày tháng chiến tranh, ông từng đùa cợt rất nhiều lần về chuyện đó. Nhưng cho tới giờ phút này, với những lời phán quyết của lịch sử, ông vẫn vững vàng, bởi phần lớn những điều ông thể hiện trên trang viết đa số là về những biến cố trong cuộc đời của ông. Và viết sách đã trở thành một phần không nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của ông. Không những thế ông còn cần rất nhiều tiền. Kết thúc cuộc chiến, tài sản của ông hầu như rất bấp bênh và không hề ổn định. Những hồi ký chiến tranh ông viết đã giúp ông rất nhiều trong vấn đề tiền bạc và với khả năng sử dụng và quản

lý, ông đã để lại cả một gia tài cho con cháu.

Tồn tại ba vấn đề ông vấp phải trên bước đường đầy chông gai để hình thành cuốn sách lịch sử đầu tiên và những đấu tranh để biến nó trở thành một hoạch định rõ ràng. Điều đầu tiên xảy ra vào cuối tháng 1 năm 1946, khi ông mời Emery Reves (một phiên bản Mỹ hóa của Imre Revesz) đến gặp mặt ở Miami. Lúc này ông vẫn ở trong một tình thế không biết có nên viết hồi ký chiến tranh hay không nhưng tâm lý có phần bị kích động và quá vui sướng khi Reves nói với ông: “Tôi muốn ông thực hiện cuốn sách này”. Sau đó Churchill lại thêm vào một nút thắt khó gỡ mới trong mớ bòng bong (theo Reves thuật lại): “Vì lý do cá nhân và tài chính, Churchill phải thực hiện việc chuyển nhượng với Lord Camrose. Vì ông ấy cần một khoản vốn để thực hiện cuốn sách. Còn về mặt hợp đồng thì tôi (Reves) sẽ giải quyết với Lord Camrose”.

Sau đó Henry Luce, chủ tờ *Time - Life*, bắt đầu muốn kiểm soát, từ những triển vọng của *Life*, tờ báo đã đầu tư rất nhiều vào việc xuất bản cuốn “Những bài diễn văn trong các phiên họp mật” và cả một loạt các tác phẩm hội họa của Churchill. Luce hy vọng rằng điều này sẽ giúp ông trở thành đồng tác giả. Nhưng mặc dù bằng nhiều cách khác (Luce còn ưu tiên trả cho ông tất cả những chi phí của các chuyến đi nước ngoài dài ngày khá tốn kém) ở Mỹ, Churchill vẫn có những giao kèo hợp đồng với Houghton Mifflin, nhà xuất bản nổi tiếng ở Boston với tờ *New York Times*, là một tờ báo khá tên tuổi đã phá lệ để chấp nhận làm việc với *Life*. Ở Anh, ông cũng thương thảo hợp đồng với Castles chủ của tờ *Daily Telegraph* là đơn vị sẽ thực hiện việc in ấn phẩm. Mặc dù vậy, vào năm 1940, ông đã có một số mâu thuẫn trong vấn đề giải quyết công việc với cuốn *The History of English speaking Peoples*, và ông đã có ý muốn rút lui.

Có rất nhiều bàn tay muốn nhúng vào chia phần chiếc bánh này, và một trong số đó là Emery Reves. Reves đòi hỏi quyền lợi về quyền sở hữu những bản dịch ngoài tiếng Anh của cuốn hồi ký chiến tranh và biến nó thành tài sản của mình đồng thời cũng trả cho Churchill những phần phụ thêm khá hậu hĩnh ngoài hóa đơn chính. Mặc dù có rất nhiều kẻ kiểm soát được từ các tác phẩm của ông

nhưng Churchill vẫn là người được hưởng lợi nhiều nhất. Giải quyết các vấn đề viết lách trước chiến tranh cũng đã đủ phức tạp nhưng Churchill vẫn có cách để vượt qua đồng bần lầy này và tìm hướng giải quyết. Nhưng những ánh sáng nhỏ nhoi cuối con đường cũng đã không còn vào cuối thập niên 1940. Cuối năm 1946, Camrose thông báo *Life* sẽ trả 1,15 triệu USD cho quyền ra loạt sách đầu tiên và Houghton Mifflin sẽ đưa trước 250 ngàn USD để Mỹ có quyền phát hành cuốn sách. Đây là những món tiền trên thực tế, có thể tương đương với 7 tỉ bảng Anh hiện nay (tính theo cả tỉ giá hối đoái và mức điều chỉnh lạm phát), nhưng không rõ kế hoạch phát hành này bao gồm bao nhiêu tuyển tập? Con số cuối cùng là 6, mở rộng hơn so với dự tính ban đầu là 5. Tuyển tập đầu tiên đã trong tư thế chuẩn bị và 18 tháng sau sách được phát hành, mất bảy năm rưỡi trước khi tuyển tập cuối cùng hoàn tất. Trong suốt thời gian này, còn có một miếng ngon trị giá 35 ngàn bảng Anh đến từ Lord Camrose, có lẽ dành cho tờ *Daily Telegraph*, mặc dù trước đó có thể Cassells mới chính là người liên quan tới số tiền này.

Điều chắc chắn là quỹ Chartwell Trust đã thu được một lợi nhuận trị giá lên tới hàng tỉ bảng Anh. Số tiền này đã trốn được một khoản thuế trực tiếp do tác giả vẫn còn sống năm năm sau khi hoàn tất những thỏa thuận về cuốn sách, tạm thời những rào chắn trong mùa hè năm 1951 đã được giải quyết. Phần tiền Churchill phải chi, ông nói với Camrose trong năm 1946, không vượt quá 12 ngàn bảng Anh một năm. Giả sử ông sống một cuộc sống vừa phải, thêm phần trả lương cho những phụ tá trong công việc viết lách và nhiều vấn đề khác nữa, tất cả số tiền còn lại ông đều gửi vào Trust. Một phần trong đó ông dành cho những dự định ngoài lề như mua nhà ở London cho Randolph Churchill, nhưng phần lớn ông dành để tích lũy. Nhu cầu của riêng Churchill rất hạn hẹp và vào mùa hè năm 1950 ông nói với Walter Graebner của tờ *Life*: “Tôi nhận được 35 ngàn bảng Anh cho tuyển tập số 5. Số tiền này quá lớn đối với tôi nhưng không là gì cả nếu như đó là cái giá phải trả cho sự thật. Vì vậy những sự thật đó sẽ được chia thành 5 phần trong tập sách. Điều này không đến nỗi tệ”.

Cuốn sách (gần 1,5 triệu từ) đã được viết, y hệt như những điều khoản đã thỏa thuận về mặt tài chính. Từ quan điểm này, buổi gặp mặt thứ ba của ông nếu so sánh sẽ có nhiều điểm khác biệt so với lần gặp gỡ trước với Reves ở Florida và thảo luận với Luce những vấn đề về loạt sách đầu tiên. Vào ngày 29 - 3 - 1946, William Deakin đến dự buổi tiệc trưa của Churchill với tư cách khách mời duy nhất ở Hyde Park Gate. Deakin, ngày xưa là một nghiên cứu sinh trẻ ở Đại học Wadham, Oxford, đã làm việc với Churchill trong vai trò là phụ tá nghiên cứu ba năm trước chiến tranh, đồng thời chịu trách nhiệm chính về tốc độ phát hành đáng nể của ấn bản đầu tiên của cuốn *The History of the English Speaking Peoples*.

Không bao giờ Churchill thiếu nguồn tư liệu. Ông lấy tài liệu từ Văn phòng Nội các (khi nó tách ra làm một tổ chức riêng thì Attlee xem ra có vẻ dễ dãi hơn Bevin), và ông được phép sử dụng những tư liệu này một cách thoải mái, ngoại trừ những thông tin có liên quan tới mật mã Ultra. Ông có quá thừa những nguồn tài liệu chính thức về các giai đoạn chiến tranh, các cuộc liên lạc, các giấy tờ của Nội các, điện tín của bộ tổng tham mưu... Ngoài ra, Norman Brook, với vai trò thư ký Nội các, đã cung cấp cho Churchill những tư liệu chính thức từ một số nhân vật khác. Việc sử dụng lại các giấy tờ hành chính cộng với các trích đoạn những bài diễn văn dài ngoằng có nguy cơ khiến mớ bản thảo càng trở nên rối rắm, đầy những trích dẫn. Chúng đã gây ra không ít lời phàn nàn từ phía đơn vị phát hành sách và nhà xuất bản, đặc biệt là từ phía Mỹ sau những hy vọng về việc hoàn thành tuyển tập sách đầu tiên. Ngày 18 - 11 - 1947, Luce đã phàn nàn với Churchill về việc có quá nhiều đoạn trích dẫn trong khi đó lại thiếu vắng những phân tích sâu sắc dẫn đến làm hỏng ý nghĩa đoạn văn. Một tháng sau đó, với những lời lẽ hết sức lạnh nhạt, Reves yêu cầu ông viết lại gần như trọn bộ tuyển tập đầu tiên. Tuy nhiên, Reves cũng dùng nhiều cách thức để xoa dịu Churchill chấp nhận lời phê bình. Và chỉ sau sáu tháng, sau một mùa Giáng sinh và những ngày đầu năm với những nỗ lực cần mẫn của Deakin và Churchill, cuối cùng khi nhận được trọn bộ tuyển tập đầu tiên, Luce đã gọi điện cho ông

với lời nhận xét: “Thật hoàn hảo”.

Không chỉ riêng Churchill phải đối mặt với những “con thủy triều thất thường”. Tất cả các tác giả khác cho rằng chỉ những bản thảo dài dằng dặc mới thể hiện một phong cách viết phóng khoáng, và hy vọng rằng đó là những trang viết có bố cục chặt chẽ. Khó khăn mà Churchill phải trải qua không đơn giản như vậy. Vì ông còn muốn thực hiện đồng thời nhiều tuyển tập cùng một lúc, càng sớm càng tốt, đưa tất cả ý tưởng thành văn bản, sau đó mới đồng loạt thực hiện việc chỉnh sửa. Churchill bắt tay vào thực hiện tuyển tập thứ nhất và thứ hai với tần suất gấp đôi. Và trong suốt toàn bộ quá trình thực hiện, những thắc mắc và đề xuất về cuốn sách chỉ xuất hiện một thời gian rất lâu sau khi ông đã chuyển sang viết cuốn tiếp theo, (trừ khi đó là cuốn cuối cùng).

Với những công việc như thế đòi hỏi phải có một tổ chức thật chuyên nghiệp, chủ yếu thuộc bộ phận của Deakin. Họ có trách nhiệm không để toàn bộ công việc rơi vào tình trạng hỗn độn. Cũng không nên đánh giá thấp Churchill trong những vấn đề trên. Denis Kelly đã đưa ra một chân dung hết sức sống động và thuyết phục về khả năng biên tập của Churchill. Ông ta viết: “Tôi như được chứng kiến một nhà tạo hình tài ba đang khéo léo tỉ mỉ để đưa những mảnh vườn lồi thoi nhếch nhác trở về với dáng vẻ nguyên vẹn”. Trong toàn bộ sáu chương sách có những đoạn văn đặc biệt mà chỉ có Churchill với tài năng của mình mới có thể viết nên. Phần thưởng đáng giá mà cả Camrose và Luce lẫn Cassells và Houghton Mifflin dành cho ông là một nhà xưởng riêng dùng cho việc viết văn với quy mô lớn. Nhưng đây thực chất cũng chỉ là một động tác nhằm phát huy hết khả năng của Churchill.

Chartwell là nơi có nhiều kỷ niệm để Churchill viết hơn bất cứ nơi nào khác. Ngoài ra, Hyde Park Gate cũng là một nơi ông thường xuyên lui tới. Và ông còn thực hiện nhiều chuyến đi tới những vùng có khí hậu đầy nắng và gió khác, chỉ với mục đích tìm kiếm tư liệu viết bài. Và số chi phí bỏ ra cho những chuyến đi này được tấm lòng hào phóng “bất đắc dĩ” của Henry Luce chi trả trong một thời điểm nhạy cảm, khi nước Anh đang thực hiện việc siết chặt tiền tệ. Số tiền này là

một khoản không hề nhỏ trong những năm tháng đó.

Churchill thực hiện hai chuyến đi kéo dài sáu tuần vào dịp lễ Giáng sinh và năm mới. Ông ghé thăm lại nơi ở cũ của mình tại khách sạn Mamounia ở Marrakech, lần đầu tiên vào năm 1946, 1947, lần thứ hai vào thời điểm 1950, 1951. Ông còn có ba tuần ở Thụy Sĩ vào tháng 8 và 9 năm 1946 và sáu tuần khác cũng vào cùng thời điểm đó năm 1948 ở vùng Provençal. Trong năm 1949 ông ở Hotel de Paris ở Monte Carlo hai tuần rưỡi. Mùa hè sau đó ông trở về lại vùng hồ nước Ý. Sau một quãng thời gian chuyển tiếp giải quyết công việc chính trị ở Strasbourg, ông đến biệt thự của Beaverbrook tại Cap d'Ail. Mùa đông tiếp theo ông đến khách sạn Reid ở Madeira, nhưng phải về nước sớm vì nhận được những tin tức không mấy khả quan về cuộc tổng tuyển cử sắp đến.

Tiền bán cuốn hồi ký chiến tranh dư sức chi trả mọi chi phí nếu tính luôn tất cả những chi phí và cố gắng để thực hiện nó. Tuyển tập đầu tiên xuất hiện vào tháng 6 năm 1948 ở New York và bốn tháng sau có mặt ở London. Trước tháng 8, Churchill được thông báo số tiền bán cuốn sách cổ thể đạt con số 600 ngàn USD trước dịp lễ Giáng sinh, 350 ngàn USD trong số đó là do công ty Book of the Month Club mua lại. Việc không xảy ra bất kỳ sai sót nào khi ra mắt ở Mỹ dẫn đến quá trình xuất bản tiếp tục năm tuyển tập sau đó. Ở Anh, Cassells bán hơn 200 ngàn ấn bản đầu tiên, và khi tuyển tập thứ hai ra đời vào tháng 6 năm 1949, việc in ấn được thực hiện với quy mô đồ sộ hơn với 276 ngàn cuốn.

Phản hồi từ tuyển tập đầu tiên khá tốt, không như những lo sợ ban đầu của Luce, Reves và một số người khác về việc đưa vào quá nhiều tài liệu dẫn chứng (hay cũng có thể những sai sót đó đã được sửa chữa vào mùa đông ở Marrakech). Gilbert đã viết một cách quyết đoán: “Có được những lời nhận xét này là nhờ chính Churchill với tư cách một tác giả bằng tất cả khả năng của mình đã tạo ra cảm giác thỏa mãn trong lòng người đọc”. Và những tuyển tập sách tiếp theo cũng nhận được những tình cảm hết sức nồng nhiệt. Tuyển tập thứ hai, *Their Finest Hour*, chính là tập sách đỉnh cao trong cuộc đời cầm bút của Churchill. Tập sách thứ ba, *The Grand Alliance*, là tập sách đem lại nhiều lợi

nhuận nhất. Tuyển tập thứ tư, *The Hinge of Fate*, cũng đem lại rất nhiều tiếng vang. Trong đó có những lời nhận xét hết sức thân thiện.

Trước tiên hết là của *The Times*, một tờ báo vốn rất ít khi quan tâm đến tác phẩm của Churchill. Trong dịp này họ còn đề cập đến những “cảm xúc của người đọc khi tìm thấy rất nhiều điều... lúc được lật những trang viết tự truyện hết sức sống động và đầy tính tạo hình”.

Cả hai cuốn, thứ năm *Closing the Ring*, và thứ sáu *Triumph and Tragedy*, đều ra đời khi ông trở về lại số 10 phố Downing lúc này ông đã không còn ở đỉnh cao phong độ. Việc phát hành cuốn sách cuối cùng vẫn diễn ra khá tốt, mặc dù có nhiều lo ngại từ các nhân vật đỡ đầu về việc có nên phát hành cuốn sách hay không. Có thể một phần do người mua muốn sưu tập trọn bộ tập sách (một lý do mạnh mẽ hơn nhiều chính vì cuốn sách là tập hợp sức mạnh của rất nhiều cqn người đã dồn hết tâm huyết vào đó), chứ có thể không hẳn đây đã là một cuốn sách hay. Những lý do này đều đúng với cả độc giả Anh và Mỹ. Và liệu sáu tập sách có phụ thuộc phần nào vào phần đông những độc giả còn lại, là những người không biết đến cuốn sách? Quan điểm này cũng không có gì đáng bàn cãi. Mặc dù chỉ có duy nhất một khía cạnh đặc biệt là, nếu như ta bỏ qua phần lớn những đoạn trích dẫn thì cuốn sách có vẻ dễ được người đọc tiếp nhận hơn. Churchill đã có lần phát biểu, theo những gì Deakin thuật lại: “Đối với tôi, đây không phải là một cuốn sách lịch sử”, một tác phẩm vẫn còn có những chỗ mập mờ và thiếu chính xác, lại không thiên về tính văn chương rõ rệt như tác phẩm *The World Crisis*. Nhưng đây chính là tác phẩm để đời cuối cùng, là thành quả cố gắng hết sức của một tác giả - chính trị gia của thế kỷ 20. Nó là một tài liệu vô giá, là mục đích sống của Churchill trong suốt những năm tháng có cảm giác như một vai diễn bị gạt bên lề.

Trong suốt những năm tháng ấy, bên cạnh công việc chính trị, viết hồi ký chiến tranh và những chuyến đi đây đó, tâm trạng và tinh thần của Churchill cũng có những lúc lên xuống thất thường. Không lúc nào ông thiếu những lời nhắc nhở từ phía Clementine để tránh xảy ra những hành động sai lầm gây hậu

quả đáng tiếc, mà bản chất của những hành động đó cũng là do tính liều lĩnh và thiếu thận trọng của bản thân ông. Clementine đã ngăn cản không cho ông mặc bộ quân phục thiếu tướng không quân trong lần ghé thăm Paris vào dịp tháng 5 năm 1947: “Theo ý tôi, bộ đồng phục không quân không tạo nên một ý nghĩa gì, trừ khi ông mặc nó khi đi cùng với những phái đoàn không quân... Tôi thích ông mặc bộ quần áo giản dị hàng ngày hơn”. Bà cũng khuyên ông nên đến buổi lễ tưởng nhớ đại sứ Winant ở London vào tháng 11 thay vì để một mình bà đi. Vào tháng 3 năm 1949, bà không cho ông lưu lại nhà Beaverbrook tại Jamaica. Điều mà theo như bà nói, nếu chuyển đi này được công khai sẽ tạo dư luận không tốt và giảm sút niềm tin mạnh mẽ trong giới báo chí. Nhưng bà cũng có lần thất bại. Có thể do lần đó bà không có mặt, không thể cản Churchill dùng những lời lẽ nhục mạ dành cho cô con gái Sarah, khi vào tháng 1 năm 1949 cô dắt Anthony Beauchamp về ở Hotel de Paris tại Monte Carlo với tư cách là chồng, trong khi cô đã ly dị với chồng cũ là Vic Oliver vào đầu năm 1945. Churchill ngay lập tức phản đối và không hề tỏ ra lịch sự với người con rể mới.

Trong những tháng năm ấy, khi Churchill nhận được sự kính trọng của cả thế giới, ông vẫn đang trông chờ điều đã tiên liệu về thất bại của chính phủ Attlee và quyết tâm lấy lại quyền lực. Hơn lúc nào hết, có hai suy nghĩ luôn ám ngữ trong đầu ông. Và trong cả hai trường hợp, cha ông là người đóng vai trò nổi bật. Lần thứ nhất, ông đã bị thuyết phục những gì mình chứng kiến là sự thật. Và ông đã viết lại câu chuyện đó ra giấy sau khi kể lại cho con trai nghe. Câu chuyện được biết đến với cái tên “Một giấc mơ”:

“Một buổi chiều trời đầy sương mù tháng 11 năm 1947, tôi ngồi trong phòng làm việc tại một căn nhà nhỏ phía dưới ngọn đồi ở Chartwell. Tôi đang sao chép một bức chân dung của Lord Randolph. Tôi chỉ muốn nghịch một chút với bộ ria mép của ông nhưng đột nhiên tôi có cảm giác rất lạ. Tôi đảo mắt một vòng với bảng màu vẽ vẫn cầm trên tay, và tại đó người đang ngồi trên chiếc ghế bành da màu đỏ không ai khác chính là cha tôi. Tôi nhìn ông với cái nhìn của những ngày hoàng kim...”. Tiếp sau đó là một cuộc đối thoại gần ba ngàn từ trong tưởng

tượng giữa cha và con. Người con trai cố gắng giải thích với người cha đang hết sức hoài nghi về những đổi thay đang diễn ra trong nước Anh và thế giới trong suốt nửa thập niên qua. Lord Randolph đã thừa nhận con trai mình đã trở thành một chiến binh về hưu và một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng ông lại ngạc nhiên về sự giàu có mà con trai có được. Cuối cùng, sau những điều tra đầu thế kỷ 20, người cha nói:

Những lời của con đã sáng tỏ những bí mật ghê gớm mà con dường như đã biết về chúng quá rõ. Ta chưa bao giờ mong đợi ở con sự cố gắng kiên lâu dài và hoàn hảo. Tất nhiên, bây giờ con cũng đã quá lớn tuổi để phải bận tâm về những điều như thế nhưng khi nghe con nói, ta cũng có chút băn khoăn không biết có sai lầm không khi con không còn đi theo con đường chính trị. Con có thể giúp ích được rất nhiều điều và con cũng có thể tạo dựng được tên tuổi cho bản thân.

Trước khi Winston Churchill kịp giải thích các câu hỏi về những thắng lợi lớn của mình thì đột nhiên có một làn khói nhỏ bay lên và Lord Randolph biến mất.

Gần hai tháng sau, tại Marrakech, Churchill được hỏi thời điểm nào ông muốn hồi sinh, ông trả lời: “Bất kể thời điểm nào của năm 1940”. Sau đó ông còn nói: “Tôi ước chỉ một vài người còn sống để nhìn thấy những sự kiện cuối cùng của cuộc chiến tranh, không nhiều, đơn giản chỉ là cha mẹ tôi, F.E. [Smith], Arthur Balfour, và Sunny”. Cái tên cuối cùng ông kể đến là công tước thứ chín của xứ Marlborough, có thể được xem như đây là một sự thêm thắt có phần kỳ cục trong danh sách. Đa số họ, nhất là cha ông và Balfour, và cả mẹ ông là những người đã không đánh giá cao khả năng của ông. Churchill muốn họ sống lại để nhìn thấy những thành quả tuyệt vời mà ông đã làm.

Những năm tháng bị từ chối đã trôi qua, cũng đánh dấu bằng khá nhiều sự kiện mặc dù ông không mấy lưu tâm. Như vào những năm 1930 và giai đoạn đầu cuộc chiến, đó là một thế giới đôi lúc lạc quan, nhiều khi buồn chán cùng với

Churchill, một con người với một chút ác cảm, một chút lôi cuốn, một vẻ hồn dỗi đậm nét cá nhân. Đêm 13 - 12 -1946, khi London vẫn còn đang lộng lẫy, Churchill phải vật lộn để trở về nhà từ khách sạn Savoy, sau bữa ăn tối ở Other Club. Xe của ông bị bao phủ bởi sương mù dày đặc tại góc công viên Hyde Park. Sau đó, ông phải đi bộ tới Knightsbridge. Khoảng nửa đoạn đường về nhà, ông mất kiên nhẫn nên đã vào khách sạn thuê một phòng và đánh một giấc ngủ ngon tới gần hết ngày hôm sau, không hề bận tâm tới những thư ký, giấy tờ công việc, những điều xì gà, whisky và tất cả những thứ khác.

Chương 42

HAI CUỘC BẦU CỬ VÀ SỰ PHỤC HƯNG

Cuộc tổng tuyển cử năm 1950 và 1951 là hai cuộc bỏ phiếu toàn dân rộng rãi nhất trong lịch sử Anh. Lần đầu tiên, có 83,9% phiếu bầu đủ tư cách được chọn, cao hơn bất kỳ cuộc bầu cử nào từ khi diễn ra các cuộc bỏ phiếu toàn cầu. 20 tháng sau con số này chỉ giảm xuống 82,6%, hoàn toàn trái ngược với những gì xảy ra trong năm 1910, hai cuộc bầu cử diễn ra trong cùng một năm thì lần thứ hai số phiếu bầu đã giảm xuống tới 7%. Tất cả điều này cho thấy Anh đã tìm ra một sự đồng thuận cao độ trong toàn bộ hệ thống chính trị. Quốc gia này, điều Churchill rất thích mỗi khi đưa ra dẫn chứng, đã vượt qua khỏi cảnh thiếu thốn và suy yếu chỉ năm năm sau khi giành chiến thắng. Nhưng điều này không tạo sự thỏa mãn.

Hơn thế, trong cuộc bầu cử lần hai, 97% trong số 82,6% bỏ phiếu hoặc cho Công Đảng hoặc cho Đảng Bảo thủ và khuôn mẫu đó được thực hiện hầu như xuyên suốt nước Anh. Những ưu khuyết điểm của mỗi cá nhân ứng viên dường như không có quá nhiều sự khác biệt. Chỉ cần một nhóm nhỏ kết quả bầu cử được thông qua thì người ta có thể dự đoán được toàn cảnh với độ chính xác khó ngờ. Điều này cho thấy sự trung thành cao độ đối với các đảng chính, trái ngược với vị thế của nó ở những giai đoạn các thập niên 1980 và 1990 khi chỉ có 70%, một con số tham gia nhỏ hơn rất nhiều. Điều này cũng thể hiện tương tự trong năm 1950, khác biệt chủ yếu chỉ là ở chỗ Công Đảng thu được 9% so với 2% vào năm 1951. Hai nguyên nhân chủ yếu sau đây nằm ở các vị trí lãnh đạo.

Thứ nhất, cần có một đường lối chỉ đạo đặc biệt thể hiện trách nhiệm trong

mỗi chiến dịch. Nếu mỗi cá nhân ứng viên không ra sức lôi kéo cử tri thì người lãnh đạo phải làm công việc đó. Công tác truyền thanh không thực hiện rầm rộ như năm 1945. Nhưng điều này lại rất quan trọng, và có thể còn quan trọng hơn vào thời điểm 1945. Đó chính là những bài nói chuyện của các nhân vật lãnh đạo chủ chốt trong các chiến dịch tranh cử. Hai cuộc bầu cử này giúp Churchill có cái nhìn cân nhắc hơn về các cuộc nói chuyện trong các hội trường lớn ở các tỉnh hơn là trước những đám đông người cổ vũ như năm 1945.

Thứ hai, trong bốn năm rưỡi ở Nghị viện, Đảng Bảo thủ mặc dù luôn chiếm ưu thế về số phiếu bầu và thực hiện tốt công việc của mình trong các cuộc tranh cử địa phương, nhưng không thể làm suy giảm đa số của các nghị sĩ Công Đảng bằng những chiến thắng trong các cuộc bầu cử đơn lẻ sơ bộ.

Viễn cảnh đặt ra trước mắt Churchill đầu năm 1950 quá ư đơn giản và ông cũng không đại gò suy nghĩ theo một chiều hướng khác. Đảng Bảo thủ có một đội quân đầy ấn tượng. Cùng với Churchill, Eden được xem là một ứng viên đầy kinh nghiệm, có đường lối ôn hòa và có khả năng thu hút nhiều phiếu bầu. Theo cách nhìn nhận khác thì Butler và Macmillan lại là những nhân vật chủ chốt có sức thuyết phục khá lớn. Hai anh em nhà Olivers Stanley và Lyttelton, người thứ nhất đã sớm từ trần, còn nhân vật thứ hai chỉ được nhớ tới với vai trò bộ trưởng, đặc biệt trong giai đoạn chiến tranh, xứng đáng nằm ở hàng đầu phe đối lập trong Nghị viện. Và Lord Woolton, một thương nhân đến từ Liverpool, người cung cấp nhu yếu phẩm cho nước Anh trong thời chiến và cũng chính là câu trả lời cho W. H. Smith trong thế kỷ 20, người đã làm hồi sinh tổ chức Đảng Bảo thủ trong thời kỳ nó hấp hối.

Trong cả hai lần bỏ phiếu, Attlee, một trong những người chèo lái con thuyền khéo nhất trong lịch sử Nghị viện, đã chỉ đạo đội quân ủng hộ ông ngày một gia tăng. Mặc dù không kém phần ghê gớm, nhưng đội quân Attlee cũng là một trở ngại đối với hy vọng của Churchill.

Churchill trở về từ Madeira vào ngày 12 - 1 - 1950. Ngày bỏ phiếu được

thông báo là ngày 23 tháng 2. Ông ngập đầu trong hàng mớ công việc và đầy rẫy những thông tin không mấy khả quan: “Anh chưa thể nghĩ tới bất cứ việc gì ngoài công việc chính trị... từ ngày trở về”, ông viết cho Clementine vào ngày 19 tháng 1. Ông thông báo số phiếu bầu đã có “một sự sụt giảm đáng kể”, vì vậy các Đảng viên bảo thủ hiện chỉ còn dẫn trước ba điểm với Công Đảng so với con số 9 điểm trước đây khi ông vừa đi khỏi. Kết quả của những nỗ lực của ông trong suốt năm tuần đã thu hẹp vị trí dẫn đầu của Đảng Bảo thủ dẫn đến việc Công Đảng dẫn trước 2,6%. May mắn cho ông là kết quả số ghế ở Nghị viện cho thấy còn thu hẹp hơn. Nguyên nhân là do quan điểm mạnh mẽ của các thành viên chủ chốt thuộc Đảng Bảo thủ trong hệ thống bầu cử đã bị đảo ngược. Điều đó có nghĩa là các cử tri ủng hộ Công Đảng đã chấp trước đối thủ của mình một khoảng cách xấp xỉ 50 ghế.

Một phần bộ máy chính phủ đã được phục hồi trong quá trình tập trung ý kiến cho cuộc bầu cử, và không hề có ý kiến cho rằng Churchill đang chiến đấu cho một chiến dịch tranh cử tồi. Nhìn nhận ở nhiều cách khác nhau thì đây vẫn là một cuộc bầu cử tiến bộ hơn so với năm 1945, thậm trọng hơn, ít tốn năng lượng hơn và không hề có những câu nói sai lầm. Nhưng điểm giống ở đây là Churchill vẫn có những bài phát biểu đáng nhớ. Bài nói chuyện gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 2 tại Edinburgh và lần thứ hai là vào ngày 17, chỉ có duy nhất hai bài nói chuyện này được truyền đi rộng rãi trên các phương tiện truyền thông. Tại thủ đô của Scotland, ông nói: “Hy vọng tha thiết nhất của tôi là có thể tìm ra những cách thức bảo đảm an toàn cho người dân. Việc này dựa trên những nền tảng cao quý và đáng kính trọng hơn là những hướng giải quyết chỉ mang tính bạo lực và hết sức mù mịt bằng sức mạnh của những quả bom. Nhưng chúng tôi không thể ngay lập tức *gỡ bỏ* bức tường bảo vệ này trừ khi tìm được một nguyên nhân thích hợp và bảo đảm để kết thúc”. Sau đó mấy giây, ông lại quay về với đề tài quen thuộc trong những năm cuối cùng của chiến tranh, là mục tiêu chính yếu của ông trong những tháng ngày làm việc cuối: “Tôi không thể trở về quan điểm mạnh mẽ nhất trước kia với nước Nga Xô Viết. Ý kiến này đối với tôi có thể

hiếu là một cố gắng tốt bậc để bắc nhịp cầu giữa hai thế giới vốn đã cách quá xa. Mỗi nước có một cuộc sống riêng của nó. Nhưng nếu như không còn tình bạn thì ít nhất cũng không nên dẫn tới nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh lạnh”.

Trong một bài nói chuyện nghiêm túc trên đài phát thanh ông đã tìm lý lẽ để minh chứng cho trường hợp của nước Anh “một sự gắng gượng” cố vùng khỏi những hạn chế không cần thiết do chính quyền Công Đảng áp đặt:

Tôi nhớ lại câu chuyện của một phạm nhân trong nhà ngục Tây Ban Nha. Trong nhiều năm anh ta đã ấp ủ ý định vượt ngục. Anh ta có thử hết cách này đến cách khác nhưng tất cả đều không đem lại kết quả. Một ngày nọ, anh đẩy cánh cửa xà lim, nó đột nhiên hé mở và không biết rằng từ trước giờ nó vẫn luôn như thế. Anh bước ra ngoài trời tận hưởng ánh nắng chan hòa ngập tràn của một ngày mới. Sắp tới đây, vào một ngày thứ năm vô cùng đặc biệt, các bạn sẽ trải qua cảm giác đó. Sẽ có rất nhiều người chào đón chúng ta quay trở lại hàng ngũ quốc gia. Điều kiện khiến chúng ta hết sức hoang mang và một chút tiếc nuối, là chính những con người đó chỉ vài năm trước đã từng là mục tiêu để chúng ta giữ ngọn cờ độc lập tự do tung bay phấp phới.

Câu nói cuối cùng là một cách nói ẩn dụ, ta có thể hiểu rằng “nhà ngục Tây Ban Nha” ở đây không phải muốn ám chỉ một nước Anh của Attlee mà muốn nói tới thời điểm diễn ra bầu cử. Và ít nhất điều này cũng không làm chói tai người nghe như bài diễn văn chống Đức trước đó năm năm.

Lý do làm cho bài nói chuyện này không gây được tiếng vang lớn là, về cơ bản Churchill đã chấp nhận ở ngoài trận chiến, mặc dù ông cũng đã mất rất nhiều thời gian với các chính sách ngoại giao của Ernest Bevin. Và ở mặt trận trong nước, địa thế chiến đấu càng bị thu hẹp và ngày càng căn cỗi. Churchill đã nói rất nhiều về việc quốc hữu hóa. Nhưng ông không hề có ý định tư hữu hóa ngân khố nước Anh (dưới dạng tư hữu hóa và quyền cai quản của Montagu Norman, ông sẽ có nhiều thứ hơn vào năm 1925-1929), hay hệ thống

đường sắt (sự công hữu đã nhận được sự tin tưởng từ gần 40 năm nay), hoặc các hầm mỏ (ông hết sức thông cảm với giới chủ hầm mỏ về hậu quả của các cuộc tổng bãi công), hoặc ngay cả hệ thống hàng không Anh, xăng dầu, điện. Những thứ này chưa bao giờ làm dậy lên trong ông những ham muốn mạnh mẽ, dù bằng cách này hay cách khác. Trên những điều khoản thực tế, vấn đề chỉ giới hạn trong ngành công nghiệp luyện thép, ngoài ra còn áp dụng với ngành công nghiệp mỏ. Nhưng việc quốc hữu hóa thực chất chỉ nằm trên quy chế chứ không được thực hiện một cách hoàn toàn. Đảng Bảo thủ đã đề xuất một sự thay đổi triệt để so với những gì mà Công Đảng đã làm trước đây. Nhưng sự tự do vận tải hàng hóa không phải là một chủ đề thích thú bàn tới ngay cả khi không có nhiều áp lực đè nặng lên nó như so với ngày nay. Bên cạnh đó, Công Đảng còn đề xuất một số lĩnh vực quốc hữu hóa, như tinh chế đường, xi măng, buôn bán thịt và bảo hiểm an sinh.

Mặc dù cùng với Edinburgh, Churchill có những cuộc gặp gỡ ở Leeds, Manchester, Cardiff và Plymouth, ông tập trung nhiều hơn vào Woodford hơn so với năm 1945. Tại đây ông thực hiện ba bài phát biểu dài và dành hết cả ngày tiếp chuyện các cử tri. Sau đó ông trở về Hyde Park Gate để nghe ngóng kết quả, ban đầu có một sự nhầm lẫn khá nghiêm trọng, do chưa thạo về vấn đề nghiên cứu kết quả bầu cử. Số lượng các ghế ở khu vực thành phố được đếm nhanh hơn, chỉ trong một đêm, Công Đảng đã vượt lên dẫn đầu. Nhưng khi có kết quả trong toàn quốc vào sáng hôm sau thì vị trí dẫn đầu này nhanh chóng không còn được giữ vững. Trước giờ ăn trưa, hy vọng của đa số Công Đảng đã bị tiêu tan, mặc dù Attlee vẫn còn giữ chức thủ tướng. Lần kiểm phiếu cuối cùng đem lại cho ông ta thêm 17 ghế nữa hơn Đảng Bảo thủ nhưng tổng số cuối cùng chỉ là 6 ghế.

Mặc dù cũng có vài điều thất vọng nhưng Churchill không quá tệ hại như những gì ông đã phải gánh chịu trong năm 1945. Có thể ông sợ điều gì đó tệ hại hơn và tự an ủi bằng suy nghĩ ông đã viết trong một bức thư: “Một cuộc bầu cử nữa trong vài tháng tới sẽ là một điều tất yếu”. Ông đã được 75 tuổi, không một ai khi ở cái tuổi đó ngoại trừ Palmerston, Gladstone và Disraeli (chỉ năm quyền

trong vòng hai tháng) còn giữ chức thủ tướng. Nhưng Churchill cảm thấy ông đã đưa Đảng Bảo thủ đi đủ xa để cuối cùng đem lại vị trí cho chính quyền Công Đảng. Rất nhiều đồng sự và người thân cận của ông không đồng ý, họ cho rằng đảng sẽ hoạt động tốt hơn nếu dưới sự lãnh đạo của Eden. Nhưng khó lòng mà thay đổi điều gì một khi Churchill đã có quan điểm rõ ràng.

Ông biểu thị quyết tâm bằng một thông điệp cá nhân trước Nghị viện mới với rất nhiều thế lực ủng hộ đảng. Bằng một cách hơi ngang ngạnh, ông cảm thấy dường như sức mạnh của chính phủ cầm quyền đang bị lung lay bởi kết quả bầu cử hơn là do chính bản thân ông. Trong ngày đầu tiên của cuộc tranh luận, đã diễn ra một số vấn đề trao đổi giữa ông và chủ tịch Quốc hội.

Vì vậy một Nghị viện mới bắt đầu vừa lóe lên một vài tia sáng đã kết thúc nhanh chóng với những quan điểm bất đồng. Trong suốt hai mươi tháng, Churchill đã hành động không mệt mỏi với nỗ lực đảng phái nhưng không hề có sự phân biệt với các vị bộ trưởng đối đầu với ông. Thời gian đã làm ông dần mất đi sự kiên nhẫn.

Tháng 10 (1950) là một tháng không hề xảy ra bất kỳ tranh cãi nào trong Nghị viện. Vào ngày 1 tháng 10, Churchill kỷ niệm lần thứ 15 ông được bầu vào Nghị viện, một dịp hiếm thấy nhưng không phải chưa bao giờ xảy ra. Ngày 26 cùng tháng, Hạ viện đã trở lại vị trí cũ sau gần mười năm. Churchill rất thiết tha giữ lại hình dạng và hạn định ban đầu của Hạ viện cũ, ông đã thực hiện một bài nói chuyện mang đậm nét truyền thống trong ngày khởi công. Đối với cá nhân ông, nó còn có tính chất mở đường cho việc vận động hành lang của các thành viên, là bước khởi đầu cho một chính phủ mang tên Churchill.

Sau đó, tháng 3 năm 1951, vì lý do sức khỏe, Bevin phải rời văn phòng Bộ Ngoại giao, chỉ một tháng sau đó ông mất. Churchill với vai trò lãnh đạo đã đưa ra một thông báo bất thường truyền rộng rãi đến các đảng phái chính trị bày tỏ lòng thương tiếc của ông về sự mất mát này. Churchill nói: “Ông đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong Bộ Ngoại giao. Ông đã giúp thắt chặt thêm mối quan hệ

giữa nước Anh và Hoa Kỳ. Những đóng góp của ông trong việc xây dựng hiệp ước Đại Tây Dương sẽ mãi được người đời ghi nhớ”.

Không may là mối quan hệ giữa Churchill với các cộng sự trong thời kỳ này có cảm giác đầy chông gai chứ không “tốt đẹp” như những đánh giá của ông đối với Attlee, hay những lời hết sức hào hiệp được truyền đi rộng rãi trên đài phát thanh mà ông dành để gửi tới Bevin.

Trước cuộc tranh cãi diễn ra vào tháng 7, vấn đề trọng tâm Churchill đưa ra về việc phòng thủ nước Anh đã diễn ra không mấy thuận lợi. Không nghi ngờ gì nữa, tham vọng của Churchill là muốn giành lại những quyền lợi vốn thuộc về Anh. Việc Attlee chống đối sẽ gây ra một mối ngờ vực và bất ổn không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài.

Churchill còn chỉ trích chính phủ chậm trễ trong việc sản xuất vũ khí nguyên tử, mặc dù sau khi trở về với công việc sau một năm, ông đã không khỏi ngạc nhiên với những thành quả đã thực hiện được. Ông còn sai lầm trong quyết định hạn chế quyền của một số bộ trưởng trong việc sản xuất bom nguyên tử (sau đó ông đã bị buộc phải thừa nhận sai sót của mình). Thời điểm càng mang tính thử nghiệm thì ông càng không muốn bị loại trừ ra khỏi chiếc ghế điều hành. Vào thời điểm này, ông cảm thấy mình đang ngồi ở một vị trí cao hơn tất cả. Thế giới càng có nhiều biến cố thì ông càng cảm thấy bất lực nếu như không được nắm quyền lực trong tay. Tuy nhiên, hơn bất kỳ một nhà lãnh đạo chính trị hay quân sự nào, cảm giác mà ông có được chính là dùng vũ khí nguyên tử cũng đồng nghĩa với hành động phá hủy nền văn minh. Và trong khi thuyết phục rằng chỉ có Mỹ mới có thể tạo dựng nên một rào chắn hoàn hảo, ông đã vận dụng nó một cách thận trọng.

Khi trở về, Churchill có ghé qua Paris vào ngày 23-1-1951, hơn lúc nào hết ông rất náo nức muốn chính phủ thực hiện một cuộc bầu cử sớm. Ông muốn làm điều gì đó khích lệ tinh thần mọi người và đã thành công. Bevin mất ngay trước lễ Phục sinh. Attlee phải nằm một tháng ở bệnh viện với chứng bệnh loét dạ dày

và ba vị bộ trưởng trong tình trạng sắp rời ghế.

Nội các mới vẫn còn nhiều hạn chế về khả năng kéo căng sức chịu đựng của nền công nghiệp Anh và chính Churchill chỉ ra điều này một năm sau đó khi ông đảm nhận chức vụ thủ tướng. Nó không thể ngăn cản ông đưa ra thái độ thiếu tin tưởng vào khả năng của chính phủ trong ngày thứ hai của buổi thảo luận về những bằng chứng xác nhận “sự dao động và chậm trễ” đối với việc thực hiện các chính sách phòng thủ hiệu quả. Bài diễn văn dài của ông thể hiện rất rõ sức mạnh. Tuy nhiên cũng không mấy thành công do tác động của thất bại từ việc Anh không thể tự tạo một quả bom nguyên tử trong suốt khoảng thời gian năm năm rưỡi. Attlee, khi đã chắc chắn nhận được sự thừa nhận của Churchill một năm sau, đã rất kìm nén không vạch trần bản chất của vấn đề, sự thật một khi được sáng tỏ sẽ có thể làm hủy hoại Churchill. Gaitskell, một nhân vật mới còn rất trẻ của Bộ Tài chính Anh, một người rất nhiệt tình với kế hoạch tiền NATO và vấn đề cải tổ vũ khí (như nhiều ý kiến nhận xét đây là một cái đầu có khả năng chính trị tốt), đã sớm có phản hồi. Churchill, bằng một trò đùa trẻ con đã hoàn toàn phá hỏng phần đầu bài nói chuyện của Gaitskell. Ông đã dùng một thủ đoạn vô cùng đơn giản, tạo nên sự phân tâm khiến cho cả người nói và người nghe không thể tập trung. Churchill hết quay bên này tới quay bên kia, nhìn xuống đất, nhìn dưới đồng giấy tờ, tìm trong túi quần và ở những vết rạn nứt trên ghế, tìm phía sau của các dãy ghế hàng trên, đến mức khiến cho Gaitskell phải dừng bài nói chuyện để hỏi xem việc gì đang xảy ra. Churchill từ từ đứng dậy: “Tôi chỉ đang tìm một viên jujube”. Viên jujube là một cách gọi cũ của ông về một loại kẹo ngậm thơm. Gần như cả Nghị viện đều cười nghiêng ngả.

Đây không phải là một trò đùa tử tế hoặc khôn ngoan mà chỉ là một chút mách lới của Churchill nhằm chống đối lại tầng lớp trí thức trung lưu thuộc Công Đảng.

Điều rõ ràng là từ mùa xuân năm 1951, không có bất kỳ trở lực nào trong tiến trình đưa chính phủ ra khỏi kế hoạch này. Phe đối lập phát hiện thấy bằng cách chống lại hầu như mọi đề xuất quản lý, họ có thể khiến cho Nghị viện ngồi

yên trong những chiếc ghế của mình từ đêm này qua đêm khác. Có rất ít rào cản cản đường Churchill trong khát vọng đưa chính phủ ra khỏi kế hoạch. Khi muốn, ông vẫn có thể phản kháng và rời khỏi Nghị viện bất kỳ lúc nào. Hơn thế, ông còn được tự do phát biểu những điều mình muốn, bốn phần cuối cùng của ông là thanh toán cho xong công việc ở chính phủ. Mục đích của Churchill là muốn thể hiện sức mạnh đối với những kẻ theo sau. Ngày 7 tháng 6, ông dùng bữa tối tại Other Club, sau đó trở về Nghị viện sau một ngày lãnh đạo phe đối lập. Harold Macmillan đã có một bài văn mô tả khá hay trong cuốn nhật ký về câu chuyện đêm hôm đó và một tuần sau. Trong bài đầu tiên ông viết: “Churchill vô cùng thích thú về buổi tiệc...” Ngày 14 tháng 6 ông viết: “Những ngày này là thời điểm ông thể hiện sinh lực đầy tràn và khát vọng sống. Ông bỏ phiếu bầu ở tất cả các khu vực, thực hiện một loạt bài phát biểu, thể hiện tất cả khả năng hài hước và châm biếm của mình”.

Trong kỳ nghỉ hè năm 1951, Churchill đã phàn nàn rất nhiều về cái cảnh mưa rả rích ở Chartwell, vì vậy ông cùng với vợ tới dưỡng bệnh ở Annecy, một nơi có vẻ còn chán hơn. Kết quả ông quyết định về lại Venice, ngụ ở khách sạn Excelsior tại Lido trong hai tuần, sau đó bay về nước, như thường lệ có ghé qua và ở hai đêm tại tòa đại sứ Anh. Điều khác biệt duy nhất so với những năm 1930, đó là Jean Monnet được mời đến cùng ăn trưa với ông, và hôm sau tới lượt tướng Eisenhower. Ông này là khách mời duy nhất trong buổi trưa hôm đó. Churchill trở về London trong một thời điểm tốt, nhận bức thư của Attlee ngày 20 tháng 9, thông báo trước cho ông những chi tiết ngắn gọn trong cuộc bầu cử diễn ra ngày 25 tháng 10.

Đó là lần cuối cùng Churchill có cơ hội quay trở lại công việc. Tất nhiên, trong suốt chiến dịch tranh cử không có điều gì khiến ông phải phát sốt, đây đã là lần bầu cử thứ 14 của ông và lần thứ 17 (ba lần bầu cử sơ bộ) ông trở thành ứng viên Nghị viện. Có thể, so với năm 1950, ông nghĩ bức tường thành có nguy cơ sụp đổ cao hơn nhiều. Thật ra thì kết quả là điều gần nhất có thể tưởng tượng được. Những cách nhìn nhận trong công chúng được truyền đi với nhiều cách

khác nhau. Ông đã nhận thức được vấn đề và nỗ lực hết sức để tạo dựng một khối liên minh giữa Đảng Bảo thủ và Đảng Tự do trong mùa xuân trước. Những cảm giác thích thú của cá nhân ông cộng với niềm tiếc nhớ quá khứ đã khiến ông rất hồ hởi trong mối quan hệ thân thiện với Violet Bonham Carter. Ngày 25 tháng 3, ông đã viết những dòng hết sức thỏa mãn cho vợ: “Anh đã sắp xếp mọi thứ đâu vào đó với Violet ở Colne Valley, nhưng số phiếu của tổ chức liên hiệp Đảng Bảo thủ (bí mật) là rất sát nút: 33 so với 26”.

Vấn đề là liệu Đảng Bảo thủ ở địa phương có nên rút các ứng cử viên của mình ra khỏi và cho bà Violet một bước tiến chống lại các ghế đang thuộc Công Đảng hay không. Glenvil Hall, thủ lĩnh Công Đảng trong Nghị viện, người đã giữ vững được số ghế của đảng vào năm 1950, nhưng cũng nhận được ít hơn số phiếu của hai Đảng Bảo thủ và Tự do cộng lại. Một khi bà ấy ngồi ở vị trí này và đưa ra những bài phát biểu chống lại Đảng Xã hội thì tôi hy vọng tất cả mọi thứ sẽ tốt đẹp”. Một câu nói làm yên lòng chính Churchill. Tuy nhiên sự mong đợi cũng có căn cứ. Nếu kết hợp những bài nói chuyện của bà cùng sự ủng hộ của Churchill (tính luôn cả cuộc gặp gỡ giữa Churchill với bà ở Huddersfield trong thời điểm đỉnh cao của chiến dịch) thì họ đã giành thắng lợi, thu được 95% số phiếu bầu trước đây của Đảng Bảo thủ và Lao động khi họ tách riêng. Nhưng bao nhiêu đó cũng chưa đủ. Hall đã sống sót với đa số phiếu 2.189. Tuy nhiên, sau đó Churchill đã nhận được một bức thư cảm ơn cổ vũ tinh thần ông chỉ vài ngày sau cuộc viếng thăm. “Thung lũng này vẫn còn ngời sáng với sự hiện diện của ông”. Những điều Violet viết, cho thấy những từ ngữ của bà trên trang giấy cũng có sức mạnh không hề thua kém bất kỳ một bài diễn văn nào. Và cách thức này của Churchill đã giúp làm dao động số phiếu bầu quyết định của các cử tri ngoài Đảng Tự do ở các khu vực bầu cử khác. Một đặc điểm dễ nhận thấy của cuộc bầu cử năm 1951 so với năm 1950 là một sự suy giảm mạnh số phiếu bầu của Đảng Tự do (một phần do số ứng viên giảm) xuống còn 1,9 triệu, trong khi đó Đảng Bảo thủ tăng 1,3 triệu và Công Đảng với 0,7 triệu.

Churchill bắt đầu chiến dịch ở Liverpool vào ngày 2 tháng 10, 23 ngày trước

khi bỏ phiếu. Tại Newcastle, hai tuần sau đó, nơi ông diễn thuyết là trong một nhà thi đấu thể thao và ở Plymouth trên một sân bóng. Vào tuần kế tiếp, ở Liverpool, ông cũng không nói chuyện trong một hội trường chính thống, mà tại một sân vận động. Ít nhất điều này cũng cho thấy Đảng Bảo thủ tin tưởng vào khả năng thu hút một lượng khán thính giả đông đảo của các nhân vật lãnh đạo Đảng. Ông còn thực hiện buổi nói chuyện ở hội trường St Andrew tại Glasgow, ngoài ra còn có ba dịp khác trong những hội trường quy mô nhỏ hơn nhưng vẫn nằm trong khu vực bầu cử của ông. Lần thứ nhất ở Woodford, ông phải nhẹ nhàng giải thích cho lời cáo buộc ông là một kẻ hiếu chiến. Ở mức độ nào đó, điều này đã khơi gợi trong ông một phản hồi ngay thẳng hơn nhiều so với Morrison và Attlee.

Một bài nói chuyện quan trọng hơn bất kỳ bài nói nào về cương lĩnh chính trị trước đó đã được Churchill thực hiện vào ngày 8 tháng 10 và phát thanh đi rộng rãi khắp nơi. Đây giống như một bài phát biểu ôn hòa nhằm mục đích kích thích phiếu bầu như trong năm 1945, một sự đảo ngược. Trong năm sau, David Butler, nhân vật lần đầu tiên cho ra mắt những bản điều tra có căn cứ rõ ràng về các cuộc tổng tuyển cử xảy ra ở Anh sau chiến tranh, đã viết: “Một cách nhẹ nhàng và đầy sức mạnh, rõ ràng và không kém phần khéo léo, ngài Churchill đã truyền đi những tin tức tốt đẹp nhất về Đảng Bảo thủ trong cuộc bầu cử. Có thể nói đây là những lời tuyên bố rộng rãi nhất từ trước tới nay về các đảng. Đó cũng chính là những nỗ lực tuyệt vời nhất của cá nhân ông từ khi có chiến tranh”. Ông đã có dụng ý khi không đưa ra bất kỳ thái độ ủng hộ với một đảng phái nào. Ông ngó lơ tất cả những người tham gia ủng hộ phe đối lập Đảng Bảo thủ trong suốt thời gian trước đó sáu tháng. Tuy nhiên đây là một việc làm vô cùng khéo léo.

Đó là những vấn đề then chốt, và tất nhiên đi kèm với những lập luận là thái độ công kích Đảng Xã hội và đây cũng là quan điểm chống đối của ông trong suốt thời gian còn lại của chiến dịch. Về mặt cá nhân, kết quả chiến dịch tranh cử không hoàn toàn làm ông vừa lòng. Người ta đã chứng kiến kết quả hai chuyến đi diễn thuyết của ông, ở Colne Valley, và ở phân khu Devonport thuộc

bộ phận của Plymouth. Ngay cả ở Woodford đa số phiếu của Churchill cũng chỉ tăng lên 80. Có thể tin tức không đến tai ông khi ông ở Venice. Ngay trước khi bắt đầu khởi xướng chiến dịch, số phiếu bầu đã cho thấy ưu tiên khác biệt giữa Đảng Bảo thủ (cũng như Đảng Tự do) dành cho Eden với vai trò lãnh đạo. Tuy nhiên, kết quả toàn bộ cũng làm ông vừa lòng mặc dù mức chênh lệch rất ít và phụ thuộc rất nhiều vào sự nguy trang của hệ thống bầu cử của Anh. Công Đảng thu được hơn 229 ngàn phiếu so với Đảng Bảo thủ. Đó là hình ảnh phản chiếu của cuộc bầu cử đầu tiên, khi đảng của Edward Heath giành được nhiều phiếu bầu hơn nhưng cuối cùng Harold Wilson lại trở thành thủ tướng. Tuy nhiên sự khác biệt ở đây chính là Wilson buộc phải xây dựng một chính quyền thiểu số, trong khi đó Churchill vào năm 1951 thì lại có ưu thế toàn phần không cao. Do đó, ông đã vận dụng đủ các kỹ năng của mình từ nền tảng 13 năm nắm quyền trong Đảng Bảo thủ, dưới quyền bốn đời thủ tướng khác nhau. Ngoài ra ông còn có sự trợ giúp đặc lực nhờ vào kết quả thắng lợi của hai cuộc tổng tuyển cử sau này.

Trong Nghị viện mới, Churchill có tất cả 321 nghị sĩ so với con số 295 của Attlee. Đảng Tự do chỉ có 6 thành viên, các đảng khác nếu tính luôn cả chủ tịch thì chỉ có 3 thành viên, số lượng đã đủ. Attlee từ chức vào chiều Thứ sáu, ngay sau đó Churchill lên nắm quyền và bắt đầu công việc tái thiết lập các vị trí quyền lực và xây dựng lại bộ máy điều hành mới. Kỳ bầu cử cuối cùng khó khăn nhất đã hoàn thành. Và có thể đó cũng chỉ là sự bắt đầu. Ông vẫn đóng vai trò một ứng cử viên thầm lặng thêm hai kỳ tổng tuyển cử nữa. Nhưng đối với ông, đây có thể xem như là lần cuối cùng.

Chương 43

MỘT CHÍNH PHỦ ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Chính phủ Churchill trong những ngày mới thành lập năm 1951 giống như một tổ chức trống rỗng xây dựng nên chỉ nhằm tưởng nhớ lại thời huy hoàng của cuộc chiến. Đó là những con người ông tập hợp từ đủ mọi thành phần tạo nên sự đa dạng đầy màu sắc. Tất cả các nhân vật được triệu tập đều có mặt đầy đủ.

Jock Colville đã học được nhiều điều từ trường đua ngựa Newmarket, sẽ trở về với vai trò một thư ký riêng cốt cán. Chỉ sau hai năm từ ngày ông quay về cơ quan mẹ (thư ký riêng cho Nữ hoàng Elizabeth), ông không còn muốn trở lại những ngày tháng làm việc tại số 10 phố Downing. Đó có vẻ như là một kết cục tốt đẹp cho sự nghiệp của ông. Nhưng những lời từ chối của Colville nhanh chóng bị gạt qua một bên. Ông phải trở về lại vị trí của mình. Mặc dù trước đó cơ quan nghi thức ngoại giao cũng có lời thuyết phục Churchill nên để Colville kết hợp vị trí thư ký chính với David Pitblado (một nhân vật thuộc Bộ Tài chính, người mà Attlee đã chỉ định trước đó thông qua một kênh hợp thức). Sự trở về của Colville giúp ông ta có thêm một khoảng thời gian ba năm rưỡi cùng đồng hành với Churchill (tính luôn cả những ván bài thâu đêm suốt sáng của cả hai người). Ngoài ra, Churchill còn được bảo đảm sao cho có người viết tiểu sử cho mình trong nhiệm kỳ thủ tướng lần hai, quan trọng không kém gì nhiệm kỳ lần đầu.

Tướng Ismay, một nhân vật từng có khoảng thời gian im lặng trên chính trường, đã giúp Churchill trong công việc viết hồi ký và năm hội đồng đề cử

Công Đảng trong đại hội toàn nước Anh. Ông đã bị đánh thức vào nửa đêm theo lệnh triệu tập tại Hyde Park Gate, bị buộc đảm nhận nhiệm vụ Trưởng khối quan hệ cộng đồng. Ông không còn thiết tha lắm với vai trò bộ trưởng cũng như công việc nơi chính trường. Thái độ lưỡng lự của ông cũng bị gạt qua một bên nhưng ít nhất ông cũng đã có thể thoát một năm trong vai trò Tổng thư ký NATO, một vị trí thích hợp hơn đối với ông.

Thống chế Alexander thì có một phần may mắn và một phần không may. Ông từng là thống đốc của Canada từ năm 1946 và không thể hấp tấp rời bỏ vị trí ấy mà không quan tâm đến những suy nghĩ của người dân Canada dành cho ông. Tuy nhiên, Churchill đã quyết định ông sẽ đảm nhận vị trí bộ trưởng Quốc phòng. Thời gian tuyệt vời ông phục vụ trong chiến tranh đã cho thấy đây là một vị trí rất thích hợp. Vì vậy, chính Churchill đã đảm nhận tất cả các hồ sơ liên quan, cho tới khi Alexander miễn cưỡng trở về và tiếp nhận công việc vào ngày 1 - 3 - 1952. Với vai trò này, ông đã bị chấm dứt cương vị một cách rất đáng buồn, còn đáng buồn hơn cả Ismay. Cho tới tháng 10 năm 1954 Harold Macmillan (một cộng tác viên cũ của ông ở vùng Địa Trung Hải, một người không bao giờ thiếu những món quà màu mè mang dáng vẻ chính trị) đã giúp ông hồi sinh.

Theo suy nghĩ của Churchill, các nhân vật hoạt động ngầm với khả năng không quá nổi bật sẽ đảm nhận tốt vai trò liên kết phối hợp các bộ phận. Lord Leathers được triệu tập, bỏ qua tất cả các cuộc họp để đảm nhận vai trò giám sát công việc vận tải, nhiên liệu và năng lượng. Lord Woolton, một nhân vật quá gần gũi với các bối cảnh chính trường cũng đảm nhận vai trò tương tự nhưng với các đối tượng khác về lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp và bộ máy hoạt động của Đảng Bảo thủ. Leathers ra đi vào mùa thu năm 1953, nhưng Woolton ở lại cho tới những ngày cuối cùng, luôn đóng vai trò sống còn trong công việc của Churchill và cũng được an ủi khi được nâng bậc đều đặn từ một nam tước thành tử tước và sau đó là bá tước. Nhân vật thứ ba là Lord Salisbury ở vai trò đối ngoại nhưng công việc chính xác của ông là gì vẫn chưa rõ ràng lắm. Tất nhiên,

Eden ngay từ ban đầu và cho tới mãi sau này vẫn được xem là nhân vật giữ vị trí quyền lực thứ hai trong bộ máy chính phủ.

Harold Macmillan với vai trò bộ trưởng Bộ Nhà đất và chính quyền địa phương, được giao nhiệm vụ đặc biệt tạo nên khoảng 300 ngàn nhà ở mỗi năm, “Ngài Donald” một cái tên thân mật mà Churchill thường gọi Maxwell Fyfe, sẽ đảm nhận vai trò ở Bộ Nội vụ, một người hơi ồn ào và dễ kết bạn cùng một chút vụng về, sẽ đảm nhận vị trí trong Bộ Thuộc địa, và Lord Simonds, một luật sư lạnh lùng vùng Wykehamist với vị trí Đại pháp quan. Churchill muốn đền bù cho việc đã không để cho bà Violet Bonham Carter đóng vai trò trong Nghị viện bằng việc chỉ định cho em trai bà (là Cyril Asquith) vào một ghế trong Thượng viện. Sau đó ông cũng bố trí thêm một vị trí nữa cho con trai của vị chủ tịch cũ trước đây của Công Đảng. Trong khi Asquith đã xuống dốc, chủ yếu là về mặt sức khỏe, thì con rể của Churchill (Duncan Sandys) được giao nhiệm vụ bộ trưởng Ngân sách, chịu trách nhiệm đặc biệt về vấn đề tư hữu hóa gang thép. Sự chỉ định này không nhận được sự đồng thuận của Clementine vì bà cho rằng việc bổ nhiệm đó mang tính gia đình trị.

Bốn ngày cùng với đội ngũ cá nhân này là một trong những giờ phút hạnh phúc trong cuộc đời về sau của Churchill. Tất cả những gì ông có vào thời điểm này cũng chính là những thứ ông đã để vuột mất trong khoảng thời gian sáu năm rưỡi trước đây ở vị trí đối lập: thư ký riêng liên tục phải thực hiện các cuộc gọi kết nối với các bộ trưởng được lựa chọn, các tin nhắn chúc mừng giữa các chính khách được gửi đi khắp nơi trên thế giới. Churchill đã thực hiện một buổi trình diễn tuyệt vời. Thật sự đó là cảm giác chính trong suốt chính quyền thứ hai của Churchill. Ông đã được đặt câu hỏi với tất cả các nhân vật chính, từ Anthony Eden, tổng thống Mỹ Truman, sau đó đến tổng thống Mỹ Eisenhower, thành viên của Nghị viện, và rất nhiều thủ tướng không thường trực khác của Đế tứ Cộng hòa Pháp, và có thể ngay cả đối với Nữ hoàng Elizabeth (khi bà kế vị người cha vào tháng 2 năm 1952).

Không thể đọc lại một cách chi tiết toàn bộ cuộc đời của Churchill với vai trò

thủ tướng trong chính phủ thứ hai mà không có cảm giác ông vẫn còn nhiều điểm không phù hợp trong công việc. Phép nghịch hợp chính là cách thể hiện chính xác nhất tâm trạng mâu thuẫn của ông. Một nhân cách sáng chói cộng với phong cách thể hiện và làm mọi việc bằng niềm đam mê là điều không ai chối cãi. Tuy nhiên, ông cũng mắc rất nhiều sai lầm trong chuyện điều hành công việc, điều mà cá nhân Atdee luôn đặc biệt chú ý, nhất là trong những ngày tháng cuối cùng của chiến tranh. Mặc dù đôi khi những sai lầm này cũng hơi bị cường điệu hóa quá mức. Thời gian qua, ông ngày càng chán ghét công việc đọc các tài liệu và bắt ép mình dán vào hàng núi đủ thứ giấy tờ. Ông dành nhiều thời gian hơn lẽ ra là để làm việc cho những ván bài điều hầu như đã trở thành một nỗi ám ảnh. Kết quả tất yếu là các thành viên Nội các trở nên rời rạc, thiếu sự liên kết chặt chẽ. Và Churchill ngày càng có xu hướng xem những con người đó giống như những thánh giả trên một bàn tiệc tối chứ không phải dưới góc độ những người sẽ tiếp nhận và giải quyết công việc. Đặc biệt trong năm cuối cùng đương nhiệm, ông còn vướng vào vấn đề muốn tự mình giải quyết mọi việc mà không cần bất kỳ ý kiến đồng ý nào từ phía Nội các.

Chỉ có duy nhất một điều ngoại lệ luôn chế ngự trong suy nghĩ của ông. Đó chính là làm thế nào để cứu thế giới này khỏi tai họa hủy diệt bởi những quả bom khinh khí. Chính điều đó đã giúp cho hành động đấu tranh để kéo dài những ngày tháng đương nhiệm của ông có ý nghĩa hơn bất kỳ một quyết sách chính trị nào. Những cột mốc quan trọng trong những năm tháng hoạt động chính trị là khi ông nỗ lực thể hiện cho Nội các, cho Mỹ hoặc trước các hội nghị Đảng Bảo thủ hay trước Nghị viện, thấy rằng ông là người thích hợp để thực hiện trọng trách đó. Trong những trường hợp như thế, thường ông không nói quá nhiều (mặc dù trước đó ông có thói quen chuẩn bị tất cả mọi thứ hết sức kỹ lưỡng), và đôi khi phát biểu hết sức thông minh sắc sảo. Cách nhìn nhận của ông là một sự pha trộn không thể nhầm lẫn với bất kỳ nhân vật nào. Điều đó cũng giống như việc ông luôn biết giữ cảm xúc và âm vực đủ lâu để có thể nói lên tất cả những điều muốn nói.

Tuy nhiên, điều đó cũng không thể ngăn cản các đồng sự mong muốn sớm tới ngày ông rời bỏ chiếc ghế quyền lực. May mắn là chiến thuật trì hoãn của Churchill không lấy đi lòng kiên nhẫn của tất cả mọi người cùng một lúc. Eden, người kế nhiệm, kẻ nôn nóng tới ngày đó nhất cũng phải căng ra chờ đợi ít nhất là cho tới lúc sức khỏe Churchill suy yếu. Mùa thu năm 1951, không một ai, kể cả chính Churchill cũng không nghĩ rằng mình có thể giữ vững nhiệm kỳ thủ tướng thêm ba năm rưỡi nữa. Ông chỉ mong một năm hoặc nhiều nhất là hai năm. Nhưng trong suốt năm 1952 và 1953, ông đã sắp đặt một kế hoạch trì hoãn có thể nói là tuyệt vời. “*Mutatis mutandis*” (cái gì cần thay đổi thì phải thay đổi) là chiến thuật mà Churchill và Eden đang theo đuổi. Vì thế, việc ông tuyên bố sẽ ngồi ghế thủ tướng cho tới năm 1955 là điều không thể chấp nhận, không chỉ đối với kẻ chắc chắn sẽ kế thừa vị trí này mà còn đối với đại đa số các thành viên Nội các. Dần dần điều này cũng được chấp nhận hoặc cũng có thể hiểu đây là điều không thể tránh khỏi.

So sánh với những điều được mong đợi trong năm 1951, vị thế của ông trong hoàn cảnh này là nếu muốn ngồi lại chiếc ghế thủ tướng thì cực kỳ khó khăn, nhưng điều kiện bên ngoài lại khiến cho nó trở nên khá dễ dàng. Cũng trong năm 1953, Churchill bị một cú đột quỵ khá nghiêm trọng. (Vào thời điểm cuối tháng 6, Eden cũng trải qua một ca phẫu thuật vùng bụng vào ngày 12 tháng 4). Ngày 29 tháng 4 sau đó, ông lại phải tiếp tục chịu đựng một ca giải phẫu khác khá nguy hiểm. Tiếp theo đó là những ngày tháng ông bị suy nhược trước khi rời Anh để đến Boston tiến hành ca giải phẫu thứ ba vào ngày 9 tháng 6. Ở Mỹ, ca mổ được tiến hành tốt hơn so với điều kiện ở Anh và cho ông sống thêm 24 năm. Tuy nhiên chắc chắn là sức khỏe ông không thể nào hồi phục hoàn toàn như trước. Ông vẫn thường bị những cơn sốt gây ra do viêm đường mật, ảnh hưởng rất nhiều đến nhiệm kỳ thủ tướng. Ngoài những vấn đề này ra, sức khỏe ông vẫn khá ổn cho tới mùa thu năm 1953.

Những nét chính trong nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai của Churchill chính là bốn chuyến thăm chính thức vượt Đại Tây Dương. Chuyến đi đầu tiên thực hiện

vào tháng 1 năm 1952 với mục đích gặp gỡ Truman. Chuyến đi thứ hai diễn ra đúng một năm sau đó. Ông có một buổi nói chuyện khá lâu với Eisenhower, tổng thống Mỹ mới được bầu nhưng chưa chính thức nhậm chức, tại New York, và một buổi ăn trưa vui vẻ với Truman tại tòa đại sứ Anh ở Washington trước khi đến Jamaica vào kỳ nghỉ. Chuyến đi thứ ba vào tháng 12 năm 1953 cho cuộc họp ba bên tại Bermuda. Trước đây, hội nghị bị hoãn do mùa hè năm trước Churchill bị một ca đột quỵ, sau đó có thêm sự tham gia của Pháp và cuộc gặp mới trở thành hội nghị ba bên. Chuyến đi thứ tư và cũng là cuối cùng (trong khoảng thời gian đương nhiệm) diễn ra vào cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1954 với ba đêm lưu lại Nhà Trắng và những ngày sau đó ông đi dạo vòng quanh Ottawa.

Điểm mấu chốt của bốn chuyến đi là giúp ông nhận ra rằng hòa bình và tự do chỉ có thể bền vững trên nền tảng sự thống nhất bền vững của hai nước Anh và Mỹ. Mỗi liên kết này đã bị chệch choạc, đặc biệt sau khi Eisenhower và Dulles đảm nhận vị trí của Truman và Acheson, dẫn tới việc Churchill thiếu tin tưởng vào khả năng điều hành của Mỹ trong việc hoàn thành nhiệm vụ vô cùng lớn lao mà ông đã vạch ra trước đó. Nỗ lực của Churchill là quyết tâm hàn gắn mọi bất đồng giữa hai nước, đây là chìa khóa quan trọng nhất trong tất cả các bước khởi đầu và chiến lược chính trị trong suốt nhiệm kỳ thứ hai ông đảm nhận vai trò thủ tướng.

Thái độ thù địch và luôn thận trọng với Eisenhower đã không còn. Mỗi quan hệ của hai người đã trở nên rất tốt đẹp trong suốt thời gian cuộc chiến xảy ra, Churchill cũng vô cùng hoan nghênh khi Eisenhower được bổ nhiệm vào vị trí cầm quyền tối cao của tổ chức NATO vào tháng 4 năm 1951. Nhưng đối với Churchill, mặc dù Eisenhower luôn được ông hâm mộ với tư cách một chính trị gia tài năng bao quát mọi mặt, ông ta vẫn còn rất nhiều chỗ đáng phê bình vì còn giải quyết vấn đề chính trị một cách quá chung chung. Ngay cả thời điểm trước khi Eisenhower tham gia vào hoạt động chính trị thì tình cảm giữa Churchill và ông ta vẫn có chút gì đó khoảng cách. Eisenhower đối với ông chỉ đơn thuần là

những nụ cười xã giao. Mặc dù Churchill có thể đối xử lại cũng theo cách đó nhưng ông đã không làm như thế. Ông thích Eisenhower, bởi trong con người này ẩn chứa một suy nghĩ ở tầm quốc tế rộng lớn. Chủ nhật sau ngày bầu cử, ông có nói chuyện với Colville: “Với những gì ông nghe thấy, tôi thật sự cảm thấy khó chịu. Tôi cho rằng vấn đề này sẽ tạo nhiều khả năng cho cuộc chiến hơn”. Tám tháng sau đó Churchill vẫn đưa ra cùng một quan điểm và nguyên nhân nhưng với thái độ chính trị dứt khoát hơn rất nhiều. Colville thuật lại ngày 24 - 7 - 1953: “Rất thất vọng về Eisenhower. Rất đáng tiếc là Đảng Dân chủ không thể trở lại như những ngày của cuộc bầu cử tổng thống cuối cùng”. Một phần của vấn đề nhưng không phải là tất cả nằm ở nhân vật John Foster Dulles, ngoại trưởng mới. Sau buổi ăn tối với Eisenhower và Dulles tại căn hộ của Bernard Baruch ở New York vào ngày 7 - 1 - 1953, mục tiêu đề ra của Churchill là thúc đẩy mối quan hệ thân thiện và nồng hậu song hành với những người điều hành mới.

Trong hoàn cảnh như vậy, ngay cả mối quan hệ giữa hai bên có trở nên tốt đẹp đi chăng nữa thì vẫn luôn tồn tại một bờ vực cạnh tranh giữa Churchill và Eisenhower.

Eisenhower, bên cạnh thái độ lạnh nhạt và khô khan, đã không nhận thức được sự ghê gớm của những quả bom khinh khí (bom H) theo như Churchill. Điều này được thể hiện rõ ràng nhất vào ngày 6 - 12-1953 cho tới khi bế mạc hội nghị Bermuda. Colville, đã chuyển một bức thư của Churchill cho tổng thống Mỹ với nội dung được thuật lại như sau: “Ông ta [Eisenhower] đã nói quá nhiều chuyện không đáng nói. Thật ra khi Winston xem xét vũ khí nguyên tử như một thứ vũ khí hủy diệt mới và vô cùng ghê gớm thì ông ta lại cho rằng đây chỉ là một bước tiến chậm chạp trong lĩnh vực vũ khí. Ý của Eisenhower là muốn ám chỉ không hề có sự khác biệt nào giữa vũ khí thông thường và vũ khí nguyên tử: tất cả vũ khí theo như cách nghĩ của ông đều là những vũ khí thông thường”.

Eden, và nhiều thành viên khác (đáng nói đến nhất là Salisbury), cho rằng Churchill đã đặt quá nhiều hy vọng vào cuộc họp thượng đỉnh. Điều này luôn là

điểm yếu của Churchill, nó khó có thể giữ vững được mối quan hệ thân mật giữa Anh và Mỹ. Tuy nhiên điều đáng buồn cười ở đây là, mặc dù luôn tỏ thái độ bức bối với Eisenhower nhưng Churchill vẫn cố giữ hòa khí trong mối quan hệ giữa hai nước Anh và Mỹ. Trong khi đó Eden, người 18 tháng sau với vai trò thủ tướng đã thổi bay mối quan hệ vốn xây dựng từ những năm 1940, để sau này Macmillan phải cố công gây dựng lại.

Trong nước, công việc của chính phủ trong năm đầu tiên diễn ra khá ổn thỏa. Cũng giống như mọi chính phủ mới, các bộ trưởng luôn cố ý cường điệu hóa những thành quả về tài chính ngân sách cũng như các chính sách thương mại mà họ đã truyền lại. Trong buổi tiệc diễn ra hai tuần trước khi đảm nhận công việc, Churchill đã nói với Lord Mayor là ông đã thừa hưởng “một mớ hỗn độn những sai lầm và thiếu sót, những thứ mà trước đây tôi chưa từng có cơ hội xem qua”. Điểm thuận lợi của cách tiếp cận này chính là muốn để dành chỗ cho một cuộc tập dượt của chính phủ, đặc biệt đối với Đại pháp quan. Ông đã dùng các phí tổn tài chính khổng lồ của cả cộng đồng để đe dọa các đồng sự. Ông cố tình đổ lỗi cho các khoản lãi suất không thích hợp và việc “đong đếm” ngân sách trong công việc quản lý điều hành của chính phủ tiền nhiệm.

Thật sự thì căn bệnh của nền kinh tế nước Anh vào mùa thu năm 1951 bản thân nó đã tự tìm ra hướng giải quyết. Việc tiến hành đổi mới toàn diện theo nước Mỹ diễn ra sau chiến tranh bùng nổ ở Triều Tiên đã tạo nên một thời kỳ lạm phát kinh khủng trên toàn thế giới, khiến cho các điều khoản về thương mại chống lại chính nước Anh và tạo nên một sự thiếu hụt khổng lồ, khoảng 700 triệu bảng Anh một năm. Ngân sách và một phần hậu quả của cuộc lạm phát đã làm trầm trọng thêm tình trạng nước Anh trong năm 1950 - 1951. Những nỗ lực đổi mới đã được Churchill hết lòng ủng hộ. Trong khi cuộc bùng nổ giá cả trên thế giới đã tự nó giải quyết. Bước tiến trong lĩnh vực thương mại chính là một điểm thưởng cho nền kinh tế Anh.

Kết quả là vấn đề chảy máu tài chính của Anh đã được hạn chế. Đây chính là nỗi kinh hoàng của Anh trong mùa thu năm đó, nhưng tới mùa xuân mọi thứ đã

đảo ngược. Cho tới cuối năm 1952 nó chỉ ở gần 50% con số dự đoán của Bộ Tài chính. Điều này có một vài điểm không hợp lý đồng thời cũng là vấn đề bàn cãi cuối cùng cần một hướng chỉ đạo hoàn toàn mới. Mặc dù đối với tình hình hiện nay, việc đồng tiền trôi nổi và có thể hoán đổi được là chuyện hoàn toàn bình thường, nhưng nó lại trở thành vấn đề nan giải và cực kỳ nguy hiểm dưới con mắt hạn hẹp của những người điều hành nền kinh tế nước Anh vào năm 1952.

Dù có hoặc không bất kỳ thủ tướng của đảng nào có thể điều hành tốt hơn trên mặt trận kinh tế là điều đáng nghi ngờ. Nhưng chắc chắn những sai lầm của Churchill trong lần cầm quyền thứ hai là ông không thể truyền nguồn động lực mới cho nền kinh tế Anh sau cuộc chiến. Trong suốt thập niên 1950, nước Anh có đủ việc làm, không xảy ra bất kỳ thảm họa nào về kinh tế (cũng chính là việc cần làm của toàn thế giới) và đi theo khuynh hướng phát triển nhẹ nhàng. Điều này tạo điều kiện cho Harold Macmillan thắng lợi trong cuộc bầu cử thứ ba. Trong thập niên 1950, Anh vẫn giữ vị trí là quốc gia giàu thứ hai trên thế giới. Vào giữa nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai của Churchill, Leicester nổi tiếng là thành phố có thu nhập trung bình cao nhất trong tất cả các thành phố thuộc lãnh thổ châu Âu. 20 năm sau, cả Leicester cũng như tất cả các thành phố nội địa Anh đều không nằm trong “tốp 100” thành phố giàu có trên thế giới. Nhưng dù sao đi nữa, chủ trương tự do ôn hòa của chính quyền đã bao bọc nền kinh tế nước Anh, không có bất kỳ một giới hạn nào cho việc xuất khẩu hàng hoá ra thế giới.

Tuy nhiên, một lần nữa một đánh giá so sánh có thể tạo nên một ấn tượng thiếu thiện cảm hoặc ít nhất cũng là một lời cáo buộc không bằng chứng. Nếu có tâm trạng thất vọng sau năm 1951 thì ít nhất nó cũng đã rõ ràng và dứt khoát hơn, sau năm 1964, sau 1970 và một vài thời điểm sau năm 1979. Những nơi hoàn toàn không có bất kỳ mối liên hệ nào, rõ ràng vẫn có chỗ cho những thất vọng của Churchill đủ thời gian phục hồi khi ông trở lại công việc từ vị trí đối lập với châu Âu. Cộng đồng Than và Thép đã đi trước mà không có mặt Anh. Và chính quyền mới cũng không hề có bất kỳ nỗ lực nào nhằm đảo ngược quyết định của chính quyền Attlee năm 1950, điều mà Churchill và các thánh viên

khác trong Đảng Bảo thủ vô cùng bất bình. Trước mùa thu năm 1951, những tranh cãi chuyển dần sang kế hoạch Pleven về tổ chức Cộng đồng Phòng thủ châu Âu. Tổ chức này được thiết kế nhằm điều hòa nhu cầu cấp thiết của tổ chức NATO về những đóng góp của Đức và việc Pháp lo sợ Đức sẽ phục hồi chế độ Wehrmacht. Việc làm này được thực hiện dựa trên cơ cấu tổ chức tăng cường các nguyên nhân chung của liên minh châu Âu. Nó cũng đã thu được nhiều ủng hộ từ phía Mỹ, liên quan tới khả năng tạo lập đội quân đa quốc gia châu Âu.

Cuối mùa hè, chính phủ Công Đảng đã thông báo rằng Vương quốc Anh sẽ trở thành một quốc gia liên hiệp, nhưng không là thành viên đầy đủ của Cộng đồng Phòng thủ, một vị trí kinh điển của Anh. Trong cuộc tranh luận ở Nghị viện vào ngày 6-12-1951, Churchill nói: “Cho tới khi Anh dính líu vào chuyện này, tôi vẫn không có bất kỳ đề xuất nào về chuyện Anh gia nhập châu Âu. Tuy nhiên, chúng ta vẫn luôn sẵn sàng”. Quan điểm của ông càng dứt khoát hơn trong buổi nói chuyện ở Nội các vào ngày 19 tháng 12, sau chuyến viếng thăm Paris: “Chính phủ Vương quốc Anh hoan nghênh việc thành lập Cộng đồng Phòng thủ châu Âu. Mặc dù không thể tham gia nhưng chúng ta luôn sẵn sàng hợp tác với mỗi quan hệ thân thiện nhất có thể...”. Sau đó trong một chương trình phát thanh của đảng cầm quyền ba đêm sau, chính ông lại đưa ra một lời khẳng định hết sức hoang mang: “Chúng ta sẽ hành động vì tình thân hữu đích thực cùng với Liên minh châu Âu”. Như vậy trong hai tháng đàm nhận công việc, chính phủ thứ hai của Churchill đã thiết lập cho chính nó một trách nhiệm đối với cả châu Âu. Sau đó, tất cả các chính quyền đơn đảng của Anh đều làm như thế.

Thật ra, Churchill đã không làm tốt như vậy. Mặc dù ở hội nghị Strasbourg vào tháng 8 năm 1950 ông đã thay đổi và đưa ra một quyết định thiên theo nguyên tắc “một đội quân châu Âu hợp nhất”, nhưng những nhược điểm của bản kế hoạch vẫn luôn ám ảnh ông. Ông gọi nó là “một hỗn hợp đầy bùn”. Có nhiều điểm hạn chế nổi lên trong cuộc nói chuyện khi ông dùng bữa với Monnet và Reynaud tại tòa đại sứ Paris trên đường trở về Venice một vài ngày trước khi bắt

đầu chiến dịch tranh cử. Sau đó, vào ngày 5 - 1 - 1952, trong đêm đầu tiên ở Mỹ với vai trò thủ tướng tái đắc cử, trong khi vui vẻ dạo chơi trên du thuyền của tổng thống Mỹ ở Potomac, ông đã tiếp thu ý kiến của một nhóm người bên phía Mỹ, gồm có Truman, Acheson, Hamman, Lovett và Snyder, chỉ ra những điểm kỳ cục về chức năng của đội quân châu Âu. Như Dean Acheson đã vẽ ra hình ảnh “một trung sĩ người Pháp đang nhể nhại mồ hôi, lúng túng với những bài diễn tập trong một trung đội có vài sĩ quan người Hy Lạp, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ và Hà Lan, tất cả đều ở trong tình trạng lộn xộn, mặc dù đó chỉ là những người lính có cấp bậc thấp nhất”. Điều ông hy vọng là có thể chứng kiến một đội quân quốc gia hùng mạnh có khả năng bảo vệ sự bình yên và hát vang bài quốc ca. Không ai có đủ nhiệt tình để hát: “Tiến lên NATO, tiến lên!”. Ngay cả một người lạnh nhạt với châu Âu như Eden cũng buộc phải chỉ ra những điều nực cười mà đội quân liên minh này sẽ gây ra. Sự hợp nhất không thể đi xa hơn, nếu có cũng chỉ ở mức sư đoàn.

Những việc Churchill đã làm hôm đó không gây ấn tượng đối với người Mỹ. Dường như đây chỉ là hành động bù lại cảm giác có lỗi do những việc mà ông đã làm trong khoảng thời gian 1946 - 1950 đưa châu Âu vào một hoàn cảnh như thế. Cũng theo cách này, những người theo chủ nghĩa dân tộc thường là những người sống gần biên giới nhất. Vì vậy những người này khi muốn đề xuất những vị trí khác cũng đồng nghĩa với việc họ phải gánh chịu những tranh cãi gay gắt nhất. Churchill hoàn toàn bằng lòng với Attlee về vị trí của Bevin ở châu Âu. Điều đó chắc chắn đã làm giảm sút lòng tin trong những nhân vật ông đã tập hợp, những người mang màu cờ sắc áo châu Âu. Điều đó cũng làm nổi rộng số thành viên chính phủ và ngay cả số thành viên trong gia đình ông.

Tuy nhiên, mối quan tâm chính là động lực để Churchill cho phép những hạt sạn của liên minh châu Âu len lỏi vào những ngón tay mình trong những năm tháng của nhiệm kỳ thứ hai trong chính phủ. Điều khôn ngoan còn sót lại trong đầu ông lúc này chính là những lời chỉ trích dành cho Anthony Eden. Để duy trì vẻ phong độ trong những ngày làm việc cuối cùng, Churchill buộc phải chia sẻ

vương quốc của mình cho những người kế vị. Và châu Âu đã được phân công cho Eden. Eden trở về với vai trò chính thức trong Bộ Ngoại giao. Ông đã tham gia hội nghị Hague vào năm 1948 nhưng không bao giờ tham gia các phong trào châu Âu và không mặn mà gì với tiến trình ở Strasbourg. Sau đó, tháng 12 năm 1955 ông đón chào bản báo cáo từ bộ phận ngoại giao trong nước và đưa ra kết luận: “Vương quốc Anh không thể tham gia một cách nghiêm túc liên minh hợp nhất châu Âu”. Vào tháng 1 năm 1952, ông bổ sung vào lời khẳng định thẳng thừng này bằng một câu chuyện trước các khán thính giả New York (Đại học Columbia), nói lên những điều từ tận đáy lòng ông: “Đây là những công việc mà chúng ta không thể thực hiện”.

Nhưng một lời giải thích đơn giản kết tội Eden không đủ sức thuyết phục Anthony Montague Browne, thư ký riêng của Churchill trong suốt 12 năm cho tới khi ông mất, sau này đã thuật lại: “Ông ta rất dễ tạo mối bất hòa với Anthony Eden, mà không cần biết là công việc phải có tính chất cực kỳ nghiêm trọng. Nhưng trong nhiều năm, Churchill đã xem châu Âu như một đề án vô cùng quan trọng và đầu tư rất nhiều nguồn vốn chính trị cho vấn đề này. Một ý kiến nào đó của ông không nhận được sự ủng hộ của đa số trong hội đồng bộ trưởng sẽ khiến ông vô cùng thất vọng. Nếu bình thường, Churchill sẽ không một chút phân vân khi Eden đem vấn đề này ra tranh luận bên ngoài Nội các. Nhưng ông đã không như thế. Vấn đề đã không được bàn luận một cách nghiêm túc vào mùa thu năm đó. Mục đích ban đầu của ông là muốn tạo dựng lại “mối quan hệ đặc biệt với Mỹ”, điều mà ông tin rằng sẽ không mấy chính xác nếu trông mong vào Attlee và Bevin. Sau này, khi chính phủ đã đi vào nề nếp, ông ưu tiên việc cứu thế giới khỏi thảm họa gây ra bởi những trái bom khinh khí. Và một lần nữa, Washington trở thành nhân tố quyết định, ngay cả khi Churchill không một chút lưỡng lự dành mọi cố gắng tạo ấn tượng về cái đầu thông minh của mình với Eisenhower. Tây Âu, ngay cả Pháp, trong hoàn cảnh này cũng không phải là những người thích chơi với các quả bom khinh khí.

Churchill đang tiến dần đến tuổi 70 khi cầm quyền lần hai. Tài sản vô giá

ông sở hữu được ngoài ý chí kiên cường chính là sức khỏe. Hai bậc tiền bối duy nhất của nước Anh cũng đảm nhận chiếc ghế thủ tướng ở tuổi như ông là Palmerston và Gladstone. Tuy nhiên, Churchill đôi lúc rất khó khăn trong việc di chuyển. Ông bị lãng tai và sức khỏe yếu dần do hậu quả của nhiều lần đột quỵ. Mặc dù những lần ấy không quá nguy hiểm nhưng là dấu hiệu cảnh báo rất rõ ràng về tình trạng sức khỏe. Năng suất làm việc của ông từng gây ấn tượng mạnh mẽ với rất nhiều người theo nhiều cách khác nhau. Điều này một phần do ông rất thất thường, sự ham mê và nhịp điệu làm việc có sự khác biệt rất lớn từ ngày này sang ngày khác. Nhưng trên tất cả chính là sự nhận biết của những cá nhân từng ở bên ông trong những ngày tháng đỉnh cao cũng như khi ông một lần nữa leo lét vụt sáng trong đêm tối trời.

Clementine, người ở bên ông lâu nhất đã từng nghĩ rằng ông không thể nào lên chiếc ghế thủ tướng lần thứ hai. Một phần do bà không muốn ông mạo hiểm danh tiếng của mình, một lý do khác là bà cảm thấy bản thân phải có trách nhiệm đặc biệt đối với sức khỏe của ông. Đây không phải là một cách đánh giá đơn giản, về phương diện quốc gia, ông không thích hợp cho công việc này. Bằng cách nào đó, Colville cho rằng Churchill đã có tiến bộ: “Khi không còn áp lực quyền chỉ huy trong thời chiến, ông đã trở thành một người bớt nóng tính và sẵn sàng bị thuyết phục bởi những lý lẽ mà người khác đưa ra vào những thời điểm thích hợp. Sức hấp dẫn và đáng yêu của ông không hề giảm bớt...”. Tuy nhiên, sau sáu tháng trong văn phòng, Colville đã viết: “Một mình với thủ tướng ở Chartwell, một người không còn uy thế như trước. Tất nhiên, chính phủ đang trong một giai đoạn đi xuống, nhưng sự suy giảm của ông còn có phần nhanh chóng hơn và sự tập trung của ông đã không được như trước. Một khoảng thời gian giữa quầng chói sáng và rực rỡ vẫn chưa ai sánh kịp nhưng tuổi tác đã tới lúc thể hiện”. Sáu tháng tiếp theo “ông (W.) bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và tuổi già đã bắt đầu bộc lộ rõ. Ông cảm thấy khó khăn trong việc soạn ra một bài thuyết trình và những ý tưởng không còn tuôn ra như suối như trước nữa”.

Đầu nhiệm kỳ thứ hai của Churchill, Vua George VI băng hà. Bản tính dễ

xúc động đã khiến Churchill vô cùng đau buồn. Sau những ngày tháng khó khăn lúc bắt đầu, giờ đây mối quan hệ của ông với nhà vua đã vô cùng gắn bó cộng thêm sự tôn trọng và sự bình đẳng. Lời điệu của Churchill vừa được phát đi rộng rãi trên đài phát thanh và cả trong Nghị viện đã nhận được rất nhiều lời khen ngợi. Và lời để tặng đơn giản “For Valour” (được khắc trên thánh giá Victoria), ông đã tự viết trên tấm thiệp với vòng hoa phúng viếng của chính phủ. Sự việc này không ngăn cản ông thực hiện điều mình mong muốn trở thành Thủ tướng của một triều đại mới.

Nhìn chung, nửa sau năm 1952 và những tháng đầu năm 1953 là một giai đoạn đầy tĩnh lặng nhưng cũng ngập tràn ánh nắng trong thời gian giữ chức thủ tướng của Churchill. Sức mạnh và sự tập trung của ông đã được điều chỉnh tốt hơn so với một năm trước.

Vào tối ngày 23 tháng 6 có một buổi tiệc đủ các cấp bậc thành phần của phố Downing để chào mừng Alcide De Gasperi, một thủ tướng nổi bật của nước cộng hòa Ý mới thành lập và là một trong bốn hay năm kiến trúc sư chủ chốt của khối cộng đồng châu Âu. Sau buổi tiệc, Churchill, theo như lời Colville: “Đã có một bài phát biểu ngắn gọn với phong cách tỏa sáng nhất của ông từ trước tới nay, chủ yếu nói về sự chinh phục Roma của người Anh”. Sau đó ông bị một cơn đột quỵ nghiêm trọng, còn nặng hơn bất kỳ lần nào trước đó. Người Ý và nhiều nhân vật khác vội vã rời khỏi London. Ngày hôm sau, ông chỉ làm quyền chủ tọa trên danh nghĩa cuộc họp Nội các. Sau đó, ông tới Chartwell, ông ở lại đây suốt cả tháng trời và mất một khoảng thời gian lâu hơn để hồi phục. Moran, luôn là một người đầy kịch tính, cho rằng Churchill sẽ chết trong tuần lễ đầu tiên. Nhưng ông đã không chết. Tuy nhiên, đó là sự kết thúc giai đoạn đầu tiên của nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai của Churchill và là cái kết cuối cùng của nhiệm kỳ này.

Chương 44

CHIẾC PHI CƠ...

VỚI THÙNG XĂNG ĐÃ CẠN

Trong suốt thời gian Churchill dưỡng bệnh và hồi phục, nổi rõ những mối quan hệ mang tính cá nhân. Có những người ông rất muốn gặp và cũng có những kẻ ông không hề muốn nhìn tới. Ông chỉ rời khỏi Chartwell vào trưa Thứ năm 25 - 6, 38 giờ sau khi bị đột quỵ. Sức khỏe của ông đã xuống dốc dần. Ông đã liệu trước được tình hình, tham gia chủ tọa cuộc họp Nội các vào sáng hôm trước và trả lời các câu hỏi của Nghị viện vào buổi chiều. Và thời điểm xấu nhất đã xảy ra sau khi ông rời khỏi Chartwell, vào Thứ sáu và Thứ bảy (ngày 26 và 27 tháng 6). Cho tới Chủ nhật đã có một chút hy vọng và thời điểm nguy hiểm đã qua. Vào Thứ năm, trên đường lái xe đến Chartwell, ông bảo Colville nên giữ kín tình trạng sức khỏe không tốt của ông, tránh làm náo động vì chính ông cũng rất lo sợ tình trạng bệnh tật của mình. Trong những thời điểm tồi tệ nhất thì đầu óc ông vẫn rất minh mẫn. Tuy nhiên bài nói chuyện của ông cũng có nhiều chỗ bị nói lấp. Bên trái mặt ông bị méo. Ông phải cố hết sức để đứng và chỉ có thể đi vài bước lảo đảo.

Colville ở lại Chartwell trong hai tuần. Thi thoảng cũng có mặt Clementine và Moran, cùng Christopher và Mary Soames, hai thư ký đảm nhận việc đánh máy và viết bài cho ông. Christopher và Mary Soames đồng thời cũng trở thành một cặp y tá riêng. Ngoài ra còn có vài nhân vật được triệu tập đến, chủ yếu mang tính nghi thức chứ không hẳn là do tình thân như các giám mục, luật sư... Họ ngồi ở phòng chờ, để phòng trường hợp ông hấp hối. Trong trường hợp này,

Butler và Salisbury là những người luôn thường trực. Hai ông đến vào Thứ bảy, tham gia vào kế hoạch mà Colville đã bàn với Lascelles, thư ký chính của Nữ hoàng: trong trường hợp Churchill phải từ chức thì khuyên Nữ hoàng trước Thứ hai phải bổ nhiệm một người đảm nhận công việc ở chính phủ với vai trò chủ tọa, chứ không phải thủ tướng. Mặc dù sắp đặt này không thật sự thích hợp, có nhiều nghi ngờ và ngược với quyền lợi, không có bất kỳ sự phản đối nào từ Butler. Với phong thái từ tốn, chiều Thứ bảy, ông bắt chuyến tàu ở ga Sevenoak trong bộ quần áo thư ký. Ông không gặp Churchill lẫn Salisbury, nhưng đều có bàn bạc về những vấn đề cần sắp xếp, nghe những tin tức tốt mà Moran và ông Russell Brain, nhà giải phẫu thần kinh đã thông báo. Những từ ngữ nhắc đến “tình trạng nghẽn mạch máu não” bị gạt đi, đơn giản họ chỉ đề cập rằng thủ tướng cần một khoảng thời gian nghỉ ngơi thư giãn hoàn toàn, và nên hoãn lại buổi gặp gỡ với Eisenhower tại Bermuda ngày 9 tháng 7. Vào sáng Thứ hai ngày 29 tháng 6, trong cuộc họp Nội các có đề cập đến tình trạng bệnh của Churchill, nhưng chỉ mang tính giản lược.

Camrose, Beaverbrook và Bracken có khả năng chỉ đạo bạn bè dựng nên một bức tường im lặng và không để bất kỳ một từ nào về tình trạng nguy hiểm của Churchill lên trang báo, cho tới khi chính ông tình cờ đề cập đến sự cố “đột quỵ” tại Nghị viện một năm sau đó. Sáng Thứ bảy (ngày 27 tháng 6), lần đầu tiên Bracken trở về, đem theo một chiếc xe lăn rất tiện lợi cho việc di chuyển, một vật chỉ có thể kiếm được ở London. Đây là một chuyến thăm mang tính công việc chứ không mang tính xã hội. Bracken là một nhân vật có tài luôn biết nơi nào có những thứ tốt nhất và nơi nào cần đến những thứ tốt nhất đó.

Chiếc xe lăn này là một thành công lớn, giúp Churchill có thể đi vòng quanh trong nhà. Ngày Thứ bảy, ông dùng nó để chủ tọa một buổi tiệc trưa với Beaverbrook, người nhất thiết phải có mặt, là vị khách đầu tiên không thuộc gia đình ông, và thêm một vài người khác nữa. Bracken đến dự bữa ăn vào chiều cùng ngày. Sáng Thứ hai, Sarah Churchill bay từ New York và Lord Camrose cũng có mặt trong buổi tiệc. Moran thuật lại rằng Camrose chưa bao giờ “có

hiều lời để nói” với Churchill, nhưng cả hai đã ngồi cùng nhau một khoảng thời gian dài. Ngày 30 tháng 6, Lord Cherwell cũng có mặt để dùng bữa và còn có Norman Brook, thư ký Nội các. Trong tất cả các nhân viên cấp cao phục vụ cho Churchill, Brook là một trong những người Churchill tạo dựng mối quan hệ dễ dàng nhất.

Một vấn đề ông rất muốn tham khảo ý kiến Brook là liệu tuyển tập thứ sáu *The Second World War* một khi ra đời có khả năng tạo nên làn sóng bất bình đối với người dân Mỹ hay không. Điều kiện mà ông đưa ra rất khác thường: “Nếu tôi sắp chết, tôi có thể nói những điều mình muốn... Nhưng nếu tôi còn sống và vẫn còn là thủ tướng thì tôi không được nói điều gì méch lòng Ike”. Ý tưởng rõ nhất trong đầu Brook chính là lòng quyết tâm của Churchill, trong căn phòng vẽ sau buổi ăn tối. Churchill đã cố gắng đứng thẳng dậy mà không cần sự trợ giúp của chiếc ghế. Đó là một nỗ lực ghê gớm, mồ hôi tuôn đầy trên khuôn mặt ông. Cuối cùng, ông cũng đã làm được.

Ngày 4 tháng 7 Churchill có thể tự đi một mình. Ngày hôm đó, Colville viết cho Clarissa Eden một lời nhắn (bà và ngoại trưởng vẫn còn ở Mỹ) để bảo đảm chắc chắn rằng sẽ không còn cần tới người thay thế Churchill để điều hành chính phủ. Ngày 5 tháng 7 (ngày Chủ nhật thứ hai ở Chartwell), thống chế Montgomery đến dùng bữa trưa và ở lại tới chiều tối. Ngày hôm sau, William Strang, bí thư thường trực của Bộ Ngoại giao đến dự một cuộc họp bàn công việc. Khi Eden đi khỏi, trên danh nghĩa, ông này vẫn là người kiểm soát Bộ Ngoại giao, mặc dù thực tế công việc ở đây chia đều cho Salisbury và Selwyn Lloyd.

Butler, mặc dù đã dành cho Churchill một chuyến viếng thăm vì công việc từ khá sớm nhưng ông vẫn phải chờ tới ngày 19 tháng 7 khi được mời tới dùng bữa ăn tối. Trong khi chờ đợi, Butler vẫn âm thầm điều hành chính phủ. Ông giữ quyền chủ tọa lần lượt 16 cuộc họp Nội các trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 6 cho tới trung tuần tháng 8, một tần suất công việc khá dày đặc. Trong giai đoạn này, Butler rất ít khi nỗ lực uốn nắn lại quyền lực chính trị có trong tay.

Hành động đáng kể nhất với cương vị một quyền thủ tướng là phản đối bài diễn văn của Bộ Tài chính, trong một tranh luận về vấn đề ngoại giao diễn ra ngày 21 tháng 7, một sự kiện không mấy nổi bật.

Thứ sáu ngày 24 tháng 7, bốn tuần rưỡi sau ngày Churchill đổ bệnh, từ Chartwell, ông đến Chequers. Theo như Moran, kèm theo lời xác nhận chưa chắc chắn của Mary Soames, Chartwell đang đi xuống trừ khi có một vài sự trợ cấp. Churchill lưu lại Chequers cho tới 12 tháng 8, vẫn còn trong giai đoạn nghỉ dưỡng chứ chưa thực sự trở lại công việc. Ông dành thời gian đọc tiểu thuyết hơn là đọc hồ sơ hành chính của Nội các, mặc dù vậy ông chỉ có khả năng tiêu hóa những cuốn sách nhỏ, ít trang.

Gia đình Eden trở về sau cuộc phẫu thuật ở New England, đã đến dùng bữa trưa tại Chequers vào Thứ hai, 27 tháng 7. Ngoại trưởng, theo như lời tả lại Colville với thân hình “mỏng manh như tàu lá”... nhưng tinh thần ở trạng thái rất tốt. Eden nhận được một tín hiệu vui vẻ từ phía Churchill nhưng không có bất kỳ câu hỏi nào được đặt ra về sự kế vị. Ngày Thứ tư, Adlai Stevenson, một người có thể giữ bí mật thất bại của mình tài tình hơn bất kỳ ứng cử viên kém may mắn nào khi tranh cử cho chức vị tổng thống Mỹ, đã đến dùng bữa trưa. Ngày hôm sau có bộ trưởng Nội vụ và phu nhân Maxwell Fyfe. Chuyến thăm của gia đình Fyfe đánh dấu một phần sự trở lại công việc của Churchill.

Tuần lễ sau đó là những buổi gặp gỡ gia đình và các nhân vật chính trị đủ các cấp bậc. Gia đình Eden, Salisbury và Soames cũng có mặt. Randolph và Sarah Churchill, cũng như Duff Coopers, đã đến dự ngày lễ sáng thứ hai. Vào Chủ nhật, Churchill được chờ tới gặp nữ hoàng, vị khách đầu tiên ông ghé thăm từ ngày đổ bệnh. Sự kính trọng mà ông dành cho nền quân chủ lập hiến và nữ hoàng cũng không thể khiến ông giữ kín những ý định của mình như ông từng làm với Eden. Những điều ông nói với nữ hoàng đều là sự thật. Ông không chắc là liệu có nên tiếp tục khi không biết khả năng của mình có đủ để điều hành hội nghị Đảng Bảo thủ vào ngày 10 tháng 10 và sau đó là đối đầu với Nghị viện.

Một tuần sau hoặc có thể hơn, nữ hoàng đã đưa ra một lời mời hấp dẫn nhưng hóa ra lại rất khó xử cho ông và Clementine. Bà mời cả hai cùng bà đi xem nhà thờ St Leger tại Doncaster vào ngày 12 tháng 9 sau đó tiếp tục hai đêm trên chuyến tàu dành riêng cho hoàng gia ở Balmoral. Churchill quyết định đi nhưng Clementine kiên quyết từ chối vì cho rằng sẽ phải giáp mặt với công chúng tại trường đua ngựa và một chuyến đi bằng tàu kéo dài vào lúc này là quá sức đối với ông. Ông vẫn đi và nghĩa vụ của bà là phải theo tháp tùng ông. Có vẻ như Churchill đã chính xác, chuyến đi này là một thành công. Sau đó gần một tuần, bác sĩ cho phép ông đi không cần sự có mặt Clementine. Nhưng đã có gia đình Soames cùng đi và ở lại ngôi biệt thự của Beaverbrook ở Cap d'Ail.

Trong suốt tháng 8, Churchill đã đấu tranh rất nhiều nhằm giành lại ít nhất là những ván bài bị thua trong công việc chính phủ. Chủ nhật 8 tháng 8, ông thực hiện cuộc họp chính thức đầu tiên tại Chequers, nơi Butler, Salisbury và William Strang được triệu tập để thảo luận về những phản hồi từ phía Liên Xô về đề xuất cho cuộc họp bộ trưởng bốn bên. Colville, nhận việc ghi chép hồ sơ đã ghi chú như sau: “Ông già ấy đã trở lại con đường của mình”. Ngày 18 tháng 8, Churchill từ Chartwell (nơi ông đã từ Chequers trở về vào ngày 12) để điều hành một cuộc họp Nội các vào đầu giờ chiều, lần đầu tiên kể từ ngày 24 tháng 6. Ông đến phố Downing vào buổi sáng và bảo Norman Brook tóm tắt nội dung công việc trong khi ông dùng bữa trưa trên giường. Công việc ở Nội các có vẻ hơi rời rạc. Sau 1 giờ 40 phút nghe tường trình, Churchill yên lặng một cách khác thường. Một tuần sau đó, công việc của Nội các đã gần như lấy lại sức sống nhờ bàn tay của thủ tướng.

Tuy nhiên, mặc dù ông đã khỏe hơn rất nhiều so với hai tháng trước nhưng thời điểm đầu mùa hè này không hề làm vừa lòng Churchill. Mary Soames đã miêu tả ông giữa hai cuộc họp Nội các như một người đang trong tình trạng “mê mụ và u tối”. Jane Portal (một người có sự khác biệt rất đặc trưng, trở thành thư ký viết bài rất ưa thích của cả Churchill và cháu gái của Rab Butler), đã viết cho chú mình từ Cap d'Ail vào cuối tháng 9: “Thủ tướng đang trong tình trạng vô

cùng thất vọng. Ông luôn vẫn vơ trong đầu suy nghĩ có nên từ bỏ hay không... Ông đang chuẩn bị cho một bài nói chuyện ở hội nghị Margate [Đảng Bảo thủ] nhưng phân vân không biết nên dài bao nhiêu thì đủ. Ông đã vẽ một bức tranh bột màu từ cửa sổ phòng ngủ”.

Tại sao ông lại quá lo lắng khi dùng hội nghị Margate để minh chứng cho chính mình là ông vẫn còn có khả năng tiếp tục? Tất cả gia đình, đồng nghiệp và các chuyên gia tư vấn đều cho rằng ông nên làm điều ngược lại. Ông đã gần 79 tuổi, nhiệm kỳ thứ hai của ông dường như dài gấp đôi, giống như trong lần khởi đầu ông từng nói bóng gió. Ông cảm thấy gánh nặng như đè trên vai mặc dù ông hầu như chỉ điều khiển từ xa. Không có sự cố gắng hiển của các nhân vật trong hội đồng, ông không thể nào duy trì liên tục công việc. Hơn thế nữa, ông còn thích những thú thư giãn “xa xỉ” dưới ánh mặt trời, cùng với những bức vẽ và những cuốn sách. Với sở thích này, ông đã tích lũy được một bộ sưu tập gia đình độc nhất vô nhị.

Có rất nhiều yếu tố đền bù. Điều đầu tiên và cũng là rõ ràng nhất đó là tình yêu dành cho ông không chỉ là thứ tình cảm ràng buộc mà còn là biểu hiện thực chất sức mạnh trong con người ông. Ông chỉ thật sự toại nguyện và khát khao thỏa mãn được đặt lên cao nhất khi ông nắm trong tay tất cả những gì khó khăn và đầy thử thách. Ông không thích phải nằm nghỉ an dưỡng và xem thời gian đó như một sự trì hoãn. “Tôi không có hứng thú”, đó là ý nghĩ của ông trong tháng 7. Ông có thể là một người xa hoa và ủy mị nhưng cho tới giờ phút này chưa bao giờ có thể tưởng tượng ông là một kẻ thích hưởng lạc. Ông không thích tuổi già và ông biết cách nào là tốt nhất để ngăn chặn những tác động do nó gây ra, cũng chỉ là trì hoãn giây phút quyền lực sẽ tuột khỏi tay. Nhưng dù sao đi nữa, cuộc đời cũng đã đến lúc xế bóng.

Sáu tuần trước khi đổ bệnh, ông đã có một bài phát biểu xuất sắc trước Nghị viện. Trong suốt năm 1953 và 1954, công việc ngoại giao và những bài diễn văn của ông liên tục xen kẽ. Dù vẫn còn một chút rồi ren nhưng chúng đã làm điên đảo phía Công Đảng đối lập và gây hoang mang tới phần lớn thành viên trong

Nội các và Đảng Bảo thủ. Bài diễn văn ngày 11 tháng 5, kỷ niệm lần thứ 13 ngày đầu tiên ông chính thức đảm nhận cương vị thủ tướng, cũng nằm trong số những bài nói gây chấn động. Đoạn viết đại ý như sau:

Tôi phải đơn giản hóa vấn đề mặc dù tình hình thế giới đang xuống dốc trong một thời điểm không ổn định và đầy rối loạn. Tôi tin rằng một hội nghị diễn ra trên tinh thần cao nhất giữa các thế lực lãnh đạo là điều nên làm ngay lúc này. Đây là một hội nghị không phải chỉ toàn những công việc buồn tẻ với hàng đống những chương trình nghị sự cứng nhắc, hay chỉ là những mê cung tối tăm hoặc những rừng câu chữ chuyên môn. Đây phải là một cuộc tranh luận tích cực, sôi sảng của các chuyên gia và quan chức, cố gắng sắp xếp lại những công việc trọng đại nhưng ngổn ngang.

Tác động tiêu cực của bài nói này chính là những lời bình luận Anthony Eden đã viết 18 tháng sau đó, sau những cân nhắc hết sức thận trọng:

Đã lâu lắm rồi trong lịch sử mới có một bài diễn văn gây nên nhiều tổn thất cho chính bên phát biểu như thế. Ở Ý, như những gì Gasperi công khai tuyên bố với Winston, và ông đã để mất de Gasperi trong cuộc bầu cử, khi mạo hiểm cho một canh bạc nhằm tăng số phiếu. Ở Đức, Adenauer đã rất bức bối. Tôi tệ nhất có thể là sự mất mát EDC (European Defence Community- Cộng đồng Phòng thủ châu Âu) ở Pháp. Dù sao đi nữa, đây là một mùa hè chỉ toàn những cuộc ẩu đả. Ông đưa ra bài diễn văn này mà không hề tham khảo ý kiến bất kỳ thành viên nào trong Nội các.

Trong sáu tuần, giữa thời gian Churchill đưa ra bài nói chuyện này và bắt đầu có triệu chứng bệnh, ông đã không có bất kỳ tín hiệu nào nhằm giảm nhẹ những bất động trong Bộ Ngoại giao. Công luận lại ủng hộ mạnh mẽ bài phát biểu của ông. Vào đầu tháng 6, ông nhận được một tín hiệu khá công bằng từ

phía các thủ tướng của Khối thịnh vượng chung. Những nhân vật này đều đã tập hợp ở London cho buổi lễ đăng quang của nữ hoàng. Sau đó, vào trung tuần tháng 6, ngay thời điểm Churchill còn e ngại trong việc khôi phục quyền lực, lại có một thông tin về Liên Xô chỉ đi sau Mỹ chín tháng trong cuộc đua vũ khí hạt nhân. Những quả bom nguyên tử đã được thay thế bằng những quả bom khinh khí trong kho vũ khí của cả hai siêu cường.

Những thay đổi về cuộc xung đột mang tính hủy diệt không chỉ hạn hẹp trong vài thành phố mà còn nổi bật trên toàn thế giới. Vì vậy, một vấn đề cấp bách đã được vạch ra trong đầu Churchill. Nếu xem nhẹ nó thì sẽ đem lại cho ông một lời bào chữa mới để có thể cố gắng ở lại. Nhưng nếu đánh giá nó ở mức độ cao nhất thì sẽ đem lại cho ông một nhiệm vụ cao quý nhất từ những năm tháng 1940-1941. Nhưng ông vẫn phải đứng trên đôi chân của mình trong suốt 40 phút tại Margate vào ngày 10 tháng 10. Sau đó ông nhận những câu hỏi của Nghị viện đưa ra ngày 20 để bổ sung vào bài phát biểu diễn ra trong buổi tranh luận ngày 3 tháng 11 tại Address.

Tại hội nghị Đảng Bảo thủ, bài nói chuyện của ông đã không thật sự sôi nổi. Nó mở đầu bằng một vấn đề bên ngoài (quần đảo Guiana thuộc Anh) và có một số lời khen tặng rời rạc đối với các vị bộ trưởng trong chính phủ. Đó không phải là những thứ có thể tạo nên một bài nói chuyện ở tầm cao. Ông đề cập đến những lời ghi chú nhún nhường nhất về những thành quả chính phủ đạt được. “Tất nhiên chúng ta đã nỗ lực rất nhiều để có một chính phủ trung thành, điềm tĩnh, uyển chuyển và thực hành tiết kiệm và đã làm hết sức nhằm xứng đáng với trách nhiệm được giao”. Đây là một bài diễn văn hội nghị có thể nói không hề mang tính đảng phái. Việc đề cập đến Attlee 5 lần trong bài nói của ông đã thể hiện lòng tôn trọng hơn là sự thù ghét, những câu chuyện vui ông kể về “các đảng viên Xã hội” cũng đều thể hiện thành ý. Ông đã vướng quá nhiều vào những câu chữ trong bài nói chuyện kêu gọi một hội nghị cấp cao với người Nga diễn ra vào ngày 11 tháng 5. Ngay cả đoạn kết bài cũng khá trầm lắng: “Một lời mang tính cá nhân về bản thân tôi. Nếu tôi vẫn ở lại cho tới thời điểm này, gánh

vác nhiều gánh nặng ở cái tuổi này không phải chỉ bởi tôi say mê quyền lực hay công việc mà đó là sự dung hòa của cả hai. Tôi ở lại vì cái cảm giác hiểu thấu được tất cả những gì đang diễn ra và có thể tác động lên những điều mình quan tâm, xây dựng nên một nền hòa bình đảm bảo và vĩnh viễn”.

Mặc dù cách nói này có vẻ hơi yếu đuối so với phong cách của ông nhưng dù sao cũng đã đạt được mục đích. Bài nói chuyện đã giúp ông xác nhận lại quyền của mình trong đảng. Với giọng điệu của những câu hỏi trước Nghị viện, hai ngày sau đó ông còn gặp khó khăn nhưng dù sao ông vẫn trả lời rất khéo léo. Chiến thắng lớn nhất của ông là bài diễn văn ông thực hiện trước Nghị viện vào tháng 11. Nó đã bao phủ được mọi khía cạnh mà một bài diễn văn của một thủ tướng cần đạt được khi tuyên bố khai mạc phiên họp. Nhưng giá trị khác biệt của nó nằm ở đoạn văn kết thúc về viễn cảnh thế giới. Tinh thần lạc quan của ông đã được thể hiện cao nhất: “Khi những quả bom hủy diệt cho phép con người tàn sát lẫn nhau thì không còn ai muốn thực hiện hành động đó nữa. Dù sao đi nữa cũng rất an toàn khi phát biểu rằng, nếu một cuộc chiến bắt đầu thì cả hai bên tham gia sẽ phải hứng chịu tất cả những điều đáng sợ nhất. Điều này ít có nguy cơ xảy ra hơn so với cái giá ghê gớm treo lơ lửng trên đầu tôi ở thời kỳ trước với những con mắt đầy tham vọng của kẻ thù”.

Bài diễn văn đã lôi cuốn toàn thể Quốc hội. Không may là những người ghi nhật ký đều vắng mặt hoặc nếu có cũng không lên tiếng. Channon như bị hút hồn. Ông cho rằng, một cách rõ ràng Churchill đã thực hiện được “một trong những bài diễn văn để đời”. “Quá tuyệt vời, đầy sức quyến rũ và hấp dẫn. Với sự thông minh và sức công kích mạnh mẽ, ông đã tuôn ra những từ ngữ mang phong cách Macaulay cho cả những vấn đề bình thường và đáng sợ. Đây là một màn trình diễn của một vận động viên Olympia. Một màn biểu diễn tuyệt vời mà chúng ta không thể có cơ hội thấy lại lần thứ hai từ ông cũng như bất kỳ một nhân vật nào khác”. Và Harold Macmillan, với một *cách* nhìn nhận chừng mực hơn, đã cùng có thêm lời phát biểu của Channon: “Màn trình diễn của Churchill ngày 3 tháng 11 thật sự xuất sắc... Ông đã tự tin hơn rất nhiều so với lần tại

Margate. Ông đã thật sự hiểu rõ chính mình và cả Nghị viện. Khó tin được đó lại chính là một người vừa ngã sau cú đột quỵ lần hai vào cuối tháng 6 vừa qua. Tôi không tin ông ấy có thể làm được điều đó trong bất kỳ thời điểm nào vào mùa hè hay ngay cả mùa hè năm nay”.

Sau tất cả những nỗ lực trên, bất kể ở Margate hay Westminster, Churchill đều chìm ngập trong tâm trạng mệt mỏi lần phần khích. Trong lần ở Westminster với tâm trạng vui vẻ, ông đã đi đến phòng hút thuốc của phiên họp để thư giãn và nhận những lời chúc mừng. Tuy nhiên, một buổi nói chuyện ở Nga có Eisenhower đi cùng, rõ ràng là diễn ra trên máy bay nhưng lại bàn về vấn đề bảo đảm an ninh. Ít nhất điều này cũng cho thấy sự miễn cưỡng của tổng thống Mỹ khi nhận lời đi cùng Churchill. Đây cũng là một buổi nói chuyện thay thế cho lần gặp gỡ ở Bermuda vốn đã bị hoãn lại từ tháng 7. Churchill còn muốn lôi kéo tổng thống Mỹ tới cuộc gặp sớm ở Azores, nhưng tổng thống Mỹ không mấy hứng thú cả về thời điểm lẫn nơi chốn. Thật ra cũng có dấu hiệu cho thấy sự lo lắng của Eisenhower về sự hồi phục của Churchill không đem lại cho ông nhiều năng lượng cho một sự khởi đầu chính trị. Bức thư ông gửi tới Nhà Trắng mang đầy tính cá nhân, và ông vẫn thường sắp xếp một khởi đầu gây tò mò: “Ông bạn thân mến của tôi...”. Nhìn chung thì đây không hẳn là một lời chào thân mật. Winthrop Aldrich, đại sứ lúc đó của Mỹ tại London, đã thông báo với Harold Macmillan: “Eisenhower đã bị bối rối bởi những nỗ lực khơi dậy vấn đề của Churchill. Đó là khi ông ta nói về mối quan hệ giữa hai người bạn già, Churchill và Roosevelt”. Macmillan tiếp tục: “Tôi nói như thế vì tất nhiên Roosevelt, cũng như Churchill, đều là một nghệ sĩ lẫn một chính trị gia. Nhưng Eisenhower thì không. Tuy nhiên, tôi đồng ý sự thân mật tương ứng giữa thủ tướng và tổng thống nên thay đổi trong những dịp đặc biệt. Giống như tất cả những vấn đề khác, nếu trở nên quá bình thường thì sẽ tới lúc mất đi giá trị”.

Tuy nhiên, hội nghị bốn ngày giữa ba cường quốc bắt đầu vào ngày 4 tháng 12 đã được sắp xếp không mấy khó khăn. Pháp nằm trong dự tính ban đầu của Mỹ, ngoài ra còn cần có sự đồng thuận của Anh. Anh không thể nào làm khác

hơn. Nếu Churchill quá bối rối khi nói chuyện với người Nga, ông cũng khó lòng mà từ chối sự có mặt ngăn ngủi của Laniel (tên gọi văn tắt của thủ tướng Pháp) và sự có mặt thường trực của Bidault (ngoại trưởng Pháp) trong cuộc họp mặt giữa các nước nói tiếng Anh mà ông vẫn quan tâm. Chuyến đi tới Bermuda (mất tới 17 giờ bay, có nghỉ dừng chân ở Shannon và Gander) được xem như là rào cản thứ tư ông phải vượt qua nếu muốn ở lại vị trí thủ tướng. Đặc biệt, mục đích của ông khi ở lại chiếc ghế này cũng chính là muốn tham dự tất cả các hội nghị cấp cao từ Đông sang Tây. Tuy nhiên, tất cả mọi người trong gia đình và các đồng nghiệp của ông phải khó khăn lắm mới có thể chấp nhận việc ông sẽ tiếp tục công việc cho tới tháng 5 năm 1954. Sau đó, sự trở về của nữ hoàng sau một chuyến đi dài tới Úc và Khối thịnh vượng chung Thái Bình Dương đã tạo nên một “trạm chuyển giao mới”. Và ông đã nhạy bén nhận ra vai trò của mình giờ đây chỉ ở hàng thứ yếu.

Churchill rất khôn ngoan khi kéo dài sự vắng mặt của ông tại hội nghị Bermuda tới mười ngày so với bốn ngày thực tế và những giờ nhàn rỗi ông đưa thêm vào được thực hiện khá trót lọt. Ông đến hội nghị mà không hề có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cả về tài liệu lẫn vấn đề thảo luận, những việc mà mười năm trước đây từng chiếm hết thời gian của ông trong những lần hội họp. Moran đã thuật lại thái độ thờ ơ của Churchill với những cộng sự cùng bàn (Eden, Cherwell và Moran trong buổi tiệc trưa trên máy bay). Ông chỉ ngẫu nhiên cuốn “Cái chết của người Pháp” của tác giả C. S. Forester, một tựa đề không mấy tốt đẹp nếu như nó bị người khác thấy được khi ông xuống máy bay. Sự say mê tiểu thuyết trong những tháng sau này của năm 1953 chưa từng bao giờ thấy ở Churchill trước đó. Sau khi đắm chìm trong sách của các tác giả Trollope và Bronte, ông lại mê mải với cuốn *The Dynasts* (Kẻ trị vì) của Hardy và cuốn *Quentin Durward* của Scott. Ông chỉ mất một ít thời gian để đọc cuốn *The Dynasts*. Nhưng sau đó ông nói dối Lord Woolton rằng mình đã đọc cuốn đó “trong hàng giờ, tới tận trang cuối cùng”. Với cuốn *Quentin Durward* ông bị lôi cuốn tới mức vào ngày 27 tháng 10 thay vì phải giải quyết các tài liệu cho cuộc thảo luận Nội

các trong nửa giờ, ông lại cúi đầu vào những trang sách. Ngày 6 tháng 10, ông được tin mình nhận giải thưởng Nobel văn học nhờ vào tài viết văn chứ không phải tài đọc sách. Ông hơi thất vọng vì đó không phải là giải Nobel hòa bình và bởi lúc này ông đang ở Bermuda nên không thể cùng Clementine tới Stockholm để nhận giải thưởng. Nhưng lúc đó ông cũng khá hài lòng: “Dù sao thì nó cũng đều là giải Nobel, một số tiền 12 ngàn bảng Anh miễn thuế, cũng không đến nỗi tồi”.

Lần chạm mặt tiếp theo của Churchill với Eisenhower là ở Washington vào mùa hè năm 1954, có thể xem là thân thiện nhất trong những mối quan hệ của hai người kể từ khi Eisenhower trở thành tổng thống.

Hầu hết những nguyện vọng và sức mạnh của Churchill giữa hai lần gặp gỡ ở Bermuda và Washington đều dành hết vào việc tìm kiếm một cuộc họp cấp cao với Liên Xô. Mỗi bận tâm duy nhất cạnh tranh với quyết định này là làm sao ông có thể hoãn ngày từ chức.

Có nhiều điều trái ngược về thái độ của Churchill. Ông đang theo đuổi một mục đích lớn lao và trung tâm của mục đích này, theo điều khoản chính trị của Anh, hoàn toàn không mang tính đảng phái. Tuy nhiên, ông đã tự lôi kéo mình vào hai cuộc tranh cãi Nghị viện nhỏ nhặt và không kém phần chua chát với Công Đảng. Những tranh cãi kéo dài cho tới lúc tất cả tan thành mây khói. Nhưng tại sao lại không phải là một thủ tướng nào khác, mà để một người già 79 tuổi, một người đàn ông không những quá nổi tiếng trên thế giới mà còn đang ở những ngày tháng cuối cùng, phải nhúng tay vào những chuyện bất trắc và còn con như thế?

Sau đó vào tháng 4, trong thời gian chờ đợi tiến hành một bài diễn văn ngoại giao đầy đủ sẽ diễn ra vào ngày 25 tháng 2, ông đã phải chứng kiến sự sụp đổ của Nghị viện. Công Đảng đã chê trách Churchill (sau tất cả những nỗ lực và niềm tin thật sự của ông) đã không có thái độ đủ cứng rắn đối với phía Mỹ về việc tiến tới thực hiện kế hoạch “bom khinh khí”. Có thể hiểu được thái độ tức

giận của ông khi nói chuyện với thư ký Nội các (theo lời Moran) rằng ông có ý định “hậu thuẫn cho Attlee”. Điều ông dự định làm cho Công Đảng thấy rõ, với việc cho phép hủy bỏ thỏa thuận Quebec (về vấn đề phát triển vũ khí hạt nhân) - một thỏa thuận mà Churchill đã thương thuyết với Roosevelt trong năm 1944, phải chịu trách nhiệm về những thiếu sót của Anh trong vấn đề kiểm soát sử dụng bom khinh khí.

Ngay cả khi chiến thắng trong sự việc này, Churchill cũng không hề thu được lợi ích gì trong việc “hậu thuẫn cho Attlee” và việc thi hành cũng sẽ vô cùng lộn xộn. Đơn giản ông đã mất những cái tai biết lắng nghe trong Nghị viện. Ông luôn bị Công Đảng ngắt lời còn những người theo phe ông thì chỉ ngồi đó với vẻ mặt ủ rũ, một hậu phương không một chút nỗ lực ủng hộ. “Hãy nhìn những khuôn mặt sau lưng ông”, là câu nói thô lỗ của một nghị sĩ chen ngang lời trong khi ông đang khó nhọc để ghi hết những công việc cần ghi chú. Đó là cơn ác mộng mà tất cả các nhân vật trong nghị trường đều không hề mong muốn, ở mức độ nhỏ thì hầu như tất cả những người làm công việc đó đều phải một hoặc hai lần trải qua trong đời. Nhưng đối với ông đây là một phiền muộn không nhỏ. Suốt buổi sáng ngày hôm đó, toàn bộ viễn cảnh sụp đổ trước mắt đang đè nặng lên ông. Và đỉnh điểm của sự việc xảy ra là trong khi Churchill vẫn đang nói thì Robert Boothby đã đứng dậy từ hàng ghế Đảng Bảo thủ, bước khỏi phòng họp Nghị viện với những lời lẽ vô cùng ngang ngược. Hàng ghế Công Đảng bùng phát những lời chế nhạo. Các đảng viên Đảng Bảo thủ còn lại thì có vẻ vô cùng ủ rũ.

Điều này trái ngược hoàn toàn với vẻ oai phong của một chính khách lớn chỉ năm tháng trước đây. Nhưng điều kỳ lạ là ông không ngay lập tức cắt bỏ vai diễn của mình. “Trong những tờ báo sáng mai, tất cả rồi sẽ ổn thỏa”, ông đã tự an ủi không đúng lúc. Sự việc đã không như vậy. Tờ *The Times* viết: “Ý thức về những cơ hội đã phũ phàng rời bỏ ông. Đó là trách nhiệm của ông, cuộc tranh luận đã bị thoái hóa thành một trận ẩu đả nghèo nàn, hung dữ và nhỏ mọn”. Tờ *Manchester Guardian*, nhìn chung trong trường hợp này có phần nào thân thiện với Churchill

hơn tờ *The Times*, chỉ nói: “Ông ấy đã phạm sai lầm”.

Cuối cùng, một lần nữa Eden kết thúc cuộc tranh cãi với một bài diễn văn tuyệt vời. Ông che chở cho Quốc hội, bào chữa cho Churchill và lấy chính những luận điểm của ông làm nền tảng căn bản cho một sự kế vị sẽ sớm xảy ra. Sự kiện này gợi lại cho Churchill cuộc tranh luận 14 năm trước khi ông biện hộ cho Chamberlain. Dù cho Churchill có chắc chắn về sự sụp đổ của ông trong tháng 4 năm 1954 thì vẫn còn chút gì hoài nghi. “Mọi việc đã không như những gì tôi mong đợi”, một lời nói có phần đăm chiêu sau tất cả những gì ông đã đọc trên các báo ra sáng ngày hôm đó. Nhưng ông vẫn chấp nhận ngay cả những lời đồn thổi hành lang về việc từ chức của ông sớm hay muộn là điều không thể tránh khỏi.

Hầu hết các cộng sự của ông trong Nội các dù cho rằng việc ông nghỉ hưu là điều không cần bàn cãi, vẫn mong ông chọn một ngày phù hợp. Những điều rủi ro từ Quốc hội vẫn lèo đèo theo sau Nội các cho tới ngày 31 tháng 3. Trong ngày này, Nội các đã phải họp lại hai lần chủ yếu là do Churchill quá lưỡng lự trong việc quyết định. Thư ký riêng của Eden đã thuật lại: “Đơn giản việc này sẽ không thể tiếp tục. Ông ấy đã già rồi và không thể hoàn thành nổi phát biểu của mình”.

Tờ *Daily Mirror*, hầu như chỉ là tờ báo lưu hành trong dân chúng, không nằm dưới quyền kiểm soát của “phe phái” Churchill, cũng thêm vào sức ép này bằng một bài báo ra vào ngày hôm sau. Trang nhất của nó mở đầu khéo léo bằng tựa đề “Thời tăm tối của một người khổng lồ”, mặt sau cùng có thêm bằng lời trích dẫn của tờ *New York Times* về những lời lẽ để gạt bỏ Churchill, coi ông chỉ như cái bóng của một vĩ nhân những năm 1940”. Tờ *The Times* còn làm méo mó thêm bằng việc so sánh Churchill với Eden, một nhân vật ở thời điểm hiện tại đang nổi lên bên cạnh Churchill như một người “vô cùng chính xác, tự tin và rõ ràng”. Tờ *Daily Mirror*, sau giai đoạn ủng hộ ông từ năm 1938 - 1939 đã thôi không trở thành bạn của Churchill nữa, nhiều lần kêu gọi ông sớm từ bỏ vị trí trong mùa đông năm 1954. Churchill dường như không mấy bận tâm, ông chú ý

nhiều hơn vào những cuộc tấn công mang tính bạo lực của Malcolm Muggeridge hiện đang diễn ra ở Punch. Thái độ tất yếu của Churchill rõ ràng là không vui, ông còn thể hiện một thái độ nhạy cảm đáng ngạc nhiên về quan điểm trong phòng chờ của bác sĩ và nha sĩ.

Ý định của Churchill cho tới giờ phút ấy vẫn không rõ ràng, có thể ngay cả đối với ông, trong suốt mùa xuân năm đó. Ngày 11 tháng 3 ông dùng bữa với Rab Butler, và đã sử dụng một từ ngữ gợi lên tựa đề của chương sách này: “Tôi cảm thấy bản thân giống như một chiếc phi cơ đang thực hiện chuyến bay cuối cùng trong lúc trời nhá nhem tối với một thùng xăng đã cạn và đang cố tìm nơi hạ cánh an toàn”. Như Butler kể lại, Churchill còn nói mỗi bận tâm chính trị duy nhất của ông lúc này là cuộc trao đổi cấp cao với Liên Xô. Ông sẽ vui lòng lui về Hyde Park Gate và hoàn thành cuốn *History of the English speaking Peoples*. Cùng ngày hôm đó ông nói chuyện một mình với Eden và ý định của ông là sẽ ra đi vào tháng 5, “hoặc chậm nhất là cuối mùa hè”. Ngày 19 tháng 3, ông nói với Moran ông sẽ từ chức vào cuối tháng 6. Giữa hai thời điểm trong tháng 3, Jock Colville nhận thấy ông có vẻ ở trong trạng thái tốt hơn. Những vấn đề nổi cộm về sức khỏe và tinh thần đều là nghiêm trọng đối với ý định từ chức của ông. Và nếu chúng xảy ra cùng lúc thì nguy cơ khiến ông đột tử là rất cao. Ngày 8 tháng 4, ông nhận ra một tia hy vọng mới về cuộc đàm phán với Malenkov. Vào ngày 22 ông thấy được một cơ hội nói chuyện với Eisenhower diễn ra vào cuối tháng 5 và tự ông đề xuất tới Washington từ ngày 20 tới ngày 24. Điều này không đem lại kết quả gì nhưng cho tới đầu tháng 6, ông nhận được một lời mời chắc chắn từ phía Eisenhower về một cuộc gặp vào nửa cuối tháng 6.

Đối với ông, đó chính là một kết thúc, một sự trao trả quyền lực vào mùa hè năm đó. Nữ hoàng đã trở về sau chuyến đi quanh Khối thịnh vượng chung từ giữa tháng 5. Thật ra, Churchill đã đến gặp bà tại phía tây đảo Wight và cùng bà dạo biển trên chiếc Royal Yacht vòng quanh góc phía đông nam nước Anh và đi lên thượng nguồn Thames tới trung tâm thủ đô. Chuyến đi này đã truyền cảm hứng cho bà viết một bài thơ hồi tưởng hiếm thấy. Một trạm dừng chân nữa đã

được băng qua nhưng Washington và điều gì đó sẽ đem lại cho ông một mảnh đất mới để mở rộng nhiệm vụ của mình.

Ngày 7 tháng 6, Eden đã viết một bức thư van nài một sự chuyển giao “ít nhất hai tuần trước khi thời gian nghỉ bắt đầu”, thông thường là vào cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8. Churchill đã đáp lại, không chê vào đâu được:

Ông bạn Anthony,

Cá nhân tôi không thể thực hiện những điều ông bạn đề xuất trong thư...

Tôi cảm nhận được những khủng hoảng và căng thẳng mà thế giới đang trải qua. Và tôi sẽ là người thiếu trách nhiệm nếu vứt bỏ niềm tin trong một thời khắc chuyển giao, hoặc không thể sử dụng những nhiệt huyết chúng ta để tạo ảnh hưởng tốt trong tình hình này...

Một bức thư nhẹ nhàng nhưng có thể dễ dàng hiểu được dụng ý từ chối trong nội dung. Sự an ủi duy nhất chính là việc Churchill ám chỉ khả năng sẽ có sự chuyển giao quyền lực (nhưng không chỉ là có khả năng) vào mùa thu. Sau đó là lời kết luận: “Tôi không ngại tạo cho ông cơ hội tốt nhất để chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào cuối năm 1955...”, một ngày gần 18 tháng sau đó. Ngày 18 tháng 6 Harold Macmillan, viết một bức thư thúc giục ông sớm đưa ra quyết định trước kỳ nghỉ hè và nên dứt khoát hơn.

Ngày 20 tháng 6 Churchill tự tay viết thư trả lời:

Harold thân mến,

Tôi đã nhận được thư ông ngày hôm qua.

Tôi chắc rằng đây là bức thư chính ông tự tay viết.

Tôi hiểu rất rõ ý ông muốn gửi gắm trong thư.

Chào thân mến,

Winston S. Churchill.

Trước khi thực hiện chuyến công tác cuối cùng đến Mỹ, Churchill còn có hai mối bận tâm khác, và cả hai nỗi lo này đều không hề nhỏ trong bối cảnh lịch sử lúc đó. Câu hỏi đầu tiên là về vấn đề tiền lương của các thành viên trong Nghị viện. Các nghị sĩ chỉ được trả 1.000 bảng Anh một năm, nếu xét trị giá từ thập niên 1950 thì đây vẫn là một số tiền ít ỏi, ngoài ra không hề có thêm các thu nhập khác (đối với các đảng viên Công Đảng và một vài đảng viên Bảo thủ), và họ đang ở trong tình trạng vô cùng thiếu thốn. Nếu tính chi phí phần lớn thời gian trong tuần chỉ ở khách sạn thì các nghị sĩ chỉ còn lại một khoản rất ít cho việc ăn uống. Một uỷ ban trong Nghị viện đã nhất trí đề xuất cần có sự gia tăng tiền lương và nó đã trở thành đề tài chính trị gây tranh cãi mạnh mẽ. Các đảng viên tích cực của Đảng Bảo thủ không thích ý kiến trả lương nhiều hơn cho các nghị sĩ. Trong một khoảng thời gian, nó đã trở thành đề tài duy nhất thay thế tất cả các vấn đề khác làm khuấy động dư dội nội bộ Đảng Bảo thủ, đặc biệt cánh nữ giới. Chính vì thế, Churchill đã dành phần lớn thời gian nói chuyện cuối cùng của mình cho hội nghị các nữ đảng viên Đảng Bảo thủ diễn ra ở hội trường Albert vào ngày 27 tháng 5 để bàn về vấn đề này. Tuy nhiên, với bản chất rộng rãi, ông cũng rất lo lắng về vấn đề tiền bạc và đặc biệt đánh giá cao vấn đề hiến pháp xem xét Nghị viện như một cơ quan. “Tôi không đòi hỏi một sự đồng thuận, nhưng cần một nhận thức bền bỉ về thực tế mà tôi đang mạo hiểm để đem lại cho các bạn cùng với chiều hướng chắc chắn tôi đưa ra”.

Vấn đề thứ hai không đáng kể lắm, chính là chỉ số cân nặng của ông. Ở Chartwell có rất nhiều cái cân, cái cân trong phòng tắm của Clementine được bà tin tưởng nhất. Số cân nặng của Churchill là 95kg, không thích hợp với chiều cao chỉ hơn 1,7m của ông. Vì vậy ông thử qua cái cân trong phòng tắm và chỉ số đưa ra là 98kg, còn tệ hơn. Ông nói với vẻ khẳng định: “Cái cân này hư rồi”. Clementine bắt ông phải thực hiện một chế độ ăn uống khá hà khắc. Ông viết: “Tôi không phàn nàn bất kỳ điều gì về cà chua, nhưng tốt hơn nên ăn cái gì khác”. Ông tiếp tục thử những cái cân khác cho tới khi tìm thấy một cái cho chỉ

số 92kg. Cả khẩu phần và chế độ ăn đều được giảm xuống và dáng vóc của ông cũng không còn kinh khủng như thế trong mười năm còn lại của cuộc đời.

Đêm 24 tháng Sáu, Churchill cùng với Eden và Lord Cherwell, không kể đến những người khác, đã bay từ Gander đến Washington. Cả Nội các chính phủ Mỹ và Anh đều không thích chuyến đi này của ông nếu không có sự có mặt của Eden. Hầu như tất cả các vấn đề đã được đưa ra, ngoại trừ vấn đề trọng tâm bàn về cuộc đàm phán về bom khinh khí với Liên Xô. Có vẻ ngoại trưởng của Mỹ đã đóng vai trò quyết định hơn Churchill. Mục đích của chuyến viếng thăm đã được tóm tắt một cách đáng trân trọng trong cuốn nhật ký của Colville:

Đầu tiên, chuyến đi này là để thuyết phục Tổng thống Mỹ về việc cần phối hợp có hiệu quả hơn trong vấn đề bom nguyên tử và bom khinh khí. Anh và Mỹ phải tiến tới đàm phán với Liên Xô trong nỗ lực ngăn chặn chiến tranh, giảm bớt tác hại của cuộc chiến tranh lạnh và đem lại cho thế giới một giai đoạn “thông thoáng”. Trong lúc đó, chúng ta có thể chuyển dần của cải và những kiến thức khoa học có được sang những thứ tốt đẹp, hơn là cứ sản xuất những vũ khí hủy diệt ghê tởm. Lúc này đây, phải có được thỏa thuận giữa Anh và Mỹ về vùng Đông Nam Á, và phải được thể hiện trong hội nghị Geneva [là cuộc họp diễn ra trong nhiều tuần dưới quyền chủ trì của Eden với nỗ lực giải quyết các vấn đề Đông Dương] một hội nghị đã trở thành điểm nhìn của cả thế giới. Đây là một dịp để làm trong sạch lại bầu không khí và tạo lập lại một cảm nhận mới mẻ hoàn toàn trên thế giới.

Đối với Churchill, chuyến viếng thăm này hoàn toàn tốt đẹp từ đầu đến cuối. Ông được phó tổng thống Mỹ Nixon và ngoại trưởng Dulles đón tiếp tại phi trường, và đi thẳng tới Nhà Trắng, là nơi ông sẽ lưu lại trong ba đêm đầu. Eisenhower rất thoải mái, có thể là do trùng vào dịp nghỉ cuối tuần (vì thời gian này là từ Thứ sáu tới Thứ hai). Cuộc gặp mang tính chất từ biệt hơn là tạo cơ sở cho một sự thương thuyết trong tương lai đối với Churchill. Tuy nó không phải

là một niềm vinh dự, nhưng cũng đem lại một ý nghĩa nào đó. Tại cuộc họp đầu tiên, vào sáng Thứ sáu, Eisenhower đã khiến Churchill không khỏi sửng sốt lẫn hài lòng về ý định chấp nhận đàm phán với người Nga. Ông chờ đợi sự việc này sẽ cần nhiều thời gian và khả năng hùng biện. Tuy nhiên, đây cũng là một vấn đề ông cho là quan trọng, ít nhất cũng không thể xao lãng để cho “buồm bị gió cuốn đi”. Colville đã thuật lại lời ông vào đêm hôm đó, sau phiên họp thành công kế tiếp bàn chủ yếu về vấn đề Hy Lạp, trong buổi trưa: “Những thành công đã khiến cho tâm trạng chúng ta trở nên phấn chấn và vui vẻ hơn”. Và tâm trạng lâng lâng đó vẫn còn kéo dài mặc dù Dulles đã cố gắng muốn rút lại sự đồng thuận về cuộc họp cấp cao. Trong buổi tối Chủ nhật, tại Nhà Trắng đã diễn ra một buổi tiệc “hết sức vui vẻ”. Cả Eisenhower và Churchill đều có những lời lẽ rất nồng hậu đối với người Đức. Trong khi đó, Eisenhower, không cần bất kỳ một sự tán thành nào từ Churchill hay phải mất công tranh luận với Eden, đã gọi người Pháp như “một khối chất nguyên sinh không còn chút sức lực và hy vọng nào cả”.

Roger Makins, đại sứ Anh đã phát biểu: “Ông ấy sẽ không bao giờ có một buổi tối ồn ào náo loạn nào hơn thế”. Đây là một lời bình phẩm gây nên nhiều ngờ vực về những hành động huyền ảo diễn ra ở Nhà Trắng của Eisenhower, một nơi vốn yên tĩnh. Tuy nhiên, Churchill cũng tận hưởng những điều thú vị ở nơi đây. Bản thân ông cảm thấy mình như đang trở về với trung tâm thế giới, giống như cảm giác ông có được khi thực hiện chuyến đi dài ngày tới Roosevelt trong thời khắc chuyển giao năm 1941 - 1942. Ngoài ra, ông còn được Eisenhower “bật đèn xanh”. Tuy nhiên, sau đó nhiều đèn vàng đã bật sáng nhưng ông không định dừng lại. Ông cứ khẳng khẳng đòi đi đến Moscow, hay ít nhất là tới Berne, Stockholm hoặc Vienna, sau này trở thành địa điểm gặp gỡ của ông với người Nga.

Chiều Thứ ba (ngày 29 tháng 6), phái đoàn của Churchill lên đường bay đến Ottawa. Tại đây, Churchill đã cộng thêm vào 30 giờ cho chuyến viếng thăm Mỹ, giống như những việc ông đã làm nhiều lần trước đó. Ông có một bữa ăn tối đơn

giản cùng Laurent, thủ tướng Canada. Sáng hôm sau, ông tham gia cuộc họp Nội các Canada và có bài nói chuyện với giới báo chí Ottawa. Colville viết lại chuyến đi này như sau: “Ông ấy không làm tốt như những gì đã thể hiện ở Washington nhưng tất cả đều rất kín kẽ”. Sau đó, ông thực hiện một buổi thu thanh sẽ truyền tới người dân Canada. Rồi ông ngồi trên chiếc mui trần Cadillac, theo sau là một dòng người reo hò, để tới Câu lạc bộ Ottawa Country, nơi chính phủ Canada mở tiệc chiêu đãi ông và các thành viên trong đảng. Từ đây ông đi thẳng ra phi trường để bay tới New York, một vùng đất “có chút gì đó chán nản nhưng không ít chiến thắng đối với ngài thủ tướng”. Ông lên tàu *Elizabeth Queen* lúc 1 giờ sáng.

Tối buổi trưa, tàu cập bến. Trong sáng hôm đó (ngày 1 tháng 7) ông tổ chức một buổi chiêu đãi trên tàu với rất nhiều quan chức tham dự. Đó là chuyến xuyên Đại Tây Dương cuối cùng của cuộc đời ông.

Trong chuyến đi, ông và Eden luôn biết cách để giữ cho chiếc bình luôn sôi sục bằng cách tạo nên cái mà theo như Colville miêu tả là “một trận cãi vã tới bến” tại bữa tối chiêu Chủ nhật. Đó chỉ là một vấn đề nằm ngoài phạm vi và Eden phải ngủ tới trưa hôm sau mới tỉnh rượu. Ngày Thứ hai, mọi người cùng nhau dùng bữa trưa với một không khí khá thân thiện. Ngày hôm sau nữa, tàu *Elizabeth Queen* chậm chậm từ Cherbourg tiến tới Southampton, neo tại đây lúc 5 giờ chiều. Nhưng phong thái chậm rãi này không kéo dài được lâu. Thứ tư ngày 7 tháng 7, Nội các có một cuộc họp và các buổi sáng tiếp theo còn có bốn cuộc họp khác diễn ra trước ngày 26. Dần dần những cuộc họp này bắt đầu gây được sự chú ý bằng việc Salisbury nhận được sự ủng hộ của Crookshank rồi số ủng hộ mở rộng ra bao gồm cả Eden, Macmillan và Butler. Không có bất kỳ thành viên nào trong Nội các có thể đưa ra sự ủng hộ Churchill một cách rõ ràng và ăn khóp. Và Churchill cũng không nhận được sự giúp đỡ từ ngoài nước, cả phía tây và đông.

Churchill đã trả một cái giá đắt, nhưng không đem lại kết quả. Ông đã làm suy giảm niềm tin của Eisenhower về trí tuệ của ông, ông đã mất quyền kiểm

soát Nội các của mình. Điều này gợi lại một kỷ niệm buồn của Gladstone trong tuần cuối cùng giữ chức vụ thủ tướng (ở tuổi 84).

Gladstone rút về Biarritz trong một tháng. Khi ông quay trở lại, sau khoảng thời gian ba tuần gây phiền phức cho đồng nghiệp, ông nói lời từ chức lần cuối và về ở tại Hawarden trong bốn năm cuối đời. Churchill cũng lui về Chartwell, và cũng trong khoảng thời gian một tháng. Nhưng ở chính nơi này ông đã quyết định trì hoãn đơn từ chức tạm thời đã viết vào tháng 9 và hoãn ngày từ chức cho tới nửa năm sau.

Chương 45

LỄ KỶ NIỆM VÀ SỰ RA ĐI

Kỳ nghỉ của Churchill ở trang viên Chartwell trong tháng 8 năm 1954 được đánh dấu bởi thời tiết khắc nghiệt (hầu như ngày nào cũng mưa), và bởi việc ông ngày càng quyết tâm rời bỏ nhiệm vụ để có thể từ chức vào ngày 20 tháng 9. Bà Clementine đang ở miền nam nước Pháp trong ba tuần đầu, nhưng sự vắng mặt của bà cũng không đặc biệt bằng những cơn mưa rào hết đợt này đến đợt khác. Hầu như toàn bộ thời gian này, lúc nào cũng có Colville và gia đình Soames thường trực bên Churchill. Có nhiều bộ trưởng đến cùng ăn trưa và tối với ông, như Butler, Macmillan, Woolton, và còn có sự góp mặt của Osbert Peake, bộ trưởng Trợ cấp và bảo hiểm quốc gia.

Một vài bộ trưởng có vị trí chắc chắn hơn Peake cho rằng nếu để Churchill tiếp tục công việc thì lần lượt họ cũng sẽ là những người bị nhắc khỏi vị trí. Ông không hề để cho Buder hay Macmillan xác nhận điều này. Mà chính ông muốn những người đó sẽ phải chấp nhận sự việc như là không thể tránh khỏi. Và ông không muốn nghe bất kỳ một lời lẽ phản đối lớn tiếng nào. Tất nhiên còn một nhân vật vẫn giữ vị thế quan trọng là Eden. Sẽ rất khó khăn cho ông nếu một mình nhân danh chống lại cả một đội quân. Vấn đề còn phụ thuộc vào sự ủng hộ của các thành viên cấp cao khác trong Nội các. Trong tám tháng cuối cùng năm chức vị thủ tướng mối quan hệ này có điểm nào đó giống như cách đối xử của hai siêu cường, đều muốn tìm cách phá hoại lẫn nhau nhưng chỉ ở mức gây tức giận cho nhau. Và đó là vận may của Đảng Bảo thủ vào cùng thời điểm. Eden không thể từ chức mà chưa ném đi tài sản kế thừa rất có giá trị đối với ông trong

hơn 12 năm. Ngày 27 tháng 8, ông đã có gợi ý bóng gió, và ngày 2 tháng 10 Macmillan đã thay mặt ông để tiếp tục nhưng với mức độ mạnh mẽ hơn. Churchill, không xem trọng những lời ám chỉ, thừa biết rằng ông phải giữ Eden trong giới hạn. Nếu Eden khoa chân múa tay thì dù không hơn một con rỗi, giai đoạn đương nhiệm cuối cùng của Churchill sẽ kết thúc trong cay đắng. Hơn thế, những xung đột giữa mỗi quan tâm và chính sách của thủ tướng và ngoại trưởng bởi những mớ giấy tờ đầy những lời lẽ cảm kích và kính trọng được tạo nên trong nhiều năm, nhìn chung khá thành công. Hai người cũng là những chính khách biết xử sự. Kết quả là Churchill không hề cảm thấy khó khăn hoặc quá đạo đức giả trong việc viết cho Eden một lời nhắn gửi nồng ấm tình thân thiện, giống như trong hội nghị tiếp theo của Đảng Bảo thủ tại Blackpool trong cùng năm:

Anthony thân mến,

Tôi vô cùng xin lỗi vì thời tiết lạnh... Ông bạn rất đúng đắn khi nằm trên giường và nghỉ ngơi. Chúng ta đã có một tuần làm việc vất vả... Tôi rất lo lắng cho những gì đã nói trong bài phát biểu. Nếu tôi và Clarissa trở về bằng tàu hỏa sau khi hội nghị kết thúc, chúng ta có thể sẽ ăn tối cùng nhau (một buổi tiệc nhỏ trong phòng khách của tôi), sau đó là những câu chuyện không việc gì phải vội vàng. Mọi người đều ca ngợi ông, nhưng không có gì bằng lòng chân thành của ông, ông bạn thân mến ạ.

W.

Khi Colville viết những câu trên vào ngày cuối cùng trong nhiệm kỳ thủ tướng của Churchill là Churchill “bắt đầu dựng nên những chuỗi ngày lạnh nhạt với Eden”, đã quá đơn giản hóa một mối quan hệ vốn phức tạp. Rõ ràng giai đoạn ấy, Churchill đang rất bức mình với Eden (và ngược lại, có khi mức độ còn cao hơn) nhưng không gây nên vấn đề nào. Vào trung tuần tháng 8 đã xảy ra một vấn đề rất nghiêm trọng về lá thư dài Churchill gửi tới Eden giải thích việc “ông

không hề có ý định từ bỏ vị trí trụ cột của mình trong tình hình khủng hoảng hiện tại của thế giới”. Churchill đã viết: “Sự điều hành chấp và không phải lúc nào cũng đem lại thành công”. Ông nhắc lại cảm giác khi Rosebery lên thay Gladstone và Balfour thay Salisbury. Cả hai đều không có “khả năng, kinh nghiệm và sức lôi cuốn”, cả ba tính chất này nếu suy nghĩ chín chắn thì chỉ có thể đúng với chính Eden. Những luật lệ “Giai đoạn cuối” về sau được tăng cường bằng những kinh nghiệm của Home khi lên thay Macmillan, Callaghan thay Wilson và Major thay Thatcher, mặc dù sự thay thế của Eden với Churchill có thể xem là ví dụ nổi bật nhất.

Mặc dù thảm họa vẫn còn trong tương lai, nhưng Churchill không chỉ không muốn đề cập đến ngày ông bàn giao quyền lực mà còn là cảm nhận không hai lòng khi ngày đó diễn ra. Tại cuộc họp bất thường diễn ra vào ngày 27 - 8 - 1954, Eden đã nói với Churchill: “Tất cả sẽ thuộc về tôi trước tuổi 60”. Điều Eden có ý muốn nói không phải ông ta sẽ đạt đến cái ngày quan trọng ấy vào tháng 6 năm 1957, đây không phải là một dự báo được khuyến khích. Trong một dịp khác, Churchill có đề cập đến việc sẽ cố gắng tìm đường cho Eden ra tranh cử trong cuộc bầu cử vào cuối năm 1955, hoặc ông sẽ ở lại và tự tranh cử.

Khi hội nghị Đảng Bảo thủ đi qua (có nhiều quan điểm về chất lượng bài nói chuyện của Churchill đưa ra trong dịp này, nhưng đã không ai cho rằng nó sẽ là một thảm họa) và bắt đầu một kỳ họp Nghị viện mới, có nhiều nhóm quan điểm muốn ông nghỉ hưu. Người hiểu rõ nhất không ai khác chính là Churchill. Ông ngày càng cảm thấy khó khăn trong vấn đề tập trung vào các công việc hành chính, hoặc ngay cả không thể tập trung vào bài nói chuyện, những diễn văn mà trước đây ông từng dành tất cả tâm huyết. Colville đã chú thích (viết một hoặc hai tháng sau đó): “Trong suốt những tháng mùa đông..., tôi đã lắng nghe rất nhiều bài viết tâm huyết mà ý chính trong đó là: “Tôi đã không còn niềm thích thú, tôi thật sự mệt mỏi về tất cả”. Nếu ông còn muốn dành thêm thời gian để nán lại thì chỉ có thể lý giải là ông muốn hoàn tất cho xong cuốn *History of the English Speaking Peoples*. Cuộc đời hoạt động của ông đã kết thúc có hiệu quả.

Ông còn nói với Moran (ngày 16 tháng 12): “Tôi nghĩ mình sẽ không sống lâu sau khi về hưu. Một khi không còn việc gì để làm thì sẽ không còn mục tiêu để sống”.

Sau đó là một phạm vi khác bao gồm gia đình Churchill và “những người thân cận trong công việc”. Gia đình ông muốn ông nhanh chóng rời bỏ công việc. Những người thân muốn ông giữ lại cả danh tiếng và sức khỏe và sợ rằng việc ông tiếp tục điều hành chính phủ sẽ gây ảnh hưởng không tốt cho cả hai. Quan điểm này được thể hiện ở mức độ mong muốn tạo dựng cho ông một cuộc sống tốt nhất có thể. Những người thân cận của ông thì có quan điểm không mấy rõ ràng, mặc dù theo một hướng khác. Một lần nữa, ý kiến của Colville đã tập hợp được tất cả các quan điểm. Sau khi tường trình lại tất cả những xuống dốc trong công việc của Churchill, ông viết:

Và tất nhiên trong một vài ngày nữa, tia sáng yếu ớt và già cỗi của chúng ta sẽ có mặt ở đây, tiếp tục tỏa sáng với trí thông minh và sự hài hước. Sự thông thái của ông sẽ thể hiện qua những câu nói. Và đôi khi ta có thể nhận ra những vầng hào quang của một nhân vật thiên tài qua một quyết định, một lá thư, hay có thể chỉ là một cụm từ ông đưa ra. Nhưng có phải chính ông sẽ là người đại diện thương thuyết với người Nga và điều đình với phía Mỹ? Tôi chắc rằng Bộ Ngoại giao sẽ không đồng ý nhưng công chúng Anh sẽ chấp nhận. Và tôi, một người đã thân thiết với ông trong suốt những năm tháng cuối cùng này, thì chỉ có câu trả lời đơn giản là tôi không biết.

Nhóm người thứ ba bao gồm các cộng sự của ông trong Nội các. Trong bảy hay tám tháng cuối, hầu như tất cả đều nhất trí ông nên ra đi ngay sau khi bàn giao xong công việc để vẫn còn lưu giữ trọn vẹn giá trị và lòng cảm kích trong mỗi người. Nhưng cũng có vài người trực tiếp chống lại ông với những suy nghĩ không chút tốt đẹp. Tuy nhiên, họ vẫn còn đôi chút rụt rè trong hành động vì nỗi sợ hãi rằng nhờ việc làm của mình không thành công, họ sẽ phải gánh chịu sự

phần nộ của luồng ảnh hưởng thứ tư và năm. Luồng ảnh hưởng thứ tư là các nhà hoạt động tích cực của Đảng Bảo thủ và thứ năm là quần chúng. Lực lượng này có phần kém hăng hái hơn. Đây là những con người được hy vọng là sẽ bầu cho đảng khi cuộc tổng tuyển cử vừa mới bắt đầu.

Kết quả thực tế của những luồng ảnh hưởng trái ngược nhau chính là sự vắng mặt của Churchill sẽ là một trong số ít ỏi những điều tốt nhất có thể làm. Eden chắc đã rất hài lòng với danh hiệu hiệp sĩ Garter mà nữ hoàng ban cho ông vào tháng 10. Sự thỏa mãn này càng được củng cố thêm bằng sự kiện kỷ niệm sinh nhật lần thứ 80 của Churchill sắp xảy ra vào ngày 30 tháng 11 tới (1954). Đây là lần đầu tiên trong 90 năm, có một thủ tướng Anh bước qua năm hạn của mình mà vẫn còn đương nhiệm.

Vì vậy, đây cũng là một sự kiện rất đáng để nói đến và hầu như tất cả mọi người đều tham gia để biến nó trở thành một sự kiện đáng nhớ. Nhìn chung, tất cả mọi việc đều thành công, mặc dù vẫn còn một hay hai vấn đề mâu thuẫn. Và với cả chính Churchill, mặc dù rất vui với lễ kỷ niệm, ông vẫn không thật sự hài lòng khi bước vào tuổi 80.

Lễ kỷ niệm sinh nhật vô cùng hoành tráng. Gần như tất cả các nghị sĩ, quý tộc và các quan chức chính phủ khác đều tham dự sự kiện. Attlee, người duy nhất khác với các thủ tướng còn lại, đã có một bài nói chuyện rất đúng lúc và hết sức hào phóng. Với quyền lực của một chỉ huy hải quân ở những vùng biển xa xôi, ông đã hết lời ca ngợi Churchill trong chiến dịch Dardanelles: “Một ý tưởng chiến lược duy nhất giàu trí tưởng tượng trong cuộc chiến”. Trong suốt những năm tháng cuối cùng, mối quan hệ của hai nhà lãnh đạo, Churchill với Attlee, vô cùng tốt đẹp. Gia đình Attlee được mời dự tất cả các sự kiện chính của phố Downing, cả những sự kiện chính thức lẫn cá nhân. Đó không chỉ bao gồm những bữa tiệc 200 khách mời thân mật vào dịp lễ kỷ niệm cuối tháng 11 năm 1954 mà còn dự lễ sinh nhật Clementine 70 tuổi vài tháng sau đó.

Giữa lần sinh nhật của Churchill và Giáng sinh có 7 cuộc họp Nội các. Chỉ

có 2 trong số đó nằm dưới sự điều hành của Churchill, Eden chủ tọa 5 buổi còn lại. Nếu Churchill vẫn còn muốn bám dai dẳng trách nhiệm thì ông nên khiến công việc trở nên nhẹ nhàng. Ngày 23 tháng 12, ông tới Chequers. Đây là lần kỷ niệm thứ 10 ngày ông trở về trẻ trong dịp Giáng sinh và ngay lập tức ông công bố đề xuất sẽ đến Athens vào đêm hôm sau. Năm 1954 là năm ông rất coi trọng nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Tất cả 9 đứa cháu của ông đều ở Chequers trong lần Giáng sinh cuối cùng của Churchill, tại căn nhà mà ông đã ở cho tới ngày đầu tháng 1.

Đầu năm 1955, mặc dù vẫn còn tia le lói nhưng Churchill đã hầu như đã đi một nửa đường tới quyết định từ chức. Ngày 22 tháng 12, trước khi Churchill tới Chequers dịp lễ Giáng sinh, ông đã gặp mặt với một “ban xét duyệt” gồm có bảy thành viên cấp cao trong Nội các: Eden, Salisbury, Woolton, Butler, Crookshank, Macmillan và James Stuart. Macmillan viết: “Đây là lần gặp gỡ vô cùng buồn bã. Mục đích thông thường của buổi họp là thảo luận vấn đề ngày diễn ra cuộc bầu cử sắp tới. Nhưng trước đó có những câu hỏi thu hút sự quan tâm của nhiều người.” Sau một khởi đầu rời rạc, Churchill đã dạo quanh một lượt các bạn bè có mặt (theo như lời Eden): “Điều rõ ràng là chúng tôi muốn ông ấy rời khỏi. Không ai phủ nhận lời ông... Cuối cùng đã phát biểu với vẻ đe dọa liệu ông có nên suy nghĩ về tất cả những gì các cộng sự đã góp ý và cho mọi người biết quyết định riêng của mình. Bất kể nói điều gì, ông cũng đều hy vọng nó sẽ không làm ảnh hưởng tới mối quan hệ của ông với mọi người. Không một ai tỏ thái độ run sợ”.

Theo như Moran, Churchill tới giờ phút này vẫn cố chấp tin vào người đồng minh tốt bụng nhất là Macmillan. Sau cuộc họp này, không còn cơ hội nào cho ông để nói lên quan điểm đó. Thật ra vào tháng 1, Macmillan đã gặp khó khăn khi mời Moran ăn trưa và khuyến khích ông lên tiếng về việc Churchill đã hoàn toàn không còn khả năng để tiến xa hơn. Hành động bội tín này đã đánh một đòn mạnh mẽ đối với Churchill trong suốt kỳ nghỉ Giáng sinh. Trước ngày Macmillan - Moran cùng dùng bữa, dường như Churchill đã vượt qua được sự

phân vân trong tâm trí và đi tới một quyết định nghiêm trọng, nếu không nói là vô cùng cứng rắn về việc ra đi vào kỳ nghỉ lễ Phục sinh (trong năm đó rơi vào đầu tháng 4). Trong tuần lễ tiếp theo, hay hơn một chút, điều này chỉ được biết đến trong phạm vi nhỏ, và đôi khi trong trường hợp như vậy nó được giữ kín, mỗi người biết chỉ nói với một hay hai người bạn thân. Sau đó, ngày 17 tháng 1 Bracken viết một bức thư thông báo đến Beaverbrook. Nó tương tự như cách Harold Wilson từ chức vào ngày 16 - 3 - 1976, thông tin chỉ rỉ ra trước thông báo hai hay ba tháng.

Tháng 2 năm 1955, Churchill dành phần lớn hai tuần đầu cho việc giải trí và tìm hiểu thái độ của thủ tướng các nước Khối thịnh vượng chung. Đây là hội nghị mà những khe hở của nó đã cho thấy sự hiện diện của ông vẫn còn được đánh giá cao cả trong tương lai cũng như trong quá khứ. Ông khuyến khích Jawaharlal Nehru trở thành “Ánh sáng của châu Á”. Ngày 8 tháng 2, chính quyền Xô Viết được trao cho Bulganin và Krushchev. Tất cả những gì không ổn định đều nhen nhóm trong Churchill một niềm khao khát về cuộc họp cấp cao. Cuối tháng đó, Butler đã nói với Macmillan: “Winston hiện đang cố gắng xóa bỏ những thỏa thuận đã thực hiện với Anthony”. Butler có vẻ quá vội vã nhưng vào cuối tháng 2, có hai bước tiến đã đem lại sự bảo đảm về việc ra đi của Churchill, có giá trị hơn bất kỳ quyết định hé mở nào. Đầu tiên, ông bố trí một buổi tiệc liên hoan chia tay linh đình vào ngày 4 tháng 4, nữ hoàng và hoàng tử Philip cùng đến dự. Điều thứ hai, ông bắt đầu bài nói chuyện trong buổi tranh cãi ngày 1 tháng 3, bằng việc giới thiệu các báo cáo về quốc phòng hàng năm của chính phủ, xem đó như là mong muốn và chúc thư cuối cùng của ông đối với Quốc hội.

Những tâm huyết ông dành cho bài diễn văn cuối cùng đã thể hiện mạnh mẽ sự dứt khoát. Jane Portal kể lại Churchill đã dành 24 tiếng đồng hồ để chuẩn bị và “chính tay ông đã viết nó”. Mặc dù có vài mâu thuẫn, những chỗ ông nhấn mạnh mang tính thương thảo hơn là chỉ thị. Bài nói chuyện này ít nhất cũng có giá trị là để lại một câu nói bất hủ, làm toát lên viễn cảnh tai họa, giống như một

tia chớp nhắm vào vùng đất tươi đẹp: “Chúng ta sẽ điều chỉnh như thế nào để bảo toàn tính mạng của mình và tương lai của thế giới? Đây không phải là vấn đề đối với những lớp người lớn tuổi, họ sẽ sớm rời bỏ cuộc sống này. Nhưng tôi lại vô cùng đau lòng khi nhìn những lớp người trẻ tuổi xông xáo với đầy nhiệt huyết, và lo lắng liệu điều gì sẽ giáng xuống họ nếu như Chúa không còn thích thú loài người”. Ông kết thúc bài nói chuyện sau 45 phút với thái độ lạc quan hơn, lặp đi lặp lại lời chú thích, bảy từ cuối cùng trong bài nói của ông có thể xem là những văn mộ chí tuyệt vời:

Ngày mới sẽ lên khi chúng ta đối xử công bằng và dành tình yêu thương cho những chiến hữu, đánh giá cao sự bình đẳng, tự do sẽ thúc đẩy những thế hệ đau thương tiến bước về phía trước tìm tới chiến thắng và sự bình yên từ quá khứ thương đau. Trong quá trình đi lên, chúng ta không được phép chùn bước, chán nản và tuyệt vọng.

Trong cuộc đời ít khi nào, có thể nói là chưa bao giờ Churchill nao núng, nhưng trong tháng 3, ông lại một lần nữa lưỡng lự về quyết định từ chức vào ngày đã định sẵn đầu tháng 4. Ngày 2 tháng 3, Eisenhower thông báo ông có việc cần đến Paris vào ngày 8 tháng 5, để kỷ niệm lần thứ 10 kết thúc cuộc chiến với Đức. Ông tán thành những thay đổi trong vấn đề sắp xếp tuyến phòng ngự châu Âu phối hợp, chủ yếu là do Eden đề xuất, sau sự phản đối từ phía Pháp về Cộng đồng Phòng thủ châu Âu cuối tháng 8 năm 1954. Mỗi hiểm họa này nằm ở hai câu trong bức điện nhận từ Roger Makins, phác thảo sơ lược về kế hoạch của tổng thống Mỹ. Ở Paris, Eisenhower đã đề xuất nghị thức thông qua thỏa thuận đồng thực hiện với tổng thống Coty [của Pháp], Adenauer và Winston Churchill. Ngoài ra, ông còn chuẩn bị để trình bày kế hoạch này trước cuộc gặp gỡ với Liên Xô trong nỗ lực dài hơi nhằm giảm căng thẳng và nguy cơ chiến tranh.

Rõ ràng những viễn cảnh trước mắt này không khỏi làm lung lay quyết định của Churchill. Nếu tất cả những hy vọng của ông được bắt đầu lại với cuộc gặp Eisenhower ở Paris ngày 8 tháng 5, liệu ông có

chịu lạng lẽ từ chức vào 6 tháng 4? Vào buổi sáng sau khi đọc bức điện của Makins, ông đã bắt đầu công việc bằng những câu chữ đáng tiếc gửi đến Eden:

Bức điện của Makins là vấn đề quan trọng bậc nhất... Kế hoạch gặp gỡ mà ông ấy [Eisenhower] sắp sửa tham gia phải được ghi nhận trong vấn đề xác lập một tình hình mới có tác động tới kế hoạch cá nhân và thời gian biểu của chúng ta.

Nó còn làm phức tạp hóa câu hỏi tôi thu lượm được theo chiều hướng của ông trong cuộc bầu cử vào tháng 5. Điều này có thể gây nguy hiểm nếu như các đảng phái chính trị tận dụng cơ hội cuộc bầu cử để tạo điều kiện chia rẽ liên minh. Đây sẽ trở thành đòn chống trả mạnh mẽ đối với chính phủ. Phản ứng của nước Anh đối với sự kiện này sẽ không có lợi.

Churchill yêu cầu một cuộc họp Nội các sớm hơn dự tính để bàn về vấn đề trên, diễn ra vào sáng Thứ hai, ngày 14 tháng 3, với một bầu không khí lạnh lẽo giữa thủ tướng và ngoại trưởng. Về bản chất, Eden thừa nhận bản thân rất thiết tha với cuộc gặp gỡ bốn bên (có mặt Liên Xô) giống như quan điểm của Churchill, nhưng lại không chịu nhượng bộ về thời gian biểu. Trong hoàn cảnh đó, khi Churchill đề cập đến cuộc gặp gỡ Eisenhower ở London vào tháng 6, bằng thái độ lạnh lùng, Eden hỏi: “Ngài thủ tướng, điều đó phải chăng có nghĩa là những sắp xếp của tôi với ông sẽ được đặt ở hàng sau cùng?”. Chuyển sang giọng điệu hờn dỗi, ông bồi thêm: “Tôi đã giữ chức ngoại trưởng trong mười năm. Và phải chăng tôi chưa tạo được sự tin tưởng?”. Churchill từ chối đưa ra bất kỳ ý kiến mang tính cá nhân nào, ông nói: “Đây không phải là vấn đề cần đến sự chỉ đường hay những bàn bạc của Nội các”.

Macmillan đã mô tả Nội các đang ở trong một bầu không khí “rất khó khăn”. Những bộ trưởng có biết về lời hứa hẹn ngày 5 tháng 4 tỏ thái độ “không vui”. Những ai không biết thì tỏ vẻ hoang mang. Chiều hôm đó, Churchill phải viết

vài lời đáp lại ý kiến phê bình của Quốc hội. Mặc dù đó không phải là một trong những bài nói chuyện đáng nói đến nhất nhưng ông đã dễ dàng thoát khỏi cuộc tấn công. Lần họp thứ hai của Nội các diễn ra vào Thứ tư ngày 16 tháng 3. Cho tới lúc này, bức điện làm rõ của Makins đã được gửi đến. Cả Eisenhower lẫn Dulles vẫn đang chờ đợi một cách nghiêm túc cuộc gặp gỡ với phía Liên Xô. Điều này làm cho quả bóng Churchill xẹp lép. Macmillan thuật lại, khi thủ tướng nghe được, sự thất vọng của ông thể hiện qua cả dáng vẻ. Tuy nhiên điều đó cũng có nghĩa là “cơn khủng hoảng của Nội các đã qua đi”, ông thêm vào.

Vấn đề phức tạp hơn khi những bước khởi đầu cho việc từ chức của Churchill bị rò rỉ trên mặt báo. Điều đáng nói là cho tới giờ phút đó, thông tin vẫn được giữ kín. Tuy nhiên, dù cho thông tin tới tai công luận, cũng không làm Churchill lung lay quyết định của mình. Ngày 27 tháng 3, Bulganin đã có lời gợi ý về thiên hướng của ông đối với cuộc họp bốn bên. Chiều tối ngày 28, sau khi ăn uống với Butler, Churchill nói với Colville rằng đất nước đã tồn tại nhiều khủng hoảng. Đó là các cuộc đình công nghiêm trọng trong nước vào ngày ông quyết định cuộc tổng tuyển cử. Thêm nữa là lời đe dọa của Bulganin. Ông không thể ra đi trong hoàn cảnh này chỉ để thỏa mãn cơn đói quyền lực của Anthony. Nếu cần thiết, ông sẽ kêu gọi một cuộc họp đảng và để đảng tự quyết định.

Kết quả của sự do dự này không hề dễ dàng vì Churchill đã hứa chiều hôm sau tham gia một buổi tiệc chia tay danh dự do Eden tổ chức. Trước bữa ăn tối, Churchill đi gặp nữ hoàng và hỏi bà liệu có đưa ra phản đối nào về kế hoạch trì hoãn việc từ chức của ông không, và bà đã trả lời “Không”. Có thể bà không có ý gì khác ngoài việc cho rằng việc kéo dài những ngày căng thẳng giữa Churchill và Eden không phải là trách nhiệm của bà, nhưng đối với Churchill đây lại là một sự đồng ý. Tuy nhiên, lời khuyên của Colville đã chiến thắng. Trong suốt hôm sau, Churchill dường như đã xua khỏi đầu ông những mộng tưởng về ngày tháng cuối cùng. Ông triệu tập Eden và Butler tới gặp ông lúc 6g30. Trước khi hai người tới, ông nói Colville: “Tôi đã bị biến đổi và tác động rất nhiều từ cách cư xử thân thiện của Anthony”. Lúc đó, ông đưa ra một thông tin quả quyết, ông

sẽ ra đi vào tháng 4. Ngay sau đó “ông già buồn bã” đã rủ Colville cùng đi ăn tối nhưng Colville bảo phải đi dự sinh nhật một người bạn. Trong hoàn cảnh này, đây được xem như một trong số ít lần ông từ chối nhiệm vụ suốt 15 năm cống hiến nếu không tính những khoảng thời gian ngắt quãng.

Những gì còn lại không có gì hơn trừ một buổi lễ chia tay. Ngày cuối cùng của ông ở phố Downing, Clementine đã chuẩn bị một buổi tiệc với hoàng gia (khoảng 50 khách) vào Thứ hai. Buổi tiệc đã trôi qua rất tốt đẹp, có một bức ảnh cảm động chụp cảnh Churchill bước ra khỏi ngưỡng cửa nhà số 10 khi tiễn nữ hoàng.

Điều đáng nói nhất là những gì Colville miêu tả về thái độ của Churchill sau khi tất cả khách khứa đã ra về: “Tôi cùng với Winston đi lên phòng. Ông ấy ngồi trên giường, vẫn còn đeo tước vị Garter (một huân chương công trạng) và chiếc quần ngắn tới đầu gối. Ông đã im lặng trong vài phút. Và tôi có thể tưởng tượng ra nỗi buồn trong đầu ông vì đây là đêm cuối cùng ông ở lại phố Downing. Một khoảng im lặng. Sau đó đột nhiên ông nhìn chăm chăm vào tôi và nói với một thái độ vô cùng giận dữ: “Tôi không tin Anthony có thể làm việc đó!”.

Ngày hôm sau, ông tổ chức cuộc họp Nội các chính thức cuối cùng vào buổi trưa, và rời khỏi cũng trong trưa hôm đó, vẫn với bộ trang phục ông hay mặc cho những dịp như thế. Đây là bộ áo choàng dài cuối cùng được nhìn thấy ở London, một nghi thức chính thống ở Buckingham cho nghi lễ từ chức. Có một điều kỳ lạ về lời đề nghị tước công. Địa vị bá tước sẽ trở thành thông lệ với chức vụ thủ tướng (nếu như ông chấp nhận trở thành quý tộc) từ cái thời Lord John Russell một thế kỷ trước đó. Nữ hoàng đã chính xác khi cho rằng Churchill đáng giá hơn nhiều. Nhưng cũng có thể bà không muốn tạo nên một vị công tước không phải người trong hoàng gia. Vì vậy một sự xem xét cẩn thận là vô cùng cần thiết đối với Churchill. Đoán chắc việc ông sẽ từ chối nên bà đã đưa ra lời đề nghị. Tất nhiên, hành động đúng đắn của ông là từ chối. Churchill rời phố Downing lần cuối cùng. Vào chiều ngày 6 tháng 4, ông được đưa đến Chartwell. Từ nơi này, ông tiếp tục thực hiện kế hoạch đi nghỉ ở Sicily, vốn đã được sắp xếp từ trước,

cùng đi có Clementine, Cherwell và Colville. Chỉ có một vài người phục vụ đi theo với những tiêu chuẩn đặt ra trước đó. Chuyến đi này không thành công lắm vì hầu như mưa suốt thời gian nghỉ giống như thời tiết ở Chartwell vào tháng 8 trước. Đoàn người trở về sau hai tuần thay vì so với dự kiến là ba tuần.

Liệu thái độ dai dẳng muốn bám giữ, không chịu đầu hàng trong công việc của Churchill có làm ảnh hưởng tới danh tiếng của ông hoặc sức khỏe và hạnh phúc của ông trong tương lai? Có một điều rõ ràng là, mọi thứ sẽ tốt hơn nếu như ông từ bỏ công việc từ năm 1953. Hai năm đầu tiên của chính quyền thứ hai của ông thật sự đã thành công và nó đóng vai trò tạo dựng với sự chấp thuận của nửa số đảng viên Bảo thủ. Sau giai đoạn đó, chỉ rất ít thành tựu đạt được, và cuộc họp cấp cao được xem là một hành động đeo đuổi viễn vông. Năm 1953, Eden đã lâm bệnh, còn Butler thì lại đưa ra những đòn phản tác dụng. Không có ai đẩy Churchill ra khỏi vị trí này. Ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng của ông cả trong nước hay ngoài nước đều không đáng kể. Điều này cũng tương tự như sức khỏe của ông. Tốt nhất là nên giữ gìn nó cho tới khi ông vẫn còn có thể sống một cách hoạt bát. Và những ngày tháng đó vẫn cứ tiếp diễn cho tới tháng 3 năm 1955. Theo lời Mary Soames ghi lại: “ông đã rơi vào lối mòn của mình”. Hình phạt mà ông có thể phải gánh chịu cho những dính líu này là trong những ngày về nghỉ, ông không còn được các bộ trưởng (một thời đã là cấp dưới của ông) và những người kế nhiệm tham khảo ý kiến nhiều như trước. Nếu được như thế, có thể ông sẽ ra đi dễ dàng hơn. Đó chỉ là một cái giá nhỏ ông phải trả, phản lại chuỗi thời gian dài dặc 47 năm ông làm việc trong Nội các, một nhiệm kỳ tuyệt vời cộng thêm một nhiệm kỳ trên mức trung bình trong vai trò thủ tướng.

Chương 46

MẶT TRỜI TỪ TỪ LẶN

Mười năm nghỉ hưu của Churchill là một khoảng thời gian dài đối với những người nắm quyền tương đối trẻ như ông. Mười năm đó được chia làm ba giai đoạn. Một là, tới năm 1959 (sau cuộc tổng tuyển cử năm 1959), giai đoạn này đánh dấu những nhiệm vụ cuối cùng của ông về công tác truyền thông, một hay hai bài diễn thuyết và một chuyến thăm Hoa Kỳ. Trong chuyến thăm này, cũng như mọi lần, ông được mời ở Nhà Trắng. Trong suốt bốn năm rưỡi, sức khỏe của ông, về vật chất và cả tinh thần, đều không khác gì so với thời kỳ sau khi ông bị đột quỵ năm 1953 trong nhiệm kỳ trước.

Giai đoạn hai kéo dài khoảng hai năm rưỡi, tính đến năm 1962, ông bị ngã trong một khách sạn ở Monte Carlo và bị gãy xương hông vào tuổi 87. Ông bay thẳng về Anh, tới bệnh viện Middlesex và ở đó trong ba tuần. Churchill đã dành hết thời gian cho việc làm thế nào để thoát khỏi cảm giác sức khỏe mình đang ngày một yếu đi. Vì thế, ông đã đồng hành cùng Onassis trong chiếc du thuyền của nhà tỉ phú, và trở thành nhân vật hết sức quan trọng trên con tàu này. Sau mùa hè năm 1962, chủ yếu là khoảng thời gian chờ đợi cái chết đang đến gần, ít nhiều một cách kiên nhẫn, và việc chờ đợi đó cũng kết thúc sau hai năm rưỡi.

Trong thời kỳ đầu của giai đoạn thứ nhất và sau chuyến đi không mấy thành công đến Sicily, Churchill sống ở Anh, chủ yếu là ở Chartwell, đôi khi ở Hyde Park Gate, vào cuối mùa xuân và hè năm 1955. Chiến dịch tổng tuyển cử đã chiếm gần hết tháng 5, nhưng không ảnh hưởng quá nhiều đến cuộc sống của Churchill. Ông thất vọng khi phát hiện rằng, Eden, sau một thời gian chuẩn bị,

đã thiết lập quyền lực của chính mình, và Churchill không hề được mong đợi sẽ giữ vai trò gì trong chính phủ. Không có một lời đề nghị nào của Churchill gửi cho Đảng Bảo thủ được đề cập. Ông chỉ diễn thuyết bốn lần trong suốt ba tuần chiến dịch diễn ra. Hai trong những bài diễn văn đó dành cho những cử tri của riêng ông, bài thứ ba ở Bedford cho Christopher Soames, và bài thứ tư ở Đông Walthamstow (ngoại thành London). Walthamstow là nơi mà chủ tịch Đảng Bảo thủ mới ở Woodford đã lật đổ được đại bộ phận người trong Công Đảng và giành được nhiều lợi ích cho Đảng Bảo thủ. Những lợi ích này đã làm nên nền tảng cho vị trí của Eden lúc bấy giờ.

Churchill dành thời gian chủ yếu cho việc hoàn thành cuốn *History of the English speaking Peoples*. Trên danh nghĩa, nó đã xong xuôi, mặc dù Cassells có những than phiền về cái kết thúc quá vội vàng bằng việc mở ra cuộc chiến tranh dân sự Mỹ, trong khi chiến tranh thế giới bùng nổ năm 1939. Nhưng đó là một việc cần gấp rút hoàn thành và thời gian thì cứ trôi đi. Vì thế nên ông chỉ giám sát việc viết lại những chương cần thiết, Alan Hedge, chủ tòa soạn báo *History Today*, là người đảm nhận chủ yếu công tác đó. Denis Kelly, người đầu tiên đến Chartwell để tập hợp những tư liệu cho *The Second World War*, cũng tham gia công tác viết lại. Những nhà học thuật bên ngoài cũng được kêu gọi giúp đỡ, và nhịp điệu của công việc được vợ của Hedge hồi tưởng như sau: “Hàng đồng bản thảo được J.H. Plump và những sử gia khác thu thập và tập hợp. Churchill và Alan xem xét lại những bản thảo”. Churchill đã không cần phải làm việc với cường độ cao như hồi ông mới bắt tay vào nghề viết sách báo khoảng thời gian trước chiến tranh, hay như hồi ông viết cuốn hồi ký cuối năm 1940. Nhưng làm việc giúp trí tuệ ông trở nên minh mẫn và sáng suốt, ít nhất là trong hai năm sau đó, đặc biệt khi ở miền Nam nước Pháp. Và cuối khoảng thời gian này thì phần cuối cùng của tác phẩm gồm bốn quyển của ông đã sẵn sàng để xuất bản.

Đây không phải là cuốn sách hay nhất của Churchill. Nhưng nó bán chạy, và đem lại lợi nhuận cao cho cả nhà xuất bản lẫn tác giả. Chỉ riêng ở Anh, quyển đầu tiên đã bán được 130 ngàn bản ở lần in đầu tiên, và những quyển tiếp theo

bán được 90 ngàn bản. Quyển đầu tiên được đặt tên là “The Birth of Britain” kể lại diễn biến lịch sử nước Anh cho đến năm 1485. Ba quyển tiếp sau, “The New World”, nói về hai thế kỷ của dòng họ Tudors và Stuarts, “The Age of Revolution”, đưa câu chuyện tới năm 1815, và “The Great Democracies”, quyển này mặc dù Churchill viết tiếp từ chương cuối trong một tác phẩm của Abraham Lincoln, nhưng nó cũng dừng lại ở mốc thời gian năm 1900, vì Churchill nói rằng ông không có hứng thú khi viết về “nổi thống khổ và những tàn phá của thế kỷ 20 tệ hại”. Tất cả đều được in khoảng 150 ngàn bản, nhưng được in lại ít hơn quyển đầu.

Khi Quốc hội mới họp vào ngày 7 tháng 4, Churchill ngồi ở một chỗ mới dành cho những người không thuộc chính phủ, trên một chiếc ghế dài cuối dãy. Đôi lúc ông cũng đi bỏ phiếu, nhưng ông không bao giờ có buổi nói chuyện nào trước Quốc hội mới trong hơn bốn năm và kể cả năm năm kế tiếp. Một lần, vào tháng 7 năm 1958, ông đã có những ghi chép hết sức tỉ mỉ chuẩn bị cho bài diễn văn của mình. Nhưng sau đó, ông lại quyết định rằng không có gì để nói, chẳng có gì đáng để ông phá vỡ sự im lặng bấy lâu nay. Dù sao thì ông cũng có rất nhiều bài phát biểu thành công ở bên ngoài. Vào tháng 6 của năm đầu tiên nghỉ hưu, ông đã tiết lộ về bức tượng của chính ông ở Guildhall. Oscar Nemon, một người ty nạn Do thái, đến từ Nam Tư, đã khắc bức tượng này.

Trong tháng trước lễ Giáng sinh 1955, Churchill đã đọc 5 bài diễn văn, hai bài về vấn đề chính trị ở Woodford, một bài nhân dịp chuyến ghé thăm trường Harrow lần thứ 16, và hai bài đọc tại thành phố London. Sau đó, vào tháng Năm, ông đến thành phố Aachen của Đức để nhận giải thưởng Charlemagne, và vào dịp trọng đại này của châu Âu, ông đã đọc một bài diễn văn hoành tráng. Ông cảnh báo Tây Đức rằng nếu họ quá hăng hái với việc hợp nhất với một Đông Đức đã bị Nga chiếm đóng, thì đó có thể là “sự hợp nhất của tro bụi và chết chóc”. Đây cũng chính là suy nghĩ riêng tư của thủ tướng Đức Adenauer nhưng là một học thuyết không thể truyền bá trong dịp lễ hội của Đức.

Những buổi diễn thuyết gián đoạn cùng với việc hoàn thành cuốn *History of*

English Speaking Peoples đã chiếm gần trọn thời gian của Churchill, không có chỗ cho sự buồn tẻ, và cả cô đơn. Ông lại bị một cơn đau thắt ngực vào ngày 2 tháng 7, sau đó ông tạm thời không được hút xì gà (một việc hết sức khó khăn đối với ông). Sức khỏe của ông, nhìn chung lại tốt hơn Clementine vào mùa hè năm 1955. Bà bị một căn bệnh gọi là “viêm dây thần kinh”. Vào ngày 4 tháng 8, bà bay đến Thụy Sĩ, hy vọng cách chữa bệnh đặc biệt của bệnh viện St Moritz sẽ giúp bà hồi phục. Clementine bay sang Thụy Sĩ để lại Churchill gần như một mình ở Chartwell cho đến khi ông tới miền nam nước Pháp ngày 1 tháng 9. Có rất nhiều người đến thăm ông, trong đó có những người xa xứ nhớ quê hương như Pamela Lytton và Violet Bonham Carter, và những chuyến thăm bất ngờ của gia đình Eden.

Sự kiện quan trọng nhất diễn ra trong suốt giai đoạn đầu nghỉ hưu của Churchill chính là sự xâm nhập của Anh và Pháp vào kênh đào Suez, bắt đầu từ tháng 11 năm 1956 và những hậu quả do nó mang lại. Churchill ở miền Nam nước Pháp để dưỡng bệnh tới ngày 8 tháng 10. Năm ngày sau, ông được yêu cầu phải có những phát biểu ủng hộ hành động của chính phủ Eden. Ông gần như không thể làm khác được. Vào khoảng giữa năm 1951, một trong những vấn đề dai dẳng nhất trong bất đồng về chính sách giữa ông và Eden chính là ông nghĩ Eden đang có những thái độ hòa giải ở Hy Lạp. Ông đã giải bày tâm sự trong buổi phát biểu: “Những người bạn đến từ nước Mỹ của chúng ta sẽ dần nhận ra rằng, không phải lần đầu chúng ta hành động một cách tự ý mà không hỏi ý kiến họ đối với những lợi ích liên quan”.

Vào ngày 29 tháng 11, Colville hỏi Churchill rằng, nếu vẫn còn là thủ tướng, thì ông có hành động giống Eden không. Ông trả lời rằng: “Tôi không bao giờ dám, và nếu đã dám làm, thì tôi chắc chắn sẽ không bao giờ dám ngưng lại”. Ông nói thêm là theo quan điểm của ông, thì đó là những “hành động dở nhất về ý tưởng cũng như thực hiện”.

Moran thì nói rằng, vào ngày 26 tháng 11, Churchill đã rất sốc khi Eden lui về nghỉ ngơi ở Tây Ấn qua câu nói: “Tôi muốn thấy Harold MacMillan làm thủ

tướng”. Sau chuyến đi buồn bã đó, Churchill làm tất cả mọi việc mà ông có thể, gửi những lá thư tới Eisenhower và có một chuyến thăm tới Nhà Trắng hai năm sau, để gây dựng lại mối quan hệ Anh-Mỹ. Churchill vẫn ở Anh sau khi Eden hết nhiệm kỳ vào đầu tháng 1 năm 1957. Montague Browne lo rằng, nếu cứ do dự giữa Butler và Macmillan ai sẽ là người kế nhiệm thì người ta sẽ không hỏi ý kiến ông nữa. Những chính khách lão thành khác đã được mời đến Điện Buckingham để hội ý nhưng lại không có mặt ông, người lão thành nhất. Vì thế, Browne gọi điện cho Michele Adeane, thư ký chính của nữ hoàng, người này có vẻ nóng giận nên đã gạt phắt đi ngay từ đầu. Sau đó Adeane đề nghị Churchill hãy đến Chartwell và tham gia vào buổi truyền thanh. Nhưng Browne nói như vậy cũng chẳng có ích gì. Người ta phải “thấy” được Churchill tham gia vào việc bàn bạc hội ý. Adeane nhượng bộ, và Churchill khoác mũ áo đến buổi tiếp kiến công khai.

Vai trò của Montague Browne nói chung là đã giúp Churchill thoát khỏi khó khăn hơn là gánh nó lên mình. Về phương diện đồng hành du lịch, nhiệm vụ của Browne ngày càng trở nên quan trọng. Những nơi mà Churchill muốn đến, phải vừa tràn ngập ánh nắng, vừa phải tiện nghi. Chính vì vậy ông thường tới miền nam nước Pháp, Địa Trung Hải và thỉnh thoảng là trên những con tàu đến Caribê.

Chartwell vẫn là nơi mà ông đến khi trở về Anh, mặc dù càng về sau thì ông cũng hay lui tới Hyde Park Gate. Ở Chartwell có tòa nhà của ông và những công trình thủy lợi đã được hoàn thành cách đó khá lâu, cũng là nơi đánh dấu việc hoàn thành quyển sách cuối cùng của ông và những hoạt động nông trại (hai nông trại ở ngoại ô đã được bán vào tháng 10 năm 1957), và nhiều việc dang dở khác. Một trong những thú tiêu khiển cuối cùng là xem những con ngựa đua của ông trên trường đua. Đa số thua, nhưng thỉnh thoảng cũng thắng. Ông ngắm nhìn cảnh biển và những tia mặt trời lấp lánh trên mặt nước, mặc dù cảm thấy không thoải mái với thời tiết mùa đông không ổn định ở Provence. Ở Riveria, ông chủ yếu sống ở hai căn biệt thự, về sau thì ở trong khách sạn. Những chuyến đi biển

đều chỉ do một người điều khiển một con tàu nhỏ nhưng rất tiện nghi.

Một trong hai căn biệt thự là căn hộ “La Capponcina” của Beaverbrook ở Cap d’Ail. Căn nhà được xây trên một mũi đất nhiều đá cách phía tây Monte Carlo khoảng 2 dặm. Năm 1939, Beaverbrook đã mua căn nhà từ Edward Molyneux, và đã cho khôi phục theo trạng thái ban đầu khi chiến tranh kết thúc. Ông tiếp tục duy trì hoạt động của nó trong suốt thời kỳ khó khăn mà nước Anh đang đối mặt với những hạn chế về lưu thông tiền tệ. Churchill lần đầu tiên đến La Capponcina vào mùa hè sau khi mối bất hòa giữa ông và Beaverbrook vừa kết thúc. Dường như ông không mong đợi nơi đây sẽ là ký ức hạnh phúc nhất, vì ở đó ông trải qua cơn đột quỵ đầu tiên và bị buộc phải ở lại đó thêm một tuần nữa dưới sự chăm sóc của Moran.

Dù lần đầu đến La Capponcina không hề vui vẻ, nhưng đó là nơi mà Churchill đến trước tiên trong chuyến thăm miền nam nước Pháp kể từ khi ông nghỉ hưu. Ông đến đó vào ngày 1 - 9 1955, và ở lại lâu hơn dự định, đến ngày 5 tháng 11. Lần đầu ông đi với Clementine, khi bà từ Thụy Sĩ trở về, cùng với gia đình Soames và những cộng sự thân cận của ông. Sau đó, không chỉ Sarah, con gái ông, mà cả Hodge và Kelly cũng đi cùng, và một số công việc về cuốn “History” cũng được hoàn thành. Churchill vẫn rất thích hội họa. Beaverbrook thường không có mặt ở đó mà chỉ để đầu bếp và đoàn tùy tùng của mình ở lại. Churchill còn đến La Capponcina thêm hai lần nữa, một lần để tổ chức kỷ niệm Ngày cưới vàng vào tháng 9 năm 1958. Churchill thường ở lại đó lâu hơn Clementine. Vào đầu năm 1960, ông thay đổi địa điểm, chuyển sang ở Khách sạn Paris ở Monte Carlo. Ông chỉ đến thăm khu vườn ở La Capponcina vào buổi chiều, ở đó ông vẽ những bức tranh cuối cùng, hay có khi chỉ ngồi dưới ánh nắng mặt trời.

Ít khi Beaverbrook có mặt tại căn biệt thự của mình, nhưng có lẽ vì thế mà đây là nơi mà Churchill thường nghỉ ngơi khi đến Riviera. Nhưng còn có một ngôi nhà khác, cách Roquebrune khoảng 10 dặm, về phía đông Monte Carlo. Căn biệt thự này có tên là La Pausa, do người bạn cũ của Churchill, Bendor,

công tước Westminster xây dựng, và sau đó Emery Reves mua lại năm 1954.

Vào 26 - 10 - 1955, ông viết thư cho Clementine từ La Capponcina: “Anh được mời dùng bữa trưa với Reves và Madame R. ở nhà hàng St. Pol... Anh sẽ ghé qua nhà thờ Matisse sau bữa trưa đó”.

Mối thâm giao của ông với Reves được bắt đầu lại với những thảo luận về ăn uống và nghệ thuật. Mối quan hệ đó nhanh chóng trở nên khăng khít, và khi Churchill một lần nữa khi đến miền nam nước Pháp vào tháng 1 năm 1956, ông lại chọn La Pausa là điểm dừng chân. Ông ở đó khoảng một tháng và rồi lại tiếp tục hành trình, với 11 chuyến đi quan trọng trong suốt ba năm rưỡi, tổng cộng là 54 tuần.

Ông là vị khách rất được hoan nghênh, ít nhất là với Wendy và Emery Reves. Mục tiêu quan trọng của Reves là được chiêu đãi Churchill. Churchill được mang theo bất cứ ai mà ông muốn: con gái, thư ký, Cherwell hay chủ nhà xuất bản của ông, Desmond Flower. Và gia đình Reves hỏi ý kiến ông về những người mà ông muốn dùng bữa chung. Những vị khách đó rất đa dạng, từ nhà Windsor đến Rab Butler và Paul Reynaud. Nhưng Churchill lại bằng lòng với một không khí gia đình bình lặng, thỉnh thoảng có những chuyến đi tới các nhà hàng hay sòng bạc lớn. Sau ba tuần đầu ở La Pausa, ông đã viết về cuộc sống ở đây với những ngôn từ mê đắm nhất:

“Tôi trải qua những ngày ở đây, chủ yếu nằm trên giường, thức dậy để dùng bữa trưa hay bữa tối. Tôi cũng có một khóa học về hội họa với những người rất giỏi. Họ cũng có những chiếc máy hát tuyệt vời, chơi những bản nhạc của Mozart và những nhà soạn nhạc khác, hoặc có thể bất cứ những gì bạn thích. Tôi thật sự đã có những buổi học đậm chất nghệ thuật với những gia sư dễ thương”.

Trong bức thư đó, ông cũng chấp nhận một cách nuối tiếc rằng, Clementine do bị bệnh truyền nhiễm và buộc phải ở bệnh viện trong ba tuần mà không đi

cùng ông được: “Anh đã hy vọng sẽ thuyết phục em tới đây và dưỡng bệnh. Em sẽ gặp Wendy, một người rất duyên dáng. Nhưng anh cảm thấy rằng với mặt trời ở Sylvia và nhà Ceylon thì có lẽ kế hoạch của em cũng tốt...”. Clementine rất khó bị quyến rũ tới La Pausa. Ông đã cố gắng đưa bà đến đây khi chuyến đi lần thứ hai của ông kết thúc và khi con tàu của bà, từ Ceylon trở về, đậu ở bến Marseilles. Nhưng bà nghĩ rằng mang quá nhiều đồ đạc xuống bến là một vấn đề khó khăn nên quyết định sẽ đi thẳng về Anh. Bà chỉ đến La Pausa trong chuyến thăm thứ ba của Churchill vào tháng 7 năm 1956, bà ở đó không quá bốn ngày, và để Churchill (và Sarah) ở lại trong mười ngày kế tiếp. Đối với Clementine, sự duyên dáng của Wendy có vẻ như thái quá và không hợp với bà. Để giữ gìn phép tắc và các thủ tục cần thiết, bà đã gửi cho Wendy nhiều lá thư lịch thiệp xin lỗi đã không đến và cảm ơn về “những tình cảm và sự quan tâm của Wendy đến Winston”. Nhưng những cảm xúc riêng của Clementine với phu nhân Reves lại chỉ ở một mức độ giới hạn. Và do bà không có ấn tượng mạnh mẽ về Emery Reves, nên bà không hề mong muốn làm khách ở La Pausa. Còn đối với La Capponcina của Beaverbrook, đặc biệt là khi chủ nhân không có mặt, thì đó lại là nơi dừng chân lý tưởng hơn.

Cùng lúc đó, những chuyến đi biển đang ngày càng cuốn hút ông. Những chuyến đi biển đó chính là đối thủ cạnh tranh với La Pausa và nó cũng là nguyên nhân khiến Churchill không còn liên lạc với gia đình Reves. Hơn nữa, cũng như La Pausa đã cuốn hút Churchill trong thời gian ông ở La Capponcina năm 1955, thì sự quyến rũ của Aristotle Onassis và du thuyền Christina cũng bắt đầu từ những ngày đầu Churchill đến La Pausa. Sự hiện diện của Onassis trong những bức thư của Churchill bắt đầu từ ngày 17 - 1 - 1956 khi Churchill viết cho Clementine: “Randolph đưa Onassis đến dùng bữa tối hôm qua. Anh rất ấn tượng về ông ấy. Ông ấy kể cho bọn anh về những con cá voi, và còn hôn tay anh nữa chứ!”. Sau đó, trong những dịp đến La Pausa chơi, ông và gia đình nhà Reves dùng bữa tối trên boong tàu Christina. Về sau, điều này diễn ra thường xuyên hơn, mỗi khi Churchill ở Roquebrune, cho đến hai năm sau thì những

chuyến đi biển trọn vẹn mới bắt đầu. Trong thời gian đó, Churchill cảm thấy Onassis thật thú vị: “Ông ấy thật hoạt bát và rất được việc”. Churchill có ý định tìm kiếm một ngôi nhà ở Riviera. Việc này nghiêm trọng đến mức người ta đặt ra nhiều câu hỏi, vì ông là người rất thích kết giao bạn bè và có rất nhiều người sẵn sàng đón tiếp ông. Việc Churchill lo lắng đầu tiên là ông sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình Reves, dù sau đó, qua 11 dịp đến chơi ở đây, mối lo không còn là vấn đề nữa. Nhưng ông vẫn cứ tiếp tục tìm kiếm nhà trong một năm, hoặc hơn. Sau cùng, ông đi đến một thỏa thuận là để Société de Bains de Mer (Công ty thương mại nhà nước của công quốc Monaco) tháo dỡ và san bằng căn biệt thự cũ, và trên nền đất đó sẽ cho xây dựng một căn biệt thự mới mang phong cách của chính Churchill. Họ sẽ cho ông thuê với giá 1.500 bảng một năm. Người có cổ phần cao nhất trong Société de Bains de Mer, đang điều hành khách sạn Paris, sòng bạc cũng như Khách sạn Bãi biển, lại chính là Aristotle Onassis. Tuy vậy, kế hoạch đó đã không được thực hiện, và Churchill khôn ngoan ở lại đây như một vị khách vĩnh viễn.

Chuyến đi đầu tiên của tàu Christina chỉ bắt đầu vào tháng 9 năm 1958, dù đã được bàn bạc rất nhiều từ tháng 1 năm 1957. Có nhiều trở ngại trong danh sách khách mời. Onassis hỏi ý kiến của Churchill và bảo ông cứ đề xuất bất cứ ai mà ông thấy phù hợp. Họ không nhận ra rằng việc này cũng giống sự kiện Henry Ford bảo với khách hàng là họ sẽ có bất cứ mẫu xe nào họ muốn miễn là nó màu đen. Onassis đề xuất nhà Windsor, cùng gia đình Reves. Churchill không chấp nhận nhà Windsor. Ông không bao giờ quên được cái ý nghĩ của mình về “người đàn ông rỗng tuếch” sau năm 1940, và ông cũng cho rằng sự hiện diện của họ sẽ “gây ra nhiều thứ rắc rối”. Clementine thì bác bỏ gia đình Reves, bà sẽ không đến nếu họ được mời. Churchill nhất quyết là bà nên đến, chính vì thế mà Montague Browne được cử đến thông báo về những điều kiện đó cho Onassis. Nhà Windsor sẽ có mặt, điều đó có lẽ làm cho mọi việc tốt đẹp hơn là sự có mặt của gia đình Reves. Và họ đã nói điều đó cho Onassis. Điều này đã nhen nhóm một ngọn lửa phản nộ, nhưng bùng nổ chậm. Suốt năm 1959, Churchill lại có hai

dịp đến ở La Pausa. Sau đó, ông chuyển qua Khách sạn Paris vào tháng 1 năm 1950, và một lần nữa lại đến La Pausa vào tháng 9. Chính điều này đã gây ra sự tuyệt giao với gia đình Reves.

Sự tuyệt giao tưởng là sẽ gây ra những ảnh hưởng không tốt tới Churchill. Nhưng may mắn thay, chuyện này lại liên quan tới một người gắn bó lâu dài với ông hơn là Wendy và Emery Reves, nên ông đã không bận lòng nhiều vì đã làm họ thất vọng. Sau một tháng, Clementine viết một bức thư khá nhã nhặn nhưng lạnh nhạt cho Emery Reves, bày tỏ sự kính trọng và xin lỗi, và mời họ dùng bữa trưa ở Monte Carlo. Churchill đến ở trong một căn phòng trên tầng thượng của khách sạn Paris. Không hề có sự cắt đứt tuyệt đối với gia đình Reves. Emery đã chuyển từ những lời lẽ cay đắng thành những tin nhắn bày tỏ lòng quý trọng và “mong gặp lại”. Họ thỉnh thoảng gặp mặt và Reves cũng đến thăm Churchill khi ở London vào cuối tháng 6 năm 1964. Nhưng không hề có sự suôn sẻ và tốt đẹp như lúc đầu, ngoài không khí lạnh nhạt khá nặng nề như trước đó. Reves đã đúng khi nghĩ rằng Churchill thích những chuyến đi biển hơn. Mặc dù có một khởi đầu không hề suôn sẻ, nhưng chuyến hành trình đầu tiên cùng với Onassis trên tàu Christina là một thành công lớn và kéo theo sau không ít hơn bảy hành trình khác nữa, khi Churchill từ 84 đến 89 tuổi. Chuyến đi khởi hành từ Monte Carlo, xuyên qua Majorca và Tangier, đi lên sông Guadalquivir tới Seville, sau đó trở về Gibraltar, và ở đó, Churchill bay thẳng về Anh.

Clementine thích cuộc sống trên tàu thuyền, còn Churchill lại rất thiện cảm với Onassis. Onassis là người Hy Lạp, sinh ra ở Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó trở thành công dân Argentina dù sống phần lớn tại Monaco. Dường như ông hiểu những gì Churchill đang cố gắng diễn đạt, và cũng có khả năng giúp Churchill hiểu được mình tốt hơn bất kỳ ai (vì Churchill lúc đó không còn nghe rõ).

Ở hai trong bảy chuyến đi khác, đoàn của ông vượt qua Đại Tây Dương. Chuyến đầu (mùa xuân năm 1960) chỉ tới Caribê, nhưng chuyến thứ hai (mùa xuân năm 1961) đã cập bến bờ biển phía đông Hoa Kỳ, vượt qua một cơn bão lớn ở sông Hudson. Trong chuyến thứ hai, Adlai Stevenson được hộ tống bởi

Marietta Tree và Ronald Tree, đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể lên tàu của Churchill và cùng ông dùng bữa. Churchill cũng nhận được lời mời khẩn thiết từ tổng thống mới nhậm chức Kennedy, mời ông tới Washington và nghỉ tại Nhà Trắng. Montague Browne đã từ chối lời mời đó mà không hỏi ý kiến của Churchill. Vì ông chắc rằng Churchill sẽ có thể bị cảm dỗ, nhưng rồi sẽ không thể làm trọn nghĩa vụ của một vị khách tử tế được kỳ vọng trong những dịp như thế. Bốn trong năm chuyến đi biển khác của ông hướng tới vùng biển trung tâm và phía đông Địa Trung Hải, Hy Lạp.

Mối quan hệ với gia đình Onassis, không giống với gia đình Reves, không hề kết thúc trong nước mắt. Nó chỉ từ từ mờ nhạt đi, chủ yếu vì bản thân Churchill, sau chuyến du hành cuối cùng vào tháng 7 năm 1963, muốn có một không khí bình yên hơn. Trong suốt thời gian bầu bạn cùng với Onassis trong những chuyến tàu, Churchill vẫn tiếp tục đấu tranh, nói chính xác hơn là để trở thành một ứng viên trong một cuộc bầu cử tháng 10 năm 1959. Ông chỉ diễn thuyết ba lần, hai lần ở Woodford và một lần ở Walthamstow, với những bản thảo mà Montague Browne chuẩn bị cho ông. Dĩ nhiên là ông không cần phải làm những điều đó. Song ông vẫn có một chuyến tới Washington cuối cùng (đi và về bằng máy bay) vào mùa xuân năm đó. Tại chuyến thăm này, ông là khách của Eisenhower trong ba ngày. Hội Bảo thủ Woodford có vẻ phục tùng hơn là tự nguyện, những cử tri địa phương thì có vẻ nhiệt tình hơn. Trong cuộc bầu cử, nhóm người theo Đảng Bảo thủ tăng từ 54 lên 1.000 người, và nhóm ủng hộ Churchill đã giảm 1.000 người. Lẽ tự nhiên là những người, nếu không sống trong thời mà Churchill đã có nhiều đóng góp lớn lao, sẽ không hăng hái để bầu chọn ông. Vì ông không hề diễn thuyết trong Nghị viện, và có thể nếu thắng cử sẽ gia nhập vào đảng với tình trạng phải ngồi trên xe lăn.

Một tuần sau chiến dịch, ông đến Cambridge để trồng cây kỷ niệm và đặt những hòn đá đầu tiên thi công xây dựng trường Cao đẳng Churchill. John Cockcroft, một nhà vật lý hạt nhân có nhiều tiếng tăm trong cả học thuật lẫn kinh nghiệm quản lý (ông từng là giám đốc Tổ chức nghiên cứu năng lượng

nguyên tử ở Harwell trong 12 năm) được bổ nhiệm làm hiệu trưởng. Ý tưởng xây dựng trường Cao đẳng Churchill đã nảy sinh trong một cuộc bàn bạc của ông với Chenvell và Colville trong những ngày nghỉ ngơi không vui vẻ ở Sicily sau khi ông từ chức. Ý tưởng này được coi như câu trả lời của người Anh tới Viện công nghệ Massachusetts ở Mỹ. Colville đã rất thành công trong việc huy động vốn (bao gồm 50 ngàn USD từ Công đoàn Vận tải và Công nhân Xe hơi Anh quốc.) Ngôi trường này bây giờ là một trong số ít những trường cao đẳng ở Cambridge được xây dựng sau chiến tranh. Và nó có lẽ nổi tiếng với vai trò là nơi lưu trữ khổng lồ những tài liệu của Churchill hơn là giáo dục và phát triển công nghệ.

Sức khỏe của Churchill lại suy giảm đáng kể khi ông ngã khỏi giường vào cuối tháng 6 năm 1962 và bị gãy xương hông. Chuyện này xảy ra ở căn phòng quen thuộc của ông ở Khách sạn Paris, và nó đã làm ông trở nên cực kỳ khó chịu. Ông nằm trên sàn, không thể di chuyển được, cho đến một giờ sau, một trong những y tá đi theo ông phát hiện ra. Montague Browne kể lại rằng, sau ngày đó Churchill cứ khăng khăng muốn được chết tại Anh. Chiếc RAF Comet đưa ông trở về. Từ Northolt ông được đưa đến bệnh viện Middlesex, và ông ở đó trong nhiều tuần.

Rõ ràng Churchill không bao giờ trở lại như trước sau cơn bạo bệnh lần này. Nhưng điều đó hợp lý sau rất nhiều lần gục ngã mà ông đã vượt qua, bắt đầu từ lần viêm phổi trầm trọng ở Tunisia vào 18 năm trước. Song không còn cơn bộc phát nào sau lần bệnh này nữa. Churchill sống thêm được hai năm rưỡi. Ông quay trở lại Monte Carlo và Khách sạn Paris một lần, và lại có chuyến đi cuối cùng với Onassis. Ông trở thành công dân danh dự của nước Mỹ (là người đầu tiên sau Lafayette) nhưng lại không thể tham gia vào buổi lễ. Ông vẫn có mặt ở Hạ viện dù không đều đặn cho đến hết tháng 7 năm 1964. Ông đi Chartwell lần cuối vào tháng 10 năm đó và rồi không rời khỏi London bất cứ lần nào nữa. Ông cũng âm thầm tổ chức sinh nhật lần thứ 90 của mình vào ngày 30 - 11 - 1964, và cũng có những bữa ăn tối cùng những người khác cho tới ngày 10 tháng 12.

Lễ Giáng sinh cũng được tổ chức lặng lẽ như lần sinh nhật thứ 90. Và tháng 1 năm 1965, ông bị một cơn đột quỵ cuối cùng và trầm trọng nhất. Trong 12 ngày, từ lúc đột quỵ cho tới khi ra đi, ông đã nhận rất nhiều cuộc điện thoại bày tỏ mối lo lắng đến Hyde Park Gate. Từ Violet Bonham Carter, những người bạn lâu năm nhất còn sống của Churchill, và những người còn lại dưới quyền khi ông lần đầu tiên vào Nội các, đến Harold Wilson, người đang tiếp quản chức vị này, cũng bày tỏ lòng quan tâm và kính trọng tới bậc tiền bối tài ba. Vào buổi sáng Chủ nhật ngày 24 tháng 1, Churchill ra đi. Có một sự trùng hợp lạ lùng vì đó cũng là ngày kỷ niệm lần thứ 70, ngày cha của ông mất.

Đám tang diễn ra trong sáu ngày sau. Quan tài của ông được đặt trong lâu đài Westminster ba ngày trước. Đây là lần thứ hai, sau Gladstone năm 1898, một nhân vật không hề thuộc dòng dõi hoàng tộc được đối đãi như thế. Đám tang của Gladstone từng diễn ra rất long trọng, chỉ sau đám tang của công tước Wellington năm 1852. Và lần này, đám tang của Churchill là lần cuối cùng được tổ chức theo truyền thống Anh với những nghi thức hoàng gia. Lễ đưa tiễn được cử hành rất trọng thể tại Giáo đường St Paul. Rồi quan tài Churchill được chở theo dòng sông Thames, đưa về nhà ga Waterloo, trong khi trên trời, các phi cơ Không lực Hoàng gia Anh bay theo. Di hài của Winston Churchill an nghỉ trong phần mộ gia đình thuộc khuôn viên nhà thờ Bladon, gần lâu đài Blenheim.

Có một đánh giá, về tầm quan trọng hơn là so sánh hai lễ tang này, giữa Gladstone và Churchill, hai vị thủ tướng vĩ đại nhất của nước Anh ở thế kỷ 19 và 20. Khi bắt đầu viết cuốn sách này, tôi đã nghĩ rằng Gladstone, theo một chừng mực nào đó, là người vĩ đại hơn, vì những đóng góp của ông cho nhân loại là đáng kể hơn. Nhưng trong quá trình viết, tôi đã thay đổi quan điểm. Giờ đây, với tất cả khí chất của Churchill, những nhiệt huyết của ông và cả những tính khí đôi khi bốc đồng của ông, cùng với tài năng, sự kiên cường, bất khuất dù đúng dù sai, dù thành công hay thất bại... tôi luôn xem Churchill như một con người vĩ đại nhất từng làm việc ở số 10 phố Downing.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

- - - - -

CHÚ THÍCH

1. Other Club là câu lạc bộ do hai chính trị gia người Anh là Winston Churchill và F. E. Smith thành lập vào năm 1911.↵
2. Bà qua đời ngày 16 tháng 4. Tất cả các ông bà nội ngoại của ông đã chết từ lâu. Đặc trưng di truyền của Churchill không có gì cho thấy ông sống lâu, điều mà trong những năm đầu đời ông nghĩ là không thể xảy ra.↵
3. Điều này thật bất công. Ông là một thành viên rất vô tư, cả trong thực tế lẫn trong tôn giáo. Câu cách ngôn nổi tiếng nhất của ông về đề tài này được công bố rất lâu về sau – “Tôi khó có thể được gọi là một trụ cột của Giáo hội, về bản chất tôi là một trụ ốp tường thì đúng hơn, vì tôi yểm trợ nó từ bên ngoài”.↵
4. Chính Churchill (My Early Life, trang 244) nói ngày xuống tàu là ngày 11 tháng 10, nhưng theo những lá thư mà ông đã viết, trong đó có một lá “viết trong xe lửa” (Southampton) vào ngày 14 tháng 10, rõ ràng là ông đã nhớ sai.↵
5. Cả hai điểm không thích hợp trong văn phong và bất kỳ sự tối nghĩa nào về bản chất trong lá thư này có thể được quy cho sự kiện đây là một bản dịch từ tiếng Afrikaan mà lá thư được viết.↵
6. Đây là điều may mắn thứ hai trên chuỗi may mắn sẵn có của Churchill. Dewsnap đến từ Oldham, nơi vợ ông ta vẫn đang sống. Khi Churchill trở lại thị trấn ngay từ đầu chiến dịch tổng tuyển cử 1900, ông kể lại về cuộc vượt ngục của mình trước một đám đông thánh giả tại Nhà hát Hoàng gia và nhân đến Dewsnap, và một tiếng kêu vui mừng: “Vợ ông ấy ở ngoài hành lang!”

vang lên. Điều này làm tăng sự ấm áp trong cách đón tiếp người anh hùng trở về. (My Early Life, tr. 369-370).↵

7. Cô Pamela Plowden cũng là một khách được mời trong dịp lễ Giáng sinh này, nhưng giữa cô và Churchill đã tỏ ra thân tình và không hiềm khích nhau.↵
8. Nơi Mark Twain, sau đó ở đỉnh cao danh vọng, chủ trì và giới thiệu nhà diễn thuyết với cụm từ: “Ông Churchill với cha là một người Anh, mẹ là một người Mỹ, một sự pha trộn tạo ra một người đàn ông hoàn hảo.”↵
9. Nhại theo tựa đề một quyển sách mỏng sau này, năm 1926, của J. M. Keynes: Những hậu quả kinh tế của ngài Churchill.↵
10. Tuy nhiên, các thành viên thuộc gia đình Churchill đều thật sự có một tính cách tự mâu thuẫn nào đó. Có lẽ chỉ có phu nhân Randolph (trong tháng 12 năm 1907, thời điểm mà Churchill chu cấp tài chính cho bà thay vì ngược lại) có thể thản nhiên tuyên bố rằng bà đã dời đến ở khách sạn Ritz Hotel là để tiết kiệm.↵
11. Mãi đến khi thay đổi đảng phái và chấp nhận làm ứng cử viên của Đảng Tự do Churchill mới rời Câu lạc bộ này. 20 năm sau đó, ông đã tái gia nhập.↵
12. Từ sau thất bại thảm hại năm 1945, Churchill đã sống ở số 28 đường Hyde Park Gate suốt 20 năm còn lại của cuộc đời.↵
13. Tuy nhiên, ở Manchester lúc ấy có một người Do Thái khác còn có ảnh hưởng lớn hơn trên bình diện quốc tế. Đó là tiến sĩ Chaim Weizmann, khi ấy là giảng viên đại học ở đó và trong tương lai sẽ là tổng thống đầu tiên của nhà nước Do Thái. Trong khi diễn ra chiến dịch tranh cử năm ấy (ngày 9 tháng 1), Weizmann có một cuộc phỏng vấn dài 75 phút cùng với Balfour, sự kiện mà về sau trở nên quan trọng đối với người Do Thái trên thế giới hơn là bất cứ điều gì khác xảy ra giữa Nathan Laski và Churchill. Cuộc

phòng vấn này đã đặt nền tảng cho bản tuyên ngôn 11 năm sau đó của Balfour ủng hộ nhà nước Do Thái ở Palestine, tuy nhiên, cần phải nói thêm rằng Churchill hầu như cũng có khuynh hướng ủng hộ chủ nghĩa phục quốc của người Do Thái.↵

14. Ông từng gặp bà bốn năm trước tại một buổi khiêu vũ. Theo ghi chép của Hozier, được biết đến rất lâu sau khi bà đã trở thành vợ của Churchill, thì “Lúc ấy ông ta không nói lời nào và tỏ ra luống cuống vụng về... Ông ta chẳng hề mời tôi khiêu vũ, chẳng hề mời tôi ăn tối, mà chỉ đứng nhìn tôi không chớp mắt”. Bữa tiệc năm 1908 được tổ chức bởi phu nhân St Helier, trước kia là phu nhân Jeune, người mười năm trước đã có công đưa Churchill vào chiến dịch Sudan và trận đánh ở Omdurman. Churchill đã đến trễ, vào lúc đang dùng món chính và không lúc nào rời mắt khỏi Hozier. Như là một điểm báo hoàn hảo, tất cả những người tham dự hầu như đều đã được chọn để góp phần vào hoạt cảnh cuộc đời của Churchill.↵

15. Có một điều hơi khó hiểu về thời gian thực hiện bức thư. Nó được đề ngày 3 tháng 1 (nhằm ngày Thứ tu) và cũng như nhiều công bố trích thượng khác của Churchill nó được viết trên loại giấy dành riêng cho lâu đài Blenheim. Nhưng vào ngày 3 tháng 1 ngày diễn ra hành động mạo hiểm ở Phố Sidney buổi sáng ông ở tại nhà của ông ở London và nhận được tin về cuộc đối đầu ở khu vực phía đông London trong khi đang ở trong bồn tắm nơi ông thường nhận những tin tức quan trọng cũng giống như lâu đài Blenheim là bộ phóng của những lời đe dọa của ông. Sau đó, ông đến văn phòng Bộ Nội vụ và nhận được thêm thông tin trước khi lao đến hiện trường. Có một điều khó hiểu khác nữa đó là ông muốn nói điều gì khi viết câu “chép lại bức thư này”. Chắc chắn là ông muốn giữ lại một bản sao của một bức thư quan trọng như thế nhưng thường thì ông giao việc này cho Edward Marsh hoặc một thuộc cấp khác. Và nếu bản chép lại của một trong số các thuộc cấp của Churchill đến tay Asquith thì chắc chắn là những chữ viết trong thư sẽ được bổ sung đầy đủ (trong nguyên văn có rất nhiều chữ

viết tắt).↵

16. Tuy nhiên vụ việc hãn đã diễn ra trong phòng họp của Hạ viện thay vì là trong căn phòng tráng lệ với trần nhà cao của ngoại trưởng nơi mà ba năm sau đó Grey đã nói rằng ông ta có thể thấy được qua sự tưởng tượng “ánh sáng tỏa ra trên khắp châu Âu”.↵
17. Vào lúc ấy hãn là đã xuất hiện khuynh hướng trọng vọng những vị tướng lão thành hoặc thiếu các vị tướng độ tuổi trung niên, nên việc tái bổ nhiệm một người đã 73 tuổi được xem là chọn lựa tốt nhất.↵
18. Chiếc tàu chiến của Đức đã nã đạn vào các tuyến phòng thủ của Pháp ở ngoài khơi vùng bờ biển Algeria.↵
19. Mục đích của âm mưu này khá kỳ lạ, nhằm làm gương cho các công nhân quốc phòng nghiện rượu, những người mà việc quá chén của họ có ảnh hưởng xấu đến khả năng sản xuất, nhất là ở những vùng có mức tập trung cao của các nhà máy sản xuất hàng quân dụng, đặc biệt là các vùng nằm gần thành phố Carlisle. Lloyd George, người mà vào lúc ấy đã bị ám ảnh bởi vấn đề này, đã thuyết phục Haldane và Kitchener thề bỏ rượu. Thủ tướng nghĩ rằng năng lực làm việc và tinh thần của Haldane đã giảm rất nhiều do kết quả của việc bỏ rượu. Sau khi bị loại ra khỏi chính phủ sáu tuần sau đó, Haldane cho rằng mình bị gạt bỏ ra khỏi chiếc ghế chủ tịch Thượng viện để được nhận lãnh một hình thức đền bù khác (được tiếp tục uống rượu). Kitchener khá ử rữ khi buộc phải tuân thủ lời thề cho đến khi ông chết chỉ hơn một năm sau đó. Asquith, cũng giống như Churchill, chẳng mấy may quan tâm đến động thái này, và thậm chí cả Lloyd George, người được cho là chỉ nghiện nhẹ, đã rất khéo léo tìm cớ để tự xem là ông không bị ràng buộc bởi lời hứa kiêng rượu. Vị vua tội nghiệp gần như là phải một mình chịu đựng việc cai rượu suốt ba năm rưỡi cho đến khi đình chiến.↵
20. Điều kỳ lạ là Fisher, một người hầu như cũng không được đào tạo chính

quy như là Churchill, lại trích dẫn lời của vị hiệu trưởng xưa kia của phân viện Đại học Balliol [thuộc Đại học Oxford], nhất là khi câu hỏi này thường được cho là của Disraeli.↵

21. Bức chân dung phần nào chính thức này chứa đựng lịch sử căng thẳng sau đó. Lẽ ra Churchill sẽ đích thân bỏ bức màn phủ bức chân dung để nó được chính thức trưng bày trong kỳ nghỉ phép vào tháng 3 năm 1916. Nhưng ông đã từ bỏ việc làm này để tích cực hoạt động chính trị dù không thành công. Có thể là do thái độ phóng túng ấy, và vì Churchill chuyển sang Đảng Tự do, nên bức tranh dù vẫn có thể được nhìn thấy nhưng không được chính thức lột bỏ tấm màn phủ, và đến năm 1921 được đóng gói và cất vào kho. 25 năm sau, vào năm 1941, như là một động thái mang tính hữu nghị (của cả hai phe), nó không những được đem treo lại mà còn được Churchill đích thân lột bỏ tấm màn phủ vào lúc uy tín của ông tăng cao. Ngày nay, nó hiện diện giữa các bức chân dung của Gladstone, Asquith, và Lloyd George trong sảnh đường của Câu lạc bộ.↵
22. Mèo (Cat) và Heo (Pig) là biệt danh thân mật mà vợ chồng Churchill dành cho nhau.↵
23. Birkenhead từng bóng bẩy mô tả về Baldwin rằng: “Ông ấy nhảy đại vào màn đêm, nhìn quanh quán rồi lại nhảy tiếp bước khác”. Rõ ràng đây không phải là sự đánh giá có hàm ý khen ngợi.↵
24. Tuy nhiên, ông đã không thể tiếp xúc với nhân vật hữu ích hơn, đó là Franklin D. Roosevelt, lúc ấy là thống đốc bang New York, người không thể hiện diện ở thành phố New York trong những ngày Churchill có thể đến đó.↵
25. Ghi chép về tai nạn này của Martin Gilbert khá khó hiểu, dù hầu như Gilbert luôn ghi chép chính xác. Không như ngày nay, Đại lộ số 5 là con đường hai chiều, khi ông dừng xe ở phía công viên, giao thông bên cạnh hẳn phải xuôi xuống, và nếu ông nhìn về bên trái, theo như Gilbert, vì nhằm

lần nên ông đã làm như thế, thì đó hẳn là đúng chiều đối với giai đoạn thứ nhất khi băng qua đường. Có thể là ông bị tai nạn khi đang trong giai đoạn hai băng qua đường [không phải bởi một chiếc taxi như người ta thường kể] bởi một chiếc xe đi theo chiều lên. Vì thế sai lầm của ông hẳn là đã không nhìn cả hai chiều, và không thể dễ dàng đổ lỗi cho thói quen chạy xe bên phía tay phải của tài xế Mỹ. Dù gì đi nữa thì ông cũng đã bị thương nặng và đã dũng cảm thừa nhận với người cảnh sát đã nhanh chóng chạy đến rằng lỗi hoàn toàn do ông. Vì thế, người đụng phải ông, một tài xế xe tải đang tạm thời thất nghiệp, không chỉ đến thăm Churchill ở bệnh viện mà còn tham dự buổi diễn thuyết đầu tiên của Churchill sau khi bình phục ở Brooklyn vào ngày 28 tháng 1.↵

26. Maxine Elliot là một nữ diễn viên sân khấu Mỹ nổi tiếng và giàu có trong những năm đầu thế kỷ 20. Lúc ấy, bà là một nghệ sĩ được kính trọng vào cuối thời Vua Edward VII và đầu giai đoạn Thế chiến II. Vào năm 1915, tòng nam tước Louis Spears, người đã gặp bà tại Picardy nơi bà đang chăm sóc những người Bỉ tị nạn trên một chiếc thuyền, đã mô tả rằng: “Bà là một phụ nữ thông minh, chắc chắn đã từng là một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp” (Egremont, Under Two Flag, tr.44).↵
27. Monckton, một luật sư rất thành công và là cố vấn thân cận của nhà vua lúc ấy, và 15 năm sau, ông trở thành bộ trưởng Lao động trong chính phủ sau cùng của Churchill.↵
28. Điều này có thể đã có những hậu quả gây tai hại nghiêm trọng về mặt hiến pháp. Hẳn nó sẽ khiến cho nhiều người chọn quan điểm “chống nhà vua”, và vì sự đấu đá sau đó giữa hai phe sẽ hủy hoại hoàn toàn tính trung lập về chính trị của nhà vua, điều tối cần thiết của một nước theo chế độ quân chủ lập hiến. Hiểm họa này đã được ngăn chặn, không phải là nhờ sự sáng suốt của Churchill mà là vì ông không tìm được sự hậu thuẫn. Cả Quốc hội lẫn nhân dân đều ủng hộ Baldwin trong vấn đề này.↵

29. Hai nhánh quân Anh đã kéo đến Pháp vào tháng 10, còn một nhánh khác kéo đến vào tháng 11. Từ đầu năm mới cho đến tháng 3, Anh đã cử thêm 6 nhánh quân khác tăng cường sức mạnh tổng lực (bao gồm cả lính yểm trợ) lên đến 250 ngàn người. Trung tâm chỉ huy của Gort vào tháng 11 đóng tại một nơi gần với Arras.↵
30. Lloyd George nghĩ rằng Churchill khá e ngại Chamberlain (Lukacs, *Five Days in London - Năm ngày ở London*, trang 22), nhưng dù cho có đúng đi chăng nữa thì điều đó vẫn còn tốt hơn việc e ngại Hitler, một sai lầm mà bản thân Lloyd George đã phạm phải, vào ngày 13 tháng 5, ông đã từ chối tham gia vào chính phủ mới khi tin rằng tương lai của nước Anh là hoàn toàn mù mịt.↵
31. Colville, thuyền chuyển về từ căn hộ của bố mẹ ở Bộ Ngoại giao, người làm việc cho Chamberlain đã được Churchill giữ lại với vai trò thư ký riêng ở số 10 phố Downing. Bất chấp long trung thành ban đầu với Chamberlain (kéo dài cho đến 1955), Colville vẫn nhanh chóng trở thành một trong những thư ký riêng được Churchill tin dùng nhất. Ông còn là người viết nhật ký giỏi nhất về đời sống viên chức trong những năm tháng sau này của Churchill.↵
32. Tướng Hastings (“Pug”) Ismay, vẫn như mọi khi trong suốt cuộc chiến, đã trở thành một mối liên kết chiến thuật quan trọng giữa Churchill với vai trò là Bộ trưởng Quốc phòng và trưởng Ban tham mưu.↵
33. John Lukacs (sinh năm 1924) đã từ Hungary đến Mỹ khi còn là chàng thanh niên và trở thành giáo sư ở Đại học Chesnut Hill, Philadelphia. Năm 1990, ông đã xuất bản cuốn *The Duel: Hitler vs Churchill (Cuộc chiến tay đôi giữa Hitler và Churchill)* và năm 1999 là cuốn *Five Days in London, May 1940 (Năm ngày ở London, tháng 5 năm 1940)*.↵
34. Và khi ấy không được sử dụng nhiều. Chỉ có 9 chiếc khu trục hạm trong số này là có thể dùng được vào tháng 2 năm 1941.↵

35. Tương quan lực lượng giữa sức mạnh không quân của Đức và Anh vào thời điểm ấy thậm chí còn làm cho Churchill bối rối nhiều hơn là tương quan ấy sau này. Trong khoảng thời gian từ lễ Giáng sinh cho đến đầu năm sau (1940-1941), ông đã nhờ một vị thẩm phán là Singleton kiểm tra và đánh giá các mâu thuẫn trong chứng cứ. Singleton đã đưa ra một kết luận đáng ngạc nhiên rằng, nhìn chung, ưu thế của Đức không vượt quá tỉ lệ 4/3. Lần “mượn” Singleton này hầu như là lần duy nhất trong thời điểm quan trọng của cuộc chiến khi Churchill bằng lòng tiếp xúc với chủ tịch Thượng viện Simon, qua đó cho thấy Churchill đã thành công ra sao trong việc biến Simon thành người “vô hại” (cách dùng từ của Attlee).↵
36. Trong thời gian đầu của chính phủ Churchill, các quả chuông đã im lặng, ngoại trừ lần xảy ra sự xâm lược của Đức, khi mà những hồi chuông cùng vang lên để báo động. Churchill thường cảm thấy nhớ những âm thanh quen thuộc vào Chủ nhật ở nước Anh như thế, dù khi ở trang viên Chartwell chẳng có gì chứng minh là ông từng đáp lại lời kêu gọi của những hồi chuông (nghĩa là đến nhà thờ dự lễ).↵
37. Điều này đã không ngăn cản Brooke ghi vào nhật ký của ông một trong những nhận xét gay gắt nhất về cái mà ông cho là sự ám ảnh của Churchill đối với hòn đảo này. Vào ngày 19 tháng 8, tại Quebec, Brooke đã viết rằng: “Ông ta không chịu chấp nhận rằng bất cứ sơ đồ tổng thể nào [nhằm chống Nhật Bản] cũng đều cần thiết, mà lại đề xuất một chính sách hoàn toàn mang tính chất cơ hội và hành xử giống như một đứa trẻ được cưng chiều quá mức đòi nằng nặc một món đồ chơi bất chấp việc cha mẹ bảo nó rằng món đồ chơi ấy là vô bổ”. - (*War Diaries, 1939-45: Thống chế Alan Brooke*, trang 444).↵
38. Việc Đức đầu hàng thống chế Foch trong tháng 11 năm 1918 và Pháp đầu hàng tướng Đức Rundstedt trong tháng 6 năm 1940 đã diễn ra trong cùng một toa xe lửa nhà hàng đã được cải tạo trên cùng một đường tàu tránh trong rừng ở Compiègne.↵

39. Có hai trường hợp ngoại lệ, là khi ông cùng Roosevelt gặp nhau ở Casablanca và Cairo. Tại hai cuộc hội nghị tổ chức ở Quebec, Churchill phải vượt quãng đường “3000 dặm xuyên đại dương” trong khi Roosevelt chỉ phải vượt quãng đường không quá 400 dặm tính từ Hyde Park, nơi ông đã đón tiếp Churchill trong những ngày cận kề hai hội nghị nói trên.↵
40. Vụ xô xát năm 1898 trên các vùng biên giới phía tây của Sudan, dẫn đến sự hiềm khích nghiêm trọng giữa Anh và Pháp.↵
41. Trận Ardennes là một trận chiến quan trọng trong phần cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai. Sau khi đổ bộ thành công vào Normandie, quân Đồng Minh chiếm được lợi thế và dần dần đẩy lui quân Đức Quốc xã ra Tây Âu. Trước tình hình này, Adolf Hitler cùng ban tham mưu Đức đặt kế hoạch mở một cuộc phản công bất ngờ để phá thủng trận tuyến của Đồng Minh, với hy vọng cắt đôi lực lượng quân đội Anh, chiếm lại Antwerp (Bỉ) và sau đó bọc hậu bao vây 4 quân đoàn của khối Đồng Minh làm con tin đòi Đồng Minh phải ký hòa ước.

Cuộc phản công này được tổ chức trong bí mật và gây tổn thất bất ngờ cho quân Đồng Minh. Mặc dầu có tình báo cho biết quân Đức sẽ mở cuộc phản công, bộ chỉ huy Đồng Minh lúc bấy giờ đang ý thế thắng, mãi lo công mà quên thủ, nên thiếu chuẩn bị. Ngoài ra, quân Đồng Minh còn gặp những trở ngại khác như thiếu liên lạc tình báo và không quân bị trì trệ vì thời tiết mùa đông.

Báo chí tiếng Anh gọi trận đánh này là Battle of the Bulge (Bulge nghĩa là phình ra) vì khi nhìn trên bản đồ quân sự, quân Đức chọc thủng được một lỗ hổng lớn và tràn sang khu quân sự của Đồng Minh tạo nên một mũi dùi tương tự như một khối u sưng.

Ngay ngày đầu của cuộc phản công, 16 tháng 12 năm 1944, quân Hoa Kỳ bị tổn thất nặng nề. Hai trung đoàn của Sư đoàn Bộ binh 106 Hoa Kỳ bị bắt gọn. Trận Ardennes là trận đánh đẫm máu nhất của quân đội Hoa Kỳ

trong Chiến tranh thế giới thứ hai, với 19.000 lính tử trận. Những bước tiến ban đầu của chiến dịch có thể được xem là chiến thắng cuối cùng của quân đội Đức đồng thời là thảm họa đầu tiên mà quân đội Mỹ gặp phải trong giai đoạn 1944-1945 của cuộc chiến. Nhưng, sau nhiều ngày chiến đấu, quân Đồng Minh giành lại được thế chủ động và đẩy lui quân Đức. Quân Đức không đạt được mục tiêu của kế hoạch và lực lượng bị suy giảm rất nhiều, phải lui về cố thủ dọc phòng tuyến Siegfried. Không thể bù đắp cho thiệt hại nặng nề của mình, quân Đức tiêu tan hy vọng. Sau thắng lợi quyết định này, quân Đồng Minh đã tràn vào nước Đức.↵

42. Eden cũng từ chối, dù cả ông lẫn Churchill đều đứng vào hàng ngũ huân vị Garter vào đầu thập niên 1950. Rõ ràng là vì ông nghĩ rằng vinh dự ấy thích hợp với ông sau chiến thắng năm 1951 hơn là sau thất bại năm 1945. Điều đáng ngạc nhiên là Churchill nhận huân vị này vào thời điểm thất bại ấy, nhưng vì nó giúp ông trở thành Sir (được thêm chữ Sir đằng trước tên họ thành Sir Winston Churchill, khác với Mr. Pitt, Mr Gladstone, Mr. Asquith, hoặc Mr. Lloyd Geogre, trước tên chỉ được dùng chữ Mr thay vì Sir). Tất cả những thủ tướng trước kia, những người đã trở thành hiệp sĩ có huân vị Garter, khi đương quyền là những quý tộc, và điều này đã không thay đổi. Tuy nhiên, khi nhận huân chương Công tích (Order of Merit) trong dịp khen thưởng đầu năm trong năm 1946, Churchill đã nói rằng vinh dự này, do nhà vua trực tiếp trao chứ không thông qua sự cố vấn của các bộ trưởng, hấp dẫn ông hơn. Kể từ khi ấy, huân vị Garter (chỉ giới hạn trong con số 24 người) hầu như trở thành thông lệ được trao cho các cựu thủ tướng, nhưng đến năm 1945, việc trao tặng có khuynh hướng dựa trên sự tuyển chọn nhiều hơn. Trong thế kỷ 20, các thủ tướng nhận được huân vị ấy gồm Salisbury, Balfour, Asquith và Baldwin.↵



Lord và Lady Randolph Churchill vào năm 1874, năm cả hai kết hôn và cũng là năm sinh của WSC. ([credit bm5.1](#))



Một khinh kỵ binh còn rất trẻ: 1895. ([credit bm5.2](#))



Cung điện Blenheim. (credit bm5.3)



Cuộc hành trình của Churchill ở Ấn Độ. (credit bm5.4)



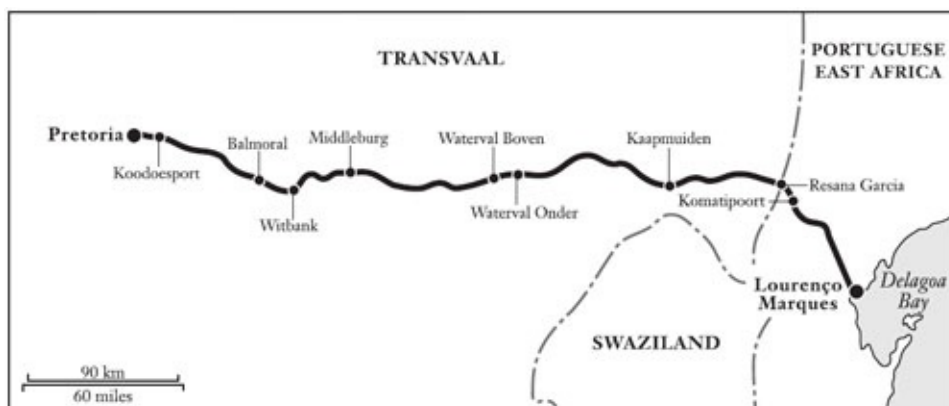
Ứng cử viên không thành công ở Oldham, 1899. ([credit bm5.5](#))



Một tù nhân chiến tranh hờn dỗi ở Pretoria. ([credit bm5.6](#))



Kẻ trốn chạy hạnh phúc tới Durban. ([credit bm5.7](#))



Con đường trốn thoát của Churchill khỏi Pretoria, tháng 12 năm 1899. ([credit bm5.8](#))



Vua Edward VII hai năm trước khi lên ngôi. ([credit bm5.9](#))



Với Consuelo, Nữ công tước Marlborough, tại Blenheim. ([credit bm5.10](#))



Chính khách tự do vừa chớm nở. ([credit bm5.11](#))



Bá tước Elgin, với tư cách là Bộ trưởng Thuộc địa (1905–1908), đã cố gắng kiểm soát WSC là một thư ký dưới quyền. ([credit bm5.12](#))



WSC với thư ký riêng của ông, Edward Marsh, ở Malta, 1907. ([credit bm5.13](#))



Cuộc bầu cử không thành công ở Manchester tại cuộc bầu bổ sung năm 1908. ([credit bm5.14](#))



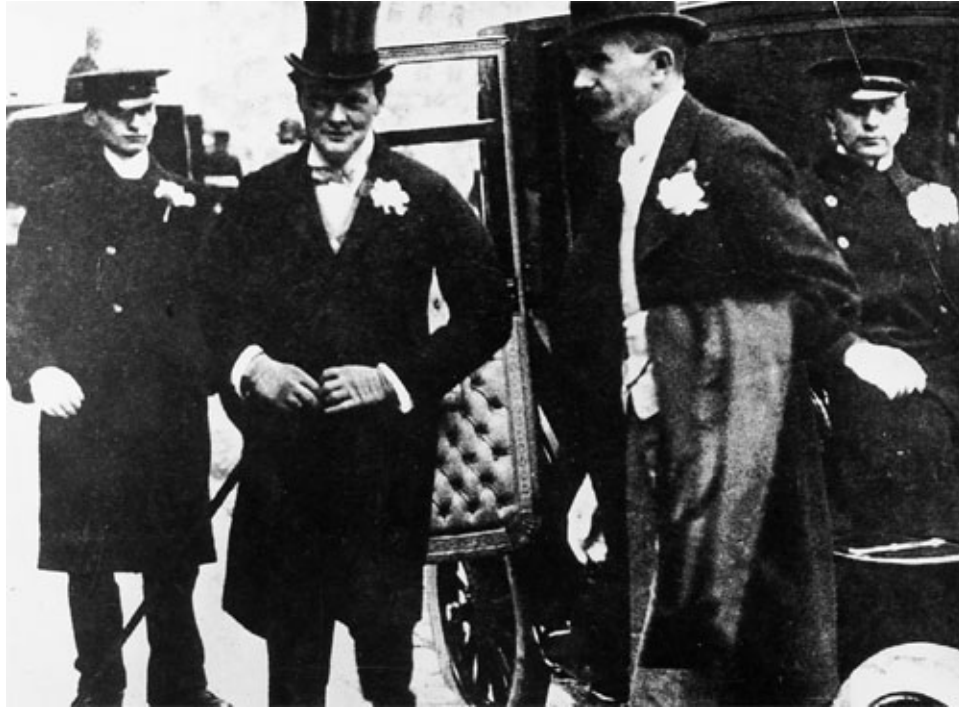
Clementine Hozier vào thời điểm cô đính hôn với WSC năm 1908. ([credit bm5.15](#))



Hai đảng viên Tự do vội vàng. Lloyd George và WSC, khoảng năm 1910.
(credit [bm5.16](#))



Ba bộ trưởng đảng Tự do. Grey, WSC và Crewe rời một cuộc họp Nội các vào tháng 2 năm 1910; trông họ như là những nhà cách mạng rất đáng kính.
(credit [bm5.17](#))



WSC và phù rể của mình, Lord Hugh Cecil, đến St Margaret's, Westminster, để dự đám cưới. Ai giống người đánh xe hơn? ([credit bm5.18](#))



WSC với Kaiser tại các cuộc diễn tập của quân đội Đức, 1909. ([credit bm5.19](#))



Một ngày bên bờ biển. WSC và Clementine tại Vịnh Sandwich vào đêm trước “cuộc chiến cuối cùng”, tháng 7 năm 1914. ([credit bm5.20](#))



Hoàng tử Louis của Battenburg. ([credit bm5.21](#))



Ngài Lord Fisher. ([credit bm5.22](#))

(WSC với hai Đô đốc Hải quân: thư giãn với Hoàng tử Louis của Battenburg; xích lại với nhau trong căng thẳng với Lord Fisher.)



Trong Cuộc diễu hành của Đội Vệ binh với Arthur Balfour, năm 1915.
(credit [bm5.23](#))



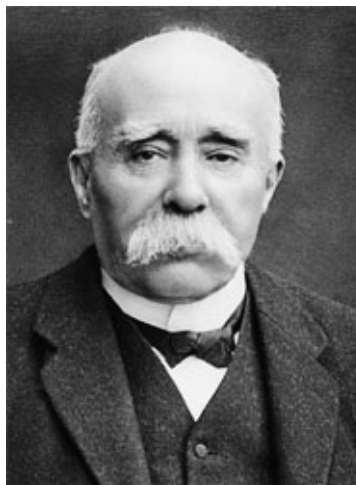
Một chuyến thăm tháng 12 năm 1915 tới quân đội Pháp. WSC trong trang phục yêu thích của anh ấy và vừa mua được mũ chống mảnh văng của tướng Fayolle. Louis Spears thứ ba từ trái sang. (credit [bm5.24](#))



WSC cùng với người phó chỉ huy, Ngài Archibald Sinclair, trong chuyến thăm studio của một nhiếp ảnh gia Armentières, tháng 1 năm 1916: kết quả trông như tác phẩm điêu khắc của Rodin's Burghers tại Calais ([credit bm5.25](#))



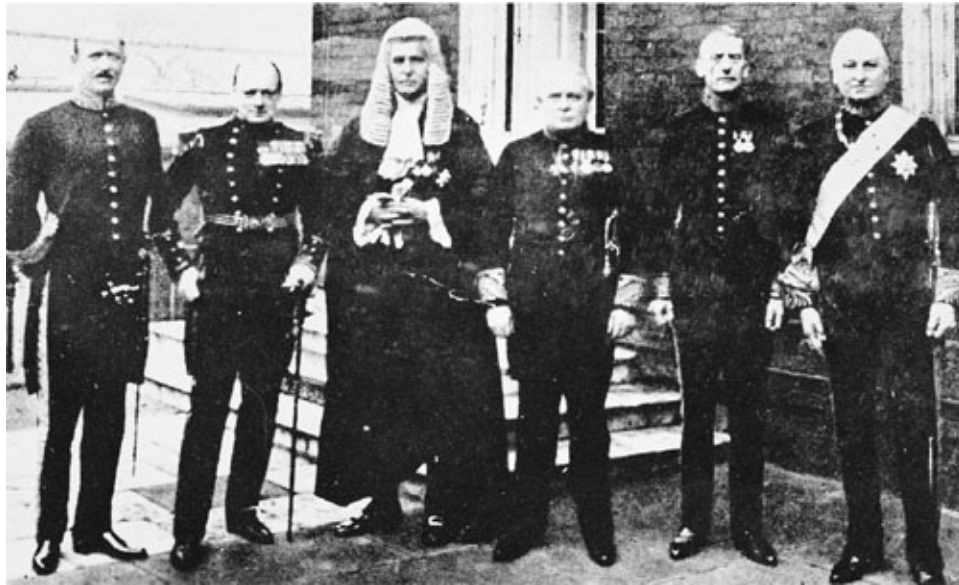
WSC ít khi đội chiếc mũ lưỡi trai Glengarry không ưa thích của mình khi còn là đại tá chỉ huy Tiểu đoàn 6 của Royal Scots Grays. ([credit bm5.26](#))



Georges Clemenceau, khoảng năm 1917. ([credit bm5.27](#))



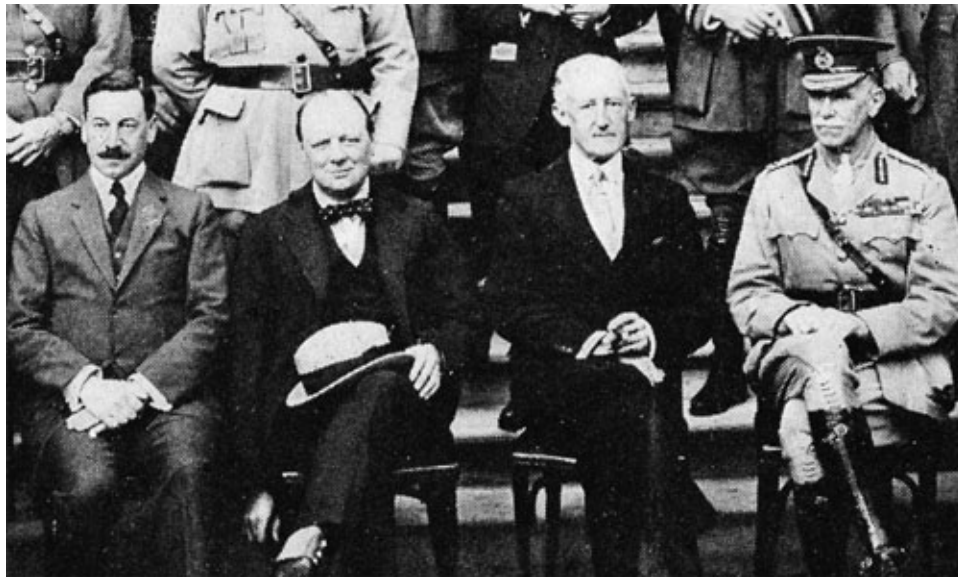
WSC với Hoàng tử xứ Wales (sau này là Vua Edward VIII), năm 1919. Sự khởi đầu của một tình bạn lớn nhưng cuối cùng không bền chặt. ([credit bm5.28](#))



Từ trái sang phải: Worthington-Evans, WSC, Birkenhead, Lloyd George, Austen Chamberlain và Curzon. Churchill dường như đã có cho mình không chỉ nhiều huy chương mà còn là một bộ đồng phục của Luật sư Cơ mật đặc biệt, khác biệt một cách tinh tế so với những người khác. ([credit bm5.29](#))



Hội nghị Cairo, tháng 3 năm 1921. Cưỡi lạc đà đến tượng Nhân sư. Từ trái sang phải: Clementine, WSC, Gertrude Bell và Lawrence xứ Ả-rập. ([credit bm5.30](#))



Từ trái sang phải: Ngài Herbert Samuel (Cao ủy tại Palestine), WSC, Ngài Perry Cox (Cao ủy Lưỡng Hà) và Tướng Aylmer Haldane. ([credit bm5.31](#))



Dundee, tháng 11 năm 1922. Churchill yếu ớt và tiều tụy đến chỉ bốn ngày trước cuộc bầu cử căng thẳng. ([credit bm5.32](#))



Thất bại trong gang tấc tại khu vực Tu viện Westminster, ngày 20 tháng 3 năm 1924. ([credit bm5.33](#))



Một cuộc hành trình hạnh phúc đến Cung điện Buckingham để nhận con dấu mới của văn phòng, tháng 11 năm 1924. ([credit bm5.34](#))



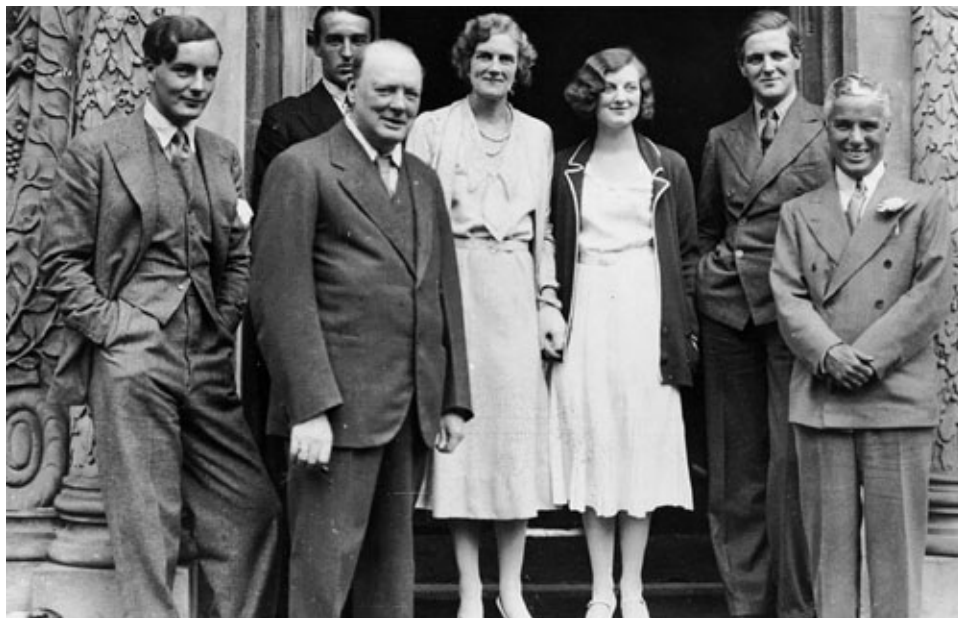
Đỗ xe của chính mình - gần như lần cuối cùng - năm 1925. ([credit bm5.35](#))



Churchill, săn lợn rừng tại nhà của Công tước Westminster ở Normandy; được chụp với Coco Chanel và con trai của ông, Randolph, năm 1927. ([credit bm5.36](#))



Xây tường gạch tại Chartwell, 1928: WSC và con gái Sarah. ([credit bm5.37](#))



Bữa tiệc trưa cho Charlie Chaplin tại Chartwell, tháng 9 năm 1928. Từ trái sang phải: Tom Mitford (anh trai duy nhất của tất cả những cô gái đó), Freddie

Furneaux (sau này là Bá tước thứ 2 của Birkenhead), WSC, Clementine, Diana, Randolph và Chaplin. [\(credit bm5.38\)](#)



Rời 11 phố Downing để diễn thuyết ngân sách thứ năm của mình, tháng 4 năm 1929. Clementine ở bên cạnh WSC, Randolph, Sarah và Robert Boothby đứng sau anh ta. [\(credit bm5.39\)](#)



Ba cựu Thủ tướng đảng Bảo thủ sau cuộc họp đảng ở Hội trường Trung tâm Westminster, tháng 10 năm 1930: Austen Chamberlain, Robert Horne và WSC. [\(credit bm5.40\)](#)



WSC rời bệnh viện sau khi mắc bệnh thương hàn vào tháng 9 năm 1932, sau tai nạn ở New York vào tháng 12 năm 1931. ([credit bm5.41](#))



WSC sửa lỗi các dẫn chứng trong phòng làm việc Chartwell của ông, tháng 2 năm 1930. ([credit bm5.42](#))



Cách tiếp cận chiến tranh. WSC đi xuống Whitehall với các Thư ký riêng tương lai của ông ấy. Với Halifax, tháng 3 năm 1938. Với Eden, tháng 8 năm 1939. ([credit bm5.43](#))



Với Eden, tháng 8 năm 1939.



The Garden at Hoe Farm, Winston Churchill, mùa hè năm 1915. (Một trong những bức tranh đầu tiên mà WSC vẽ; Lady Gwendeline Churchill ở phía trước.)
([credit bm5.45](#))



Chartwell in Winter, Winston Churchill, cuối những năm 1930. ([credit bm5.46](#))



Lâu đài ở St. Georges-Motel, Winston Churchill, giữa đến cuối những năm 1930. ([credit bm5.47](#))



Marrakech và dãy núi Atlas, Winston Churchill, tháng 1 năm 1943. (Bức tranh duy nhất mà WSC vẽ trong chiến tranh.) ([credit bm5.48](#))



Sông Loup, Provence, Winston Churchill, 1936. ([credit bm5.49](#))



Một nhà thờ ở miền Nam nước Pháp, Winston Churchill, giữa những năm 1930. ([credit bm5.50](#))



Trà chiều tại Chartwell, tháng 8 năm 1927. Theo chiều kim đồng hồ từ phía trước: WSC, Thérèse Sickert, Diana Mitford, Edward Marsh, Frederick Lindemann, Randolph Churchill, Diana Churchill, Clementine Churchill, Walter Richard Sickert. Được vẽ bởi WSC từ một bức ảnh của John Fergusson. ([credit bm5.51](#))



Bà Winston Churchill tại Lễ ra mắt HMS Indomitable, 1940 (vẽ bởi WSC 1955). ([credit bm5.52](#))



Winston Churchill, John Lavery, năm 1916. ([credit bm5.53](#))



Chân dung Winston Churchill, Sir John Lavery, 1921. ([credit bm5.54](#))



Winston Churchill, W. R. Sickert, 1927. ([credit bm5.55](#))



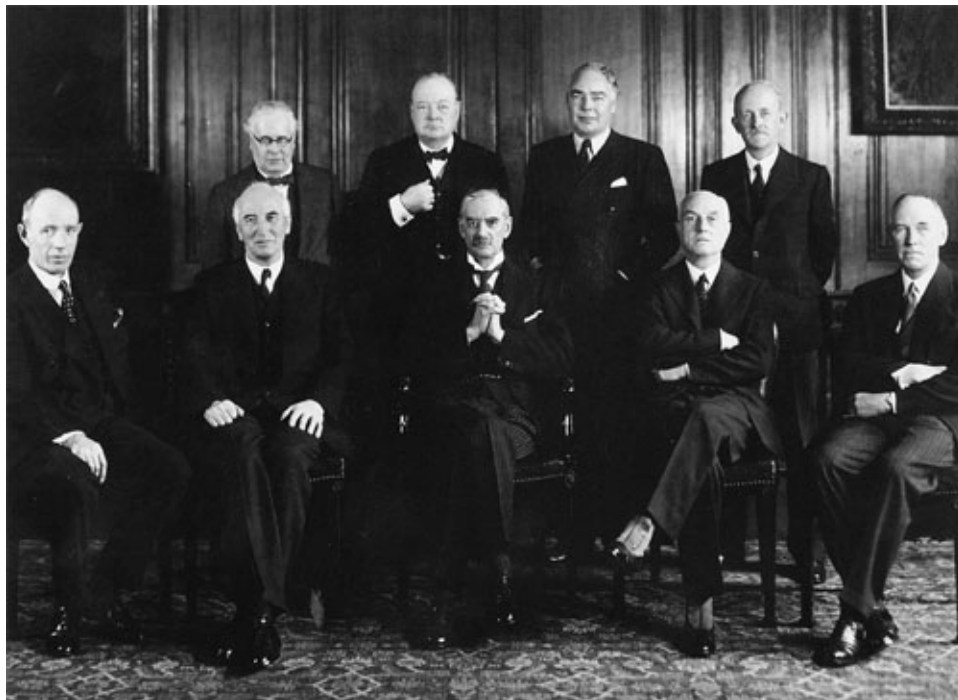
Winston Churchill, Ruskin Spear. ([credit bm5.56](#))



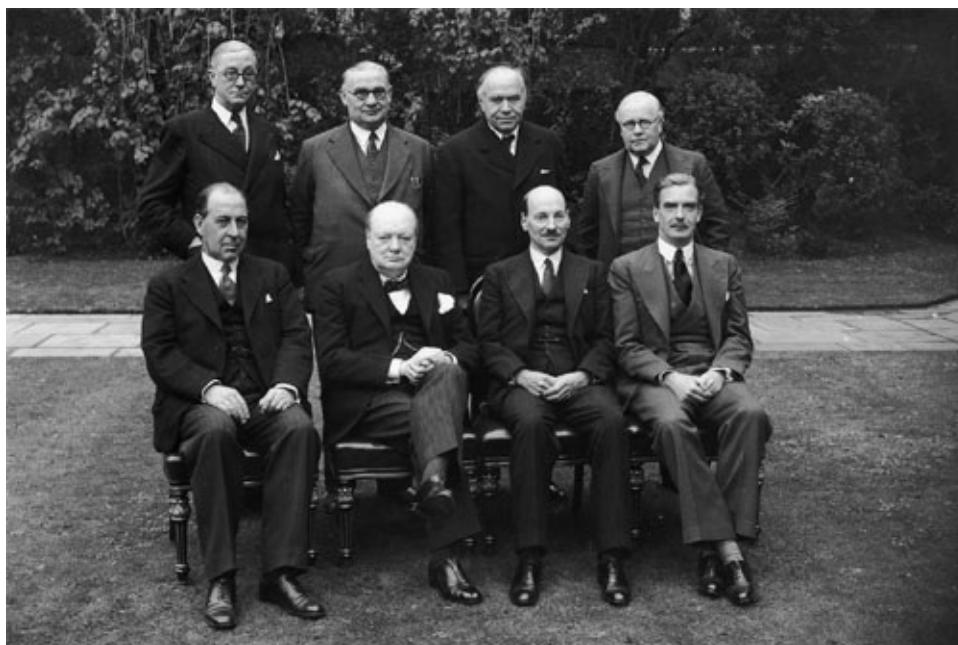
Phác thảo cho một bức chân dung của Sir Winston Churchill, Graham Sutherland. ([credit bm5.57](#))



Winston đã trở lại. Về đến Bộ Hải quân, ngày 3 tháng 9 năm 1939. ([credit bm5.58](#))



Một Nội các Chiến tranh thất bại. Từ trái sang phải: ngồi, Lord Halifax, Sir John Simon, Neville Chamberlain, Sir Samuel Hoare, Lord Chatfield; hàng sau, Ngài Kingsley Wood, WSC, Leslie Hore-Belisha, Ngài Hankey. ([credit bm5.59](#))



Một Nội các Chiến thắng. Từ trái sang phải: ngồi, Sir John Anderson, WSC, Clement Attlee, Anthony Eden; hàng sau, Arthur Greenwood, Ernest Bevin, Lord Beaverbrook, Sir Kingsley Wood. ([credit bm5.60](#))



Một bộ ba khác biệt. WSC rời cuộc họp Nội các cuối cùng của Neville Chamberlain vào sáng ngày 10 tháng 5 năm 1940, cùng với hai đồng minh Nội các tốt nhất của ông vào ngày quyết định đó, Kingsley Wood và Anthony Eden.

(Churchill nhận chức Thủ tướng vào buổi tối.) ([credit bm5.61](#))



WSC và Clementine đến Tu viện Westminster để làm lễ cầu nguyện quốc gia vào ngày 26 tháng 5 năm 1940. Đó là mặt nạ phòng độc của anh ấy chứ không phải bữa trưa của họ mà Churchill mang theo. Đây là một trong những bức ảnh hiếm hoi của ông mà không có xì gà. ([credit bm5.62](#))



WSC rời số 10 Phố Downing vào ngày 20 tháng 8 năm 1940 để trình bày bài phát biểu ‘chưa bao giờ có nhiều người mắc nợ quá nhiều đến vậy’ trước Hạ viện. Brendan Bracken đứng sau. ([credit bm5.63](#))



WSC và Clementine xem xét các thiệt hại do bom gây ra bên bờ sông Thames, ngày 25 tháng 9 năm 1940. ([credit bm5.64](#))



Văn phòng, phòng ngủ của WSC ở phần ngầm của nhà phụ Nội các. ([credit bm5.65](#))



Phòng ăn thời chiến ở số 10 Phố Downing - ít nhất là cơ hội cho một buổi dạ tiệc vẫn được duy trì, ngay cả dưới một trần nhà được gia cố thấp hơn. ([credit bm5.66](#))



WSC với tư cách là Hiệu trưởng Đại học Bristol đã trao bằng danh dự cho Robert Menzies (Thủ tướng Úc) và Gilbert Winant (Đại sứ Hoa Kỳ) vào ngày sau cuộc không kích tồi tệ nhất của thành phố đó, tháng 4 năm 1941. ([credit bm5.67](#))



WSC làm việc trên chuyến tàu thời chiến nổi tiếng của mình. ([credit bm5.68](#))



Lời chào ban đầu khá cứng nhắc trên tàu USS Augusta, ngày 9 tháng 8 năm 1941. WSC chuyển một bức thư từ Vua George VI, người mà cho đến nay, Roosevelt biết rõ hơn nhiều so với ông Churchill. FDR được hỗ trợ bởi con trai ông Elliott. ([credit bm5.69](#))



Hoạt động sáng Chủ nhật dưới hòng súng của Hoàng tử xứ Wales, vào ngày hôm sau. (credit [bm5.70](#))



WSC với Stalin trong một bữa tiệc ở Điện Kremlin, ngày 16 tháng 8 năm 1942. (credit [bm5.71](#))



‘Cuộc dàn hòa’: cái bắt tay miễn cưỡng của de Gaulle và Giraud, Casablanca, ngày 24 tháng 1 năm 1943. ([credit bm5.72](#))



“Bộ Ba” tại Teheran, tháng 11 năm 1943. ([credit bm5.73](#))



Tunis, Christmas Day, 1943. WSC, có lẽ được hỗ trợ bởi chiếc áo choàng nhiều màu, đã hồi phục đủ sau căn bệnh viêm phổi để có thể ăn trưa cùng các Tướng Eisenhower và Alexander. ([credit bm5.74](#))



WSC với Montgomery trên bãi biển Normandy, ngày 12 tháng 6 năm 1944. ([credit bm5.75](#))



WSC với Alexander tại Ý, ngày 26 tháng 8 năm 1944. ([credit bm5.76](#))



WSC với Thống chế Tito tại Naples, ngày 12 tháng 8 năm 1944: Nguyên soái Cộng sản ăn mặc trang trọng hơn một chút so với Thủ tướng Đảng Bảo thủ. ([credit bm5.77](#))



Mặt khác, Tướng de Gaulle lại ủng hộ ông trên đại lộ Champs Elysées (phía sau là Duff Cooper, Eden và Bidault), ngày 11 tháng 11 năm 1944. ([credit bm5.78](#))



WSC theo dõi một trận chiến ở Ý, ngày 26 tháng 8 năm 1944 - khoảng cách gần nhất (trong Chiến tranh thế giới thứ hai) với chiến tuyến mà ông từng được phép tham gia. ([credit bm5.79](#))



Tổng giám mục Damaskinos nhìn xuống từ một độ cao lớn hơn, Athens, Giáng sinh năm 1944. ([credit bm5.80](#))



WSC, một Roosevelt yếu đuối và một Stalin nghiêm khắc tại Yalta, tháng 2 năm 1945. ([credit bm5.81](#))



Một chuyến dã ngoại ẩm đạm bên cạnh sông Rhine, với Alanbrooke và Montgomery, ngày 26 tháng 3 năm 1945. ([credit bm5.82](#))



WSC và Attlee rời Tu viện Westminster sau lễ tưởng niệm Lloyd George, ngày 11 tháng 4 năm 1945. ([credit bm5.83](#))



WSC gặp Tổng thống Truman lần đầu tiên. Potsdam, ngày 15 tháng 7 năm 1945. ([credit bm5.85](#))



Trên khán đài duyệt binh cho cuộc diễu hành chiến thắng Berlin, tháng 7 năm 1945. Từ trái sang phải, Montgomery, Lord Cherwell (trên vai WSC), WSC, Tướng Ismay, Thống chế Alexander, Anthony Eden. ([credit bm5.86](#))



Các thủ lĩnh Đảng bảo thủ trông thoải mái khi vắng mặt nhà lãnh đạo của họ vào cuối những năm 1940. Trái sang phải, Macmillan, Cranborne (sau này là Salisbury), Crookshank, Woolton, Maxwell Fyfe, Eden, Butler. ([credit bm5.87](#))



WSC dự tính một cách nhẹ nhàng nhiệm kỳ Thủ tướng thứ hai của mình. Woodford, ngày 26 tháng 10 năm 1951. ([credit bm5.88](#))



WSC ăn mặc như để đi một chuyến thám hiểm vùng cực và nghỉ phép của Nữ hoàng sau khi ở Balmoral, ngày 30 tháng 9 năm 1952. Những đứa trẻ bây giờ là Hoàng tử xứ Wales và Công chúa Hoàng gia. ([credit bm5.89](#))



“Những khổ nạn của Anthony”. WSC và Eden trở về từ Hoa Kỳ, tháng 7 năm 1954 ([credit bm5.90](#))



Lời tạm biệt cuối cùng, (từ văn phòng nếu không phải từ Nữ hoàng), tháng 4 năm 1955. Clementine và Hoàng thân Philip đang ở ngưỡng cửa số 10 phố Downing. ([credit bm5.91](#))



Thời gian nhàn rỗi ở miền Nam nước Pháp. WSC với con gái Sarah và Emery Reves tại La Pausa, tháng 2 năm 1956. ([credit bm5.92](#))



WSC với Aristotle Onassis và những người khác trên tàu Christina. ([credit bm5.93](#))